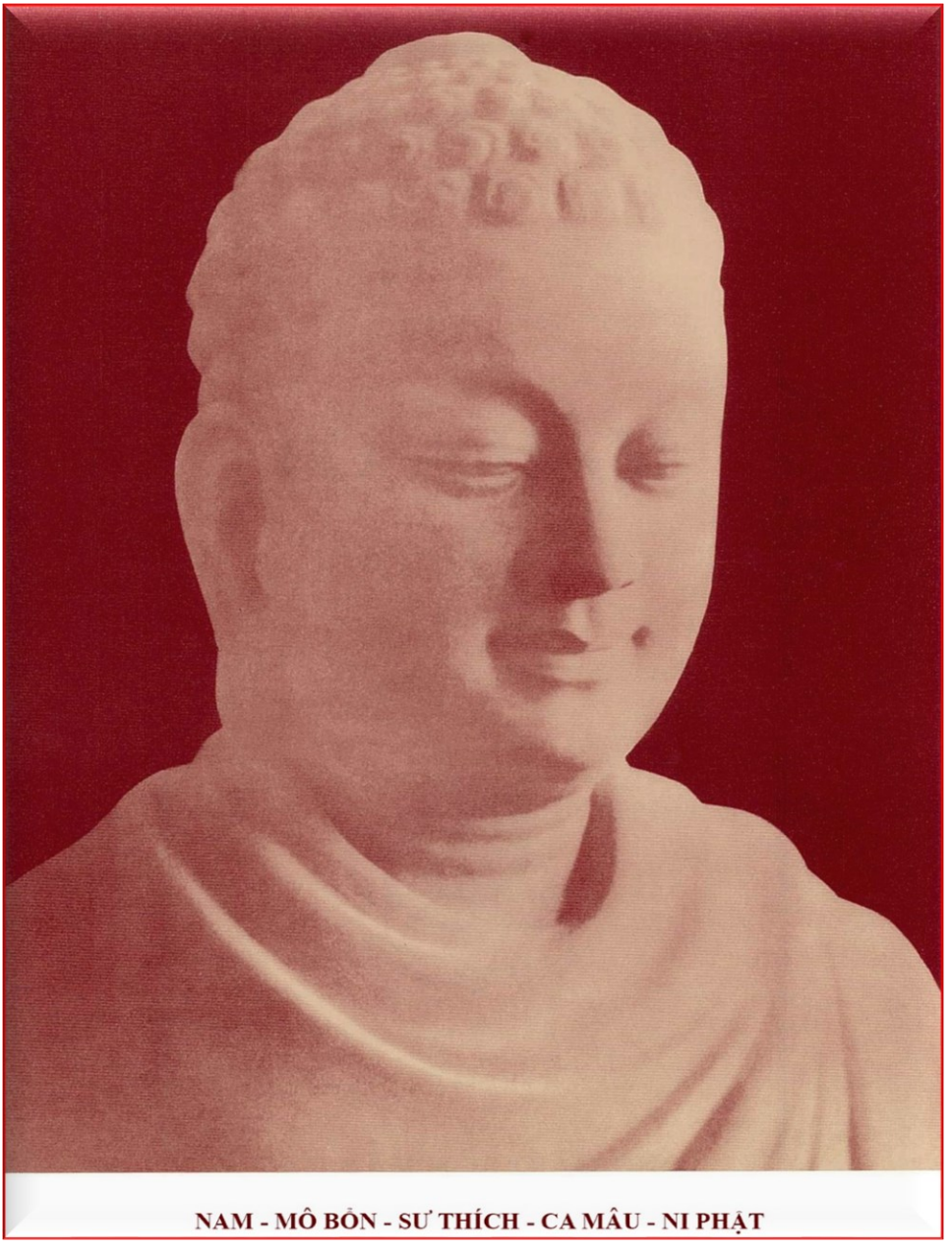


BỘ LUẬT 2 – T072

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

BỘ LUẬT

II

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

BỘ LUẬT
II

SỐ 1425 → 1428

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. Tên người: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...

2. Tên nước: Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...

3. Tôn xưng danh hiệu Phật: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...

4. Tác phẩm, kinh sách: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- <u>Viết hoa chữ đầu</u>:

1. Địa danh: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...

2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...

3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...

4. Chủng loại: chư Thiên

5. Phương hướng: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. Nhân danh: Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...

2. Địa danh: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...

3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...

4. Phẩm bậc, quả vị: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...

5. Chủng loại: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- <u>Số:</u>

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số) <u>ví dụ</u>: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
<u>ví dụ</u>: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- <u>Đặc biệt:</u>

Âm "y" và "i": dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 2 – T072

SỐ 1425 3
LUẬT MA HA TĂNG KỲ 3
QUYỂN 11 3
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 3
Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo) 3
24. GIỚI CHO Y RỒI LẤY LẠI 3
25. GIỚI SẮM ÁO MƯA TRƯỚC THỜI HẠN 10
26. GIỚI XIN CHỈ SỢI VỀ DỆT VẢI 15
27. GIỚI QUỴT TIỀN CỦA THỢ DỆT 17
28. GIỚI CẤT Y CÚNG GẤP QUÁ HẠN 25
29. GIỚI RỜI Y QUÁ THỜI HẠN 32
30. GIỚI BIỂN THỦ TÀI SẢN CỦA TĂNG 38
QUYỂN 12 44
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 44
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ 44
1. GIỚI CỐ Ý VỌNG NGỮ. 44
2. GIỚI GIÈM PHA THÀNH PHẦN, NGHỀ NGHIỆP NGƯỜI KHÁC. 49
3. GIỚI NÓI ĐỂ LY GIÁN KẺ KHÁC 55
4. GIỚI KHƠI LẠI SỰ TRANH CÃI 61
QUYỂN 13 87
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 87
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 87
5. GIỚI THUYẾT PHÁP CHO PHỤ NỮ QUÁ GIỚI HẠN 119
6. GIỚI DẠY NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TÚC ĐỌC TỤNG 127
7. GIỚI NÓI THẬT RẰNG MÌNH ĐẮC ĐẠO 129
QUYỂN 14 132
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 132
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 132
8. GIỚI NÓI TỘI NẶNG CỦA TỲ-KHEO KHÁC 132
9. GIỚI ĐỒNG Ý YẾT MA, SAU PHỦ NHẬN 138
10. GIỚI HUỶ BÁNG GIỚI PHÁP 140
11. GIỚI CHẶT PHÁ CÂY SỐNG 143
12. GIỚI NÓI ĐỂ NHIỄU LOẠN NGƯỜI KHÁC 153
13. GIỚI CHÊ TRÁCH CHỨC SỰ CỦA TĂNG 158

14. GIỚI TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ TRỐNG 164
15. GIỚI TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ KHUẤT 171
16. GIỚI LÔI TỲ KHEO KHÁC RA KHỎI PHÒNG 174
QUYỂN 15 178
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 178
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 178
17. GIỚI CƯỠNG CHIẾM CHỖ NẰM CỦA NGƯỜI KHÁC 178
18. GIỚI NGỒI GIƯỜNG CÓ CHÂN NHỌN 182
19. GIỚI DÙNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG 184
20. GIỚI LỢP NHÀ QUÁ BA LỚP 187
21. GIỚI TỰ ĐI DẠY NI 191
22. GIỚI GIÁO GIỚI NI CHO ĐẾN TRỜI TỐI 194
23. GIỚI KHI ĐI DẠY NI KHÔNG BẠCH TỲ KHEO KHÁC 198
24. GIỚI PHỈ BÁNG VỊ GIÁO THỌ NI 204
25. GIỚI NGỒI VỚI NI Ở CHỖ KHUẤT 206
26. GIỚI HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NI 209
27. GIỚI HẸN ĐI CHUNG THUYỀN VỚI NI 214
28. GIỚI ĐEM Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON 217
29. GIỚI MAY Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON 220
30. GIỚI ĂN THỨC ĂN DO NI CA NGỢI. 221
QUYỂN 16 231
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 231
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 231
31. GIỚI ĂN QUÁ GIỚI HẠN ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG 231
32. GIỚI ĂN NHIỀU LẦN TRONG NGÀY 235
33. GIỚI ĂN RỒI, ĂN LẠI 252
34. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI ĂN RỒI ĂN NỮA 269
35. GIỚI ĂN THỨC ĂN KHÔNG ĐƯỢC MỜI 272
QUYỂN 17 289
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 289
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 289
36. GIỚI ĂN PHI THỜI 289
37. GIỚI ĐỂ DÀNH THỨC ĂN MÀ ĂN 289
38. GIỚI NHẬN THỨC ĂN QUÁ MỨC ĐÃ CHO 298
39. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ XIN THỨC ĂN NGON 305
40. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ NHÓM LỬA 312
41. GIỚI NGỦ QUÁ THỜI HẠN CHO PHÉP 332
42. GIỚI GỞI DỤC RỒI PHỦ NHẬN 339

43. GIỚI LÀM CHO NGƯỜI KHÁC NHỊN ĐÓI 342
44. GIỚI XUYÊN TẠC GIÁO PHÁP, KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN 345
QUYỂN 18 351
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 351
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 351
45. GIỚI BAO CHE NGƯỜI CÓ LỖI 351
46. GIỚI CHỨA CHẤP SA-DI BỊ ĐUỔI 354
47. GIỚI MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC 359
48. GIỚI CẤT GIỮ BẢO VẬT 365
49. GIỚI TẮM QUÁ GIỚI HẠN CHO PHÉP 378
50. GIỚI UỐNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG 385
51. GIỚI CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO ĐỒ ĂN 390
52. GIỚI NGỒI NƠI PHÒNG NGỦ NHÀ THÍ CHỦ 394
53. GIỚI NGỒI CHỖ KHUẤT NHÀ THÍ CHỦ 394
54. GIỚI ĐI XEM QUÂN TRẬN 396
55. GIỚI Ở TRONG QUÂN TRẠI QUÁ HẠN 399
56. GIỚI XEM QUÂN ĐỘI DIỄN TẬP 404
57. GIỚI ĐÁNH TỲ KHEO KHÁC 407
58. GIỚI DỌA ĐÁNH TỲ KHEO KHÁC 409
QUYỂN 19 413
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 413
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 413
59. GIỚI CHE GIẤU TỘI TỲ KHEO KHÁC 413
60. GIỚI SÁT HẠI SINH VẬT 417
61. GIỚI GÂY PHIỀN TOÁI TỲ-KHEO KHÁC 424
62. GIỚI Y CHO RỒI, LẤY LẠI MẶC 430
63. GIỚI GIẤU VẬT DỤNG CỦA NGƯỜI KHÁC 432
64. GIỚI HÙ NHÁT TỲ-KHEO KHÁC 435
65. GIỚI ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC 439
66. GIỚI CHỈ CHỎ LẪN NHAU 443
67. GIỚI HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ 447
68. GIỚI NGỦ CHUNG MỘT NHÀ VỚI NGƯỜI NỮ 451
69. GIỚI NGỒI VỚI PHỤ NỮ Ở CHỖ VẮNG 456
70. GIỚI CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ GIỚI. 459
71. GIỚI HẸN ĐI CHUNG VỚI ĐÁM CƯỚP 465
72. GIỚI ĐÀO XỚI ĐẤT ĐAI 472
QUYỂN 20 479

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 479
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 479
73. GIỚI NHẬN CÚNG DƯỜNG QUÁ GIỚI HẠN 479
74. GIỚI CHỐNG CỰ LẠI SỰ KHUYÊN HỌC 484
75. GIỚI UỐNG CÁC THỨ RƯỢU 488
76. GIỚI KHINH THƯỜNG NGƯỜI KHÁC 494
77. GIỚI NGHE LÉN SỰ TRANH CÃI 499
78. GIỚI LẶNG LẶNG BỎ CUỘC HỌP MÀ ĐI 502
79. GIỚI VÀO LÀNG MÀ KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC 505
80. GIỚI ĐI PHI THỜI, KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC 510
81. GIỚI VÀO VƯƠNG CUNG QUÁ SỚM 516
82. GIỚI DÙNG XƯƠNG, SỪNG LÀM ỐNG ĐỰNG KIM. 520
83. GIỚI LÀM CHÂN GIƯỜNG CAO QUÁ CỠ 523
84. GIỚI DỒN BÔNG LÀM NỆM 528
85. GIỚI LÀM TỌA CỤ QUÁ QUY ĐỊNH 531
86. GIỚI MAY Y CHE GHẺ QUÁ KÍCH THƯỚC 535
87. GIỚI MAY ÁO TẮM MƯA QUÁ KÍCH THƯỚC 538
88. GIỚI MAY Y QUÁ CỠ Y PHẬT 542
QUYỂN 21 547
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 547
Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo) 547
89. GIỚI VÔ CỚ VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC 547
90. GIỚI XOAY VẬT CỦA TĂNG VỀ NGƯỜI KHÁC 551
91. GIỚI CỐ Ý NÓI DỐI ĐỂ CHẠY TỘI 556
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 560
Đoạn 6: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI 560
1. GIỚI NHẬN THỨC ĂN TẠI A LUYỆN NHÃ 560
2. GIỚI NHẬN THỨC ĂN CỦA TỲ KHEO NI 565
3. GIỚI ĂN THỨC ĂN DO NI VẬN ĐỘ 572
4. GIỚI NHẬN THỨC ĂN CỦA HỌC GIA 575
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 581
Đoạn 7: NÓI VỀ 66 PHÁP CHÚNG HỌC 581
QUYỂN 22 609
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 609
Đoạn 7: NÓI VỀ 66 PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp Theo) 609
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO 677
Đoạn 8: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH 677
QUYỂN 23 402

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 402
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ NHẤT 402
I. THỂ THỨC THỌ CỤ TÚC 402
II. CÁC GIÀ NẠN 431
QUYỂN 24 432
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 432
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ HAI 432
YẾT MA 447
VIỆC YẾT MA 452
QUYỂN 25 486
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ BA TỘI TĂNG GIÀ BÀ THI SA 486
TRÁCH NHIỆM CỦA TỲ KHEO ĐOÁN SỰ 497
CÓ TỘI CŨNG BIẾT 504
CHE GIẤU CŨNG BIẾT 523
PHÁP BIỆT TRỤ 528
PHÁP MA-NA-ĐỎA 534
PHÁP XUẤT TỘI 537
QUYỂN 26 546
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 546
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ TƯ TỘI CŨ 546
TỘI TRUNG GIAN 551
VIỆC NÊN LÀM YẾT MA (438c) VÀ KHÔNG NÊN LÀM YẾT MA 570
LÀM THA LA THA (Giải quyết việc bất hòa) 576
DỊ TRỤ (Phá Yết-ma Tăng). 584
CHO PHÁP HỌC HỐI BA-LA-DI 590
TÙY THUẬN HÀNH MÍCH TỘI TƯỚNG 593
VIỆC CỬ TỘI (NÊU TỘI) 596
VIỆC TRỊ PHẠT 602
ĐUỔI ĐI 603
DỊ TRỤ (Phá Pháp Luân Tăng) 603
QUYỂN 27 606
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 606
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ NĂM PHÁP YẾT MA 606
VẤN ĐỀ RUỘNG VƯỜN 608
NHÀ ĐẤT 612
VẤN ĐỀ TĂNG GIÀ LAM 613
PHÉP TẮC VỀ DOANH SỰ 618

PHÉP TẮC VỀ GIƯỜNG NỆM 621
PHÉP CUNG KÍNH 625
PHÉP BỐ TÁT 632
PHÉP AN CƯ 662
PHÉP TỰ TỨ 665
QUYỂN 28 673
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 673
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ SÁU 673
VẤN ĐỀ Y CA HI NA 673
CHẲNG PHẢI Y CA HI NA 679
THỂ THỨC XẢ Y CA HI NA 680
VẤN ĐỀ Y PHÁP 683
PHẨM VẬT THUỘC TĂNG HIỆN TIỀN 690
VẤN ĐỀ TỲ KHEO BỊ BỆNH 698
PHƯƠNG PHÁP CHĂM SÓC TỲ KHEO BỆNH 706
VẤN ĐỀ THUỐC 715
TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN GIỮA THẦY VÀ TRÒ 717
TRÁCH NHIỆM THẦY ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ 723
NHỮNG CÔNG VIỆC ĐỆ TỬ PHẢI LÀM 729
QUYỂN 29 740
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 740
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ BẢY 740
PHÉP TẮC CỦA SA DI 741
PHÉP TẮC CỦA BÁT 748
CÁCH THỨC DÙNG CHÁO 757
PHÉP DÙNG BÁNH 763
PHÉP DÙNG RAU 765
PHÉP DÙNG LƯƠNG KHÔ 766
PHÉP DÙNG NƯỚC TRÁI CÂY 766
PHÉP DÙNG THỨC UỐNG CHẾ BIẾN 771
PHI YẾT MA 773
QUYỂN 30 799
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 799
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ TÁM 799
CHƯỚNG NGẠI - KHÔNG CHƯỚNG NGẠI 822
VẤN ĐỀ TỲ KHEO NI 825
QUYỂN 31 863
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 863

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ CHÍN NẤU ĂN Ở CHỖ NGỦ VÀ TỰ NẤU ĂN 863
NHẬN THỊT SỐNG 869
TỰ LẤY RỒI LÀM SẠCH VỎ 871
VẬT NẶNG 874
VẬT VÔ THƯỜNG (CỦA NGƯỜI CHẾT) 877
YẾT-MA CÔNG NHẬN BỆNH CUỒNG SI 886
BÀY TỎ SỰ KHÔNG ĐỒNG TÌNH 887
PHÁ LÒNG TIN CỦA THÍ CHỦ 888
PHÉP DÙNG GIÀY DA 891
PHÉP DÙNG GUỐC 901
PHÉP TẮM RỬA 903
PHÉP DÙNG MẠT HƯƠNG 904
PHÉP DÙNG GẬY VÀ TÚI BẰNG DÂY 907
PHÉP DÙNG TỎI 909
PHÉP PHÚ BÁT (TẨY CHAY) 912
PHÉP KẾT KHUY VÀO Y 917
PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG 919
PHÉP DÙNG ĐAI CÓ DÂY CỘT 920
PHÉP CƯỠI NGỰA, ĐI XE 920
PHÉP NẰM CHUNG GIƯỜNG 922
PHÉP CÙNG NGỒI CHUNG 923
QUYỂN 32 712
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 712
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI 712
PHÉP ĂN CHUNG 712
PHÉP ĂN TRÊN BÀN 713
VÌ MÌNH MÀ NGƯỜI TA GIẾT SÚC VẬT 715
THỊT NGƯỜI 717
THỊT RỒNG 722
THỊT VOI 723
PHÉP DÙNG DA 725
VẬT LAU CHÂN 728
THUỐC BÔI MẮT 728
LỌ ĐỰNG THUỐC NHỎ MẮT 730
QUE BÔI THUỐC VÀO MẮT 730
PHÉP DÙNG Ô DÙ 731
PHÉP DÙNG QUẠT 732

PHÉP DÙNG PHẤT TRẦN ... 733
PHÉP DÙNG DAO CHỮA TRỊ ... 735
TÚI CHỨA NƯỚC ... 736
PHÉP CẠO TÓC ... 737
DỤNG CỤ CẠO TÓC ... 744
PHÁ TĂNG ... 744
TĂNG HÒA HỢP ... 745
NĂM TRĂM TỲ-KHEO KẾT TẬP PHÁP TẠNG ... 746
QUYỂN 33 ... 771
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI ... 771
NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI MỘT BẢY TRĂM ... 771
VỊ ĐẠI HỘI KẾT TẬP, PHÁP TẠNG ... 771
GIỚI LUẬT ... 775
HỦY BÁNG ... 776
KỸ NHẠC ... 777
HƯƠNG HOA ... 778
SOI GƯƠNG ... 780
GÁNH VÁC ... 781
XĂN QUẦN ÁO ... 782
LEO CÂY ... 783
NHÓM LỬA ... 784
CHÉN ĐỒNG ... 785
CHUYỂN HƯỚNG VẬT CÚNGDƯỜNG ... 786
CHÚNG SINH ... 789
CÂY ... 791
VẤN ĐỀ ĐỐT CỦI ... 792
VẤN ĐỀ HOA ... 794
VẤN ĐỀ TRÁI ... 796
VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY ... 796
PHÉP TRỊ TỘI ... 797
PHÁP DIỆT TRÁNH ... 799
SỰ TRANH CÃI ... 799
ĐIỀU PHỤC ... 800
NGHE PHÁP ... 801
DẦU THOA MẶT ... 802
PHÉP DÙNG PHẤN ... 803
PHÉP DÙNG BÀN CHẢI ... 803
PHÉP DÙNG LƯỢC ... 804

PHÉP DÙNG TRÂM 805
PHÉP XÂY THÁP 805
SỰ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN THÁP 810
LÀM TRANG THỜ NƠI THÁP 811
TRỒNG VƯỜN HOA XUNG QUANH THÁP 811
ĐÀO AO BÊN THÁP 812
LÀM CHI-ĐỀ Ở CẠNH THÁP 813
PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG 814
DÙNG KỸ NHẠC CÚNG DƯỜNG 814
THU DỤNG CỤ CÚNG DƯỜNG 815
TRƯỜNG HỢP GẶP TAI NẠN 816
QUYỂN 34 819
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 819
NÓI RÕ PHẦN MỘT CỦA PHÁP OAI NGHI 819
TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA THỨ NHẤT 819
TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA THỨ HAI 822
TÁC PHONG CỦA TĂNG CHÚNG 823
CÁCH THỨC CHÚ NGUYỆN 824
BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ ĐỒNG HÀNH 837
BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ Y CHỈ 841
VẤN ĐỀ BẢO QUẢN GIƯỜNG NỆM 842
VẤN ĐỀ BẢO QUẢN TRÚ XỨ 844
TRÚ XỨ A LUYỆN NHÃ 848
BỔN PHẬN CỦA TỲ-KHEO KHÁCH 850
BỔN PHẬN CỦA CỰU TỲ KHEO 851
BỔN PHẬN SỬA CHỮA VẬT DỤNG 852
VẤN ĐỀ ĐẠI TIỆN 853
VẤN ĐỀ TIỂU TIỆN 858
VẤN ĐỀ TĂM XỈA RĂNG 861
VẤN ĐỀ VÁ Y 864
VẤN ĐỀ NGĂN CHỖ NẰM 865
VẤN ĐỀ LAU PHÒNG 865
VẤN ĐỀ KHẠC NHỔ 866
VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÁT 868
VẤN ĐỀ DÙNG CHÁO 870
OAI NGHI KHI ĐỨNG 871
QUYỂN 35 873
Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI 873

NÓI RÕ PHẦN HAI CỦA PHÁP OAI NGHI 873
CÁCH THỨC ĐI KINH HÀNH 873
CÁCH THỨC NGỒI 874
CÁCH THỨC NẰM 875
CÁCH CƯ XỬ GIỮA CỰU VÀ KHÁCH TỲ KHEO 876
VẤN ĐỀ RỬA CHÂN 880
PHÉP TẮC DÙNG NƯỚC 884
PHÉP TẮC TẮM 886
PHÉP DÙNG VẬT DỤNG 890
PHÉP SỬ DỤNG Y 892
CÁCH XỬ SỰ GIỮA TỲ KHEO Ở A LUYỆN NHÃ 893
VÀ Ở THÔN XÓM 893
PHÉP XỬ SỰ GIỮA KHÁCH VÀ CỰU TỲ KHEO 896
PHÉP TẮC NÓI NĂNG 898
PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG SÁT LỢI 900
PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG BÀ LA MÔN 901
PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG CƯ SĨ 902
PHÉP VÀO TRONG CHÚNG NGOẠI ĐẠO 903
PHÉP TẮC NHẬP CHÚNG 903
PHÉP TẮC MẶC NỘI Y 905
PHÉP MẶC Y 905
PHÉP MẶC Y ĐI VÀO THÔN XÓM 906
PHÉP MẶC Y NGỒI TRONG NHÀ CƯ SĨ 907
PHÉP TẮC CỦA TIỀN VÀ HẬU SA MÔN 908
PHÉP NHỜ NGƯỜI LẤY THỨC ĂN 909
PHÉP TẮC ĐI KHẤT THỰC 911
PHÉP TẮC MÀ VỊ SA MÔN ĐI KHẤT THỰC SAU PHẢI LÀM 912
PHÉP ĐỐT VÀ TẮT ĐÈN 913
PHÉP VÁC THIỀN TRƯỢNG ĐI TUẦN HÀNH 915
PHÉP MANG VÒNG ĐI TUẦN HÀNH 917
PHÉP CỞI GIÀY TRONG PHÒNG THIỀN 918
PHÉP DÙNG TỌA CỤ TRONG PHÒNG THIỀN 919
PHÉP XỬ SỰ KHI HO 920
PHÉP XỬ TRÍ KHI NHẢY MŨI 920
PHÉP XỬ TRÍ KHI NGÁP VÀ THƯ GIÃN THÂN THỂ 921
PHÉP GÃI NGỨA 922
PHÉP XỬ SỰ KHI HẠ PHONG 922
QUYỂN 36 925

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 925
Đoạn 1: NÓI VỀ 8 PHÁP BA LA DI 925
1. GIỚI DÂM DỤC 925
2. GIỚI TRỘM CẮP 930
3. GIỚI SÁT NHÂN 931
4. GIỚI ĐẠI VỌNG NGỮ 931
5. GIỚI TÂM NHIỄM XÚC CHẠM NAM TỬ 931
6. GIỚI NHIỄM TÂM THÂN CẬN NAM TỬ 937
7. GIỚI GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC 941
8. GIỚI THEO TỲ KHEO PHẠM TỘI 945
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 951
Đoạn 2: NÓI VỀ 19 PHÁP TĂNG TÀN 951
1. GIỚI NHẬN LÀM MAI MỐI 951
2. GIỚI VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC 951
3. GIỚI XUYÊN TẠC NHẰM VU KHỐNG 951
4. GIỚI TRANH CHẤP VỚI NGƯỜI KHÁC 952
5. GIỚI ĐI MỘT MÌNH 955
6. GIỚI SỐNG MỘT MÌNH 958
7. GIỚI ĐỘ NGƯỜI CHƯA CHO PHÉP 963
8. GIỚI ĐỘ NGƯỜI PHẠM TỘI 966
9. GIỚI QUA SÔNG MỘT MÌNH 971
10. GIỚI TỰ Ý THA TỘI NGƯỜI KHÁC 972
11. GIỚI NHẬN VẬT CỦA NGƯỜI CÓ TÂM TÀ 976
QUYỂN 37 979
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 979
Đoạn 2: NÓI VỀ 19 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo) 979
12. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI LÀM ĐIỀU PHI PHÁP 979
13. GIỚI VÔ CỚ HỦY BÁNG TĂNG 981
14. GIỚI BAO CHE LỖI LẦM CHO NHAU 986
15. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI SỐNG QUAN HỆ MẬT THIẾT 989
16. GIỚI NỔI GIẬN BỎ GIỚI 994
KẾT THÚC GIỚI TĂNG GIÀ BÀ THI SA 998
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1000
Đoạn 3: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ 1000
11. GIỚI XIN TIỀN MUA GIƯỜNG RỒI MUA THỨ KHÁC 1000
12. GIỚI TIỀN CỨNG THỨ NÀY ĐEM MUA THỨ KHÁC 1003
13. GIỚI ĐEM TIỀN MUA THỨC ĂN SẮM Y BÁT 1005
14. GIỚI CHỨA BÁT DƯ 1007

15. GIỚI CHỨA Y DƯ 1008
16. GIỚI GIẬT LẠI Y MÀ MÌNH ĐÃ BỎ 1010
17. GIỚI CÓ Y HƯ KHÔNG VÁ LẠI 1011
18. GIỚI HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG THỰC HIỆN 1013
19. GIỚI MUA Y NẶNG 1015
20. GIỚI MUA LỤA MỎNG 1017
21. GIỚI TRANH MUA ĐỒ VỚI NGƯỜI KHÁC 1020
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1023
Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ 1023
71. GIỚI TỰ Ý LẤY Y NGƯỜI KHÁC MÀ MẶC 1025
QUYỂN 38 1028
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1028
Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo) 1028
72. GIỚI CHO Y CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO 1028
73. GIỚI MAY Y AN ĐÀ HỘI QUÁ KÍCH THƯỚC 1030
74. GIỚI MAY YẾM RỘNG QUÁ CỠ 1031
75. GIỚI MAY ÁO TẮM RỘNG QUÁ CỠ 1032
76. GIỚI XIN Y TẠI NHÀ KHÔNG TIN PHẬT 1037
77. GIỚI KHÔNG ĐEM Y THEO BÊN MÌNH 1039
78. GIỚI NẤU LẠI ĐỒ ĂN ĐỂ ĂN 1041
79. GIỚI ĐỨNG HẦU TỲ KHEO THỌ TRAI 1043
80. GIỚI ĂN TỎI 1045
81. GIỚI ĐEM THỨC ĂN CHO NGƯỜI THẾ TỤC 1047
82. GIỚI LÀM THẦY THUỐC ĐỂ SINH SỐNG 1049
83. GIỚI TRAO TOA THUỐC CHO NGƯỜI THẾ TỤC VÀ NGOẠI ĐẠO 1051
84. GIỚI LÀM VIỆC CHO NGƯỜI THẾ TỤC 1052
85. GIỚI VÀO NHÀ NGƯỜI KHÔNG BÁO TRƯỚC 1054
86. GIỚI SỐNG THÂN CẬN VỚI NGƯỜI THẾ TỤC 1056
87. GIỚI TỰ THỀ THỐT 1057
88. GIỚI HỜN DỖI TỰ ĐÁNH MÌNH 1059
89. GIỚI TRÁCH NGƯỜI VÔ CỚ 1060
90. GIỚI GIỮ CỦA NGƯỜI KHÁC 1062
91. GIỚI MẮNG NHIẾC TỲ-KHEO 1064
92. GIỚI CHƯA ĐỦ MƯỜI HAI HẠ MÀ NUÔI ĐỆ TỬ 1065
93. GIỚI CHƯA ĐỦ MƯỜI PHÁP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ 1068
94. GIỚI CHƯA XIN PHÉP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ 1070
95. GIỚI CHO NGƯỜI PHẠM TỘI THỌ GIỚI 1072

96. GIỚI CHO NGƯỜI THIẾU TUỔI THỌ GIỚI 1074
97. GIỚI CHO NGƯỜI CHƯA HỌC GIỚI THỌ GIỚI 1077
98. GIỚI CHO NGƯỜI HỌC GIỚI CHƯA XONG THỌ GIỚI 1080
99. GIỚI KHÔNG CHO NGƯỜI ĐÃ HỌC XONG THỌ GIỚI..... 1082
QUYỂN 39 1085
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1085
Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)..... 1085
100. GIỚI CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG DƯỚI MƯỜI HAI TUỔI THỌ GIỚI 1085
101. GIỚI NGƯỜI CÓ CHỒNG MƯỜI HAI TUỔI CHƯA HỌC GIỚI MÀ CHO THỌ GIỚI 1086
102. GIỚI NGƯỜI CÓ CHỒNG HỌC CHƯA XONG MÀ CHO THỌ GIỚI 1087
103. GIỚI CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG THỌ GIỚI, KHÔNG LÀM YẾT MA 1088
104. GIỚI CHO THỌ GIỚI RỒI MÀ KHÔNG DẠY DỖ..... 1089
105. GIỚI THỌ GIỚI RỒI, KHÔNG HẦU THẦY 1091
106. GIỚI NUÔI ĐỆ TỬ HÀNG NĂM 1092
107. GIỚI ĐỂ CÁCH ĐÊM CHO THỌ GIỚI..... 1093
108. GIỚI ĐỆ TỬ CÓ LỖI MÀ KHÔNG THU XẾP 1095
109. GIỚI NGOAN CỐ KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN 1097
110. GIỚI HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ..... 1098
111. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ ĐI XE..... 1100
112. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ ĐỘI DÙ 1102
113. GIỚI NẰM GIƯỜNG CAO QUÁ MỨC ĐỘ 1104
114. GIỚI CÙNG NẰM CHUNG MỘT GIƯỜNG 1105
115. GIỚI RA ĐI KHÔNG TRẢ LẠI PHÒNG 1106
116. GIỚI VÀO CHỖ TĂNG KHÔNG THƯA TRƯỚC 1108
117. GIỚI TRÚ NGỤ NHÀ THẾ TỤC..... 1110
118. GIỚI ĐI XA KHÔNG CÓ BẠN 1112
119. GIỚI DU NGOẠN THẮNG CẢNH 1114
120. GIỚI NGỒI VỚI TỲ KHEO Ở CHỖ KHUẤT 1115
121. GIỚI NGỒI VỚI NAM GIỚI Ở CHỖ KHUẤT..... 1118
122. GIỚI ÔM ĐÀN ÔNG VÀO MÌNH MÀ THỦ THỈ..... 1119
123. GIỚI ĐI VÀO CHỖ TỐI CÓ ĐÀN ÔNG 1120
124. GIỚI XEM BIỂU DIỄN CA NHẠC 1121
125. GIỚI KHI CHÚNG TRANH CHẤP MÀ KHÔNG DẬP TẮT.... 1123
126. GIỚI BẢO PHỤ NỮ THOA HƯƠNG KỲ CỌ 1125

127. GIỚI BẢO TỲ KHEO NI TẮM CHO MÌNH 1126
128. GIỚI BẢO SA DI NI TẮM CHO MÌNH 1127
129. GIỚI BẢO THỨC XOA MA NI TẮM CHO MÌNH 1127
130. GIỚI SAI PHỤ NỮ TẮM CHO MÌNH 1128
131. GIỚI KHÔNG TÔN TRỌNG LỄ BỒ TÁT 1128
132. GIỚI KHÔNG TÔN KÍNH TỲ KHEO GIÁO HUẤN 1130
133. GIỚI BẢO NAM TỬ PHÁ UNG NHỌT 1133
QUYỂN 40 1136
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1136
Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo) 1136
134. GIỚI DU HÀNH TRONG LÚC AN CƯ 1136
135. GIỚI AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH 1137
136. GIỚI RỦ AN CƯ, SAU TRÁCH CỨ 1138
137. GIỚI NHIỄU LOẠN NGƯỜI AN CƯ TRƯỚC MÌNH 1140
138. GIỚI ĐỔ ĐỒ BẤT TỊNH KHÔNG COI TRƯỚC 1142
139. GIỚI ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ TƯƠI 1143
140. GIỚI ĐẠI TIỂU TIỆN TRONG NƯỚC 1143
141. GIỚI CHUYỂN LỢI CỦA TĂNG CHO MỘT NHÓM NGƯỜI. 1145
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1150
Đoạn 5: NÓI VỀ 8 PHÁP ĐỀ XÁ NI 1150
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1156
Đoạn 6: NÓI VỀ 65 PHÁP CHÚNG HỌC 1156
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1156
Đoạn 7: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH 1156
Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI 1157
Đoạn 8: NÓI VỀ OAI NGHI CỦA TỲ KHEO NI 1157
PHÉP TẮC NGỒI 1157
PHÉP SỬ DỤNG CHIẾU ĐAN 1158
PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG 1158
KHÔNG ĐƯỢC MẶC TRANG PHỤC PHỤ NỮ 1159
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG TAY VỖ VÀO ÂM HỘ 1164
CÁCH DÙNG VẢI THẤM KINH NGUYỆT 1166
CÁCH GIẶT VẢI THẤM KINH NGUYỆT 1166
KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ ĐÀN ÔNG TẮM 1167
KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ DU KHÁCH GIẶT 1167
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ÂM HỘ HỨNG CHỖ NƯỚC XỐI 1168
KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CỦ LÀM NAM CĂN 1169
KHÔNG ĐƯỢC LÀM YẾT MA CỬ TỘI TỲ KHEO 1170

KHÔNG ĐƯỢC MẶC Y KIỀU XÁ DA 1171
KHÔNG ĐƯỢC MẶC YẾM MỎNG 1172
KHÔNG ĐƯỢC TRANG ĐIỂM CHO PHỤ NỮ 1172
KHÔNG ĐƯỢC TRỒNG HOA RỒI ĐEM BÁN 1173
KHÔNG ĐƯỢC XÂU VÒNG HOA ĐEM BÁN 1174
KHÔNG ĐƯỢC XE SỢI ĐEM ĐI BÁN 1174
KHÔNG ĐƯỢC HỦY HOẠI OAI NGHI 1175
CÁCH ĐẬY VÀ MỞ NẮP BÁT 1177
CÁCH NHẬN THÍ VẬT CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI 1178
KHI LÀM CẦU TIÊU KHÔNG ĐƯỢC ĐẬY NẮP 1179
KHÔNG ĐƯỢC VÀO NHÀ TẮM THẾ TỤC ĐỂ TẮM 1180
KHÔNG ĐƯỢC Ở TẠI A LUYỆN NHÃ 1180
VẤN ĐỀ Y CA HI NA 1181
VẤN ĐỀ THỰC PHẨM GIỮA TĂNG VÀ NI. 1182
CÁCH SẮP XẾP THỨ TỰ 1183
GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA HA TĂNG KỲ 1185
PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHẸ VỀ VIỆC PHẠM GIỚI 1187
SỐ 1426 1192
MA HA TĂNG KỲ LUẬT ĐẠI TỲ KHEO GIỚI BẢN 1192
SÁU PHÁP CẦN GHI NHỚ 1192
GIỚI BẢN CỦA ĐẠI TỲ KHEO THUỘC BỘ LUẬT MA HA TĂNG KỲ 1193
SỐ 1427 1239
MA HA TĂNG KỲ TỲ KHEO NI GIỚI BỔN 1239
SỐ 1428 1284
LUẬT TỨ PHẦN 1284
TÁN DUYÊN KHỞI 1284
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO 1292
Chương I: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI 1292
I. BẤT TỊNH HẠNH 1292
GIỚI VĂN 1311
II. BẤT DỮ THỦ 1319
III. ĐOẠN NHÂN MẠNG 1344
IV. ĐẠI VỌNG NGỮ 1357
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO 1369
Chương II: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN 1369
I. CỐ Ý TIẾT TINH 1369
II. XÚC CHẠM NỮ NHÂN 1378

III. NÓI LỜI THÔ TỤC 1385
IV. YÊU SÁCH CÚNG DƯỜNG 1391
V. MAI MỐI 1396
VI. LẬP THẤT NHỎ 1405
VII. CẤT CHÙA LỚN 1421
VIII. VÔ CĂN BÁNG 1427
IX. GIẢ CĂN BÁNG 1442
X. PHÁ TĂNG 1449
XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG 1484
XII. Ô THA GIA 1491
XIII. ÁC TÁNH BẤT THỌ NHÂN NGỮ 1506
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO 1513
Chương III: NÓI VỀ 2 BẤT ĐỊNH 1513
I. GIỚI THỨ 1 1513
II. GIỚI THỨ 2 1518
Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO 1522
Chương IV: NÓI VỀ 30 NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ 1522
I. SÚC TRƯỜNG Y 1522
II. NGỦ LÌA Y 1533
III. CHỜ Y MỘT THÁNG 1543
IV. NHẬN Y PHI THÂN LÝ NI 1549
V. NHỜ PHI THÂN LÝ NI GIẶT Y CŨ 1561
VI. XIN Y NƠI NHÀ PHI THÂN LÝ 1567
VII. NHẬN Y QUÁ PHẦN 1578
VIII. KHUYÊN CƯ SĨ TĂNG GIÁ Y 1584
IX. KHUYÊN HAI NHÀ TĂNG GIÁ Y 1591
X. YÊU SÁCH GIÁ Y QUÁ HẠN 1598
XI. NGOẠ CỤ BẰNG TƠ TẰM 1607
XII. NGOẠ CỤ TOÀN ĐEN 1609
XIII. NGỌA CỤ QUÁ PHẦN 1613
XIV. NGỌA CỤ DƯỚI SÁU NĂM 1619
XV. TỌA CỤ KHÔNG HOẠI SẮC 1625
XVI. QUẢY LÔNG DÊ 1631
XVII. NHỜ CHẢI LÔNG DÊ 1635
XVIII. CẦM GIỮ VÀNG BẠC 1640
XIX. KINH DOANH TÀI BẢO 1647
XX. BUÔN BÁN 1651
XXI. CHỨA BÁT DƯ 1658

XXII. ĐỔI BÁT MỚI 1669
XXIII. XIN CHỈ SỢI 1676
XXIV. CHỈ DẪN THỢ DỆT 1682
XXV. ĐOẠT LẠI Y 1689
XXVI. THUỐC BẢY NGÀY 1695
XXVII. Y TẮM MƯA 1710
XXVIII. Y CẤP THÍ 1722
XXIX. A-LAN-NHÃ GẶP NẠN LÌA Y 1732
XXX. XOAY TĂNG VẬT VỀ MÌNH 1738

✷ ✷ ✷ ✷ ✷

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

SỐ 1425

(QUYỂN 11 → 40)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1425

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 11

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 4: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)

24. GIỚI CHO Y RỒI LẤY LẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc này, Trưởng lão Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, vào mùa Đông thời tiết khá lạnh, bèn mặc áo dày, trải chăn nệm ấm, trên đầu chít khăn Phú-la, ở trước đốt một lò lửa. Bấy giờ, có ngoại đạo da đen, mắt xanh, lạnh run lẩy bẩy đi đến, đứng trước hai thầy. Ngoại đạo thấy thế lòng sinh vui vẻ, liền nói với Tỳ-kheo: "Các vị xuất gia được sướng như vậy nhỉ!". Thế rồi, tâm họ sinh hoan hỷ đối với pháp Phật, liền nói: "Chúng tôi cũng mang danh là xuất gia, nhưng Phất-lan-ca-diếp dạy chúng tôi sống lõa thể, nhổ tóc, leo lên núi, nhảy xuống khe, để cho năm sức nóng thiêu thân mà đi khất thực, chịu đau khổ oan uổng mà chẳng vui sướng gì".

Các Tỳ-kheo liền bảo: "Các ông có thích giáo

pháp này thì đến đây xin xuất gia, rồi sẽ sống an lạc như chúng tôi thôi".

Ngoại đạo nói: "Tôi không có y Tăng-già-lê của Sa-môn". Tỳ-kheo nói: "Ông cứ đến, tôi sẽ cho ông".

Thế rồi, ngoại đạo liền đến, các Tỳ-kheo bèn cho họ xuất gia, thọ giới Cụ túc, rồi bảo: "Nay ta đã độ ông xuất gia, thọ giới Cụ túc, ông phải làm những việc cần thiết như sau: Sáng sớm ta ngủ dậy, phải hỏi:

"Ngủ có an ổn không?", mang ống nhổ và đồ tiểu tiện đi đổ, rồi đem rửa sạch để lại chỗ cũ, trao nước rửa mặt, tăm xỉa răng, mang bát đi lấy cháo. Khi ta điểm tâm xong, ông phải rửa bát, lau khô rồi để lại chỗ cũ. Nếu có chỗ nào mời thọ trai thì phải đến đó nhận lấy thức ăn. Khi ta muốn vào xóm làng, phải đem y thường mặc vào xóm làng trao cho ta, rồi lấy y ta vừa thay xếp lại ngay ngắn cất vào chỗ cũ. Khi ta từ xóm làng trở về, ngươi phải trải ghế nhỏ cho ta ngồi, trao cho ta nước và lá cây. Khi ta ăn, phải cầm quạt quạt. Ta ăn xong, phải rửa bát, lau khô, đem cất lại chỗ cũ, rồi cởi y ta mặc vào xóm làng xếp lại đem cất, trao cho ta y thường mặc. Khi ngươi ăn xong, phải đi lấy củi rác, giặt y, đem nhuộm, quét trong phòng sạch sẽ, rồi lau sàn nhà. Khi ta muốn vào rừng ngồi thiền, ngươi phải mang tọa cụ đi theo, khi ta trở về, thì theo về, rồi trao cho ta nước rửa tay. Khi trao cho ta hương hoa

cúng dường xong, ngươi phải trải giường, đưa nước rửa chân cho ta, rồi lấy dầu xoa bóp, trải ra, bỏ mùng, đưa ống nhổ, đồ tiểu tiện, đốt đèn v.v... cung cấp các thứ như vậy cho ta xong xuôi, sau đó mới tự lo phần mình".

Khi ấy, tân Tỳ-kheo (ngoại đạo) bèn đáp với thầy: "Những điều đó không phải là phép tắc xuất gia, mà là làm đầy tớ".

Thầy nói: "Nếu ngươi không thể làm được thì phải trả y Tăng-già-lê lại cho ta".

Người ấy bèn cởi y để dưới đất rồi ra đi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn nói với người đệ tử tùy tùng của anh mình như sau: "Ta cùng với ngươi vào xóm làng, ta sẽ cho ngươi phẩm vật. Nếu ta có làm điều gì trái oai nghi, ngươi chớ nói với người khác, vì ta là chú của ngươi".

Người đệ tử nói: "Nếu tôi thấy cha tôi làm điều phi pháp, tôi cũng sẽ nói với người khác, huống gì là chú".

Ưu-ba-nan-đà lại nói: "Nếu ngươi như thế, ta sẽ cho ngươi biết tay", bèn dẫn y đến nhà hào quý. Nhà đàn-việt này bèn mời họ ở lại dùng cơm.

Vì không muốn cho y ăn nên Ưu-ba-nan-đà làm ra vẻ suy nghĩ đợi cho mặt trời gần trưa để cho y không thể khất thực, mà trở về trú xứ cũng quá

bữa, bèn nói với y: "Ngươi hãy trở về Tinh xá".

Người này liền trở về, vì sợ trễ bữa, nên vội vàng vừa nhìn mặt trời vừa đi, nhưng vừa tới Tinh xá, thì thấy các Tỳ-kheo đã ăn xong, đang đi kinh hành trước cửa.

Các Tỳ-kheo từ xa trông thấy thầy đi vội vàng, nghi ắt có điều gì bất thường, liền hỏi: "Hôm nay, ngươi cùng với Tỳ-kheo có nhiều người quen biết đi giáo hóa các nơi, được những thức ăn gì ngon mà mặt mày hớn hở như thế?".

Đáp: "Hôm nay tôi bị mất bữa ăn, chứ làm gì được thức ngon". Ưu-ba-nan-đà bảo y trở về rồi, sau đó ăn uống các thứ, ăn xong, sợ sự tình tiết lộ, bèn nhanh chân trở về, thì thấy các Tỳ-kheo đang tụ tập đông đảo bàn luận, liền suy nghĩ: "Mọi người tụ họp bàn luận, ắt Tỳ-kheo kia đã nói với các vị phạm hạnh về hành vi xấu ác của ta, liền nói với Nan-đà: "Trưởng lão, đệ tử của thầy đã hướng đến các vị phạm hạnh nói về những việc xấu của tôi".

Nan-đà bèn giận dữ, nói với đệ tử: "Hôm nay, vì sao ngươi lại nói về lỗi của em ta? Ngươi hãy trả y Tăng-già-lê lại cho ta".

Các Tỳ-kheo nghe thế, cùng nhau bảo: "Thầy Tỳ-kheo này hôm nay gặp hai việc khổ não: Một là mất ăn. Hai là mất y".

Phật nghe được việc ấy, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-

kheo: "Đó là Tỳ-kheo nào mà cao giọng lớn tiếng như thế?".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là Nan-đà đoạt lại y của đệ tử tùy tùng, cho nên mới lớn tiếng".

Phật bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật bèn hỏi kỹ Nan-đà: "Có thật ông vì muốn được cung cấp cho mình mà độ người, cho y, khiến cho đệ tử giận không chịu làm thân phận tôi đòi, rồi ông đoạt lại y của đệ tử tùy tùng phải không?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy".

Khi ấy, Phật nói với Nan-đà: "Vì sao ông độ người xuất gia, không dạy pháp luật, mà chỉ sai họ chấp tác, cung cấp cho bản thân mình?".

Phật khiển trách đủ điều, xong rồi liền nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay trở đi không được rắp tâm vì muốn cung cấp cho chính mình mà độ người xuất gia, ai độ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nên nghĩ thế này: "Mong cho kẻ kia nhờ ta hóa độ, tu các pháp thiện, thành tựu đạo quả".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, rồi sau đó nổi giận không vui, hoặc tự đoạt, hoặc sai người đoạt lại, nói như sau: "Tỳ-kheo, trả y

lại cho ta, ta không cho ngươi nữa", mà được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

(Một số từ đã được giải thích)

- Đoạt: Hoặc tự đoạt, hoặc sai người đoạt, nói như sau: "Trả y lại cho ta, ta không cho ngươi nữa". Khi lấy lại được, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
- Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cho, rồi sai người đoạt lại; hoặc sai người cho, rồi tự mình đoạt lại; hoặc tự mình cho, rồi tự mình đoạt; hoặc sai người cho, sai người đoạt; hoặc cùng cho, đoạt riêng, hoặc cho riêng, cùng đoạt; hoặc cùng cho cùng đoạt; hoặc cho riêng, đoạt riêng.

- Cùng cho, đoạt riêng: Tỳ-kheo một lần cho ba y, về sau đoạt riêng từng cái, nói: "Trả cho ta Tăng-già-lê, trả cho ta Uất-đa-la-tăng, trả cho ta An-đà-hội". Đoạt như vậy thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cùng cho, đoạt riêng.
- Cho riêng, đoạt chung: Tỳ-kheo cho y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội không cùng một lần, nhưng đòi lại một lần, nói: "Ngươi trả các y lại cho ta". Đoạt như vậy thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là cho riêng, đoạt chung.
- Cùng cho, cùng đoạt: Tỳ-kheo một lần cho các y, sau đó nói: "Trả hết các y lại cho ta". Đoạt như vậy, phạm một tội Ba-dạ-đề.

- Cho riêng, đoạt riêng: Tỳ-kheo cho Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội không phải cùng lúc, rồi sau đó đòi lại dần dần, nói: "Trả cho ta Tăng-già-lê, trả cho ta Uất-đa-la-tăng, trả cho ta An-đà-hội". Nói như vậy mà được, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi ở gần bên ta, ta sẽ cho ngươi y, nếu không ở, ta sẽ lấy lại", thì khi lấy lại không có tôi.

Nếu Tỳ-kheo khi cho y Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi ở đây, ta sẽ cho, nếu không ở, ta lấy lại", thì khi lấy lại không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, nói: "Ngươi làm vui lòng ta thì ta cho". Sau đó, không làm vui lòng, bèn lấy lại, thì không có tội.

Vì người xem kinh mà cho, sau đó, họ không xem, bèn lấy lại, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo bán y chưa lấy tiền, hoặc lấy chưa đủ, nên lấy lại y thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cho y cho đệ tử tùy tùng, đệ tử y chỉ mà không thể dạy dỗ được, vì muốn hàng phục mà đoạt lại y, sau khi hàng phục được, bèn trả lại, thì không có tội.

Nếu đoạt y của Tỳ-kheo, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề; đoạt y Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đoạt y Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đoạt y người thế tục, phạm tội Việt-

tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

25. GIỚI SẮM ÁO MƯA TRƯỚC THỜI HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, dân chúng bốn phương cách mười hai do-tuần, bố thí cho chúng Tăng áo mưa, như nhân duyên Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật trụ tại nước Kiều-tát-la, có một Tỳ-kheo lẩm cẩm, khi du hành, mặc áo mưa bên trong, mặc y An-đà-hội bên ngoài, cầm cây chổi cán dài quét đất, Phật thấy thế, nói với các Tỳ-kheo: "Các ông có thấy Tỳ-kheo lẩm cẩm kia chăng? Vì sao mà mặc y một cách ngược ngạo như thế?".

Tỳ-kheo lẩm cẩm ấy trông thấy Phật, bèn đi đến, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, bên trong ông mặc áo gì?".

Thầy đáp: "Áo mưa". "Bên ngoài mặc áo gì?". "An-đà-hội".

"Này Tỳ-kheo, vì sao cái đáng lý mặc ở ngoài, ông lại mặc ở trong, cái đáng mặc ở trong, lại mặc ở ngoài? Nay vì sao lúc nào ông cũng mặc áo mưa?".

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Các ông hãy đợi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về

thành Xá-vệ, rồi nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định cách thức mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo".

Sau khi Phật du hành nước Kiều-tát-la trở về, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn du hành nước Kiều-tát-la có nói: Sau khi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về Xá-vệ, các ông hãy nhắc lại Ta, Ta sẽ chế định việc mặc áo mưa cho các Tỳ-kheo. Nay thật đúng lúc, xin Thế Tôn chế định việc mặc áo mưa".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Trong vòng một tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng mà dùng. Nếu chưa đến tháng cuối mùa Xuân mà Tỳ-kheo đi tìm vải may áo mưa, rồi may trong vòng nửa tháng sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Một tháng cuối Xuân: Tức mười lăm ngày cuối của tháng ba và mười lăm ngày đầu của tháng tư. Đó gọi là một tháng cuối mùa Xuân.
- Áo mưa: Như Thế Tôn đã cho phép.
- Áo (y): Có mười loại, như trên đã nói.
- Tìm: Cầu xin, hoặc khuyên người ta cho. Lúc

tìm, không nên đến các nhà nghèo xin chỗ này một thước, chỗ kia hai thước, mà nên đến xin những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc nhiều người cùng cho. Đó gọi là tìm.

- Nửa tháng cuối: Từ mười sáu tháng ba trở đi nên giặt, nhuộm, vá y, cho đến ngày mồng một tháng tư thì sử dụng. Nếu Tỳ-kheo chưa đến ngày mười sáu tháng ba mà đi tìm, may thành, sử dụng, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào có năm đức tính thành tựu thì Tăng nên làm Yết-ma cử vị ấy chia áo mưa. Năm đức tính đó là: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ hãi, không mê muội và biết ai đã chia rồi, ai chưa chia.

Đó gọi là năm đức tính. Người làm Yết-ma nên nói như sau: "Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm

pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia áo mưa. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia áo mưa, Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia áo mưa, thì xin im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia áo mưa xong, vì Tăng đã im lặng. Việc

ấy cứ như thế mà thi hành".

Khi làm Yết-ma xong, nên xướng lên giữa chúng:

- Đại đức Tăng lắng nghe! Có các loại vải lớn, nhỏ, bằng bốn ngón tay, tám ngón tay, không bằng nhau, không thể tính, tôi sẽ chia.

Nếu không xướng lên như thế thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người này làm Yết-ma xong, phải đi tìm cho Tăng. Khi đi tìm, không nên đến những gia đình nghèo, xin chừng một thước, hai thước, mà nên đến những nhà khá giả, hoặc một người cho, hoặc nhiều người hợp lại cho, tối thiểu được một áo mưa. Đó gọi là đi tìm.

Nếu từ mười sáu tháng ba trở đi có người mang vải đến cúng thì nên chia. Khi chia nên hỏi Thượng tọa: "Thượng tọa muốn lấy hôm nay hay đợi sau này lấy?". Nếu đó là loại tốt. Nếu Thượng tọa nói: "Lấy hôm nay" thì liền trao cho. Nếu nói: "Sau này sẽ lấy", thì đợi về sau sẽ

đưa. Nếu có Tỳ-kheo khách tới, nên hỏi: "Thầy định an cư mùa hạ tại đâu?". Nếu nói: "An cư tại đây" thì nên đưa cho. Nếu nói: "Tôi muốn an cư chỗ khác", nhưng muốn nhận áo mưa ở đây" thì cũng nên đưa, nhưng dặn: "Thầy không nên nhận áo mưa ở chỗ khác nữa". Nếu nói: "Tôi không lấy ở đây, đợi khi an cư chỗ nào, tôi sẽ lấy ở đó" thì cứ

tùy ý.

Nếu được nhiều áo mưa thì mỗi Tỳ-kheo nên cho một trong hai Sa-di một cái. Nếu ít, cho không đủ, thì khi an cư xong, chia y nên chia đều áo mưa, áo này không được dùng mặc thường như ba y, cũng không được tác tịnh thí, không được mặc áo mưa xuống tắm dưới sông, dưới ao, không được mặc khi mưa lâm râm. Khi tắm không được khỏa thân mà nên mặc đồ lót. Nếu dư y cũ thì không được thường mặc áo mưa làm các công việc, mà phải đợi khi mưa lớn, mặc tắm. Khi mặc tắm bỗng dưng trời ngừng mưa, mà còn bẩn, thì được mặc tìm chỗ nước khác tắm, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi ăn, hoặc khi có bệnh muốn dùng dầu thoa mình mà gặp chỗ nhiều người qua lại, thì có thể hai người chụm đầu lại che khuất để thoa.

Cái y tắm mưa này được dùng tắm vào khoảng nửa tháng tư cho đến mười lăm tháng tám thì nên xả. Khi làm phép xả, một Tỳ-kheo xướng giữa chúng Tăng như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay Tăng xả áo tắm mưa".

Nói như thế ba lần. Nếu để đến ngày mười sáu mới xả thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi xả rồi, được dùng nó để may ba y, được tác tịnh với Tỳ-kheo quen biết, cũng được mặc vào trong các chỗ có

nước khác tắm, đều không có tội. Thế nên nói (như trên).

26. GIỚI XIN CHỈ SỢI VỀ DỆT VẢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cầm bắp chỉ sợi đi đến nhà cư sĩ, nói với Ưu-bà-di: "Bố thí vải sợi cho tôi".

Những bà vợ của các cư sĩ suy nghĩ: "Thầy Tỳ-kheo này muốn mua vải sợi", nên mỗi người đều mang vải sợi đến.

Tỳ-kheo thấy vậy, bèn lấy so sánh với cuộn vải sợi của mình rồi nói: "Chính tôi muốn tìm loại vải sợi này đây, bây giờ đem so sánh thì giống y hệt". Nếu thấy cái nào đẹp, thì lại nói: "Tôi muốn tìm loại này, nhưng so sánh thì ở đây đẹp hơn". Nếu thấy loại thô, thì liền nói: "Chỉ sợi này tuy thô, nhưng có thể làm thành đẹp". Thế nhưng, những người gánh gồng vải sợi đến đều chẳng được tích sự gì.

Bấy giờ, cách Tinh xá Kỳ-hoàn không xa có một xóm nghèo, nơi đây có lập ra một cửa hàng dệt, các Tôn giả kia định độ thợ dệt này xuất gia, để sai dệt y (cho mình). Tôn giả A-nan khi đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khất thực, đến trước cửa nhà ấy, trông thấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cùng cầm cuộn chỉ sợi căng ra. Thấy thế, rồi cùng nhau chào hỏi. Đoạn A-nan hỏi

hai vị kia: "Các Trưởng lão đang làm gì đấy?".

Họ đáp: "Chúng tôi định dệt vải"

Thế rồi, họ suy nghĩ: "Hôm nay ta được thấy thị giả A-nan (tức A-nan là thị giả của Phật), thế nào thầy ấy cũng sẽ nói với Thế Tôn tạo ra phương tiện (có giải pháp linh động)". Nghĩ thế rồi, ông bèn cầm cuộn chỉ cúng dường Tôn giả A-nan, nói: "Nên cầm cái này về để vá y". Nhưng A-nan không lấy.

Sau khi khất thực trở về, ăn xong, A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi Ưu-ba-nan-đà về vấn đề trên, cho đến: "A-nan không nhận chỉ sợi của ông có thật thế chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo tự đi xin chỉ sợi rồi sai thợ dệt dệt vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Tự xin: Khuyến hóa xin, hoặc được một cuộn, hai cuộn chỉ sợi.

- Vải sợi: Có bảy loại vải sợi.

- Thợ dệt: Như thợ dệt Kim-tỳ-đề-trú-cu-lợi. Nếu dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vải sợi thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nhận được (vải sợi) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi dệt thành vải thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Theo phong tục của nước Ca-thi, cứ sau khi an cư xong, đàn-việt cúng chỉ sợi và tiền dệt cho các Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nào muốn dệt thành vải thì đem đến bảo thợ dệt như sau: "Tôi đưa ông cuộn chỉ này, ông dệt thành vải cho tôi". Nếu như thợ dệt nói: "Tôi không hiểu ý thầy", thì nên hỏi: "Nhà ông làm nghề gì?". Đáp: "Dệt vải". Lại nói: "Ông hãy dệt cái này thành vải cho tôi". Nếu thợ dệt cũng không hiểu lời nói ấy, thì nên đem cuộn chỉ ấy giao cho tịnh nhân nhờ họ thuê dệt giúp, nhất thiết không được dùng những lời nói thuê mướn. Nếu có Tỳ-kheo biết dệt đai buộc lưng, ta muốn nhờ thầy ấy dệt thì nên cầm chỉ đến đưa và nói: "Trưởng lão, hãy làm giùm thành đai lưng cho tôi". Thế nên nói (như trên).

27. GIỚI QUỴT TIỀN CỦA THỢ DỆT

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn trong thành

Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cứ mỗi ngày mời chúng Tăng về nhà thọ trai. Lúc này, có Tỳ-kheo tới phiên mình đến nhà ấy thọ trai, trông thấy Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cầm cuộn chỉ đưa thợ dệt, nói: "Ông dệt thành vải giúp tôi. Tôi muốn cúng dường Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Những vị này khó tính, ông gắng dệt cho thật đẹp".

Tỳ-kheo ấy thọ trai xong, trở về Tinh xá, nói với Nan-đà: "Trưởng lão, tôi muốn báo cho thầy một tin vui".

- Có việc gì vui thế?

- Tôi nghe Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu định cúng dường y cho thầy.

- Y đó không phải cúng dường cho tôi. Vì sao? Vì Ưu-bà-di này sắp cúng dường cho các bậc Hiền Thánh.

- Không phải vậy, chính mắt tôi trông thấy Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cầm cuộn chỉ sợi đưa thợ dệt, nói: "Tôi đưa ông cuộn chỉ sợi này, ông hãy dệt thành vải cho đẹp giúp tôi. Tôi muốn cúng dường cho Nan-đà, vì thầy ấy khó tính".

- Thầy có biết nhà thợ dệt ở đâu không?

- Biết.

- Nhà ấy ở vùng nào? Tại hẻm nào? Cửa hướng về phương nào?

Chỉ cho tôi rõ các tiêu tướng (dấu hiệu).

Khi đã hỏi kỹ, biết rõ chỗ rồi, sáng hôm sau

Nan-đà khoác y, đi đến nhà ấy, trông thấy thợ dệt đang căng đường kinh (đường chỉ dọc) để dệt liền hỏi:

- Lão trượng, căng đường kinh dệt vải cho ai vậy?

- Tôi sắp dệt vải cho Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu.

- Ông có biết Tỳ-xá-khư thuê dệt cho ai không?

- Tôi biết. Bà thuê dệt cho Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

- Ông biết Nan-đà không?

- Tôi không biết.

- Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà chính là chúng tôi đấy. Ông hãy dệt cho đẹp, dài, rộng, mịn, dày.

- Số lượng sợi có giới hạn nhất định, tôi có thể dệt không có đường vĩ (đường chỉ ngang) được sao?

- Ông cứ theo lời tôi dệt cho đẹp, nhà ấy giàu có, sẽ tự đưa thêm vải sợi cho ông.

- Nhà ấy đưa thêm cho tôi vải sợi, thế còn tiền dệt thì ai đưa cho tôi?

- Ông cứ dệt cho đẹp, còn tiền dệt tôi sẽ đưa cho ông.

- Nếu Tôn giả trả tiền dệt cho tôi, bà ấy đưa thêm vải sợi, thì tôi sẽ dệt như lời dặn.

Thế rồi, thợ dệt cứ theo lời dặn, dệt thật đẹp, khi sợi hết thì đến đòi, làm như vậy đến ba lần. Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu suy nghĩ: "Người này chỉ đến đòi

vải sợi, không đòi tiền dệt, vì sao ta không đưa cho đủ vải sợi?".

Khi dệt xong tấm vải rộng, dài, dày, đẹp, ông bèn đem đến đưa Lộc mẫu. Lộc mẫu nhận rồi, thầm nhủ: Tấm vải này rất đẹp, không nên cúng cho thầy ấy (Nan-đà), vì đây là vật cúng dường có giá trị. Thế nhưng, trước đã hứa cúng cho thầy rồi. Nghĩ vậy, bà bèn đưa cho Nan-đà.

Khi tấm vải chưa thành, ngày nào Nan-đà cũng đến nhà thợ dệt, nhưng lúc được vải rồi thì thầy rời xa nhà ấy, đi vào con hẻm khác, ví như con quạ già lánh xa chỗ có tên bắn. Thợ dệt do nhiều công việc, không thể đến đòi tiền dệt. Về sau, nhân có đại hội thợ dệt, ông bèn đến thành Xá-vệ. Lúc ấy thợ dệt suy nghĩ: "Mọi người chưa tập họp, giờ đây ta hãy đến Tinh xá Kỳ-hoàn đòi tiền dệt". Nghĩ thế, ông bèn đến đó, hỏi các Tỳ-kheo: "Nan-đà, Ưu-ba-na-đà ở tại chỗ nào?",

Các Tỳ-kheo nói: "Trong phòng này đây".

Ông liền vào phòng, thấy Nan-đà rồi, bèn đảnh lễ vấn an, giả vờ không biết, như chưa từng gặp nhau, bèn hỏi: "Tôn giả nhận được vải chưa?".

Nan-đà hỏi ngược lại: "Vải nào?".

- Tôi dệt cho Lộc mẫu đấy.
- Được rồi.
- Tấm vải có vừa ý Tôn giả không?
- Cũng tạm được.

- Thưa thầy, thầy hãy trả tiền dệt cho tôi.

- Trả tiền dệt gì?

- (Cho đến) Ưu-bà-di đưa đủ vải sợi, và thầy hứa trả tiền dệt cho tôi.

Nan-đà bèn nổi giận nói: "Ngươi có biết Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không? Ta muốn móc lấy tròng mắt của ngươi. Bỗng dưng hư không mà bốc khói. Ngươi hy vọng nhận được tiền dệt của ta chẳng khác gì muốn lột lấy hai miếng vải che của ngoại đạo lõa thể, hoặc mong lóc lấy năm trăm cân thịt từ chân của con quạ già đã chết, hoặc đem bỏ một nắm cám dưới đáy sông Hằng rồi mong nhặt lại được tất cả". Đoạn, bảo đệ tử: "Ngươi lấy Tăng-già-lê đưa ta, ta sẽ mặc đi tới nhà vua gọi lính đến bắt trói tên này nạp cho quan".

Thợ dệt suy nghĩ: "Kẻ Sa-môn này có thế lực lớn, lại hay ra vào cung vua, y có thể gây ra sự bất lợi lớn cho ta. Ta lấy số tiền dệt kia để làm gì! Miễn giữ được mạng sống là tốt". Nghĩ thế rồi, ông ta bỏ đi, ra khỏi cửa bèn chạy một mạch đến giữa hội chúng các thợ dệt. Mọi người liền trách y: "Bọn chúng tôi ai cũng bỏ cả việc nhà, đến đây để cùng lo liệu việc quan. Nay ngươi vì sao lại bỏ mọi người, đi đâu?".

Anh ta liền đáp: "Các vị hãy nghe tôi đã: Lộc mẫu đưa sợi cho tôi dệt, khi vải dệt chưa xong, ngày nào Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà cũng ghé đến.

Nhưng khi nhận được vải rồi thì cũng giống như con quạ già lánh xa chỗ bị tên bắn... chung cục, tôi suy nghĩ: "Miễn giữ được mạng sống", (nói rộng việc trên) cho nên tôi mới đến trễ như vậy".

Mọi người liền nổi giận, nói: "Tên Tỳ-kheo này khinh thường chúng ta quá lắm, đã không trả tiền may mà trái lại còn muốn dựa thế lực của vua định bắt trói người. Ngày nay, chúng ta hãy lập ra giao ước. Sau này không ai dệt vải cho Sa-môn nữa". Có người nói: "Chúng ta nên giao ước với nhau ở chỗ kín, đừng cho ai biết. Tôi biết kích thước y của Sa-môn, dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, hoặc dài năm khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Nếu gặp kích thước y chừng ấy thì chúng ta không nên dệt. Vị Sa-môn này có thế lực, y có thể nhờ nhà vua dùng quyền lực sai khiến người ta, thậm chí có thể gây nên sự bất lợi cho người, vậy chớ cho ai biết".

Đến ngày Tự-tứ, đàn-việt gánh bắp chỉ đến nhà thợ dệt thuê thợ dệt dệt vải, thợ dệt hỏi: "Ông định dệt áo kích thước cỡ nào?"

Chủ nhân đáp: "Chiều dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, hoặc dài năm khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay".

Thợ dệt suy nghĩ: "Đó là kích thước y của Sa-môn", liền đáp: "Tôi đã dệt cho người ta, không thể dệt thêm được". Thế rồi, người ấy đi hỏi khắp

nơi, đều không ai chịu dệt.

Bấy giờ, các nhà hào phú bèn đem vải đã dệt rồi cúng dường cho chúng Tăng. Còn các nhà nghèo vì không có vải dệt sẵn nên không lấy gì cúng dường cho Tăng. Khi ấy, chư Tăng nhận vải cúng dường ít, Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: "Vì sao chúng Tăng nhận ít vải cúng dường như vậy?".

A-nan liền đem sự việc trên, cho đến thợ dệt sinh tâm không hoan hỷ, cùng giao ước với nhau, bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao?".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ bảo thợ dệt dệt vải cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này không được yêu cầu trước mà tự động đến thợ dệt khuyên: "Ông có biết không, vải ấy là dệt cho tôi đấy. Ông phải dệt cho đẹp, dài và rộng, rồi tôi sẽ trả tiền cho ông", thì dù số tiền chỉ đáng giá một bữa ăn, Tỳ-kheo này đã giao ước trả tiền như vậy, khi nhận

được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Cư sĩ: Người chủ nhà.
- Người vợ: Người vợ của chủ nhà.
- Tỳ-kheo: Hoặc Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.
- Thợ dệt: Như trên đã nói.
- Y: Có mười loại, như trên đã nói.
- Không được yêu cầu trước: Vốn không yêu cầu mà tưởng có yêu cầu, hoặc yêu cầu người khác mà tưởng yêu cầu mình, hoặc yêu cầu về việc khác mà tưởng yêu cầu về việc dệt vải.
- Tự động đến: Tức đi tới ruộng hoặc tới nhà họ.
- Khuyên: Bảo họ dệt dày, mịn, hoặc dài, rộng.
- Tiền: Các loại tiền tệ.
- Giá tiền: Những vật khác (được trị giá thành tiền)
- Thức ăn: Như gạo lứt, gạo nếp, cá, thịt.
- Trị giá: Như tiền, vật v.v... nếu được y thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với thợ dệt: "Ông dệt cho tôi thật đẹp, thật chắc, thật dày…". Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi thợ dệt bắt tay vào dệt chừng vài nhịp thì phạm Ba-dạ-đề. Khi họ dệt xong, nhận được vải, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho thợ dệt nghe, rồi thợ dệt dừng tay đứng lắng nghe, Tỳ-kheo nói: "Chỉ nên nghe bằng tai, không nên nghe bằng tay, tay vẫn cứ làm". Khi nói như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe ai đó định dệt vải cho mình, rồi đến đó khuyên thợ dệt mà không hứa trả giá, thì khi được vải phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nghe rồi đến khuyên và hứa trả giá, thì khi nhận được vải, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu không nghe mà đến khuyên rồi tự động đưa (tiền), thì khi được vải, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không nghe, không đến khuyên, cũng không đưa tiền dệt, thì khi được vải không có tội.

Nếu có quả phụ cúng dường vải cho chúng Tăng, rồi Tỳ-kheo theo thứ tự nhận được vải ấy giữa chúng Tăng, khi ấy người đàn bà đó nói với Tỳ-kheo: "Nhà tôi không có người. Tôn giả có thể đến chỗ thợ may nhờ họ may giúp vải này. Nếu Tôn giả tự đến thợ may lo liệu thì có thể vừa nhanh mà vừa đẹp".

Khi đó, Tỳ-kheo được quyền đi tới chỗ thợ may, nói như sau: "Lão trượng, ông biết may nhanh, biết may dày…". Nói như thế, thì không có tội. Thế nên nói (như trên)

28. GIỚI CẤT Y CÚNG GẤP QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như

trên, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại một làng nọ. Lúc mới bắt đầu an cư, vào một buổi mai, họ khoác y, cầm giấy bút vào một xóm làng, nói với các Ưu-bà-tắc: "Các ông hãy họp nhau làm việc nghĩa, cúng vải an cư cho chúng tôi".

Các Ưu-bà-tắc nói: "Lúc này, không phải là lúc xin vải an cư, đợi đến mùa thu lúa chín, khi ấy phần lớn người ta đều hoan hỷ, họ sẽ cúng dường vải".

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Các ông không biết ở đời có nhiều tai nạn, như nạn vua, nạn nước, lửa, trộm cướp, hoặc cha mẹ các ông ngăn cản không bố thí được, thế là các ông không thành tựu công đức, còn chúng tôi thì thất lợi hay sao?".

Ưu-bà-Tắc nói: "Tôn giả chỉ chỉ cho tôi các tai nạn mà tự mình không thấy các tai nạn, Tôn giả tính nhận được tiền an cư rồi thì bãi đạo (hoàn tục) hoặc muốn đi nơi khác sao? Sao lại đa dục tham lam, như thế thì nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật lúc bắt đầu an cư, các ông đến nhà Ưu-bà-tắc xin vải an cư, khiến cho các Ưu-bà-tắc trách móc chăng?".

Họ đáp: "Có thật như vậy".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. An-cư chưa xong mà đã xin vải trước. Từ nay trở đi, các

Tỳ-kheo không được xin vải trước khi an cư xong".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ vị đại thần của vua Ba-tư-nặc là Di-ni-sát-lợi làm phản, vua sai vị đại thần tên Tiên-nhân-đạt-đa tới đó đánh dẹp. Vị đại thần này lúc sắp lên đường, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan bạch: "Thưa Tôn giả, vị đại thần của vua Ba-tư-nặc làm phản, nay nhà vua sai tôi đến đó đánh dẹp, tôi sắp đối đầu với cường địch, thân mạng khó bảo toàn. Hằng năm cứ khi an cư xong, tôi thường cúng dường trai Tăng và dâng y. Nay tôi vì lệnh vua sai khiến không thể chờ đợi được, nên tôi định dâng y trước, đến khi an ổn trở về, sẽ cúng dường trai phạn sau".

Tôn giả A-nan bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan: "Ông an cư còn mấy ngày nữa?".

Thầy đáp: "Còn mười ngày".

- Phật dạy: "Từ nay Ta cho phép trước Tự tứ mười ngày, các Tỳ-kheo được nhận y dâng cấp thời".

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

"Nếu còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ mà gặp dịp dâng y cấp thời, Tỳ-kheo nào cần, được phép tự tay nhận lấy, rồi được cất giữ đến

lúc thời y (thời gian được phép tìm y), nếu cất quá thời hạn, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Mười ngày: Từ mồng sáu tháng bảy đến mười lăm tháng bảy, đó là mười ngày.
- Được y dâng cấp thời: Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc lớn, hoặc nhỏ,
- hoặc tại gia, xuất gia, hoặc quân lính lúc sắp ra trận dâng, hoặc lúc trở về dâng, hoặc lúc chết dâng, hoặc khi thiếu nữ về nhà chồng dâng, hoặc người đi buôn lúc lên đường dâng, khi ấy thí chủ nói với Tỳ-kheo: "Nếu hôm nay không lấy thì ngày mai sẽ không có". Đó gọi là y dâng cấp thời.
- Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói.
- Muốn lấy: Nếu cần vật ấy thì lấy cất đến thời của y.
- Thời gian của y: Nếu không thọ y Ca-hi-na thì được cất đến mười lăm tháng tám, nếu có thọ y Ca-hi-na thì được cất đến mười lăm tháng chạp. Nếu cất quá thời gian ấy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính sau đây thì Tăng nên cử làm người chia y: Không thiên vị, không giận dữ, không sợ hãi, không mê muội và biết ai nhận rồi, ai chưa nhận. Đó gọi là năm đức tính.

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y". Đây là lời tác bạch.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y. Các Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y cho chúng Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người khuyến hóa chia y xong, vì Tăng đã im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành".

Người được Tăng cử nên bạch Tăng như sau:

"Các Đại đức, vải có loại bốn ngón tay, có loại tám ngón không bằng nhau, nếu cùng thông cảm tôi sẽ chia".

Nếu không bạch mà chia thì phạm Tội Việt-tỳ-ni, phải bạch như trên rồi mới chia. Vị Tỳ-kheo này từ mười sáu tháng 3 nên bảo các đàn-việt cầm giấy bút đi ghi chép các phòng xá, giảng đường, phòng sưởi ấm, nhà thiền, cửa ngõ, nhà bếp, nhà chứa nước, nhà tiêu, nhà chứa củi, phòng tắm, chỗ ngồi dưới gốc cây, chỗ kinh hành, phải ghi tên tất cả, rồi xướng giữa Tăng:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tại trú xứ kia có chừng ấy mền gối, có chừng ấy y an cư, chừng ấy

thực phẩm, chừng ấy ngày ăn chay, chừng ấy vật được chú nguyện. Tại trú xứ nọ có chừng ấy chỗ A-luyện-nhã".

Nếu các Tinh xá ở bên trái, bên phải xa nhau thì nên chia phòng xá vào ngày mười hai, mười ba . Nếu tại trú xứ ấy không dung nạp hết

thì phải đi đến nơi khác. Nếu trong phạm vi thôn xóm gần đó có Tinh xá thì nên chia vào ngày mười bốn, mười lăm. Khi chia, phải ghi rõ phòng ốc, mền gối này đưa cho Thượng tọa, và phải bạch Tăng: "Trụ xứ kia có chừng ấy phòng xá, mền gối, xin Thượng tọa tùy ý nhận". Khi nhận xong, phải tuần tự giao cho đệ nhị, đệ tam Thượng tọa, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Thượng tọa nên nói: "Phòng xá thì chia theo thứ lớp, còn vật cúng dường thì nên chia bình đẳng". Bấy giờ, nên tùy Thượng tọa xử trí. Khi Thượng tọa nhận rồi nên tuần tự trao cho đệ nhị, đệ Tam Thượng tọa, cũng như thế, cho đến Tỳ-kheo không có tuổi hạ. Nếu phòng nhiều, nên chia mười người hai phòng. Khi giao cho hai phòng mà không chịu nhận thì nên nói: "Đây là vì để trông coi mà chia, chứ không phải chia để ở". Không được chia cho Sa-di hai phòng. Nếu phòng xá ít, thì nên chia hai người một phòng. Nếu chia như vậy mà vẫn không đủ, thì ba người một phòng, hoặc bốn người, năm người, cho đến mười người cùng ở chung một phòng.

Nếu có nhà lớn, hoặc phòng sưởi, hoặc phòng

ngồi thiền, hoặc giảng đường thì tất cả cùng ở trong đó. Nếu không đầy đủ, thì đưa cho Thượng tọa giường nằm, cho người trẻ giường ngồi. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng tọa giường ngồi, người trẻ giường đặt dưới đất. Nếu cũng không đủ, thì đưa Thượng tọa nệm cỏ, người trẻ ngồi không nệm. Nếu cũng không đủ, thì các Thượng tọa nên ngồi, những người trẻ nên đứng. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa nên đứng, người trẻ nên ra khỏi phòng, tới dưới gốc cây hoặc những nơi khác.

Thầy Tỳ-kheo được Tăng sai, từ ngày mười sáu tháng sáu trở đi, nên nói với các đàn-việt: "Lão trượng, phải lo chuẩn bị y". Khi ấy, nếu đàn-việt đưa y, thì nên bảo: "Hãy để ở nhà ông, đợi đúng lúc rồi đưa". Nếu quân lính sắp đi chinh chiến cúng dường, hoặc chinh chiến trở về cúng dường, hoặc người trước khi chết cúng dường, hoặc khách buôn lúc ra đi cúng dường, hoặc lúc thiếu nữ lấy chồng cúng dường, nếu như lúc ấy không lấy thì ngày mai không có thì khi ấy nên nhận lấy.

Từ mồng năm tháng bảy trở đi, nếu có ai đưa y đến thì lấy cất một chỗ, rồi dùng lá cây hoặc vỏ cây ghi chép vào: Chừng ấy thời y, chừng ấy phi thời y, chừng ấy y dâng cấp thời. Loại y đúng thời, thì để đúng thời chia; loại y phi thời thì chia lúc phi thời; loại y dâng cấp thời thì chia đúng thời.

Nếu người chia y hoặc bãi đạo, hoặc chết không thể chia y được, hoặc thời hạn đã hết thì nên

đổi y cho nhau: Y Tỳ-kheo-ni nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho Tỳ-kheo-ni. Nếu làm như vậy mà không được thì y Sa-di nên đổi cho Tỳ-kheo, y Tỳ-kheo nên đổi cho Sa-di. Nếu cũng không được thì nên bạch giữa chúng Tăng như vầy: "Bạch chư Đại đức, thời gian của y đã qua, chúng Tăng hòa hợp, dùng các y đó làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương". Nếu bằng lòng thì nên làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương, Nếu có người nói: "Tôi an cư mùa hạ tại đây, được phần y này, vì sao lại dùng làm ngọa cụ cho Tăng bốn phương?", thì nên nói với người ấy: "Đợi sang năm vào thời gian của y, sẽ đưa cho thầy". Thế nên nói (như trên).

29. GIỚI RỜI Y QUÁ THỜI HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, vào mùa hạ an cư, các Tỳ-kheo sống tại A-lan-nhã, đến giờ khất thực, bèn khoác y đi vào thôn xóm khất thực. Sau đó, các mục đồng chăn bò, chăn dê, hoặc những người đi lấy củi bèn cầm chìa khóa tới mở cửa phòng các Tỳ-kheo lấy trộm y vật. Khi ấy, các Tỳ-kheo vì sợ lấy trộm, nên cầm hết y vật vào xóm làng. Phật biết mà vẫn hỏi: "Đó là những Tỳ-kheo nào mà chuyển vận đồ đạc đến đây vậy?".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đó là các Tỳ-kheo an cư tại A-lan-nhã, sau khi đi khất thực, có người cầm chìa khóa đến mở cửa phòng lấy trộm hết các y vật, cho nên mới

mang lổn ngổn tới đây".

Phật nói: "Từ nay về sau, vào những lúc đáng lo ngại, Ta cho phép được đem một trong ba y gởi trong xóm làng".

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ, lúc ấy tại nước Sa Kỳ, ngay trong mùa hạ an cư, có sự tranh cãi xảy ra trong Tăng chúng, Phật bèn sai Ưu-ba-ly đến nước Sa Kỳ như pháp dập tắt sự tranh chấp đang xảy ra giữa chúng Tăng. Nhưng Trưởng lão Ưu-ba-ly không đi. Phật hỏi Ưu-ba-ly: "Vì sao ông không đi?"

- Bạch Thế Tôn! Y Tăng-già-lê của con nặng nề, nếu gặp mưa nữa thì không thể mang nổi, mà nay đã nửa mùa an cư, nếu để y lại, thì phạm Ni-tát-kỳ.

- Ông đi về mất hết mấy ngày?

- Bạch Thế Tôn! Đi hai ngày, ở lại hai ngày, trở về hai ngày, tổng cộng mất hết sáu hôm kể cả đi về.

- Từ nay về sau các Tỳ-kheo được để y lại trong vòng sáu hôm.

- Ưu-ba-ly đến đó rồi, thấy sự tranh chấp khó mà giải quyết nhanh được, bèn trở về, đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Ưu-ba-ly, vì sao ông đi về nhanh vậy? Sự tranh chấp đã dập tắt xong chưa?".

- Dạ chưa dập tắt, bạch Thế Tôn.

- Vì sao vậy? Sự tranh chấp khó dập tắt, không thể giải quyết nhanh được, lại sợ quá ngày, mất y (y phạm quy định), phạm Ni-tát-kỳ, cho nên con phải trở về.

- Từ nay Ta cho phép được sống cách ly với y trong một tháng, nhưng Tăng phải làm Yết-ma cho phép được sống cách ly với y một tháng mà không vi phạm. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly nay đến nước Sa Kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép Yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly đến trước Tăng xin phép Yết-ma một tháng không mất y thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, đương sự phải đến trước Tăng xin, nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa Kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, mong Đại đức Tăng cho tôi pháp Yết-ma một tháng không mất y".

Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi người làm Yết-ma nên nói:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa Kỳ vì Tăng dập tắt sự

tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp Yết-ma một tháng không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay cho Ưu-ba-ly pháp Yết-ma một tháng không mất y. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly muốn đến nước Sa Kỳ vì Tăng dập tắt sự tranh chấp, đã đến trước Tăng xin pháp Yết-ma một tháng không mất y. Các Đại đức nào bằng lòng cho Ưu-ba-ly pháp Yết-ma một tháng không mất y thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất, (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Ưu-ba-ly một tháng không mất y xong. Vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Sau đó, Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã cho Ưu-ba-ly pháp Yết-ma một tháng không mất y chưa?".

Đáp: "Đã cho".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Khi ba tháng hạ chưa xong, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã, nếu có sự kiện đáng lo sợ, nghi ngờ, thì có thể gởi một trong ba y tại nhà dân. Tỳ-kheo có duyên sự được cách ly với y

trong sáu hôm, nếu quá sáu hôm, trừ Tăng Yết-ma cho phép, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề”.

Giải Thích:

- Ba tháng an cư: Từ mười sáu tháng tư đến mười lăm tháng bảy.

- Chưa xong: Chưa hết tháng cuối mùa hạ, nghĩa là Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã chưa đến tháng cuối.

- Chỗ A-luyện-nhã: Trong phạm vi đường kính năm trăm cung không có nhà của mục đồng, đó gọi là chỗ A-luyện-nhã.

- Điều đáng lo sợ: Hoặc bị giết, bị cướp đoạt.

- Điều nghi ngờ: Tuy không bị giết, bị cướp đoạt, nhưng trong lòng sinh nghi: “Không biết trong chốc lát nữa có kẻ nào đến giết người, lấy y không”. Nếu Tỳ-kheo thấy có điều đáng nghi ngờ lo ngại như vậy, đó gọi là nghi ngờ.

- Hoặc một trong ba y: Hoặc y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, nhưng không được gởi y Tăng-già-lê và An-đà-hội, mà nên gởi y Uất-đa-la-tăng tại nhà dân trong thôn. Tuy vậy, không được gởi nhà thế tục (không đáng tin) mà nên gởi nhà nào đáng tin, có thể lấy lại được. Nếu gởi gia đình khả nghi mà họ suy nghĩ: “Các Tỳ-kheo không chắc gì đã trở lại”, thì nên đề phòng.

Các Tỳ-kheo nếu vì việc tháp, việc Tăng thì được lìa y trong sáu đêm.

- Sáu đêm: Thời hạn trong sáu hôm.

- Trừ Tăng Yết-ma (cho phép): Thế Tôn dạy (nếu Tăng Yết-ma thì) không có tội. Nhưng nếu Tăng Yết-ma không thành tựu, thì không thể gọi là Yết-ma. Yết-ma không thành tựu nghĩa là: Chúng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, Yết-ma không thành tựu. Nếu bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, chúng Tăng thành tựu thì gọi là Tăng làm Yết-ma.

Nếu đã thọ Yết-ma giữa Tăng xong thì không nên ở lại đợi cúng dường, mà nên đi liền. Nếu trước bữa ăn làm Yết-ma thì sau bữa ăn nên đi. Nếu sau bữa ăn làm Yết-ma thì sáng sớm hôm sau nên đi. Lúc đi, không nên đi đường quanh ghé nhà đàn-việt, mà nên đi đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn như tai nạn sư tử, tai nạn hổ lang, tai nạn trùng độc, tai nạn mất mạng, thì khi ấy đi bằng đường quanh không có tội.

Khi đến đó rồi không được diên trì đợi khách Tỳ-kheo cúng dường ẩm thực. Nếu đến trước bữa ăn, thì sau khi ăn xong, tập họp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu đến sau bữa ăn, thì sáng sớm hôm sau liền tập họp chư Tăng diệt trừ sự tranh chấp. Nếu sau bữa ăn giải quyết xong việc, thì sáng sớm hôm sau trở về. Nếu giải quyết xong công việc trước bữa ăn, thì sau bữa ăn trở về, không được ở lại đợi khách Tỳ-kheo cúng dường. Khi trở về không nên đi đường quanh mà phải trở về bằng

đường thẳng. Nếu đường thẳng có tai nạn, thì như trên đã nói.

Lúc mới đến đó không được tụng kinh, đun bát, nhuộm y. Nếu giải quyết công việc xong mà còn thì giờ thì được tụng kinh, làm các việc khác. Nếu sự việc khó giải quyết, thì trong thời gian lưu lại được tụng kinh, đun bát và nhận sự cúng dường ẩm thực của Tỳ-kheo khách, như vậy không có tội.

Khi dập tắt sự tranh chấp không được dùng ý riêng mình áp đặt người ta mà phải ra giữa chúng sai người có khả năng, có uy đức thế tục (giúp giải quyết).

Nếu ở A-luyện-nhã thì được gởi y trong nhà dân sáu hôm. Nếu quá sáu hôm thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vị Tỳ-kheo này muốn xả y thì nên thỉnh vị trì luật, như giới thứ nhất ở trên đã nói. Thế nên nói (như trên).

30. GIỚI BIỂN THỦ TÀI SẢN CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, có một phụ nữ nói với thầy:

- Thưa Tôn giả, ngày ấy... con sẽ cúng dường chư Tăng và dâng y.

Tỳ-kheo nói: "Lành thay, này chị em! Dùng ba pháp không kiên cố là thân, mệnh và tài sản để đổi

lấy ba pháp kiên cố, vậy hãy thực hiện nhanh. Vì tài vật vô thường, có nhiều tai nạn".

Nói thế rồi, thầy liền trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo: "Tôi muốn báo cho các vị một tin vui".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Có tin vui gì thế?".

Thầy đáp: "Tôi nghe Ưu-bà-di Mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng".

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế rồi, liền hỏi: "Thầy vừa nói gì đó?"

"Tôi nghe Ưu-bà-di Mỗ giáp định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng".

"Thầy có biết nhà ấy ở nơi nào không? Nằm vào đường nào? Cửa hướng về phương nào?".

Hỏi cặn kẻ rồi, sáng sớm hôm sau, họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, hỏi: "Bà chủ có được yên ổn không?"

Bà đáp: "Yên ổn".

- Tôi nghe bà định cúng dường trai phạn và dâng y cho chư Tăng có thật thế không?

- Thưa Tôn giả, tôi có ý định ấy, nhưng e trong lúc chuẩn bị gặp nhiều sự khó khăn, không biết có thành tựu không.

- Như tôi đây là người xuất gia trước, làm Tỳ-kheo đã lâu năm, nếu bà dâng y, tôi sẽ mặc đi tới các nhà hoàng tộc, hoặc đảnh lễ Thế Tôn. Nếu các nhà hào quý, hoặc ai đó hỏi tôi: "Ông được y đó ở đâu vậy?". Tôi sẽ đáp: "Do Ưu-bà-di Mỗ giáp có

tín tâm cúng dường", như vậy bà sẽ được tiếng tốt, mọi người đều biết đến bà.

- Gia đình con lại không có vật nào nữa, vì con đã định cúng dường chư Tăng, nếu cúng riêng cho Thầy thì con sẽ phạm lỗi thất hứa cúng cho Tăng. Nếu con có (y khác), con sẽ cúng riêng cho Thầy, vì cúng cho Thầy cũng như cúng cho chư Tăng.

- Cúng hay không cúng tùy ý bà!

Nói thế rồi, thầy liền ra đi. Khi thầy đi rồi, Ưu-bà-di suy nghĩ: "Nếu ta cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà không cúng dường cho chư Tăng, vốn là ruộng phước tốt (thì không ổn), nhưng nếu ta không cúng dường cho Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy vốn có nhiều thế lực với vương gia thì ông ấy có thể gây cho ta sự bất lợi". Nghĩ như vậy nên bà không cúng dường cho Tăng, và vì giận Tỳ-kheo ấy nên cũng không cúng dường cho thầy.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi rõ các việc trên: "Các ông có việc đó thật chăng?"

Họ đáp: "Có thật như vậy".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu, có hai điều không ổn: Một là khiến cho người bố thí mất phước. Hai là người nhận mất y".

Rồi Phật nói với Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Các ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện

khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được".

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tự xoay về cho mình, thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác.

Vật: Gồm có tám loại:

1. Thức ăn dùng đúng giờ.
2. Thức uống dùng buổi tối.
3. Thuốc dùng trong bảy ngày.
4. Thuốc dùng suốt đời.
5. Vật vặt vãnh.
6. Vật năng nề.
7. Vật không hợp pháp.
8. Vật vừa hợp pháp vừa không hợp pháp.

Vật định cúng Tăng: Ý thí chủ định chọn những vật đó để cúng cho Tăng.

Tăng: Gồm tám thành phần:

1. Tỳ-kheo Tăng.
2. Tỳ-kheo Ni.

3. Khách Tăng.
4. Tăng ra đi.
5. Tăng cựu trú.
6. Tăng an cư.
7. Tăng hòa hợp.
8. Tăng không hòa hợp.

- Tự xoay về cho mình: Tự thu vào, tự cất chứa, tự sử dụng. Nếu như vậy thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Vật này phải đem thí xả giữa chúng Tăng, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không thí xả mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Nếu có người định cúng dường, đến hỏi Tỳ-kheo:

- Thưa Tôn giả, tôi định cúng dường mà không biết nên cúng dường nơi nào?

Tỳ-kheo nên đáp:

- Tùy ý bà kính trọng nơi nào thì cúng dường nơi đó.

- Nơi nào được quả báo nhiều?

- Cúng dường Tăng được quả báo nhiều.

- Chư Tăng nào giữ giới thanh tịnh, có nhiều công đức?

- Tăng không phạm giới không mất thanh tịnh.

Nếu có người đem phẩm vật đến cúng dường, Tỳ-kheo nên bảo: "Cúng cho Tăng được quả báo lớn". Nếu họ nói: "Con đã từng cúng cho Tăng rồi,

nay con muốn cúng cho Tôn giả", thì Tỳ-kheo nhận, không có tội.

Nếu thí chủ hỏi Tỳ-kheo: "Con nên cúng dường vật này cho người nào để vật cúng này của con được sử dụng luôn?".

Khi ấy, Tỳ-kheo nên nói: "Tỳ-kheo Mỗ giáp là người tụng kinh, giữ giới, tọa thiền, nếu cúng cho Thầy ấy thì sẽ được sử dụng thường xuyên".

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà xoay về cho mình thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu xoay về cho người khác thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu biết vật đó họ định cúng chúng Tăng này mà khiến họ cúng chúng Tăng khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết họ cúng cho nhóm người này mà khiến họ cúng nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết vật đó cúng cho súc sinh này mà xoay xở hướng về súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cái vật mà Tỳ-kheo đã xoay về cho mình (đã nói ở trên), Tăng không được cho ai mà phải sử dụng. Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 12

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ

1. GIỚI CỐ Ý VỌNG NGỮ.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, chúng Tăng đang tập họp tại một chỗ định làm Yết-ma, nhưng Trưởng lão Thi-lợi-da-bà không đến, họ bèn sai sứ giả đi gọi: "Trưởng lão, chúng Tăng đang tập họp, định làm các pháp sự".

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: "Chính là họ đang vì ta mà làm Yết-ma đó", liền sinh tâm sợ hãi, nhưng không trốn được đành phải đến.

Khi thầy tới rồi, các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão, thầy phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?".

Đáp: "Phải".

Các Tỳ-kheo liền sinh tâm hoan hỷ. Nhưng thầy suy nghĩ: "Các vị phạm hạnh ở trước ta nêu sự việc có thể sám hối, chứ không phải việc không thể trị phạt", liền bạch với chúng Tăng: "Cho phép tôi ra ngoài một lát".

Các Tỳ-kheo sau đó bàn nhau: "Vị Tỳ-kheo

này đa trá, bất định, đi ra ngoài rồi, lát nữa đây sẽ nói dối, vậy nên hỏi lại ba lần để xác định cho chắc".

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: "Vì sao ta vô sự mà lại nhận tội? Các Tỳ-kheo này thường thường hay trị tội ta. Nay ta không nên nhận tội ấy, mà nên nói dối, bất quá chúng Tăng sẽ trị tội nói dối, dù có trị tội vẫn nhẹ".

Các Tỳ-kheo bèn gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi thầy vào rồi, Tăng hỏi: "Có phải thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa không?".

- Không phạm.

- Vừa rồi, vì sao thầy nhận là có phạm?

- Vì vừa rồi chúng Tăng muốn nói tôi phạm, nên tôi đáp là có phạm. Giờ đây tôi không nhớ là mình có tội.

- Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên: "Ông có thật như vậy không?"

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện chê trách sự nói dối, khen ngợi nói thật hay sao? Nay vì sao ông biết mà nói dối? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống

tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết mà vọng ngữ thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Biết: Đã nghĩ biết trước.
- Vọng: Sự việc không phải như vậy.
- Ngữ: Dùng miệng nói ra.
- Ba-dạ-đề: Tên tội được phân biệt chế định

Lại có các trường hợp: Tám cách nói của Hiền Thánh, nói thẳng, vọng ngữ, không vọng ngữ, nghi, không nghi, quyết định, không quyết định, nói một chiều.

- Tám cách nói của Hiền Thánh: Thấy nói là thấy, nghe nói là nghe, dối nói là dối, biết nói là biết, không thấy nói là không thấy, không nghe nói là không nghe, không dối nói là không dối, không biết nói là không biết. Đó gọi là tám cách nói của Hiền Thánh. Nói như thế thì không có tội.
- Tám cách nói không phải Hiền Thánh: Thấy nói không thấy, nghe nói không nghe, dối nói không dối, biết nói không biết, không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không dối nói dối, không biết nói biết. Đó gọi là tám cách nói không phải Hiền Thánh. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Nói thẳng: Thấy nghe hay biết (mà nói) không thấy, không nghe, không hay, không biết. Đó gọi là nói thẳng, phạm tội Ba-dạ-đề.

- Vọng: Thấy vọng mà nói là không vọng, nghe vọng mà nói là không vọng, hay vọng mà nói là không vọng, biết vọng mà nói là không

- vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết vọng (sai lầm) mà nói là không vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Không vọng: Thấy nghe hay biết không vọng mà nói là vọng; không thấy, không nghe, không hay, không biết không vọng mà nói là vọng. Nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Nghi: Thấy nghe hay biết nghi nói không nghi; không thấy, không nghe, không hay, không biết nghi nói không nghi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Không nghi: Thấy nghe hay biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ. Không thấy không nghe, không hay không biết không nghi ngờ mà nói là nghi ngờ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Quyết định: Thấy nghe hay biết quyết định (một cách chắc chắn) mà nói là không quyết định; không thấy không nghe không hay không biết quyết định mà nói là không quyết định thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Không quyết định: Thấy nghe hay biết không quyết định (không chắc chắn) mà nói là quyết

định; không thấy không nghe không hay không biết không quyết định mà nói là quyết định, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

- Nói một chiều: Thấy nghe hay biết mà nói là không thấy không nghe không hay biết thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là có mà nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Biết là không mà nói là có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có mà cho là không, rồi nói rằng có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không mà cho là có, rồi nói rằng không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng rằng không, mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật có rồi tưởng là không mà lại nói có, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Thật không rồi tưởng là có, mà lại nói không, đó là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có năm pháp thành tựu biết mà nói dối phạm tội Ba-dạ-đề. Năm pháp đó là gì? Đó là thật có, tưởng là có, rồi đổi ý, tưởng trái lại, nói

khác đi, đó là năm việc biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có bốn pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Bốn pháp đó là gì? Đó là tưởng rằng có, mà đổi ý, tưởng trái lại, rồi nói khác đi. Đó gọi là bốn pháp biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có ba pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Ba pháp đó là gì? Đó là đổi ý, tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có hai pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Hai pháp đó là gì? Đó là tưởng trái lại, nói khác đi, như vậy, là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề.

Có một pháp thành tựu, biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Một pháp đó là gì? Đó là nói khác đi, như vậy là biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

2. GIỚI GIÈM PHA THÀNH PHẦN, NGHỀ NGHIỆP NGƯỜI KHÁC.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng lời lẽ nhã nhặn dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi: "Ông tên là gì? Tộc họ ông là gì? Cha mẹ ông tên gì? Nhà ông trước đây làm nghề gì?".

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi, tính tình chất trực, cứ thực mà đáp: "Nhà tôi như vậy. Tên họ như vậy, nghề nghiệp như vậy".

Nhóm sáu Tỳ-kheo sau đó có việc hiềm khích, liền nói như sau: "Ngươi thuộc dòng họ rất hạ tiện. Ngươi là loại Chiên-đà-la, là kẻ hớt tóc, là thợ dệt, là thợ làm đồ gốm, là thợ làm da".

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi nghe những lời nói ấy, rất lấy làm hổ thẹn. Các Tỳ-kheo nghe sự việc ấy, bèn đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi: "Có thật các ông dùng những lời nhã nhặn, dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi, rồi sau đó hiềm khích, liền nói v.v... (cho đến) là thợ gốm, thợ da phải không?".

Họ đáp: "Có thật như vậy".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, vì sao đối với những người phạm hạnh mà lại phân biệt nói về hình tướng chủng loại? (như trong kinh Nan-đề-bản-sinh đã nói rõ). Cho đến Phật nó với các Tỳ-kheo: "Loài súc sinh còn ghét sự hủy báng, huống chi là người".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nói về hình tướng chủng loại, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Hủy báng về chủng loại: Gồm có bảy thứ: Chủng tánh, nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kiết sử.

1. *Chủng tánh:* Gồm có ba: Bậc hạ, trung, thượng.

- Bậc hạ: Như nói: "Người là hạng người Chiên-đa-la, là thợ hớt tóc, thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da". Nếu nói như vậy làm cho họ xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Cha mẹ ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bậc hạ.

- Bậc trung: Như nói: "Các ngươi thuộc chủng tánh trung lưu". Nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Cha mẹ của ngươi thuộc dòng dõi trung lưu", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi thuộc dòng dõi trung lưu", khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi thuộc dòng dõi trung lưu", khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc trung.

- Bậc thượng: Như nói với người kia: "Ngươi là dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn", khiến cho họ xấu hổ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Cha mẹ của ngươi là dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn", nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Hòa Thương, A-xà-lê của ngươi thuộc dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn", nói như vậy là muốn cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi thuộc dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn", khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là bậc thượng của chủng tánh.

- Nghiệp: Gồm có ba loại: Hạ, trung và thượng.

- Hạ nghiệp: Chẳng hạn nói: "Ngươi là tên đồ tể, là kẻ bán heo, là kẻ chài lưới, săn bắn, là kẻ rập chim, là kẻ giăng lưới, là quân giữ thành, là kẻ bán nem", nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng thế. Hoặc nói: "Hòa thượng, xà-lê của ngươi là quân đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem", thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi là tên đồ tể, (cho đến) là kẻ bán nem", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hạ nghiệp.

- Trung nghiệp: Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ bán hương, là kẻ ngồi quán xá, là kẻ làm ruộng, là kẻ trồng rau, là người sứ giả", nói như vậy vì muốn làm cho người ta xấu hổ, thì phạm tội Thâu-lan-

giá; về cha mẹ cũng như vậy. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi…", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Bạn bè quen biết của ngươi…" (326a) khiến cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là trung nghiệp.

- Thượng nghiệp: Nếu nói: "Ngươi là người ở nhà vàng, bạc, ma ni, nhà đồng", nói như thế là muốn cho người ấy xấu hổ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, cũng như vậy. Nếu nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là thượng nghiệp.

2. *Tướng mạo*: Gồm có hạ, trung, thượng.

- Bậc hạ: Nếu nói: "Ngươi là kẻ mắt mù, lưng gù, chân tay cán giá giống như cánh chim, đầu ngoẹo, răng khểnh", nói như thế khiến cho người ấy hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, cũng như vậy. Nếu nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói về bạn bè quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bậc hạ của tướng mạo.

- Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Ngươi rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về bạn bè quen biết

thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bậc trung.

- Bậc thượng: Nếu nói: "Ngươi có ba mươi hai tướng viên mãn, sáng sủa, màu vàng", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê cũng như vậy. Nếu nói về bạn bè, quen biết thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Đó gọi là tướng mạo bậc thượng.

3. *Bệnh:* Không có hạ, trung, thượng mà tất cả đều gọi là bậc hạ. Chẳng hạn nói: "Các ngươi bị bệnh ghẻ lở, bệnh hoang đãng, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh da vàng, bệnh sốt rét, bệnh còi, bệnh điên cuồng"; nói các bệnh như thế khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về bạn hữu quen biết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bệnh.

4. *Tội:* Không có thượng, trung, hạ, mà tất cả tội đều được gọi là hạ. Nếu như nói: "Ngươi phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni", nói như vậy khiến cho người kia hổ thẹn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ cũng vậy. Nếu nói về Hòa thượng, A-xà-lê, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về bạn bè thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội.

5. *Mắng:* Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả

sự mắng đều thuộc về hạ. Mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế tục như: "Dâm dật, ô uế…", khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Mắng cha mẹ cũng vậy. Mắng Hòa thượng, A-xà-lê phạm tội Thâu-lan-giá. Mắng bạn bè quen biết phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắng.

6. *Kiết sử:* Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều thuộc về loại hạ. Nếu nói: "Ngươi là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, như ngỗng trắng, như chim cú", nói những lời như vậy khiến cho người kia xấu hổ, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ cũng như vậy. Nói về Hòa thượng, A-xà-lê thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nói về bạn hữu tri thức, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo dùng nhưng lời dèm pha hủy báng về bảy phương diện trên thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu hủy báng Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan; hủy báng Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hủy báng người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

3. GIỚI NÓI ĐỂ LY GIÁN KẺ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo tìm cách dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo tuổi trẻ: "Ngươi có biết nghề nghiệp, dòng dõi của cha mẹ Tỳ-kheo Mỗ giáp kia không?".

Các Tỳ-kheo trẻ tuổi ấy tính tình chất trực, tùy việc mà đáp. Về sau, khi nổi giận, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: "Ngươi là Chiên-đà-la, là thợ hớt tóc, là thợ dệt, thợ đồ gốm, thợ làm da".

Nói thế rồi, lại bảo: "Ta vốn không biết mà do Tỳ-kheo Mỗ giáp kia nói về ngươi như vậy".

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, rất lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Có thật các ông dụ dỗ hỏi các Tỳ-kheo trẻ tuổi (cho đến) Tỳ-kheo kia xấu hổ không?".

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

- Vì sao các ông lại làm như vậy?

- Chúng con làm việc đó vì thấy thích thú.

Này những kẻ ngu si! Đó là việc xấu, đối với bậc phạm hạnh mà nói hai lưỡi. Đấy là việc khổ mà bảo là vui.

Phật dùng vô số phương tiện khiển trách rồi, bèn nói về nhân duyên, như trong kinh Bản Sinh ba con thú đã nói rõ. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

- Nói hai lưỡi: Gồm có bảy loại, đó là chủng tánh, nghề nghiệp, tướng mạo, bệnh, tội, mắng, kiết sử.

1. *Chủng tánh:* Gồm có hạ, trung, thượng.

- Bậc hạ: Như nói: "Ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da". Lại nói: "Ai có biết ngươi đâu, chính là Mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là mong kẻ ấy lìa bỏ người kia và thân thiện với mình. Dù họ rời nhau, hoặc không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Cha mẹ của ngươi là Chiên-đà-la, (cho đến) là thợ làm da". Lại nói: "Ai có biết ngươi đâu, chính là do Tỳ-kheo Mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là mong kẻ ấy rời bỏ người kia để thân thiện với mình. Nếu họ rời nhau hay không rời nhau đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê của ngươi là Chiên-đà-la (cho đến) là thợ làm da", cũng phạm Ba-dạ-đề. Nói về bạn hữu tri thức, cũng như vậy. Đó gọi là bậc hạ.

- Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Trưởng lão, ngài thuộc dòng dõi trung lưu, thuộc dòng dõi binh sĩ, dòng dõi ca kỹ", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, chính là do Mỗ giáp kia nói đó", với suy nghĩ là muốn cho người này lìa bỏ người kia, để trở về với mình. Dù họ chia lìa nhau hay không chia lìa đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

- Bậc thượng: Nếu nói: "Trưởng lão, ngài là dòng dõi Sát-lợi, Bà-la-môn". Lại nói: "Tôi đâu có biết thầy, đó là do Mỗ giáp kia nói", với suy nghĩ là muốn cho người ấy bỏ người kia để về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về chủng tánh.

2. *Nghề nghiệp:* Gồm có hạ, trung, thượng.

Bậc hạ: Chẳng hạn nói: "Ngươi làm nghề đồ tể, (cho đến) làm nghề bán nem", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với mong muốn người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

Bậc trung: Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ bán hương, là người buôn bán, (cho đến) là người đưa tin", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc trung.

Bậc thượng: Chẳng hạn nói: "Ngươi ở cửa hàng vàng, bạc, (cho đến) ở cửa hàng đồ đồng", lại bảo:

"Tôi đâu có biết ông mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ lìa nhau hay không lìa nhau, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về nghề nghiệp.

3. *Tướng mạo:* Gồm có hạ, trung, thượng.

- Bậc hạ: Nếu nói: "Ông là kẻ mù lòa (cho đến) là kẻ răng khểnh", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy, với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc hạ.

- Bậc trung: Nếu nói: "Ông rất đen, rất trắng, rất vàng, rất đỏ", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu quen biết, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó là bậc trung.

- Bậc thượng: Chẳng hạn nói: "Ông có ba mươi hai tướng viên mãn, sáng rỡ sắc vàng", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia hướng về mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nói về cha mẹ, Hòa thượng,

A-xà-lê, bạn hữu tri thức, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bậc thượng thuộc về tướng mạo.

4. *Bệnh:* Không có hạ, trung, thượng mà tất cả bệnh đều là hạ. Chẳng hạn nói: "Ông bị ghẻ lở, (cho đến) bị điên cuồng", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông, mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

5. *Tội:* Không có hạ, trung, thượng mà tất cả tội đều thuộc về hạ. Chẳng hạn nói: "Ông phạm Ba-la-di, (cho đến) phạm tội Việt-tỳ-ni", rồi bảo: "Tôi đâu có biết ông mà do Mỗ giáp kia nói". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, trở về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề.

6. *Mắng*: Không có hạ, trung, thượng mà tất cả sự mắng đều gọi là hạ. Nếu mắng nhiếc những lời ác độc theo kiểu thế gian, như: "Dâm dục, ô uế, xấu xa", thì dù họ có lìa nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu mắng cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức của người ấy, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mắng.

7. *Kiết sử:* Không có hạ, trung, thượng, mà tất cả kiết sử đều gọi là hạ. Chẳng hạn nói: "Ngươi là kẻ ngu si, ám độn, vô tri, giống như cục đất, như con dê, như ngỗng trắng, như chim cú", nói những lời như vậy, rồi bảo: "Tôi đâu có biết ngươi mà do Mỗ giáp kia nói đó". Nói như vậy với hy vọng người này lìa bỏ người kia, hướng về với mình. Dù họ có lìa bỏ nhau hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về cha mẹ, Hòa thượng, A-xà-lê, bạn hữu tri thức, cũng đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo, thì phạm Ba-dạ-đề; nói hai lưỡi đối với Tỳ-kheo-ni, phạm tội Thâu-lan-giá; đối với Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, phạm tội Việt-tỳ-ni; đối với người thế tục, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

4. GIỚI KHƠI LẠI SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết chúng Tăng như pháp, như luật diệt trừ sự tranh chấp rồi, liền nói:

- Việc ấy chưa xong, phải xử đoán lại.

- Nhóm sáu Tỳ-kheo nói những lời ấy xong, sự tranh chấp liền khởi lên trở lại, chư Tăng sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo

đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

- Có thật các ông biết chúng Tăng như pháp, như luật dập tắt sự tranh chấp rồi, bèn làm cho phát sinh trở lại phải không?

- Có thật như vậy.

- Vì sao như thế?

- Chúng con tạo ra sự việc ấy là vì thấy thích thú.

- Này những kẻ ngu si, làm não loạn các bậc phạm hạnh, đó là việc ác, vì sao lại cho là vui? Các ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi những người phạm hạnh thường có tâm từ bi, thân khẩu từ bi hay sao? Do đó, cần phải tôn kính họ. Nay vì sao các ông lại làm việc ác như thế?. Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã như pháp, như luật dập tắt sự tranh cãi rồi mà làm phát sinh trở lại, nói: Việc Yết-ma ấy chưa xong, phải làm lại, chỉ vì lý do như vậy, chứ không có gì khác, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

(Một số từ đã được giải thích ở trước) Sự tranh cãi: Gồm có bốn việc:

1. Sự tranh cãi về lời nói.
2. Sự tranh cãi do hủy báng.
3. Sự tranh cãi về tội phạm.
4. Sự tranh cãi về những việc thường làm.

Dập tắt sự tranh cãi đúng pháp đúng luật: Trong bảy cách dập tắt sự tranh cãi nhất nhất đều đã dập tắt đúng pháp, đúng luật, rồi làm phát sinh trở lại mà không có lý do nào chính đáng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Bốn sự tranh cãi:

1. Sự tranh cãi về lời nói.
2. Sự tranh cãi do hủy báng.
3. Sự tranh cãi về tội phạm.
4. Sự tranh cãi về những việc thường làm.

Sự tranh cãi về lời nói, dùng ba pháp Tỳ-ni (nguyên tắc) mỗi mỗi diệt trừ. Ba pháp đó là gì? Đó là: Dùng Hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Đa mích Tỳ-ni để diệt trừ; dùng Bố thảo (rải cỏ) Tỳ-ni để diệt trừ.

1. *Hiện tiền Tỳ-ni:* Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di tranh chấp nhau, những người cùng sống một chỗ không hòa hợp. Pháp họ bảo là phi pháp; luật bảo là phi luật; tội bảo gọi là không phải tội; tội nặng, tội nhẹ; có thể trị, không thể trị; đúng pháp Yết-ma, phi pháp

Yết-ma; Yết-ma có hòa hợp, Yết-ma không hòa hợp; nên làm, không nên làm. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ngồi trong ấy nói như sau: "Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với Ưu-ba-đề-xá (luận). Trái với kinh, luật, luận, sinh khởi các sự nhiễm ô, lậu-hoặc; như tôi nói mới đúng là pháp, là luật, là lời Phật dạy, tương ứng với kinh, luật, luận không sinh ra nhiễm ô, Lậu-hoặc. Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt sự tranh cãi này. Tôi phải đến thành Xá-vệ, chỗ Thế Tôn, để hỏi về giải pháp dập tắt sự tranh cãi này".

Thế rồi, Tỳ-kheo này đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di tranh chấp nhau, cùng sống một chỗ mà không hòa hợp. Những việc như pháp mà họ bảo là phi pháp, (cho đến) con không thể dập tắt sự tranh chấp ấy, nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về phương pháp dập tắt sự tranh chấp ấy. Cúi xin Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh chấp ấy.

- Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly:

- Ông hãy đến nước Câu-diệm-di dập tắt sự tranh chấp ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc hiện tiền Tỳ-ni. Này Ưu-ba-ly, sự tranh chấp có ba chỗ khởi lên: Hoặc một người, hoặc nhiều người,

hoặc chúng Tăng. Do đó, cũng phải ba chỗ xả, ba chỗ thủ, ba chỗ diệt. Này Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, dập tắt sự tranh chấp ấy như pháp, như luật, theo nguyên tắc hiện tiền Tỳ-ni.

- Tôn giả Ưu-ba-ly bèn bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể dập tắt được sự tranh chấp?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì có thể dập tắt sự tranh chấp. Năm pháp đó là: Biết việc đó là có thật chứ không phải không có thật; làm vì lợi ích chứ chẳng phải không lợi ích; được mọi người tán thành, chứ chẳng phải không được tán thành; làm một cách công bằng chứ không phải không công bằng, hợp thời chứ chẳng phải không hợp thời.

Này Ưu-ba-ly, nếu giải quyết sự việc không hợp thời, thì Tăng hoặc bị phá (bị chia rẽ), hoặc Tăng tranh cãi, hoặc Tăng ly tán. Trái lại, nếu dập tắt sự tranh chấp đúng lúc thì Tăng không bị phá, không tranh cãi, không phân tán. Đó gọi là vị Tỳ-kheo thành tựu năm pháp có thể dập tắt sự tranh chấp, làm cho các vị phạm hạnh thương nhớ, ca ngợi.

Nay ông hãy đi đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di, giải quyết việc ấy như pháp, như luật, theo

nguyên tắc hiện tiền Tỳ-ni.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bèn đảnh lễ chân Thế Tôn, đi tới chỗ Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di, nói:

- Này Trưởng lão, hãy trở về lại chỗ có sự tranh chấp, sinh khởi mà dập tắt ngay tại đó, chứ không giải quyết sự việc ở đây. Vì sao vậy? Vì ở đây chúng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng sống chung, không nên nhiễu loạn họ.

Khi ấy, Tỳ-kheo (sứ giả) của Câu-diệm-di liền bạch với Tôn giả Ưu-ba-ly:

- Thưa Đại đức, nếu tôi có thể dập tắt sự tranh chấp tại đó được thì đã không tới đây. Nguyện xin Tôn giả vì tôi mà đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

Ưu-ba-ly nói:

- Nếu tôi đến đó thì việc gì đáng làm Yết-ma, tôi sẽ làm Yết-ma, việc gì đáng trị phạt thì sẽ trị phạt, hoặc đáng làm Yết-ma hàng phục, Yết-ma không nói, Yết-ma Ma-na-đỏa, Yết-ma A-phù-ha-na, có những lỗi lầm như vậy, như vậy, tôi sẽ làm Yết-ma như vậy, để trị phạt. Khi ấy, các vị chớ nên sinh tâm không vui.

Vị Tỳ-kheo sứ giả ấy liền bạch với Tôn giả Ưu-ba-ly:

- Nếu chúng tôi có những lỗi lầm như vậy, thì sẽ chịu những sự trị phạt như vậy, trong lòng chẳng có gì là không vui.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bèn trở lại chỗ Phật, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Muốn dập tắt sự tranh chấp của các Tỳ-kheo ấy phải dụng tâm như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Muốn dập tắt sự tranh chấp thì trước hết phải trù tính năng lực của bản thân mình, năng lực phước đức, năng lực biện tài và năng lực vô úy và biết rõ sự duyên sinh khởi. Tỳ-kheo trước hết phải tự suy nghĩ xem mình có những khả năng như vậy không. Nếu thấy sự tranh chấp ấy khởi lên chưa lâu; tâm người đó nhu hòa, sự tranh chấp có thể dễ dập tắt, thì Tỳ-kheo này, lúc ấy mới dập tắt sự tranh chấp. Trái lại, nếu tự tư duy thấy mình không có các khả năng trên, sự tranh chấp khởi lên đã lâu, người ấy cang cường, không thể dập tắt nhanh được, thì nên tìm một Tỳ-kheo có đức vọng cùng với mình dập tắt việc ấy. Nếu không có Tỳ-kheo có đức vọng, thì nên tìm một Tỳ-kheo đa văn. Nếu không có Tỳ-kheo đa văn thì nên tìm một Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Nếu không có Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, thì nên tìm một Ưu-bà-tắc có thế lực lớn.

Vị Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy Ưu-bà-tắc rồi, tâm sẽ sinh xấu hổ, thì sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu không có Ưu-bà-tắc như vậy, thì nên nhờ nhà vua, hoặc vị đại thần có thế lực. Khi ấy, Tỳ-kheo tranh chấp kia thấy người hào quý có thế lực như

vậy, thì tâm sinh kính sợ, do đó, sự tranh chấp dễ dập tắt. Nếu sự tranh chấp được dập tắt vào mùa đông, thì nên đem đến chỗ không có giá lạnh, khí hậu ấm áp, một nơi vắng vẻ. Khi Tỳ-kheo khách đến, nên cung cấp lò sưởi. Nếu vào mùa xuân, nên đem đến một nơi mát mẻ, sắp giường ghế dưới gốc cây, trang bị nước lạnh, nước giải khát, nên dùng quạt để quạt. Nếu vào mùa hạ nên đem đến một nơi cao ráo mát mẽ, và cung cấp các thứ cần thiết theo thời. Bấy giờ, nên cử một Tỳ-kheo có khả năng và có trí tuệ, biết rõ nhân duyên sự việc, không khiếp sợ, không tìm lỗi người, không sợ số đông. Nếu có Ưu-bà-tắc đến, nên tán thán công đức làm cho chúng Tăng hòa hợp, lại nói với Ưu-bà-tắc: "Như Đức Thế Tôn nói, một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người khổ não, trời người bất lợi. Một pháp đó là: Phá hoại, làm rối loạn chúng Tăng, đến khi thân hoại mệnh chung sẽ rơi thẳng vào địa ngục".

Lại nữa, này Ưu-bà-tắc, như Đức Thế Tôn nói: "Một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người an lạc, trời người được lợi. Một pháp đó là: Làm cho chúng Tăng hòa hợp, thì sau khi thân hoại mệnh chung sẽ sinh vào cõi thiện, trên cõi trời, hoặc trong cõi người. Như vậy đó Ưu-bà-tắc, muốn được công đức lớn, nên làm cho chúng Tăng hòa hợp".

Khi hai nhóm trình bày, thầy Tỳ-kheo này

(người xử đoán) phải xem xét sự việc cặn kẽ, ghi nhớ từng lời nói, từng câu, từng chữ, từng ý nghĩa. Bấy giờ, trong hội chúng có một Tỳ-kheo không phải Thát-lại-tra (Người hòa giải) mà giả bộ Thát-lại-tra, nói như sau:

- Tôi nghe các Đại đức trước kia nói những lời như vậy mà giờ đây lại nói những lời như vậy là không ăn khớp nhau.

Nếu thấy người này tính tình nhu hòa có thể hàng phục được thì nên nói giữa chúng Tăng như thế này để ông ta hổ thẹn: "Ông là kẻ bất thiện, gây nên việc bất hòa, làm cho chúng Tăng không hòa hợp. Hôm nay vì việc đó mà phải tập trung tại đây". Trái lại, nếu đó là người tính ác, tính ương bướng cố chấp, có thể làm tăng thêm sự tranh chấp, thì nên nói nhỏ nhẹ bằng những lời sau: "Trưởng lão, hôm nay chúng Tăng tập họp là để dập tắt sự tranh chấp, vậy trưởng lão nên hợp tác với tôi để dập tắt sự tranh chấp này". Nếu thấy tâm ý của Tỳ-kheo ấy đã nhu hòa rồi thì bấy giờ vị Tăng đoán sự (người xử đoán) nói với thầy Tỳ-kheo hữu sự thế này: "Giờ ông hãy trình bày sự việc đó".

Rồi Tỳ-kheo ấy nói như sau: "Nay tôi trình bày sự việc này, mong chúng Tăng giải quyết cho tôi đúng pháp, đúng luật".

Bấy giờ, Tỳ-kheo đoán sự nên khiển trách người này bằng những lời sau, để cho ông hổ thẹn:

"Ông là kẻ bất thiện, có chúng Tăng nào lại dùng điều phi pháp, phi luật để giải quyết công việc".

Nếu Tỳ-kheo ấy nói: "Tôi không định nói như thế với chúng Tăng, mong chúng Tăng hãy dạy bảo tôi về những cách thức".

Lúc này, người đoán sự nên dạy ông ta nói thế này: "Nay tôi trình bày nguyên nhân của sự tranh chấp này, tùy theo chúng Tăng chỉ dạy, tôi sẽ phụng hành".

Nếu Tỳ-kheo ấy không theo lời nói mà Tăng chỉ dạy, thì nên nói với ông: "Nếu ông không vâng lời Tăng chỉ dạy, thì tôi sẽ lấy biểu quyết giữa Tăng, đuổi ông ra khỏi chúng".

Nếu Tỳ-kheo ấy vẫn không chịu vâng lời, thì bấy giờ nên bảo một Ưu-bà-tắc hỏi ông ta: "Ông có chịu nghe lời Tăng dạy không? Nếu ông không chịu nghe lời, tôi sẽ áp dụng luật pháp của bạch y đối với ông, đuổi ông ra khỏi thành ấp xóm làng".

Nếu biết sự tranh chấp của Tỳ-kheo ấy là sự tranh chấp nhỏ nhặt, thì Tăng có thể dập tắt sự tranh chấp trước mặt Ưu-bà-tắc. Nếu sự việc ấy bỉ ổi, xấu xa thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi hội chúng, rồi Tăng mới tùy theo sự thật, áp dụng hiện tiền Tỳ-ni mà diệt trừ sự việc ấy đúng pháp, đúng luật, đúng theo kinh giáo.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch

Thế Tôn! Thế nào gọi là dùng hiện tiền Tỳ-ni để dập tắt tranh chấp?".

Phật nói với A-nan: "Này A-nan, những sự tranh cãi của Tỳ-kheo gồm có: Như pháp, phi pháp; như luật, phi luật; tội, chẳng phải tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trừng trị, tội không thể trừng trị; như pháp Yết-ma, phi pháp Yết-ma; hòa hợp Yết-ma, không hòa hợp Yết-ma; Yết-ma nên làm, Yết-ma không nên làm. Này A-nan, nếu có những việc như thế phát sinh, thì nên nhanh chóng tập họp Tăng, tập họp Tăng rồi, kiểm điểm sự việc, như pháp, như luật, như kinh giáo, tùy theo sự thật mà áp dụng hiện tiền Tỳ-ni để diệt trừ. Nếu hội đủ năm điều phi pháp (sau đây) thì không thành hiện tiền Tỳ-ni. Thế nào là năm? Đó là: Bất hiện tiền dữ (giải quyết sự việc không có mặt đương sự); không hỏi; không nhận lỗi; không đúng pháp; giải quyết việc không hòa hợp. Đó gọi là năm điều phi pháp, áp dụng hiện hiền Tỳ-ni nên không thành. Nếu thành tựu năm pháp thì mới thành áp dụng hiện tiền Tỳ-ni. Năm pháp đó là: Có sự hiện diện của đương sự; hỏi; nhận lỗi; đúng pháp; giải quyết sự việc trong sự hòa hợp.

Đó gọi là năm pháp thành tựu áp dụng hiện tiền Tỳ-ni, như vậy đó A-nan, như pháp, như luật, như Phật dạy.

Khi áp dụng hiện tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh chấp rồi, nếu có khách Tỳ-kheo, hoặc Tỳ-kheo ra

đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, hoặc Tỳ-kheo đang ngồi ngủ gục, những Tỳ-kheo này nói như sau: "Yết-ma như vậy là không tốt, trái với Phật, pháp, Tăng giống như trâu dê, Yết-ma bất thiện, Yết-ma không thành tựu". Này A-nan, do nói như thế mà sự tranh chấp khởi lên trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tướng ngôn tránh (sự tranh cãi do những lời bắt bẻ).

Dùng hiện tiền Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi do hủy báng: Nếu Tỳ-kheo không thấy, không nghe, không nghi Tỳ-kheo khác phạm năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà dùng năm thiên tội ấy hủy báng, đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng. Trong trường hợp này nên dùng hai pháp Tỳ-ni là "Ức niệm Tỳ-ni" và "Bất-si Tỳ-ni" để dập tắt.

2. *Ức niệm Tỳ-ni:* Khi Phật an trú tại thành Vương xá, Tỳ-kheo-ni Từ Địa làm điều phi phạm hạnh, bị mang thai, bèn đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo nói như sau: "Tôi làm việc phi phạm hạnh, nay bị mang thai, Tôn giả có hiềm thù với ai, tôi sẽ vu cáo họ giúp cho".

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Lành thay này chị em, nay muốn làm việc lợi ích cho chúng tôi. Này chị em, Đà-phiêu-ma-tử là kẻ thù suốt đời của chúng tôi, đã cho chúng tôi phòng ở dột nát, cung cấp mền gối không tốt, và thức ăn uống thô xấu. Nếu người

này còn sống lâu trong nếp sống phạm hạnh, thì chúng tôi còn chịu khổ dài dài. Cô hãy chờ ngày chay, khi đại chúng thuyết pháp, rồi cô đến giữa đại chúng tố cáo Tỳ-kheo ấy đã làm điều phi phạm hạnh (đã giao hợp) với cô".

Cô ấy đáp: "Tôi sẽ làm như lời Tôn giả dạy".

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni ấy, vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm lúc đại chúng thuyết pháp, bèn đến trước chúng, nói như sau: "Này Tôn giả Đà-phiêu, hãy sắm các thức ẩm thực như sữa, dầu, nếp v.v... và sửa chữa phòng ốc, tìm người hộ sinh giúp cho tôi, vì tôi sắp đến lúc sinh nở".

Trưởng lão Đà-phiêu đáp: "Này cô, cô hãy tự biết, tôi không có việc ấy".

Tỳ-kheo-ni Từ Địa lại nói: "Kỳ quái! Kỳ quái! Ông là kẻ trượng phu (nhân tình của tôi) sớm đi, tối đến, cùng với tôi chăn gối, mà giờ đây lại nói: "Tôi không có việc ấy". Chớ có nhiều lời, hãy sắm cho tôi các thứ sữa, dầu v.v... Vì giờ sinh nở của tôi đã đến".

Trưởng lão lại nói: "Cô tự biết lấy. Tôi không có việc đó", nói như thế ba lần, rồi bỏ đi.

Khi ấy, trong dân chúng, những người không tin Tam bảo thì liền suy nghĩ: "Hai người này đều còn trẻ tuổi, ắt có việc đó". Còn những người có ít lòng tin thì đều sinh nghi ngờ: "Chẳng biết có hay không". Trái lại, những người có lòng tin kiên cố,

thì nói: "Tôn giả này đã diệt xong ba độc, pháp ác đã đoạn tận vĩnh viễn, không thể có việc ấy".

Bấy giờ, những tiếng xấu về Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, ở chỗ kín đáo cũng nghe, ở chỗ nhiều người cũng nghe, ở giữa chúng Tăng cũng nghe. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

- Này các Tỳ-kheo, những tiếng xấu đồn về Đà-phiêu-ma-la-tử làm điều phi phạm hạnh được truyền đi khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ba lần, ở chỗ đông người hỏi ba lần, ở giữa chúng Tăng hỏi ba lần. Tại chỗ kín đáo nên hỏi như sau: "Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế đó, thầy có biết chăng?". Nếu lúc ấy, Trưởng lão nói: "Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy, rồi lại hỏi ở giữa chúng Tăng: "Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử, Tỳ-kheo-ni Từ Địa đã nói như thế, thầy có biết việc đó không?". Nếu đáp: "Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy".

(Sau khi đã làm theo lời Phật dạy) Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử đã được hỏi ở chỗ kín đáo ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần,

ở giữa chúng Tăng ba lần, ông đều nói: "Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa".

Khi ấy, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ông Đà-phiêu-ma-la-tử này thanh tịnh, không có tội. Còn Tỳ-kheo-ni Từ Địa tự nói mình phạm tội thì phải khu xuất".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở tại thành Vương xá hiềm trách Thế Tôn như sau: "Xem ra việc xử đoán ấy không công bằng. Cả hai người đều phạm tội, vì sao lại giữ Tỳ-kheo, đuổi Tỳ-kheo-ni! Nếu cùng có tội thì cùng đuổi, nếu không có tội thì đều giữ lại. Vì sao Thế Tôn lại đuổi một, giữ một?"

Các Tỳ-kheo liền đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan: "Ông đi gọi các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương xá đến cả đây".

Thế rồi, A-nan vâng lời Thế Tôn, đi đến chỗ các Tỳ-kheo-ni nói như sau: "Này các chị em, Đức Thế Tôn cho gọi các vị".

Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni nói với Tôn giả A-nan: "Chúng tôi chẳng có duyên sự gì ở chỗ Thế Tôn, vì sao lại gọi đến? Nếu có sự duyên thì không gọi, chúng tôi cũng đến. Tôn giả hãy trở về. Chúng tôi không có duyên sự nên không thể đến".

Bấy giờ, A-nan bèn suy nghĩ: "Đây thật là điều lạ lùng! Nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia hành đạo, thế mà vì sao đối với Phật không

khởi tâm kính trọng, không vâng theo mệnh lệnh?". Thế rồi, A-nan trở về lại chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo A-nan: "Ông hãy đến nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá: Các ngươi có lỗi, Thế Tôn ra lệnh cho các ngươi ra đi, không được ở đây".

A-nan vâng lời dạy, liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói như sau: "Này các chị em, các ngươi có lỗi, Đức Thế Tôn ra lệnh các ngươi phải đi, không được ở đây nữa".

Các Tỳ-kheo-ni trả lời Tôn giả A-nan: "Chúng tôi không có duyên sự gì ở ngoài thành nên không đi đâu hết, nếu có duyên sự thì không cần ra lệnh cũng tự ra đi".

Lúc này, A-nan suy nghĩ: "Thực là lạ kỳ, nhờ ân đức của Thế Tôn mà được xuất gia tu hành, vì sao đối với Phật lại không có tâm kính trọng, bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi".

Thế rồi, A-nan bèn trở về chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đem sự tình ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan: "Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở các thành ấp thôn xóm nếu bảo đến không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai phải tự mình đi lánh (nạn). A-nan, ông hãy lấy y Tăng-già-lê đưa đây".

Khi ấy, Tôn giả A-nan bèn trao y Tăng-già-lê cho Thế Tôn. Thế rồi, vào giữa trưa, Thế Tôn không nói với các Tỳ-kheo Tăng, chỉ đem theo A-nan, đi qua thôn xóm có cư sĩ Ngũ Thông, hướng về thành Xá-vệ. Bấy giờ, vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy, sau khi sát hại phụ vương, ôm lòng ưu sầu cực độ, hằng ngày thường đến Thế Tôn sám hối ba lần, vào bình minh, giữa trưa và buổi chiều. Ông sám hối sớm mai rồi giữa trưa lại đến mà không thấy Thế Tôn, bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Thế Tôn đang ở đâu?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Thế Tôn đã đi rồi".

Nhà vua nói: "Đức Thế Tôn mỗi lần đi đâu một tháng, nửa tháng đều nói với tôi. Nay vì nhân duyên gì mà im lặng ra đi?".

Khi ấy, các Tỳ-kheo đã nghe được Phật nói, bèn đáp: "Thưa đại vương, các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá không vâng theo mệnh lệnh của Thế Tôn, gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi, như thế đó đại vương có biết không, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đối với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đang sống tại các thành ấp xóm làng nếu bảo đến mà không đến, khiến đi cũng không đi, thì Như Lai bèn tự mình đi ẩn lánh. Ngày nay các Tỳ-kheo-ni tại thành Vương xá không vâng theo lời Phật dạy, vì vậy Thế Tôn im lặng mà đi".

Nhà vua nghe lời trình bày, cực kỳ giận dữ, bèn

ra lệnh cho các quan: "Hiện giờ trong lãnh thổ của ta có bao nhiêu Tỳ-kheo-ni phải đuổi đi tất cả".

Khi ấy, có vị quan trí tuệ liền can nhà vua: "Không phải tất cả Tỳ-kheo-ni trong lãnh thổ đều có lỗi, mà chỉ có Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá trái lời dạy của Thế Tôn mà thôi".

Nhà vua bèn chấp nhận lời can của vị đại thần, ra lệnh quan Hữu ty đuổi các Tỳ-kheo-ni tại thành Vương xá đi. Lúc ấy, quân lính bèn cầm cây gậy đất đá ngói gạch, đánh ném các Tỳ-kheo-ni, đuổi ra khỏi kinh thành, dùng những lời trách cứ thế này: "Các ngươi là những kẻ tệ ác, nhờ ân đức của Thế Tôn mới được xuất gia tu hành, thế mà không biết cung kính, trái lời Phật dạy, hãy rời khỏi đây nhanh, hỡi những mụ già tệ ác. Vì các ngươi mà chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các ngươi hãy đi nhanh, không được ở đây nữa".

Bấy giờ, tại các thôn làng, dân chúng thấy sự kiện như vậy, đều từ xa mắng: "(cho đến) khiến chúng ta không gặp Thế Tôn, không nghe chánh pháp. Các ngươi hãy ra đi nhanh, không được ở đây nữa".

Khi ấy, Ưu-đà-di cũng cầm gậy xua đuổi các Tỳ-kheo-ni, và cũng trách cứ những lời như trên. Nhà vua bèn ra lệnh cho các quan: "Các ngươi thấy Tỳ-kheo-ni nào đi theo Đức Thế Tôn thì phải tìm

cách bảo vệ họ, để cho họ được yên ổn. Nếu họ đi về hướng khác thì tùy ý họ, không cần phải bảo vệ".

Khi các Tỳ-kheo-ni ra khỏi thành rồi, người nào cũng đều nói: "Nếu chúng ta đi tới những phương khác thì ở đâu cũng đều bị xua đuổi, không có chỗ nào ở được. Vậy, giờ đây chúng ta nên đi theo sau Đức

Thế Tôn".

Do vậy, nơi nào Đức Thế Tôn buổi sớm ra đi, thì các Tỳ-kheo-ni buổi chiều tới đó. Như vậy ở trên đường đi thường cách nhau một ngày.

Bấy giờ, Thế Tôn vì muốn hóa độ nên đi qua xóm làng có cư sĩ Ngũ Thông hướng về thành Xá-vệ. Cư sĩ Ngũ Thông theo lệ thường hễ nghe Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tới thì đi cách một do-tuần đón rước và dâng các thức cúng dường. Lúc này, ông nghe các Tỳ-kheo-ni kia sắp đến, liền nhập định quan sát xem các Tỳ-kheo-ni vì nhân duyên gì mà đến. Quán sát rồi, ông thấy rằng các Tỳ-kheo-ni ấy tất cả đều có lỗi, đều bị trị phạt đuổi đi, chưa được giải tội, chẳng phải là khí cụ thanh tịnh, không có phần nào thánh pháp. Quán sát thấy thế nên ông không đến nghênh đón và dâng các thức cúng dường. Các Tỳ-kheo-ni lần lượt hỏi thăm, bèn tìm đến được nhà ông, nói: "Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá nay đang ở ngoài cửa, xin báo cho cư sĩ

biết".

Cư sĩ bèn ra lệnh cho những người giúp việc giao cho (các Tỳ-kheo-ni) nhà dột, mền gối rách nát, không cung cấp nước nóng, nước rửa chân và dầu thoa chân, cũng không cho nước uống phi thời, cũng không hỏi thăm, an ủi, ban đêm không thắp đèn, sáng sớm không cung cấp tăm xỉa răng và nước sạch, và đưa cho các thứ ẩm thực thô sơ. Họ ăn rồi, liền bảo đi nhanh.

Các Tỳ-kheo-ni rời khỏi nhà ông rồi liền bảo nhau: "Tôi nghe nói ông cư sĩ này thường có tín tâm, cung kính cúng dường chúng Tăng, nhưng nay xem ra thì không có lòng kính tín".

Trong số họ, có một Tỳ-kheo-ni bảo với mọi người: "Thôi im đi các dì! Hãy tự quán sát chính mình. Chúng ta đã trái lời dạy của Thế Tôn, được cúng dường như thế là quá lắm rồi".

Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni dần dần đi tới, đến thành Xá-vệ, tới chỗ A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với A-nan: "Chúng tôi muốn được yết kiến Thế tôn để đảnh lễ thăm hỏi, mong Tôn giả hãy vì Tỳ-kheo-ni mà bạch giúp Thế Tôn, xin thương xót hứa cho".

A-nan đáp: "Lành thay này các chị". Liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá muốn đến hầu Thế

Tôn, nếu Thế Tôn cho phép, con sẽ gọi đến".

Phật nói với A-nan: "Ông chớ bảo Tỳ-kheo-ni ở Vương xá đến gặp Ta".

A-nan nói: "Lành thay!".

Rồi lễ Phật, trở lại chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: "Này các chị, Đức Thế Tôn dạy không cho các vị tới".

Rồi thầy xin đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy.

Phật liền nói với A-nan: "Vì sao ông tỏ ra ân cần đối với Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá đến như thế?".

A-nan liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không nghĩ họ là Tỳ-kheo-ni, mà Thế Tôn gọi đến không đến, khiến đi không đi, nhưng vì Thế Tôn đã nhắc đến Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá với một lý do khác. Chính vì Tăng (đoàn) cho nên con mới ân cần".

Phật nói: "Ta cho phép Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá đến đây".

A-nan liền trở về chỗ các Tỳ-kheo-ni, nói: "Các chị được lợi ích rất lớn! Vì Thế Tôn đã cho phép các vị tới hầu".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế rồi, liền khen ngợi: "Lành thay, lành thay A-nan!", rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con bất thiện, dại

dột như trẻ con, không biết ruộng phước, không biết ân tình, chẳng vâng lời Thế Tôn dạy. Nay chúng con đã tự thấy biết tội lỗi. Kính xin Thế Tôn nhận sự hối lỗi của chúng con".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá: "Các ngươi bất thiện, dại dột như trẻ con, không biết ruộng phước, chẳng biết ân tình, Thế Tôn (Ta) gọi đến không đến, khiến đi cũng không đi. Nay các ngươi đã tự thấy lỗi lầm, Ta cho phép các ngươi sám hối. Trong giáo pháp của bậc thánh, ai có thể hối lỗi thì căn lành tăng trưởng. Từ nay trở đi chớ có phạm trở lại".

Nếu Tỳ-kheo Tăng như pháp gọi Tỳ-kheo-ni, thì Tỳ-kheo-ni đúng pháp phải đến liền, nếu không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, Tỳ-kheo Tăng được phép ngăn Tỳ-kheo-ni này Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Tỳ-kheo Tăng như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì cũng như vậy.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni, thì đúng pháp Tỳ-kheo-ni phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, phải ngăn những Tỳ-kheo-ni này Bố-tát, tự tứ, hoặc khi họ đến, thì không cho vào cửa.

Nếu nhiều Tỳ-kheo như pháp gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni cũng như vậy.

Nếu một Tỳ-kheo như pháp gọi Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc gọi một Tỳ-kheo-ni thì Tỳ-kheo-ni đúng pháp phải đến, nếu không đến thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Do đó, cần phải ngăn Tỳ-kheo-ni này Bố-tát, tự tứ, hoặc lúc họ đến thì không cho vào cửa.

Nếu Ni chúng, hoặc nhiều Tỳ-kheo-ni, hoặc một Tỳ-kheo-ni hướng về Tỳ-kheo Tăng, hướng về nhiều Tỳ-kheo, hướng về một Tỳ-kheo sám hối lỗi lầm thì cũng như trong pháp hướng về Phật sám hối lỗi lầm trước kia đã nói rõ.

Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá tùy thuận thuyết pháp, chỉ dạy khiến họ được lợi ích, vui vẻ. Do thế một Tỳ-kheo-ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Phật liền nói với các Tỳ-kheo-ni: "Các ngươi hãy trở về men theo con đường cũ, nếu cư sĩ Ngũ Thông có chỉ bảo điều chi thì hãy thọ trì".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá liền trở về ngang qua thôn Ngũ Thông. Lúc ấy, cư sĩ Ngũ Thông liền nhập định, quán sát thấy các Tỳ-kheo-ni này đã hướng về Phật sám hối, đều được thanh tịnh, thành tựu pháp khí. Thế nên, theo thường lệ, ông ngồi xe ngựa trắng đi một do-tuần nghênh đón, từ xa trông thấy các Tỳ-kheo-ni, bèn xuống xe, đi bộ, trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chấp tay bạch: "Lành thay quý Ni sư, đi đường không vất vả đấy chứ?".

Thế rồi, ông mời các Tỳ-kheo-ni đi trước, ông đi theo sau mà trở về. Khi về đến nhà, ông cung cấp phòng ở và giường nệm ngọa cụ mới đẹp, lại cung cấp nước nóng, nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, buổi tối thắp đèn, an ủi hỏi thăm: "Quý Ni sư hãy nghỉ ngơi yên ổn".

Thế rồi, vào buổi sáng sớm, ông cung cấp tăm xỉa răng, nước rửa mặt và cháo sáng, đến giờ ăn lại dâng các thức ẩm thực thích hợp. Sau khi họ ăn xong, ông trật vai áo bên phải, quỳ gối phải trên đất, chấp tay bạch: "Nay con xin mời quý Ni sư an cư mùa hạ, con sẽ cung cấp các thứ cần thiết như y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc chữa bệnh, và sẽ chỉ bảo cho các cô đọc tụng kinh kệ, chỉ trừ việc Bố-tát, Tự-tứ".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni liền suy nghĩ: "Nay đã đến ngày 12 tháng 4, việc Hạ an cư đã gấp rút, hơn nữa, Đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải lãnh giáo Ngũ Thông cư sĩ". Suy nghĩ thế rồi, họ liền chấp nhận an cư mùa Hạ tại đấy. Và hàng ngày cư sĩ thuyết giảng về bốn niệm xứ cho các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni nghe được pháp đó rồi, thì đầu đêm, cuối đêm tinh cần không biếng nhác, tụ tập thánh đạo, thành tựu quả chứng. Sau khi thọ Tự-tứ xong, các Tỳ-kheo-ni suy nghĩ: "Chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi và trình bày quả chứng". Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bèn hướng về thành Xá-vệ đi đến chỗ A-nan, cúi đầu đảnh lễ

dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Tôn giả A-nan: "Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì các Thanh văn giảng bốn niệm xứ, chúng tôi đầu đêm, cuối đêm tinh tấn không lười biếng, tu tập Thánh đạo, thành tựu quả chứng". Nói như thế rồi họ bèn trở về trú xứ.

Sau khi các Tỳ-kheo-ni đi không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, đem những gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá đã nói, trình bày đầy đủ với Thế Tôn, cho đến việc tu đạo, chứng quả. Sau khi trình bày xong, thầy liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Việc ấy như thế nào xin Thế Tôn giải thích rõ".

Phật liền nói với A-nan: "Đúng như các Tỳ-kheo-ni đã nói chân thật không khác. Tại vì sao? Là vì, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ai có khả năng tu tập bốn niệm xứ một cách tinh cần, thì tất cả đều thành tựu, chứng quả, như trong kinh Tứ Niệm Xứ đã nói rõ".

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá không biết tri ân đối với Thế Tôn? Rồi khi tới thành Xá-vệ, lại đi thẳng đến chỗ A-nan mà không hầu thăm Thế Tôn, khiến cho Ưu-đà-di phải cầm gậy gộc xua đuổi, rồi Tôn giả A-nan ân cần giải cứu, xin Thế Tôn giải thích rõ việc ấy".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các Tỳ-kheo-ni không những ngày nay đối với Ta không biết tri ân, khiến Ưu-đà-di cầm gậy xua đuổi, rồi A-nan ân cần cầu xin Ta giải cứu mà trong đời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bổn Sinh Tượng Vương đã nói rõ".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 13

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong thành có một dâm nữ nhà rất giàu có, của cải thật nhiều, châu báu đủ loại, kho tàng đầy ắp, giữ gìn kiên cố, kẻ trộm rình mò, không làm gì được. Lúc ấy, tên chúa đảng cướp nghĩ được kế hay, bèn sai sứ giả đến nói với dâm nữ: "Đám chúng tôi muốn đến trên hồ kia, mời thêm nhiều cô gái làng chơi nữa, bày ra các thức ẩm thực, rồi tha hồ hưởng lạc. Vậy cô nên trang sức thật đẹp, rồi đến hồ ấy chớ để lượm thượm mà bọn họ chê cười".

Tâm lý của phụ nữ là ưa ganh tỵ, háo thắng, nên cô ta khoác các loại danh y thượng hạng, trang sức trên thân đủ các thứ chuỗi ngọc anh lạc, ánh sáng của chúng chiếu ra chói mắt, rồi đi tới chỗ mà họ đã mời. Lúc ấy, tên tướng cướp bèn khéo léo dụ dỗ đưa cô ta đến một nơi vắng vẻ, kín đáo, rậm rạp.

Dâm nữ liền hỏi: "Trước đây nghe nói có mời các phụ nữ khác, giờ đây họ ở đâu?".

Tên tướng cướp đáp: "Lát nữa họ sẽ đến, ta hãy cùng nhau hoan lạc đã".

Lúc ấy, dâm nữ bèn suy nghĩ: "Giờ đây, xem người này chắc là tướng cướp chứ không gì khác. Vì sao mà biết? Vì nơi này không phải là chỗ hẹn trước. Vả lại, các phụ nữ kia chắc chắn là không đến, mà mặt trời đã về chiều". Thế rồi, dâm nữ nói: "Tôi muốn trở về nhà".

Tên tướng cướp nói: "Hãy cùng nhau vui chơi đã, có gì đâu mà gấp gáp thế".

Khi ấy, dâm nữ suy nghĩ: "Thế này là hắn định ăn cướp rồi, chắc ta bị hắn làm khốn đốn mất. Ta có sáu mươi bốn diệu thuật giờ chính là lúc phải áp dụng, nếu không áp dụng thì làm sao thoát nạn". Thế rồi, cô ta giả vờ hiện ra vẻ ủy mị yêu thương, cùng chén tạc chén thù với tên tướng cướp, mình uống cầm chừng, mời hắn cạn chén, bên ngoài ra vẻ ân cần thân thiết trìu mến, nhưng trong lòng giữ một khoảng cách, khiến cho tâm hồn của tên cướp say đắm hoan lạc, không nghi ngờ gì nữa.

Lúc ấy, tên tướng cướp một mình dìu dâm nữ tới một chỗ kín đáo thì hơi men phát tác, say túy lý không còn hay biết gì nữa. Dâm nữ bèn từ từ thoát ra khỏi vòng tay của tướng cướp, lấy y phục mặc vào, rồi đi tới thành Xá-vệ, nhưng cửa thành đã

đóng. Cô bèn đi về phía Tinh xá Kỳ-hoàn, thì cửa tu viện cũng đã đóng. Khi ấy, ở bên ngoài cửa có một Trưởng lão Tỳ-kheo tên Ca-lô đang trải giường dây mà ngồi tại một chỗ khuất, cách cổng chùa không xa. Y của thầy phủ xuống bốn phía giường. Vì trong cơn sợ hãi, cần tìm chỗ an ổn nên dâm nữ này bèn chui vào dưới giường trưởng lão. Nhưng Ca-lô lúc ấy đang nhập định không quan sát dưới giường. Sau lúc nửa đêm, tên tướng cướp tỉnh rượu, định lột đồ của dâm nữ, nhưng tìm cô ta không thấy. Hắn bèn hỏi chúng bạn: "Các ngươi có thấy cô gái ấy không?". Chúng đều đáp: "Không thấy". Thế rồi, cả đám đều cầm đuốc đi tìm, nhưng tuyệt nhiên không biết cô ta ở đâu. Chúng bèn bảo nhau: "Nếu tìm không được thì hãy theo vết chân". Thế là chúng men theo dấu chân tìm đến cửa thành Xá-vệ, thì thấy cửa thành đóng, bèn theo dấu chân đến trước cửa Kỳ-hoàn, lại cũng mất dấu vết, không biết đi về phương nào. Đám cướp tuy thấy Tỳ-kheo nhưng không có bụng nghi ngờ. Bấy giờ, trời sắp hừng đông, trong thành Xá-vệ đã có tiếng trống đánh, lại nghe tiếng voi ngựa gà chó, cho nên tên tướng cướp bèn bàn với đồng nhóm: "Giờ đây đã mất cô ấy, không biết ở đâu, trời lại sắp sáng, không nên ở lâu nơi đây mà phải trở lại chỗ ẩn núp trong rừng". Bàn bạc thế rồi, chúng bèn trở lại trong rừng. Khi ấy, trời sáng, dân chúng, voi ngựa, xe cộ từ trong thành đi ra, lại có các Ưu-bà-di cũng

rời khỏi thành đi thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn. Thế rồi, họ sang đảnh lễ Tỳ-kheo Ca-lô, bỗng thấy dâm nữ kia từ dưới giường chui ra. Mọi người thấy thế, liền chê trách, nói: "Đây là nơi A-luyện-nhã, vì sao kẻ nạp y khất thực lại ngủ chung với dâm nữ suốt đêm, đến sáng mới thả đi, mất hết phép tắc Sa-môn, có đạo nào như thế".

Lúc ấy, tiếng xấu về Trưởng lão Đà-phiêu-ma-la-tử Ca-lô Tỳ-kheo được loan truyền khắp nơi. Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Này các Tỳ-kheo, tiếng xấu về Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô làm điều phi phạm hạnh được loan truyền khắp nơi, vậy các ông phải đến chỗ kín đáo hỏi ông ba lần, đến chỗ đông người hỏi ba lần, rồi hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi ở chỗ kín đáo nên hỏi như sau: "Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô, các vị phạm hạnh nói như thế, việc đó Thầy có biết không?". Nếu ông ta đáp: "Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. Rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy".

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy đã được hỏi ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Nhưng thầy tự nói: "Không biết tôi có làm hay không cũng không nhớ nữa".

Bấy giờ, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô ấy thanh tịnh, không có tội. Tăng nên cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), cùng sống thanh tịnh. Khi làm pháp Yết-ma cầu thính, người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này đã tự nói trước các bậc phạm hạnh như sau: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa". Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt tai tiếng, mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh thì im lặng; ai không bằng lòng thì hãy nói.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi, người xin là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô phải trật vai áo phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối phải trên đất, nói như sau: "Tôi là Tỳ-kheo Đà-phiêu Ca-lô đã nói trước các bậc phạm hạnh như sau: "Tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ nữa". Tôi là Đà-phiêu Ca-lô nay đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, cúi xin Tăng cho tôi pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh" (xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Rồi người làm Yết-ma nên nói thế này:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi Thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa". Nay thầy đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô này được các bậc phạm hạnh hỏi như thế, rồi thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa". Nay thầy đến trước Tăng xin pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh. Các Đại đức nào bằng lòng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng), mà sống thanh tịnh, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần đầu (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Trưởng lão Đà-phiêu Ca-lô pháp ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tai tiếng) mà sống thanh tịnh, vì Tăng đã im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo đã cho Đà-phiêu Ca-lô pháp Ức niệm Tỳ-ni chưa. Các Tỳ-kheo đáp: "Đã cho".

Phật nói: "Này các Tỳ-kheo, có năm trường hợp cho pháp Ức niệm Tỳ-ni phi pháp. Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Không thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho.
2. Thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho.
3. Không kiểm điểm trước.
4. Làm phi pháp.
5. Không hòa hợp.

Đó gọi là năm điều phi pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni.

Trái lại, có năm điều như pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni. Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Thanh tịnh, tưởng là thanh tịnh mà cho.
2. Không thanh tịnh, tưởng là không thanh tịnh mà cho.
3. Có kiểm tra trước.
4. Làm như pháp.
5. Hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp khi cho Ức niệm Tỳ-ni".

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao nàng dâm nữ ấy bị bọn cướp truy đuổi?".

Phật nói: "Không những ngày nay cô ta bị bọn

cướp truy đuổi mà trong thời quá khứ cũng đã từng bị bọn chúng truy đuổi, như trong kinh Oan Gia Bản Sinh đã nói rõ".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân

Phật rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Ức niệm Tỳ-ni?".

Phật nói với A-nan: "Nếu Tỳ-kheo này vu cáo Tỳ-kheo khác phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề Đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, thì phải cấp tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi bèn hỏi Hòa thượng A-xà-lê, bạn hữu tri thức của Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão, thầy có biết Tỳ-kheo Mỗ giáp kia từ trước đến nay là người giới hạnh thế nào không? Ông quen biết với ai? Người quen biết ấy thiện hay ác?". Nếu nói: "Ông ấy từ trước đến nay giữ giới hạnh thanh tịnh, nhưng ông ta cùng với bạn bè quen biết có phạm vài lỗi nhỏ nhặt, mà trong lòng thấy hổ thẹn, liền tức khắc sám hối để tiêu trừ". Người như vậy thì Tăng nên trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi biết Tỳ-kheo ấy từ trước đến nay giới hạnh không thanh tịnh, lại cùng kết bạn với kẻ ác, phạm tội mà không chịu sám hối như pháp". Này A-nan, nếu Tỳ-kheo như vậy thì Tăng không nên trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt (tiếng xấu). Như vậy đó A-nan, khi đã như pháp, như luật trao cho pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi xong rồi, mà có khách

Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo ra đi, hoặc Tỳ-kheo gởi dục, hoặc Tỳ-kheo không gởi dục, hoặc Tỳ-kheo ngồi ngủ gục trong phòng họp, hoặc Tỳ-kheo mới thọ giới, trong các Tỳ-kheo ấy, nếu ai nói: "Làm Yết-ma như vậy không thành tựu, không đúng pháp, ngu si, vô trí, trái với Phật, Pháp, Tăng, giống như trâu dê, pháp Yết-ma ấy bất thiện, không thành". Do nói như vậy khiến cho sự tranh cãi sinh khởi trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Ức niệm Tỳ-ni để dập tắt.

3. Sự tranh cãi do hủy báng dùng pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Tôn giả Kiếp Tân Na có hai đệ tử tùy tùng, một tên là Nan-đề, hai tên là Bát-già-nan-đề. Hai Tỳ-kheo ấy trước kia bị bệnh cuồng si. Khi bệnh, làm nhiều điều phi pháp. Giờ đây bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm của hai người trong lúc cuồng si, khiến cho hai thầy khi nghe những lời ấy rất là xấu hổ. Vì thế, hai thầy bèn đem việc ấy trình bày với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trong khi mắc bệnh cuồng si, làm nhiều điều phi pháp, nay bệnh đã lành mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc hai người đang mắc bệnh cuồng si".

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Các ông hãy hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi giữa chúng Tăng ba lần. Khi hỏi ở chỗ vắng nên nói: "Trưởng lão, các vị phạm hạnh nói như thế, thầy có biết không?". Nếu họ đáp: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa", thì phải hỏi đến lần thứ hai, thứ ba, rồi hỏi ở chỗ nhiều người ba lần, hỏi giữa chúng Tăng ba lần cũng như vậy".

(Sau khi hỏi xong) Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Chúng con đã hỏi họ ở chỗ vắng ba lần, hỏi ở chỗ nhiều người ba lần và hỏi ở giữa chúng Tăng ba lần, nhưng họ tự nói: không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Hai Tỳ-kheo ấy trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa", thì Tăng nên cho họ pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người chấp pháp nên làm pháp Yết-ma cầu thính, xướng:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh còn nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa". Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay

cho phép hai Tỳ-kheo Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)... Các Đại đức đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề đến giữa Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi, Nan-đề, Bát-già-nan-đề phải đến giữa Tăng, trịch vai áo phải, quỳ gối chấp tay xin như sau:

"Tôi là Mỗ giáp, trước kia cuồng si, giờ hết cuồng si, nhưng các vị phạm hạnh nhắc lại những việc cuồng si trước kia mà tôi không biết có làm hay không cũng không nhớ. Nay tôi đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Kính xin Tăng cho tôi pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy)". (Xin như vậy đến lần thứ hai, thứ ba).

Bấy giờ, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Tăng không nói về việc của Thầy. Ai nói về việc của Thầy thì hãy đến bảo họ chớ nói nữa".

Thế rồi, Tỳ-kheo này (cuồng si) nên đến Tỳ-kheo kia (phạm hạnh), nói: "Thưa Trưởng lão, những việc làm trước đây của tôi trong lúc cuồng si, nay tôi không biết là mình có làm hay không cũng không nhớ nữa, xin Trưởng lão chớ nhắc lại những việc làm của tôi trong lúc cuồng si".

Vị Tỳ-kheo ấy nếu chấm dứt thì tốt, nếu không chấm dứt thì nên nói với Hòa-thượng, A-xà-lê và

bạn bè quen biết của ông ta như sau: "Thưa Trưởng lão, đệ tử của ngài và bạn bè tri thức nói về những việc làm của tôi trong lúc cuồng si trước đây. Tôi không biết mình có làm hay không cũng không nhớ nữa. Xin Trưởng lão hãy quở trách vị ấy, bảo chớ có nhắc lại nữa".

Hòa thượng A-xà-lê của vị ấy nên quở trách: "Ngươi bất thiện, không biết giới luật, ngươi không nghe Thế Tôn nói rằng việc làm trong lúc cuồng si tâm loạn không có tội hay sao?".

Người lắm lời kia, nếu nhận (sự quở trách) thì tốt. Khi ấy, Tăng nên làm Yết-ma. Người làm Yết-ma phải xướng như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Trưởng lão Nan-đề, Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si trước kia, rồi các thầy tự nói: "Không biết có làm hay không tôi cũng không nhớ nữa". Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề và Bát-già-nan-đề trước đây cuồng si, giờ hết cuồng si, mà các vị phạm hạnh nhắc lại những việc làm trong lúc cuồng si, rồi họ tự nói: "Không biết có làm hay

không tôi cũng không nhớ nữa". Nay họ đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Nay Tăng cho các vị ấy pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy)

Tăng đã cho Mỗ giáp, Mỗ giáp pháp Bất-si Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Bất-si Tỳ-ni chưa?".

Họ đáp: "Đã cho rồi, bạch Thế Tôn".

Phật nói: "Nếu hội đủ năm phương diện thì thành ra cho pháp Bất-si Tỳ-ni phi pháp. Năm phương diện đó là gì? Đó là:

1. Không si, tưởng là si mà cho.
2. Không thỉnh cầu người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu hòa.
3. Không đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni.
4. Làm phi pháp.
5. Tăng không hòa hợp.

Đó gọi là hội đủ năm điều phi pháp khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Ngoài ra, còn có năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si

Tỳ-ni. năm điều đó là gì? Đó là:

1. Không si, tưởng là không si mà cho.
2. Cầu xin người khơi lên sự việc khiến cho tâm họ nhu hòa.
3. Đến trước Tăng xin pháp Bất-si Tỳ-ni.
4. Làm đúng pháp.
5. Tăng hòa hợp.

Đó gọi là năm điều như pháp thành tựu khi cho pháp Bất-si Tỳ-ni.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch: "Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bất-si Tỳ-ni?".

Phật nói với A-nan: "Có Tỳ-kheo trước cuồng si, nay hết cuồng si mà các vị phạm hạnh nhắc lại việc làm cuồng si trước kia, thì lúc ấy phải gấp rút tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ theo kinh, theo luật, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni. Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, mà cho pháp Bất-si Tỳ-ni để chấm dứt sự hủy báng gây ra tranh cãi. Sau khi xong việc, nếu có Tỳ-kheo khách cho đến những kẻ ngu si vô trí giống như trâu dê làm phát khởi lại sự tranh cãi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Bất-si Tỳ-ni để dập tắt sự hủy báng gây ra tranh cãi".

Sự tranh cãi về tội (tội tránh): Nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo tranh luận nhau về việc phạm tội như Ba-

la-di, cho đến Việt-tỳ-ni, thì trong trường hợp này nên dùng hai loại Tỳ-ni để diệt trừ. Đó là: Tự ngôn Tỳ-ni và Mích tội tướng Tỳ-ni.

4. Tự ngôn Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Huệ mạng La-hầu-la đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ, tuần tự khất thực, khất thực xong trở về Tinh xá. Rồi khi ăn xong, thầy đem y, bát cất lại chỗ cũ, cầm tọa cụ định đến rừng Đắc Nhãn ngồi thiền, thì giữa đường, thầy thấy một Tỳ-kheo làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ. Sau khi bị trông thấy, Tỳ-kheo ác này bèn suy nghĩ: "Con của Phật là La-hầu-la trông thấy ta làm điều phi phạm hạnh, chắc chắn sẽ nói với Thế Tôn. Trong lúc y chưa nói, ta nên đến chỗ Thế Tôn, nói trước về tội lỗi của hắn". Thế rồi, Tỳ-kheo ác ấy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, bạch: "Bạch Thế Tôn! Con trông thấy Tôn giả La-hầu-la khi đi đến rừng Đắc Nhãn, đã làm điều phi pháp với một phụ nữ ở dọc đường". Lúc ấy, Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế còn Tôn giả La-hầu-la , sau khi ngồi thiền bên một gốc cây, bèn xuất thiền, đi đến chỗ Thế Tôn, nhưng không nhớ sự việc của Tỳ-kheo ác, theo thường lệ, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Khi ấy, vì muốn cho La-hầu-la nhớ lại sự việc vừa rồi, Thế Tôn bèn hóa ra Tỳ-kheo ác đứng ngay trước mặt. La-hầu-la thấy rồi, liền gợi lại ký ức, bạch với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con

đi vào rừng, thì trông thấy Tỳ-kheo này đang làm điều phi phạm hạnh với một phụ nữ".

Phật nói: "La-hầu-la, nếu Tỳ-kheo ấy cũng nói thế nầy: Con thấy La-hầu-la làm việc phi phạm hạnh ở giữa đường, thì phải tính sao?".

Tôn giả La-hầu-la bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không có việc đó".

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: "Con không có việc đó, thì phải tính sao?".

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, thì chỉ có Thế Tôn mới hiểu con.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói thế này: "Chỉ có Thế Tôn mới hiểu được việc này của con", thì phải làm sao?

Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự ngôn trị.

Nếu Tỳ-kheo kia cũng nói: "Kính xin Thế Tôn cho con pháp Tự ngôn trị", thì phải tính sao đây?

Nếu như vậy thì xin Thế Tôn cho hai chúng con pháp Tự ngôn trị.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi trình bày rõ với các Tỳ-kheo về sự việc trên. Nói xong, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Cho Tỳ-kheo này pháp Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Vì sao vậy? Vì giá như đời sau có ác Tỳ-kheo hủy báng Tỳ-kheo thanh tịnh rồi Tỳ-kheo thanh tịnh không được pháp Tự ngôn trị, liền bị đuổi đi". Thế rồi, Phật bảo với các Tỳ-kheo: "Có

tám việc phi pháp khi cho pháp Tự ngôn Tỳ-ni. Tám pháp đó là gì? Đó là:

1. Hỏi tội nặng (quan trọng) mà đáp tội nhẹ, song tội nhẹ ấy lại không thật, đó gọi là cho pháp Tự ngôn trị phi pháp.
2. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng.
3. Hỏi tội có dư tàn mà đáp không có dư tàn.
4. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp có dư tàn.
5. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ.
6. Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng.
7. Hỏi tội có dư tàn mà đáp có dư tàn.
8. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn. Nhưng tất cả đều không nói thật tội, đó gọi là phi pháp trao cho Tự ngôn trị.

Trái lại có tám điều như pháp khi trao cho Tự ngôn trị. Tám điều đó là gì? Đó là:

1. Hỏi tội nặng mà đáp tội nhẹ, nhưng thật có tội nhẹ nên đáp tội nhẹ; đó gọi là như pháp trao cho Tự ngôn trị.
2. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nặng.
3. Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn.
4. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội có dư tàn.
5. Hỏi tội nặng mà đáp tội nặng.
6. Hỏi tội nhẹ mà đáp tội nhẹ.

7. Hỏi tội có dư tàn mà đáp tội có dư tàn.

8. Hỏi tội không có dư tàn mà đáp tội không có dư tàn.

Như vậy tất cả đều nói thật.

Đó gọi là tám điều như pháp trao cho Tự ngôn trị.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi là Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi, vậy thế nào là Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi?"

Phật nói với A-nan: "Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo moi móc tội lỗi của nhau, hoặc Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni, này A-nan, lúc ấy nên cấp tốc tập họp Tăng, khi tập họp Tăng rồi, phải căn cứ kinh, luật, lời Phật dạy, tùy theo sự thực của Tỳ-kheo này mà cho pháp Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi. Như vậy đó A-nan, nếu sau khi như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy, dùng Tự-ngôn Tỳ-ni để dập tắt tranh cãi rồi mà có Tỳ-kheo khách cho đến (những người khác) làm phát sinh (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Tự ngôn Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi.

5. Mích-tội-tướng Tỳ-ni: Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Trưởng lão Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên Tăng chúng tập họp định làm pháp Yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không

đến. Tăng bèn sai sứ giả đi gọi. Sứ giả đến nói: "Trưởng lão, Tăng chúng đang tập họp, định làm Yết-ma".

Thi-lợi-da-bà suy nghĩ: "Chính là vì ta mà làm Yết-ma vậy", nên tâm sinh sợ hãi, bất đắc dĩ phải đến.

Các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão phạm Tăng-già-bà-thi-sa phải không?"

Thầy đáp: "Phạm".

Thế rồi, tâm thầy sinh hoan hỷ, suy nghĩ: "Các vị phạm hạnh nêu tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sữa chữa". Nghĩ thế, thầy liền bạch với chúng Tăng: "Cho phép tôi ra ngoài một lát".

Sau đó, các Tỳ-kheo bàn nhau: "Tỳ-kheo này khinh suất, là người không quả quyết, ra ngoài rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối. Chúng ta phải hỏi ông ba lần để xác định cho thật chắc rồi mới làm Yết-ma".

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi, suy nghĩ: "Vì sao ta lại nhận tội này?

Các Tỳ-kheo thường trị tội ta, nay ta không nên nhận tội".

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào. Khi vào rồi họ hỏi thầy: "Có thật ông phạm Tăng-già-bà-thi-sa không?"

Thầy đáp: "Không phạm".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao vừa rồi ở giữa Tăng

ông nhận tội, giờ lại nói không phạm?”.

Thi-lợi-da-bà nói: “Tôi không nhớ việc ấy”.

Các Tỳ-kheo liền đem việc ấy đến bạch với Phật. Phật bèn bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền đem việc đó hỏi kỹ Thi-lợi-da-bà: “Ông có việc đó thật chăng?”

Thầy đáp: “Có thật như vậy”.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Thi-lợi-da-bà này ở giữa chúng Tăng, thấy tội lại nói không thấy, rồi bảo: “Tôi không nhớ”. Vậy Tăng phải trao cho ông pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Người làm Yết-ma nên nói như sau:

“Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: “Tôi không nhớ”. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nên cho Thi-lợi-da-bà Tỳ-kheo pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà ở giữa Tăng, thấy tội thì bảo là không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: “Tôi không nhớ”. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Các Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy) thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-

ma thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy), vì Tăng im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Khi Tăng đã cho pháp Yết-ma Mích tội tướng Tỳ-ni cho Tỳ-kheo ấy xong rồi, thì Tỳ-kheo ấy phải chấp hành tám pháp suốt đời. Tám pháp đó là gì? Đó là:

1. Không được độ người (xuất gia).
2. Không được cho người thọ giới Cụ túc.
3. Không được cho người y chỉ.
4. Không được nhận Tăng mời theo thứ tự.
5. Không được làm sứ giả cho Tăng.
6. Không được làm người thuyết pháp cho chúng Tăng.
7. Không được làm người tụng giới cho chúng Tăng.
8. Không được làm người Bố-tát Yết-ma cho chúng Tăng.

Khi Tăng làm Yết-ma rồi, Tỳ-kheo này suốt đời không được bỏ (pháp Yết-ma ấy). Đó gọi là tám pháp".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Trong luật nói về pháp Mích tội tướng Tỳ-ni, vậy thế nào gọi là Mích tội tướng Tỳ-ni?".

Phật nói với A-nan: "Nếu có Tỳ-kheo nào ở

giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói thấy, rồi tự nói: "Tôi không nhớ", tỏ thái độ khinh mạn, thì phải tức tốc tập họp Tăng. Khi tập họp Tăng rồi, căn cứ vào kinh, luật và tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy mà cho pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt (việc ấy). Sau khi xong việc, Tăng nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Trưởng lão, Ông chẳng được lợi ích gì! Vì sao ở giữa Tăng, thấy tội mà nói không thấy, không thấy lại nói có thấy, rồi tự bảo: "Tôi không nhớ?" Vì Ông đã nói những lời ấy ở giữa Tăng, nên Tăng cho ông pháp Yết-ma Mích tội tướng". Như vậy đó A-nan, đó là như pháp, như luật, như lời Thế Tôn dạy mà cho pháp Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Sau đó, nếu Tỳ-kheo khách hay người nào làm phát sinh sự tranh cãi trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng Mích tội tướng Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi về tội phạm".

Sự tranh cãi về lời nói phải dùng ba pháp Tỳ-ni để dập tắt, trước đã nói về hiện tiền Tỳ-ni rồi.

6. Đa mích Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, thành Xá-vệ, bấy giờ, có hai hội chúng, mỗi hội chúng đều có một thầy (thủ lãnh). Vị thủ lãnh hội chúng thứ nhất tên Thanh Luận, vị thủ lãnh hội chúng thứ hai tên Thiện Thích. Thanh Luận có một đệ tử tùy tùng tên Bạc-khẩu. Thiện Thích có một đệ tử tùy tùng tên Điếm-bạch. Vị thủ lãnh thứ nhất có đệ tử y chỉ tên

Đầu-đầu-già. Vị thủ lãnh thứ hai có đệ tử y chỉ tên Trá-già. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Đầu-ma. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-tắc tên Vô-yên. Vị thứ nhất có đàn-việt là Ưu-đà-già. Vị thứ hai có đàn-việt là cư sĩ Cừ-sư-la. Vị thứ nhất có đệ tử Ưu-bà-di là phu nhân Xá-di. Vị thứ hai có đệ tử Ưu-bà-di là Ma-kiền-đề-nữ, tên A-nậu-ba-ma. Vị thứ nhất có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Tần-đầu-ma-ra. Vị thứ hai có đệ tử thanh y ở hậu cung tên Ba-đà-ma-ra. Mỗi người đều có năm trăm Tỳ-kheo, năm trăm Tỳ-kheo-ni, năm trăm Ưu-bà-tắc, năm trăm Ưu-bà-di.

Vị thủ lãnh thứ nhất khi đi cầu xong, định dội nước, thì thấy trong nước có trùng, liền lấy cỏ để trên thạp nước làm dấu. Người đệ tử y chỉ của vị thủ lãnh thứ hai, sau đó vào cầu tiêu, trông thấy trên thạp nước có cỏ, liền nói: "Kẻ nào mà không biết hổ thẹn, đem cỏ bỏ trên thạp đựng nước".

Người đệ tử tùy tùng của vị thủ lãnh thứ nhất nghe lời nói ấy, liền nói với người đó: "Vì sao ngươi dám bêu rêu tên của Hòa-thượng ta, bảo là kẻ không biết hổ thẹn?".

Do sự kiện này mà bốn chúng đệ tử của hai hội chúng sinh ra tranh cãi dữ dội. Bấy giờ, khắp thành phố Câu-diệm-di đều nghe có tiếng tranh cãi, cả trong ngoài thành đều vang dội kinh động, chẳng khác gì vua chim cánh vàng vào biển bắt rồng, khiến cho nước nổi sóng cuồn cuộn. Sự tranh cãi

nổi lên ồn ào chỉ xung quanh việc cỏ hay không phải cỏ. Vì các Tỳ-kheo tranh chấp nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói, nào là đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; tội nặng, tội nhẹ; tội có thể sữa trị, tội không thể sữa trị; Yết-ma đúng pháp, Yết-ma phi pháp; Yết-ma có hòa hợp, Yết-ma không hòa hợp; việc nên làm, việc không nên làm v.v…

Lúc ấy, tại trú xứ có một Tỳ-kheo nói như sau: "Này các Đại đức, đó là việc phi pháp, phi luật, không phù hợp với kinh, không phù hợp với luật, không phù hợp với luận, trái với kinh, luật, luận, chỉ khởi lên những sự ô nhiễm, phiền não. Những gì tôi biết mới là đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy, phù hợp với Kinh, Luật, Luận, như thế sẽ không sinh ra nhiễm ô, phiền não". Rồi Thầy tiếp: "Này các Đại đức, tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi này, tôi sẽ đến thành Xá-vệ, tới chỗ Thế Tôn, hỏi về cách dập tắt sự tranh cãi này". Thế rồi, thầy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di tranh chấp nhau, cãi vã nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp... (cho đến) con không thể dập tắt được sự tranh cãi, nên con phải đến thưa với Thế Tôn về việc dập tắt sự tranh cãi này. Kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà dập tắt sự tranh cãi này".

Khi ấy, Phật bảo Ưu-ba-ly: "Ông hãy đến chỗ

các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, luật, theo lời Phật dạy mà cho họ pháp Mích tội Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy, như cách giải quyết sự việc

mà các người họ Thích và các người Ly-xa đã áp dụng. Nếu sự việc không thể giải quyết nhanh được thì cũng phải cho pháp Đa mích Tỳ-ni để dập tắt. Này Ưu-ba-ly, sự tranh cãi khởi lên từ ba chỗ: "Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc chúng Tăng". Do đó, cũng phải xả tại ba chỗ, lấy tại ba chỗ và diệt tại ba chỗ. Này Ưu-ba-ly, ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo tại Câu-diệm-di, như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà dập tắt sự tranh cãi ấy theo nguyên tắc Đa mích Tỳ-ni như trường hợp Hiện tiền Tỳ-ni đã nói rõ ở trên, (cho đến) nếu tâm Tỳ-kheo ấy nhu hòa thì Tăng nên biểu quyết theo đa số. Tỳ-kheo nào hội đủ năm pháp thì Tăng nên làm Yết-ma cử người ấy làm người xử đoán. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. không thiên vị.
2. Không sân hận.
3. Không sợ hãi.
4. Không si ám.
5. Biết ai rút thẻ rồi, ai chưa rút thẻ. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp có thể vì chúng Tăng làm

người đưa thẻ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nay Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ. Các Đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người đưa thẻ xong.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc ấy cứ như thế mà thi hành".

Sau khi Yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải làm hai loại thẻ: Một loại màu đen và một loại màu trắng, không được xướng: "Phi pháp lấy thẻ đen, như pháp lấy thẻ trắng", mà nên xướng thế này: "Ai nói thế này thì lấy thẻ đen, ai nói thế này thì lấy thẻ trắng".

Người đưa thẻ khi đưa thẻ phải tập trung tâm ý vào năm pháp kể trên rồi mới đưa thẻ; không nên làm bạn với những kẻ không như pháp, mà nên làm bạn với những kẻ như pháp. Khi đưa thẻ xong đem đếm, nếu thấy phe phi pháp nhiều hơn chừng một thẻ, thì không nên xướng: "Những người phi pháp nhiều, những người như pháp ít", mà nên tạo phương tiện giải tán. Nếu thời điểm bữa ăn trước đã đến thì nên xướng lệnh: "Bữa ăn trước". Nếu

thời điểm bữa ăn sau đã đến, thì nên xướng lệnh: "Bữa ăn sau". Nếu thời điểm tắm rửa đến, thì nên xướng lệnh: "Tắm rửa". Nếu thời điểm thuyết pháp đến, thì nên xướng lệnh: "Thời điểm thuyết pháp đã đến". Nếu giờ tụng luật đã đến thì nên xướng: "Giờ tụng luật đã đến".

Nếu phe phi pháp biết được (sự tình) bèn nói: "Chúng tôi thắng lợi mà vì sao lại giải tán? Giờ đây chúng tôi không đứng dậy, phải giải quyết việc ấy dứt khoát ngay tại chỗ ngồi này", thì lúc ấy nếu bên cạnh Tinh xá có một ngôi nhà nhỏ không có côn trùng, nên sai tịnh nhân phóng hỏa đốt, rồi hô hoán: "Lửa cháy, lửa cháy", liền đứng dậy chạy đi chữa lửa. Hoặc biết tại trú xứ gần đó có Tỳ-kheo như pháp, thì nên đi kêu gọi: "Vừa rồi có phát thẻ vừa xong, nhưng những người phi pháp thì nhiều mà những người như pháp thì ít, Trưởng lão hãy vì pháp Phật mà đến đó làm sao cho những người lấy thẻ như pháp thì nhiều, để cho pháp Phật được tăng trưởng, về phần Trưởng lão cũng được lợi ích, công đức".

Nếu người ấy nghe lời yêu cầu này mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Trái lại, nếu thầy ấy đến thì phải phát thẻ trở lại. Khi phát thẻ xong bèn đem đếm, nếu thấy thẻ trắng nhiều hơn một cái, thì không nên xướng: "Nhiều hơn một cái", mà nên xướng: "Những người nói như thế này nhiều, những người nói như thế kia ít". Xướng như thế

rồi, nên theo phe đa số.

Nếu hội đủ năm pháp sau đây thì sự phát thẻ thành ra phi pháp.

Năm pháp đó là gì? Đó là:

1. Những người nói như pháp thì ít mà những người nói phi pháp thì nhiều.

2. Những người nói như pháp không nhất trí, những người nói phi pháp nhất trí.

3. Phi pháp nói là đúng pháp, đúng pháp nói là phi pháp.

4. Do việc phát thẻ này mà gây ra phá Tăng.

5. Tăng chia rẽ nhau.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái lại năm điều trên thì gọi là sự phát thẻ đúng pháp.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi bạch: "Bạch Thế Tôn! Trong luật dùng Đa mích Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi). Vậy thế nào gọi là dùng Đa mích Tỳ-ni để dập tắt (tranh cãi)?"

Phật nói với A-nan: "Nếu các Tỳ-kheo đối với kinh, luật, oai nghi mà nói: Điều này là tội, là chẳng phải tội; là tội nhẹ, là tội nặng; là tội có thể trị phạt, là tội không thể trị phạt; là tội có dư tàn, là tội không có dư tàn; do đó mà sinh ra cãi vã lẫn nhau, thì lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ theo pháp, luật, lời Phật dạy và tùy theo sự thật mà dập tắt ngay việc ấy. Nếu không thể giải quyết

được, mà nghe ở một trú xứ nào đó có vị Trưởng lão Tỳ-kheo tụng kinh, tụng luật, tụng luận, hoặc một Tỳ-kheo thiếu niên, tụng kinh, tụng luật, tụng luận, thì phải nhanh chóng đến đó vấn kế, hoặc mời về, rồi tùy theo Tỳ-kheo ấy chỉ vẽ mà trao cho pháp Đa mích Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi. Này A-nan, nếu sau khi dập tắt việc ấy rồi mà có Tỳ-kheo khách... cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới, làm phát khởi (sự tranh cãi) trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là Tướng ngôn tránh dùng Đa mích Tỳ-ni để dập tắt".

7. Như thảo bố địa Tỳ-ni diệt tướng ngôn tránh

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di tranh cãi nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Họ nói nào là pháp, phi pháp, luật, phi luật... cho đến Tôn giả Ưu-ba-ly nói với Tỳ-kheo ấy (vị sứ giả): "Này Trưởng lão, tôi đến đó rồi, sẽ làm các pháp Yết-ma để trừng trị, trục xuất các ông. Khi ấy, các ông chớ có buồn".

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả nói: "Tôi muốn ra ngoài một lát". Khi ra ngoài rồi, ông ta suy nghĩ: "Nếu ta theo Tôn giả Ưu-ba-ly trở về, thì ông ấy có thể trị tội chúng ta, chi bằng giờ đây ta trở về Câu-diệm-di một mình, cùng nhau dập tắt sự tranh cãi ấy". Nghĩ thế rồi, thầy trở về Câu-diệm-di, nhưng chung cục vẫn không dập tắt được sự tranh cãi, bèn thưa (với vị Thượng tọa trong trú xứ): "Trưởng lão, bản thân tôi không thể dập tắt được sự tranh cãi

này, nay tôi phải trở lại thành Xá-vệ để cầu viện dập tắt sự tranh cãi". Nói thế rồi, thầy liền đi đến thành Xá-vệ, tới chỗ Tôn giả Ưu-ba-ly, thưa như sau: 'Lành thay Tôn giả, hãy vì các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di mà dập tắt sự tranh cãi".

Ưu-ba-ly bèn nói với Tỳ-kheo ấy: "Như tôi đã nói với Ông trước đây, tùy theo sự việc ở đó mà tôi sẽ làm các pháp Yết-ma để trị phạt, lúc ấy Ông đừng buồn. Tôi sẽ theo ông mà đi".

Tỳ-kheo ấy đáp: "Tôi không dám trái lệnh nữa".

Ưu-ba-ly nói: "Hãy trở lại nơi ấy để dập tắt, chớ làm rối loạn Tăng chúng ở đây".

Thế rồi Tỳ-kheo sứ giả của Câu-diệm-di liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp, họ cãi vã nhau. Kính xin Thế Tôn hãy dập tắt sự tranh cãi ấy".

Phật liền nói với Tỳ-kheo Câu-diệm-di ấy: "Các Ông chớ có tranh chấp cãi vã với nhau, cùng sống một trú xứ mà không hòa hợp. Vì sao vậy? Vì trong thời quá khứ xa xưa có thành tên Ca-tỳ-la, nhà vua tên Bà-la-môn Đạt-đa v.v... như trong kinh Bổn Sinh Trường Thọ Vương đã nói rõ.. Họ bị nước mất nhà tan như vậy, thế mà Thái tử Trường Sinh không trả thù cha, lại còn giải hòa với kẻ thù,

không sinh tâm ác. Nay vì sao các ông đã có lòng tin, xuất gia sống trong chánh pháp mà còn phẫn nộ, tranh cãi, cùng sống một trú sứ mà bất hòa?". Thế rồi, Phật bảo Ưu-ba-ly: "Ông hãy đến chỗ các Tỳ-kheo ở Câu-diệm-di, căn cứ theo pháp, theo luật, theo lời Phật dạy mà trao cho họ pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt sự tranh cãi ấy. Này Ưu-ba-ly, Sự tranh cãi do ba chỗ khởi lên, ba chỗ thủ, ba chỗ xả và ba chỗ diệt. Giá như sự tranh cãi ấy có tính cách lặt vặt thì cùng với Ưu-bà-tắc giải quyết. Trái lại, nếu sự tranh cãi có tính cách trầm trọng, thì nên khuyên nhủ Ưu-bà-tắc ra khỏi giới trường, rồi tùy theo sự thật của Tỳ-kheo ấy, căn cứ theo pháp, luật mà làm pháp Như thảo bố địa Tỳ-ni để dập tắt".

Phật lại nói với Ưu-ba-ly: "Nếu vị Hạ tọa có lỗi lầm, thì nên đến chỗ Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, nói như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi đã làm điều phi pháp, xâm phạm Trưởng lão, có lỗi. Nay tôi sám hối, không dám tái phạm". Khi ấy, Thượng tọa nên dùng tay xoa đầu (vị đó), đưa tay đỡ dậy ôm vào lòng và nói: "Tuệ mạng (Hiền giả) tôi cũng có lỗi, xin thầy hãy tha thứ".

Trái lại, nếu Thượng tọa có lỗi, thì nên đến chỗ Hạ tọa, cầm tay nói: "Tôi đã làm điều phi pháp, có lỗi, nay xin sám hối với thầy, không làm như vậy nữa". Lúc ấy, Hạ tọa nên đứng dậy đảnh lễ chân Thượng tọa, rồi cũng sám hối như trên.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch: "Bạch Thế Tôn! Trong luật gọi Bố thảo Tỳ-ni, thế nào là Bố thảo Tỳ-ni?".

Phật nói với A-nan: "Nếu có sự tranh cãi khởi lên trong các Tỳ-kheo, khiến cho cùng sống một trú xứ mà bất hòa, rồi hai bộ chúng không chịu nhịn nhau, sinh ra ác tâm, cãi nhau, bên nào cũng nói những lời không phù hợp với pháp Phật. Này A-nan, lúc ấy phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp luật, rồi một vị có đủ đức hạnh thuộc một bộ chúng, biết việc, hiểu rõ nhân duyên, có biện tài, thông hiểu pháp, không khiếp nhược, tán thán công đức hòa hợp chúng Tăng. Rồi vị này rời khỏi chỗ ngồi, trật vai áo phải, quỳ gối, chấp tay, hướng về Bộ chúng thứ hai, nói như sau: "Này các Đại đức, vì sao chúng ta đã có lòng tin, xuất gia, cùng sống trong một chánh pháp mà tranh cãi nhau, khiến cho cùng sống chung mà bất hòa, hai bộ chúng không nhường nhịn nhau, người nào cũng sinh ra tâm ác, lời qua tiếng lại, không tùy thuận pháp, việc không hay đã khởi lên. Tất cả đều do không khéo tư duy mà đến như thế, khiến cho hiện đời này sống khốn khổ, đời sau đọa vào cõi ác. Này các Đại đức, chúng ta ai nấy nên bỏ sự tranh cãi này, như rải cỏ trên đất. Nay tôi hướng đến các Trưởng lão sám hối, mỗi người nên nguôi giận, hòa hợp cùng sống chung".

Này A-nan, nếu bộ chúng thứ hai tất cả đều im lặng, tỏ sự đồng ý, thì một vị có đức hạnh, thông minh, biện tài thuộc bộ chúng này, liền đứng dậy sám hối. Cách sám hối cũng như trên đã nói. Này A-nan, nếu có sự tranh cãi khởi lên trong Tăng như vậy, thì phải cấp tốc tập họp Tăng, căn cứ vào pháp, luật mà dập tắt sự tranh cãi ấy, như dùng cỏ rải trên đất. Này A-nan, tất cả mọi sự tranh cãi như đánh nhau, tát nhau, lôi ra khỏi phòng, đại loại như vậy, hoặc nói hai lưỡi, vu khống vô căn cứ v.v... Các tội như vậy, đều nên dùng nguyên tắc như rải cỏ trên đất dập tắt. Khi đã dùng phương pháp như rải cỏ tên đất để dập tắt rồi, mà có Tỳ-kheo khách, thậm chí Tỳ-kheo mới thọ giới làm phát sinh trở lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Tóm lại, những việc làm của chúng Tăng đều như pháp thực hiện, như pháp tập họp, như pháp giải trừ, như pháp xả bỏ, như pháp ban cho, nói chung, những việc làm của các Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn có vô lượng phương tiện như vậy, đều nên áp dụng bảy diệt tránh để dập tắt mọi sự tranh cãi. Đó gọi là những việc thường làm. Thế nên nói (như trên).

5. GIỚI THUYẾT PHÁP CHO PHỤ NỮ QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đến giờ khất thực,

liền khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, tới một nhà kia Thầy bèn thuyết pháp cho nhiều phụ nữ. Lúc ấy, Tôn giả A-nan cũng tuần tự khất thực, đến gia đình ấy, thấy thế, liền hỏi: "Trưởng lão đang làm gì đấy?".

Ưu-đà-di đáp: "Tôi thuyết pháp cho các phụ nữ này".

Tôn giả A-na liền nói với Ưu-đà-di: "Vì sao đã nhân danh là Tỳ-kheo, trong lúc không có người nam hiểu biết, chỉ có một mình thuyết pháp cho phụ nữ?"

Sau khi A-nan khất thực về, ăn xong, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Sau khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

"Ông có làm việc đó thật không?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật khiển trách: "Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc không có đàn ông hiểu biết mà ông thuyết pháp cho phụ nữ?".

Từ nay về sau, Ta không cho phép (Tỳ-kheo), trong lúc không có đàn ông hiểu biết, mà thuyết pháp cho phụ nữ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu -đà-di đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự

khất thực, đến một nhà kia, liền thuyết pháp cho nhiều phụ nữ nghe. Lúc ấy, Tôn giả A-nan cũng tuần tự khất thực, đến ngay nhà đó, trông thấy thế, bèn hỏi:

Trưởng lão đang làm gì đấy?

Đang thuyết pháp cho các phụ nữ.

Trưởng lão không nghe Thế Tôn nói rằng không có đàn ông thì không được thuyết pháp cho phụ nữ sao?

Này A-nan, ông không thấy người đá này, người gỗ này, người cỏ này, người họa này sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người?

Tôn giả A-nan sau khi khất thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có thật như vậy chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy"

Phật nói: "Này Ưu-đà-di , vì sao ông lại tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ?"

Từ nay về sau, ta không cho phép Tỳ-kheo tự xem mình như người đàn ông vô tâm, trong sạch mà thuyết pháp cho phụ nữ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy Ưu-đà-di đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát đi vào thành Xá-vệ... cho đến đáp Tôn giả A-nan: "Ông không thấy đứa trẻ được

bồng trên tay kia, đứa trẻ đang bú, đứa trẻ đang nằm hay sao? Một người cũng đủ, huống chi nhiều người".

Tôn giả A-nan sau khi khất thực trở về, ăn xong, bèn đem sự kiện ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có điều đó thật chăng?"

Thầy đáp: "Có thật như vậy".

Phật nói: "Này Ưu-đà-di , vì sao ông lại tự ví mình trong sạch như đứa trẻ con mà thuyết pháp cho phụ nữ? Từ nay về sau, các Tỳ-kheo không được tự xem mình như đứa bé đang bú mà thuyết pháp cho phụ nữ".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Lộc-mẫu bị bệnh. Do đó, Tôn giả A-nan sáng sớm khoác y đi đến đó thăm bệnh, hỏi: "Ưu-bà-di, bệnh tình thế nào? Có khổ não lắm không?"

Bà đáp: "Bệnh tình không thuyên giảm, không thể chịu nổi, xin Tôn giả hãy thuyết pháp cho con nghe".

A-nan đáp: "Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ".

Nếu không được nói nhiều, thì có thể nói cho con chừng năm, sáu lời được không?".

Tôi không biết có được hay không, nên không

dám tự tiện nói.

Xin cảm ơn thầy.

Cầu mong bệnh tật chóng hết.

Tôn giả A-nan nói xong, bèn từ giã, trở về chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "A-nan, ông từ đâu trở về?".

A-nan bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Phật, Phật liền nói với A-nan: "Tỳ-xá-khư Lộc-mẫu là người trí tuệ. Nếu ông nói năm, sáu lời thì bệnh bà ấy liền bớt, được sống an lạc. Từ nay về sau, Ta cho phép (Tỳ-kheo) khi không có đàn ông, được thuyết pháp cho phụ nữ năm, sáu lời".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo, không có tịnh nhân mà thuyết pháp cho phụ nữ quá năm, sáu lời thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp có đàn ông hiểu biết tham dự".

Giải Thích:

Không có đàn ông hiểu biết: Nếu người đó mù, hoặc điếc thì cũng được xem là không có tịnh nhân. Nếu có hai người mà một mù, một điếc, thì được xem là một tịnh nhân. Nhưng có tịnh nhân đang nằm ngủ thì cũng được xem là không có đàn ông.

Phụ nữ: Những người ấy hoặc là mẹ, chị em, hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc tại gia, xuất gia.

Pháp: Những điều Phật nói, hoặc được Phật ấn chứng. Những điều Phật nói nghĩa là chính miệng Phật tự nói ra. Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử Phật hoặc người khác nói, rồi Phật chuẩn nhận.

Nói: Dạy, đọc tụng, hoặc giải thích.

Năm, sáu lời: Gồm có hai loại câu dài và câu ngắn. Câu dài như "Tất cả việc ác chớ làm". Câu ngắn như "Mắt là vô thường".

Ngoại trừ có người đàn ông hiểu biết: Nếu trẻ em dưới bảy tuổi không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt, xấu thì không thể gọi là đàn ông hiểu biết. Nhưng nếu hơn bảy tuổi mà không hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu thì cũng gọi là người đàn ông vô tri. Trái lại, nếu bảy tuổi hoặc hơn bảy tuổi mà hiểu được ý nghĩa của lời nói tốt xấu, thì gọi là người đàn ông hiểu biết.

Lại nữa, nếu có phụ nữ sáng sớm đến lễ tháp, rồi sang đảnh lễ Tỳ-kheo, bạch: "Thưa Tôn giả, tôi muốn nghe pháp, xin Tôn giả thuyết pháp cho tôi nghe", thì khi ấy Tỳ-kheo được nói một câu rưỡi kệ. Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi vào thôn xóm, nếu lại nói năm, sáu lời nữa cho người phụ nữ ấy thì phạm Ba-dạ-đề. Sở dĩ Đức Thế Tôn chế ra giới nói năm, sáu lời, là nói về số lượng lời nói trong một ngày.

Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã mà có phụ nữ đến lễ tháp, rồi sang đảnh lễ Tỳ-kheo, bạch: "Thưa Tôn giả, xin Tôn giả thuyết pháp cho tôi nghe", thì Tỳ-kheo nên nói với phụ nữ ấy: "Đức Thế Tôn chế giới, không có tịnh nhân, thì không được thuyết pháp cho phụ nữ". Thế rồi, người phụ nữ ấy bạch với Tỳ-kheo: "Tôi biết pháp Phật, vậy xin hãy nói cho tôi nghe trong mức độ mà Thế Tôn cho phép", thì khi ấy, Tỳ-kheo được nói với phụ nữ ấy một câu kệ rưỡi. Nếu hai người thì được nói ba câu kệ, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng để giáo hóa, rồi có nhiều phụ nữ đến muốn nghe pháp, thì mỗi mỗi được nói sáu câu. Trước hết, nên nói với phụ nữ thứ nhất: "Tôi nói cho cô sáu câu", rồi nói với phụ nữ thứ hai: "Tôi nói cho cô sáu câu". Như vậy thì nói cho nhiều người vẫn không có tội. Thế rồi, Tỳ-kheo từ giã, các phụ nữ liền đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo để tiễn biệt. Nếu khi ấy Tỳ-kheo chú nguyện: "Mong cho cô nhanh chóng chấm dứt khổ đau", thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nói: "Mong cho cô không đau ốm, được sống an lạc", thì không có tội.

Tỳ-kheo rời khỏi nhà ấy liền đến nhà khác thuyết pháp, rồi người phụ nữ trước đó bèn đi theo, đứng ở bên ngoài nghe, thấy thế, Tỳ-kheo hỏi: "Cô cũng đi theo nghe sao?". Cô ta đáp: "Vâng". Nếu Tỳ-kheo nói: "Cô đã thâm tín, ưa thích pháp như vậy, thì có thể nghe", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái

lại, tuy thấy người phụ nữ ấy mà không hỏi chỉ lo thuyết pháp cho các phụ nữ khác, thì dù phụ nữ ấy nghe pháp Tỳ-kheo cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho phụ nữ trong khi không có tịnh nhân ngồi trong phòng nghe pháp, nhưng có người giúp việc đi qua lại, vào ra, hoặc có người ở bên ngoài, trên gác dưới gác nghe thấy được nhau, thì không có tội.

Nếu nhà của người thế tục hướng mặt ra đường, Tỳ-kheo ở trong đó thuyết pháp cho phụ nữ, dù không có tịnh nhân, nhưng người đi trên đường không dứt, họ đều có thể nghe thấy được, thì cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi trên đường gián đoạn, không nghe thấy được, thì không nên thuyết.

Nếu có phụ nữ đến lễ tháp, rồi tới bạch với Tỳ-kheo: "Thưa Tôn giả, đây là tháp gì vậy? Xin nói cho tôi biết tên chỗ này". Khi ấy, Tỳ-kheo được phép nói: "Đó là tháp chỗ (Phật) đản sinh, tháp chỗ Phật đắc đạo, tháp chỗ Phật chuyển pháp luân, tháp chỗ Phật Niết-bàn", tùy họ hỏi việc gì, đều được phép trả lời, mà không có tội.

Có bốn loại tịnh nhân: Hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa thấy vừa nghe, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

Thấy mà không nghe: Mắt trông thấy Tỳ-kheo với phụ nữ mà không nghe tiếng nói. (cũng tương tự như vậy đối với ba trường hợp kia). Trong

trường hợp này (Tỳ-kheo) phạm tội Việt-tỳ-ni. Nghe mà không thấy cũng như vậy. Không thấy, không nghe thì phạm Ba-dạ-đề. Vừa thấy vừa nghe thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

6. GIỚI DẠY NGƯỜI CHƯA THỌ CỤ TÚC ĐỌC TỤNG

Khi Phật an trú tại thành Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo quản sự dạy nhiều đồng tử (nhi đồng) đọc từng câu, từng câu Ba-la-da-na (?). Khi nghe thế, một Bà-la-môn suy nghĩ: "Nơi nào mà có pháp thuần thiện thù thắng như thế! Ta nên đến đó xin xuất gia". Suy nghĩ thế rồi, ông bèn đi đến Tinh xá Khoáng dã, định xin xuất gia, nhưng thấy Tỳ-kheo dạy các đồng tử đọc tụng, giống như âm thanh đọc tụng của các em học sinh trong các trường học, nên ông suy nghĩ: "Nay ta muốn cầu pháp thù thắng, theo họ xuất gia, thế mà nghe giọng đọc ê, a ở đây giống như giọng đọc của các em học sinh trong các trường học, lại không thể nhận ra ai là thầy, ai là học trò".

Thấy vậy, nên ông sinh tâm không kính tín, do đó cũng không yết kiến Phật, mà trở về nhà, không xuất gia nữa.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi: "Ông có thật như

vậy chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Vì sao ông dạy người chưa thọ giới Cụ túc tụng cú pháp? Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới Cụ túc tụng cú pháp". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc cú pháp thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Người chưa thọ giới Cụ túc: Chưa trở thành Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni; tuy Tỳ-kheo-ni đã thọ giới Cụ túc nhưng cũng không được dạy.

Cú: Cùng đọc tụng từng câu chữ, câu chữ.

Pháp: Những gì do Phật nói, do Phật ấn chứng. Những gì do Phật nói nghĩa là do Phật tự nói ra. Những gì do Phật ấn chứng nghĩa là những điều do đệ tử thanh văn và những người khác nói được Phật chuẩn nhận, chẳng hạn các pháp thiện cho đến Niết-bàn. Đó gọi là pháp.

Dạy: Vì họ mà nói, chỉ dạy bằng lời.

Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc câu "Mắt là vô thường", rồi một lần đọc lên, một lần lập lại và một lần gián đoạn, mà Thầy trò

cùng đọc vui vẻ, lưu loát, thì phạm Ba-dạ-đề. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý, mười tám giới, năm ấm, sáu giới, cho đến các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo dạy đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ các loại kinh như kinh Ba La Da Na, kinh Luận Nạn, kinh A Nậu Đạt Trì, kinh Duyên Giác... mà đệ tử cùng đọc lên, cùng lập lại, cùng gián đoạn, thì thầy nên bảo đệ tử như sau: "Ngươi đợi ta đọc dứt câu rồi ngươi mới đọc". Nếu dạy như vậy mà đệ tử không vâng lời, thì không nên dạy nữa. Nếu đệ tử nói: "Xin thầy dạy cho con kinh khác", thì lúc ấy, thầy nên bảo: "Nếu ngươi không đọc theo ta, thì ta sẽ dạy ngươi tiếp". Đối với các đệ tử như vậy, cho đến các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, gặp trường hợp như thế, cũng không được dạy.

Nếu các Tỳ-kheo cùng tụng kinh, thì Thượng tọa nên tụng, còn Hạ tọa nên chú tâm im lặng theo dõi. Nếu Thượng tọa tụng không lưu loát, thì Hạ tọa nên tụng, còn Thượng tọa, nên chú tâm âm thầm tụng theo, cho đến Ưu-bà-di cũng như vậy.

Khi trong Tăng chúng cùng xướng đọc kệ, thì (mọi người) không được cùng đọc một bài kệ, mà lúc ấy mỗi người nên đọc một bài kệ khác nhau (?). Thế nên nói (như trên).

7. GIỚI NÓI THẬT RẰNG MÌNH ĐẮC

ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, cũng như trong giới vọng ngữ thứ tư đã nói rõ nhân duyên các sự việc, chỗ khác nhau là ở đây nói thật, cho đến chỗ Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đó là việc xấu, ví như dâm nữ bán nhan sắc để tự nuôi sống. Các ông cũng vậy, dùng pháp chân thật vi diệu để nói với người, thì chẳng khác gì dâm nữ vì miệng, bụng mà bán nhan sắc để nuôi mạng sống". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo tự xưng mình đã được pháp hơn người, rằng: "Tôi biết như vậy, thấy như vậy", dù đó là nói thật, cũng phạm tội Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tự xưng được pháp hơn người: Pháp hơn người như trước đã nói. Nếu tự nói: "Tôi được pháp trí chăng?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói: "Tôi được pháp trí", thì phạm tội việt-tỳ-ni. Nếu nói: "Tôi đã chứng đắc pháp trí", thì phạm Ba-dạ-đề, từng câu, từng câu như trên đã nói rõ, cho đến nói thật về mười pháp vô học, thì phạm Ba-da-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: "Các Tỳ-kheo

an cư tại chỗ kia đều chẳng phải là phàm phu", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu họ hỏi: "Tôn giả cũng ở trong đó chăng?", rồi đáp: "Cũng ở trong đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Ưu-bà-di hỏi: "Tôn giả cũng được pháp ấy chăng?", rồi đáp: "Được", thì dù là nói thật, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói với Ưu-bà-di: "Tỳ-kheo tự tứ tại chỗ kia chẳng phải phàm phu, đều là A-la-hán", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu Ưu-bà-di hỏi: "Tôn giả cũng tự tứ tại đó chăng?", rồi đáp: "Đúng vậy", thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu lại hỏi: "Tôn giả cũng đắc quả A-la-hán chăng?", mà đáp: "Đắc", thì dù cho nói thật cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nói: "Tỳ-kheo ở nơi xóm làng kia thường đến nhà của vua, nhà của đại thần, nhà của trưởng giả, nhà cư sĩ, nhà của ngươi và nhà bà con ngươi dạy kinh, thầy ấy đi, đứng, nằm, ngồi như vậy, ăn thức ăn như vậy (đắc quả A-la-hán)", thì cũng như vậy (tức là phạm Ba-dạ-đề).

Nếu dùng lời nói ở trung tâm đất nước mà nói với người ở biên thùy, hoặc dùng lời nói của biên thùy mà nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở trung tâm đất nước nói với người ở trung tâm đất nước, hoặc dùng lời nói ở biên thùy, nói với người ở biên thùy, nếu nói nghĩa mà không nói ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói ẩn ý mà không nói nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm

sám hối. Nếu nói nghĩa và nói cả ẩn ý thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói nghĩa cũng không nói ẩn ý thì không có tội. Nếu viết ra chữ, dùng tay ra dấu, biểu thị nghĩa mà không biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu biểu thị ẩn ý mà không biểu thị nghĩa, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu biểu thị nghĩa và biểu thị ẩn ý, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu không biểu thị nghĩa, không biểu thị ẩn ý, thì không có tội. Cuối cùng cho đến hiện tướng A-la-hán, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 14

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

8. GIỚI NÓI TỘI NẶNG CỦA TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một cư sĩ mời các Tỳ-kheo quen biết đến nhà. Trong số đó có một Trưởng Lão Tỳ-kheo đang thi hành pháp Ma-na-đỏa nên ngồi ở hàng dưới. Ưu-bà-di đàn-việt thấy thế, liền hỏi: "Tôn giả trước kia ngồi ở trên, nay vì sao lại ngồi ở chỗ này?".

Thầy đáp: "Gặp đâu thì ngồi đó mà, cần chi phải hỏi?".

Ưu-bà-di nói: "Con biết chỗ ngồi của Tôn giả đúng ra tại chỗ này, con cũng biết chỗ ngồi của các Tôn giả khác".

Khi ấy, Nan-đà nói với Ưu-bà-di: "Vì sao bà lại bảo thầy của bà lên ngồi ở chỗ trên? Vì thầy của bà vẫn chưa bỏ tính bông đùa của thời niên thiếu đó mà".

Ưu-bà-di nghe thế, lòng không vui, liền suy nghĩ: "Chắc là thầy ta đang phạm các tội nhỏ nên phải ngồi ở chỗ dưới này", liền ném giỏ cơm xuống đất rồi bỏ đi nói: "Tôn giả hãy tự lấy thức ăn ở trong đó mà ăn". Nói thế rồi, bà liền vào trong phòng đóng lại một cánh cửa, rồi đọc kệ:

"Xuất gia đã lâu ngày
Tu tập nếp phạm hạnh
Tính trẻ con không bỏ
Làm sao nhận bố thí?".

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà đến.

Khi thầy đến rồi, Phật hỏi: "Ông có thật như vậy không?". Thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật liền quở trách Nan-đà: "Đó là việc xấu. Người tu phạm hạnh có lúc phóng dật, sau đó sẽ sống như pháp, vì sao nói với người chưa thọ giới Cụ túc về tội lỗi của người ấy? Từ nay trở đi ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nói với người chưa thọ giới Cụ túc về thô tội của người khác".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khất thực, đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, lúc ấy nghe người đàn ông nói với người nữ: "Ngươi bố thí thức ăn cho người xuất gia".

Người phụ nữ hỏi: "Xuất gia theo đạo nào?". Đáp: "Xuất gia theo dòng họ Thích".

- Tôi không cho thức ăn.

- Vì sao không cho?

- Đó là người phá phạm hạnh, nên tôi không cho.

Tỳ-kheo liền nói với người phụ nữ ấy: "Này bà chị, tôi là người phạm hạnh".

Người phụ nữ nói: "Tôn giả Ca-lô là hàng đại

danh đức mà còn không thể tu phạm hạnh, nay vì sao ông lại tự nói mình là người phạm hạnh?”.

Tỳ-kheo nghe lời nói ác ấy, cảm thấy sầu não trong lòng, nên không khất thực mà trở về lại Tinh xá, tuyệt thực một ngày. Vì tuyệt thực nên thân thể rũ rượi, thầy bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: “Nay ông vì sao mà thân thể rũ rượi như vậy?”.

Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: “Này Tỳ-kheo, vì sao ông không nói với họ: Giả sử Tỳ-kheo Ca-lô chẳng phải là người phạm hạnh, thì có phương hại gì đến việc tu phạm hạnh của tôi?”.

Thầy đáp: “Bạch Thế Tôn! Con có thể nói với bà ấy, nhưng vì Thế Tôn chế giới không cho phép nói với người chưa thọ giới Cụ túc về tội thô của người khác, cho nên con không nói”.

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông không vì mạng sống mà vi phạm lời dạy dỗ của Phật”.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy phi phạm hạnh, vậy Tăng nên trao cho ông ta phép yết-ma phi phạm hạnh. Người làm yết-ma nên nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Những người tại gia, xuất gia đều biết Tỳ-kheo Ca-lô ấy phi phạm hạnh, nếu thời gian thích hợp đối với

Tăng, Tăng cho phép nói về phi phạm của Tỳ-kheo Ca-lô". Bạch như vậy, rồi bạch ba lần yết-ma.

Sau đó Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Đã làm pháp yết-ma cho phép nói về việc phi phạm hạnh của Tỳ-kheo Ca-lô chưa?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Đã làm rồi".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô mà đem nói với người chưa thọ giới Cụ túc, trừ Tăng yết-ma cho phép thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tội thô: Như bốn tội (Ba-la-di), mười ba tội (Tăng Tàn).

Chưa thọ giới Cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni. Nhưng Tỳ-kheo ni dù đã thọ giới Cụ túc cũng không được nói với họ.

Nói: Nói cho người ở trước mặt mình biết; ngoại trừ trường hợp Tăng yết-ma cho phép

Yết-ma: Nếu tác bạch không hợp lệ, chúng Tăng không hợp lệ, thể thức yết-ma không hợp lệ,

thì cũng không được gọi là yết-ma. Trái lại, tác bạch hợp lệ, chúng Tăng hợp lệ, thể thức yết-ma hợp lệ, thì được gọi là yết-ma. Đức Thế Tôn bảo yết-ma đó không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết người khác phạm thô tội, mà Tăng chưa làm yết-ma cho phép, thì không được nói thô tội của người ấy. Nếu có ai hỏi: "Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?", thì nên đáp: "Thầy ấy sẽ tự biết".

Nếu Tăng đã làm yết-ma rồi, cũng không được đem rêu rao với xóm làng. Nếu có ai hỏi: "Tỳ-kheo ấy phạm giới dâm, giới uống rượu phải không?", thì Tỳ-kheo (được hỏi) nên hỏi lại người ấy: "Ngươi nghe ở đâu?".

Nếu họ đáp: "Tôi nghe tại nơi đó", thì Tỳ-kheo nên trả lời: "Tôi cũng nghe tại nơi đó".

Nếu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ giới Cụ túc về việc Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng tàn, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu nói về ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nói về bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng học, Oai nghi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Nếu nói về tám Ba-la-di, mười chín Tăng tàn của Tỳ-kheo ni, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu nói về ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề, tám Ba-la-đề-đề-xá-ni, Chúng học, Oai nghi của Tỳ-kheo-ni

thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu nói về mười giới của Sa-di, Sa-di-ni, thì phạm Việt-tỳ-ni. Sau cùng cho đến nói về năm giới của người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

9. GIỚI ĐỒNG Ý YẾT MA, SAU PHỦ NHẬN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng làm yết-ma cử thầy trông coi chín việc, như trong mười ba việc (giới Tăng tàn) đã nói rõ. Lúc ấy có y phấn tảo xá na, không thể phân chia được nên thầy bạch với Tăng: "Y phấn tảo xá na này không thể chia được, nên cho Trưởng lão Ma ha Ca-diếp được không?".

Các Tỳ-kheo đều đồng tình bảo: "Được". Thế nhưng, Đà-phiêu sợ về sau có lời tranh cãi, bèn xướng giữa Tăng: "Y phấn tảo xá na này cho Trưởng lão Ma ha Ca-diếp", xướng như vậy ba lần.

Xướng vừa xong, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy nói: "Ai nói cho? Nhóm sáu Tỳ-kheo đã chịu cho chưa? Ông xướng như vậy là không có tâm bình đẳng. Ông vì thân tình riêng mà đem vật của chúng Tăng ra cho họ".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có thật như vậy chăng?".

Họ đáp: "Có thật như vậy bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc ác. Bậc phạm hạnh như vậy, nếu cần đến da thịt máu tủy của các ông, cũng nên đem cho, huống gì chiếc y phấn tảo ấy không thể chia được, nay đã tuyên bố cho giữa Tăng mà ngăn cản. Khi các ông im lặng bằng lòng cho thì giống như tướng mạo của bậc quý nhân. Giờ lại ngăn cản, thì giống như bộ dạng của kẻ bần tiện. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo, khi Tăng đem chia phẩm vật, đã hòa hợp bằng lòng cho người khác nhưng sau đó ngăn cản, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Trước đã bằng lòng: Trước đó trong Tăng chia phẩm vật, mình cùng hòa hợp bằng lòng cho.

Sau đó ngăn cản: Nói như sau: "Trưởng lão tùy theo chỗ thân tình mà đem vật của Tăng cho riêng", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khi Tăng đem chia các vật cần phải chia, như: Y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hoặc tọa cụ, áo che ghẻ, áo tắm mưa, dây thắt lưng, tô, chén nhỏ, thau đồng, quạt, dù che, bình đựng dầu, túi da, dao con, giày da, bình đựng nước v.v... Tất cả các vật đáng chia như vậy khi chia cho mình thì nên lấy. Nếu không muốn lấy, nên bảo họ đi qua. Nếu họ hỏi: "Vì sao thầy không lấy?", thì nên đáp: "Cái này tôi không cần, tôi muốn lấy vật khác", rồi sau đó, khi cần mình lấy, thì không có tội. Nếu người chia vật tuyên bố: "Các vị tùy ý mà lấy", thì Tỳ-kheo lúc ấy tùy theo những gì mình cần tự ý lấy, không có tội.

Ngăn cản: Có ba trường hợp: Hoặc cho rồi mà ngăn cản, hoặc lúc đang cho ngăn cản; hoặc khi chưa cho ngăn cản.

Khi cho rồi mà ngăn cản thì phạm Ba-dạ-đề. Lúc đang cho mà ngăn cản, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc chưa cho mà ngăn cản thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

10. GIỚI HUỶ BÁNG GIỚI PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng chúng cứ nửa tháng tụng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới), khi tụng đến bốn việc (Ba-la-di) thì nhóm sáu Tỳ-kheo im lặng, đến mười ba việc (Tăng tàn), thì họ nổi giận; khi tụng đến ba

mươi việc (Ni-tát-kỳ), thì họ làm ồn; khi tụng đến chín mươi hai việc (Ba-dạ-đề), thì họ bèn đứng đậy, nói như sau: "Này các Trưởng lão, ai giữ được những giới ấy mà tụng làm chi? Họa có chư Thiên mới giữ được những giới ấy chăng? Chỉ làm cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận mà thôi". Lúc ấy người tụng Ba-la-đề-mộc-xoa đâm ra hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ngươi có thật như vậy không".

Họ đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Như Lai vì muốn được lợi ích cho các đệ tử nên quy định cứ nửa tháng tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Vì sao các ông coi thường, trách cứ, ngăn cản việc tụng giới? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu vào dịp nửa tháng tụng Ba-la-đề-mộc-xoa mà Tỳ-kheo nào tỏ ra khinh thường chê trách giới nói như sau: "Trưởng lão, cứ nửa tháng tụng các giới tạp nhạp nhỏ nhặt làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận",

thì phạm Ba-dạ-đề”.

Giải Thích:

Nữa tháng: Hoặc mười bốn ngày, hoặc mười lăm ngày. Ba-la-đề-mộc-xoa: Mười giới tánh vậy.

Tụng: Tăng hòa hợp cứ nửa tháng, nửa tháng tụng.

Giới nhỏ nhặt tạp nhạp: Chỉ cho các Thiên giới khác, ngoại trừ bốn việc (Ba-la-di), mười ba việc (Tăng tàn).

Khiến các Tỳ-kheo sinh nghi ngờ hối hận: (Ai nói như thế) thì phạm Ba-dạ-đề.

Khinh thường, chê trách: Có ba trường hợp: hoặc chê trách lúc chưa tụng; hoặc chê trách lúc đang tụng; hoặc chê trách lúc tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng: Trước khi tụng nói như sau: “Trưởng lão chớ có tụng các giới nhỏ nhặt ấy làm gì. Tôi muốn tụng xong cho thật nhanh”. Đó là chê trách khi chưa tụng.

Chê trách lúc đang tụng: Lúc thuyết giới nói như sau: “Trưởng lão thuyết các giới nhỏ nhặt ấy làm gì, khiến cho các Tỳ-kheo nghi ngờ, hối hận”. Đó gọi là lúc đang tụng mà chê trách.

Chê trách lúc tụng xong: Lúc tụng xong liền nói như sau: “Vừa rồi thầy tụng chi các giới nhỏ nhặt ấy. Thầy tụng đầy đủ các giới làm chi khiến tôi ngồi lâu mỏi mệt muốn chết”. Đó gọi là chê trách

khi tụng xong.

Chê trách lúc chưa tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Chê trách lúc đang tụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chê trách lúc tụng xong thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

"Vọng ngữ và chủng loại
Hai lưỡi cùng khui lại
Không tịnh (nhân) và cú pháp
Hơn người (đắc quả) nói thô tội
Vị tình, khinh chê giới
Xong phần đầu Bạt-cừ".

11. GIỚI CHẶT PHÁ CÂY SỐNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo quản sự tự tay chặt cây, bẻ cành lá hoặc hái hoa quả, nên bị người đời chê trách như sau: "Các người xem kìa! Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây tự tay chặt cây, hái hoa, giết hại mạng sống thực vật, mất hết phép tắc Sa-môn, có đạo nào như thế?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi Phật hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy bạch Thế Tôn".

Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu. Trong

đó tuy không có mạng sống, nhưng không nên làm cho người ta sinh ác cảm. Các ông cũng có thể tạo ra được một sự nghiệp nhỏ, hãy bỏ bớt các việc lặt vặt. Từ nay Ta không cho Tỳ-kheo tự tay chặt đốn cây cối, phá hoại thôn của quỷ". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả. Vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo phá hoại mầm sống của cây, phá thôn của quỷ, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Mầm sống của cây: Gồm có năm loại:

1. Củ, rễ.
2. Thân cây.
3. Đốt cây.
4. Lõi cây.
5. Chồi cây.

Đó gọi là năm mầm sống của cây. Thôn của quỷ: Cây lớn, cây nhỏ, cỏ.

Phá hoại: Đốn chặt hủy hoại, nếu đốn chặt hủy hoại thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

1. Củ, rễ cây: Củ gừng, củ sen, củ khoai nước, củ cải, củ hành. Các loại củ cây như vậy phải dùng lửa làm cho sạch (nấu chín), hoặc dùng dao gọt

sạch. Đó gọi là củ cây.

2. Thân cây: Như các loại: Ni-câu-luật, Bí-sát-la, Ưu-đàm-bát-la, dương liễu. Các thân cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch. Đó gọi là các loại thân cây.

3. Đốt cây: Như trúc, cỏ lau, nứa. Các loại đốt cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng dao gọt cho sạch, hoặc vạc bỏ các mắt cây. Đó gọi là đốt cây.

4. Lõi cây: Như củ cải, rau đắng, cây chàm. Các thứ do lõi sinh ra nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc dùng tay chà cho sạch. Đó gọi là lõi cây.

5. Chồi cây: Gồm có mười bảy loại hạt giống, như trong giới thứ hai đã nói. Các loại chồi cây như vậy nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc lột vỏ cho sạch. Đó gọi là chồi cây.

Các giống thực vật gồm có:

1. Khỏa-hạch-chủng.
2. Phu-khỏa-chủng.
3. Xác khỏa chủng.
4. Cối-khỏa-chủng.
5. Giác-khỏa-chủng.
6. Anh-vũ-trác.
7. Hoàn-xuất.
8. Hỏa-thiêu.
9. Thời-chủng.

10. Phi Thời-chủng.

11. Thủy chủng.

12. Lục chủng.

13. Tiên tác cánh sanh chủng.

1. Khỏa-hạch-chủng: Như La-lợi-lặc, Tỷ-ê-lặc, A-ma-lặc, Khước-thù-la, Toan tảo. Các loại trái như vậy nên dùng móng tay cạy hạt bỏ, rồi ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì nên nấu chín. Đó gọi là Khỏa-hạch-chủng.

2. Phu-khỏa-chủng: Như Bí-bát-la, Phá-cầu, Ưu-đàm-bát-la, Lợi-nại. Các loại có vỏ bọc như thế nên dùng lửa làm cho sạch. Khi chín, nó tự rơi từ trên cây xuống đất, nếu bị va vào cây đá, nó sẽ tróc vỏ như dấu chân muỗi thì được xem là sạch. Không được ăn luôn cả hột. Nếu muốn ăn cả hột thì phải nấu chín. Đó gọi là Phu-khỏa-chủng (loại hạt có vỏ bọc).

3. Sác-khỏa-chủng: Như trái dừa, trái hồ đào, trái lựu, các loại trái có vỏ cứng như thế nên dùng lửa làm cho sạch, hoặc làm vở ra. Đó gọi là Sác-khỏa-chủng.

4. Cối-khỏa-chủng: Như rau thơm, rau tía tô, đậu, các loại rau như

vậy nếu chưa ra trái thì dùng tay vò làm cho sạch, nếu đã có trái thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là Cối-khỏa-chủng.

5. Giác-khỏa-chủng: Như các loại đậu lớn nhỏ, hay đậu ma sa, các loại đậu như thế, nếu chưa có hạt, thì dùng tay làm cho sạch, nếu đã có hạt, thì dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là Giác-khỏa-chủng.

6. Anh-vũ-trác: Các trái cây bị chim anh vũ mổ vỡ rơi xuống đất, có vết như dấu chân muỗi, thì gọi là sạch (tịnh), bỏ hạt được phép ăn. Nếu muốn ăn cả hạt thì phải dùng lửa làm cho sạch. Đó gọi là Anh-vũ-tịnh.

7. Hoàn-xuất: Các loại hạt được bọ ngựa, khỉ ăn vào rồi ỉa ra thành phân thì được xem là tịnh (loại hạt hợp lệ). Đó gọi là Hoàn-xuất.

8. Hỏa-thiêu: Nếu trái cây bị lửa thiên nhiên đốt cháy, rơi xuống đất được xem là tịnh. Đó gọi là Hỏa-thiêu tịnh.

9. Thời-chủng: Vào mùa lúa thường thì cấy lúa thường, mùa lúa mạch thì cấy lúa mạch. Những loại hạt lúa này nên dùng lửa làm cho sạch. Hoặc bóc vỏ làm cho sạch. Như tại nước Câu-lân-đề, khi nông dân thu hoạch lúa đổ thành đống, họ sợ loài phi nhân lấy trộm nên dùng tro rải lên trên để làm dấu, như thế gọi là tịnh. Như trường hợp thầy tri sự có lẫm lúa chưa tác tịnh, sợ Tỳ-kheo trẻ tuổi không biết thể thức, nên sai tịnh nhân dùng lửa tác tịnh, lửa cháy, cháy lan đốt hết lẫm thóc. Lúc ấy Tỳ-kheo được nói: “Thóc đã đem đi xay hết rồi”,

thì không phạm tội. Đó gọi là Thời-chủng.

10. Phi Thời-chủng: Như vào mùa nếp mà gặt lúa mạch, vào mùa lúa mạch mà gặt nếp, thì nên dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là phi Thời-chủng.

11. Thủy-chủng: Như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Hương đình, củ của các loại hoa ấy nên dùng lửa tác tịnh, hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là Thủy-chủng (thực vật sống dưới nước).

12. Lục-chủng: Gồm có mười bảy loại lúa, cần phải bóc vỏ tác tịnh, hoặc dùng lửa tác tịnh. Đó gọi là Lục-chủng (thực vật sống ở đồng bằng).

13. Tiên-tác-hậu-sinh: Có loại lúa tẻ hoặc là rễ củ cải, nên dùng lửa tác tịnh hoặc dùng dao gọt. Đó gọi là tiên tác. Sắp theo thứ tự ở trên.

Tóm lại, có các trường hợp: Hoặc tự mình cắt đứt, hoặc sai người cắt đứt; hoặc tự mình phá, hoặc sai người phá; hoặc tự mình đập nát, hoặc sai người đập nát; hoặc tự mình đốt, hoặc sai người đốt; hoặc tự mình lột vỏ, hoặc sai người lột vỏ.

Tự cắt: Hoặc tự mình dùng phương tiện cắt năm loại thực vật cả ngày không ngừng, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng ngừng rồi cắt tiếp, thì cứ một lần ngừng phạm một tội Ba-dạ-đề.

Sai người cắt: Một lần dùng phương tiện sai người cắt một ngày, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng nói: "Cắt nhanh lên", thì cứ một

lần nói phạm một tội Ba-dạ-đề. Tất cả bốn trường hợp kia như phá, đập nát, đốt, lột vỏ, hoặc tự mình làm, hoặc sai người làm cũng phạm tội như vậy.

Nếu vì Tăng làm tri sự, nhất thiết không được bảo tịnh nhân như: "Cắt cây này, phá cây này, đập nát cây này, lột vỏ cây này". Nếu nói như thế thì phạm tội. Do đó chỉ nên nói: "Hãy biết cây ấy, hãy làm sạch cây ấy", nói như thế không có tội.

Nếu đem năm loại thực vật ném vào trong hồ nước, hoặc dưới giếng, hoặc trong cầu tiêu, trong đống rác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì thế mà thực vật ấy hư chết, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nào muốn cho cỏ không sinh trưởng nên đi qua lại trên đó, thì lúc đi phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cỏ cây chừng độ vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đứng, ngồi, nằm như trên, cũng đều phạm tội như vậy.

Nếu dùng bút vẽ lên cây làm tổn thương bằng vết chân con muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu trên tảng đá sinh rêu, rồi Tỳ-kheo muốn giặt y trên đó, thì không được nhổ bỏ, mà chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ dọn sạch), rồi sau đó mới giặt y. Nếu rêu đó bị ánh nắng làm cho khô, thì được tự tay gỡ bỏ không có tội.

Nếu sau cơn mưa, cây cối ngã trên đất, thì Tỳ-kheo không được dùng tay đỡ lên, nếu đỡ lên thì

phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương cây, dù chỉ bằng vết chân muỗi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đến đỡ trước rồi Tỳ-kheo đỡ giúp họ, thì không có tội.

Nếu các y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, hay tọa cụ, mền gối, giày dép của Tỳ-kheo sinh nấm mốc thì nên chỉ cho tịnh nhân biết, để họ đem phơi nắng cho khô, thì Tỳ-kheo được dùng tay phủi đi.

Nếu trên bánh sinh mốc, thì nên chỉ cho tịnh nhân biết (hàm ý nhờ họ làm sạch mốc), rồi sau đó mới được ăn.

Nếu khi dọn cơm có các thứ như đậu, mè, dưa, mía v.v... thì Thượng tọa nên hỏi: "Đã tác tịnh chưa?". Nếu họ đáp: "Chưa tác tịnh", thì bảo họ tác tịnh. Nếu họ nói: "Đã tác tịnh rồi" thì được phép ăn.

Nếu trong một đĩa có nhiều trái cây, mà tác tịnh một trái, thì tất cả các trái khác cũng được xem như đã tác tịnh. Nếu trái cây đựng từng đĩa khác nhau, thì phải tác tịnh từng đĩa một.

Nếu mía đang còn lá thì phải tác tịnh riêng từng cây. Nếu mía không có lá, được cột thành bó, thì được tác tịnh như trái cây.

Nếu Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại A-lan-nhã, nơi ấy có cỏ sinh trưởng phủ kín đường đi, vì sợ mất

đường đi nên tóm hai bụi cỏ cột lại với nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng vật khác cột lại làm dấu mà đi, đến khi trở về mở ra, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ở trong núi, khi mưa, đường sá bùn đất trơn trợt, lúc đi trợt chân suýt bị té, bèn nắm cỏ nhưng cỏ đứt, lại nắm cái khác thì không có tội.

Nếu bị nước cuốn trôi, nên Tỳ-kheo chụp lấy cỏ làm cho cỏ đứt, thì cũng không có tội.

Nếu khi trét phên đất mà khát nước, muốn uống nước, nhưng vì tay có bùn, thì được dùng lá cây múc nước uống. Nếu không có tịnh nhân lấy lá cây, thì được leo lên cây dùng lá cây tươi đựng nước uống; ngưng không được bứt đứt lá cây. Nếu cây cao sử dụng không được, thì được quằn cây xuống, lấy lá khô múc nước uống. Nếu Tỳ-kheo bứt đứt lá cây xanh non thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu làm đứt lá cây có nhiều chân cứng, chắc thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu bứt đứt lá cây đã úa vàng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu gió thổi làm rụng ba loại lá cây (tươi, úa và khô) rồi lấy dùng, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo hái trái cây tươi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hái trái cây sắp chín thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hái trái chín thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường, ban đêm nằm ngủ trên

cỏ tươi mà tưởng là cỏ khô, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc cỏ khô mà tưởng cỏ tươi, cũng phạm Việt-tỳ-ni. Cỏ tươi mà tưởng cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cỏ khô mà tưởng cỏ khô thì không có tội.

Nếu trong thành phố hoặc xóm làng có nhà từ đường, nơi ấy có cây cối cành lá, dù là khô cũng không được bẻ lấy. Nếu bẻ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về bốn trường hợp đối với cây cối cũng như trong vấn đề cỏ tươi đã nói ở trên.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đại tiểu cần dùng nước phải đi đến hồ lấy nước, nhưng trên mặt hồ đầy cả lục bình, thì không được dùng tay quạt cho lục bình trôi đi để lấy nước, mà phải tìm lối đi của bò, ngựa hoặc rắn, hoặc ếch. Nếu không có lối đi, thì cầm cục đất ném trên không rồi nói như sau: "Đi lên đến cõi Phạm Thiên", chờ khi cục đất rơi xuống rồi quạt bèo, lấy nước dùng thì không có tội. Nhưng nếu làm cho bèo cỏ trong nước bị lật úp xuống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vớt bèo cỏ ném lên bờ thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi vào hồ nước tắm, nếu có cỏ tươi vướng vào mình, nên dùng nước xối cho trôi xuống nước. Nếu nhổ nấm buổi mai, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi nhặt phân bò khô mà dính luôn cả cỏ tươi thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

12. GIỚI NÓI ĐỂ NHIỄU LOẠN NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Khi ấy, Tăng tập họp định làm yết-ma, thì Tôn giả Xiển-đà không đến. Tăng liền sai sứ đi gọi Xiển-đà nói: "Tăng tập họp định làm yết-ma, Trưởng lão hãy đến". Xiển-đà liền suy nghĩ: "Nay Tăng cho gọi ta, chính là muốn trị tội ta, chứ không có việc gì khác. Nay ta phải nhiễu loạn ai đây để cho tất cả Tăng chúng đều rối loạn không thể làm yết-ma được? Có lẽ nên nhiễu loạn Tôn giả Mục-kiền-liên thì mới thoát được việc này. Nhưng Mục-kiền-liên có đại thần lực ắt sẽ biết việc ta làm, hoặc ông có thể nắm ta ném đến thế giới khác, nên việc này cũng không thể được". Rồi lại suy nghĩ: "Nếu nhiễu loạn Đại Ca-diếp thì có thể thoát được việc này. Nhưng Đại Ca-diếp có uy đức lớn, ông có thể hàng phục, làm nhục ta ở giữa chúng Tăng, nên việc này cũng không thể được". Rồi lại suy nghĩ: "Tôn giả Xá-lợi-phất tâm nhu hòa chất trực, dễ nói chuyện, nếu nhiễu loạn ông ta thì có thể khiến cho Tăng đều rối loạn không thể làm yết-ma đối với ta".

Nghĩ thế rồi, Xiển-đà bèn đi đến giữa Tăng, nói như sau: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi muốn hỏi nghĩa kinh".

Xá-lợi-phất nói: "Nay vì việc khác mà tập họp

Tăng, lúc này không phải là lúc hỏi nghĩa kinh".

Xiển-đà lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất: "Đối với chánh pháp của Phật không có lúc nào là lúc phi thời. Nếu được quả thiện ngay trong hiện tại, trừ diệt phiền não, các Hiền Thánh vui vẻ, thì đều không có gì phải chọn lựa thời gian".

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: "Tôi xin nghe thầy hỏi".

Xiển-đà liền hỏi: "Đức Thế Tôn thuyết bốn niệm xứ, vậy thế nào là bốn niệm xứ?".

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bèn giảng về bốn niệm xứ cho Xiển-đà. Xiển-đà lại nói: "Tôi không hỏi bốn niệm xứ, tôi hỏi tứ chánh cần. Trưởng lão chỉ nên nói về bốn chánh cần cho tôi".

Xá-lợi-phất nói: "Thầy muốn nghe bốn chánh cần thì hãy lắng nghe", rồi nói về bốn chánh cần.

Xiển-đà lại nói: "Tôi hỏi về bốn như ý túc". Như vậy lần lượt hỏi đến năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám chánh đạo phần cũng như bốn niệm xứ, hỏi đi hỏi lại ba lần.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ngồi lâu mỏi mệt, liền lần lượt bỏ ra, khiến Tăng không hòa hợp, chung cục yết-ma không thành. Do vậy, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Xiển-đà, ông có thật như vậy không?".

Thầy đáp: "Có thật như vậy".

Phật nói: "Xiển-đà, đó là việc xấu. Ta đã không vì ông mà dùng vô lượng phương tiện chê trách những lời nói nhiễu loạn, khen ngợi những lời nói tùy thuận hay sao? Nay vì sao ông gây ra sự nhiễu loạn? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười việc lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nói những lời khác làm não loạn người khác, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Nói những lời khác làm não loạn người khác: Có tám trường hợp.

Đó là:

1. Lúc làm yết-ma.
2. Lúc bàn luận như pháp.
3. Lúc bàn luận về A-tỳ-đàm.
4. Lúc bàn luận về Tỳ-ni.
5. Không bàn về việc khác.
6. Không bàn với người khác.
7. Ngưng luận bàn.
8. Nói những lời khác làm não loạn người

khác.

- Làm yết-ma: Tỳ-kheo tập trung hòa hợp làm yết-ma hàng phục, cho đến yết-ma biệt trụ. Đó gọi là làm yết-ma.

- Bàn luận như pháp: Nói về phi thường (vô thường), phi đoạn (không đoạn diệt). Đó gọi là bàn luận như pháp.

- A-tỳ-đàm: Chỉ cho chín bộ kinh. Đó gọi là A-tỳ-đàm.

- Tỳ-ni: Nói đủ, hoặc nói tóm lược Ba-la-đề-mộc-xoa (giới). Đó gọi là Tỳ-ni.

- Không bàn về việc khác: Không được rời bỏ vấn đề đang bàn luận mà bàn về vấn đề khác. Đó gọi là không bàn về việc khác.

- Không luận bàn với người khác: Không được rời bỏ người vừa hỏi để hỏi người khác. Đó gọi là không bàn luận với người khác.

- Ngưng bàn luận: Lúc đương thuyết pháp liền bảo: "Dừng lại, sau sẽ bàn tiếp". Đó gọi là ngưng bàn luận.

- Nói những lời khác làm não loạn người khác: Như Tôn giả Xiển-đà đã nói những lời khác (ngoài mục đích yết-ma) để làm não loạn người khác.

Đó gọi là tám trường hợp.

Trong đây, dùng những lời khác làm não loạn người khác, phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngoài tám việc

trên đây thì không phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người hỏi: "Tỳ-kheo, thầy từ đâu đến?".

- Từ quá khứ đến.
- Thầy sẽ đi về đâu?
- Hướng về vị lai mà đi.
- Thầy ngủ ở đâu?
- Ngủ trên tám loại cây.
- Hôm nay thầy ăn tại đâu?
- Ăn bằng năm ngón tay.

Nếu hỏi một đằng mà đáp một ngã như vậy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có bọn cướp xâm nhập vào chùa, hỏi Tỳ-kheo: "Chỉ cho tôi những đồ vật của chư Tăng".

Khi ấy, Tỳ-kheo không được chỉ cho họ các thứ châu báu, cũng không được nói dối, mà nên chỉ cho họ phòng ốc, giường ghế các thứ. Nếu bọn cướp nói: "Chỉ cho tôi những vật dụng của tháp", thì cũng không được chỉ cho họ những bảo vật của tháp, cũng không được nói dối, mà nên chỉ những khí cụ cúng dường ở cạnh tháp.

Nếu đám cướp nói: "Chỉ cho tôi nhà bếp", thì Tỳ-kheo cũng không được chỉ cho họ chỗ cất tiền, mà nên chỉ cho họ chỗ để các thứ nồi niêu xoong chảo.

Nếu súc vật của nhà đồ tể chạy thoát, họ đến hỏi Tỳ-kheo có thấy không, thì Tỳ-kheo không

được nói dối, cũng không được chỉ chỗ, mà nên nói: "Xem móng tay đây, xem móng tay đây" (tiếng Phạn có nghĩa là không thấy).

Nếu Tỳ-kheo ở tại A-luyện-nhã, có tù nhân đào thoát, rồi quân lính đến hỏi thì Tỳ-kheo cũng đáp như trường hợp súc sinh trên.

Nếu Tỳ-kheo ở giữa Tăng mà hỏi một đàng đáp một ngả, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ở giữa nhiều người, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước các Trưởng lão Tỳ-kheo mà hỏi một đàng đáp một ngã, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

13. GIỚI CHÊ TRÁCH CHỨC SỰ CỦA TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, người đời có lòng tín kính rất sâu xa, nên họ mang nhiều thức ẩm thực đến cúng dường Thế Tôn, rồi cúng chúng Tăng, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên. Phần cúng dường Phật thì có thị giả thu dọn còn phần cúng dường chúng Tăng và Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thì hoặc dùng hết, hoặc dùng không hết mà không có ai thu dọn để đến hôi thối. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu còn ở phần vị đang học, suy nghĩ: "Nếu ta đạt được vô học, thì ta sẽ coi sóc công việc của Tăng để chư Tăng được an lạc". Suy nghĩ thế rồi, đầu đêm, cuối đêm, thầy

tinh tấn tu tập nên đắc quả A-la-hán, đắc ba minh, sáu thông. Đoạn thầy suy nghĩ: "Vì sao ta phải làm những việc hữu vi? Ta nên tu tập vui sống với thiểu dục, vô sự".

Phật nói với Đà-phiêu: "Khi còn ở quả vị phải học, ông đã nói như sau: "Nếu ta đạt được quả vị vô học, ta sẽ coi sóc công việc chư Tăng". Ông có nói như thế không?".

Thầy đáp: "Có nói như vậy, bạch Thế Tôn".

- Này Đà-phiêu như nguyện vọng của ông trước kia, giờ đây nên làm như vậy.

- Con sẽ làm như Thế Tôn dạy.

Thế rồi chúng Tăng cử thầy làm chín việc như trước đây đã nói. Lúc ấy, thầy tùy nghi sai phái chúng Tăng đi thọ trai. Nếu là Trưởng lão Thượng tọa thì cho thức ăn thượng hạng. Nếu trung tọa thì cho thức ăn trung bình. Nếu hạ tọa thì cho thức ăn thô sơ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo vì đã có mối hiềm khích oán hận, nên đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với Đà-phiêu: "Phàm là người xuất gia, nguyên tắc phải trao thức ăn bình đẳng, ông nên biết: được ít thì không đủ, được nhiều cũng không nên chán, được tốt, được xấu, đều không chu đáo".

Do thế, Trưởng lão Đà-phiêu bèn phân ra ba

loại thực phẩm tinh thô, cứ tuần tự giáp vòng rồi trở lại từ đầu. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sáng sớm thức dậy, liền khoác y cầm bát, đến nhà cúng dường ẩm thực, nói với Ưu-bà-di: "Trao thức ăn cho tôi".

Ưu-bà-di nói: "Thưa Tôn giả, chưa đến giờ ăn. Tôi chưa kịp rửa mặt và rửa chén bát, chưa làm được thức ăn cho người xuất gia".

Lúc ấy, các thanh thiếu nữ trẻ ở nhà đàn-việt mới thức dậy, đi tắm rửa để lộ thân thể. Tỳ-kheo Nan-đà do không thu giữ các căn, nhìn chăm chăm vào các cô gái, nên Ưu-bà-di suy nghĩ: "Tỳ-kheo này không phải là người trì luật, nếu để lâu ở đây có thể sinh ra nhiều tội lỗi. Ta hãy đưa thức ăn của người giúp việc để ông ta đi ngay cho rồi".

Suy nghĩ như thế rồi bà liền mang thức ăn của người giúp việc đưa cho thầy.

Tỳ-kheo ấy nhận được thức ăn rồi, liền trở về Tinh xá. Bấy giờ, có Trưởng lão Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y cầm bát đi đến nhà cúng dường thức ăn. Đàn-việt liền cúng dường thức ăn ngon lành đầy bát, rồi thầy trở về. Khi ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà trông thấy thế, liền nói như sau: "Này Trưởng lão Đà-phiêu, Đức Thế Tôn dạy phải chia thực phẩm bình đẳng. Thầy hãy xem hai loại thức ăn này có giống nhau hay không?".

Đà-phiêu nói: "Ông đến quá sớm, chưa tới giờ

ăn (nên mới thế)".

Hôm sau, Nan-đà bèn khoác y, cầm bát vào thành, nhưng ở dọc đường thầy xem đấu voi, đấu ngựa và nghe người thế tục bình phẩm. Lúc ấy Ưu-bà-di suy nghĩ: "Hôm qua thầy ấy đến không được ăn, hôm nay phải chuẩn bị sớm". Thế rồi bà làm thức ăn xong đã lâu mà chờ mãi vẫn không thấy tới, nên suy nghĩ: "Tôn giả hôm qua đến sớm, bữa nay vì sao không tới? Hay là ở Tinh xá Kỳ-hoàn có cúng dường chư Tăng, cho nên không đến?". Do vậy, bà cùng với chồng con ăn sạch.

Lúc đến giờ, Nan-đà mới vội vã đến, nói với Ưu-bà-di: "Đưa thức ăn cho tôi".

Ưu-bà-di nói: "Con làm thức ăn từ sớm đợi Tôn giả mà không thấy đến. Con tưởng hôm nay có người cúng dường chư Tăng tại Kỳ-hoàn. Thầy được họ mời rồi chứ? Vì thế phần cúng dường cho thầy con đã ăn hết".

Nan-đà liền nói: "Ngươi định bỏ đói ta sao?".

Bấy giờ, Ưu-bà-di liền đem thức ăn thừa của người giúp việc ra cho thầy. Được thức ăn rồi thầy bèn trở về Tinh xá, nói lại như trước.

Đà-phiêu nói: "(Hôm nay) thầy lại tới quá trễ". Nói xong Tôn giả Đà-phiêu liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà tới. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi: "Ông có thật như

vậy chăng?”.

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô số phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời Phật dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Tỳ-kheo hiềm trách thầy tri sự thì phạm Ba-dạ-đề”.

Giải Thích:

Hiềm trách: Hoặc bái nhân, bái chúc nhân, bái chúc chúc nhân.

Bái nhân (người được giao việc): Như Tôn giả Đà-phiêu. Đó gọi là bái nhân.

Bái-chúc-nhân (người được giao việc bèn nhờ người khác làm giúp): Như trường hợp Đà-phiêu-ma-la-tử nhờ người khác xử lý công việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc nhân.

Bái-chúc-chúc-nhân (người được giao việc nhờ người khác làm giúp, rồi người ấy lại nhờ người khác nữa): Người được giao việc lại đi nhờ người khác nữa xử lý việc của Tăng. Đó gọi là bái chúc

chúc nhân.

Hiềm trách: Người hiềm trách phạm Ba-dạ-đề.

Khi Tăng phát các thứ bánh, theo thứ tự đến mình, thì mình nên nhận lấy. Nếu không muốn lấy thì nên bảo họ đi tiếp. Nếu tịnh nhân hỏi: "Vì sao thầy không lấy?", rồi mình đáp: "Tôi kiêng cữ không dùng thứ này, muốn lấy thứ khác", thì không có tội.

Khi Tăng đi phân phát các loại cháo, như cháo sữa, cháo tô lạc, cháo mè, cháo cá v.v... nếu họ múc đầy giá đưa cho Thượng tọa thì Thượng tọa không nên nhận liền mà nên nói: "Nên đưa cho bình đẳng". Nếu người trị nhật đi đưa thịt, vì vị nể Thượng tọa nên đưa nhiều hơn, thì Thượng tọa nên hỏi: "Tất cả đều như thế này chăng?".

Người trị nhật liền đáp: "Chỉ đưa cho Thượng tọa nhiều thôi".

Thượng tọa nên nói: "Nên chia bình đẳng". Thế rồi, nếu không cần nhiều thì hãy lấy một ít. Lấy xong rồi bảo đưa bình đẳng cho mọi người.

Khi có những thức ăn ngon như vậy nên đưa cho bình đẳng.

Lúc Sa-di đi trao đồ ăn, nếu trao cho thầy mình một cách thiên vị, thì thầy tri sự nên nói: "Hãy đưa bình đẳng".

Nếu Sa-di nói: "Sao ông không tự làm đi?".

Lúc ấy thầy tri sự nên đuổi Sa-di đi rồi sai người khác làm.

Nếu người đi đưa thức ăn, thấy có vị Đại đức trong Tăng bèn đưa nhiều hơn, khiến những người khác bị thiếu, thì thầy tri sự nên nói với người ấy: "Trong Tăng không có cao thấp, ngươi hãy đưa bình đẳng".

Nói chung, có các trường hợp: hoặc có hiềm mà không trách móc; hoặc có trách móc mà không hiềm; hoặc vừa hiềm vừa trách móc; hoặc chẳng hiềm chẳng trách móc.

Có hiềm mà không trách móc: Bưng bát thức ăn của mình đem so sánh với bát người bên cạnh rồi nói thế này: "Như thế này có bình đẳng không?". Đó gọi là có hiềm mà không trách móc. Cả bốn trường hợp kia nói rộng cũng như vậy.

Có hiềm mà không trách móc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Có trách móc mà không hiềm cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Vừa hiềm vừa trách móc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Chẳng hiềm cũng chẳng trách móc thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

14. GIỚI TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ TRỐNG

Khi Phật trú tại nước Bạt-kỳ, Ngài đi du hành trong nhân gian, đến bên một con sông kia, thấy

các ngư ông đang bủa lưới bắt cá. Các Tỳ-kheo thấy thế liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các ngư ông này làm một việc lẽ ra không nên làm". Nhân các Tỳ-kheo nói nên Thế Tôn liền đọc kệ:

"Đã được thân khó được
Vì sao làm việc ác
Thân cưu mang ái nhiễm
Chết rồi vào ác đạo".

Khi ấy, các ngư phủ bủa một mảng lưới lớn, ở bên dưới buột đá, ở bên trên cột những cái bầu nổi, thuận theo dòng nước kéo lên, mỗi đầu hai trăm năm mươi người, kêu la kéo lên bờ ầm ĩ. Các Tỳ-kheo thấy thế, liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Những người này nếu ở trong pháp Phật mà tinh tấn như vậy, thì sẽ được lợi ích lớn". Bấy giờ, nhân sự việc ấy, Thế Tôn liền đọc kệ:

"Cái gọi là tinh tấn
Không phải là các dục
Mà là lìa việc ác
Nuôi mạng sống đúng pháp".

Như kinh Bổn Sinh Ca Tỳ La đã nói rõ.

Lúc ấy, trong các con cá bị mắc lưới, có con cá lớn có hàng trăm

cái đầu, mỗi đầu đều khác nhau. Thế Tôn thấy vậy liền gọi tên nó. Nó liền đáp Thế Tôn. Thế Tôn liền hỏi: "Mẹ ngươi ở đâu?".

Nó đáp: "Đang làm thân giòi trong một cầu tiêu nọ".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Con cá lớn này vào thời Đức Phật Ca-diếp, làm một Tỳ-kheo thông tam tạng, vì ác khẩu mà chịu quả báo đủ kiểu đầu. Còn người mẹ vì thọ lợi dưỡng của y cho nên làm giòi trong cầu tiêu".

Khi Phật kể nhân duyên ấy, năm trăm ngư phủ liền bỏ việc kéo lưới, xin xuất gia tu hành, và đều đắc quả A-la-hán, rồi cư trú bên dòng sông Bạt-kỳ.

Thế rồi Phật bảo A-nan: "Hãy sửa soạn chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo khách ấy". A-nan liền bạch Phật: "Xin Phật an ủi các khách Tỳ-kheo".

Phật lại nói với A-nan: "Ông không biết đó thôi, Ta đã nhập vào Tứ thiền an ủi khách Tỳ-kheo rồi".

Trong khi các giường gối bày ra tại chỗ đất trống (không ai dọn dẹp), thì tới giờ khất thực, các Tỳ-kheo khách liền dùng thần lực, người thì đến Uất-đơn-việt phương Bắc, kẻ thì đến cõi trời Ba Mươi Ba, người khác lại xuống cung long vương khất thực. Do thế các giường gối bày ra chỗ trống kia bị nắng táp, gió thổi nên bụi bặm bám rất dơ bẩn. Phật biết mà vẫn hỏi. Rồi các Tỳ-kheo đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói: "Đợi các Tỳ-kheo ấy trở lại đã".

Khi họ về rồi Phật liền hỏi: "Các ông có thật như thế chăng?". Họ đáp: "Có thật như vậy"

Phật nói: "Từ hôm nay nhân việc của các ông, ta chế giới cho các Tỳ-kheo".

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống bên sông Bạt-kỳ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo, ở tại trú xứ của Tăng, mà tự mình hoặc sai người khác đem giường nằm, giường ngồi, nệm gối ra chỗ đất trống, rồi lúc đi không dọn cất, cũng không sai người dọn cất, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Trú xứ của Tăng: Hoặc trú xứ tại A-luyện-nhã, hoặc trú xứ tại thôn xóm.

Giường nằm, giường ngồi:

Có mười bốn thứ:

1. Giường nằm chân tròn.
2. Giường ngồi chân tròn.
3. Giường nằm bằng nệm.
4. Giường ngồi bằng nệm.
5. Giường nằm bằng dây.
6. Giường ngồi bằng dây.
7. Giường nằm bằng ô-na-đà.

8. Giường ngồi bằng ô na đà.
9. Giường nằm bằng đà di.
10. Giường ngồi bằng đà di (ở đây chỉ có mười thứ).

Nệm: Nệm kiếp bối, nệm lông mịn, nệm len, nệm Ca-thi, nệm cỏ.

Gối: Gối kiếp bối, gối lông mịn, gối len, gối Ca-thi. Trải: Hoặc tự mình trải, hoặc bảo người khác trải. Đi: Đi đến nơi khác.

Không đem cất: không tự mình đem cất, không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu muốn thuyết pháp tại chỗ đất trống, rồi người coi giữ giường nệm đem bày giường nệm ra, sau đó bỏ đi cách hai mươi lăm khuỷu tay mà không dặn lại người khác đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu cả hai người cùng biết (có giường ở ngoài trời) thì khi một người ra đi phải dặn người thứ hai. Nếu người thứ hai muốn đi, phải đợi người thứ nhất trở lại dặn dò xong mới được đi. Nếu đem giường gối ra bày rồi có người đến ngồi mà người đem ra biết được họ, thì bỏ đi không có tội.

Nếu vào những tháng mùa xuân, Tỳ-kheo đem giường nệm để ngoài trời, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi đến ngồi ngủ trên đó, thì người đem ra phải dặn Tỳ-kheo ấy đem cất.

Nếu Tỳ-kheo ban đêm đi đại tiểu tiện, đụng nhằm giường của Tăng mà trên ấy không có Tỳ-kheo rồi bỏ đi, thì tùy theo chạm mỗi cái phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu trên giường ấy có Tỳ-kheo, bèn dặn họ đem cất thì không có tội.

Nếu thầy tri sự của Tăng muốn trao giường nệm cho ai, rồi lấy ra để ngoài trời, bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu người nhận giường nệm của Tăng, rồi để phơi ngoài nắng bỏ đi cách xa hai mươi lăm khuỷu tay, cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh, nằm ngủ ở chỗ trống, đệ tử đến đảnh lễ, nếu thấy thầy đứng dậy đi, thì đệ tử phải đem giường ấy vào trong phòng cất.

Nếu hai người cùng ngồi một giường, thì khi Thượng tọa muốn đi phải dặn lại Hạ tọa. Hạ tọa muốn đi thì phải bạch với Thượng tọa: "Con muốn đi, cái giường này nên cất ở chỗ nào?". Nếu Thượng tọa nói: "Ông cứ đi đi, giường này ta sẽ cất cho", thì khi ấy Hạ tọa đi, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đem giường nệm ra để cho Hòa thượng A-xà-lê nằm, rồi bỏ đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Hòa thượng A-xà-lê biết đệ tử đem ra cho mình nằm, thì khi ra đi nên dặn họ cất, nếu không dặn mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đặt hình tượng trên giường của chúng Tăng, rồi các Tỳ-kheo khác đến lễ bái, tay

chạm vào hình tượng mà không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo theo thứ tự đến lễ bái, tay chạm vào hình tượng, thì nên dặn người sau cùng đem cất.

Có các trường hợp: Hoặc được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm, hoặc thuộc trách nhiệm mà không dặn dò; hoặc vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm; hoặc chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm.

Được dặn dò mà không thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp Sa-di.

Thuộc trách nhiệm mà không phải được dặn dò: Đó là trường hợp

Tỳ-kheo Thượng tọa.

Vừa phải dặn dò, vừa thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp Tỳ-kheo Hạ tọa.

Chẳng phải dặn dò, cũng chẳng thuộc trách nhiệm: Đó là trường hợp người thế tục.

Nếu Tỳ-kheo có đức lớn có nhiều đệ tử, rồi họ trải giường nệm, mà thầy biết họ trải cho mình, thì khi đi nên dặn họ đem cất, nếu không dặn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tại trú xứ của chúng Tăng có những giường nệm để ngoài trời, mà khi Tỳ-kheo ra đi, không đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu thấy giường nệm của chúng Tăng để ngoài

trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của chúng Tăng mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của mình để ngoài trời tại chỗ ở của mình, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của Tăng để ngoài trời tại nhà bạch y, mà khi ra đi không đem cất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thấy giường nệm của người thế tục để ở ngoài trời, thì khi ra đi nên nói cho họ biết. Thế nên nói (như trên).

15. GIỚI TRẢI ĐỒ CỦA TĂNG Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Bà-la-môn mời chúng Tăng ở lại cúng dường ẩm thực và dâng y phục. Các Tỳ-kheo bày biện các tọa cụ trong Tăng phòng không dọn cất mà ra đi. Thế Tôn vì năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy trên các tọa cụ ấy có phân chuột gián và bụi đất bẩn thỉu, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: “Các ông là người

xuất gia không có ai lo liệu cho các ông những việc trước sau, vì sao lúc ra đi không đem cất đồ đạc? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Phật dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo tự trải giường nệm hay sai người khác trải giường nệm ở trong chỗ che khuất mà khi ra đi không đem cất, cũng không sai người đem cất, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Ở trong: Tức là chỗ che khuất.

Giường ghế: Gồm mười bốn loại như trên đã nói. Gối nệm: Cũng như trên đã nói.

Trải: Hoặc tự mình trải, hoặc sai người trải. Đi: Đi đến nơi khác.

Không tự cất: Không tự mình đem cất.

Không sai người cất: Không sai người khác đem cất thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn đi nơi khác, thì trước khi đi phải rảy nước quét phòng, dùng khăn lau sàn nhà cho sạch, lại phải đem mền gối phơi khô, rồi nói với người giữ mền gối như sau: "Này Trưởng lão đây là giường mền gối", nhất thiết phải dặn dò lại

như vậy. Nếu người giữ giường nệm là hàng hạ tọa, thì nên đáp: "Tôi sẽ cất giường nệm ấy". Nếu người giữ giường nệm là hàng Thượng tọa, thì khi người kia trả lại giường nệm, nên đáp: "Được rồi". Nếu ra đi mà không bạch thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không bạch mà ra đi, rồi có Tỳ-kheo khác vào ở, phòng ấy không còn trống, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu khi đi rồi mà để quên y bát, bèn trở lại lấy, nhân đó mới bạch, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường trong lúc trời u ám sắp mưa, rồi Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn đi trước về Tinh xá, lấy giường nệm của Hòa thượng A-xà-lê đem cất, thì khi trời tạnh muốn ra đi, phải bạch với Hòa thượng, nếu không bạch mà đi thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều Tỳ-kheo dừng chân nghĩ tại một Tinh xá ở thôn xóm, cùng nhận lấy giường nệm của chúng Tăng, rồi mọi người đều suy nghĩ khi ra đi: "Mỗ giáp sẽ dặn họ cất". Thế rồi đi đến nửa đường, người này hỏi người khác, chung cục không ai dặn lại cả. Nếu vậy, thì lúc ấy, nên sai hai người trở lại dặn họ đem cất.

Nếu các Tỳ-kheo đi đường đến nghỉ tại một Tinh xá, rồi khi ra đi không dặn thầy tri sự cất giường nệm, đến khi đi một đoạn đường xa bèn hỏi nhau, thì mới biết không ai dặn lại cả. Lúc ấy bỗng gặp một Tỳ-kheo khác đi ngược chiều, liền hỏi:

"Trưởng lão định đi đâu đó?". Nếu người ấy đáp: "Tôi muốn đến nơi đó", thì các Tỳ-kheo kia nên bạch: "Tối qua chúng tôi nghỉ tại đó, nhưng lúc ra đi quên không dặn họ cất giường nệm. Vậy Trưởng lão đến đó hãy dặn giúp chúng tôi". Tỳ-kheo ấy cũng nói: "Lúc ra đi tôi cũng quên không dặn, vậy các Trưởng lão đến Tinh xá ấy hãy vì tôi mà dặn giúp". Như vậy hai đàng cùng nhờ vả lẫn nhau, cho đến khi cả hai cùng vào đến ranh giới của mỗi Tinh xá, thì được gọi là có dặn dò.

Nếu Tỳ-kheo nghỉ tại nhà người thế tục, rồi họ cung cấp cho giường nệm tọa cụ, thì lúc ra đi nên nhắc họ đem cất. Nếu đó là tọa cụ bằng cỏ, thì khi đi nên hỏi họ: "Nệm cỏ này nên cất ở đâu?". Rồi tùy chủ nhân chỉ chỗ, ta sẽ đem cất tại đó. Nếu đàn-việt nói: "Thầy cứ đi đi rồi tôi sẽ thu dọn", thì Tỳ-kheo nên xếp lại một góc nhỏ, rồi đi.

Nếu Tỳ-kheo lúc đi đường đến một nơi kia vạch cỏ ra để trải tòa ngồi, thì lúc ra đi phải vuốt cho cỏ thẳng lại rồi mới đi. Thế nên nói (như trên).

16. GIỚI LÔI TỲ KHEO KHÁC RA KHỎI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo khách đến phòng nhóm sáu Tỳ-kheo, nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Lành thay

Trưởng lão!”. Nói như thế rồi bèn đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, để nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ xong, họ bèn hỏi Tỳ-kheo khách: “Thưa Trưởng lão thầy định nghỉ ở đâu?”.

- Nghỉ trong phòng này đây.

- Ông biết phòng này của ai không?

- Tôi biết đây là phòng của chúng Tăng.

- Tuy phòng này là của chúng Tăng nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo chúng tôi đã ở đây trước rồi.

- Đây là phòng của chúng Tăng bốn phương giả sử có nhóm mười sáu Tỳ-kheo ở đây trước, ta cũng theo thứ tự mà ở đây, huống gì là sáu Tỳ-kheo?

- Nếu Trưởng lão muốn ở thì cứ ở.

Khi Tỳ-kheo khách ở đó rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo ập đến, kẻ nắm tay chân, người tóm lấy đầu, dỡ cao lên định vứt thầy ấy ra khỏi phòng. Khi ấy, Thế Tôn dùng thần túc đang lơ lửng trên hư không đi đến. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy Thế Tôn, liền ném ông ta xuống đất và bỏ đi. Phật liền nói với Tỳ-kheo khách: “Ông cứ ở trong phòng này đi”.

Lại nữa, Tôn giả Nan-đà là anh của Ưu-ba-nan-đà. Nan-đà có người đệ tử tùy tùng, người này sau bị đuổi ra khỏi phòng bèn la lớn lên. Các Tỳ-kheo nghe tiếng la đều thất kinh, ra xem nói như sau: “Tỳ-kheo này hôm nay mất hai thứ lợi: Không được ăn, lại mất phòng”. Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn

đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà: "Các ông có thật như thế chăng?". Họ đáp: "Có thật như vậy".

Phật liền khiển trách: "Vì sao các ông ở trong phòng của Tăng bốn phương, rồi lôi Tỳ-kheo khách ra ngoài? Đó là việc xấu. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện tán thán những người phạm hạnh cần phải tu tập tâm từ bi, tu tập khẩu ý từ bi và thường cúng dường, cung cấp (cho khách Tăng) hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo tự mình hoặc sai người khác kéo Tỳ-kheo khác ra khỏi Tăng phòng, thậm chí nói: "Tỳ-kheo ông ra đi", thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, rồi Tỳ-kheo ấy hoặc ôm cột nhà, hoặc nắm cánh cửa, hoặc tựa vào vách, mà Tỳ-kheo kéo rời khỏi mỗi chỗ, thì phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Hoặc dùng lời nói trách mắng, xua đuổi Tỳ-kheo kia, rồi Tỳ-kheo

kia tùy theo lời trách mắng mà rời đi từng chỗ, thì phạm từng tội Ba-dạ-đề. Nếu dùng phương tiện đuổi thẳng ra khỏi cửa, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo tức giận chuột rắn mà đuổi chúng đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu nói: "đây là vật vô ích ", rồi đuổi chúng đi, thì không có tội.

Nếu lạc đà, bò, ngựa đứng trong chùa tháp, rồi Tỳ-kheo vì sợ ô uế chùa tháp mà đuổi chúng đi thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo này đuổi Tỳ-kheo khác đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đuổi Tỳ-kheo ni đi, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu đuổi Thức xoa ma na, Sa-di, Sa-di ni, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, cho đến đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 15

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

17. GIỚI CƯỠNG CHIẾM CHỖ NẰM CỦA NGƯỜI KHÁC

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hành trong nhân gian đến Câu-diệm-di, thế rồi vào một hôm đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn; sau khi nghe thuyết pháp xong, các Tỳ-kheo trở về phòng an trú. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo còn nấn ná, chuyện vãn với các người khác đến khuya mới trở về, gõ cửa phòng. Người trong phòng hỏi: "Ai đó?", thì họ đáp: "Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo đây, muốn nghỉ lại trong phòng này". Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: "Phòng này đã hết chỗ rồi".

Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn hạ giọng nhỏ nhẹ van nài: "Cho chúng tôi một chỗ để ngồi một lát thôi".

Họ van nài như thế mà không được, rồi họ đi đến phòng khác van nài lại cũng không được. Họ

bèn đi tới chỗ trú của các Tỳ-kheo Hạ tọa, như căn phòng sưởi, phòng tọa thiền, giảng đường gõ cửa. Các Tỳ-kheo trong phòng hỏi: "Ai đó?", thì họ đáp: "Chúng tôi là nhóm sáu Tỳ-kheo, muốn xin nghỉ ở đây".

Các Tỳ-kheo trong phòng đáp: "Phòng này đã đầy cả rồi". Nhóm sáu Tỳ-kheo lại kỳ kèo, van nài không ngừng. Các Tỳ-kheo trong phòng liền mở cửa. Họ bèn bước vào trong phòng, rồi nằm ngang dọc trên giường, hoặc dùng tay chân gác lên người bên cạnh, hoặc dùng cùi chỏ, đầu gối húc vào hông những người đó, hoặc nói: "Nếu các Trưởng lão thấy khó chịu thì đi chỗ khác". Nói thế xong họ liền thổi tắt đèn, rồi gọi các Tỳ-kheo bạn hữu ở ngoài, nói: "Các vị phạm hạnh có thể vào đây".

Khi vào phòng xong, họ nằm quay đầu ngược nhau, người này gác cùi chỏ lên đầu gối người kia, mặc sức đùa giỡn. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ai mà có thể nằm chung với những kẻ phi oai nghi này", rồi cầm tọa cụ đi ra khỏi phòng. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Đợi Ta đi Kiều-tát-la xong, trở về lại thành Xá-vệ, các thầy hãy trình bày lại việc này với Ta, Ta sẽ chế giới cho các Tỳ-kheo".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Các Tỳ-kheo khách nhận được phòng của nhóm sáu Tỳ-kheo, ban đêm họ đóng

cửa nằm ngủ. Nhóm sáu Tỳ-kheo vì trước đó có mối hiềm khích với Tỳ-kheo khách nên họ hốt bùn lầy đổ ngay lối đi trước cửa phòng, rồi bỏ đá gạch lẫn lộn vào. Tỳ-kheo khách ban đêm đi ra khỏi phòng, đạp nhằm bùn lầy, té trên gạch đá, bèn la lên: "Các Trưởng lão! Nhóm sáu Tỳ-kheo hại tôi làm gãy cổ tôi. Họ làm cái việc như thế (đổ bùn đá trên lối đi) là muốn nhiễu loạn tôi. Ai mà có thể sống với họ được".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có làm chuyện ấy thật chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác.

Thế rồi, các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo không những làm một việc ác này mà lúc Thế Tôn đi du hành đến nước Kiều-tát-la, họ cũng đã từng nhiễu loạn các Tỳ-kheo, đến nỗi các Tỳ-kheo ấy phải mang tọa cụ rời khỏi trú xứ".

Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có làm việc ấy thực chăng?

- Có thực, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông đã biết những người ấy đến trước, trải tọa cụ rồi, mà các ông đến sau làm nhiễu

loạn muốn đuổi họ đi? Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác đến trước trải giường nệm rồi, mình đến sau cũng trải đồ đạc ra rồi suy nghĩ: "Nếu người kia không thích thì bỏ đi". Làm việc đó với dụng tâm như thế chứ chẳng có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Biết: Tự biết hoặc nghe từ người khác mà biết. Trải đồ đạc ra trước: Trải ra từ lúc đầu.

Giường nệm: Như trước đã giải thích.

Đến sau rồi bày đồ đạc ra: Vì muốn nhiễu loạn người trước muốn cho họ bỏ đi. Nếu vì nguyên nhân ấy chứ không có lý do nào khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu chỗ ở thiếu thì mỗi Tỳ-kheo nên chiếm cứ trong phạm vi một cây cột, trải giường nệm, tọa cụ, rồi đi đến các Hòa thượng, A-xà-lê lễ bái, hoặc thăm hỏi, hoặc đọc kinh. Thế rồi Tỳ-kheo đến sau bèn cuốn tọa cụ người trước, trải tọa cụ mình ra,

ngồi tán kệ rầm rì. Vị Tỳ-kheo ở trước trở về phòng, thấy thế, suy nghĩ: "Ai mà có thể thâu phục được người này", bèn cầm tọa cụ bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo đến sau ấy phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc ngồi thiền, tụng kinh, dưỡng bệnh cũng như vậy. Hoặc mình là Thượng tọa đến sau rồi nằm ngủ trên giường người khác, thì người kia nên nói: "Trưởng lão không biết Thế Tôn ngăn cấm việc đó sao?". Nếu Tỳ-kheo nằm ngủ này là Hạ tọa, thì người kia nên khiển trách: "Ông không biết rõ giới luật. Ông không biết Thế Tôn đã chế giới sao? Vì sao đến sau mà ngủ trên giường người khác?".

Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành tại chỗ của một Tỳ-kheo khác mà trông thấy người ấy đến thì nên lánh đi. Nếu Tỳ-kheo ban đêm nằm ngủ rồi nói mớ mà không có ý nhiễu loạn tha nhân thì vô tội. Nhưng nếu có chủ tâm nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nhiễu loạn Tỳ-kheo thì phạm tội Thâu-lan-giá; nhiễu loạn Thức-xoa-ma-ni, sa-di, sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhiễu loạn người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

18. GIỚI NGỒI GIƯỜNG CÓ CHÂN NHỌN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, lúc ấy

có hai Tỳ-kheo cũng sống tại đó, Thượng tọa ở tầng trệt, Hạ tọa ở trên gác. Thượng tọa ngồi thiền, Hạ tọa tụng kinh. Đến giờ khất thực, Thượng tọa khoác y, cầm bát vào thôn Khoáng Dã khất thực, nhanh chóng đủ thức ăn bèn trở về, thì Hạ tọa mới đi. Thượng tọa ăn xong, rửa bát đem cất lại chỗ cũ, rồi rửa chân ngồi kiết già. Hạ tọa đi khất thực nhận được thức ăn chậm chạp nên về muộn, bèn leo lên gác, để bát ở chỗ cũ, rồi kêu lên: "Mệt quá", đoạn đặt đít xuống ngồi thì bỗng dưng chân giường sút ra rơi nhằm đầu Thượng tọa làm cho bị thương máu chảy ra. Thượng tọa liền kêu lên: "Chết tôi rồi! Chết tôi rồi!". Các Tỳ-kheo nghe tiếng kêu liền chạy đến hỏi vì sao như vậy, Thượng tọa liền trình bày đầy đủ sự kiện kể trên. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo họ đi gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi: "Ông có điều đó thật không?".

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Vì sao ở trên gác mà ông đặt giường có chân nhọn, rồi ngồi mạnh lên đó? Từ nay trở đi Ta không cho phép đặt giường có chân nhọn trên gác mà ngồi.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thôn Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo đặt giường có chân nhọn ở trên gác, trên lầu, rồi ngồi hoặc nằm trên đó, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Gác: Tầng thứ hai.

Trên lầu: Như Đức Thế Tôn đã cho phép. Chân nhọn: Như cái cọc.

Giường: Gồm có mười bốn loại, như trước đã nói.

Nếu ngồi hoặc nằm (trên giường có chân nhọn) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dùng đất sét làm nền ở dưới vững chắc, hoặc dùng gỗ lát kín ở dưới, hoặc chân giường tròn, hoặc xung quanh gác và dưới gác không có người ngồi thì đều vô tội. Nếu đục đẽo làm chân giường nhọn dùng để ngồi hay nằm thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên tấm ván mỏng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên trường kỷ (ghế dài) thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). Nếu làm cái giường một chân nhọn, ba chân tròn, hay hai chân nhọn, ba chân, bốn chân nhọn đều phạm Ba-dạ-đề. Nhưng làm cái giường bốn chân tròn thì vô tội. Thế nên nói (như trên).

19. GIỚI DÙNG NƯỚC CÓ SINH

TRÙNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã có Tỳ-kheo quản sự dùng nước có trùng tưới lên cỏ trên đất bùn khiến cho người đời chê trách: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách việc sát sinh, ca ngợi từ bỏ sát sinh, thế mà nay Sa-môn đệ tử dùng nước có trùng tưới lên cỏ, trên bùn. Đó là những kẻ bại hoại nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên: "Ông có làm việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác đáng bị người đời chê trách. Đó là điều phi luật, phi pháp, trái với lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng nước có trùng tưới lên cỏ lên đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang cư trú tại thôn Khoáng Dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo đem nước có trùng tưới lên cỏ lên bùn hoặc sai người khác tưới, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Trùng: Kể cả những loại bé nhỏ nhất mà có mạng sống đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói. Cỏ: Chỉ các loại cỏ tranh, cỏ gai v.v…

Bùn (mùn): Chất mục nát của cỏ, của rác hoặc phân voi, phân ngựa, phân bò v.v…

Tưới: Hoặc tự mình tưới hoặc sai người khác tưới, đều phạm Ba-dạ-đề như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà đem tưới rồi dừng lại, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, tùy theo dừng lại nhiều ít, cứ mỗi lần dừng thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu sai người khác tưới, thì một lần bảo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu lại nhắc nhở: "Hãy tưới nhanh nhanh lên", thì mỗi lần nhắc phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo làm phòng xá, nhà sưởi ấm cần đến nước, thì có thể lấy nước hồ, nước sông, nước giếng đem lọc đựng vào trong thùng xem kỹ mà không thấy có trùng thì mới dùng. Nếu vẫn còn trùng thì phải dùng đãy lọc lại rồi xem kỹ, nhưng nếu vẫn còn trùng thì lọc đi lọc lại ba lần. Tuy thế, nếu chưa hết trùng thì phải đào giếng khác, rồi tuần tự lọc và xem như trước, nếu vẫn có trùng thì bỏ nơi này mà đi đến chỗ khác. Phương pháp lọc nước phải trồng ba cây trụ cứng rồi dùng dây buộc vào các đầu trụ bên trên cột đãy

lọc, ở dưới đặt thùng hứng nước. Nước đọng trong đãy lọc, ta đem đổ đi thì nó lại chảy trở lại xuống giếng; trùng sinh ra không nhất định, hoặc trước không có bây giờ mới có, hoặc bây giờ có mà sau này thì không. Thế nên Tỳ-kheo hằng ngày phải xem kỹ trong nước không có trùng mới được dùng. Nếu Tỳ-kheo biết trong nước có trùng mà tự mình đem tưới trên cỏ, trên đất mùn, hoặc sai người khác đem tưới, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đem nước có trùng đưa cho Hòa thượng, A-xà-lê tắm rửa, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nước rửa chén, rửa cơm thừa canh cặn, các thứ tương chao có trùng trong đó đem tưới trên cỏ trên đất bùn, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

20. GIỚI LỢP NHÀ QUÁ BA LỚP

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, nói rộng như trên, lúc ấy Tôn giả Xiển-đà đi khuyến hóa về làm phòng. Xiển-đà gom góp các vật dụng lợp nhà như cỏ cây, tre v.v. xong xuôi, rồi đi đến thợ lợp nhà nói: "Tôi đã chuẩn bị các vật dụng lợp nhà xong rồi, nhờ ông hãy đến lợp nhà giúp cho". Người thợ lợp nhà nói: "Thưa thầy, thầy hãy cho tôi ăn cơm và trả tiền công cho tôi".

Khi ấy, Xiển-đà tùy theo giá trị đồng ý trả tiền công cho ông. Thế rồi ông ta đi tới chỗ lợp nhà, Xiển-đà chỉ cho ông xem những vật dụng để lợp nhà, ông nói: "Lợp nhà có ba trường hợp dày mỏng

không giống nhau, vậy thầy muốn lợp theo cách nào?".

Xiển-đà nói: "Ông cứ tùy theo ba mức độ dày mỏng đó mà dùng hết loại cỏ này để lợp".

Thợ lợp nói: "Tất cả các việc ở đời đều có chừng mực nhất định, làm đúng chừng mực thì người đời mới khen ngợi". Xiển-đà nói: "Ông cứ việc lợp hết lên, cần chi phải nói nhiều lời".

Thợ lợp theo lời chỉ bảo dùng hết cỏ để lợp lên. Vì cỏ nhiều, dày nên buộc không chặt do thế vừa mưa xuống liền sút sổ ra hết, giống như hoa nở mà bị cơn mưa suốt đêm tàn phá. Cho nên y bát bị ướt hết cả. Bởi thế, sáng sớm hôm sau, Xiển-đà tới nhà thợ lợp nói: "Vì sao ông lợp nhà cho tôi lại để xảy ra sự cố như thế?".

Thợ lợp hỏi: "Sự cố gì?".

Xiển-đà nói: "Bị mưa suốt đêm khiến y bát của tôi ướt cả".

Thợ lợp nói: "Lúc đầu tôi đã không bảo với thầy rằng lợp nhà có ba trường hợp dày mỏng khác nhau là gì? Thế mà thầy lại bảo cứ lợp hết cả lên".

Xiển-đà nói: "Ông phải lợp lại cho tôi".

Thợ lợp nói: "Thầy phải cho tôi ăn và trả tiền công cho tôi".

- Tiền công ông đã nhận trước rồi.

- Tiền nhận trước thì đã làm việc trước xong

rồi. Nếu thầy muốn làm lại thì phải trả gấp ba lần giá trước kia.

Thế nhưng Xiển-đà ỷ thế lực của vua chúa, bắt buộc thợ lợp phải lợp lại mà không chịu trả tiền. Thầy đi xung quanh nhà thợ lợp đay nghiến, trách móc.

Lúc ấy, có người đi qua đó, thợ lợp bèn phân bua với họ: "Các vị hãy xem ông Sa-môn con dòng họ Thích này ỷ thế lực của vua chúa bắt buộc tôi phải làm việc mà không trả tiền công".

Những người đi đường liền chê trách: "Vì sao con nhà họ Thích ỷ thế lực của vua chúa bắt người ta phải làm việc mà không trả tiền công, thật là điều không thể chấp nhận. Lại còn đi quanh nhà người ta giống như con ngựa giẫm đạp tàn phá cỏ tươi. Đây là kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Phật bảo họ đi gọi Xiển-đà đến. Khi thầy tới rồi Phật bèn hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy.

- Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả vì mười

lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nào làm phòng lớn có cửa lớn cửa sổ thì nên làm tại chỗ ít cỏ mọc và chỉ bảo người ta lợp ba lớp là vừa, nếu lợp quá ba lớp thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Làm: Hoặc tự làm, hoặc sai người khác làm. Lớn: Quá mức quy định.

Phòng: Đức Thế Tôn đã cho phép.

Cửa lớn: Chỗ người ta ra vào thông thoáng. Cửa sổ: Chỗ để ánh sáng chiếu vào.

Chỉ bảo: Sai bảo chỉ vẽ.

Lợp: Có mười cách: Hoặc bằng cỏ, hoặc bằng đất dẻo, hoặc bằng ván, hoặc bằng xi măng, hoặc lợp theo cách của nước A-bàn-đầu, theo cách của nước Ma-kiệt-đề, theo cách của nước Câu-diệm-di, theo cách của Sơn Quốc, theo cách của nước Cung Kính, theo cách của nước Tàng Ngữ. Đó là mười cách lợp.

Ba lớp: Tối đa là ba lớp chứ không phải năm, sáu lớp. Chỗ đất ít cỏ: Chỗ đất mà cỏ ít sinh trưởng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi đi thuê người lợp nhà định giá cả thì phải căn cứ theo thời giá, không được cao hay thấp, và nên nói với người thợ lợp: "Nếu ông lợp được như

thế, thì tôi sẽ trả cho ông giá như thế. Nếu ông không lợp được như thế thì tôi sẽ không trả cho ông giá như thế", cần phải yêu cầu rõ ràng như vậy.

Khi đã đặt điều kiện xong, Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Ta hãy dùng phương tiện đem cỏ cây, tre tới chỗ anh ta, để anh ta trông thấy mà lợp nhanh và đẹp", thì người thợ lợp khi thấy rồi, dù làm đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo đều phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc là dùng phương tiện muốn cho người lợp nhà trông thấy mình, thầy bèn đi đến Hòa thượng, A-xà-lê đảnh lễ hoặc nghe kinh, hoặc đi kinh hành hoặc vào thôn xóm, với suy nghĩ: "Mong người thợ lợp trông thấy mình để anh ta sẽ lợp nhanh và đẹp", thì khi thợ lợp trông thấy, dù có lợp đẹp hay không đẹp, Tỳ-kheo này đều phạm Ba-dạ-đề. Nghĩa là dùng bất cứ phương tiện nào với dụng tâm như vậy, đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có ý đồ dùng phương tiện mà chỉ đến xem anh ta lợp có nhanh và đẹp hay không, thì vô tội. Thế nên nói:

"Chủng tử và nói khác
Hiềm trách ngồi chỗ trống
Trải đồ đuổi người ra
Trải đồ trước trên gác
Nước trùng, làm phòng lớn
Phần hai Bạt cừ xong".

21. GIỚI TỰ ĐI DẠY NI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni, nhưng Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà không được sắp xếp theo thứ tự giáo giới, nên tự bảo nhau: "Các Trưởng lão Tỳ-kheo đều được sắp xếp theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni, còn chúng ta thì không được theo thứ tự đi giáo giới, vậy nay chúng ta hãy tự đi giáo giới trước". Họ bèn suy nghĩ: "Ta phải theo thứ tự trước ai đây? Đại Mục-kiền-liên chăng? Nhưng Tôn giả ấy có đại thần lực, lỡ có điều gì thất thố thì ông ta sẽ xách chúng ta ném đến một thế giới xa xôi khác mất. Vậy chúng ta nên theo thứ tự trước Tôn giả Đại Ca-diếp mà đi. Nhưng Tôn giả ấy có đại uy đức, nếu ta có điều gì không hợp lý thì ông ta có thể làm nhục chúng ta giữa đại chúng. Chỉ có Tôn giả Xá-lợi-phất là nhu hòa, vậy ta hãy theo thứ tự của ông ấy". Suy nghĩ thế rồi, họ bèn theo thứ tự, sớm tinh sương, khoác y đi đến trước Tinh xá của Tỳ-kheo ni, nói như sau: "Các chị em hãy tập trung lại trong sự hòa hợp, chúng tôi đến để giáo giới đây".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ni bèn tập họp Ni chúng (để nghe giáo giới). Tỳ-kheo Nan-đà này vốn đa văn, có biện tài, khéo thuyết pháp, liền tùy nghi thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo ni.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ đi giáo giới bèn khoác y, đi đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-

kheo ni, đứng lại đó, thì nghe tiếng thuyết pháp. Lúc này, các Tỳ-kheo ni từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng vì tôn kính pháp nên không ra cửa đón tiếp. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy sự kiện như thế liền suy nghĩ: "Nay ta không nên làm gián đoạn thời thuyết pháp", bèn trở về, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất: "Ông đã giáo giới Tỳ-kheo ni xong rồi sao?".

- Không giáo giới, bạch Thế Tôn.

- Vì sao thế?

Xá-lợi-phất bèn đem nhân duyên trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Vì sao Tăng không sai mà các ông đi giáo giới Tỳ-kheo ni? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai mà đi giáo giới Tỳ-kheo ni thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Không sai: Tăng không làm yết-ma thì gọi là không sai. Nếu mười hai việc không thành tựu thì cũng không gọi là Tăng sai, như: Tăng không đủ số, bạch không đúng cách, làm yết-ma không đúng cách, đều gọi là không sai.

Giáo giới: Hoặc dạy về luận, hoặc dạy về luật.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không được Tăng sai mà đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề.

22. GIỚI GIÁO GIỚI NI CHO ĐẾN TRỜI TỐI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, bấy giờ, các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni, nhưng Tôn giả Nan-đà đến phiên mình đi giáo giới mà không chịu đi, khiến Tỳ-kheo ni Đại Ái Đại Kiều Đàm Di đi đến chỗ Phật cuối đầu đảnh lễ chân Phật rồi bạch Phật: "Bạch Thế Tôn! Tôn giả Nan-đà theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni mà không chịu đi, vậy thì ai là người nên đi đây?". Nói thế xong, bà cuối đầu đảnh lễ chân Phật rồi ra đi.

Phật liền bảo một Tỳ-kheo đi gọi Nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật bèn hỏi: "Đến phiên ông phải đi giáo giới Tỳ-kheo ni, mà vì sao không đi?".

- Bạch Thế Tôn! Vì con chưa được Tăng làm

yết-ma cử đi, do thế mà không đi.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Người nào thành tựu mười hai việc thì Tăng nên cử đi giáo giới Tỳ-kheo ni".

Thế nào là mười hai việc? Đó là:

1. Trì giới thanh tịnh.
2. Học nhiều A-tỳ-đàm.
3. Am tường Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể đoạn trừ ác kiến, tà kiến cho kẻ khác.
8. Tự mình giữ giới tinh nghiêm lại có thể làm gương cho người khác.
9. Rành ngôn ngữ lý luận
10. Không làm hoen ố phạm hạnh.
11. Không hỷ hoại trọng giới của Tỳ-kheo ni.
12. Đủ hai mươi hạ lạp, hoặc hơn hai mươi hạ lạp. Đó là mười hai pháp.

Người làm yết-ma nên tác bạch (đề cử) như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôn giả Nan-đà thành tựu mười hai pháp, nay Tăng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo ni, các Đại đức nào bằng lòng Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo ni thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng sai Nan-đà giáo giới Tỳ-kheo ni, vì Tăng đã im lặng. Vậy việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Thế rồi, Tôn giả Nan-đà tới đó thuyết pháp cho các Tỳ-kheo ni kéo dài đến lúc mặt trời lặn, các Tỳ-kheo ni mới vội vả trở về lại trong thành, khiến người đời trông thấy thế, chê trách: "Sa-môn Thích tử dẫn Tỳ-kheo ni này đi mua vui cho đến mặt trời lặn mới trở về. Khá thương thay cho thân phận nữ nhi không được tự tại! Đến như thế thì thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi Nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo ni mà ở lại từ lúc mặt trời lặn cho đến bình minh chưa xuất hiện, thì phạm tội Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tăng sai: Người thành tựu mười hai pháp. Tăng chúng thành tựu, tác bạch thành tựu và yết-ma thành tựu.

Giáo giới: Hoặc là dạy về A-tỳ-đàm (Luận), hoặc là dạy về Tỳ-ni (Luật).

Trời tối: Từ lúc mặt trời lặn cho đến khi ánh sáng mặt trời chưa xuất hiện.

Ba-dạ-đề: Như đã nói trên

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời chưa lặn cứ việc giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Mặt trời đã lặn mà tưởng là mặt trời đã lặn (nhưng vẫn tiếp tục giáo giới) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Mặt trời chưa lặn mà tưởng chưa lặn thì không có tội.

Minh tướng (Ánh sáng bình minh) trong bốn trường hợp cũng như vậy.

Tỳ-kheo ni mà tưởng là Thức-xoa-ma-ni rồi giáo giới họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Thức-xoa-ma-ni mà tưởng là Tỳ-kheo ni, rồi giáo giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thức-xoa-ma-ni mà tưởng là Thức-xoa-ma-ni rồi giáo giới, thì không có tội.

Tỳ-kheo ni mà tưởng là Tỳ-kheo ni rồi giáo giới (đến tối), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sa-di ni, nữ ngoại đạo xuất gia, Ưu-bà-di, trong bốn trường hợp, cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo ni ban đêm đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, rồi Tỳ-kheo nói: "Mong hết khổ được giải thoát", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Lành thay, cô đến đây", thì không có tội.

Nếu trong đêm bốn bộ chúng tập họp để nghe pháp mà Tỳ-kheo có dụng ý muốn thuyết pháp riêng cho Tỳ-kheo ni rồi nói về các kinh Đại-ái-đạo xuất Gia, kinh Hắc cù-đàm-di, kinh Pháp-dự Tỳ Kheo Ni thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu lâu nay chỉ đọc các kinh này, không biết các kinh khác rồi theo thứ tự mà đọc, thì không có tội.

Nếu ban đêm Tỳ-kheo ngồi trên tòa cao thuyết pháp mà nói như sau: "Tất cả hội chúng ngồi lắng nghe cho rõ", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không nói như thế mà chỉ lo thuyết pháp thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

23. GIỚI KHI ĐI DẠY NI KHÔNG BẠCH TỲ KHEO KHÁC

- Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni, nhóm sáu Tỳ-kheo liền

suy nghĩ: "Các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự đi giáo giới Tỳ-kheo ni, nhưng chúng ta thì không được đi. Vậy ta hãy đi trước đến giáo giới Tỳ-kheo ni". Lúc ấy có người nói: "Đức Thế Tôn chế giới:

Tăng không sai thì không được giáo giới Tỳ-kheo ni".

Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Chúng tôi biết làm pháp yết-ma", bèn đem nhau ra khỏi cương giới làm pháp yết-ma đề cử nhau theo thứ tự, rồi đi đến Tinh xá Tỳ-kheo ni, nói như sau: "Này các chị em hãy tập trung ni chúng lại trong sự hòa hợp để tôi dạy bảo".

Lúc này, nhóm sáu Tỳ-kheo ni liền nhanh chóng tập họp lại, nhưng trong Ni chúng có người biết pháp nói như sau: "Ai mà chịu nhận sự giáo giới của các kẻ làm trái giới luật". Thế rồi nhóm sáu Tỳ-kheo ni bèn tự ý tập họp lại bàn chuyện thế tục, xong rồi liền giải tán.

Khi đến giờ đi giáo giới, Tôn giả Nan-đà bèn khoác y, đi đến Tinh xá Tỳ-kheo ni, nói như sau: "Các Tỳ-kheo ni hãy tập họp hết lại, tôi sẽ giáo giới". Khi đó, các thiện Tỳ-kheo ni liền tập trung lại trong sự hòa hợp, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo ni thì không đến. Nan-đà bèn hỏi: "Chúng Tỳ-kheo ni đã hòa hợp chưa?".

- Chưa.

- Ai không đến?

- Nhóm sáu Tỳ-kheo ni không đến.

Ni chúng cho sứ giả đi gọi, nhưng họ vẫn không đến, mà còn nói như sau: "Trước đây chúng tôi đã nhận sự dạy bảo của nhóm sáu Tỳ-kheo rồi".

Nan-đà nói: "Ni chúng không hòa hợp thì không được giáo giới". Nói xong liền trở về Tinh xá, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Ông đã giáo giới Tỳ-kheo ni xong rồi sao?". Nan-đà bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc trên: "Các ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật bạch Thế Tôn.

- Này nhóm sáu Tỳ-kheo! Vì sao Tăng không sai mà giáo giới Tỳ-kheo ni?

- Chúng con đã nhận sự sai bảo xong rồi.

- Này những kẻ ngu si! Ai sai bảo các ông?

- Chúng con ra ngoài đại giới (làm yết-ma) tự sai (đề cử) lẫn nhau.

- Từ nay trở đi Ta không cho phép ra ngoài đại giới (làm yết-ma) sai bảo nhau đi đến Tinh xá Tỳ-kheo ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di lâm bệnh, Tôn giả A-nan đến

viếng thăm, hỏi: "Thân thể thế nào, bệnh có giảm không? Không tăng thêm đấy chứ?".

- Thưa Tôn giả, bệnh hoạn khổ sở không thuyên giảm; lành thay mong Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe.

- Đức Thế Tôn chế giới: Không bạch với các Tỳ-kheo trong đại giới thì không được thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni.

- Hòa nam (mô Phật).

- Mong Ni sư được an ổn.

Nói thế xong, Tôn giả liền trở về, đến thẳng chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi A-nan.

A-nan bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói: "Nếu ông thuyết pháp cho bà ấy nghe thì bệnh của bà ấy sẽ bớt, thân thể sẽ được an lạc. Từ nay về sau Ta cho phép thuyết pháp cho Tỳ-kheo ni đang lâm bệnh". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo đến trú sứ của Tỳ-kheo ni để giáo giới, mà khi ra đi thấy có Tỳ-kheo khác mà không bạch - ngoại trừ lúc khác - thì phạm Ba-dạ-đề. Lúc khác tức là lúc (Tỳ-kheo-ni) bị

bệnh”.

Giải Thích:

Lúc khác: Tức là lúc lâm bệnh. Giáo: Dạy bảo.

Có Tỳ-kheo: Tỳ-kheo đang có mặt tại trú xứ đó không phải Tỳ-kheo quen biết.

Không bạch: Nếu nói: “Tôi vào thôn xóm phi thời”, hoặc nói: “Tôi không ăn chung”, tức là không bạch.

Bạch: Phải nói như thế này: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo ni để giáo giới”. Người kia nên đáp: “Chớ phóng dật”.

Trừ lúc khác: Lúc khác là lúc Tỳ-kheo ni bị bệnh, thì Thế Tôn cho phép giáo giới mà không có tội

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo đang sống tại nơi hoang vắng mà một người muốn vào Tinh xá Tỳ-kheo ni thì phải bạch với người thứ hai như sau: “Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi vào Tinh xá Tỳ-kheo ni để giáo giới”. Người kia nên nói: “Chớ phóng dật”. Người nọ đáp: “Xin cúi đầu vâng lời”.

Nếu cả hai người muốn đi thì nên bạch với nhau rồi mới đi. Nếu một người đi rồi, người còn lại muốn đi thì suy nghĩ thế này: “Nếu đi giữa đường gặp Tỳ-kheo, tôi sẽ bạch, hoặc vào thôn xóm thấy Tỳ-kheo tôi sẽ bạch”. Khi tới cổng Tinh xá Tỳ-

kheo ni, không nên vào liền, mà nên hỏi xem có Tỳ-kheo trong đó hay không đã. Nếu có thì mời họ ra tác bạch, bạch xong rồi mới vào. Nếu không bạch mà bước một chân vào khỏi cổng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai chân đã vào khỏi cổng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ni mời Tỳ-kheo đến thọ trai, thì vị Thượng tọa trong chúng nên bạch như sau: "Vào trú xứ Tỳ-kheo ni để giáo giới". Nếu

Thượng tọa đệ nhất không rành đối đáp, thì đệ nhị Thượng tọa nên bạch. Nếu chư Tăng đã vào ngồi (tại trú của ni), rồi Tỳ-kheo ni đến hỏi việc này việc khác, mà trong chúng có Tỳ-kheo trẻ có biện tài đối đáp, thuyết pháp ngay khi ấy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni ở hai phòng gần nhau, rồi Tỳ-kheo tán tụng nho nhỏ mà Tỳ-kheo ni cách tường nghe được bèn hỏi: "Tôn giả nào tán tụng vậy?".

- Tôi tán đấy.

- Tôn giả tán tụng hay thật.

- Cô muốn nghe lại không?

- Muốn nghe.

Thế rồi, Tỳ-kheo liền tán tụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nhưng nếu Tỳ-kheo ni bị bệnh mà Tỳ-kheo tán

tụng (kinh chú) thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo ni ấy chết, rồi đệ tử của Tỳ-kheo ni bảo Tỳ-kheo rằng thầy mình đã chết, thì Tỳ-kheo nên dừng lại.

Nếu tán tụng về lý vô thường cho cô ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ni đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo rồi Tỳ-kheo chú nguyện: "Mong cô dứt hết đau khổ, được giải thoát", thì phạm tội Ba-dạ-đề; chỉ nên nói: "Lành thay cô đã đến". Thế nên nói (như trên).

24. GIỚI PHỈ BÁNG VỊ GIÁO THỌ NI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, ra đứng trước cửa Tinh xá Kỳ-hoàn từ tờ mờ sáng, bỗng thấy Tỳ-kheo đi giáo giới Tỳ-kheo ni ra cửa. Nhóm sáu Tỳ-kheo trông thấy thầy ấy liền nói như sau: "Các ông nay vào trong thành tha hồ buông thả các căn, chỉ vì thích ăn uống mà đi chứ chẳng có lý do nào khác". Khi ấy, Tỳ-kheo đi giáo giới này lấy làm xấu hổ. Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn (347c). Phật bèn bảo họ đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.
- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta

dạy; không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão vì thức ăn mà giáo giới Tỳ-kheo ni", thì phạm tội Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Thức ăn: Như bún, bánh, cơm, thịt, cá lại có thức ăn khác gọi là: sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Giáo giới: Như trên đã nói. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Nay thầy vì việc ăn uống mà đi giáo giới Tỳ-kheo ni", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nói: "Thầy vì thuốc men mà đi giáo giới Tỳ-kheo ni", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo ni như sau: "Thầy Tỳ-kheo kia vì việc ăn uống mà giáo giới các cô đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nói với các Tỳ-kheo ni như sau: "Thầy Tỳ-kheo kia vì thuốc men mà giáo giới các cô đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Thầy vì

việc ăn uống mà đi giáo giới Thức-xoa-ma-ni, Sa-di ni", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Vì việc thuốc men mà đi giáo giới", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Cũng thế, cho đến đối với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói: "Thầy ấy vì sự ăn uống mà giáo giới các người đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nói: "Thầy ấy vì thuốc men mà giáo giới các người đó", thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

25. GIỚI NGỒI VỚI NI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ni Thiện-sinh vốn là vợ cũ của Tôn giả Ưu-đà-di nói với Tôn giả Ưu-đà-di: "Ngày mai đến phiên tôi sẽ nhận được phòng ở, thầy có thể đến để chúng ta cùng nói chuyện". Thế rồi, sáng hôm sau, trong khi các Tỳ-kheo ni vào xóm làng khất thực thì Ưu-đà-di đi đến phòng của Tỳ-kheo ni Thiện-sinh, ngồi xoài chân ra tại chỗ khuất, kề cận nhau nói chuyện, khiến tâm dục phát sinh, nam căn khởi lên, rồi họ nhìn chăm chú vào nó. Bất thần có một Tỳ-kheo ni già bệnh, từ trong phòng đi ra, trông thấy cảnh tượng ấy lấy làm hổ thẹn, liền trở về phòng. Đoạn bà đem việc ấy thuật lại với các Tỳ-kheo ni. Các Tỳ-kheo ni bèn khiển

trách Tỳ-kheo ni Thiện-sinh: "Cô là người xuất gia, vì sao lại làm việc phi pháp như vậy? Thật là đáng xấu hổ!".

Tỳ-kheo ni Thiện-sinh liền nổi sân lên, nói: "Kỳ quái thay! Kỳ quái thay! Đó là Tỳ-kheo thân tình với tôi thường thường đến thăm tôi,

nếu tôi không tiếp chuyện vui vẻ thì ai làm việc đó? Đó là phép nhà của tôi, có gì mà lấy làm lạ!". Hễ các Tỳ-kheo ni cật vấn đến đâu thì Tỳ-kheo ni Thiện-sinh - vì có tài biện luận - trả lời đến đó. Các Tỳ-kheo ni bèn đem việc ấy bạch với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo liền bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện ca ngợi phạm hạnh, chê trách dâm dục hay sao? Vì sao ông lại làm một việc xấu bất thiện như thế? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-

kheo ni tại chỗ vắng vẻ, trống trải thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Một mình: Một Tỳ-kheo ngồi với một Tỳ-kheo ni, dù cho có người khác mà người này cuồng si điên loạn, hoặc đang ngủ, hoặc là loài phi nhân, súc sinh, thì tuy có những đối tượng như thế cũng được xem như không có người thứ ba.

Chỗ vắng vẻ: Tức nơi hoang vắng. Ngồi: (hai người) cùng ngồi.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ni mời một Tỳ-kheo đến thọ trai, rồi một Tỳ-kheo ni cùng ngồi với một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ni khác đi lại tiếp thức ăn, thì cứ mỗi lần Tỳ-kheo ni tiếp thức ăn đi khỏi, Tỳ-kheo phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ni ngồi thì khi ấy Tỳ-kheo nên đứng dậy, nhưng không được im lặng đứng dậy khiến cho Tỳ-kheo ni nghi ngờ mình định làm điều phi pháp mà nên nói: "Tôi muốn đứng dậy". Nếu Tỳ-kheo ni hỏi: "Vì sao đứng dậy?", thì nên đáp: "Đức Thế Tôn chế giới Tỳ-kheo không được ngồi với Tỳ-kheo ni". Nếu Tỳ-kheo ni nói: "Tôn giả cứ ngồi tôi sẽ đứng dậy", thì khi ấy, Tỳ-kheo ngồi lại không có tội.

Thậm chí nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với Sa-di ni tại các chỗ như trên gác, dọc đường trên tấm ván,

trên giày, hễ cứ mỗi lần Sa-di ni di chuyển chỗ khác mà Tỳ-kheo di chuyển theo thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Hoặc giả Sa-di ni dưới bảy tuổi đi nữa, thì Tỳ-kheo cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo ngồi một mình với Tỳ-kheo ni ở chỗ khuất thì phạm Ba-dạ-đề. (ý này ở trên đã nói rồi).

Tóm lại, nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với một Tỳ-kheo ni tại Tinh xá mà cửa hướng ra đường, và ngoài đường người qua lại không gián đoạn; hoặc giả ngồi tại chỗ che khuất không trống trải, ngồi gần nhau chứ không xa, ngồi với một người chứ không phải với nhiều người, không kể ngày hay đêm, thì tất cả giống như giới: "Thuyết pháp cho phụ nữ" đã nói rõ ở trước. Thế nên nói (như trên).

26. GIỚI HẸN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng đi chung với nhóm sáu Tỳ-kheo ni trên dọc đường, thì trời vừa chạng vạng nên họ ngồi lại bên một hồ nước định tìm chỗ tạm trú. Khi ấy, Tỳ-kheo ni bạch với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Các Tôn giả hãy ngồi đây để con vào trong xóm tìm chỗ tạm trú", nói xong, liền vào xóm tìm chỗ để nghỉ, thì được chủ nhà bằng lòng cho nghỉ tạm. Do thế, Tỳ-kheo ni bèn trở ra

thưa với nhóm sáu Tỳ-kheo: "Thưa các Tôn giả, con đã xin được chỗ trú chân rồi, chúng ta cùng vào để nghỉ ngơi". Khi các Tỳ-kheo vào an trú xong, cô lại bạch: "Thưa các Tôn giả con định vào trong thôn khuyến hóa thức ăn cho buổi sáng mai". Thế rồi cô vào nhà có phụ nữ nói với họ: "Hai chúng phạm hạnh Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni đều đã đến đây, các vị hãy sắm sửa thức ăn cho buổi sớm mai, thức uống phi thời và dầu xoa chân". Các phụ nữ nghe thế rồi, người thì chuẩn bị một phần cúng dường, kẻ thì sắm sửa hai phần cúng dường, ai nấy đều sửa soạn các thức cúng dường. (Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni) ăn uống no nê, thứ gì còn lại thì mang đi hết. Khi đi dọc đường, họ cùng nhau cười nói đùa giỡn, khiến cho dân chúng trông thấy thế đàm tiếu: "Các vị hãy xem kìa! Sa-môn Thích tử đều còn trẻ tuổi mà cùng nhau cạo đầu (nói cười với nhau) giống như các dâm nữ đùa cợt, thật là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay trở đi Ta không cho phép Tỳ-

kheo hẹn cùng đi chung đường với Tỳ-kheo ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly nơi thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo an cư mùa hạ xong định đến thăm viếng Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ni nghe tin ấy bèn hỏi các Tỳ-kheo: "Các Đại đức định đi thăm viếng Thế Tôn, vậy ngày nào khởi hành?". Các Tỳ-kheo liền cho biết ngày khởi hành. Bản tính phụ nữ vốn nhiều tình cảm cho nên tính ngày rồi đi tới trước dọc đường dừng lại đợi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy họ liền hỏi: "Các chị em định đi đâu đó?". Họ đáp: "Định đến Kỳ-hoàn thăm viếng Đức Thế Tôn". Các Tỳ-kheo nghe thế sợ (đi chung với họ) phạm giới, liền vội vã bỏ họ mà đi. Những Tỳ-kheo ni còn trẻ liền quấn y lại tức tốc chạy theo sau, còn những Tỳ-kheo ni già yếu vì theo không kịp chúng bạn nên bị giặc cướp đoạt. Các Tỳ-kheo ni bèn đem nhân duyên ấy đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đoạn bà than phiền: "Nếu các Tỳ-kheo không giúp đỡ các Tỳ-kheo ni thì ai giúp đỡ?". Do thế, Phật dạy: "Từ nay về sau Ta cho phép khi nào có sự nguy hiểm thì Tỳ-kheo được đi chung đường với Tỳ-kheo ni". Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải

nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo ni hẹn nhau cùng đi chung đường thì phạm Ba-dạ-đề; ngoại trừ lúc khác. Lúc khác là lúc có sự nguy hiểm".

Giải Thích:

Cùng hẹn nhau: Hoặc hôm nay, hoặc ngày mai, hoặc nửa tháng, hoặc một tháng.

Đường đi: Hoặc ba do-tuần, hoặc hai do-tuần, hoặc một do-tuần, hoặc một Câu-lô-xá.

Ngoại trừ lúc khác: Tức là lúc có sự nguy hiểm thì Đức Thế Tôn cho phép.

Nguy hiểm: Có thể bị mất mạng trong khoảnh khắc, hoặc bị mất của cải, hoặc bị hủy hoại phạm hạnh. Tuy thật sự không có những việc ấy, nhưng nếu có nghi ngờ bị mất mạng trong giây lát, bị mất của hoặc bị hủy hoại phạm hạnh (thì Phật cũng châm chước).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi với một Tỳ-kheo ni trên con đường trong phạm vi một thôn xóm, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu cùng đi nơi vùng hoang dã không có xóm làng, trong phạm vi một câu-lô-xá, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng với mẹ, chị, em đã xuất gia làm Tỳ-kheo ni cùng đi theo hành khách trên một chiếc xe, khi hành khách dừng nghỉ rồi đi lại mà

Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo ni như sau: "Hãy lại nhanh lên kẻo không kịp với hành khách", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nói: "Đi đi chị em, chớ để lạc bạn bè" thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ni dừng lại dọc đường để nghỉ, rồi Tỳ-kheo gọi: "Lại lại đây chị em", đó gọi là kỳ hẹn. Nếu đã dỡ lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã dỡ lên cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu nói: "Đi đi kẻo không theo kịp hành khách", thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng đi đường với khách buôn, rồi khách buôn vào trong thôn xóm, Tỳ-kheo không biết họ đi đâu bèn chạy tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo ni, liền hỏi: "Này chị em, chỉ đường giúp cho tôi với", đó gọi là cùng kỳ hẹn. Nếu Tỳ-kheo ni dỡ một chân bước tới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã dỡ cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: "Đi đi chỉ đường giùm cho tôi với", thì không phạm tội.

Nếu đàn-việt trong thôn mời Tỳ-kheo đến thọ trai, mà Tỳ-kheo không biết nhà họ ở đâu, bèn đi tìm, bỗng gặp Tỳ-kheo ni, liền hỏi: "Cô có biết nhà đàn-việt ở đâu không, chỉ chỗ cho tôi đến với?". Đó gọi là kỳ hẹn. Nếu dỡ một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đã dỡ cả hai chân thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trái lại, nếu nói: "Đi đi chị em, chỉ nhà đàn-

việt giúp tôi", thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ni hẹn (với Tỳ-kheo) mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không hẹn mà ngẫu nhiên đến, thì không có tội. Nếu cùng hẹn, cùng đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không hẹn, không đến thì không có tội. Nếu cùng ra đi mà đến nơi khác nhau, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu xuất hành khác nhau mà đến cùng một chỗ, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cùng phát xuất, cùng đến một nơi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu xuất hành khác chỗ, đến khác chỗ, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

27. GIỚI HẸN ĐI CHUNG THUYỀN VỚI NI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhằm ngày cát tường, sáng sớm nam nữ tập trung, tại sông A-kỳ-la để vui chơi, ăn uống ca hát. Hôm đó, nhóm sáu Tỳ-kheo thức dậy từ rạng đông, khoác y, đi đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo ni, hỏi: "Hôm nay là ngày cát tường, các cô có thức ăn uống gì không, chúng ta hãy cùng nhau đến sông đó tham quan?". Nhóm sáu Tỳ-kheo ni nói: "Chúng tôi đang chuẩn bị đây, đại đức hãy đi tìm xe thuyền đi". Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi tới vị quan giữ thuyền của vua mượn một chiếc thuyền

đẹp và các thứ trang trí, rồi họ mang các thực phẩm để lên thuyền, cùng với các Tỳ-kheo ni thuận theo dòng nước chèo đi, vui đùa bỡn cợt, khiến cho người đời chê trách: "Các vị hãy xem kìa! Những Sa-môn thích tử này phóng túng vô đạo, giống như người thế tục hò hẹn với nhau. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay không được hẹn ước với Tỳ-kheo ni cùng đi chung thuyền.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ đàn-việt ở bên kia bờ sông A-kỳ-la mời hai bộ Tăng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni thọ trai. Đến lúc qua sông, các Tỳ-kheo không cho các Tỳ-kheo ni lên thuyền, hoặc một người đi một chiếc, hoặc hai người một chiếc, mà không chở Tỳ-kheo ni, nên ba, bốn chiếc thuyền rất nhẹ. Khi các Tỳ-kheo qua sông rồi, mới chở Tỳ-kheo ni, và lúc đưa Tỳ-kheo ni đến chỗ thọ trai xong còn sắp xếp theo tuổi tác, nên mặt trời đã quá ngọ, do thế tất cả đều không được ăn. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cũng không ăn được. Bà liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

"Cù-đàm-di, vì sao tiều tụy quá thế?". Đại-ái-đạo liền đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật bèn dạy: "Từ nay trở đi Ta cho phép cùng qua đò". Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo hẹn ước với Tỳ-kheo ni cùng đi chung thuyền xuôi hoặc ngược dòng sông, ngoại trừ đi đò ngang, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Hẹn ước: Như trên đã nói.

Trừ đi đò ngang: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo với Tỳ-kheo ni hẹn ước nhau cùng đi chung một chuyến xe đò, trải qua phạm vi một thôn, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua vùng hoang dã không có xóm làng thì qua phạm vi một Câu-lô-xá, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo cùng Tỳ-kheo ni đi chung một chuyến đò, khi đò

dừng lại bên bờ sông, Tỳ-kheo ni xuống thuyền đi đại tiểu, rồi khi thuyền khởi hành, Tỳ-kheo gọi Tỳ-kheo ni: "Này chị em hãy đến", thì gọi là ước hẹn. Nếu Tỳ-kheo ni dỡ lên một chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dỡ hai chân thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu hai bên cùng ước hẹn mà không đến, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không ước hẹn mà đến thì không có tội.

Nếu cùng hẹn ước và cùng đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không hẹn ước và không đến thì không có tội.

Bốn trường hợp sau cũng như trên. Thế nên nói (như trên).

28. GIỚI ĐEM Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ra đi. Trải qua bảy năm sau, thầy mặc một chiếc y cũ rách đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo ngày trước ông chưa có tuổi hạ mà mặc một chiếc y mới nhuộm đẹp đẽ, nay vì sao lại mặc chiếc y cũ rách như thế?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Từ bảy năm nay hễ khi nào được y đẹp thì con đem cho Tỳ-kheo ni".

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, rồi đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo ni thân quyến, thì Tỳ-kheo ni có nên nhận không?". Các

Tỳ-kheo đáp: "Không nên nhận".

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo: "Giả sử một Tỳ-kheo thân quyến mặc chiếc y cũ rách như thế, thí có nên đem một chiếc y đẹp cho Tỳ-kheo ni thân quyến không?". Các Tỳ-kheo đáp: "Không nên cho".

Thế rồi, Phật dạy: "Từ hôm nay Ta không cho phép Tỳ-kheo đem y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có một Tỳ-kheo từ phương Nam đến có nhiều y bát, thầy có người chị xuất gia, nên thầy nhờ Tôn giả A-nan dẫn đến thăm chị mình. Tôn giả A-nan vốn tính tình dễ dãi liền đưa thầy đến trước cổng Tinh xá của Tỳ-kheo ni để hỏi thăm Tỳ-kheo ni Mỗ giáp ấy có trong đó hay không. Các Tỳ-kheo ni liền hỏi lại: "Người gọi là ai vậy?", thì được đáp: "Tôi là Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Mỗ giáp". Tỳ-kheo ni nói: "Tôn giả hãy đợi một tí". Thế rồi, họ trải giường nệm, đoạn mở cửa ra gọi: "Mời Tôn giả vào". Hai người

cùng vào an tọa, rồi chuyện vãn thăm hỏi các Tỳ-kheo ni, trong chốc lát liền cáo từ ra đi.

Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia nói với Tôn giả A-nan: "Tôi từ xa đến đây là để thăm chị tôi mà không thấy chị ra gặp tôi, không hiểu vì lẽ gì?". Tôn giả A-nan vốn giỏi tướng pháp, nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Ông không hiểu vì ý gì mà chị ông không ra

sao?”

- Không hiểu.

- Vì y phục của chị thầy rách rưới, xấu xí nên hổ thẹn mà không ra. Thầy có nhiều y vì sao không cho cô ấy?

- Vì Đức Thế Tôn chế giới không được cho y cho Tỳ-kheo ni.

- Ông hãy chờ đây để tôi đến xin Phật giúp cho ông.

Thế rồi, A-nan liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, hỏi Phật có đồng ý cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo ni bà con hay không. Phật bèn dạy: “Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo ni bà con”. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

“Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con, ngoại trừ trao đổi, thì phạm tội Ba-dạ-đề”.

Giải Thích:

Y của Tỳ-kheo ni bà con: Đều như trên đã nói.

Ngoại trừ trao đổi: Trường hợp này Thế Tôn bảo là vô tội. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra như người lấy y của Tỳ-kheo ni trong ba mươi điều trên kia đã nói. Thế nên nói (như trên).

29. GIỚI MAY Y CHO NI KHÔNG PHẢI BÀ CON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ni Thiện-sinh vốn là vợ cũ của Tôn giả Ưu-đà-di đem vải đã cắt xong đến nhờ Ưu-đà-di may y. Ưu-đà-di liền nhận lấy đem may, khi may xong bèn thêu hình trai gái giao hợp vào đó rồi xếp lại bỏ vào trong hộp trao lại cho Tỳ-kheo ni. Tỳ-kheo ni này nhận được y liền đem về Tinh xá, mở ra xem, thấy thế rất hoan hỷ, bèn đem khoe với các Tỳ-kheo ni khác: "Các cô hãy xem này, Tôn giả Ưu-đà-di có tài thêu thùa thật là khéo léo".

Các Tỳ-kheo ni nghe thế bèn chê trách: "Đó là vật cần phải che giấu, vì sao lại chỉ cho người ta xem?".

Các Tỳ-kheo ni thấy vậy liền đến bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-đà-di đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi: "Ông có làm việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta

dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con, phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tỳ-kheo ni không phải bà con: Như trên đã nói.

May y: Hoặc tự may hoặc sai người khác may đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hơn nữa, Tỳ-kheo không được thêu y cho Tỳ-kheo ni không phải bà con, nếu bắt đầu xỏ kim thì phạm tội Việt-tỳ-ni, khi thêu xong rút kim ra thì phạm tội Ba-dạ-đề. Hoặc sai người khác thêu cũng phạm tội như thế. Thế nên nói (như trên).

30. GIỚI ĂN THỨC ĂN DO NI CA NGỢI.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có đàn-việt ban đêm đến mời các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, A-nhã Kiều-trần-như v.v... chỉ có Tôn giả Đại Ca-diếp vì không cho mời ban đêm,

nên sáng sớm đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào xóm làng tuần tự khất thực. Khi Tôn giả đi đến cửa gia đình ấy, bà chủ nhà trông thấy rất hoan hỷ, liền bước đến cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả, rồi đứng qua một bên, bạch: "Các Đại đức nhận lời mời của gia đình con nên hôm nay tập trung về đây, kính xin Tôn giả cũng nhận lời mời của con".

Khi ấy, Tôn giả Ca-Diếp liền suy nghĩ: "Đây là gặp trực tiếp", bèn nhận lời mời, rồi vào trong nhà ngồi, không đi đâu nữa. Bấy giờ, Tỳ-kheo ni Thâu-la-nan-đà khất thực ngang qua nhà ấy, trông thấy bà chủ nhà đang quét tước, soạn chén bát và các phẩm vật cúng dường, liền hỏi: "Ưu-bà-di, bà đang làm gì đấy?".

Lúc ấy bà chủ nhà vì bận rộn các công việc nên không trả lời, đến nỗi cô hỏi đến lần thứ hai, thứ ba bà vẫn không đáp. Thâu-la-nan-đà liền lên tiếng: "Nay bà thật là tự kiêu quá lắm, tôi hỏi mấy lần mà vẫn không đáp".

Bà chủ liền trả lời: "Hôm nay tôi mời các Đại đức Thanh văn Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... vì công việc túi bụi nên không thể trả lời".

Thâu-la-nan-đà liền nói: "Những người bà chọn hôm nay, trong đàn voi không chọn những con voi lớn mà chọn những con voi nhỏ, trong đàn chim không chọn các con công mà chọn các con

quạ già. Các con voi lớn đó là: Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di , Tam-văn-đà-đạt-đa, Ma-sẩn-sa-đạt-đa, Mã-sư, Mãn-túc và thị giả A-nan. Nếu bà nhờ tôi mời thì tôi sẽ mời giúp bà những Đại đức như thế đó".

Lúc ấy Tôn giả Đại Ca-diếp đang ngồi trong nhà liền lên giọng đằng hắng. Thâu-la-nan-đà nghe tiếng liền hỏi bà chủ: "Đó là tiếng của ai vậy?".

Bà chủ nhà đáp: "Đó là Trưởng lão Đại Ca-diếp đấy".

Tỳ-kheo ni liền tán thán: "Bà được lợi ích rất lớn, vì đã mời được bậc đại long tượng như vậy, nếu tôi mời thì cũng sẽ mời Trưởng lão ấy".

Tôn giả Ca-diếp nghe lời nói ấy rồi lòng không vui, liền hỏi cô: "Này cô em, vừa rồi cô bảo đó là hạng voi nhỏ, quạ già, giờ sao nói long tượng Đại đức? Nếu lời nói trước là chân thực, thì lời nói sau là hư dối. Nếu lời nói sau là chân thực thì lời nói trước là hư dối. Trong hai lời nói ấy lời nói nào trung thực?"

Vì Tôn giả Đại Ca-diếp có uy đức đáng tôn kính, dùng hai câu hỏi cật vấn khiển trách Tỳ-kheo ni, khiến cô hoảng sợ liền bỏ chạy, vấp ngã trên đất làm cho thân thể bị thương tích. Xiển-đà thấy vậy liền hỏi cô: "Cô xúc phạm ai mà đến nỗi thân thể bị thương tích như vậy?".

- Con xúc phạm Đại Ca-diếp.

- Cô đã xúc phạm người không đáng xúc phạm.

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Trong trường hợp này không tán thán cũng đã có lỗi huống gì lại tán thán. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo nhận thức ăn do Tỳ-kheo ni tán thán mà được cúng dường.

Do thế, Tôn giả A-nan nổi tiếng phước đức tại thành Xá-vệ. Lại được Thế Tôn khen ngợi thầy có ba sự đầy đủ: Tên họ bà con thành tựu, là bậc đa văn đệ nhất trong hàng hữu học và là thị giả chu đáo đệ nhất. Vì vậy mà tại thành Xá-vệ có thôn Phước Đức, hễ ai trong thôn này làm nhà mới đều mời A-nan, hoặc lúc xông đất, hoặc lúc cạo đầu, lúc xỏ lỗ tai, tất cả đều mời A-nan.

Khi ấy, có một trưởng giả mời A-nan đến nhà dự lễ khánh thành. Thế nào là khánh thành? Chẳng hạng khánh thành nhà mới, giường mới, dụng cụ mới, mới khép dầu, đàn bà mới sinh con, mặc áo mới, dùng quạt mới.

Khi A-nan thọ trai có một Tỳ-kheo khất thực đứng ở ngoài cửa. A-nan liền bảo đàn-việt cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo khất thực. Đàn-việt nghe A-nan dạy rất hoan hỷ, bèn lấy bát bỏ đầy thức ăn mỹ vị đem ra cúng dường Tỳ-kheo khất thực. Tỳ-kheo khất thực nhận thức ăn xong liền đứng đợi A-nan. A-nan ăn xong chú nguyện rồi

bước ra. Tỳ-kheo khất thực thấy A-nan liền hỏi: "Tôn giả ăn chưa?".

- Ăn rồi.

- Ăn có ngon không?

- Vì sao thầy không ăn mà hỏi tôi ăn có ngon hay không ngon?

- Sở dĩ Tôn giả được ăn như thế này là do Tỳ-kheo ni tán thán.

- Thật như vậy sao?

- Đúng như vậy.

A-nan liền lấy lông chim ngoáy vào cổ cho mửa ra. Thế nên ngày đó thầy bị mất ăn khiến cho thân thể bị tiều tụy, thầy bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "A-nan, vì sao thân thể ông tiều tụy như thế?".

A-nan liền đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn hỏi: "Ông có biết việc ấy không?".

- Bạch Thế Tôn! Con không biết.

- Biết mới có tội, không biết thì không có tội.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì sao Tỳ-kheo khất thực kia làm cho A-nan không vui?".

- Không những ngày nay ông ta làm cho A-nan không vui mà ngày xưa cũng đã từng làm, như

trong kinh Hiền Điểu Sinh đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, đến giờ khất thực, các Trưởng lão Tỳ-kheo khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi đứng cử động có hàng ngũ có uy nghi. Khi ấy, có một trưởng giả nói như sau: "Lành thay, nếu bố thí y phục, thực phẩm, thuốc chữa bệnh cho những người xuất gia như vậy thì sẽ được lợi ích rất lớn".

Ông lại suy nghĩ: "Nếu ta có khả năng ta sẽ cúng dường những người như vậy".

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ni nghe thế liền nói với trưởng giả: "Lão trượng, ông chỉ cần xuất tiền sắm thức ăn, tôi sẽ lo liệu giúp cho". Người đàn-việt này rất có tín tâm nên hoan hỷ đưa tiền cho cô.

Tỳ-kheo ni bèn nói: "Lão trượng, ông phải đi mời các Tỳ-kheo".

Ông thưa: "Tôi không biết, nhờ cô mời giúp cho". Tỳ-kheo ni liền sắm sửa các thức ẩm thực, xong rồi nói với đàn-việt: "Lão trượng, các thức ăn đã sửa soạn xong, ông hãy đến chỗ Tỳ-kheo báo tin đã đến giờ".

Người đàn-việt nói: "Tôi không biết, nhờ cô đi đến các Tỳ-kheo báo giờ giúp cho".

Tỳ-kheo ni bèn đến Tinh xá bạch: "Đã đến giờ".

Thế rồi các Tỳ-kheo đi đến nhà đàn-việt, an tọa

chỉnh tề. Tỳ-kheo ni bèn nói với đàn-việt: "Ông hãy bưng dọn thức ăn cúng dường lên".

Ông ta nói: "Thưa cô, cô hãy dọn giúp tôi".

Các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Bữa cúng dường này do Tỳ-kheo ni tán thán mà có chứ chẳng nghi ngờ gì nữa", liền đứng dậy ra về.

Họ đi như vậy một người, hai người cuối cùng cả chúng đều ra về hết. Đàn-việt liền hỏi Tỳ-kheo ni: "Các Tôn giả vì sao đi hết mà không trở lại?"

Cô ni đáp: "Tôi không biết. Ông hãy đến chỗ Thế Tôn hỏi việc này. Phật sẽ nói cho ông hay".

Ông ta bèn đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên, rồi đem sự việc trên trình bày rõ đầu đuôi với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự kiện kể trên: "Các ông có việc đó thật như vậy chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ hôm nay trở đi Ta cho phép (các Tỳ-kheo thọ trai) ở nhà đàn-việt cũ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết thức ăn do Tỳ-kheo ni tán thán mới có, mà ăn ngoại trừ đàn-việt cũ - thì

phạm Ba-dạ-đề”.

Giải Thích:

Biết: Như trên đã nói.

Tán thán: Khen ngợi đức hạnh của người nào đó là cao quý.

Thức ăn: Gồm có năm loại: Mì, bún, cơm, cá, thịt.

Ngoại trừ đàn-việt cũ: (Tỳ-kheo thọ trai tại nhà đàn-việt cũ) Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tóm lại có các trường hợp tán thán: Xướng đẳng cúng thời thán, hạ thực thời thán, sơ tác thực thời thán, tác thực dĩ biện thán; hữu thỉnh thời thán.

Xướng đẳng cúng thời thán: Dọn thức ăn xong, báo tin giờ ăn đã đến, bỗng có Tỳ-kheo khác tới, Tỳ-kheo ni liền nói với Ưu-bà-di: “Lại có Tỳ-kheo đến”. Ưu-bà-di liền nói: “Lành thay, tôi hoan hỷ cho người đi mời còn không được huống gì tự nhiên đến”, thì trong trường hợp này không gọi là tán thán. Trái lại, nếu Tỳ-kheo ni nói: “Vị này sống ở nơi rừng vắng, đi khất thực, mặc y phấn tảo, ngồi giữa trời, dùng nệm cỏ…”, dùng những lời ca ngợi như vậy để được cúng dường mà Tỳ-kheo ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Hạ thực thời thán: Vừa mới ngồi ăn, bỗng có Tỳ-kheo khác lại đến, thì cũng như trường hợp vừa

nói trên.

Tác thực thời thán: Lúc đang ăn thì có Tỳ-kheo khác đến, trong trường hợp này cũng như trên đã nói.

Tác thực dĩ biên thán: Lúc ăn vừa xong thì có Tỳ-kheo khác đến, Tỳ-kheo ni liền nói với Ưu-bà-di: "Lại có Tỳ-kheo đến". Nếu Ưu-bà-di nói: "Lành thay, tôi cố sai người đi mời mà còn không thể được, huống gì bỗng nhiên lại tới", thì không gọi là tán thán. Hoặc giả Ưu-bà-di nói: "Phải cúng dường nhiều bún, bánh, cơm, canh ngon lành một cách bình đẳng", cũng không gọi là tán thán. Trái lại, nếu cô ni chê thức ăn ít, rồi bảo đàn-việt: "Hãy đưa thêm thầy ấy một nắm bún nữa", (mà Tỳ-kheo ấy nhận lấy thức ăn) thì phạm Ba-dạ-đề.

Hữu thỉnh thời thán: Nếu Tỳ-kheo nói với đàn-việt: "Đồ chúng của thầy ấy đa văn tinh tấn, nên mời hết tất cả". Đó gọi là tán thán để cúng dường thức ăn. Nếu cô ta nói: "Vị thủ chúng kia đa văn tinh tấn, nên vì Tỳ-kheo này mà mời thêm hai mươi người nữa". Trong trường hợp này một người được tán thán, còn những người khác không phạm (tức không phải được tán thán). Nếu gặp trường hợp tán thán để mời thọ trai như thế, thì các Tỳ-kheo nên hoán chuyển chỗ ngồi, chứ không nên bỏ bàn ăn ra về. Nếu chỗ ngồi bên cạnh dơ bẩn không sạch, không thích đổi chỗ, thì nên tâm niệm: "Thức ăn ta

đang ăn trong bát này là của Tỳ-kheo Mỗ giáp kia", nghĩ như vậy thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ni nói vơi Ưu-bà-di: "Bà nên thường xuyên mời Tôn giả Mỗ giáp kia đến cúng dường". Đó gọi là tán thán. Trái lại, nếu nói: "Tôn giả kia có thể thường đi khất thực", thì không gọi là tán thán. Thế nên nói:

"Tăng không sai, trời tối,
Không bạch, vì thức ăn.
Cùng ngồi, cùng đi chung
Qua đò và cho y.
May y, tán thán thực
Xong phần ba bạt cừ".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 16

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

31. GIỚI ĂN QUÁ GIỚI HẠN ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo an cư tại một xóm làng vừa xong, lên đường đi đến thành Xá-vệ để thăm viếng Đức Thế Tôn. Lúc ấy có một cư sĩ trong thôn làm nhà phước thiện vừa xong, thiết một bữa cơm cúng dường cho Tăng bốn phương, gặp Tỳ-kheo này vừa đến, cư sĩ rất hoan hỷ nói: "Lành thay, Đại đức vừa mới đến". Thế rồi, ông trải giường nệm, đưa nước rửa chân, cung cấp dầu thoa chân và nước uống phi thời. Ban đêm, ông đốt đèn sáng, sửa soạn chỗ nằm để cho thầy nghỉ ngơi yên ổn. Sáng hôm sau, ông lại cung cấp tăm xỉa răng, nước sạch và cúng dường thức ăn mỹ vị ngon miệng. Tỳ-kheo ăn xong thầm nghĩ: "Ta từ xa đến

đói khát, nay lại được các thức ăn uống khoái khẩu thế này, ta nên ở lại ít hôm nghỉ ngơi cho thân thể khỏe khoắn, rồi hãy đến viếng Thế Tôn". Suy nghĩ thế rồi, ban ngày thầy vào nghỉ trong rừng vắng, chiều tối về lại nhà. Đàn-việt thấy thầy vẫn đối xử hoan hỷ như trước. Cho đến ngày thứ ba, đàn-việt bèn hỏi: "Hôm nay đại đức dùng bữa ở đâu?".

- Ở đây.
- Thế còn hôm qua ở đâu?
- Thì cũng tại đây.
- Vậy ngày mai ở nơi nào?
- Cũng nơi này.

Đàn-việt liền trách: "Nhà tôi nghèo, vừa đủ sống, ở đây có thể cúng dường cho tứ phương Tăng một bữa cơm mà thôi, đại đức không nên ở lâu. Nếu nhà tôi giàu có dư giả thì tha hồ dâng cúng cho tất cả chư Tăng".

Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Đàn-việt thốt ra lời nói có vẻ oán trách, ta phải đi thôi". Thế rồi, thầy đi lần hồi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi: "Ông an cư ở đâu?".

- Tại thôn mỗ.
- Bắt đầu ra đi từ lúc nào?
- Từ ngày ấy.
- Vì lý do gì đường đi không xa mà trải qua

nhiều ngày như thế? Thầy Tỳ-kheo liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Phật nói: "Việc đó không nên. Lẽ nào chỉ vì thỏa thích thân miệng mà ông làm cho đàn-việt than phiền! Từ nay trở đi, nơi nào chỉ cúng dường một bữa ăn, thì Tỳ-kheo không được dùng quá một bữa".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo an cư mùa hạ tại một làng kia vừa xong, lên đường đi đến Xá-vệ để thăm viếng Đức Thế Tôn. Bấy giờ, có một đàn-việt trong thôn làm nhà phước thiện, cúng dường cho Tăng bốn phương một bữa cơm, thì gặp lúc Tỳ-kheo kia vừa đi tới đó, họ liền cung cấp những thứ nhu yếu, như trên đã nói. Vị Tỳ-kheo này ăn xong, ra đi thì bệnh phong phát sinh, liền suy nghĩ: "Ta không thể đi được mà Thế Tôn đã chế giới hễ nơi nào cúng một bữa ăn thì không thể ăn quá một bữa. Nay ta hãy ở lại đây, nhưng không dùng cơm của họ". Nghĩ thế rồi, thầy liền trở lại nhà ấy, đàn-việt lại cung cấp những nhu yếu như trước, nhưng Tỳ-kheo không nhận. Đến sáng hôm sau, họ lại dọn thức ăn, thầy cũng không dùng. Thế rồi, thầy ra đi, trong bụng nghĩ: "Ta đến làng kia sẽ khất thực để ăn". Nhưng khi thầy đến làng ấy thì mặt trời đã quá ngọ, do thế không được ăn khiến tứ chi rũ rượi. Rồi thầy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng hầu

một bên. Phật biết mà vẫn hỏi, thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khen ngợi: "Lành thay, lành thay Tỳ-kheo! Ông tùy thuận chánh pháp có lòng tin xuất gia, thiểu dục tri túc, không vì mạng sống mà vi phạm những điều do Như Lai chế định. Từ nay ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn hơn một bữa tại nhà phước thiện".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Tại những nơi bố thí một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh chỉ nên ăn một bữa, nếu ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Chỗ bố thí một bữa: Đức Thế Tôn cho phép được ăn. Thức ăn: Gồm năm loại, như trên đã nói.

Không bệnh: Thân thể không tật bệnh. Nhưng nếu thân có bệnh tật không đi đường được thì ở lại ăn không có tội. Trái lại, nếu không có bệnh mà ăn quá một bữa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu dãy nhà có mười sáu gian, mỗi gian cúng dường một bữa ăn, mà Tỳ-kheo vì công việc của Tăng, của tháp, của chính mình đến ở gian nhà nào thì được ăn tại đó một bữa để giải quyết các công

việc. Nếu công việc chưa xong thì phải sang gian nhà thứ hai nghỉ lại ăn một bữa rồi đi. Nếu công việc vẫn chưa xong, thì có thể tuần tự ở trong mười sáu gian nhà, ăn mười sáu bữa để lo cho xong công việc rồi đi. Nếu như công việc vẫn chưa xong, thì không được ăn lại tại các nhà ấy mà phải đi khất thực ở những nơi khác, chứ không được khất thực tại các nhà ấy. Nếu lúc đầu làm nhà có những người cùng thôn chung sức để làm thì cũng không được khất thực tại thôn ấy mà phải đến thôn khác để khất thực. Đồng thời nghỉ lại tại thôn ấy để giải quyết công việc. Nếu công việc vẫn chưa xong thì có thể trở lại mười sáu căn nhà kia để thọ trai như trước. Nếu trong thời gian ấy công việc vẫn chưa xong thì phải rời khỏi nơi ấy một đêm rồi trở lại thọ trai để lo công việc. Nhưng nếu gia đình ấy có con trai cưới vợ rồi họ thưa với Tỳ-kheo: "Tôi sai sứ giả đi mời thầy chưa chắc gì được, huống gì nay thầy đang có mặt ở đây lẽ nào lại bỏ ra đi", thì khi ấy Tỳ-kheo nhận lời họ mời ở lại thọ trai không có tội. Thế nên nói (như trên).

32. GIỚI ĂN NHIỀU LẦN TRONG NGÀY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nông dân ở trong vườn của Tăng cứ hằng năm bắt đầu mùa lúa chín thì cúng dường trai

phạn cho chúng Tăng.

Thế nào là hằng năm bắt đầu mùa lúa chín? Đó là lúc lúa tẻ chín, lúa mạch chín, lúc thu hoạch đậu xanh, lúc thu hoạch đậu phụng, mía v.v... Nông dân đều trích ra mỗi thứ một ít để dành cúng dường cho chư Tăng.

Khi đó, nông dân nói với Tỳ-kheo: "Hằng năm cứ bắt đầu mùa gặt hái thì tôi đều cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Nếu tại Tinh xá Kỳ-hoàn ngày nào không có người cúng dường thì xin thầy nói cho tôi biết, tôi sẽ cúng dường để chúng Tăng ăn uống no đủ".

Bấy giờ, tại đây các cư sĩ tín tâm cúng dường các thức ẩm thực theo lịch trình trước sau, nhưng trong đó có một ngày không có cúng dường. Do đó, sứ giả đến nói với người nông phu: "Lão trượng, ngày mai tại Kỳ-hoàn không có ai cúng dường, trước đây ông đã hứa cúng thì dịp này là đúng lúc".

Nông phu nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, quì chân phải xuống đất, chắp tay bạch: "Con là nông dân Mỗ giáp, ngày mai thiết trai cúng dường, xin tất cả chúng Tăng nhận lời mời của con".

Chúng Tăng bèn nhận lời mời. Thế rồi lúc ấy có một trưởng giả dùng năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, ông muốn thử xem sức nó thế nào,

bèn mắc nó vào xe, đánh cho chạy lui chạy tới trong phạm vi một do-diên. Vì cái ách xe quá chặt nên một con bò bị chết, ông hết sức khổ não, đứng đập ngực than trách: "Vì sao ta mua bò với một giá đắt chưa dùng được mà đã chết thế này".

Bỗng có một người quen biết với cư sĩ liền hỏi ông: "Vì sao ông buồn bã như vậy?".

Cư sĩ bèn trình bày tường tận sự việc kể trên. Ông bạn liền hỏi: "Vì sao ông không làm kiên pháp?".

- Kiên pháp là thế nào?

- Kiên pháp nghĩa là ông đến Kỳ-hoàn mời chư Tăng về nhà mổ thịt con bò kia làm cơm cúng dường chư Tăng.

Ông nghe xong liền đi đến Kỳ-hoàn, vào phòng cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, rồi quỳ gối chắp tay nói như sau: "Con là Mỗ giáp, ngày mai xin mời chư Tăng về nhà để con cúng dường một bữa cơm đạm bạc. Mong chư Tăng nhận lời mời của con".

Lúc đó có một Tỳ-kheo vốn là chỗ quen biết cũ với ông, liền đến bảo: "Ông chưa biết cách mời. Vì sao không nói trước với tôi để tôi chỉ cho ông cách mời chúng Tăng?"

Ông liền phân bua: "Thưa thầy, tôi đem năm trăm đồng tiền cũ mua được hai con bò, nhưng một

con bị chết, nay tôi muốn dùng thịt nó để cúng dường chúng Tăng".

- Nhưng chúng Tăng đã nhận lời mời của người khác rồi.

- Tôi đã sắm sửa thức ăn rồi bây giờ phải làm sao?

- Giờ tôi bày ông trở lại bạch với chúng Tăng như sau: "Con mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai". Nếu tăng hỏi ông đã sắm những thức ăn gì thì ông phải đáp: "Đã sửa soạn bún, cơm, thịt".

Khi được dặn bảo xong, ông liền trở lại chỗ chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối, chắp tay, nói như sau: "Con là Mỗ giáp, xin mời chư Tăng ngày mai đến nhà con thọ trai, mong chư tăng hãy nhận lời mời của con".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ông đã sắm sẵn những thức ăn gì?".

- Con đã làm bún, cơm, thịt.
- Lão trượng, ngày mai ông hãy chuẩn bị cho sẵn sàng.
- Thưa vâng, xin chư Tôn giả sáng mai hãy đến sớm.

Thế rồi ông trở về nhà, suốt đêm kho nấu thịt và các thức ẩm thực, lúc sáng sớm bèn trải giường nệm, lọc nước sạch, rồi đến bạch với chúng Tăng:

"Đã đến giờ".

Chư tăng bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Người đàn-việt liền dọn lên thức ăn ngon lành, chư Tăng ăn uống no nê rồi trở về Tinh xá.

Đoạn nói về người nông phu kia suy nghĩ: "Các thầy là những người ngày ăn một bữa, nên cần phải ăn sớm". Do đó, suốt đêm ông sửa soạn các thức ẩm thực, rồi trải giường nệm, lọc nước sạch, xong xuôi bèn đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư Tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch: "Đã đến giờ rồi".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vì mới ăn uống no nê, nên tuy thấy ông ấy đến mời mà tựa hồ như không nghe. Ông ta liền suy nghĩ: "Kỳ thay! Kỳ thay! Các thầy là những người ăn ngày một bữa, lẽ ra thường cảm thấy đói, vì sao nghe mời thọ trai mà tựa hồ như không nghe! Nếu ngoại đạo mà nghe mời thọ trai thì họ liền cầm gậy có ba nấc và bình nước đi ngay lập tức". Ông tán thán như vậy đến lần thứ hai thứ ba thì các Tỳ-kheo mới đứng dậy, thong thả, đi đại tiểu tiện, mở lỏng dây lưng, sửa lại oai nghi, ung dung đi đến nhà ông, ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, người nông dân liền tự tay dọn thức ăn, múc đầy giá đưa Thượng tọa thì Thượng tọa đưa tay ra dấu chỉ dùng một ít. Người nông dân liền nói: "Các thầy là những người ăn mỗi ngày một bữa mà sao đối với các thức ăn này đều không

tỏ ra thích thú".

Rồi ông thầm nhủ: "Nếu Thượng tọa ăn ít thì Hạ tọa phải ăn nhiều và đệ nhị, đệ tam Hạ tọa cho đến những Tỳ-kheo trẻ tuổi (phải ăn nhiều hơn nữa)". Thế rồi, ông nói: "Thầy là người ăn ngày một bữa mà sao đối với các thứ ẩm thực này không thấy thầy thích thú chút nào". Lúc ấy trong hàng Hạ tọa có một người mới tu, lẩm cẩm, liền nói như sau: "Hôm nay chúng tôi không phải vì ăn mà đến đây, do vì chiều ý ông mà đến. Bởi lẽ chúng tôi ăn uống ở chỗ khác no nê rồi. Nếu không tin ông hãy xem chân tôi còn có dấu mỡ dính đây này".

Người nông dân nghe thế trong lòng không vui, liền vứt nồi thức ăn xuống đất hậm hực nói: "Các thầy đã nhận lời mời của tôi trước rồi, vì sao lại đi ăn ở chỗ khác?". Trong lòng mang niềm oán hận, ông bèn đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật: "Vì sao các Tỳ-kheo nhận lời của con trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác?". Phật liền tùy nghi thuyết pháp cho nông dân này, khuyên bảo chỉ dạy, khiến ông vui vẻ, ông bèn bạch Phật: "Bạch Thế tôn! Những thực phẩm con cúng dường chúng Tăng dư thừa nên bỏ chỗ nào?".

Phật dạy: "Ông đến bên hồ Mỗ giáp kia, quét sạch đất trên bờ hồ, rồi mang thức ăn còn dư đến bỏ tại đó. Vì lúc này vua Ba-tư-nặc đánh nhau với

quân Nhĩ-ni-sát-lợi không thắng nổi nên kéo quân về đang đồn trú tại đó. Ông có thể đem thức ăn kia dâng cho nhà vua. Vì vua mới xuống hồ tắm rửa và thay y phục mới". Vâng lời Phật dạy, ông bèn đem các thức ăn kể trên đến dâng cho nhà vua và các tướng sĩ. Vì trong lúc đang đói khát mà được các thức ăn ngon lành nên họ ăn rất hoan hỷ. Do đó nhà vua bèn ra lệnh ban thưởng cho ông các thứ châu báu. Ông được lợi ích trước mắt nên sung sướng vô cùng.

Thế rồi, Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo thọ trai kia đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Vì sao các ông nhận lời mời của người ta trước rồi mà lại thọ trai ở chỗ khác? Này các Tỳ-kheo, các ông không biết sao? Ví như người ta thờ thần nhà, thần cây, nếu các thần muốn đi đâu thì trước hết phải ăn thức ăn của chủ nhà cúng rồi mới đi tới chỗ khác. Các ông đã làm một việc không thuận với nhân tình, trước đã nhận lời mời của người ta rồi mà đi thọ trai ở chỗ khác. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo muốn ăn đâu thì ăn".

Lại nữa khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần.

Bỗng Ngài thấy có Tỳ-kheo đang bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông đau bệnh

gì? Lúc này bớt hay nặng thêm?".

- Con đang đau lắm không giảm bớt. Trước đây con được ăn thường xuyên nên thân thể yên ổn. Từ khi Thế Tôn chế giới không được ăn lặt vặt nên bệnh con không thuyên giảm.

- Từ hôm nay Ta cho phép các Tỳ-kheo khi có bệnh được ăn mỗi ngày nhiều lần.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu cứ hằng năm mời chư Tăng thọ trai và dâng y. Khi ấy, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có sáu mươi Tỳ-kheo đang bệnh, họ đi tới nhà bà Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu thưa: "Thưa quý thầy, Tinh xá Kỳ-hoàn có năm trăm Tỳ-kheo, nay vì sao chỉ có sáu mươi người đến đây?".

Các Tỳ-kheo nói với bà: "Đức Thế Tôn chế giới các Tỳ-kheo không được phép muốn ăn đâu thì ăn, chỉ trừ những người bệnh, vì thế các Tỳ-kheo bệnh mới đến đây".

- Thưa quý thầy, người đời mời ăn là việc chính; nếu quý thầy có ăn thức ăn của con thì con mới dâng y; nếu không dùng cơm thì con không dâng y. Thưa quý thầy, trong lần dâng y này các thầy có thể đến bạch với Phật để xin Ngài phương tiện cho phép được chăng?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-

xá-khư-lộc-mẫu là người thông minh trí tuệ. Từ nay trở đi Ta cho phép khi dâng y (các Tỳ-kheo được phép thọ trai nhiều lần trong một ngày)".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, một số người đi lạc quyên, định tổ chức một cuộc đại hội cúng dường trai phạn cho những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, do thế, họ đến nhà người Ưu-bà-tắc lạc quyên các phẩm vật. Người Ưu-bà-tắc liền ra điều kiện: "Nếu ông sắp đặt cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật". Người đi lạc quyên nói: "Ông thử nghĩ xem, nếu tín đồ của ngoại đạo cũng nói thế này: "Nếu ông làm cho các thầy của tôi được ngồi trên, thì tôi sẽ cho ông phẩm vật" thì tôi làm sao có thể hứa với mọi người là ai cũng được ngồi trên. Ông chỉ cần cho tôi phẩm vật, để vào ngày đó, tháng đó, tôi sẽ dựng cờ xí, bày biện các cây báu, trải các giường ghế đẹp đẽ tại trên bờ sông A-kỳ, mà mở đại hội cúng dường bữa trai soạn với những món ngon vật lạ, rồi trong số những người xuất gia hễ ai đến trước thì ngồi trên".

Các Ưu-bà-tắc nghĩ rằng Phật, Tăng là ruộng phước tốt nên đưa phẩm vật cho người đó, rồi đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, bạch đầy đủ sự việc kể trên và thêm: "Tôn giả phải làm cách nào để cho các Tỳ-kheo được ngồi trên, khiến cho bọn ngoại đạo bị sỉ nhục một phen".

Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi, khi ấy những người đi lạc quyên sắm sửa các thực phẩm xong xuôi, bèn mời những người xuất gia của chín mươi sáu giáo phái, đồng thời mời vua Ba-tư-nặc và quần thần, thái tử cùng đến dự. Các vị thôn trưởng, các trưởng giả kỳ túc và những người chủ xướng, khi đến giờ đều quy tụ về trên bờ sông A-kỳ để tham dự đại hội.

Trước đại hội một ngày Phật nói với Mục-liên: "Ông phải biết đúng thời". Tôn giả Mục-liên liền dùng thần túc làm cho nước sông nổi sóng cuồn cuộn, đầy những bọt bèo tràn ngập đến bờ. Các ngoại đạo đều nói như sau: "Ta phải qua sông trước để lấy được chỗ ngồi thứ nhất". Thế rồi suốt đêm họ tranh nhau chèo thuyền bè để mong qua sông trước nhất, nhưng vì bị nước chảy dốc nên muốn qua bờ mà thuyền cứ trôi giạt trở lại, khiến họ vất vả chèo chống suốt đêm mà chiếc thì chìm xuống dòng nước lạnh, chiếc thì trôi tấp lên bờ phơi nắng chơ hơ, cho tới giờ ăn vẫn không thể nào qua sông được.

Bấy giờ, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có người cúng dường chúng Tăng nên Phật còn dừng lại đợi họ. Những người trẻ tuổi trong các Tỳ-kheo đều nói: "Đức Thế Tôn hôm nay xuất hành sao mà muộn

quá, sợ rằng các ngoại đạo sẽ chiếm được chỗ ngồi đầu mất".

Thế nhưng, đến giờ, Thế Tôn khoác y, cầm bát uy nghi ung dung cùng với đại chúng đi đến bờ sông.

Các ngoại đạo thấy thế đều bảo nhau: "Chúng ta suốt đêm tạo các phương tiện khổ sở như vậy mà không thể qua sông được thì các Sa-môn đầu trọc này làm sao qua được".

Khi ấy, Phật bảo Tôn giả Mục-liên: "Ông tự biết phải làm cách nào cho các Tỳ-kheo qua sông được yên ổn".

Thế rồi, Mục-liên bèn dùng thần lực tạo ra một chiếc cầu thất bảo, dùng các thứ châu báu làm lan can, kết thất bảo làm dây giăng ở trên, làm mưa các loại hoa quý, trỗi âm nhạc vi diệu, đốt các hương thơm khiến khói hương tỏa ra như mây phủ. Các ngoại đạo thấy chiếc cầu như thế đều rất hoan hỷ, mỗi phái đều tự bảo nhau: "Các Sa-môn này từ từ mà đến, vậy chúng ta phải qua sông trước để chiếm chỗ số một".

Họ liền tranh nhau chạy vội lên cầu, vì ai cũng muốn qua trước nên chen lấn nhau lên cầu khiến cho tất cả đều rơi tõm xuống nước. Các vật dụng của ngoại đạo như y phục, gậy có ba khấc, bình nước đều rơi xuống nước trôi nổi ngổn ngang. Nhưng do thần lực của Thế Tôn khiến cho không

ai bị chết cả. Thế rồi, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo uy nghi tuần tự nghiễm nhiên tiến lên, Phật đi đầu còn các Tỳ-kheo đi theo thứ tự. Khi Phật và các Tỳ-kheo qua xong đến người cuối cùng thì Mục-liên liền làm cho chiếc cầu báu biến mất.

Phật bèn bảo Mục-liên: "Ông hãy làm cho con sông trở lại bình thường như trước".

Bấy giờ, các ngoại đạo mới chèo thuyền bè lục tục qua sông. Khi ấy, Phật đứng trên bờ ngoái lại nhìn họ đọc kệ:

"Những ai qua bờ trước.
Đều vượt biển sanh tử
Không bị đời chôn vùi
Chánh trí qua bờ kia".

Phật đọc kệ xong ung dung đến tòa ngồi. Các Tỳ-kheo cũng ngồi theo thứ tự. Còn các ngoại đạo vì qua sông sau nên đến ngồi tiếp sau các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, các đàn-việt tự tay bưng các thức ẩm thực lên cúng dường Thế Tôn và các đệ tử. Khi ấy, các Tỳ-kheo trong tâm sinh nghi về việc Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều lần mà sao chúng ta lại được ăn lại, liền đứng dậy bạch với Phật. Phật dạy: "Ta cho phép làm phép thí thực, nói như sau: "Tôi nay nhận được vật thực này xin cúng lại cho Tỳ-kheo Mỗ giáp... cho đến Sa-di ni. Nếu vị ấy không nhận, tôi sẽ dùng". Nói ba lần như vậy".

Bấy giờ, các đàn-việt mỗi người đều suy nghĩ: "Ai nên chú nguyện đây?". Thế rồi có người thì bảo là Ni-kiền-tử, người thì nói Bất-lan-ca-diếp v.v... đề nghị các ngoại đạo như thế chú nguyện. Thế nhưng nhiều người khác nói: "Sa-môn Cù-đàm ngồi trên hết, đáng được chú nguyện". Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở giữa chín mươi sáu giáo phái ngoại đạo, không tự cho mình cao quý, không coi thường người khác, tùy thuận chú nguyện, như trong Sanh Kinh đã nói rõ. Đoạn Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp rộng rãi cho mọi người, dạy bảo khiến họ được lợi ích, hoan hỷ rồi họ từ giã ra đi. Rồi Phật trở lại Kỳ-hoàn truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều lần trong ngày - trừ khi khác - phạm Ba-dạ-đề. Khi khác là khi bệnh, khi may y. Đó gọi là khi khác".

Giải Thích:

Ăn nhiều lần: Ăn rồi ăn nữa. Trừ khi khác: Trừ khi có bệnh.

Bệnh: Bệnh nhiệt, bệnh phong, lạnh, nói chung gặp các bệnh như vậy mà ăn rồi ăn lại thân thể được an ổn thì không có tội.

Thời của y: Nếu không thọ y Ca-thi-na thì trong

vòng một tháng. Nếu có thọ y Ca-thi-na thì trong vòng năm tháng. Trong khoảng thời gian đó được xả năm điều cấm kỵ không có tội. Năm việc đó là: Được ăn riêng chúng; được ăn rồi ăn lại; khi rời trú xứ không cần bạch với người khác; được cất y lâu ngày; ngủ nghỉ được rời y.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo phải biết số ngày nào cần làm pháp thí thực, biết số tuổi hạ, nhớ y đã thọ trì được bao lâu, khi nào được ăn riêng chúng, có bệnh hay không bệnh. Nếu có người hỏi: "Hôm nay là ngày mấy?", thì không được hỏi lại họ: "Hôm qua là ngày mấy?", mà phải biết hôm đó là ngày mồng một, hay mồng hai trong tháng, cho đến ngày mười bốn, mười lăm, lại phải biết rõ là tháng đủ hay tháng thiếu.

Tỳ-kheo mỗi sáng nên nhớ đến pháp thí thực: "Nếu hôm nay được thực phẩm ta sẽ cúng dường cho Mỗ giáp. Nếu Mỗ giáp không nhận ta sẽ dùng". Nói ba lần như vậy. Hằng ngày Tỳ-kheo nên nhớ mình đã được bao nhiêu tuổi hạ, nên nhớ thọ trì ba y, và y nào không thọ trì thì phải tịnh thí, lại phải nhớ khi nào được ăn riêng chúng, hoặc có bệnh hoặc là không có bệnh.

Mức độ một bữa ăn của Tỳ-kheo là bao nhiêu? Nếu cơm tẻ thì ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, thêm một bát hay nửa bát cá

thịt nữa. Đó là mức độ một trong những bữa ăn của Tỳ-kheo.

Nếu thức ăn nấu được tại chùa mà chưa chín, rồi Tỳ-kheo lấy bột khấy thành nước uống, thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu làm phép thí thực, hoặc bệnh thì không phạm, hoặc thời của y cũng không phạm.

Nếu ở bên ngoài có người mời thọ trai, rồi Tỳ-kheo lúc ấy nhờ người đi lấy thức ăn, nhưng thức ăn chưa đem về mà vì đói bụng nên Tỳ-kheo lấy bột khấy thành nước định uống, thì thức ăn vừa đem về. Nếu Tỳ-kheo lấy thức ăn về mà biết giới luật thì nên dừng một lát đợi Tỳ-kheo kia làm phép thí thực xong mới trao cho thức ăn. Trái lại, nếu Tỳ-kheo đem thức ăn về không rành giới luật, liền trao ngay thức ăn cho Tỳ-kheo ấy, rồi Tỳ-kheo ấy chưa làm phép thí thực mà ăn liền thì trong khi đang ngậm cơm Tỳ-kheo ấy nên đọc phép thí thực, tức là dùng tội nhẹ đổi tội nặng.

Nếu Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt, rồi đàn-việt nói: "Thưa thầy, bữa nay mời thầy ở lại thọ trai". Đó gọi là nơi thọ trai.

Khi ấy, Tỳ-kheo suy nghĩ: "Cơm ở đây chưa chín, bây giờ ta nên đi đến nhà khác", thì khi ấy nên nói với chủ nhà rồi mới đi, nếu không nói mà đi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu tới nhà kia được năm thức ăn chánh hoặc năm thức ăn tạp mà ăn, thì

phạm hai tội Ba-dạ-đề. Trái lại, gặp trường hợp được phép ăn nhiều lần trong ngày, được phép rời khỏi trú xứ mà không cần bạch, hoặc bị bệnh, hoặc đã làm phép thí thực rồi mới ăn thì không có tội, hoặc thời của y thì cả hai đều không có tội.

Nếu đàn-việt nói như sau: "Thưa thầy, nếu lúc nào không có thức ăn, xin thầy đến nhà con thọ trai".

Rồi một hôm Tỳ-kheo đến nhà ấy nói thế này: "Bà cụ, hôm nay tôi sẽ thọ trai tại đây".

Đoạn Ưu-bà-di nói: "Lành thay, con sẽ chuẩn bị".

Nếu thức ăn chưa chín mà Tỳ-kheo muốn đi tới nhà khác thì phải nói với chủ nhà rồi mới đi. Nếu không nói mà đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực tuần tự đến một nhà kia, rồi đàn-việt nói: "Hôm nay nhà con mời các Tỳ-kheo thọ trai, xin mời thầy cùng ở lại đây chớ có đi nơi khác". Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời tức là được xem như ăn tại đó. Nhưng nếu Tỳ-kheo khất thực này nhận lời mời rồi, liền suy nghĩ: "Ai lại nhận lời người ta mời mình ăn một cách bất đắc dĩ, thế rồi muốn bỏ đi, thì nên báo cho họ biết. Nếu không báo cho họ biết mà bỏ đi thì phạm tội như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có công đức và danh vọng lớn

được nhiều người mang thức ăn đến cúng, vì muốn được lòng đàn-việt nên thọ nhận tất cả thì phạm giới ăn nhiều lần thuộc tội Ba-dạ-đề. Nếu như làm pháp thí thực, hoặc bị bệnh thì không có tội, hoặc thời của y, cả hai đều không có tội.

Có hai Tỳ-kheo, mỗi người đều được một gia đình mời ăn thường xuyên. Nếu Tỳ-kheo thứ nhất nói với Tỳ-kheo thứ hai: "Trưởng lão, hôm nay cùng đến nhà đàn-việt tôi thọ trai" thì Tỳ-kheo thứ hai phải tin cho đàn-việt rồi đi. Nếu không tin mà đi thì như trên đã nói. Trái lại, nếu Tỳ-kheo thứ hai mời Tỳ-kheo thứ nhất thì cũng như thế; bữa ăn của Tỳ-kheo là: Cơm tẻ ba bát, bún hai bát, hoặc một bát gạo nấu thành cơm, và thịt cá chừng một bát hay nửa bát; mỗi mỗi thức ăn trong đó là một bữa ăn của Tỳ-kheo. Nếu tại một nhà hoặc xin được ba thăng, hoặc hai thăng, hoặc một thăng, hoặc nửa thăng, tùy xin được nhiều bao nhiêu đều không có tội. Nếu tại một nhà được ba bát cơm tẻ, hai bát bún, hoặc một bát gạo nấu thành cơm thêm thịt cá chừng một bát hay nửa bát thì không được nhận thêm ở chỗ khác nữa. Trong trường hợp này, thế nào là phạm? Thế nào là không phạm? Nếu cháo vừa mới múc ra khỏi nồi mà viết thành chữ được (nghĩa là nó không liền lại với nhau) thì phạm. Nếu viết không thành chữ thì không phạm. Tất cả rau, tất cả bún, tất cả bánh, tất cả trái cây đều không

thuộc loại cấm ăn nhiều lần

trong ngày, không thuộc loại cấm ăn biệt chúng, không thể ăn no được, nên cất chứa nhiều trong nhà không phạm, thế nên nói. (như trên)

33. GIỚI ĂN RỒI, ĂN LẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có người Bà-la-môn mời chư tăng về nhà cúng dường trai phạn. Ông sửa soạn các thức ăn uống xong, bèn lọc nước sạch trải giường nệm, rồi suy nghĩ: "Các thầy là những người ăn ngày một bữa, nên cần phải ăn sớm". Nghĩ thế ông liền đi đến Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chúng Tăng, quỳ gối, chấp tay, bạch như sau: "Con là Mỗ giáp xin mời chư Tăng đến thọ trai, thức ăn đã sửa soạn xong, mong chư Tăng biết cho thời giờ đã đến".

Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn khoác y, cầm bát đi đến nhà ông, ngồi theo thứ lớp. Ông Bà-la-môn bèn tự tay bưng dọn các thức ăn, các Tỳ-kheo ăn uống no nê. Ông lại bưng thức ăn đi tuần tự mời mọc các Tỳ-kheo ăn thêm.

Các Tỳ-kheo đều nói: "Chúng tôi no rồi, không dùng nữa". Lúc ăn xong, Tỳ-kheo nào không có duyên sự thì trở về Tinh xá còn ai có duyên sự thì đi tới nhà đàn-việt. Đàn-việt gặp được rất hoan hỷ, rồi lễ bái vấn an, thưa: "Thưa thầy, thầy cần dùng

cơm không? Cần dùng dưa, trái cây không cần dùng cháo không? Thầy cần dùng thì con sẽ dọn lên".

Tỳ-kheo nói: "Tôi đã ăn no tại nhà Bà-la-môn Mỗ giáp rồi". Đàn-việt biết khi ấy chưa quá giờ ăn của Tỳ-kheo, liền nói: "Thưa thầy, mặt trời còn sớm, thầy hãy cầm các bánh này về Tinh xá để ăn". Tỳ-kheo bèn đưa bát cho đàn-việt bỏ bánh vào đầy bát, rồi đem về trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn ngồi ăn, rồi mời các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Bấy giờ, ông Bà-la-môn ăn uống xong bèn bảo bà vợ đem những thức ăn còn lại biếu cho những người hàng xóm.

Rồi ông đi đến chỗ Thế Tôn định đảnh lễ, thăm hỏi. Bỗng từ xa ông trông thấy các Tỳ-kheo đang ngồi trước cổng Kỳ-hoàn cùng ăn bánh. Thấy vậy ông liền đi tới chỗ một Tỳ-kheo đang đi kinh hành hỏi: "Đó là khách Tỳ-kheo phải không?".

- Không phải
- Hay là Tỳ-kheo sắp ra đi?
- Cũng không phải.
- Có phải Tỳ-kheo vừa thọ trai nhà tôi không?
- Đúng vậy.
- Thầy ấy đang làm gì thế?
- Này Bà-la-môn, chứ ông không biết sao?
- Không biết.

- Vì Tỳ-kheo ấy ăn ít nên ăn thêm cho no đó mà.

Lúc ấy, trong lòng ông Bà-la môn không vui, liền nói: "Sa-môn Thích tử là người nói thật, mà nay lại nói không thật, ăn chưa no mà nói đã no, dùng mà nói không dùng, chưa thỏa mãn mà nói đã thỏa mãn. Đó là kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì". Vì trong lòng hậm hực nên rốt cuộc ông không đến chỗ Phật mà trở về nhà.

Các Tỳ-kheo nghe vậy liền đến bạch Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Tỳ-kheo! Vì sao ông ăn đã no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại? Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo ăn no, đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi mà còn ăn lại.

Lại nữa khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ăn rau cho là no, ăn muối cho là no, rồi uống nước mà không ăn cơm khiến thân thể tiều tụy.

Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp thì mới gọi là no".

Lúc ấy, các Tỳ-kheo tại chỗ ngồi ăn một ít thức ăn tưởng là đã no nên không ăn thêm, do thế rũ rượi. Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên ấy đến bạch Thế Tôn.

Phật dạy: "Ngồi một chỗ ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, ăn uống thỏa mãn thì mới gọi là no".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có sáu mươi Tỳ-kheo bệnh, nhận sáu mươi phần ăn, nhưng họ ăn còn thừa, liền đem bỏ bên tường, khiến chim quạ đến tranh nhau ăn kêu la inh ỏi.

Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao các con chim ấy kêu to như vậy?".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì có sáu mươi Tỳ-kheo bệnh nhận lấy phần ăn mà ăn không hết, rồi đem bỏ bên tường, khiến các con chim tranh nhau thức ăn ấy nên kêu to như vậy".

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo bệnh ăn không hết thì Ta cho phép Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn ấy".

Lại nữa, khi phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo nuôi bệnh làm phép tàn thực để ăn thức ăn còn lại nhưng vẫn không hết, rồi các con chim tranh nhau ăn như trên đã nói. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao các con chim

đánh nhau?".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì Tỳ-kheo nuôi bệnh làm pháp tàn thực rồi ăn thức ăn còn thừa mà vẫn không hết, liền đem bỏ ngoài tường, do đó các con chim tranh nhau ăn nên mới kêu la".

Phật dạy: "Từ hôm nay Ta cho phép một người làm pháp tàn thực thì những người khác đều được ăn".

Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm pháp tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-da-đề".

Giải Thích:

Thức ăn: Gồm năm loại như trên đã nói. Lại có năm thức ăn tạp.

Đó gọi là thức ăn.

Ăn no có tám trường hợp:

1. Tự tứ túc.
2. Thiểu dục túc.
3. Uế ô túc.
4. Tạp túc.
5. Bất tiện túc.

6. Siểm túc.

7. Đình trụ túc.

8. Tự kỷ túc.

- *Tự tứ túc:* Đàn-việt dọn cơm bún cá thịt và các thức ăn hỗn tạp khác rồi mời Tỳ-kheo ăn thoải mái; Tỳ-kheo nói: "Tôi đã no rồi", liền đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tự tứ túc.

- *Thiểu dục túc:* Đàn-việt dọn lên năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp, mời Tỳ-kheo ăn thỏa thích mà Tỳ-kheo đưa tay ra dấu chỉ lấy một ít, rồi rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thiểu dục túc.

- *Uế ô túc:* Khi dọn thức ăn, tay của tịnh nhân có ghẻ và dơ bẩn, Tỳ-kheo thấy bẩn thiểu như thế liền nói: "Tôi không dùng, đi đi", rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là uế ô túc.

- *Tạp túc:* Tịnh nhân dùng tô đựng sữa để múc cơm bưng đi qua, Tỳ-kheo thấy thế chê dơ nói: "Tôi không dùng, đem đi đi", rồi đứng dậy khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạp túc.

- *Bất tiện túc:* Tịnh nhân dọn thức ăn, Tỳ-kheo hỏi: "Đó là thứ gì?". Tịnh nhân đáp: "Bún". Tỳ-kheo nói: "Thứ này kích thích bệnh phong của tôi,

tôi dùng không tiện, đem đi đi", thế rồi đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Hoặc là khi thấy người dọn cơm, Tỳ-kheo hỏi: "Thức ăn cứng hay mềm vậy?". Họ đáp: "Cứng". Tỳ-kheo nói: "Đây là loại lúa mì khó tiêu, tôi dùng không tiện, đem đi". Hoặc họ đáp: "Mềm". Rồi Tỳ-kheo nói: "Thứ này nát quá khó ăn, tôi dùng không thích hợp, đem đi đi". Hoặc tịnh nhân bưng thịt lên, Tỳ-kheo hỏi: "Thứ gì vậy?". Người ấy đáp: "Thịt bò". Tỳ-kheo nói: "Thịt bò tính chất nóng, tôi dùng không tiện, đem đi đi". Hoặc họ nói: "Thịt trâu". Tỳ-kheo nói: "Tính chất nó mát khó tiêu, đem đi đi". Hoặc họ nói: "Thịt nai". Tỳ-kheo nói: "Loại thịt này có chất phong, đem đi đi". Thế rồi, Tỳ-kheo đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bất tiện túc.

- *Siểm túc:* Tịnh nhân dọn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp, Tỳ-kheo sợ nhiều, không nói mà đưa tay ra dấu, hoặc lắc đầu, hoặc che bát lại, rồi đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là siểm túc.

- *Đình trụ túc:* Tịnh nhân dọn năm món ăn chính, năm món ăn phụ, Tỳ-kheo nói: "Này bác, chớ nên dọn cơm lên trước mà phải dọn rau muối nước lạnh lên trước". Thế rồi, đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn nữa, thì phạm

Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo làm trị nguyệt (phụ trách công việc trong một tháng), Duy na v.v... mà chỉ vẽ ra dấu, thì không gọi là đã no. Tóm lại, trên đây gọi là đình trụ túc.

- *Tự kỷ túc:* Tỳ-kheo đi khất thực đến một nhà kia, để cái túi đựng bún ở một chỗ, rồi vào nhà đàn-việt xin nước uống. Đàn-việt suy nghĩ: "Chắc thầy Tỳ-kheo này đang cần bún" liền hỏi: "Thầy cần bún không?". Tỳ-kheo suy nghĩ: "Có lẽ người đàn-việt này muốn lấy bún trong nhà họ cúng dường cho ta", liền đáp: "Cần". Khi ấy, đàn-việt bèn xách cái đãy đựng bún của Tỳ-kheo đưa cho thầy". Tỳ-kheo thấy mình bị chưng hửng, liền nói: "Để đó, để đó", nói xong, bèn đứng dậy rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tự kỷ túc.

Đứng dậy rời khỏi chỗ: Rời có tám vị thế: Đi, đứng, ngồi, nằm, giường dài, giường nhỏ, thuyền, xe.

Đứng: Tỳ-kheo đang đứng rồi có người đưa thức ăn đến thì phải đứng ăn cho no, nếu trong thời gian đó mà đi, ngồi hoặc nằm thì đều gọi là rời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đi, ngồi, nằm cũng như thế.

Giường dài: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên giường dài rồi có người bưng cơm đến cho ăn, bỗng thấy Thượng tọa, Hòa thượng hoặc A-xà-lê

đến thì không cần rời khỏi chỗ ngồi lánh đi mà chỉ cần nghiêng mình là được. Nếu khi đó chân giường gãy, thì xem như đã rời khỏi chỗ cũ, nếu như không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường dài.

Giường nhỏ: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi một mình trên giường rồi có người đưa cơm tới ăn, bỗng nhớ sau lưng có tháp, có tăng, có Hòa thượng, A-xà-lê, thì không nên rời khỏi giường quay mình lại. Nếu bị trời mưa thì nên dùng dù lọng che lên trên. Nếu không có dù thì được khiêng cả giường dời vào chỗ che khuất, và khi đặt giường xuống đất thì được xem như đã dời khỏi chỗ cũ. Nếu không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là ngồi trên giường nhỏ.

Thuyền: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi ở trên thuyền có người đem cơm đến cho ăn, rồi thuyền đậu vào bờ, hoặc đụng nhằm cây đá, hoặc bị nước cuốn khiến thân Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuyền.

Xe: Nếu Tỳ-kheo đang ngồi trên xe có người đem cơm đến cho ăn, hoặc xe nghiêng bên trái, bên phải, hoặc lắc lư khiến Tỳ-kheo rời khỏi chỗ cũ, nếu Tỳ-kheo không làm phép tàn thực mà ăn, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là xe.

Có năm trường hợp phi pháp không được xem

là làm phép tàn thực. Năm trường hợp đó là:

1. Ly xứ.
2. Ly thực.
3. Ly cảnh giới.
4. Ly thân thủ.
5. Ly ngữ.

- *Ly xứ:* Nếu Tỳ-kheo ăn trong khi đi mà khi đứng, khi ngồi, khi nằm làm phép tàn thực thì phép tàn thực này là phi pháp. Cũng thế đối với các trường hợp còn lại. Đó gọi là ly xứ.

- *Ly thực:* Không có ai đưa thức ăn mà làm phép tàn thực, thì trường hợp này không gọi là phép tàn thực. Đó gọi là ly thực.

- *Ly cảnh giới:* Thức ăn để dưới đất không ở trên tay mà làm phép tàn thực, thì phép tàn thực này phi pháp. Đó gọi là ly cảnh giới.

- *Ly thân thủ:* Giang tay ra ngoài làm phép tàn thực mà không phải dỡ lòng bàn tay lên để làm thì không được gọi là làm phép tàn thực. Đó gọi là ly thân thủ.

- *Ly ngữ:* Miệng không nói thế này: "Tất cả những thức ăn trong bát ở trên tay tôi nay tôi không cần, đây là thức ăn dư, tôi sẽ cho Trưởng lão Mỗ giáp". Đó gọi là ly ngữ.

Trên đây là năm trường hợp phi pháp làm phép tàn thực không thành phép tàn thực.

Lại có năm trường hợp được gọi là như pháp làm phép tàn thực.

Năm trường hợp đó là:

1. Bất ly xứ (không rời khỏi chỗ).
2. Bất ly thực (không rời khỏi thức ăn).
3. Bất ly cảnh giới (không rời khỏi vị trí).
4. Bất ly thân thủ nội (không rời khỏi bàn tay mở vào trong).
5. Bất ly ngữ (không rời khỏi lời nói).

- *Bất ly xứ:* Nếu muốn làm phép tàn thực cho ai thì Tỳ-kheo lúc đang đi mà có thức ăn liền làm phép tàn thực ngay khi đang đi. Đó là làm phép tàn thực đúng cách. Cũng vậy, khi đứng, khi ngồi, khi nằm cũng như thế. Đó gọi là bất ly xứ.

- *Bất ly thực:* Khi nhận được thức ăn liền làm pháp tàn thực. Đó gọi là bất ly thực.

- *Bất ly cảnh giới:* Cầm thức ăn trong tay làm phép tàn thực chứ không phải để dưới đất. Đó gọi là bất ly cảnh giới.

- *Bất ly thân thủ:* Đưa tay vào trong làm phép tàn thực chứ không phải giang tay ra ngoài. Đó gọi là bất ly thân thủ.

- *Bất ly ngữ:* Khi nhận được thức ăn liền nói: "Tất cả những thức ăn trong bát trên tay tôi, tôi không cần nữa, đó là thức ăn dư, giờ đây tôi cho Trưởng lão Mỗ giáp". Đó gọi là bất ly ngữ.

Trên đây là năm cách làm phép tàn thực đúng pháp.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Năm phép đó là:

1. Không am tường chỗ.
2. Không am tường ăn.
3. Không am tường vị trí.
4. Không am tường khi đưa tay ra.
5. Không am tường khi ngừng ăn.

- *Không am tường chỗ:* Không biết khi đi ăn thì phải ăn cho no khi đi, khi đứng ăn thì phải ăn cho no khi đứng, khi ngồi ăn thì phải ăn cho no khi ngồi, khi nằm ăn thì phải ăn cho no khi nằm. Đó gọi là không am tường chỗ.

- *Không am tường thức ăn:* Không biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là những thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là không am tường ăn.

- *Không am tường vị trí:* Không biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là không am tường vị trí.

- *Không am tường khi đưa tay ra:* Không biết rằng mở tay hướng vào trong là ăn no, giang tay ra ngoài là không ăn no. Đó gọi là không am tường khi đưa tay ra.

- *Không am tường khi ngừng ăn:* Không biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là không am tường khi ngừng ăn.

Nếu ai thành tựu năm điều phi pháp này thì suốt đời không cho phép làm phép tàn thực để ăn. Nếu ai thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời được làm phép tàn thực để ăn.

Thế nào là năm điều như pháp? Đó là:

1. Am tường chỗ.
2. Am tường ăn.
3. Am tường vị trí.
4. Am tường mở tay ra.
5. Am tường dừng lại.

- *Am tường chỗ:* Biết rằng lúc đi ăn thì phải ăn cho no trong khi đi; biết rằng lúc đứng ăn thì phải ăn cho no trong khi đứng, biết rằng lúc ngồi ăn thì phải ăn cho no trong khi ngồi, biết rằng lúc nằm ăn thì phải ăn cho no trong khi nằm. Đó gọi là am tường chỗ.

- *Am tường ăn:* Biết rằng năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp là loại thức ăn no, ngoài ra các thức ăn khác không thể ăn no. Đó gọi là am tường ăn.

- *Am tường vị trí:* Biết rằng thức ăn để trên tay thì ăn no, thức ăn để dưới đất thì không ăn no. Đó gọi là am tường vị trí.

- *Am tường mở tay ra:* Biết rằng mở tay vào trong là ăn no, mở tay ra ngoài là không ăn no. *Đó gọi là am tường mở tay ra.*

- *Am tường dừng lại:* Biết rằng dừng lại là no, chưa dừng lại là chưa no. Đó gọi là am tường dừng lại.

Ai thành tựu năm pháp này thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn.

Nếu Tỳ-kheo đem thức ăn đến định làm phép tàn thực thì nên làm phép tàn thực trong chén để trên bát. Chính thức ăn trong chén này mới là thức ăn được làm phép tàn thực, chứ không phải thức ăn trong bát. Nhưng nếu nước của thức ăn trong chén chảy vào bát thì cũng được gọi là đã làm phép tàn thực.

Nếu Tỳ-kheo A đem hai bát đến nhờ Tỳ-kheo B làm phép tàn thực, mà Tỳ-kheo B chỉ ăn thức ăn trong một bát thì thức ăn trong bát này được làm phép tàn thực. Nếu trên hai bát có các thứ bánh, rau để phủ lên trên cả hai, thì cả hai bát đều được xem là đã làm phép tàn thực. Ngoài ra, các vật đựng thức ăn khác cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi đến nhà đàn-việt, chủ nhà nói: "Thưa thầy, thầy ăn bánh không?".

Tỳ-kheo đáp: "Tôi đã ăn no rồi". Người Ưu-bà-tắc này vốn hiểu luật, liền nói: "Nhà Mỗ giáp kia

có Tỳ-kheo chưa ăn, nếu thầy cần, con sẽ đến đó làm phép tàn thực cho".

Tỳ-kheo nếu thấy cần, nên đáp: "Có thể được".

Đàn-việt liền đem bát rửa sạch, đổ đầy các thức ăn ngon vào đấy, đưa lại Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm lấy, dùng miếng lụa phủ lên trên chớ để bụi bặm rơi vào, rồi trao lại tận tay tịnh nhân, nói: "Ngươi mang đi làm phép tàn thực xong rồi mang về".

Tịnh nhân liền mang thức ăn đến chỗ vị Tỳ-kheo kia, nói như sau: "Thưa Tôn giả, ở nhà con có một Tỳ-kheo ăn chưa no, xin Tôn giả làm phép tàn thực giúp cho con".

Vị Tỳ-kheo ấy nên rửa tay sạch, nhận thức ăn này, nói với tịnh nhân: "Ông lại đứng gần ta, đưa tay ra".

Rồi Tỳ-kheo ăn một miếng trong bát ấy, đoạn nói như sau: "Tất cả thức ăn trong bát ở trên tay tôi, tôi đều không cần, tôi làm phép tàn thực cho ông".

Thế rồi, tịnh nhân nhận lấy bát đem về trao lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được phép ăn. Nếu Tỳ-kheo này ăn no mà còn thừa thức ăn thì Tỳ-kheo nào cần đều có thể ăn được.

Hỏi: "Nếu tại những xứ có ít Tỳ-kheo, và khi Tỳ-kheo ăn xong, có đàn-việt mang các thức ăn đến, gặp lúc Tỳ-kheo đã đứng dậy giải tán, thì phải

làm sao?”.

Đáp: “Nếu tại nơi đó có các vị Tri sự như trị nguyệt, Duy na chưa ăn thì nên đến nhờ họ làm phép tàn thực. Nếu họ đã ăn no rồi mà

Thượng tọa chưa ăn, thì nên đến nhờ Thượng tọa làm phép tàn thực. Nếu Thượng tọa thẹn không chịu làm giữa nhiều người thì nên bưng cả cái ghế Thượng tọa ngồi đến một chỗ vắng để Thượng tọa làm phép tàn thực”.

Nếu Thượng tọa cũng ăn no rồi mà có khách Tỳ-kheo tới thì nên hỏi: “Hôm nay tự tứ Trưởng lão đã ăn no chưa?”.

Nếu Tỳ-kheo khách nói: “Tôi không an cư mùa hạ thì làm sao tự tứ được”, thì biết người này không hiểu giới luật, liền hỏi tiếp: “Vậy thầy đã ăn chưa?”.

Nếu nói: “Đã ăn rồi”.

Lại hỏi nữa: “Đàn-việt đem cúng dường phải không?”.

Nếu ông ta nói: “Trưởng lão, ai mà đem đến cúng dường? Ăn rau uống nước mà còn không đủ huống gì những thức ăn khác?”, thì phải biết vị này chưa ăn no nên nhờ thầy làm phép tàn thực.

Nếu thầy ấy nói: “Nhà đàn-việt của tôi đã cúng thức ăn rồi”, thì biết rằng thầy đã no, Tăng nên tạo phương tiện (linh động), không nên phá tâm thiện

của đàn-việt. Nếu bấy giờ trong chúng có Sa-di đã lớn thì đưa ông vào giới trường cho ông thọ giới Cụ túc, dạy ông cách thức làm phép tàn thực, xong rồi mình mới được ăn.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại tạp thực mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn chính thì không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn lại thì không có tội. Nhưng nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm loại thức ăn chính mà làm phép tàn thực ở năm loại thức ăn tạp thì không đúng cách. Nhưng nếu chưa no mà ăn nữa thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo rời năm thức ăn chính, rời năm thức ăn tạp, làm phép tàn thực là không đúng cách. Nhưng nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo ăn năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp mà làm phép tàn thực ngay nơi đó, thì đó là làm phép tàn thực đúng pháp. Nếu ăn chưa no mà ăn thêm thì không có tội. Trái lại, nếu ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi mà ăn lại thì phạm tội.

Trong các trường hợp trên đây trường hợp nào phạm, trường hợp nào không phạm?.

Nếu các loại cháo vừa múc ra khỏi nồi viết chữ lên mà không thành chữ (tức cháo lỏng), tất cả trái, tất cả rau, không phải thức ăn cấm ăn biệt chúng, không phải thức ăn cấm ăn nhiều lần, không phải thức ăn có thể ăn no mà cất chứa nhiều trong nhà thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

34. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI ĂN RỒI ĂN NỮA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-nan có hai đệ tử tùy tùng, một người tên là Mãn-trà, một người tên là A-tỳ-kỳ cùng với hai người đệ tử tùy tùng của Mục-liên, một người tên là A-xà-đô, một người tên là Xá-xá-đô, họ thường tranh nhau xem ai đa văn hơn, ai biện tài hơn. Khi ấy, một người đệ tử tùy tùng của A-nan có biện tài và lợi căn hơn khiến người đệ tử Mục-liên tranh luận không lại. Do đó, ông thường theo sát người kia trong những lúc đi, đứng, nằm, ngồi để tìm chỗ sơ hở. Thế rồi, hai người cùng được một nhà kia mời thọ trai. Khi đó, người đệ tử Mục-liên được bánh, bèn ăn một nửa, cầm một nửa ra ngoài nói với đệ tử của A-nan như sau:

- Trưởng lão, thầy có muốn ăn bánh không?
- Ông được bánh ở đâu vậy?
- Tôi được bánh ở chỗ vừa thọ trai kia nên cầm

đến đây.

Thầy ấy liền cầm lấy bánh ăn. Khi ăn xong thầy kia liền nói như sau:

- Trưởng lão, ông phạm tội rồi.

- Phạm tội gì?

- Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ăn no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại.

- Vì sao ông biết tôi không làm phép tàn thực mà cố ý khuyên tôi ăn?

- Trước đây trong khi tranh luận, vì sao ông dùng biện tài hàng phục làm nhục tôi?

Do thế, hai người tranh cãi nhau, rồi cùng đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: "Ý các ông nghĩ sao? Ta vì Thanh văn nói chín bộ kinh: Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Già Đà, Ưu Đà Na, Như Thị Ngữ, Bản Sanh, Phương Quảng và Vị Tằng Hữu cho các Thanh văn nghe, để rồi họ xúi đệ tử nghị luận tranh chấp thắng bại phải không?".

- Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn.

- Nếu không phải vậy, thì Ta thuyết chín bộ kinh này cho các

Thanh văn để họ nghe xong rồi theo đó tu hành phải không?

- Dạ đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi hai Tỳ-kheo hướng vào nhau sám hối trước sự chứng kiến của Thế Tôn. Phật liền dạy: "Không được ỷ mình thông kinh điển mà khinh người khác. Ta cũng không cho phép kẻ nào biết người khác đã ăn no, không làm phép tàn thực mà xúi giục ăn nữa".

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo biết người kia đã ăn no, rời khỏi chỗ, không làm phép tàn thực, mà vì muốn não loạn, khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

(Một số từ ngữ đã được giải thích ở trên).

Não loạn: Xúc não nhiễu loạn người đang ở trước mình muốn cho họ không vui.

Không làm phép tàn thực: Nếu thành tựu năm điều phi pháp thì không được gọi là làm phép tàn thực. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì mới được gọi là làm phép tàn thực. Nếu người ta gắng gượng khuyên mình ăn mà mình ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã giải thích.

Nếu Tỳ-kheo thành tựu năm điều phi pháp thì suốt đời không được làm phép tàn thực để ăn. Nếu thành tựu năm điều như pháp thì cho phép suốt đời làm phép tàn thực để ăn. Còn các việc khác đã nói rộng như trên.

Nếu như người kia đã ăn no mà tưởng họ chưa no khuyên họ ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn chưa no mà tưởng đã no, khuyên họ ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu họ ăn đã no, tưởng họ ăn đã no mà còn khuyên họ ăn nữa, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu họ ăn chưa no, ta tưởng họ ăn chưa no nên khuyên họ ăn, thì không có tội.

Ở đây, (nếu ăn) các thứ: Cháo mới múc từ trong nồi ra viết không thành chữ, trái cây, rau... thì không phạm. Thế nên nói (như trên).

35. GIỚI ĂN THỨC ĂN KHÔNG ĐƯỢC MỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật dùng tất cả các thứ đều bằng phấn tảo: Bát phấn tảo; y phấn tảo; thức ăn phấn tảo và giày dép phấn tảo.

1. *Bát phấn tảo:* Những cái bát của Tỳ-kheo bị vỡ được vá năm lần rồi đem vứt, A-na-luật nhặt về vá lại rồi dùng. Đó gọi là bát phấn tảo.

2. *Y phấn tảo:* Những cái áo cũ rách người ta

vứt trong thôn xóm, A-na-luật lượm về giặt sạch rồi dùng. Đó gọi là y phấn tảo.

3. *Thức ăn phấn tảo:* Những thức ăn người ta đem cúng các tự miếu của quỷ thần, Trưởng lão đem về ăn. Đó gọi là thức ăn phấn tảo.

4. *Giày dép phấn tảo:* Những giày dép của các Tỳ-kheo dùng hư rách đem vứt bỏ, Trưởng lão nhặt về, sửa chữa lại rồi mang. Đó gọi là giày dép phấn tảo.

Khi đến giờ khất thực, Trưởng lão khoác y, cầm bát vào thành khất thực, nhưng lúc vừa vào liền thấy một phụ nữ mang một giỏ cơm, cầm phân bò khô và các phẩm vật tế lễ đi ra. Tôn giả thấy thế, liền suy nghĩ: "Nếu ta được những thức ăn trong đó ta sẽ rất vui, nhưng bây giờ ta phải đi khất thực trước đã". Thế rồi, thầy đi từ xóm này sang xóm khác, khắp mọi chỗ mà chẳng có gì cả, bèn đến bên một hồ nước, thì thấy phụ nữ trước kia đang quét tước trước miếu, trải cỏ sạch, rồi đặt những phẩm vật xuống đó cúng tế. Khi cúng xong, bà bèn vốc cơm rải ra bốn phía, nói như sau: "Những con quạ ngoan hãy đến ăn. Những con quạ ngoan hãy đến ăn".

Lúc ấy, Tôn giả đang đứng bên một gốc cây, do thần lực của Tôn giả nên những con quạ không dám bay đến ăn. Người phụ nữ trông thấy Tôn giả liền nói: "Ông giống như con quạ mù, luôn lẽo đẽo

theo người ta".

Bà ta mắng rồi liền đi về nhà, lúc ấy Tôn giả bèn nhặt các thực phẩm tế lễ, rồi cũng trở về Tinh xá. Các Tỳ-kheo trông thấy thầy, liền bàn với nhau: "Tôn giả này xin thức ăn cực khổ, rất khó được". Thế rồi họ hỏi thầy:

- Tôn giả có xin được thức ăn không?

- Có. Nhưng thức ăn ấy vướng nhiều tội lỗi chẳng thú vị chút nào!

- Có những tội lỗi gì vậy?

- Như vậy, như vậy đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đến hỏi Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Người đàn bà mắng chửi kia phạm bao nhiêu tội?

- Phạm nhiều tội.

- Nhiều là bao nhiêu?

- Người phụ nữ ấy trong năm trăm đời sẽ mang thân con quạ mù, và trong tất cả các kiếp tái sinh ấy đều chết vì đói.

Thế rồi, Phật bảo gọi A-Na-Luật đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.

- Tuy ông muốn ít việc (nhưng vẫn gặp rắc rối). Từ hôm nay Ta không cho phép các Tỳ-kheo tự tay cầm lấy những vật mà người khác không đưa

cho.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Ngài chế giới cho các Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy vật mà người ta không cho. Do thế, các Tỳ-kheo đều nhận nước và tăm xỉa răng từ tay người khác đưa. Những ai có tịnh nhân (giúp đỡ) có được tăm và nước còn những người không có tịnh nhân thì không có. Lúc ấy, Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng, có Tỳ-kheo tự nghe miệng mình hôi hám, sợ mùi uế khí ảnh hưởng đến các vị đồng phạm hạnh, nên ngồi sau tất cả mọi người. Phật biết mà vẫn hỏi: "Tỳ-kheo ấy tại sao ngồi tại chỗ đó giống như người đang giận dữ vậy?".

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới vật người ta không trao thì không được lấy, cho nên các Tỳ-kheo đều nhận nước và tăm xỉa răng từ người khác. Những ai có tịnh nhân thì có được, còn những người không có tịnh nhân thì rất vất vả, không thể có được; do đó miệng bay mùi hôi, sợ ảnh hưởng đến các bạn đồng phạm hạnh, cho nên phải ngồi sau cùng".

Phật nói: "Từ nay Ta cho phép các Tỳ-kheo được lấy nước và tăm xỉa răng để dùng, dù không ai cho".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho ác Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo lấy vật người ta không cho bỏ vào miệng, trừ nước và tăm xỉa răng, thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Không cho: Người khác không cho, không nhận từ người ở trước mình.

Thức ăn bỏ vào trong miệng: Ngoại trừ nước và tăm xỉa răng. Nước: Gồm có mười loại như trước đã nói. Nếu (người ta đưa)

nước đục mình vẫn phải nhận. Nếu tính chất của nước là màu vàng thì uống không có tội (?)

Tăm xỉa răng gồm có hai loại: Loại dẹp và loại tròn. Nếu trong miệng Tỳ-kheo bị khí nóng làm cho lở loét, rồi thầy thuốc bảo: "Nên nhăm cây xỉa răng", thì có thể dùng; Và khi yết hầu tiết nước ra thì nên nuốt vào, vì Thế Tôn dạy dùng nước và tăm xỉa răng không có tội.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Ngoài ra còn có các trường hợp:

1. Trên thức ăn.
2. Trên cây.
3. Trong giếng.
4. Trên nhà.
5. Nhà bếp.

6. Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng.
7. Nhận ở trên giường.
8. Thuyền.
9. Xe.
10. Tâm niệm nhận.
11. Đường đi.

- *Trên thức ăn:* Nếu khi ăn đem đặt giường, ghế dài, nệm lên trên bó mía, củ cải, hoặc trên bao đựng đậu, thì Tỳ-kheo lúc ngồi lên đó không nên động thân, cũng không nên hỏi, nếu động thân hay hỏi: "Đây là vật gì?". Đó gọi là bất tịnh (Phạm lỗi). Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà bị gió thổi làm bay bụi vào bát nhưng không làm bẩn cơm và rau thì vẫn cứ ăn. Trái lại, nếu tất cả rau và cơm đều bẩn thì nên nhận thức ăn khác. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn mà có bò, lạc đà đi ngang qua làm tung bụi lên mà không vấy bẩn đồ ăn, thì vẫn cứ ăn. Hoặc giả chỉ làm bẩn rau thì vẫn cứ ăn. Nếu bụi làm bẩn cả rau và cơm thì tất cả đều phải đổi thứ khác. Nếu súc sinh rùng mình bụi bay đến (làm bẩn thức ăn) mà mình tác ý nhận lấy thì được gọi là đã nhận. Nếu có các loài chim làm bay bụi đến cũng như thế. Nếu khi Tỳ-kheo đang ăn, rồi người nữ đi qua quẹt lai quần xuống đất làm bay bụi vào thức ăn, thì cũng như thế. Nếu có tịnh nhân mang cỏ, lá đi qua,

Tỳ-kheo nên nói với họ: "Để xuống đó". Hoặc họ mang muối, trái, rau đi qua nên bảo họ: "Để xuống đó". Nếu tịnh nhân cầm trái cây đi làm rơi trên cỏ rồi họ đi luôn thì không gọi là (Tỳ-kheo) đã nhận; nhưng nếu họ dừng lại một tí, thì được gọi là đã nhận. Nếu trái cây còn cứng thì được phép lấy rửa sạch mà ăn. Nếu trái cây đã hư thối thì không nên lấy.

Nếu tịnh nhân đem lương khô ra đập giũ khiến bụi lương khô bay vào trong bát mà Tỳ-kheo tác ý thọ nhận, tức là đã nhận. Nếu không tác ý thì nên nhận cái khác. Nếu tịnh nhân lấy cái chén để đựng bún, rồi cái chén rơi vào trong bát mà ngay lập tức Tỳ-kheo dùng tay lấy ra, thì cái chén kia vẫn được xem là sạch. Nếu dừng lại trong chốc lát thì cái chén ấy được coi là không sạch. Nếu đó là chén bằng đồng thì nên đem rửa sạch mà dùng. Nếu đó là cái chén bằng gỗ bị cáu bẩn dính vào thì nên vứt đi. Nếu cáu bẩn không dính, thì nên đem gọt đi rồi dùng. Nếu khi tịnh nhân dọn cơm làm văng cơm vào trong bát mình mà Tỳ-kheo tác ý nhận thì gọi là đã nhận.

Nếu không tác ý nhận thì nên nhận cái khác. Nếu họ bưng tô, lạc, sữa rau tương... thì cũng như vậy.

Nếu vào các dịp: Năm năm mở đại hội một lần, ngày Phật đản sanh, ngày Phật thành đạo, ngày

chuyển pháp luân, ngày A-nan mở đại hội, ngày La-hầu-la mở đại hội mà không có tịnh nhân giúp đỡ thì Tỳ-kheo nên đến chỗ rổ rau để lấy rau hoặc lấy muối, bún, cơm cũng như thế. Nếu tịnh nhân đưa thức ăn mà họ dỡ lên không khỏi đất thì cũng được xem là Tỳ-kheo đã nhận, nhưng như thế là trái oai nghi. Khi ấy, Tỳ-kheo nên nói với tịnh nhân: "Ngươi dỡ lên khỏi đất mà trao cho ta". Nếu tịnh nhân còn nhỏ không dỡ nổi thì nên nói: "Ngươi đưa dần dần cho ta". Khi nhận canh, bánh, thức ăn uống cũng như thế. Nếu khi nhận bình sữa mà dây buộc vướng dưới đất thì nên nói: "Ngươi mang luôn cả cái dây". Nếu tịnh nhân còn bé bưng lên không nổi, thì nên bảo họ múc sữa đưa cho mình từ từ. Tất cả các vật khác cũng thế. Nếu đường đang nấu nóng không cầm được, thì nên dùng hai miếng gỗ kẹp ngang đặt trên đất, rồi Tỳ-kheo dùng chân đạp lên trên và nói: "Nhận, nhận". Đó gọi là trên thức ăn.

- *Trên cây:* Khi thấy tịnh nhân đang ăn trái cây trên cây, Tỳ-kheo nói: "Đưa trái cây cho ta". Tịnh nhân liền rung cây, trái rơi vào trong đồ đựng của Tỳ-kheo, thì được gọi là nhận; nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Nếu tịnh nhân dùng chân, dùng tay, dùng miệng thả trái cây xuống, rồi trái cây chạm vào cành lá, Tỳ-kheo nên nói: "Lấy lấy" đó gọi là đã lấy. Hoặc họ dùng dây buộc thả xuống,

hoặc dùng chân, tay thả xuống khiến nó chạm vào cành lá, thì Tỳ-kheo cũng nên nói: "Lấy lấy". Đó gọi là lấy. Nếu tịnh nhân ăn bánh, đậu mà Tỳ-kheo muốn ăn, liền hỏi: "Cho tôi bánh, đậu". Nhưng tịnh nhân không muốn đưa, Tỳ-kheo liền gở tay tịnh nhân ra, giựt bỏ vào trong túi áo của mình, nói: "Lấy lấy" thì được gọi là lấy. Nhưng trái oai nghi.

Khi khỉ đang ăn quả trên cây, Tỳ-kheo muốn ăn bèn nói với khỉ: "Cho ta trái cây". Khỉ liền rung cây cho trái rớt xuống, rồi Tỳ-kheo dùng giỏ hứng lấy, trái cây liền rơi vào trong giỏ, thì được xem là đã lấy. Nhưng làm như vậy là trái oai nghi. Hoặc nó dùng tay, chân hay miệng thả trái xuống, khi trái chạm vào cành lá, Tỳ-kheo cũng nên nói: "Lấy lấy". Đó gọi là lấy. Tóm lại, đó gọi là trên cây.

- *Trong giếng:* Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, khi giếng bị ngập nước mà không có tịnh nhân giúp đỡ, thì Tỳ-kheo phải tự mình múc nước ra. Rồi lúc ấy một Tỳ-kheo khác nói: "Đến giờ rồi, nên lên ăn đã". Tỳ-kheo ở trong giếng nói: "Nếu tôi lên thì nước sẽ đầy lại. Tôi muốn ăn ngay trong đây, hãy đưa thức ăn xuống". Khi ấy, tịnh nhân nên dùng bát đựng đầy thức ăn, rồi lấy dây buộc để thả xuống, và Tỳ-kheo ở dưới giếng nên nói với tịnh nhân: "Nắm dây thả xuống". Nếu ở hông giếng có cỏ cây sống thì nên bảo phải tránh chúng.

Khi đưa thức ăn xuống tới đáy giếng, thì Tỳ-kheo nên một tay cầm dây, một tay cầm lấy bát thức ăn, nói như sau: "Lấy lấy". Đó gọi là lấy. Nếu nước dưới giếng trong thì có thể lấy uống, nếu nước đục thì bảo tịnh nhân lấy cái bình đựng nước sạch buộc dây thả xuống, như trên đã nói. Đó gọi là trong giếng.

- *Trên nhà:* Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, không có tịnh nhân nên Tỳ-kheo phải tự lợp nhà, rồi đến giờ ăn, một Tỳ-kheo khác gọi: "Đã đến giờ, xuống ăn cơm đã".

Tỳ-kheo đang lợp nhà nói: "Lên xuống khó khăn lại bỏ dỡ công việc, tôi muốn ăn trên này, hãy đưa đồ ăn lên". Rồi bảo tịnh nhân: "Đem thức ăn bỏ vào trong bát rồi đưa lên".

Đồng thời Tỳ-kheo hạ cây móc dài xuống bảo tịnh nhân máng vào móc đó rồi kéo lên, nói thế này: "Nhận nhận". Đó gọi là nhận. Khi thả dây xuống cũng thế. Đó gọi là trên nhà.

- *Nhà bếp:* Nếu làm chùa mới không nên làm nhà bếp tại chái nhà phía Đông và phía Bắc mà nên làm tại chái nhà phía Nam và phía Tây, và nên khai thông hướng gió, khai thông đường nước quét rửa cho nước chảy đi, trong nhà bếp dùng nấu thức ăn. Khi tủ đựng thức ăn bẩn mà tịnh nhân còn nhỏ, thì Tỳ-kheo tự rửa lấy cho sạch. Khi đổ nước vào trong nồi đồng xong nên bảo tịnh nhân:

"Ngươi đem vo gạo đi". Nếu tịnh nhân còn bé không thể làm được, thì nên cầm tay nó dạy cách rửa đồ đạc, vo gạo và nấu cơm. Nếu đồ đựng thức ăn chưa đậy thì nên chỉ y đậy lại. Nếu không có tịnh nhân mà lúc đó có chiếu sạch, khăn sạch hay tấm ván sạch, thì Tỳ-kheo tự động lấy đậy lên trên. Khi phơi lúa nếu Tỳ-kheo giẫm chân lên lúa thì nên bảo tịnh nhân khỏa dấu chân đi. Nếu bị sư tử hổ lang rượt, hoặc phụ nữ có lòng dục truy đuổi Tỳ-kheo, thì lúc bỏ chạy dù giẫm chân lên lúa vẫn không có tội. Nếu dồn lúa thành đống gặp lúc trời mưa thì nên bảo tịnh nhân che lại. Nếu không có tịnh nhân mà có chiếu sạch thì Tỳ-kheo nên lấy che lên trên rồi dùng gạch đá sạch đằng lên. Nếu làm chùa mới, mà trong nhà bếp có các thứ như: dầu ăn, dầu dùng trong bảy ngày, hoặc bình đựng bột, bình đường cát, hũ muối, hũ đựng bột cỏ, hũ đường phèn, hũ đựng tro, bó mía, bó tre, bó nem, bó vỏ cây dùng để nhuộm, rồi Tỳ-kheo bảo một Tỳ-kheo thị giả: "Ngươi lấy bình dầu dùng bảy ngày đến đây", nhưng Tỳ-kheo thị giả cầm nhầm bình dầu ăn đến, tuy lúc ấy Tỳ-kheo từ xa trông thấy biết đó là dầu ăn vẫn không được kêu lên, vì e người kia hoảng sợ làm vở bình dầu. Đợi người ấy đến rồi mới hỏi:

Trưởng lão, dầu gì đó vậy? Dầu dùng bảy ngày.

Thầy liền bảo: "Hãy để xuống đó", mà không

được gọi tên dầu, rồi để đó mà dùng trong bảy ngày. Hoặc bảo: "Trưởng lão thầy lấy dầu ăn đến". Tỳ-kheo ấy liền lấy nhằm dầu ăn bảy ngày đến, thì không được nói lên mà đợi họ mang đến nơi rồi mới hỏi: "Trưởng lão, dầu gì đó vậy?".

Nếu người ấy đáp: "Dầu ăn" thì nên bảo: "Hãy để xuống đó". Do thế gọi là dầu trong bảy ngày.

Cũng thế, nếu bảo lấy hũ đường cát mà cầm nhầm bình bột, bảo lấy hũ bột cỏ mà cầm nhầm hũ muối, bảo lấy hũ đựng tro mà cầm nhầm hũ đường phèn, bảo lấy bó tre mà cầm nhầm bó mía, bảo lấy bó vỏ cây dùng để nhuộm mà cầm nhầm bó nem đến thì đều như trên đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo này bảo Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão, thầy hãy tới chỗ kia xem kỹ bình nào là bình tro thì đem lại đây". Tỳ-kheo ấy đến đó thò tay vào sờ trong bình đụng nhằm bún liền cầm lên xem, thì cái bình này vẫn còn sạch. Nếu thầy cầm bún bỏ lại vào trong bình, thì gọi đó là không sạch. Đối với các bình bột cỏ, bình tro đều cũng như thế.

Nếu bảo: "Ông xem kỹ loại nào tre thì mang đến", rồi Tỳ-kheo ấy đến đó rút cây mía lên xem, thì vật đó vẫn gọi là sạch. Nếu thầy đút cây mía trở vào trong bó thì cả bó mía đều không sạch. Cũng như vậy đối với bó nem.

Nếu nhà bếp bị dột rồi Tỳ-kheo bảo tịnh nhân đem tất cả đồ đạc trong nhà bếp ra ngoài, lấp hang

chuột lại, quét đất, dùng đá lớn đặt lên trên, xây chân tường bằng gạch, loại lớn để ở dưới loại nhỏ đặt lên trên. Khi ấy, Tỳ-kheo được đứng ở giữa nhà chỉ bảo tịnh nhân sắp đặt (358c) các thứ sữa, tô, lạc, dầu, mật, đường phèn, muối nhưng không được xem chúng.

Khi nhà bếp bị hư hỏng mà không sửa chữa thì theo pháp luật xử thầy tri sự. Đó gọi là nhà bếp.

- *Nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng:* Tất cả các loại lá, nếu cuốn lại thì gọi là đồ đựng, nếu nó trợt ra thì không phải là đồ đựng. Nếu cái mâm có vành, ở trong sâu, đựng thóc lúa được, thì gọi là đồ đựng. Nếu giường ngồi, giường nằm có loại dây đan dày thì được xem là đồ đựng, nếu đan thưa thì không gọi là đồ đựng. Thuyền ở trên bờ gọi thì là đồ đựng, mà ở dưới nước thì không phải là đồ đựng. Khi xe không có bò kéo thì gọi là đồ đựng, mà khi có bò kéo thì không phải là đồ đựng.

Nếu khi Tỳ-kheo đi khất thực, rồi người chủ nhà, chủ quán dùng cái đấu (chén) múc bún đưa cho Tỳ-kheo, mà cái đấu đó được buộc lại một chùm thành năm thăng, bốn thăng, ba thăng, hai thăng, hay một thăng, thì khi đó, Tỳ-kheo nên bảo thí chủ mở hết ra, lấy cái đấu có đồ ăn đưa cho mình. Nếu buộc chặt không mở được, thì Tỳ-kheo nên bảo họ dùng cái lá bỏ thức ăn lên đó đưa cho

mình. Đó gọi là nhận trong cái đồ đựng mà không phải đồ đựng.

- *Nhận ở trên giường:* Nếu Tỳ-kheo đang ngồi Thiền hoặc ngủ trên giường, rồi tịnh nhân đem thức ăn đến để gần tầm tay, mà Tỳ-kheo hay biết tức là nhận. Nếu không hay biết, thì khi tỉnh ra mà muốn ăn phải nhận lại từ tịnh nhân. Nếu không muốn ăn thì tự tay trao lại cho tịnh nhân. Trong trường hợp treo bên cạnh giường thì cũng giống trường hợp để trên giường. Nếu ở trên sàn, trên gác có thức ăn mà Tỳ-kheo để y bát, rồi khi lấy y bát làm lay động đến thức ăn, thì tất cả thức ăn đó trở thành bất tịnh (không hợp lệ). Nhưng nếu sàn gác chắc chắn không lay động, thì không có tội. Nếu trên giá y có để bình sữa, bình dầu mà khi Tỳ-kheo lấy y, làm lay động cũng như vậy. Đó gọi là nhận vật ở trên giường.

- *Thuyền:* Nếu thuyền chở mười bảy loại mễ cốc mà trên mễ cốc có trải tấm sáo hoặc trải chiếu lên trên, thì Tỳ-kheo được ngồi trên đó, nhưng không nên gọi tên giống mễ cốc; nếu gọi tên thì được coi là bất tịnh (bất hợp pháp). Nếu bỗng nhiên gió thổi khiến thuyền trôi xuôi dòng, hoặc bị sóng xô khiến thuyền giạt lên bờ, thì tất cả (các thứ mễ cốc) đều bất tịnh. Nhưng nếu dây buộc thuyền, và mái chèo chưa rời khỏi nước thì cũng gọi là tịnh. Đó gọi là thuyền.

- *Xe:* Nếu trên xe lớn chở mười bảy giống mễ cốc, trên mễ cốc trải tấm sáo tre và chiếu, rồi Tỳ-kheo ngồi lên trên thì không được gọi tên mễ cốc, nếu gọi thì thành bất tịnh. Nếu trên xe nhỏ có các tịnh vật và y bát mà khi Tỳ-kheo lấy y bát làm lay động tịnh vật, thì tất cả tịnh vật đều trở thành bất tịnh. Lúc ấy Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lấy y bát đưa cho mình. Không được dùng bò tác tịnh (?). Khi lên xe, Tỳ-kheo nên bảo tịnh nhân lên trước, mình lên sau; lúc xuống xe, Tỳ-kheo phải xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu khi xuống dốc, xe lắc lư khiến rơi xuống đất hoặc rời khỏi bò, thì tất cả (mễ cốc) đều thành bất tịnh. Nếu khi xuống dốc, xe lật rời khỏi bò, mà dây buộc đuôi bò chưa rời khỏi xe, thì tất cả đều là tịnh. Đó gọi là xe.

- *Tâm niệm nhận:* Có nước Đăng Cù vốn là nơi biên địa, dân chúng có tà kiến, nên ghét Tỳ-kheo không cho thức ăn. Lúc ấy, các Tỳ-kheo nên làm đàn tràng vẽ thành một khu vực, nếu thấy lá vàng rơi vào bát (?), thì từ xa nói: "Nhận nhận". Khi lá bắt đầu rơi thì hay biết, nhưng khi rớt vào trong bát thì không hay biết, như thế được gọi là đã nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rơi vào trong bát thì biết nhưng khi bắt đầu rơi thì không biết, cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi và khi rớt vào trong bát đều hay biết, đó gọi là khéo nhận.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực, bỗng chim quạ làm

rơi cục thịt vào trong bát của Tỳ-kheo, khi bắt đầu rơi đã biết chứ không phải khi rơi vào trong bát mới biết, đó gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi rớt vào trong bát mới biết chứ không phải lúc bắt đầu rơi đã biết, đó cũng gọi là nhận; nhưng trái oai nghi. Khi bắt đầu rơi liền biết, khi rớt vào trong bát cũng biết, đó gọi là khéo nhận. Tóm lại, trên đây gọi là tâm niệm nhận.

- *Đường đi:* Nếu Tỳ-kheo muốn cùng đi chung với thương nhân, nên nói với họ: "Cho tôi mượn người giúp đỡ". Rồi thương nhân đáp: "Được thôi". Nhưng lúc lên đường, họ lại nói: "Tôi không có người giúp đỡ mà chỉ có bò, nếu Tôn giả cần thì hãy lấy dùng". Khi ấy, nên sai tịnh nhân lấy cái túi xách lớn, đong lương thực đủ số ngày đi, rồi đổ vào túi xách, xong xuôi lấy dây buộc vào trên con bò, và đến bữa ăn thì nên sai tịnh nhân đi lấy. Nếu không có tịnh nhân, thì một người gỡ dây, một người lấy túi xách, đồng thời miệng nói: "Lấy lấy". Đó gọi là lấy.

Khi chưa tới nơi mà lương thực hết ở dọc đường, thì nên lấy cái túi xách ra giặt sạch, rồi xin lương thực khác bỏ vào túi, buộc kỹ lại như trước.

Lúc đi đường, phải tùy thời cho bò ăn, cột ở chỗ mát mẻ, chớ để nó cực nhọc. Khi tới nơi, phải trả bò lại cho chủ cũ.

Nếu Tỳ-kheo đi trên đường, ngang qua đám

mía, thì nên đến người giữ mía hỏi xin như sau: "Lão trượng, cho tôi một ít mía".

Tôn giả cứ tự ý lấy.

Lão trượng, tôi không được phép tự lấy.

Nếu thầy muốn ăn thì tự ý lấy, nếu không muốn ăn thì hãy đi đi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo liền lấy dây cột vào những cây mía tốt rồi buộc vào đầu bò, nói như sau: "Hãy biết đó là mía của chúng sinh". Nếu bấy giờ bên cạnh đám mía đang có đống lửa thì thầy nên lùa bò đi qua đống lửa để cho mía được tác tịnh, nhưng không làm cho bò bị cháy. Thế rồi, một người vác mía đặt lên đầu bò, một người mở dây buộc, nói như sau: "Lấy lấy". Đó gọi là lấy. Trong trường hợp củ cải cũng như thế.

Nếu bò ăn củ cải, Tỳ-kheo liền nắm đầu bò giựt lại, nói: "Lấy lấy", thì được gọi là lấy; nhưng trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo đi đường, tịnh nhân đứng bên đường lấy đãy bỏ bún vào nhưng dây của đãy chưa rời khỏi đất, cũng gọi là đã nhận; nhưng như thế là trái oai nghi, cần phải bảo họ cuốn dây gọn lại rồi trao đãy cho mình. Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 17

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

36. GIỚI ĂN PHI THỜI

37. GIỚI ĐỂ DÀNH THỨC ĂN MÀ ĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai nhờ ăn mỗi ngày một bữa mà thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc. Các ông cũng nên ăn mỗi ngày một bữa. Vì ăn mỗi ngày một bữa thì thân thể nhẹ nhàng, được sống an lạc". Khi ấy, Tôn giả Bạt-đà-lợi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con không kham nổi ăn mỗi ngày một bữa. Vì cớ sao? Vì con ăn cả buổi sáng, buổi chiều mới được an lạc". Phật liền nói với Bạt-đà-lợi: "Nếu ông không thể ăn mỗi ngày một bữa, thì buổi sáng sớm hãy cầm hai bát vào thôn khất thực, rồi một bát dùng buổi mai, một bát dùng buổi trưa. Thế là ăn hai bữa". Thế Tôn dạy đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà Bạt-đà-lợi

vẫn khăng khăng nói là mình không kham nổi. Lúc ấy các đệ tử đều vâng lời Thế Tôn dạy, ngoại trừ Bạt-đà-lợi. Vì thế thầy cảm thấy hổ thẹn, nên suốt ba tháng không đến chỗ Phật, như trong kinh Bạt Đà Lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo đi khất thực phi thời nên bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại khất thực phi thời, làm mất hết đạo hạnh, có đạo nào lại như thế?". Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Các ông là người xuất gia mà khất thực phi thời, nên bị người đời chê trách là phải. Từ nay về sau, Ta không cho phép khất thực phi thời". Trong đây cũng giống như trong kinh Ưu Đà Di Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ăn vào chặp tối, bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại ăn vào buổi tối? Chúng ta Là người tại gia còn không ăn vào buổi tối. Những người này làm mất phép tắc Sa-môn, có đạo nào như vậy!".

Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Các ngươi ăn vào ban đêm nên mới bị người đời chê trách, từ nay về sau, Ta cho phép ăn trước nửa ngày (từ giờ ngọ trở về trước), và phải làm dấu

bóng mặt trời để ấn định thời khắc".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo trước giờ ăn vào thôn xóm khất thực, sau giờ ăn, lại đến những nơi người đời tụ tập vui chơi như công viên, hồ nước để khất thực nữa, nên bị người đời chê trách nói với bạn: "Ông xem kìa, vị Sa-môn Thích tử ấy vừa mới khất thực tại nhà tôi, giờ đây lại ra tới hồ nước theo tôi xin nữa! Thật là làm băng hoại phép tắc của đạo giáo, có đạo nào mà như thế".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi việc trên:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Thế thì ông khất thực buổi sáng dùng để làm gì?

- Để ăn vào lúc đúng giờ.

- Thế thì sau bữa ăn ông còn xin để làm gì nữa?

- Cất để dành sáng mai ăn.

- Vì sao Ông lại cất giữ thức ăn để ăn?

- Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn phi thời, không cho phép cất thức ăn để ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-lợi cảm thấy lòng đầy hổ thẹn nên khi vào thôn xóm khất

thực giống như đi vào giữa trận chiến, thầy mang theo hai bát để xin, rồi một bát để dùng hôm nay, còn một bát để dành ngày mai. Lúc ấy, các Tỳ-kheo định vào thôn xóm khất thực, liền gọi Bạt-đà-lợi:

- Trưởng lão, chúng ta cùng vào thôn xóm khất thực.

- Các thầy cứ đi đi. Tôi không đi nữa.

- Trưởng lão được lợi ích rất lớn, thầy chỉ ăn một bữa mà yên ổn cả hai ngày.

- Không phải tôi chỉ ăn một bữa mà được yên ổn cả hai ngày, mà vì khi tôi vào thôn xóm giống như đi vào trận chiến, cho nên tôi đem theo hai bát để xin ăn cả hai ngày.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật bèn bảo đi gọi Bạt-đà-lợi đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật, bạch Thế Tôn.

- Tuy ông muốn giảm bớt sự việc (nhưng như thế là không được). Từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời, không cho phép cất thức ăn để ăn; như trong kinh Bạt Đà Lợi Tuyến đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật đem phơi cơm

thiu nát trên hòn đá đen vuông nơi núi Tiên nhân, Phật bèn dùng sức thần thông đi đến núi ấy. Tuy Ngài biết mà vẫn hỏi A-na-luật:

- Ông đang làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Các đệ tử Thanh văn có lòng tin, hoan hỷ, ngày mai muốn (làm lễ) nương tựa nơi con, do đó, con không thể vào thôn xóm để khất thực, (nên con định phơi cơm nguội này để ăn).

- Tuy ông muốn giảm bớt việc phiền toái, nhưng từ nay về sau, Ta không cho phép ông ăn phi thời và để dành thức ăn để ăn.

Thế rồi, Phật dùng thần lực trở về lại thành Xá-vệ, truyền bệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời, phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo để dành thức ăn mà ăn, phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phi thời: Nếu thời gian vượt qua (mức quy định) như trong chớp mắt hoặc đã vượt qua bằng ngọn cỏ, lá cây, thì đó gọi là phi thời.

Ăn: Nếu ăn gạo lứt, gạo tẻ, cá, thịt, hoặc các

thứ linh tinh khác thì phạm Ba da đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Để quá giờ ăn: Tức là quá thời gian "Tu du".

Tu du: Hai mươi niệm gọi là một khoảng chớp mắt. Hai mươi chớp mắt gọi là một khảy móng tay. Hai mươi khảy móng tay gọi là một la tượng (?). Hai mươi la tượng gọi là một Tu du. Ngày dài nhất thì được mười tám tu du. Đêm ngắn nhất thì có mười hai tu du. Đêm dài nhất thì được mười tám tu du. Ngày ngắn nhất thì có mười hai tu du.

Thức ăn: Gồm có năm thức ăn chính, năm thức ăn tạp. Nếu để quá giờ mới ăn một thứ nào đó thì phạm Ba-dạ-đề.

(Ngoài ra còn có các trường hợp) Thời thọ, Phi thời thọ, cố thọ, bất cố thọ, thiểu thọ, đa thọ, tật tật thọ, từ từ thọ, tuyết băng thọ.

Thời thọ: Nếu nhận (thức ăn) đúng giờ và ăn đúng giờ thì không có tội. Nếu để quá thời khắc chừng một chớp mắt, hoặc quá chừng một ngọn cỏ, lá cây, mà ăn thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm một tội ăn phi thời và một tội ăn thức ăn để quá giờ.

Phi thời thọ: Nhận thức ăn phi thời rồi ăn vào lúc phi thời thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu để quá một tu du mà ăn thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì

phạm tội ăn phi thời và tội ăn thức ăn để quá giờ.

Các trường hợp cố thọ (cố ý nhận), bất cố thọ (không cố ý nhận), thiểu thọ (nhận ít), đa thọ(nhận nhiều), tật tật thọ (nhận nhanh), từ từ thọ (nhận từ từ) cũng có các sự sai biệt như vậy.

Tuyết băng thọ (Thọ tuyết): Nếu Tỳ-kheo muốn ăn tuyết thì nên nhận từ tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên rửa tay sạch rồi tự lấy ăn. Trường hợp nước đá cũng như vậy. Đó gọi là Tuyết băng thọ.

Tỳ-kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch, không nên rửa một cách thô tháo mà nên rửa năm đầu ngón tay trước, cũng không được rửa từ nách mà nên rửa từ cổ tay trở về trước cho sạch, không nên thô lỗ. Rửa không nên quặn quẹo khiến cho máu ra (?). Nên dùng hòn đá lớn, ngọn cỏ hoặc tro mà rửa cho sạch tay, lại vỗ khiến cho ra tiếng (?). Sau khi rửa tay sạch, nếu lại vò hai tay thì gọi là chẳng sạch, nên rửa lại. Nếu rửa bát rồi, lúc tay còn ướt mà lại xoa vuốt thì cũng xem là không sạch, nên đợi cho nó khô. Tỳ-kheo trước bữa ăn nên giữ gìn tay cho sạch. Nếu gãi đầu, hoặc cầm cái quần, giày da, hoặc cầm tô sữa, dầu, túi da đều phải rửa lại cho sạch như trước. Nếu cầm y Tăng-già-lê, y Uất-đa-la-tăng đều phải dùng nước rửa lại.

Tỳ-kheo khi muốn đi khất thực nên rửa tay sạch rồi mặc chiếc y dùng đi vào làng xóm. Mặc y xong,

nên rửa tay lại rồi cầm bát mà đi vào xóm làng. Nếu vào lúc mùa đông lạnh cầm bát để vào trong túi rồi định đi tới bên ranh giới thôn xóm, hoặc bên ao nước, hoặc trên dòng nước chảy thì nên rửa tay sạch. Nếu không có nước thì nên vào trong thôn xóm, đến trú xứ của Tỳ-kheo, xin nước rửa tay. Nếu cũng không có thì nên tới Tinh xá của Tỳ-kheo ni mà xin nước. Nếu cũng không có thì nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin nước sạch. Nếu cũng không có thì nên mở túi, lấy bát ra chỉ cầm một chỗ đi khất thực. Khi được thức ăn rồi, nên ra khỏi xóm làng, đến bên hồ nước, hoặc suối nước chảy, đặt bát trên cỏ sạch, rồi mới rửa tay sạch, tiếp đến rửa sạch tảng đá hoặc lá cây. Rửa xong, nên lấy chỗ cơm mà ngón tay chạm vào vứt bỏ, rồi đổ cơm ra trên tảng đá hay trên lá cây. Khi đổ cơm ra không được đổ ra ngay cái chỗ mà tay không sạch đã cầm. Khi đổ xong phải rửa bát sạch, rồi đổ cơm vào lại trong bát mà ăn. Lúc ăn xong, nếu còn thừa cơm, thì nên đổ một chỗ trên tảng đá, rồi ra đi. Hôm sau, Tỳ-kheo lại vào thôn xóm khất thực; nếu chẳng được chi cả, phải rời khỏi thôn xóm với bát không, rồi tình cờ trở về lại con đường cũ, trông thấy chỗ cơm thừa đổ trên hòn đá hôm qua vẫn còn đó, nếu như có tịnh nhân thì nên bảo họ lấy đưa để mình ăn. Nếu không có tịnh nhân mà chỗ cơm ấy bị chim quạ ăn thì gạt bỏ chỗ chim ăn, rồi tự lấy

ăn. Nếu tịnh nhân dùng tay không sạch cầm bún, cơm cúng dường cho Tăng, thì đối với Thượng tọa như thế được xem là không sạch, nhưng đối với những người khác thì được xem là sạch. Nếu tịnh nhân đem bún sạch đổ trên bún không sạch, thì được vớt lấy cái phần trên (để ăn). Nhưng nếu họ đem bún không sạch đổ trên bún sạch, thì tất cả thành ra không sạch. Nếu họ đem bún sạch đổ vào trong một cái tô không sạch, thì được múc lấy ở chính giữa (mà ăn). Nếu họ khuấy lên, thì tất cả đều trở thành không sạch. Khi Tỳ-kheo ăn bún, nếu dùng tay chùi miệng, thì được xem là không sạch, phải rửa tay lại. Nếu hai tay xoa vào nhau thì được xem là tay không sạch, phải rửa tay lại.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần cháo thì nên nhờ tịnh nhân nấu. Nếu tại nơi A-luyện-nhã không có tịnh nhân thì được rửa tay sạch không để dính cáu bẩn, rồi múc nước đổ vào nồi, chụm lửa cho nước sôi, rồi bảo cho tịnh nhân biết để họ đổ gạo vào. Khi họ đổ gạo vào xong, Tỳ-kheo không được chụm lửa nữa mà phải bảo tịnh nhân chụm lửa cho đến khi sôi. Nếu tịnh nhân đi khỏi thì Tỳ-kheo được chụm lửa cho đến khi cháo chín, rồi múc đưa cho người bệnh. Nếu Tỳ-kheo uống thuốc ỉa mửa rồi, thầy thuốc bảo phải cho ăn cháo trong, nếu không có thì sẽ chết. Vậy phải làm sao? Bấy giờ, ta nên lấy gạo rửa sạch rồi nấu nhừ thành nước trút vào

trong tô đổ cho Tỳ-kheo bệnh. Nếu người bệnh không kham (không dùng được) thì nên lấy một nắm lúa nguyên vẹn đem rửa bảy lần cho sạch, rồi đổ vào một cái túi, cột đầu lại, đồng thời đem rửa nồi cho sạch đổ vào nấu. Không được để cho đầu hạt lúa bị vỡ, nếu vỡ thì không được cho Tỳ-kheo bệnh dùng. Nếu ở tại nơi hoang vắng mà tịnh nhân bị bệnh, thì nên khiến tịnh nhân khác nấu cháo giúp cho họ. Nếu trường hợp không có tịnh nhân mà có được thóc hợp pháp, thì Tỳ-kheo được tự mình đem giã, nấu cháo đưa cho tịnh nhân dùng. Nếu cháo tịnh nhân dùng không hết thì Tỳ-kheo không được dùng, cũng không được đưa cho những Tỳ-kheo khác. Thế nên nói (như trên).

38. GIỚI NHẬN THỨC ĂN QUÁ MỨC ĐÃ CHO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một cư sĩ sinh được một bé gái tươi đẹp vô song, cha mẹ rất hoan hỷ. Đến khi đầy tháng, cha mẹ em định tổ chức lễ khánh hỷ, nên suy nghĩ: "Con bé này đoan chánh, hiếm có trên đời, nếu quốc vương biết được, ắt sẽ đoạt lấy, vậy ta nên đặt cho nó một cái tên xấu xí", bèn đặt tên là Hạt Nhãn. Cô gái này dần dần khôn lớn, quan xem tướng cho vua trông thấy, liền hỏi (dân chúng): "Con bé này con nhà ai vậy?". Có người đáp: "Con gái của cư sĩ Mỗ giáp đấy". Viên quan

xem tướng của vua suy nghĩ như sau: "Tướng của cô này phải làm đến đại phu nhân của vua", bèn tâu với vua: "Nhà kia có một người con gái quý tướng, đáng làm đến hoàng hậu, nên tuyển cô vào cung". Vua bèn sai người đến nhà ấy hỏi xem cô ta tên gì, thì họ đáp: "Tên là Hạt Nhãn". Sứ giả bèn trở về báo lại nhà vua. Vua nói: "Cái tên này không tốt đẹp. Ta không cần". Về sau, có người xin cưới cô, cha mẹ chồng bảo rước cô về nhà. Người chồng bèn sai sứ giả đến xin rước dâu, thì gia đình nhà gái đáp: "Sẽ đưa ngay", bèn chuẩn bị các vật dụng để đưa tiễn con gái và làm các thứ bánh. Bỗng nhiên có một Tỳ-kheo tuần tự khất thực, đến nhà ấy. Mẹ cô trông thấy thầy, liền khởi tâm tin tưởng, hoan hỷ, hỏi: "Tôn giả có cần bánh không?". Thầy đáp: "Cần". Bà liền đem các thứ bánh cúng dường đầy bát của thầy. Khi đã nhận được bánh, thầy bèn đem về Tinh xá, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Trưởng lão, thứ bánh này rất ngon, thầy được ở đâu vậy?". Thầy đáp: "Được tại nhà của cô Hạt Nhãn". Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đến nhà ấy, và họ cũng nhận được bánh như người đầu. Như vậy, từng người, từng người cứ đến xin, khiến những phẩm vật dùng tiễn đưa con gái hết sạch. Trải qua ngày thứ hai, thứ ba cũng như thế. Người chồng lại sai người đến nhắc. Nhà gái lại nói: "Xin đợi ít hôm làm cho xong lễ vật đưa

tiễn đã". Nhưng rồi các Tỳ-kheo hằng ngày lại đến xin hết cả. Vì cô dâu không về nhà chồng đúng ngày giờ nên ông chồng nổi cáu nói: "Ta đã sai người đến nhắc (mấy lần) mà đều bảo rằng lễ vật làm chưa xong nên chưa đưa đến, chắc là có tâm này khác rồi", liền sai người đi xin cưới cô gái khác. Mẹ cô Hạt Nhãn nghe tin con gái mình bị khiển trách, bà rất đau buồn, than khóc. Cô cũng sầu não trách mẹ không đưa tiễn mình đúng ngày giờ nên mới bị khiển trách. Những người hàng xóm thấy thế bèn hỏi: "Các vị vì sao mà ưu sầu, than khóc?". Họ bèn trình bày đầy đủ sự kiện kể trên với những người hàng xóm. Thế rồi, người láng giềng cũng trách: "Vì sao bà không đưa tiễn con gái trước rồi mới sắm các thức ăn uống khác mà bố thí cho các Tỳ-kheo?". Các Tỳ-kheo nghe được liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi: "Các ngươi có việc đó thật chăng?".

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) nhận những thức ăn dùng để đưa tiễn cô dâu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong thành có người khách buôn tên là Vô Úy sắp đi xa cùng với các khách buôn khác. Lúc ấy, bà vợ ông đang ở nhà sắm sửa

các thứ lương thực đi đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo tuần tự khất thực đến nhà ấy, bà vợ trông thấy khởi tín tâm, hoan hỷ hỏi: "Tôn giả có cần bún không?". Thầy đáp: "Cần". Bà liền cắt một phần lương thực đem đổ đầy bát, cúng dường cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo được thức ăn rồi, liền mang về Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, gọi các Tỳ-kheo quen biết cùng ăn. Các Tỳ-kheo hỏi: "Thầy được thức ăn ngon thế này ở đâu vậy?". Thầy đáp: "Được tại nhà của ông khách buôn Mỗ giáp đấy". Các Tỳ-kheo nghe thế, liền cùng nhau người này người khác, đến nhà ấy xin lương đi đường đến nỗi hết sạch. Như vậy, họ phải sắm lương thực đến ngày thứ hai, thứ ba. Nhưng rồi các Tỳ-kheo cũng thay phiên nhau đến xin hết cả cho đến ngày thứ tư, sắm lương xong thì đi theo không kịp bạn, bị đám cướp lấy tài vật hết sạch. Bà vợ ông khách buôn nghe thế, sầu não, khóc than. Người hàng xóm bèn hỏi: "Vì sao bà khóc than như vậy?". Bà liền trình bày đầy đủ sự kiện trên với người láng giềng. Người láng giềng nói: "Vì sao bà không sắm trước lương thực cho người ra đi xong rồi sau đó mới sắm các thứ khác bố thí cho các Tỳ-kheo?".

Các Tỳ-kheo nghe được việc đó, liền đến bạch đầy đủ sự kiện lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?". Họ đáp: "Có thật như

vậy". Phật khiển trách: "Đó là việc ác. Người bố thí không biết lượng định thì người thọ nhận cũng phải biết cân nhắc chứ! Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin lương thực đi đường". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo sống tại thành Vương xá phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y họ cúng dường bánh bún thoải mái, thì được nhận hai, ba bát, rồi đem về cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh. Nếu nhận quá số đó mà đem về không cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người.

Nhà bạch y: Các gia đình Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la cúng dường bánh hoặc bún.

Bánh: Đó là các thứ bánh làm bằng lúa đại mạch, tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Bún: Đó là các loại bún được làm bằng lúa đại mạch tiểu mạch, gạo tẻ, đậu...

Ba bát: Được nhận tối đa ba bát.

Mang đi ra ngoài: Mang đến nơi mà mình

muốn.

Tỳ-kheo không bệnh: Tỳ-kheo có sức lực có thể đến nhà ấy.

Cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh: Thức ăn đem về nên cùng ăn chung, nếu không cùng ăn chung thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Lại có các trường hợp: Vật dùng để tiễn đưa, lương thực đi đường, lương không phải làm cho Tỳ-kheo mà làm để đưa tiễn, cho một cách hào phóng.

Vật dùng để tiễn đưa: Như bánh dùng để tiễn đưa cô Hạt Nhãn. Lương thực đi đường: Như trường hợp người chủ khách buôn Vô Úy.

Bánh bún: Như trên đã nói.

Không phải vì Tỳ-kheo: Vốn là vì người khác mà làm lương thực để tiễn đưa.

Cho một cách hào phóng: Như cách cho của mẹ con cô Hạt Nhãn, cách cho của vợ chồng ông khách buôn thì Tỳ-kheo được nhận ba bát, rồi đem ra ngoài cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh.

Nếu Tỳ-kheo nghĩ như sau: "Ai hơi sức đâu mà làm cho nhiêu khê", rồi nói với Ưu-bà-di: "Múc đầy một bát đổ vào trong một tô, rồi múc đầy bát khác đổ vào một tô khác". Đoạn thầy tự dùng một bát, rồi dặn người nữ gia chủ: "Nếu có Tỳ-kheo

đến thì bà cho một bát này. Nếu có người khác đến nữa thì bà cho bát thứ hai. Sau đó, nếu có người nào đến nữa, thì bà đừng cho. Nếu cho, thì bà sẽ được ít phước đức". Bấy giờ, Tỳ-kheo mang thức ăn ra đi, nếu giữa đường gặp Tỳ-kheo khác thì nên nói như sau: "Nhà Mỗ giáp kia có thức ăn, thầy nên đến đó lấy phần". Nếu gặp Tỳ-kheo thứ hai, cũng nên nói như thế.

Lại có các trường hợp: Không phải bánh dùng để đưa tiễn, không phải lương thực để đi đường, vì Tỳ-kheo, không phải là lương thực dùng để đưa tiễn, không cho một cách hào phóng.

Không phải bánh dùng để đưa dâu: Không phải như trường hợp cô Hạt Nhãn trên đây.

Không phải lương thực dùng để đi đường: không phải như trường hợp ông khách buôn Vô-úy.

Vì Tỳ-kheo: (thức ăn) làm cho Tỳ-kheo, chứ không phải làm cho người khác.

Không phải lương thực dùng để đưa tiễn: Trừ hai trường hợp kể trên, nếu (thực phẩm) làm cho những người khác thì được nhận lấy, không phạm.

Không cho một cách hào phóng: Tùy theo thực phẩm nhận được rồi mang đi. Nếu cô Hạt Nhãn về nhà chồng rồi, sau đó mẹ cô mới cho, thì được phép lấy mà không có tội.

Nếu cô dâu về nhà chồng rồi, cô mới cho (thực phẩm) thì được phép lấy, không có tội.

Nếu người khách buôn ra đi rồi, người vợ sau đó mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu khách buôn đi đến mục tiêu rồi ông mới bố thí, thì được phép lấy, không có tội.

Nếu một nhà kia vào dịp gả chồng hay cưới vợ cho con mà có khoản đãi, hoặc những ngày lễ hội, rồi Tỳ-kheo đi đến nhà ấy, chủ nhân nói như sau: "Thưa Tôn giả, dù tôi muốn sai người đi mời, e chưa chắc đã được, huống gì nay hân hạnh được Tôn giả đến đây". Nếu như thế thì được lấy thoải mái, không có tội.

Thế nên nói (như trên).

39. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ XIN THỨC ĂN NGON

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến nhà có sữa tô thì xin sữa tô, nhà có dầu thì xin dầu, nhà có sữa tươi thì xin sữa tươi, nhà có sữa lạt thì xin sữa lạt, nhà có mật thì xin mật, nhà có đường phèn thì xin đường phèn, nhà có cá thì xin cá, nhà có thịt thì xin thịt, nên bị người đời chê bai như sau: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện tán thán ít muốn, biết đủ, dễ nuôi dưỡng, dễ thỏa mãn, và chê

trách đa dục, không biết chán, khó nuôi dưỡng, khó thỏa mãn; thế mà nay vị Sa-môn này không chịu xin thức ăn thô, mà đến nhà có sữa tô xin sữa tô, cho đến nhà có thịt thì xin thịt. Đó là kẻ bại hoại, chứ có đạo nào như thế!".

Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu.

- Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện tán thán ít muốn, chê trách đa dục hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin thức ăn ngon để ăn.

- Lại nữa, khi Phật trú tại một Tinh xá ở vườn cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ thuộc dòng họ Thích ca. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Phật đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Bệnh của ông như thế nào? Có đau đớn lắm không?

- Không đau đớn lắm, bạch Thế Tôn.

- Ông không thể xin được thức ăn hợp với bệnh, thuốc men hợp với bệnh được sao?

- Có thể xin được, nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép xin thức ăn ngon, nên con không dám xin. Vả lại, con không có đàn-việt, cũng không có người cho.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được xin thức ăn ngon.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang trú tại Ca-duy-la-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu tại nhà các đàn-việt có các loại mỹ thực như sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, cá, thịt... mà Tỳ-kheo không bệnh, vì muốn sướng thân mà xin, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Nhà: Như trên đã nói.

Sữa tô, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt, thịt, cá: Như trong giới ăn trộm thứ hai trước kia đã nói. Đó gọi là mỹ thực. Nếu người bị bệnh thì Thế Tôn cho phép xin ăn, không có tội.

Bệnh: Có các loại như: bệnh hoàng lạn, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đi tiểu, đại không làm chủ được, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh ho lao, bệnh gầy ốm, bệnh phong thũng, bệnh thũng nước, các

bệnh như thế gọi là bệnh.

Vì thân mình: Vì chính thân mình mà xin, nếu tự mình xin hoặc nhờ người khác xin để ăn, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh nhiệt, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống sữa chua", thì được xin sữa chua. Nhưng không được đến nhà không có niềm tin mà xin. Vì sao thế? Vì khi xin, họ sẽ dèm pha rằng Tỳ-kheo do tham món ngon mà xin sữa chua. Chính vì họ chê bai sự hay dở của Tỳ-kheo nên không được đến xin, mà nên đến nhà Ưu-bà-tắc có lòng tin mà xin. Khi xin được rồi nên cân nhắc (mà dùng).

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh phong, rồi thầy thuốc bảo: "Nên uống dầu", thì khi ấy được phép xin dầu. Nhưng không được đến nhà ép dầu để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thũng nước, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống mật", thì khi ấy được xin mật. Nhưng không được đến nhà người đi lấy mật để xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh khô gầy, rồi thầy thuốc

bảo: "Bệnh này nên uống đường phèn", (thì được xin đường phèn). Nhưng không được đến nhà làm mía mà xin, cũng không được đến nhà không có lòng tin để xin, như trong trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị nhiễm lạnh, rồi thầy thuốc bảo: "Nên dùng đường phèn, sữa chua hai thứ hòa chung vào nhau mà uống"; thì không được đến nhà không có lòng tin mà xin, như trường hợp xin sữa chua đã nói.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh ỉa chảy, rồi Thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống sữa tươi". Khi ấy, được đến chỗ người chăn bò để xin sữa tươi. Khi xin được nên trù tính để lấy.

Nếu Tỳ-kheo muốn ói ra và uống thuốc ói mửa, rồi thầy thuốc bảo: "Trước nên uống nước cá", thì khi ấy được xin nước cá, nhưng không được đến nhà người bắt cá để xin, cũng không được đến nhà người không có lòng tin mà xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo muốn lể đầu ra máu, hoặc uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo: "Bệnh này nên uống nước thịt", thì khi ấy được phép xin nước thịt, nhưng không được đến nhà đồ tể, nhà không có lòng tin để xin, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực đến nhà người đong sữa chua, rồi người đong sữa hỏi: "Tôn giả muốn tìm thứ gì?". Thầy đáp: "Muốn xin thức ăn". Người

ấy nói: "không có thức ăn mà chỉ có sữa chua này, nếu thầy cần tôi sẽ cho". Khi ấy, nếu Tỳ-kheo cần thì được nhận đầy bát, không có tội. Hoặc là có bạn thì có thể khuyên người ta cho bạn, không có tội. Cũng như thế đối với người đong dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa lạt cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo khất thực được bún, cơm đầy một bát cỡ trung không còn chỗ nữa, thì có thể xin nước uống. Nếu đàn-việt nói: "Không có nước uống mà chỉ có nước thịt, nếu thầy cần thì tôi sẽ cho". Khi ấy, Tỳ-kheo được phép lấy. Hoặc họ lại nói: "Cũng có thịt, nếu thầy cần tôi sẽ cho". Lúc ấy, Tỳ-kheo được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời Tỳ-kheo cũng được đến nhà người ép mía, xin nước mía. Nếu chủ nhà nói: "Không có nước mía mà chỉ có đường phèn, nếu thầy cần, tôi sẽ cho". Tỳ-kheo nếu thấy cần thì có thể lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình. Cũng như được đến nhà ép dầu mè để xin cặn dầu mè. Nếu chủ nhân nói: "Tôi không có cặn dầu mè, nhưng thầy có cần dầu thì tôi sẽ cho". Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin nước trong ở dưới sữa đóng váng. Nếu họ nói: "Tôi không có nước trong ở dưới sữa đóng váng mà chỉ có sữa đóng váng, thầy có cần thì tôi sẽ cho". Tỳ-kheo nếu thấy cần, được lấy

đầy bát, không có tội. Đồng thời cũng được khuyên họ cho bạn mình.

Tỳ-kheo được xin mía, cũng được vì Tỳ-kheo khách đi đường xa mà xin thức ăn ngon. Hoặc khi mình đang đi trên đường cũng được xin (thức ăn ngon).

Nếu Tỳ-kheo xin một chỗ được tám thứ mỹ thực, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo xin được tám thứ mỹ thực tại nhiều chỗ khác nhau, rồi ăn một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại nhiều chỗ, rồi ăn riêng từng thứ, thì phạm nhiều tội Ba-dạ-đề. Nếu xin tại một chỗ được nhiều loại thức ăn, rồi họp lại ăn một lần, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu xin khi không bệnh đến khi bệnh đem ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu xin khi đang bệnh, đến lúc không bệnh đem ăn, thì không có tội.

Nếu xin khi đang bệnh, rồi ăn lúc đang bệnh, thì không có tội.

Nếu xin khi không có bệnh, rồi ăn lúc không bệnh, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu nấu không tùy theo bệnh mà ăn tùy theo bệnh, thì không có tội (?).

Nếu nấu tùy theo bệnh mà ăn không tùy theo

bệnh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nấu tùy theo bệnh, rồi ăn cũng tùy theo bệnh, thì không có tội.

Nếu nấu không tùy theo bệnh, ăn không tùy theo bệnh, thì không có tội. Vì sao vậy? Vì người xuất gia sống nhờ người khác vậy. Thế nên nói:

"Mỗi chỗ cho một bữa,
Ăn no khuyên ăn thêm.
Không nhận phần mà ăn,
Ăn phi thời, đồ thừa.
Hai ba bát món ngon,
Ăn riêng chúng, ăn sau
Hết Bạt cừ thứ tư".

40. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ. Lúc này, người đời đốc tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh (thuốc bổ). Trong khi ấy, những người xuất gia ngoại đạo cũng đang ở tại thành Xá-vệ nhưng không được người đời cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Do thế, nhiều người xuất gia ngoại đạo tập hợp tại nhà luận nghị, bàn luận như sau: "Sa-môn Cù-đàm này đang ở tại

vườn ông Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, thành Xá-vệ được người đời thâm tín cung kính tôn trọng cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh nhưng chúng ta không được tôn trọng cung kính cúng dường y phục, thực phẩm, sàng tọa và thuốc chữa bệnh. Vậy ai có thể đến xuất gia sống trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, tụng đọc giáo pháp của ông ta, rồi trở về lần lượt dạy lại chúng ta, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ta?".

Khi các ngoại đạo luận bàn như thế rồi, cùng bảo nhau: "Tu-thâm-ma là người ưu tú bậc nhất trong hội chúng của chúng ta nên có thể sai ông đến xuất gia trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm, thọ giới luật của Cù-đàm, rồi về lại...". Thế rồi, các ngoại đạo nói với Tu-thâm-ma: "Sa-môn Cù-đàm đang sống tại Tinh xá Kỳ-hoàn được nhiều người tôn trọng cúng dường, còn chúng ta thì không được lợi ích như thế. Nay ông nên đến xuất gia trong giáo pháp Sa-môn Cù-đàm tu tập phạm hạnh, đọc tụng kinh điển của ông ấy, rồi trở về trong giáo pháp của ta, lần lượt dạy lại nhau, để chúng ta cũng được cúng dường giống như ông ấy".

Tu-thâm-ma nghe lời đề cử rồi, liền ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Khi tới cổng Tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang kinh hành, ngồi thiền, Tu-thâm-ma liền đến chỗ các Tỳ-kheo thăm

hỏi, rồi ngồi sang một bên, nói: "Tôi vốn là ngoại đạo nay muốn xuất gia, thọ Cụ Túc trong giáo pháp của Như Lai thì ở đây phải làm thế nào?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Nếu gốc gác là ngoại đạo mà muốn xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, thì phải được thử thách qua bốn tháng. Qua bốn tháng thử thách mà các Tỳ-kheo thấy hợp ý thì sẽ cho xuất gia".

Khi ấy, Tu-thâm-ma liền vâng lời, thực hành bốn tháng thử thách. Qua bốn tháng, các Tỳ-kheo thấy vừa ý, liền cho thọ giới Cụ túc. Sau khi thọ Cụ Túc, ông bèn đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa như sau: "Bạch Thế Tôn! Con đã chứng đắc, đời sống của con đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn phải tái sinh nữa". Họ nói như thế xong, liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi ra đi.

Khi các Tỳ-kheo ấy vừa ra đi, thì Tu-thâm-ma đến đảnh lễ chân Phật, rồi đi tới các Tỳ-kheo ấy thăm hỏi. Hỏi thăm xong, bèn đứng qua một bên, hỏi các Tỳ-kheo: "Thưa Trưởng lão, vừa rồi ở trước Phật, thầy tự nói là mình đã chứng đắc, đời sống đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh nữa, có phải thế không?". Các Tỳ-kheo đáp: "Đúng như vậy". Thế rồi Tu-thâm-ma lại hỏi:

"Thưa Trưởng lão, biết như vậy thấy như vậy, được thiên nhãn thanh tịnh, thấy chúng sinh chết chỗ này, sinh chỗ kia, người đẹp, kẻ xấu, thiện thú, ác thú , thấy chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền Thánh, tự làm việc tà kiến, dạy người làm theo tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Lại thấy chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, tự mình làm theo chánh kiến rồi dạy người làm theo chánh kiến, đến khi thân hoại, mạng chung, sinh vào cõi thiện, trên cõi trời, trong cõi người, thiên nhãn thanh tịnh hơn người như the, Trưởng lão có được không?". Thầy đáp: "Không được". Ông lại hỏi: "Tôn giả được Túc mạng trí biết như vậy, thấy như vậy, biết quá khứ một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, một trăm đời, một ngàn đời, cho đến kiếp thành, kiếp hoại, danh tánh, chủng tộc, chết nơi đây, sinh chỗ kia, chết chỗ kia, sinh chỗ này, vô số sự việc trong các kiếp như thế, Trưởng lão có biết không?". Thầy đáp: "Không biết". Ông lại hỏi: "Ly sắc, quá sắc, vô sắc, tịch diệt, giải thoát, thân chứng cụ túc an trú, các loại giải thoát như vậy, Trưởng lão có được không?". Thầy đáp: "Không được".

Tu-thâm-ma nói: "Vừa rồi tôi hỏi về các pháp thì Trưởng lão đều nói là không được. Thế thì vì sao trước mặt Thế Tôn Trưởng lão tự nói là mình

đã chứng đắc, đời sống của mình đã kết thúc, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, vậy ai mà tin nổi?".

Các Tỳ-kheo đáp: "Này Trưởng lão, chúng tôi là những người được giải thoát bằng trí tuệ".

Tu-thâm-ma nói: "Trưởng lão nói giản lược quá, nghĩa chưa rõ, xin nói lại rõ hơn".

Tỳ-kheo nói: "Tuy nghĩa chưa rõ, nhưng tôi tự biết mình là người đã giải thoát nhờ trí tuệ".

Khi Tu-thâm-ma nghe các Tỳ-kheo nói như thế, liền suy nghĩ: "Ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về việc này, Thế Tôn giải đáp như thế nào thì ta hãy nghi nhận như vậy". Suy nghĩ thế rồi, thầy từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc nêu trên bạch đầy đủ với Thế Tôn, hỏi rằng việc ấy như thế nào?

Phật liền nói với Tu-thâm-ma:

- Tiên pháp trí, hậu tỷ trí.

- Bạch Thế Tôn! Điều Thế Tôn dạy quá bí ẩn, giản lược, con chưa hiểu.

- Dù ngươi chưa hiểu, nhưng vẫn tiên pháp trí, hậu tỷ trí.

- Lành thay Thế Tôn, con vẫn chưa hiểu, kính mong Thế Tôn vì con nói rõ thêm.

- Vậy Ta hỏi ngươi, tùy ngươi hiểu như thế nào

hãy trả lời Ta. Này Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ thế nào, do sinh nên có già chết phải không?

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

- Lành thay Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ sao, do vô minh mà sinh ra các hành phải không?

- Đúng như vậy.

- Lành thay Tu-thâm-ma, ý ngươi nghĩ sao, do sinh duyên diệt nên già chết diệt phải không? Cho đến do vô minh diệt nên các hành diệt phải không?

- Đúng như vậy.

- Lành thay Tu-thâm-ma, nếu Tỳ-kheo sống trong giáo pháp này chánh quán, chánh trí, điều gì phải đạt được thì sẽ đạt được hết phải không?

- Đúng như vậy.

- Ngươi đã biết do sinh nên có già chết phải không?

- Đúng như vậy.

- Do vô minh nên có các hành phải không?

- Đúng như vậy.

- Do sinh duyên diệt nên già bệnh chết ưu bi khổ não, ngũ ấm đều diệt phải không?

- Đúng như vậy.

- Do vô minh diệt nên các hành diệt phải không?

- Đúng như vậy.

Ngươi đã biết các pháp như vậy, ngươi có đạt

được thiên nhãn, Túc mạng trí và các sự giải thoát không?

- Không đạt được, bạch Thế Tôn.

- Ngươi tự nói biết các pháp như vậy rồi lại bảo không đạt được các công đức kia, thì ai mà tin được?

- Bạch Thế Tôn! Vì bị vô minh ác tà vây bủa nên con sinh ra tà kiến như vậy. Nay con nghe rõ chánh pháp nơi Thế Tôn nên diệt được ác tà kiến, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Thế rồi, Tu-thâm-ma cúi đầu đảnh lễ chân Phật, quỳ gối, chấp tay, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con xuất gia sống trong chánh pháp của Như Lai với tâm gian trá định trộm giáo pháp, Thế Tôn đại từ xin nhận sự hối lỗi của con.

- Ngươi ngu ngốc như trẻ con, vì muốn trộm chánh pháp của Phật mà xuất gia với tâm gian trá. Nay Ta nhận sự hối lỗi của ngươi. Này Tu-thâm-ma, ví như có người phạm tội với vua, rồi vua sai lính đem ra phân thây, cắt tai, xẻo mũi, dùng cưa để cưa, dùng dao cắt chặt từng đoạn, lại cho voi chà, ngựa đạp, giết chết bằng các hình thức cực kỳ đau khổ như vậy. Nay ngươi xuất gia với tâm gian trá, vì muốn trộm pháp mà phạm phải tội lỗi, giờ đây Ta nhận sự hối lỗi của ngươi, ở trong pháp của Hiền Thánh, ngươi sẽ được tăng trưởng; từ nay về

sau chớ có tái phạm.

Vì Thế Tôn độ Tu-thâm-ma và vì Mục-liên vận dụng thần túc dùng bát chiên-đàn hàng phục ngoại đạo tại Tỳ-xá-ly nên dân chúng càng thêm kính tín, và (Tăng đoàn) được nhiều lợi dưỡng. Do thế, các ngoại đạo lồng lộn phỉ báng Thế Tôn, như trong kinh Tôn đà lợi đã nói rõ: Khi Phật chưa ra đời thì ngoại đạo được các thứ cúng dường, nhưng đến khi Phật ra đời thì tất cả ngoại đạo đều mất hết lợi dưỡng. Vì sao vậy? vì mọi người đều biết rằng pháp Phật thâm diệu, như trong kinh Khổng Tước Điểu Bản Sinh đã nói rõ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn chán sự cúng dường của người đời, nên trở về lại thành Xá-vệ. Đến giờ khất thực, Phật khoác y thường mặc, cầm bát, vào thành Xá-vệ tuần tự khất thực. Rồi sau khi ăn xong, Phật ung dung đi kinh hành, đoạn, thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, Phật du hành một mình đến nước Kiều-tát-la.

Khi ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ A-nan, nói với A-nan:

- Thưa Trưởng lão, Đức Thế Tôn sau khi ăn, ung dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với Tăng chúng và thị giả, đơn độc du hành đến nước Kiều-tát-la.

A-nan đáp: “Thưa Trưởng lão, nếu Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sau khi ăn, ung

dung đi kinh hành, rồi tự thu xếp giường nệm, không nói với các Tỳ-kheo và thị giả mà du hành một mình, là vì muốn tìm sự yên lặng, vậy các Tỳ-kheo không nên đi theo Ngài".

Lúc ấy, Thế Tôn từ nước Kiều-tát-la du hành đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, an trú bên cây Hiền thọ. Đoạn, nói về bầy voi năm trăm con đang du hành. Voi chúa thường đi sau, gặp phải nước đục, cỏ xơ xác, vì thế nó chán ngán đàn voi, nên cũng đơn độc tìm đến cây này. Khi voi chúa trông thấy Phật, nó liền dùng vòi nhổ cỏ, đạp đất cho bằng, lại dùng vòi lấy nước rưới lên đất cho khỏi bụi, đồng thời lấy cỏ mềm trải lên để làm chỗ ngồi. Đoạn nó quỳ gối, mời Phật ngồi lên. Khi thấy Phật ngồi rồi, nó bèn xin được cúng dường Phật ba tháng. Phật biết ý voi chúa, liền nhận sự thỉnh cầu của nó. Nhân việc này, Phật đọc bài tụng:

"Độc thiện không phải lo,
Như voi nơi hoang dã.
Vui trì giới học tập,
Cần bè bạn làm gì?".

Bấy giờ, voi chúa lấy những ngó sen tốt đẹp rửa sạch, rồi dâng lên Thế Tôn, và Thế Tôn đã nhận sự cúng dường của voi chúa suốt ba tháng. Khi ấy, năm trăm Tỳ-kheo vì cả ba tháng không thấy Phật, nên đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa:

- Trưởng lão, chúng tôi đã lâu không thấy Phật,

cũng không được nghe pháp, nay chúng tôi muốn đến đảnh lễ thăm hỏi Thế Tôn để nghe Thế Tôn dạy bảo.

- Các Trưởng lão nên đứng ở đây một lát và đợi tôi trở về.

- Lành thay!

Thế rồi, A-nan liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-liên, nói như sau: "Thưa Trưởng lão, năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ tôi nói: "Đã lâu ngày không thấy Phật, không được nghe chánh pháp, muốn đến đảnh lễ cúng dường Phật và nghe Phật dạy bảo. Trưởng lão hãy quan sát xem Phật đang ở tại đâu?".

Mục-liên liền nhập định, quan sát hết thảy thế gian, thấy Phật đang ở dưới gốc cây Hiền thọ, tại rừng Ta-la, Ba-lợi-da, nhận sự cúng dường của voi chúa. Thấy thế, thầy bèn hướng đến A-nan, nói bài kệ sau:

"Rời bỏ hồ hoa sen,
Thân tươi đẹp đẫy đà.
Mình không bẩn sạch sẽ,
Sống vui nơi rừng vắng.
Được cam lồ diệu pháp,
Tướng hảo, thân sung mãn.
Tâm trong sạch không bẩn,
Rời chúng, vui rừng vắng".

Khi Mục-liên đọc bài kệ đó rồi, liền nói với Tôn giả A-nan: "Đức Thế Tôn nay đang ở tại Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ, nhận sự cúng dường của voi chúa. Nếu ông muốn đến chỗ Thế Tôn thì bây giờ là đúng lúc".

Tôn giả A-nan bèn trở về chỗ các Tỳ-kheo, nói như sau:

- Thế Tôn hiện giờ ở Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Giờ đây, chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ vấn an Ngài.

Các Tỳ-kheo nghe A-nan nói thế, liền cùng nhau đi đến Ba-lợi-da, rừng Ta-la, bên cây Hiền thọ. Khi còn cách Thế Tôn không xa, A-nan nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Trưởng lão, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đang ở tại chỗ thanh vắng, chúng ta không nên đến đường đột. Các Trưởng lão nên đứng lại đây một lát, để tôi đi đến trước.

- Lành thay.

A-nan liền đến với Phật. Từ xa trông thấy A-nan đi đến, Phật liền nói: "Ông đến thật là đúng lúc A-nan, đã lâu ngày ta không gặp ông". Tôn giả A-nan liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi bạch như sau: "Thế Tôn có được ít bệnh, ít khổ não và sống an lạc chăng?".

- Như Lai ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, đang nhận sự cúng dường của voi chúa. Này A-nan, các Tỳ-kheo Tăng có được ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc hay không? Khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp đấy chứ?.

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tăng ít bệnh, ít khổ não, sống an lạc, khất thực không nhọc nhằn, hành đạo đúng pháp. Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo hiện giờ đang đợi ngoài rừng, muốn vào thăm viếng, kính xin Thế Tôn chuẩn thuận.

- Ta cho phép họ vào.

- A-nan bèn trở lại chỗ các Tỳ-kheo nói:

- Các Trưởng lão được lợi ích rất lớn, vì Thế Tôn đã cho phép vào thăm.

Các Tỳ-kheo liền theo A-nan, cùng đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, trong số ấy có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: "Làm thế nào mà Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật và lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?". Tuy thầy âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi Phật.

Đức Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong tâm của vị Tỳ-kheo ấy, nên nói với A-nan: "Trong số người này có một Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: "Làm thế nào để một Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, lần lượt đoạn tận các lậu hoặc?". Tuy thầy

âm thầm suy nghĩ như thế, nhưng không dám hỏi. Này A-nan, trước đây Ta đã vì các Tỳ-kheo nói về cách quán tưởng ấm, giới, nhập và mười hai nhân duyên; nếu Tỳ-kheo biết như thật, thấy như thật, thì đoạn tận được các lậu hoặc".

Vị Tỳ-kheo ấy nghe Thế Tôn nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất (sắc) là ta".

Lúc đó, Thế Tôn biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: "Thấy Tỳ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Vật chất là ta". A-nan nên biết, nếu có Tỳ-kheo quán tưởng thế này: "Vật chất là tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ mà sinh ra ái", thì này A-nan, ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ.

A-nan nên biết, thọ bắt nguồn từ xúc, nương tựa vào xúc, phát sinh từ xúc và chuyển biến từ xúc.

A-nan nên biết, xúc bắt nguồn từ lục nhập, nương tựa vào lục nhập, phát sinh từ lục nhập và chuyển biến từ lục nhập.

A-nan nên biết, lục nhập là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh là pháp vô thường hoại diệt; xúc là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa

hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; thọ là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; ái là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; hành là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt; vô minh là pháp hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp Vô thường hoại diệt. Như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ lần lượt đoạn tận hữu lậu".

Vị Tỳ-kheo ấy, nghe nói thế, bèn suy nghĩ: "Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta".

Phật biết được, những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy, liền nói với A-nan: "Thầy Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: "Vật chất chẳng phải là ta, vật chất là sở hữu của ta".

A-nan nên biết, nếu Tỳ-kheo quán tưởng như sau: "Vật chất là tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ mà sinh ra ái, vậy ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến từ đâu?".

A-nan nên biết, ái bắt nguồn từ thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ, cho đến vô minh hữu vi hành (là sự vận hành của pháp hữu vi), do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường hoại diệt".

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất không phải là ta, cũng không phải sở hữu của ta, mà trong ta có vật chất".

Phật biết những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải là sở hữu của ta, cũng chẳng phải trong ta có vật chất, hay trong vật chất có ta".

Phật biết được những suy nghĩ trong lòng của Tỳ-kheo ấy: (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Nếu vật chất chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có vật chất, cũng chẳng phải trong vật chất có ta; (Vậy chắc) thọ là ta, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu năm ấm chẳng phải là ta, chẳng phải sở hữu của ta, chẳng phải trong ta có năm ấm, chẳng phải trong năm ấm có ta; vậy thì vì sao mà có ta?".

Phật nói với A-nan: "Nếu quán tưởng như vậy về năm ấm, tất cả các hành, do vô minh, xúc, thọ sinh ra ái, thì này A-nan, ái bắt nguồn từ đâu? Nương tựa vào đâu? Phát sinh từ đâu? Chuyển biến

từ đâu? Này A-nan, ái bắt nguồn từ thọ, nương tựa vào thọ, phát sinh từ thọ và chuyển biến từ thọ.

A-nan nên biết, thọ bắt nguồn từ xúc, nương tựa vào xúc, phát sinh từ xúc và chuyển biến từ xúc.

A-nan nên biết, xúc bắt nguồn từ lục nhập, nương tựa vào lục nhập, phát sinh từ lục nhập và chuyển biến từ lục nhập.

A-nan nên biết, lục nhập là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, (cho đến) vô minh là sự vận hành của hữu vi, do nhân duyên hòa hợp mà sinh, là pháp vô thường biến hoại, như vậy đó A-nan. Nếu Tỳ-kheo biết như vậy, quán tưởng như vậy, thì lần lượt sẽ đoạn tận hữu lậu.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe nói thế, liền được pháp nhãn thanh tịnh. Rồi thầy suy nghĩ: "Tất cả các pháp đều vắng lặng, không có ta, không có sở hữu của ta".

Phật nói với A-nan: "Thầy Tỳ-kheo ấy trong khi suy nghĩ như thế, thì không thọ nhận bất cứ pháp nào, đoạn tận các lậu hoặc và tâm được giải thoát".

Trong khi Phật vì Tỳ-kheo ấy thuyết về pháp đó thì năm trăm Tỳ-kheo tâm được giải thoát, đều thành La-hán.

Thế rồi, Đức Thế Tôn cùng sống với các Tỳ-kheo, lúc ấy vào tháng mùa thu, gặp cơn mưa lạnh thình lình các Tỳ-kheo đem đốt một khúc cây lớn rỗng ruột. Nhưng trong cây ấy vốn có một con rắn lớn. Vì bị lửa nóng nên nó chui ra, ngẩng đầu lên, đuổi theo các Tỳ-kheo. Do đó, các Tỳ-kheo kêu gọi nhau om sòm: "Rắn bò ra, rắn bò ra". Lúc ấy, Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Vì sao mà kêu la om sòm như thế?".

- Bạch Thế Tôn! Vì bị cơn mưa lạnh thình lình các Tỳ-kheo niên thiếu đem đốt một cây rỗng ruột. Trong cây ấy có con rắn, do bị lửa nóng nên nó bò ra đuổi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thấy vậy nên mới kêu gọi nhau om sòm như thế.

- Đi gọi các Tỳ-kheo ấy đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Đốt lửa có bảy sự tai hại, đó là:

1. Làm hư mắt.
2. Làm hư nhan sắc.
3. Làm cho thân tiều tụy.
4. Y phục bị dơ bẩn, hư hại.
5. Làm hư hỏng giường nệm.
6. Sinh ra cơ hội phạm giới.
7. Làm tăng thêm sự bàn tán về chuyện đời.

Có bảy điều tai hại như thế, nên từ nay về sau, Ta không cho phép đốt lửa".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ ngứa, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, có dễ chịu không? Không khổ đấy chứ?

- Con bị bệnh ghẻ ngứa không được vui, nếu được hơ lửa thì thấy dễ chịu, nhưng Thế Tôn chế giới không cho đốt lửa, nên không được dễ chịu.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được phép đốt lửa.

Lại nữa, khi Phật trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ,

các Tôn giả Nan-đề, Kim-tỳ-lô, Bạt-đề an cư tại núi tháp vừa xong, bèn đi đến thành Xá-vệ để đảnh lễ thăm viếng Thế Tôn. Thấy các vị mặc áo bị thấm mưa, màu nhuộm phai lạt, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, vì sao lại mặc áo bị thấm nước mưa (màu phai lạt)?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không được đốt lửa, nên chúng con không dám nấu thuốc nhuộm để nhuộm lại.

- Từ nay về sau, khi có lý do chính đáng (thì được đốt lửa).

Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

- Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà tự đốt cỏ, cây, phân bò, hoặc sai người khác đốt, thì phạm Ba-dạ-đề, ngoại trừ có lý do chính đáng.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Bệnh: Như ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, bệnh phong... có các loại bệnh cần đến lửa như vậy mới dễ chịu, thì cho phép đốt lửa.

Cỏ: Tất cả các thứ cỏ và lau, sậy, trúc...

Cây: Tất cả các loại cây hoặc đã bị đốn chặt, hoặc còn nguyên vẹn.

Phân bò: Hoặc tự mình đốt, hoặc sai người đốt, ngoại trừ có lý do chính đáng thì Thế Tôn bảo không có tội.

Lý do: Hoặc trực nguyệt (chịu trách nhiệm trong tháng), hoặc phải chăm sóc việc ăn uống, hoặc đến phiên mình phải đốt lửa, đốt đèn, hoặc đốt lò sưởi cho ấm trong phòng, hoặc đốt lửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc đun nước nóng, hoặc xông bát, hoặc nhuộm y... đốt lửa thì không có tội. Nếu không có lý do thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cầm cây củi có lửa để trên đống củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ, trên đống rác thì phạm Ba-dạ-đề. Như vậy, cho đến nếu cầm nắm rác có lửa để trên củi, trên cỏ, trên phân bò, trên ghế gỗ cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo giẫm trên đống lửa bằng cỏ cây, có cái đã cháy, có cái chưa cháy, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu giẫm trên lửa làm cho lửa văng ra mà chưa cháy đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). (Khi ấy) được cầm cây sắt, gạch, ngói mà dập đống lửa thì không có tội.

Nếu cầm lửa xoay thành vòng tròn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngắt cỏ ném về phía lửa hoặc ném trên lửa, thì tùy ngắt bao nhiêu cộng, phạm bấy nhiêu tội Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy cây cỏ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đốt cháy thân cây nảy mầm thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Vì phạm tội đốt lửa và làm hại mầm cây.

Nếu vì muốn phá (vật gì đó), hoặc hỏa tịnh (dùng lửa đốt đồ ăn để đồ ăn hợp lệ), hoặc vì lý do chính đáng mà đốt thì không có tội.

Nếu đốt bụi lúa đã có hạt hoặc bông lúa đã có hạt thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Một tội đốt lửa và

một tội làm hại mầm sống. Nhưng nếu cần dùng lửa để tác tịnh (như nghĩa hỏa tịnh) hoặc có lý do mà đốt, thì không có tội.

Nếu đốt tóc, đốt lông ngựa, lông lạc đà... thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đốt da thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt bánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu đốt thuốc độc và than thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu ăn không tiêu được dùng miếng sắt nung nóng áp trên bụng, thì không có tội.

Nếu dùng giày da giẫm trên lửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

41. GIỚI NGỦ QUÁ THỜI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo quản sự thuê thợ trộn hồ đúc gạch. Người thợ ấy khi thì ngủ trong phòng trai đường của Tăng, khi thì nghỉ trong phòng thiền, khi thì nghỉ trong phòng sưởi, ông khạc nhổ đồ dơ bẩn, hoặc đại tiểu tiện nơi này nơi kia, làm cho ô uế, phương hại đến sự tọa thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo quản sự đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi: "Có thật ông thuê người làm công về làm cho ô uế nơi

này nơi kia, khiến phương hại đến sự tọa Thiền, hành đạo của các Tỳ-kheo hay không?”.

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao như vậy?

- Con muốn sai người thợ ấy buổi mai làm, buổi chiều nghỉ, làm sao vừa đủ số tiền thuê thì thôi.

- Tuy vậy, nhưng từ nay về sau (Tỳ-kheo) không được ngủ chung phòng với người chưa thọ giới Cụ túc.

Lại nữa, khi Phật còn là Bồ-tát, ở nhà phụ vương rất yêu quý, vì sợ mất giống Chuyển luân vương nên ưu sầu khóc lóc không cho Bồ tát xuất gia. Đến khi (Gia du) hoài thai La-hầu-la thì (Bồ-tát) mới bỏ nhà xuất gia được. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: “Như Lai nhu hòa làm vui lòng người không thể nào hơn được phụ vương, vì Ngài đã xây ba cung điện phù hợp cho ba mùa Xuân, Hạ, Đông, như trong kinh Nhu Nhuyến Tuyến đã nói rõ, (cho đến) Như Lai được thành Đẳng Chánh Giác”.

Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Thế Tôn phải tu khổ hạnh đến sáu năm như vậy?

- Không phải chỉ có ngày nay (tu khổ hạnh), như trong kinh Điểu Bản Sinh đã nói rõ.

- Bạch Thế Tôn! Vì sao ma Ba tuần thường

muốn làm não loạn phá hoại Thế Tôn?

- Không phải chỉ có ngày nay (phá hoại), như trong kinh Miết Bản Sinh đã nói rõ về sự kiện cha con gặp nhau tại nước Ca-duy-la-vệ.

- Trong đó còn nói rõ về trường hợp Đại-ái-đạo, Da-thâu-đà-la, La-vân xuất gia. Lại còn nói rõ trường hợp Phật vì thân quyến nên trở về nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, những người có lòng tin bèn làm cầu tiêu cho Phật. Tuy Phật không cần, nhưng vì thuận theo người đời nên đã nhận. Thế rồi, một hôm, Tôn giả La-hầu-la nằm ngủ ở ngoài trời, đêm ấy trời bỗng đổ mưa gió. Thầy liền đi đến trước phòng Tôn giả Xá-lợi-phất, gõ cửa. Xá-lợi-phất hỏi: "Ông là ai?".

- Bạch Hòa thượng, con là La-hầu-la.

- Ông hãy đứng ngoài đó.

- La-hầu-la bèn đến trước phòng Tôn giả Đại Mục-liên, gõ cửa.

Mục-liên hỏi:

- Ông là ai?

- Thưa A-xà-lê (thầy giáo thọ), con là La-hầu-la.

- Ông hãy đứng ngoài đó.

Cứ như thế, La-hầu-la lại đến các phòng khác, nhưng ai cũng bảo phải đứng ở ngoài phòng. Lúc ấy, La-hầu-la bèn đi vào trong cầu tiêu của Thế

Tôn, gối đầu trên thềm cầu mà nằm. Thế rồi, có một con rắn đen, vì sợ mưa gió nên cũng định vào trong cầu tiêu. Phật thường quan sát chúng sinh, thấy con rắn đen ấy muốn vào trong cầu tiêu, vì sợ nó làm hại La-hầu-la, nên người phóng ra ánh sáng, rồi đi đến nhà cầu, cất tiếng hỏi: "Ông là ai?"

- Bạch Thế Tôn! Con là La-hầu-la.

- La-hầu-la, chẳng lẽ ông đang ở đấy sao?

- Bạch Thế Tôn! Con được chỗ này đã may mắn lắm rồi!

Phật liền dùng bàn tay sắc vàng mềm mại đỡ La-hầu-la lên, rồi phủi bụi bám trên mình, đoạn, dẫn vào phòng mình chỉ cái giường ở trước, nói: "Ông hãy nghỉ trên giường này".

Vì khi ấy, Như Lai đã chế giới cho các đệ tử, nên phải tuân hành theo giới ấy. Do đó, Thế Tôn ngồi kiết già trên đất. Lúc ngồi thiền xong, Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai vì lòng từ, nhân chuyện La-hầu-la, nên muốn cho các đệ tử được an lạc, từ nay về sau Ta cho phép người chưa thọ giới Cụ túc được ngủ chung phòng (với Tỳ-kheo) trong ba đêm, đến đêm thứ tư, nên ngủ riêng".

Các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Vì nguyên nhân gì mà La-hầu-la ở trong thai sáu năm?".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ngày xưa có một

Tiên nhân tên Lê Ba đô, di đến nhà vua xin yết kiến. Vua bèn báo tin cho Tiên nhân: "Ông hãy ở tạm trong vườn Vô Ưu, chốc lát rồi ta sẽ cho gặp". Nhà vua ra lệnh thế rồi, nhưng đến sáu hôm mà chưa cho Tiên nhân gặp". Ông vua khi ấy nay là La-hầu-la, vì nguyên nhân đó mà phải ở trong thai đến sáu năm, như trong kinh Bản Sinh đã nói rõ". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một phòng với người chưa thọ giới Cụ túc quá ba đêm thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chưa thọ Cụ túc: Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nhưng Tỳ-kheo ni tuy thọ Cụ túc cũng không cho phép ở chung ba đêm.

Ngủ ba đêm: Giới hạn được ngủ ba đêm.

Cùng một phòng: Nếu cùng ngủ chung trong một phòng có cùng một mái, cùng một bức tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu một phòng mà có cửa riêng, có ngăn cách thì không có tội.

Nếu khác phòng mà cùng một cửa thì phạm Ba-dạ-đề.

Hoặc một phòng một cửa cũng phạm Ba-dạ-đề.

Nếu khác phòng, khác cửa thì không có tội.

Nếu (phòng) có tường có mái thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có tường mà lợp một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có tường mà không có mái thì không có tội.

Nếu có mái, có tường thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có mái mà tường ngăn một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có mái mà không có tường thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ Cụ túc cũng ngủ trong phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ trong phòng mà người chưa thọ giới Cụ túc nằm một nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài thì không có tội.

Nếu người chưa thọ giới Cụ túc ngủ trong phòng và Tỳ-kheo cũng ngủ trong phòng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người chưa thọ giới Cụ túc ngủ trong

phòng, mà Tỳ-kheo nằm nửa thân mình trong phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nằm hoàn toàn ở ngoài phòng thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nằm trước trong phòng rồi người chưa thọ giới Cụ túc đến nằm sau thì cứ mỗi lần nằm phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo hay người chưa thọ Cụ túc nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi vào ngủ lại, thì cứ mỗi lần trở dậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiều người chưa thọ Cụ túc vào nằm trước, rồi Tỳ-kheo đến ngủ sau thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nửa đêm dậy đi đại tiểu tiện rồi trở vào nằm lại, thì cứ mỗi lần đi lại phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngủ cùng phòng với người chưa thọ Cụ túc ba đêm, thì đêm thứ tư phải đổi sang phòng khác. Nếu ra nằm ngoài trời rồi gặp lúc trời mưa gió lạnh lẽo thì nên vào lại trong phòng mà ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu Tỳ-kheo bệnh không thể ngồi được thì nên lấy mền đắp lên từ đầu trở xuống hoặc từ nách trở xuống cho tới đất và nên dùng một vật dày khít ngăn lại không để cho con mèo đi qua được.

Nếu Tỳ-kheo đang lúc đi đường có thể ngủ với

người chưa thọ giới Cụ túc trong một nhà qua ba đêm, đến đêm thứ tư nên ngủ riêng ra. Nếu ra nằm ngoài trời mà gặp lúc mưa gió tuyết rơi lạnh phải vào trong nhà thì nên dùng cái mền ngăn lại như trên đã nói. Nếu không che mền thì phải ngồi cho đến lúc thấy rõ mặt đất. Nếu vì già bệnh không ngồi được mà người chưa thọ giới Cụ túc kia có thể tin được thì nên bảo y: "Ngươi ngủ thì ta phải ngồi". Đến lúc Tỳ-kheo muốn ngủ thì nên gọi y dậy, nói: "Khi ta ngủ thì ngươi phải ngồi, nếu ngươi cũng ngủ thì không được phước đức".

Tội ngủ chung cùng phòng này nếu chưa sám hối mà lại ngủ chung nữa thì tội càng thêm nặng. Nếu sám hối xong, rồi ngủ phòng riêng, thì sau đó sẽ được ngủ chung lại. Thế nên nói (như trên).

42. GIỚI GỞI DỤC RỒI PHỦ NHẬN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma, thì Ưu-ba-nan-đà không đến. Sứ giả liền đến, gọi: "Trưởng lão, Tăng tập họp định làm yết-ma, cho tôi tới gọi Trưởng lão". Ưu-ba-nan-đà vốn hiểu giới luật liền gởi dục yết-ma cho sứ giả. Sau khi gởi dục yết-ma rồi, thầy Tỳ-kheo nhận dục nói: "Ông đã gởi dục rồi, sau này chớ nói này khác". Thế rồi, Tăng làm yết-ma cử tội người đệ tử thân cận của Ưu-ba-nan-đà. Sau khi bị Tăng làm yết-ma cử tội, người này liền đến chỗ Hòa thượng (Ưu-ba-

nan-đà) nói như sau:

- Vì sao Hòa thượng lại gởi dục trong trường hợp này?

- Có việc gì vậy?

- Chúng Tăng làm yết-ma cử tội con.

- Ta đâu có biết.

Thầy nghe đệ tử nói rồi, bèn đến nói với người mình đã gởi dục: "Trưởng lão, tôi không gởi dục (trong trường hợp) không tốt như vậy, pháp yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gởi dục về pháp yết-ma này".

Khi đó, các Tỳ-kheo nghe thế hổ thẹn, không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật nói: "...Đó là việc xấu. Vì sao ông gởi dục rồi lại nói không gởi, yết-ma không thành tựu. Tôi không gởi loại dục như thế. Vì sao ông không hỏi trước mà liền gởi dục? Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo không hỏi rõ sự việc mà gởi dục". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập hợp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

"Nếu Tỳ-kheo gởi dục rồi, sau đó nổi giận không vui, nói như sau: "Tôi không gởi dục (về việc) không tốt, pháp yết-ma đó không thành

tựu. Tôi không gởi dục trong trường hợp này", thì phạm Ba-dạ-đề".

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Gởi dục: Có hai trường hợp: Hỏi rồi mới gởi, không hỏi mà gởi. Hỏi rồi mới gởi: Tức hỏi người nhận dục: "Làm việc gì vậy?".

Rồi người ấy đáp: "Làm yết-ma hàng phục", thì khi ấy, gởi dục yết-ma hàng phục, cho đến "Yết-ma cử tội", thì gởi dục yết-ma cử tội; mỗi thứ, mỗi thứ yết-ma như vậy hỏi rồi mới gởi dục; đó gọi là hỏi rồi mới gởi dục.

Không hỏi mà gởi: Như nói: "Tôi gởi dục yết-ma". Nói ba lần như vậy. Đó được xem là gởi dục chung cho tất cả pháp yết-ma, chỉ trừ Bố tát và Tự tứ. Như vậy gọi là không hỏi mà gởi dục.

Sau đó: Sau khi làm yết-ma xong.

Giận dữ không vui: Gồm chín việc khổ não và thứ mười là bực tức. Tâm bực tức này thì kẻ phàm phu và người còn đang học đều có. Thậm chí bậc A-la hán cũng có lúc bực tức, rồi nói như sau: "Tôi không gởi dục như vậy, pháp yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gởi dục trong trường hợp này". Nếu nói như thế thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu khi Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-

ma thì tất cả mọi người phải đến đầy đủ. Nếu có duyên sự như xông bát, nhuộm y, hoặc bệnh, hoặc bận các việc đối với tháp, với Tăng, thì khi ấy phải gởi dục. Nhưng không được gởi rồi, sau lại nói: "Theo tôi nghe người kia nói lại thì việc đó không nên làm như vậy". Nếu trước đã gởi dục yết-ma rồi thì sau đó phải tùy hỷ. Nếu ở giữa Tăng đã gởi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu ở giữa nhiều người, hoặc ở trước Tỳ-kheo Trưởng lão, trước Hòa thượng A-xà-lê gởi dục rồi mà sau đó làm trái lại, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

43. GIỚI LÀM CHO NGƯỜI KHÁC NHỊN ĐÓI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà em của Nan-đà nói với người đệ tử đồng hành của Nan-đà như sau: "Ngươi cùng đi với ta vào thôn xóm, đến một nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn ngon. Nếu ta có làm việc gì trái oai nghi thì ngươi chớ nói với người khác". Ta là chú của ngươi (như trong giới ba mươi đã nói rõ), cho đến nói với Nan-đà: "Vì sao đệ tử của thầy lại nói lỗi của tôi ở trước mặt những người phạm hạnh?". Nan-đà liền khiển trách đệ tử: "Ngươi là vật tồi tệ, vì sao lại nói lỗi của em ta ở trước những người phạm hạnh?". Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo

gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

- Ông có làm như vậy thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Ưu-ba-nan-đà, đó là việc ác. Vì sao ông lại nói với Tỳ-kheo kia: "Ngươi cùng đi với ta vào thôn xóm, đến nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn ngon". Nhưng khi đến đó rồi, lại bảo họ trở về. Từ nay về sau Ta không cho phép bảo họ trở về.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác như sau: "Ngươi cùng vào thôn xóm với ta, đến nhà kia, ta sẽ cho ngươi thức ăn", hoặc tự mình cho hoặc bảo người khác cho. Rồi sau đó muốn đuổi họ đi, nói: "Ngươi đi đi. Ta ở với ngươi, nói chuyện với ngươi không vui. Ta sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn". Chỉ nêu lý do đó mà đuổi chứ không có lý do nào khác, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Thôn xóm: Như trong giới ăn trộm trên kia đã nói.

Sau đó không cho: Tự mình không cho cũng

không bảo người khác cho, nói như sai: "Trưởng lão, ông hãy đi đi. Tôi cùng ở với ông, cùng nói chuyện với ông không vui. Tôi sống một mình, nói chuyện một mình vui hơn", để mà đuổi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường mà lưu giữ người kia ở lại trong Tinh xá, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở giữa đường, rồi ngay giữa đường sai người kia trở về, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì muốn làm điều trái oai nghi ở trong thôn xóm, rồi ngay tại thôn xóm đuổi người kia đi, thì phạm Ba-dạ-đề.

Không nên dẫn đi rồi đuổi trở về. Nếu khả năng không thể xin đủ hai người ăn, thì có thể sai người kia trờ về, không có tội.

Nếu có thể xin đủ hai người ăn thì nên cùng ăn. Nếu sai đi lấy thuốc, mời y sĩ, thì không có tội.

Nếu xin không thể được rồi khi ấy định sai đi mà có chỗ mời ăn, thì nên bảo đến chỗ mời ăn để người ấy ăn. Nếu không có chỗ mời ăn mà trong Tinh xá có thức ăn, thì nên bảo về lại Tinh xá để ăn. Nếu không có chỗ nào mời ăn, trong Tinh xá cũng không có thức ăn, thì nên nói với người kia

"Trưởng lão, ông hãy tự đi tìm thức ăn lấy". Nếu người ấy làm điều trái oai nghi, nhìn ngó bất chính, thì khiến họ đi không có tội.

Hoặc sai người ấy làm các việc như xông bát, nhuộm y, thì không có tội.

Tóm lại, nếu đuổi Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đuổi Tỳ-kheo ni thì phạm Thâu-lan-giá; đuổi Học giới ni, Sa-di, Sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng, nếu đuổi người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

44. GIỚI XUYÊN TẠC GIÁO PHÁP, KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-lợi-tra hủy báng Khế kinh như sau: "Theo tôi hiểu các pháp do Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả". Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn nói: "Trưởng lão A-lợi-tra, chớ hủy báng Khế kinh. Đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục". Can gián một lần, hai lần, ba lần vẫn không chấm dứt, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! A-lợi-tra hủy báng Khế kinh, nói như sau: "Theo chỗ tôi biết, những pháp do Đức Như Lai thuyết giảng, thì những pháp mà Ngài cho là chướng đạo,

khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả". Chúng con đã can gián một lần, hai lần, ba lần mà thầy vẫn không chấm dứt".

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông A-lợi-tra ấy hủy báng khế kinh, nói: "Theo chỗ tôi biết, các pháp do Đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài cho là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả". Rồi được can gián một lần, hai lần, ba lần mà vẫn không chấm dứt, thì các ông nên đến chỗ vắng can gián ba lần, đến giữa nhiều người can gián ba lần, rồi đến giữa chúng Tăng can gián ba lần. Khi can gián ở chỗ vắng, nên hỏi như sau: "Trưởng lão A-lợi-tra, ông hủy báng Khế kinh nói như sau: "Theo chỗ tôi biết, các pháp Đức Như Lai thuyết giảng thì những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chướng đạo cả", rồi được can gián ba lần mà không từ bỏ phải không?". Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ, nên can gián ở chỗ vắng như sau: "A-lợi-tra, ông hủy báng khế kinh, đó là ác kiến, là kiến giải bất thiện, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Trưởng lão, tôi vì tâm từ can gián ông là muốn cho ông được lợi ích, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi. Lần can gián thứ nhất đã xong, còn hai lần can gián nữa, vậy ông hãy bỏ việc ấy đi".

A-lợi-tra nói: "Đó là kiến giải tốt, kiến giải

thiện, từ khi tôi chấp hành đến nay, cha mẹ bạn bè quen biết của tôi cũng thường áp dụng kiến giải này. Nay tôi không thể không hỏi cha mẹ bạn bè quen biết mà lại vứt bỏ kiến giải này".

Thế rồi, nếu can gián đến lần thứ hai thứ ba mà vẫn không chấm dứt, cho đến can gián ở chỗ nhiều người ba lần cũng không chấm dứt, thì phải đến giữa chúng Tăng làm pháp yết-ma cầu thính (xin được nghe), nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe! A-lợi-tra hủy báng Khế kinh nói thế này: "Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo rằng chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì chướng đạo cả". Đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng cũng lại can gián ở giữa Tăng ba lần khiến cho bỏ việc ấy".

Trong chúng Tăng nên hỏi: "Trưởng lão A-lợi-tra, có thật ông hủy báng khế kinh nói: "Theo tôi biết các pháp do Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng chẳng có gì là chướng đạo cả", rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?".

Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì ở giữa chúng Tăng nên can gián. Cách can gián phải nói

như sau: "A-lợi-tra, ông chớ hủy báng khế kinh. Hủy báng khế kinh sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Này Trưởng lão, Tăng muốn lợi ích cho ông, ông phải vâng lời chúng Tăng. Một lần can gián đã xong, còn hai lần can gián nữa, ông phải bỏ việc ấy đi".

A-lợi-tra lại nói: "Đó là kiến giải tốt, kiến giải thiện, từ cha mẹ tôi trở đi đều kế thừa áp dụng kiến giải này. Tôi không thể không hỏi cha mẹ mà bỏ kiến giải này".

Tuy được can gián đến lần thứ hai, thứ ba mà ông vẫn không bỏ, do đó, các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo A-lợi-tra hủy báng khế kinh nói: "Theo tôi hiểu pháp của Như Lai thuyết giảng, những pháp mà Ngài bảo là chướng đạo, khi thực hành chúng, chẳng có gì chướng đạo cả", rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở giữa nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy, thì các ông nên làm pháp yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi-tra".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nói thế này: "Thưa Trưởng lão, tôi biết pháp do Thế Tôn thuyết giảng,

những pháp mà Thế Tôn bảo là chướng đạo, khi thực hành chẳng có gì là chướng đạo", thì các Tỳ-kheo nên khuyên can Tỳ-kheo ấy, nói thế này: "Trưởng lão, ông chớ nên hủy báng Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn là bất thiện. Thế Tôn không nói như thế. Thế Tôn nói pháp chướng đạo thì thật là chướng đạo. Ông hãy bỏ việc ấy đi". Nếu các Tỳ-kheo khuyên can Tỳ-kheo ấy mà ông vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba. (Sau ba lần khuyên can) mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội. Sau khi làm yết-ma xong, (Tỳ-kheo ấy) phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói. Thế Tôn: Là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến.

Pháp: Những điều do Thế Tôn nói, những điều được Thế Tôn ấn khả.

Thế Tôn nói: Thế Tôn tự nói.

Ấn khả: Các đệ tử nói rồi Thế Tôn ấn chứng (chuẩn nhận). Nói: Nói ra từng câu từng câu rõ ràng.

Biết: Tức là cái biết thuộc trí tuệ siêu đẳng.

Pháp chướng đạo: Đối với ngũ dục mắt thấy sắc sinh ra ái luyến

nhớ nghĩ, tâm sinh ham muốn tham đắm, đối

với tai, mũi, lưỡi, thân, cảm thọ cũng như vậy.

Thực hành (tập): Làm việc đó.

Chẳng có gì chướng đạo: Không chướng đạo Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền và các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.

Các Tỳ-kheo: Hoặc một người, hoặc nhiều người, hoặc Tăng chúng.

Tỳ-kheo ấy: Như Tỳ-kheo A-lợi-tra.

Chớ hủy báng Thế Tôn: Chớ giữ lấy những điều không thật, giữ lấy những điều không tốt.

Can gián ba lần: Hoặc (ở chỗ) một người, hoặc (ở chỗ) nhiều người, hoặc (ở giữa) chúng Tăng.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; cho đến ba lần can gián, nếu bỏ thì tốt; cho đến không bỏ thì Tăng nên làm yết-ma cử tội bắt sám hối Ba-dạ-đề.

Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 18

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

45. GIỚI BAO CHE NGƯỜI CÓ LỖI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lợi-tra không bỏ ác kiến, bị chúng Tăng làm yết-ma cử tội xong, thầy bèn đến chỗ Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Hai vị này thấy thầy, liền tán thán: "Lành thay! (Tôn giả) đến đây", rồi đứng dậy đón tiếp, đưa cho ghế ngồi và nước rửa chân, lại đưa dầu thoa chân, nước uống phi thời, chỉ cho căn phòng, giường nệm, dụng cụ để nằm, và cùng hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất.

Thế rồi, Tỳ-kheo A-lợi-tra đi đến trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Này các Trưởng lão, các ông tưởng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lợi-tra này rồi thì tôi không có chỗ ở sao? Tôi vẫn được các Tỳ-kheo phạm hạnh cho cùng ở chung, giao cho phòng xá, giường, nệm, ngọa cụ,

lại được hưởng chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất. Các ông càng sớm cử tội thì tôi càng sớm được chỗ ở tốt như vậy đó".

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, cảm thấy hổ thẹn không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà v.v... đến.

Khi đến rồi, Phật liền hỏi Nan-đà: "Các ông có việc đó thật như vậy không?".

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

- Đó là việc xấu. Vì sao ông đã biết chúng Tăng làm yết-ma cử tội rồi mà còn ăn chung thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất (với người ấy)? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác có ác kiến không bỏ, Tăng đã làm yết-ma cử tội, chưa làm như pháp, mà cùng (368a) ăn chung, cùng ở chung một nhà, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác (mà biết). Ác kiến: Như A-lợi-tra hủy báng khế kinh.

Chưa làm như pháp: Tăng chưa giải tỏa pháp yết-ma cử tội. Cùng ăn: Cùng hưởng thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất. Cùng ở: Cùng ở trong cùng một cương giới.

Cùng một nhà: Cùng ở trong một nhà có cùng một vách tường, cùng một mái.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có một Tỳ-kheo bị Hòa thượng, A-xà-lê quở trách thì Tỳ-kheo khác không được quyến rũ, nói: "Ta cho ngươi y bát, thuốc trị bệnh, giường nệm ngọa cụ, ngươi nên ở gần bên ta học kinh đọc kinh…". Nếu quán sát thấy tình huống của Tỳ-kheo ấy chắc chắn sẽ xả giới hoàn tục, thì nên dỗ dành và dạy bảo như sau: "Ông phải biết, ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất thâm trọng khó mà báo đáp. Ông nên trở về sống thân cận với (các ngài)", nói như thế thì không có tội.

Nếu người bị cử tội mà tưởng là không bị cử tội, cùng ở cùng ăn với họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người không bị cử tội mà tưởng là bị cử tội cùng ở cùng ăn chung với họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ngươi bị cử tội tưởng là họ bị cử tội (mà cùng ở cùng ăn với họ) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Người không bị cử tội tưởng là không bị cử tội (cùng ở cùng ăn với họ) thì không có tội.

Thế nên nói (như trên).

46. GIỚI CHỨA CHẤP SA-DI BỊ ĐUỔI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-lợi-tra có một Sa-di tự là Pháp Dữ, nói như sau: "Này Trưởng lão! Theo tôi biết pháp do Đức Như Lai thuyết giảng, Ngài nói dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện sự dâm dục thì không có gì là chướng đạo".

Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nói: "Này Sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là không tốt. Ngươi không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, vì thực hiện sự dâm dục quả thật là chướng đạo". Can gián một lần, hai lần, ba lần mà Sa-di ấy vẫn không chấm dứt, nên các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Nếu Sa-di Pháp Dữ ấy nói: "Theo tôi hiểu pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói sự dâm dục làm chướng đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chướng đạo", thì các ông nên can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và can gián ở giữa chúng Tăng ba lần, khiến cho bỏ việc ấy".

Ở chỗ vắng nên hỏi: "Này Sa-di, có thật ngươi nói như sau: Theo tôi biết, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói hành dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chướng

đạo. Rồi ngươi đã được can gián ba lần mà không chấm dứt phải không?".

Nếu ông ta đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên can gián ở chỗ vắng: "Này Sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là điều bất thiện. Ngươi không khéo ghi nhớ lời dạy của Thế Tôn, hành dâm dục quả thật là chướng đạo. Nay ta vì lòng từ can gián ngươi là muốn cho ngươi được lợi ích. Vậy ngươi nên nghe lời ta. Một lần can gián đã xong còn hai lần can gián nữa, ngươi có bỏ việc đó chăng?".

Nếu không bỏ, thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba cũng như thế. Khi can gián ở chỗ nhiều người cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ thì nên làm yết-ma cầu thính ở giữa Tăng như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Ông Sa-di Pháp Dữ này nói như sau: "Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi thực hiện dâm dục không có gì là chướng đạo". Thế rồi, đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, nay Tăng nên can gián ba lần khiến cho ông bỏ việc ấy.

Bấy giờ, nên hỏi giữa Tăng: "Sa-di, có thật ngươi nói như sau: Theo tôi hiểu, pháp do Như Lai thuyết giảng, Ngài nói rằng dâm dục là pháp

chướng đạo, nhưng khi hành dâm không có gì là chướng đạo. Rồi đã được can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ phải không?"

Nếu ông đáp: "Đúng như vậy", thì ở giữa Tăng nên can gián như sau: "Này Sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là điều bất thiện. Ngươi không khéo ghi nhớ, chứ hành dâm dục quả thực là chướng đạo.

Chúng Tăng vì lòng từ can gián ngươi, là muốn ngươi được lợi ích, vậy ngươi nên ghi nhận lời dạy của Tăng. Một lần can gián đã qua còn hai lần can gián nữa, ngươi nên bỏ việc ấy đi".

Nếu ông không bỏ thì lần thứ hai, thứ ba cũng can gián như vậy. Thế nhưng, ông vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu Sa-di Pháp Dữ ấy nói như sau: "Đức Thế Tôn nói dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng theo tôi biết hành dâm dục không có gì là chướng đạo". Rồi được can gián ở chỗ vắng ba lần, can gián ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần, mà vẫn không bỏ, thì nên đuổi y ra khỏi đại chúng".

Thế nhưng, sau khi bị đuổi đi, Pháp Dữ liền đến chỗ nhóm sáu Tỳ-kheo. Nhóm sáu Tỳ-kheo thấy ông, bèn tán thán: "Lành thay ông đến đây", rồi

cho nước uống phi thời, chỉ phòng ở, đưa giường nệm ngọa cụ, đưa y bát, thuốc bổ. Sa-di được cung cấp các vật dụng ấy rồi, liền đi đến cổng Tinh xá Kỳ-hoàn, nói với các Tỳ-kheo: "Này các Trưởng lão, các vị đuổi tôi ra khỏi Tăng chúng, tưởng rằng tôi sẽ không có được chỗ ở, nhưng nay tôi lại được ở chung với bậc phạm hạnh, các vị ấy còn cho tôi phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, cùng chia xẻ với tôi thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất, cho tôi y bát và thuốc bổ. Này các Trưởng lão, các vị càng đuổi tôi chóng, thì tôi càng chóng được sống an lạc như vậy đó".

Các Tỳ-kheo nghe ông nói như thế, lòng không vui bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi: "Các ông có việc đó thật như vậy chăng?"

Đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

- Đó là việc xấu. Vì sao các ông đã biết Sa-di có ác kiến không bỏ, chúng Tăng đã như pháp trục xuất mà còn cho sống chung, chia xẻ thức ăn chánh pháp và thức ăn vật chất? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

Nếu Sa-di nói như thế này: "Theo tôi biết, Đức Như Lai nói rằng dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng khi hành dâm dục không có gì là chướng đạo", thì các Tỳ-kheo nên can gián Sa-di ấy như sau: "Này Sa-di, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn; hủy báng Thế Tôn là hành vi bất thiện. Thế Tôn nói hành dâm dục quả thật là chướng đạo. Ngươi hãy bỏ ác kiến ấy đi". Khi các Tỳ-kheo can gián Sa-di ấy mà ông vẫn cố tình không bỏ, thì nên can gián lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Nếu ông bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì các Tỳ-kheo nên nói như sau: "Từ nay trở đi, ngươi không được nói Phật là thầy của tôi, cũng không được ngủ chung với Tỳ-kheo ba đêm. Ngươi đi đi, không được ở đây".

Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di không bỏ ác kiến, bị khu xuất, chưa giải tỏa pháp yết-ma, mà dụ dỗ, nuôi dưỡng, cùng ăn chung, ở chung một phòng thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Sa-di: Như Sa-di Pháp Dữ…

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích trong các giới trước).

Khu xuất: Đuổi ra khỏi Tăng già lam.

Chưa làm như pháp: Như trên đã giải thích.

Nuôi: Cho y chỉ (cho phép nương tựa).

Dưỡng: Cho y bát, thuốc chữa bệnh.

(Một số từ ngữ khác đã được giải thích ở các giới trên).

Nếu Sa-di bị Hòa thượng, A-xà-lê khiển trách thì Tỳ-kheo không được dụ dỗ gọi về cùng ở chung, nói: "Ta sẽ cho ngươi y bát, thuốc men, sẽ dạy kinh cho ngươi".

Nếu biết Sa-di ấy nhân việc đó sẽ hoàn tục thì có thể nhỏ nhẹ dỗ dành, rồi nói với ông ta: "Ân đức của Hòa thượng, A-xà-lê rất nặng, khó mà báo đáp. Ngươi nên trở về sống thân cận với ngài".

Nếu (Sa-di) bị đuổi mà tưởng không bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không bị đuổi mà tưởng bị đuổi (rồi đem về nuôi), thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu bị đuổi và tưởng là bị đuổi (mà đem về nuôi), thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu không bị đuổi và tưởng không bị đuổi (mà đem về nuôi), thì không có tội.

Thế nên nói (như trên).

47. GIỚI MẶC Y KHÔNG HOẠI SẮC

Khi Phật trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y không được cắt may thành nhiều mảnh, ngoại đạo cũng mặc y không cắt may thành nhiều mảnh. Thế rồi, Ưu-bà-tắc muốn đảnh

lễ Tỳ-kheo mà đảnh lễ nhằm ngoại đạo, khi

nghe chú nguyện rồi mới biết là ngoại đạo, nên trong lòng Ưu-bà-tắc cảm thấy hổ thẹn. Đồng thời, đệ tử của ngoại đạo muốn đảnh lễ ngoại đạo mà đảnh lễ nhằm Tỳ-kheo, khi nghe chú nguyện mới biết là Tỳ-kheo, nên đệ tử của ngoại đạo cảm thấy hổ thẹn trong lòng.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau nên may y khác nhau, cắt may nhuộm có màu sắc".

Tỳ-kheo liền cắt may nhuộm làm thành màu sắc khác. Khi ấy, ngoại đạo dùng đá đỏ nhuộm y thành màu đỏ Lưu-châu-la, cầm gậy có ba khấc để cho khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở nơi chốn hoang vắng lượm được y Kiều-xá-da, nấu nước nhuộm định nhuộm, thì Thế Tôn đang dùng thần túc đi trên không đến chỗ Tỳ-kheo, Ngài biết nhưng vẫn hỏi Tỳ-kheo: "Ông định làm gì đấy?"

- Nấu nước nhuộm định nhuộm y Kiều-xá-da.

- Y Kiều-xá-da mỏng manh nếu nhuộm bằng nước nhuộm thô kệch như thế sẽ làm hại y. Từ nay về sau, y Kiều-xá-da nên tác tịnh (làm dấu cho hợp lệ) bằng hai cách: cắt (một miếng) may lên tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-ly được

một chiếc y Khâm-bà-la mềm mại, thầy bèn nấu nước nhuộm định nhuộm, thì gặp lúc Phật dùng thần túc đi tới chỗ Thầy. Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, ông làm gì đấy?".

- Nấu nước nhuộm để nhuộm y Khâm-bà-la.

- Y Khâm-bà-la mềm mại mỏng manh mà nhuộm thuốc nhuộm thô kệch thế này sẽ làm rách y mất. Từ nay về sau, Ta cho phép, y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may tác tịnh và làm cho xanh tác tịnh.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Tôn-đà-la-nan-đà là con trai bà dì của Phật, do Đại-ái-đạo sinh, có ba mươi tướng, với tướng bạch hào, và tướng trái tai thòng xuống. Sau khi thầy khất thực xong, từ trong thành Xá-vệ đi ra, thì lúc ấy có Tôn giả A-nan đi sau; đồng thời các Tỳ-kheo cũng vừa ăn xong, đang ngồi thiền hoặc đi kinh hành trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn. Từ xa trông thấy (Tôn-đà-la-nan-đà), họ tưởng là Thế Tôn, liền cùng nhau đứng dậy chắp tay, nói: "Thế Tôn đến, Thế Tôn đến". Tôn-đà-la-nan-đà cũng xoa tay chắp tay nói: "Các Trưởng lão, tôi là Tôn-đà-la-nan-đà, tôi là Tôn-đà-la-nan-đà".

Các Tỳ-kheo nghe nói thế, ai nấy đều cảm thây mắc cỡ, bèn đem sự kiện ấy đến bạch Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau phải làm một dấu chấm

trên y hoại sắc". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo được y mới phải dùng ba thứ làm hoại sắc, hoặc dùng một thứ làm hoại sắc (các y ấy), đó là: màu xanh, màu đen và màu mộc lan. Nếu không dùng ba thứ ấy làm hoại sắc các y mà đem mặc thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Được: Được từ người nam, người nữ, tại gia, xuất gia.

Y mới: Khi vừa mới may xong, như y Khâm-bà-la, y điệp, y Sô ma, y Kiều-xá-da, y Xá-na, y gai, y Khu-mâu-đề.

Ba thứ hoại sắc, hoặc mỗi một thứ hoại sắc: Đó là màu xanh, màu đen, màu mộc lan.

Màu xanh: Đó là màu xanh đồng, màu xanh trưởng dưỡng và màu xanh đá.

- Màu xanh đồng: Đem đồ đựng bằng đồng để lên trên rượu đắng (làm cho đồng sanh ten) rồi lấy ten ấy, đó gọi là màu xanh đồng.
- Màu xanh trưởng dưỡng: Tức màu xanh của bã chàm, hay màu xanh lam.
- Màu xanh đá: Tức màu xanh da trời.

Nói chung, đem các màu kể trên điểm tịnh (làm dấu cho hợp lệ) trên y.

- Màu đen: Gồm hai loại: Danh tự nê và bất danh tự nê.

- Danh tự nê: (Dùng bột của các loại) A-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc đổ chung vào một cái tô; đó gọi là danh tự nê.

- Bất danh tự nê: Đó là bùn thật, bùn dưới hồ, bùn dưới giếng, nói chung các loại bùn như vậy.

Màu mộc lan: Hoặc dùng A-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc mài trên sắt, đem điểm tịnh; đó gọi là màu mộc lan.

Tỳ-kheo được y mới không tác tịnh (hay điểm tịnh) mà đem mặc, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu được y Tăng-già-lê mới, tác tịnh thì tốt, không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề. Cũng vậy, khi được Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y tắm mưa, y che ghẻ, tọa cụ (tấm trải ngồi) đem tác tịnh thì tốt, nếu không tác tịnh thì phạm Ba-dạ-đề.

Y Khâm-bà-la tác tịnh bằng hai cách: cắt may "Tịnh" và điểm tịnh màu xanh. Khi cắt may tịnh mà không điểm tịnh màu xanh thì phạm Ba-dạ-đề.

Khi điểm tịnh màu xanh mà không điểm tịnh bằng cắt may thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Không điểm tịnh màu xanh, cũng không điểm tịnh bằng cắt may, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một

tội Việt-tỳ-ni.

Vừa tác tịnh bằng cắt may, vừa tác tịnh bằng màu xanh thì không có tội.

Y nhiều lớp phải tác tịnh bằng ba cách: tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm và tác tịnh bằng màu xanh. Nếu tác tịnh bằng cắt may, tác tịnh bằng nhuộm mà không tác tịnh màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu tác tịnh màu xanh mà không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Không tác tịnh bằng cắt may, không tác tịnh bằng nhuộm, không tác tịnh bằng màu xanh, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu tác tịnh bằng ba cách trên thì không có tội.

Y sô ma tác tịnh ba cách giống như y nhiều lớp; y Kiều-xá-da tác tịnh hai cách như y Khâm-bà-la; y xá-na, y ma, y Khu-mâu-đề tác tịnh bằng ba cách giống như y nhiều lớp, đó là tác tịnh màu xanh, màu đen và màu mộc lan cũng lại như vậy.

Khi tác tịnh không được lớn, không được nhỏ, lớn tối đa bằng bốn ngón tay, nhỏ tối thiểu bằng hạt đậu. Hoặc dùng A-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, A-ma-lặc để trên sắt ép lấy nước rồi tác tịnh; không được làm thành số chẵn, (mà làm thành số lẻ) hoặc một, hoặc ba, hoặc năm, hoặc bảy, hoặc chín; không được tác tịnh như hình đóa hoa. Nếu khi giặt, vá mà có bùn

rơi lên trên, hoặc có dấu chân đất của chim, quạ giẫm lên trên, thì cũng được xem là đã tác tịnh.

Nếu được nhiều phẩm vật tạp nhạp rồi đem để đống một chỗ, thì chỉ cần tác tịnh một chỗ. Nếu đổ thành nhiều đống thì mỗi đống đều tác tịnh.

Nếu may Tăng-già-lê mới thì phải tác tịnh tại một góc. Nếu chắp thêm nửa điều hoặc một điều cũng phải tác tịnh.

Y Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội và tất cả các y khác khi mới vá cũng phải tác tịnh.

Thế nên nói (như trên).

48. GIỚI CẤT GIỮ BẢO VẬT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, vào ngày mười lăm trăng tròn, vua A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi tắm rửa xong, thoa dầu vào thân, mặc áo mới, cùng quần thần hội họp tại cung điện, vua nói với một đại thần:

- Hôm nay là ngày trăng tròn, chúng ta nên đến chỗ Sa-môn hay Bà-la-môn nào để trưởng dưỡng thiện căn?

Vị đại thần nói:

- Phất-lan-ca-diếp đang ở trong thành Vương xá là bậc đại Sa-môn, lại có đồ chúng đông đảo, đại vương nên đến với ông ta, sẽ được trưởng dưỡng thiện căn.

Vua im lặng không nói. Lại có một đại thần nói: "Tát-già-ni-kiền-tử đang ở trong thành Vương xá

là bậc đại Sa-môn, nên đến với ông ta sẽ được trưởng dưỡng thiện căn". Như vậy, mỗi vị đại thần, vốn là đệ tử của ngoại đạo, ông nào cũng ca tụng thầy mình, đều bảo nên đến vị ấy sẽ được trưởng dưỡng thiện căn. Bấy giờ, Kỳ cựu Đồng tử đang cầm lọng đứng hầu vua A-xà-thế, vua nói với đồng tử: "Mọi người đều nói, vì sao ông im lặng không nói? Hôm nay trăng tròn nên đến nơi nào để được trưởng dưỡng thiện căn?". Đồng tử tâu với vua: "Đức Thế Tôn hiện giờ đang ở trong vườn Am-bà-la của hạ thần cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, nếu đến đó thì có thể trưởng dưỡng thiện căn". Vua liền chuẩn thuận lời đề nghị ấy, rồi nói với Kỳ cựu Đồng tử: "Ngươi hãy tức tốc trang bị năm trăm voi cái, cứ trên mỗi thớt voi chở một phu nhân".

Khi ấy, Đồng tử Kỳ cựu bèn theo lời vua mà trang bị, trang bị xong liền đến tâu vua: "Tâu đại vương, hạ thần trang bị xong rồi, Đại vương hãy làm những gì mình cần".

Thế rồi, vua A-xà-thế cùng với năm trăm phu nhân, được quân lính cầm đèn đuốc sáng choang, nhiễu hành trước sau, ra khỏi thành Vương xá vào lúc nửa đêm, đi đến trước cổng vườn Am-bà-la. Lúc ấy các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Vua cảm thấy hoảng sợ, quay lại nói với Đồng tử: "Ngươi bảo có một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đang ở trong vườn của ngươi, đại chúng đông đảo như vậy mà

sao im phăng phắc chẳng có tiếng động gì hết chẳng phải ngươi định lừa dối ta sao?".

Đồng tử đáp: "Thật đấy, hạ thần không dối vua đâu, cứ đi thẳng tới". Rồi đồng tử chỉ dẫn, nói: "Trong ngôi nhà lớn chỗ có đèn đốt sáng, Thế Tôn đang ngồi chính giữa uy đức đáng tôn trọng đặc biệt, cao cả không gì hơn, giống như trâu chúa ở giữa đàn trâu, như vua sư tử ở giữa muông thú, như vua voi trắng sáu ngà tại Tuyết Sơn đang ở giữa bầy voi, cũng như sông Hằng sâu thẳm, trong trẻo, im lặng không có tiếng động; đại chúng im lặng cũng như vậy. Lại giống như biển lớn vô lượng nước đều đổ về đó. Đại chúng của Đức Thế Tôn có công đức vô lượng cũng như thế".

Bấy giờ, vua A-xà-thế xuống xe mặc thường phục đi bộ, dẫn đầu đoàn người tiến đến chỗ Phật, nhiễu quanh Phật và đại chúng ba vòng, rồi đứng lại, nói với Đồng tử: "Thế Tôn cùng đại chúng công đức thành tựu vắng lặng thanh tịnh, mong sao con của ta là Ưu-đà-di bạt đà cũng thành tựu công đức như vậy". Phật nói: "Đại vương, tùy theo sự cầu nguyện của đại vương đều sẽ đạt được". Thế rồi, nhà vua trải tòa, mời Phật an tọa. Phật dạy: "Đại vương tự ngồi, Như Lai đã có chỗ ngồi". Bấy giờ, vua cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đứng qua một bên, bạch với Phật:

Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi, kính mong Phật cho phép.

Như Lai cho phép đại vương cứ hỏi, rồi Như Lai sẽ trả lời cho đại vương.

- Bạch Thế Tôn! Trong đây các loại thợ xuất gia theo giáo pháp của Phật có thể chứng quả Sa-môn ngay trong đời này không? (Như trong kinh Sa Môn Quả đã trình bày).

Lúc ấy, vì thuyết pháp quá lâu, các vị phu nhân đeo chuỗi anh lạc nặng, nên ai nấy đều cởi ra để trước chỗ ngồi. Vua A-xà-thế vì mang tội giết cha, nên trong lòng thường nơm nớp hoảng sợ, khi nghe trong thành có tiếng trống, tiếng tù và, tiếng voi, tiếng ngựa, vua sợ hãi dữ dội, liền nói với các phu nhân: "Hãy trở về trong thành, hãy trở về trong thành".

Các phu nhân vì đi về quá gấp nên quên lấy chuỗi anh lạc. Đến sáng sớm hôm sau, phu nhân của vua định đeo chuỗi anh lạc, nhưng tìm không có. Người mặc áo cho bà nói: "Ngày hôm qua vì hoảng hốt khi trở về e rằng để quên tại Tinh xá". Cũng thế, các phu nhân đều nói mình để quên anh lạc, nhưng họ sợ rằng nếu tâu với vua thì sẽ bị vua quở trách. Bấy giờ, có một thanh y (con hầu) tâu với vua: "Các phu nhân hôm qua trở về gấp, nhiều người bỏ quên chuỗi anh lạc". Lúc ấy, có Bà-la-môn ngoại đạo là quân sư của vua, đang ngồi với vua, liền tâu:

"Nếu để quên tại đó thì các Sa-môn đã đem

giấu hết rồi, giả sử có sai người đến tìm cũng chẳng được gì".

Khi ấy, vua sai một người đáng tin, thử đến đó tìm xem (thì khi ông này đến nơi) thấy đại chúng của Phật còn ngồi y nhiên tại đó, và thấy những chuỗi anh lạc của các phu nhân vẫn còn tại chỗ cũ, bị ánh sáng mặt trời chiếu sáng rực rỡ, bèn thu lấy mang về, rồi tâu đầy đủ lên vua. Vua rất đỗi vui mừng, nói: "Các Sa-môn của Phật đúng là phước điền tốt lành, không tham, không ham muốn, đặc biệt đáng tin cậy, không ai hơn được hội chúng này, mong rằng họ thường ở trong nước ta, để ta được cúng dường suốt đời". Rồi vua nói với các phu nhân: "Anh lạc của các Khanh đây, mỗi người hãy lại lấy, không được làm hỗn loạn, giành lấy cái tốt".

Các Tỳ-kheo nghe vị ngoại đạo quân sư của vua nói như thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Châu báu vẫn còn nguyên vẹn không ai lấy, mà còn bị người ta hủy báng, huống gì bị lấy mất. Từ nay về sau Ta không cho phép cầm lấy châu báu".

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, đồng tử Lê xa mang các thứ châu báu bên lưng, có giá trị hàng ngàn vạn, cưỡi xe bốn ngựa ra khỏi thành du ngoạn. Vì châu báu mang nặng nên bị tuột rơi xuống đất mà không hay. Lúc ấy, có một Tỳ-kheo đi theo sau, vừa đến đó thì

thấy châu báu rơi xuống đất, liền gọi: "Đồng tử, đồng tử, lấy lại châu báu của ông". Nhưng vì tiếng xe nên đồng tử không nghe. Thầy sợ người đi sau nhặt lấy, nên đứng bên đường coi chừng. Đồng tử đi một lát liền biết bị mất cái đai lưng, bèn quay xe trở lại, từ xa trông thấy Tỳ-kheo, liền hỏi: "Ông đi sau có thấy cái đai lưng không?".

Tỳ-kheo đáp: "Tôi thấy có chiếc đai lưng, vừa rồi từ xa gọi ông, nhưng ông không nghe".

Đồng tử lại hỏi: "Ở tại chỗ nào?". Thầy đáp: "Tại chỗ kia kìa". Đồng tử liền đi đến lấy chiếc đai, buộc vào lưng xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh vào tay chân một trận nhừ tử, lại mắng chửi đủ thứ, nói: "Nếu ta không trở lại thì ngươi đã lấy chiếc đai lưng rồi".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Không lấy mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi tới sông Tô, cởi áo xuống tắm, lúc ấy có đồng tử Lê xa cũng đến tắm sông bèn cởi vòng đeo tai để một chỗ, rồi lấy áo tủ lên,

xuống nước tắm. Khi tắm xong, anh ta lên bờ, mặc áo vào, rồi ra đi mà quên vòng đeo tai. Tỳ-kheo lên sau, thấy chiếc vòng đeo tai, liền từ xa gọi: "Đồng tử, đồng tử, vòng tai của ông còn để

trên bờ". Nhưng đồng tử vì đi nhanh nên không nghe thầy gọi, cứ từ từ đi một đỗi xa, bèn trực nhớ lỗ tai không có vòng, liền trở lại tìm, từ xa hỏi Tỳ-kheo: "Có thấy vòng tai của tôi không?".

Tỳ-kheo đáp: "Vòng tai của ông còn để trên bờ, vừa rồi tôi trông thấy bèn từ xa gọi ông, nhưng ông đi nhanh nên không nghe tiếng gọi".

Đồng tử hỏi: "Hiện giờ ở chỗ nào?". Thầy đáp: "Tại chỗ kia kìa". Đồng tử liền đến lấy vòng tai, đeo vào xong, bèn nắm Tỳ-kheo đánh đấm túi bụi, và mắng: "Như vậy, như vậy đó, nếu ta không trở lại thì ngươi sẽ lấy vòng tai của ta đi mất".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Không lấy bảo vật mà còn sinh ra tai họa như thế, huống gì lấy".

Lại nữa, khi Phật an trú tại vườn cây Ni-câu-luật thuộc dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có con nhà họ Thích cúng dường cơm cho các Tỳ-kheo, cùng thân quyến dọn cơm, nhưng vì đeo vòng vàng nặng nề, dọn cơm không tiện, nên cởi vòng xuyến để bên cạnh chân Tỳ-kheo, nói như sau: "Vòng vàng này con để bên cạnh chân thầy". Tỳ-kheo ăn xong bèn đứng dậy bỏ đi, sau đó, có người trông thấy liền cầm lấy vòng xuyến rồi đi. Người con dòng họ Thích ấy khi đãi cơm xong, liền trở về, quên lấy vòng xuyến.

Khi về đến nhà mới hay là không có chiếc vòng, ông bèn trở lại chỗ cũ tìm mà không thấy, liền đi tìm thầy Tỳ-kheo mà mình đã gởi, nói:

- Thầy trả lại chiếc vòng mà trước kia tôi đã gởi.

- Tôi nhớ chiếc vòng ông đã gởi còn ở chỗ cũ mà, tôi đâu có lấy.

- Tôi gởi không đúng chỗ nên bị mất chiếc vòng.

Thế rồi, trong lòng ông ta không vui, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, bạch với Phật: "Vừa rồi, con đem chiếc vòng gởi cho Tỳ-kheo Mỗ giáp, thầy không chịu coi chừng nên đã bị mất". Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho người con họ Thích ấy, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông ta hoan hỷ, rồi cáo lui. Sau khi ông đi không lâu, Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Nếu ông đã nhận người ta gởi thì phải coi chừng, còn nếu không nhận thì bảo là không nhận. Vì sao ông đã nhận đồ người ta gởi mà không trông coi? Từ nay về sau, nếu trong vườn có châu báu hoặc những bảo vật có giá trị thì Ta cho phép tự mình lấy cất, hoặc là sai người khác lấy cất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang

sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo (trông thấy) châu báu hoặc bảo vật có giá trị ở trong vườn mà tự mình lấy hoặc sai người khác lấy, trừ trường hợp đặc biệt thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Trường hợp đặc biệt: Tỳ-kheo thấy châu báu hoặc bảo vật có giá trị, rồi tự mình lấy, hoặc sai người khác lấy, với suy nghĩ: "Có chủ tới tìm, ta sẽ đưa". Đó gọi là trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Trong vườn: Trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng.

Châu báu: Vật dụng đã thành, chẳng hạn: Thiên quan, lọng báu, anh lạc, cán phất trần, guốc báu... những bảo vật đã làm thành dụng cụ như vậy.

Bảo vật có giá trị: Như tiền, vàng, bạc, chân châu, lưu ly, hà bối, san hô, hổ phách, pha lê, xích bảo, đồng, đồng đỏ, chì, thiết, bạch lạp, sắt...

Lấy: Nếu vật hợp pháp (tịnh) được tự tay cầm lấy, nếu vật không hợp pháp thì sai tịnh nhân lấy.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trường hợp đặc biệt: Nếu trong vườn tháp, trong vườn của chúng Tăng, Tỳ-kheo thấy có châu báu hay bảo vật có giá trị mà thanh tịnh thì nên tự

lấy; nếu vật không thanh tịnh thì sai tịnh nhân lấy cất, với suy nghĩ: "Nếu có chủ tìm thì sẽ trả lại". Chỉ nghĩ như vậy chứ không có gì khác (đó gọi là trường hợp đặc biệt). Hoặc vào các dịp Phật đản sinh, dịp Phật thành đạo, dịp Chuyển pháp luân, dịp A-nan, La-hầu-la mở đại hội; khi ấy, những người đi xem hoặc quên y phục và các vật dùng để trang điểm thân thể; hoặc Tỳ-kheo quên y bát và các vật khác mà Tỳ-kheo thấy thì nên lấy, lấy rồi nên hỏi xem vật đó của ai. Nếu đúng là chủ của vật thì nên trao cho họ. Nếu không ai biết thì nên đem treo trên cây trụ ở chỗ dễ trông thấy cho người ta trông thấy. Nếu có người nói: "Đó là vật của tôi", thì nên hỏi: "Ngươi mất tại chỗ nào?".

Nếu đáp tương ưng thì nên đưa. Nếu không ai biết thì nên đình lại đến ba tháng. Nếu vật đó nhặt được ở trong vườn tháp thì nên dùng để làm tháp. Nếu nhặt được trong vườn Tăng thì nên dùng làm vật cho Tăng bốn phương. Nếu là vật quý báu như ngọc, anh lạc, vàng, bạc thì khi ấy không được phơi bày ra mà nên xướng: "Tôi được của báu". Rồi Tỳ-kheo nên xem xét kỹ lưỡng, coi thử hình dáng thế nào, rồi mới cầm lên. Nếu có người đến hỏi: "Tôi để quên vật báu thầy có thấy không?". Tỳ-kheo khi ấy nên hỏi lại: "Ông để quên tại chỗ nào? Vật báu của ông có hình dáng thế nào?". Nếu họ nói không phù hợp, thì nên bảo: "Chùa này rộng lớn ông hãy đi tìm xem". Nếu họ nói phù hợp, thì nên đưa vật

báu ra hỏi: "Lão trượng, vật này là của ông phải không?". Nếu đáp: "Đúng đấy", thì Tỳ-kheo không được đưa ngay trước một người ấy mà nên tập họp nhiều người, rồi bảo người ấy: "Ông hãy quy y Phật, Pháp, Tăng. Nếu Đức Thế Tôn không chế giới thì dù mắt ông muốn xem lại cũng chưa chắc đã được (chứ đừng nói là nhận lại được). Nếu ông ta nói: "Ngoài vật báu này của tôi còn có vật khác", thì nên bảo: "Lão trượng, tôi chỉ được có vật này, ngoài ra không thấy những vật khác. Này Lão trượng, ngươi là kẻ gian ác! Ngươi được lại vật này đã là quá lắm rồi, vì sao còn muốn đòi vật khác đặng hủy báng người ta? Nếu Thế Tôn không chế giới thì ngươi đâu có thể thấy lại vật này". Nếu làm như vậy mà vẫn không xong, thì nên đem y đến chỗ Ưu-bà-tắc, rồi nói như sau: "Tôi vốn chỉ nhặt được có vật này, đã đem trả lại hết, mà còn bị vu khống". Bấy giờ, Ưu-bà-tắc nên mắng kẻ ấy: "Như thế như thế đấy (quân khốn kiếp). Ngươi được lại vật ấy đã là quá lắm rồi mà giờ đây lại còn hủy báng Tỳ-kheo! Ngươi hãy theo ta, ta sẽ cùng với ngươi đối chất để giải quyết việc này".

Nếu không có ai đến (tìm) thì chờ đến ba năm - như trên đã nói rồi tùy theo nhặt được ở nơi nào mà đem dùng vào trong lãnh vực đó.

Nếu Tỳ-kheo đi vào xóm làng mà thấy có vật rơi dưới đất thì không nên lấy. Nếu có người lấy đưa cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo được nhận. Vì người

cho tức là thí chủ, nên không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vào thôn xóm, thấy có y rơi, hoặc là y bị gió thổi bay đến, thì không được tưởng là y phấn tảo rồi nhặt lấy.

Nếu ở nơi đường vắng không có người mà thấy có y rơi thì nên lấy. Nếu thấy trên y có châu báu thì nên dùng gót chân đạp bỏ châu báu rồi cầm y mà đi. Lúc đi không nên che giấu mà nên cầm bày ra để cho người ta trông thấy. Nếu trên y bị dơ bẩn khiến người ta nhờm tởm thì được xếp lại mà cầm đi. Nếu khi nhặt không biết trong y có vật báu đến khi về tới trú xứ mới thấy thì nên giao cho tịnh nhân quản lý để họ đổi lấy tiền mua thuốc.

Khi đi ra khỏi xóm làng nếu giữa đường thấy y mà trên y có bụi dính lâu ngày thì nên lấy. Lấy rồi, không được che giấu mà phải bày ra cầm đi, nếu có chủ chạy theo, Tỳ-kheo nên hỏi: "Lão trượng, vì sao chạy?". Nếu họ đáp: "Tôi mất y", thì nên hỏi: "Đây là y của ông phải không?". Nếu nói: "Đúng đấy", thì nên trả lại và bảo họ: "Ông nên quy y pháp Phật Tăng. Nếu Thế Tôn không chế giới thì giả sử ông có thấy lại y cũng không thể lấy được".

Nếu phòng ốc của chúng Tăng cũ kỹ, hư nát muốn sửa chữa mà khi đào đất đổ nền gặp được kho tàng châu báu, nếu như tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua, giả sử vua nói: "Vật này

đương nhiên thuộc về trẫm, nay trẫm bố thí cho Tỳ-kheo để làm công đức", thì nhà vua được xem là thí chủ. Nếu đã dùng một nửa, còn một nửa, mà vua nói: "Vì sao ông sử dụng vật của trẫm? Nếu đã dùng thì phải ngừng lại, còn bao nhiêu đưa cho trẫm", thì Tỳ-kheo nên đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "Vì sao ông dùng vật của trẫm? Đưa hết lại cho trẫm", mà Tỳ-kheo đã lỡ sử dụng vật đó, thì phải lấy vậy của Tăng trả lại. Nếu Tăng không có vật thì phải xin vật khác trả lại. Nếu vua nói: "Đã lỡ sử dụng thì phải ngừng lại, công đức ấy thuộc về trẫm", thì cũng như vua dùng.

Khi sửa chữa tháp cũ được vàng bạc châu báu mà tịnh nhân không đáng tin, thì nên tâu lên vua. Nếu tịnh nhân đáng tin thì được giữ lấy, rồi cất đó trong ba năm. Sau ba năm nên đem dùng làm các việc cho tháp. Nếu nhà vua biết được, hỏi Tỳ-kheo: "Ông được kho báu ở trong vườn tháp phải không?", thì nên đáp: "Có được". Nếu đã sử dụng thì nên đáp: "Có được mà đã dùng làm tháp". Rồi nhà vua nói: "Đã làm thì phải ngừng lại. Công đức này thuộc về trẫm". Nếu đã dùng một nữa, còn lại một nửa, rồi vua nói: "Đã dùng thì ngừng lại, chỗ còn đó đưa cho trẫm", thì phải đưa số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "Ông không biết rằng bảo vật trong đất thuộc về trẫm sao? Vì sao ông lấy dùng? Trả hết lại cho trẫm", thì bấy giờ Tỳ-kheo nên lấy vật của tháp trả lại. Nếu tháp không có vật thì phải

nhân danh tháp xin vật để trả lại. Nếu vua hỏi: "Trong giới luật của Phật như thế nào?", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Trong pháp Phật nếu được vật nơi đất của tháp thì dùng làm tháp. Nếu được vật nơi đất của Tăng thì sử dụng cho Tăng". Nếu vua nói: "Theo pháp Phật mà sử dụng", thì sử dụng không có tội. Nếu trên kho báu có miếng sắt dùng khắc tên họ, rồi vua hỏi: "Các đại đức thấy trên kho báu ấy có tên họ như thế phải không?", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Có thấy như vậy, nhưng đã dùng làm tháp xong rồi. Nếu vua nói: "Đó là vật của tiền nhân trẫm, vì sao ông sử dụng? Đã sử dụng thì phải trả lại cho trẫm". Hoặc vua nói: "Đã làm tháp hoàn thành rồi thì công đức đó thuộc về trẫm", thì không có tội. Hoặc vua nói: "Nếu đã dùng một nửa thì nửa còn lại trả cho trẫm", thì khi ấy Tỳ-kheo nên trả số còn lại cho vua. Nếu vua nói: "Vì sao ông dùng vật của tiền nhân trẫm? Phải trả hết tất cả cho trẫm", thì khi ấy, nên trả hết lại. Nếu tháp có vật thì nên lấy trả, nếu không có vật thì đi xin về trả. Nếu vua nói: "Đây là vật của tiền nhân mà tiền nhân đã chết, nên công đức này thuộc về họ" thì không có tội.

Khi làm chùa mới, làm tháp mới mà được bảo vật thì cũng như vậy. Thế nên nói (như trên).

49. GIỚI TẮM QUÁ GIỚI HẠN CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Thành Vương xá có ba suối nước nóng: suối nước nóng của vua, suối nước nóng của Tỳ-kheo và suối nước nóng của voi. Suối nước nóng của vua thì vua, các phu nhân ở hậu cung và các Tỳ-kheo đệ tử của Phật tắm. Suối nước nóng của Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo Tăng của Phật tắm. Suối nước nóng của voi thì voi và mọi người tắm. Khi ấy, các Tỳ-kheo vào suối nước nóng của vua tắm. Lúc này, vua dùng dầu thoa thân định vào suối nước nóng tắm, bèn hỏi viên quản lý suối: "Suối nước nóng có trống không?"

- Trong suối không trống, có các Tỳ-kheo đang tắm.

- Hãy để các Tỳ-kheo tắm xong, trẫm đi đến Thế Tôn rồi trở về sẽ tắm.

Vua liền đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi trở về, lại hỏi người quản lý:

- Trong hồ đã trống chưa?

- Chưa trống.

Như vậy tới ba lần mà các Tỳ-kheo vẫn chưa ngừng tắm. Vua lại nói: "Cứ để họ tắm, chớ gọi họ lên làm gì. Trẫm sẽ trở về tắm trong cung". Mọi người nghe vậy, đều chê trách, nói: "Sa-môn Thích tử tự nói mình tốt đẹp có đức hạnh mà vẫn ở mãi trong hồ không để cho đại vương được tắm".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến

bạch Thế Tôn. Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Không ở đâu có được ông vua nhẫn nại hết sức như vậy. Từ nay trở đi, Ta không cho các Tỳ-kheo tắm hồ của vua".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn chế giới không cho tắm, các Tỳ-kheo không được tắm nên thân thể dơ bẩn hôi hám. Khi ấy, Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo thường ngồi ở chỗ dưới gió, vì sợ mùi hôi hám làm ô uế các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi: "Này các Tỳ-kheo, vì sao chỉ ngồi một chỗ ấy in tuồng như giận hờn ai vậy?". Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: "Vì Thế Tôn chế giới không cho tắm nên thân thể dơ bẩn, hôi hám, sợ làm ô uế các vị phạm hạnh, cho nên phải ngồi ở dưới gió". Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép, nửa tháng tắm một lần".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào tháng xuân nóng mà không được tắm nên thân thể ngứa ngáy, bứt rứt. Do thế, họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau vào mùa nóng Ta cho phép được tắm trong hai tháng rưỡi: một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa Hạ. Đó gọi là hai tháng rưỡi".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi an cư xong, Ngài cùng các Tỳ-kheo du hành trong nhân gian đi đến nước Kiều-tát-la, giữa đường gặp

chỗ cỏ cây rậm rạp, ở dưới thì khí nóng xông lên, bên trên thì mặt trời thiêu đốt, khiến cho rất khổ não. Các Tỳ-kheo bèn chạy nhanh đến chỗ có nước, như nai chạy tới hồ. Phật biết mà vẫn hỏi (nguyên nhân). Các Tỳ-kheo liền kể đầy đủ sự việc trên.., vì khổ não như vậy nên mới tranh nhau chạy đến chỗ có nước. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi đi được quyền tắm".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ốc các Tỳ-kheo một lần. Ngài trông thấy một Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ ngứa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi: "Tỳ-kheo, ông có thấy dễ chịu không?". Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Không được dễ chịu. Con bị bệnh ghẻ ngứa, nếu được tắm thường xuyên thì mới an lạc, nhưng Thế Tôn chế giới không cho tắm nên không được an lạc". Phật dạy: "Từ nay trở đi, Ta cho phép Tỳ-kheo có bệnh được tắm".

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo doanh sự chở đất, chở gạch, làm các công việc mà không dám tắm, cứ để nguyên như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau, trên chân có dấu bùn đất, Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, trên chân ông vì sao có dấu đất?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Con làm các công việc bị bùn vấy bẩn thân mình, mà vì sợ phạm giới

nên không dám tắm, do đó chân con có vết bùn". Phật nói: "Từ nay trở đi, Ta cho phép khi làm việc được tắm".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo gặp cơn gió thổi mạnh, khiến bụi tấp trên mình, rồi lại gặp trời mưa, nhưng không dám tắm, cứ để y như thế nằm ngủ. Sáng sớm hôm sau họ đến vấn an Thế Tôn, Phật biết nhưng vẫn hỏi: "Này Tỳ-kheo, trên thân ông vì sao có bụi bẩn như thế?".

Thầy đáp: "Bạch Thế Tôn! Ngày hôm qua bị gió thổi bụi tấp trên mình, lại gặp trời mưa, nhưng con không dám tắm, cho nên trên thân có vết bụi bẩn".

Phật nói: "Từ hôm nay, Ta cho phép khi có gió lớn được tắm".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trời đang quang đãng, có ít sợi mây nổi lên, rồi bỗng chốc đổ cơn mưa lớn.

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đó là trận mưa tốt lành đầu tiên ở cõi Diêm-phù-đề này, các ông nên tắm mưa, nước mưa có thể trừ được các bệnh ghẻ chốc trong mình".

Nhưng các Tỳ-kheo trong lòng hồ nghi: "Đức Thế Tôn chế giới không được tắm, vì sao nay chúng ta lại được tắm?".

Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi trời

mưa thì được tắm".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo chưa đến nửa tháng mà tắm - trừ trường hợp đặc biệt - phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Trường hợp đặc biệt: Một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong hai tháng rưỡi đó, và các dịp như: khi trời nóng, khi bệnh, khi làm việc, khi gió, khi mưa, khi đi đường; đó gọi là các trường hợp đặc biệt.

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nửa tháng: Nếu tắm ngày mười lăm thì tính đủ mười lăm ngày nữa rồi tắm. Nếu tắm ngày mười bốn, mười ba, mười hai, mười một, mười, chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, một thì nên từ ngày tắm đếm đủ mười lăm ngày rồi tắm nữa.

Trừ trường hợp đặc biệt: (Những ngày ấy) Thế Tôn nói không có tội.

Khi nóng: Một tháng rưỡi cuối mùa Xuân và một tháng đầu mùa hạ, trong khoảng hai tháng rưỡi ấy chính là khi nóng. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

Khi bệnh: Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh như: ghẻ lở, ghẻ ngứa, lác, sài, ung thư... cần phải tắm

mới được thỏa thích, thì cho phép tắm. Đó gọi là khi bệnh. Nhưng không kể trước và sau mà chỉ nên kể trong hiện tại.

Khi làm việc: Trong tất cả các lúc chúng Tăng làm việc: Tỳ-kheo làm đất, sửa chữa phòng ốc, hoặc khai thông vũng nước đọng, hoặc vét giếng, hoặc đổ nền phòng xá, hoặc quét tước, hoặc tắm rửa cho Hòa thượng, A-xà-lê, cho đến quét tháp viện, Tăng viện, thậm chí cầm cây chổi quét năm, sáu cái thì được gọi là khi làm việc. (Những lúc ấy) tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi gió: Nếu Tỳ-kheo bị gió thổi, bụi tấp trên mình thì được tắm rửa không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi mưa: Nếu trời mưa mà tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Khi đi: Khi đi ba do diên, hai do diên, ít nhất là một Câu-lô-xá, hoặc đi, hoặc lại, thì gọi là khi đi. Lúc đó tắm thì không có tội. Nhưng không được kể trước và sau mà chỉ được kể trong hiện tại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không gặp các dịp kể trên thì nên bắt chước phương pháp tắm của thợ đúc: trước hết rửa hai đầu gối, hai bàn chân, sau đó mới thấm nước trên đầu, mặt, sau lưng, cánh tay, khuỷu tay,

ngực, nách. Thế nên nói (kệ):

"Đốt lửa, quá ba đêm,
Gởi dục, vào xóm làng.
Chê kinh, nuôi phạm nhân,
Sa-di, y ba màu.
Nhặt của, nửa tháng tắm,
Hết Bạt cừ thứ năm".

50. GIỚI UỐNG NƯỚC CÓ SINH TRÙNG

Khi Phật ở tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đi đường, thấy khát nước đến cực độ, liền vào trong thôn, tới một cô gái, hỏi: "Này chị, chị cho tôi ít nước". Cô gái ấy bèn lấy nước đưa cho, nhưng trong nước có trùng, Ưu-đà-di thấy vậy, liền suy nghĩ: "Ta chỉ uống chỗ không có trùng này thôi". Nhưng khi uống trùng theo nước vào miệng. Khi uống xong, thầy sinh nghi, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách: "Vì sao ông biết nước có trùng mà uống? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, nếu biết nước có trùng thì không được uống".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo ở nước Ba-la-chi phương Nam cùng kết bạn, đến Xá-vệ vấn an Thế Tôn. Giữa đường bị đói khát mà không có

nước uống nên họ đi đến một cái giếng. Lúc ấy, một Tỳ-kheo múc nước lên, liền uống. Còn Tỳ-kheo kia thấy nước có trùng nên không uống. Tỳ-kheo uống nước có trùng hỏi Tỳ-kheo bạn: "Vì sao thầy không uống?". Thầy ấy đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không được uống nước có trùng mà nước này có trùng nên tôi không uống". Tỳ-kheo uống nước bèn khuyên: "Trưởng lão, thầy hãy uống nước chớ để chết khát mà không thấy Phật". Thầy đáp: "Thà tôi mất mạng chớ không hủy giới của Phật". Nói thế xong, thầy liền chết vì khát nước.

Thầy Tỳ-kheo uống nước dần dần đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Tỳ-kheo, ông từ đâu đến?

- Con từ nước Ba-la-chi đến.

- Này Tỳ-kheo, ông có bạn không?

- Chúng con hai người cùng kết bạn, nhưng đi được nửa đường thì bị đói khát mà không có nước, chúng con đến một cái giếng, nước giếng có trùng, con liền lấy uống. Nhờ có sức nước mà con được hầu cận Thế Tôn. Còn thầy kia giữ giới không uống, nên đã chết vì khát nước.

- Này kẻ ngu si, ông không thấy Ta mà tưởng rằng được thấy Ta. Còn Tỳ-kheo chết kia thì đã thấy Ta trước rồi. Nếu Tỳ-kheo phóng túng biếng nhác, không thu giữ các căn thì dù ở với Ta một

chỗ, nhưng Tỳ-kheo ấy cách Ta rất xa. Tuy ông ấy thấy Ta nhưng Ta không thấy ông ấy. Trái lại, nếu Tỳ-kheo sống nơi góc biển chân trời mà không phóng dật, siêng năng không biếng nhác, thu giữ các căn, thì tuy cách xa Ta mà Ta thường thấy người ấy và người ấy thường gần Ta.

Thế rồi, Phật nói với Tỳ-kheo (đang diện kiến): "Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, biết nước có trùng thì không được uống". Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết nước có trùng mà uống thì phạm Ba-dạ đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe người khác mà biết.

Trùng: Không phải là cá, rùa, thất thâu (?), ma la (?) mà là các côn trùng nhỏ bé như con lăng quăng, cho đến những loài có hình thù cực nhỏ mà mắt thấy được, đều gọi là trùng.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói.

Uống: Nước vào đến bụng (thì gọi là uống).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo thọ Cụ túc rồi cần phải sắm đãy lọc nước và phải tắm rửa đúng pháp. Khi đi đâu, Tỳ-kheo phải đem theo đãy lọc nước. Nếu không có thì tối thiểu phải dùng một góc y Uất-đa-la-tăng (để lọc). Khi nhìn vào nước, không nên dùng thiên nhãn để xem, cũng không được bảo người mắt thong manh xem, tối thiểu là nhờ người có thể thấy những đường chỉ nhỏ nhất trong bàn tay để xem. Khi nhìn vào nước không nên nhìn qua loa mà phải chú ý xem, không được quá mau, không được quá chậm mà phải bằng thời gian con voi lớn quay mình lại, hay chiếc xe chở tre trở đầu. Nước không trùng thì nên dùng, nếu nước có trùng thì nên lọc mà dùng. Nước có ba lớp: dưới, giữa, trên. Nếu phần dưới không trùng mà phần giữa và trên có trùng thì nên lấy phần nước không có trùng ở dưới mà dùng. Nếu phần nước ở giữa không có trùng, còn phần trên và phần dưới có trùng thì nên lấy phần nước ở giữa mà dùng. Nếu phần trên không có trùng thì nên lấy phần nước trên mà dùng. Nếu phần trên có trùng thì nên dùng tay vỗ nước để cho trùng lặn xuống đáy, rồi lấy nước dùng. Nếu cả ba phần đều có trùng, thì lúc ấy nên lọc nước mà dùng. Nếu trong nước có trùng quá vi tế thì không được dùng rửa tay rửa mặt và dùng dội cầu khi đại tiểu tiện.

Nếu nhà đàn việt mời Tỳ-kheo thọ trai, thì khi ấy nên hỏi: "Ngươi đã lọc nước chưa?". Nếu đáp:

"Chưa lọc", thì nên xem xét người đang đối diện mà tin tưởng được, khi ấy hãy bảo họ lọc nước. Nếu xét người

ấy không đáng tín thì không nên sai họ lọc, kẻo sẽ sát hại côn trùng, Tỳ-kheo nên tự lọc rồi dùng. Thế rồi, nên đổ nước có trùng ấy vào trong tô của mình, rồi hỏi xem họ lấy nước ở đâu, để mình đem nước có trùng ấy đổ lại chỗ cũ. Nếu chỗ đã lấy nước trước kia ở xa, mà gần đó thấy có hồ nước trải qua bảy ngày không khô cạn, thì được đem nước có trùng kia đổ vào trong hồ đó. Nếu không có hồ nước, thì phải múc nước đổ thêm đầy tô để nuôi chúng. Rồi đợi khi trời mưa to, có đường nước chảy mạnh, ta sẽ đem tô nước có trùng kia đổ vào trong đó, và chú nguyện: "Ngươi hãy vào trong biển lớn nhé".

Nếu Tỳ-kheo đang đi giữa đường mà khát nước cần uống, thì khi đến giếng lấy nước phải xem kỹ, không có trùng thì được uống, có trùng thì phải lọc sạch rồi mới uống, như phương pháp ở trên. Nếu biết nước có trùng thì không được đem đổ vào trong thùng.

Nếu đem nước mình múc dưới hồ cho ai thì khi rót ra phải xem kỹ rồi mới đưa.

Nếu thấy nước có trùng thì không được la lên: "Trưởng lão, nước này có trùng, có trùng", khiến cho người ấy sinh nghi, không vui.

Nếu người đó hỏi: "Nước này có trùng không?", thì nên đáp: "Trưởng lão tự xem lấy". Nếu người đó là bạn tri thức cùng Hòa thượng, A-xà-lê thì nên nói: "Nước này có trùng, nên lọc rồi mới dùng".

Tóm lại, nếu nước có trùng mà tưởng là không trùng rồi dùng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước không trùng mà tưởng là có trùng (rồi dùng) thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu nước có trùng mà tưởng là có trùng rồi dùng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nước không có trùng, tưởng là không có trùng rồi dùng, thì không có tội.

Thế nên nói (như trên).

51. GIỚI CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO ĐỒ ĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-nan có tên tốt đầy đủ, tánh tốt đầy đủ, gia thế tốt đầy đủ. Vì đầy đủ ba việc ấy nên được người đời quý trọng. Mỗi khi đến ngày lành (tốt), như về nhà mới, cưới hỏi, xỏ lỗ tai, thì người ta mời A-nan trước hết. Bữa nọ, một nhà kia mời Tôn giả A-nan thọ trai, thì có một người ngoại đạo xuất gia da đen, mắt xanh, bụng bự đến chỗ A-nan xin thức ăn. A-nan liền cho đồ ăn. Ông ta dùng tay vốc cơm mà ăn, ăn xong lại

dùng tay chùi trên mình rồi đi. Lại có một ngoại

đạo khác đến hỏi ông ta: "Ông được thức ăn ở đâu vậy?".

Ông đáp: "Tôi được thức ăn từ ông cư sĩ trọc đầu này đây".

A-nan nghe lời nói ấy, lòng không vui, nên sau đó có người đến xin thì thầy không cho. Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật bèn nói với A-nan: "Người này không biết tri ân. Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho người xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cứ bốn tháng cạo tóc một lần. Người đời nghe Phật cạo tóc bèn dâng các thức cúng dường. Khi ấy, gặp lúc đói kém nên có năm trăm người thường theo Thế Tôn xin thức ăn thừa. Phật hỏi A-nan có thức ăn thừa không, thầy đáp: "Có bánh".

Phật bảo: "Hãy chia cho những người khất thực".

A-nan liền phân phát mỗi người một cái. Trong số đó có một phụ nữ ngoại đạo xuất gia, lúc A-nan cầm bánh cho cô thì có hai cái dính vào nhau. Những người được bánh bèn quây quần ăn tại một chỗ, rồi phát biểu: "Thứ bánh này ngon tuyệt, chỉ hiềm là ít quá, được có mỗi một cái!". Người được hai cái liền nói: "Tôi được hai cái".

Người được một cái nói: "A-nan sẽ là chồng cô

chăng vì sao lại chỉ cho riêng cô hai cái?”.

A-nan nghe thế không vui, liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay trở đi, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể”.

Rồi các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Vì sao kẻ ngoại đạo đó không biết tri ân?”.

Phật dạy: “Không những ngày nay không biết tri ân mà trong quá khứ cũng đã từng như thế, như trong kinh Bản Sinh Di Hầu đã nói rõ”. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự tay cho thức ăn cho nam nữ xuất gia thuộc ngoại đạo lõa thể thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Lõa thể (không có y phục): Hoặc (người) không có y đi vào, người có y đi ra; hoặc người có y đi vào, người không có y đi ra; hoặc người có y đi vào, người có y đi ra; hoặc người không có y đi vào rồi người không có y đi ra (?).

Xuất gia: Chỉ cho ngoại đạo xuất gia như Bất-lan Ca-diếp, cho đến Ni-kiền-tử.

Tự tay: Hoặc cho bằng tay nhận bằng tay, hoặc

cho bằng bát nhận bằng bát.

Thức ăn: Gồm năm loại thức ăn chính và năm loại thức ăn tạp.

Nếu cho các loại thức ăn ấy thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cha mẹ anh em chị em của Tỳ-kheo xuất gia theo ngoại đạo, Tỳ-kheo cũng không được tự tay cho thức ăn, mà nên bảo tịnh nhân đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ tự lấy thức ăn. Nếu sợ ngoại đạo khác ăn hết thì nên bảo họ đưa cho mình cái bát rồi mình tùy ý sớt thức ăn, đoạn, đặt trên giường, ghế, hoặc trên đất rồi nói: "Người tự lấy ăn".

Nếu người ngoại đạo quyến thuộc ấy trách như sau: "Nay ngươi tiếp ta theo cách của Chiên-đà-la", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Người xuất gia không đúng chỗ. Đức Thế Tôn chế giới (phải làm) như vậy. Nếu người muốn ăn thì ăn, còn không muốn ăn thì tùy ý". Nếu khi Tỳ-kheo sai ngoại đạo làm việc thì cũng không được tự tay đưa cho họ thức ăn mà phải bảo tịnh nhân đưa. Nếu không có tịnh nhân thì đưa như cách ở trên. Nếu ngoại đạo đến xin nước gạo, nước cơm, cũng không được tự tay đưa. Nếu ngoại đạo đến khất thực tại chỗ chúng Tăng, cũng không được tự tay đưa mà phải để dưới đất mà đưa. Nếu ngoại đạo có lòng tin muốn cúng dường Tỳ-kheo, thì bấy giờ Tỳ-kheo cũng không

được tự tay đưa thức ăn thức uống, nhưng được sai ngoại đạo làm thức ăn thức uống, rồi bảo họ đưa cho mình ăn. Khi ăn xong, thức ăn còn thừa nên cho họ. Phương pháp cho như trên đã nói.

Thế nên nói (như trên).

52. GIỚI NGỒI NƠI PHÒNG NGỦ NHÀ THÍ CHỦ

53. GIỚI NGỒI CHỖ KHUẤT NHÀ THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di cùng với người bạn Bà-la-môn quen biết, hai người cùng ở chung một thôn. Con gái ông Bà-la-môn này lấy chồng tại một thôn khác. Cô ta sai người báo tin cho cha: "Cha hãy thường thường đến thăm con. Nếu cha không đến được thì hãy nhờ thầy Ưu-đà-di thường thường đến thăm con", như trong hai giới Bất định ở trước đã nói rõ, (cho đến) Phật nói với Ưu-đà-di: "Đó là việc xấu. Người tại gia còn biết phép tắc của Sa-môn, ông là người xuất gia vì sao không biết chỗ nào nên ngồi, chỗ nào không nên ngồi? Đó là hành vi phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được". Thế rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng

phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết "Thực gia dâm xứ" mà ngồi, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo biết "Thực gia bình xứ" mà ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

Thực (thức ăn): Gồm có: gạo lúa tẻ, gạo lúa mạch, cá, thịt, các thứ như vậy gọi là thức ăn. Lại có những thức ăn khác như: Nhãn thức thấy sắc khởi ái niệm, sinh tham đắm; nhĩ, tỷ, thiệt, thân cũng như vậy. Lại có những thức ăn khác như: Nồi lấy vung làm thức ăn; cối lấy chày làm thức ăn; hộc lấy đấu làm thức ăn..., các trường hợp như vậy đều gọi là thức ăn. Lại còn có thức ăn khác như: Nam giới (374b) là thức ăn của phụ nữ; phụ nữ là thức ăn của nam giới.

Gia (nhà): Nhà Bà-la-môn, Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la.

Dâm xứ (chỗ hành dâm): Chỗ vợ chồng hành dâm.

Ngồi: Cùng ngồi một chỗ thì phạm Ba-dạ-đề.

Bình xứ (chỗ khuất): Chỗ mà nam nữ có thể hành dâm không thấy hổ thẹn. Lại có chỗ khuất khác, như: Hoặc trong chỗ tối, hoặc cửa được đóng lại.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo ngồi một chỗ với vợ chồng người ta thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo khác từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi tại chỗ dùng để hành dâm, ngồi chỗ che khuất, ngồi trong phòng đóng cửa lại mà Tỳ-kheo ở từ xa nhìn vào không thấy thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở ngoài nhìn vào thấy, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

(Nếu Tỳ-kheo) ngồi chung (với vợ chồng người kia) ở trong nhà, mà ở giữa sân có đống mía che khuất, hoặc đống lúa che khuất, hoặc bức tường che khuất thì cũng như vậy. Nhưng nếu có Tỳ-kheo bạn thì không phạm tội. Nhưng dù có nhiều người bạn bạch y vẫn phạm, (trừ trường hợp) tất cả (những người ngồi đó) đều là nam giới thì không có tội. Hoặc tất cả những người ấy đều là nữ giới cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

54. GIỚI ĐI XEM QUÂN TRẬN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, viên đại thần thuộc xứ Kiều-tát-la tên Di ni vốn dòng dõi Sát-lợi làm phản. Do đó, vua Ba-tư-nặc tập họp bốn binh chủng, chọn ngày lành, cùng với các đại thần đánh trống khua chuông, chuẩn bị kéo quân đi thảo phạt. Khi ấy, Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đi đến đứng trước quân sĩ. Nhà vua thấy thế, bèn từ xa bỏ lọng,

gập mình tỏ sự cung kính. Các quan đại thần thấy vậy liền chê trách: "Xem ra các ông Sa-môn Thích tử này không hiểu thời thế! Nay đại vương muốn thảo phạt nghịch tặc, thế mà các ông ấy lại đứng chận trước ba quân". Rồi họ lại than phiền nhà vua: "Tướng sĩ của đại vương đông đảo như vậy, lại gặp được ngày lành, đi tìm sự lợi ích, thế mà khi thấy kẻ Sa-môn trọc đầu liền từ xa bỏ lọng, gập mình tỏ sự cung kính".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi: "Các ông có việc đó thật chăng?"

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Mong sao tất cả các ông vua đều có lòng tin như vậy! Từ nay về sau, Ta không cho phép (các Tỳ-kheo) vào giữa quân lính để gặp họ".

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo xem quân lính xuất trận thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Quân xuất trận: Tức quân lính cầm khí giới đi

đến nước địch.

Quân có bốn loại: Tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân.

Tượng quân: Bốn người bảo vệ một thớt voi. Đó gọi là tượng quân.

Mã quân: Tám người bảo vệ một con ngựa. Đó gọi là mã quân.

Xa quân: Mười sáu người bảo vệ một chiếc xe. Đó gọi là xa quân.

Bộ quân: Ba mươi hai người cầm vũ khí (thành một toán). Đó gọi

là bộ quân.

Nếu Tỳ-kheo xem bốn loại quân này, hoặc xem một trong những loại đó thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn xem quân lính rồi từ trong thôn xóm đi đến nơi hoang dã, từ nơi hoang dã đi vào thôn xóm; hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao, từ chỗ cao xuống chỗ thấp; hoặc từ chỗ kín đến chỗ trống, từ chỗ trống đến chỗ kín, cố ý đi đến xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo vào thành ấp xóm làng, giữa đường gặp quân trận mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu cố ý cất đầu lên, cúi đầu xuống để quan sát thì phạm Ba-dạ-đề.

Hoặc khi vua xuất chinh, hoặc voi lớn xuất trận mà đường chật hẹp đông đúc, khi ấy Tỳ-kheo đứng lại một chỗ không cố ý xem thì không có tội. Nếu

tác ý muốn xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo xem đấu voi, ngựa, bò cho đến đấu gà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu quân lính đến Tinh xá, Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tác ý xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thậm chí khi người ta cãi nhau mà xem thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

55. GIỚI Ở TRONG QUÂN TRẠI QUÁ HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại nước Kiều-tát-la có viên đại thần dòng dõi Sát-lợi tên Di ni làm phản không tuân phục triều đình. Do đó, vua Ba-tư-nặc bèn sai viên đại thần Đạt đa thống lãnh bốn binh chủng đến đó chinh phạt. Lúc ấy người đi chinh phạt là Đạt đa sai người đến bạch với Thế Tôn: "Nay con sắp xuất chinh, xin Thế Tôn sai các Tỳ-kheo vì con thuyết diệu pháp". Thế rồi, Phật nói với A-nan: "Ông hãy đến trong quân đội vì người đi chinh phạt là Đạt đa thuyết pháp". A-nan liền đến đó. Viên đại thần bèn sửa soạn các thức cúng dường. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo biết nhà vua sửa soạn các thứ cúng dường cho A-nan, liền đến trong quân thọ trai. Khi ăn xong, họ đến chỗ quân lính tập trận để xem. Nếu thấy không điêu luyện thì chê bai: "Các ngươi dạy người ta cưỡi voi giống như cưỡi heo, thật là phí lương thực của vua, đem đội quân thế này xông

trận thì chắc chắn bị mất mạng, mà còn mất voi của vua nữa". Nếu họ thấy quân lính thiện chiến thì ca ngợi: "Cưỡi voi thật thiện nghệ, mà cầm kích rất đắc thế, lại hiểu rõ đấu pháp tả hữu lui tới, xứng đáng ăn lộc của quan. Nếu xua đội quân này xông trận thì có thể giữ được thân mình mà voi cũng không bị mất".

Khi họ xem quân lính cưỡi ngựa, nếu thấy không điêu luyện, liền chê bai: "Các ngươi dạy người cưỡi ngựa giống như cưỡi lừa, thật là phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng mà còn mất ngựa của vua nữa". Nếu họ thấy thiện chiến thì liền ca ngợi: "Các ngươi cưỡi ngựa rất thiện nghệ, cầm dây cương rất đắc thế, lui tới tả hữu đều có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo vệ được sinh mạng, mà không bị mất ngựa nữa".

Khi họ xem quân xa, nếu thấy thiếu khả năng thì liền chê bai: "Các ngươi dạy lính lái xe như leo lên giường, thật uổng phí lương thực của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn sẽ bỏ mạng mà còn làm mất xe của vua nữa". Nếu họ thấy lái xe thiện nghệ thì ca ngợi: "Tài xế cầm lái lui tới điêu luyện quay qua phải trái đều rất có phép tắc, xứng đáng nhận bổng lộc của vua. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn giữ được tính mạng mà xe cũng không bị mất".

Khi họ xem bộ binh nếu thấy không biết bắn thì liền chê bai: "Các ngươi dạy lính cầm cung giống như vuốt lông, thật là uổng phí ăn lộc quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn mất mạng, mà còn mất cung tên của quan". Nếu họ thấy bắn thiện nghệ thì bèn ca ngợi: "Thật là ngay ngắn chính xác đúng là những tay thiện xạ, xứng đáng ăn lộc của quan. Nếu dùng đội quân này xông trận thì chắc chắn bảo toàn được tính mạng, mà không bị mất cung tên".

Khi họ xem đội quân đao thuẫn, nếu thấy không có khả năng, liền chê bai: "Các ngươi dạy người ta cầm thuẫn giống như cầm đao bằng vải. Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bị bỏ mạng, mà còn mất đao trượng của quan nữa". Nếu thấy thiện nghệ liền ca ngợi: "Dùng đao thuẫn thiện nghệ rất khéo léo và có phép tắc. Nếu dùng đội quân này xông trận chắc chắn bảo toàn tính mạng mà đao trượng của vua cũng không bị mất".

Họ chê bai, khen ngợi bốn binh chủng như vậy đó. Những kẻ bị chê bai ai nấy đều giận dữ, nói: "Không những ông Di ni dòng dõi Sát-lợi là kẻ thù của chúng ta, mà nay kẻ Sa-môn này cũng là tên giặc, chuyên hủy nhục chúng ta, hãy cùng nhau giết hắn cho rồi". Thế rồi, quân lính được ca ngợi bèn nói với quân lính bị chê bai: "Các Sa-môn này đều là dòng dõi vua chúa hoặc là dòng dõi đại thần, hoặc là dòng dõi Sát-lợi, họ vốn đã luyện tập binh

pháp, thông hiểu chiến trận. Như lời họ nói, lẽ ra các anh nên học tập, trái lại, các anh còn đâm ra oán hận thật là ngu si hết chỗ nói". Khi ấy, những kẻ bị chê bai nghe như thế đều cảm thấy rất hổ thẹn.

Tôn giả A-nan nghe được sự việc ấy bèn suy nghĩ: "Nay ta nên đi, nếu ở đây lâu, e sinh tai họa", liền trở về lại Tinh xá. Phật biết nhưng vẫn hỏi A-nan:

- Ông đã thuyết pháp cho người đi chinh chiến là Đạt-đa rồi chăng?

A-nan liền đem sự việc trên bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy; không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, khi có nhân duyên thì Ta mới cho phép vào trong quân trại ba đêm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên được vào trong quân ngũ ba đêm, nếu quá (ba đêm) thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nhân duyên: Hoặc việc của Tăng, việc của tháp, việc của riêng mình.

Quân: Như trên đã nói.

Ba đêm: Tối đa là ba đêm, nếu quá thì phạm Ba-dạ-đề. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đêm thứ nhất ngủ tại bộ binh, đêm thứ hai tại tượng binh, đêm thứ ba tại mã binh, đêm thứ tư tại xa binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại tượng binh, đêm thứ hai tại mã binh, đêm thứ ba tại xa binh, đêm thứ tư tại bộ binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mã binh, đêm thứ hai tại xa binh, đêm thứ ba tại cung binh, đêm thứ tư tại sáo (dáo dài) binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại xa binh, đêm thứ hai tại cung binh, đêm thứ ba tại mâu binh, đêm thứ tư tại đao binh thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại cung binh, đêm thứ hai tại sáo binh, đêm thứ ba tại đao binh, đêm thứ tư tại ngoại la binh (lính canh phòng) thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu đêm thứ nhất ngủ tại mâu binh, đêm thứ hai tại đao binh, đêm thứ ba tại ngoại la binh, đêm thứ tư rời khỏi chỗ có thể nghe thấy được thì không có tội.

Nếu vì tháp, vì Tăng lo giải quyết công việc chưa xong thì nên rời quân đội một đêm rồi được ngủ trở lại. Nếu thành ấp xa không thể đến được thì nên rời khỏi chỗ quân có thể thấy nghe mà ngủ, khi ngủ nên nói với quân ngoại la: "Ban đêm tôi muốn ngủ tại mỗ xứ, chớ tưởng là người khác".

Nếu quân lính đến đóng trong chùa thì không nên bỏ đi, dù nhiều đêm cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

56. GIỚI XEM QUÂN ĐỘI DIỄN TẬP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngủ trong quân trại ba đêm rồi, bèn đến chỗ thao trường xem, nếu thấy quân lính không biết cưỡi voi, liền chê bai: "Kẻ này cưỡi voi giống như cưỡi heo, nếu vào trận chiến thì chắc chắn sẽ mất mạng, thật là uổng phí bổng lộc của vua". Nếu thấy cưỡi voi thiện nghệ thì khen ngợi: "Kẻ này cưỡi voi thiện nghệ, cầm móc điều khiển tới lui, xoay bên trái bên phải đều khéo léo. Nếu xông trận thì chắc chắn phá được quân giặc, lại bảo toàn được tính mạng. Người như thế xứng đáng ăn lộc của vua". Khi họ thấy những ai không thể cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, đao, mâu, thuẫn, sáo thì nhất nhất chê bai hoặc khen ngợi, rồi chỉ bảo: "Ngươi phải cưỡi voi, cưỡi ngựa, lái xe, cầm cung, cầm thuẫn, cầm mâu như thế này, thế

này này".

Những kẻ không thể làm được, nghe họ chê như vậy, liền nổi giận, nói: "Đây chính là giặc chứ còn tìm giặc ở đâu nữa. Chúng ta hãy cùng nhau giết hắn". Khi ấy, những kẻ được khen ngợi liền nói: "Các Tỳ-kheo này đều là dòng dõi vua chúa, dòng dõi Sát-lợi đại thần, đều biết binh pháp. Vì sao các anh không chịu khó học hỏi mà trái lại còn oán người ta?". Những kẻ bị chê bai nghe nói thế, liền nguôi giận và trong lòng cảm thấy hổ thẹn.

Các Tỳ-kheo nghe sự kiện ấy, liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo có duyên sự thì được ngủ trong quân trại ba đêm, nhưng nếu xem quân xuất trận, nha kỳ, cãi lộn, đánh nhau, thế lực thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói. Ba đêm: Tối đa là ba đêm.

Xem: Tạo điều kiện cố ý đi đến, hoặc từ chỗ cao xuống chỗ thấp, hoặc từ chỗ thấp lên chỗ cao.

Quân: Bốn quân chủng như trên đã nói.

Nha kỳ: Hoặc là hình sư tử, hoặc hình bán nguyệt. Cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Đánh: Hai nhóm giao đấu.

Thế lực: Xem coi sự thế mạnh yếu nghiêng về bên nào, thì gọi là thế lực.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường gặp quân lính mà không cố ý xem thì không có tội.

Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu quân cướp từ trong thôn đi ra, Tỳ-kheo đang đi giữa đường gặp họ mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi thôn dã gặp quân giặc đến mà không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành nơi rừng hoang, rồi bọn cướp vừa cướp bóc trong thôn đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo, sau đó, những người truy đuổi bọn cướp đi tìm chúng đến chỗ Tỳ-kheo hỏi Tỳ-kheo: “Có thấy bọn cướp không?”, thì Tỳ-kheo

không được nói dối, cũng không được chỉ chỗ bọn cướp mà nên nói: "Hãy xem móng tay đây này".

Nếu Tỳ-kheo đang ở trong thành, bỗng có giặc đến vây thành, rồi vua bảo Tỳ-kheo phải lên cả trên thành để chứng tỏ trong thành có đông người, mà Tỳ-kheo không cố ý xem thì không có tội. Nếu tạo phương tiện để xem thì phạm Ba-dạ-đề. Thế nên nói (như trên).

57. GIỚI ĐÁNH TỲ KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, dùng nắm tay cú vào đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Các Tỳ-kheo này liền khóc rống lên. Phật nghe tiếng khóc, tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Ở trong đây vì sao có tiếng khóc của trẻ con?

- Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo sau khi từ phòng tọa thiền đứng dậy, bèn dùng nắm tay cú lên đầu nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, do đó nên họ khóc.

- Hãy đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao như vậy?

- Vì muốn đùa cho vui.

- Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não loạn những người phạm hạnh mà lại bảo là vui. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các ngươi ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng nên khởi thân, khẩu, ý Từ bi cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Vì sao lại làm việc ác bất thiện như vậy? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Đánh: Hoặc dùng thân, thân phần, thân phương tiện. Thân: Dùng toàn bộ thân thì gọi là thân.

Thân phần: Hoặc tay, hoặc chân, hoặc cùi chỏ, hoặc đầu gối, hoặc răng, hoặc móng; đó gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Hoặc cầm gậy gộc, gạch đá mà đánh, hoặc từ xa ném đá, đó gọi là thân phương tiện.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề, đánh Tỳ-kheo-ni thì phạm Thâu-lan-giá; đánh Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; sau hết, nếu đánh người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu có các loài muông thú hung dữ như voi, ngựa, trâu, dê, chó đến thì không được đánh mà chỉ được cầm gậy gộc gạch đá đập xuống đất để khủng bố chúng mà thôi.

Nếu súc vật vào trong tháp làm phương hại hình tượng, phá hoại hoa quả cây cối, cũng chỉ được dùng gậy gộc, gạch đá đập xuống đất cho chúng sợ bỏ đi mà thôi.

Thế nên nói (như trên).

58. GIỚI DỌA ĐÁNH TỲ KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đánh nhau, nên khi ấy nhóm sáu Tỳ-kheo từ phòng thiền đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: "Ta sẽ dùng nắm tay này đánh vỡ mặt các ngươi". Vì bị khủng bố nên họ bèn khóc lớn lên. Phật nghe tiếng khóc, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

- Đó là do nhóm sáu Tỳ-kheo từ phòng thiền

đứng dậy dùng nắm tay đe dọa nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ, nói như sau: "Ta dùng nắm tay đánh vỡ mặt các ngươi". Vì bị khủng bố nên họ liền khóc lớn lên.

- Hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây. Khi họ đến rồi,

Phật liền hỏi sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật chăng?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Tại sao như vậy?
- Vì để đùa cho vui.
- Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não loạn những người phạm hạnh, mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường những người ấy. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Các ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện dạy rằng phải khởi thân, khẩu, ý Từ bi, cung kính cúng dường các bậc phạm hạnh hay sao? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau Ta không cho phép dùng nắm tay để đe dọa nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng chưởng đao đe dọa Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Chưởng: Bàn tay.

Đao: Ngón tay.

Đe dọa: Biểu lộ dấu hiệu muốn đánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đưa lên một ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến năm ngón cũng như vậy.

Nếu dùng tất cả ngón tay đe dọa thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu dùng nắm tay đe dọa thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu dùng tay đe dọa Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; đe dọa Tỳ-kheo ni thì phạm Thâu-lan-giá; đe dọa Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; cuối cùng cho đến đe dọa người thế tục thì phạm tôi Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu các loại ác thú như voi, ngựa, trâu, dê, chó đi đến thì không được dùng nắm tay đe dọa mà nên dùng gậy gộc gạch đá đập xuống đất khủng bố cho chúng sợ bỏ đi.

Nếu các loại thú ấy vào trong tháp phá hoại các ảnh tượng và hoa quả cây cỏ thì cũng chỉ nên (dùng gậy gộc) đập xuống đất khủng bố cho chúng sợ bỏ

đi mà thôi.

Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 19

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

59. GIỚI CHE GIẤU TỘI TỲ KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Ưu-ba-nan-đà nói với người đệ tử tùy tùng của Nan-đà anh mình như sau:

- Này tên kia, ngươi hãy cùng ta vào xóm làng, đến một nhà kia, họ sẽ cúng dường ẩm thực cho ngươi. Nếu ta có làm điều gì trái oai nghi tại đó, thì ngươi hãy che giấu, chớ nói cho ai biết, vì ta là Thúc phụ của ngươi. Đồng thời ta cũng che giấu lỗi lầm cho Hòa thượng của ngươi.

- Dù cho ông, cha hay Hòa thượng của tôi có lỗi, tôi cũng không che giấu, huống gì là thúc phụ. Trưởng lão hãy tự che giấu lỗi lầm của Hòa thượng tôi, chứ tôi hoàn toàn không thể che giấu lỗi lầm của Trưởng lão.

Ưu-ba-nan-đà nghe trả lời như thế, liền suy

nghĩ: "Hôm nay ta sẽ làm cho ngươi đau khổ để biết tay". Thế rồi, hai người cùng vào thành, đến nhà một trưởng giả. Đàn-việt trông thấy rất hoan hỷ, chào hỏi, rồi mời ở lại thọ trai. Ưu-ba-nan-đà lại suy nghĩ: "Ta phải trông chừng mặt trời, khi nào gần đến giờ ngọ, ta sẽ sai hắn trở về Tinh xá để cho không kịp bữa ăn của chúng đồng thời cũng mất bữa ăn ở đây, lui tới đều mất bữa ăn, cho hắn thấm nỗi khổ đau". Suy nghĩ thế rồi, khi gần đến giờ ngọ, thầy bèn bảo ông kia trở về lại Tinh xá. Vì sợ mất bữa ăn cho nên ông ta vừa ngó chừng mặt trời vừa đi vội vã trở về Tinh xá. Thế nhưng, lúc ấy Tăng chúng vừa ăn xong, ra ngoài cổng Tinh xá, đang ung dung đi kinh hành. Từ xa, họ trông thấy ông ta miệng mồm khô rốc có vẻ như chưa ăn, họ liền nói đùa:

- Sáng nay ngươi đi theo Tỳ-kheo giáo hóa vào thành, có được những thức ăn gì ngon chăng?

- Chỉ bị khổ não chứ nào có thức ăn gì đâu.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp

thiện được. Từ nay về sau, nếu biết Tỳ-kheo có tội thô ác, thì không được che giấu.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm Thô tội mà che giấu, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nhờ nghe người nói mà biết.

Thô tội: Như bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa; đó gọi là thô tội.

Che giấu: Không muốn cho người khác biết.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tỳ-kheo thấy người khác phạm tội thô ác thì không được che giấu, nếu che giấu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trường hợp này cần phải nói với người khác. Nhưng khi nói, không phải nói với bất cứ ai mà phải nói với Tỳ-kheo tốt, hoặc nói với đồng Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu Tỳ-kheo phạm tội kia hung bạo, hoặc dựa vào thế lực của vua, của đại thần, của kẻ hung ác khiến họ có thể sát hại hay hủy hoại phạm hạnh của mình, thì mình nên suy nghĩ: "Ông ta gây nên tội lỗi chắc chắn sẽ chuốc lấy quả báo, ông ta phải tự biết việc ấy. Ví như khi

bị hỏa hoạn, ta chỉ nên tự cứu lấy mình, cần gì phải biết đến việc khác". Thế rồi, khi ấy lo giữ gìn tánh mạng mình thì được xem là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm bốn Ba-la-di, mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, mà tất cả đều che giấu thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu biết người khác phạm ba mươi Ni tát lì, chín mươi hai Ba-dạ-đề, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết người khác phạm bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Tỳ-kheo ni phạm tám Ba-la-di, mười chín Tăng-già-bà-

thi-sa mà tất cả đều che giấu, thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu biết Tỳ-kheo ni phạm ba mươi Ni-tát-kỳ, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết Tỳ-kheo ni phạm tám Ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học pháp, mà tất cả đều che giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Nếu biết Thức-xoa-ma-ni phạm mười tám hành pháp mà cho họ thọ học trở lại hoặc tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu biết Sa-di, Sa-di ni phạm mười giới, mà tất cả đều che giấu, hoặc cho họ xuất gia trở lại, thì

phạm tội Việt-tỳ-ni.

Sau cùng, cho đến biết người thế tục phạm năm giới, mà tất cả đều che giấu, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói:

"Nước có trùng, không y
Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
Xem quân trận, ba hôm
Đánh người và dọa đánh
Hết Bạt cừ thứ sáu".

60. GIỚI SÁT HẠI SINH VẬT

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly nói rộng như trên. Bấy giờ, có người mặc giáp, mang cung tên đi vào Tinh xá, rồi cởi giáp bỏ cung, ngồi nghỉ dưới gốc cây. Khi ấy, tại vũng đất cát trước sân Tinh xá có đàn bồ câu đang ăn uống vui đùa. Tôn giả Ưu-đà-di thấy thế, liền nói (với người ấy):

- Các hạ (trường thọ), cho tôi mượn cung tên để tôi bắn thử một phát xem.

- Được thôi.

- Ưu-đà-di liền lấy cung và năm mũi tên, lắp tên vào, bắn năm phát, hạ năm con bồ câu, đoạn nhổ hết lông, ghim chúng vào khúc cây, đem đến trao cho Thế Tôn, nói:

- Bạch Thế Tôn! đây là thịt chim.

- Ở đâu mà có vậy?

- Bạch Thế Tôn! Có người mặc giáp, mang

cung tên, đến trước sân Tinh xá, rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây, con mượn cung tên ông ta để bắn thử mấy con chim, vì trước kia con đã từng tập bắn nên bắn không trật.

- Này kẻ ngu si, đó là việc ác, lẽ ra phải bỏ sớm, lại còn bảo là trước kia đã từng tập bắn nên bắn trúng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh hay sao mà nay còn làm việc ác bất thiện như vậy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! lẽ ra nên khởi tâm từ cứu hộ chúng sanh, thế mà vì sao Ưu-đà-di lại cướp lấy mạng sống của chúng mà không có lòng từ bi?

- Không những ngày nay ông ta không khởi tâm từ mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Bổn Sinh Thích đề hoàn nhân đã nói rõ.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cố ý cướp đoạt sinh mạng của súc sinh thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước tiên tạo ra phương tiện.

Cướp đoạt sinh mạng của súc sinh: Hoặc là Thân, Thân phần, Thân phương tiện.

Thân: Chỉ cho toàn thân. Nếu giẫm đạp trên thân của chúng sanh, hoặc lôi kéo, đè xuống muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Thân phần: Vì muốn sát hại chúng sanh nên dùng một trong các thứ: hoặc chân, hoặc tay, hoặc đầu gối, hoặc cùi chỏ, hoặc răng, hoặc móng tay... để giết thì gọi là thân phần.

Thân phương tiện: Nếu dùng tay cầm các thứ như cây, gậy, gạch, đá... đến đánh, hoặc đứng từ xa ném, muốn cho chúng chết mà chúng chết thật, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Hoặc Tỳ-kheo muốn sát hại sinh mạng của súc sinh bằng các thứ như: dao, thuốc, thoa, cho mửa, cho ỉa, làm đọa thai...

1. Đao: Các loại dao lớn nhỏ cho đến một tấc sắt, nếu Tỳ-kheo có tâm sát hại thì khi cầm dao phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; đụng đến thân thể chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dao.
2. Thuốc: Có ba loại là: sanh, hợp và độc.

- Sanh: Như ở đất nước Ni lâu, đất nước Uất xà

ni có loại cỏ độc tên là Ca la; đó gọi là sinh.

- Hợp: Như thợ săn dùng các thứ rễ cộng, lá hoa, trái, các loại cỏ trộn lại bào chế thành thuốc; đó gọi là hợp.

- Độc: Chất độc của rắn, chất độc của chuột, của chó sói, của mèo, của chó, của gấu, của báo, của người v.v... các thứ như vậy gọi là độc.

Hoặc sinh, hoặc hợp, hoặc độc, tất cả các thứ như vậy gọi là thuốc.

Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn giết súc sinh, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thuốc.

3. Thoa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại muốn dùng thuốc bôi vào thân súc sinh, khi bôi nghĩ: "Ta bôi vào đầu, chân, mình để cho nó chết khô", thì khi cầm thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm vào thân nó phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu vì thế mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thoa.

4. Mửa: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc định làm cho súc sinh mửa cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mửa.

5. Ỉa (đại tiện): Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, bào chế thuốc đại tiện, muốn làm cho súc sinh đại tiện cả máu mủ ruột gan ra mà chết, thì khi chế thuốc phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi thuốc chạm vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; do đó mà nó chết, thì phạm Ba-dạ-đề.

6. Làm đọa thai: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại, muốn làm đọa thai súc sinh, thì khi tạo phương tiện, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào thân nó, phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà chỉ làm đọa thai, thì phạm tôi Việt-tỳ-ni; định làm đọa thai mà mẹ chết, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; định giết mẹ mà mẹ chết, thì phạm Ba-dạ-đề; định giết thai mà thai chết, cũng phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu súc sinh mang thai người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là làm đọa thai.

Lại có các trường hợp: Đi theo hàng, dùng chú Tỳ-đà-la, dùng mạt vụn, giăng lưới, gài bẫy, đào hầm sập, đường đi, sông.

1. Đi theo hàng: Có loài súc sinh đi từng hàng hoặc năm con, mười con, hai mươi con, mà Tỳ-kheo muốn giết con đầu lại giết nhầm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhầm con sau, hoặc muốn giết con sau lại giết nhầm con giữa, hoặc muốn giết con giữa lại giết nhầm con đầu, thì đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu định giết con đầu mà con đầu chết, định giết con giữa mà con giữa chết, định giết con sau mà con sau chết, thì đều phạm

Ba-dạ-đề. Hoặc định giết bất cứ con nào mà nó chết thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đi theo hàng.

2. Dùng chú Tỳ-đà-la: Nếu Tỳ-kheo muốn giết súc sinh bèn đọc chú Tỳ-đà-la, chú làm cho thây người chết đứng dậy, thì khi đọc chú phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng kinh hãi lông dựng đứng lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhân đó mà chúng chết, thì phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là dùng chú Tỳ-đà-la.

3. Dùng mạt vụn: Nếu Tỳ-kheo muốn sát hại súc sinh, bèn nghiền bột rắc lên mình chúng định làm cho chúng chết khô, thì khi tạo phương tiện phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chạm thuốc vào mình chúng phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu nhân đó mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề.

4. Giăng lưới: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh, bèn giăng lưới tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn, thường uống nước, thì khi giăng lưới phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng phạm tội Việt-tỳ-ni. Vì thế mà chúng chết phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là giăng lưới.

5. Gài bẫy: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn gài bẫy tại những chỗ mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi gài bẫy phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; chạm đến thân chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng

chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là gài bẫy.

6. Đào hầm: Nếu Tỳ-kheo khởi tâm sát hại súc sinh bèn đào hầm tại những nơi mà chúng thường đi, thường ăn và thường uống nước, thì khi đào hầm phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng rơi vào trong đó phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là đào hầm.

7. Đường đi: Nếu Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên đầu đường, thấy súc sinh đến, liền suy nghĩ: "Giờ đây, ta sẽ làm cho không một mống nào thoát chết", thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng chạy đến chỗ sư tử, chỗ hổ báo, chỗ đáng sợ, chỗ nhà vua săn bắn", thì khi xua đuổi chúng, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là đường đi.

8. Sông: Nếu chùa ở gần bên sông, Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên bờ sông, trông thấy súc sinh đi đến, liền suy nghĩ: "Giờ đây ta sẽ làm cho những con vật này không một con nào sống sót", thế rồi khởi tâm sát hại xua chúng đến chỗ không an toàn, chỗ bờ dốc có nước xoáy, chỗ thi Thâu-ma-la (?) đi qua, chỗ có sư tử hổ báo và chỗ nhà vua săn bắn; thì khi xua đuổi phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng phải chịu đau đớn, phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sông.

Khi một Tỳ-kheo khởi tâm sát hại cầm dao thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo thì cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo vì muốn sát hại súc sinh, rồi đưa dao cho một người, hai người hay nhiều người khiến họ đi sát hại, thì cũng như vậy. Nếu người được sai lại sai chuyền người khác, cho đến nhiều người, thì khi đưa dao, phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối; khi chúng chịu đau đớn phạm tội Việt-tỳ-ni; vì thế mà chúng chết, phạm Ba-dạ-đề.

Các trường hợp thuốc, độc, thoa, mửa, ỉa, làm đọa thai, thì cũng như trường hợp dao đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo sát hại sinh mạng của súc sinh mà hội đủ năm yếu tố sau thì phạm Ba-dạ-đề. Đó là:

1. Súc sinh.
2. Tưởng đó là súc sinh.
3. Có tâm sát hại.
4. Khởi thân nghiệp.
5. Mạng sống kết thúc.

Đó gọi là năm yếu tố. Thế nên nói (như trên).

61. GIỚI GÂY PHIỀN TOÁI TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận liền

nói như sau: "Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ giới Cụ túc, các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ Cụ túc như thế không thể gọi là thọ Cụ túc". Họ nghe nói thế liền khóc rống lên. Phật nghe tiếng khóc, biết mà vẫn hỏi (các Tỳ-kheo):

- Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?

- Bạch Thế Tôn! Nhóm sáu Tỳ-kheo vì muốn cho nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ sinh nghi ngờ hối hận nên nói như sau: "Đức Thế Tôn chế giới người đủ hai mươi tuổi mới cho thọ Cụ túc, các ngươi chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ Cụ túc, thế là chẳng phải thọ Cụ túc". Vì họ nghe nói thế nên mới khóc lóc.

- Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

- Các ông có việc đó chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao như thế?

- Chúng con đùa cho vui vậy mà.

- Này những kẻ ngu si! Đó là việc ác, làm não loạn người phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập định thì họ có thể dùng sức thần túc xách các ông ném vào một thế giới khác cho xem. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc

ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi ngờ, hối hận, không vui trong giây lát, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cố ý: Trước hết tạo ra phương tiện. Nghi ngờ hối hận: Gồm có bảy việc:

1. Sinh.
2. Yết-ma.
3. Hình tướng.
4. Bệnh.
5. Tội.
6. Mạ lỵ.
7. Kiết sử.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

1. Sinh: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới tuổi đủ hai mươi mới cho thọ giới Cụ túc, ông chưa đủ hai mươi mà thọ Cụ túc,

như thế là không thành thọ Cụ túc". Nói như

thế là nhằm làm cho người kia sinh nghi, thì dù người ấy có nghi hay không nghi, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sinh.

2. Yết-ma: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới một lần bạch ba lần yết-ma, không có người ngăn cản yết-ma (thì yết-ma mới thành tựu); thế mà ông bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, chúng Tăng không thành tựu, tất cả đều không thành tựu; như vậy là chẳng phải thọ Cụ túc, không thể gọi là thọ Cụ túc". Nói như vậy là nhằm làm cho người kia sinh nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là Yết-ma.

3. Hình tướng: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới thân thể hoàn toàn, mới cho thọ Cụ túc; thế nhưng ông lưng cong, đi lệch đệch, mắt quáng gà, chân quẹo, đầu ngoẹo, răng khểnh, thân thể không đầy đủ mà thọ Cụ túc, như vậy không thể gọi là thọ Cụ túc". Nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù người ấy có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hình tướng.

4. Bệnh: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới người không bệnh mới cho thọ Cụ túc; thế nhưng ông bị bệnh ghẻ lở, hoàng đãng, ung thư, bệnh trĩ, bị các bệnh như thế mà thọ Cụ túc, thì không thể gọi là thọ Cụ túc". Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù

họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là bệnh.

5. Tội: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới người thanh tịnh mới cho thọ Cụ túc, thế nhưng ông phạm tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni mà thọ Cụ túc thì không thể gọi là thọ Cụ túc". Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thù dù họ có nghi ngờ hối hận hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội.

6. Mạ lỵ: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới người hoan hỷ mới cho thọ Cụ túc, thế nhưng, ông không hoan hỷ, giận dữ hay chửi mắng mà thọ Cụ túc, thì không thể gọi là thọ Cụ túc". Khi nói như vậy là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là mạ lỵ.

7. Kiết sử: Nói như sau: "Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế giới người thông minh trí tuệ mới cho thọ Cụ túc, thế nhưng ông ngu si vô trí, giống như cục đất, như sừng dê, chim đỗ quyên, chim hồng hộc, mà thọ Cụ túc, thì không thể gọi là thọ Cụ túc". Nói như thế là nhằm làm cho người ấy nghi ngờ hối hận, thì dù họ có nghi ngờ hối hận hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là kiết sử.

Nếu có người đến muốn xin thọ Cụ túc mà đủ hai mươi tuổi, thì nên cho thọ Cụ túc. Nếu chưa đủ,

thì nên nói: "Ông hãy đợi đủ hai mươi tuổi đã". Nếu ông ta thọ Cụ túc một chỗ khác thì không nên nói khiến ông nghi ngờ hối hận, nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo (thấy người khác) lúc thọ Cụ túc mà làm yết-ma không thành tựu, thì nên đưa tay lên nói: "Trưởng lão, phép yết-ma của thầy không thành tựu". Nếu khi ấy không nói, thì sau đó không được nói để cho họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói: "Khi ông thọ Cụ túc, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, Tăng không thành tựu", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người mắt quáng gà, lưng còng, chân đi khập khiễng, thân thể không hoàn toàn mà đến xin thọ Cụ túc, thì nên bảo: "Hãy đợi đã". Nếu họ thọ Cụ túc từ chỗ khác rồi đến, thì không được nói khiến họ sinh nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu người bệnh đến xin thọ Cụ túc thì nên nói: "Hãy đợi đã". Nếu họ đã thọ Cụ túc từ nơi khác rồi đến thì không được nói khiến cho họ nghi ngờ hối hận. Nếu nói thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cho Tỳ-kheo nghi ngờ hối hận, thì phạm Ba-dạ-đề. (Nếu làm cho) Tỳ-kheo ni (nghi ngờ hối hận) thì phạm Thâu-lan-giá.

(Nếu làm cho) Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni (nghi ngờ hối hận),

thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

(Nếu làm cho) người thế tục (nghi ngờ hối hận), thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối.

Thế nên nói (như trên).

62. GIỚI Y CHO RỒI, LẤY LẠI MẶC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn mặc chiếc khác, sau bữa ăn lại mặc chiếc khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Đó là những y nào vậy?

- Đó là y tịnh thí của con.

- Vì sao y đã tịnh thí cho người ta mà không xả, còn làm thành ba y để sử dụng? Từ nay trở đi, Ta không cho phép y tịnh thí không xả mà sử dụng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đã cho y cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, sau đó không xả mà sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Cho: Đã tịnh thí cho năm loại người.

Không xả: Sau đó không xả bỏ.

Sử dụng: Nếu làm ba y để sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo có nhiều y mà quên không nhớ thì nên lấy hết tất cả y ấy để dồn một chỗ, rồi nói như sau để xả: "Những chiếc y này tôi tịnh thí cho Mỗ giáp, Mỗ giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng; nay tôi xả tất cả". Nhưng nếu là ba y thì phải xả riêng từng cái, nói như sau: "Y Tăng-già-lê này thuộc trong số ba y của tôi mà trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Tăng-già-lê này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y Uất-đa-la-tăng này thuộc trong số ba y của tôi trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y Uất-đa-la-tăng này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi, nay tôi sử dụng. Y An-đà-hội này thuộc trong số ba y của tôi, trước đây tôi sử dụng, nay tôi xả nó. Y An-đà-hội này (một cái khác) thuộc trong số ba y của tôi nay tôi sử dụng. Đây là ba y của tôi, tôi luôn giữ gìn, ban đêm không rời chúng".

Ngoài ra những tấm vải khác dài chừng hai khuỷu tay, rộng chừng một khuỷu tay trở lên đều phải tịnh thí tất cả. Phép tịnh thí nên nói như sau: "Thưa Trưởng lão, đây là y dư của tôi, tôi xin tịnh thí cho Mỗ giáp, Mỗ giáp sẽ để tôi tùy ý sử dụng. Nếu gặp những dịp như giặt, nhuộm, vá y thì tôi sẽ sử dụng". Khi dùng xong, tịnh thí xong thì phải đem móc trên giá y, và hằng ngày thường phải ghi

nhớ. Nếu quên, thì phải bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ: "Đây là ba y của ta, ngươi phải giúp ta để ghi nhớ hằng ngày". Nếu không có đệ tử thì nên viết chữ ở chéo y. Nếu tự thân đối diện tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không đối diện mà tự nói tịnh thí, rồi không xả mà sử dụng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đối diện với người khác tịnh thí mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Lại nữa, (nếu có y dư) đem tịnh thí cho người khác mà không xả, lại sử dụng, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không biết y (của mình) thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không có ba y thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc thì xả, lúc thì dùng, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu không xả mà đem làm ba y để sử dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà đem dùng cho việc của tháp, của Tăng rồi cho người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Không nên đối diện nói tịnh thí mà nên nói tịnh thí gián tiếp với người khác. Thế nên nói (như trên).

63. GIỚI GIẤU VẬT DỤNG CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo, trước bữa ăn, lấy Tăng-già-lê của người nọ, lấy bát của người kia đem giấu chỗ khác. Khi đến giờ khất thực, vị Tỳ-kheo nọ định vào thôn xóm bèn tìm Tăng-già-lê,

thì không có. Lại có một Tỳ-kheo khác đi tìm bát cũng không có. Thầy Tỳ-kheo mất y liền hỏi các Tỳ-kheo: "Các Trưởng lão, ai lấy Tăng-già-lê của tôi đi đâu rồi?". Người mất bát thì hỏi: "Ai lấy bát của tôi đi đâu rồi?". Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền cười, nói: "Trưởng lão, Tăng-già-lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm xem". Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói: "Trưởng lão, cho tôi một vật gì đi, tôi sẽ tìm giúp cho ông". Nghe nói thế, thầy biết là ông ta đã lấy giấu. Sau khi ăn, họ lại giấu tọa cụ và ống đựng kim. Khi ăn xong, các Tỳ-kheo muốn vào trong rừng ngồi thiền, đi tìm tọa cụ nhưng không có, bèn hỏi: "Trưởng lão, ai lấy tọa cụ của tôi đi đâu rồi?". Lại có Tỳ-kheo khác cũng hỏi: "Ai lấy ống đựng kim của tôi đi đâu rồi?". Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn cười, nói: "Trưởng lão, Tăng già lam này rộng lớn, thầy hãy đi tìm khắp nơi xem". Thầy ấy liền đi tìm hồi lâu mà không có. Nhóm sáu Tỳ-kheo lại nói: "Ông cho tôi một vật gì tôi sẽ tìm giúp cho ông". Nghe nói thế, thầy biết là họ đã lấy giấu. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật chăng?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Tại sao như vậy?

- Để đùa cho vui vậy mà.

- Này những kẻ ngu si, đó là việc ác, làm não loạn các bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui à? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép vì vui đùa mà cất giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo lấy giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của người khác, dù là để vui đùa, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Y: Gồm có bảy loại.

Bát: Như bát bằng đất, bát bằng sắt, chúng được chia thành ba loại: thượng, trung và hạ.

Tọa cụ: Như Thế Tôn đã cho phép dùng.

Ống đựng kim: Trong ống có kim.

Giấu: Hoặc tự mình giấu, hoặc bảo người khác giấu, dù là để vui đùa, đều phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Trong ba y, nếu giấu một y nào đó, thì phạm

Ba-dạ-đề.

Nếu giấu Tăng-kỳ-chi và các y khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong ba loại bát, nếu giấu một cái nào đó, thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu giấu bát nhỏ, hoặc đồ đựng khác, thì phạm Việt-tỳ-ni.

Nếu giấu tọa cụ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu giấu những vật trải ngồi khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Trong trường hợp giấu ống đựng kim mà có kim trong đó, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim, chỉ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu không có kim, chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có kim chỉ, nhưng mở chỉ ra lấy giấu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa vui mà giấu y của Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; giấu y của Tỳ-kheo ni thì phạm Thâu-lan-giá; giấu y của Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu giấu y của người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

64. GIỚI HÙ NHÁT TỲ-KHEO KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo từ trong thiền phòng đứng dậy đi đến một chỗ khuất đứng núp, rồi vểnh tai, nhăn mặt, trợn mắt, le lưỡi, giả tiếng kêu âu âu nhát nhóm mười sáu Tỳ-kheo trẻ. Nhóm

mười sáu Tỳ-kheo trẻ nghe thế kinh hãi cất tiếng khóc thét lên. Phật biết nhưng vẫn hỏi (các Tỳ-kheo): "Đó là tiếng khóc của trẻ con nào thế?". Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao như vậy?

- Vì muốn đùa cho vui.

- Này những kẻ ngu si, đó là việc ác; làm não loạn bậc phạm hạnh mà bảo là đùa cho vui. Các ông chớ khinh thường bọn họ. Nếu họ nhập thiền định thì họ có thể dùng thần lực xách các ông ném vào một thế giới khác đấy. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khủng bố Tỳ-kheo khác thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Khủng bố: Nếu dùng sắc, thanh, hương, xúc (để

khủng bố) thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

1. Sắc: Nếu đứng núp tại chỗ tối, vểnh tai, nhăn mặt, trợn mắt, le lưỡi cho đến cong một ngón tay, kêu tiếng âu âu để hù nhát thì dù người kia có sợ hay không sợ, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là sắc (dùng tướng trạng)

2. Thanh: Nếu dùng các thứ tiếng như tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng lừa, hoặc kêu một hơi dài, hoặc chợt kêu, chợt nín, cho đến kêu tiếng vo ve để hù nhát, thì dù người kia có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh (dùng tiếng kêu).

3. Hương: Nếu nói: "Trưởng lão, trong đó có hơi của rắn, hơi của Phú-đơn-na, hơi của bò cạp", dùng các hình thức như vậy nói để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không sợ đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là hương (hơi).

4. Xúc: Gồm có các thứ: nóng, lạnh, nhẹ, nặng, trơn, nhám.

- Nóng: Nếu dùng lửa hoặc ánh nắng mặt trời hơ nóng y, bát, tô, ổ khóa rồi đem áp vào thân người kia, nói như sau: "Trưởng lão, lửa cháy, lửa cháy", làm như vậy khiến cho người kia sợ, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nóng.

- Lạnh: Nếu dùng quạt, dùng y mà quạt, hoặc rưới nước, rồi nói:

- "Trưởng lão, mưa tuyết, mưa tuyết", làm như vậy để hù nhát người kia, thì dù người ấy có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là lạnh.

- Nặng: Nếu dùng gốc cây nặng hoặc cán cờ đè lên người kia rồi nói như sau: "Trưởng lão, tường ngã, tường ngã"; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nặng.

- Nhẹ: Nếu dùng những cái y mỏng nhẹ trùm lên người kia, nói như sau: "Trưởng lão, mây rơi, mây rơi"; làm như vậy để khủng bố người kia, thì dù họ có sợ hay không đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhẹ.

- Trơn: Nếu dùng cọng hoa súng, cọng hoa Câu mâu đầu, cọng hoa tu kiền đề, hoặc cái then cửa chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: "Trưởng lão, con rắn, con rắn", để khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là trơn.

- Nhám: Nếu dùng cộng hoa ưu đầu ma, cộng hoa phân đà lợi chạm vào thân người kia, rồi nói như sau: "Trưởng lão, đây là con rít", nhằm khủng bố người ấy, thì dù họ có sợ hay không, đều phạm Ba-dạ-đề. Đó gọi là nhám.

Nếu khủng bố Tỳ-kheo thì phạm Ba-dạ-đề; khủng bố Tỳ-kheo ni thì phạm Thâu-lan-giá; khủng bố Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni thì

phạm tội Việt-tỳ-ni. Sau cùng, nếu khủng bố người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

65. GIỚI ĐÙA GIỠN TRONG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư Thiên và người đời cúng dường rất nhiều phẩm vật. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có hai chị em người kia, (một người) đang mang thai mà chưa sinh, vì có lòng tin nên xuất gia tu hành. Các Tỳ-kheo ni trông thấy tướng bụng của cô như thế, liền đuổi đi, rồi đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy rằng mang thai ở nhà thì không có tội.

Thế rồi, Tỳ-kheo ni này sau đó sinh một bé trai, bèn đặt tên là Đồng tử Ca-diếp. Đến năm tám tuổi, cậu bé ấy xuất gia tu hành, thành A-la-hán. Rồi ông cùng với nhóm mười sáu Tỳ-kheo mỗi người đều mang thau tắm ra sông A-kỳ-la xuống nước tắm. Họ nằm sấp, nằm ngửa, bơi qua, bơi lại đùa giỡn, tát nước mà tắm. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đang đứng trên lầu nhìn xem bốn phương, thấy sự việc như thế càng sinh bất tín, vì lúc này vua chưa tin pháp Phật, liền nói với phu nhân Mạt-lợi: "Hãy xem phước điền mà ái khanh phụng sự kia kìa".

Vì phu nhân thâm tín không nghi, nên không ngoái đầu lại xem, liền đáp: "Tâu đại vương, có lẽ là họ xuất gia còn trẻ, mới thọ Cụ túc nên chưa am tường giới luật, hoặc là Đức Thế Tôn chưa chế giới

ấy, nên mới như thế". Vua bèn nói với phu nhân: "Ví như khi gia trưởng nói thì quyến thuộc phải nghe theo; khi Hòa thượng A-xà-lê nói thì đệ tử nghe theo; khi Sa-môn Cù-đàm nói thì đệ tử đều đáp: "Như vậy đó Thế Tôn, như vậy đó Thiện Thệ". Thế mà trẫm nói với khanh, khanh không ngoái lại xem". Lúc ấy, Tôn giả Đồng Tử Ca-diếp đang nhập vào mức chót của Thiền thứ tư, dùng Thiên nhĩ nghe được tiếng nói của nhà vua, liền bảo các Tỳ-kheo bạn: "Các Trưởng lão, vua đang sinh tâm bất tín và phu nhân Mạt-lợi thì lòng không vui, giờ đây chúng ta hãy làm cho họ phát tâm hoan hỷ". Thế rồi, tất cả đều nói: "Lành thay", rồi mỗi người đều dùng thau múc đầy thau nước để trước mặt sắp hàng ngồi kiết già đi trên hư không ngang qua trên điện của vua. Bấy giờ, phu nhân Mạt-lợi đang ngồi ngoài trời, thấy bóng của họ chiếu xuống, liền ngước lên xem, trông thấy họ đang ngồi kiết già theo thứ tự, trước mặt đều đặt thau nước tắm mà đi trên hư không, giống như đàn nhạn chúa, khiến tâm bà rất hoan hỷ, liền tâu với vua: "Đại vương hãy xem, phước điền của nhà thiếp thần đức như thế đó". Vua thấy thế rồi, lòng rất hoan hỷ, liền nói: "Lành thay! Trẫm được thiện lợi, mong Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo sống suốt đời trong nước của trẫm, để làm phước điền tốt nhất".

Các Tỳ-kheo vì trước đó nghe vua nhạo báng, nên đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật

liền bảo đi gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Nay Ta phạt các ngươi; nhân việc các ngươi Ta phải chế giới cho các Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có mười loại.

Đùa giỡn: Nếu nhảy, lội, bơi qua lại, lặn xuống, trồi lên, quạt nước, tạt nước, xối nước thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

- Nhảy: Vì đùa giỡn mà nhảy xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi trên bờ mà bị ngã xuống nước, hay đi trên thuyền mà va nhằm cây đá trên bờ bị rơi xuống nước thì không có tội. Đó gọi là nhảy.

- Lội: Nếu vì đùa giỡn mà lội nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đang đi đường phải lội

nước, hoặc kéo vật gì qua sông, hoặc có công việc của Tăng, của tháp ở bên kia bờ nên phải thường qua lại để giải quyết, hoặc vì muốn tập bơi (mà lội nước) thì không có tội.

- Bơi qua lại: Nếu vì đùa giỡn mà bơi qua lại dưới nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì để quên vật gì ở bên kia bờ mà phải bơi qua để lấy, thì không có tội.

- Lặn xuống: Nếu vì đùa giỡn mà lặn xuống nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu bát, tô chén, ống đựng kim, các vật khác bị rơi xuống nước nên phải lặn xuống lấy, thì không có tội. Hoặc vì tắm rửa mà phải lặn trong nước, thì không có tội.

- Trồi lên: Nếu vì đùa giỡn mà xuống nước rồi trồi lên khỏi nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lấy vật thì không có tội.

- Quạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà quạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu nước ở trên mặt nóng, muốn lấy nước mát nên phải quạt nước ở trên để lấy nước ở dưới, thì không có tội.

- Tạt nước: Nếu vì đùa giỡn mà tạt nước thì phạm Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trên mặt nước có lăng quăng nên phát, tạt nước để chúng lặn xuống mà lấy nước không có trùng, thì không có tội.

- Xối nước: Nếu vì đùa giỡn mà lấy nước từ dưới sông đổ lên bờ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Hoặc đổ nước từ trên bờ xuống sông cũng phạm tội

Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu lấy nước dưới sông đổ lại xuống sông thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu lấy nước từ trên đất đổ xuống đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo bị cảm gió, lể đầu lấy máu khiến bị hôn mê, hoặc bị bệnh nhiệt mà hôn mê nên phải dùng nước lạnh rưới lên đầu thì không có tội. Nếu trên thức ăn của Tỳ-kheo bị Sa-di quấy phá (viết bậy bạ), sợ người thế tục sinh tâm bất tín, nên thầy tri sự lấy nước xối đi, thì không có tội. Đó gọi là xối nước.

Nếu khi tắm cho Hòa thượng, A-xà-lê mà lấy nước vẽ trên lưng các Ngài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu vì đùa giỡn mà viết chữ trên bát, tô, chén dùng đựng thức ăn của Tỳ-kheo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu khi rửa chân mà dùng nước vẽ lên cây hay trên ang, trên thạp, thì cứ mỗi chỗ vẽ phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng ngón tay búng trong nước thành tiếng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu lấy nước vung lên trên không rồi đưa tay hứng lấy, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

66. GIỚI CHỈ CHỎ LẪN NHAU

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vào các ngày chay mồng tám, mười

bốn, mười lăm, Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ thăm hỏi. Lúc ấy, nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang ngồi tại một chỗ cách Phật không xa, nên Tỳ-kheo ni Ưu-bát-la và Sa-di ni Chi-lê cũng đến đảnh lễ thăm hỏi họ. Thế rồi, vì tuổi trẻ thích vui nên các cô lại ngồi gần chỗ các Tỳ-kheo, nhưng do ngồi không ngay ngắn, các Tỳ-kheo thấy thế bèn chỉ chỏ nhau mà cười. Ngay khi ấy có một Bà-la-môn xấu xí lưng gù, chân quẹo dẫn theo cô vợ trẻ, thấy các Tỳ-kheo cười, liền suy nghĩ: "Chắc là các Tỳ-kheo này thấy ta xấu xí mà dẫn theo một bà vợ đoan chánh nên cười ta chớ gì!", bèn nổi giận, nói: "Các Sa-môn Thích tử không biết phép tắc nên dựa vào hình tướng mà cười ta". Các Tỳ-kheo liền đáp: "Chúng tôi không cười ông". Bà-la-môn nói: "Không phải thế, chính là đang cười tôi". Nói thế xong, ông liền đi đến chỗ Phật, nói như sau: "Kỳ thay Cù-đàm, Sa-môn Thích tử không biết phép tắc, thấy tôi xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chánh nên dựa vào hình tướng mà cười tôi". Phật bèn tùy thuận thuyết pháp cho ông Bà-la-môn, chỉ cho những điều lợi ích, vui vẻ, khiến ông hoan hỷ mà ra đi. Khi ông đi rồi, Phật liền bảo gọi nhóm mười sáu Tỳ-kheo đến. Lúc họ tới, Phật bèn hỏi:

- Có người Bà-la-môn rất xấu xí mà dẫn theo một người vợ đoan chánh, các ông thấy thế nên cười họ phải không?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không cười ông

Bà-la-môn.

- Vậy thì các ông cười ai?

- Bạch Thế Tôn! Vào ngày chay, Tỳ-kheo ni Ưu-bát-la và Sa-di ni Chi-lê đến chỗ chúng con, rồi ngồi không đoan chánh, chúng con thấy thế chỉ cho nhau xem, do thế mà cười vậy.

- Các cô Ni ngồi không đoan chánh thì các ông phải dùng phương tiện làm cho họ đứng dậy, chứ sao lại cười? Nay Ta phạt các ông; nhân việc này mà ta chế giới cho các đệ tử.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng ngón tay chỉ chỏ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Nếu dùng một ngón tay chỉ thì phạm Ba-dạ-đề; cho đến dùng năm ngón mà chỉ thì cũng như vậy; hoặc dùng tất cả ngón tay cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu dùng nắm tay chỉ thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng khúc cây, cành tre chỉ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo cãi lộn rồi dùng tay chỉ nhau thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo trực nguyệt (được phân công làm việc trong tháng), hoặc làm tri sự, sai người ta dọn

cơm, dùng ngón tay chỉ nói: "Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm", thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu cầm cành tre hoặc khúc cây chỉ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; chỉ nên nói: "Mỗ giáp, hãy đi dọn cơm".

Nếu Sa-di nằm ngủ, muốn gọi dậy, thì nên khảy móng tay mà gọi.

Nếu không dậy, thì nên dùng ngón tay nắm áo kéo cho thức dậy.

Nếu các Tỳ-kheo ngồi tại nhà thế tục, có Tỳ-kheo ngớ ngẩn ngồi không ngay ngắn thì nên nói: "Ông hãy ngồi cho ngay ngắn". Nếu ông ta không hay thì nên nói: "Hãy sửa lại y phục ông cho ngay ngắn". Nếu cũng không hay nữa thì nên bảo: "Này kẻ ngớ ngẩn hãy che kín thân thể của ông".

Nếu Tỳ-kheo đến ngồi tại Tinh xá của Tỳ-kheo ni, Tỳ-kheo ni đảnh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, thì không nên nhắc nhở làm cho họ hổ thẹn, mà nên bày phương tiện bảo họ đứng dậy đi lấy vật gì.

Nếu Tỳ-kheo ngồi tại nhà đàn-việt, phụ nữ đến đảnh lễ chân Tỳ-kheo, rồi ngồi trước Tỳ-kheo mà không ngay ngắn, thì không nên nói làm cho họ xấu hổ, mà nên dùng phương tiện sai họ đi lấy một vật gì.

Nếu dâm nữ đến bỡn cợt để thử thách Tỳ-kheo nên ngồi không đoan chánh, thì không nên nói mà chỉ nên lánh đi. Thế nên nói (như trên).

67. GIỚI HẠN ĐI CHUNG ĐƯỜNG VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người kia, nhân bà vợ làm điều gì đó phật ý ông nên ông nổi giận cực độ, đánh một trận, rồi bỏ đi. Bà vợ suy nghĩ: "Ông ấy chưa nguôi giận, nếu đánh một trận nữa, e ta chết mất. Giờ đây ta nên chạy trốn", liền chạy ra khỏi cửa, bỗng trông thấy một Tỳ-kheo vừa khất thực xong, định ra khỏi thành, bà liền hỏi:

- Thầy định đi đâu vậy?

- Đi ra khỏi thành.

- Con muốn đi theo thầy.

- Này chị, đây là con đường của vua, hà tất phải hỏi.

Thế là cô ta bèn đi theo sau thầy. Sau lúc đánh vợ, ông chồng suy nghĩ: "Vợ ta bị đòn, e rằng cô ta chạy trốn chăng?", liền vào phòng tìm, thì không thấy vợ, bèn hỏi người khác: "Bà ấy đi đâu rồi?". Họ đáp: "Vừa mới đi ra, theo con đường này". Ông liền đuổi theo sau, bỗng trông thấy bà đang theo sau Tỳ-kheo, nên nổi trận lôi đình, mắng: "Kẻ Sa-môn tệ ác, dám dụ dỗ vợ ta đi", bèn tóm lấy Tỳ-kheo đánh cho một trận nên thân, rồi dẫn lên chỗ quan xử kiện, nói như sau: "Ông Tỳ-kheo này dụ dỗ vợ tôi theo". Viên quan xử kiện nói: "Hãy đem

bọn họ lại đây để ta hỏi rõ thực hư". Thế rồi, ông liền hỏi Tỳ-kheo: "Ông là người xuất gia vì sao lại dẫn vợ người ta đi?"

- Không phải vậy.

- Thế thì vì sao bà ấy đi theo?

- Tôi vừa khất thực xong định ra khỏi thành, thì người đàn bà ấy hỏi tôi định đi đâu, tôi đáp: "Định rời khỏi thành". Bà ta nói: "Con cũng muốn đi theo ra khỏi thành".

- Tôi đáp: "Này chị, đây là con đường của vua, hà tất chị phải hỏi". Sự thật là như vậy.

Viên quan xử kiện liền bảo (quân lính): "Đem Tỳ-kheo này đi, gọi bà kia đến". Rồi ông hỏi: "Ông Sa-môn ấy bắt ngươi đi chăng?"

- Không phải vậy.

- Thế thì vì sao cùng đi với nhau?

- Vì tôi bị chồng đánh, mà ông ta chưa nguôi giận, tôi sợ ông đánh một lần nữa e sẽ vong mạng, cho nên tôi bỏ chạy, bỗng thấy thầy Tỳ-kheo, tôi liền hỏi: "Tôn giả đi đâu đó?". Thầy đáp: "Tôi định ra khỏi thành". Tôi nói tôi muốn đi theo thầy, thầy bảo: "Đây là con đường của vua, cần gì phải hỏi". Sự thật là như vậy, chứ không phải ông ấy bắt tôi.

Viên quan liền bảo bà ấy đi ra, rồi gọi Tỳ-kheo vào hỏi: "Ông là người xuất gia, vì sao bắt vợ người ta đi mà còn nói dối để mong được thoát tội?

Vừa rồi người đàn bà ấy nói rằng chính ông bắt đi, vì sao ông lại nói không?".

Thầy Tỳ-kheo đáp: "Không phải vậy". Viên quan liền hỏi lần nữa, thì thầy cũng đáp giống y như lần đầu, nên ông bèn bảo Tỳ-kheo đi ra, rồi gọi người đàn bà kia vào, hỏi: "Người đàn bà tồi tệ đáng chết kia, bỏ chồng trốn chạy nói dối gạt quan để mong được khỏi tội sao? Vừa rồi Tỳ-kheo bảo là có bắt ngươi thật, vì sao ngươi nói là không?". Đáp: "Quả thật không phải như vậy". Quan hỏi như vậy ba lần mà lời đáp của bà ấy vẫn như lúc đầu; do thế, quan giữ người phụ nữ ấy lại, rồi gọi Tỳ-kheo đến để xét nghiệm tình trạng, quan sát sắc diện hầu biết rõ thực hư, thì thấy lời đáp của thầy vẫn như lúc đầu. Quan lại hỏi Tỳ-kheo: "Bát của ông tại sao bị vỡ?".

- Vì bị vỡ.
- Y vì sao bị rách nát?
- Vì bị rách.
- Cùi chỏ đầu gối vì sao bị xây xát?.
- Vì bị thương.

Bà vợ còn giận chồng chưa nguôi, thương Tỳ-kheo phải chịu khổ như vậy mà không tố cáo với quan, liền nói rõ đầu đuôi sự việc với quan. Quan nghe biết sự tình, cực kỳ tức giận, nói với ông chồng: "Tên tội phạm tệ ác kia, ngươi tưởng rằng thuộc hạ của vua không có hay sao?", liền truyền

lệnh cho viên quan thuộc hạ giải quyết việc của Tỳ-kheo, cấp phát thuốc men và y bát cho thầy, rồi bắt ông chồng kia hạ ngục, tịch thu tài sản sung vào quốc khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Mong sao tất cả các ông vua đều có được tín tâm như thế! Trường hợp này không kỳ hẹn với người ta mà còn bị tai họa như vậy, huống gì là hẹn hò cùng đi với nhau. Từ nay về sau ta không cho phép Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ, thậm chí đi trong phạm vi một xóm làng, thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Phụ nữ: Hoặc là mẹ, hoặc là chị, em, hoặc là người lớn, trẻ con, hoặc tại gia, xuất gia.

Cùng hẹn hò: Hoặc hẹn hôm nay, hoặc ngày mai, nửa tháng, một tháng...

Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, nửa do diên; hoặc một Câu-lô-xá, nửa Câu-lô-xá, cho đến khoảng trong một xóm làng, thì

phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo hẹn hò cùng đi chung đường với phụ nữ trải qua những khoảng cách mỗi xóm làng thì phạm các tội Ba-dạ-đề. Nếu đi qua đi lại, thì mỗi lần đi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, giống như trong phần Bạt cừ thứ ba thuộc chín mươi hai giới, cùng hẹn hò đi chung đường với Tỳ-kheo ni đã nói rõ. Ở đây chỉ khác nhau là đi với phụ nữ mà thôi. Thế nên nói (như trên).

68. GIỚI NGỦ CHUNG MỘT NHÀ VỚI NGƯỜI NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật an cư mùa hạ tại núi tháp vừa xong, trở về thành Xá-vệ để hầu thăm vấn an Thế Tôn. Trên đường đi gặp lúc hoàng hôn nên thầy muốn vào thôn xóm để tìm chỗ nghỉ ngơi. Lúc ấy, trong thôn có một bà mẹ dẫn một cô con gái định ra khỏi thôn để lấy nước, thì gặp nhau giữa đường. Cô gái thấy Tỳ-kheo diện mạo đoan nghiêm, oai nghi tề chỉnh, liền sinh tưởng dục. Thầy vào làng đi tìm chỗ nghỉ khắp nơi mà không được, liền suy nghĩ: "Ta hãy ra ngoài thôn tìm một gốc cây mà nghỉ ", bèn trở ra, thì gặp lại mẹ con bà kia. Khi ấy, cô gái hỏi mẹ: "Vị Sa-môn này đi đâu trong đêm tối vậy?".

Mẹ đáp: "Không biết".

Cô gái nói: "Vậy mẹ hãy hỏi thử xem".

Bà mẹ liền hỏi: "Sa-môn lầm lũi ra khỏi thôn trong đêm tối định đi đâu vậy?".

Đáp: "Tôi vào trong thôn tìm chỗ nghỉ mà không được nên định trở ra nghỉ dưới gốc cây".

Cô gái liền bảo mẹ: "Nên đem ông về nhà cho ông nghỉ tạm".

Bà mẹ liền nói: "Sa-môn hãy theo tôi về nhà tôi sẽ cho nghỉ nhờ qua đêm". Tỳ-kheo bèn theo bà về nhà, bà liền chỉ một căn phòng và nói: "Sa-môn, ông có thể nghỉ trong phòng này". Thầy Tỳ-kheo liền trải nệm cỏ, ngồi kiết già. Mẹ con bà ăn xong bèn vào phòng ngủ. Tỳ-kheo vì đi đường mệt nhọc nên nằm xuống nghỉ ngơi. Cô gái chờ mẹ ngủ say bèn từ từ lén đến chỗ Tỳ-kheo, nắm kéo nệm cỏ. Tỳ-kheo hay được bèn trở dậy ngồi ngay ngắn. Vì phụ nữ tính rụt rè nên cô ta liền bỏ đi. Khi cô đi rồi, Tỳ-kheo bèn nằm trở lại. Nhưng trong chốc lát, cô ta lại đến. Như Thế Tôn đã dạy, có năm loại người ban đêm phần nhiều không ngủ được. Năm hạng người đó là:

1. Phụ nữ khởi tưởng dục, nhớ đến nam nhi, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

2. Nam nhi khởi tưởng dục nhớ đến phụ nữ, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

3. Quân đạo tặc có tâm trộm cắp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

4. Nhà vua lo nghĩ việc nước, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

5. Tỳ-kheo tinh tấn tu tập đạo nghiệp, nên ban đêm phần nhiều không ngủ được.

Cô gái này cũng không ngủ được, liền lén đứng dậy đi đến kéo tấm nệm cỏ của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo hay được, liền trở dậy ngồi ngay ngắn cho đến sáng. Hôm sau, thầy liền đi đến chỗ Phật. Từ xa trông thấy thầy, Phật biết mà vẫn hỏi: "Ai quấy nhiễu xúc phạm ông mà mặt mày không vui thế?".

Thầy bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một nhà với phụ nữ thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ trên đã giải thích).

Nhà: Cùng có trên một mái che, trong một vách tường. Nghỉ: Nếu cùng nằm ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu cùng một phòng mà có cửa riêng biệt thì không có tội. Nhưng nếu khác phòng mà không có ngăn cách thì phạm Ba-dạ-đề. Cùng phòng, có cách biệt cũng phạm Ba-dạ-đề. Nếu cùng phòng

mà khác cửa thì không có tội. Trên có lợp và có tường bao quanh thì phạm Ba-dạ-đề. Trên có lợp mà xung quanh che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên có lợp mà không có ngăn xung quanh thì không có tội. Nếu có ngăn xung quanh và có che ở trên thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có ngăn xung quanh và trên che một nửa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có ngăn xung quanh mà trên không che, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng với phụ nữ ở trong ngôi nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà còn phụ nữ nằm nửa thân trong nhà, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo ở trong nhà, phụ nữ ở ngoài nhà, thì không có tội.

Nếu phụ nữ cùng với Tỳ-kheo ở trong nhà, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo nằm nửa thân mình ở trong nhà (nửa thân ở ngoài), thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu phụ nữ ở trong nhà, Tỳ-kheo ở ngoài nhà thì không có tội.

Nếu vào các ngày lễ Phật đản sinh, ngày Phật thành đạo, ngày kỷ niệm Chuyển pháp luân, kỷ niệm La vân, kỷ niệm A-nan, kỷ niệm Ban-giá-vu-sắt (lễ hội bố thí bình đẳng), phải thuyết pháp suốt đêm thì nên tổ chức ở ngoài trời. Nếu gặp trời mưa gió hoặc tuyết rơi lạnh, thì nên vào trong nhà, ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn che ra. Nhưng khi ngăn che không nên dùng vật thưa mỏng ngăn che từ vai

nách trở xuống.

Nếu Tỳ-kheo đang đi đường, khi vào xóm làng để nghỉ, thì phải nghỉ trong phòng riêng có vách ngăn. Nếu không có nhà phải nghỉ ngoài trời, rồi gặp mưa gió tuyết lạnh phải vào trong nhà thì nên ngồi ngay ngắn. Nếu vì già bệnh ốm yếu không thể ngồi được thì nên dùng vật gì ngăn cách ra. Nếu không ngăn cách mà có người nữ đáng tin thì nên bảo họ: "Ưu-bà-di, ngươi hãy ngủ trước để ta ngồi". Khi Tỳ-kheo muốn ngủ thì gọi họ dậy, nói: "Ta muốn ngủ, ngươi chớ ngủ. Nếu ngươi ngủ thì ngươi sẽ không có phước".

Nếu (Tỳ-kheo nghỉ chung chỗ với các loài như) voi cái hoặc lạc đà, trâu, lừa cho đến gà mái, mà khi chúng còn ngẩng đầu lên thì chưa phạm tội; nếu chúng gục đầu xuống ngủ thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu là chó cái nằm xoài đầu ra thì không có tội; nhưng khi nó gục đầu xuống ngủ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Cho đến vịt, công, gà mái, mà khi chúng còn xoài đầu ra thì không có tội. Nhưng khi chúng gục đầu vào trong cánh, thì phạm Ba-dạ-đề. Con voi khi còn đang đứng ngay ngắn thì không có tội, nhưng khi nó thiếp ngủ thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đang ngủ trong phòng mà có bà mẹ bồng một bé gái đang ngủ đi vào phòng thì tất cả Tỳ-kheo đang ngủ đều phạm Ba-dạ-đề. Nếu lúc ấy thầy Duy na hay tri sự thấy vậy thì nên bảo bà ta: "Bà hãy làm cho đứa bé thức dậy rồi mời bồng

vào". Thế nên nói (như trên).

69. GIỚI NGỒI VỚI PHỤ NỮ Ở CHỖ VẮNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di có một người bạn Bà-la-môn quen biết ở cùng thôn; con gái ông ta đi lấy chồng ở một thôn khác; cô sai người nhắn tin cho cha hoặc sư phụ (Ưu-đà-di) thường thường đến thăm cô, như nhân duyên của giới Bất định thứ hai đã nói rõ, cho đến Phật bảo với Ưu-đà-di: "Này kẻ ngu si, người thế tục tại gia mà còn biết phép tắc của người xuất gia điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Ông đã có lòng tin xuất gia mà lại không biết phép tắc nên làm của người xuất gia. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng". Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ tại chỗ trống vắng thì phạm Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ trên đã giải thích).

Một mình: Chỉ duy nhất một người nữ không có ai khác. Giả sử có người khác mà đang ngủ, điên

cuồng tâm loạn thống khổ, hoặc trẻ con, phi nhân, súc sinh, thì dù có họ cũng xem như không có.

Chỗ trống vắng: Chỗ vắng vẻ.

Ngồi: Nếu cùng ngồi thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi với phụ nữ suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo hoặc người nữ nửa chừng đứng dậy đi, rồi ngồi lại, thì cứ mỗi lần như vậy phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo nhận lời mời thọ trai, đến nhà đàn-việt ngồi, rồi người nữ dọn cơm xong đến ngồi trước Tỳ-kheo, đoạn đứng dậy sớt thêm thức ăn, thì cứ mỗi lần đứng dậy ngồi xuống như vậy phạm mỗi tội Ba-dạ-đề. Nếu một người nữ ngồi gần Tỳ-kheo, một người nữ khác lui tới sớt thêm thức ăn, thì khi người nữ kia đi ra, Tỳ-kheo nên đứng dậy. Khi đứng dậy, không nên vụt đứng dậy liền khiến cho người nữ đang ngồi sinh nghi tưởng Tỳ-kheo có ý đồ gì khác mà trước khi đứng, nên nói: "Này chị, tôi muốn đứng dậy". Nếu cô hỏi: "Vì sao đứng dậy?", thì đáp: "Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ ở chỗ vắng vẻ, cho nên tôi đứng dậy". Nếu người nữ nói: "Tôn giả chớ đứng dậy, để con đứng dậy", rồi cô đứng dậy, thì Tỳ-kheo không có tội.

Nếu con gái dưới bảy tuổi ngồi trên đường đi có tầng cấp, rồi chuyển ngồi trên tầng cấp thứ hai,

lại chuyển ngồi trên tầng cấp thứ ba, nếu cứ di chuyển chỗ ngồi như vậy, thì cứ mỗi lần di chuyển Tỳ-kheo phạm mỗi tội Ba-dạ-đề (?). Nhưng nếu trong nhà có tịnh nhân đang làm việc qua lại không gián đoạn, thì (Tỳ-kheo) không có tội. Nếu cửa hướng ra đường, mà trên đường có người đi như Tỳ-kheo khất thực không gián đoạn, họ cũng như sự có mặt của tịnh nhân, nên (Tỳ-kheo) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng ngồi trên gác với phụ nữ mà dưới gác tịnh nhân trông thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cũng trông thấy tịnh nhân, thì không có tội. Hoặc Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ dưới gác mà trên gác có phụ nữ trông thấy thì cũng như vậy.

Lại có các trường hợp: hoặc thấy mà không nghe, hoặc nghe mà không thấy, hoặc vừa nghe vừa thấy, hoặc chẳng thấy chẳng nghe.

Thấy mà không nghe: Tịnh nhân từ xa trông thấy Tỳ-kheo cùng ngồi với người nữ mà không (383a) nghe tiếng nói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không thấy người, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vừa thấy vừa nghe: Nếu thấy cùng ngồi và nghe được tiếng nói, thì không có tội.

Chẳng thấy chẳng nghe: Trong trường hợp này phạm tội Ba-dạ-đề.

(Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với phụ nữ mà

bên cạnh) có người

mù, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bên cạnh có người điếc cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tịnh nhân ấy vừa mù vừa điếc, thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu có một tịnh nhân mù, một tịnh nhân điếc, thì không có tội. Nếu tịnh nhân ngủ thì nên đánh thức họ dậy.

Tội này bao gồm lúc ở thôn xóm lúc ở chỗ hoang vắng; hoặc đúng thời, hoặc phi thời; hoặc ban ngày hoặc ban đêm; tại chỗ khuất, không phải chỗ trống; tại chỗ vắng vẻ, không phải chỗ nhiều người; ở gần, chẳng phải ở xa. Thế nên nói:

"Cố đoạt làm người khác nghi ngờ,
Không xả, lấy giấu và khủng bố.
Đùa dưới nước, chỉ chỏ lẫn nhau,
Cùng đi, cùng ngủ chung một nhà.
Tại chỗ hoang vắng cũng như vậy.
Đến đây vừa hết phần thứ bảy".

70. GIỚI CHO NGƯỜI CHƯA ĐỦ TUỔI THỌ GIỚI.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu mời chư Tăng ở Tinh xá Kỳ-hoàn theo thứ tự, đến nhà bà thọ trai lâu dài. Bà cúi đầu đảnh lễ chân chư tăng, lần lượt đến chỗ nhóm mười sáu Tỳ-kheo, thấy họ còn nhỏ, thân sắc mềm mại mà có thể bỏ nhà xuất gia, người nữ vốn nặng lòng từ nên thấy họ liền tưởng họ như con, hơn nữa cũng do lòng tôn kính pháp, bà liền

hỏi: "Khi Tăng chúng Kỳ-hoàn không cúng dường, các Tôn giả ăn ở đâu?".

Đáp: "Khi đến giờ, chúng tôi khoác y, cầm bát đi đến từng nhà khất thực".

Bà liền nói: "Này các Tôn giả, lúc nào không có cúng dường hãy đến nhà con thọ trai. Từ nay về sau hễ hôm nào không có người cúng dường thì con sẽ cúng dường".

Các Tỳ-kheo trẻ nghe nói thế, liền nhận lời mời, đến bữa không có cúng dường, bèn tới nhà bà thọ trai. Lộc Mẫu thỉnh Phật thường xuyên đồng thời cũng thỉnh A-nan, nên Tôn giả A-nan hằng ngày đến nhà bà, bỗng trông thấy nhóm mười sáu Tỳ-kheo đang thọ trai tại đó. Các Tỳ-kheo trẻ này sinh tâm phóng túng nói với Lộc Mẫu: "Thưa mẹ, thức ăn này nhiều quá!". Bà đáp: "Các con sớt bớt đi".

Họ lại nói: "Ít quá!".

Bà bảo: "Các con hãy thêm vào". Họ chê lạnh, nóng, cứng, mềm, ngọt, chua, mặn, nhạt đủ mọi cách như vậy tỏ sự không hài lòng.

Lộc Mẫu vốn có lòng tin và nhiều lòng từ nên đáp: "Tùy các con đòi cái gì thì ta cho cái ấy".

A-nan thấy thế, liền nghĩ: "Nếu đây là nhà không có niềm tin, chắc chắn sẽ khởi tâm ác".

Đoạn, thầy đem sự việc ấy đến bạch lên Phật, nói: "Lành thay Thế Tôn, mong rằng từ nay trở đi

chớ cho trẻ con thọ giới Cụ túc".

Phật liền dạy: "Từ nay về sau, người chưa đủ hai mươi tuổi thì không được cho thọ giới Cụ túc".

(383b) Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai cha con người lẩm cẩm kia có lòng tin bỏ nhà xuất gia tu hành. Người con làm Sa-di, lo cung cấp các thứ cho năm trăm Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hoặc đòi cành dương, hoặc đòi lá cây, vì quá nhiều người nên không thể cung cấp đầy đủ. Khi ấy, thầy Tỳ-kheo lẩm cẩm suy nghĩ: "Ta chỉ có một đứa con mà phải cung cấp cho năm trăm Tỳ-kheo, những yêu sách quá nhiều không thể nào cung cấp cho xuể, như thế này thì không bao lâu chắc chắn nó sẽ sinh bệnh. Nhưng Thế Tôn chế giới người chưa đủ hai mươi tuổi thì không cho thọ giới Cụ túc, dẫu biết là không nên, song ta hãy cho nó thọ để nó đỡ khổ". Rồi thầy mời các Tỳ-kheo vào giới trường truyền giới Cụ túc cho đứa bé. Sau khi thọ Cụ túc, các Tỳ-kheo vẫn sai bảo như lúc trước: "Sa-di, đưa cho ta cành dương, lá cây".

Ông liền nói: "Tôi đã thọ Cụ túc rồi vì sao còn gọi là Sa-di?".

Các Tỳ-kheo hỏi: "Ai cho ông thọ?".

Đáp: "Cha tôi chứ ai".

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Phật. Phật bèn bảo gọi Tỳ-kheo lẩm cẩm kia đến.

Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Này kẻ lẩm cẩm, vì sao ông biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới Cụ túc?

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ Cụ túc, thì phạm Ba-dạ-đề. Các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo này. Và người đã thọ kia không được xem là đã thọ Cụ túc.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ trên đã giải thích).

Chưa đủ: Chưa đủ hai mươi mùa mưa, dưới hai mươi tuổi, đó gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà đủ hai mươi tuổi vẫn gọi là chưa đủ hai mươi. Dưới hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi tuổi cũng gọi là chưa đủ hai mươi. Sinh vào mùa Đông rồi thọ giới vào mùa Đông mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào mùa Xuân rồi thọ giới vào mùa Xuân mà chưa trải qua hết an cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh lúc tiền an cư rồi thọ giới lúc tiền an cư mà chưa trải qua hết tiền an

cư, đó gọi là chưa đủ. Sinh vào lúc hậu an cư rồi thọ giới lúc hậu an cư mà chưa trải qua hết hậu an cư, đó gọi là chưa đủ.

Khi người ấy (đã thọ giới rồi (?)) dưới hai mươi tuổi mà một nửa số Tăng chúng bảo là dưới hai mươi, một nửa bảo là đủ hai mươi, thì một nửa số người bảo dưới hai mươi phạm Ba-dạ-đề, một nửa bảo đủ hai mươi không có tội. Người ấy được xem là thọ Cụ túc hợp pháp.

Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi chưa đủ, mà cho thọ Cụ túc, thì tất cả đều phạm Ba-dạ-đề. Người này không được xem là thọ Cụ túc hợp pháp.

Khi người này dưới hai mươi tuổi, mọi người đều bảo là tuổi đã đủ rồi cho thọ Cụ túc, thì tất cả đều vô tội. Người này được xem là thọ Cụ túc hợp lệ.

Đủ hai mươi mùa mưa mà dưới hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Đủ hai mươi mùa mưa, quá hai mươi năm, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Sinh vào mùa Đông, trải qua an cư xong cho thọ Cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào mùa xuân, an cư xong cho thọ Cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi. Sinh vào lúc tiền an cư, tiền an cư xong cho thọ Cụ túc, thì được xem là đủ

hai mươi tuổi. Sinh vào lúc hậu an cư, hậu an cư xong cho thọ Cụ túc, thì được xem là đủ hai mươi tuổi.

Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, nửa số người bảo là đủ, nửa số bảo là chưa đủ, thì nửa số bảo chưa đủ phạm tội Việt-tỳ-ni; nửa số bảo đã đủ vô tội. Người ấy được xem là thọ Cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa (rồi cho họ thọ Cụ túc) mà mọi người bảo là chưa đủ, thì tất cả phạm tội Việt-tỳ-ni. Người ấy không được xem là thọ Cụ túc hợp lệ. Khi người ấy đủ hai mươi mùa mưa, tất cả đều bảo là đã đủ, thì tất cả vô tội. Người ấy được xem là thọ Cụ túc hoàn hảo.

Nếu Tỳ-kheo biết người chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ Cụ túc, thì các Tỳ-kheo nên khiển trách Tỳ-kheo ấy, rồi bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến xin thọ Cụ túc mà đủ tháng thì nên cho thọ Cụ túc; nếu chưa đủ, thì nên bảo họ đợi cho đủ rồi mới thọ. Nếu người ấy không biết rõ tuổi, thì nên hỏi cha mẹ bà con của người ấy. Nếu họ cũng không biết thì nên xem miếng ván ghi năm sinh. Nếu cũng không có, thì nên xem vóc dáng của người ấy. Khi xem, không nên xem thẳng hình thể, vì nếu là con nhà giàu có thì hình thể lớn mà tuổi nhỏ. Phải xem tay chân người ấy đã có dấu hiệu trưởng thành chưa. Nếu đã làm như vậy mà

vẫn không biết thì nên hỏi xem thời tiết khí hậu đất nước của họ năm nào được mùa, mất mùa, hạn hán, lụt lội (để đoán tuổi tác). Thế nên nói (như trên).

71. GIỚI HẠN ĐI CHUNG VỚI ĐÁM CƯỚP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, hai nước Xá-vệ và Tỳ-xá-ly có mối hiềm khích, nên hằng năm đánh cướp lẫn nhau. Người Tỳ-xá-ly đến Xá-vệ cướp bóc tài sản của dân chúng rồi trở về cương giới của mình cho là yên ổn, cởi bỏ vũ khí để nghỉ ngơi. Vua nước Xá-vệ suy nghĩ: "Ta là quốc vương, phải diệt trừ quân địch để dân chúng yên ổn, lẽ nào lại để cho đám giặc cướp đoạt tài sản của dân chúng?", liền truyền lệnh cho các tướng sĩ: "Các ngươi phải truy kích bọn giặc cướp, bắt cho hết bọn chúng; nếu không bắt được thì chớ có trở về tay không". Tướng sĩ suy nghĩ: "Lệnh vua rất nghiêm khắc, việc này phải nhanh chóng thi hành", bèn tập họp quân lính, dò theo dấu vết truy kích.

Khi ấy, các Tỳ-kheo tại Xá-vệ an cư xong, muốn đi đến Tỳ-xá-ly, nhưng bị lạc đường nên rơi vào chỗ giặc cướp. Đám cướp kinh ngạc, hỏi các Tỳ-kheo:

- Các người là những người nào?
- Chúng tôi là những người xuất gia.
- Xuất gia theo đạo nào?.
- Xuất gia theo họ Thích.

- Thưa các đại đức, các thầy định đi đâu đó?
- Định đến Tỳ-xá-ly, nhưng vì lạc đường, nên mới đến đây. Nhân đó, đám giặc liền chỉ đường cho các Tỳ-kheo. Thế rồi, các

Tỳ-kheo lại hỏi:

- Này các tráng sĩ, các vị định đi đâu đó?
- Đi tới Tỳ-xá-ly.
- Cho chúng tôi cùng kết bạn với.

- Chúng tôi là giặc cướp, cướp đoạt tài sản của kẻ khác, đi tắt trong những rừng cây, không theo đường chính; còn các thầy là những người lương thiện, vì sao lại đi theo chúng tôi? Đây là con đường thẳng, có thể theo đó mà đi.

Các Tỳ-kheo lại yêu cầu: "Hãy dẫn chúng tôi đi theo với, chớ để chúng tôi bị lạc đường một lần nữa". Đám cướp lại trả lời như lúc đầu. Hỏi qua, nói lại như thế đến ba lần vẫn chưa dứt khoát, thì quân lính đuổi kịp, bèn tóm cổ đám giặc cướp cùng với các Tỳ-kheo, đem đến chỗ nhà vua, tâu trình như sau:

- Tâu đại vương, đây là đám giặc cướp.
- Trước hết hãy dẫn các Tỳ-kheo đến đây.

Khi lính dẫn các Tỳ-kheo đến nơi, nhà vua bèn hỏi.

- Các ngươi là những người xuất gia, vì sao lại làm kẻ cướp?
- Chúng tôi không phải là kẻ cướp.

- Thế thì vì sao đi với bọn chúng?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ cho vua nghe. Nghe xong, vua sai lính đem các Tỳ-kheo đến một chỗ khác, rồi cho dẫn đám giặc cướp đến. Khi chúng đến, vua hỏi:

- Những người xuất gia này có phải là đồng bọn với các ngươi

không?

- Không phải là đồng bọn.

- Thế thì vì sao họ lại cùng đi với các ngươi?

Đám giặc cướp bèn đem sự việc trên trình bày đầy đủ với nhà vua. Vua liền sai lính đem đám giặc cướp đi, rồi dẫn các Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, nhà vua hỏi:

- Các ngươi là những người xuất gia vì sao làm kẻ cướp, mà còn nói dối lừa gạt quan trên để hòng thoát tội. Đám cướp đã khai các ngươi là đồng bọn, vì sao còn chối cãi?

Các Tỳ-kheo vẫn trả lời như lúc đầu. Vua liền sai quân lính thả các Tỳ-kheo đi, rồi đem lũ cướp ra trị tội theo luật pháp. Nghĩa là bắt năm trăm tên giặc cướp này mang vòng hoa Ca-tỳ-la, đánh trống, dẫn chúng đi nhiễu quanh các ngã tư đường, thông báo cho dân chúng biết. Đến khi sắp bị hành hình, đám giặc cướp bèn khóc rống lên. Bấy giờ, Phật biết việc đó mà vẫn hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, có chuyện gì mà nhiều

người kêu khóc như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng kêu khóc của năm trăm tên giặc cướp bị nhà vua sai lính đem đi hành hình đấy.

Phật liền bảo A-nan:

- Ông hãy đến nói với nhà vua như sau: "Đại vương là vua của mọi người thì phải thương dân như con mình, chứ vì sao lại đem giết cả năm trăm người trong một lúc?".

A-nan thọ giáo, bèn đem những lời Phật dạy đến bảo với nhà vua.

Vua liền nói:

- Thưa Tôn giả A-nan, tôi vẫn biết rằng nếu giết một người thì tội báo đã rất nhiều, huống gì giết năm trăm người, nhưng bọn giặc cướp này thường đến phá hoại xóm làng của tôi, cướp bóc tài sản của dân chúng; nếu Thế Tôn có thể giáo hóa chúng, khiến chúng không cướp bóc nữa, thì tôi sẽ tha cho chúng được sống.

A-nan liền trở về, đem những lời nhà vua nói, bạch đầy đủ lên Đức Phật. Phật lại sai A-nan đến nói với nhà vua một lần nữa như sau:

- Chỉ cần nhà vua tha cho họ, thì tôi (Phật) sẽ giáo hóa họ từ nay về sau không còn làm kẻ cướp nữa.

A-nan lãnh giáo xong, trước hết đến bộ phận hình sự, nói với viên giám sát: "Những kẻ có tội

này, Đức Thế Tôn đã cứu họ rồi, các vị không được sát hại họ".

Rồi thầy hỏi đám cướp: "Các ngươi có thể xuất gia được không?".

Đám giặc cướp nói:

- Thưa Tôn giả, nếu trước đây chúng tôi xuất gia, thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Nay chúng tôi rất mong muốn, nhưng không biết làm sao cho được.

A-nan liền đi đến chỗ nhà vua, thuật lại lời của Thế Tôn nói với vua: "Tôi có thể giáo hóa những người này từ nay về sau sẽ không còn làm kẻ cướp nữa". Vua bèn ra lệnh giám quan tha mạng cho họ, nhưng chưa cởi trói, mà dẫn đến chỗ Thế Tôn, để Thế Tôn cởi trói cho họ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì muốn độ những người ấy nên ngồi ở chỗ đất trống. Bọn giặc cướp từ xa trông thấy Phật thì những dây trói tự nhiên được tháo ra, họ liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Phật quán sát túc duyên của họ, rồi tùy thuận thuyết pháp như bố thí, giữ giới, sự báo ứng của các hạnh nghiệp, bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo. Ngay lập tức, họ đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Phật liền hỏi:

- Các ngươi có thích xuất gia không?

- Bạch Thế Tôn! Nếu trước đây chúng con xuất gia thì đã không vướng phải nỗi khổ này. Kính

mong Thế Tôn hôm nay độ chúng con xuất gia.

- Này các Tỳ-kheo, hãy đến một cách khéo léo (Thiện lai Tỳ-kheo).

- Khi Phật nói câu ấy thì y phục trên mình của năm trăm tên cướp biến thành ba y, tự nhiên tay cầm bát, uy nghi tề chỉnh, tựa như những Tỳ-kheo đã được trăm tuổi, đều đắc quả La hán.

- Các (cựu) Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Do đâu mà năm trăm tên cướp nhờ ân đức của Thế Tôn tự nhiên được giải thoát?

- Không những ngày nay mà trong đời quá khứ họ cũng đã nhờ ân đức của Ta mà được giải thoát, như trong kinh Bản Sinh về loài khỉ đã nói rõ.

Thế rồi, Phật ra lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cùng đi chung đường với bọn giặc cướp, dù chỉ trải qua một xóm làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Giặc cướp: Bọn trộm cướp.

Hẹn: Hoặc hẹn hôm nay, ngày mai, một tháng, nửa tháng v.v... Đường: Hoặc ba do diên, hai do diên, một do diên, một Câu-lô-xá, nửa Câu-lô-xá, cho đến trong khoảng một thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Không được hẹn cùng đi chung đường với bọn giặc cướp. Khi Tỳ-kheo muốn đi đâu thì nên kết bạn với những người đi xe, những người đi bộ. Bọn giặc cướp có ba dấu hiệu có thể nhận biết, đó là: Mùi hương, khí sắc và dáng vẻ.

Mùi hương: Ở nơi hoang vắng, chúng có thể ăn thịt chín hoặc thịt sống.

Khí sắc: Thường có khí sắc sợ hãi.

Dáng vẻ: Vì suốt ngày bị gò bó nên mặt đen, tóc vàng, trông có vẻ hung ác giống như người ở cõi âm phủ.

Đó là ba dấu hiệu của bọn giặc cướp, Tỳ-kheo không nên đi chung đường với họ. Nếu như bọn cướp giả mạo người tốt, mặc y phục đẹp, rồi đến nơi hoang vắng, chúng bàn với nhau: "Hôm nay chúng ta hãy vào thôn xóm ấy, phá hoại tường vách, cướp đoạt tài vật, không luận Sa-môn hay Bà-la-môn, tất cả đều lấy hết", thì biết đó chính là bọn cướp. Nhưng khi ấy, không nên bỏ chúng mà đi ngay, mà phải tùy thuận theo chúng, đợi đến nơi gần thôn xóm, mới tìm cách rời bỏ chúng. Nếu bọn chúng phát giác được, thì nên nói: "Này các tráng sĩ, chúng tôi chỉ đi tới đây thôi".

Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với bọn cướp thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung đường với bọn nữ tặc thì cũng như vậy. Nếu đi chung với bọn

ăn trộm vàng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi chung với bọn phản loạn, bọn mắc nợ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

72. GIỚI ĐÀO XỚI ĐẤT ĐAI

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng dã, nói rộng như trên. Bấy giờ, thầy Tỳ-kheo lo việc kinh doanh tự đào đất đổ nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, nên bị người đời chê bai: "Sa-môn Cù-đàm dùng vô lượng phương tiện đả kích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, thế mà nay Tỳ-kheo lại tự tay đào đất làm nền nhà, hoặc làm ngói, làm gạch, khiến tổn thương đến mạng sống. Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!". Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn, Phật liền sai đi gọi Tỳ-kheo lo việc kinh doanh đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ông có làm việc đó thật chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật.

- Tuy trong đất không có mạng sống, nhưng đó là việc mà người xuất gia không nên làm. Trái lại, nên ít việc, ít dịch vụ, chớ để cho người đời chê trách mà mất đi điều phước thiện của họ. Từ nay về sau, Tỳ-kheo không được tự tay đào đất.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Khoáng dã phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất hoặc sai người đào, chỉ bảo họ đào, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tự tay mình: Hoặc là tự thân, thân phần, thân phương tiện.

3. Thân: Cất mình lên nhảy nhót, chạy qua chạy lại, muốn làm cho hư đất, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thân.

4. Thân phần: Hoặc tay, chân, đầu gối, khuỷu tay, móng tay; đó gọi là thân phần.

5. Thân phương tiện: Hoặc dùng cuốc xẻng, rìu búa tự tay đào đất hay đục vào tre gỗ, hoặc từ xa ném, muốn làm cho đất hư hại; nếu đất bị hư hại, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Đất: Gồm hai loại: Sinh và tác.

1. Sinh: Đất còn nguyên sơ gọi là sinh.
2. Tác: Gồm hai loại: Cơ tác và thượng tác.
   a. Cơ tác: Chỉ cho đất trên đường đi và đất dùng làm tường vách.
   b. Thượng tác: chỉ cho đất đổ trên các tầng lầu, trên mái nhà; đó gọi là thượng tác.

Tự đào: Tự mình đào hoặc sai người khác đào, dù chỉ bảo: "Hãy đào đất này", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình tìm phương tiện để đào cho nhiều

đất thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu vừa làm vừa nghỉ, thì mỗi lần nghỉ phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu bảo người khác đào mà người ấy đào một lần nhiều đất, thì phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhắc đi nhắc lại, bảo họ đào cho nhanh lên, thì mỗi lần lặp lại, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn cho đất bằng bèn tìm cách quét đất, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm tổn thương đất bằng dấu chân muỗi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không tạo phương tiện, thì không có tội.

Nếu dùng phương tiện kéo cây gỗ muốn cho đất bị xây xước, thì khi kéo cây gỗ, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muỗi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu lùa bò ngựa đi qua muốn cho đất bị hư lở, thì cũng như vậy.

Nếu không dùng phương tiện, thì không có tội.

Nếu muốn cho đất bằng phẳng bèn đi kinh hành, thì khi đi kinh hành phạm tội Việt-tỳ-ni; khi đất bị tổn thương bằng dấu chân muỗi, phạm tội Ba-dạ-đề. Khi đứng, ngồi, nằm cũng như vậy. Nhưng nếu không cố ý thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng chân đạp vào cạnh bờ sông làm cho đất rơi xuống, thì mỗi lần đạp phạm một tội Ba-dạ-đề. Nhưng khi đi cạnh bờ sông, (vô tình)

làm cho đất sập, thì không có tội. Tuy nhiên, nếu khối đất bị vỡ nặng hơn một người, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu khối đất bị vỡ nặng không bằng một người, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm cây, đá, ngói, gạch, cuốc, xẻng mà lỡ tay bị rơi xuống đất, dù đất bị tổn thương cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh có nhiều vật dụng của Tăng, của Tháp, muốn cất giấu trong đất, nhưng đất ấy thuộc sinh địa, ở chỗ trống trải, thì không được tự tay mình đào, mà phải sai tịnh nhân làm. Nếu đất ấy thuộc tử địa, ở chỗ khuất, thì được tự mình đào đất, cất giấu. Nếu đóng cọc xuống đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đất bị tổn thương như dấu chân muỗi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo muốn căng tấm bạt thì phải đóng đinh ở bốn góc, nếu căng ở chỗ đất chết, vắng vẻ thì tự tay đóng đinh không có tội. Căng ở chỗ đất sống, trống trải, thì phải sai tịnh nhân làm. Khi tháo ra cũng phải sai lịnh nhân làm.

Nếu Tỳ-kheo đóng đinh vào trên vách trong phòng làm vỡ vách thì khi làm xong, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu trên vách trước đó đã có lỗ rồi, thì không có tội.

Nếu mặt đất có nước mưa thấm mà Tỳ-kheo làm vỡ hằng dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn vẽ trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu

đất bị tổn thương như dấu chân chim thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vẽ trên đất bũn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo lo việc kinh doanh muốn vẽ sơ đồ thì nên vẽ trên miếng gỗ, trên gạch. Nếu đất trên phòng ở đã cũ kỹ muốn dỡ bỏ thì không được tự tay dỡ mà phải sai tịnh nhân dỡ bỏ.

Nếu Tỳ-kheo muốn phá bức vách thì nên sai tịnh nhân phá lớp đất tô ở bên ngoài rồi mới được tự tay mình gỡ gạch, và khi đến sát mặt nền thì cũng phải sai tịnh nhân gỡ. Nếu bức vách không tô đất mà bị nước mưa thấm ướt thì khi muốn dỡ bỏ phải sai tịnh nhân dỡ vài ba lớp gạch trên mặt, rồi mới tự tay mình dỡ; và khi dỡ đến sát mặt đất thì lại sai tịnh nhân dỡ tiếp. Nếu một đống ngói gạch bị mưa thấm ướt, thì khi lấy, Tỳ-kheo không được tự tay mình lấy mà phải sai tịnh nhân lấy chừng vài ba lớp ở trên, rồi mình mới lấy; và khi đến sát đất lại sai tịnh nhân lấy tiếp. Khi lấy ngói lợp nhà thì Tỳ-kheo được lấy nhưng khi đến lớp ngói để sát đất thì phải sai tịnh nhân lấy. Khi chất đống gạch cũng vậy.

Khi đất thuộc bị mưa thấm ướt thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy cho hết lớp đất thấm mưa, rồi mới tự lấy thì không có tội.

Nếu đất do chuột đào, bị mưa thấm ướt, thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được vét giếng mà phải sai tịnh nhân vét. Nếu tịnh nhân nhỏ không làm được, thì phải đưa họ xuống giếng quậy cho nước đục, rồi Tỳ-kheo mới vét. Nếu nước ao, nước đọng sau cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tháo nước. Nhưng nếu có bò ngựa đã lội qua thì Tỳ-kheo được tháo. Nếu đất bùn gặp phải trận mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu đất trong ao trong thạp gặp phải cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu sau cơn mưa có nước đọng trên rãnh, trên máng xối thì Tỳ-kheo không được tự tay khai thông mà phải sai tịnh nhân khai thông.

Nếu khi đi đại tiểu tiện dùng nước rửa mà để tay chà trên đất thì phạm tội Ba-dạ-đề. Sau khi đi tiêu tiểu xong, phải dùng tro, bột đậu rửa tay.

Nếu nước mưa chảy xoáy đất dồn thành một đống thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu ang, bình, thau v.v... để ngoài trời, trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được lấy mà phải sai tịnh nhân lấy.

Nếu miếng ván dùng để rửa chân trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được cầm lấy.

Nếu các vật như gỗ, đá, ngói, gạch để ngoài trời

trải qua cơn mưa thì Tỳ-kheo không được tự tay cầm lấy mà phải sai tịnh nhân cầm lấy.

Nếu Tỳ-kheo đào đất thì phạm Ba-dạ-đề. Nếu đất đó lộn một nửa cát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu đất đó chỉ thuần là cát thì không có tội. Nếu Tỳ-kheo đào đá, đá cuội, bụi đất thì cũng như vậy (tức không có tội). Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 20

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

73. GIỚI NHẬN CÚNG DƯỜNG QUÁ GIỚI HẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, cư sĩ Ma-ha-nam thuộc chủng tộc Lê-xa định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo hay tin Ma-ha-nam định cung thỉnh chư Tăng về cúng dường thuốc nên muốn chọc phá để làm não loạn-họ. Thế rồi, sáng sớm, nhóm sáu Tỳ-kheo khoác y, vào xóm làng, đến thẳng gia đình đó, vái chào họ, rồi hỏi:

- Tôi nghe nhà đàn-việt định mời chư Tăng về nhà cúng dường thuốc, có thật thế chăng?

- Có thật như vậy. Nhưng Tôn giả có cần thứ gì không?

- Cần thuốc.

- Thế thì cần loại thuốc gì?

- Cần chừng ấy sữa đông, chừng ấy dầu, chừng

ấy mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc v.v...

- Ngay hôm nay chưa đủ, đợi kiếm đủ con sẽ cúng dường.

- Ông phải chuẩn bị thuốc đầy đủ rồi mới mời chư Tăng chứ, cúng thuốc cho một Tỳ-kheo cũng như cung cấp cho một con voi lớn. Nay tôi chỉ xin thuốc cho một người mà còn không đủ huống chi nhiều người. Ông chỉ cầu mong được tiếng khen, chứ không thật tâm cúng dường.

- Thưa Tôn giả, dù cho kho của nhà vua cũng chưa đủ chừng ấy thuốc huống gì nhà con, khi nào tìm đủ con sẽ đem cúng.

- Cúng dường hay không cúng mặc ý ông.

Nói xong, nhóm sáu Tỳ-kheo liền bỏ đi. Người đàn-việt sau đó tìm đủ các món thuốc, liền đến bạch: "Các thứ thuốc mà trước đây các thầy xin, nay con đã tìm đủ, các thầy hãy đến lấy". Các Tỳ-kheo nghe xong, liền cười, nói:

- Trước đây tôi chỉ nói chơi thôi chứ thực ra tôi không cần thuốc.

- Vì sao các thầy lại thử con như vậy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và các Tỳ-kheo, con không tiếc thứ gì cả.

- Ông đàn-việt nổi giận sao?

- Quả thật là nổi giận.

- Nếu ông tức giận thì tôi xin tạ lỗi.

- Con không nhận sự tạ lỗi, thầy hãy đến Phật mà sám hối.

Tỳ-kheo liền đến Phật sám hối. Đức Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?". Họ bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật khiển trách: "Này kẻ ngu si, gia đình Ma-ha-nam thuộc chủng tộc Ly-xa, đối với Phật và các Tỳ-kheo, họ không hề tiếc rẻ bất cứ một vật quý báu nào, vì sao lại quấy nhiễu ông ta? Từ nay về sau, Ta cho phép khi thí chủ mời riêng bốn tháng thì được nhận, ngoại trừ họ mời lại và mời lâu dài". Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu thí chủ mời cúng dường riêng bốn tháng thì Tỳ-kheo được nhận, nhưng nếu nhận hơn bốn tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp họ mời lại, mời lâu dài, và mời tùy ý.

Giải Thích:

Bốn tháng: Hoặc bốn tháng mùa Hạ, bốn tháng mùa Đông hay bốn tháng mùa Xuân.

Mời riêng: Mời đích danh cá nhân mình. Hơn: Hơn bốn tháng.

Trừ trường hợp mời lại: Đức Thế Tôn nói không có tội (nếu mình vẫn tiếp tục nhận cúng

dường).

Mời (cúng dường) lâu dài: (Đàn-việt) mời cúng dường suốt đời. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu đàn-việt nói với Tỳ-kheo: "Xin Tôn giả nhận sự cúng dường của con trong bốn tháng Hạ", mà Tỳ-kheo nhận họ cúng dường cho đến quá ngày mười sáu tháng tám, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như họ mời vào mùa Đông, mùa Xuân thì cũng như vậy.

Đàn-việt mời các Tỳ-kheo không (386a) nhất định, hoặc bốn tháng, một tháng, nửa tháng; nếu thời gian mời đã hết thì không được thọ nhận tiếp.

Nếu đàn-việt nói: "Tôn giả thường ở đây thì con sẽ cúng dường thực phẩm lâu dài", mà Tỳ-kheo rời khỏi nơi đó một đêm thì không được nhận thức ăn trở lại. Nhưng nếu đàn-việt nói: "Vì sao Tôn giả không đến nữa?", thì phải đáp: "Trước đây ông nói rằng nếu tôi ở thường xuyên tại đây thì ông cúng dường thực phẩm, nhưng tôi đã rời khỏi đây một đêm, nên không đến nữa".

Khi ấy, nếu đàn-việt nói: "Rời khỏi hay không rời khỏi (không thành vấn đề), từ nay trở đi xin Tôn giả cứ đến", thì được phép tiếp tục nhận cúng dường, không có tội.

Nếu đàn-việt nói: "Xin Tôn giả nhận sự cúng dường của con cho đến khi hết kho thóc này", thì khi nhận xong, Tỳ-kheo phải thường thường hỏi

người giữ kho xem kho thóc đã hết chưa. Nếu họ bảo rằng đã hết, thì không được nhận cúng dường tiếp nữa. Nhưng nếu đàn-việt hỏi: "Vì sao Tôn giả không đến nữa?", thì hãy đáp: "Trước kia tôi chỉ nhận mời ăn hết kho thóc này, nay kho thóc đã hết, nên tôi không đến nữa". Bấy giờ, nếu đàn-việt nói: "Tôi không chỉ nói một kho mà còn có nhiều kho khác, vậy từ nay về sau xin Tôn giả cứ đến", thì tiếp tục nhận cúng dường nữa, không có tội.

Nếu đàn-việt mời cúng dường sữa đông, mía thì cũng như vậy.

Nếu đàn-việt nói: "Xin Tôn giả nhận con mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này, thì sau khi nhận, phải thỉnh thoảng hỏi xem sữa con bò cái ấy đã hết chưa, nếu họ bảo đã hết thì không được nhận cúng dường tiếp". Nếu họ hỏi: "Vì sao Tôn giả không đến nữa?", thì hãy đáp: "Trước đây tôi chỉ nhận mời cúng dường cho đến hết sữa của con bò cái này. Nay sữa nó đã hết, nên không đến nữa".

Bấy giờ, nếu đàn-việt nói: "Tôi không phải chỉ có một con bò mà còn những con bò khác nữa, vậy, từ nay trở đi Tôn giả cứ đến", thì tiếp tục nhận cúng dường không có tội.

Nếu đàn-việt nói: "Xin Tôn giả nhận sự cúng dường của con cho tới khi nào chàng rể của con còn ở tại đây", thì Tỳ-kheo nên nhận. Nhưng khi

chàng rể ra đi thì không được nhận cúng dường tiếp. Nếu đàn-việt hỏi: "Vì sao Tôn giả không đến nữa?" thì hãy đáp: "Trước kia tôi chỉ nhận sự cúng dường trong bao lâu chàng rể còn ở tại đây, nay anh ta đã đi, nên tôi không tới nữa".

Bấy giờ, nếu họ nói: "Xin thầy nhận sự cúng dường của con trở lại", thì khi ấy, nhận tiếp sự cúng dường, không có tội.

Nếu đàn-việt nói: "Xin Tôn giả nhận bữa cơm trước giờ ăn của con", thì không được đòi bữa ăn sau. Nếu họ mời bữa ăn sau thì không được đòi bữa ăn trước. Nếu họ mời dùng nước uống phi thời thì không được đòi thuốc và các thứ khác. Nếu họ xin cúng dường dầu thoa chân thì không được đòi nước uống phi thời. Nếu họ xin cúng dường thuốc thì nên đòi thuốc.

Nếu họ nói: "Con xin cúng dường y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men suốt đời cho Tôn giả", thì bấy giờ, được tùy ý đòi những thứ ấy, không có tội. Thế nên nói (như trên).

74. GIỚI CHỐNG CỰ LẠI SỰ KHUYÊN HỌC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Xiển-đà:

- Trưởng lão phải học, đừng phạm năm thiên tội.

- Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu tôi thấy

những Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu sâu sắc, thì tôi sẽ chất vấn họ; nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi các việc trên:

- Ông có nói như thế thật không?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Đó là việc xấu. Ông không từng nghe ta dùng vô số phương tiện khen ngợi đức tùy thuận, chê trách sự trái nghịch hay sao? Vì sao ông lại bướng bỉnh tự thị? Đó là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại nước Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười điều lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo nào được các Tỳ-kheo khuyên bảo phải học, đừng phạm năm thiên tội mà đáp: "Nay tôi không nghe lời các ông. Nếu thấy có những Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu xa, thì tôi sẽ hỏi họ, nếu họ có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Vì Tỳ-kheo muốn được lợi ích trong chánh pháp thì phải học và phải hỏi han các Tỳ-kheo

khác.

Giải Thích:

Năm thiên tội:

1. Tội Ba-la-di.
2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Ba-dạ-đề.
4. Ba-la-đề-đề-xá-ni.
5. Việt-tỳ-ni.

Đừng phạm: Khuyên bảo học mười hai việc sau đây:

1. Bài tựa của giới kinh.
2. Bốn Ba-la-di.
3. Mười ba Tăng-già-bà-thi-sa.
4. Hai pháp Bất định.
5. Ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.
6. Chín mươi hai Ba-dạ-đề.
7. Bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni.
8. Chúng học pháp.
9. Bảy pháp Diệt tránh.
10. Pháp tùy thuận.

(Ở đây chỉ kể có mười thứ) phải học chớ có phạm. Nếu khi được người khác khuyên như thế mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu sắc, thì tôi sẽ hỏi han, nếu vị ấy

có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu khi có người khác khuyên: "Trưởng lão, trong năm thiên tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni, Trưởng lão phải học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Hoặc khi có người khuyên nên học bốn chúng (thiên) tội, ba chúng tội, hai chúng tội, một chúng tội, bốn Ba-la-di, chớ có phạm, mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ chấp hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, trong sáu pháp "tác xả" là yết-ma hàng phục, yết-ma không nói chuyện, yết-ma khu xuất, yết-ma phát hỷ, yết-ma cử tội, yết-ma biệt trú, Trưởng lão nên học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng, thì tôi sẽ hỏi han vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, trong sáu pháp tác xả yết-ma, Tăng đã làm pháp yết-ma hàng phục (đối với Trưởng lão), vậy Trưởng lão nên tỏ ra phục tùng, mềm mỏng, bỏ tính bướng bỉnh (cho đến pháp yết-ma biệt trú cũng như vậy), Trưởng lão phải học, chớ có phạm", mà đáp: "Tôi không nghe lời ông. Nếu tôi thấy có Trưởng lão nào các căn tịch tịnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu biết sâu rộng thì tôi sẽ hỏi vị ấy, và khi vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm Ba-dạ-đề.

Nếu có người khuyên: "Trưởng lão, phải học, hiền thiện, giữ giới, đọc tụng kinh pháp thì sẽ được đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì không được đáp theo lối thông thường: "Tôi sẽ học", mà nên đáp: "Tôi vì lẽ đó nên mới xuất gia". Thế nên nói (như trên).

75. GIỚI UỐNG CÁC THỨ RƯỢU

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Câu-diệm-di có con rồng dữ tên Am-bà-la có thể làm cho trời hạn không mưa, khiến lúa thóc thất thu, dân chúng đói khổ, chịu đủ thứ tai ương. Lúc ấy, Tôn giả Thiện Lai bèn đến đó hàng phục con rồng dữ, như trong kinh Thiện Lai Tỳ-kheo đã nói rõ. Khi đã hàng phục được con rồng dữ thì đất nước trở lại phong thịnh, dân chúng cảm ân đức của thầy nên muốn báo đáp. Bấy giờ, có năm trăm nhà hào phú vì Tỳ-kheo Thiện Lai mà

thiết lập chỗ cúng dường thường xuyên, treo cờ xí, đặt giường ghế, mời chư Tăng cúng dường, và mời riêng Tỳ-kheo Thiện Lai về nhà cúng dường các thứ mỹ thực. Lúc ấy có một nhà sau khi cúng dường thức ăn bèn đem rượu có màu sắc như nước lã ra cúng dường Thiện Lai. Nhân khát nước nên thầy uống thứ rượu đó, rồi trở về tịnh xá. Bấy giờ, nhằm ngày đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, thì Thiện Lai bị hơi men chếnh choáng, hôn mê, nằm dang chân sóng soải trên đất, trước mặt Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào mà nằm dang chân trước mặt Như Lai như thế?
- Bạch Thế Tôn! Vì Tỳ-kheo Thiện Lai uống quá nhiều rượu nên bị say nằm như thế đó.

- Tỳ-kheo Thiện Lai này trước đây có bao giờ ngủ ban ngày không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Tỳ-kheo Thiện Lai khi chưa say rượu có bao giờ nằm xoải chân trước mặt Phật không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Khi uống nhiều rượu mà muốn đừng say có được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Giả sử Tỳ-kheo Thiện Lai không uống rượu thì khi nghe pháp vi diệu, bất tử có muốn bị mất lợi ích, không chịu nghe pháp không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Tỳ-kheo Thiện Lai này vốn từng hàng phục rồng dữ, nay có thể hàng phục nổi con ễnh ương không?

- Thưa không thể hàng phục, bạch Thế Tôn.

- Giá mà rồng Am-bà-la nghe được chuyện này ắt sẽ không vui.

Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo uống rượu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Na-di-sí uống rượu đường phèn quá nhiều rồi trở về tịnh xá, thì gặp lúc đại hội, Thế Tôn đang thuyết pháp, nhưng vì bị hơi men chếnh choáng nên Na-di-sí hôn mê bất tỉnh, nằm dang chân sóng soải trước Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào mà nằm xoải chân trước Như Lai như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là Tỳ-kheo Na-di-sí, vì uống quá nhiều rượu đường phèn nên nằm say khước như thế đó.

- Tỳ-kheo Na-di-sí trước đây có bao giờ nằm ngủ ban ngày không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Tỳ-kheo Na-di-sí trước khi say rượu có từng nằm xoải chân trước Phật không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nếu uống nhiều rượu mà muốn cho không say có được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Nếu Tỳ-kheo Na-di-sí không uống rượu thì khi nghe thuyết pháp vi diệu, bất tử, có thể để mất cơ hội lợi ích mà không chịu nghe pháp không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo uống rượu đường phèn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo uống rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Rượu: Gồm có mười loại, là: Hòa, điềm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điến, thanh.

1. Hòa: Dùng cơm tấm, bún nát trộn với nước rồi đựng vào trong thạp, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hòa.

2. Điềm: Gây rượu vừa biến thành vị ngọt rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là điềm.

3. Thành: Khi chất rượu đã thành khí vị mà

uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thành.

4. Động: Khi hơi nồng của rượu đã biến hoại mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là động.

5. Tạc: Vị rượu đã biến hoại trở thành chua mà đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tạc.

6. Tí: Đem tấm lụa trắng giặt sạch rồi ngâm vào trong rượu, thỉnh thoảng lấy ra phơi nắng, rồi ngâm trở lại, dành khi đi đến những nơi hoang dã, đem vắt lấy nước mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tí.

7. Hoàng: Rượu thành màu vàng trong chưa biến thành xanh, đem uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là hoàng.

8. Tiết: Bã rượu. (trong nguyên bản không giải thích).

9. Điến: Cặn đục dưới đáy thùng rượu, nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là Điến.

10. Thanh: Rượu ở trên mặt thùng có màu trong xanh như dầu, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là thanh.

Rượu đường phèn: Gồm có mười loại, là: Hòa, điềm, thành, động, tạc, tí, hoàng, tiết, điến, thanh.

Hòa: Đường phèn trộn với nước của mầm cây rồi đem ngâm trong thùng thì dù chỉ một giọt nhỏ như đầu cộng cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được

thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm Ba-dạ-đề.

Còn chín loại sau như trên đã nói.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Ngoài ra còn có các loại: Miến mạch nhân sâm, mễ phạn sâm, mạch phạn sâm, mộc mạch sâm, xiểu sâm.

1. Miến mạch nhân sâm: Bột lúa mạch trộn với nước mầm cây

đem ngâm vào trong thùng, loại này dù một giọt nhỏ như cộng cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2. Mễ phạn sâm: Gạo trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong thùng, nếu uống loại này thì phạm tội Ba-dạ-đề.

3. Mạch phạn sâm: Dùng gai lúa mạch trộn với nước mầm cây ngâm vào trong hũ mà uống, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

4. Mộc mạch sâm: Dùng cây lúa mạch trộn với nước mầm cây đem ngâm vào trong hũ rồi uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

5. Xiểu sâm: Gạo lúa mạch đem rang rồi ngâm vào trong hũ cho lên men, thì dù một giọt nhỏ như đầu ngọn cỏ hay đầu sợi tóc cũng không được thấm vào miệng, huống gì dùng ly để uống. Nếu uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Sau bữa ăn, uống nước Xiểu sâm thì không có tội. Nếu ăn men rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng men rượu trộn với cơm mà ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn đường phèn rồi uống nước thì không có tội. Nếu ăn bã rượu thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hợp ba loại (trên) mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu ngũ cốc, rượu đường phèn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu uống rượu nho thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu uống nước tu lâu, nan-đề hay ăn xác của nó đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ăn quả Khư-la, Ca-tỷ-đa, Tỷ-la-bà, Câu-đà-la thì phạm tội Việt-tỳ-ni, vì chúng làm cho người ăn bị say.

Trừ mười bốn loại nước trái cây ép như nước ép trái Am-bà-la cho đến nước ép trái da bà, được phép lọc cho trong rồi uống. Nhưng nếu chúng biến thành màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không được phép uống. Vì uống nước trái cây lên men làm cho người uống bị say, do đó không được phép uống. Ngoại trừ uống rượu mía đắng, rượu nho đắng và nước ép trái cây. Thế nên nói (như trên).

76. GIỚI KHINH THƯỜNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại nước Câu-diệm-di, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, thì Xiển-đà không đến. Tăng bèn sai sứ giả

tới gọi Tỳ-kheo Xiển-đà rằng Tăng đang hòa hợp định làm yết-ma, Trưởng lão hãy đến, nhưng Xiển-đà không chịu đến.

Các Tỳ-kheo liền bàn nhau: "Xiển-đà rất ương bướng, nếu gọi đến chắc là ông không đến, trái lại, nếu bảo đừng đến có khi ông lại đến", bàn xong, bèn sai sứ giả đến bảo: "Trưởng lão đừng đến".

Thế là Xiển-đà nói: "Thôi, Thôi đi, tất cả các thầy đều đến bảo

tôi đừng đến".

Nói xong, Xiển-đà liền đến, vào giữa chúng Tăng. Các Tỳ-kheo bảo Xiển-đà ngồi, nhưng thầy không ngồi. Các Tỳ-kheo lại nói:

- Trưởng lão đừng ngồi.

Xiển-đà liền nói: "Các thầy đều ngồi cả vì sao bảo tôi đừng ngồi", bèn ngồi xuống.

Các Tỳ-kheo lại nói: "Trưởng lão, thầy nên bàn về vấn đề này".

- Tôi không nói.

- Trưởng lão đừng nói.

- Các thầy đều nói, tại sao bảo tôi đừng nói?

Rồi thầy nói mãi không ngừng làm trở ngại những người khác. Các Tỳ-kheo lại bảo: "Trưởng lão nên đi ra ngoài một lát"; nhưng thầy không chịu đi.

Các Tỳ-kheo lại nói: "Trưởng lão chớ có đi", thì thầy bèn bỏ đi. Do thế, Tăng không hòa hợp, ai

nấy đều đứng dậy bỏ đi, khiến Tăng không làm yết-ma được. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại các việc trên:

- Ông có những việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác. Này Xiển-đà, ông không từng nghe Ta dùng vô lượng nhưng tiện ca ngợi hạnh tùy thuận, ăn nói nhỏ nhẹ, chê trách tính ương bướng hay sao? Vì sao ông lại tỏ ra ương bướng tự thị? Đó là việc phi pháp, phi luật chẳng phải điều ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo khinh thường người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Khinh thường người khác: Gồm có tám trường hợp: bảo đến mà không đến; bảo đừng đến lại đến; bảo ngồi mà không ngồi; bảo đừng ngồi lại ngồi; bảo nói mà không nói; bảo đừng nói lại nói; bảo đi mà không đi; bảo đừng đi lại đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm các pháp yết-ma như yết-ma Hàng phục, không nói, tẫn xuất, phát hỷ, cử tội, biệt trú, thì tất cả đều phải đến. Nếu coi thường người khác không thèm đến thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Tỳ-kheo đang vá y, xông bát, hoặc vì lý do đau ốm không đến được, nên gởi dục, thì không có tội.

Nếu bảo đừng đến, mà coi thường cứ đến, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong tăng có việc, cần gặp, xin Tăng, Tăng cho phép, thì đến không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão hãy ngồi", nhưng khinh thường không ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu chỗ ngồi có máu mủ, xin Tăng cho phép, rồi không ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão chớ ngồi", mà khinh thường người ấy, cứ ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn, đứng lâu mỏi mệt, xin phép Tăng, Tăng cho phép, rồi ngồi, thì không có tội.

Nếu có người bảo: "Trưởng lão hãy nói", mà khinh thường người ấy không nói, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì tài hèn, lời nói vụng về, khiến người ta không kính phục, giả sử có nói thì pháp yết-ma cũng không thành tựu, Tăng cũng không hòa hợp, bèn xin Tăng, Tăng cho phép, rồi không

nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng nói, mà khinh thường người ấy, cứ nói, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Giả sử ta không nói thì việc yết-ma không thành, Tăng không hòa hợp, việc này ta phải nói", rồi xin Tăng, Tăng cho phép nói, thì không có tội.

Nếu có người bảo đi mà khinh thường người ấy, không đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Nếu ta ra đi thì việc yết-ma ở đây không thành, sự việc không giải quyết được", bèn xin tăng, được tăng cho phép, rồi không đi, thì không có tội.

Nếu có người bảo đừng đi mà khinh thường người ấy nên cứ đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu suy nghĩ: "Nếu ta không đi thì yết-ma không thành, sự việc không giải quyết được", bèn xin phép Tăng, được Tăng cho phép, rồi ra đi thì không có tội.

Nếu Tăng bảo đến mà không đến, bảo đừng đến lại đến, bảo ngồi mà không ngồi, bảo đừng ngồi lại ngồi, bảo nói mà không nói, bảo đừng nói lại cứ nói, bảo đi mà không đi, bảo đừng đi lại cứ đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu trong nhóm nhiều người hoặc trong phạm vi thầy trò, bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì mỗi sự vi phạm, phạm một tội

Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, thầy giáo thọ bảo đến mà không đến, cho đến bảo đi mà không đi, thì cứ mỗi sự vi phạm, phạm một tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

77. GIỚI NGHE LÉN SỰ TRANH CÃI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo xung đột nhau, cùng sống chung một chỗ mà bất hòa. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng ở chỗ khuất lén nghe những người này nói, rồi đem nói với những người kia, nghe những người kia nói rồi đem nói với những người này, khiến cho hai bên xích mích nhau, nên cùng sống chung một trú xứ mà bất hòa. Họ cãi nhau nào là đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc ấy nên làm yết-ma, việc ấy không nên làm yết-ma. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi về sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

Nếu khi các Tỳ-kheo tranh tụng nhau mà một Tỳ-kheo đứng im lặng lắng nghe, với suy nghĩ: "Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ" (chỉ vì mục đích đó chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tranh tụng: Như nói: Việc đó đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật, cho đến việc đó nên làm yết-ma, việc đó không nên làm yết-ma.

Đứng nghe: Hoặc đứng cách bức tường, cách hàng rào, đứng ngoài cửa, cách bức màn, cách tảng đá, cách đám cỏ v.v... lắng nghe với suy nghĩ: "Họ có nói điều gì thì ta phải ghi nhớ" (chỉ vì mục đích mách lẻo chứ không có gì khác), thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi hai Tỳ-kheo đang nói chuyện riêng ở trong phòng mà một Tỳ-kheo khác muốn đi vào thì phải khảy ngón tay, dậm chân có tiếng động, nếu người trong phòng bỗng dưng im lặng, thì nên trở lui. Nếu người trong phòng vẫn nói không ngừng thì đi vào không có tội.

Khi một Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng mà có hai Tỳ-kheo vừa nói chuyện riêng vừa từ ngoài đi vào thì vị Tỳ-kheo ngồi trong phòng không được

im lặng mà phải khảy ngón tay, dậm chân cho có tiếng động. Nếu hai người kia im lặng thì tự mình phải đi ra khỏi phòng.

Nếu Tỳ-kheo tranh chấp với những Tỳ-kheo khác gây nên thù hận, bèn nói: "Người này đã mắng chửi ta, ta phải giết kẻ ác này", rồi bỏ đi, thì vị Tỳ-kheo nghe được điều này, phải đến nói với người kia: "Trưởng lão nên cẩn thận đề phòng. Tôi nghe có những điều bất lợi cho trưởng lão".

Nếu có những Tỳ-kheo khách đến rồi trú tại giảng đường, phòng sưởi, phòng ngồi thiền, thế rồi thầy quản chúng, thầy tri sự sẽ đến thăm họ, nghe họ bàn bạc với nhau như sau: "Trưởng lão, chúng ta hãy lấy trộm đồ trong kho nọ, vật trong tháp kia, thức ăn trong nhà bếp của Tăng, y bát của Tỳ-kheo đó", thì phải im lặng trở về lại giữa chúng Tăng thông báo cho mọi người biết: "Này các Đại đức, đồ trong kho nọ, vật nơi tháp kia, thức ăn trong nhà bếp đó, y bát của Tỳ-kheo ấy cần phải phòng bị, vì tôi nghe có kẻ muốn lấy cắp".

Nếu Tỳ-kheo có nhiều đệ tử thì buổi tối nên đi thăm dò các phòng xem họ có sinh hoạt đúng pháp không. Nếu nghe họ bàn luận về các câu chuyện như chuyện thế tục, chuyện của vua chúa, chuyện trộm cướp v.v.., thì không nên vào phòng ngay lúc ấy quở trách họ mà phải đợi khi họ đến phòng mình rồi mới dạy bảo như sau: "Các ông vì lòng tin xuất gia, ăn đồ do thí chủ cúng dường, phải ngồi thiền,

tụng kinh, vì sao lại bàn luận những chuyện thế tục phi pháp như vậy? Đó chẳng phải là những việc tùy thuận tốt lành của người xuất gia".

Nếu nghe họ bàn luận kinh điển, đối đáp nghĩa lý, thì không nên vào phòng khen ngợi ngay lúc ấy mà phải đợi họ đến phòng mình rồi mới khen ngợi: "Các ông có thể luận bàn kinh điển, giảng giải pháp Phật, như Đức Thế Tôn dạy: Khi Tỳ-kheo hội họp thì nên làm hai việc, một là im lặng như Hiền Thánh, hai là giảng luận pháp Phật".

Khi các Tỳ-kheo đi vào xóm làng vừa đi vừa nói chuyện, thì vị Tỳ-kheo đi sau đến nơi, không được im lặng mà phải đằng hắng, dậm chân cho có tiếng, nếu những người đi trước cứ tiếp tục nói, thì mình đi tới không có tội.

Khi vị Tỳ-kheo đang đi trước mà có các Tỳ-kheo đi sau, vừa đi vừa nói chuyện đến nơi, thì Tỳ-kheo đi trước không được im lặng, mà phải đằng hắng, dậm chân cho có tiếng động (để những người đi sau biết). Khi Tỳ-kheo đi nhiễu tháp, hoặc sau bữa ăn đi vào trong rừng ngồi thiền thì cũng làm như vậy. Thế nên nói (như trên).

78. GIỚI LẶNG LẶNG BỎ CUỘC HỌP MÀ ĐI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma cử tội đệ tử đồng hành và đệ tử y chỉ của Ưu-

ba-nan-đà. Ưu-ba-nan-đà nghe chúng Tăng định làm yết-ma cử tội đệ tử mình, liền đứng dậy bỏ đi. Sau đó, các Tỳ-kheo thấy có chỗ ngồi bỏ trống, liền điểm danh xem ai đến, ai không đến, thì mới hay chỗ trống đó là của Ưu-ba-nan-đà. Do vậy, Tăng sinh bất hòa, ai nấy đều đứng dậy bỏ đi, không thể làm yết-ma. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi vấn đề vừa rồi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác. Vì sao trong lúc Tăng định giải quyết sự việc, ông im lặng đứng dậy bỏ đi mà không thưa với các Tỳ-kheo? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tăng định giải quyết sự việc, mà Tỳ-kheo im lặng đứng dậy bỏ đi, không bạch với các Tỳ-kheo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tăng định giải quyết sự việc: Có hai trường hợp: Một là thuyết pháp, tụng luật; hai là làm yết-

ma hàng phục, cho đến yết-ma biệt trú.

Im lặng đứng dậy bỏ đi: Đứng dậy rời khỏi chỗ ngồi, ra đi.

Không bạch: Nếu bạch không đúng lúc để vào xóm làng thì không được gọi là bạch. Hoặc bạch để đến Tinh xá của Ni giáo giới, cũng không được gọi là bạch. Hoặc bạch để rời chỗ ngồi ăn cũng không được gọi là bạch.

Khi Tăng tập họp thuyết pháp, tụng luật, thì nên bạch: "Con xin rời giảng đường, ra đi". Tăng đáp: "Được". Nếu Tăng tập họp để làm yết-ma hàng phục, cho đến yết-ma biệt trú, thì phải vừa bạch vừa gởi dục với Tỳ-kheo. Nếu ở giữa chúng Tăng, không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Tăng tập họp định làm yết-ma hàng phục, cho đến yết-ma biệt trú mà Tỳ-kheo muốn ra đi, thì phải bạch và gởi dục rồi mới đi; nếu không bạch mà chỉ gởi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu bạch mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu không bạch, không gởi dục, thì phạm một tội Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni; nếu vừa bạch vừa gởi dục thì không có tội. Nếu chỉ đi đại tiểu tiện trong chốc lát, rồi trở vào không bỏ dỡ việc của Tăng, thì không có tội. Nếu suy nghĩ: "Có thể ta trở lại trễ", thì nên bạch và gởi dục (rồi mới đi).

Nếu Tăng đang thuyết pháp, tụng luật, thì phải

bạch rồi mới đi.

Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo đang nghe nhiều Tỳ-kheo tụng kinh thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu người tụng kinh ngừng tụng mà nói sang việc khác, thì ra đi không có tội.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang đọc kinh, thì nên bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo khác đang tụng kinh thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên nói (như trên).

79. GIỚI VÀO LÀNG MÀ KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng (A-luyện-nhã) phi thời đi vào xóm làng, bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử ở nơi hoang vắng mà đi vào xóm làng lúc phi thời, muốn tìm thứ gì vậy?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc kể trên:

- Ông có làm việc đó thật không?
- Có thật như vậy bạch Thế Tôn.
- Vì sao ông ở nơi hoang vắng mà lại đi vào

xóm làng lúc phi thời, đến nỗi bị người đời chê trách? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo sống tại nơi hoang vắng. Một Tỳ-kheo đang tô phòng thì bị rắn cắn, liền nói với bạn: "Trưởng lão, tôi bị rắn cắn".

Người ấy đáp: "Đợi tôi mặc y Tăng-già-lê rồi sẽ đi đến gọi y sĩ Kỳ vực". Nhưng trong lúc thầy lấy y thì người kia bị tắt tiếng, và khi lấy y xong thầy thưa: "Thưa Trưởng lão, tôi đi vào xóm làng lúc phi thời đây".

Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia không thể đáp được, thầy phải thưa đến ba lần: "Thưa Trưởng lão, tôi vào xóm làng lúc phi thời". Thế nhưng, người kia vẫn không nói được. Thầy bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở nơi hoang vắng đi vào xóm làng lúc phi thời mà không thưa với Tỳ-kheo khác. Ta đành phải chờ xem hạnh nghiệp của Thầy ấy như thế nào thôi". Thế là vị Tỳ-kheo kia liền mệnh chung. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi rõ sự tình vừa rồi:

- Ông có xử sự như vậy thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông ấy nếu dùng tâm từ gọi tên bốn đại Long vương thì không đến nỗi phải chết. Bốn đại Long vương đó là: Trì Quốc Long vương, Y La Quốc Long vương, Thiện Tử Long vương và Hắc Bạch Long vương. Nên nói: "Ta có lòng từ đối với chúng sanh không có chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh hai chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh bốn chân. Ta có lòng từ đối với chúng sanh nhiều chân. Chớ có làm hại những chúng sanh hai chân của ta. Chớ có làm hại những chúng sanh bốn chân của ta. Chớ có làm hại những chúng sanh nhiều chân của ta. Chớ có làm hại các chúng sanh của ta. Mong được sự vô lậu, dùng tâm thiện của các bậc Hiền Thánh mà nhìn nhau, chớ có sinh ra ý ác". Giá như vị Tỳ-kheo kia gọi tên của bốn đại Long vương thì đã không bị chết. Từ nay về sau, Ta cho phép lúc gấp rút (không cần theo quy định)".

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, đi vào xóm làng lúc phi thời, không bạch với Tỳ-kheo khác - ngoại trừ trường hợp đặc biệt - thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Sống tại A-luyện-nhã: Tại những nơi cách xa thành ấp xóm làng năm trăm cung, mỗi cung dài năm khuỷu tay, không có dân chúng cư trú, thì gọi là A-luyện-nhã.

Phi thời: Sau khi ăn xong, dù thời gian còn sớm cũng vẫn là phi thời.

Xóm làng: Thôn xóm có bờ tường ngăn cách nhau hoặc là ở lẫn lộn (không cách biệt nhau).

Bạch: Nếu bạch xin rời nhà ăn, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin đến Tinh xá của Ni để giáo giới, thì không gọi là bạch. Hoặc bạch xin rời khỏi nơi thuyết pháp, thì không gọi là bạch. Cần phải bạch như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi vào thôn xóm lúc phi thời". Người kia nên đáp: "Vâng".

Tỳ-kheo: Chỉ cho những Tỳ-kheo có mặt trong cường giới, chứ không phải là những đồ chúng đang hiện diện.

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Nếu Tỳ-kheo bị các chứng bệnh hoặc bị rắn cắn cần phải đi gọi thầy thuốc, thì Thế Tôn bảo là không có tội (khi ra đi không bạch).

Nếu hai Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã, muốn cùng đi, thì phải bạch lẫn nhau, rồi mới đi. Nếu một người đi trước, thì người sau khi muốn đi phải bạch với Tỳ-kheo khác; nếu không có Tỳ-kheo khác, thì nên thầm nghĩ: "Khi đến giữa đường, ra khỏi cửa, đến xóm làng, hay tại Tinh xá của Ni, mà gặp Tỳ-

kheo thì ta sẽ bạch. Bạch xong, ta sẽ vào xóm làng lúc phi thời".

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường từ xóm làng này sang xóm làng khác mà thấy ở ven đường có tháp hoặc chỗ thờ chư Thiên, thì phải thuận đường đi thẳng qua: Nếu con đường ở dưới tháp miếu ấy xoay về bên trái mà mình đi vòng theo chiều bên phải thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu có hỏa hoạn, ác thú đến hay bị người rượt đuổi, thì đi qua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đi đường xa, gặp trời tối, muốn vào xóm làng ngủ nghỉ thì không được mang vác túi xách cồng kềnh đi vào. Nếu bên ngoài làng có nước thì nên dừng nghỉ ở trong rừng, trước hết sai hai Tỳ-kheo tắm rửa sạch sẽ, khoác y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, bạch lẫn nhau, rồi khiến họ vào thôn xóm xin chỗ ngủ tạm. Nếu xin được chỗ ngủ thì phải xin đàn-việt cung cấp những thứ cần thiết, rồi trở ra khỏi xóm làng, nói với các Tỳ-kheo: "Đã xin được chỗ ngủ".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nên rửa tay chân sạch sẽ, nếu cần uống thức uống phi thời thì nên uống ngay khi ấy đừng để vào xóm làng mới uống mà bị người ta chê trách là Sa-môn ăn đêm. Đoạn, phân công mang vác các túi xách, mặc y Tăng-già-lê, buộc lại chặt chẽ, cầm tích trượng, mang giày dép, bạch hỏi nhau rồi mới vào xóm làng. Khi đã đến chỗ dừng nghỉ, mà muốn đi ra khỏi xóm làng lấy

củi, cỏ, nước, thì nên theo con đường cũ mà ra, không có tội. Nếu muốn đi con đường khác thì phải bạch, nếu không bạch mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu muốn đi tìm dầu xoa chân, nước uống phi thời, đi khuyến hóa thức ăn sáng hôm sau, thì phải bạch rồi mới đi. Nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu trong xóm làng có tăng già lam, trên đường có nhà cửa liên tiếp nhau, thì đi (mà không bạch) không có tội. Nếu đi con đường khác thì phải bạch, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

"Chưa đủ, đi với cướp,
Đào đất, bốn tháng mời.
Chưa học và uống rượu.
Khinh người, đứng rình nghe.
Bỏ đi, phi thời vào.
Bạt cừ thứ tám xong".

80. GIỚI ĐI PHI THỜI, KHÔNG BÁO NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà sáng sớm thức dậy, khoác y đi vào xóm làng, tới nhà đàn-việt, nói với Ưu-bà-di: "Những kẻ phàm phu khi mệnh chung phần nhiều bị đọa vào đường ác, bà nên nghe tôi thuyết pháp".

Lúc ấy, Ưu-bà-di đang sắp đặt việc nhà, bận bịu nhiều việc không rảnh để nghe thuyết pháp, nên cự

nự với Tỳ-kheo: "Thôi đi! Thầy đừng lo về những người phàm phu khi chết bị rơi vào đường ác mà hãy lo phần thầy, đừng lo việc của người khác". Sau khi ăn xong, thầy bèn sai đệ tử chuẩn bị y bát rồi trở lại nhà ấy, nói như trước: "Này Ưu-bà-di, kẻ phàm phu khi chết sẽ rơi vào đường ác; bà nên nghe tôi thuyết pháp".

Khi ấy, Ưu-bà-di vừa lo cho chồng con ăn xong, đang dùng cơm, không rảnh để nghe pháp, nên cự nự với Tỳ-kheo: "Thôi đi! Đừng lo về những người phàm phu sau khi chết rơi vào đường ác mà hãy tự lo việc của thầy, chớ lo việc của người khác". Các Tỳ-kheo nghe được, bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

- Ông có làm như vậy thật chăng?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này Tỳ-kheo, vậy thì sau khi ăn xong, ông đi làm việc gì?

- Có nhiều việc lắm, bạch Thế Tôn. Con muốn làm thầy thuốc để trị liệu các chứng bệnh.

- Vì sao trước bữa ăn, sau bữa ăn, ông không bạch với những Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo trước bữa ăn, sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Phật bảo A-nan: "Ông báo tin cho các Tỳ-kheo biết rằng an cư xong, các đàn-việt sẽ cúng dường y an cư". A-nan liền thông báo với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo trước hay sau bữa ăn không bạch với Tỳ-kheo cùng ăn với mình mà đi đến nhà dân. Tôi cùng các vị đồng phạm hạnh cùng ăn, cùng sống bên nhau, vì tôn kính nhau nên không dám thường bạch". A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép trong lúc sắm y (khỏi bạch)". Rồi Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo cùng ăn một chỗ mà trước khi ăn, sau khi ăn không bạch với Tỳ-kheo khác, đi đến nhà người khác - ngoại trừ trường hợp đặc biệt - thì phạm tội Ba-dạ-đề. Trừ trường hợp đặc biệt tức là khi sắm y, đó gọi là trường hợp đặc biệt.

Giải Thích:

Cùng ăn: Hoặc dùng bốn thăng gạo nấu cơm, hoặc tám thăng gạo rang, hoặc một đấu hai thăng cơm lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt. Đó

gọi là cùng ăn.

Trước khi ăn: Lúc chưa ăn.

Sau khi ăn: Khi ăn xong, dù trời còn sớm vẫn gọi là sau khi ăn. Đi đến nhà người khác: Như nhà của Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà

Tỳ-xá, nhà Thủ-đà-la.

Bạch: Nếu bạch vào xóm làng lúc phi thời, bạch đến Tinh xá Tỳ-kheo ni, bạch rời chỗ thuyết pháp, thì không được gọi là bạch. Mà phải bạch: "Xin Trưởng lão nhớ cho, con là mỗ gấp rời chỗ cùng ăn, đi đến nhà khác". Người kia đáp: "Vâng".

Ngoại trừ trường hợp đặc biệt: Tức lúc mà Thế Tôn bảo là không có tội.

Trường hợp đặc biệt: Thời gian sắm y. Thời gian này, nếu không thọ y Ca-thi na thì một tháng, nếu có thọ y Ca-thi-na, thì năm tháng. Trong thời gian của y này được miễn trừ năm việc:

1. Được ăn biệt chúng.
2. Được ăn nhiều chỗ.
3. Rời trú xứ không cần bạch với người khác.
4. Được cất y dư lâu ngày.
5. Được rời y ngủ chỗ khác mà không có tội.

- Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo rời chỗ cùng ăn với người khác để đi đến nhà khác thì phải bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu ăn ở chỗ khác mà có năm thức ăn chính và năm thức ăn

phụ thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu gặp hai trường hợp bố thí bữa ăn, thời gian sắm y, thì không bạch với người cùng ăn, đi ăn chỗ khác không có tội.

Nếu trú xứ của Tỳ-kheo không nấu ăn, mà có người mời ăn, thì nơi đây được gọi là cùng ăn (đồng thực). Nếu từ đây muốn đi đến chỗ khác, thì phải bạch rồi đi, nếu không bạch mà đi, thì như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đã nhận trong xóm làng mời, thì nơi đó được gọi là cùng ăn. Nếu ở tại đây thấy thời gian còn sớm muốn đi một lát rồi trở lại thì phải bạch rồi đi; nếu không bạch mà đi thì như trên đã nói.

Nếu trong xóm làng có đàn-việt mời Tăng thọ trai, rồi một Tỳ-kheo đi ngang qua nhà ấy, đàn-việt bèn mời: "Thưa Tôn giả, hôm nay nhà con cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, xin mời Tôn giả ở lại thọ trai luôn". Nếu Tỳ-kheo này nhận lời mời tức là cùng ăn. Nếu thấy thì giờ còn sớm, muốn đi nơi khác thì phải bạch rồi mới đi; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra như trên đã nói.

Nếu đàn-việt mời chúng Tăng thọ trai rồi Tỳ-kheo khất thực đi ngang qua nhà ấy, đàn-việt liền mời: "Hôm nay con mời chúng Tăng thọ trai, xin Tôn giả nhận con mời luôn thể". Nếu Tỳ-kheo

nhận lời mời, thì nơi đây tức là chỗ cùng ăn. Nếu bỗng chốc, Tỳ-kheo suy nghĩ: "Tâm bố thí của đàn-việt này rất trọng hậu, ta không thể tiêu hóa nổi bữa bố thí này, chi bằng ta đi khất thực chỗ khác để tạm nuôi thân", rồi bỏ đi, thì phải bạch; nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoài ra, như trên đã nói.

Nếu hai Tỳ-kheo ai cũng có chỗ để ăn, cùng đi trên đường tới xóm làng rồi bàn nhau: "Hôm nay, chúng ta hãy ăn trước tại một nhà, rồi sau đó... cùng ăn bữa ăn sau tại nhà khác", thì một Tỳ-kheo nên bạch rồi mới đi, nếu không bạch mà đi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đến nhà ăn trước mà có cả năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ, thì phạm hai tội Ba-dạ-đề. Nếu rời người cùng ăn, ăn chỗ này chỗ khác mà nhằm lúc có bố thí thức ăn hay thời gian của y, thì cả hai trường hợp ấy đều không có tội. Người thứ hai cũng vậy.

Nếu Tỳ-kheo đi khất thực tại một nhà được một thăng, hai thăng,

cho đến một hộc, thì nhận lấy không có tội. Nếu một nhà mà được bốn thăng gạo tẻ, hoặc tám thăng gạo rang, một, hai thăng gạo lúa mạch, hoặc nửa bát, một bát cá thịt, thì không được đi xin thêm chỗ khác nữa. Ở đây, thế nào là phạm, thế nào là không phạm? Nghĩa là tất cả các thứ cháo-trừ cháo cá thịt-và cháo ấy khi múc ra khỏi nồi, viết trên mặt không thành chữ (tức cháo lỏng); tất cả bánh; tất cả gạo

rang; tất cả trái cây (đều không được kể là) ăn biệt chúng, hay ăn rồi ăn lại, ăn no rồi ăn nữa. Thế nên nói (như trên).

81. GIỚI VÀO VƯƠNG CUNG QUÁ SỚM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây, thuật lại trường hợp phu nhân Mạt-lợi mà kinh Trung A Hàm đã đề cập có liên quan đến việc các Trưởng lão Tỳ-kheo theo thứ tự vào cung giáo giới. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di theo thứ tự vào cung giáo giới thì gặp lúc phu nhân Mạt-lợi mặc y phục mỏng manh, trơn láng, trang sức vàng bạc ngọc báu trên y phục, đang ngồi giữa hậu cung. Khi Ưu-đà-di vào cung, phu nhân trông thấy sinh tâm cung kính, bỗng đứng bật dậy, Vì được trang điểm bằng vàng bạc ngọc báu nặng và trơn nên y phục tuột xuống đất, khiến phu nhân hổ thẹn đứng trân người ra. Các thị nữ bèn lây thân đứng che phu nhân. Ưu-đà-di thấy thế liền bỏ đi ra, về lại Tinh xá nói với các Tỳ-kheo: "Này các Trưởng lão, lâu nay vua Ba-tư-nặc che giấu bảo vật, hôm nay tôi đã thấy được".

- Thầy thấy thứ gì vậy?

- Thấy phu nhân Mạt-lợi.

- Này Trưởng lão, thầy là người xuất gia, nếu đi vào xóm làng thì phải xem như đi vào nơi hoang vắng, không nên tham luyến thanh sắc, khi thấy thì phải coi như không thấy, nghe thì phải coi như

không nghe (mới được).

- Tôi đã thấy thực, mà có thể nói là không thấy sao?

Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo vào trong cung vua. Do các Tỳ-kheo không vào trong cung nên các phu nhân khác buộc tội phu nhân Mạt-lợi:

- Ngươi đã làm cho các Tỳ-kheo không vào cung nữa, khiến chúng ta không được nghe pháp và đảnh lễ chư Tăng.

- Vì sao lại oán tôi? Các vị hãy tự đi cầu xin đại vương (về việc đó).

Các phu nhân liền đến thưa với vua: "Thưa đại vương, vì cớ gì mà các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?".

Khi vua Ba-tư-nặc nghe những lời ấy, liền thân hành đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, rồi bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các Tỳ-kheo không vào cung giáo giới nữa?

- Vì trong đó có những điều tội lỗi, Như Lai đã thấy nên không cho họ vào nữa.

- Bạch Thế Tôn! Trong đó có những tội lỗi gì con có thể nghe được không?

- Này đại vương, Tỳ-kheo không được vào

vương cung vì nơi đó có mười tội lỗi như trong kinh Trung A-hàm đã nói.

- Bạch Thế Tôn! Vì Phật thấy những tội lỗi nên cấm Tỳ-kheo vào vương cung; khi con chưa phát sinh lòng tin, thì chính tay phải của con, con còn không tin, huống gì các Tỳ-kheo? Nay Phật đã chế giới thì phải tùy thuận.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu bảo vật của phu nhân vua Sát-lợi đã làm lễ quán đỉnh chưa cất mà Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Vua: Gồm có các chủng tộc Sát-lợi, Bà-la-môn, Ưu-già-la vương, Xả-già-da vương, Bà-na vương v.v...

Nếu vì vua ấy không thuộc dòng dõi Sát-lợi (thì Tỳ-kheo) vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi Sát-lợi mà không được làm lễ quán đỉnh, (thì Tỳ-kheo) vào (vương cung) không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi Sát-lợi đã làm lễ quán đỉnh mà không có lãnh thổ, thì Tỳ-kheo vào vương cung không có tội.

Nếu vì vua ấy thuộc dòng dõi Sát-lợi, đã làm lễ quán đỉnh, có đất nước thì Tỳ-kheo không được vào vương cung.

Vào cung: Vào nội cung.

Phu nhân của vua chưa cất bảo vật: Phu nhân của vua chưa cởi những châu báu trang sức đem cất. Trong trường hợp này, nếu Tỳ-kheo bước vào khỏi cửa vương cung, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu nhà vua mới làm cung điện, có lòng tin, hoan hỷ, mời Tỳ-kheo như sau: "Thưa Tôn giả, xin Tôn giả hãy vì tôi mà sử dụng trước cung điện này", thì Tỳ-kheo nên đáp: "Đức Thế Tôn chế giới không cho chúng tôi vào vương cung". Nếu nhà vua nói tiếp: "Tôn giả có cách nào giúp khai thông vấn đề này không?", thì nên đáp: "Chỉ khi nào phu nhân của vua cởi châu báu trong người ra, thì tôi mới vào vương cung được". Và khi phu nhân đã cởi hết châu báu ra rồi, thì Tỳ-kheo được vào. Nhưng khi vào rồi, nếu phu nhân của vua lại tuần tự mang các bảo vật vào, thì Tỳ-kheo không được bỏ ra đi, mà cứ ngồi yên, khi ấy, không có tội. Nếu như trong khoảng thời gian ấy Tỳ-kheo đi ra ngoài đại tiểu tiện, thì không được vào trở lại. Nếu vào lại thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu tại những nơi vua thường du ngoạn ngắm cảnh như ao hồ rừng núi, có lập ra hành cung, mà

phu nhân của vua đã cởi hết châu báu đeo trong mình, đồng thời nơi đây có bảy lớp cửa, thì Tỳ-kheo vào cửa thứ nhất, thứ nhì, thứ ba cho đến cửa thứ sáu không có tội. Nhưng nếu bước một chân vào cửa thứ bảy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nếu bước cả hai chân vào khỏi cửa thứ bảy, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vua đã đi du ngoạn, khi phu nhân đã cởi hết bảo vật trong mình, hành cung trống không, mọi người vào xem, thì Tỳ-kheo vào không có tội. Hoặc giả, vua có lòng tin, quý mến Tỳ-kheo, dùng tay dắt Tỳ-kheo vào, thì vào không có tội. Thế nên nói (như trên).

82. GIỚI DÙNG XƯƠNG, SỪNG LÀM ỐNG ĐỰNG KIM.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Trong thành này có người thợ làm ngà voi tên là Pháp-dự. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến nhà ấy, nói: "Này đàn-việt, hãy làm giúp tôi một ống đựng kim". Người thợ này bèn làm cho thầy một ống đựng kim không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận, thầy liền cầm về phòng. Các Tỳ-kheo trông thấy thế, liền hỏi: "Trưởng lão, thầy được ống đựng kim ở đâu mà không lớn, không nhỏ, màu sắc tươi nhuận như vậy?". Thầy đáp: "Ông thợ làm ngà voi tên là Pháp-dự làm cho tôi đó". Các Tỳ-kheo nghe thế bèn đến đó xin. Người thợ ngà voi thầm nghĩ: "Các Tỳ-kheo đều cần đến ống đựng kim,

hơn nữa chúng Tăng là ruộng phước tốt đẹp, vậy ta nên mời chúng Tăng đến nhà cúng dường ống đựng kim". Nghĩ thế, ông bèn đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, cúi đầu đảnh lễ chân chư tăng, bạch: "Con là Pháp-dự, xin mời chư Tăng đến nhà con cúng dường ống đựng kim". Các Tỳ-kheo nghe vậy, ai nấy đều đến lấy, có người lấy một cái, có người lấy hai, ba, thậm chí lấy mười cái, do thế, ngà voi hết sạch. Đàn-việt liền nói: "Ngà đã hết, giờ chỉ còn xương, vị nào cần thì con sẽ làm". Các Tỳ-kheo đáp: "Chúng tôi đều cần". Nhưng rồi xương cũng hết, nên người thợ thưa: "Xương cũng hết cả, giờ chỉ còn sừng, thầy nào cần, con sẽ làm". Các Tỳ-kheo đáp: "Chúng tôi đều cần". Nhưng vì những người đến đòi quá đông, người thợ không lấy gì để cung cấp nổi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ khất thực, tuần tự đi đến nhà ấy. Bà vợ của Pháp-dự vốn có tín tâm, hoan hỷ, hơn nữa đã từng quen biết Xá-lợi-phất, nên đem thức ăn ra cúng dường, đồng thời cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng ngay trước mặt. Xá-lợi-phất liền hỏi: "Này chị em, gia cảnh thế nào? Cơ nghiệp có gia tăng không?".

- Trong nhà cũng tàm tạm, nhưng cơ nghiệp không gia tăng.

- Vì sao vậy?

- Thưa Tôn giả, ông chồng con mời các Tỳ-kheo về nhà cúng dường ống đựng kim, các Tỳ-kheo hoặc lấy một cái, hoặc lấy hai, ba, thậm chí lấy đến mười cái, nên ngà hết sạch; rồi lấy xương, xương hết, lại lấy sừng. Nhưng vì có quá nhiều người đến đòi nên không lấy gì để cung ứng. Thưa Tôn giả, mọi sinh hoạt trong gia đình con như việc ăn của con cái, cung cấp sưu thế cho quan trên đều dựa vào cái nghề này. Vì Tôn giả là người mà con rất kính trọng nên mới dám bộc bạch như vậy. Cũng vì thế mà chồng con khi ở nhà thì nói là không ở nhà, đang thức thì bảo là ngủ v.v...

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bèn tùy thuận thuyết pháp, làm cho bà hoan hỷ, rồi trở về Tinh xá, đem sự tình ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ các việc kể trên:

- Các ông có việc như thế thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, ta không cho phép dùng ngà voi, xương, sừng làm ống đựng kim.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng răng, xương, sừng làm ống đựng kim, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Răng: Như các loại răng voi, răng cá, răng ma già la, răng heo v.v...

Xương: Như các loại xương voi, xương ngựa, xương bò, xương lạc đà, xương rồng...

Sừng: Như các loại sừng bò, sừng trâu, sừng tê giác, sừng nai, sừng dê v.v...

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm thì phải phá bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề; nếu không phá bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi Đức Thế Tôn chế giới không cho dùng răng, xương, sừng làm ống đựng kim, thì các Tỳ-kheo bèn dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, ngọc báu để làm. Vì vậy Phật dạy: "Ta không cho phép dùng vàng, bạc, châu báu làm ống đựng kim mà nên dùng đồng, sắt, bạch lạp, chì, thiết, tinh đồng, đồng trắng, tre, gỗ, lụa Khâm-bà-la, lông chim, cho đến dùng cái đai của túi đựng bát để làm". Thế nên nói (như trên).

83. GIỚI LÀM CHÂN GIƯỜNG CAO QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vào các ngày trai trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành rời khỏi thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Lúc ấy, hoàng tử của vua Ba-tư-nặc cũng đến đảnh lễ.

Sau đó, ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch: "Tôi muốn đi xem cảnh, xin chỉ cho tôi xem các chỗ". Các thầy đáp: "Rất tốt", rồi dẫn hoàng tử lên gác, nói: "Hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo". Lần lượt đi đến chỗ ở của Nan-đà, hoàng tử thấy trên sàn nhà màu xanh đặt một chiếc giường cao lớn, trên giường trải một cái nệm dày, êm ái, hai đầu giường để những cái gối. Thấy thế, liền hỏi:

- Thưa Tôn giả, giường nệm này của ai vậy?

- Của tôi đấy.

- Những thứ này quá sang trọng, không thích hợp cho Tỳ-kheo.

- Nếu không thích hợp với tôi thì ai nên dùng nó?

- Vua hay hoàng tử sử dụng chúng mới thích hợp.

- Tôi không phải hoàng tử sao? Nếu Đức Thế Tôn không xuất gia thì Ngài xứng đáng làm Chuyển luân Thánh vương, thống trị bốn phương thiên hạ, tất cả các ngươi sẽ là con dân của chúng ta. Nhưng Thế Tôn không thích làm như thế mà xuất gia, thành Phật, làm đấng Pháp vương. Ta là con của đấng Pháp vương, giả sử trang sức những thứ sang trọng hơn nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe rồi, hổ thẹn im lặng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi các thầy tới rồi, Phật liền hỏi lại sự việc kể trên:

- Các ông có những việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông trang bị giường nệm lộng lẫy để cho người đời đàm tiếu? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm giường quá mức độ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn chế giới không cho làm giường cao quá mức quy định, các Tỳ-kheo liền theo quy định cắt bớt chân giường nhưng lại kê thêm dưới chân. Bấy giờ, nhằm các ngày chay trong tháng như mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành ra ngoài thành đi đến đảnh lễ Thế Tôn. Vương tử của vua Ba-tư-nặc cũng tới đảnh lễ. Rồi ông đi đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: "Xin Tôn giả hãy chỉ cho tôi xem các nơi". Cuối cùng, ông đến phòng Nan-đà, thấy chân giường bị cắt, liền hỏi:

- Vì sao mà cắt cái chân giường này?

- Cắt bớt cho đúng theo sự quy định của Thế Tôn.

- Nếu Thế Tôn bảo cắt bớt đầu mà lại kê thêm dưới chân thì có khác gì nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau làm chân

giường phải đúng theo mức quy định, Ta không cho phép kê thêm dưới chân". Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo làm chân giường thì phải làm đúng mức quy định, nghĩa là chiều cao tám ngón tay, ngoại trừ chỗ tra vào thành giường; nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo: Như trên đã nói.

Loại giường ngồi, giường nằm gồm tất cả có mười bốn loại, như đã nói ở trước. Nếu làm quá mức quy định thì phạm tội.

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tu-già-đà: Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Tám ngón tay: Tám ngón tay của Phật.

Quá: Quá mức quy định.

Trừ chỗ tra vào thành giường: Từ chỗ lỗ trống trở xuống, (nếu thừa) thì cắt bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm giường rồi ngồi suốt ngày trên đó thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề.

Nếu ngồi trên giường người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu kê thêm chân giường cũng phải kê đúng kích thước đã quy định và vững chắc.

Nếu mình là Tỳ-kheo khách đi đến trú xứ nào mà được phân phối giường theo thứ tự, nhưng giường cao quá mức quy định thì nên bảo thầy tri sự cho mượn cái cưa. Nếu hỏi mượn để làm gì, thì đáp: "Cái giường này cao quá mức độ, tôi muốn cưa bớt chân cho đúng pháp". Nếu thầy tri sự nói: "Đừng cưa bớt, đàn-việt thấy sẽ không vui", và mình cũng không ở đó lâu thì nên đào đất chôn chân giường xuống cho bằng mức quy định. Nếu mình còn ở lại lâu, thì nên dùng ống bằng gỗ bọc lại đoạn chân giường bị chôn dưới đất, đừng để nó bị hư hoại.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng đến nhà đàn-việt ngồi, mà ngồi cái giường cao, thì không được ngồi để thòng đôi chân. Nếu đó là gia đình quen biết cũ thì nên bảo họ đưa cái ghế nhỏ để gác chân. Nếu đó không phải là nhà quen biết cũ thì nên bảo họ đưa viên gạch hay cục gỗ dùng để gác chân mà ngồi. Nhưng nếu ngồi trên giường cao ở nhà phước thiện thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

84. GIỚI DỒN BÔNG LÀM NỆM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhằm các ngày chay trong tháng như ngày mồng tám, mười bốn, rằm, dân chúng trong thành đi đến thăm viếng đảnh lễ Thế Tôn. Vương tử của vua Ba-tư-nặc cũng đến đảnh lễ. Rồi ông đến chỗ Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà, nói: "Xin Trưởng lão hãy chỉ cho tôi xem các nơi". Các thầy nói: "Tốt lắm", rồi liền dẫn vương tử lên trên gác, chỉ nói: "Này vương tử, hãy xem những cây cột, kèo, đòn dông, xà nhà, trính với những nét chạm trổ và các hình vẽ tinh xảo kia kìa"; đoạn, dẫn về phòng mình. Thấy trên nền phòng màu xanh có đặt một chiếc giường đẹp, trên giường trải một tấm nệm bông, hai đầu giường để những cái gối, rồi trải tấm ra trắng lên trên; thấy thế, Vương tử liền hỏi:

- Đồ đạc này của ai vậy?

- Của tôi đó.

Những thứ này quá đẹp đẽ, lộng lẫy, không phù hợp với Tôn giả.

- Nếu không phù hợp với tôi thì ai nên sử dụng chúng?

- Vua, vương tử và đại thần dùng chúng mới thích hợp.

- Tôi không phải Vương tử sao? Nếu Thế Tôn không xuất gia thì

Ngài xứng đáng làm Chuyển luân Thánh

vương, làm vua bốn phương thiên hạ, tất cả bọn ngươi sẽ là con dân của chúng ta; nhưng Thế Tôn không thích làm vua mà Ngài đã xuất gia, thành Phật làm đấng Pháp luân vương. Ta là vương tử của Pháp luân vương, giả sử trang bị hơn thế nữa cũng vẫn thích hợp, huống gì dùng những vật thô sơ như vậy.

Vương tử nghe xong, hổ thẹn không nói lời nào. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ các việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông dùng bông làm nệm khiến cho người đời đàm tiếu? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng bông làm nệm.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo dùng bông làm nệm, để ngồi hay nằm thì phải moi bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Bông: Gồm các loại như bông a-già, bông bà-già, bông Cưu-tra-xà, bông giác, bông cỏ, bông

Ca-thi, bông hoa và các loại khác. Đó gọi là bông. Phải moi bông trong nệm ra hết rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Khi moi bông ra, phải đập giũ làm cho hết; nếu không hết, thì nhúng nước cho ướt tay, chà lên làm cho sạch, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, rồi trọn ngày ngồi trên đó, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đứng dậy rồi ngồi trở lại, thì mỗi lần ngồi phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu ngồi trên bông của người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nhồi bông làm gối dùng gối đầu, kê chân thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng vì bệnh mà gối đầu, kê chân, thì không có tội. Nếu dùng da nhồi bông làm gối thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Vì cả da và bông.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, rồi bị gió thổi bông bay dính trên y, mà túm y lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ sạch rồi mới ngồi.

Nếu xe chở bông hay có người gánh, mang bông đi rồi bông bị gió thổi bay dính lên y của Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo túm lại ngồi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni; phải giũ hết bông, rồi mới ngồi.

Nếu chỗ đất có phủ bông cỏ thì Tỳ-kheo không được ngồi. Nếu Tỳ-kheo đi ngang qua ruộng có bông giác, khiến bông dính trên y, thì không được ngồi, phải giũ hết rồi mới ngồi. Nếu trải bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dồn đống bông cỏ, bông hoa rồi ngồi lên trên cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trồng ruộng bông, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vì luật sư, pháp sư mà trải tòa sư tử, rải hoa, mà hoa dính trên tòa thì không được ngồi, phải phủi hết hoa, rồi mới ngồi, thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

85. GIỚI LÀM TỌA CỤ QUÁ QUY ĐỊNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm điều lợi ích nên Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy giường nệm ngọa cụ của các Tỳ-kheo có những vết nhớp dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi giống như hoa mạn-đà-la đang phơi giữa nắng gắt, Phật liền hỏi các Tỳ kheo:

- Giường nệm ngọa cụ của ai mà dơ nhớp bẩn thỉu thế này?

- Bạch Thế Tôn! Đó là ngọa cụ của các Tỳ-kheo vì không dùng vật gì che đậy nên bị dơ nhớp như vậy.

- Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ.

Lại nữa, khi Phật cho phép làm tọa cụ rồi, các Tỳ-kheo bèn may tọa cụ nhiều lớp. Vì năm việc lợi ích nên Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi tuần hành phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy những vải vóc, tọa cụ dơ bẩn bỏ ngổn ngang khắp nơi, giống như hoa mạn-đà-la đem phơi ngoài nắng gắt, tuy biết nhưng Phật vẫn

hỏi:

- Những tọa cụ của ai để nguyên tua vải mà may, cáu bẩn dơ dáy thế này?

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn cho phép làm tọa cụ, nên các Tỳ-kheo bèn để nguyên tua vải mà may như vậy.

- Vì sao các ông lại để nguyên tua vải mà may tọa cụ? Từ nay về sau phải làm cho đúng mức, chiều dài hai gang tay Tu-già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo đang ở tại giảng đường, bàn bạc như sau: "Này Trưởng lão, Thế Tôn chế tọa cụ lớn nhỏ, nếu trải chỗ ngồi thì hai đầu gối không có, nếu đắp trên hai đầu gối, thì chỗ ngồi lại không có". Các Tỳ-kheo bèn đem nhân duyên ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

- Vị Thượng tọa trong chúng Tăng là ai?

- Xá-lợi-phất, bạch Thế Tôn.

Phật liền nói với Xá-lợi-phất: "Nhiều vị phạm hạnh bàn về việc đó, vì sao ông ngồi im lặng mà nghe? Nay Ta phạt ông phải đứng phơi nắng".

Xá-lợi-phất nhận sự trừng phạt, đứng phơi nắng ngoài trời. Các Tỳ-kheo liền đến trước Thế Tôn sám hối và bạch: "Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất thân thể mảnh mai yếu đuối, xin Thế Tôn

tha thứ lỗi lầm cho thầy, chớ để thầy mất vui".

Phật nói: "Chẳng những ngày nay tâm ông ấy không thể lay chuyển mà trong thời quá khứ cũng đã từng như vậy, như trong kinh Xà Bản Sinh đã nói rõ. Con rắn lúc ấy là Xá-lợi-phất, tâm nó rất kiên cố không hề lay chuyển".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy tấm nệm của Tăng ở giữa mới tốt, nhưng hai bên dơ bẩn, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ngọa cụ này của ai mà ở giữa thì mới tốt nhưng hai bên dơ bẩn thế này?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế tọa cụ nhỏ che không đủ, nên chỗ được che thì sạch, còn chỗ không che thì dơ.

- Từ nay về sau, Ta cho phép làm tọa cụ hai lớp, nhưng không được làm một cách tùy tiện, mà nên dùng loại vải cũ nhỏ may thành hai lớp. Nếu dùng vải Khâm-bà-la thì một lớp, còn vải Kiếp bối thì làm hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật vắt tọa cụ trên vai, đến đảnh lễ dưới chân Thế Tôn. Phật biết mà vẫn hỏi: - Vật gì trên vai ông vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là tọa cụ nhỏ. Song cái tọa

cụ này nhỏ quá, xin Thế Tôn cho phép tăng thêm lên.

- Tăng thêm chừng bao nhiêu là vừa đủ?

- Bạch Thế Tôn! Chừng một gang tay.

- Ta cho phép tăng thêm một gang tay.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-

vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ thì phải làm đúng kích thước chiều dài hai gang tay Tu-già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi, lại tăng thêm (mỗi chiều) một gang tay nữa. Nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ bớt, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Làm: Hoặc tự mình làm, hoặc sai người khác làm.

Tọa cụ: Đức Thế Tôn cho phép làm với mức độ chiều dài hai gang tay Tu-già-đà, chiều rộng một gang tay rưỡi.

Chiều dài: Tức chiều dọc.

Chiều rộng: Tức chiều ngang.

Tu-già-đà: Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Gang tay: Gang tay của Đức Như Lai dài hai thước bốn tấc (?)

Thêm một gang tay: Gấp hai, ba lớp (miếng) vải rồi kết nối thêm vào tọa cụ. Nếu quá mức quy định thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bớt mà sám hối, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình làm, hoặc sai người khác làm chiều dài đúng cỡ, chiều rộng quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hoặc sai người khác làm chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ, hay ở giữa đúng cỡ, ở ngoài rìa quá cỡ, hay ở ngoài rìa đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, thì khi làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi gấp lại, xếp lại, rấm nước rồi đem phơi khô mà vẫn còn dài lớn quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; nếu sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi làm phải làm đúng cỡ, không được làm quá cỡ.

Tọa cụ là loại vật dụng bằng vải vóc dùng để ngồi, nên không được làm ba y, không được tịnh thí, hay dùng để lót củi, cỏ hoặc lau chùi, mà chỉ được dùng để trải ngồi.

Nếu đi đường thì được xếp lại để trên túi y, hay vắt trên vai rồi mang đi. Thế nên nói (như trên).

86. GIỚI MAY Y CHE GHẺ QUÁ KÍCH

THƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Vì năm sự lợi ích nên Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần, thấy y bị dính đày máu mủ của ghẻ lở đang phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Y của ai mà dơ bẩn thế này?

- Bạch Thế Tôn! Vì các Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ lở nên y phục dơ bẩn như thế.

- Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo được may y che ghẻ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo không cắt các tua ở lề tấm vải mà may nguyên như vậy. Vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần tra phòng ở của các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy những chiếc y che ghẻ được may với những tua vải, dính đầy máu mủ đang phơi ngoài nắng. Tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo.

- Y của ai mà may cả những tua vải, dơ bẩn như thế này?

- Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn cho phép may y che ghẻ, các Tỳ-kheo may nguyên cả những tua vải, nên bị dính máu mủ dơ như thế đó.

- Vì sao các ông để nguyên cả tua vải may y che ghẻ? Từ nay về sau may y che ghẻ phải đúng

với kích thước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo may y che ghẻ thì phải may đúng theo kích thước, chiều dài bốn gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu may quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Y che ghẻ: Thế Tôn cho phép may với kích thước dài rộng theo gang tay của Tu-già-đà, như trên đã nói. Nếu quá kích thước thì cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước, ngoài lề quá kích thước, hoặc ngoài lề đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi xếp lại đo, gấp lại đo, thấm nước đo, rồi đem phơi khô mà còn dài rộng quá cỡ, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội

Việt-tỳ-ni. Cho nên cần phải làm đúng theo kích thước.

Loại y che ghẻ và y tùy thân không được dùng làm ba y, không được tịnh thí, không được dùng để gói củi, cỏ, hay lau chùi. Khi muốn vào xóm làng thì mặc y che ghẻ trước mặc y Tăng-già-lê sau, rồi buộc chặt lại. Khi trở về, thì cởi y Tăng-già-lê đập giũ, xếp lại, cất vào chỗ cũ, còn y che ghẻ thì đừng cởi, nếu cởi vảy ghẻ sẽ lột ra chảy máu, cần ngâm mình dưới nước, nhưng không được ngâm mình ở chỗ Tăng chúng thường tắm, mà nên ngâm ở chỗ vắng vẻ. Sau khi y đã thấm nước thì cởi ra giặt cho sạch. Lúc tắm xong, nên dùng nó lau mình. Cách sử dụng hằng ngày cũng đều như vậy. Đến khi ghẻ lành thì được dùng nó làm ba y và tịnh thí, ngoại trừ việc dùng tiếp tục. Thế nên nói (như trên).

87. GIỚI MAY ÁO TẮM MƯA QUÁ KÍCH THƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trong ba mươi việc, nhất là vấn đề liên quan đến Tỳ-xá-khư-lộc-mẫu bố thí y tắm mưa cho các Tỳ-kheo trong vòng mười hai do diên.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Sau khi Thế Tôn cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo không cắt bỏ các tua vải, cứ để nguyên như thế mà may. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Thế Tôn đi tuần hành qua phòng

các Tỳ-kheo một lần, thấy những tua vải của y tắm mưa bị dơ bẩn được đem phơi nắng, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Y phục của ai mà để nguyên cả tua vải may dơ bẩn như thế?

- Bạch Thế Tôn! Sau khi Phật cho phép may y tắm mưa, các Tỳ-kheo để nguyên cả tua vải may nên trông nhơ bẩn như thế.

- Vì sao các ông lại để nguyên cả tua vải may y tắm mưa? Từ nay về sau phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo may y tắm mưa phải may đúng kích thước, chiều dài sáu gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu quá kích thước thì phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Y tắm mưa: Đức Thế Tôn quy định kích cỡ, chiều dài sáu gang tay Phật, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Chiều dài, chiều rộng của gang tay Phật như trên đã nói. Nếu quá kích cỡ thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không cắt bỏ mà sám hối thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hoặc sai người khác may mà chiều dài đúng kích thước, chiều rộng quá kích thước, hoặc chiều rộng đúng kích thước, chiều dài quá kích thước, hoặc ở giữa đúng kích thước mà ở ngoài biên quá kích thước, hoặc ở ngoài biên đúng kích thước, ở giữa quá kích thước, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình làm hay sai người khác làm như gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô, mà làm xong còn dài rộng quá cỡ, thì phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Vị Tỳ-kheo nào thành tựu năm đức tính thì Tăng nên mời chia y tắm mưa. Năm đức tính đó là:

1. Không thiên vị.
2. Không giận dữ.
3. Không sợ hãi.
4. Không ngu si.
5. Biết ai được chia, ai không được chia.

Thầy yết-ma nên tác bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nếu thời gian thích hợp đối với tăng, tăng hãy mời Tỳ-kheo Mỗ giáp chia y tắm mưa. Đây là lời tác bạch.

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm đức tính, nay Tăng mời Tỳ-

kheo Mỗ giáp chia y tắm mưa. Các đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo Mỗ giáp chia y tắm mưa thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng mời Tỳ-kheo Mỗ giáp chia y tắm mưa, nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy".

Sau khi làm yết-ma xong nên xướng ở giữa Tăng: "Thưa các Đại đức, các vật được chia ở đây sai khác không đồng nhau, cỡ chừng bốn ngón, tám ngón tay thì theo lý không được kể đến". Nếu không xướng như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Từ ngày mồng một tháng tư trở đi, hễ được y tắm mưa, thì lần lượt chia từ Thượng tọa trở xuống. Khi đã có rồi thì không được tắm khỏa thân, cũng không được mặc y tắm mưa thường xuyên mà nên mặc những y cụ khác. Nếu ở chỗ vắng hoặc chỗ nước sâu thì tắm khỏa thân không có tội.

Không được mặc y tắm mưa làm các việc trong chúng Tăng như dọn quá đường, lau nhà, hốt tro trắng, hốt bùn, lợp nhà, khai thông rãnh nước, đào giếng, mà nên mặc những cái y cũ khác làm các việc ấy.

Y tắm mưa này không được dùng làm ba y; không được dùng tịnh thí; không được dùng vào những việc như đi lấy củi, cỏ, hay lau chùi; không được mặc vào trong những ao nước, vũng nước để tắm. Được mặc khi có mưa lớn, nhưng mưa nhỏ thì

không được mặc. Nếu cơn mưa lớn bỗng dưng hết, mà cáu bẩn chưa sạch, thì được mặc vào trong ao, trong vũng nước để tắm.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thổ tả rồi uống thuốc, hay lể đầu chảy máu, hoặc lúc thọ trai ở chỗ trống, thì được dùng y này làm màn để che.

Y tắm mưa này được sử dụng từ nửa tháng tư đến rằm tháng tám. Khi mãn hạn nên xướng giữa Tăng: "Thưa các Đại đức, hôm nay Tăng xả y tắm mưa". Xướng ba lần như vậy. Khi đã xả rồi, được dùng làm ba y, hoặc tịnh thí, hoặc dùng vào các việc khác. Thế nên nói (như trên).

88. GIỚI MAY Y QUÁ CỠ Y PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y để nguyên các tua vải. Các ngoại đạo cũng mặc y để nguyên các tua vải. Khi ấy, Ưu-bà-tắc muốn đảnh lễ Tỳ-kheo, lại đảnh lễ nhầm ngoại đạo, đến khi nghe lời chúc nguyện khác lạ, mới biết không phải là Tỳ-kheo, nên thấy mắc cỡ. Trái lại, đệ tử của ngoại đạo muốn đảnh lễ ngoại đạo, lại đảnh lễ nhầm Tỳ-kheo; hai bên có những nhầm lẫn như vậy. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, y của Tỳ-kheo phải cắt bỏ những cái tua để tác tịnh và nhuộm để tác tịnh".

Các ngoại đạo vì muốn cho mình khác với Tỳ-

kheo nên dùng son, đá đỏ nhuộm y, cầm gậy có ba nấc và chiếc bình nhỏ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở nơi hoang dã khi được y Câu xá da, muốn mặc, bèn dùng màu để nhuộm, như ba loại màu dùng để nhuộm y mà ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, Tỳ-kheo được y Khâm-bà-la cũng như trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Tôn giả Tôn-đà-la-nan-đà vốn là con trai di mẫu của Phật, có ba mươi tướng. Sau bữa ăn, thầy từ thành Xá-vệ đi ra, có A-nan đi theo sau, như: trong việc ba màu y ở trên đã nói.

Lại nữa, khi Phật ở tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tôn giả A-la-quân-trà may y của mình theo kích thước y của Phật, rồi mặc đi vào thành Xá-vệ. Vị Tỳ-kheo này thân lùn mà y dài, nên kéo lê y trên đất mà đi, do vậy, bị người đời đàm tiếu: "Sa-môn Thích tử kéo lê y mà đi". Lại có người mỉa mai: "Ông không biết sao? Y của Sa-môn Cù-đàm không phải do chính cha mẹ mình may, mà là nhặt của người ta vứt, nên mới như vậy".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi A-la-quân-trà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, nên tùy theo kích cỡ của thân mình mà may y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-

vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi Tỳ-kheo may y thì phải căn cứ kích cỡ y của Như Lai để may, nếu may quá kích cỡ phải cắt bỏ, rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Cỡ y của Như Lai chiều dài chín gang tay Tu-già-đà, chiều rộng sáu gang tay. Đó gọi là cỡ y của Như Lai.

Giải Thích:

(Một số vấn đề đã giải thích ở trên).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà dài đúng cỡ, rộng quá cỡ, thì khi may xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tự mình may hay sai người khác may mà chiều rộng đúng cỡ, chiều dài quá cỡ hoặc ở giữa đúng cỡ, ngoài biên quá cỡ, hoặc ngoài biên đúng cỡ, ở giữa quá cỡ, hoặc gấp lại, xếp lại, thấm nước rồi đem phơi khô mà còn dài rộng, thì làm xong phạm tội Ba-dạ-đề; khi sử dụng phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi may nên may giảm kích thước, không được may quá kích thước, và phải tùy theo kích cỡ của thân mà may.

Y Tăng-già-lê có ba loại: Thượng, trung, và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra. Khi đắp y dùng hai ngón tay căng ra mà đắp.

Y Uất-đa-la-tăng có ba loại: Thượng, trung và hạ.

Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra; rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Y An-đà-hội cũng có ba loại: Thượng, trung, và hạ. Loại thượng: Dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay.

Loại trung: Dài năm khuỷu tay, một tay không duỗi ra, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Loại hạ: Dài bốn khuỷu tay rưỡi, rộng ba khuỷu tay, một tay không duỗi ra.

Cuối cùng cho đến loại Phú-tam-mạn-đà-la, quần v.v... Thế nên nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 21

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 5: NÓI VỀ 92 PHÁP ĐƠN ĐỀ (Tiếp Theo)

89. GIỚI VÔ CỚ VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử được Tăng cử làm quản lý trông coi chín việc như trước đã nói, cho đến Đà-phiêu-ma-la-tử có ngón tay út bên phải phóng quang phát sáng, theo thành phần mà giao phòng: A-luyện-nhã ở chung với A-luyện-nhã, khất thực ở chung với khất thực, y phấn tảo ở chung với y phấn tảo, người ăn một lần ở chung với người ăn một lần, thường ngồi ở chung với người thường ngồi, ngồi ở chỗ trống ở chung với người ngồi ở chỗ trống, nệm cỏ ở chung với người nệm cỏ, đọc kinh ở chung với người đọc kinh, pháp sư ở chung với pháp sư, học Luật ở chung với người học Luật, A-la-hán ở chung với A-la-hán, ba minh ở chung với ba minh, sáu thông ở chung với

sáu thông, không oai nghi ở chung với không oai nghi. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nói với Đà-phiêu:

- Thưa Trưởng lão! Cho sáu người chúng tôi ở chung một chỗ.
- Đợi vị Hạ tọa thấp nhất trong nhóm của các thầy đến lượt nhận phòng, rồi tùy ý mà ở chung.

Khi người bạn Hạ tọa của họ đến phiên được căn phòng xấu, giường nằm, giường ngồi, gối nệm các vật đều xấu xí cũ kỹ, và phòng ăn riêng cũng thô sơ tồi tàn, họ bèn bảo nhau:

- Trưởng lão Đà-phiêu như là kẻ thù truyền kiếp của chúng ta, giao cho chúng ta căn phòng xấu xí, thức ăn tồi tệ. Nếu vị Trưởng lão này còn sống lâu trong đời sống phạm hạnh thì chúng ta còn bị đau khổ vô cùng. Nhưng Thế Tôn chế giới không cho phép vô cớ vu khống người khác phạm tội Ba-la-di, nay ta hãy vu khống ông ấy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ Đà-phiêu, nói như sau:

- Trưởng lão, ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.
- Tôi không phạm tội đó.
- Có ai ăn trộm mà lại tự bảo mình là kẻ trộm! Thế nhưng, ông đã phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Đoạn, họ đi đến chỗ vắng, đi đến chỗ nhiều người, đi đến giữa chúng Tăng vu khống Tỳ-kheo Đà-phiêu phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Khi ấy, Tỳ-

kheo Đà-phiêu bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó không?
- Thưa không, bạch Thế Tôn.
- Ông không có tội ấy, Thế Tôn biết ông thanh tịnh.
- Bạch Thế Tôn! Tuy Thế Tôn biết con vô tội, nhưng mong Thế Tôn hãy khiến cho những người kia cũng tin như vậy, chớ để họ vu khống mãi mà mất lợi ích.
- Vậy hãy gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến đây.

Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự kiện kể trên:

- Các ông có việc đó thật chăng?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Đó là việc ác. Các ông không từng nghe Ta dạy phải sinh lòng cung kính, dùng thân, miệng, ý thương xót các vị đồng phạm hạnh hay sao? Nay vì sao các ông lại vô cớ vu khống người khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa? Đó là việc phi pháp, phi Luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo vì giận dữ không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm Tăng-già-bà-thi-

sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Giận dữ: Gồm chín việc não loạn và vô cớ nổi giận. Việc thứ mười là uất hận, thì kẻ phàm phu và người đang học vẫn còn. Nhưng tâm không vui thì A-la-hán vẫn còn.

Vô cớ: Việc đó vốn không có, không thấy, không nghe, cũng không nghi.

Tăng-già-bà-thi-sa: Nếu vu khống một trong mười ba việc này, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Khi có sự tức giận nhau giữa hai Tỳ-kheo thanh tịnh và không thanh tịnh, rồi người thanh tịnh hỏi người kia:

- Thầy thấy tôi phạm tội nào trong mười ba việc, tội thứ nhất hay tội thứ hai?

Người kia không thấy, không nghe, không nghi, không chắc chắn, mà ở chỗ vắng, chỗ nhiều người, giữa chúng Tăng nói như sau:

- Tôi thấy thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghe thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, tôi nghi thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nhưng nghe không đúng sự thật, căn cứ không đúng; nghi không đúng sự thật, căn cứ không đúng; những điều đã thấy, nghe và nghi đó đều hư dối; thấy, nghe và nghi không phải như vậy, mà đối diện, bốn mắt nhìn nhau, nói lời hủy báng, thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia thanh tịnh mà mình tưởng là không thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Việt-tỳ-ni, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu người kia thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh, rồi vu khống họ phạm tội Thâu-lan-giá, muốn xua đuổi họ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu người kia không thanh tịnh, mà tưởng họ không thanh tịnh, rồi hủy báng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vu khống Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề; vu khống Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Thâu-lan-giá; vu khống Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni; vu khống người thế tục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

90. GIỚI XOAY VẬT CỦA TĂNG VỀ NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Khi ấy, có vị Tỳ-kheo khất thực, đến giờ, bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đến một nhà kia, có một người đàn bà nói:

- Thưa Tôn giả, đến ngày mỗ, con sẽ cúng

dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

- Lành thay Ưu-bà-di! Nên kíp thời vì thân mạng và tài sản mà tu ba pháp kiên cố, thường siêng tu tập chớ nên trì hoãn.

Sau khi khất thực xong, Tỳ-kheo trở về Tinh xá, nói với các Tỳ-kheo khác:

- Này các Trưởng lão, tôi mách với các vị một việc tốt.

- Việc tốt gì thế?

- Gia đình kia đến ngày ấy sẽ cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng.

Lúc ấy, Nan-đà và Ưu-ba-nan-đà ở cách đó không xa, nghe nói thế, liền hỏi:

- Nhà ấy ở đâu? Tên họ là gì? Cửa ngõ xoay về hướng nào?

Hỏi đầy đủ và biết rõ các việc xong, sáng sớm hôm sau, hai người đi đến nhà ấy, nói với Ưu-bà-di:

- Tôi nghe có tin tốt lành.

- Tôn giả nghe được tin gì vậy?

- Bà định cúng dường trai phạn và y phục cho chúng Tăng có đúng thế không?

- Lúc đầu con có tâm nguyện ấy, nhưng e nửa chừng gặp những trở ngại, chẳng biết có thành tựu được không!

Ưu-ba-nan-đà liền bảo Ưu-bà-di:

- Bà nên đem chiếc y ấy mà cúng dường cho

Nan-đà.

- Nhà con không có vật gì khác nữa, chỉ có chiếc y này thôi, nhưng con đã định cúng dường cho Tăng, giờ không thể nào thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà liền lên giọng mỉa mai:

- Thế nào là Tăng? Con quạ già cũng là Tăng. Con cú già cũng là Tăng. Tăng như cái cối lủng, cái bồn rỉ không thể đầy đặn. Tăng như vậy đối với bà có lợi ích gì? Có thể nuôi sống con trai, con gái bà, có thể đến nhà vua để giải quyết những việc liên quan đến quan quyền được không? Nan-đà có thể giúp bà làm được nhiều việc lợi ích. Bà hãy đem chiếc y này mà cúng dường cho Nan-đà.

Ưu-bà-di vẫn trả lời như trước.

Lúc ấy, Nan-đà cũng khuyên bà cúng dường cho Ưu-ba-nan-đà như cách nói ở trên. Nhưng Ưu-bà-di vẫn nói:

- Nhà con không có vật gì khác nữa. Con cũng muốn dùng nó cúng dường cho Tôn giả, nhưng vì đã hứa cúng dường cho Tăng, nên không thể thay đổi được.

Ưu-ba-nan-đà nói:

- Cúng dường hay không cúng dường mặc ý bà.

Rồi bỏ đi. Bấy giờ, Ưu-bà-di suy nghĩ: "Chiếc y này ta cũng muốn cúng dường cho Nan-đà, nhưng Tăng là ruộng phước tốt lành, nên ta cũng muốn cúng dường cho Tăng. Song, Nan-đà có thể

lực lớn, sợ e ông có thể làm điều gì bất lợi cho ta". Suy nghĩ thế rồi, bà quyết định không

cúng dường nữa.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này kẻ ngu si, ông đã gây nên ba việc xấu này: kẻ bố thí mất phước, người thọ nhận mất lợi và khinh hủy chúng Tăng. Ông không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi ít muốn và chê trách muốn nhiều hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo biết vật ấy thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Biết: Hoặc tự biết, hoặc do nghe người khác mà biết.

Vật: Gồm có tám thứ kể cả thanh tịnh và không

thanh tịnh. Định cúng: Đã quyết định chỗ cúng dường vật đó.

Tăng: Gồm có tám loại, như trên đã nói. Vận động: Chuyển vật đó cho người khác. Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu người ta đem phẩm vật đến hỏi Tỳ-kheo: "Thưa Tôn giả, con muốn đem vật này cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Tùy ý ông (bà) thích nơi nào thì nên cúng dường nơi đó".

- Vậy, cúng dường nơi nào được quả báo lớn?
- Cúng dường cho Tăng được quả báo lớn.
- Tăng ở đâu giữ giới, con định cúng dường họ?
- Không có Tăng nào lại phạm giới.
- Vị Tỳ-kheo nào siêng năng tu tập, biết quý trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, để con thường gặp mặt.
- Tỳ-kheo Mỗ giáp siêng năng tu tập, biết quý trọng giữ gìn các vật dụng, thường sống tại đây, cúng dường cho Tỳ-kheo ấy thì có thể thường gặp mặt.

Nếu thí chủ nói: "Con muốn cúng dường vật này cho Tôn giả", thì nên đáp: "Thí chủ nên cúng dường cho Tăng".

Nếu thí chủ lại nói: "Con đã cúng dường cho Tăng rồi, ý con muốn cúng dường cho Tôn giả, mong Tôn giả vui lòng nhận cho", thì bấy giờ nhận

lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng mà tìm cách xoay về cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu xoay về cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng dường cho Tăng này mà mình tìm cách xoay về cho Tăng khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu thí chủ định cúng dường vật đó cho nhóm người này mà mình tìm cách xoay về cho nhóm người khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu... cho súc sanh này mà xoay về cho súc sinh khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm niệm sám hối. Thế nên nói (như trên).

91. GIỚI CỐ Ý NÓI DỐI ĐỂ CHẠY TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng chúng cứ mỗi nửa tháng tụng giới, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe tụng đến bốn việc thì im lặng, nghe tụng đến mười ba việc thì nổi giận, nghe tụng đến ba mươi việc liền xầm xì, nghe đến chín mươi hai việc bèn đứng dậy nói:

- Trưởng lão, những điều đó do Thế Tôn nói sao? Thế Tôn nói tại đâu vậy? Nếu tôi còn sống lâu ở đời thì sẽ phải nghe những điều như thế này nhiều lắm. Đây chính là mẹ của pháp phát sinh ra

cấm giới như thế này!

Các Tỳ-kheo nghe những lời ấy, cảm thấy hổ thẹn, bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì Như Lai muốn cho các đệ tử được lợi ích, nên chế giới cứ nửa tháng tụng một lần. Vì sao các ông lại chê bai, ngăn cản? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu vào dịp nửa tháng tụng giới mà Tỳ-kheo nói như sau: "Nay tôi mới biết những pháp này được đưa vào kinh để tụng vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng", nhưng các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy đã từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn, nên không thể lấy lý do không biết để hòng chạy tội. Vì thế Tăng phải căn cứ theo tội đã phạm mà quở trách: "Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào những dịp tụng giới mỗi nửa tháng thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp". Quở

trách xong, (bảo sám hối) tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Nửa tháng: Mười bốn ngày hay mười lăm ngày.

Giới: Mười hai giới kinh.

Chạy tội: Nghĩa là nói: "Nay tôi mới biết là pháp ấy được đưa vào giới bản để tụng mỗi nửa tháng". Nhưng kỳ thực Tỳ-kheo tụng giới đã biết vị ấy từng ngồi nghe tụng giới hai, ba lần, thậm chí còn nhiều hơn. Thế nên, Tỳ-kheo ấy không thể lấy lý do không biết để mong thoát tội. Do vậy, tùy theo tội đã phạm, rồi căn cứ theo pháp, luật mà quở trách như sau: "Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích, vào dịp tụng giới mỗi nửa tháng, thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không lắng tai nghe giới pháp". Quở trách như vậy rồi, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo sau khi thọ giới Cụ túc nên đọc hai bộ Luật (của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni). Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu không thể đọc một bộ thì nên đọc đủ năm chúng thiên giới. Nếu không thể đọc hết năm thiên thì nên đọc bốn thiên giới. Nếu không thể đọc hết bốn thiên thì nên đọc ba thiên. Nếu không thể đọc hết ba thiên thì nên đọc hai thiên. Nếu không thể đọc hết hai thiên thì nên đọc một thiên và các bài kệ.

Khi Bố-tát nên tụng đủ năm thiên giới. Nếu

không thể tụng cả năm thiên thì nên tụng bốn thiên. Nếu không thể tụng cả bốn thiên thì nên tụng ba thiên. Nếu không thể tụng cả ba thiên thì nên tụng hai thiên. Nếu không thể tụng cả hai thiên thì nên tụng một thiên và các bài kệ. Ngoài ra, những việc khác như Tăng thường nghe. Nếu không tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Tăng nên mời một vị tụng lưu loát để tụng, còn những người khác chú tâm lắng nghe.

Phật dạy:

- Khi tụng giới, các Tỳ-kheo không được ngồi thiền hay làm những việc khác, mà tất cả đều phải chú ý lắng nghe. Nếu bốn việc (bốn Ba-la-di) lắng nghe mà mười ba việc không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mười ba việc lắng nghe mà hai Bất định không nghe, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu hai giới Bất định nghe mà ba mươi việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ba mươi việc nghe mà chín mươi hai việc không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu chín mươi hai việc nghe mà bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni nghe mà pháp chúng học không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu pháp chúng học nghe mà bảy Diệt tránh không nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu giữa chừng không nghe một Thiên nào thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu tất cả đều không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tội này không thể đến sám hối riêng với một người, mà

phải sám hối giữa Tăng chúng, trước một người giữ giới, có uy đức mà mình kính trọng. Rồi người này nên khiển trách: "Này Trưởng lão, thầy đã mất lợi ích. Vì khi nửa tháng tụng giới thầy không tôn trọng, không nhất tâm, không chú ý lắng nghe giới pháp". Khiển trách xong, bắt sám hối tội Ba-dạ-đề. Thế nên nói:

"Nhà ăn, vào vương cung,
Ống đựng kim, giường, nệm.
Tọa cụ, y che ghẻ,
Y mưa, y Như Lai.
Vu khống là thứ mười.
Chuyển hướng vật kẻ khác
Ngăn chúng Tăng Bố-tát
Hết Bạt cừ thứ mười( )".

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 6: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

1. GIỚI NHẬN THỨC ĂN TẠI A LUYỆN NHÃ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã được cha mẹ, chị em, bà con thuộc dòng họ Thích sai sứ giả đem các thức

ẩm thực đến cho các thầy. Nhưng những kẻ đem thức ăn hoặc ăn hết một nửa, hoặc ăn một phần ba, hoặc ăn hết sạch ở dọc đường. Thế rồi, các Tỳ-kheo có người về thăm nhà, được thân nhân hỏi: "Trước đây tôi có sai người đưa thức ăn, thầy có nhận được hết không?". Trong số ấy, ai nhận được hết thì bảo là nhận hết; nhận một nửa thì bảo là nhận một nửa; nhận một phần ba thì bảo là nhận một phần ba; không nhận thì bảo là không nhận. Thân nhân nghe vậy, nổi giận mắng sứ giả: "Quân tệ ác chết tiệt! Ta sai ngươi đem thức ăn, vì sao ngươi dám ăn?", bèn lấy roi quất hắn. Bị đánh đau, tên sứ giả khóc rống lên kêu than: "Vì ông Sa-môn bất nhân ấy mà ta bị đánh".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đó đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông ở A-luyện-nhã trước hết không nhắn với người bên ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin tức của người ở trong, mà tự tay lấy thức ăn để ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tin bên ngoài, bên ngoài cũng không nhận được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (thức ăn).

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần; Ngài thấy một Tỳ-kheo đang đau ốm, sắc diện tiều tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, khí lực ông có đầy đủ không?

- Con bị bệnh rất khổ sở, bạch Thế Tôn.

- Ông không thể uống thuốc hợp với bệnh, ăn thức ăn hợp với bệnh được sao?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã

trước không thông tri cho người ở ngoài, người ở ngoài cũng không nhận được tin bên trong mà tự tay nhận lấy (vật thực). Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh không thể ra ngoài, nên mới tiều tụy khổ sở thế này.

- Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được nhận (vật thực) ngay trong trú xứ.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã, trước không thông tri, không nói là Tỳ-kheo đang bệnh; người bên ngoài cũng không được tin bên trong, mà tự tay nhận lấy (vật thực), hoặc nhai, hoặc

ăn, thì Tỳ-kheo này phải đến bên Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng quở trách, xin hối lỗi với Trưởng lão". Đây là giới Ba-la-đề-đề-xá-ni thứ nhất".

Giải Thích:

A-luyện-nhã: Như trên đã nói.

Trước không thông tri: Thông tri có hai cách, nói rõ số lượng và không nói rõ số lượng.

1. Có nói số lượng: Bảo phải gởi vào chừng ấy, chừng ấy thứ ẩm thực.

2. Không nói số lượng: Chỉ nói đơn giản là gởi thức ăn vào mà không liệt kê số lượng là bao nhiêu. Bên ngoài không nhận được tin bên trong. Người ở ngoài Tinh xá không nhận được tin của người ở trong Tinh xá.

Bệnh: Bệnh tả, bệnh lạnh, bệnh phong. Những người có các chứng bệnh như vậy không thể ra ngoài Tinh xá để lấy thức ăn, nên Đức Thế Tôn bảo là (ăn ở trong Tinh xá) không có tội.

Tự tay nhận lấy: Dùng tay mình nhận đồ từ tay người khác, dùng bát nhận đồ từ bát người khác.

Nhai: Khi ăn bánh, trái cây v.v...

Ăn: Khi ăn năm loại thức ăn chính. Nếu nhai hoặc ăn thì Tỳ-kheo này phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với Trưởng lão". Người nhận sám hối nên hỏi:

- Thầy có thấy tội không?
- Thưa thấy.
- Cẩn thận chớ có tái phạm.
- Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Tội này phải hướng đến người khác phát lồ, không được che giấu.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo ấy đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo ấy mà Tỳ-kheo ấy nhận thì không có tội.

Nếu vì Tỳ-kheo khác đưa thức ăn, mình nói với Tỳ-kheo khác mà Tỳ-kheo khác nhận, thì không có tội.

Nếu người đưa thức ăn trước đó đã cho biết số lượng (Của thức ăn) mà Tỳ-kheo nhận kiểm tra tương ưng với số lượng ấy thì được nhận ngay tại Tinh xá. Nếu không tương ứng thì nên bảo họ mang về. Nếu có thư gởi đến mà đọc thư thấy tương ưng, thì nên nhận. Nếu không tương ứng thì bảo họ đem về. Nếu bì thư có đóng dấu mà mở thư xem thấy đầy đủ, thì nhận; nếu không đầy đủ, thì bảo họ đem về.

Nếu người đưa thức ăn trước đó không nói rõ

số lượng, thì khi thức ăn mang đến, nên ra ngoài cổng Tinh xá để nhận. Nếu bỗng dưng họ mang đến, vào khỏi cổng, thì không nên nhận. Nếu có tịnh nhân thì nên bảo họ đưa cho tịnh nhân. Nếu không có tịnh nhân thì nên bảo họ để dưới đất, đợi tịnh nhân đến, rồi sai tịnh nhân đem thức ăn ấy ra khỏi cổng, bấy giờ, Tỳ-kheo mới được nhận.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh không thể ra ngoài, thì ở trong Tinh xá nhận thức ăn, không có tội.

Nếu người bà con đem thức ăn đến những nơi du ngoạn như công viên, hồ ao thắng cảnh, rồi họ lấy thức ăn đưa cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo tùy ý nhận, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo khi đi đường suy nghĩ: "Ta đến Tinh xá mỗ sẽ ăn", mà lại đến nơi khác ăn, thì phải sám hối. Nhưng nếu đến Tinh xá mỗ gặp lúc Tăng ở đây được mời phó trái, thì mình bỏ đi, không có tội. Thế nên nói (như trên).

2. GIỚI NHẬN THỨC ĂN CỦA TỲ KHEO NI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Nhân đây hãy nhắc lại nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo: "Phước đức bậc nhất trong hàng Thanh văn ni của Ta chính là Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma. Lúc ấy nạn đói hoành hành, khất thực khó khăn, vào giờ khất thực

Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly tuần tự khất thực. Bỗng cô thấy một Tỳ-kheo, liền hỏi:

- Tôn giả có được thức ăn không?

Vị Tỳ-kheo ấy bèn đưa cái bát không cho cô xem. Thấy thế, cô suy nghĩ: "Thầy là bậc tôn túc của ta mà khất thực không có", đoạn đem thức ăn trong bát của mình sớt cho Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy được thức ăn bèn trở về Tinh xá gọi các Tỳ-kheo khác cùng ăn.

Các Tỳ-kheo liền hỏi:

- Trưởng lão, ở đâu mà được thức ăn ngon thế này? Thầy đáp:
- Tôi được thức ăn này từ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma đó.

Các Tỳ-kheo nghe thế, ai nấy đều đến đó đòi, lần lượt nhau cho đến năm trăm Tỳ-kheo (?) đều nhận được thức ăn. Lo cho các Tỳ-kheo xong, cô mới tìm thức ăn cho mình thì mặt trời đã quá ngọ, nên mất bữa ăn, cô đành trở về Tinh xá. Sáng sớm hôm sau, các Tỳ-kheo lại khoác y, cầm bát đến đứng ngoài cửa Tinh xá Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thấy vậy liền vào nói với Thi-lợi-ma:

- Các Tỳ-kheo hôm nay đang đứng chờ ngoài cửa. Thi-lợi-ma nghe rồi, liền bảo đệ tử:
- Lấy y bát ra đây để ta mặc đi khất thực giúp cho các vị tôn túc.

Thế rồi, cô tuần tự lo cung cấp cho năm trăm người xong mới lo cho mình, thì đã quá ngọ, đành nhịn đói trở về. Đến ngày thứ ba cũng thế, cô lo cung cấp tuần tự cho năm trăm người, nhưng chỉ còn một người chưa được thức ăn. Thế nên, vị Tỳ-kheo này bèn đi theo sau Thi-lợi-ma vào một nhà kia. Do cô nhịn đói liên tục ba ngày nên thân thể hao mòn, ngất xỉu té nằm trên đất. Lúc ấy, các bà thấy vậy hãi kinh, định đỡ cô dậy, thì cô bảo:

- Khoan, khoan đã! Để tôi nghĩ xem vì sao mà té xuống đất.

Rồi cô nhớ lại là vì mình đã khất thực giúp cho các bậc tôn túc, còn mình thì không được ăn cho nên bị hao mòn, ngất xỉu. Đoạn, cô đứng dậy phủi đất cát, sửa lại y phục chỉnh tề, suy nghĩ: "Người bố thí có lợi ích vô thượng, nhớ đến việc bố thí khiến tâm sinh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên được tam muội thanh tịnh, dùng tam muội quán chiếu thấy rõ sự sinh diệt của năm ấm, việc bố thí có công dụng trang nghiêm tự tâm, điều phục các căn". Nhờ vậy cô nhập được kim cương định, dứt sạch mọi lậu hoặc (ô nhiễm), chứng được ba minh trong chánh pháp. Sau khi Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma chứng ngộ, người phụ nữ kia bèn đưa cô vào trong nhà tắm rửa, rồi trải tòa mời ngồi, đoạn đem thức ăn ra cúng dường. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia vẫn còn đứng đợi ngoài cửa. Người phụ nữ ấy sợ thầy lại đòi thức ăn, bèn đứng án ngữ giữa cửa. Thi-lợi-ma thấy bà

đứng chận trước cửa liền sinh nghi, không hiểu vì sao bà lại đứng chận trước cửa, bèn nghiêng đầu nhìn ra, thì thấy góc y của Tỳ-kheo, liền nói:

- Đó là vị tôn sư của tôi, khất thực không được.

Rồi mời:

- Xin Tôn giả vào lấy thức ăn. Người phụ nữ nói:

- Thưa cô, cô cứ ăn. Con sẽ tìm thức ăn khác cúng dường cho thầy ấy.

Thi-lợi-ma nói:

- Lúc này, đang bị nạn đói, tìm đâu ra thức ăn nữa. Đoạn, đem thức ăn ra cúng dường.

Người phụ nữ ấy oán trách:

- Sa-môn Thích tử không có lòng từ. Vì sao người ta đã nhịn ăn cả ba hôm, đói xỉu suýt mất mạng, mà còn theo đòi thức ăn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo đến. Khi các thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo tự tay nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-lợi-tra thân thể lở loét

bị người ta nhờm gớm, nên không cho thức ăn. Mỗi lần đi khất thực, nếu thầy chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào rồi thì họ đuổi ra, không cho. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì năm điều lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; thấy thân thể A-lợi-tra bị lở loét, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, sức khỏe của ông có điều hòa không?

- Bạch Thế Tôn! Con chỉ lo đói khát thôi.

- Này Tỳ-kheo, ông không thể đi khất thực sao?

- Bạch Thế Tôn! con có thể đi khất thực, nhưng vì thân thể con bị lở loét, khiến người ta nhờm gớm, nên cứ mỗi lần đi khất thực, nếu chưa vào cửa thì họ đóng cửa không cho vào, nếu đã vào cửa thì họ đuổi ra không cho.

- Sao ông không đến chỗ Tỳ-kheo-ni Thi-lợi-ma xin thức ăn?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y; mà cô ấy không phải bà con nên con không dám đến.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đến.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y, hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm phải tội đáng trách, xin hối lỗi với Trưởng lão". Đây gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Giải Thích:

Không phải bà con: không phải cha mình, không phải mẹ mình.

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nhưng không phải là nói về những bệnh chút chút mà là nói về những bệnh như ghẻ chốc, lở loét, ung thư khiến cho người ta nhờm gớm. Đó gọi là bệnh.

Tại nhà bạch y: Tại nhà của người thế tục.

Tỳ-kheo-ni: Thọ Cụ túc giới giữa hai bộ Tăng.

Tự tay nhận lấy: Hoặc tay này nhận từ tay khác, hoặc bát này nhận từ bát khác.

Nhai: Như ăn các loại bánh, trái cây v.v...

Thức ăn: Năm thức ăn chính. (Nếu đã nhận thức ăn thì) Tỳ-kheo này phải đến hối lỗi với Tỳ-kheo khác: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách, xin hối lỗi với Trưởng lão". Tỳ-kheo nhận sám hối nên hỏi:

- Thầy có thấy tội không?

- Dạ thấy.
- Cẩn thận chớ tái phạm.
- Xin cuối đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà tự tay nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà người thế tục, thì khi nhận phạm tội Việt-tỳ-ni, khi ăn phạm pháp hối quá.

Người không phải bà con, mình tưởng là không phải bà con mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con, mình nghi ngại mà nhận thức ăn thì phạm tội hối quá.

Người không phải bà con mà mình tưởng là người bà con rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình tưởng là không phải bà con, rồi nhận thức ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mà mình nghi, rồi nhận thức ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Người bà con mình tưởng là người bà con (rồi nhận thức ăn) thì không có tội.

Vì người khác mà nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu vì người bệnh mà nhận thì không có tội. Hoặc ăn thức ăn còn lại của người bệnh cũng không có tội.

Khi Thức-xoa-ma-ni, Sa-di ni đem thức ăn đến thì hãy bảo họ để xuống đất, rồi mình nhận lại từ

tay người khác thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mang thức ăn đến để xuống đất rồi thưa: "Xin Tôn giả nhận gấp cho con", khi ấy, mình nhận thì không có tội. Hoặc nhận thức ăn tại chỗ ở của Tỳ-kheo-ni cũng không có tội. Thế nên nói (như trên).

3. GIỚI ĂN THỨC ĂN DO NI VẬN ĐỘ

Khi Phật ở Tinh xá Ca-lan-đà Trúc Viên tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, một gia đình quen biết của Tỳ-kheo-ni Thâu-la-nan-đà mời chư tăng thọ trai. Thâu-la-nan-đà đứng trước nhóm sáu Tỳ-kheo chỉ bảo, nói với đàn-việt:

- Đưa cơm cho Tỳ-kheo này, đưa canh cho Tỳ-kheo kia, đưa thịt cá cho Tỳ-kheo nọ.

Đàn-việt vâng lệnh dọn thức ăn đầy đủ cho nhóm sáu Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo bèn chê trách:

- Vì sao nhóm sáu Tỳ-kheo để cho Tỳ-kheo-ni bảo đàn-việt dọn nhiều thức ăn cho mình mà không quở trách?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật bèn hỏi lại sự việc trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông để cho Tỳ-kheo-ni bảo dọn

thức ăn nhiều cho

mình một cách thiên vị mà không quở trách?

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Vương xá phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu nhà bạch y mời chư Tăng thọ trai, mà Tỳ-kheo-ni đứng trước Tỳ-kheo, chỉ bảo đàn-việt: "Đưa cơm cho vị này, đưa canh cá thịt cho vị kia", thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã".

Nếu như không có một người nào trong số các Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo-ni: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã", thì các Tỳ-kheo phải hướng đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách". Pháp sám hối này được gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Giải Thích:

Nhà bạch y: Nhà người thế tục.

Mời: Hoặc mời ngày nay, hoặc ngày mai.

Thức ăn: Năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ.

Tỳ-kheo-ni: Người đã thọ giới Cụ túc giữa hai bộ Tăng (Ni).

Đưa: Như nói: "Sớt thêm cơm cho vị này, múc thêm canh cho vị kia, đem cá thịt cho vị nọ".

Nên nói với Tỳ-kheo-ni: Qua sự thấy nghe hay biết, nên bảo: "Này chị em, hãy để yên đấy, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã".

Nếu người ấy dừng lại thì tốt, nếu không dừng lại, thì nhắc nhở đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu không nói mà cứ nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu ăn thì phạm pháp Hối quá. Tỳ-kheo này phải hướng đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách". Pháp Hối quá này người nhận sám hối nên hỏi:

- Thầy có thấy tội ấy không?
- Dạ thấy.
- Hãy cẩn thận chớ tái phạm.
- Xin cúi đầu lãnh thọ.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu chưa quở trách đủ ba lần mà ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đủ ba lần mà người ấy không đình chỉ, thì ăn không có tội. Một người quở trách rồi, tất cả đều ăn không có tội. Hoặc không thấy, không nghe thì ăn không có tội. Hoặc Ni tự làm đàn-việt thì không có tội. Nếu đàn-việt chưa mời Tăng lần nào nên không biết cách thức, thì khi ấy Tỳ-kheo-ni có thể chỉ bảo họ tôn trí hình tượng, dọn các thức ăn, rồi mới ngồi. Nếu không mời, không phải năm thức ăn chính, thì chỉ bảo không

có tội. Thế nên nói (như trên).

4. GIỚI NHẬN THỨC ĂN CỦA HỌC GIA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Ở đây xin nói rộng về nhân duyên của đại thần Tỳ-xà, cho đến chỗ Tiên-di-ni Sát-lợi, rồi Phật nói với các Tỳ-kheo: "Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, Tăng nên làm yết-ma học gia cho ông". Pháp yết-ma này nên nói:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng hãy làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá khiến cho tiền tài khánh tận. Tăng nay làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà. Các Đại đức nào bằng lòng làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy).

Tăng đã làm yết-ma học gia cho đại thần Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy".

Đại thần Tỳ-xà sau khi từ chỗ Tiên-di-ni Sát-lợi trở về, mệt lả, thân thể đầy bụi bặm, liền hỏi người nhà: "Các A-xà-lê có thường đến không?".

Người nhà đáp: "Có đến, nhưng khi bố thí vật gì thì tất cả đều không nhận". Tỳ-xà nghe vậy, lòng không vui, cũng không kịp tắm rửa gì, tức tốc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao các Tỳ-kheo không nhận vật cúng dường của nhà con?

- Vì ông bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Như Lai muốn lợi ích cho ông nên đã làm yết-ma học gia đối với ông. Vì lý do đó mà các Tỳ-kheo không nhận phẩm vật bố thí của ông.

- Bạch Thế Tôn! Ngày nay gia đình con giàu có gấp ba lần trước kia, kính xin Thế Tôn từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo nhận phẩm vật bố thí của gia đình con.

- Hôm nay là ngày rằm, vậy ông hãy trở về nhà, tắm rửa thân thể, mặc y phục mới mẻ sạch sẽ, rồi cùng với thân quyến đi đến xin chúng Tăng tùy hỷ nguyện vọng của ông.

Sau khi Tỳ-xà vâng theo lời dạy trở về, thì Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Trước đây Tỳ-xà vì bố thí thái quá, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự đến nói rằng gia sản đã giàu có hơn xưa gấp ba lần, nên muốn xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, vậy Tăng nên xả cho ông".

Tỳ-xà trở về nhà, tắm rửa thân thể, thay y phục

mới, rồi cùng với quyến thuộc, đi đến chỗ Tăng, trình bày đầy đủ việc kể trên. Lúc này, Tăng muốn giải yết-ma học gia phải làm yết-ma cầu thính, nói như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông lợi ích đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nhưng nay sản nghiệp đã sung túc. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, mong Tăng hãy cho phép đại thần Tỳ-xà vào trước Tăng xin xả pháp yết-ma học gia.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà xin xả pháp yết-ma học gia, Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy".

Lúc ấy, đại thần Tỳ-xà phải vào trước chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối, chắp tay, bạch như sau:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Con là Tỳ-xà, trước giàu sau nghèo, Tăng thương tình cho con pháp yết-ma học gia. Nay gia nghiệp của con đã giàu có hơn xưa gấp ba lần, nên con đến xin Tăng xả pháp yết-ma học gia, kính mong Tăng xả pháp yết-ma học gia cho con". (Xin ba lần như vậy).

Bấy giờ, phải dẫn ông Tỳ-xà ra đứng chỗ mắt thấy mà tai không nghe, rồi người làm yết-ma bạch:

"Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Vị đại thần Tỳ-

xà này do bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận, Tăng muốn cho ông được lợi ích nên đã làm pháp yết-ma học gia cho ông. Nay ông tự đến nói rằng gia sản giờ đây đã sung túc hơn xưa gấp ba lần, nên xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng nay hãy xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Đại thần Tỳ-xà bố thí thái quá đến nỗi tiền tài khánh tận. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma học gia đối với ông. Nay Tỳ-xà tự nói rằng gia sản đã sung túc gấp ba lần trước kia, nên đã xin Tăng xả pháp yết-ma học gia. Nay Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà. Đại đức nào bằng lòng việc Tăng xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Đây là yết-ma lần thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã xả pháp yết-ma học gia cho ông Tỳ-xà xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy".

Vấn đề xả pháp yết-ma học gia này phải có sự hiện diện của Tăng chúng chứ không phải bằng sự hiện diện của đồ chúng. (Nghĩa là chỉ có thầy trò với nhau).

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười

lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo chưa được mời trước mà đến những gia đình Tăng đã làm pháp yết-ma học gia tự tay nhận thức ăn, (399a) hoặc nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác tạ lỗi: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng trách". Pháp hối quá này là pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Giải Thích:

Học gia: Gia đình cả hai vợ chồng mỗi người đều đã chứng được một trong ba quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm hoặc A-na-hàm.

Gia đình: Gia đình của bốn chủng tộc: Gia đình Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá và Thủ-đà-la.

Tỳ-kheo chưa được mời trước: Trước đó chưa được thí chủ mời mà mình tưởng họ mời, hoặc mời người khác mà tưởng họ mời mình, rồi mình đến nhà, vườn hay ruộng đồng của họ.

Tự tay nhận lấy: Từ tay đưa qua tay hay từ bát đưa qua bát để nhận.

Nhai: ăn các loại bánh, trái v.v...

Thức ăn: Năm loại thức ăn chính. Nếu Tỳ-kheo nhận năm loại

thức ăn chính thì phải đến Tỳ-kheo khác sám hối như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm tội đáng quở trách, xin hối lỗi với Trưởng lão". Người nhận sám hối nên hỏi:

- Thầy có tự thấy tội không?
- Dạ thấy.
- Chớ có tái phạm.
- Xin cúi đầu lãnh nhận.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Như trên đã nói.

Nếu gia đình nào Tăng đã làm yết-ma học gia thì không được tuyệt nhiên không đến nữa như chim quạ tránh tên, mà thỉnh thoảng nên

đến thăm, thuyết pháp bàn luận nghĩa lý. Nếu gia đình ấy bố thí thì hãy bảo họ hãy để đấy, tôi sẽ biết đúng lúc. Nếu trước đó họ đã mời Tăng rồi mới làm yết-ma sau, thì không được nhận những vật có giá trị lớn mà nên nhận những vật có giá trị tầm thường. Nếu gia đình ấy hỏi: "Vì sao Tôn giả không nhận vật bố thí này? Thầy cho rằng tôi nghèo sao?", thì khi ấy, nên đáp: "Ông (bà) không nghèo, như Đức Thế Tôn đã dạy, người đắc quả Tu-đà-hoàn thành tựu bốn pháp, là kẻ giàu nhất trong hàng Thanh văn. Bốn pháp đó là:

1. Có niềm tin kiên cố đối với Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được.
2. Có niềm tin kiên cố đối với chánh pháp.
3. Có niềm tin kiên cố đối với chúng Tăng.
4. Có niềm tin kiên cố đối với thánh giới, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, người đời không thể phá vỡ được niềm tin ấy.

Những ai thành tựu bốn pháp này là người không nghèo mà là giàu có bậc nhất trong hàng Thanh văn của Đức Như Lai".

Nếu mình đến Tinh xá nào đó gặp lúc cúng dường trai phạn và nước uống phi thời cho Tăng chúng, thì không được bỏ đi mà nên giúp họ trải giường nệm, bày vật cúng dường, rồi cùng thọ trai. Trai phạn xong, nên thuyết pháp cho họ nghe. Thế nên nói:

"Ở nơi A-lan-nhã,
Không bệnh nhận
Ni cúng. Tỳ-kheo-ni bảo dọn
Yết-ma định học gia,
Hết bốn pháp hối quá".

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 7: NÓI VỀ 66 PHÁP CHÚNG HỌC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mặc nội y hoặc thấp, hoặc cao, so le, bách điệp, như hoa Thạch lựu, như nắm cơm vắt, như đuôi cá, như lá cây Đa-la, như vòi voi v.v...

Thấp: Chấm gót chân.

Cao: Ngang đầu gối.

So le: Không tề chỉnh.

Bách điệp: Gấp lại nhiều lớp. Hoa Thạch lựu: Dồn về một bên.

Nắm cơm vắt: Túm trên đầu như nắm cơm vắt. Đuôi cá: Thòng xuống hai góc giống như đuôi cá. Lá cây Đa-la: Lồi lên như lá cây Đa-la.

Vòi voi: Một góc thòng xuống.

Họ mặc nội y lôi thôi như thế nên bị người đời chế nhạo:

- Xem Sa-môn Thích tử mặc áo quần giống như vương tử, đại thần, kẻ ăn chơi, hoặc cao, thấp, so le cho đến giống như vòi voi. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế?

Các Tỳ-kheo nghe vậy, liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông mặc nội y cao thấp, cho đến giống như vòi voi, khiến cho người đời chê bai? Từ nay về sau Ta không cho phép mặc nội y như vậy.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, rồi Ngài mặc nội y ở trước chúng Tăng. Mặc xong, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên mặc nội y như thế này, như cách

mặc nội y của trời Tịnh Cư, gấp bên phải xếp về bên trái.

Thế rồi, vì mười lợi ích mà Phật chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

1. "Cần phải học: mặc nội y tề chỉnh".

Khi mặc nội y phải mặc chỉnh tề, không được cuộn tròn như quấn

vào trục, không được làm như dâm nữ bán nhan sắc nhìn bên trái bên phải xem có đẹp hay không đẹp, chỉ cần xem mặc có tề chỉnh đúng pháp hay không. Nếu buông lung các căn không chú ý mặc tề chỉnh tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: mặc nội y tề chỉnh".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đắp y khi thì thấp, lúc thì cao, hoặc giống như Bà la thiên, Bà tẩu thiên.

Đắp y thấp: Xuống tới gót chân.

Đắp y cao: Ngang đầu gối.

Đắp y như Bà la thiên: Y lòi trên đầu, dưới hai nách lòi ra. Đó gọi là đắp y như Bà la thiên.

Đắp y như Bà tẩu thiên: Y lồi trên lưng, từ dưới hai nách choàng lên hai vai. Đó gọi là đắp y như Bà tẩu thiên.

Họ đắp y lôi thôi như thế nên bị người đời chế nhạo:

- Vì sao Sa-môn Thích tử đắp y khi cao khi thấp giống như nhà vua, đại thần, kẻ hào phú! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau Ta không cho phép đắp y cao, thấp, cho đến giống như cách đắp y của Bà tẩu thiên, mà phải đắp y tề chỉnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

2. "Cần phải học: đắp y tề chỉnh".

Khi đắp y phải đắp tề chỉnh, không được cuộn tròn giống như cuốn vào trục, mà phải khắp trên vai trái, hai góc y phải bằng nhau. Khi đắp không được để cho góc y trong tay lồi ra giống như tai dê; không được làm như dâm nữ bán nhan sắc, nhìn qua bên phải bên trái xem có đẹp hay không đẹp; chỉ cần xem cho đúng pháp, tề chỉnh, không cao không thấp là được. Khi y bị dính đất thì có thể dùng tay dỡ lên, phủi đi. Nếu buông lung các căn đắp y không đúng pháp tức là coi thường pháp cần phải học. Nếu bị cuồng si tâm loạn thì không có

tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: đắp y tề chỉnh".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mặc áo trong thưa mỏng để lộ thân hình; đồng thời nhóm sáu Tỳ-kheo cũng mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả hông, ức, lưng, cùi chỏ, rồi họ cùng nhau đi vào nhà đàn-việt, nên bị người đời châm biếm:

- Các vị hãy xem kìa! Sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần, mặc áo trong thưa mỏng để lộ cả thân hình.

Còn thấy mặc y rách rưới thì họ nói với nhau:

- Các vị hãy xem kìa! Sa-môn Thích tử mặc y phục để lộ cả thân thể giống như những kẻ tôi tớ, như người hạ tiện làm thuê đi vào nhà chúng ta. Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo nghe họ nói, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải che thân kín đáo khi vào trong nhà bạch y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

3. "Cần phải học: che kín thân thể khi vào

trong nhà bạch y".

Nếu may y An-đà-hội thì phải dùng vải dày để may. Nếu vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu y An-đà-hội thưa thì y Uất-đa-la-tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la-tăng thưa thì y Tăng-già-lê phải may bằng vải dày. Nếu buông lung các căn không che thân thể kín đáo khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu cuồng loạn điên khùng, thì không có tội. Thế nên nói:

- Cần phải học: Che thân thể kín đáo khi vào trong nhà bạch y.

- Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi vào nhà bạch y, họ ngó voi, ngựa, lạc đà, chim chóc, hoặc xem kỹ nữ ca múa, nên bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà nhìn ngó bên Đông bên Tây giống như kẻ gián điệp?

Có người cắc cớ hỏi:

- Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó hai bên giống như đang tìm kiếm vậy? Người xuất gia khi vào nhà ai thì phải ngó thẳng mà đi chứ! Đó là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

- Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-

vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

4. "Cần phải học: ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y".

Ngó thẳng: Khi đi không được cúi đầu xuống mà đi giống như ngựa, mà phải nhìn thẳng đàng trước đề phòng voi, ngựa, bò dữ, phải đi giống như người khiêng kiệu, không được nhìn ngó bên Đông bên Tây. Khi muốn nhìn về phía nào, phải xoay cả người về phía ấy mà nhìn. Nếu buông lung các căn, không ngó thẳng phía trước khi vào nhà đàn-việt tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu như bị tâm loạn điên cuồng thì không có tội. Thế nên nói:

Cần phải học: Ngó thẳng phía trước mà đi vào nhà bạch y.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo lớn tiếng gọi nhau khi vào nhà bạch y, nên bị người ta chê cười nói:

- Tôn giả giống như khách buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng lớn tiếng gọi nhau. Ông là người xuất gia, khi vào nhà ai nên nói khẽ chứ.

Rồi họ tiếp:

- Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau nên nói khẽ khi vào nhà người khác.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

5. "Cần phải học: Nói khẽ khi vào nhà bạch y".

Không được lớn tiếng gọi nhau khi đi vào nhà bạch y. Nếu muốn gọi nhau thì nên khảy ngón tay. Nếu người trước không nghe thì nên nhờ người ngồi bên cạnh nói giùm. Nếu buông lung các căn không học nói khẽ khi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Nhưng nếu tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Nói khẽ khi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y, nên bị người đời cười chê:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương

tử đại thần, kẻ phóng dật, dâm loạn, cùng nhau cười nói đùa giỡn đi vào nhà bạch y.

Rồi có người hỏi:

- Tôn giả vì sao dơ cả lợi ra, muốn bán răng hả? Ở trong đó cũng không có kỹ nữ mà vì sao lại cười? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc ấy thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông sống trong giới luật của bậc Thánh mà lại cười nói đùa giỡn để hở cả lợi? Từ nay về sau không được cười đùa khi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

6. "Cần phải học: Không được cười đùa khi vào nhà bạch y".

Không được cười: Nếu có việc đáng cười thì không được cười ha hả để hở cả răng lợi, mà phải kìm chế, phải quán tưởng về lẽ vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về cái chết. Nếu không thể ngừng được thì phải cắn lưỡi lại. Nếu cũng không

thể ngừng được, thì nên dùng chéo y bịt miệng lại ức chế từ từ. Nếu phóng túng các căn, cười lớn khi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được cười đùa khi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu đi vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà phóng túng như bọn dâm nữ, như kẻ gián điệp của giặc, như cô vợ mới cưới, như kẻ lấy mật?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả bị bệnh đau mắt sao? Sợ nắng cháy đầu sao? Vì sao lại trùm đầu? Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền

bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được trùm đầu đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười

lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

7. "Cần phải học: Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y".

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y. Nếu vì trời mưa tuyết quá lạnh, sợ bị đau đầu, thì được trùm nửa đầu và một tai. Nếu phóng túng các căn trùm đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được trùm đầu đi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo vắt trái y vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà vắt trái y để hở cả cùi chỏ, xương sườn, giống như vương tử, đại thần, như bọn dâm nữ bán nhan sắc?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả muốn đến đó đánh lộn sao? Vì sao lại vắt trái y để hở cả xương sườn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được vắt trái y đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

8. "Cần phải học: Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y".

Lật trái: Hai bên lật trái vắt trên vai.

Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y. Nếu khi mưa gió thì được vắt lên một bên. Nếu để trần vai bên phải thì được vắt qua bên trái. Nếu cả hai vai đều phủ kín thì được vắt qua bên phải, nhưng không được để lộ cùi chỏ. Khi đi khất thực, nếu sợ nhớp y, có thể vắt trái y lên vai mà không để lòi cùi chỏ, thì không có tội. Nếu buông lung các căn, vắt trái y đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được vắt trái y đi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi nhón gót vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà đi giống như dâm nữ, kẻ trộm, rắn bò. Đó là hạng người bại hoại,

nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được đi nhón gót vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

9. "Cần phải học: Không được đi nhón gót vào nhà bạch y".

Khi vào trong nhà nếu chân dính đất thì không được đặt các ngón chân xuống trước rồi gót chân xuống sau, mà phải đặt gót chân xuống trước rồi các ngón chân xuống sau. Nếu lòng bàn chân có mụt thì nên đi nghiêng bàn chân, và dùng vật gì đắp mụt rồi buộc lại, đoạn đặt gót chân xuống trước rồi ngón chân xuống sau. Nếu buông lung các căn, không học cách đi bàn chân bằng phẳng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị điên loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được đi nhón gót vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như

trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo chống nạnh đi vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn, Thích tử mà chống nạnh đi vào nhà bạch y giống như vương tử, đại thần, lực sĩ. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đây là việc ác, từ nay về sau không được chống nạnh đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

10. "Cần phải học: Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y".

Chống nạnh: Hai tay ôm vào hai bên hông.

Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y. Nếu bị đau sống lưng, bị bệnh phong nhọt thì được chống nạnh, không có tội. Hoặc bị ung thư, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp, rồi sợ dơ y nên chống nạnh thì không có tội. Nếu buông lung các căn chống nạnh đi vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ cuồng si tâm loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được chống nạnh đi vào nhà bạch y". Kệ tóm tắt:

"Khoác y nội, y ngoài,
Trùm kín, mắt nhìn thẳng,
Nói khẽ, không được cười.
Trùm đầu và lật y
Nhón gót và chống nạnh,
Hết phần đầu Bạt cừ".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi ẻo lả vào nhà bạch y, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà đi ẻo lả vào nhà bạch y giống như vương tử, đại thần, dâm nữ. Đây là những kẻ bại hoại, có đạo nào như thế!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được đi lắc lư vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

11. "Cần phải học: Không được đi ẻo lả

vào nhà bạch y".

Nếu thân già bệnh gặp trời mưa gió tuyết lạnh thì đi ỏeo lả không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn đi ỏeo lả vào nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được đi ỏeo lả vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đầu lắc lư đi vào nhà bạch y, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử đi vào nhà bạch y mà lắc lư cái đầu

giống như kẻ dâm loạn, như chuột, chó sói. Đó là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-

vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

12. "Cần phải học: Không được lắc lư

cái đầu đi vào nhà bạch y".

Nếu vì già yếu đau ốm, hoặc bị nhức đầu, hay trời mưa gió lạnh

lẽo thì lắc lư cái đầu không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được lắc lư cái đầu đi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo vẫy tay đi vào nhà bạch y, đụng nhằm mặt đàn-việt, khiến bình đựng dầu sữa trong tay họ bị vỡ bể, nên bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà vẫy tay đi vào nhà bạch y giống như những kẻ lực sĩ hung bạo! Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được vẫy tay đi vào nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

13. "Cần phải học: Không được vẫy tay đi vào nhà bạch y".

Nếu người ấy trước kia vốn là vương tử, đại thần, tập khí chưa trừ được, thì nên dạy:

- Nay thầy đã xuất gia, phải bỏ tập quán cũ mà theo phép tắc của Tỳ-kheo. Nếu muốn gọi ai thì không được đưa cả hai tay lên vẫy, mà chỉ cần đưa một tay lên vẫy mà thôi. Nếu buông lung các căn, vẫy tay đi vào nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được vẫy tay đi vào nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo mặc y dơ bẩn rách rưới để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, riêng Nan-đà Ưu-ba-nan-đà thì mặc y thưa mỏng để lộ cả thân thể, cùng ngồi trong nhà bạch y, khiến cho người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử, đại thần, kẻ quý nhân, mặc y phục thưa mỏng?

Khi thầy mặc y xấu xí thì họ lại chê:

- Giống như những kẻ tôi tớ, người hạ tiện làm thuê, mặc y phục dơ bẩn rách rưới, để lộ cả cùi chỏ, hông ngực, ngồi trong nhà bạch y. Sa-môn Thích tử lẽ ra phải che kín thân khi ngồi trong nhà.

Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

14. "Cần phải học: Che kín thân khi ngồi trong nhà bạch y".

Che kín thân: Nên dùng vải dày làm nội y; nếu may bằng vải thưa thì phải may hai, ba lớp. Nếu nội y thưa thì y Uất-đa-la-tăng phải may bằng vải dày. Nếu y Uất-đa-la-tăng thưa thì y Tăng-già-lê phải may bằng vải dày. Nếu y Tăng-già-lê thưa thì y Uất-đa-la-tăng phải may bằng vải dày. Khi ngồi không được ngồi trên y, phải dùng một tay vén y, một tay vin tọa cụ, rồi ngồi một cách nhẹ nhàng. Nếu ngồi thọ trai ở trong Tinh xá trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão, thì phải che thân kín đáo. Nếu buông lung các căn không che thân kín đáo khi ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Che thân kín đáo khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo vào trong nhà bạch y, ngồi ngó các phụ nữ và trẻ em đang đi ra đi vào, lên gác xuống gác, nên bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ dâm loạn, như quân trộm cắp, ngồi trong nhà người ta nhìn ngó các phụ nữ?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả mất vật gì mà nhìn ngó Đông Tây như vậy? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau khi ngồi trong nhà bạch y phải ngó thẳng đàng trước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

15. "Cần phải học: Ngó thẳng đàng trước khi ngồi trong nhà bạch y".

Nhìn thẳng phía trước khi ngồi trong nhà nghĩa

là không được làm như ngựa ngẩng cổ lên hay cúi đầu xuống nhìn mà phải nhìn thẳng, để coi chừng đàn-việt có bưng những vật nóng như nước sôi đến, khỏi va nhằm vào tay họ. Khi ngồi ăn tại Tinh xá hay lúc ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì không được nhìn ngó bên phải bên trái, mà phải ngồi nhìn thẳng phía trước. Nếu buông lung các căn không nhìn đoan nghiêm khi ngồi, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Nhìn ngó đoan nghiêm khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo vào ngồi trong nhà bạch y lớn tiếng gọi nhau nói năng ầm ĩ, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà lớn tiếng gọi nhau giống như người đi buôn bị mất bạn, như kẻ mục đồng gọi nhau?

Rồi họ vặn hỏi:

- Tôn giả, vì cớ gì mà gọi lớn như thế? Người xuất gia lẽ ra phải nói năng nhỏ nhẹ, chứ vì sao lại gọi nhau ầm ĩ? Đó là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải nói năng nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

16. "Cần phải học: Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi ngồi trong nhà không được gọi nhau ầm ĩ. Nếu muốn gọi ai thì nên gảy móng tay, nếu người ấy không nghe thì nên nhờ người ngồi gần bên nói giúp. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì không được lớn tiếng gọi nhau. Khi muốn nói chuyện với ai thì nên nói với người ngồi gần rồi chuyển dần đến người thứ hai, thứ ba v.v... khiến cho người ấy biết. Nếu buông lung các căn lớn tiếng gọi nhau khi ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà

bạch y cười giỡn với nhau ầm ĩ, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử khi ngồi trong nhà bạch y mà cười giỡn tự do như vương tử, đại thần, bọn dâm nữ?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả, ở trong đây có việc gì đáng cười không? Vì sao để bày cả lợi ra, muốn bán răng hả? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Các ông là những người xuất gia, vì sao sống trong giới luật của Hiền Thánh mà lại cười lớn để hở cả lợi ra? Từ nay về sau không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

17. "Cần phải học: Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi ngồi trong nhà bạch y không được cười. Khi thọ trai tại Tinh xá hay đang ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão cũng

không được cười. Nếu có chuyện đáng cười cũng không được cười lớn để hở cả răng lợi ra ngoài. Nên quán tưởng về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, tư duy về sự chết, hoặc phải cắn lưỡi lại. Nếu không ngừng được cũng không nên cười lớn để hở cả lợi, mà phải lấy chéo y che miệng lại để kìm chế. Nếu buông lung các căn ngồi trong nhà bạch y mà cười, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được cười khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo trùm đầu ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà trùm đầu ngồi trong nhà bạch y giống như bọn dâm nữ, hay người lấy mật?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả bị bệnh đau đầu, sợ ánh nắng chiếu vào đầu phải không? Vì sao lại trùm đầu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-

vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

18. "Cần phải học: không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y".

Trùm đầu: Trùm kín cả đầu và hai tai.

Không được trùm đầu ngồi trong nhà. Khi thọ trai tại Tinh xá, hoặc ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì không được trùm đầu. Trong trường hợp mưa gió lạnh lẽo, hoặc bị bệnh, bị đau đầu phong cũng không được trùm kín cả đầu mà chỉ nên trùm nửa đầu để trống một bên tai. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải lấy đi. Nếu trùm đầu ngồi trong phòng riêng kín đáo thì không có tội. Nếu buông lung các căn trùm đầu ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được trùm đầu ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà vắt y (lên vai)

ngồi trong nhà để lộ cả cùi chỏ, hông, giống như vương tử, đại thần, bọn dâm nữ bán nhan sắc? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được vắt y ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

19. "Cần phải học: Không được vắt y (lên vai) ngồi trong nhà bạch y".

Vắt y: Hoặc vắt lên một bên, hoặc vắt cả hai bên.

Không được vắt y ngồi trong nhà. Khi khất thực hoặc lấy thức ăn, nếu sợ nhớp y, có thể vắt y lên, nhưng không để lộ cùi chỏ, thì không có tội. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ngồi trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì không được vắt y lên. Nếu có vắt thì chỉ được vắt một bên, không được vắt cả hai bên. Nếu vắt y thì nên vắt bên trái. Nếu cả hai vai đều đắp y kín thì được vắt bên phải. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì

phải buông xuống trở lại. Nếu buông lung các căn, vắt y lên vai ngồi trong nhà, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được vắt y lên vai ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ôm đầu gối ngồi trong nhà bạch y, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà kiêu căng phóng dật, ôm gối ngồi trong nhà người thế tục giống như vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

20. "Cần phải học: Không được ngồi bó gối trong nhà bạch y".

Bó gối: Có thể vòng tay, vén y nhưng không

được bó gối mà ngồi trong nhà.

Khi thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì không được ôm gối mà ngồi. Khi đầu gối bị đau thì được dùng vải bó lại, nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải mở ra(?). Nếu trong phòng riêng ở chỗ vắng thì được ngồi bó gối. Nhưng khi thấy Tỳ-kheo Trưởng lão đến thì phải ngồi ngay ngắn. Nếu buông lung các căm, ôm gối ngồi trong nhà tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn, thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ôm gối ngồi trong nhà bạch y".

Kệ tóm tắt:

"Uốn mình, đầu lắc lư,
Vẫy tay, che kín thân.
Nhìn thẳng và nói khẽ,
Không cười, ngồi trùm đầu.
Vắt y, ngồi ôm gối,
Hết phần hai Bạt cừ".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 22

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 7: NÓI VỀ 66 PHÁP CHÚNG HỌC (Tiếp Theo)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi tréo chân trong nhà bạch y, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi tréo chân trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì". Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải

nghe lại:

21. "Cần phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y".

Tréo chân: Bắp vế để trên bắp vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên ống chân, gót chân đặt trên mu bàn chân. Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y mà phải ngồi ngay ngắn hai chân bằng nhau. Khi thọ trai tại Tinh xá hay ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão không được ngồi tréo chân lên nhau. Nếu bị bệnh thì được ngồi tréo chân, nhưng khi thấy Thượng tọa thì phải ngồi lại đoan chánh. Nếu bàn chân bị dính bùn nên ngồi tréo chân để gạt bùn, thì không có tội. Nếu buông lung các căn ngồi tréo chân trong nhà bạch y tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, giống như vương tử, đại thần, lực sĩ? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

22. "Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y".

Chống nạnh: Hoặc chống nạnh một tay, hoặc chống nạnh cả hai tay. Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

Khi thọ trai tại Tinh xá hay ở trước các Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão không được ngồi chống nạnh. Nếu vì già bệnh hay bị chứng phong thống đau lưng, thì ngồi chống nạnh không có tội. Nếu bị ung nhọt, ghẻ lở phải dùng thuốc đắp lên, rồi sợ nhớp y nên ngồi chống nạnh, thì không có tội. Nhưng khi thấy Thượng tọa đến thì phải thả tay xuống. Nếu buông lung các căn, ngồi chống nạnh trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y". (403c) Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy

giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi trong nhà bạch y, vừa đung đưa cái chân, vừa múa tay, lại còn ngắt cỏ nữa, nên bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên múa, ngồi trong nhà bạch y mà tay chân không để yên? Đấy là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật bèn bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

23. "Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y".

Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y: Khi ngồi không được động tay động chân, múa tay múa chân, hay ngắt cỏ, mà phải ngồi chững chạc đoan nghiêm. Nếu có ai hỏi thì trước hết phải giữ gìn oai nghi giới luật, tùy thuận mà đáp. Nếu họ hỏi về bốn ngôi Tháp thì được dùng tay chỉ, nói: "Đó là chỗ đản sinh, đó là chỗ Thành đạo, đó là chỗ Chuyển pháp luân, đó là chỗ nhập

Niết-bàn", thì không có tội. Nếu đàn-việt muốn kiến tạo Tinh xá cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên xem xét địa hình địa thế, chỗ có thể làm, rồi đưa tay chỉ, nói: "Chỗ này có thể xây Tinh xá, chỗ này có thể xây giảng đường, chỗ kia có thể làm nhà sưởi, chỗ nọ có thể xây tăng phòng", thì không có tội. Nếu buông lung các căn múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được múa máy tay chân khi ngồi trong nhà bạch y".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có đàn-việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng tại Tinh xá; khi họ bắt đầu dọn cơm thì nhóm sáu Tỳ-kheo đòi nước rửa tay, rửa bát. Đàn-việt nghe thế, liền đặt thau cơm nóng xuống đất, trách:

- Con bỏ nhà đến chùa thiết trai cúng dường là mong chúng Tăng đồng lòng tịnh tâm để cầu được phước, mà giờ đây khi mới dọn cơm thì lại đòi hỏi này kia. Người xuất gia nên chú tâm mà ăn, chứ vì sao trong bữa ăn mà còn đòi hỏi nhiều thứ khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải chú tâm nhận đồ ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

24. "Cần phải học: Chú tâm nhận đồ ăn".

Khi chú tâm ăn không được dùng hai tay ghì cái bát đặt trên hai bàn chân. Trước hết phải rửa tay sạch, rồi lau bát, khi thức ăn được đưa đến nên chú ý mà nhận. Nếu mình là người trực nguyệt trông coi việc ăn uống, nên phải đến sau, thì được đòi nước rửa tay, rửa bát, không có tội. Nếu buông lung các căn không chú tâm khi nhận đồ ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: "Chú tâm nhận đồ ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có vị trưởng giả đến Tinh xá cúng dường trai phạn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận nhiều canh, sau mới nhận cơm, khiến bát đầy tràn, canh chảy xuống đất, nên đàn-việt chê trách:

- Tôi lấy phần cơm của vợ con để cúng dường cho chúng Tăng là mong Tăng dùng cho hết, mà nay lại vứt xuống đất. Tôn giả có biết không, trong một hạt cơm này chứa hàng trăm công sức!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải nhận cơm và canh bằng nhau.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

25. "Cần phải học: Nhận cơm và canh bằng nhau".

Nhận cơm và canh bằng nhau: Không được lấy canh trước, lấy cơm sau mà phải lấy cơm trước bỏ vào bát xong, mới lấy canh. Nếu tục lệ của nước đó dọn canh trước, dọn cơm sau, thì nên dùng một cái tô để nhận. Nếu không có tô, thì nên dùng lá cây, hay bát nhỏ để nhận. Nếu cũng không có lá cây thì được dùng bát để nhận canh. Nhưng khi nhận cơm thì phải dùng tay đỡ, từ từ bỏ vào trong bát, không được để nó tràn chảy ra ngoài. Nếu Tỳ-kheo bệnh cần dùng canh nhiều, thì lấy nhiều canh không có tội. Nếu buông lung các căn không nhận cơm canh bằng nhau tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Nhận cơm canh bằng nhau".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn xung quanh bốn phía bát để dành chính giữa lại, nên bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, moi xung

quanh bốn phía bát mà ăn, để chính giữa lại? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau không được moi xung quanh bốn phía bát mà ăn. Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành

Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

26. "Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn".

- Moi xung quanh bát mà ăn: Moi bốn phía, để chính giữa lại.
- Trước hết nên nhận cơm để vào một bên bát, sau đó nhận canh, rồi trộn chung lại mà ăn. Nếu có sữa, chất béo lẫn vào trong cơm, thì không

được vì chuộng ngon moi chỗ ngon ăn trước mà phải ăn theo thứ lớp. Nếu muốn cho ai, thì nên xắn một nửa mà cho. Nếu buông lung các căn, moi xung quanh bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được moi xung quanh bát mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, nên bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, ợ thức ăn từ trong bụng ra nhai lại? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

27. "Cần phải học: Không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn".

Lùa thức ăn trong miệng từ phía bên này qua phía bên kia: Ngậm một miếng cơm từ phía má bên này chuyển qua phía má bên kia. Cần nhai bên nào thì nhai bên đó xong rồi nuốt. Nếu Tỳ-kheo ăn bột, gạo tẻ thì có thể ngậm một bên, nhai một bên không có tội. Nếu buông lung các căn lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được lùa thức ăn trong miệng từ bên này qua bên kia mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo le lưỡi ra ăn, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rắn, như chuột, như chó, như mèo, le lưỡi ra ăn? Đây là những kẻ bại hoại chứ nào có đạo hành gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được le lưỡi ra ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

28. "Cần phải học: Không được le lưỡi ra ăn".

Le lưỡi ra ăn: Le lưỡi ra để thức ăn trên lưỡi rồi mới ngậm miệng lại. Nếu người trực nguyệt hay coi sóc việc ăn uống muốn biết thức ăn sống chín, mặn nhạt, chua ngọt thì được bỏ thức ăn trong bàn tay, rồi dùng lưỡi nếm, thì không có tội. Nếu bị bệnh thì được bỏ muối trong bàn tay rồi nếm, không có tội.

Nếu buông lung các căn le lưỡi ra ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được le lưỡi mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và những miếng cơm lớn mà ăn, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ phóng dật, như bò, như dê, như lạc đà, như tù nhân đói khát, ăn những miếng cơm lớn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế

Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được ăn những miếng cơm lớn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

29. "Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn".

Không được lớn, không được nhỏ, kiểu như dâm nữ và vài hột, ba hột mà ăn, mà phải ăn miếng cơm vừa miệng. Nếu Tỳ-kheo ăn cơm tẻ thì và đầy miệng không có tội. Nếu buông lung các căn ăn những miếng cơm lớn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ăn những miếng cơm lớn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng chờ cơm mà ăn, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như rùa trạnh, ếch nhái, hả miệng để

chờ cơm? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

30.“Cần phải học: Không được hả miệng ra chờ cơm mà ăn”.

Không được hả miệng chờ cơm mà ăn: Khi ăn, Tỳ-kheo phải ăn như cách ăn của voi chúa trên núi tuyết, nghĩa là khi thức ăn vào miệng liền dùng cái vòi đẩy sâu vào và chia đều ra trong miệng. Nuốt xong miếng ăn trước rồi mới đưa miếng ăn sau vào, chứ không được hả miệng chờ thức ăn. Nếu miệng bị lở thì được hả miệng chờ không có tội. Nếu buông lung các căn hả miệng chờ cơm để ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

“Cần phải học: Không được hả miệng chờ cơm để ăn”.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng ra vò thức ăn ném vào, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những kẻ dâm loàn, ném thức ăn vào miệng mà ăn? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được ném thức ăn vào miệng.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

31. "Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng".

Ném thức ăn vào miệng: Không được vò cơm thành cục từ xa ném vào miệng. Nếu ăn các loại như táo chua, nho, cho đến đậu rang, thì ném vào miệng mà ăn không có tội. Nếu buông lung các căn ném thức ăn vào miệng, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không

có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ném thức ăn vào miệng".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo cắn một nửa món ăn, còn một nửa cất vào trong bát, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, cắn một nửa món ăn (mà ăn)? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được cắn một nửa món ăn mà ăn.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

32. "Cần phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn".

Không được cắn một nửa món ăn còn một nửa cất vào trong bát mà nên (bẻ) từng miếng vừa miệng mà ăn.

Nếu cục bột lớn thì nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng. Nếu ăn trái dưa, mía hay củ cải thì được cắn ăn không có tội.

Nếu ăn bánh cũng nên dùng tay bẻ từng miếng cho vừa miệng.

Nếu buông lung các căn cắn một nửa món ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng điên thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được cắn một nửa món ăn mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo ngậm đồ ăn mà nói, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ phóng dật, như lạc đà, bò, dê, lừa, ngậm thức ăn mà kêu rống? Đây là những kẻ bại hoại, chứ nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được ngậm thức ăn mà nói.

Thế rồi, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười

lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

33. "Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói".

Không được ngậm thức ăn mà nói: Nếu đang ăn mà bị Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão gọi, mình nuốt chưa hết thức ăn mà tiếng nói không khác thường, thì được lên tiếng đáp.

Nếu không thể được thì phải nuốt cho hết cơm rồi mới lên tiếng đáp. Nếu người gọi trách cứ, thì hãy đáp: "Vì trong miệng con có thức ăn nên không thể trả lời ngay được".

Nếu phóng túng các căn, ngậm thức ăn mà nói, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ngậm thức ăn mà nói". Kệ tóm tắt:

"Ngồi tréo chân trong nhà,
Chống nạnh, động tay chân.
Chú ý, cơm bằng canh,
Dồn thức ăn hai má.
Le lưỡi, ngậm lớn miếng
Hả miệng, ném cơm vào.
Cắn ăn, ngậm cơm nói
Hết Bạt-cừ thứ ba".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai

phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng ngón tay vét bát mà ăn, nên bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử lại ăn như trẻ con, như tù nhân bị đói? Rồi họ hỏi:

- Tôn giả ăn uống rất sung túc, vì sao lại phải vét bát? Đây là những kẻ bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được dùng ngón tay vét bát mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

34.Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn".

Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn: Không được cong ngón tay lại để vét bát. Nếu sữa, dầu, mật dính nơi bát thì không được co ngón tay lại vét bát mà phải dùng ngón tay dồn lại rồi mới nhúm lại mà ăn.

Nếu buông lung các căn, dùng ngón tay vét bát mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại

trừ tâm trí bị cuồng loại thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được dùng ngón tay vét bát mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo liếm tay mà ăn, nên bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, khi được thức ăn liền liếm tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

- Tôn giả, con cúng một cách hào phóng cho thầy ăn đầy đủ, vì sao lại liếm tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền

- bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được liếm tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

35. "Cần phải học: Không được liếm tay mà

ăn”.

Không được lật ngửa, lật sấp bàn tay để liếm mà ăn. Nếu sữa, dầu, mật, đường phèn dính vào tay thì phải dùng tay vuốt vào miệng bát để dồn lại một chỗ, rồi mới lấy ăn.

Nếu buông lung các căn liếm tay mà ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

“Cần phải học: Không được liếm tay mà ăn”.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo mút ngón tay mà ăn, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như trẻ con, mút ngón tay mà ăn?

Rồi họ hỏi:

- Con cúng dường một cách hào phóng, vì sao thầy lại mút ngón tay mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được mút ngón tay mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải

tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

36. "Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn".

Không được mút ngón tay mà ăn: Nếu Tỳ-kheo ăn các thứ như canh thịt, mỡ hay chất ngọt dính vào ngón tay thì không được mút mà phải kê ngón tay vào thành bát vuốt cho dồn lại một chỗ rồi lấy ăn.

Nếu mật, đường phèn, muối dính vào đầu ngón tay thì được mút, không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, mút ngón tay mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được mút ngón tay mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhai thức ăn ra tiếng, bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà ăn giống như heo, chuột ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được nhai thức ăn ra tiếng.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

37. "Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng".

Nếu buông lung các căn nhai thức ăn ra tiếng tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được nhai thức ăn ra tiếng".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có đàn-việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo hút cơm ra tiếng mà ăn, bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như lạc đà, bò, lừa hút cơm mà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được hút thức ăn ra tiếng mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

38. "Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn".

Nếu ăn các thứ cháo lỏng, sữa tươi, sữa chua, canh, cơm thì không được húp thành tiếng mà phải nuốt từ từ.

Nếu buông lung các căn, húp thức ăn mà ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được hút thức ăn mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nuốt trộng thức ăn nghe tiếng ừng ực, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà ăn nghe tiếng ừng ực giống như lừa, lạc đà ăn? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được nuốt trộng thức ăn

mà ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

39. "Cần phải học: Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn".

Không được nuốt trộng thức ăn nghe tiếng ừng ực. Nhưng nếu yết hầu bị bệnh nên nuốt thức ăn nghe tiếng thì không có tội.

Nếu yết hầu bị khô thì nên uống nước cho thông rồi mới nuốt thức ăn.

Nếu buông lung các căn, nuốt trộng thức ăn, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo và cơm vào trong miệng một nửa, rơi xuống đất một nửa, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà ăn uống đổ tháo giống như kẻ phóng dật?

Rồi họ hỏi:

- Đại đức tưởng rằng những thức ăn này không tốn tiền mua sao?

- Con đã lấy phần của vợ con đem cúng dường

để cầu phước, một hạt gạo này tốn hàng trăm công sức mới thành, cần phải ăn hết, vì sao lại để rơi xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được ăn uống làm đổ tháo thức ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

40. "Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn".

Khi nhận thức ăn không nên để một hạt cơm nào rơi xuống đất, nhưng nếu tịnh nhân sớt cơm rơi xuống đất thì không có tội. Khi đã và thức ăn vào trong miệng thì đừng để rơi xuống đất, nhưng nếu lỡ rơi thì không có tội. Khi ăn cá, thịt, trái cây, dưa, mía thì không được vứt bừa bãi vỏ, hạt, xác, xương dưới đất, mà phải bỏ dồn đống một bên dưới chân.

Nếu buông lung các căn làm rơi rớt cặn bã thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được làm rơi cơm khi ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo vung tay ra, làm bẩn y Tỳ-kheo ngồi bên cạnh. Vị ấy liền hỏi:

- Trưởng lão! Vì sao mà vung tay ra, bị rít, ong, bò cạp cắn phải không?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được vung tay khi ăn.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

41. "Cần phải học: Không được vung tay khi ăn".

Khi vung tay thì không được hướng vào người ngồi bên cạnh mà vung. Nếu thức ăn dính vào tay thì nên đưa tay về trước mặt mình mà rảy, hoặc rảy vào trong bát.

Nếu buông lung các căn vung tay khi ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được vung tay khi ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo nhìn vào bát của người ngồi bên cạnh với tâm châm chọc. Nếu thấy thức ăn ít, liền nói:

- Thật là liêm khiết, có tiết độ; nếu đã no rồi không dùng nữa thì hãy cho tôi.

Nếu thấy cầm cái bát lớn, liền nói:

- Ôi! Đây là kẻ tham ăn, cái bát giống như cái chõ lớn, đàn-việt cung cấp chỉ đủ cái này thôi, bọn chúng tôi còn lấy đâu ra nữa!

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm hổ thẹn, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm châm chọc.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

42. "Cần phải học: Không được nhìn trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói".

Nếu người trông coi việc ăn uống vì muốn biết nơi nào đã có, nơi nào chưa có thức ăn mà xem, thì

không có tội.

Nếu đệ tử tùy tùng hay đệ tử y chỉ bị bệnh, mình xem trong bát của họ để biết thức ăn có hợp với bệnh hay không, thì không có tội. Hoặc xem người ngồi trên, ngồi dưới để biết thức ăn đã có hay chưa thì không có tội.

Nếu buông lung các căn nhìn vào bát của người bên cạnh với tâm xoi bói tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được xem trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ấy một Tỳ-kheo để bát trước mặt, quay lại nói chuyện với người ngồi bên cạnh. Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn lấy bát để ở chỗ khác. Khi người mang thức ăn đến, thầy Tỳ-kheo không thấy bát, bèn sờ dưới đất để tìm, khiến tay bị bẩn, liền hỏi đàn-việt xin nước rửa tay. Khi ấy, đàn-việt bèn bỏ thố cơm xuống đất, cằn nhằn:

- Con bỏ cả việc nhà vì muốn tạo phước, cúng cơm cho chư Tăng, lẽ ra Tăng nên tề chỉnh nhận lấy thức ăn. Thế mà giờ đây khi bưng cơm lên thầy mới xin nước rửa tay. Người xuất gia phải giữ tâm đoan nghiêm, nhìn vào bát mà ăn chứ. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau phải giữ tâm đoan nghiêm nhìn vào bát mà ăn. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả,

vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

43. "Cần phải học: Giữ tâm đoan nghiêm nhìn vào bát mà ăn".

Giữ tâm đoan nghiêm nhìn vào bát mà ăn: Không được để bát trước mặt rồi nói chuyện với người bên cạnh. Nếu có lý do cần nói chuyện với người bên trái, bên phải thì tay trái phải cầm lấy vành bát. Khi thấy người mang thức ăn đến cách mình ba người thì phải tráng bát sạch cầm chờ đến phiên mình. Nếu buông lung các căn không giữ tâm đoan nghiêm nhìn vào bát mà ăn tức là xem thường pháp cần phải học.

Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói: "Cần phải học: Giữ tâm đoan nghiêm nhìn vào bát mà ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo

đòi cơm, canh, bị đàn-việt chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử đến bữa ăn lại đòi cơm, đòi canh? Rồi họ hỏi:

- Này Tôn giả, con tự nguyện cúng dường thức ăn đầy đủ, vì sao lại kêu đòi ầm ĩ?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau Ta không cho phép đòi thức ăn.

Lại nữa, khi Phật trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ, theo thường lệ, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì năm lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một

Tỳ-kheo bị bệnh, gầy ốm tiều tụy, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, Ông đau như thế nào đấy?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh đau đớn, chẳng có thích thú gì.

- Ông không thể đòi thức ăn thích hợp với bệnh và thuốc thích hợp với bệnh sao?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không được đòi thức ăn (nên con không dám đòi).

- Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được đòi thức ăn. Đoạn, Phật truyền lệnh cho các

Tỳ-kheo đang sống tại thành Ca-

duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

44. "Cần phải học: Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn".

Khi không bệnh không được vì mình mà đòi cơm canh. Nếu có bệnh cần nhiều canh thì đòi không có tội. Nhưng nếu buông lung các căn, không có bệnh mà vì mình đòi thức ăn tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Tỳ-kheo không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo trước hết nhận cá thịt canh rồi lấy cơm phủ lên trên. Người coi việc ăn uống thấy thế liền hỏi:

- Trưởng lão đã nhận được cá thịt canh chưa?
- Lão trượng, ông thấy đó thì biết, cần gì phải hỏi? Người coi việc ăn uống liền hỏi người đưa thức ăn:
- Vì sao ông không đưa cá thịt canh chỗ này?
- Chỗ nào chưa nhận được?
- Chỗ này chưa được đây này.
- Con đã đưa rồi vì sao nói là chưa được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được dùng cơm phủ lên canh để mong được thêm canh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

45. "Cần phải học: Không được lấy cơm phủ lên canh để mong được thêm canh".

Nếu Tỳ-kheo chờ người ta sớt thức ăn mà sợ nhớp y thì có thể (phủ cơm trên canh), để hở một bên, nhưng không được phủ kín hết.

Nếu phủ kín hết mà người đưa thức ăn hỏi đã nhận được chưa thì phải đáp là đã nhận được rồi.

Nếu buông lung các căn, lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng tay bẩn cầm ly nước đưa người bên cạnh,

khiến người ấy chê nhớp không cầm. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau không được dùng tay bẩn cầm ly nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

46. "Cần phải học: Không được dùng tay bẩn cầm ly nước".

Khi ăn, Tỳ-kheo nên giữ gìn tay trái cho sạch, dùng tay phải nhận lấy ly nước rồi kê vào môi mà uống. Không được ngậm vành ly sâu vào miệng, cũng không được để cho vành ly chạm vào mũi và trán. Không được uống hết mà nên để lại chừng một ngụm, đổ đi, rồi dùng nước rửa cho sạch, đoạn đưa tiếp người ngồi dưới mình. Nếu tay trái bị bệnh ghẻ, thì dùng tay phải gạt trên vành bát (cho hết thức ăn) rồi lấy nước sạch rửa. Nếu rửa không sạch thì dùng chiếc lá để cầm ly nước mà uống, uống xong như trên đã nói. Nếu buông lung các căn dùng tay bẩn cầm ly nước tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được dùng tay bẩn cầm lấy ly nước".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có cư sĩ đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, khi ăn xong, nhóm sáu Tỳ-kheo dồn cơm thừa trong bát đổ xuống đất, nên bị đàn-việt chê trách:

- Tôn giả cho rằng thức ăn này không có tiền mà mua được sao? Con đã lấy phần của vợ con để làm việc phước đức, một hạt cơm tốn cả trăm công sức, vì sao lại đổ xuống đất? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau không được đem cơm thừa trong bát đổ xuống đất.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

47. "Cần phải học: Không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất".

Khi ăn, phải lượng cái bụng mà lấy thức ăn, không được lấy nhiều. Nếu tịnh nhân sớt quá nhiều, thì trước khi ăn nên sớt bớt cho người bên

cạnh. Nếu người bên cạnh không lấy thì nên cho Sa-di và người làm vườn.

Khi rửa bát, không được đổ một hạt cơm nào xuống đất. Nếu còn thức ăn thừa thì nên đổ trên tấm ván hoặc trên lá cây. Nếu những hạt thức ăn quá nhỏ như bột không thể dồn lại được thì không có tội. Nếu buông lung các căn đem đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được đổ thức ăn thừa trong bát xuống đất".

Kệ tóm tắt:

"Vét, liếm, nhai ra tiếng,
Nuốt trộng, làm rơi cơm.
Vung tay, nhìn bát khác,
Đoan tâm, vì mình đòi.
Che canh, tay dơ, đổ,
Hết Bạt-cừ thứ tư".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đứng thuyết pháp cho các đồng tử Ly-xa ngồi nghe, bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi

thuyết pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải mời vị ấy ngồi trên giường, chứ sao lại để vị ấy đứng thuyết-mà mình ngồi nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe? Từ nay về sau không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

48. "Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe; ngoại trừ họ bị bệnh".

Bệnh: (Khi người nghe có bệnh thì đứng thuyết pháp) Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Thuyết: Vì thính giả mà giảng giải nghĩa lý, phân biệt diễn thuyết để cho họ theo đó mà tu hành.

Pháp: Do Phật thuyết hoặc do Phật ấn chứng.

- Do Phật thuyết: Do chính Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri trình bày.

- Do Phật ấn chứng: Do các vị Thanh văn thuyết, được Phật ngợi khen là có ý nghĩa, đó gọi

là ấn chứng.

Không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, nhưng nếu họ bị bệnh (thì mình đứng thuyết pháp) không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của Tháp của chúng Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người đứng, mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đứng đó nghe, thì dù nhà vua ngồi nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn đứng thuyết pháp cho người không bệnh ngồi nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế

nên nói:

"Cần phải học: Tỳ-kheo không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, ngoại trừ họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, những kẻ nghe pháp không có tâm cung kính, Vì sao nghe thuyết pháp vi diệu như vậy mà lại nằm nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe? Từ nay về sau Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

49. "Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh".

(Họ bị) bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội. Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đứng dậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ngồi, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ngồi đó nghe, dù vua (nằm) nghe, mình vẫn không có tội. Nếu buông lung các căn, ngồi thuyết pháp cho người không bệnh nằm nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không

có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho tướng quân Sư Tử ngồi trên giường cao nghe, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, bản thân mình ngồi dưới giường thấp nhỏ mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, tướng quân Sư Tử này không có tâm cung kính, khi nghe pháp vi diệu như vậy vì sao lại ngồi trên giường cao, để cho Tỳ-kheo ngồi dưới giường thấp thuyết pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông ngồi dưới giường nhỏ thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe? Từ nay về sau, mình ở dưới thấp không được thuyết pháp cho người ngồi ở trên cao nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải

tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

50. "Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Giường thấp: Có hai loại:

1. Giường ở dưới gọi là giường thấp.
2. Giường thô sơ xấu xí cũng gọi là giường thấp.

Giường cao: Gồm hai loại:

1. Giường cao lớn gọi là giường cao.
2. Giường đẹp đẽ lộng lẫy cũng gọi là giường cao.

Bệnh: (Khi thính giả bị bệnh thì Tỳ-kheo đứng thuyết pháp) Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Không được ngồi dưới giường thấp mà thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, nhưng nếu đó là người bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của chúng Tăng, đi đến nhà vua, đến chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì khi ấy không được bảo họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có người ở dưới thấp, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua ngồi trên giường cao nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu buông lung các căn ngồi dưới giường thấp

thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Tỳ-kheo không được ngồi dưới giường thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang giày da nghe, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người mang giày da nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này nghe thuyết pháp vi diệu mà không có tâm cung kính, không chịu cởi giày da khi nghe pháp". Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

51. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Giày da: Hoặc một lớp, hoặc hai lớp. Thuyết pháp: như trên đã nói.

Không được thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe, nhưng nếu họ bị bệnh thì Phật bảo là không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của Tháp, của Tăng... cho đến có tịnh nhân ở bên cạnh họ, thì mình nghĩ là thuyết pháp cho người đó nghe, dù vua nghe, mình vẫn không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang ở nơi đường hiểm, chỗ đáng kinh sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì người ấy dù mang giày da, mình thuyết pháp cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang giày da nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa mang guốc gỗ nghe, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn

viên thuyết pháp cho người mang guốc nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải cởi guốc, vì sao lại mang guốc mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

52. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Guốc: Gồm mười ba loại:

1. Guốc vàng.
2. Guốc bạc.
3. Guốc ma-ni.
4. Guốc răng.
5. Guốc gỗ.

6. Guốc đa-la.
7. Guốc da.
8. Guốc Khâu-bà-la.
9. Guốc diên.
10. Guốc cỏ gai.
11. Guốc vỏ cây.
12. Guốc bà-ca.
13. Guốc cỏ. Gồm các loại guốc như thế, đó gọi là guốc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, đi đến vua hoặc chủ đất, mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không nên bảo họ cởi guốc ra, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho tịnh nhân nghe, dù vua nghe cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà mang guốc nghe tức là coi thường pháp cần phải học.

Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người mang guốc nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa trùm đầu nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viễn, thuyết pháp cho người trùm đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, đám đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải gỡ bỏ khăn trùm đầu, vì sao lại trùm đầu nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

53. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Trùm đầu: Trùm kín cái đầu hoàn toàn.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, nhưng được thuyết pháp cho người bệnh (trùm đầu) nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, khi đi đến nhà vua hay chủ đất v.v… cho đến nếu bên

cạnh họ có tịnh nhân, thì mình nên nghĩ là thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đi đến những nơi đường hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì dù người ấy đang trùm đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà trùm đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa quấn khăn trên đầu nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vi diệu như vậy vì sao lại quấn khăn trên đầu mà nghe?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà quấn khăn trên đầu nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

54. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Quấn (khăn) trên đầu: Hoặc dùng vải quấn hoặc dùng lụa quấn.

Thuyết pháp: Như trên đã nói; nhưng được thuyết pháp cho người có bệnh quấn khăn trên đầu nghe, không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì công việc của tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ mở khăn quấn đầu, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có Tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho người ấy nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Khi Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết

pháp cho tôi nghe" thì người ấy dù đang quấn khăn trên đầu, mình thuyết pháp cho họ nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà quấn khăn trên đầu nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ,

Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ngồi chòm hỏm ôm đầu gối nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi chòm hỏm ôm đầu gối nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi ngay ngắn, vì sao lại ngồi chòm hỏm ôm đầu gối mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi chòm hỏm ôm đầu gối mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi chòm hỏm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

55. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chòm hỏm ôm đầu gối mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Ôm đầu gối: Ôm tay, ôm y, ôm cả dây buộc.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Nếu thuyết pháp cho người có bệnh nghe thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng khi đi đến nhà vua hay chủ đất, cho đến câu nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên suy nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân nghe, dù vua nghe mình cũng không có tội. Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà ngồi ôm đầu gối nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi chòm hỏm ôm đầu gối nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như

trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa ngồi tréo chân mà nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải ngồi nghiêm chỉnh, vì sao lại ngồi tréo chân?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

56. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Ngồi tréo chân: Đùi vế để trên đùi vế, đầu gối đặt trên đầu gối, bắp chân đặt trên bắp chân, gót

chân để trên gót chân.

Thuyết pháp: Như trên đã nói. Không được thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì thuyết pháp không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ ngồi lại nghiêm chỉnh, vì sợ họ sinh tâm nghi kỵ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân ấy nghe, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh ngồi tréo chân mà nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người ngồi tréo chân mà nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Kệ tóm tắt:

"Những người ngồi và nằm,
Trên giường cao, mang giày,
Mang guốc cùng trùm đầu,
Quấn đầu, ngồi bó gối,
Và tréo chân, không Thuyết
Hết Bạt-cừ thứ năm".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp

cho các đồng tử Lê-xa cầm dao

nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Nhưng các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải nhất tâm, chấp tay, vì sao lại như bọn đồ tể, cầm dao nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm dao nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

57. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe".

Cầm: dùng tay cầm.

Dao: Dao lớn, dao nhỏ, gươm.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng đi đến

nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ dao, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên con đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy đang cầm dao mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người cầm dao nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dao nghe".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm cung tên nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho

- người cầm cung tên nghe? Vả lại, bọn đồng tử này cũng không có tâm cung kính, nghe pháp vi diệu như vậy lẽ ra phải bỏ cung tên, vì sao lại cầm cung tên mà nghe pháp giống như bọn thợ săn?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

58. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe".

Cầm: Dùng tay cầm.

Cung tên: Vũ khí phòng vệ.

Thuyết pháp: Như trên đã nói; không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ cung tên, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy cầm

cung tên mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cầm gậy nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm gậy nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, tại sao nghe diệu pháp như vậy mà không bỏ gậy xuống, lại cầm gậy nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải

tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

59. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Cầm gậy: Tất cả các loại gậy.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bị bệnh mà cầm gậy nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ bỏ gậy, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy đang cầm gậy, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm gậy nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, ngoại trừ họ bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp

cho các đồng tử Lê-xa cầm dù nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cầm dù nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải bỏ dù đi, vì sao lại cầm dù nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ có bệnh.

Đoạn Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

60. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Dù: Dù bằng vỏ cây, dù bằng lá Đa-la, bằng lá Đa-lê, bằng thanh tre, bằng nhiều nếp gấp, bằng lông đuôi công, nói chung các loại có thể che mưa nắng như vậy đều gọi là dù.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe, nhưng nếu họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe" thì không được bảo họ bỏ dù, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu thuyết pháp cho pháp sư, luật sư khi mưa, gió, lạnh, tuyết, hoặc nóng bức mà họ cầm dù, thì không có tội.

Nếu buông lung các căn thuyết pháp cho người không bệnh mà cầm dù nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, trừ khi họ bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi sau các đồng tử Lê-xa mà thuyết pháp, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có

tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải đi sau mà nghe.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe? Từ nay về sau không được đi sau mà thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

61. "Cần phải học: Mình đi sau không được thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Đi sau: Người kia đi trước, mình đi sau.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được đi sau người không bệnh mà thuyết pháp cho họ nghe, trừ khi họ có bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ đi phía sau mình, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình

thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Nơi này bọn cướp thường đón đầu đoàn bộ hành, để tôi đi trước, Tôn giả đi sau thuyết pháp cho tôi nghe", thì mình thuyết pháp không có tội. Nếu có kẻ ác lườm mắt, cầm gậy dành đi trước bắt Tỳ-kheo đi sau thuyết pháp cho y nghe, thì thuyết pháp không có tội.

Nếu buông lung các căn đi sau thuyết pháp cho người không bệnh đi trước nghe tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Tỳ-kheo không được đi sau thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, trừ khi họ bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa cưỡi ngựa nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải xuống ngựa, vì sao ngồi trên lưng ngựa mà nghe pháp?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông thuyết pháp cho người không bệnh mà cưỡi ngựa nghe? Từ nay về sau không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

62. "Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Cưỡi: gồm có tám loại: Cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi bò, cưỡi lừa, ngồi trên thuyền, ngồi trên xe, ngồi trên kiệu, ngồi trên cáng.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được thuyết pháp cho người không bệnh mà cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng, đi đến nhà vua hay chủ đất, rồi họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ xuống ngựa, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân thì nên nghĩ rằng mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì dù người ấy ngồi trên ngựa, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn, thuyết pháp cho người không bệnh cưỡi ngựa nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được thuyết pháp cho người cưỡi ngựa nghe, trừ khi họ bị bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà ở ngoài lề đường thuyết pháp cho các đồng tử Lê-xa đang ở giữa đường nghe, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như diễn viên, mình ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì! Vả lại, các đồng tử này cũng không có tâm cung kính, khi nghe diệu pháp như vậy lẽ ra phải tránh sang bên lề đường để Tỳ-kheo ở giữa đường, chứ vì sao mình lại ở giữa đường?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe? Từ nay về sau không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

63. "Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh".

Bệnh: Đức Thế Tôn bảo là không có tội.

Ở ngoài lề đường: Tỳ-kheo ở ngoài lề đường. Ở giữa đường: Thính giả ở giữa đường.

Thuyết pháp: Như trên đã nói, không được ở ngoài lề đường thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, trừ khi họ bị bệnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì việc của tháp, của Tăng đi đến nhà vua hay chủ đất mà họ bảo: "Tỳ-kheo, hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì không được bảo họ tránh ra ngoài lề đường, vì sợ họ sinh tâm nghi ngờ. Nếu bên cạnh họ có tịnh nhân, thì nên nghĩ là mình thuyết pháp cho tịnh nhân, dù vua nghe mình cũng không có tội.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trên đoạn đường nguy hiểm đáng sợ, mà người bảo vệ nói: "Tôn giả hãy ở ngoài lề đường, để tôi ở giữa đường, nếu có bọn

cướp xuất hiện, tôi sẽ chống cự chúng. Tôn giả hãy thuyết pháp cho tôi nghe", thì tuy người ấy ở giữa đường, mình thuyết pháp cũng không có tội.

Nếu buông lung các căn ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người không bệnh ở giữa đường nghe, tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được ở ngoài lề đường mà thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, trừ khi họ bệnh".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc muốn đi đến hồ nước ở công viên phía đông để du ngoạn, bèn ra lệnh cho kẻ hầu cận:

- Ngày mai, trẫm cùng phu nhân thể nữ sẽ đi du ngoạn ở đông viên, các ngươi hãy quét tước sạch sẽ, trang hoàng giường nệm chu đáo.

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe được, liền đến trước vườn đó, nhổ nước miếng, nước dãi trên cỏ non, rồi lấy lá cây gói những thứ

bất tịnh thả nổi trong hồ nước. Phu nhân thể nữ ở trong cung lâu ngày thường trông mong được đi du ngoạn, đến hôm được theo vua ra đi, chẳng khác gì tù nhân ra khỏi ngục. Khi đến trong vườn, thấy cỏ non mềm mại, ai nấy đều chạy xô tới, từ xa xí phần, nói: "Đây là phần của tôi. Đây là phần của

tôi", rồi ngồi trên những bãi nước miếng, khiến y phục bị dơ bẩn. Do thế, họ chạy tới hồ nước để rửa tay và gụt y, rồi họ lại thấy những chiếc lá gói lại đang nổi phập phều trên mặt hồ, liền tưởng tượng: "Có lẽ các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp đi dạo chơi nên gói các hương thơm để tặng chúng ta chứ gì?".

Rồi xúm tranh nhau, bảo: "Cái này của tôi. Cái này của tôi", giành lấy các gói lá, khiến những thứ bất tịnh bắn ra, nhớp cả y phục.

Đoạn, họ bảo nhau: "Kỳ quá, kỳ quá! Ta tưởng là hương thơm, ai ngờ là đồ bất tịnh", liền tâu với vua: "Thực là kỳ lạ! Trước đây đại vương đã ra lệnh quét tước sạch sẽ mà giờ thì nhớp nhúa như vậy đó!"

Vua bèn hỏi người giữ vườn: "Ai làm bẩn vườn này như thế?".

Người giữ vườn tâu: "Hôm qua nhóm sáu Tỳ-kheo đến chơi trong vườn này khá lâu, có lẽ họ làm bẩn chăng?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Vì sao các ông đại tiểu tiện và khạc nhổ trên

cỏ tươi và trong nước? Từ nay về sau không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi và trong nước.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

64. "Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ

tươi.

65. "Cần phải học: Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong

nước".

Không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi mà nên đại tiểu tiện nơi chỗ đất không có cỏ. Nếu vào những tháng hạ, cỏ non mọc khắp nơi không có chỗ đất trống thì nên đại tiện... tại những lối đi của lạc đà, bò, ngựa, lừa, dê. Nếu không có những chỗ ấy thì nên (đại tiện) trên ngói, gạch, đá. Nếu cũng không có nữa thì nên (đại tiện) trên những lá cỏ khô. Nếu cũng không có nữa, thì nên dùng cành cây lót, đại tiện trên cành cây, rồi đem chôn xuống đất.

Khi đi kinh hành, Tỳ-kheo không được nhổ trên cỏ tươi. Nơi đầu đường đi kinh hành nên để ống nhổ trên ngói đá cỏ lá, dùng tro bỏ trong ống nhổ rồi mới nhổ vào. Nếu đại tiểu tiện bị dơ tay chân thì được chùi trên cỏ tươi. Nước gồm có mười loại

như trên đã nói. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước mà phải đại tiểu tiện trên đất. Nếu vào mùa mưa, nước bỗng dưng dâng lên ngập khắp nơi thì nên đại tiện trên những mô đất. Nếu không có những mô đất thì nên dùng ngói đá hay tre gỗ đại tiện trên đó, rồi mới đem bỏ xuống nước.

Nếu đào đất làm cầu tiêu mà dưới đáy cầu có nước chảy ra, thì Tỳ-kheo không được đi cầu trước mà phải bảo tịnh nhân đi trước, rồi Tỳ-kheo mới đi sau, thì không có tội. Nếu dưới đáy cầu có nước chảy thì phải dùng thanh gỗ đại tiện trên đó rồi mới bỏ xuống nước.

Nếu đại tiểu tiện, khạc nhổ bị bẩn tay chân thì được dùng nước rửa. Hoặc khi đại tiểu tiện thì được rửa trôn trong nước, không có tội.

Khi Tỳ-kheo xuống nước tắm, không được khạc nhổ trong đó.

Nếu ở cách xa bờ thì phải nhổ vào trong tay rồi đem vứt đi.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khạc nhổ trên cỏ tươi tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội.

Nếu buông lung các căn đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

“Cần phải học: Không được đại tiểu tiện khạc

nhổ trên cỏ tươi.

Cần phải học: Không được đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng đại tiểu tiện, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà đứng đại tiểu tiện giống như bò lừa lạc đà? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao các ông lại đứng đại tiểu tiện? Từ nay về sau không được đứng đại tiểu tiện.

Đoạn, Phật truyền lệnh cho các Tỳ-kheo phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

66. "Cần phải học: Không được đứng đại tiểu tiện".

Nếu gót chân bị dính bùn, sợ nhớp y, thì được đứng đại tiểu tiện không có tội. Nếu gót chân bị đau, bị ghẻ, bị phù thũng thì được đứng đại tiểu tiện không có tội.

Nếu buông lung các căn đứng đại tiểu tiện tức là coi thường pháp cần phải học. Ngoại trừ tâm trí

bị cuồng loạn thì không có tội. Thế nên nói:

"Cần phải học: Không được đứng đại tiểu tiện". Kệ tóm tắt:

"Cầm dao, mang cung tên,
Cầm gậy và dù lọng,
Đi sau, người cưỡi ngựa,
Lề đường, trên cỏ tươi.
Trong nước, đứng tiểu tiện,
Hết Bạt-cừ thứ sáu".

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO

Đoạn 8: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Phật nói với A-nan:

- Tăng đang có việc tranh chấp, ông hãy đến đó dập tắt sự tranh chấp ấy.

A-nan liền bạch với Phật:

- Thế nào là Tăng có sự tranh chấp phải tìm cách dập tắt? Phật dạy:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, đúng Tỳ-ni, nhưng sau đó khơi dậy sự tranh chấp của các Tỳ-kheo, nói: Việc đó phi pháp, cho đến việc yết-ma đó không hợp lệ, như trong giới Ba-dạ-đề đã nói

rõ. Trong vô lượng việc thường làm của chư Tăng đệ tử Đức Thế Tôn đều dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Đó gọi là những việc thường làm, dùng bảy pháp Diệt tránh này mà dập tắt. Thế nên nói: "Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng pháp, đúng luật, mà sau đó còn khơi dậy, thì phạm tội Ba-dạ-đề".

Bảy pháp Diệt tránh đến đây là hết.

Pháp, tùy thuận pháp như hai bộ Tỳ-ni đã đề cập. Tùy thuận nghĩa là tuân hành pháp này vậy.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 23

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ NHẤT

I. THỂ THỨC THỌ CỤ TÚC

Trong vòng năm năm sau khi Đức Thế Tôn thành đạo, các Tỳ-kheo Tăng đều thanh tịnh, nhưng từ đấy trở về sau, dần dần trở nên phi pháp. Do đó, Thế Tôn tùy theo sự việc mà chế định giới bản gồm bốn loại cụ túc:

1. Tự Cụ túc.
2. Thiện lai Cụ túc.
3. Thập chúng Cụ túc.
4. Ngũ chúng Cụ túc.

1. Tự Cụ túc:

Khi Thế Tôn ngồi nơi cội Bồ-đề, tâm sở cuối cùng hoát nhiên đại ngộ, tự giác diệu chứng, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Đó gọi là Tự Cụ túc.

2. Thiện lai Cụ túc:

Khi Phật ở thành Vương xá trong vườn trúc Ca-

lan-đà, Ngài nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai độ đủ mọi hạng người, nào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Các thầy cũng nên bắt chước Như Lai mà hóa độ rộng rãi mọi người". Khi các Tỳ-kheo nghe Thế Tôn dạy như vậy bèn du hành sang các nước, hễ thấy có thiện nam nào cầu xin xuất gia, thì các thầy cũng bắt chước Đức Như Lai, gọi: "Thiện lai Tỳ-kheo", để độ người xuất gia. Nhưng về oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp, nên bị người đời chê cười: "Đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo, thì oai nghi đi đứng, nhìn

bên trái bên phải, khoác y cầm bát, tất cả đều đúng pháp. Các Tỳ-kheo độ người cũng gọi là Thiện lai, nhưng oai nghi đi đứng, nhìn bên trái bên phải, khoác y cầm bát, đều không đúng pháp".

Khi nghe nói như thế, Tôn giả Xá-lợi-phất liền trải tòa ngồi kiết già tại nơi thanh vắng, suy nghĩ như sau: "Cũng đều là Thiện lai cả mà vì sao Đức Thế Tôn độ Thiện lai Tỳ-kheo thì tất cả đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ Thiện lai Tỳ-kheo thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để cho các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, tất cả đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ẩm thực, một học xứ, một giáo thuyết?". Suy nghĩ thế rồi, vào buổi xế, Xá-lợi-phất xuất định, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi ở nơi thanh vắng con suy nghĩ như sau: "Cũng đều gọi là Thiện lai mà vì sao Đức Thế Tôn độ người đều đúng pháp, còn các Tỳ-kheo độ người thì đều không đúng pháp? Vậy làm thế nào để các Tỳ-kheo độ người khéo thọ giới Cụ túc, đều đúng pháp, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết? Kính xin Thế Tôn giải thích đầy đủ giùm con.

- Như Lai độ nhóm A-nhã Kiều-trần-như năm người Thiện lai xuất gia, khéo thọ giới Cụ túc, cùng một giới, một mục đích, một trú xứ, một cách ăn uống, một học xứ và một giáo thuyết; kế đến độ ba mươi người Mãn từ tử; kế đến độ Thiện Thắng tử ở thành Ba-la-nại; kế đến độ nhóm Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp năm trăm người; kế đến độ Na-đề Ca-diếp ba trăm người; kế đến độ Già-da Ca-diếp hai trăm người; kế đến độ Ưu-ba-tư-na hai trăm năm mươi người; kế đến độ ông và Đại Mục-liên mỗi nhóm hai trăm năm mươi người; kế đến độ Ma-ha Ca-diếp, Xiển-đà, Ca-lưu-đà-di, Ưu-ba-ly; kế đến độ con dòng họ Thích năm trăm người; kế đến độ Bạt-cừ Ma-đế năm trăm người; kế đến độ bọn người trộm cướp năm trăm người; kế đến độ con trưởng giả Thiện Lai. Đó là những Tỳ-kheo mà Như Lai đã độ họ xuất gia, khéo thọ giới Cụ túc, cùng một giới, cùng một mục đích, cùng một trú xứ, cùng một cách ăn uống, cùng một

học xứ và cùng một giáo thuyết. Này Xá-lợi-phất! Những người mà các Tỳ-kheo hóa độ cũng gọi là khéo xuất gia, khéo thọ Cụ túc, cho đến cùng một giáo thuyết, đó gọi là Thiện lai thọ Cụ túc.

3. Thập chúng Cụ túc:

Phật nói với Xá-lợi-phất: "Từ nay Ta chế định pháp thọ Cụ túc, có mười vị giới sư hòa hợp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, đó gọi là khéo thọ cụ túc. Người muốn thọ giới Cụ túc ban đầu vào giữa chúng Tăng, trật vai áo bên phải, cúi đầu đảnh lễ dưới chân chư Tăng, trước hết cầu Hòa thượng, quỳ gối sát dưới chân, nói như sau: "Con đến cầu xin Ngài làm Hòa thượng, Ngài hãy vì con làm Hòa thượng, cho con thọ Cụ túc". (Nói ba lần như vậy). Rồi Hòa thượng nên khích lệ để giới tử sinh tâm hoan hỷ. Đoạn, giới tử đáp: "Con xin cúi đầu vâng giữ". Trước hết Hòa thượng dạy giới tử tìm y bát, dạy cầu Tăng chúng, dạy cầu Giới sư, dạy cầu xin chỗ thanh vắng. Rồi Tăng họp, sai người làm Giáo thọ. Thầy yết-ma hỏi: "Ai có thể đem Mỗ giáp nầy đến chỗ thanh vắng để dạy bảo?". Vị Giáo thọ đáp: "Tôi có thể". Thầy yết-ma lại nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay đồng ý để Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp, còn Mỗ giáp kia có thể dạy

bảo giới tử ở chỗ thanh vắng.

Vì Tăng đã đồng ý nên im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Thế rồi, thầy Giáo thọ nên đem giới tử đến chỗ cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy sơ lược, hoặc đầy đủ. Dạy sơ lược thì như sau: "Lát nữa đây Tăng sẽ hỏi, nếu điều gì có thì ngươi nói là có, điều gì không thì ngươi nói là không". Dạy đầy đủ thì như cách vấn đáp giữa Tăng sau đây. Thầy Giáo thọ vào giữa Tăng, bạch: "Tôi đã hỏi Mỗ giáp (giới tử) xong, y tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn". Thầy yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp xin thọ cụ túc, Mỗ giáp đã dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp, thì cho phép Mỗ giáp vào giữa Tăng.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp, nay Tăng bằng lòng cho Mỗ giáp vào giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc nầy là như thế.

Người muốn thọ giới Cụ túc phải vào giữa chúng Tăng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân của chư Tăng, rồi đến trước giới sư quỳ gối chấp tay, giới sư trao cho y bát, dạy nói như sau: "Đây là bát của con, tùy theo nhu cầu mà thọ dụng, là vật dùng để

khất thực, nay con xin thọ trì. (Nói ba lần như vậy). Đây là y Tăng-già-lê, đây là y Uất-đa-la-tăng, đây là y An-đà-hội, đó là ba y của con. Ba y nầy con nguyện thọ trì không khi nào ngủ rời khỏi chúng". (Nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc, Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp. Mỗ giáp muốn theo Tăng xin thọ Cụ túc.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Thế rồi, Giới sư dạy giới tử cầu thính như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Con là Mỗ giáp theo Hòa thượng

Mỗ giáp thọ Cụ túc. A-xà-lê Mỗ giáp đã hỏi han chỉ bảo con ở chỗ thanh vắng xong.

Con là Mỗ giáp, Hòa thượng của con là Mỗ giáp, nay con theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng cho con thọ Cụ túc. Xin thương xót con. (Nói như vậy ba lần).

Thầy yết-ma nói với chư Tăng:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp A-xà-lê đã hỏi han dạy dỗ y ở chỗ thanh vắng xong. Nay y theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay bằng lòng để Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp. Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Xin Đại đức lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp.

Mỗ giáp muốn hỏi già nạn ở giữa chúng Tăng.

Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy. Đoạn, thầy yết-ma nói với giới tử:

- Thiện nam hãy lắng nghe. Giờ đây là lúc phải chí thành, là lúc phải nói thật, ở trước chư Thiên, thế gian, Thiên ma, các bậc phạm hạnh Sa-môn, Bà-la-môn, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các vị ấy. Đồng thời cũng là lừa dối đối với chúng Thanh văn của Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó là tội rất nặng. Nay ta hỏi ngươi ở giữa chúng Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

- Cha mẹ đã cho phép ngươi chưa?

- Ngươi đã cầu xin Hòa thượng chưa?

- Ba y và bát đã đủ chưa?

- Ngươi có phải là trang nam tử không?

- Đã đủ hai mươi tuổi chưa?

- Ngươi không phải là loài phi nhân đấy chứ?

- Ngươi không phải là kẻ bất năng nam (lại cái) đấy chứ?

- Tên của ngươi là gì?

- (Đáp: Tên là Mỗ giáp).

- Hòa thượng của ngươi tên là gì? (Đáp: Tên là Mỗ giáp).

- Ngươi không phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni đấy chứ?

- Ngươi không phải là kẻ trộm pháp đấy chứ?

- Ngươi không phải là kẻ đang đào thoát đấy chứ?

- Ngươi không phải là kẻ tự ý xuất gia đấy chứ?

- Ngươi không giết hại cha mẹ đấy chứ?

- Ngươi không giết hại A-la-hán đấy chứ?

- Ngươi không phá hòa hợp Tăng đấy chứ?

- Ngươi không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ?

(Mặc dù Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng ở đây căn cứ theo văn xưa mà hỏi).

- Trước đây ngươi đã từng thọ Cụ túc chưa? (Nếu đáp đã từng thọ, thì hỏi tiếp)

- Ngươi không phạm bốn giới Ba-la-di đấy chứ?

(Nếu đáp đã phạm, thì nên bảo đi ra, không được thọ Cụ túc. Nếu đáp không phạm thì lần lượt hỏi tiếp mười ba giới Tăng tàn, hỏi từng giới một

xem có phạm hay không. Nếu đáp phạm, thì hỏi khi thọ Cụ túc xong, y theo pháp sám hối các tội ấy được không? Nếu đáp được, thì hỏi tiếp)

- Trước đây đã từng xả giới chưa? (Đáp: đã xả).
- Ngươi không phải là đầy tớ đấy chứ?
- Ngươi không phải là con nuôi đấy chứ?
- Ngươi không mắc nợ người khác đấy chứ?
- Ngươi không phải là công chức đấy chứ?
- Ngươi không âm mưu làm chính trị đấy chứ?
- Ngươi không phải là người có cả hai căn đấy chứ?
- Ngươi có phải là bậc trượng phu không?
- Ngươi không có các chứng bệnh: Ghẻ lở, bỏng da, mụt nhọt, ung thư, bệnh trĩ, đái tháo, vàng da, sốt rét, suyễn, bệnh gầy còm, điên cuồng, bệnh nhiệt, phong thũng, thũng nước, bụng phù thũng, nói chung các chứng bệnh như thế và những bệnh khác nữa trên thân ngươi không có đấy chứ?

(Đáp: không có).

Hỏi xong, thầy yết-ma lại nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu thỉnh Hòa thượng, ba y và bát đã đầy đủ. Trang nam tử nầy đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không

có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là Mỗ giáp. (một lần bạch, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, mặc y sạch mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi. Thế rồi, sau đó vào một dịp khác, Tỳ-kheo nầy mặc y rách rưới dơ bẩn, đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ thăm hỏi. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Tỳ-kheo, trước đây ông mặc y sạch sẽ mới nhuộm đẹp đẽ, đến chỗ Ta, nay vì sao mặc y rách rưới như thế?

- Bạch Thế Tôn! Đây là chiếc y ngày trước, nhưng vì đã lâu năm nên bị hư rách.

- Ông không thể vá lại được sao?

- Bạch Thế Tôn! Con có thể vá, nhưng không lấy gì để vá.

- Ông không thể đi nhặt những y phục cũ rách tại những con đường hẻm đem về giặt, nhuộm sạch rồi vá sao?

- Bạch Thế Tôn! Y phấn tảo bẩn thỉu, con rất nhờm gớm không thể dùng được.

- Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Y phấn tảo ít phiền toái, dễ tìm, nên giặt cho sạch, không có các lỗi, hợp với pháp phục của Sa-môn,

dựa vào đó mà sống đời xuất gia.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chế ra pháp y cứ đầu tiên nầy. Nếu Thiện nam nào có lòng tin chân chánh, nhẫn chịu được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không nhẫn chịu được thì không nên cho thọ".

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, vì năm sự lợi ích nên Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm sự lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có ưa thích các việc hữu vi hay không.
2. Xem họ có thích nói những điều vô ích hay không.
3. Xem họ có say mê ngủ nghỉ hay không.
4. Vì để thăm viếng những Tỳ-kheo bị bệnh.
5. Để cho những thiện nam có lòng tin thấy oai nghi tề chỉnh của Như Lai mà sinh tâm hoan hỷ.

Vì năm việc đó mà Ngài đi đến phòng các Tỳ-kheo, bỗng thấy một Tỳ-kheo bị bệnh tê liệt vàng vọt gầy ốm, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Tỳ-kheo, khí lực của ông có điều hòa không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh đói khát, khí lực không đầy đủ.

- Ông không thể đi khất thực sao?

- Bạch Thế Tôn! Ở nước Câu-tát-la nầy chỉ có thể xin đồ ăn thừa của người ta, chứ không thể xin đồ ăn còn nguyên vẹn, mà thức ăn thừa thì dơ bẩn, con không thể ăn được, cho nên mới bị gầy ốm.

- Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, chớ nói như thế. Xin đồ ăn thừa ít phiền toái, dễ được, hợp pháp, không có lỗi lầm, nhờ đó mà đời sống xuất gia được dễ dàng.

Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có nhiều Tỳ-kheo, trải tọa cụ, ngồi trình bày lại đầy đủ việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ hôm nay, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định pháp y cứ thứ hai nầy. Nếu thiện nam nào có lòng tin chân chính gắng nhẫn chịu được thì cho thọ Cụ túc, còn ai không thể gắng nhẫn chịu được thì không nên cho thọ".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo ngồi dưới gốc cây, nói như sau: "Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh, ngồi nơi gốc cây khổ cực, ban ngày thì bị gió lùa nắng đốt, ban đêm thì bị muỗi mòng châm chích, ta không thể chịu

nổi".

Phật liền nói với thầy: "Im, im đi, đừng nói như thế. Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ chịu, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với phép tắc Sa-môn, đời sống xuất gia lấy đó làm chỗ nương tựa".

Thế rồi, Đức Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật sự việc trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: "Từ hôm nay, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì muốn lợi ích cho chúng

Thanh văn, chính thức chế định pháp y cứ thứ ba nầy. Nếu thiện nam nào có lòng tin chân chính, biết nhẫn chịu thì cho thọ Cụ túc, còn ai không nhẫn chịu được thì không nên cho thọ".

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, tại Ca-duy-la-vệ, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy một Tỳ-kheo đang bị bệnh tê liệt, vàng vọt gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, khí lực ông có điều hòa không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh rất khổ sở, khí lực không điều hòa.

- Ông không thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh sao?

Bạch Thế Tôn! Con không có tiền mua thuốc,

cũng không ai cúng dường, nên bị bệnh khốn khổ.

- Ông không thể uống trần khí dược sao?

- Bạch Thế Tôn! Loại trần khí dược nầy do bẩn, con không uống được.

- Này Tỳ-kheo, thôi thôi đi, đừng nói như thế. Loại trần khí dược ít

phiền toái, dễ tìm, sạch sẽ, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của Sa-môn, y cứ vào đó mà sống đời sống xuất gia.

Thế rồi, Phật đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

- Từ hôm nay, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri muốn làm lợi ích cho chúng Thanh văn, chính thức chế định điều y cứ thứ tư. Nếu thiện nam nào có lòng tin chân chính, biết nhẫn chịu thì cho thọ Cụ túc, còn ai không nhẫn chịu được thì không nên cho thọ.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có trang thanh niên Bà-la-môn ở thôn Đô Di đến cầu xin các Tỳ-kheo xuất gia, thọ Cụ túc, rồi mới thọ bốn thứ y cứ. (Bấy giờ, giới sư hỏi):

- Y phấn tảo nầy ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống Sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy ngươi có thể chấp nhận dùng nó suốt đời được

không?

- Không thể nhẫn chịu được.

- Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

- Vì con thấy Sa-môn Thích tử khoác y đẹp đẽ mảnh mai, con thích mặc loại y ấy, do thế mà xuất gia.

- Có khi nào mà tất cả các Tỳ-kheo xuất gia đều được mặc y đẹp hết như thế nầy đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ hai, nói:

- Xin thức ăn thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống Sa-môn, y cứ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, vậy ngươi có thể nhẫn chịu tuân thủ suốt đời được không?

- Con không thể nhẫn chịu.

- Vậy, vì cớ gì mà ngươi xuất gia?

- Con thấy Sa-môn Thích tử ăn toàn gạo trắng lúa thơm, bánh ngọt ngon lành, con tham những thức ngon ấy cho nên xuất gia.

- Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được ăn những thứ ngon lành nầy.

- Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ ba, nói:

- Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, phù hợp với nếp sống của Sa-môn, nương vào đó mà xuất gia, thọ

Cụ túc, ngươi có thể nhẫn chịu tuân thủ nếp sống nầy suốt đời được không?

- Con không thể nhẫn chịu.

- Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

- Vì con thấy Sa-môn Thích tử ngồi tại những căn phòng lớn, những lầu gác lộng lẫy, con tham sống nơi những phòng xá nầy cho nên xuất gia.

- Có nơi nào mà tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được các phòng xá tốt đẹp hết như vậy đâu.

Rồi các Tỳ-kheo trao cho pháp y cứ thứ tư, nói:

- Loại trần khí dược ít phiền toái, dễ có, thanh tịnh, không có các lỗi lầm, thích hợp với nếp sống của Sa-môn, lấy đó làm chỗ y cứ để xuất gia, thọ Cụ túc, trong vấn đề nầy ngươi có thể nhẫn chịu tuân thủ suốt đời được không?

- Con không thể nhẫn chịu được.

- Vậy, vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

- Vì con thấy Sa-môn Thích tử uống sữa dầu mật đường phèn và các thứ thuốc khác, con tham uống những thứ nầy cho nên xuất gia.

- Đâu có chuyện tất cả Tỳ-kheo xuất gia đều được những món thuốc ngon lành như vậy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách: "Vì sao các ông cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cứ sau? Từ nay về sau không được cho thọ Cụ túc trước, rồi trao cho bốn sự y cứ sau, mà phải trao

cho bốn sự y cứ trước, xem họ có gắng nhẫn được hay không, rồi mới cho thọ Cụ túc. Nếu họ nói không gắng nhẫn được thì không nên cho thọ Cụ túc. Nếu cho thọ Cụ túc trước, trao

cho bốn pháp y cứ sau, cũng được gọi là thọ Cụ túc, nhưng tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi trao cho bốn pháp y cứ, trước hết phải làm yết-ma cầu thính như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc, Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo giới tử ở chỗ thanh vắng xong, giờ đến giữa Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ, trang nam tử nầy đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho Mỗ giáp làm Hòa thượng. Mỗ giáp muốn trình bày bốn pháp y cứ ở giữa Tăng.

Chư Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp làm Hòa thượng cho Mỗ giáp, muốn nói về bốn pháp y cứ ở giữa Tăng.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, Hòa thượng truyền bốn pháp y cứ:

- Thiện nam hãy lắng nghe. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì muốn lợi ích cho chúng Thanh văn, đã chính thức chế định bốn pháp y cứ nầy. Nếu Thiện nam có lòng tin chân chính gắng

nhẫn được thì mới cho thọ Cụ túc, còn không gắng nhẫn được thì không cho thọ. Y phấn tảo nầy ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống của Sa-môn, lấy đó làm chỗ nương tựa mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo; vậy ngươi có thể gắng nhẫn thọ trì y phấn tảo nầy suốt đời được không?".

Đáp: Được.

Vậy, nếu được các loại y như Khâm-bà-la, y điệp, y Sô ma, y Câu-xá-da, y Xá-na, y Ma, y Khâu mâu đề (Thì ngươi hãy thọ trì).

- Xin thức ăn dư thừa ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống Sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy ngươi có thể gắng nhẫn khất thực sống suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu vào các ngày mồng tám, mười bốn, mười lăm trong tháng, những dịp thuyết giới, dịp bốc thăm, dịp Thí chủ mời, được các bữa ăn (thì ngươi hãy thọ dụng).

- Ngồi dưới gốc cây ít phiền toái, dễ thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống Sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, vậy ngươi có thể gắng nhẫn tuân hành suốt đời ngồi dưới gốc cây được không?

Đáp: Được.

Tuy nhiên, khi được những ngôi nhà lớn, những ngôi nhà có lầu gác, ngôi nhà có cửa lớn, ngôi nhà trong hang (Thì ngươi có thể sử dụng).

- Loại trần khí dược ít phiền toái, dễ được, thanh tịnh, không có các lỗi, phù hợp với nếp sống Sa-môn, nương vào đây mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, ngươi có thể gắng nhẫn uống trần khí dược suốt đời được không?

Đáp: Được.

Vậy, nếu được sữa tươi, sữa chua, dầu, mật, đường phèn và mỡ (Thì ngươi hãy thọ dụng).

Tóm lại, ngươi phải tùy thuận học tập tuân thủ bốn Thánh chủng nầy (Bốn pháp y cứ).

Thế rồi, thầy yết-ma nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc, Mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo (Giới tử) ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây Mỗ giáp theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử nầy đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, gắng nhẫn bốn pháp y cứ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng là Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc, Mỗ giáp đã chất vấn dạy bảo ở chỗ thanh vắng xong. Giờ đây, Mỗ giáp theo

Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ đã cho phép, đã cầu xin Hòa thượng, ba y và bát đầy đủ. Trang nam tử nầy đã đủ hai mươi tuổi, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn, đã gắng nhẫn bốn pháp y cứ. Nay Tăng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là Mỗ giáp. Các đại đức nào bằng lòng việc Tăng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là Mỗ giáp thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. Vậy có thành tựu không? (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng là Mỗ giáp. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

(Đoạn, quay sang nói với giới tử):

- Này Thiện nam, ngươi đã thọ Cụ túc, một sự thọ Cụ túc tốt đẹp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, chúng Tăng hòa hợp không phải là không hòa hợp, từ mười chúng (Mười giới sư) hay mười chúng trở lên. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng pháp, kính

trọng Tỳ-kheo Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Ngươi đã may mắn gặp được, đừng để mất đi. Thân người khó được, Phật xuất thế khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu, khó có dịp đảnh lễ đấng Thích Sư Tử (Phật) và chúng Thanh văn, ngươi đã được giới Cụ túc, như hoa vô ưu rời khỏi bùn và

nước vậy, phải nương vào giới pháp mà tu tập pháp Niết-bàn vi diệu. Đó là bài tựa của giới, bốn pháp Ba-la-di, mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề, chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, các pháp chúng học, bảy pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta dạy bảo ngươi đại khái như thế, sau nầy Hòa thượng, A-xà-lê sẽ nói cho ngươi rộng rãi hơn.

Đó gọi là Thập chúng thọ giới.

4. Ngũ chúng Cụ túc:

Khi Phật an trú tại rừng Thi Đà nơi thành Vương xá, lúc ấy trong thành có một cư sĩ tên là Uất Kiền, vốn dòng tôn thất, hào quý, tài sản vô lượng. Ông nghe Đức Như Lai xuất hiện trong đời, đang trú tại rừng Thi Đà, lòng rất hoan hỷ phấn khởi, muốn mời Phật và chúng Tăng cúng dường trai phạn, liền cho trang hoàng nội thất, quét tước sạch sẽ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một cư sĩ tên là A-na-bân-chi, vốn là bạn chí thiết của Uất Kiền, đến chơi nhà Uất Kiền, thấy ông đang bận rộn trang hoàng quét tước, liền hỏi: "Này Cư sĩ, vì sao mà chuẩn bị khẩn trương, định gả chồng, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần chăng?".

Cư sĩ đáp: "Tôi không gả con, cưới vợ, mời Bà-la-môn, nhà vua hay đại thần gì cả. Ông không nghe con của vua Bạch Tịnh xuất gia, thành Phật,

hiệu là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri xuất hiện trên đời nầy sao? Hiện nay Ngài đang ở tại rừng Thi Đà. Nay tôi quét dọn trang hoàng chính là muốn mời Phật và chúng Tăng, cho nên mới khẩn trương như vậy".

Bân Chi nghe thế lòng rất vui mừng, liền hỏi: "Tôi muốn thăm viếng đảnh lễ Ngài có được không?".

Cư sĩ đáp: "Có thể thăm được. Đức Phật có tình thương bao la, không ai yết kiến mà không có lợi ích. Ông hãy biết lúc nào nên làm gì". Ông ta nghe rồi, lòng tôn kính bộc phát mạnh mẽ, mong mau đến sáng. Đức Phật hiểu rõ tâm ông, liền phóng quang ngay trong đêm tối, ánh sáng chiếu khắp trong thành. Bân Chi thấy ánh sáng, tưởng là trời đã hừng đông, liền ra đi, thì cửa tự nhiên mở. Ông đi lần đến cửa thành, cửa thành cũng mở ra, khi ra khỏi thành, bỗng thấy một ngôi miếu thờ

trời nằm ở ven đường. Ông muốn tới đó lễ bái trước rồi mới đến viếng Phật sau, thì khi vừa hướng đến ngôi miếu, bỗng dưng trời đất tối sầm. Ông cảm thấy hoảng sợ, tới lui đều mờ mịt, không biết đi lối nào. Lúc ấy, trên không có vị trời nói với Bân Chi: "Giờ đây chính là đúng lúc, hãy đi tới, đừng sợ", rồi đọc kệ:

"Dùng bảy báu trang hoàng,
Trăm cổ xe bò, ngựa,

Đem tất cả bố thí,
Kể công đức của chúng,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu
Dùng bảy báu trang hoàng,
Trăm voi chúa Tuyết sơn,
Rồi đem chúng bố thí,
Phước báo công đức ấy,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu.
Thân bảy báu anh lạc,
Của trăm Thiên nữ đẹp,
Dùng chúng để bố thí,
Kể về phước báo ấy,
So một bước ông đi,
Thua một phần mười sáu".

Bấy giờ, A-na-bân-chi nghe bài kệ ấy rồi, lòng sinh kính tín bội phần, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên. Phật liền thuyết pháp, dạy bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỷ. Ông bèn bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con muốn trở về thành Xá-vệ thiết lập Tinh xá, để mời Phật và chúng Tăng an trú. Kính xin Thế Tôn thương xót nhận lời thỉnh cầu của con. Đồng thời xin Thế Tôn sai một Tỳ-kheo trông coi việc xây cất". Như trong kinh Tỷ La đã nói rõ, cho đến Phật nói với Xá-lợi-phất và Mục-liên: "Các ông hãy đến đó xem xét địa hình địa thế, tùy trú xứ của Tăng

mà trông coi sắp xếp, bố trí phòng ốc".

Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy liền đi đến đó. Khi ấy, cư sĩ Bân Chi bèn dùng mười tám ức tiền vàng mua một khoảnh đất, mười tám ức tiền vàng làm tăng phòng, mười tám ức tiền vàng cúng dường chúng Tăng, cộng tất cả là năm mươi tư ức tiền vàng. Vị cư sĩ nầy lại muốn cúng dường thêm nữa, bèn sai Phú-lâu-na vào biển tìm

châu báu. Do oai thần của Phật nên bốn Đại Thiên Vương, Đế Thích và Phạm Thiên Vương hộ vệ người nầy, khiến ông đi về bảy lần, được châu báu vô số mà không gặp tai nạn gì hết.

Thế rồi, Phú-lâu-na thưa với Bân Chi: "Kính mong cư sĩ cho phép tôi xuất gia". Cư sĩ liền chuẩn thuận, đoạn, dẫn đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Người nầy muốn xuất gia, kính mong Thế Tôn thương xót tiếp độ". Phật liền tiếp độ.

Sau khi xuất gia, ông thưa với Phật: "Bạch Thế Tôn! Kính xin Thế Tôn dạy bảo tóm lược cho con, con muốn đến nước Thâu-na, nương theo lời dạy ấy mà tu hành".

Phật liền tùy thuận dạy bảo, như trong Diên Kinh đã nói rõ. Phú-lâu-na thọ giáo rồi, liền đi đến nước Thâu Na. Trong nước nầy có một Trưởng giả tên là Thát Bà, kiến tạo phòng Chiên đàn. Ở đây xin nói rõ về nhân duyên của Ức Nhĩ, cuối cùng,

ông cầu xin xuất gia, và được Phú-lâu-na độ cho xuất gia, làm Sa-di cho đến bảy năm, vì ở đây chúng Tăng khó tìm, nên không được thọ Cụ túc. Sau bảy năm, Thát Bà mới làm xong phòng Chiên đàn, rồi trang trí đẹp đẽ, mời chúng Tăng nhiều nơi về thiết trai cúng dường, đoạn, đem căn phòng ấy cúng dường cho Phú-lâu-na.

Bấy giờ, nhân dịp chúng Tăng tập họp, Phú-lâu-na bèn mời mười vị Tăng tinh thông giới luật, cho Ức Nhĩ thọ Cụ túc. thọ Cụ túc xong, Ức Nhĩ liền bạch với Hòa thượng: "Con muốn đến Xá-vệ thăm viếng đảnh lễ Đức Thế Tôn, kính xin Hòa thượng chuẩn thuận".

Phú-lâu-na đáp: "Tùy ý. Nhưng ông hãy nhân danh ta thăm hỏi Đức Thế Tôn và xin Ngài chấp thuận năm nguyện vọng".

Ức Nhĩ thọ giáo rồi liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật liền nói với A-nan: "Ông hãy trải giường nệm cho Tỳ-kheo khách".

Khi Phật bảo A-nan trải giường nệm thì phải biết là vị ấy sẽ ngủ cùng phòng với Thế Tôn. Còn khi Phật bảo Tôn giả Đà-phiêu-ma-la-tử thì phải biết là vị ấy theo thứ tự mà nhận phòng. Đức Như Lai đầu hôm thuyết pháp cho chúng Thanh văn, nửa đêm Ngài trở về phòng, hào quang thường sáng tỏ. Phật liền hỏi Tỳ-kheo khách:

- Ông có tụng kinh không?
- Có tụng, bạch Thế Tôn.
- Tụng kinh gì?
- Tụng kinh Bát Bạt Kỳ.
- Ông hãy tụng xem.

Thầy bèn tụng nho nhỏ. Khi tụng xong, hỏi đến câu cú nghĩa lý thì thầy đều đáp đâu đó rành mạch. Phật liền ngợi khen: "Tốt lắm Tỳ-kheo! Câu cú chữ nghĩa mà ông vừa tụng đều giống y những gì trước kia Ta đã nói". Thế rồi, Thế Tôn bèn nói kệ:

"Thánh nhân chẳng thích ác,
Người ác chẳng ưa Thánh.
Nếu thấy lỗi thế gian,
Phát tâm hướng Niết-bàn".

Đoạn, Phật tiếp: "Lành thay, trong hàng đệ tử của Ta người thông hiểu nhanh chóng bậc nhất chính là Ức Nhĩ". Ức Nhĩ liền đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi trình bày việc Hòa thượng mình xin Phật năm nguyện vọng. Đức Như Lai nghe xong, sáng sớm hôm sau thức dậy, đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, nói với các Tỳ-kheo: "Phú-lâu-na ở nước Thâu Na sai Ức Nhĩ đến xin Ta năm nguyện vọng. Từ nay về sau, Ta cho phép tại nước Thâu Na biên địa được thực hiện năm nguyện vọng sau đây:

1. Ở Thâu-na biên địa dân chúng thích sạch sẽ, Ta cho phép được tắm rửa hằng ngày. Còn ở đây

nửa tháng mới tắm một lần.

2. Tại Thâu-na biên địa có nhiều ngói gạch đá cuội và gai gốc, Ta cho phép mang dép da hai lớp, còn ở đây chỉ được mang dép một lớp.

3. Ở Thâu-na biên địa ít có phu cụ mà có nhiều thứ da, Ta cho phép dùng da làm phu cụ, còn ở đây thì không cho.

4. Ở Thâu-na biên địa có ít vải vóc mà nhiều y phục của người chết, Ta cho phép mặc y phục của người chết và ở đây cũng cho phép mặc.

5. Ở Thâu-na biên địa có ít Tỳ-kheo, Ta cho phép năm người được truyền giới Cụ túc, còn ở đây phải đủ mười người mới được truyền giới Cụ túc. Đó là cách thọ Cụ túc tốt lành nhất, trước mười người một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Còn ở Thâu-na biên địa trước năm người, một lần bạch, ba lần yết-ma thọ Cụ túc. Đó gọi là bốn cách thọ Cụ túc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly có hai Sa-di, một người tên là Đà Bà Già, còn người kia tên là Bà-la-già. Hai Sa-di nầy được nuôi từ nhỏ dần dần lớn lên, đủ hai mươi tuổi, Tôn giả muốn cho thọ Cụ túc, liền suy nghĩ: "Nếu cho một người thọ trước thì người sau ắt hẳn sẽ oán hận, không hiểu cùng một Hòa thượng, cùng một Tăng chúng, cùng một giới sư, hai người thọ giới cùng một lúc

có được không?”

Suy nghĩ thế rồi, Ưu-ba-ly liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem đầy đủ sự việc kể trên bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Cùng một Hòa thượng, một giới sư, một chúng, hai người cùng thọ giới một lần có được không?”

Phật dạy: “Được. Cũng thế, hai người, ba người cùng thọ một lần cũng được, nhưng không được thọ một lần nhiều người (Bốn người trở lên); đó gọi là thọ Cụ túc. Nếu một giới tử mà hai Hòa thượng, ba Hòa thượng, nhiều Hòa thượng thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Không có thầy yết-ma thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Hai người, ba người cùng với một thầy yết-ma, còn Hòa thượng tách riêng với một chúng để thọ, thì không gọi là thọ Cụ túc. Hai người làm yết-ma hai người, ba người làm yết-ma ba người, còn riêng Hòa thượng cho thọ cùng một chúng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu Hòa thượng ở trong số mười người (Thập sư) thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu đem người muốn thọ Cụ túc tính cho đủ số mười người, đem Tỳ-kheo-ni tính cho đủ số mười người, đem người gởi dục tính cho đủ số mười người, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu không xưng tên Hòa thượng, không xưng tên giới tử, không xưng tên chúng Tăng, thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng nói yết-ma, giới tử nói yết-ma, Tỳ-kheo-ni nói yết-ma, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu Hòa thượng ở trên không trung, giới tử ở trên không trung, Tăng ở trên không trung, tất cả ở trên không, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở dưới đất, một nửa ở trên không, cũng không thể gọi là thọ Cụ túc.

Nếu bị che chắn ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa ở chỗ che khuất, trung gian có vật ngăn cách thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu một nửa bị che khuất, một nửa ở chỗ khoảng trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Nếu tất cả đều ngồi ở chỗ trống mà đưa tay ra không chạm vào nhau, hoặc tất cả đều ngồi ở chỗ khuất, không nghe thấy nhau, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu ngủ, hoặc si ám, điên cuồng, tâm loạn, bị bệnh khổ bức bách, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu giới tử không nói, hoặc chỉ suy nghĩ, hoặc kêu lớn, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

Lại nữa, nếu sai người mang thư tín đến, hoặc đưa tay ra dấu, đều không thể gọi là thọ Cụ túc. Đương sự không hiện diện, không hỏi giới tử, giới tử không muốn thọ giới, làm yết-ma phi pháp,

Tăng không hòa hợp, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu, hoặc một trong những việc đó không thành tựu thì không thể gọi là thọ Cụ túc.

II. CÁC GIÀ NẠN

Lại nữa, nếu có các Trường hợp như hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni; trú trong chúng với tâm trộm pháp; kẻ lừa đảo; phạm ngũ nghịch; sáu hạng không phải nam tử; nhỏ quá; già quá; bị chặt tay; bị chặt chân; tay chân đều bị chặt; bị cắt tai; bị cắt mũi; tai mũi đều bị cắt; hoặc mù; hoặc điếc; hoặc bị mù điếc; hoặc câm; què; hoặc bị câm què; hoặc bị đánh có sẹo; hoặc bị đóng dấu; hoặc bị rút gân; hoặc gân bị giãn; xương sống bị còng; làm quan chức; mắc nợ; bệnh; ngoại đạo; trẻ con; đầy tớ; thân thể dị dạng; hình dáng xấu xí, đều không thể gọi là thọ Cụ túc.

1. Hủy hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni:

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy, đồng tử Ly-xa là Am Bà La phá hoại tịnh hạnh đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Pháp-dự bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Đồng tử Ly-xa phá hoại phạm hạnh đệ tử của con". Nói như thế rồi bèn lễ Phật mà ra đi. Khi ấy, Phật liền nói với A-nan: "Ông hãy lấy y Tăng-già-lê của

Ta lại đây, để Ta đi vào thành Tỳ-xá-ly". A-nan bèn lấy y Tăng-già-lê đưa cho Thế Tôn. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri từ khi thành Phật đến giờ, chưa khi nào đi vào thành ấp xóm làng sau bữa ăn. Khi ấy, Thế Tôn cùng A-nan vào thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, năm trăm người Ly-xa đang tập họp tại ngôi nhà nghị luận, định bàn bạc về những việc khác, trông thấy Thế Tôn từ xa đi đến, họ liền bảo nhau: "Không hiểu Đức Như Lai có việc gì mà sau bữa ăn đi vào thành?". Thế rồi, lập tức các Ly-xa đứng dậy trải tòa ra nghênh đón Thế Tôn, quỳ gối chắp tay, bạch: "Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn ngồi trên tòa nầy".

Khi ấy, Thế Tôn bèn trải tọa cụ mà ngồi, đoạn, các người Ly-xa cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên. Phật liền nói với các Ly-xa: "Quyến thuộc của các ngươi, các ngươi phải bảo hộ, cũng như đệ tử Tỳ-kheo-ni của Ta, Ta cũng phải bảo hộ. Nếu có ai xâm phạm, hoặc muốn hay không muốn phá hoại phạm hạnh, thì theo phép tắc của Ta, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung".

Các người Ly-xa liền bạch với Phật: "Cũng như phép tắc của Thế Tôn, hễ kẻ nào phá hoại phạm hạnh thì chúng tôi không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung. Phép tắc thế tục của chúng tôi cũng như vậy, suốt đời không nói chuyện, không ở chung, không ăn chung".

Khi ấy, Đức Thế Tôn tùy nghi thuyết pháp cho các Ly-xa, khiến họ sinh tâm hoan hỷ, rồi ra đi. Sau khi Ngài đi không bao lâu, Tỳ-kheo-ni Pháp-dự liền đến chỗ Ly-xa, nói như sau: "Này các cư sĩ, đồng tử Ly-xa Am-bà-la đã hủy hoại phạm hạnh đệ tử của tôi. Đó là việc bất thiện, không phải pháp tùy thuận".

Các Ly-xa nghe thế liền tự bảo nhau: "Vừa rồi, chính Đức Thế Tôn muốn nói về việc nầy đây", bèn cảm thấy rất xấu hổ, nói với Tỳ-kheo-ni: "Vậy, Ni sư muốn chúng tôi trừng trị bằng cách nào đây?"

Tỳ-kheo-ni nói: "Đổi họ ông ta, công bố ông ta không còn là người Ly-xa nữa, xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, phá nhà bếp ông ta, hủy mái nhà ông ta xung quanh một khuỷu tay".

Các Ly-xa đáp: "Xin thọ giáo", liền tuyên bố Am-bà-la không còn là Ly-xa nữa, rồi xoay cửa nhà ông ta về hướng Tây, cho đến phá hủy mái nhà ông ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi đến giữa đám đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Trong trường hợp phá tịnh hạnh Tỳ-kheo-ni: Nếu (Hành dâm với) Ni A-la-hán, A-na-hàm mà lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối tất cả (Đều thọ lạc) thì gọi là phá hoại tịnh hạnh của Ni. Nếu Ni Tư-đà-hàm, Ni Tu-đà-hoàn,

Ni phàm phu giữ giới mà (Khi hành dâm) lúc đầu thọ lạc thì gọi là hoại tịnh hạnh của Ni, còn lúc giữa và lúc cuối (thọ lạc) thì không gọi là hoại tịnh hạnh.

Khi ấy, có một (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn, lúc còn là người thế tục đã hoại tịnh hạnh của Ni, tâm sinh nghi hoặc, liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Lúc con còn là người thế tục đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni". Phật bèn nói với các Tỳ-kheo: "Ông (Tỳ-kheo) ngớ ngẩn nầy tự nói: Đã hủy hoại tịnh hạnh của Ni, vậy hãy đuổi đi".

Các Tỳ-kheo liền đuổi vị ấy.

Phật lại dạy: "Nếu kẻ nào hoại tịnh hạnh của Ni thì không nên cho họ xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni".

2. Sống trong chúng để trộm pháp:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có đàn-việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng, thì có một

người đen điêu, bụng bự đến ngồi chỗ của Thượng tọa. Trong chốc lát, Thượng tọa đến hỏi:

- Ông bao nhiêu hạ lạp?

- Ngồi ở đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác làm gì?

Vì Thượng tọa có uy đức nghiêm trang, bèn bảo: "Ối chao! Ông đi xuống dưới kia". Ông bèn

đến ngồi chỗ của Thượng tọa thứ hai. Trong khoảnh khắc, Thượng tọa thứ hai đến, hỏi:

- Ông bao nhiêu tuổi hạ?

- Ngồi đây ăn cơm thì bình đẳng cả, còn phải vất vả hỏi tuổi tác để làm gì?

Cứ như vậy, lần lượt đến chỗ của Sa-di. Sa-di xua đuổi, hỏi:

- Ai là Hòa thượng của ông? Ai là thầy ông? Sa-di có mấy giới?

Sa-di phải thuộc bao nhiêu thứ? Loại thứ nhất gọi là gì? (Đó là:

1. Tất cả chúng sinh đều ngước lên mà ăn.
2. Hai loại danh, sắc.
3. Ba cảm thọ.
4. Bốn Thánh đế.
5. Năm ấm.
6. Sáu nhập.
7. Bảy giác ý.
8. Tám chánh đạo.
9. Chín cõi của chúng sinh cư trú.
10. Mười nhất thiết nhập.

Phép của Sa-di là phải nhớ những điều như vậy).

- Tôi là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với

Thế Tôn. Phật nói: "Ông ta không phải là đệ tử lớn nhất của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Đây là người tự động xuất gia. Nếu người như thế ấy mà chưa từng tham dự Bố-tát, Tự-tứ, sau nầy có lòng tốt muốn xuất gia, thì nên cho xuất gia thọ Cụ túc. Nếu đã từng tham dự Bố-tát, Tự-tứ thì gọi là kẻ sống trong chúng để ăn trộm, không cho xuất gia, thọ Cụ túc. Nếu là con vua hay con quan đại thần vì tị nạn mà khoác Ca sa, nhưng chưa tham dự Bố-tát Tự-tứ, thì nên cho xuất gia. Nếu đã từng tham dự Bố-tát, Tự-tứ thì không cho xuất gia. Nếu Sa-di suy nghĩ: "Trong khi Thuyết giới không biết bàn luận về vấn đề gì?", rồi lén chui trước dưới giường của Thượng tọa để nghe trộm, giá như ông ta thông minh, nhớ tất cả các lời từ lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau nầy không được thọ Cụ túc. Nếu đần độn, hoặc ngủ, hoặc tâm ý đang nghĩ những chuyện khác, không nhớ những lời nói lúc đầu, lúc giữa và lúc cuối trong khi thuyết giới, thì sau nầy được thọ Cụ túc. Nếu sống trong chúng để ăn trộm thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ ở trong chúng để ăn trộm".

3. Kẻ lừa đảo:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người trước bữa ăn, mặc theo

hình thức của Sa-môn, tay cầm bát đen, vào xóm làng khất thực. Sau bữa ăn, ông lại mặc theo hình thức ngoại đạo, tay cầm bát bằng gỗ, theo người ta vào nơi công viên, hồ nước, chỗ du ngoạn trong rừng để khất thực, bị người đời chê bai: "Vì sao Sa-môn Thích tử vào trong xóm làng đến nhà tôi khất thực, giờ lại vào trong rừng, không làm sao thoát được ông ta?" Lại có người nói: "Ông không biết sao? Kẻ Sa-môn nầy dối trá, vì y phục ẩm thực nên vào cả hai nơi".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Đó gọi là kẻ lừa đảo, bỏ hình thức Sa-môn, khoác hình thức ngoại đạo, rồi lại bỏ hình thức ngoại đạo khoác hình thức Sa-môn. Những kẻ lừa đảo như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là kẻ lừa đảo".

4. Ngũ vô gián (Ngũ nghịch):

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Bà-la-môn Đô Di vốn là Thiện tri thức cũ của Xá-lợi-phất, đến chỗ Xá-lợi-phất, nói như sau:

- Tôn giả, cho tôi xuất gia.

- Đó là việc tốt. Ông vốn là Bà-la-môn thường tương phản với Sa-môn, do đâu mà có tín tâm, theo ai nghe pháp, phát tâm hoan hỷ, theo Thế Tôn

chăng, hay theo các Tỳ-kheo?

- Tôi cũng chẳng có tín tâm gì, lại không hoan hỷ, cũng chẳng theo ai nghe pháp cả. Chỉ vì tôi giết mẹ nên muốn đoạn trừ tội nầy, do đó mà xuất gia.

- Đợi tôi hỏi Đức Thế Tôn đã.

Thế rồi, Xá-lợi-phất đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói: "Người nầy giết mẹ, gây tội vô gián, vốn là hạt giống thối nát, đối với chánh pháp không thể phát sinh Thánh Thiện, không nên cho xuất gia".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bà-la-môn Đô Do vốn là thiện tri thức cũ của A-nan, đến chỗ A-nan, nói:

- Tôn giả, tôi muốn xuất gia.

- Đó là việc tốt.

Cho đến Phật nói với A-nan: "Người nầy giết cha, tạo nên tội vô gián, là hạt giống mục nát, đối với chánh pháp không thể thành tựu đạo quả. Giá như bảy Đức Phật cùng xuất hiện một lúc, thuyết pháp cho y nghe, thì đối với chánh pháp, rốt cuộc cũng không thể sinh ra tâm thiện. Ví như cây đa-la đã bị chặt đầu thì không thể sống, không còn xanh, cũng không còn mầm sống ở bên trong. Tội vô gián nầy cũng như vậy, đối với chánh pháp không thể sinh mầm móng Thánh thiện. Nếu kẻ nào gây ra năm tội vô gián, thì không nên cho xuất gia. Nếu

đã cho xuất gia thì phải đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ngoài ra, ba tội vô gián kia cũng như vậy. Đó gọi là năm tội vô gián".

5. Sáu loại người không thể làm đàn ông:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ban đêm đang ngủ trong phòng thì có kẻ đến rờ mó từ gót chân lên đến bắp vế, đến bụng, rồi lần tới chỗ kín. Tỳ-kheo định chụp bắt, thì anh ta liền chạy thoát. Rồi anh ta lại đến những nơi khác như hội trường, phòng sưởi, nơi nào cũng làm như thế. Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo tập trung một chỗ bàn tán nhau: "Nầy các Trưởng lão, đêm qua trong khi ngủ thì có người đến rờ mó khắp người rồi lần tới chỗ kín, tôi định bắt lấy thì anh ta chạy thoát".

Lại có Tỳ-kheo khác nói: "Tôi cũng gặp trường hợp như thế". Cho đến nhiều người cũng gặp như thế. Rồi một Tỳ-kheo suy nghĩ: "Đêm nay ta phải rình để bắt hắn". Đoạn, Tỳ-kheo nầy đến tối, liền ngủ sớm, rồi thức dậy rình. Trong khi các Tỳ-kheo đang ngủ thì hắn ta lại đến sờ mó như trước. Tỳ-kheo liền chộp cổ được, bèn kêu lớn lên: "Các Trưởng lão, hãy đem đèn lại đây". Khi đã đem đèn tới, liền hỏi y:

- Ngươi là ai?

- Tôi là con gái của vua.

- Thế nào là con gái?

- Tôi thuộc lưỡng tính, phi nam, phi nữ.

- Vì lý do gì mà ngươi xuất gia?

- Tôi nghe nói Sa-môn không có vợ, tôi muốn đến làm vợ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật nói: "Đó là kẻ bất năng nam. Bất năng nam có sáu loại. Đó là:

1. Sanh.
2. Bị phá hỏng.
3. Cắt bỏ.
4. Nhân người khác (mà cương cứng).
5. Tật đố.
6. Nửa tháng có tác dụng.

1. *Sanh:* Từ khi sinh đã không có nam căn, đó gọi là sanh.

2. *Bị phá hỏng:* Vợ lớn vợ bé sinh con, ganh ghét nhau, rồi họ tìm cách phá hỏng. Đó gọi là bị phá hỏng không thành đàn ông.

3. *Cắt bỏ:* Hoặc vua, hoặc đại thần chọn những người đã cắt bỏ nam căn để hầu hạ nơi phòng the. Đó gọi là bị cắt bỏ không còn là đàn ông.

4. *Nhân người khác:* Nhân có người xúc chạm mà nam căn cương cứng. Đó gọi là nhân người khác mà bất năng nam.

5. *Tật đố:* Thấy người khác hành dâm mà nam

căn cương cứng. Đó gọi là tật đố, không thành đàn ông.

6. *Nửa tháng (Có tác dụng):* Nửa tháng có tác dụng, nửa tháng không có tác dụng. Đó gọi là nửa tháng không thành đàn ông.

Trong đây, sanh không thành đàn ông, bị phá hỏng không thành đàn ông, cắt bỏ không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông nầy không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì phải đuổi đi. Còn nhân người khác mà không thành đàn ông, tật đố không thành đàn ông, nửa tháng không thành đàn ông, ba loại không thành đàn ông nầy không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia, thì không nên đuổi đi, về sau, nếu sinh khởi dâm dục thì phải đuổi đi. Sáu loại không thành đàn ông nầy không nên cho xuất gia. Nếu ai độ cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là sáu loại không thành đàn ông.

6. Nhỏ quá:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ trẻ con xuất gia, nằm xuống, ngồi dậy phải nhờ người khác đỡ đần, đi ra đi vào cầu tiêu, dính đồ bất tịnh làm dơ bẩn mền gối của Tăng chúng, ngủ dậy kêu khóc, do đó, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử độ trẻ con xuất gia, chưa biết phép tắc, chưa biết những lời nói nào là tốt hay xấu? Đây là hạng

người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Lại có người mỉa mai: “Ông không biết sao? Vì Sa-môn nầy không có con, nên nuôi trẻ con người khác để tưởng tượng là con mình, lấy đó làm vui”.

Lại có người khác chêm vào: “Các Sa-môn nầy chỉ duy nhất không độ hai hạng người: Một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Nếu không độ họ, thì đồ chúng không tăng trưởng. Do đó mà phải độ nhiều”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau người còn nhỏ quá không nên cho xuất gia. Nhỏ quá có nghĩa là: Hoặc dưới bảy tuổi, hoặc đủ bảy tuổi mà không biết việc tốt xấu, đều không nên cho xuất gia. Nếu đủ bảy tuổi mà hiểu biết được việc tốt xấu thì nên cho xuất gia. Nếu trẻ con đã cho xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là quá nhỏ.

7. Già quá:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người tám mươi, chín mươi tuổi xuất gia, đầu bạc, lưng còng, xương sống lồi lõm, các căn không còn chủ động

được, khi muốn tiểu tiện thì phân lòi ra, đi đứng phải có người giúp đỡ, không thể tự mình đứng dậy nổi. Hoặc ở trong phòng, hoặc ở nơi nhà sưởi, chỗ rửa chân, chỗ đi kinh hành, ho hen liên hồi muốn hụt hơi, đàm dãi tuôn ra làm dơ bẩn trú xứ của Tăng; do đó, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử độ những ông lão đầu bạc, lưng còng, ho hen chấn động, đi đứng phải nhờ người giúp đỡ nầy xuất gia? Người xuất gia lẽ ra phải tráng kiện để tọa thiền, tụng kinh, tu tập các nghiệp, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Lại có người mỉa mai: "Ông không biết sao? Vì Sa-môn Thích tử xuất gia không có cha, nên nuôi những ông lão nầy để tưởng tượng là cha mình". Lại có người chêm vào: "Các Sa-môn nầy chỉ có hai hạng người họ không độ: một là người chết, hai là người không muốn xuất gia. Vì nếu không độ thì hội chúng không tăng trưởng".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Phật. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người quá già không nên cho xuất gia.

Quá già nghĩa là quá bảy mươi tuổi. Nhưng nếu

dưới bảy mươi tuổi mà không còn làm việc nổi, nằm ngồi phải nhờ người khác giúp đỡ, người như vậy cũng không nên cho xuất gia. Nếu quá bảy mươi tuổi mà còn có thể làm việc được thì cũng không nên cho xuất gia. Những người đủ bảy mươi tuổi mà khang kiện có thể tu tập các nghiệp thì cho họ xuất gia. Còn già quá thì không nên cho xuất gia. Nếu ai đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là già quá.

8. Bị chặt tay:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị chặt tay xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt tay xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn bị, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người bị chặt tay không nên cho xuất gia. Bị chặt tay nghĩa là: hoặc bị chặt cánh tay, hoặc bị chặt cổ tay, hoặc bị chặt ngón tay nhỏ, ngón tay lớn thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ

họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt tay.

9. Bị chặt chân:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị chặt chân xuất gia, bị người đời chê cười, cho đến câu Phật dạy: "Từ nay về sau những người bị chặt chân không nên cho xuất gia. Bị chặt chân nghĩa là: hoặc bị chặt chân, hoặc bị chặt bắp chân, hoặc bị chặt ngón chân út, ngón chân cái thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi, cho đến câu phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là bị chặt chân.

10. Bị chặt cả tay chân:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị chặt cả tay chân xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp, bị chặt cả tay chân xuất gia? Nếu một thứ bị chặt còn không được xuất gia, huống gì cả hai thứ đều bị chặt. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!"

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau những người bị chặt cả tay chân

không nên cho xuất gia. Chặt cả tay chân nghĩa là: Hoặc bị chặt tay phải, chân trái; hoặc bị chặt tay trái, chân phải; hoặc bị chặt tay trái, chân trái; hoặc bị chặt tay phải, chân phải, đều không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị chặt cả tay chân.

11. Bị cắt tai

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị cắt tai xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị cắt tai?". Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người bị cắt tai không nên cho xuất gia. Bị cắt tai nghĩa là: hoặc bị cắt tai, hoặc bị cắt vành tai. Nếu trước kia xỏ lỗ tai mà có thể liền lại thì được cho xuất gia. Còn người bị cắt tai thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị cắt tai.

12. Bị xẻo mũi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ người bị xẻo mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị xẻo mũi xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người bị xẻo mũi không nên cho xuất gia. Bị xẻo mũi nghĩa là: hoặc bị xẻo mũi, hoặc bị xoi thủng mũi, đều không nên cho xuất gia", cho đến... đó gọi là bị xẻo mũi.

13. Bị cắt cả tai mũi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia, nên bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người bị cắt cả tai mũi xuất gia? Bị cắt một thứ còn không được xuất gia huống gì bị cắt cả hai thứ. Đó là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau những người bị cắt cả tai mũi không nên cho xuất gia", cho đến... đó gọi là bị cắt cả tai mũi.

14. Bị mù:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người mù lòa xuất gia, rồi nắm tay dắt đi, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người mù lòa xuất gia, không thể tự đi được, phải cầm tay dắt đi? Người xuất gia cần phải đầy đủ các căn; đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người mù lòa không nên cho xuất gia. Mù lòa nghĩa là mắt hoàn toàn không thấy các vật. Nếu (Không) thấy rõ những đường chỉ tay, hoặc mắt ti hí như mắt chim sẻ thì không được cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị mù.

15. Bị điếc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người điếc xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người điếc xuất gia, không nghe được những lời nói thiện ác, thì làm sao nghe pháp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói: "Từ nay về sau, những người điếc không nên cho xuất gia. Điếc nghĩa là không nghe được tất cả các âm thanh, nếu nghe được tiếng nói lớn thì nên cho xuất gia", (Cho đến...) đó gọi là bị điếc.

16. Bị cả mù điếc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị mù điếc xuất

gia, nên bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người vừa mù vừa điếc xuất gia, không thể nghe thấy gì cả? Người xuất gia các căn nên đầy đủ, bị mù còn không được, huống gì cả mù điếc. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau những người mù điếc không nên cho xuất gia". (Cho đến...) đó gọi là mù điếc.

17. Bị câm:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người câm xuất gia, dùng tay ra dấu, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người câm xuất gia, không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến Phật nói: "Từ nay về sau không được độ người câm xuất gia. Câm nghĩa là không thể nói được mà phải dùng tay ra dấu, hạng người ấy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi", (Cho đến...) đó gọi là câm.

18. Què:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người què xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại

độ người què đi không được xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: “Từ nay về sau không nên cho người què xuất gia. Què nghĩa là hai tay mang guốc mà đi. Người như vậy thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi”. (Cho đến...) đó gọi là bị què.

19. Vừa câm vừa què:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người vừa câm, vừa què xuất gia, cho đến: “Nếu ai cho họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni”. Đó gọi là vừa câm vừa què.

20. Bị đánh có sẹo:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người có sẹo xuất gia, bị người đời chê cười: “Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đánh có sẹo xuất gia? Người xuất gia thân thể phải lành lặn, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!”

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau, không nên độ những người bị

đánh có sẹo xuất gia. Bị đánh có sẹo nghĩa là: hoặc lồi lên, hoặc lõm xuống. Nhưng nếu có thể chữa trị vết sẹo trở lại bình thường, liền với màu da thì nên cho xuất gia. Còn những người bị đánh có sẹo thì không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bị đánh có sẹo.

21. Bị đóng dấu:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị đóng dấu xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người phạm vương pháp bị đóng dấu xuất gia? Người xuất gia cần phải lành lặn mới phải, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: "Từ nay về sau những người bị đóng dấu không nên cho xuất gia. Bị đóng dấu nghĩa là dùng mật con công hay chất ten của đồng vân vân in vào da thành chữ, hoặc thành các hình chim, thú khiến thịt bị hỏng. Những người như vậy không nên cho xuất gia, nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là bị đóng dấu.

22. Bị rút gân:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người bị rút gân xuất gia, phải kéo lê chân mà đi, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người bị rút gân, phải kéo lê chân mà đi? Người xuất gia lẽ ra phải lành lặn mới được, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật dạy: "Từ nay về sau, những người bị rút gân không nên cho xuất gia. Bị rút gân nghĩa là bị rút gân gót chân. Người như thế không nên cho xuất gia. (Cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là bị rút gân.

23. Gân bị giãn:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người gân bị giãn xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người gân bị giãn xuất gia? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải lành lặn mới được".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: "Từ nay về sau những người gân bị giãn không nên cho xuất gia. Gân bị giãn nghĩa là: Từ gót chân đưa lên cổ được, từ cổ gập xuống gót chân được. Những người như vậy không nên cho xuất gia. (Cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là gân bị giãn.

24. Bị còng lưng:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ người còng lưng, lùn tịt xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ người còng lưng diễn trò cho vua xem xuất gia? Người xuất gia thì thân thể cần phải thẳng thớm, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến... Phật nói: "Từ nay về sau, những người còng lưng không nên cho xuất gia. Còng lưng nghĩa là lưng không thẳng. Còn lùn thấp thì hoặc là phần trên dài, phần dưới ngắn, hoặc phần trên ngắn, phần dưới dài, hoặc hoàn toàn ngắn. Người như vậy không nên cho xuất gia. (Cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là còng lưng, lùn thấp.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 24

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ HAI

25. Quan Viên:

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, nơi thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ một quan viên xuất gia, thọ Cụ túc. Viên quan hình sự thấy thế, liền bắt Tỳ-kheo tống đến chỗ quan tòa, nói như sau: "Vị Sa-môn nầy lén độ quan viên".

Vị quan tòa nói: "Đem Hòa thượng ra bẻ gãy ba xương sườn, dẫn giới sư đến kéo lưỡi ra, lôi thập sư ra đánh mỗi người tám roi. Còn kẻ thọ cụ túc kia thì dùng cực hình trị tội".

Khi đám đông đang hộ tống các tội nhân ra khỏi thành thì nhằm lúc vua Tần Bà Ta La trên đường đi đến Thế Tôn, trông thấy đám đông nầy, vua liền hỏi tả hữu: "Đó là những người nào vậy?".

Quân hầu liền đem sự việc kể trên tâu đầy đủ với vua. Vua nghe xong, giận dữ cực độ, liền ra

lệnh thả ra, nói: "Từ nay về sau, ai muốn xuất gia thì cho phép thầy được tiếp độ".

Đoạn, vua bảo gọi quan tòa đến. Khi y đến, vua hỏi:

- Trong nước nầy ai là vua?

- Đại vương là vua.

- Nếu trẫm là vua thì vì sao ngươi trị tội người mà không tâu với trẫm?

Đoạn, vua ra lệnh quan Hữu ty cách chức viên quan tòa, đồng thời tịch thu hết tài sản sung vào công khố. Quan Hữu ty liền thi hành mệnh lệnh của vua, lột chức quan của y, và tịch thu hết tài sản của y nhập vào công khố.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ước gì tất cả các vì vua đều có lòng tin như thế! Từ nay về sau, Ta không cho phép thu nhận quan chức xuất gia. Quan chức có bốn loại:

1. Hoặc có danh mà không có bổng lộc.
2. Hoặc có bổng lộc mà không có danh.
3. Hoặc vừa có bổng lộc vừa có danh.
4. Hoặc không có danh, không có bổng lộc.

Trong đây, có danh mà không có bổng lộc, có danh và có bổng lộc, thì ở nước nầy không cho xuất gia và các nước khác cũng không cho. Còn loại có bổng lộc mà không có danh thì ở đây không cho, nhưng ở nơi khác thì cho. Còn hạng không có

danh, không có bổng lộc thì ở đây cho và các nơi khác cũng cho. Tóm lại, không nên cho quan chức xuất gia, (cho đến...) phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là quan chức.

26. Kẻ mắc nợ:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ kẻ mắc nợ xuất gia. Chủ nợ gặp được, liền thộp cổ đem đến quan tòa, nói: "Người nầy mắc nợ tôi chưa trả mà xuất gia".

Viên quan tòa vốn có lòng tin pháp Phật, bèn nói với chủ nợ: "Người nầy đã xả bỏ tài sản xuất gia, vì sao lại mắc nợ?", liền tha cho đi.

Chủ nợ bèn than trách: "Người nầy vốn đang mang nợ của tôi chưa trả, vì sao Sa-môn Thích tử lại cho y xuất gia? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người mắc nợ không nên cho xuất gia. Nếu họ đến định xin xuất gia thì trước hết phải hỏi: "Ngươi có mắc nợ người ta không?". Nếu nói: "Có mắc nợ, nhưng nhà tôi có vợ con ruộng đất tài sản, tôi sẽ trả", thì nên cho xuất gia. Nếu nói: "Không mắc nợ", thì nên cho

xuất gia. Sau khi xuất gia mà chủ nợ đến đòi, nếu món nợ ít thì lấy y bát của người ấy trả cho chủ nợ. Nếu không đủ thì phải đem y bát của mình mà trả. Hoặc xin thêm để giúp vào mà trả. Nếu số nợ nhiều không thể trả nổi, thì nên nói: "Trước đây ta đã hỏi ngươi có mắc nợ hay không thì ngươi nói là không mắc nợ, vậy ngươi hãy tự đi xin tiền của để trả nợ người ta". Tóm lại, người mắc nợ không nên cho xuất gia.

nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Cho đến... phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là mắc nợ.

27. Bị bệnh:

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà, thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người bệnh đến chỗ lương y Kỳ-vức, nói như sau:

- Kỳ-vức, trị bệnh cho tôi rồi tôi sẽ trả cho ông năm trăm lượng vàng và hai cây lụa mỏng.

- Tôi không thể trị. Tôi chỉ trị cho hai hạng bệnh nhân: Một là Đức Phật, Tỳ-kheo Tăng; hai là nhà vua và các phu nhân hậu cung của vua.

Người bệnh liền đi đến phòng Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà. Tới rồi, Nan-đà hỏi:

- Lão trượng, bốn đại có điều hòa không?

- Bị bệnh, không được điều hòa. Tôi đến chỗ Kỳ-vức, dùng năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị, lại nói: "Tôi chỉ trị hai hạng bệnh nhân: Phật, Tỳ-

kheo Tăng và nhà vua cùng các phu nhân hậu cung".

- Ông bỏ năm trăm lượng vàng, hai cây lụa mỏng làm chi cho uổng. Ông chỉ cần bỏ hai thứ: một là bỏ tóc, hai là bỏ y phục thế tục là được.

- Thưa thầy, thầy muốn tôi xuất gia sao?

- Dĩ nhiên.

Nan-đà liền độ ông ta xuất gia cho thọ Cụ túc. Thế rồi, sáng sớm thầy khoác y thường mặc, đi đến nhà Kỳ-vức, nói như sau:

- Đồng tử, tôi có đệ tử đồng hành bị bệnh, hãy trị giúp giùm tôi.

- Được thôi. Con định đem thuốc đến đây.

Kỳ-vức bèn mang thuốc đến tu viện, thấy người bệnh, ông nhận diện ra ngay, liền hỏi:

- Tôn giả đã xuất gia rồi sao?

- Vâng.

- Tốt lắm. Giờ tôi sẽ trị bệnh cho thầy.

Thế rồi, Kỳ-vức liền dùng thuốc chữa trị. Khi trị lành còn đem hai cây lụa mỏng cúng dường và cầu chúc: "Mong Tôn giả hãy sống trong pháp Phật tịnh tu phạm hạnh".

Người bệnh ấy nhận vật cúng dường rồi liền bãi đạo, cởi áo ca sa, mặc hai tấm lụa mỏng, đi vào trong đường hẻm, chửi xéo như sau: "Lương y Kỳ-vức có rất nhiều con. Tôi đem năm trăm lượng vàng, hai

cây lụa mỏng thuê ông trị bệnh mà ông không chịu trị. Nhưng khi thấy tôi xuất gia liền chữa trị, lại còn cúng dường nữa chứ".

Kỳ-vức nghe thế, lòng rất căm hận, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Người bệnh kia nhờ con mới được sống mà trái lại còn nhục mạ con. Bạch Thế Tôn! Con là Ưu-bà-tắc, vì muốn cho pháp Phật được tăng trưởng, kính xin Thế Tôn từ nay về sau đừng cho các Tỳ-kheo độ người bệnh xuất gia".

Bấy giờ, Thế Tôn vì đồng tử Kỳ-vức tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo những điều lợi ích, khiến ông hoan hỷ, đảnh lễ dưới chân rồi ra đi. Thế rồi, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo nghe. Đoạn, Phật nói: "Từ này về sau, những người bệnh không nên cho xuất gia. bệnh nghĩa là bệnh ghẻ, bệnh lở loét, bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh trĩ, bệnh đái tháo, bệnh vàng da, bệnh sốt rét, bệnh suyễn, bệnh gầy còm, bệnh điên cuồng, bệnh nhiệt, bệnh phong thũng, thủy thũng, bụng chướng v.v... nói chung, nếu uống thuốc chưa bình phục thì không nên cho xuất gia. Nếu bệnh sốt rét trong vòng từ một đến bốn ngày mà không tái phát thì nên cho xuất gia. Tóm lại, nếu là người bệnh thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì

phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là bệnh.

28. Ngoại đạo:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo độ ngoại đạo xuất gia. Sau khi xuất gia, hễ ai nói về những thói xấu của ngoại đạo như: Ngoại đạo không có lòng tin, tà kiến, phạm giới, không có hổ thẹn. Khi nghe chê bai về những thói xấu của ngoại đạo như thế, thì ông ta liền bênh vực: "Nầy Trưởng lão, chớ nói như thế. Trong hàng ngũ ấy cũng có những bậc hiền thiện, cũng giữ giới. Tất cả đều đạt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao ngoại đạo chưa được thử thách mà ông cho họ xuất gia? Từ nay về sau, nếu ngoại đạo chưa được thử thách, thì không nên cho xuất gia. Nếu ngoại đạo đến xin xuất gia thì phải cho họ sống chung trong bốn tháng để thử thách. Vị Tỳ-kheo nhận họ phải bạch Tăng. Khi bạch Tăng rồi, trước hết Tăng nên cho vị ấy pháp yết-ma cầu thính, rồi sau mới cho cầu xin. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xuất gia theo giáo pháp của Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Mỗ giáp ngoại đạo xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Mỗ giáp ngoại đạo muốn xin sống bốn tháng trong Tăng để thử thách. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi người nầy phải theo Tăng xin như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Con là ngoại đạo Mỗ giáp, muốn xuất gia thọ Cụ túc trong giáo pháp của Đức Như Lai. Con là Mỗ giáp theo Tăng xin sống bốn tháng thử thách. Kính xin chư Đại đức Tăng thương xót cho con sống bốn tháng. (Xin như vậy ba lần).

Thế rồi, thầy yết-ma nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Ngoại đạo Mỗ giáp muốn xuất gia, thọ Cụ túc trong giáo pháp Như Lai, đã xin Tăng bốn tháng thử thách. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho ngoại đạo Mỗ giáp sống bốn tháng thử thách. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Ngoại đạo Mỗ giáp muốn xuất gia thọ Cụ túc trong giáo pháp của Đức Như Lai, đã theo Tăng xin bốn tháng thử thách. Tăng nay cho ngoại đạo Mỗ giáp sống bốn

tháng thử thách. Đại đức nào bằng lòng Tăng cho ngoại đạo Mỗ giáp sống bốn tháng thử thách thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cho ngoại đạo Mỗ giáp sống bốn tháng thử thách xong, vì Tăng đã im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, nếu người nầy có thể theo Tăng làm các công việc như Sa-di, thì xếp dưới Sa-di theo thứ tự lấy thức ăn. Nếu không thể làm việc được thì nên bảo: "Ông tự tìm lấy thức ăn". Thế rồi, hằng ngày nên chỉ trích ngoại đạo ở trước mặt y như sau: Ngoại đạo không có niềm tin, tà kiến, phạm giới, không biết hổ thẹn v.v... khi chỉ trích các điểm như vây mà y nói: "Trưởng lão đừng nói như vậy, trong hàng ngũ ấy cũng có người hiền thiện, có người giữ giới, tất cả đều đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì nên nói với y: "Ngươi hãy trở về nơi đó mà cầu A-la-hán". Nếu y nói: "Đúng như Trưởng lão nói, ngoại đạo có tà kiến, (cho đến...) không biết xấu hổ, gây nghiệp địa ngục, xin Trưởng lão hãy cứu vớt con". Đồng thời qua bốn tháng thử thách mà tâm y bất động không dời đổi thì nên cho xuất gia. Nếu nửa chừng mà được Thánh pháp thì chấm dứt sự thử thách. Nếu người ấy bỏ hình thức ngoại đạo mặc sắc phục của người đời đến xin xuất gia thì nên cho xuất gia. Nếu họ mặc hình thức ngoại đạo đến mà không cho bốn tháng thử thách, liền cho

xuất gia, thọ Cụ túc, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là ngoại đạo.

29. Trẻ con:

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có đồng tử con nhà họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỳ-kheo độ cho xuất gia. Sau đó, các đứa con còn lại khi cha mẹ dạy bảo, thì chúng giận dữ, nói: "Đức Thế Tôn lúc sắp trở thành Chuyển luân Thánh vương, còn bỏ nhà xuất gia, con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?". Khi ấy, các người họ Thích liền đến chỗ vua Bạch Tịnh tâu: "Tâu đại vương, con của tôi không cho mà các Tỳ-kheo độ cho xuất gia, cho nên những đứa còn lại không thể dạy bảo được. Nếu có dạy bảo chúng, thì chúng hậm hực, nói: "Đức Thế Tôn khi sắp trở thành Chuyển luân Thánh vương mà còn bỏ đi xuất gia, thì con còn luyến tiếc điều gì mà không xuất gia?". Kính mong đại vương đến Thế Tôn xin một nguyện vọng: "Nếu cha mẹ không cho thì đừng cho xuất gia".

Khi ấy, vua Bạch Tịnh cùng với các người họ Thích đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên. Đoạn, nhà vua bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Các đồng tử dòng họ Thích cha mẹ không cho mà các Tỳ-kheo cho xuất gia. Cho nên những đứa còn lại nếu có dạy bảo điều gì thì

chúng hậm hực đòi xuất gia, nói: "Đức Thế Tôn sắp đạt địa vị Chuyển luân Thánh vương mà còn bỏ đi xuất gia, vậy thì con còn luyến tiếc thứ gì mà không xuất gia?" Bạch Thế Tôn! Cha mẹ nghĩ đến con nhớ thương thấu suốt xương tủy. Tôi cũng đã từng như vậy. Trong thời gian bảy năm Thế Tôn xuất gia, khi ngồi đứng, ăn uống, không lúc nào là tôi không thầm khóc. Kính mong Thế Tôn chế định: Nếu cha mẹ chưa cho phép thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến vua phát tâm hoan hỷ, đoạn, vua cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, rồi ra đi. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn liền đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, tường thuật lại đầy đủ sự việc kể trên cho các Tỳ-kheo. Rồi Phật nhấn mạnh: "Từ nay về sau (người con nào) cha mẹ không cho phép thì không nên cho xuất gia. Con gồm có ba loại: Con ruột, con nuôi và con đến (xin làm con nuôi). Con ruột: tức là con do cha mẹ sinh. Con nuôi: tức cha mẹ xin trẻ con còn nhỏ đem về nuôi dưỡng. Con tự đến: tức người tự đến nương tựa xin làm con. Ở đây, con

ruột thì nước nầy không cho phép (cha mẹ không cho mà độ họ xuất gia) mà các nước khác cũng không cho phép. Còn con nuôi và con tự đến xin nương tựa, thì nước nầy không cho phép, nhưng các nước khác thì cho phép. Tóm lại, nếu

đứa con cha mẹ không cho thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia, thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là con.

30. Đầy tớ:

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một người đầy tớ của dòng họ Thích, chủ nhà không đuổi mà các Tỳ-kheo độ y xuất gia. Do thế, bọn đầy tớ còn lại khi được chủ nhà dạy bảo, phân công công việc, chúng không chịu phục tùng mà hậm hực, nói: "Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia, thì tôi còn luyến tiếc thứ gì, thà bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái cung kính cúng dường".

Khi ấy, các người họ Thích bèn đi đến chỗ vua Bạch Tịnh, tâu: "Thưa đại vương, bọn gia nô của chúng tôi, chúng tôi không đuổi mà các Tỳ-kheo độ họ xuất gia. Do thế, số còn lại khi được phân công công việc thì chúng hậm hực, nói: "Tôn giả Xiển-đà mà còn xuất gia thì tôi còn luyến tiếc thứ gì; bỏ đi xuất gia còn được người ta lễ bái tôn kính cúng dường". Thưa đại vương, dòng họ Thích chúng tôi có nhiều đầy tớ dùng để sai khiến làm các công việc. Kính mong đại vương đến Phật, cầu xin một nguyện vọng: những đầy tớ nào chủ không đuổi thì đừng cho xuất gia". Thế rồi, vua Bạch

Tịnh cùng với các người họ Thích đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Mong Thế Tôn chế định rằng từ nay về sau những nô bộc nào chủ không đuổi thì các Tỳ-kheo đừng cho xuất gia".

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho vua Bạch Tịnh, khiến ông phát tâm hoan hỷ, rồi vua cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn mà ra về. Khi vua đi không bao lâu, Thế Tôn bèn đi đến chỗ có đông Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên với các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật nói: "Từ nay về sau, những nô bộc nào chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nô bộc gồm có năm loại: Sanh ra từ trong nhà; mua về; bắt được; người ta cho; tự đến.

1. Sinh ra từ trong nhà: Do tỳ thiếp trong nhà sinh ra.
2. Mua về: Đem tiền đi mua về.
3. Bắt được: Bắt được quân của nước láng giềng.
4. Người ta cho: Do người khác đem đến cho.
5. Tự đến: Tự đến xin làm nô bộc.

Ở trong đây, ba loại đầy tớ: sinh từ trong nhà, mua về và bắt được thì ở đây không cho phép (Nếu chủ nhà không đuổi thì không được độ xuất gia) mà các nơi khác cũng không cho phép. Còn hai

loại: do người ta cho, tự đến làm nô bộc, thì ở đây không cho phép, nhưng ở các nơi khác thì cho phép. Tóm lại, nếu gia chủ không đuổi thì không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai cho họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đầy tớ.

31. Thân thể dị dạng:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người mà các phần trên thân thể dị dạng xuất gia, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ những người thân thể dị dạng? Người xuất gia lẽ ra thân thể phải hoàn hảo, đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người thân thể dị dạng không nên cho xuất gia. Thân thể dị dạng nghĩa là mắt lé, lưng gù, chân què, gót lệch, răng hô, đầu bự; những người có thân thể dị dạng như vậy không nên cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thân thể dị dạng.

32. Hình dáng xấu xí:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, được chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, các Tỳ-kheo độ những người có hình dáng xấu xí xuất gia, như quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá lớn, quá bé, bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử lại độ những kẻ có hình dáng xấu xí xuất gia? Người xuất gia thì hình dáng phải đoan trang, mà những người nầy thì hình dáng xấu xí, không ai thích nhìn cả. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!". Lại có người chế nhạo: "Những Sa-môn nầy chỉ có hai hạng người họ không độ mà thôi, một là người chết, hai là người không thích xuất gia. Nếu không độ thì đồ chúng không tăng trưởng".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự kiện kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, những người có hình dáng xấu xí không nên độ xuất gia. Hình dáng xấu xí nghĩa là quá đen, quá trắng, quá vàng, quá đỏ, quá cao, quá lùn, quá thô, quá bé. Vì lẽ, những kẻ có hình dáng xấu xí thì khi người ta vui vẻ còn không muốn nhìn, huống gì khi người ta tức giận. Do đó, những người có hình dáng xấu xí không nên cho

xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi đi. Nếu ai độ họ xuất gia thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những hình dáng xấu xí.

Nếu rơi vào trong ba mươi hai trường hợp trên thì không thể gọi là thọ Cụ túc. Trái lại, nếu thanh tịnh, như pháp thì gọi là thọ Cụ túc.

Bây giờ đề cập đến vấn đề yết-ma và việc yết-ma.

YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở Chiêm-bà nổi lên tranh chấp, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép một người cử tội một người, cho đến nhiều người cử tội nhiều người". Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Từ nay về sau nên làm yết-ma.

Yết-ma gồm có: Bốn loại yết-ma, hai loại yết-ma, một lần bạch một lần yết-ma, một lần bạch ba lần yết-ma, bốn người làm yết-ma, năm người làm yết-ma, mười người làm yết-ma, hai mươi người làm yết-ma, nếu thành tựu năm điều phi pháp, không hòa hợp thì làm yết-ma xong phải sám hối; nếu thành tựu năm điều như pháp, hòa hợp thì làm

yết-ma xong không sám hối”.

1. ***Bốn loại yết-ma:*** Gồm có: phi pháp hòa hợp yết-ma; như pháp bất hòa hợp yết-ma; như pháp hòa hợp yết-ma; bất như pháp bất hòa hợp yết-ma. Đó gọi là bốn loại yết-ma.

2. ***Hai loại yết-ma:*** Bố-tát yết-ma; cung kính yết-ma. Đó gọi là hai loại yết-ma.

3. ***Một lần bạch một lần yết-ma:*** Gồm có hai mươi tám vấn đề, đó là:

1. Xuất yết-ma.
2. Ngủ không lìa y.
3. Ngủ rời y.
4. Chỉ chỗ làm phòng.
5. Chỉ chỗ làm phòng lớn.
6. Chỉ chỗ làm phòng trước.
7. Người chia bát.
8. Người chia thăm (thẻ).
9. Thử nghiệm ngoại đạo.
10. Cột túi xách vào gậy vác đi.
11. Trông coi giường nệm.
12. Trông coi việc nấu ăn.
13. Trông coi việc phân phối người đi ăn.
14. Trông coi việc chia phòng.
15. Trông coi việc giữ y.
16. Trông coi việc thưởng y.
17. Trông coi việc chia y.

18. Trông coi việc lấy vải.
19. Trông coi việc cắt vải.
20. Trông coi việc chia vải.
21. Trông coi việc chia hoa.
22. Trông coi việc chia hương.
23. Trông coi việc chia quả.
24. Trông coi việc chia nước nóng.
25. Trông coi việc chia bánh.
26. Trông coi việc tùy ý cử tội.
27. Trông coi việc chia cháo.
28. Trông coi việc chia các vật lặt vặt.

- Đó gọi là hai mươi tám việc.

4. ***Một lần bạch ba lần yết-ma:*** Gồm có tám trường hợp, đó là:

1. Hàng phục.
2. Không nói.
3. Tẫn xuất.
4. Phát hỷ.
5. Cử tội.
6. Biệt trú.
7. Ma-na-đỏa.
8. Xuất tội.

Đây thuộc về một lần bạch ba lần yết-ma.

5. ***Yết-ma gồm bốn người:*** Như Yết-ma Bố-tát và các trường hợp

cử người thì bốn người có thể làm được. Đó gọi

là yết-ma gồm bốn người.

6. ***Yết-ma gồm năm người:*** Gồm các trường hợp: thọ Tự tứ; thọ Cụ túc ở Thâu-na biên địa; tất cả các tội Ni-tát-kỳ thì năm người có thể làm được. Đó gọi là yết-ma gồm năm người.

7. ***Yết-ma gồm mười người***: Gồm các trường hợp: Tỳ-kheo thọ cụ túc; Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc, thì mười người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm mười người.

8. ***Yết-ma gồm hai mươi người:*** Xuất tội Tỳ-kheo, xuất tội Tỳ-kheo-ni (?) thì hai mươi người được làm. Đó gọi là yết-ma gồm hai mươi người.

9. Làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp thì làm xong phải sám hối:

1. Đương sự không hiện diện.
2. Không hỏi.
3. Không nêu lỗi.
4. Làm phi pháp.
5. Không hòa hợp.

Đó gọi là làm yết-ma trong năm trường hợp phi pháp, làm xong phải sám hối.

10. Làm yết-ma trong năm trường hợp như pháp, làm xong không sám hối:

1. Đương sự hiện diện.
2. Có hỏi.
3. Hỏi xong bèn nêu lỗi.

4. Làm đúng pháp.

5. Tăng hòa hợp.

Đó gọi là làm yết-ma thuộc năm trường hợp đúng pháp, làm xong không sám hối.

Trường hợp nào cần hai mươi người làm yết-ma thì mười người làm không thành tựu. Trường hợp cần mười người làm yết-ma thì năm người làm không thành tựu. Trường hợp cần năm người làm yết-ma thì bốn người làm không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch ba lần yết-ma thì một lần tác bạch không thành tựu. Trường hợp cần một lần bạch một lần yết-ma thì một lần bạch không thành tựu. Trường hợp đơn bạch yết-ma mà làm yết-ma cầu thính thì không thành tựu.

Trái lại, cần làm yết-ma cầu thính mà tác bạch thì thành tựu. Cần tác bạch yết-ma mà bạch nhất yết-ma thì thành tựu. Cần bạch nhất yết-

ma mà bạch Tam yết-ma thì thành tựu. Cần làm yết-ma với bốn người mà làm yết-ma với năm người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với năm người mà làm yết-ma với mười người thì thành tựu. Cần làm yết-ma với mười người mà làm yết-ma với hai mươi người thì thành tựu. Đó gọi là yết-ma.

VIỆC YẾT MA

1. Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ cụ túc.
2. Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc.
3. Việc yết-ma chi mãn.
4. Việc yết-ma già pháp thanh tịnh.
5. Việc yết-ma bất cụ túc thanh tịnh.
6. Việc yết-ma không sinh giới.
7. Việc yết-ma tội căn.
8. Việc yết-ma không xả căn.
9. Việc yết-ma xả căn.
10. Việc yết-ma hòa hợp căn.

1. Việc yết-ma Tỳ-kheo thọ cụ túc:

Người thọ cụ túc cầu xin Hòa thượng; Hòa thượng dạy tìm y bát; dạy cầu Tăng chúng; dạy cầu Giới sư; dạy cầu thầy Giáo thọ dạy bảo ở chỗ thanh vắng. Do các việc ấy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma thọ cụ túc của Tỳ-kheo.

2. Việc yết-ma Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc:

Khi Tỳ-kheo-ni cho giới tử thọ cụ túc xong, liền dẫn đến giữa chư Tăng, Tăng nên hỏi Tỳ-kheo-ni: "Giới tử thanh tịnh, không có già nạn đấy chứ?". Giới sư Ni đáp: "Thanh tịnh". Do các việc ấy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc đó đều thuộc về trường hợp yết-ma khi Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc.

3. Việc yết-ma chi mãn:

Người thọ giới Cụ túc đã cầu Hòa thượng, Hòa thượng đã dạy tìm y bát, dạy cầu thỉnh chúng Tăng, dạy cầu thỉnh Giới sư, dạy cầu thỉnh thầy Giáo thọ để dạy bảo ở chỗ thanh vắng, thầy Giáo thọ dẫn giới tử vào giữa Tăng, xin Tăng thọ cụ túc, hỏi về các già nạn, nói về bốn pháp y cứ. Do các việc đó mà phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy được gọi là việc yết-ma chi mãn.

4. Việc yết-ma già pháp thanh tịnh:

Việc ngăn cản hợp lệ. Do vấn đề nầy sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai việc nầy đều thuộc về việc yết-ma già pháp thanh tịnh (Ngăn cản hợp lệ).

5. Việc yết-ma không đủ thanh tịnh:

Do các chi tiết không hợp lệ mà phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma không đủ thanh tịnh (không hợp lệ).

6. Việc yết-ma không sinh giới:

Phá hoại tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni, sống trong Tăng với tâm trộm pháp, kẻ lừa đảo, mắc tội ngũ nghịch, phạm tội Ba-la-di, Sa-di có tà kiến. Do các việc nầy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma không sinh giới (không phát huy giới thể).

7. Việc yết-ma tội căn:

Gồm năm thiên tội là Ba-la-di, Tăng-già-bà-

thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni. Do các việc nầy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma tội căn.

8. Việc yết-ma không xả căn:

Tỳ-kheo được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ lỗi lầm, do đó, phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma không xả căn (Bỏ gốc tội).

9. Việc yết-ma xả căn.

Người được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần liền bỏ gốc của tội. Do các việc nầy phát sinh yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma xả căn (Bỏ gốc của tội).

10. Việc yết-ma hòa hợp căn:

Tỳ-kheo Tăng tập họp phát thẻ, người không đến thì gởi dục, xướng việc Tăng hòa hợp, do các việc nầy phát sinh ra yết-ma và bạch yết-ma. Hai vấn đề nầy đều thuộc về việc yết-ma hòa hợp.

Các vấn đề vừa nêu thuộc về việc yết-ma. Bây giờ đến các pháp yết-ma khác:

1. Yết-ma hàng phục:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo tại Chiêm-bà tranh chấp, cãi vã nhau, sống không

hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nên cho phép yết-ma hàng phục". Pháp yết-ma hàng phục nầy gồm có tất cả năm việc, được Phật chế định tại thành Xá-vệ. Đó là:

1. Tám trường hợp quan hệ thân mật.
2. Thường thường phạm tội.
3. Đi đến những bạn bè xấu ác tại chỗ không nên đến mà đi sớm về trễ.
4. Tranh chấp cãi vã nhau.
5. Tôn kính người nhỏ tuổi.

I. Tám trường hợp quan hệ thân mật:

a. Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác).

Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi chung một giường, ngủ chung một giường, ăn chung một bát, mặc chung y phục, cùng đi cùng về. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là hai bên có tâm ô nhiễm, nói những lời quyến luyến nhau. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là cùng ngồi một giường, ngủ một giường, ăn một bát, mặc y phục chung, cùng đi cùng về. Khi nói, thì nói những lời quyến luyến nhau với tâm ô

nhiễm. Đó gọi là dùng thân miệng quan hệ thân mật.

Thế rồi, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão Tỳ-kheo Từ Địa, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác)". Khuyên can như vậy một lần không bỏ, thậm chí đến ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Tỳ-kheo Từ Địa nầy dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật (Với người khác) mà khuyên can ba lần không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (Với người khác). Thầy yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật (với người khác), đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật (với người khác). Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Từ Địa dùng thân quan hệ thân mật với người khác, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho

Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Từ Địa pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật với người khác, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy như vậy.

Vấn đề dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như thế.

b. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-đà-di dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh. Dùng thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng mặc chung y phục. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Dùng miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói những lời quyến luyến với nhau bằng tâm ô nhiễm. Đó gọi là dùng miệng quan hệ thân mật.

Dùng thân miệng quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay cùng ngồi, cùng mặc chung y phục, dùng tâm ô nhiễm nói với nhau bằng những lời quyến luyến. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão

Ưu-đà-di, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, dùng miệng quan hệ thân mật, dùng thân miệng quan hệ thân mật với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh". Khuyên can một lần, hai lần, ba lần như vậy mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Ưu-đà-di nầy với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật mà can gián ba lần không bỏ thì Tăng nên cho pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Thầy Ưu-đà-di nầy với Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh dùng thân quan hệ thân mật, Tăng đã khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-đà-di pháp yết-ma hàng phục về việc dùng thân quan hệ thân mật. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến... Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Về miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật cũng nói như trên.

c. Lại nữa, bấy giờ Tỳ-kheo Bạt-đà-lê với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-thi-lê dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng giống như trong trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

d. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo Tô-tỳ-đề cùng với Tỳ-kheo-ni Tô-tỳ-đề-di sống quan hệ thân mật về thân, quan hệ thân mật về miệng, quan hệ thân mật về thân miệng như trong trường hợp Tỳ-kheo-ni Hiếu Sinh ở trên đã nói rõ.

e. Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo đến nhà cư sĩ cùng với vợ ông dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là cùng với phụ nữ tay nắm trong tay cùng ngồi, đem hương, hoa, quả, dưa đưa cho nhau, nhờ người khác làm liên lạc. Đó gọi là dùng thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời quyến luyến với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì giống như hai trường hợp trên đã nói đầy đủ. Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đàn bà", khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di đã nói rõ ở trên.

f. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy

giờ, có Tỳ-kheo cùng với người bất năng nam (Lại cái) dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật. Thân quan hệ thân mật nghĩa là tay nắm trong tay, cùng ngồi, cùng đi cùng về. Đó gọi là thân quan hệ thân mật.

Miệng quan hệ thân mật nghĩa là nói với nhau bằng những lời thân thiện với tâm ô nhiễm. Đó gọi là miệng quan hệ thân mật.

Thân miệng quan hệ thân mật thì như hai việc trên đã nói đầy đủ.

Đó gọi là thân miệng quan hệ thân mật.

Khi ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, thầy đừng dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với kẻ bất năng nam". Khuyên can như vậy đến ba lần mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cũng như trường hợp Ưu-đà-di ở trên đã nói rõ.

g. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Ưu-đà-di với đệ tử đồng hành, dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo Từ Địa ở trên đã nói rõ.

h. Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Xiển-đà dùng thân quan hệ thân mật, miệng quan hệ thân mật, thân miệng quan hệ thân mật với đồng tử, cũng như trong trường hợp Tỳ-kheo

Từ Địa ở trên đã nói rõ.

Trên đây là tám trường hợp sống quan hệ thân mật.

2. Thường thường phạm tội:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, thầy đừng vi phạm các tội thuộc năm Thiên tội". Được khuyên can như vậy một lần không bỏ, khuyên can lần thứ hai không bỏ, khuyên can đến lần thứ ba cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Nếu ông Thi-lợi-da-bà thường thường phạm các tội trong năm Thiên tội, thì hãy làm pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội ấy. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà nầy thường thường phạm tội, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội, đã được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nay Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc

thường thường phạm tội. Các đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma hàng phục về việc thường thường phạm tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Đó gọi là thường thường phạm tội.

3. Đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, làm bạn với kẻ xấu, kẻ ác, cùng đi đến những chỗ không nên đến.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-lộ đi vào thôn xóm quá sớm, đi về quá tối, kết bạn với kẻ ác, kẻ xấu, đi đến những nơi không nên đến.

Đi đến quá sớm nghĩa là đi vào thôn xóm khất thực quá sớm. Đi về quá tối nghĩa là rời khỏi thôn xóm quá tối. Kết bạn với kẻ ác nghĩa là kết bạn với kẻ quản tượng, chăn ngựa, kẻ cắp, quân ăn cướp, đứa đánh xúc xắc, kết thân với những kẻ như vậy gọi là kết bạn với kẻ ác. Làm bạn với kẻ xấu thì cũng như các bạn ác kể trên. Đi đến chỗ không nên đến nghĩa là đến nhà đàn bà góa, nhà con gái lớn tuổi chưa có chồng, nhà dâm nữ, nhà kẻ lại cái, Tỳ-

kheo-ni bị tiếng xấu, Sa-di-ni bị tiếng xấu. Đó gọi là đến chỗ không nên đến.

Trong các trường hợp ấy, các Tỳ-kheo khuyên can: "Trưởng lão, thầy đừng ra đi quá sớm, trở về quá tối, (Cho đến...) đi tới chỗ Sa-di-ni bị tiếng xấu". Nhưng khuyên can một lần, hai lần, ba lần vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Nếu Tỳ-kheo Ca Lộ ra đi quá sớm, trở về quá tối, cho đến đi tới những chỗ không nên đến, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ca-Lộ đi vào thôn xóm quá sớm, rồi được khuyên can đến ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Ca Lộ pháp yết-ma hàng phục về việc đi vào thôn xóm quá sớm nầy. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Vấn đề trở về quá tối, kết bạn với kẻ xấu, kẻ ác, đi đến những chỗ không nên đến (Cách khuyên can và làm yết-ma) cũng như thế.

4. Tranh chấp cãi vã nhau:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-

kheo Mã Túc tự cao, tự đại tranh luận cãi vã với người khác. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão Tỳ-kheo Mã Túc, thầy đừng có tranh cãi". Khuyên can như vậy một lần không bỏ, hai lần, ba lần cũng không bỏ. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Khi năm điều sau đây hiện hữu thì biết là sự tranh cãi sẽ phát sinh. Đó là:

a. Yết-ma đúng pháp mà nói là phi pháp.

b. Tập họp đúng pháp mà nói là phi pháp.

c. Xuất tội đúng pháp mà nói là phi pháp.

d. Xả vật đúng pháp mà nói là phi pháp.

e. Kết tội đúng pháp mà nói là phi pháp.

Đó gọi là năm điều phi pháp. Trái với năm điều trên thì gọi là đúng pháp. Các Tỳ-kheo nên khuyên bảo như sau: "Này Trưởng lão, Tỳ-kheo cần phải thành tựu năm pháp sau đây khi vào trong chúng. Đó là:

a. Nói nhỏ nhẹ khi vào trong chúng.

b. Khi nghe yết-ma phải tin tưởng.

c. Đã tin tưởng thì phải tuân hành.

e. Nếu thấy yết-ma không đúng pháp mà không thể ngăn cản được thì nên gởi dục.

f. Nếu không thể gởi dục thì nên cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng".

Khi Tỳ-kheo nghe những lời khuyên bảo ấy liền nói: "Tôi biết nói năng khéo léo, vì sao phải

nói nhỏ khi vào trong chúng? Tôi cũng là kẻ đa văn, vì sao nghe yết-ma liền phải tin? Tôi biết rõ phép tắc, vì sao nghe liền phải tuân hành? Tôi cũng thông thạo yết-ma, vì sao nghe yết-ma không đúng pháp lại không thể ngăn cản mà phải gởi dục? Tôi đã đến được, vì sao phải báo người ngồi bên cạnh biết là mình không bằng lòng? Tôi sẽ ngăn cản".

Phật nói với các Tỳ-kheo: "Khi năm pháp hiện hữu khiến sự tranh chấp phát sinh, thì Tăng nên làm yết-ma hàng phục. Năm pháp đó là:

a. Tự cao.

b. Tính tình thô lỗ, hung ác.

c. Nói những lời vô nghĩa.

e. Nói không đúng lúc.

f. Không thân cận với người thiện.

Đó gọi là năm pháp hiện hữu Tăng nên làm yết-ma hàng phục.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc tự cao, tranh luận cãi vã với người khác, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nay Tăng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao. Các

đại đức nào bằng lòng Tăng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao thì im lặng. Ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Mã Túc về tính tự cao xong, vì Tăng im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Bốn việc sau cũng nói như thế.

5. Tôn kính người nhỏ tuổi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà độ một chàng trai trẻ xuất gia, rồi tự mình lo cung cấp các thứ. Buổi sáng sớm thầy đến vấn an, đem đổ đồ đại tiểu tiện và ống nhổ cho y, rồi đem để lại chỗ cũ. Thầy lại xoa bóp thân thể, trao cho y bát, rồi cùng vào xóm làng, nhường cho y đi trước. Khi đến nhà đàn-việt, thầy lại bảo y ngồi ở chỗ cao, nhận phần cúng dường trước. Khi y ăn xong, thầy lấy bát đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ, đồng thời nhuộm y, hơ bát, trải giường nệm cho y. Khi đêm đến, thầy thắp đèn, đem ống nhổ và bô đại tiểu tiện đến cho y. Các Tỳ-kheo thấy thế bèn khuyên can: "Nầy Trưởng lão, thầy đừng cung cấp cho người trẻ, người trẻ phải cung cấp cho thầy chứ". Thầy đáp: "Đúng như Trưởng lão nói. Nhưng chàng trai trẻ nầy trước kia vốn là nhạc sĩ xuất gia, cho nên tôi rất ái mộ, tôn kính và tự thấy hổ thẹn, phải lo cung cấp cho y".

Các Tỳ-kheo khuyên can như vậy một lần không bỏ, rồi khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Xiển-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự việc kể trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này kẻ ngu si! Đối với Như Lai, ông không ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận, mà trái lại, đối với anh chàng tuổi trẻ, ông lại tỏ ra ái mộ, tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận như thế.

Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Vì Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ người còn trẻ, vậy Tăng nên làm yết-ma hàng phục về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, tôn kính cung cấp hầu hạ người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, đã được khuyên can ba lần mà không bỏ. Tăng nay làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ. Các đại đức nào bằng lòng Tăng làm

yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma hàng phục Tỳ-kheo Xiển-đà về việc ái mộ, cung cấp cho người còn trẻ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Về các vấn đề tôn kính, hổ thẹn, tùy thuận cũng nói như thế. Đó gọi là yết-ma hàng phục.

2. Yết-ma không nói chuyện:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc đáng làm mà không làm, việc đáng bỏ mà không bỏ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Tỳ-kheo Mã Túc đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mã Túc nầy đã được Tăng làm yết-ma hàng phục mà không tuân hành, việc nên làm thì không làm, việc nên bỏ thì không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma không nói chuyện với Tỳ-kheo Mã Túc. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-

ma, cho đến) Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có một người lẩn thẩn xuất gia, thường phạm các giới nhỏ như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, cất thức ăn mà ăn, cùng ăn chung bát với người khác, ngủ cùng phòng với phụ nữ, ngủ chung với người khác quá ba đêm, cùng ngủ chung một giường, cùng ngồi một giường, ăn trái cây không hợp lệ, nhận thịt sống, nhận thóc, nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo bèn khuyên can: "Trưởng lão, không nên làm những việc đó". Thầy đáp: "Trưởng lão đã bảo tôi, tôi sẽ tuân hành". Các Tỳ-kheo tự nhủ: "Ông thầy lẩn thẩn nầy có tâm tu hành". Nhưng sau đó, thầy thường thường phạm các tội nhỏ như ăn riêng chúng, cho đến nhận vàng bạc. Các Tỳ-kheo lại khuyên can: "Nầy ông thầy lẩn thẩn, thầy không nên làm những việc ấy". Thầy đáp: "Trưởng lão đã cho tôi biết, tôi sẽ tuân hành". Thế nhưng, sau đó lại thường thường vi phạm. Các Tỳ-kheo tự nhủ: "Ông thầy lẩn thẩn nầy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, quanh co, không thật, không muốn tu học". Rồi các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Ông thầy lẩn thẩn ấy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo, vậy Tăng nên làm yết-ma không nói chuyện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Ông thầy lẩn thẩn nầy xuất gia mà không biết tri ân, không thuận theo lời chỉ bảo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng làm yết-ma không nói chuyện với ông thầy lẩn thẩn nầy.

Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Đó gọi là pháp yết-ma không cùng nói chuyện.

3. Pháp yết-ma tẫn xuất:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở tại ấp Ca-thi, làm những việc trái oai nghi, nói những lời trái oai nghi, hành động và nói năng trái oai nghi; thân làm điều tai hại, miệng nói lời tai hại, thân miệng gây tai hại; thân làm việc tà vạy, miệng nói điều tà vạy, thân miệng đều tà vạy, như trong giới Tăng-già-bà-Thi-sa, khi nhóm sáu Tỳ-kheo ở thôn Hắc Sơn trên kia đã nói rõ. Đó gọi là yết-ma tẫn xuất.

4. Pháp yết-ma phát hỷ:

Pháp yết-ma nầy gồm có các trường hợp:

1. Hỷ Ưu-bà-di.
2. Xá-na-giai.
3. Du ngao ngư tử.
4. Ca-lộ.
5. Ma-ha-nam.

6. Nhóm sáu Tỳ-kheo.

1. Hỷ Ưu-bà-di.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Nan-đà du hành các nước, rồi trở về Xá-vệ. Vào buổi sớm, thầy khoác y thường mặc, cầm bát, đi đến nhà Ưu-bà-di. Hỷ Ưu-bà-di trông thấy, rất hoan hỷ, đon đả chào hỏi: "Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít đến quá vậy?", liền mời ngồi. Ngồi xong, Nan-đà nói:

- Tôi ít khi đến, vậy bà định cúng dường thứ gì đây?

- Tùy thầy cần gì thì cúng dường nấy, hoặc bữa ăn trước, hoặc bữa ăn sau, hoặc cháo, bánh, trái, tùy thầy cần thứ gì, thì con sẽ làm.

- Tôi cần bữa ăn trước, hãy nấu cho ngon.

- Y theo lời dạy, con sẽ nấu thật ngon, xin thầy sáng mai hãy đến sớm.

Nan-đà nói thế rồi, liền ra đi. Sau đó, Ưu-bà-di sáng sớm thức dậy, sắm sửa bữa ăn sớm ngon lành, trải chỗ ngồi, rồi lần hồi chờ đợi. Nhưng Nan-đà vì nhiều việc nên quên mất, không đến. Ưu-bà-di chờ đợi đã quá giờ mà không thấy đến, bèn chọn những thức ăn ấy thứ nào để dành được thì để dành, thứ nào không để dành được thì ăn. Đợi như thế đến ngày thứ hai, thứ ba vẫn không thấy đến, liền đem ra ăn hết. Tới ngày thứ tư, Nan-đà mới đến, hỏi: "Ưu-bà-di khỏe chứ?". Ưu-bà-di tức giận, nói:

- Sư phụ đã nhận lời mời của con đến ăn bữa ăn sớm, vì sao không tới?

- Ưu-bà-di tức giận sao?

- Tức giận.

- Nếu vậy, tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến sám hối với Đức Thế Tôn.

Nan-đà bèn đi đến sám hối với Phật. Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?". Nan-đà liền đem sự việc kể trên bạch đầy đủ với Phật. Phật khiển trách: "Nầy kẻ ngu si! Ưu-bà-di nầy đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc rẻ một thứ gì. Vậy, vì sao ông lại nhiễu loạn người ta?". Thế rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo: "Ưu-bà-di nầy là một người có niềm tin kiên cố, thế mà Nan-đà đã nhiễu loạn khiến cho bà không vui. Vậy nay Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma phát hỷ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nan-đà đã nhiễu loạn người thế tục sinh tâm không hoan hỷ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đà đã nhiễu loạn người thế tục, làm cho họ không hoan hỷ. Tăng nay cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Nan-đà pháp yết-ma làm

cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất.(Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục sinh tâm hoan hỷ, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Đó gọi là Hỷ Ưu-bà-di (Làm cho Ưu-bà-di sinh tâm hoan hỷ).

2. Xá-na-giai:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ mời Tăng về cúng dường thuốc. Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế, liền bảo nhau: "Cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, chúng ta hãy đến thử nghiệm ông ta". Thế rồi đến giờ khất thực, bèn khoác y thường mặc, cầm bát đi đến nhà ấy, chào hỏi nhau xong, liền hỏi:

- Tôi nghe nói cư sĩ mời Tăng về cúng dường thuốc, có thật thế không?

- Đúng như vậy. Thầy cần thuốc sao?

- Tôi cần một gánh Xá-na-giai.

- Đợi con tìm có rồi sẽ đưa.

- Kỳ quái, không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời Tăng? Ông không biết sao? Thuốc của một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của con voi chúa to lớn trên núi Tuyết. Ông không thực tâm cúng dường, mà chỉ cầu danh.

- Thưa thầy, trong kho của nhà vua cũng chưa

đủ chừng ấy thuốc, huống gì nhà con, đợi con tìm có rồi sẽ đưa thầy.

- Cho hay không cho tùy ý ông.

Nói xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ sai người đến xóm Tượng, nước Câu-lân-đề, tìm được Xá-na-giai, bèn đến thưa: "Thưa thầy, con đã tìm được Xá-na-giai, thầy hãy tới lấy". Nghe nói thế, họ bèn nhìn nhau cười khúc khích. Cư sĩ liền chê trách:

- Vì sao lại nhìn nhau cười khúc khích mà không lấy? Những vật sở hữu trong nhà con, đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng không hề tiếc bất cứ một thứ gì, Tôn giả vì sao lại thử con?

- Cư sĩ nổi giận sao?

- Nổi giận chứ sao nữa.

- Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến Đức Thế Tôn mà sám hối. Như trường hợp hỷ Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ.

3. Du ngao ngư tử.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, cư sĩ Chất-đế-lệ sắm một trăm món ăn dùng để đãi Tăng. Khi Tăng ăn xong trở về Tinh xá, cư sĩ bèn ra lệnh cho vợ con trong nhà: "Hãy xử lý các thức ẩm thực còn thừa, đem cho các nhà láng giềng, tôi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn".

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ở trước cổng Tinh xá Kỳ-Hoàn, bàn luận về những việc thế tục.

Cư sĩ thấy thế, suy nghĩ: "Đây là những kẻ phi giới luật, nhưng nếu ta không đến chào thì họ sẽ oán hận", liền đi tới chào hỏi chúc tụng. Tỳ-kheo bèn đáp:

- Lành thay đàn-việt đã đến đây, giống như thớt voi lớn.

Cư sĩ liền hỏi:

- Hôm nay Tôn giả có đến thọ trai nhà con không?

- Có đến thọ trai.

- Thưa Tôn giả, thức ăn có vừa ý không?

- Thật tuyệt vời, chỉ thiếu có một thứ thôi.

- Thiếu thứ gì vậy?

- Nếu được Du ngao ngư tử - một thức ăn nổi danh thì thí chủ được tiếng tốt trọn vẹn.

- Thưa Tôn giả, trước đây con không biết. Nếu biết trước thì con sẽ sắm thật nhiều, để cho mỗi người một bát. Nhưng thưa Tôn giả, hãy nghe con nói ví dụ: Trong thời quá khứ, có một bầy gà sống trong rừng Nại Lâm, rồi có một con chồn, bắt ăn thịt dần các con gà trống, cuối cùng, chỉ còn một con gà mái. Sau đó, có con quạ đến giao phối, bèn sinh một gà con. Khi gà con kêu, người chủ bèn đọc kệ:

"Gà nầy chẳng giống ai,
Cha hoang, mẹ dân dã.
Cả hai hợp lại sinh,

Chẳng quạ, cũng chẳng gà.
Nếu muốn học tiếng cha,
Thì là do mẹ sinh.
Nếu học theo tiếng mẹ,
Thì cha lại là quạ.
Học quạ thành tiếng gà,
Học gà thành tiếng quạ,
Quạ, gà đều cùng học,
Cả hai hóa bất thành".

Cũng vậy đó Tôn giả, thầy không phải là người thế tục mà cũng chẳng phải kẻ xuất gia.

- Cư sĩ nổi giận sao?
- Nổi giận.
- Nếu nổi giận, thì tôi xin lỗi.
- Hãy đến Thế Tôn mà xin lỗi.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đi đến chỗ Phật, hướng về Ngài mà sám hối. Phật liền hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?". Nhóm sáu Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật khiển trách: "Nầy kẻ ngu si, những vật sở hữu trong nhà của cư sĩ Chất-đế-lệ, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề luyến tiếc bất cứ một thứ gì, vì sao lại quấy nhiễu ông?". Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Ông cư sĩ nầy dùng túc mạng thông, thấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngày xưa từng làm con của gà và quạ, cho nên nói như thế. Vậy, Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế

tục vui lòng. Cách làm giống như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ".

4. Ca-lộ:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y, cầm bát vào thành khất thực, lần lượt đến cổng một

nhà kia, thấy ông chồng đang ngồi giữa sân, bảo bà vợ:

- Bà hãy cúng dường thức ăn cho người xuất gia.
- Xuất gia theo đạo nào?
- Xuất gia theo dòng họ Thích.
- Không cho.
- Vì sao không cho?
- Vì người ấy phi phạm hạnh. Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:
- Này chị em, tôi không phải là người phi phạm hạnh.
- Tôn giả Ca Lộ còn không thể tu phạm hạnh, huống gì là ông mà có thể tu phạm hạnh được sao?

Tỳ-kheo nghe lời nói ấy, cảm thấy buồn bực không vui, bèn không đi khất thực, trở về tọa thiền. Đến xế, thầy xuất thiền, thấy thân thể đói khát rã rời, bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo, vì sao ông có vẻ đói lả như thế?

- Vì con không được ăn, bạch Thế Tôn.

- Ông không thể đi khất thực sao?

Thầy bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Ca Lộ nầy đã làm cho người thế tục không vui, vậy Tăng nên làm yết-ma khiến Ca-lộ phải làm cho người thế tục hoan hỷ, như trong trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên kia đã nói rõ. Đó gọi là Ca Lộ".

5. Ma-ha-nam:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, một người họ Thích là Ma-ha-nam mời Tăng về nhà cúng dường thuốc. Khi nghe thế, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bảo nhau: "Chúng ta đến thử ông nầy chơi". Thế rồi, đến giờ khất thực họ bèn khoác y, đi đến nhà ấy, cùng chào hỏi, rồi nói:

- Tôi nghe nói đàn-việt định mời Tăng về cúng dường thuốc, có đúng thế không?

- Đúng vậy. Nhưng Tôn giả cần thuốc sao?

- Vâng. Tôi cần chừng ấy bình sữa, chừng ấy bình dầu, chừng ấy bình mật, chừng ấy đường phèn, chừng ấy rễ thuốc, lá thuốc, hoa thuốc, trái thuốc.

- Thưa Tôn giả, ngay ngày hôm nay thì không thể có chừng ấy thuốc, phải tìm rồi mới đưa được.

- Nan-đà liền nói:

- Sao kỳ vậy, Đàn-việt không chuẩn bị thuốc trước mà lại mời các

- Tỳ-kheo Tăng. Ông không biết sao, thuốc một Tỳ-kheo uống bằng thức ăn của một thớt voi lớn trên núi tuyết kia chứ? Ông không muốn cúng dường mà chỉ mong cầu danh thôi.

- Thưa Tôn giả, trong kho của vua còn chưa đủ chừng ấy thuốc huống gì nhà con, để con tìm đủ rồi con sẽ đưa cho.

- Cho hay không cho mặc ý ông.

Nói thế xong, thầy liền bỏ đi. Sau đó, cư sĩ tìm được thuốc, liền đến bạch: "Thưa Tôn giả, hôm nay thầy có thể đến lấy". Hai người nghe thế, bèn nhìn nhau cười chúm chiếm. Đàn-việt liền chê trách: "Vì sao lại thử con rồi nhìn nhau mà cười? Khi chưa có thì đến đòi gấp rút, bây giờ tìm có rồi thì lại không lấy". Nan-đà nói:

- Đàn-việt nổi giận sao?

- Nổi giận.

- Nếu nổi giận thì tôi xin sám hối.

- Thầy hãy đến Thế Tôn mà sám hối.

Nan-đà bèn đi đến chỗ Phật sám hối. Phật hỏi: "Vì cớ gì mà sám hối?". Thầy liền đem sự việc trên bạch đầy đủ với Thế Tôn. Đức Phật khiển trách: "Nầy kẻ ngu si. Những vật sở hữu trong nhà của Ma-ha-nam, đối với Phật và các Tỳ-kheo Tăng, ông không hề tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại quấy

nhiễu ông ta?". Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Tăng nên cho Nan-đà pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ". Đó gọi là Ma-ha-nam.

6. Nhóm sáu Tỳ-kheo.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ở tại ấp Ca-thi, thân trái oai nghi, miệng trái oai nghi, thân miệng trái oai nghi; thân làm hại, miệng làm hại, thân miệng làm hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng, cho đến... làm cho người thế tục không hoan hỷ.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tăng nên cho nhóm sáu Tỳ-kheo pháp yết-ma làm cho người thế tục vui lòng, như trường hợp làm vui lòng Ưu-bà-di ở trên đã nói rõ. Đó gọi là nhóm sáu Tỳ-kheo.

Tóm lại, trên đây là sáu pháp yết-ma phát hỷ.

"Thọ Cụ túc phi pháp,
Chi mãn, không thanh tịnh.
Yết-ma, sự yết-ma,
Hàng phục, không nói chuyện.
Tẫn xuất, phát hoan hỷ.
Hết Bạt-cừ thứ nhất".

5. Yết-ma cử tội.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội. Các Tỳ-kheo liền nói:

- Trưởng lão, thầy có thấy tội nầy không?

- Không thấy. Thầy hỏi tôi thấy hay không thấy để làm gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà nầy thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội thì Tăng nên làm yết-ma cử tội không thấy tội". Người làm yết-ma nên nói như sau:

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy tội, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội. Đại đức nào bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo Xiển-đà về việc không thấy tội, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội xong, Xiển-đà nói với các Tỳ-kheo: "Thưa Trưởng lão, tôi thấy những việc cần phải làm đối với tội ấy nên đã tùy thuận chấp hành. Nay xin Tăng thương xót xả pháp

yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội mà tự nói không thấy. Vì muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội. Những việc cần làm, ông đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Vậy Tăng nên xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội". Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà tự nói không thấy tội. Vì muốn cho thầy được lợi ích nên Tăng đã cho pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Những việc cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà vào giữa Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội.

Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà muốn vào giữa

Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội về việc không thấy tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Thế rồi, người này nên vào giữa Tăng xin như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo

Xiển-đà, thường phạm các tội trong năm Thiên tội, mà nói không thấy. Vì muốn cho tôi được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm, tôi đã tùy thuận chấp hành. Tự nói đã thấy tội. Nay theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Kính mong đại đức Tăng thương xót, xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho tôi. (Xin như vậy ba lần).

Thế rồi, người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho thầy được lợi ích, Tăng đã làm pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay thầy tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội, mà tự nói không thấy. Vì muốn cho thầy được lợi ích, Tăng đã làm yết-ma cử tội không thấy tội. Những gì cần làm thầy đã tùy thuận chấp hành. Nay tự nói đã thấy tội, nên theo Tăng xin xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà thì im lặng, ai không bằng lòng hãy

nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội cho Tỳ-kheo Xiển-đà xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

Sau khi Tăng đã xả pháp yết-ma cử tội không thấy tội xong, các Tỳ-kheo liền nói với Xiển-đà: "Này Trưởng lão, tội nầy nên làm đúng như pháp". Thầy đáp: "Ông dạy tôi làm đúng như pháp để làm gì? Tôi không thể làm".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không thể cải hóa đúng như pháp, thì Tăng nên làm yết-ma về việc phạm tội mà không thể cải hóa". Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà thường phạm các tội thuộc năm Thiên tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp. Tăng nay cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải tạo đúng như pháp. Các Đại

đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma cử tội về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp yết-ma về việc phạm tội mà không chịu cải hóa đúng như pháp xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc nầy là như vậy.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 25

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ BA TỘI TĂNG GIÀ BÀ THI SA

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng Khế kinh, nói với các Tỳ-kheo như sau:

- Thưa Trưởng lão, theo tôi biết pháp mà Thế Tôn thuyết giảng thì những gì gọi là chướng đạo, khi thực hành chúng không có gì là chướng đạo cả. Các Tỳ-kheo liền khuyên:

- Trưởng lão! Thầy đừng hủy báng Khế kinh, hủy báng Khế kinh là hành vi ác tà kiến, rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

- Thầy bèn đáp:

- Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi kế thừa từ xưa đến nay, đều thấy như vậy cả.

- Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra nói: “Thế Tôn thuyết

pháp, theo tôi hiểu, thì những gì gọi là chướng đạo khi thực hành chúng không có gì là chướng đạo cả, thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần".

Khi khuyên can ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: "Trưởng lão A-lê-tra, có thật thầy hủy báng khế kinh, nói: "Thế Tôn thuyết pháp, theo tôi hiểu, thì thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả" phải không?".

Nếu đáp: "Thật như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can ở chỗ vắng

như sau: "Này Trưởng lão, thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là tà kiến ác, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Vì lòng từ, muốn được lợi ích cho nên tôi khuyên can thầy, thầy hãy bỏ việc này đi. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, thầy có bỏ việc này không?".

Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ và thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy cả, tôi không thể bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu không bỏ thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần.

Nếu cũng không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng làm yết-ma.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. "Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: "Theo tôi hiểu pháp mà Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi thầy ở giữa Tăng: "Này Trưởng lão, có thật thầy hủy báng khế kinh, nói: "Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những pháp gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả" rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ việc ấy phải không?".

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Tăng như sau: "Trưởng lão, thầy đừng hủy báng khế kinh, hủy báng khế kinh là việc tà kiến ác, bị rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Tăng nay vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, thầy có bỏ việc này không?" Thầy đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi không thể bỏ". Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba như vậy mà vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo A-lê-tra đã hủy báng khế kinh, rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ.

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo A-lê-tra hủy báng khế kinh, nói như sau: "Theo tôi hiểu pháp do Thế Tôn thuyết giảng, thì khi thực hành những điều gọi là chướng đạo, không có gì là chướng đạo cả", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo A-lê-tra về việc hủy báng khế kinh mà không bỏ. Đây là lời tác bạch. (Bạch như vậy xong, làm yết-ma ba lần).

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Thi-lợi-da-bà khởi lên tà kiến ác, nói: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau".

Các Tỳ-kheo bèn khuyên: "Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến

là bất thiện, sẽ rơi vào cõi ác, đọa xuống địa ngục".

Thầy liền đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy dạy của tôi kế thừa từ trước đến nay đều thấy như vậy".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo:

- Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên ác kiến, cho đến nói: "Không có quả báo thiện ác…", thì nên khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Khi khuyên can ba lần ở chỗ vắng, trước hết nên hỏi: "Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật thầy khởi lên ác kiến, nói như sau: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này và đời sau" phải không?".

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can: "Trưởng lão, thầy đừng khởi lên ác kiến, khởi lên ác kiến là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, thầy có bỏ ác kiến này không?". Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy, tôi

không thể bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vậy. Nếu vẫn không bỏ nữa, thì nên đem đến giữa Tăng, làm yết-ma cử tội. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến, nói: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến... làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay nên khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng.

Bấy giờ, Tăng nên hỏi:

- Này Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, có thật thầy nói như sau: "Tự mình sát sinh, dạy người sát sinh, cho đến làm ác không có tai họa, làm thiện không có phước báo, không có quả báo thiện ác trong đời này hay đời sau", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ việc ấy phải không?".

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Tăng:

- Này Trưởng lão, thầy đừng khởi lên ác tà kiến, khởi lên ác tà kiến như vậy là không tốt, sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Chúng Tăng

vì lòng từ, muốn làm lợi ích nên khuyên can thầy. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, thầy có bỏ ác tà kiến này không? Nhưng thầy vẫn đáp: "Đó là cái thấy tốt đẹp, cái thấy thuần thiện, cha mẹ, thầy giáo của tôi đã kế thừa từ trước đến nay, đều thấy như vậy. Tôi không thể bỏ".

Khuyên can như vậy một lần không bỏ, cho đến ba lần khuyên can vẫn không bỏ.

Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Thi-lợi-da-bà khởi lên tà kiến ác, rồi được khuyên can ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ ác tà kiến. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khởi lên ác tà kiến rồi được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người, khuyên can ba lần ở giữa chúng Tăng mà vẫn không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử tội Thi-lợi-da-bà về việc không bỏ tà kiến ác. Đây là lời tác bạch. (Bạch xong, ba lần yết-ma, cho đến) Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc nay là như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử khởi lên biên kiến,

nói:

- Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên. Các Tỳ-kheo khuyên:

- Trưởng lão! Thầy đừng khởi lên biên kiến, biên kiến này là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục.

- Thầy đáp:

- Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện; cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay. Tôi không thể bỏ.

- Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử khởi biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", thì nên khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần và khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần.

Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên hỏi:

- Trưởng lão, có thật thầy khởi lên biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên không?".

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can: "Trưởng lão, đó là ác kiến, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Nay tôi vì lòng từ, muốn được lợi ích nên khuyên thầy. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên nữa. Thầy có

bỏ biên kiến này không?".

Nếu đáp: "Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ", thì nên khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba.

Nếu cũng không bỏ, thì nên khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần cũng như vạy. Nếu vẫn không bỏ, thì nên làm yết-ma cử tội ở giữa chúng Tăng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử này khởi lên biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cũng nên khuyên can ba lần.

Bấy giờ, ở giữa Tăng trước hết nên hỏi:

- Trưởng lão! Có thật thầy khởi lên biên kiến, nói: "Thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, mà không bỏ biên kiến này phải không?"

Nếu thầy vẫn đáp: "Đúng như vậy", thì bấy giờ nên khuyên can ở giữa chúng Tăng: "Trưởng lão! Thầy đừng khởi lên biên kiến. Biên kiến này là ác kiến, phải rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục. Tăng nay vì lòng từ, muốn được lợi ích, nên khuyên thầy. Một lần khuyên đã không xong, còn

hai lần khuyên nữa, thầy có bỏ biên kiến này không?"

Nhưng thầy vẫn đáp: "Đó là cái thấy tốt, cái thấy thiện. Cha mẹ và thầy tôi từng kế thừa và đều thấy như vậy từ xưa đến nay, nên tôi không thể bỏ".

Rồi được khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy mà vẫn không bỏ. Do vậy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo Ma-lâu-gia-tử này khởi lên biên kiến, rồi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ, thì Tăng nên làm yết-ma cử tội về việc không bỏ biên kiến, như trên đã nói. Đó gọi là yết-ma cử tội.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, liền nói với các Tỳ-kheo:

- Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa. Các Tỳ-kheo bèn hỏi:

- Trưởng lão, vì sao thầy xin pháp Ma-na-đỏa? Thầy đáp: Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Các Tỳ-kheo trước đó đã biết thầy thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nên nói:

- Trưởng lão Thi-lợi-da-bà, Tăng tập trung hòa hợp làm yết-ma chất vấn, những gì Trưởng lão đã phạm thì nên trình bày tất cả trong một lần yết-ma.

Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Thế rồi, thầy đáp:

- Chính tôi vi phạm tội đó.

Nhưng sau khi làm yết-ma xong, thầy suy nghĩ: "Vì sao ta đợi làm yết-ma trở lại? Ta nên nói tất cả trong một lần làm yết-ma", rồi nói với các Tỳ-kheo:

- Thưa các Trưởng lão, cho tôi pháp Ma-na-đỏa.

- Vì sao thầy lại đòi pháp Ma-na-đỏa?

- Vì tôi phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Trưởng lão phạm khi nào?

- Phạm vào khi ấy.

- Trước đây chúng tôi đã nói với Trưởng lão rằng Tăng đang tập trung hòa hợp làm yết-ma, Trưởng lão có phạm những gì thì hãy nói ra tất cả trong một lần làm yết-ma, vì sao không nói?

- Vì tôi hổ thẹn nên không nói ra tất cả.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi đầy đủ sự kiện trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Này kẻ ngu si! Khi phạm không biết hổ thẹn, khi cầu thanh tịnh vì sao lại hổ thẹn? Đây là việc ác, phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỲ KHEO ĐOÁN SỰ

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Khi vị Tỳ-kheo trì luật cho ai pháp xuất tội, thì họ nói có tội cũng biết, không tội cũng biết; che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết; phát lồ cũng biết, không phát lồ cũng biết; nên cho biệt trú cũng biết, không nên cho biệt trú cũng biết; như pháp cho biệt trú cũng biết, không như pháp cho biệt trú cũng biết; như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết, không như pháp hành Ba-lợi-bà-sa cũng biết; nửa chừng có tội cũng biết, nửa chừng không có tội cũng biết; đêm gián đoạn cũng biết, đêm không gián đoạn cũng biết; tùy thuận làm cũng biết, không tùy thuận làm cũng biết; nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết, không nên cho pháp Ma-na-đỏa cũng biết; cho Ma-na-đỏa đúng pháp cũng biết, cho Ma-na-đỏa không đúng pháp cũng biết; hành Ma-na-đỏa rốt ráo cũng biết, hành Ma-na-đỏa không rốt ráo cũng biết( ); nên cho pháp xuất tội cũng biết, không nên cho pháp xuất tội cũng biết; cho pháp xuất tội đúng pháp cũng biết, cho pháp xuất tội không đúng pháp cũng biết; cùng che giấu cũng biết, không cùng che giấu cũng biết; che giấu vô lượng cũng biết, Tỷ-xá-già-

cước cũng biết; hoặc có trường hợp tội hợp mà không phải đêm hợp; hoặc là đêm hợp mà không phải tội hợp; hoặc là tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc là tội không hợp mà đêm cũng không hợp; hoặc tội cũ, tội trung gian. (Đó gọi là Tỳ-kheo trì luật).

(Lại nữa) Tỳ-kheo thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật. Đó là: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp sau đây gọi là người giữ luật: Biết có tội, biết không có tội, không xem tội nặng thành tội nhẹ, không xem tội nhẹ thành tội nặng. Đó gọi là bốn pháp.

Lại nữa, thành tựu bốn pháp: Biết có tội, biết không có tội, không bảo người không có tội là có tội, không bảo người có tội là không tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp: Không xem tội nặng là tội nhẹ, không xem tội nhẹ là tội nặng, không xem người không phạm tội là phạm tội,

không xem người phạm tội là không phạm tội. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu năm pháp sau gọi là người giữ luật: Biết rõ sự tranh chấp, biết rõ nguyên nhân sự tranh chấp, biết rõ cách dập tắt sự tranh chấp, biết rõ cách phân biệt về việc chấm dứt tranh chấp, biết

rõ cách dập tắt tranh chấp làm cho ngưng hẳn. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu sáu pháp: tức năm việc trên, thêm việc khéo dập tắt sự tranh chấp đã tích lũy. Đó gọi là sáu pháp.

Lại, thành tựu bảy pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết tội nặng, biết tội nhẹ, không đem tội nặng làm tội nhẹ, không đem tội nhẹ làm tội nặng, khéo biết cách làm yết-ma. Đó gọi là bảy pháp.

Lại, thành tựu tám pháp: Tức bảy việc trên, thêm việc biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược. Đó gọi là tám pháp.

Lại, thành tựu chín pháp: Đó là tám việc trên, tăng thêm việc khéo tụng giới, khéo biết nghĩa, không quên, hiểu rõ, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là chín pháp.

Lại, thành tựu mười pháp: Tức ngoài chín việc trên, thêm việc khéo điều phục các căn, phạm hạnh viên mãn, hiểu sâu pháp yết-ma. Đó gọi là mười pháp.

Lại, thành tựu năm pháp gọi là người giữ luật. Đó là: Trì giới, biết có tội, biết không có tội, biết rõ tình huống nào nên tụng giới đầy đủ hay giản lược, khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là năm pháp.

Lại, thành tựu bốn pháp. Đó là: Trì giới, biết rõ có tội, biết rõ không có tội, biết rõ pháp yết-ma. Đó gọi là bốn pháp.

Lại, thành tựu ba pháp: Biết có tội, biết không có tội, biết pháp yết-ma. Đó gọi là ba pháp.

Lại, thành tựu hai pháp. Đó là: Biết có tội, biết không có tội. Đó gọi là hai pháp.

Lại, thành tựu một pháp. Đó là: khéo biết pháp yết-ma. Đó gọi là người giữ luật, cho đến thành tựu mười bốn pháp thì gọi là người giữ luật bậc nhất; ngoại trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri (Thì không ai làm được). Mười bốn pháp đó như sau:

1. Biết có tội.
2. Biết không có tội.
3. Biết tội nặng.
4. Biết tội nhẹ.
5. Biết có che giấu.
6. Biết không che giấu.
7. Biết tội có thể trị.
8. Biết tội không thể trị.
9. Biết đã được thanh tịnh.
10. Biết chưa được thanh tịnh.
11. Được công đức của bốn thiền, hiện được an lạc.
12. Được thiên nhãn, thiên nhĩ và túc mạng thông.
13. Dứt sạch hữu lậu.
14. Được vô lậu (hết cấu uế).

Đó gọi là mười bốn pháp. Người thành tựu mười bốn pháp này là bậc nhất trong tất cả các người giữ luật, ngoại trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Ưu-ba-ly thành tựu mười bốn pháp kể trên, là người giữ luật bậc nhất, có tội cũng biết, không có tội cũng biết, cho đến dứt sạch hữu lậu, đạt được tuệ giải thoát vô lậu.

Có tội cũng biết: Tức biết năm thiên tội: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt-tỳ-ni.

Ba-la-di: Dâm, trộm, giết người, tự xưng được pháp hơn người.

Tăng-già-bà-thi-sa: Cố ý xuất tinh, xúc chạm người nữ, nói lời ô uế, cho đến làm hoen ố nhà người ở thôn xóm.

Ba-dạ-đề: Gồm ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi hai Ba-dạ-đề thuần túy.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Ở nơi A-luyện-nhã, không bệnh mà nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni, ăn thức ăn do Tỳ-kheo-ni chỉ điểm, khất thực tại nhà học gia.

Việt Tỳ-ni: Gồm mười ba việc như sau:

1. A-già-dữ.
2. Thâu-lan-giá.
3. Xú-thâu-lan.
4. Không làm.

5. Không nói.
6. Đột-cát-la.
7. Ác thanh.
8. Oai nghi.
9. Phi oai nghi.
10. Oai nghi ác.
11. Tà mạng ác.
12. Ác kiến.
13. Tâm sinh hối Tỳ-ni.

1. *A-già-dữ:* Như ngoại đạo Tu-thâm-ma, như Tôn giả Bạt-đà-lợi, như các Tỳ-kheo-ni ở thành Vương xá, các trường hợp như thế đều phải đến Phật sám hối. Đó gọi là A-già-dữ.

2. *Thâu-lan-giá:* Lấy trộm dưới năm tiền, đụng vào vật đáng giá năm tiền mà chưa dời khỏi chỗ. Đó gọi là Thâu-lan-giá.

3. *Xú-thâu-lan*: Dùng tâm nhiễm ô đùa giỡn với nam căn. Đó gọi là Xú-thâu-lan.

4. *Không làm*: Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo làm việc gì mà đúng pháp thì phải làm; nếu không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu bảo gọi phụ nữ, lấy rượu đến, thì nên nói với Hòa thượng, A-xà-lê: "Con nghe nói trong giới luật (Việc đó) không được làm". Đó gọi là không làm.

5. *Không nói:* Nếu Hòa thượng, A-xà-lê cùng gọi, nghe mà không đáp, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà giọng nói

không thay đổi thì nên đáp. Nếu không thể đáp được, thì nuốt cơm rồi mới đáp. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê hỏi như sau: "Vì sao nghe ta gọi mà không trả lời", thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê: "Trong miệng con đang ngậm cơm, cho nên không đáp được". Đó gọi là không nói.

6. *Đột-cát-la:* Như Thế Tôn nói với nhóm sáu Tỳ-kheo Ưu-đà-di và các Tỳ-kheo khác: "Làm việc đó không tốt". Đó gọi là Đột-cát-la.

7. *Ác thanh:* Giả tiếng kêu của voi, tiếng của ngựa, bò, lừa, lạc đà v.v... tất cả tiếng của loài súc sinh như thế; hoặc kéo dài hơi ra rồi kêu đứt đoạn, hoặc kêu gấp rồi kéo dài ra. Đó gọi là ác thanh (Tiếng kêu chối tai).

8. *Oai nghi:* Sáng sớm thức dậy nên rửa dọn sạch nơi đại tiểu tiện, rồi đổ đầy nước tại nơi đại tiểu tiện, lại phải quét tháp, viện, phòng Tăng. Nếu lấy, cho, làm các việc, thậm chí buộc một sợi chỉ mà không bạch với Hòa thượng y chỉ, A-xà-lê thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là oai nghi.

9. *Phi oai nghi:* Như sửa tóc, trang điểm mắt, làm đẹp mặt mày, giũ y, làm cho giải lụa bóng sáng, buộc lưng, hơ bát làm cho sáng bóng, dùng gương soi mặt. Đó gọi là phi oai nghi (Trái oai nghi).

10. *Oai nghi ác:* Thân có oai nghi xấu, miệng có oai nghi xấu, thân miệng có oai nghi xấu; thân

tai hại, miệng tai hại, thân miệng tai hại; thân tà mạng, miệng tà mạng, thân miệng tà mạng. Đó gọi là ác oai nghi (Oai nghi xấu).

11. *Tà mạng ác:* Thân quanh co, miệng quanh co, Tâm quanh co, hiện cử chỉ thân ái để hy vọng người ta cúng dường. Đó gọi là ác tà mạng.

12. *Ác kiến:* Tất cả các loại kiến giải như thường, đoạn v.v... , gọi là ác kiến.

13. *Tâm sinh hối Tỳ-ni:* Pháp chúng học oai nghi, tâm niệm ác, không cố ý mà xúc chạm nữ nhân, đại loại như thế đều gọi là tâm hối. Đó gọi là tâm sinh hối Tỳ-ni.

CÓ TỘI CŨNG BIẾT

Lại nữa, hoặc có tội từ tham dục sinh; hoặc có tội từ giận dữ sinh; hoặc có tội từ ngu si sinh; hoặc có tội không từ tham dục, giận dữ, ngu si sinh; hoặc có tội do hành vi của thân, không phải hành vi của miệng; hoặc do hành vi của miệng, không phải hành vi của thân; hoặc do hành vi của thân và miệng, hoặc không phải do hành vi của thân và miệng; hoặc có tội từ bản thân mình sinh, không phải từ thân người khác; hoặc từ thân người khác, không phải từ thân mình; hoặc từ thân mình và thân người khác sinh; hoặc không phải từ thân mình, cũng không phải thân người khác; hoặc có tội từ

miệng mình sinh, không phải từ miệng người khác; hoặc có tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình; hoặc có tội từ miệng mình cũng từ miệng người khác; hoặc không từ miệng mình cũng không từ miệng người khác; hoặc có tội căn cứ tâm, không căn cứ việc; hoặc có tội căn cứ việc, không căn cứ tâm; hoặc có tội sự nặng, không phải tâm nặng; hoặc có tội do tâm nặng, không phải sự nặng; hoặc có tội sự nặng, tâm cũng nặng; hoặc có tội không phải sự nặng, cũng không phải tâm nặng; hoặc có tội do vật của mình, không phải do vật người khác; hoặc có tội do vật người khác, không phải do vật của mình; hoặc do vật mình, cũng do vật người khác; hoặc có tội không do vật mình, cũng không do vật người khác; hoặc có tội tại một chỗ mà phạm nhiều thứ, hoặc tại nhiều chỗ mà phạm một tội; tại nhiều chỗ phạm nhiều tội; hoặc tại một chỗ phạm một tội; hoặc từ chỗ không có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến không tội; hoặc từ chỗ có tội dẫn đến có tội; hoặc từ chỗ không tội dẫn đến không tội; hoặc từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nặng dẫn đến tội nặng; hoặc từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ; có khi nhận mà phạm tội, có khi ăn mà phạm tội; sự thành có tội, không thọ thì có tội, thọ thì không có tội; không thực hiện thì bị tội, thực hiện thì không bị tội; hoặc có tội thuộc xóm làng, không thuộc nơi hoang vắng; hoặc

có tội thuộc nơi hoang vắng, không thuộc xóm làng; hoặc có

tội thuộc xóm làng, cũng thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội không thuộc xóm làng, cũng không thuộc nơi hoang vắng; hoặc có tội đúng thời, không phải phi thời; hoặc có tội phi thời, không phải đúng thời; hoặc có tội vừa đúng thời, vừa phi thời; hoặc có tội vừa không phải đúng thời, vừa không phải phi thời; hoặc có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày; hoặc có tội thuộc ban ngày, không phải ban đêm; hoặc có tội vừa thuộc ban đêm, cũng vừa thuộc ban ngày; hoặc có tội vừa không phải ban đêm, cũng không phải ban ngày; hoặc có tội ở chỗ che khuất, không phải chỗ trống trải; hoặc có tội ở chỗ trống trải, không phải chỗ che khuất; hoặc có tội vừa ở chỗ che khuất, vừa ở chỗ trống trải; hoặc có tội không ở chỗ che khuất, cũng không phải ở chỗ trống trải; hoặc có tội khi đi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi đi; hoặc có tội vừa khi đi, vừa khi đứng; hoặc có tội vừa không phải khi đi, vừa không phải khi đứng; hoặc có tội khi đứng, không phải khi ngồi; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi đứng; hoặc có tội không phải khi ngồi, không phải khi đứng; hoặc có tội khi ngồi, không phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi ngồi; hoặc có tội vừa khi ngồi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngồi, cũng không

phải khi ngủ; hoặc có tội khi ngủ, không phải khi đi; hoặc có tội khi đi, không phải khi ngủ; hoặc có tội vừa khi đi, vừa khi ngủ; hoặc có tội không phải khi ngủ, cũng không phải khi đi; hoặc có tội ở chỗ vắng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người, không phải ở chỗ vắng; hoặc có tội vừa ở chỗ vắng, vừa ở chỗ đông người; hoặc có tội không phải ở chỗ vắng, cũng không phải ở chỗ đông người; hoặc có tội ở chỗ đông người mà không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở chỗ giữa chúng Tăng, không phải chỗ đông người; hoặc có tội vừa ở chỗ đông người, vừa ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội không phải ở chỗ đông người, cũng không phải ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng mà không phải ở chỗ vắng vẻ; hoặc có tội ở chỗ vắng vẻ, không ở giữa chúng Tăng; hoặc có tội ở giữa chúng Tăng, cũng ở chỗ vắng vẻ; hoặc vừa không ở giữa chúng Tăng, cũng không ở chỗ vắng vẻ; hoặc có tội vào mùa Đông, không phải mùa Xuân; hoặc có tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông; hoặc vừa mùa Đông, cũng vừa mùa Xuân; hoặc không phải mùa Đông, cũng không phải mùa Xuân; hoặc có tội về mùa Xuân, không phải mùa Hạ; hoặc tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân; hoặc thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa Hạ; hoặc có tội vừa không thuộc mùa Xuân, vừa không thuộc mùa Hạ; hoặc có tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Đông; hoặc thuộc

mùa

Đông, không phải mùa Hạ; hoặc thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông; hoặc không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông.

Có tội từ dục sinh: Như cố ý đùa giỡn với nam căn, ma xát, ác khẩu, tự khen mình, làm môi giới, nói với tâm hoàn toàn nhiễm ô. Đó gọi là tội sinh ra từ dục.

Có tội từ giận dữ sinh ra: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, đánh người, đuổi đi, biết người khác đã ăn no mà cố ý xúc não, xua đuổi người khác ở nơi xóm làng, đánh bằng nắm tay, dơ tay dọa đánh, đứng chỗ khuất lén nghe. Đó gọi là tội từ giận dữ sinh ra.

Có tội từ ngu si sinh ra: Do tâm ngu si mà cho rằng thế giới thực sự là thường hằng, hoặc thế giới là Vô thường, có các loại kiến giải như thế, đó gọi là tội từ ngu si sinh ra.

Có tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra: Như trường hợp A-la-hán phạm tội. Đó gọi là tội không do dục, giận dữ và ngu si sinh ra.

Có tội do thân không phải do miệng: Như ở cùng phòng với người nữ, ngủ cùng phòng với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chúng, ăn chung một bát. Đó gọi là tội do thân không phải do miệng.

Có tội do miệng không phải do thân: Nói chung những tội thuộc về phạm vi miệng. Đó gọi là tội do miệng, không phải do thân.

Có tội gồm cả thân và miệng: Như vô cớ vu khống, hủy báng, nói hai lưỡi, tranh chấp gây rối, đuổi đi, biết người đã ăn no mà cố tình xúc não, đuổi đi khi ở xóm làng, dùng tay đánh người, đưa tay dọa đánh, đứng chỗ khuất nghe lén. Đó gọi là tội gồm cả thân và miệng.

Có tội không do thân và miệng: Như các tội tâm từ sinh. Đó gọi là tội không do thân và miệng.

Có tội từ thân mình, không phải từ thân người khác: Như nổi giận tự đánh vào mình. Đó gọi là tội từ thân mình không phải từ thân người khác.

Có tội từ thân người khác không phải từ thân mình: Như thấy người khác phạm tội dâm, trộm, giết người mà che giấu. Đó gọi là tội từ thân người khác, không phải từ thân mình.

Có tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh: Như ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, ngủ cùng giường, ngồi cùng giường với người khác, ăn nhiều chỗ, ăn riêng chúng, ăn chung bát. Đó gọi là tội vừa từ thân mình vừa từ thân người khác phát sinh.

Có tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác: Như

tất cả những tội thuộc lĩnh vực miệng, ngoại trừ

việc dạy người chưa thọ cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội không từ thân mình, cũng không từ thân người khác.

Có tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác: Tất cả tội thuộc về miệng, trừ việc dạy người chưa thọ cụ túc đọc bài. Đó gọi là tội từ miệng mình, không phải từ miệng người khác.

Có tội từ miệng người khác không phải từ miệng mình: Nếu Tăng giải quyết sự việc phi pháp mà Tỳ-kheo không gởi dục, cũng không cho người khác biết mình không đồng ý, im lặng lắng nghe. Đó gọi là tội từ miệng người khác, không phải từ miệng mình.

Có tội vừa từ miệng mình vừa từ miệng người khác: Như cùng đọc chung từng câu với người chưa thọ cụ túc. Đó gọi là tội vừa từ miệng mình, vừa từ miệng người khác.

Có tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác: Như các tội từ thân và tâm phát sinh. Đó gọi là tội không do miệng mình, cũng không do miệng người khác.

Có tội căn cứ vào tâm không căn cứ vào sự: Như trường hợp nên hỏi: dùng tâm gì để trộm cắp? Dùng tâm gì để giết người? Dùng tâm gì để xúc chạm phụ nữ? Dùng tâm gì để làm hại cỏ tươi? Dùng tâm gì để đào đất? Đó gọi là căn cứ vào tâm, không căn cứ vào sự.

Có tội căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm: Chẳng hạn không nên hỏi: Dùng tâm gì để hành dâm? Dùng tâm gì để ăn phi thời? Dùng tâm gì để uống rượu? Dùng tâm gì để ngủ cùng nhà với người nữ? Dùng tâm gì để ngủ cùng phòng với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm? Nếu phạm thì nên trị phạt đúng pháp. Đó gọi là căn cứ vào sự, không căn cứ vào tâm.

Có tội sự nặng, không phải tâm nặng: Như Tỳ-kheo phi thời mà cho là đúng thời để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, không phải tâm nặng.

Có tội tâm nặng, không phải sự nặng: Tỳ-kheo đúng thời mà cho là phi thời rồi ăn, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội tâm nặng, không phải sự nặng.

Có tội sự nặng, tâm cũng nặng: Như phi thời tưởng là thời để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là sự nặng, tâm cũng nặng.

Có tội sự nhẹ, tâm cũng nhẹ: Như các pháp thuộc chúng học và oai nghi. Đó gọi là sự nhẹ, tâm cũng nhẹ.

Có tội từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật người khác: Như Tỳ-kheo cố lấy trộm nhằm vật của chính mình, thì phạm tội Thâu-

lan-giá. Đó gọi là từ vật của mình phát sinh, không phải từ vật của người khác.

Có tội từ vật của người khác, không phải từ vật của mình: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật của người khác dưới năm tiền, thì phạm tội Thâu-lan-giá, nếu đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là từ vật của người khác phát sinh, không phải từ vật của mình.

Có tội vừa từ vật của mình vừa từ vật của người khác phát sinh: như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật chung của mình và người khác dưới năm tiền, thì phạm tội Thâu-lan-giá, đủ năm tiền thì phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là tội từ vật của mình và của người phát sinh.

Có tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người: Như Tỳ-kheo dùng tâm trộm cắp lấy vật không có chủ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tội không phải từ vật của mình, cũng không phải từ vật của người khác.

Có tội tại một chỗ mà phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại một chỗ mà được tám món ăn ngon, rồi ăn mỗi thứ tại mỗi chỗ, thì phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại một chỗ mà phạm nhiều tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ mà phạm một tội: Như Tỳ-kheo xin tại nhiều chỗ được tám thức ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ mà phạm một tội.

Có trường hợp tại nhiều chỗ phạm nhiều tội: Như Tỳ-kheo xin tại tám chỗ được tám món ăn

ngon, rồi ăn tám lần, phạm tám tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tại nhiều chỗ phạm nhiều tội.

Tại một chỗ phạm một tội: Như tại một chỗ xin được tám món ăn ngon, rồi ngồi ăn tại một chỗ. Đó gọi là tại một chỗ phạm một tội.

Từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội: Như Tỳ-kheo vô tội mà xin sám hối về tội phạm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân vô tội mà thành có tội.

Từ nguyên nhân có tội mà thành vô tội: Như làm phòng lớn, phòng nhỏ, tất cả các loại vải vóc, rồi được ba lần khuyên can. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội mà thành ra vô tội.

Từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội: Khi Tăng tụng giới, được hỏi đến ba lần rằng ai có tội thì sám hối như pháp, ai không có tội thì im lặng, mà bấy giờ người có tội không làm đúng pháp, lại không nói cho người khác biết, cũng không thầm nghĩ: "Để rồi tôi sẽ sám hối đúng pháp với người thanh tịnh và thông cảm", vẫn cứ im lặng, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ nguyên nhân có tội dẫn đến có tội.

Từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội: Như trường

hợp không làm, không phạm. Đó gọi là từ nguyên nhân không có tội dẫn đến không có tội.

Từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ: Như

Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người ác tà kiến, biên kiến, người bắt buộc phải học (người đang sám hối tội Ba-la-di). Đó gọi là từ nguyên nhân tội nặng dẫn đến tội nhẹ.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bắt buộc phải học, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nặng.

Từ tôi nặng dẫn đến tôi nặng: Như Tỳ-kheo phạm tội Ba-dạ-đề mà đến sám hối với người hủy báng khế kinh, người bắt buộc phải học, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là từ tội nặng dẫn đến tội nặng.

Từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ: Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni mà đến sám hối với người chưa thọ cụ túc, thì không được gọi là sám hối mà còn phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là từ tội nhẹ dẫn đến tội nhẹ.

Khi nhận phạm tội: Như nhận thịt sống, lúa thóc, vàng bạc, voi, ngựa, lạc đà, lừa, bò, dê, nô tỳ, phụ nữ, ruộng đất, nhà cửa. Đó gọi là khi nhận phạm tội.

Có trường hợp khi ăn phạm tội: Như ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ăn cùng bát, ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là khi ăn phạm tội.

Việc thành tựu mà có tội: Như làm phòng nhỏ, phòng lớn, được khuyên can đến ba lần. Đó gọi là việc thành tựu mà có tội.

Có trường hợp không thọ thì có tội, thọ thì không có tội: Như khi thọ y Ca-thi-na thì được giải tỏa năm giới là: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, đi đâu không cần thưa với người cùng ăn với mình, cất y dư lâu ngày, rời y mà ngủ. Đó gọi là không thọ thì có tội, thọ thì không có tội.

Không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội: Khi Tỳ-kheo được y mới mà không dùng ba màu để nhuộm cho hoại sắc, hoặc dùng một màu để nhuộm, tác tịnh rồi thọ dụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là không thực hiện thì có tội, thực hiện thì không có tội.

Có tội tại xóm làng không phải tại chỗ hoang vắng: Khi vào xóm làng không mặc y tăng-già-lê, không buộc đai, không cột dây lưng, không cầm bát, không thưa với người cùng ăn chung, vào xóm làng lúc phi thời. Đó gọi là tội tại xóm làng, không phải tại nơi hoang vắng.

Có tội tại nơi hoang vắng không phải tại xóm làng: Tỳ-kheo làm bạn với kẻ trộm, hẹn với phụ nữ, Tỳ-kheo-ni cùng đi chung đường. Đó gọi là tội tại nơi hoang vắng, không phải tại xóm làng.

Có tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng: Đấm người bằng nắm tay, đưa tay dọa đánh người. Đó gọi là tội vừa tại nơi hoang vắng, vừa tại xóm làng.

Có tội không phải nơi hoang vắng, không phải

xóm làng: Tội xảy ra ở nơi cửa vua. Đó gọi là tội không phải nơi hoang vắng, cũng không phải tại xóm làng.

Có tội đúng thời chứ không phải phi thời: Như ăn riêng chúng, ăn tại nhiều nơi, ăn chung một bát, moi dưới bát mà ăn, ăn tám món ngon, ăn trái cây chưa tác tịnh. Đó gọi là tội đúng thời, chứ không phi thời.

Có tội phi thời chứ không phải đúng thời: Phi thời đi vào xóm làng mà không bạch, ăn phi thời, đi giáo giới Tỳ-kheo-ni đến chiều tối. Đó gọi là tội phi thời chứ không phải đúng thời.

Có tội vừa đúng thời, mà vừa phi thời: Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa đúng thời, vừa phi thời.

Có tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời: như phạm tội đúng vào giữa trưa. Đó gọi là tội vừa phi thời, vừa không phải phi thời.

Có tội thuộc ban đêm, không phải ban ngày: Như ngủ cùng một nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, giáo giới Tỳ-kheo-ni cho đến chiều tối. Đó gọi là tội thuộc ban đêm, không thuộc ban ngày.

Có tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm: Như ăn riêng chúng, cho đến ăn trái cây không hợp pháp. Đó gọi là tội thuộc ban ngày, không thuộc ban đêm.

Có tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm: Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh. Đó gọi là tội vừa thuộc ban ngày, vừa thuộc ban đêm.

Có tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm: Như tội xảy ra lúc rạng đông. Đó gọi là tội vừa không thuộc ban ngày, vừa không thuộc ban đêm.

Có tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống: Như ngủ cùng nhà với người nữ, ngủ với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, trải đồ ở giữa phòng, ngồi ở chỗ người ta dùng hành dâm, ngồi ở chỗ khuất kín. Đó gọi là tội tại chỗ khuất, không phải tại chỗ trống.

Có tội tại chỗ trống, không phải chỗ khuất: Hoặc tự mình, hoặc sai người đem giường nệm của chúng Tăng ra trải ở chỗ trống, mà khi đi không thưa với chúng Tăng, đi chừng hai mươi lăm khuỷu tay, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là tội tại chỗ trống, không phải tại chỗ khuất.

Có tội vừa tại chỗ khuất, vừa tại chỗ trống: Như dùng tay đánh

người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ khuất, cũng không ở chỗ trống?

- Đó là tội xảy ra ở dưới thềm nhà.

Thế nào là tội khi đi, không phải khi đứng?

- Tỳ-kheo kết bạn với đám cướp, cùng với

người nữ và Tỳ-kheo-ni hẹn đi chung đường; Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi thì phạm tội. Đó gọi là do đi, không do đứng.

Thế nào là tội khi đứng, không phải khi đi?

- Như đứng ở bên dâm nữ, đứng nơi quán rượu, đứng tại chỗ đánh bạc, đứng bên nhà tù, đứng giữa cửa, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà cứ đứng, thì phạm tội. Đó gọi là tội do đứng, không phải do đi.

Thế nào là tội vừa do đi, vừa do đứng?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi đi, không phải khi đứng?

- Như khi ngồi, khi ngủ.

Thế nào là tội do đứng, không phải do ngồi?

- Như đứng bên dâm nữ, rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đứng mà vẫn đứng, thì phạm tội.

Thế nào là tội do ngồi, không phải do đứng?

- Như ngồi trên giường lớn quá cỡ, dùng bông dồi làm nệm, dùng da làm tọa cụ và ngồi bên cạnh dâm nữ, bên quán rượu, bên chỗ đánh bạc, bên cạnh nhà tù, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà vẫn ngồi thì phạm tội.

Thế nào là tội vừa do đứng, vừa do ngồi?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải do đứng, cũng không phải do ngồi?

- Đó là tội xảy ra khi đi và khi ngủ.

Thế nào là tội khi ngồi, không phải khi ngủ?

- Như ngồi trên giường quá lượng, rồi được Tăng, Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng ngồi mà cứ ngồi, thì có tội.

Thế nào là tội khi ngủ, không phải khi ngồi?

- Ngủ cùng nhà với phụ nữ, ngủ với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, ngồi giường lớn quá lượng, dùng bông dồi vào nệm để ngồi, dùng da làm tọa cụ.

Thế nào là tội khi ngồi cũng như khi ngủ?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải khi ngồi, cũng không phải khi ngủ?

Như phạm tội khi đi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội khi ngủ, không phải khi đi?

Như ngủ cùng một nhà với phụ nữ, cho đến ngủ trên nệm bằng da.

Thế nào là phạm tội khi đi, không phải khi ngủ?

- Như Tỳ-kheo làm bạn với kẻ cướp, với phụ nữ (Cùng đi chung đường), rồi được Hòa thượng, A-xà-lê bảo đừng đi mà cứ đi, thì phạm tội.

Thế nào là phạm tội khi ngủ cũng như khi đi?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải khi ngủ, cũng

không phải khi đi?

- Như phạm tội khi ngồi, khi đứng.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, cũng không phải chỗ nhiều người?

- Như được khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở chỗ vắng?

- Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Thế nào là phạm tội ở chỗ vắng, cũng như ở chỗ nhiều người?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là phạm tội không phải chỗ vắng, không phải chỗ nhiều người?

- Như ở giữa chúng Tăng.

Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người, không phải ở giữa chúng Tăng?

- Như được khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần không bỏ.

Thế nào là phạm tội ở giữa chúng Tăng, không phải ở chỗ nhiều người?

- Như được khuyên can ở giữa chúng Tăng ba lần mà không bỏ. Thế nào là phạm tội ở chỗ nhiều người cũng như ở giữa chúng

Tăng?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không ở chỗ nhiều người, không ở giữa Tăng?

- Như được khuyên can ba lần ở chỗ vắng mà không bỏ. Thế nào là tội ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng?

- Như được khuyên ở giữa Tăng ba lần mà không bỏ. Thế nào là tội ở chỗ vắng, không phải ở giữa Tăng?

- Như được khuyên ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ.

Thế nào là tội vừa ở giữa Tăng, vừa ở chỗ vắng?

- Như dùng tay đánh người, huơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không phải ở giữa Tăng, không phải ở chỗ vắng?

- Như được can ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Thế nào là tội thuộc mùa đông, không phải mùa Xuân?

- Tỳ-kheo đến ngày mười lăm tháng tám mà không xả y tắm mưa tới ngày mười sáu mới xả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không phải mùa Đông?

- Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na đến ngày mười lăm tháng chạp thì nên xả, nếu không xả, để đến ngày mười sáu thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Đông, cũng thuộc

mùa Xuân?

- Như dùng tay đánh người, dơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Đông, không thuộc mùa Xuân?

- Như thời gian an cư (Tức mùa Hạ)

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa Hạ?

- Tỳ-kheo thọ y Ca-thi-na mà không xả để đến ngày mười sáu tháng chạp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không phải mùa Xuân?

- Tỳ-kheo đến ngày mười sáu tháng tư phải an cư, mà không an cư thì phạm tội Việt-tỳ-ni; đến hậu an cư cũng không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào là tội thuộc mùa Xuân, cũng thuộc mùa Hạ?

- Như đánh người bằng tay, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Xuân, không thuộc mùa Hạ?

- Như tội phạm vào mùa Đông.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, không thuộc mùa Đông?

Vào hai thời an cư mà không an cư, thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Thế nào là tội thuộc mùa Đông, không phải mùa Hạ?

- Đến ngày mười lăm tháng tám nên xả y tắm

mưa mà không xả, để đến ngày mười sáu thì phạm tội.

Thế nào là tội thuộc mùa Hạ, cũng thuộc mùa Đông?

- Như dùng tay đánh người, giơ tay dọa đánh.

Thế nào là tội không thuộc mùa Hạ, cũng không thuộc mùa Đông?

- Đó là tội vào mùa Xuân, tức là tội không thuộc vào mùa Hạ, không thuộc mùa Đông.

Lại có tội do không kiềm chế thân, không kiềm chế miệng, không kiềm chế thân miệng; thân phạm, miệng phạm, thân miệng đều phạm; thân làm ác, miệng làm ác, thân miệng đều làm ác. Đó gọi là tội.

Trái lại, vô tội nghĩa là kiềm chế thân, kiềm chế miệng, kiềm chế thân miệng; thân không phạm, miệng không phạm, thân miệng đều không phạm; thân không làm ác, miệng không làm ác, thân miệng không làm ác. Đó gọi là không có tội.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo giữ luật khi cho người xuất tội, thì có tội cũng biết, không có tội cũng biết, che giấu cũng biết, không che giấu cũng biết.

CHE GIẤU CŨNG BIẾT

Tỳ-kheo khi hừng đông phạm tội Tăng-già-bà-

thi-sa, biết đó là tội, không cố ý che giấu, nhưng đến lúc mặt trời mọc lại cố tình che giấu cho đến hừng đông sáng mai. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Đến lúc giữa trưa, vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, nửa đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa biết là có tội mà không cố tâm che giấu, cho đến cuối đêm, vẫn biết là có tội nhưng cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nhưng đến giờ ăn lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là một đêm che giấu. Vào giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn và đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội nhưng không cố tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng

đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là có tội, đến giờ ăn mới biết là có tội nhưng không cố tâm che giấu, đến giữa trưa lại cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, cho đến giữa đêm biết là có tội, mà không có tâm che giấu, đến cuối đêm lại cố tình che giấu cho đến rạng đông thì gọi là bốn thời một đêm che giấu.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến lúc mặt trời mọc quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Cũng vậy, vào giờ ăn, giữa trưa, buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, giữa đêm, cho đến cuối đêm quyết tâm che giấu đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là hai thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết phạm tội, đến lúc mặt trời mọc mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, tới bữa ăn thì quyết tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Cũng vậy, giữa trưa, buổi xế, khi mặt trời lặn, đầu đêm cũng thế.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho đến nửa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến cuối đêm mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là ba thời che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, mà không biết phạm tội, mãi đến giờ ăn mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, tới giữa trưa mới quyết định che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm. Vào buổi xế, lúc mặt trời lặn, đầu đêm, cũng như vậy.

Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà không biết là phạm tội, cho tới giữa đêm mới biết là phạm tội, nhưng do dự không biết nên che giấu hay không, đến cuối đêm mới quyết định che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là bốn thời che giấu một đêm. Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo lúc rạng đông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến khi mặt trời mọc lại quyết định không che giấu, cho đến cuối đêm lại quyết tâm che giấu cho tới rạng đông hôm sau. Đó gọi là che giấu một đêm.

Lại có trường hợp che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, rồi lại ở cách vách, cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, xưng tên một Tỳ-kheo Mỗ giáp khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Đó không gọi là

phát lồ, vì biết mà nói dối, phạm tội Ba-dạ-đề. Đó gọi là che giấu.

Trường hợp không che giấu: Nếu ở chỗ ngăn cách, hoặc cách hào, ở chỗ tối nói nhỏ, tự xưng tên của người khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, thì được gọi là phát lồ, nhưng xảo trá, phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại có trường hợp không che giấu: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, không ở chỗ cách vách, cách hào, chỗ tối, không nói nhỏ, không xưng tên người khác mà tự xưng tên mình phạm tội. Đó gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không phải tội mà tưởng là tội, sinh nghi, nghi không biết nên che giấu hay không, nghi về đêm. Nếu phát lồ thì gọi là không che giấu.

Lại có trường hợp không che giấu: Không cố tâm che giấu, chưa phát lồ được, rồi hoặc quên, hoặc bỏ đạo, hoặc nhập định, hoặc mệnh chung. Đó gọi là không che giấu.

Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội nên biết, không có tội nên biết, che giấu nên biết, không che giấu nên biết, phát lồ nên biết, không phát lồ nên biết; hoặc là che giấu không phát lồ, hoặc là phát lồ không che giấu, hoặc là vừa che giấu vừa phát lồ, hoặc là không che giấu cũng

không phát lồ đều nên biết.

Thế nào là che giấu không phát lồ?

- Tỳ-kheo phạm tội Việt-tỳ-ni, biết là phạm tội mà cố tâm che giấu không nói với người khác. Đó gọi là che giấu không phát lồ.

Thế nào là phát lồ, không che giấu?

- Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, nói với người khác. Đó gọi là phát lồ, không che giấu.

Thế nào gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ?

- Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, định che giấu, nhưng sau đó nói với người khác. Đó gọi là vừa che giấu, vừa phát lồ.

Thế nào là vừa không che giấu, vừa không phát lồ?

- Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, không cố tâm che giấu, suy nghĩ: "Đợi đúng lúc, đúng chỗ, đúng người ta sẽ sám hối đúng pháp". Đó gọi là vừa không che giấu vừa không phát lồ.

PHÁP BIỆT TRỤ

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo giữ luật khi cho ai xuất tội, thì có tội

phải biết, không có tội phải biết, che giấu phải biết, không che giấu phải biết, phát lồ phải biết, không phát lồ phải biết, nên cho biệt trụ phải biết, không nên cho biệt trụ phải biết".

Thế nào là không nên cho Biệt trụ?

- Không có tội thì không nên cho; không che giấu, không nên cho; tội không quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho Biệt trụ.

Thế nào là nên cho Biệt trụ?

- Có tội thì nên cho; che giấu thì nên cho; chắc chắn có tội, chắc chắn che giấu, chắc chắn qua đêm, đương sự có yêu cầu thì nên cho.

Cho biệt trụ không đúng pháp, cho biệt trụ đúng pháp. Thế nào là cho Biệt trụ không đúng pháp?

- Tội không chắc chắn, che giấu không chắc chắn, đêm không chắc chắn, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, chúng Tăng không thành tựu, tác bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Đó gọi là cho Biệt trụ không đúng pháp.

Thế nào là cho Biệt trụ đúng pháp?

- Có tội, tội chắc chắn, chắc chắn che giấu, chắc chắn trải qua đêm, đương sự có yêu cầu, chúng Tăng thành tựu, tác bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi thứ đều thành tựu, đó gọi là cho Biệt

trụ đúng pháp.

- Hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp, hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp?

- Tại chùa không có Tỳ-kheo, nửa chừng phạm tội bị phát giác,

- cùng ở chung với Tỳ-kheo khác đồng phòng, đồng có ngăn cách, Tỳ-kheo khách đến không bạch, Tăng tập họp đúng thời, phi thời không bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa không đúng pháp.

Thế nào là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp?

- Tại chùa có Tỳ-kheo đang sống, trong thời gian hành Ba-lợi-bà-sa không tái phạm, không bị cử tội, ở phòng riêng, ngăn cách riêng với Tỳ-kheo khác, khi Tỳ-kheo khách đến có bạch, khi Tăng tập họp đúng thời hay phi thời đều bạch. Đó gọi là hành Ba-lợi-bà-sa đúng pháp.

Đêm không gián đoạn, đêm có gián đoạn. Thế nào là đêm không gián đoạn?

- Trong chùa có Tỳ-kheo đang ở, cho đến khi Tăng tập họp đúng thời, phi thời đều có bạch. Đó gọi là đêm không gián đoạn.

Thế nào là đêm có gián đoạn?

- Trong chùa không có Tỳ-kheo ở, cho đến khi Tăng tập họp đúng thời, phi thời đều không bạch.

Đó gọi là đêm có gián đoạn.

Ngoài ra còn có nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội. Thế nào gọi là nửa chừng phạm tội?

- Sau khi phát lồ, Tăng chưa cho hành Ba-lợi-bà-sa, bèn phạm lại, hành Ba-lợi-bà-sa nửa chừng rồi tái phạm. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào gọi là nửa chừng không phạm tội?

- Trong khoảng thời gian ấy không tái phạm. Đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa nên tùy thuận hành bảy việc sau đây:

1. Việc thuộc Tỳ-kheo.
2. Việc thuộc Tỳ-kheo-ni.
3. Việc thuộc quyến thuộc.
4. Việc vào làng xóm.
5. Làm việc nhọc trong chúng.
6. Việc nhận người khác lễ bái.
7. Việc vương gia.

1. Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo?

- Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo; không được nói tội của

Tỳ-kheo; không được bàn luận với Tỳ-kheo; không được nói tội của Sa-di; không được thưởng phạt Sa-di; không được bàn luận với Sa-di; không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo; không được đi trước

sau cùng hàng với Tỳ-kheo vào thôn xóm; khi Tăng chúng tập họp không được thay mặt cho chúng thuyết pháp, trừ khi sống một mình. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo.

2. Thế nào là việc thuộc Tỳ-kheo-ni?

- Không được nhận sự lễ bái của Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Tỳ-kheo-ni; không được bàn luận với Tỳ-kheo-ni; không được nói tội của Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được Thưởng phạt Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được luận bàn với Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni; không được ngăn Tỳ-kheo-ni Bố-tát, tự tứ; không được chận Tỳ-kheo-

ni đứng ngoài cổng; không được đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni, dù trước đó Tăng đã sai cũng không được đến. Đó gọi là việc thuộc Tỳ-kheo-ni.

3. Thế nào là việc thuộc về quyến thuộc?

- Không được độ người, không được cho người thọ cụ túc, không được nhận sự nương tựa của người khác và nuôi Sa-di, không được nhận sự cung cấp của Tỳ-kheo, không được đưa kinh cho người khác, không được theo người khác nhận những bản kinh, khi tụng kinh phải tụng nhỏ tiếng. Nếu trước đó đã có đệ tử nên bảo họ nương tựa người khác, phải cắt đứt sự thân thiết. Đó gọi là việc thuộc về quyến thuộc.

4. Thế nào là việc đi vào xóm làng?

- Không được đi vào xóm làng quá sớm, trở về quá trễ, không được đi trước hay sau trong hàng ngũ của Sa-môn vào xóm làng, không được đến nhà đàn-việt quen biết, không được ở những ngôi già-lam không có Tăng, khi ngồi, khi ăn đều ở dưới Tỳ-kheo, không được sai người đi đón thức ăn, không được cùng người đi đón thức ăn, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là việc vào xóm làng.

5. Thế nào là làm những việc nhọc trong chúng?

- Sáng sớm thức dậy quét Tháp, viện, phòng Tăng, đem nước đến cho Tăng, rửa ráy chỗ đại tiểu tiện của Tăng. Tất cả những việc có thể làm được như thế phải tùy sức mà làm. Không được gởi dục, không được nhận sự gởi dục của người khác, trừ khi đến phiên mình. Đó gọi là làm những việc nhọc trong chúng.

6. Thế nào là nhận sự lễ bái?

- Không được nhận tất cả sự lễ bái; bạch nhất yết-ma, bạch tam yết-ma đều không được nhận. Đó gọi là nhận sự lễ bái.

7. Thế nào là việc thuộc nhà vua?

- Không được ỷ thế lực của vua, đại thần, cư sĩ, kẻ hung ác; không được chê Phật, chê Pháp, chê Tăng, chê người làm yết-ma; chỉ tự trách mình, không được chê người khác. Đó gọi là việc thuộc

nhà vua.

Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa phải chấp hành bảy việc này. Đó gọi là tùy thuận hành. Nếu không làm thì gọi là không tùy thuận chấp hành.

PHÁP MA-NA-ĐỎA

Ngoài ra, có các việc: không nên cho Ma-na-đỏa, nên cho Ma-na-đỏa.

Thế nào là không nên cho Ma-na-đỏa?

- Không có tội thì không nên cho; che giấu mà chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; một nửa che giấu, một nửa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu chưa quyết định, đêm chưa quyết định, thì không nên cho; Ba-lợi-bà-sa chưa quyết định thì không nên cho. Đương sự không đòi hỏi, không yêu cầu thì không nên cho Ma-na-đỏa.

Thế nào là nên cho Ma-na-đỏa?

- Có tội, che giấu, hành Ba-lợi-bà-sa xong; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, Ba-lợi-bà-sa quyết định, đương sự có yêu cầu thì nên cho Ma-na-đỏa. Nhưng cho có hai trường hợp cho không đúng pháp và cho đúng pháp.

Thế nào là cho không đúng pháp?

- Không có tội, cho đến đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi; chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu

mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là cho không đúng pháp.

Thế nào là cho đúng pháp?

- Có tội, cho đến đương sự có yêu cầu đòi hỏi, chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu, mỗi thứ đều thành tựu. Đó gọi là cho đúng pháp.

- Hành Ma-na-đỏa không rốt ráo và hành Ma-na-đỏa rốt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa không rốt ráo?

- Tăng chúng không đủ số thì không gọi là hành Ma-na-đỏa; nửa chừng tái phạm bị phát hiện; cùng ở với Tỳ-kheo trong một phòng, một chỗ có che chắn; không bạch với Tỳ-kheo khách; khi Tăng tập họp đúng thời hay phi thời không bạch; hằng ngày không bạch với chúng Tăng trong cương giới. Đó gọi là thi hành Ma-na-đỏa không rốt ráo.

Thế nào là hành Ma-na-đỏa rốt ráo?

- Chúng Tăng đủ số; nửa chừng không tái phạm, không bị cử tội; không ở với Tỳ-kheo khác cùng một phòng, một chỗ có che chắn; Tỳ-kheo khách đến có bạch; khi Tăng tập họp đúng thời hay phi thời có bạch; hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là hành Ma-na-đỏa rốt ráo.

- Đêm (Sáu đêm Ma-na-đỏa) bị dở dang, đêm không bị dở dang.

Thế nào là đêm bị dở dang?

- Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng không đủ số, cho đến hằng ngày không bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là sáu đêm Ma-na-đỏa bị dở dang.

Thế nào là sáu đêm Ma-na-đỏa không dở dang?

- Trong khoảng sáu đêm Ma-na-đỏa chúng Tăng đủ số, cho đến hằng ngày có bạch với Tăng trong cương giới. Đó gọi là đêm Ma-na-đỏa không dở dang.

- Nửa chừng phạm tội, nửa chừng không phạm tội.

Thế nào là nửa chừng phạm tội?

- Trong khoảng thời gian chưa cho pháp Ma-na-đỏa mà phạm tội; trong lúc cho Ma-na-đỏa rồi, phạm tội; trong khoảng thời gian gần xong, phạm tội. Đó gọi là nửa chừng phạm tội.

Thế nào là nửa chừng không phạm tội?

- Không có các việc kể trên, đó gọi là nửa chừng không phạm tội.

- Tỳ-kheo hành Ma-na-đỏa phải tùy thuận chấp hành bảy việc như trên đã nói. Đó gọi là Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo phải tùy thuận chấp hành, nếu không chấp hành thì gọi là không tùy thuận hành.

PHÁP XUẤT TỘI

Có trường hợp không nên cho xuất tội, có trường hợp nên cho xuất tội.

Trường hợp không nên cho:

- Không có tội thì không nên cho; che giấu, chưa cho pháp Biệt trụ thì không nên cho; hành Ma-na-đỏa chưa xong thì không nên cho; chưa hành Ma-na-đỏa thì không nên cho; vừa che giấu, vừa không che giấu thì không nên cho; tội chưa quyết định, che giấu không quyết định, đêm không quyết định, biệt trụ không quyết định, Ma-na-đỏa không quyết định, đương sự không yêu cầu, không đòi hỏi, thì không nên cho xuất tội.

Trường hợp nên cho:

- Có tội thì nên cho; che giấu tội thì nên cho hành biệt trú, và khi hành Ma-na-đỏa xong thì nên cho; không che giấu, hành Ma-na-đỏa xong, thì nên cho; tội quyết định, che giấu quyết định, đêm quyết định, biệt trú quyết định, Ma-na-đỏa quyết định và đương sự có yêu cầu, thì nên cho xuất tội.

Cho xuất tội đúng pháp, cho xuất tội không đúng pháp. Cho xuất tội không đúng pháp:

- Không có tội, không nên cho, cho đến chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một thứ không thành tựu thì đó gọi là cho xuất tội không đúng pháp.

Cho xuất tội đúng pháp:

- Có tội, trường hợp nên cho, cho đến chúng thành tựu, bạch thành tựu, yết-ma thành tựu. Nếu mỗi mỗi việc đều thành tựu thì đó gọi là cho xuất tội đúng pháp.

Trường hợp cùng che giấu:

- Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, đến ngày mồng hai, mồng ba cho đến mồng mười, tất cả đều biết là có tội, rồi cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội. Tất cả các tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo, ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội mà không cố tâm che giấu, cũng thế, ngày mồng hai phạm hai tội, ngày mồng ba phạm ba tội, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều biết là phạm tội và đều cố tâm che giấu tất cả cho đến rạng đông hôm sau. Đó gọi là năm mươi lăm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tất cả đều có một đêm che giấu, nên làm năm mươi lăm lần yết-ma biệt trụ, năm mươi lăm lần Ma-na-đỏa, năm

mươi lăm lần xuất tội; nhưng cũng được làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

- Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, không biết là phạm tội, cũng thế, ngày mồng hai, ngày mồng ba cho đến ngày mồng mười, tất cả đều biết là phạm tội, và cố tâm che giấu tất cả đến rạng đông hôm sau. Đó là mười tội cùng chung một đêm che giấu, cho đến... cũng được làm yết-ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Lại có trường hợp cùng chung che giấu:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng, phạm một tội Tăng-già-bà-

thi-sa, không biết là phạm tội, không có tâm che giấu, cho đến ngày mồng mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều biết là phạm tội, cố tâm che giấu cho đến rạng đông hôm sau. Trong năm mươi lăm tội ấy đều có cùng một đêm che giấu, cho đến... cũng có thể làm yết-ma Biệt trụ một lần, Ma-na-đỏa một lần, xuất tội một lần. Đó gọi là cùng chung che giấu.

Trường hợp che giấu sai khác:

- Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội,

cố tâm che giấu, tới ngày thứ hai đến nói với người khác, rồi lại phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến ngày thứ mười tới nói với người khác rồi lại phạm tội và biết là phạm tội, nhưng cố tâm che giấu cho đến ngày mười một mới nói với người khác. Như vậy, trong mười tội Tăng-già-bà-thi-sa ấy tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm mười lần yết-ma Biệt trụ, mười lần Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu sai khác.

Lại có trường hợp che giấu sai khác: Tỳ-kheo vào ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày mồng hai nói với người khác, rồi lại phạm tội như vậy, cho đến ngày mười phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, đến ngày mười một tới nói với người khác. Trong năm mươi lăm tội Tăng-già-bà-thi-sa này tất cả đều có một đêm che giấu sai khác, nên làm năm mươi lăm lần yết-ma Biệt trụ, năm mươi lăm lần Ma-na-đỏa, năm mươi lăm lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần yết-ma Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là trường hợp che giấu sai khác.

Trường hợp che giấu vô lượng:

Hoặc nhớ tội, không nhớ số đêm; hoặc nhớ số đêm, không nhớ tội; hoặc vừa nhớ tội, vừa nhớ số

đêm; hoặc không nhớ tội cũng không nhớ số đêm.

1. Nhớ tội, không nhớ số đêm: Nhớ biết có phạm tội nhiều hay ít, nhưng không nhớ là mấy đêm.

2. Nhớ số đêm, không nhớ tội: Nhớ biết bao nhiêu đêm, nhưng không nhớ tội nhiều hay ít.

3. Vừa nhớ tội, vừa nhớ số đêm: Nhớ biết số tội nhiều hay ít, đồng thời cũng nhớ bao nhiêu đêm.

4. Không nhớ tội, cũng không nhớ số đêm: Không nhớ phạm tội nhiều hay ít, cũng không nhớ là bao nhiêu đêm.

Trong trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm này, nên hỏi:

- Ông phạm tội khi nào, từ lúc chưa có tuổi (Hạ) phải không? Nếu đương sự im lặng, thì tùy theo năm (Thọ giới) mà cho pháp Biệt trụ.

- Nếu đáp: "Không phải vậy", thì hỏi tiếp: "Một tuổi chăng? Hai tuổi chăng? Năm tuổi chăng?". Nên tùy theo họ im lặng ở khoảng nào mà cho pháp Biệt trụ ở khoảng đó. Đó là trường hợp nhớ tội mà không nhớ số đêm.

Trong trường hợp nhớ số đêm mà không nhớ tội thì tùy theo đêm nhiều ít mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội. Đó gọi là nhớ đêm mà không nhớ tội.

Trong trường hợp vừa nhớ tội vừa nhớ đêm thì khi đã nhớ tội nhiều hay ít, tùy theo nhớ đêm bao nhiêu mà cho pháp Biệt trụ. Đó gọi là vừa nhớ tội,

vừa nhớ đêm.

Trong trường hợp không nhớ tội cũng không nhớ đêm, thì nên hỏi: "Ông phạm tội khi chưa có tuổi (Hạ) phải không?".

Nếu im lặng, thì tùy theo số năm mà cho pháp Biệt trụ vô lượng tội.

Nếu đáp: "Không phải vậy", thì hỏi tiếp: "Từ lúc chưa có tuổi hạ phải không? hay một tuổi, hai, ba, bốn, năm tuổi?".

Tùy theo họ im lặng ở chỗ nào thì cho pháp Biệt trụ vô lượng tội ở chỗ đó. Đó gọi là che giấu vô lượng.

Cùng chung che giấu, che giấu sai khác, che giấu vô lượng, ba loại này đều gọi là che giấu.

Che giấu riêng:

Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, ngày thứ hai lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười lại phạm, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Mười tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ có một đêm che giấu, như vậy hai đêm, ba đêm tính ngược lên đến tội đầu tiên thành mười đêm che giấu, do vậy nên làm mười pháp yết-ma Biệt trụ, mười Ma-na-đỏa, mười lần xuất tội; nhưng cũng có thể làm một lần

Biệt trụ, một lần Ma-na-đỏa, một lần xuất tội.

Lại có trường hợp che giấu riêng: Tỳ-kheo ngày mồng một trong tháng phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác, cho đến ngày thứ mười phạm mười tội

Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, cố tâm che giấu, không nói với người khác. Trong năm mươi lăm tội này mỗi tội đều che giấu riêng, nhưng tội cuối cùng chỉ che giấu có một đêm, như vậy hai đêm, ba đêm, tính ngược lên đến tội đầu tiên thành ra năm mươi lăm đêm che giấu, do đó, nên cho pháp yết-ma Biệt trụ năm mươi lăm đêm, năm mươi lăm Ma-na-đỏa, năm mươi lăm lần xuất tội; nhưng cũng có thể cho một pháp Biệt trụ, một Ma-na-đỏa, một lần xuất tội. Đó gọi là che giấu riêng.

Hai loại cùng che giấu, che giấu riêng này đều gọi là che giấu. Tỷ-xá-già-cước:

Hoặc là tội dài không phải đêm dài; hoặc đêm dài không phải tội dài; hoặc tội dài, đêm cũng dài; hoặc không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

1. Có trường hợp tội dài, không phải đêm dài: Tỳ-kheo suốt ngày phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là phạm tội, đến nói với người khác. Đó gọi là tội dài, không phải đêm dài.

2. Có trường hợp đêm dài, không phải tội dài: Tỳ-kheo phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là

phạm tội, cố tâm che giấu, không đến nói với người khác. Đó gọi là đêm dài, không phải tội dài.

3. Có trường hợp tội dài, đêm cũng dài: Tỳ-kheo hằng ngày đều phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, nhưng che giấu một nửa, phát lồ một nửa. Đó gọi là tội dài, đêm cũng dài.

4. Có trường hợp không phải tội dài cũng không phải đêm dài: Tỳ-kheo phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, biết là có tội, không cố tâm che giấu, đến nói với người khác, rồi không phạm nữa. Đó gọi là không phải tội dài cũng không phải đêm dài.

Ở đây hai trường hợp tội dài đêm không dài và tội dài đêm cũng dài thì khi hành Ba-lợi-bà-sa nên cho ăn ít mà bắt làm việc nhiều, nếu cố tình không chấm dứt, thì nên bảo tịnh nhân cột tay chân, đặt trên giường, rồi nói: "Nếu còn tái phạm thì Tăng sẽ trị tội ông nặng hơn nữa". Đó gọi là Tỷ-xá-già-cước.

Hoặc có trường hợp tội hợp, không phải đêm hợp; hoặc có trường hợp đêm hợp, không phải tội hợp; hoặc có trường hợp tội hợp mà đêm cũng hợp; hoặc có trường hợp không phải tội hợp cũng không phải đêm hợp:

1. Tội hợp, không phải đêm hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại làm yết-ma cho một trăm đêm Biệt trụ.

Tỳ-kheo liền thưa: "Thưa Trưởng lão, tôi bị bệnh hoạn ốm yếu không thể kham nổi, có thể cho hành tóm lược pháp Ba-lợi-bà-sa được không?". Tăng nên nói: "Được", rồi làm yết-ma gom một trăm đêm Biệt trụ thành mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, không phải đêm hợp.

2. Đêm hợp, không phải tội hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo bèn thưa: "Thưa Trưởng lão, tôi thấy xấu hổ, muốn hành Ba-lợi bà-sa đầy đủ". Tăng nên nói: "Được". Đó gọi là đêm hợp, không phải tội hợp.

3. Tội hợp, đêm cũng hợp: Tỳ-kheo phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, tất cả đều che giấu mười đêm. Tăng gom lại cho mười đêm Biệt trụ. Đó gọi là tội hợp, đêm cũng hợp.

4. Không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp: (Như trường hợp trên) nhưng tất cả đều làm yết-ma cho pháp ba-lợi-bà-sa riêng. Đó gọi là không phải tội hợp, cũng không phải đêm hợp.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 26

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ TƯ TỘI CŨ

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin Biệt trụ, đoạn, nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.

- Tội cũ hay tội trung gian?

- Tội cũ.

- Có che giấu hay không che giấu?

- Có che giấu.

- Này Trưởng lão, pháp Biệt trụ trước thầy đã hành đúng pháp, còn tội mà hôm nay nói có che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp lại hai tội cùng hành Ba-lợi-bà-sa, cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, xin pháp Biệt trụ, làm

được một nửa, bèn nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi còn có tội Tăng-già-bà-thi-sa khác.
- Đó là tội cũ hay tội trung gian?
- Tội cũ.
- Có che giấu hay không?
- Có che giấu.
- Pháp Biệt trụ của thầy đã làm đúng pháp còn tội che giấu hôm

nay phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi gộp hai tội lại hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi xin Biệt trụ, khi làm xong lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.
- Tôi cũ hay tội trung gian?
- Tội cũ.
- Có che giấu hay không?
- Có che giấu.
- Pháp biệt trụ trước thầy đã làm đúng pháp, tội che giấu hôm nay phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, gộp hai tội lại cùng xin Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa xong, đồng thời xin Ma-na-đỏa xong, lại nói:

- Thưa Trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Tội cũ hay tội trung gian?

- Tội cũ.

- Có che giấu hay không?

- Có che giấu.

- Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong, lại xin Ma-na-đỏa, hai tội này gộp lại làm chung, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành Ba-lợi-bà-sa, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm xong Ba-lợi-bà-sa, xin Ma-na-đỏa, làm được nửa chừng, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (Cho đến nên nói):

- Pháp Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, khi làm xong lại xin Ma-na-đỏa. Hai tội này hợp lại làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Ba-lợi-bà-sa,

xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi làm Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (Cho đến nên nói):

- Pháp Ba-lợi-bà-sa và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, khi làm xong sẽ xin xuất tội một lần.

Đó gọi là xin riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa. (Cho đến nên nói):

- Các pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa, xuất tội trước đã làm đúng pháp, còn tội che giấu hôm nay phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành riêng Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Đó là tội cũ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không che giấu.

- Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, còn nay tội không che giấu thì để yên, tội có che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, hợp lại làm xong, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Như vậy, pháp Biệt trụ đoạn giữa và đoạn cuối, pháp Ma-na-đỏa đoạn đầu, đoạn giữa và đoạn cuối, pháp xuất tội đoạn cuối, cũng nói như trên.

Tỳ-kheo che giấu tội, được cho pháp Ba-lợi-bà-sa xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Đó là tội cũ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không che giấu và một tội còn nghi ngờ.

- Pháp Ba-lợi-bà-sa trước đã làm đúng pháp, giờ đây tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ thì hãy quyết định, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Ba-lợi-bà-sa, rồi cùng hành Ma-na-đỏa và cùng xuất tội. Như vậy, đoạn giữa Biệt trụ, đoạn cuối biệt trụ, đoạn đầu, giữa và cuối Ma-na-đỏa, đoạn cuối xuất tội cũng nói như trên.

Đó gọi là tội cũ.

TỘI TRUNG GIAN

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Đó là tội trung gian.

- Phạm vào khi nào?

- Phạm trong lúc hành Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Có che giấu.

- Này Trưởng lão, pháp Biệt trụ trước đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, nay tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, và cùng làm Ma-na-đỏa, cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm chung Biệt trụ, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, làm Biệt trụ xong, khi hành Ma-na-đỏa lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc hành Ma-na-đỏa.

- Có che giấu hay không?

- Có che giấu.

- Này Trưởng lão, pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Giờ đây tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ, rồi khi làm xong lại xin pháp Ma-na-đỏa, hợp lại mà làm, rồi cùng xuất tội. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, xin riêng Ma-na-đỏa, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội

xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Có che giấu.

- Này Trưởng lão! Pháp Biệt trụ đầu tiên hành đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu; giờ đây tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, rồi hợp lại mà làm, làm xong lại hợp xin pháp Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hành chung Biệt trụ, xin chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

- Có che giấu hay không?

- Có che giấu.

- Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội che giấu phải xin lại pháp Biệt trụ. Khi làm xong, xin lại Ma-na-đỏa rồi hợp lại mà làm, làm xong cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin riêng, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không.

- Pháp biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, và hành chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, hợp hành Biệt trụ, hành chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ xong, đến lúc hành Ma-na-đỏa thì nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Ma-na-đỏa.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không.

- Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa trước đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm. Tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ. Khi hành xong lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Đó gọi là xin riêng, làm riêng Biệt trụ, xin

chung, làm chung Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không.

- Pháp Biệt trụ đầu làm như pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, còn tội che giấu thì phải xin lại pháp Biệt trụ rồi hợp lại mà làm. Khi làm xong, lại hợp xin Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có hai tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm vào lúc Ma-na-đỏa.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không.

- Pháp Biệt trụ và Ma-na-đỏa đầu đã làm đúng pháp, nhưng trong Ma-na-đỏa còn thiếu một đêm, do đó, việc xuất tội không thành. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, tội có che giấu phải xin lại Biệt trụ, khi làm xong, hợp xin Ma-na-đỏa rồi cùng xuất tội.

Lại có Tỳ-kheo che giấu tội, rồi trong khi hành Biệt trụ, nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão! Tôi lại có ba tội Tăng-già-bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không và một tội còn ngờ.

- Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm. Giờ đây, tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, hợp lại mà làm, rồi cùng làm Ma-na-đỏa và cùng xuất tội.

Đến phần Ma-na-đỏa cũng nói như thế.

Tỳ-kheo che giấu tội, rồi hành Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội xong, lại nói với Tỳ-kheo khác:

- Thưa Trưởng lão, tôi lại có ba tội Tăng-già-

bà-thi-sa.

- Đó là tội cũ hay tội trung gian?

- Tội trung gian.

- Phạm vào lúc nào?

- Phạm trong lúc Biệt trụ.

- Có che giấu hay không?

- Một tội che giấu, một tội không và một còn ngờ.

- Phần Biệt trụ đầu đã làm đúng pháp, nhưng còn thiếu một đêm, do đó, Ma-na-đỏa và xuất tội không thành tựu. Tội không che giấu thì để yên, tội nghi ngờ cần phải quyết định, còn tội che giấu phải xin lại Biệt trụ, gộp lại mà làm, đồng thời làm chung Ma-na-đỏa, rồi cùng xuất tội.

Nếu trong phần Ma-na-đỏa mà phạm lại ba tội thì cũng như trên. Đó gọi là xin riêng, hành Biệt trụ riêng, hành Ma-na-đỏa và xuất tội chung.

Trên đây gọi là tội Trung gian.

Nếu Tỳ-kheo cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa rồi che giấu, nhưng sau đó muốn hành Biệt trụ, thì nên xin với một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma như sau: "Thưa Trưởng lão! Xin Trưởng lão cho tôi pháp yết-ma Ba-lợi-bà-sa". Đoạn, đưa vị Tỳ-kheo mà mình tâm đắc đến giới trường để làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ

giáp cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ.

Các Đại đức đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - cố ý xuất tinh, phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm vào giữa Tăng xin mười đêm Biệt trụ, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Người này phải trịch vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Kính mong Tăng xót thương cho tôi mười đêm Biệt trụ. (Xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

- Xin đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ

giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - mười đêm Biệt trụ. Đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - mười đêm Biệt trụ đã xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Khi yết-ma xong, người này liền vào trong giới trường, trật vai áo phải, quỳ gối chắp tay, bạch Tăng như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi mười đêm Biệt trụ.

Thưa Đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, cố ý xuất tinh, phạm một tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, nay tôi thi hành pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho. (Nói như vậy ba lần rồi bạch): Tôi xin tùy thuận chấp hành bảy việc.

Nếu phạm hai, ba cho đến mười tội thì đều hợp xin một lần yết-ma Biệt trụ như vậy. Rồi người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm - theo Tăng xin Tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, muốn theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, nay theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Kính xin Tăng xót thương cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. (Xin như vậy ba lần)

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế.)

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm - tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Nếu muốn làm liền thì ngay trong ngày ấy trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, bạch Tăng như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã thương xót cho tôi tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ.

Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm - nay tôi làm chung pháp Biệt trụ, xin Tăng ghi nhớ cho. (Nói như vậy ba lần, rồi tiếp). Tôi xin tùy thuận làm bảy việc.

Thế rồi, người này nên nhớ đếm từng ngày, khi làm đủ, nên bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm mười đêm Biệt trụ xong, xin Tăng ghi nhớ cho. (Nói như vậy ba lần).

Nếu nơi đây Tăng chúng đủ số thì nên hành Ma-na-đỏa. Nếu không đủ thì nên xin nơi nào Tăng đủ số, rồi mời một Tỳ-kheo thông thạo yết-ma mà mình tâm đắc, đưa đến giới trường. Nếu không có giới trường, không có đất làm yết-ma thì việc của Tăng không làm được. Đất làm yết-ma như trên đã

nói.

Rồi người làm yết-ma nên hỏi: "Hành Biệt trụ đủ chưa? Không làm Biệt trụ tại già-lam không có Tăng đấy chứ? Không phạm tội cũ và tội trung gian đấy chứ? Không ở cùng một phòng, một nơi được che kín với Tỳ-kheo đấy chứ? Khách Tỳ-kheo đến có bạch không? Khi Tăng tập họp đúng thời và phi thời có bạch không?". Khi kiểm tra như vậy mà thấy đúng pháp, thì nếu phạm một tội, hai tội, ba tội cho đến mười tội, nên hợp lại xin (một lần) Ma-na-đỏa. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong - theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã hành xong Biệt trụ, muốn theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như thế.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin Tăng như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ, và tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, nay theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Kính mong Tăng xót thương cho tôi tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. (Xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu mười đêm, làm Biệt trụ xong tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp tất cả sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp

phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp-phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, làm xong Biệt trụ tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi yết-ma xong, ngay trong ngày ấy nên vào trong Tăng, bạch như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa.

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong Biệt trụ, tổng hợp làm sáu đêm Ma-na-đỏa, xin Tăng ghi nhớ cho. (Nói như thế ba lần rồi tiếp). Tôi xin tùy thuận làm bảy việc. (Nói như thế ba lần).

Đến ngày thứ hai, nên bạch như sau:

- Thưa Đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong một đêm Ma-na-đỏa, còn lại năm đêm, xin Tăng ghi nhớ cho. (Nói như vậy ba lần).

Thế rồi hằng ngày nên bạch như thế, cho đến đêm thứ sáu nên bạch như sau:

- Thưa Đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm. Tôi đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, giờ đến lúc xuất tội, xin Tăng ghi nhớ cho.

Nếu nơi đây Tăng đủ số thì nên mời một vị thông thạo yết-ma rồi

bạch như sau: "Thưa Trưởng lão, xin Trưởng lão làm yết-ma cho tôi".

Người làm yết-ma nên hỏi: "Khi hành Ma-na-

đỏa Tăng không thiếu túc số đấy chứ? Ma-na-đỏa đã rốt ráo chưa? Có phạm lại tội cũ và tội trung gian không? Không ở với Tỳ-kheo cùng một phòng, một nơi có ngăn che đấy chứ? Khi Tỳ-kheo khách đến có bạch không? Khi Tăng tập họp đúng thời và phi thời có bạch không? Hằng ngày có bạch với Tăng trong trú xứ không?". Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp thì người làm yết-ma nên bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, tổng hợp làm Biệt trụ và Ma-na-đỏa xong theo Tăng xin tổng hợp xuất tội.

Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, đến trước Tăng xin như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh cho đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho tôi mười đêm Biệt trụ. Tôi đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đỏa. Tôi đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa. Nay theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Kính mong Tăng xót thương cho tôi xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. (Xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa, đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười, tất cả đều che giấu

mười đêm, đã tổng hợp làm xong Biệt trụ và Ma-na-đỏa - tổng hợp xuất tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã theo Tăng xin tổng hợp mười đêm Biệt trụ. Tăng đã cho mười đêm Biệt trụ. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong mười đêm Biệt trụ, và đã theo Tăng xin tổng hợp sáu đêm Ma-na-đỏa. Tăng đã cho sáu đêm Ma-na-đỏa. Tỳ-kheo Mỗ giáp đã làm xong sáu đêm Ma-na-đỏa và đã theo Tăng xin tổng hợp xuất tội về các tội đã che giấu mười đêm. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, từ tội cố ý xuất tinh đến tội thứ mười tất cả đều che giấu mười đêm, đã tổng hợp làm xong mười đêm Biệt trụ và sáu đêm Ma-na-đỏa tổng hợp xuất tội. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - phạm mười tội Tăng-già-bà-thi-sa, che giấu mười đêm, đã làm xong mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa tổng hợp xuất tội thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp mười đêm che giấu, tổng hợp tất cả mười đêm Biệt trụ và Ma-na-đỏa xuất tội xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, người làm yết-ma xoay qua nói với người phạm tội: “Thiện nam hãy lắng nghe. Thầy

đã được xuất tội đúng pháp, một lần bạch, ba lần yết-ma, chúng Tăng đủ hai mươi người hòa hợp. Việc tập hợp Tăng làm yết-ma rất khó khăn. Thầy phải cẩn thận, chớ có tái phạm".

Đó gọi là Biệt trụ, Ma-na-đỏa và xuất tội thuộc về Tỳ-kheo, đã xong.

VIỆC NÊN LÀM YẾT MA (438c) VÀ KHÔNG NÊN LÀM YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nước Chiêm-ba tranh chấp cãi vã nhau, sống không hòa hợp.

Một người cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở nước Chiêm-ba sống phi pháp. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo".

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

Có bốn pháp yết-ma. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Yết-ma phi pháp, không hòa hợp.
2. Yết-ma phi pháp hòa hợp.
3. Yết-ma như pháp không hòa hợp.
4. Yết-ma như pháp hòa hợp.

1. Yết-ma phi pháp không hòa hợp:

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma hàng phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma hàng phục, rồi không tùy thuận làm mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là phi pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không nói.

Hai trường hợp trên được gọi là yết-ma phi pháp không hòa hợp.

2. Yết-ma phi pháp hòa hợp:

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma hàng phục. Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo không có việc gì mà Tăng làm yết-ma hàng phục, rồi không tuân hành mà cho xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là phi pháp nên không ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma phi pháp hòa hợp.

3. Yết-ma như pháp không hòa hợp:

Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma hàng phục. Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên

ngăn cản. Các Tỳ-kheo không đến mà không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Tỳ-kheo có việc nên Tăng làm yết-ma hàng phục, tùy thuận chấp hành và được xả (tội). Các Tỳ-kheo không biết là đúng pháp nên ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến mà không gởi dục, còn người nhận dục đến thì không trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma như pháp không hòa hợp.

4. Yết-ma như pháp hòa hợp:

Tỳ-kheo có tội, Tăng làm yết-ma hàng phục. Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Tỳ-kheo có việc, Tăng làm yết-ma hàng phục, tùy thuận chấp hành rồi được xả (tội). Các Tỳ-kheo biết là đúng pháp nên không ngăn cản. Những Tỳ-kheo không đến thì gởi dục, còn người nhận dục đến thì trình bày.

Hai trường hợp trên đều gọi là yết-ma như pháp hòa hợp.

Ở đây, yết-ma như pháp hòa hợp thì gọi là yết-ma thích hợp.

Ngoài ra, các yết-ma khác thì không thích hợp.

Lại có yết-ma không thích hợp:

Tỳ-kheo không có việc đáng hàng phục mà làm yết-ma hàng phục. Các Tỳ-kheo biết là phi pháp

nên ngăn cản. Đương sự không hiện diện, không hỏi, không dẫn chứng lỗi lầm, làm phi pháp không hòa hợp, chúng không thành tựu, bạch không thành tựu, yết-ma không thành tựu. Nếu mỗi một việc nào không thành tựu thì gọi là yết-ma không thích hợp.

Nếu tùy thuận làm xong thì nên xả. Xả có sáu việc:

1. Làm yết-ma hàng phục.
2. Làm yết-ma không nói chuyện.
3. Làm yết-ma tẫn xuất.
4. Làm yết-ma phát hỷ.
5. Làm yết-ma cử tội.
6. Làm yết-ma Biệt trụ, Ma-na-đỏa.

1. *Làm yết-ma hàng phục:* Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo. Việc thuộc Tỳ-kheo-ni. Việc thuộc quyến thuộc. Việc thuộc Yết-ma. Việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên nói: "Này Trưởng lão, thầy chớ có tái phạm. Nếu tái phạm thì Tăng sẽ trị phạt nặng hơn. Năm việc này nên tùy thuận làm tất cả". Khi làm xong, tâm ý đã được hàng phục nhũn nhặn thì Tăng nên cho yết-ma xả (tội). Đó gọi là xả tác (Không làm nữa).

2. *Làm yết-ma không nói chuyện:* Nên tùy thuận làm năm việc: Việc thuộc Tỳ-kheo. Việc thuộc Tỳ-kheo-ni. Việc thuộc quyến thuộc. Việc

thuộc yết-ma. Việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên tùy thuận làm năm việc trên. Tuy người một trăm tuổi cũng phải theo y chỉ với vị Tỳ-kheo trì giới, biết hai bộ luật, ít nhất mười tuổi (hạ). Sáng sớm

thức dậy phải vấn an, đem đổ bô đại tiểu tiện, ống nhổ, rồi cất lại chỗ cũ, đưa đồ chà răng, quét phòng, đưa thức ăn, giặt y, hong bát; cung cấp tất cả mọi thứ, chỉ trừ việc lễ bái, xoa bóp. Nhưng nếu thầy y chỉ bệnh thì được sai xoa bóp. Thầy y chỉ nên dạy hai bộ luật. Nếu không có khả năng thì dạy một bộ. Nếu không có khả năng nữa, thì nên dạy rõ về năm thiên tội, nên dạy cho biết rõ về ấm, giới, nhập, mười hai nhân duyên, nên dạy cho biết thế nào là tội, thế nào là không phải tội, khi thấy có oai nghi nên khích lệ, trái oai nghi nên ngăn cản. Nếu học xong thì được gọi là xả.

3. *Làm yết-ma tẫn xuất:* Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo, cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên cho ở bên cạnh Tăng-già-lam, để tùy thuận làm năm việc. Nếu mỗi mỗi việc đều làm đúng pháp xong thì nên cho xả tội. Đó gọi là xả tẫn xuất.

4. *Làm yết-ma phát hỷ:* Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua. Khi làm yết-ma xong, nên sai đến nhà thế tục mà đương sự đã sai phạm xin lỗi. Nếu người thế tục hỏi: "Tôn giả vẫn còn ở Tinh xá cũ sao?

Tôi sẽ cắt đứt thực phẩm, y phục, tiền bạc và các phẩm vật khác tại nơi đó", thì Tăng nên nói (Với người phạm lỗi): "Đây không phải là lỗi của Tăng, thầy nên trở lại chỗ người ấy làm cho họ nguôi giận, khiến họ vui vẻ". Nếu người ấy hoan hỷ thì gọi là xả.

5. *Làm yết-ma cử tội:* Nên tùy thuận làm năm việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo đến việc thuộc nhà vua. Sau khi làm yết-ma xong, nên an trí tội nhân ở ngoài cửa Tăng già-lam, hướng về nơi hoang vắng. Nếu người ấy vào quét tước nơi Tháp, Viện, tăng phòng, thì Tỳ-kheo nên quét dấu chân của họ. Nếu người ấy đến múc nước đổ vào thùng nước dùng rửa chân, thùng nước dùng đi đại tiểu tiện thì nên múc đổ ra. Nếu là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì không được gọi là đệ tử của Hòa thượng, A-xà-lê. Không ai nên nói chuyện với người bị cử tội, chỉ nên nói với những người khác: "Hãy tùy thuận làm, hãy bỏ ác tà" nhưng không nên nói chuyện với Tỳ-kheo ác tà, không nên sống chung, không nên cùng ăn chung, không nên cùng sinh hoạt chung trong Phật, Pháp, Tăng, không Bố-tát chung, không Tự túc chung, không yết-ma chung; có thể nói với ngoại đạo: "Ông muốn ngồi cứ ngồi", mà không được bảo người bị cử tội ngồi. Nếu người ấy bị bệnh thì không nên chăm sóc, nhưng được bảo đàn-việt hay thân quyến của người ấy: "Người bị cử tội đang lâm bệnh, ông hãy

đến chăm sóc". Nếu vô thường (sự chết) xảy đến thì không nên dùng hương hoa cúng dường tử thi, không nên sắm các thứ ẩm thực, nước uống phi thời để cúng dường. Tăng không nên chia y bát, không nên cho thiêu thân, lấy y bát buộc vào cổ tử thi, đặt tử thi trên giường mà ông ta ngủ rồi khiêng ra ngoài, nói: "Việc của chúng Tăng đã thanh tịnh, việc của chúng Tăng đã thanh tịnh". Đối với Tỳ-kheo ác tà này không nên khởi ác tâm. Vì sao vậy? Vì dù bị thiêu đốt (?) cũng không nên khởi tâm ác. Nên suy nghĩ thế này: "Đừng để cho người đời sau bắt chước theo tà kiến này". Nếu những kẻ chăn bò, những người đi lấy củi đem y bát (của người ấy) đến cúng dường thì được lấy, vì xem họ là thí chủ.

Nếu người bị cử tội tùy thuận làm năm việc, được chánh kiến, tâm ý nhu hòa thì nên cho họ xả tội. Tỳ-kheo hành Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa nên tùy thuận làm bảy việc, từ việc thuộc Tỳ-kheo cho đến việc thuộc nhà vua, đã được giải thích rõ ở trên. Đó gọi là xả (tội).

LÀM THA LA THA (Giải quyết việc bất hòa)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

- Chị ở trong thôn này hãy chăm sóc khách Tăng giúp tôi.

Khi thấy các Tỳ-kheo ở nước Chiêm-ba đến, bà rất hoan hỷ, niềm nở chào hỏi:

- Lành thay các Đại đức đã đến đây.

Thế rồi, bà trải giường nệm, mời chư Tăng đến ngồi. Khi Tăng ngồi xong, bà đưa nước rửa chân, dầu thoa chân, nước giải khát, ban đêm bà đốt đèn, đoạn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay, nói như sau: "Xin đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến thọ trai".

Chư Tăng liền nhận lời mời. Bỗng chốc, chúng thứ hai lại đến, bà lại trải giường nệm, mời họ vào ngồi, rồi đưa nước rửa chân, dầu thoa chân và nước giải khát, đoạn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quỳ gối chắp tay, nói như sau: "Xin Đại đức Tăng nhận lời mời của con ngày mai đến nhà con thọ trai". Chúng này nói:

- Chúng tôi không ăn chung với những người ấy.
- Vì sao vậy?
- Vì họ là những người bị cử tội. Các Tỳ-kheo ấy nói:
- Chúng tôi không phải là những người bị cử tội. Chúng Tăng kia lại nói:
- Các ông là những người bị cử tội, tại sao bảo là không?

Cứ như vậy cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử, khiến cho những người thế tục ở gần đó sinh tâm không vui. Bà chị ông cư sĩ nghe thế, liền trách cứ:

- Vì sao Sa-môn lại cãi nhau suốt đêm về việc bị cử hay không bị cử.

Rồi bà thấy lòng không vui. Do thế, buổi sáng, bà không cho bữa ăn trước, bữa ăn sau, rồi lên xe ngựa đi về thành Xá-vệ, đến chỗ cư sĩ Tu Đạt, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến việc bà không thếch đãi. Cư sĩ nghe rồi, lòng bồi hồi không vui, nói với chị:

- Đấy là việc ác, cứ cho (họ ăn), vì sao lại không cho? Việc đúng pháp hay phi pháp là chuyện của Sa-môn (chứ can hệ gì!).

Thế rồi, Tu Đạt bèn đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi sang một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên, cho đến bị cử, không bị cử cho Thế Tôn nghe, rồi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con phải cung kính cúng dường như thế nào đối với những người vị cử, kính xin Thế Tôn phân biệt dạy rõ?

Phật nói với cư sĩ:

- Đúng nghĩa nên biết, không đúng nghĩa cũng nên biết, đúng pháp, phi pháp, đúng luật, phi luật đều nên biết. Trong đây những ai làm đúng nghĩa, như pháp, như luật nên cung cấp. Nếu không có

phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp bằng sức lực. Này cư sĩ, chỉ nên bố thí làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì để các Sa-môn tự biết lấy.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con phải làm sao...?

Cuối cùng Phật dạy: "Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng sức lực".

Bấy giờ, tôn giả A-nan, Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cũng hỏi như thế.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo bị cử tội chúng con làm sao biết được?

Cho đến (Phật dạy:) "Nếu không có phương tiện thì đối với những Tỳ-kheo bị cử nên giúp họ bằng công việc".

Thế rồi, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Tha-la-tha? Phật nói với Xá-lợi-phất:

- Có bảy việc, bao gồm chẳng phải Tha-la-tha mà tợ hồ Tha-la-tha và nhị Tha-la-tha. Bảy việc đó là: Hoặc do điên cuồng nên không bênh vực chúng này cũng không bênh vực chúng kia. Đó là Tha-la-tha sớm nhất, thuộc loại không phải Tha-

la-tha mà tợ hồ Tha-la-tha. Cũng thế, hoặc do tâm loạn, đần độn, ngu si, bị bệnh nên không bênh vực chúng này hay chúng kia.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có người vì muốn lợi ích, nên suy nghĩ:

- Nếu ta bênh vực chúng này thì chúng kia mất lợi ích. Nếu ta bênh vực cho chúng kia thì chúng này mất lợi ích.

Do đó, cả hai đều không bênh vực.

Lại nữa, có người vì được lợi ích cả hai bên nên suy nghĩ: "Vì ta được lợi cả hai bên nên không bênh vực chúng này, cũng không bênh vực chúng kia".

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là bảy việc, không phải Tha-la-tha mà tợ Tha-la-tha.

Nhị tha-la-tha: Gồm có: Tự giữ lòng mình, đợi thời gian.

Tự giữ lòng mình: Khi thấy người ta thị phi, liền suy nghĩ: "Do nghiệp vận hành, ai làm nấy biết. Ví như khi bị lửa cháy, ta chỉ lo tự cứu mình, hơi đâu lo việc người khác". Đó gọi là tự giữ lòng mình.

Đợi thời gian: Có người khi thấy kẻ khác tranh chấp cãi nhau, liền suy nghĩ: "Việc tranh chấp cãi vã này khi nào đến lúc, nó sẽ tự kết thúc".

Đó gọi là Nhị tha-la-tha.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Trung tha-la-tha? Phật nói với Xá-lợi-phất:

- Có một người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng kia, rồi được mời đứng ra giải quyết việc (tranh chấp).

Lại nữa này Xá-lợi-phất, có người cùng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng này, đồng thời cũng hưởng chung pháp vị và thức ăn với chúng kia, người ta không mời mà đứng ra giải quyết việc tranh chấp. Đó gọi là Trung Tha-la-tha.

Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Tha-la-tha muốn xử lý Tỳ-kheo bị cử thì phải làm sao?

Phật nói với Xá-lợi-phất:

- Nếu người bị cử tỏ ra tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa mà mình muốn xử lý họ thì không nên xử lý vào lúc Tăng tập hợp đúng thời và phi thời mà trước hết nên vào nơi phòng riêng hay tại phòng sưởi, trên giảng đường, hay tại chỗ đông người tụ tập, hỏi Tỳ-kheo trẻ tuổi:

- Trưởng lão có nghe Hòa thượng A-xà-lê của thầy nói: "Nếu trung gian có người đứng ra giải quyết, thì người bị cử nên nghe lời", hay không? Nếu đáp:

- Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng nếu người bị cử tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa mà

có người còn moi móc thì phải trừng trị người này.

- Nếu nghe nói như thế thì cứ làm thinh để yên. Còn nếu đáp:

- Tôi nghe Hòa thượng A-xà-lê nói rằng người bị cử tội đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa đáng thương mà không có ai giúp giải quyết.

Khi nghe nói như thế thì này Xá-lợi-phất, không được cố ý tập họp chúng, mà hãy nhân lúc chúng tập họp đúng thời hay phi thời, hoặc vào những ngày Bố-tát, Tự tứ, người bị cử nên đến trước Tăng xin như sau:

- Tôi là Tỳ-kheo bị cử tội đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa, xin xả (tội) cho tôi.

Nói như thế ba lần, rồi đi ra. Nhưng lúc đi ra, không được im lặng mà nên trịch vai áo bên phải, chắp tay lại mà đi. Nếu trong chúng có người còn bới móc thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên hỏi:

- Này Trưởng lão, người này vốn do việc gì mà bị cử tội?

Nếu có người trách: "Người này bị cử tội mà vì sao không biết?", thì nên phối hợp trị tội cả hai. Còn nếu nghe mình chất vấn mà im lặng, hay nói: "Thưa Trưởng lão! Người này bị cử tội, đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa mà không có người giúp giải quyết xả tội", thì Tỳ-kheo Tha-la-tha nên nói: "Thưa Trưởng lão! Đức Thế Tôn dạy rằng có hai hạng người cương cường, chưa trị thì nên trị,

đã trị mà tâm nhu hòa thì nên xả”.

Nếu trường hợp được Tăng chúng đồng tình thì nên làm yết-ma cầu thính, khi đã cho phép xin thì người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp muốn theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin như sau:

- Thưa Đại đức Tăng, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp có việc như thế, Tăng vì muốn được lợi ích đã làm yết-ma cử tội. Tôi đã tùy thuận chấp hành, tâm nhu hòa, bỏ ác kiến cũ, nay theo Tăng xin bỏ pháp yết-ma cử tội. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma bỏ việc cử tội. (Xin như vậy ba lần)

Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp có tội như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu hòa, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng

xin phép yết-ma bỏ việc cử tội. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp có việc như thế, Tăng muốn được lợi ích nên đã làm yết-ma cử tội. Vị ấy đã tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu hòa, bỏ ác kiến cũ, đã theo Tăng xin pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp yết-ma bỏ việc cử tội, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là tha-la-tha.

DỊ TRỤ (Phá Yết-ma Tăng).

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, cư sĩ Tu Đạt nói với người chị:

- Chị ở thôn này, vậy khi có khách Tăng đến nhờ chị cung cấp giúp cho tôi.

Thế rồi, các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba đến. Thấy họ, bà hoan hỷ mời vào chỗ ngồi, rồi tùy nghi cung cấp. Đoạn, bà quỳ gối chắp tay thưa:

- Kính xin các Đại đức ngày mai đến thọ bữa cúng dường của con.

Trong chốc lát, chúng thứ hai lại đến, bà cũng mời vào nhà ngồi, rồi cung cấp các thứ, đồng thời mời họ ngày mai thọ trai. Chúng này nói:

- Chúng tôi không ăn chung với những người ấy. Bà hỏi:

- Vì cớ sao? Họ đáp:

- Vì những người ấy phá Tăng. Chúng này liền đáp:

- Chúng tôi không phá Tăng. Chúng kia nói lại:

- Các vị phá Tăng thật, vì sao nói là không? Cứ như thế cãi nhau suốt đêm, khiến những người thế tục ở gần nghe xong phát chán. Bà chị ông cư sĩ không vui, nên không cung cấp thứ gì cả. Sáng sớm bà thức dậy, ngồi xe ngựa trở lại thành Xá-vệ, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Tu Đạt. Cư sĩ nghe xong, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, đem việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn, rồi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con có nên cung kính cúng dường hay không, kính xin Thế Tôn phân biệt chỉ rõ?

Phật nói với cư sĩ:

- Những người hợp nghĩa nên biết, những người không hợp nghĩa cũng nên biết, như pháp, phi pháp, như luật, phi luật, tất cả đều nên biết.

Trong đây, những ai hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung. Này cư sĩ, chỉ nên bố thí, làm các công đức, còn việc đúng pháp hay phi pháp thì mặc Sa-môn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Đại-ái-đạo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng này chúng con làm sao biết được?

Như ở trên đã nói rõ.

Khi ấy, Tôn giả A-nan, Xá-lợi-phất và Ưu-ba-ly đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những người phá Tăng chúng con làm sao biết được?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Những ai hợp nghĩa nên biết, không hợp nghĩa cũng nên biết, hoặc như pháp phi pháp, đúng luật phi luật, đều nên biết. Trong đây, những người hợp nghĩa, như pháp, như luật thì nên cung cấp. Nếu không có phương tiện thì đối với những người phá Tăng nên cho họ ở chung.

Thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phá Tăng? Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Có hai việc gọi là phá Tăng. Đó là:

1. Thêm pháp ác.
2. Thêm người ác.

- Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Chúng như pháp đông người, chúng phi pháp ít người, có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Chúng phi pháp đông người, chúng như pháp hoặc thiếu mười người, hoặc thiếu mười lăm người, có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Chúng phi pháp đủ người, chúng như pháp cũng đủ người, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà trong số những người còn ngồi lại tất cả đều nói đúng pháp, có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà trong đó tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, thì có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, rồi miễn cưỡng đem những

người chưa thọ cụ túc vào cho đủ số, thì có gọi là phá Tăng không?

- Không.

- Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, nhưng nếu thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi, không gởi dục, cũng không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem những người chưa thọ cụ túc vào cho đủ số, nhưng tất cả đều muốn phá Tăng, thì có gọi là phá Tăng không?

- Không. Này Ưu-ba-ly! Nếu chúng phi pháp đủ số, chúng như pháp cũng đủ số, hoặc thiếu mười, mười lăm người, mà tất cả những người nói đúng pháp không ngồi lại, không gởi dục, không cho biết là mình không bằng lòng, không miễn cưỡng đem người chưa thọ cụ túc vào tính cho đủ số, cũng không phải tất cả đều muốn phá Tăng; nhưng nếu một trú xứ, cùng một cương giới mà Bố-tát riêng, tự tứ riêng, làm việc tăng riêng, thì gọi là phá Tăng. Nếu biết người kia muốn phá Tăng, thì các Tỳ-kheo nên khuyên: "Này Trưởng lão! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là tội rất nặng, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho thầy y bát, trao cho kinh, dạy kinh, hỏi han công việc, chỉ bảo thầy". Nếu đã khuyên như thế mà vẫn cố tình không bỏ thì nên nói với người Ưu-bà-tắc có thế lực: "Này lão trượng! Người này

muốn phá Tăng. Ông nên đến khuyên để ông ta hiểu, bảo phải chấm dứt".

- Thế rồi, Ưu-bà-tắc nên khuyên:

- Này Tôn giả! Thầy đừng phá Tăng, phá Tăng là trọng tội, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục. Tôi sẽ cho Tôn giả y bát và cung cấp thuốc thang chữa bệnh. Nếu không thích tu phạm hạnh nữa thì có thể hoàn tục. Tôi sẽ cưới vợ cho thầy và cung cấp những thứ cần thiết.

- Nếu vẫn cố tình không chấm dứt thì nên rút thăm rồi đuổi đi. Đuổi rồi cần phải tuyên bố như sau:

- Này các Đại đức! Có người phá Tăng đến đấy, các vị nên coi chừng.

Nếu đã làm đủ cách như vậy mà vẫn cố tình phá Tăng thì gọi là phá Tăng. Nhưng nếu bố thí cho họ thì gọi là việc phước điền tốt. Nếu thọ giới với họ thì gọi là khéo thọ cụ túc. Nếu đã biết họ phá Tăng thì nên bỏ đi. Nếu không bỏ đi tức là bạn của kẻ phá Tăng, là bè đảng phá Tăng. Do thế, Tăng suốt đời không nên cùng nói chuyện với họ, không cùng ăn chung, không cùng sinh hoạt chung trong Phật Pháp Tăng, không Bố-tát, an cư, Tự tứ chung và không làm yết-ma chung.

Có thể nói với những người xuất gia của ngoại đạo:

- Có các chỗ ngồi, các vị muốn ngồi cứ ngồi.

Nhưng không được mời những người phá Tăng ngồi. Đó gọi là dị trụ.

CHO PHÁP HỌC HỐI BA-LA-DI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong

thành Xá-vệ có Nan-đề không thích sống ở nhà, bỏ nhà xuất gia, đi cũng thiền, đứng cũng thiền, ngồi cũng thiền, nằm cũng thiền. Lúc ấy cũng có nhiều người khác tên là Nan-đề, nhưng chỉ có người này được gọi là Thiền Nan-đề, như trong giới Ba-la-di đã nói rõ. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đuổi đi. Sau khi bị đuổi, thầy ra đứng trước cổng Tinh xá Kỳ-hoàn khóc lóc, nói với Tỳ-kheo:

- Thưa Trưởng lão, tôi phạm giới Ba-la-di, nhưng không có một chút tâm ý che giấu. Tôi thích mặc ca-sa, không muốn rời bỏ pháp Phật.

Thế rồi, mẹ của Nan-đề đến, cũng khóc, nói:

- Con tôi thích xuất gia nhưng Đức Thế Tôn đuổi đi. Rồi chị Nan-đề đến, cũng khóc, nói:

- Em tôi thích làm Sa-môn mà Thế Tôn đuổi đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Ông Nan-đề này phạm giới Ba-la-di nhưng không hề có một chút tâm niệm che giấu, vậy, Tăng nên cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di.

Người này nên trịch vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, theo Tăng xin như sau:

- Thưa Đại đức Tăng! Tôi là Nan-đề, phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu. Nay theo Tăng xin pháp học hối Ba-la-di. Kính mong Tăng xót thương cho tôi pháp yết-ma học hối Ba-la-di. (Xin như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Nan-đề phạm giới Ba-la-di mà không có một chút tâm niệm che giấu, đã theo Tăng xin pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Tăng nay cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Nan-đề pháp yết-ma học hối Ba-la-di xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này nên ngồi dưới tất cả Tỳ-

kheo, ngồi trên tất cả Sa-di, không được ngủ cùng phòng với Tỳ-kheo quá ba đêm, cũng không được ngủ với Sa-di quá ba đêm. Những món ăn nào không hợp pháp đối với Tỳ-kheo, thì với vị này cũng không hợp pháp. Những món ăn nào không hợp pháp đối với vị này, thì với Tỳ-kheo cũng không hợp pháp. Vị này được Tỳ-kheo trao cho thức ăn, ngoại trừ năm thứ thực vật hỏa tịnh và vàng bạc. Vị này được theo Sa-di nhận thức ăn. Tỳ-kheo không được nói với vị này về giới bản, về tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, cho đến tội Việt-tỳ-ni. Nhưng được nói:

- Không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối, không được uống rượu, tất cả đều được dạy bảo như thế.

Nếu trước đó là người tụng giới thì (giờ đây) không được tụng lớn tiếng.

Nếu tôn kính pháp thì được tụng thầm. Tăng không được cho Bố-tát, tự tứ. Vào ngày Bố-tát, tự tứ, vị này nên vào giữa Tăng nói như sau:

- Tôi thanh tịnh, xin Tăng ghi nhận cho.

Nói như vậy ba lần rồi lui ra. Trong bốn giới Ba-la-di, nếu vị này vi phạm thì phải đuổi đi; còn các giới Tăng-già-bà-thi-sa trở xuống mà phạm thì tất cả đều cho sám hối tội Đột-cát-la.

Đó gọi là cho pháp yết-ma học hối Ba-la-di.

TÙY THUẬN HÀNH MÍCH TỘI TƯỚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà thường phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng tập họp định làm yết-ma thì Thi-lợi-da-bà không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi:

- Trưởng lão! Chúng Tăng tập họp định làm yết-ma vì sao không đến?

Thi-lợi-da-bà nói: "Ắt hẳn Tăng vì ta mà làm yết-ma chứ gì", liền cảm thấy trong lòng hoảng sợ, rồi đi đến. Các Tỳ-kheo hỏi:

Trưởng lão! Thầy phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa phải không? Thầy đáp: Phạm.

Rồi, trong lòng sinh hoan hỷ, thầm nghĩ:

Các vị phạm hạnh khởi tâm từ đối với ta, nêu ra tội có thể sám hối, chứ không phải không thể sám hối.

Liền bạch:

- Cho tôi ra ngoài một lát.

Sau khi thầy ra rồi, các Tỳ-kheo bàn nhau:

- Vị Tỳ-kheo này khinh suất, không quyết định, đi rồi, lát nữa thế nào cũng nói dối, cần phải hỏi

lại ba lần cho chắc chắn rồi mới làm yết-ma.

Thi-lợi-da-bà ra ngoài rồi suy nghĩ: "Vì sao ta lại nhận tội ấy? Các Tỳ-kheo thường thường trị tội ta, ta không nên nhận".

Các Tỳ-kheo liền gọi Thi-lợi-da-bà vào, rồi hỏi:

- Thầy có phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thật không?

- Không phạm.

- Vì sao lúc ở giữa Tăng thầy nói có tội đó, mà giờ lại bảo là không phạm?

- Tôi không nhớ việc đó.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thi-lợi-da-bà đến. Khi thầy đến, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Ông Thi-lợi-da-bà này lúc ở giữa Tăng nói là thấy tội, rồi lại nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, còn nói rằng không nhớ. Vậy Tăng nên làm yết-ma mích tội tướng (Tìm dấu vết của tội).

Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói không nhớ. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Thi-lợi-

da-bà pháp yết-ma mích tội tướng. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Thi-lợi-da-bà khi ở giữa Tăng thấy tội thì nói là không thấy, không thấy lại nói là thấy, rồi nói mình không nhớ. Tăng nay cho pháp yết-ma mích tội tướng. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mích tội tướng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Thi-lợi-da-bà pháp yết-ma mích tội tướng, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này suốt đời nên làm tám việc sau đây:

1. Không được độ người.
2. Không được cho người thọ cụ túc.
3. Không được cho người y chỉ.
4. Không được nhận sự cung cấp và xoa bóp của Tỳ-kheo.
5. Không được làm sứ giả cho Tỳ-kheo.
6. Không được nhận Tăng sai theo thứ tự.
7. Không được làm người thuyết pháp cho Tăng.
8. Suốt đời không cho xả tội.

Khi Tăng hòa hợp làm yết-ma mích tội tướng xong thì phải thi hành tám việc này suốt đời mà

không được bỏ. Đó gọi là Mích tội tướng tùy thuận làm.

Kệ tóm tắt:

"Cử yết-ma, Biệt trụ,
Ma-na-đỏa, xuất tội.
Nên, không nên tùy thuận,
Tha-la-tha, dị trụ.
Học hối, Mích tội tướng,
Kết thúc phẩm thứ hai".

VIỆC CỬ TỘI (NÊU TỘI)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba tranh chấp, cãi vã nhau, sống không hòa hợp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo nêu tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo, nói như sau:

- Tôi nêu tội Trưởng lão, tôi nêu tội Trưởng lão.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba khởi lên việc phi pháp. Một Tỳ-kheo nêu tội một Tỳ-kheo, cho đến nhiều Tỳ-kheo nêu tội nhiều Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn! Có bao nhiêu việc thì Tỳ-kheo được nêu tội người khác?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Khi có ba việc, ba nhân duyên thì Tỳ-kheo

được nêu tội người khác.

Thế nào là ba việc? Đó là: Giới không thanh tịnh, kiến không thanh tịnh, mạng không Thanh tịnh.

Thế nào là ba nhân duyên? Đó là: Thấy, nghe và nghi. Đó gọi là ba.

Lại nữa, khi bản thân Tỳ-kheo thành tựu năm pháp thì được nêu tội người khác. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. Sự việc có thật không hư dối.
2. Nói đúng lúc, không phải không đúng lúc.
3. Vì lợi ích, không phải không lợi ích.
4. Nói nhỏ nhẹ, không nói thô lỗ.
5. Vì lòng từ, không phải vì giận dữ. Đó gọi là năm pháp được nêu tội người khác.

Lại nữa, thành tựu năm pháp, được nêu tội người khác. Thế nào là năm? Đó là:

1. Thân nghiệp thanh tịnh.
2. Khẩu nghiệp thanh tịnh.
3. Mạng sống chân chánh.
4. Am tường luận tạng.
5. Thông thạo Luật tạng.

Này Ưu-ba-ly, nếu thân nghiệp không thanh tịnh mà nêu tội người khác, thì người đó nên nói:

- Này Trưởng lão! Thân nghiệp thầy không thanh tịnh, vì sao nêu tội người khác? Trước hết nên làm

cho thân nghiệp mình thanh tịnh rồi mới nêu tội người khác.

Thế nên, này Ưu-ba-ly, muốn nêu tội người khác, trước hết thân nghiệp mình phải thanh tịnh, khẩu nghiệp phải thanh tịnh, và mạng sống phải chân chánh. Nếu người nào ít nghe luận điển mà cử tội người khác thì người đó nên nói:

- Này Trưởng lão! Vì sao thầy ít nghe luận điển mà cử tội người khác? Lành thay Trưởng lão, trước hết thầy hãy nghe nhiều luận điển rồi mới cử tội người khác.

Thế đó Ưu-ba-ly, khi muốn nêu tội ai, trước hết mình phải nghe nhiều luận điển. Nếu ít nghe Luật tạng mà muốn nêu tội người khác thì người ấy nên nói:

- Này Trưởng lão! Vì sao thầy ít nghe Luật tạng mà nếu tội người khác? Trưởng lão cũng không biết do việc gì mà chế giới này, tại thành ấp xóm làng quốc gia nào chế giới này. Lành thay Trưởng lão! Khi muốn nêu tội ai, trước hết thầy phải nghe nhiều Luật tạng rồi mới nêu tội họ.

Thế nên, này Ưu-ba-ly! Khi muốn nêu tội ai, trước hết phải nghe nhiều Luật tạng.

Đó gọi là bản thân mình phải thành tựu năm pháp, mới được nêu tội người khác.

Lại nữa, này Ưu-ba-ly, có năm trường hợp nêu tội người phi pháp.

Thế nào là năm? Đó là:

1. Có trường hợp mắng rồi mới nêu tội.
2. Có trường hợp nêu tội rồi mới mắng.
3. Có trường hợp vừa nêu tội, vừa mắng.
4. Có trường hợp mắng mà không nêu tội.
5. Có trường hợp nêu tội mà không mắng.

1. *Mắng rồi mới nêu tội:* Trước tiên mắng xối xả rồi mới nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội. Đó gọi là mắng rồi mới nêu tội.

2. *Nêu tội rồi mới mắng:* Trước hết nêu ra một tội nào đó trong năm Thiên tội, rồi mới mắng. Đó gọi là nêu tội rồi mới mắng.

3. *Vừa nêu tội vừa mắng:* Mắng xối xả, rồi nói: "Ông phạm Ba-la-di". Mắng xối xả, rồi nói: "Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa cho đến tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là vừa nêu tội vừa mắng.

4. *Mắng mà không nêu tộ*i: Mắng nhiếc đủ thứ mà không nêu tội. Đó gọi là mắng mà không nêu tội.

5. *Nêu tội mà không mắng:* Nêu một tội nào trong năm Thiên tội mà không mắng mỏ? Đó gọi là nêu tội mà không mắng.

Trong đây, các trường hợp trước mắng rồi sau nêu tội; nêu tội rồi mới mắng; vừa nêu tội vừa mắng thì Tăng không nên hỏi, không nên chấp nhận. Trái lại, trường hợp nêu tội mà không mắng thì Tăng nên kiểm tra.

Khi muốn nêu tội ai, trước hết nên nói:

- Này Trưởng lão! Tôi muốn nêu một sự việc thầy có chịu nghe không?

Bị cáo nên nói:

- Thầy muốn nêu tội thì được thôi.

Nếu không hỏi bị cáo có chịu nghe không mà nêu tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì sự lợi ích, nói thô lỗ không nhỏ nhẹ, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì sự lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, mình không thấy, không rõ sự thật, không đúng lúc, không vì lợi ích, nói thô lỗ không dịu dàng, giận dữ, không có lòng từ mà nêu tội người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Này Ưu-ba-ly, nếu bị cáo có giới thể không thanh tịnh mình thấy đúng sự thật, vì lợi ích, nói

dịu dàng không thô lỗ, có tâm từ, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về việc nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có kiến giải không thanh tịnh mà khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có tâm từ, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận, mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Nếu bị cáo có mạng sống không thanh tịnh, khi mình thấy đúng, vì lợi ích, nói dịu dàng không thô lỗ, có tâm từ, không giận dữ, nhưng không nói với bị cáo, bị cáo không ưng thuận mà nêu tội, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Về vấn đề nghe, nghi cũng như thế.

Lại nữa, người nào có năm tính xấu sau đây thì không được nêu tội người khác ở giữa chúng Tăng. Đó là: Thiên vị; giận dữ; sợ hãi; si mê và vụ lợi. Nếu có năm tính xấu đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh chung, sẽ đọa vào đường ác, rơi xuống địa ngục.

Lại nữa, người nào thành tựu năm pháp sau đây thì được nêu tội người khác. Đó là: Không Thiên vị; không giận dữ; không sợ hãi; không ngu si và không vụ lợi. Người nào thành tựu năm pháp đó mà nêu tội người khác thì sau khi thân hoại mệnh

chung được sinh vào đường Thiện, được các bậc phạm hạnh ca ngợi.

Đó gọi là cử (tội).

VIỆC TRỊ PHẠT

Thế nào gọi là Trị phạt?

- Người phạm tội Ba-la-di thì Tăng nên đuổi về làm người thế tục, hoặc làm Sa-di. Người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, nếu che giấu thì Tăng cho pháp Ba-lợi-bà-sa, Ma-na-đỏa rồi xuất tội, nếu không che giấu thì hành Ma-na-đỏa rồi xuất tội. Người phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề thì phải đem vật đã cất ra xả bỏ giữa Tăng, rồi đến trước Tỳ-kheo Trưởng lão trật vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, bạch như sau:

- Thưa Trưởng lão! Tôi đã cất y thừa quá mười ngày, nay đem xả bỏ giữa chúng Tăng và sám hối tội Ba-dạ-đề.

Vị Tỳ-kheo thụ sám nên hỏi:

- Thầy có thấy tội này không?

- Dạ thấy.

- Đừng tái phạm nhé.

- Tôi xin cúi đầu vâng giữ.

- Thế rồi Tăng làm yết-ma, giao y đó cho một người giữ, sau đó nên trả lại (chủ cũ). Còn phạm

tội Ba-dạ-đề cho đến Việt-tỳ-ni thì cũng sám hối như thế.

ĐUỔI ĐI

Gồm bảy trường hợp:

1. Hủy hoại tịnh hạnh của Ni.
2. Sống trong chúng để trộm pháp.
3. Lừa đảo.
4. Phạm ngũ nghịch.
5. Bất năng nam.
6. Phạm bốn tội Ba-la-di.
7. Sa-di có ác kiến.

Đó gọi là bảy việc nên đuổi đi.

DỊ TRỤ (Phá Pháp Luân Tăng)

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, đã xảy ra vụ Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, như ở trước đã nói rõ. Thế rồi, Đề-bà-đạt-đa đi đến thành Già-da. Sau đó, Phật cũng đi tới thành Gia-da. Hôm ấy nhằm ngày Bố-tát, Phật bảo A-nan:

- Ông đến gọi Đề-bà-đạt-đa về, hôm nay Tăng làm yết-ma Bố-tát.

A-nan bèn đến đó, nói:

- Thưa Trưởng lão! Hôm nay Tăng làm yết-ma

Bố-tát, Đức Thế Tôn cho gọi Trưởng lão. Đề-bà-đạt-đa đáp:

- Tôi không đến. Từ nay về sau tôi không sinh hoạt chung trong Phật Pháp Tăng, không Bố-tát, Tự tứ, yết-ma chung. Từ nay về sau, đối với giới luật điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định.

A-nan nghe nói thế, liền suy nghĩ: "Đây là việc kỳ quái, thốt ra lời nói ác này lẽ nào không thương tổn đến Tăng?".

Đoạn, A-nan trở về, đem việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

- Ông hãy trở lại chỗ Đề-bà-đạt-đa một lần nữa.

Cho đến A-nan suy nghĩ: "Thật là kỳ quái, thốt ra lời nói ác này chẳng lẽ không tổn thương đến Tăng sao?".

Sau khi A-nan trở về, nhóm sáu Tỳ-kheo bàn nhau: "Chắc chắn Sa-môn Cù-đàm sẽ sai sứ đến lần thứ ba. Tất cả chúng ta phải giữ chánh niệm Bố-tát trước. Chúng ta hãy để lại danh dự cho hậu thế biết rằng khi Phật còn tại thế mà Đề-bà-đạt-đa và nhóm sáu Tỳ-kheo đã cùng nhau phá Tăng", bèn thực hiện Bố-tát. A-nan liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo:

- Ông hãy trở lại lần thứ ba, bảo Đề-bà-đạt-đa đến, vì hôm nay Tăng làm yết-ma Bố-tát.

A-nan liền đến đó, nói:

- Đức Thế Tôn gọi các vị. Hôm nay Tăng làm yết-ma Bố-tát. Họ đáp:

- Chúng tôi không đi. Từ hôm nay trở đi, chúng tôi không sinh hoạt chung trong Phật Pháp Tăng, không Bố-tát, tự tứ và yết-ma chung. Từ nay về sau, đối với giới luật, điều nào muốn học hay không muốn học đều do ý tôi quyết định. Nhưng chúng tôi đã Bố-tát xong rồi.

A-nan nghe thế, suy nghĩ: "Thực là kỳ lạ, thế là họ đã phá hoại Tăng thật rồi", bèn trở về, đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Đức Thế Tôn nghe xong, bèn đọc kệ:

"Thanh tịnh như trăng tròn, Thanh tịnh được Bố-tát.

Thân khẩu nghiệp thanh tịnh, Thế mới nên Bố-tát".

Đoạn, Phật nói với A-nan:

- Những người phi pháp đã Bố-tát xong, vậy những người như pháp nên Bố-tát.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, còn nhóm sáu Tỳ-kheo là bè nhóm phá Tăng.

Đó gọi là Dị trụ.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 27

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ NĂM PHÁP YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba tranh cãi với nhau, sống không hòa hợp. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Từ hôm nay Tăng nên làm yết-ma. Ưu-ba-ly sẽ xử đoán sự việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba. Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. "Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng đề cử Trưởng lão Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba". Đây là lời tác bạch. Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Trưởng lão Ưu-ba-ly thành tựu năm pháp, Tăng nay đề cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cử Ưu-ba-ly

xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã đề cử Ưu-ba-ly xử đoán việc của các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Pháp yết-ma gồm có hai mươi trường hợp. Tám trường hợp bạch nhất yết-ma như trên đã nói. Còn tám trường hợp bạch tam yết-ma (Một lần bạch ba lần yết-ma) thì như sau:

1. Cử người xử đoán sự việc.
2. Cử người dạy bảo Tỳ-kheo-ni.
3. Cử người làm yết-ma một tháng.
4. Yết-ma chiên.
5. Yết-ma cuồng si.
6. Yết-ma phát lồ.
7. Yết-ma phú bát.
8. Yết-ma xác định học gia.

Đó gọi là tám trường hợp một lần bạch ba lần yết-ma.

Trong đây, cử người xử đoán, dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì chúng Tăng phải thỉnh cầu, còn yết-ma rời y mà ngủ, yết-ma một tháng và yết-ma chiên thì đương sự phải theo Tăng xin. Ngoài ra, yết-ma cuồng si, yết-ma nói tội người khác, các yết-ma này nên làm trong cương giới với sự hiện diện của

Tăng, không được làm ngoài cương giới. Cũng thế, yết-ma học gia, yết-ma phú bát cũng nên làm trong cương giới với sự hiện diện của Tăng, không được làm ở ngoài cương giới.

Người xử đoán, sau khi được đề cử không được chần chừ. Nếu được đề cử buổi sáng thì buổi xế nên khởi hành. Nếu được đề cử vào lúc xế thì sáng sớm hôm sau thức dậy nên lên đường. Lúc đi, không được theo đàn-việt đi những con đường vòng vo mà phải đi theo con đường thẳng. Nếu con đường thẳng có chướng nạn thì đi con đường vòng vo không có tội. Khi đến nơi đó rồi thì không được chần chừ đợi Tỳ-kheo khách ăn. Nếu đến buổi xế thì sáng sớm hôm sau nên xử đoán. Nếu đến vào buổi sáng thì lúc xế nên xử đoán. Không được nhuộm y, hơ bát, ngồi Thiền, tụng kinh. Nếu sự việc khó giải quyết, trong lúc đang rỗi rảnh thì làm các việc trên không có tội. Khi xử đoán sự việc xong rồi trở về cũng như vậy. Đó gọi là pháp yết-ma.

VẤN ĐỀ RUỘNG VƯỜN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem ruộng đất của chúng Tăng cho người thuê mướn, hoặc đem bán, hoặc dùng làm của riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự

việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau ruộng đất của chúng Tăng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được dùng làm của riêng. Giả sử Tăng tập họp tất cả đồng ý cũng không được cho người thuê mướn, không được đem bán, không được sử dụng riêng. Nếu tập họp Tăng lại cho người thuê mướn, đem bán hay sử dụng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ruộng đất của Tăng tốt, bị kẻ ác xâm chiếm thì nên bảo đàn-

việt coi sóc giúp. Nếu đàn-việt nói: "Đây là ruộng đất tốt vì sao bảo tôi chăm sóc?", thì nên đáp: "Ruộng đất này tuy tốt nhưng kẻ ác muốn xâm chiếm, nên nhờ đàn-việt trông coi giúp".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đất của Tăng và đất của vua lẫn lộn vào nhau, vua Ba-tư-nặc nói với Tôn giả A-nan:

- Đất của vua lẫn lộn vào trong đất của Tăng, vậy nên đem dây đến đo để chia ra.

A-nan đáp:

- Đợi tôi bạch với Phật đã.

Thế rồi, A-nan đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với A-nan:

- Ông hãy đến nói với nhà vua: "Đại vương là chủ đất, Sa-môn Thích tử dựa vào đại vương mà sống, do thế, không nên chia đất đại vương".

A-nan thọ giáo, đi đến chỗ vua, nói:

- Phật dạy: "Đại vương là chủ đất, Sa-môn Thích tử nương vào đại vương mà sống, do thế không nên chia đất với đại vương". Vua nói: "Nếu như thế thì xin cúng tất cả cho chúng Tăng. Hôm nay đặt tên là vườn của vua để cho người sau được biết".

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tăng có đám đất trống, rồi một trưởng giả đến hỏi:

- Đám đất trống này của ai vậy? Tăng đáp:

Đất của Tăng đó. Trưởng giả nói:

- Nếu đất của Tăng thì nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng. Tăng bèn giao đất, nhưng trải qua lâu ngày mà ông không làm phòng.

Rồi có một cư sĩ đến hỏi:

- Đám đất trống này của ai vậy? Tăng đáp:

- Đất của Tăng đó.

- Nên giao cho tôi, tôi muốn làm phòng cho chúng Tăng.

- Trước đây đã có một trưởng giả đòi làm phòng nhưng chưa làm.

- Thưa Tôn giả, Tôn giả cứ giao cho tôi, lo gì không làm!

Tỳ-kheo liền giao đất. Cư sĩ vì muốn tạo công đức nên dốc hết gia tài châu báu làm những phòng

ốc tốt đẹp, rồi sắm sửa mọi thứ ẩm thực

cúng dường chúng Tăng. Đoạn, đem các phòng ốc đó cúng dường cho chúng Tăng, đồng thời mời vị trưởng giả trước kia đến để cùng chung vui. Trưởng giả thấy thế hỏi:

- Thưa Tôn giả, ai làm phòng vậy?

- Vị cư sĩ này đây.

Đám đất này trước đã giao cho tôi, vì sao còn giao cho cư sĩ? Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Vì sao không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta?

Từ nay về sau không nên không ra điều kiện trước mà đem đất giao cho người ta. Nếu Tăng có đất trống rồi có người đến đòi làm phòng thì nên ra điều kiện phải làm trong thời gian chừng ấy.

Nếu đương sự nói: "Tôi sẽ làm trong khoảng thời gian chừng đó", thì nên nói: "Nếu đến thời gian đó mà chưa làm thì tôi sẽ giao cho người khác".

Nếu hai người đến đòi làm mà một người nói: "Tôi sẽ làm cho chúng Tăng một tầng lầu", còn người kia nói: "Tôi sẽ làm hai tầng lầu", thì Tăng nên giao cho người xin làm hai tầng; cũng thế, ba, bốn tầng cho đến bảy tầng.

Nếu hai người cùng nói xin làm bảy tầng, thì lúc ấy nên xem tướng coi người nào có thể làm

được thì giao cho họ. Nếu hai người đều có thể làm được thì nên giao cho người có nhiều quyến thuộc. Nếu không bắt làm cam kết trước mà giao đất cho họ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo làm Thảo am trên đất của chúng Tăng, rồi Thượng tọa đến, theo thứ tự giao phòng thì Tỳ-kheo không giao. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng, thì nên đem các vật liệu cây cỏ ấy đến chỗ khác. Nếu ai làm phòng trên đất của chúng Tăng mà khi Thượng tọa đến theo thứ tự không giao phòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

NHÀ ĐẤT

Nếu chúng Tăng có đất cất nhà có giá trị mà có kẻ ác ở lân cận muốn xâm chiếm, thì nên bảo đàn-việt trông coi giúp đất đó. Nếu đàn-việt nói: "Đất làm nhà này quý giá, vì sao lại muốn cho tôi trông coi?", thì nên nói: "Đất làm nhà này tuy tốt nhưng kẻ ác ở gần thường muốn chiếm đoạt".

Nếu đàn-việt nói: "Muốn hoán đổi sao?", thì hãy đáp: "Tùy ý đàn-việt quyết định". Nếu đàn-

việt hoán đổi thì không có tội. Đó gọi là nguyên tắc về nhà đất.

VẤN ĐỀ TĂNG GIÀ LAM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo chiếm đoạt đất Già-lam để làm phòng, thầy cựu Tri sự nói:

- Trưởng lão đừng có chiếm đoạt chỗ ở của Tăng để làm phòng. Tỳ-kheo ấy nói:

- Này Trưởng lão, tôi làm phòng cho chúng Tăng, thầy đừng có gây trở ngại.

Thế rồi hai người cùng tranh luận, không giải quyết được, bèn dẫn nhau đến chỗ Phật, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau không được cưỡng chiếm chỗ ở cũ của Tăng để làm phòng cho chúng Tăng. Vị cựu Tỳ-kheo cũng không được gây trở ngại việc đó. Nếu hai Tỳ-kheo tri sự đồng ý nhau thì nên làm một phòng cùng mái lợp mà ngăn chia khác vách; hoặc mái lợp cách biệt mà cùng một tường vách; hoặc cùng một mái lợp, cùng một tường vách; hoặc mái lợp riêng biệt, tường vách riêng biệt.

Nếu hai người không vui vẻ với nhau, thì nên làm phòng có mái lợp riêng, tường vách riêng. Nếu cưỡng chiếm phòng cũ để làm nhà mới cho Tăng

thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn kẻ nào gây trở ngại đối với người làm phòng cho Tăng cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo xây tháp cho Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi, khiến các cư sĩ đi đến lễ bái Thế Tôn, thấy thế, chê trách:

- Chúng ta đến đây để đảnh lễ Đức Thế Tôn, mà chưa thấy Thế Tôn đâu đã thấy nấm mồ người chết.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Vì sao các ông không làm yết-ma trước mà xây tháp Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi? Từ nay về sau Ta không cho phép không làm yết-ma trước mà xây tháp cho Thanh văn tại chỗ đất có nhiều người đi. (Muốn xây tháp) trước hết nên làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp vì vô thường đã nhập Niết-bàn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo Mỗ giáp - Vì sự vô thường đã nhập Niết-bàn tại chỗ này.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay cho xây tháp Thanh văn cho Tỳ-kheo Mỗ giáp tại chỗ này. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi

nhận việc này như vậy.

Nếu không hòa hợp thì nên nói:

- Thưa Trưởng lão, Đức Thế Tôn nói bốn hạng người nên xây tháp, đắp tướng luân (hình bánh xe), treo cờ phướn lọng báu, đó là Đức Như Lai, các Thanh văn, Phật-bích-chi và Chuyển luân Thánh vương. Nếu Tỳ-kheo viên tịch là Tu-đà-hoàn thì nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì nên gọi là A-la-hán. Hoặc gọi là Tỳ-kheo giữ luật, hoặc gọi là Pháp sư, hoặc gọi là Tỳ-kheo doanh sự có đức vọng.

Thế rồi, nên tiếp:

- Thưa Trưởng lão, vị ấy giữ giới, hiền thiện, cúng dường cho Tăng rất nhiều, làm việc cực nhọc, nên xây tháp cho thầy.

Trình bày như thế rồi, mới xây tháp cho vị ấy. Khi xây tháp Thanh văn không được để cho nhìn thấy tháp trước rồi mới thấy Phật sau, mà phải làm sao để thấy Thế Tôn trước rồi mới thấy tháp sau. Không được làm ở chỗ có nhiều người đi mà phải làm ở chỗ vắng vẻ. Cũng không được làm tại chỗ các Tỳ-kheo đi kinh hành. Nếu ai xây tháp Thanh văn tại chỗ có nhiều người đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Ca-lô ở tại thôn ấp lớn Ca-thi-kỳ-lê, lúc ấy có Tỳ-kheo Thượng tọa đến, theo

thứ tự giao phòng mà thầy không chịu giao, còn nổi giận cầm búa đập phá căn phòng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến thưa hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo này phạm vào tội gì? Phật dạy:

- Phá hoại sáu loại sau đây thì phạm tội Thâu-lan-giá, đó là: Phá bát, phá y, phá tháp, phá phòng, phá Tăng, phá cương giới.

Phá bát: Bát có ba loại thượng, trung và hạ. Nếu vì giận dữ mà phá một loại nào đó thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu bát bị mẻ muốn hàn lại mà lỡ tay rớt bể thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đập bể tô, chén thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá y: Nếu vì tức giận mà xé rách một trong ba y thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Nhưng nếu muốn cắt miếng ngoài biên may vào giữa, cắt miếng ở giữa may ngoài biên, hoặc vá thêm hai lớp thì không có tội. Nếu vì tức giận mà đem xé tọa cụ hoặc các loại vải vóc khác, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá tháp: Nếu vì tức giận mà phá tháp của Đức Thế Tôn thì phạm tội Thâu-lan-giá, bị nghiệp hành tội báo rất nhiều. Nếu muốn sửa chữa để làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì tức giận mà phá tháp của Ni-kiền và các ngoại đạo khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá phòng: Nếu vì tức giận mà phá phòng của

Tăng thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu muốn làm lại tốt hơn thì không có tội. Nếu vì giận dữ mà phá phòng của tu sĩ ngoại đạo thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Phá Tăng: Nếu vì tức giận mà phá sự hòa hợp của Tăng thì phạm tội Thâu-lan-giá, bị nghiệp hành mang quả báo phải rơi vào trong địa ngục một kiếp.

Phá cương giới: Nếu vì giận dữ mà làm (phòng) ngoài phạm vi cương giới thì không thể gọi là làm (phòng), phạm tội Thâu-lan-giá, nhưng được bỏ cương giới cũ rồi làm yết-ma lại cương giới khác.

Đó gọi là sáu loại phá hoại phạm tội Thâu-lan-giá.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả La-hầu-la đang du hành đến nước Bạt-kỳ, dần dần đi tới thôn Ba-la-nại. Thế rồi, có một cư sĩ ở thôn này xây phòng cho La-hầu-la. La-hầu-la nhận xong lại tiếp tục du hành, cư sĩ bèn đem căn phòng này cúng cho các Tỳ-kheo khác. Đến khi La-hầu-la trở về... như trong tuyến kinh đã nói rõ, cho đến La-hầu-la bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Căn phòng này nên thuộc về ai? Phật nói với La-hầu-la:

- Nếu cư sĩ, con cư sĩ có lòng tin hoan hỷ làm phòng cúng dường cho chúng Tăng, nhưng khi

cúng cho Tăng rồi, lại đem cúng cho nhiều người khác thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Nếu cúng cho nhiều người rồi đem cúng cho một người, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Hoặc đem cúng cho một người rồi lại đem cúng cho nhiều người; hoặc đem cúng cho nhiều người rồi lại đem cúng cho chúng Tăng, thì đó là cách cúng phi pháp và thọ dụng phi pháp. Ngoại trừ, khi đem cúng cho Tăng rồi không đem cúng cho nhiều người, khi đem cúng cho nhiều người rồi không đem cúng cho một người thì đó là cách cúng đúng pháp và thọ dụng đúng pháp.

Này La-hầu-la, cách cúng trước là cúng đúng, cách cúng sau là không đúng. Nếu Tăng ở tại đất của vua, rồi người làm phòng trước đem cúng dường trước, thì công đức ngày đêm càng tăng thêm.

Này La-hầu-la, ông đương nhiên được phòng, còn người sau thì đương nhiên không được.

Đó gọi là phép tắc của Tăng-già-lam.

PHÉP TẮC VỀ DOANH SỰ

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Đạt-nị-ca con của người thợ gốm làm phòng, như trong giới Ba-la-di thứ hai đã nói, cho đến thốt lời oán trách như sau:

- Ta làm phòng gian khổ, không kể nóng lạnh, làm mới vừa xong thì Thượng tọa đoạt mất, giống như mèo rình chuột.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Vị Tỳ-kheo doanh sự ấy làm phòng rất gian khổ, Tăng nên làm yết-ma cho thầy cư trú năm năm. Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp muốn làm phòng cho Tăng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo doanh sự Mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo doanh sự Mỗ giáp muốn theo Tăng xin cư trú năm năm. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Vị Tỳ-kheo này nên trịch vai áo bên phải, quỳ gối chắp tay, xin như sau:

- Thưa Đại đức Tăng! Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp làm phòng cho Tăng, nay theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Kính mong Tăng xót thương cho tôi cư trú năm năm do công lao làm phòng. (Xin như vậy ba lần).

Người yết-ma nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú

năm năm do công lao làm phòng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp làm phòng cho Tăng, theo Tăng xin cư trú năm năm do công lao làm phòng. Tăng nay cho Tỳ-kheo Mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng. Các đại đức nào bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp cư trú năm năm do công lao làm phòng xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi Tăng đã làm yết-ma cho cư trú năm năm, Tỳ-kheo doanh sự trở về chỗ mình đã làm phòng, theo thứ tự được một phòng. Nếu có Thượng tọa đến thì nên giao phòng theo thứ tự, còn căn phòng đã yết-ma cho mình thì không nên giao. Nếu muốn đi du hành thì phải giao hai căn phòng ấy lại cho Tăng, tùy thứ tự cư trú. Đồng thời gởi gấm: "Khi nào tôi trở về thì phải giao phòng lại cho tôi". Sau khi trở về, Tăng phải giao phòng lại theo lời giao ước trước. Nếu phòng Tăng cũ bị hư hỏng rồi làm cửa lại, thì tùy theo công lao nhiều ít mà làm yết-ma cho cư trú hai năm hay ba năm. Nếu

phòng bỏ trống không ai ở thì nên cho người ở để trông coi một thời gian.

Nếu giường ghế mền gối bị dơ bẩn, rách nát mà đem giặt nhuộm sửa chữa lại, thì nên cho ở một thời gian.

Nếu trong thời gian ấy có Tỳ-kheo nào xoi bói, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép tắc về doanh sự.

PHÉP TẮC VỀ GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, trong lúc Tỳ-kheo an cư, Thượng tọa đến, rồi theo thứ tự lấy phòng. Đoạn, thầy chở đồ đạc ra khỏi phòng. Phật biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Đó là Tỳ-kheo khách phải không?

- Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

- Đó là Tỳ-kheo ra đi luôn phải không?

- Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

- Thế thì Tỳ-kheo nào mà chở đồ đạc đi?

- Bạch Thế Tôn! Đó là người theo thứ tự nhận phòng, thế rồi chở đồ đạc đi.

- Vì sao lúc nào các ông cũng giao phòng theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống? Từ nay về sau, Ta không cho phép bất cứ lúc nào cũng giao phòng

từ Thượng tọa trở xuống. Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp trông coi việc giao phòng xá, giường nệm.

- Thế nào là năm pháp?

- Đó là: Không thiên vị; không giận dữ; không sợ hải; không ngu si, biết ai được rồi, ai chưa được. Đó gọi là năm pháp.

Người làm yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, Tăng nay cử Tỳ-kheo Mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm. Các Đại đức nào bằng lòng Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc giường nệm, thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp trông coi việc giao phòng ốc, giường nệm xong, vì Tăng đã im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi làm yết-ma xong, từ ngày mười sáu tháng ba trở đi, nên bảo đàn-việt giặt rửa giường nệm phòng ốc, sửa chữa phòng ngồi Thiền, giảng đường, phòng sưởi, cầu tiêu, sửa chữa nhà ngõ, nhà che giếng thuộc Tăng già-lam và ghi chép tất cả những bữa ăn thuộc ngày trai cũng như y an cư.

Nếu trú xứ của Tăng xa thành ấp xóm làng thì đến ngày mười ba tháng tư nên giao phòng. Nếu người nào không được dung nạp thì nên đi đến nơi khác. Nếu trú xứ gần xóm làng, thì nên giao phòng vào ngày mười lăm, đồng thời đọc biên bản đã ghi chép: Tăng già-lam Mỗ giáp có chừng ấy phòng ốc, chừng ấy giường nệm, chừng ấy bữa ăn thuộc ngày trai, chừng ấy y. Thượng tọa nên bảo:

- Hãy giao phòng cho những ai cùng an cư một chỗ.

Nói như thế rồi, mới giao phòng. Nhưng không được giao phòng cho Sa-di. Ngoại trừ, Hòa thượng A-xà-lê bảo: "Cứ giao phòng để mặc tôi xử lý" thì mới giao.

Nếu phòng nhiều thì nên giao mỗi người hai phòng. Nếu vị ấy không chịu nhận hai phòng, mà nói: "Tôi chỉ cần một phòng là đủ", thì khi ấy nên bảo: "Đây không phải là giao để sử dụng mà là giao để trông coi".

Nếu Tỳ-kheo nhiều mà phòng ít, thì nên giao cho hai người, ba người cùng ở chung một phòng. Nếu vẫn không đủ, thì nên giao năm người, mười người ở chung một phòng.

Nếu có một ngôi nhà lớn thì tất cả Tỳ-kheo nên vào ở trong đó. Thượng tọa nên giao cho giường nằm, còn những người khác thì giao cho giường ngồi.

Nếu không đủ, thì Thượng tọa nên giao cho giường ngồi, những người khác thì ngồi trên nệm cỏ.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên ngồi nệm cỏ, còn những người khác thì ngồi không.

Nếu vẫn không đủ nữa, thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, còn những người khác thì đứng.

Nếu vẫn không đủ, thì Thượng tọa nên đứng, còn những người khác thì ra ngoài gốc cây hay chỗ đất trống.

Nếu giao phòng vào mùa Đông, hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào mùa Xuân hoặc là để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến nên theo thứ tự mà ở.

Nếu giao phòng vào lúc an cư hoặc để trông coi, hoặc là để ở, thì khi Thượng tọa đến không nên theo thứ tự mà ở.

Nếu Tỳ-kheo không biết phép tắc, trong lúc an cư đòi phòng theo thứ tự mà không được, bèn khiển trách, thì nên nói: "Hãy đợi đây, để tôi đi hỏi người coi phòng đã", rồi nên đến nói với người coi phòng: "Thưa Trưởng lão, có Tỳ-kheo khách là bậc Thượng tọa đến, bảo tôi dời đi".

Bấy giờ, người coi phòng phải khiển trách Tỳ-kheo khách:

- Này Trưởng lão! Thầy không am tường giới luật. Vì sao trong lúc an cư mà bảo người khác dời đi? Thầy không hiểu sao? Không phải lúc nào cũng đuổi người khác được.

Nhưng nếu mùa Đông, mùa Xuân có Thượng tọa đến, theo thứ tự nên nhường phòng mà không nhường, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo không am tường giới luật, trong lúc an cư mà đuổi người khác đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép tắc về giường nệm.

PHÉP CUNG KÍNH

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, vào lúc đầu đêm, Thế Tôn thuyết pháp cho các Thanh văn, đến nửa đêm Ngài trở về phòng. Bấy giờ, các Tỳ-kheo có người cung cấp nên đã lấy phòng trước, đến khi nghe pháp xong, ai nấy trở về phòng an nghỉ. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên, không có người cung cấp, đầu đêm nghe pháp đến nửa đêm, bèn tới phòng gõ cửa, thì những người ở trong phòng hỏi:

- Ai đó?

- Xá-lợi-phất đây.

- Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại trí.

Thế rồi, hai người đến gõ cửa phòng khác. Người trong phòng hỏi:

- Ai đó?

- Tôi là Đại-Mục-liên đây.

- Phòng đã đầy rồi, thưa bậc đại thần túc.

Thế là cả hai đều không có phòng, nên một người đến ngồi dưới

thềm nhà, còn một người ra ngồi dưới gốc cây. Đêm ấy trời mưa, người ngồi dưới thềm nhà đọc kệ:

"Ngồi kiết già dưới thềm,
Mưa ướt hai đầu gối.
Đã sống trong an lạc,
Sẽ đoạn thân đời sau".

Đoạn, người ngồi dưới gốc cây cũng đọc kệ:

"Dưới cây sống tri túc,
Khất thực, ngồi nệm cỏ.
Cả hai không tham trước,
Sẽ đoạn thân đời sau".

Lúc ấy có Ưu-bà-tắc buổi sáng thức dậy, đi đến thăm viếng Thế Tôn, thấy thế bèn chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử lại không biết phép cung kính? Bậc đại đức như thế mà không cho phòng nghỉ.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Việc như thế thật đáng bị người đời chê cười.

Rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Đợi Ta du hành nước Câu-tát-la xong trở về

lại thành Xá-vệ, rồi nhắc lại cho Ta, Ta sẽ chế định phép cung kính cho các Tỳ-kheo.

Khi Phật trở về, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trước bạch lại với Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

- Ai là bậc Thượng tọa lớn nhất đáng được lấy nước trước, được nhận cơm trước?

Ai đáng được nhận sự lễ bái?

Ai đáng được đứng dậy tiếp nước?

Ai đáng được chắp tay, cúi đầu, cung kính? Khi nghe thế, các Tỳ-kheo nói:

- Con của Thế Tôn đáng được nhận. Tỳ-kheo khác nói:

- Những người thân quyến của Thế Tôn đáng được nhận. Lại có người nói:

Thị giả của Thế Tôn đáng được nhận. Lại có người nói:

- Bậc A-la-hán đáng được nhận. Thế rồi, người Sát-lợi xuất gia nói:

- Người Sát-lợi đáng được nhận. Người Bà-la-môn xuất gia lại nói:

- Người Bà-la-môn đáng được nhận. Người Tỳ-xá xuất gia thì nói:

- Người Tỳ-xá đáng được nhận.

Còn người Thủ-đà-la xuất gia thì nói:

- Người Thủ-đà-la đáng được nhận. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Các ông ai nấy đều vì tính kiêu mạn cho nên nói: Đáng cho con của Thế Tôn, cho đến người Thủ-đà-la. Nhưng ở đây không phải là phép tắc của người đời. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ nói cho các ông biết về phép tắc của người đời... như trong Tuyến Kinh đã nói rõ, cho đến Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau Ta chế giới: Người xuất gia trước phải được hưởng sự lễ bái, đứng dậy đón rước, chắp tay cúi đầu cung kính. Người xuất gia trước phải được ngồi trên, phải được nhận lời mời trước, ngồi trước, lấy nước trước, thọ trai trước.

Các Tỳ-kheo liền tán thán:

- Đức Thế Tôn đã khéo trình bày về cách thức tôn kính Trưởng lão.

Phật nói:

- Không những ngày nay Ta khéo trình bày về cách thức tán thán

- Trưởng lão mà trong thời quá khứ Ta cũng đã từng nói như thế.

- Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

Chúng con muốn được nghe. Phật nói với các Tỳ-kheo:

Trong thời quá khứ xa xưa có ba con vật là chim trĩ, khỉ và voi cùng sống với nhau dưới cây Ni-câu-loại. Con voi nói:

- Ba chúng ta cùng sống với nhau tại một chỗ,

trong đây ai lớn nhất?

- Ai đáng được tôn kính?

Rồi voi tiếp:

Tôi đã cỡi trên đầu cây này đi qua. Khỉ nói:

- Ngày trước tôi đã từng đái trên đầu cây này.

Chim trĩ nói:

- Ngày xưa tôi ăn quả loại cây này trên núi Tuyết rồi xuống ỉa nơi đây mà mọc ra cây này.

Bấy giờ, chim trĩ là lớn nhất, hai con vật kia tôn kính nó, nên sau khi chết đều được sinh về cõi lành. Con voi khi ấy, chính là Ta đây. Các ông cũng nên tôn kính các Thượng tọa như vậy, thì giới luật mới được thăng hoa.

Đó gọi là phép tắc cung kính. Nhận lời mời trước:

Nếu có người đến mời thì nên mời Thượng tọa trước. Nếu đàn-việt chưa từng làm phước, mời Tỳ-kheo trẻ, thì nên bảo họ đến chỗ Thượng tọa. Đó gọi là nhận lời mời trước.

Phép ngồi của Thượng tọa:

Khi sắp chỗ ngồi, không được sắp chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở trên cao, chỗ ngồi của Thượng tọa ở dưới thấp, mà phải sắp chỗ ngồi của Thượng tọa ở trên cao, chỗ ngồi của người nhỏ tuổi ở dưới thấp; đồng thời phải trải tọa cụ ngay ngắn tề chỉnh; những cái tốt thì dành cho Thượng tọa, những cái không tốt thì để cho Hạ tọa. Nếu nhà đàn-việt mời

Tỳ-kheo quen biết rồi dành cho giường nệm tốt thì cứ để mặc ý thí chủ, không được tranh giành. Nếu vào dịp năm năm đại hội số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải sắp chỗ ngồi tươm tất cho tám người ngồi ở trên cao, còn các chỗ ngồi dưới thì tùy nghi. Đó gọi là phép ngồi của Thượng tọa.

Nhận thức ăn trước:

Khi dọn thức ăn phải dọn cho Thượng tọa trước. Nếu đàn-việt chưa từng làm phước dọn cho người nhỏ tuổi trước, thì nên bảo họ bưng tới chỗ Thượng tọa. Khi dọn cơm, nên dọn cơm ngon cho Thượng tọa; cũng thế, khi dọn tất cả các thức ăn uống khác cũng phải bảo dọn món ngon cho Thượng tọa. Nếu nhà đàn-việt mời thọ trai, mà họ dọn sai biệt, thì tùy theo ý họ, không nên tranh luận làm chi. Nếu vào dịp năm năm đại hội một lần, số người đông đúc tạp nhạp, thì tối thiểu phải dọn món ngon cho tám Thượng tọa hàng đầu, còn các hạ tọa thì tùy nghi mà dọn. Đó gọi là nhận thức ăn trước.

Lễ bái cung kính đứng dậy đón rước, cúi đầu chắp tay:

Bấy giờ, khi đảnh lễ ai thì đảnh lễ khoảng đầu gối, bắp chân. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau nên đảnh lễ dưới bàn chân.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bảo bậc tôn túc đưa bàn

chân ra để đảnh lễ,

làm nhiễu loạn người tu hành. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau phải nói tiếng "Xin chào". Khi ấy, có Tỳ-kheo chơi đùa, nói:

- Xin chào Tôn giả, xin chào Tôn giả.

Lại làm nhiễu loạn người ta. các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau chào hỏi có ba cách:

Dùng thân, miệng và tâm. Dùng thân nghĩa là khi đương sự đang ngồi hay đứng, mình cúi đầu đảnh lễ dưới chân. Đó gọi là dùng thân.

Dùng miệng nghĩa là khi đương sự ở từ xa, mình chắp tay, cúi đầu nói: "Xin chào ngài". Đó gọi là dùng miệng.

Dùng tâm nghĩa là khi đương sự quay lưng đi, mình chắp tay tỏ thái độ cung kính. Đó gọi là dùng tâm bày tỏ sự cung kính.

Nếu thấy Thượng tọa đến mà không đứng dậy đón rước chào hỏi cung kính, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép tôn kính Thượng tọa.

Kệ tóm tắt:

"Cử tội và trị tội,
Đuổi đi cùng Biệt trụ.
Người xử đoán, ruộng đất,
Làm phòng, cho năm năm.

Giường nệm, phép cung kính,
Đó là phẩm thứ ba”.

PHÉP BỐ TÁT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, nói rộng như trên. Bấy giờ, chín mươi sáu loại người xuất gia đều cử hành Bố-tát, mà Tỳ-kheo không Bố-tát. Vì thế, bị người đời chê bai:

- Vì sao chín mươi sáu loại người xuất gia đều có Bố-tát mà Sa-môn Thích tử không Bố-tát?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Như thế thật đáng bị người ta chê trách. Từ nay về sau phải Bố-tát, gồm các việc:

1. Đọc kệ.
2. Ngày mười bốn ngày mười lăm.
3. Chỉ chỗ Bố-tát.
4. Bố-tát ban ngày.
5. Trong nhà.
6. Giặc cướp.
7. Vua.
8. A-na-luật.
9. Hai cách đếm.
10. Không tụng thuộc.
11. Không tụng thuộc tất cả.

12. Thuận nghịch.
13. Muốn nghe từ đầu.
14. Người chưa thọ cụ túc.
15. Tụng giới sớm quá.
16. Một trú xứ.
17. Hai chúng.
18. Hai chúng đã tụng, hai chúng chưa tụng.
19. Gởi dục.
20. Nhận dục.
21. Gởi dục nhiều.
22. Gởi dục bằng.
23. Cù-sư-la.
24. Đại-ái-đạo.
25. Xiển-đà.
26. Bệnh.
27. A-luyện-nhã.
28. Không nên cho mà cho.
29. Sông A-chi-la.
30. Mười một việc không được gọi là gởi dục: Chuyển dục; gởi dục ban đêm; ở ngoài giới; Tỳ-kheo-ni; người chưa thọ cụ túc; Nhận dục rồi ra đi; gởi dục rồi ra đi; Nhận dục rồi trả giới; gởi dục rồi trả giới; mất dục; phá hoại chúng.
31. Bốn cách Bố-tát.
32. Bốn cách tụng giới.
33. Bảy việc nên ngăn cản.

34. Hai việc nên ngăn cản.

1. Đọc kệ:

Phật nói với các Tỳ-kheo:

1. Đức Phật Tỳ Bà Thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì

chúng Tăng tịch tĩnh, nói giới bản đầu tiên:

"Nhẫn, khổ hạnh bậc nhất,
Niết-bàn, đích tối thượng.
Tu hành còn hại người,
Không thể gọi Sa-môn".

2. Đức Phật Thi Khí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Ví như người sáng mắt,
Tránh được đường nguy hiểm.
Bậc thông minh trên đời,
Tránh được mọi điều ác".

3. Đức Phật Tỳ Xá Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Không nói dối, hại người,
Vâng hành theo giới pháp.
Ăn uống có điều độ,
Thường thích nơi thanh vắng.
Tâm thanh tịnh chuyên cần,
Đó là lời Phật dạy".

4. Đức Phật Câu Lưu Tôn Như Lai Ứng Cúng

Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Tỳ-kheo vào thôn xóm,
Như ong đi tìm hoa.
Lấy mật rồi bay đi,
Không hại gì hương sắc.
Không nhìn việc người khác,
Xem có làm hay không.
Chỉ xét hành vi mình,
Có tốt hay không tốt".

5. Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Muốn tâm mình tốt chớ buông lung,
Pháp thiện Thánh nhân luôn gắng học.
Những người trí tuệ tâm chuyên chú,
Khổ não ưu sầu dứt tuyệt ngay".

6. Đức Phật Ca Diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Không làm các việc ác,
Tuân hành các hạnh lành.
Giữ tâm ý trong sạch,
Chư Phật dạy như vậy".

7. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, đầu tiên nói giới bản:

"Lành thay gìn giữ thân,

Gìn giữ miệng cũng vậy.
Lành thay giữ tâm ý,
Giữ vẹn toàn tất cả.
Tỳ-kheo giữ tất cả,
Ắt xa lìa khổ não.
Tỳ-kheo giữ miệng ý
Thân không làm điều ác,
Ba nghiệp đều thanh tịnh,
Sẽ đạt được Thánh quả".
Đó gọi là đọc kệ khi Bố-tát.

2. Ngày mười bốn, ngày mười lăm:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, đệ tử đồng hành của Tôn giả A-nan đang hành Ma-na-đỏa, Tôn giả bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đệ tử đồng hành của con muốn đến một căn lều nhỏ ở thôn xóm để hành Ma-na-đỏa vào ngày mười bốn.

Phật nói với A-nan:

- Hôm nay nhằm ngày mười bốn tinh tú thuận hòa, thời tiết thuận hòa, Tăng chúng thuận hòa, nên Bố-tát xong rồi mới đi.

Ngày mười bốn: Lần Bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Đông, lần Bố-tát thứ ba và thứ bảy của mùa Xuân và lần Bố-tát thứ ba, thứ bảy của mùa Hạ.

Ngày mười lăm: Gồm có mười tám lần Bố-tát. Trong một năm có hai mươi bốn kỳ Bố-tát, sáu kỳ

vào ngày mười bốn và mười tám kỳ vào ngày mười lăm.

Đó gọi là Bố-tát ngày mười bốn, ngày mười lăm.

3. Chỉ chỗ Bố-tát:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo không biết chỗ Bố-tát, nên có người thì được Bố-tát, có người thì không. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Nên làm yết-ma chỉ rõ chỗ Bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật.

Người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian của Tăng đã đến, kể từ hôm nay Tăng dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật làm chỗ Bố-tát thường xuyên. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay dùng nơi này trong núi Kỳ-xà-quật làm chỗ Bố-tát thường xuyên. Các đại đức nào bằng lòng Tăng dùng nơi này làm chỗ Bố-tát thường xuyên thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng dùng nơi này làm chỗ Bố-tát thường xuyên, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là chỉ chỗ Bố-tát.

4. Bố-tát ban ngày:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo Bố-tát vào ban đêm. Vì đường sá hiểm trở, triền dốc khó đi, đến nơi Bố-tát cực khổ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Có thể Bố-tát ban ngày được không? Phật dạy:

- Được. Nếu Bố-tát ban ngày mà Tăng ở xa thì nên tuyên bố: "Thưa các Trưởng lão, kỳ này Tăng sẽ Bố-tát vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trước bữa ăn, hoặc sau bữa ăn, vào lúc bóng mặt trời chừng ấy, phải tập họp tại chỗ mỗ xứ, hoặc tại giảng đường, phòng Thiền, phòng sưởi, dưới gốc cây (để Bố-tát)". Nếu không tuyên bố thì phạm tội Việt-tỳ-ni". Đó gọi là Bố-tát ban ngày.

5. Nhà:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua A-xà-thế làm nhà Bố-tát trong núi Kỳ-xà-quật, rồi trang trí bằng các cánh sen dát vàng. Sau khi Tăng ngồi xong, Đức Thế Tôn mới đến ngồi. Các Tỳ-kheo vào hết, chuẩn bị Bố-tát, thì bỗng dưng một cánh hoa sen dát vàng rơi xuống đất. Lúc ấy, một ác Tỳ-kheo khởi tâm trộm cắp, bèn lấy cánh sen kẹp dưới nách. Vì Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi lâu mà không Bố-tát nên Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi

đứng dậy, trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đầu đêm đã qua, Tăng ngồi lâu mỏi mệt, kính xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà thuyết giới Bố-tát.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng. Tình hình như thế kéo dài sang nửa đêm rồi đến cuối đêm, Tôn giả lại bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn rạng đông đã xuất hiện, chúng Tăng ngồi lâu, kính xin Thế Tôn thuyết giới Bố-tát.

Phật liền nói với A-nan:

- Chúng Tăng không thanh tịnh.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-liên suy nghĩ:

- Vì ai mà Thế Tôn nói rằng chúng Tăng không thanh tịnh?

- Đoạn, Mục-liên nhập định, liền thấy được ác Tỳ-kheo đang ngồi xếp ro trong chúng. Tôn giả bèn từ chỗ ngồi đứng dậy đến chỗ vị ấy, dùng tay trái nắm cổ lôi đến cửa, rồi dùng tay phải đẩy ra, nói: - Này ác Tỳ-kheo, từ hôm nay ông không phải là Sa-môn, không phải là Tỳ-kheo, không được ở trong chúng nữa.

Sau khi thầy đuổi đi, Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép lôi người đi. Rồi Phật nói với A-nan:

- Từ nay về sau, các thầy hãy tự tụng giới. Vì

sao vậy? Vì Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri không tụng giới cho một chúng không thanh tịnh. Này A-nan, trong pháp luật của Như Lai cũng giống biển lớn có tám việc chưa từng có, như trong Tuyên Kinh đã nói rõ. Do thế, các đệ tử của ta thấy rồi, liền sinh tâm thích thú. Đó gọi là nhà.

6. Giặc cướp:

Khi Phật an trú tại núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo Bố-tát tụng giới. Khi tụng đến phần cuối của Ba-dạ-đề, đọc: "Cắt bỏ rồi Ba-dạ-đề, phá bỏ rồi Ba-dạ-đề, lôi ra rồi Ba-dạ-đề", thì bọn cướp đến. Người tụng giới liền im lặng. Bọn cướp đứng một lát rồi bỏ đi. Người tụng giới lại tiếp tục; như vậy đến ba lần. Bọn cướp suy nghĩ: "Đây là ác Sa-môn, nên nói như sau: Cắt bỏ, phá bỏ, lôi ra rồi Ba-dạ-đề. Họ đang định cắt chúng ta, phá chúng ta, lôi chúng ta đây", bèn xông vào đánh các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, hay là bọn cướp vừa rồi đã nghe tụng giới? Thế rồi, họ đem sự kiến ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Giặc cướp là vua ở trong rừng, chúng có thể làm những việc bất lợi, vì sao các ông lại tụng lại những lời cũ? Từ nay về sau khi Tỳ-kheo Bố-tát tụng giới mà có giặc cướp đến thì Ta cho phép được đọc sang kinh khác, hoặc là kinh Ba-la-diên, hoặc kinh Bát bạt-kỳ, hoặc kệ Mâu Ni, hoặc kinh

Pháp Cú.

Nếu giặc cướp biết phép tắc của Tỳ-kheo, nói: "Này Sa-môn, chúng tôi đã biết rồi", thì hãy tụng tiếp giới đã tụng trước. Khi ấy, Tỳ-kheo nên tụng gấp, khiến không thể phân biệt được chương cú, để cho bọn chúng không biết là đoạn đầu, đoạn giữa hay đoạn cuối. Nếu tụng lại những lời cũ thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là giặc cướp.

7. Vua:

Khi Phật an trú tại vườn Kỳ-xà Am-bà-la nơi thành Vương xá, như trong kinh Sa Môn đã nói rõ, cho đến tự nhủ:

- Không biết có thể tụng giới trước nhà vua hay không? Rồi họ đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Vua có thể làm những việc bất lợi.

Như trong trường hợp giặc cướp ở trên đã nói rõ. Đó gọi là vua.

8. A-na-luật:

Khi Phật an trú trong núi Kỳ-xà-quật, nơi thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo làm yết-ma Bố-tát thì Tôn giả A-na-luật không đến. Các Tỳ-kheo bèn cho sứ giả đến gọi:

- Thưa Trưởng lão A-na-luật, các Tỳ-kheo đang vân tập định làm yết-ma Bố-tát.

Thầy đáp:

- Đức Thế Tôn dạy rằng thanh tịnh tức là Bố-tát. Kẻ thanh tịnh trong đời này chính là tôi đây. Tôi không đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Ông hãy đi gọi A-na-luật lại đây. Nhưng không được dùng Thiên nhãn mà đến.

Vì Trưởng lão này đã hỏng nhục nhãn nên phải vượt qua núi non hiểm trở đến một cách cực khổ.

Phật liền nói với A-na-luật:

- Ông không tôn kính Bố-tát thì ai sẽ tôn kính? Từ nay về sau, khi Bố-tát thì tất cả đều phải đến. Nếu không đến, hoặc bị bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là A-na-luật.

9. Hai cách đếm:

Khi ấy, Phật hỏi Ưu-ba-ly:

- Ông tụng giới được không?

- Bạch Thế Tôn! Tụng được, nhưng những câu chi li rất khó ghi

- nhớ.

- Nên làm thẻ đếm để mà tụng.

- Thế rồi, Ưu-ba-ly liền làm thẻ đếm mỗi khi tụng. Phật lại hỏi:

- Ông có làm thẻ để đếm mỗi khi tụng giới

không?

- Bạch Thế Tôn! Khi tụng những câu chi li con có đếm thẻ, nhưng cũng khó nhớ.

- Từ nay về sau hãy làm hai loại thẻ, một loại năm trăm và một loại bảy trăm. Khi muốn tụng, phải rửa tay sạch rồi cầm thẻ bỏ xuống đếm đến năm, lại rửa tay nữa. Nếu còn thẻ thì phải dùng nước thơm để rửa. Người khác muốn cầm thẻ cũng phải như vậy.

Đó gọi là hai cách đếm.

10. Không tụng thuộc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trong thôn có các Tỳ-kheo đang sống, khi Tăng vân tập sắp làm yết-ma Bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

- Xin Thượng tọa tụng giới. Thầy đáp:

- Tôi không thuộc.

Vị thứ hai, thứ ba cũng thế, cho đến Hạ tọa cũng nói như thế. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, thọ cụ túc rồi nên đọc hai bộ Luật. Nếu không thể đọc cả hai bộ thì nên đọc một bộ. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc năm thiên giới. Nếu cũng không thể đọc được thì nên đọc bốn, ba, hai hay một thiên. Khi Bố-tát nên đọc rộng năm bộ Diên Kinh. Nếu có nhân duyên không thể đọc được, thì nên đọc bốn, ba, hai hay

một, cho đến bốn Ba-la-di và các bài kệ, (rồi nói) các phần khác như Tăng đã thường nghe. Nếu Bố-tát mà không tụng giới thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Giả như cả chúng đều không có ai tụng thuộc, thì nên bảo Thượng tọa ra ngoài giới trường, tâm nghĩ, miệng nói:

- Kẻ dư thừa khi Bố-tát.

Rồi ba người còn lại trong giới trường nói ba lần Bố-tát. Làm như vậy là phạt Thượng tọa. Đó gọi là không tụng thuộc.

11. Không tụng thuộc tất cả:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang ở trong thôn xóm tập họp định Bố-tát, liền thưa với Thượng tọa:

- Xin Thượng tọa hãy tụng giới. Thầy đáp:

- Tôi chỉ tụng thông thạo có một thiên.

Tăng lại thưa Thượng tọa thứ hai, thì thầy đáp:

- Tôi chỉ tụng thuộc có hai thiên.

Như vậy, mỗi người chỉ tụng thuộc có một thiên, họ bèn tuần tự tụng mỗi người một thiên để Bố-tát. Nhưng khi Bố-tát xong sinh nghi, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, ta không cho phép cùng lần lượt tụng để Bố-tát. Nếu gặp trường hợp như thế thì cùng ủy thác cho một người Thông minh tụng thuộc để tụng. Khi tụng đến chỗ nào mà quên, thì

người khác được tụng tiếp. Nếu phối hợp nhau lần lượt tụng để Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không tụng thuộc tất cả.

12. Tụng xuôi, tụng ngược:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có các Tỳ-kheo đang sống trong thôn xóm, vân tập Bố-tát. Có một Tỳ-kheo tụng thuộc giới bản xuôi và ngược. Thầy bắt đầu tụng từ bài tựa cho đến pháp tùy thuận, rồi tụng ngược từ pháp tùy thuận lên giới bản để Bố-tát. Nhưng khi Bố-tát xong tâm sinh nghi ngờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép tụng ngược mà phải tụng xuôi. Nếu lúc tụng mà lỡ quên thì được tụng bổ khuyết. Người nào tụng xuôi rồi tụng ngược để Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là tụng xuôi, ngược.

13. Muốn nghe từ đầu:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo vân tập Bố-tát, tụng giới bản cho đến pháp tùy thuận thì có Tỳ-kheo khách tới, nói:

- Thưa Trưởng lão, tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin Trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe.

Người tụng bèn đọc lại từ bài tựa của giới cho đến pháp tùy thuận. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế

Tôn. Phật khiển trách:

- Vì sao các ông tụng lại giới bản cho người muốn nghe lại từ đầu? Từ nay về sau ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo Tăng vân tập Bố-tát tụng giới đến pháp tùy thuận mà có Tỳ-kheo khách đến rồi vào ngồi nghe, tức được gọi là Bố-tát. Nếu Tỳ-kheo khách nói: "Tôi sống trong xóm làng này mà chưa từng nghe tụng giới bản đầy đủ, xin Trưởng lão tụng đầy đủ cho tôi nghe", thì hãy đợi Tăng giải tán rồi hãy tụng cho vị ấy. Nếu Tăng chưa giải tán mà tụng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là muốn nghe từ đầu.

14. Chưa thọ cụ túc:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo nói cho người chưa thọ cụ túc về năm thiên tội từ tội Ba-la-di, đến tội Việt-tỳ-ni. Sau đó, vị Tỳ-kheo ấy vào thôn xóm, người thế tục nói:

- Trưởng lão, thầy phạm tội Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni.

Các Tỳ-kheo nghe thế lấy làm xấu hổ, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

- Vì sao các ông lại nói giới bản năm Thiên tội cho người chưa thọ cụ túc nghe? Từ nay về sau ta không cho phép đem nói với người chưa thọ cụ túc. Chỉ được nói: "Ông không được làm điều phi phạm hạnh, không được trộm cắp, không được sát sinh, không được nói dối v.v…", như vậy mà thôi.

Nếu ai đem nói tên của năm Thiên tội thuộc giới bản cho người chưa thọ cụ túc nghe thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa thọ cụ túc.

15. Tụng giới quá sớm:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, sáng sớm thức dậy liền Bố-tát. Khi làm xong, có Tỳ-kheo khách đến, nói:

- Trưởng lão hãy đến cùng tôi Bố-tát. Thầy đáp:

- Tôi đã Bố-tát rồi. Tỳ-kheo khách nói:

- Trưởng lão Bố-tát như thế là quá sớm.

Rồi thầy đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau không nên Bố-tát quá sớm. Nếu một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm thì đến ngày Bố-tát nên quét tháp và trú xứ của Tăng.

Nếu có người đến thì dùng nước hoa rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn, đợi Tỳ-kheo khách đến rồi cùng nhau Bố-tát. Nếu không có Tỳ-kheo khách đến mà bản thân mình có tội thì nên suy nghĩ: "Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh thì sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp".

Sau khi nghĩ thế xong, nên tâm niệm, miệng nói:

- Hôm nay ngày mười lăm, Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh thọ Bố-tát.

Nói như vậy ba lần. Nếu khi Bố-tát xong mà có Tỳ-kheo khách đến, thì vị này nên nói lời tùy hỷ: Trưởng lão đã Bố-tát, tôi là Mỗ giáp xin tùy hỷ.

Nếu không thể tùy hỷ thì phải ra ngoài cương giới Bố-tát. Nếu ai Bố-tát lúc sáng sớm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là Bố-tát quá sớm.

16. Một trú xứ:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đang đi trên đường, vì trời u ám, tưởng trời đã tối nên vào trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn Bố-tát. Khi Bố-tát xong thì trời quang tạnh, thấy mặt trời hãy còn sớm, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: "Chúng ta nên ra đi". Khi họ đi rồi, bỗng chốc chúng thứ hai lại đến. Thế rồi, họ Bố-tát tại đó, đồng thời nghỉ đêm luôn ở đây đến sáng hôm sau mới đi. Lúc đi trên đường bèn gặp nhóm Tỳ-kheo Bố-tát trước, liền hỏi:

- Thưa Trưởng lão, đêm rồi Trưởng lão nghỉ ở đâu?

- Nghỉ tại mỗ xứ.

- Vậy chứ Bố-tát nơi nào?

- Tại mỗ xứ.

- Chúng tôi cũng Bố-tát tại nơi đó.

Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau tại một chỗ không được Bố-tát hai lần. Nếu Tỳ-kheo đi xa, đến ngày Bố-tát vào

trú xứ của Tỳ-kheo trong thôn để Bố-tát, thì lúc Bố-tát xong không được im lặng bỏ đi, mà phải dặn lại Sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò: "Nếu có Tỳ-kheo đến thì nên nói cho họ biết rằng ở đây đã có Bố-tát rồi".

Nếu không có ai cả thì nên viết nơi cột hay cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Nếu mình đến sau thì nên hỏi, nên tìm dấu vết, không được Bố-tát liền. Nếu đoàn người trước không dặn, không làm dấu, đoàn người sau không hỏi, không tìm dấu vết, thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là một trú xứ.

17. Hai chúng:

Nếu hai chúng Tỳ-kheo khách đến, một chúng Bố-tát vào ngày mười bốn, một chúng Bố-tát vào ngày mười lăm, vậy thì nên theo ai?

- Nên theo chúng đến trước.

Nếu hai chúng cùng vào một lúc thì nên theo chúng có Thượng tọa. Nếu không phân biệt lớn nhỏ được thì nên theo người giữ luật.

Nếu hai chúng cùng có người giữ luật như nhau thì nên theo chúng nào ngõ lời trước, hoặc là ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, nên theo họ Bố-tát. Đó gọi là hai chúng.

18. Cả hai đều đã tụng, cả hai đều chưa tụng:

Khách Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười bốn, còn cựu

Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười lăm. Nếu khách Tỳ-kheo đến chỗ cựu Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo nói với khách Tỳ-kheo: "Thưa Trưởng lão, chúng ta cùng hợp tác

Bố-tát", thì lúc đó, khách Tỳ-kheo không được nói: "Chúng tôi đã Bố-tát xong", (rồi ở yên trong trú xứ), mà nên đi ra ngoài cương giới để giữ tính chất hòa hợp.

Nếu cựu Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười bốn, khách Tỳ-kheo Bố-tát ngày mười lăm mà khách Tỳ-kheo nói: "Trưởng lão, hãy Bố-tát", thì cựu Tỳ-kheo nên nói:

- Chúng tôi đã Bố-tát rồi.

Lúc ấy, khách Tỳ-kheo nên nói lời tùy hỷ:

- Trưởng lão đã Bố-tát rồi, chúng tôi xin tùy hỷ.

Nếu không tùy hỷ thì nên ra ngoài cương giới Bố-tát. Đó gọi là cả hai đều đã tụng hoặc cả hai đều chưa tụng.

19. Gởi dục:

Khi chúng Tăng vân tập Bố-tát, thì có một Tỳ-kheo vì việc y bát không đến dự được, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ này về sau, Ta cho phép gởi dục. Người gởi dục nên nói thế này:

- Xin Trưởng lão hãy lắng nghe. Hôm nay (hoặc ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm) chúng

Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin gởi dục Bố-tát thanh tịnh. Xin Trưởng lão hãy nói giúp tôi. (Nói như vậy ba lần).

Khi gởi dục, không được gởi cho người mù mờ, mà nên gởi cho người có thể nhận dục vào giữa chúng Tăng nói rành mạch. Nếu vì bận việc y bát mà lúc Bố-tát không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là gởi dục.

20. Nhận dục:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo Tăng vân tập làm yết-ma Bố-tát, thì có một Tỳ-kheo đang bệnh và lo việc y bát, gởi dục cho Tỳ-kheo khác, nhưng vị này không nhận. Do đó, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau phải nhận dục. Khi nhận dục phải tự suy nghĩ xem mình có thể truyền dục được không. Không được nhận dục nhiều người, chỉ nhận tối đa ba người. Khi gởi dục, nên nói như sau: Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay chúng Tăng Bố-tát, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin gởi dục Bố-tát thanh tịnh.

Nếu quên tên thì nên nhớ số tuổi, rồi nói:

- Vị Tỳ-kheo chừng ấy tuổi.

- Nếu đó là Tỳ-kheo khách thì nói là khách; bệnh thì nói là bệnh,:

- Tỳ-kheo... gởi dục Bố-tát thanh tịnh.

Nếu ai đang bệnh và lo việc y bát gởi dục mà không nhận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nhận dục.

21. Gởi dục nhiều:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng Bố-tát, những người gởi dục thì nhiều mà những người tập họp thì ít. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép khi Bố-tát mà những người gởi dục thì nhiều, còn những người tập họp thì ít. Nếu Bố-tát trong trường hợp ấy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là gởi dục nhiều.

22. Gởi dục bằng số người kia:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng Bố-tát, thì số người gởi dục bằng số người tập họp làm Bố-tát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép làm Bố-tát mà số người gởi dục bằng số người tập họp. Số người tập họp phải nhiều hơn, nếu bằng số người gởi dục mà Bố-tát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là số người gởi dục bằng số người tập họp.

23. Cù-sư-la:

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-

di, lúc ấy Tỳ-kheo Tăng vân tập Bố-tát, vị làm yết-ma xử đoán nói lớn tiếng, cư sĩ Cù-sư-la nghe thế bèn đi vào giới trường. Tăng liền im lặng. Chốc lát, ông ta bước ra, thì Tăng tiếp tục giải quyết sự việc lại nói lớn tiếng như trước. Đến ba lần như vậy, rồi cư sĩ thầm nghĩ: "Khi ta vào thì im lặng, khi ta ra thì lại lớn tiếng, giờ ta hãy vào mà không trở ra nữa", như trường hợp Cù-sư-la hỏi Tôn giả A-nan, mà trong Lục Nhập Diên Kinh đã nói rõ.

Lúc ấy các Tỳ-kheo sinh tâm nghi hoặc, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Nếu đó là người có đức hạnh cao quý muốn nghe chúng Tăng giải quyết công việc thì nên để cho ông ta nghe. Đồng thời, nếu trong chúng có người tài giỏi, nói năng lưu loát, giải quyết sự việc phân minh thì cứ tự nhiên tiến hành. Trái lại, nếu giải quyết sự việc trước kẻ phàm phu tầm thường thì phạm tội Việt-tỳ-ni:.

Đó gọi là Cù-sư-la cư sĩ.

24. Đại-ái-đạo:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Đại-ái-đạo Cù-đàm-di gởi dục mà Tỳ-kheo không nhận. Thế rồi, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đi đến

chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng hầu một bên, đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo không nhận dục con gởi thì ai nhận? Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp cho Đại-ái-đạo Cù-đàm-di khiến bà sinh tâm hoan hỷ, bèn cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi cáo lui. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni gởi dục thì nên nhận. Nếu mình là Thượng tọa thì nên nói:

- Tôi là Thượng tọa của chúng Tăng nên không nhận dục.

Hoặc là người dạy bảo Ni, hoặc là người tụng giới thì phải tự trình bày rõ, không nên nhận dục. Nếu là người coi phòng, người có bệnh thì nên nói:

- Tôi không đến trong Tăng, nên gởi dục người khác.

Trái lại nếu nói: "Tôi là Tỳ-kheo khất thực, tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi là người mặc y phấn tảo, tôi là hàng đại đức, rồi không nhận dục", thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nhưng nếu nói: "Tôi là Thượng tọa, là người dạy bảo Ni, là người tụng giới", rồi không nhận dục, thì không có tội. Đó gọi là Cù-đàm-di Đại-ái-đạo.

25. Xiển-đà:

Khi Phật an trú tại vườn Cù-sư-la ở Câu-diệm-

di, lúc ấy Tăng vân tập Bố-tát, thì Tỳ-kheo Xiển-đà không chịu đến. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch với Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Trường hợp ấy phạm vào tội gì? Phật dạy:

- Phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu Bố-tát mà Tỳ-kheo không chịu đến như thế thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu vì việc y bát nên không đến mà không gởi dục, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

26. Bị bệnh:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc Tỳ-kheo vân tập định Bố-tát thì có một Tỳ-kheo bệnh phong lên cơn động kinh, bèn nói với người ở phòng bên cạnh:

- Thưa Trưởng lão, tôi bị bệnh phong đang lên cơn, xin gởi dục thanh tịnh cho Trưởng lão.

Nhưng Tỳ-kheo ấy không nhận, thầy bèn đi đến trước Thượng tọa, cởi dép, quỳ gối chắp tay, bạch như sau:

- Con là Mỗ giáp, thanh tịnh, xin Thượng tọa ghi nhớ cho.

Nói như vậy ba lần, rồi đi. Các Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

Bạch Thế Tôn! Như vậy có được không? Phật dạy:

- Gởi dục như thế là tốt, đã làm đúng pháp.

Nhưng người không nhận dục thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là bị bệnh.

27. A-luyện-nhã:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và trong thôn xóm thường làm Bố-tát chung. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã vào trong thôn Bố-tát xong, liền đi. Họ đi không bao lâu thì có Tỳ-kheo khách đến, lại cũng Bố-tát tại đó, rồi nghỉ đêm luôn ở đây. Sáng hôm sau, hai bên gặp nhau, liền hỏi:

- Đêm hôm qua Trưởng lão nghỉ ở đâu?

- Nghỉ tại đây.

- Thế còn Bố-tát tại đâu?

- Cũng tại đây.

Họ nghe thế, lòng sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép tại một chỗ mà Bố-tát hai lần. Nếu ở A-luyện-nhã vào trong thôn Bố-tát thì khi ra đi không được làm thinh mà phải dặn lại Sa-di, hoặc người làm vườn, hoặc kẻ chăn bò: "Nếu sau đó có Tỳ-kheo đến thì nói cho họ biết là ở đây đã làm Bố-tát rồi". Nếu không có người, thì nên viết trên cột hoặc trên cánh cửa, hoặc rải hoa làm dấu. Người đến sau thì nên hỏi, tìm dấu vết. Nếu người ra đi không dặn dò, không làm dấu, còn người đến sau không hỏi, không tìm

dấu vết thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là A-luyện-nhã.

28. Không nên gởi dục mà gởi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập họp đúng lúc thì gởi dục yết-ma, tập họp phi thời thì gởi dục thanh tịnh. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép khi tập họp đúng thời thì gởi dục yết-ma, khi tập họp phi thời thì gởi dục thanh tịnh; trái lại, khi tập họp phi thời nên gởi dục yết-ma, khi tập họp đúng thời nên gởi dục thanh tịnh. Đồng thời khi tập họp đúng thời cũng có thể gởi cả hai loại dục, nói như sau: "Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Bố-tát - ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm - tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin gởi dục Bố-tát thanh tịnh, mong Trưởng lão nói giúp cho tôi". (Nói như vậy ba lần). Khi gởi dục yết-ma cũng nói ba lần. Nếu lúc tập họp phi thời mà gởi dục thanh tịnh, lúc tập họp đúng thời mà gởi dục yết-ma thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là không nên gởi dục mà gởi.

29. Sông A-chi-la:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo đi đến gần sông A-chi-la trải tọa cụ ngồi tụng giới. Thế rồi, nước sông dâng lên dần dần đến đầu

gối, rồi lên cao ngang miệng, khiến họ cực khổ tột độ. Sau đó, họ trở về chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Có thể đứng Bố-tát được không? Phật dạy:

- Được. Được đi, đứng, ngồi, nằm Bố-tát.

Đi Bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đi với khách buôn, đến ngày Bố-tát mà gặp đoạn đường nguy hiểm, khách buôn không dám chờ, thì được vừa đi vừa Bố-tát. Trước hết phải trù tính xem đi đến chỗ nào mới tụng xong giới bản, hoặc dãy núi, hoặc tảng đá, thì lấy đó làm tiêu xí, rồi đưa cánh tay ra chạm vào nhau làm yết-ma định cương giới Bố-tát. Khi làm yết-ma xong mới Bố-tát. Đó gọi là Bố-tát khi đi.

Đứng Bố-tát: Nếu Tỳ-kheo đông mà không có giường ghế để ngồi thì tất cả đứng đưa cánh tay ra chạm vào nhau mà Bố-tát. Đó gọi là đứng Bố-tát.

Ngồi Bố-tát: Có giường ghế dùng để ngồi Bố-tát. Đó gọi là ngồi Bố-tát.

Nằm Bố-tát: Nếu Tỳ-kheo già bệnh không thể ngồi lâu, mà giường kê sát bên nhau, thì có thể nằm Bố-tát. Đó gọi là nằm Bố-tát.

Tóm lại, đó gọi là sông A-chi-la.

30. Mười một trường hợp không được gọi là gởi dục:

a. Chuyển dục: Chẳng hạn nói: "Thưa Trưởng lão, trước đây tôi có nhận dục của Mỗ giáp giờ xin

chuyển lại Trưởng lão, gồm luôn cả dục của tôi". Đó gọi là chuyển dục.

b. Gởi dục qua đêm: Chẳng hạn ngày mai mới Bố-tát mà hôm nay đã gởi dục. Đó gọi là gởi dục qua đêm.

c. Ở ngoài cương giới: Ra ngoài cương giới gởi dục. Đó gọi là ở ngoài cương giới.

d. Tỳ-kheo-ni: Gởi dục cho Tỳ-kheo-ni. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.

e. Chưa thọ cụ túc: Gởi dục cho người chưa thọ cụ túc. Đó gọi là chưa thọ cụ túc.

f. Nhận dục rồi ra đi: Nhận dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là nhận dục rồi ra đi.

g. Gởi dục rồi ra đi: Gởi dục rồi ra khỏi cương giới. Đó gọi là gởi dục rồi ra đi.

h. Nhận dục rồi trả giới: Nhận dục xong rồi trả lại giới Cụ túc đã thọ (hoàn tục). Đó gọi là nhận dục rồi trả giới.

i. Gởi dục rồi trả giới: Gởi dục cho người khác rồi trả giới Cụ túc mà mình đã thọ. Đó gọi là gởi dục rồi trả giới.

k. Mất dục: Tỳ-kheo bị bệnh gởi dục xong rồi, nghe trong Tăng có pháp sư thuyết pháp, luật sư giảng luật, liền thân hành đến nghe. Nhưng ngồi lâu mỏi mệt, liền lặng lẽ rời chỗ ngồi ra về, vì nghĩ rằng trước đây mình đã gởi dục rồi. Trường hợp này không thể gọi là gởi dục, phải gởi dục lại. Đó

gọi là mất dục.

j. Hủy hoại chúng: Đến ngày Bố-tát, Tỳ-kheo Tăng vân tập, các Tỳ-kheo không đến liền gởi dục thanh tịnh. Thế rồi, gặp mưa gió dữ dội, hoặc bị lửa cháy, giặc cướp, do vậy, các Tỳ-kheo kinh hoàng bỏ đi hết. Trường hợp này không thể gọi là mang dục đến trong Tăng. Nhưng nếu còn một người ngồi lại, thì được gọi là mang dục đến trong Tăng.

Tóm lại, đó là mười một trường hợp không được gọi là gởi dục.

31. Bốn cách Bố-tát:

a. Một người thọ.

b. Hai người nói.

c. Ba người nói.

d. Bốn người tụng đầy đủ.

a. Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo sống trong thôn xóm, đến ngày Bố-tát cần phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người khác đến, thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, đốt đèn, rải hoa, rồi chờ Tỳ-kheo khách. Nếu không ai đến mà mình có tội thì nên thầm nghĩ: "Khi nào gặp Tỳ-kheo thanh tịnh ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp". Thầm nghĩ thế rồi, quỳ gối, chắp tay, tâm niệm miệng nói: "Hôm nay Tăng Bố-tát (Hoặc ngày thứ mười bốn, hoặc ngày thứ mười lăm), tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh thọ Bố-tát". (Nói

như thế ba lần). Đó gọi là một người thọ.

b. *Hai người nói:* Khi hai Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, đến ngày Bố-tát phải quét Tháp và Thiền viện của Tăng. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu có tội thì phải sám hối lẫn nhau đúng pháp, rồi quỳ gối chắp tay, nói như sau: "Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Bố-tát (Hoặc ngày thứ mười bốn, hoặc ngày thứ mười lăm), tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh". Đó gọi là hai người nói.

c. *Ba người nói:* Cũng như trường hợp hai người ở trên.

d. *Bốn người tụng đầy đủ:* Khi Bố-tát bốn người thì nên tụng đầy đủ giới bản. Đó gọi là tụng đầy đủ.

32. Bốn cách tụng giới:

a. Tụng từ bài tựa của giới cho đến hết bốn pháp Ba-la-di, (rồi nói) "Những vấn đề khác Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.

b. Tụng từ đầu đến hết mười ba pháp Tăng tàn, hai pháp Bất định, (rồi nói) "Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.

c. Tụng từ đầu đến hết ba mươi pháp Ni-tát-kỳ, (rồi nói) "Còn những giới khác như Tăng đã thường nghe", đoạn, tụng kệ kết thúc.

d. Tụng từ đầu đến chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, rồi tiếp tụng đầy đủ cho đến hết.

Đó gọi là bốn cách tụng.

33. Khi Bố-tát có bảy trường hợp nên ngăn cản:

a. Người không ở chung.
b. Người hành Biệt trụ.
c. Người chưa thọ cụ túc.
d. Chưa Thuyết dục. đ. Chưa điểm danh.
e. Vì vấn đề hòa hợp.
g. Sự hòa hợp chưa hoàn toàn.

Đó gọi là bảy trường hợp nên ngăn cản khi Bố-tát.

34. Khi Bố-tát có hai trường hợp nên ngăn cản:

a. Nếu thực hiện Bố-tát thì Tăng sẽ tranh chấp nhau.
b. Tăng bị phá.

Đó gọi là hai trường hợp nên ngăn cản.

Tóm lại, trên đây là vấn đề Bố-tát, gởi dục và nhận dục.

PHÉP AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo du hành vào mùa mưa, giẫm đạp làm hại nhiều sinh vật, bị người đời chê trách:

- Chín mươi sáu loại người xuất gia còn biết an cư, như chim ẩn mình nơi tổ, còn Sa-môn Thích tử tự cho mình là tốt đẹp mà không an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- Như thế thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay về sau, vào mùa mưa nên an cư. Phép an cư, cứ đến ngày mười sáu tháng tư, Tỳ-kheo nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói với Tỳ-kheo khác như sau:

- Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, sẽ an cư ba tháng đầu mùa mưa tại Tăng già-lam này. (Nói như vậy ba lần). Nếu Tỳ-kheo đang đi đường chưa đến trú xứ mà tới ngày an cư, thì nên thọ an cư ở bên lề đường, hoặc nơi gốc cây, hoặc trên xe, rồi rạng Đông hôm sau sẽ đến trú xứ.

Khi đến sau ngày an cư, nên trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói như sau:

- Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, an cư ba tháng sau mùa mưa tại Tăng già-lam này. (Nói như vậy ba lần).

Nếu Tỳ-kheo đi đường, đến ngày an cư mà không thọ tiền an cư thì phạm một tội Việt-tỳ-ni. Khi đến trú xứ tới ngày hậu an cư mà không thọ an cư thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Thế là người đó đã phá an cư, không được nhận y cúng dường.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo nương tựa thôn xóm để an cư mùa mưa, rồi người đàn-việt trông coi công việc của Tăng cần xả nước vào ruộng, bèn nhờ Tỳ-kheo đến xin vua tháo nước.

Lúc ấy, Tỳ-kheo mang theo y bát bên mình, đến cửa vua mấy lần mà không được yết kiến. Hơn nữa, đường sá lại xa xôi, nên thầy càng sợ trễ thời gian an cư. Đức Thế Tôn thấy thế, tuy biết, nhưng vẫn hỏi:

- Ông là khách Tỳ-kheo phải không?

- Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

- Ông là Tỳ-kheo ra đi phải không?

- Thưa không phải, bạch Thế Tôn.

- Thế thì vì sao mang theo y bát?

Tỳ-kheo bèn đem sự kiện kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, khi an cư mùa mưa, nếu có người bận công việc

của Tháp, của Tăng thì nên làm yết-ma cầu thính. Người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp an cư mùa mưa tại đây - Vì công việc của Tháp của Tăng - được đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp vì công việc của Tháp, của Tăng đi ra ngoài cương giới lo công việc rồi trở về lại trú xứ này an cư. Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu có trường hợp như trên vì tháp, vì Tăng, đi tìm kiếm các thứ như y, bát, bát nhỏ, tô, dây thắc lưng và tất cả các vật khác, thì ít nhất cũng phải tìm được một vật. Nếu không được gì cả, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Khi công việc xong nên trở về, hoặc nửa tháng, một tháng, hai tháng, cho đến sau khi Tự tứ phải trở về. Nếu không trở về thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu trên đường có bọn cướp nguy hiểm vì sợ mất mạng, phải Tự tứ ở đó, thì không có tội.

Đó gọi là phép an cư.

PHÉP TỰ TỨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo du hành đến nước Câu-tát-la, thấy một khu rừng ở gần sông Cừ-ma-đế. Trong rừng có một cây tát-la to lớn, rỗng ruột, tàng cây rậm rạp xum xuê, dưới cây bằng phẳng rộng rãi, cách thôn xóm không xa, không gần. Thấy thế, các Tỳ-kheo thầm nghĩ: "Ở đây an cư rất tốt". Kẻ trước, người sau, ai nấy trông thấy cũng đều nghĩ thế. Đến ngày an cư, một Tỳ-kheo đến đó trước,

dọn dẹp xung quanh cây khoảng khoát, đặt y bát, rồi trải cỏ mà ngồi. Trong chốc lát lại có Tỳ-kheo khác đến, hỏi:

- Trưởng lão muốn an cư ở đây sao? Thầy đáp:

- Vâng, ở đây rất tốt.

Cứ tiếp tục như vậy đến sáu mươi người. Thế rồi, người đến trước hỏi các Tỳ-kheo đến sau:

- Các Trưởng lão đều muốn an cư ở đây cả sao? Họ đáp:

- Vâng, ở đây rất tốt. Trong cây này có thể cất được y bát, còn xung quanh bên trái bên phải thì đủ chỗ để an cư.

Khi thọ an cư xong, họ bàn nhau:

- Thưa các Trưởng lão, chúng ta nên quy định điều gì để được sống an lạc?

Mọi người đáp:

- Đời sống phải lo âu khổ não đều do thân và miệng. Chúng ta đã được nơi yên tịnh thế này hãy cùng nhau im lặng, vậy hãy cam kết không được nói chuyện.

Sau khi cam kết không nói chuyện, họ tuân thủ suốt ba tháng, rồi an cư xong họ trở về thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông an cư ở đâu?

- Bạch Thế Tôn, tại mỗ xứ.

- Có ít bệnh, ít khổ não, khất thực không khó

khăn, hành đạo đúng pháp, sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn, ít bệnh, ít khổ não, khất thực dễ dàng, sống an lạc, im lặng trong ba tháng, rồi từ biệt nhau ra đi.

- Đó là việc xấu. Như thế chẳng khác gì oan gia sống với nhau, lẽ ra nên nói chuyện với nhau mới phải.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, A-na-luật, Kim-tỳ-lư, Bạt-đề cùng nhau an cư tại núi Tháp. Khi an cư xong, họ trở về thành Xá-vệ, đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Các ông an cư ở đâu?

- Bạch Thế Tôn! Tại mỗ xứ.

- Này các Tỳ-kheo, có ít bệnh, ít khổ não, khất thực không khó khăn, hành đạo đúng pháp, sống an lạc không?

- Bạch Thế Tôn! Ít bệnh, ít khổ não, khất thực dễ dàng, sống im lặng an lạc ba tháng không nói chuyện, rồi từ biệt nhau.

- Đó là việc xấu, giống như oan gia sống với nhau. Từ nay về sau ta không cho phép không nói chuyện với nhau. Nếu muốn thuận lợi, ít việc thì có thể không nói trong nửa tháng; nhưng đến ngày Bố-tát thì phải nói năng, chào hỏi, vấn an chúc tụng nhau. Qua ngày Bố-tát thì lại tiếp tục như

trước. Nếu vì kiêu căng, giận dữ mà không nói chuyện với nhau thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Kể từ hôm nay vì các đệ tử ta chế định phép Tự tứ gồm các vấn đề:

1. Ba tháng.
2. Nói ba việc.
3. Kết thúc an cư.
4. An cư ở đâu Tự tứ ở đó.
5. Từ Thượng tọa.
6. Hòa hợp.

1. ***Ba tháng:*** Từ ngày mười sáu tháng Tư đến ngày mười lăm tháng bảy.

2. ***Nói ba việc:*** Thấy, nghe và nghi.

3. ***Kết thúc an cư:*** Tiền an cư từ ngày mười sáu tháng Tư đến ngày mười lăm tháng bảy . Hậu an cư từ ngày mười sáu tháng năm đến ngày mười lăm tháng tám . Nếu trong chúng an cư có một người tiền an cư thì đến ngày mười lăm tháng bảy tất cả chúng đều đồng loạt thọ tự tứ với người này. Nhưng khi Tự tứ xong phải ở lại cho đến ngày mười lăm tháng tám . Nếu tất cả đều hậu an cư thì tất cả đều phải Tự tứ vào ngày mười lăm tháng tám . Đó gọi là kết thúc an cư.

4. ***An cư ở đâu Tự tứ ở đó***: Nếu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm rồi nghe trong thành đến ngày Tự tứ có cúng dường các phẩm vật và Thuyết pháp

suốt đêm, mà cả chúng đều muốn đến dự thì nên Tự tứ ngày mười bốn xong rồi mới đi. Nếu an cư nơi này mà Tự tứ nơi khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

5. ***Từ Thượng tọa:*** Không được theo thứ tự ngược từ nhỏ trở lên mà phải theo thứ tự từ Thượng tọa trở xuống; không được đặt người từng hàng theo lối sớt thêm thức ăn; không được việt vị; không được xướng tổng quát:

- Tất cả Đại đức Tăng nếu thấy nghe nghi tội thì tự do nói. Đó gọi là từ Thượng tọa.

Tăng nên cử một người thành tựu năm pháp làm người nhận Tự tứ. Hoặc một, hoặc hai người, không thể nhiều hơn. Rồi người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp thành tựu năm pháp. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp làm người nhận Tự tứ.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Tỳ-kheo Mỗ giáp Mỗ giáp làm người nhận Tự tứ, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Người nhận yết-ma rồi nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Thời gian Tự tứ đã đến. Nếu thời gian của Tăng thích hợp thì tất cả Tăng đều thọ Tự tứ. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi, người Tự tứ trước nhất bắt đầu từ Thượng tọa. Thượng tọa phải trật vai áo bên phải

quỳ gối, chắp tay nói (Với người nhận Tự tứ) như sau:

- Xin Trưởng lão ghi nhớ cho. Hôm nay ngày mười lăm Tăng Tự tứ. Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, nếu có tội do thấy, nghe hay nghi xin Trưởng lão và Tăng xót thương nói cho Tôi biết. Nếu thấy biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp". (Nói như thế ba lần).

Kế tiếp đến người thứ hai. Người thứ hai này nếu là Hạ tọa thì phải cúi đầu sát dưới chân, nói (Như trên, chỉ có tiếng Đại đức là khác). Nếu hai người cùng làm người nhận Tự tứ, thì một người nhận Thượng tọa Tự tứ, còn một người nên rời khỏi chỗ ngồi xuống đứng phía trước. Khi Thượng tọa nói Tự tứ xong thì tiếp đến Hạ tọa nói. Cứ như thế lần lượt theo thứ tự đến người cuối cùng. Bản thân người nhận Tự tứ phải Tự tứ trước, chứ không được nhận Tăng Tự tứ rồi mình mới Tự tứ sau.

6. ***Hòa hợp:*** Không được thọ Tự tứ trong lúc Tăng không hòa hợp. Không được gởi dục thọ Tự tứ. Nếu có người bệnh thì phải đem họ đến. Nếu đem đến e nguy đến tính mạng thì Tăng nên tề tựu bên giường (để Tự tứ). Nếu bệnh nhân nhiều thì nên khiêng cả giường đến, rồi đặt cạnh giường liên tiếp nhau. Nếu khiên giường đến e lâm nguy đến tính mạng, thì các Tỳ-kheo không bệnh nên ngồi nối tiếp nhau (Từ chỗ người bệnh đến chỗ Tự tứ). Nếu ngồi không tiếp giáp, thì những Tỳ-kheo

không bệnh nên ra ngoài cương giới Tự tứ; còn Tỳ-kheo bệnh thì Tự tứ trong cương giới. Trong trường hợp đại chúng đông, hoặc một vạn, hai vạn, thì nên vân tập tất cả một chỗ, hoặc là giảng đường, trai đường, nhà tắm để thọ Tự tứ. Còn những người khác thì vừa xỉa răng, vừa đi đại Tiểu tiện, vừa ăn, cứ như thế suốt ngày thông qua đêm, đều phải ở nơi đó mà Tự tứ cho đến trước rạng đông hôm sau, không được rời khỏi chỗ, không được đi xa. Nếu đại chúng đông đến sáu vạn, tám vạn người, sợ làm không rốt ráo, thì nên đem bớt một số ra ngoài cương giới Tự tứ. Hoặc một người thọ Tự tứ, hoặc hai người nói, hoặc ba người, bốn người nói Tự tứ. Còn trường hợp năm người thì phải Tự tứ đầy đủ. Một người thọ: Khi một Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm, đến ngày Tự tứ phải quét Tháp và Tăng viện. Nếu có người đến thì nên dùng nước thơm rưới trên đất, rải hoa, đốt đèn. Nếu bản thân có tội thì nên thầm nhủ: "Nếu gặp được Tỳ-kheo thanh tịnh đến thì ta sẽ đoạn trừ tội này đúng như pháp". Thầm nhủ như thế rồi, phải quỳ gối, chắp tay, tâm niệm, miệng nói: "Nay Tăng Tự tứ ngày mười lăm, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp thanh tịnh thọ Tự tứ". (Nói như vậy ba lần).

Hai người nói: Khi có tội thì sám hối với nhau đúng pháp, rồi trật vai áo bên phải, quỳ gối, chắp tay, nói: "Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, hôm nay Tăng Tự tứ ngày mười lăm, nếu tôi có tội do thấy,

nghe hoặc nghi, xin Trưởng lão xót thương nói cho tôi biết. Nếu tôi tự thấy hay biết mình có tội, tôi sẽ đoạn trừ đúng pháp". (Nói như thế ba lần).

Trường hợp ba người, bốn người cũng nói như trên. Nhưng trường hợp năm người thì nên Tự tứ đầy đủ.

Tóm lại, trên đây là phép Tự tứ.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 28

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ SÁU

VẤN ĐỀ Y CA HI NA

Khi Phật an trú tại Câu-thiểm-di, vườn Cù-sư-la, được chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, phu nhân của vua Câu-thiểm-di đem năm trăm tấm lụa dâng cúng cho Thế Tôn. Phật bèn bảo A-nan:

- Ông đem các tấm lụa này cho các Tỳ-kheo. Nhưng các Tỳ-kheo không lấy, nói với A-nan:

- Đức Thế Tôn không cho phép cất vải thừa, dùng lụa này để làm gì? Hơn nữa, nó cũng chưa được giặt nhuộm, lại càng không hợp pháp.

- A-nan bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với A-nan:

- Từ nay trở về sau, Ta cho phép cất vải thừa trong mười ngày.

Thế rồi, các Tỳ-kheo cất các vải ấy đủ mười

ngày, bèn cầm đến bạch với Phật:

- Các vải này đã cất đủ mười ngày, bạch Thế Tôn! Phật liền dạy:

- Từ nay trở về sau, Ta cho phép thọ y Ca-hi-na. Y Ca-hi-na có các trường hợp: Thời gian; chúng Tăng nhiều người, một người; năm việc lợi ích; mới; chưa thọ; bất đình, tiệt tịnh; nhiễm tịnh; điểm tịnh; đao tịnh.

1. Thời gian: Thời gian thọ y Ca-hi-na từ mười sáu tháng bảy đến mười lăm tháng tám. Đó gọi là thời gian.

2. Chúng Tăng: Chúng Tăng làm y Ca-hi-na thì không được cho nhiều người, không được cho một người; nhiều người làm y Ca-hi-na thì không được cho một người.

3. Năm việc lợi ích: Khỏi phạm năm tội sau đây: được ăn riêng chúng; được ăn nhiều chỗ; trước bữa ăn, sau bữa ăn đi đâu không cần bạch với chúng; được cất vải lâu ngày; được rời y mà ngủ. Đó gọi là năm việc lợi ích.

4. Mới: vải mới.

5. Chưa thọ: Chưa từng dùng làm ba y.

6. Bất đình: Y tịnh thí khi xả rồi được dùng làm y Ca-hi-na. Đồng thời các loại y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, y che ghẻ, y tắm mưa và những tấm vải được may thêu mà chưa sử dụng đều được dùng làm y Ca-hi-na.

7. Tiệt tịnh: Cắt các tua để tác tịnh.

8. Nhiễm tịnh: Nhuộm để tác tịnh.

9. Điểm tịnh: Chấm ở góc để tác tịnh.

10. Đao tịnh: Dùng dao cắt ba nhát, đứt ba sợi, cách đầu góc tấm vải chừng bốn ngón tay, đó gọi là đao tịnh.

Nếu đàn-việt cúng dường cho Tăng vải may y Ca-hi-na, thì không được im lặng thọ nhận, mà người thọ nhận nên nói như sau:

- Nay tôi nhận vải để may y Ca-hi-na này cho Tăng.

Khi nhận xong, đem vào giữa Tăng, tay cầm tấm vải căng ra, dơ cao lên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tấm vải này, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nhận lấy tấm vải may y Ca-hi-na này. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nay Tăng được tấm vải này, Tăng nay nhận tấm vải may y Ca-hi-na này. Các Đại đức nào bằng lòng nhận lấy tấm vải này để may y Ca-hi-na thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói: Tăng đã bằng lòng nhận lấy tấm vải may y Ca-hi-na này xong, vì im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi nhận xong, xem trong Tăng ai có thể may y Ca-hi-na được thì làm yết-ma giao cho một, hai hoặc ba người. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được tấm vải này. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng. Đây là lời tác bạch.

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được tấm vải này, Tăng nay cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na

cho Tăng. Các Đại đức nào bằng lòng Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp và những người khác may y Ca-hi-na cho Tăng thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói.

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp may y Ca-hi-na cho Tăng xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Một người làm chủ trong số những người làm yết-ma, khi nhận tấm vải này, nên nói như sau:

- Nhận tấm vải may y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận. (Nói như vậy ba lần)

Khi giặt nên nói như sau:

- Giặt y Ca-hi-na này, Tăng nên nhận.

Khi cắt, khi may, khi nhuộm, khi điểm tịnh tùy theo việc làm gì đều nói như trên.

Người dùng dao điểm tịnh, khi hạ dao cắt cách đầu góc tấm vải bốn ngón tay, nên nói như sau:

- Y Ca-hi-na này Tăng nên thọ. (Nói ba lần như thế)

Khi làm các việc khác cũng phải nói như thế. Nếu tác tịnh mà không nói thì cũng được gọi là y Ca-hi-na, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm các việc đều nói mà không tác tịnh, thì không được gọi là y Ca-hi-na, phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu mỗi việc làm đều khởi tâm tác tịnh, thì được gọi là y Ca-hi-na, không có tội.

Nếu Tăng được y đúng thời, làm xong, thì tất cả nên hòa hợp.

Người làm yết-ma nên cầm y xổ ra, đưa cao lên, nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Nay Tăng được y này đã làm xong. Tăng nay thọ y Ca-hi-na này. Các đại đức nào bằng lòng thọ y Ca-hi-na này thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Tăng đã bằng lòng thọ y Ca-hi-na xong, vì im lặng; tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi thọ y xong, nên xếp lại bỏ vào rương, rải hoa lên trên, rồi từ Thượng tọa trở xuống theo thứ tự, nói lời tùy hỷ như sau:

- Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, Tăng ở trú xứ này thọ y Ca-hi-na, tôi Tỳ-kheo Mỗ giáp xin tùy hỷ thọ cho đến hết bốn tháng mùa Đông. Khi ở trú xứ này hết thời hạn, tôi sẽ xả. (Nói như vậy ba lần)

Nếu đại chúng đông đến một vạn, hai vạn người, tập họp khó khăn, thì nhiều người được thọ y Ca-hi-na riêng, nhưng tất cả phải làm như đại chúng, chỉ có gọi tiếng nhiều người là khác thôi. Tuy nhiên, từ bốn người trở lên thì không được làm riêng. Nếu chỉ có một người làm thì khi thọ nên nói:

- Nay tôi xin nhận tấm vải làm y Ca-hi-na này. (Nói như vậy ba lần)

- Khi cắt nên nói như sau:

- Y Ca-hi-na này nay tôi xin thọ.

Khi may, khi giặt, khi nhuộm, khi điểm tịnh, khi cắt làm dấu tác tịnh đều nói như trên.

- Khi làm hoàn thành, tâm nghĩ miệng nói:

- Tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp, thọ y Ca-hi-na này. (Nói như vậy ba lần)

Vấn đề thọ y Ca-hi-na có các trường hợp: Có trường hợp khi làm mà không phải khi thọ. Có trường hợp khi thọ mà không phải khi làm. Có trường hợp khi làm cũng là khi thọ. Có trường hợp không phải khi làm, cũng không phải khi thọ.

1. Khi làm mà không phải khi thọ: Trong đây có khi cầm để làm mà không phải cầm để thọ trì, cũng được gọi là thọ.

2. Khi thọ mà không phải khi làm: Khi cầm để thọ trì mà không phải cầm để làm, cũng được gọi là thọ.

3. Khi làm cũng là khi thọ: Khi cầm để làm cũng là khi cầm để thọ. Đó gọi là khi làm cũng là khi thọ.

4. Không phải khi làm, cũng không phải khi thọ: Không phải thọ ngay khi cầm để làm, cũng không phải thọ khi thọ.

Khi thọ nên tùy hỷ, nói:

- Xin Trưởng lão ghi nhớ cho, trú xứ này Tăng thọ y Ca-hi-na, tôi là Tỳ-kheo Mỗ giáp xin tùy hỷ thọ đến hết bốn tháng mùa đông, tùy theo trú xứ này mãn hạn, tôi sẽ xả.

Đó là những vấn đề thuộc y Ca-hi-na.

CHẲNG PHẢI Y CA HI NA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Tôn-đà-la-nan-đà dùng vải thưa làm y Ca-hi-na. Phật dạy:

- Ta không cho phép dùng vải thưa làm y Ca-hi-na.

Khi ấy, Tôn giả A-nan-đà dùng nhung kiếp bối làm y Ca-hi-na. Lại có Tỳ-kheo dùng một miếng vải nhỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng vải cũ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng mền bằng lông dê để làm. Lại có

Tỳ-kheo dùng mền bằng tóc để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng cỏ để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng

áo bằng da để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng vỏ cây để làm. Lại có Tỳ-kheo dùng áo bằng miếng gỗ để làm. Phật dạy:

- Tất cả những thứ vừa kể trên đều không nên làm. Tất cả những thứ ấy đều chẳng phải là y, không thể gọi là y Ca-hi-na.

Lại có các trường hợp không thể gọi là y Ca-hi-na như sau:

- Làm lúc phi thời.
- Không cắt bỏ các tua cho sạch.
- Không nhuộm cho sạch.
- Không điểm tịnh.
- Không dùng dao tác tịnh.

Những trường hợp như vậy đều không được gọi là y Ca-hi-na.

THỂ THỨC XẢ Y CA HI NA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo thường thường thay y, trước bữa ăn, mặc một y khác, sau bữa ăn, mặc một y khác. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Những y mà ông thường thường thay đổi là y của ai vậy?
- Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.
- Vì sao nhiều quá vậy?

- Vì con thọ y Ca-hi-na.

- Vì sao lúc nào ông cũng thọ y Ca-hi-na? Từ nay về sau phải xả bỏ. Có mười trường hợp xả y như sau:

1. Y cánh xả.
2. thọ thời xả.
3. Thời cánh xả.
4. Văn xả.
5. Tống xả.
6. Hoại xả.
7. Thất xả.
8. Xuất khứ xả.
9. Thời quá xả.
10. Cứu cánh xả.

1. ***Y cánh xả:*** Khi thọ y Ca-hi-na, nghĩ như sau: "Khi ta may y xong sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi may y hoàn thành, tức là xả. Đó gọi là y cánh xả.

2. ***Thọ thời xả:*** Khi thọ y, suy nghĩ: "Khi ta thọ y này sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi thọ y tức là xả. Đó gọi là thọ thời xả.

3. ***Thời cánh xả:*** Nếu suy nghĩ: "Đến thời gian ấy ta sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi tới thời gian ấy tức là xả. Đó gọi là thời cánh xả.

4. ***Văn xả:*** Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta nghe Hòa thượng, A-xà-lê xả y Ca-hi-na thì ta sẽ xả". Sau đó nghe Hòa thượng, A-xà-lê nói: "Hôm nay Tăng

xả y Ca-hi-na", thì khi ấy, tức là xả. Đó gọi là văn xả.

5. ***Tống xả:*** Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta đem cái y này cho người khác xong thì sẽ xả y Ca-hi-na", sau đó đem cho cái y của mình, tức là xả. Đó gọi là tống xả.

6. ***Hoại xả:*** Trong thời gian sau khi thọ y Ca-hi-na rồi, bỗng nhiên một hôm nói: "Nay ta xả y Ca-hi-na", thì khi nói lời ấy tức là xả. Đó gọi là hoại xả.

7. ***Thất xả:*** Nếu suy nghĩ: "Khi nào cái y này hư, hoặc mất không còn nữa thì ta sẽ xả y Ca-hi-na", sau đó chiếc y ấy bị hư hoặc mất, tức là xả. Đó gọi là thất xả.

8. ***Xuất khứ xả:*** Nếu suy nghĩ: "Khi nào ta rời khỏi đây thì sẽ xả y Ca-hi-na", thì khi ra đi tức là xả. Đó gọi là xuất khứ xả.

9. ***Thời quá xả:*** (453b) Nếu tới ngày mười lăm tháng chạp mà không xả, để đến ngày mười sáu đương nhiên là xả, nhưng phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thời quá xả.

10. ***Cứu cánh xả:*** Đến ngày mười lăm tháng chạp đương nhiên phải xả. Một người nên xướng ở giữa Tăng như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe. Hôm nay Tăng xả y Ca-hi-na. (Nói như vậy ba lần).

Đó gọi là Cứu cánh xả.

Trên đây là mười trường hợp xả y Ca-hi-na.

VẤN ĐỀ Y PHÁP

Có các trường hợp sau đây:

- Trong lúc an cư chưa xong. Khi an cư xong. Trong lúc đang an cư. Vì sợ mất mạng. Vì sợ mất phạm hạnh. Y phi thời. Y đúng thời. Việc xảy ra ở Câu-thiểm-di.

1. Trong lúc an cư chưa xong.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư trong thôn xóm chưa kết thúc mà đến nhà đàn-việt, nói như sau:

- Này lão trượng! Hãy cúng dường y an cư cho tôi.

- Thưa Tôn giả! Nay chưa đúng lúc, đợi khi an cư kết thúc, mùa màng thu hoạch xong, dân chúng hoan hỷ nghĩ nhớ công ơn, phát tâm bố thí, bấy giờ mới có thể bố thí được.

- Này lão trượng! Ông không biết rằng cuộc đời này vốn vô thường, hoặc bị nạn vua quan, nạn nước lửa, hoặc bị cướp bóc, lúc ấy tôi sẽ mất lợi mà ông cũng mất phước.

- Tôn giả chỉ cho tôi thấy lẽ vô thường mà không tự thấy chính mình. Tôn giả muốn được gấp

phẩm vật an cư để đem đi nơi khác, hay là muốn thôi tu mà gấp gáp đến như vậy? Kỳ thay, quái gỡ, nhiều tham dục không biết chán.

Ông nói thế rồi, sinh tâm không hoan hỷ, bèn bỏ đi. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bèn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy. Bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Vì sao an cư chưa kết thúc mà các ông đòi cúng dường y an cư? Từ nay về sau, Ta không cho phép an cư chưa kết thúc mà đòi cúng dường y an cư. Nếu ai làm như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là trường hợp an cư chưa xong.

2. Khi an cư xong.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn an cư xong bèn chia y an cư. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo an cư tại chỗ khác xong, liền đến giữa Tăng chúng Kỳ-hoàn, nói như sau: "Thưa Trưởng lão, Đức Thế Tôn chế định khi an cư xong sẽ được phần y an cư. Tôi cũng đã an cư xong, đương nhiên phải được y an cư. Vậy hãy chia phần y an cư cho tôi".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- An cư nơi khác thì đương nhiên không được phần y an cư nơi này.

Tùy theo an cư nơi nào thì nhận phần nơi đó.

Đó là trường hợp an cư xong.

3. Trong lúc đang an cư.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đến ngày an cư, bèn nhận phòng xá, rồi đem giày da, dụng cụ để nhuộm và các vật linh tinh khác bỏ vào trong phòng, đoạn, nói như sau:

- Thưa các Trưởng lão, tôi an cư nơi đây. Các vị chớ có chán ghét tôi. Tôi biết các vị thường không ưa tôi.

Thế rồi, họ thuê người nhận phần y an cư. Đoạn, tìm nơi khác an cư.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Hễ an cư ở nơi nào thì nhận phần y ở nơi đó.

4. Vì sợ mất mạng.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, tại Tỳ-xá-ly gặp nạn đói lớn, khất thực khó khăn. Các Tỳ-kheo bèn đi đến thành Xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Các Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-ly bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn hỏi:

- Thưa các Trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định

hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó. Vậy các vị an cư ở đâu?

- Thưa Trưởng lão! Chúng tôi sợ mất mạng nên mới đến đây. Nếu không đến đây thì e đói chết mất.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- Nếu vì sợ mất mạng mà đến thì nên chia phần y. Đó gọi là trường hợp sợ mất mạng.

5. Vì sợ mất phạm hạnh.

Bấy giờ, tại thành Vương xá có một người con của ngoại đạo xuất gia. Khi ấy, cha mẹ muốn đến đem con về nhà thì những người khác nói:

- Sa-môn rất trọng việc an cư, trong lúc an cư ắt hẳn không gây trở ngại gì, bấy giờ hãy đem về.

Người chị vì thâm tín pháp Phật nên nói với em:

- Cha mẹ muốn đem em về nhà, vậy hãy nhanh chóng lánh đi nơi khác.

Người em bèn đi đến thành Xá-vệ, gặp lúc các Tỳ-kheo ở Tinh xá

Kỳ-hoàn vừa an cư xong, đang chia y. Thầy Tỳ-kheo ấy bèn vào tham dự. Các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn hỏi:

- Này Trưởng lão! Đức Thế Tôn chế định hễ an cư ở nơi nào thì được nhận phần y ở nơi đó, (Ngoại

trừ trường hợp ở nơi khác) sợ bị mất mạng mà đến mới được chia phần. Còn thầy thì như thế nào?

- Vì cha mẹ muốn đem tôi về nhà, nếu tôi không đến đây thì sẽ mất phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- Nếu vì sợ mất phạm hạnh mà đến thì nên cho phần y. Đó gọi là sợ mất phạm hạnh.

6. Y phi thời.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Y của ai thế?

- Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

- Đây là y đúng thời hay y phi thời?

- Bạch Thế Tôn! Đây là y phi thời.

- Đã tịnh thí chưa?

- Bạch, chưa.

- Tất cả các y đó nên cho chúng Tăng. Đó gọi là y phi thời.

7. Y đúng thời.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đi du hành trong nhân gian, chở đầy xe y đi đến. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Đó là y của ai vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là y của con.

- Đây là y đúng thời hay y phi thời?

- Đây là y đúng thời.

- Y này nhiều quá, đem cho Tăng bớt một nửa. Đó gọi là y đúng thời.

8. Việc xảy ra tại Câu-thiểm-di.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Lúc ấy, quân của nước Câu-tát-la cướp lấy xóm làng Câu-thiểm-di, rồi kéo về thành Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn (thuộc Xá-vệ) đến xóm làng này đòi y cúng dường an cư. Các Tỳ-kheo ở Câu-thiểm-di trước đó đã an cư tại xóm làng này, bèn nói:

- Này Trưởng lão! Trước đây tôi nương nơi xóm làng này mà an cư, lẽ ra tôi phải đòi trước.

Thế là hai người cãi nhau, rồi cùng kéo đến chỗ Phật, đem sự việc trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Ai an cư tại đó thì được quyền đòi trước, rồi mới đến người khác. Nếu hai người cùng đòi thì nên cùng chia đều. Nếu Tỳ-kheo an cư tại đó chưa đòi mà người khác đòi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, bấy giờ có hai đệ tử đồng hành của Tôn giả Kiếp Tân Na nhân vì có việc bất bình nên xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi sau đó thọ cụ túc trở lại. Khi ấy, các Tỳ-kheo ở Kỳ-hoàn an cư xong, chia y mà không chia cho họ, nên

họ nói:

- Thưa Trưởng lão! Vì có việc bất bình nên tôi xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ cụ túc trở lại. Vậy nên chia phần cho chúng tôi.

Thế rồi họ cùng đi đến, bạch với Phật. Phật dạy:

- Nếu người nào có việc bất bình mà xả giới, nhưng không hủy hoại phạm hạnh, rồi thọ cụ túc trở lại, thì nên chia phần đồng đều. Thế nhưng, có năm trường hợp không nên cho. Đó là:

1. Bị cử.
2. Thôi tu.
3. Qua đời.
4. Phá an cư.
5. Đi không dặn lại.

1. *Bị cử:* Phạm một trong ba kiến giải, hủy báng kinh điển, tà kiến, biên kiến, được khuyên can mà không bỏ lỗi, bị làm yết-ma cử tội. Đó gọi là bị cử.

2. *Thôi tu:* Người nào xả giới thì không nên cho. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay đảng cướp, nói như sau:

- Nếu Sa-môn không chia phần cho tôi, thì tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối.

Với hạng người như thế tuy không đáng cho ta cũng nên cho. Đó gọi là người thôi tu.

3. *Qua đời:* Người chết thì đương nhiên không được chia phần. Tuy nhiên, khi y an cư đã tập trung chưa chia, mà có người sắp mệnh chung rồi

căn dặn đem phần mình cho người nào đó, thì khi người ấy qua đời, nên đem cho người đó. Đó gọi là qua đời (Vô thường).

4. *Phá an cư:* Tỳ-kheo không tiền an cư, không hậu an cư đương nhiên không được chia phần. Nhưng nếu họ dựa thế lực của nhà vua, đại thần hay bọn giặc mà nói: "Nếu không cho tôi, tôi sẽ gây ra chuyện rắc rối", thì hạng người như vậy tuy không đáng cho, cũng nên cho. Đó gọi là phá an cư.

5. *Đi không dặn lại:* Người ra đi mà không dặn lại lấy giúp phần y của mình, thì không nên cho. Khi chia, người chia phẩm vật nên hỏi: "Ai nhận phần cho Mỗ giáp?". Nếu có người nhận thì nên hỏi: "Khi vị ấy đi có dặn thầy nhận không?" Nếu trả lời: "Không dặn", thì nên nói: "Thầy đừng lo về việc ấy". Nếu nói: "Có dặn", thì nên xem tướng người ấy. Nếu là người đáng tin, thì nên đưa. Nếu là người không đáng tin thì nên nói: "Thầy đừng lo về việc ấy". Nếu hai người ấy trước đây đồng chí hướng, thường nhận giúp cho nhau, thì nên đưa.

Đó gọi là năm trường hợp.

PHẨM VẬT THUỘC TĂNG HIỆN TIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như

trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo an cư xong, trở về thăm quê hương của mình. Những người bà con bèn thiết lễ cúng dường rộng rãi các y vật nhân dịp Tỳ-kheo này về thăm. Chư Tăng trước đây an cư nơi xóm làng này nghĩ rằng vì mình an cư nên được cúng dường, do đó, không chia phần cho vị Tỳ-kheo kia. Các người bà con bèn hỏi thầy:

- Thầy có được phần y không?

- Không được.

- Chúng tôi vì thầy mà thiết lễ cúng dường này, tại sao lại không được?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- Đàn-việt vì Tỳ-kheo này mà thiết lễ cúng dường, vậy nên chia phần cho thầy ấy.

Rồi Phật tiếp:

- Có năm cách nói thì khi cúng dường như sau: Y này cúng dường cho chúng Tăng an cư. Tiền sắm y này cúng dường cho chúng Tăng an cư. Phẩm vật này cúng dường cho chúng Tăng an cư. Số tiền sắm vật dụng này cúng dường cho chúng Tăng an cư. Cúng dường cho những người an cư ở trú xứ này.

Đó gọi là năm cách nói cúng dường.

Nếu gia đình bố thí muốn cúng dường chung cho các Tỳ-kheo khác, thì tùy theo ý nguyện của

đàn-việt, nên cho đều.

Lại có bốn thứ phẩm vật tùy theo thí chủ nói mà thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là khi họ nói:

- Tôi cúng dường y; tiền sắm y; phẩm vật; tiền sắm vật dụng. Đó gọi là bốn thứ phẩm vật thuộc Tăng hiện tiền.

Lại có mười loại khi nhận được phải thuộc về Tăng hiện tiền. Đó là:

1. Thuốc dùng đúng thời.
2. Thuốc dùng ban đêm.
3. Thuốc dùng trong bảy ngày.
4. Thuốc dùng suốt đời.
5. Vật của Tỳ-kheo qua đời.
6. Vật bố thí cho trú xứ.
7. Vật cúng dường trong các dịp đại hội.
8. Y phi thời.
9. Vật linh tinh.
10. Mời thọ trai.

1. ***Thuốc dùng đúng thời:*** bữa ăn trước, bữa ăn sau, bữa ăn a ba na, Tăng hiện tiền có quyền thọ hưởng. Đó gọi là thuốc (thức ăn) đúng thời.

2. ***Thuốc dùng ban đêm***: Gồm mười bốn loại nước uống như trước kia đã nói. Đó gọi là thuốc dùng ban đêm.

3. ***Thuốc dùng trong bảy ngày:*** Sữa, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, mỡ, như trước kia đã nói rõ.

Đó gọi là thuốc dùng trong bảy ngày.

4. ***Thuốc dùng suốt đời***: Ha-lê-lặc, Bỉ-hê-lặc, A-ma-lặc như trong giới thứ hai đã nói rõ. Đó gọi là thuốc dùng suốt đời.

5. ***Vật của Tỳ-kheo qua đời***: Khi Tỳ-kheo qua đời, thì y bát và các vật linh tinh thuộc quyền thừa hưởng của Tăng chúng hiện tiền. Đó gọi là vật của Tỳ-kheo qua đời.

6. ***Vật cúng dường cho trú xứ:*** Nếu đàn-việt xây phòng Tăng, Tinh xá, rồi mở đại hội đem trú xứ ấy và các vật khác cúng dường, thì Tăng hiện tiền được quyền thừa hưởng. Đó gọi là vật cúng dường cho trú xứ.

7. ***Vật thu nhận trong dịp đại hội:*** Trong các dịp đại hội như Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, A-nan, La-hầu-la, năm năm đại hội một lần, các vật cúng dường trong những dịp ấy, Tăng hiện tiền được quyền thừa hưởng.

8. ***Y phi thời:*** Nếu không có y Ca-hi-na thì 11 tháng, nếu có y Ca-hi-na thì bảy tháng; những vật cúng dường trong thời gian ấy, Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng. Đó gọi là y phi thời.

9. ***Những vật linh tinh***: Bát, sóng đựng bát, đai lưng, dao, hộp sắt, giày da, chai đựng dầu, túi da, chén, bình tưới, những vật cúng dường linh tinh như thế, Tăng hiện tiền được quyền nhận. Đó gọi là vật linh tinh.

10. ***Mời thọ trai***: Đàn-việt mời Tăng theo thứ tự đến nhà họ cúng dường trai phạn. Đó gọi là mời thọ trai.

Trên đây là mười trường hợp Tăng hiện tiền được quyền hưởng dụng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy các Tỳ-kheo may y mà không cắt các tua vải, như đã nói rõ về ba loại hoại sắc trong giới Ba-dạ-đề ở trên.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cho phép con mặc một y để ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật nói với thầy:

- Ông giữ gìn ba y, bình bát, là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con mặc hai y.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con dùng mền bằng lông dê.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con dùng mền bằng tóc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con dùng mền bằng lông đuôi ngựa.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con mặc y phục bằng cỏ.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con mặc y phục bằng vỏ cây.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con mặc y phục bằng da.

Phật dạy:

- Tất cả các loại y phục kể trên đều không được mặc.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Cho phép con sống lõa thể, ít ham muốn, ít bận bịu.

Phật dạy:

- Này Tỳ-kheo! Đó là phép tắc của ngoại đạo. Chỉ cần giữ gìn ba y, bình bát tức là ít ham muốn, ít bận bịu rồi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, các Tỳ-kheo mặc y màu sắc lộng lẫy, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mặc y màu sắc lộng lẫy chẳng khác gì người thế tục.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền dạy:

- Ta không cho phép mặc y có màu sắc lộng lẫy. Màu sắc lộng lẫy tức là nhuộm bằng khâu khư, nhuộm bằng Ca di già, Câu bỉ la, Lặc xoa, Lô

đà la, Phi uất kim, hồng lam, màu xanh, màu trắng, màu hoa, tất cả những màu sắc lộng lẫy đều không cho dùng. Chỉ nên dùng rễ, lá, hoa, vỏ cây để nhuộm, tối thiểu là dùng nước của đá mài để nhuộm.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, Ngài đi kinh hành trước hang đá của trời Đế Thích, thấy những bờ ruộng lúa ở Ma Kiệt Đề rõ ràng, chênh lệch nhau rất hợp lý. Thấy thế, Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Ý pháp của chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri trong quá khứ đều như thế đó. Từ nay về sau khi may y nên theo cách thức ấy.

Lại nữa, khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp may y Tăng-già-lê, Đức Thế Tôn tự tay cầm lấy, Tôn giả A-nan cắt, rồi có Tỳ-kheo khâu lại, có Tỳ-kheo may đường ngắn, có Tỳ-kheo may đường dài, có Tỳ-kheo may đường viền, có Tỳ-kheo kết khuy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo may y rồi vẽ lá cây lên y. Phật dạy:

- Ta không cho phép vẽ lá cây trên y.

Lại có Tỳ-kheo may y nhiều lớp. Phật dạy:

- Ta không cho phép may y nhiều lớp, phải cắt bỏ đi.

Lại có Tỳ-kheo may y kết dính hai đầu lại. Phật dạy:

- Ta không cho phép may kết dính hai đầu lại

mà nên may kết lại từng tấm. Tấm rộng nhất bằng bốn ngón tay, tấm hẹp nhất bằng hạt lúa lớn.

Lại có Tỳ-kheo may các điệp hướng về một bên. Phật dạy:

- Ta không cho phép như vậy cần phải rẽ các điệp ra hai bên.

Lại có Tỳ-kheo may y các điều tướng bằng nhau. Phật dạy:

- Ta không cho phép như vậy. Y năm điều nên một dài một ngắn. Y bảy điều cho đến mười ba điều nên may hai dài, một ngắn. Y mười lăm điều nên may ba dài, một ngắn.

Lại có Tỳ-kheo may y rồi khâu dính các biên vải vào y. Phật dạy:

- Ta không cho phép như vậy. Y ở phía sau nên để thông thoáng; nên làm như răng ngựa. (?)

- Có Tỳ-kheo y ở biên trên và biên dưới bị rách. Phật dạy:

- Nên may viền ở các mép y.

Có Tỳ-kheo may y bốn màu sắc. Phật dạy:

- Ta không cho phép như vậy. Chỉ nên dùng một màu sắc.

- Có Tỳ-kheo được y với màu sắc rực rỡ muốn giặt cho hoại sắc.

Phật biết mà vẫn hỏi:

Này Tỳ-kheo! Ông định làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không

cho phép mặc y có màu sắc rực rỡ, nên con muốn giặt cho hoại sắc.

- Không cần phải giặt. Ta cho phép dùng những màu khác nhuộm cho hoại sắc.

Y gồm có bảy loại:

1. Y Khâm-bà-la.
2. Y kiếp bối.
3. Y sô ma.
4. Y câu xá da.
5. Y xá na.
6. Y ma.
7. Y khu mâu đề. Đó gọi là y pháp. Kệ tóm tắt:

"Bố-tát và yết-ma
Gởi dục nói thanh tịnh.
An cư cùng Tự tứ,
Thọ y Ca-hi-na
Phi y Ca-hi-na
Xả y Ca-hi-na
An cư xong, dâng y,
Kết thúc phẩm thứ tư".

VẤN ĐỀ TỲ KHEO BỊ BỆNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Phật bảo A-nan:

- Ông hãy lấy cái khóa cửa lại đây, Như Lai

muốn đi thanh tra phòng của chư Tăng.

- A-nan đáp:

- Lành thay Thế Tôn.

Rồi thầy cầm cái khóa cửa đi theo sau Thế Tôn. Đoạn Thế Tôn đi đến một căn phòng bị hư nát, thấy có một Tỳ-kheo bị bệnh, nằm trên phân tiểu, không thể đứng dậy nổi. Phật bèn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Khí lực ông như thế nào? Cơn đau tăng hay giảm?

- Bạch Thế Tôn! Cơn đau chỉ có tăng mà không giảm.

Hôm nay có ăn được không?

- Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm qua ăn có được không?

- Không được, bạch Thế Tôn!

Hôm kia ăn có được không?

- Cũng không được, bạch Thế Tôn! Con không được ăn nay đã bảy ngày.

Có thức ăn mà không ăn được hay không có thức ăn nên không ăn?

- Không có thức ăn, bạch Thế Tôn!

Ở đây, có Hòa thượng của ông không?

- Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng Hòa thượng không?

- Không có, bạch Thế Tôn!

Có thầy giáo thọ không?

- Không có, bạch Thế Tôn!

Có đồng thầy giáo thọ không?

- Không có, bạch Thế Tôn!

Phòng bên cạnh không có Tỳ-kheo sao?

- Bạch Thế Tôn! Vì con hôi thối, họ không thích nên đã dời đi nơi khác, do đó, con cô độc đau khổ lắm, bạch Thế Tôn! Con cô độc lắm Thiện Thệ.

- Ông đừng sầu não, Ta sẽ làm bạn với ông. Này Tỳ-kheo! Hãy lấy y đưa đây, Ta sẽ giặt cho ông.

Khi ấy, A-nan bạch với Phật:

- Để đấy, thưa Thế Tôn! Y của Tỳ-kheo bệnh để con giặt cho!

- Ông giặt y đi, để Ta xối nước.

Thế rồi, A-nan đem ra giặt, Thế Tôn xối nước. Khi giặt xong, thầy đem đi phơi nắng. Xong rồi, A-nan bồng Tỳ-kheo bệnh đặt trên chỗ đất trống, lau chùi phân uế, đem giường gối và các vật bất tịnh ra ngoài, rưới nước trong phòng, quét dọn sạch sẽ, dùng giẻ lau lau sàn nhà, giặt giũ giường nệm, vá lại giường dây, đặt vào chỗ cũ, tắm rửa cho Tỳ-kheo bệnh, rồi đem thầy đặt nằm lại trên giường.

Khi ấy, Thế Tôn dùng bàn tay mềm mại, sắc vàng óng ánh được trang nghiêm bằng vô lượng công đức xoa trên trán Tỳ-kheo, hỏi:

- Cơn đau tăng hay giảm?

- Nhờ ơn Thế Tôn dùng bàn tay đặt trên trán con, nên mọi nỗi thống khổ đều dứt hết.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp cho Tỳ-kheo bệnh khiến thầy sinh tâm hoan hỷ. Rồi Thế Tôn tiếp tục thuyết pháp làm cho thầy đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Sau khi Tỳ-kheo khỏi bệnh Thế Tôn bèn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, rồi đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với các Tỳ-kheo. Đoạn, Ngài hỏi thầy Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh là ai. Vị ấy đáp:

- Chính là con đây, bạch Thế Tôn! Phật liền nói với Tỳ-kheo:

- Những người đồng phạm hạnh với các ông bị đau ốm, các ông không săn sóc cho nhau thì ai săn sóc? Các ông mỗi người đều khác họ, khác nhà, vì niềm tin mà bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ Sa-môn Thích tử, đồng tu phạm hạnh, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Này Tỳ-kheo! Ví như con sông Hằng, sông Diêu phù na, Tát-la, Ma hê chảy vào biển lớn, liền mất tên cũ mà hợp lại thành một vị, gọi là biển lớn. Các ông cũng như vậy. Ai nấy đều bỏ họ cũ mà cùng chung một họ Sa-môn Thích tử. Các ông không săn sóc cho nhau thì ai sẽ săn sóc? Ví như các chủng tộc Sát-lợi, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ-đà-la, mỗi người đều khác họ, cùng vào trong biển lớn thì được gọi là người đi buôn trên biển. Cũng như thế đó Tỳ-kheo. Các ông mỗi người đều khác họ,

khác nhà, vì niềm tin, bỏ nhà xuất gia, sống không nhà, đều cùng một họ Sa-môn Thích tử, nếu không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Nếu Tỳ-kheo bệnh thì Hòa thượng phải săn sóc. Nếu không có Hòa thượng thì đồng Hòa thượng phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ phải săn sóc. Nếu không có thầy giáo thọ thì thầy giáo thọ đồng hành phải săn sóc. Nếu ai không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có người cùng phòng thì người cùng phòng phải săn sóc. Nếu không có người cùng phòng, thì người ở phòng bên cạnh phải săn sóc. Nếu không săn sóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cũng không có người ở phòng bên cạnh thì Tăng phải sai người chăm sóc. Tùy người bệnh cần bao nhiêu người thì phải sai bấy nhiêu. Nếu không săn sóc thì tất cả Tăng đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Này các Tỳ-kheo! Các ông hãy trở về săn sóc Tỳ-kheo ở phòng bên cạnh mình.

Thế rồi, Phật biến hóa một Sa-di bệnh ở cách Phật không xa, rồi Ngài bảo:

- Các ông hãy săn sóc luôn cả Sa-di bệnh ấy. Đó là cách phạt các ông làm phước vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo ở phương Nam cùng đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi đi đến giữa đường, một Tỳ-kheo lâm bệnh, một Tỳ-kheo

chờ đợi hai, ba ngày, bèn nói với Tỳ-kheo bệnh:

- Tôi muốn đi trước, đến thăm viếng Thế Tôn, thầy khỏi bệnh rồi sẽ đi sau.

- Này Trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi hãy cùng đi.

- Thưa Trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước không thể đợi nhau được nữa, khi nào khỏi bệnh thầy sẽ đi sau.

Thế rồi, Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Tỳ-kheo bèn đem sự kiện trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật khiển trách:

- Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Nếu có Tỳ-kheo lòng đầy phóng dật, lười biếng không chuyên cần, không thể kiềm chế các căn, dong ruổi theo lục dục, dù ở gần Ta mà chẳng thấy Ta và Ta cũng không thấy người ấy. Trái lại, nếu có Tỳ-kheo kiềm chế các căn, tâm không phóng dật, chuyên nghĩ về đạo, thì dù cách xa Ta vẫn thấy được Ta và Ta cũng thấy người ấy. Tại sao vậy? Vì tùy thuận pháp thân của Như Lai, phá hoại các việc ác, lìa bỏ tham dục, tu tập tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo! Cùng xuất gia tu phạm hạnh, các ông không săn sóc lẫn nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại trông nom vị Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có hai Tỳ-kheo ở nước Bát-la-chân cùng kết bạn đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi đến thôn Ong, một Tỳ-kheo lâm bệnh, vị Tỳ-kheo kia đợi được hai, ba ngày, rồi nói với Tỳ-kheo bệnh:

- Tôi muốn đến thăm viếng Đức Thế Tôn trước khi nào thầy khỏi bệnh rồi sẽ đến sau.

- Này Trưởng lão! Đợi tôi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

- Thưa Trưởng lão! Tôi không gặp Thế Tôn đã lâu ngày, ngưỡng mộ như khát nước, không thể đợi nhau được nữa.

- Nếu thầy nhất quyết muốn đi, vậy hãy vì tôi nhắn giùm cư sĩ

Chất-đế-lợi.

Thế rồi, thầy bèn đi đến chỗ cư sĩ, nói:

- Này lão trượng! Hai chúng tôi từ xa đến, muốn viếng thăm Phật, nhưng nay một người lâm bệnh, phải tạm thời ở lại đây, xin lão trượng chăm sóc giúp giùm tôi. Tôi muốn đi trước đến vấn an Thế Tôn.

- Thưa Tôn giả! Nên ở lại chăm sóc nhau, khi khỏi bệnh rồi cùng đi luôn.

- Này cư sĩ! Không thể được. Tôi không gặp Phật đã lâu ngày, trông mong như người khát nước.

- Tôn giả có đến đó thì Thế Tôn cũng bảo thầy trở lại, chỉ uổng công nhọc sức mà thôi.

Tỳ-kheo vẫn nhất quyết đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên trình bày đầy đủ với Thế Tôn.

- Phật khiển trách:

- Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Các ông đều là những người khác họ, vì có lòng tin bỏ nhà xuất gia sống không nhà, cùng là họ Thích, lúc đau ốm không săn sóc nhau thì ai săn sóc? Ông hãy trở lại săn sóc cho Tỳ-kheo bệnh ấy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, muốn thăm viếng Thế Tôn nhưng nghe nói bên đường có Tỳ-kheo bị bệnh, bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới hễ gặp người bệnh thì phải chăm sóc. Nếu ta gặp người ấy thì không thể bỏ đi". Nghĩ thế, thầy bèn quay lại đi con đường khác đến chỗ Thế Tôn, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Bạch Thế Tôn! Con từ phương Bắc đến.

- Đi đến bằng con đường nào?

- Đi đến từ con đường mỗ.

- Vì lý do gì mà bỏ con đường chính để đi con đường vòng vo?

- Thầy bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền khiển trách:

- Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác v.v… (cho đến): Ông hãy trở lại chăm sóc cho Tỳ-kheo bệnh.

PHƯƠNG PHÁP CHĂM SÓC TỲ KHEO BỆNH

Nếu Tỳ-kheo đi chung với người đi buôn, đến nơi hoang vắng rồi lâm bệnh thì Tỳ-kheo đồng bạn không được bỏ đi, mà phải dẫn theo, đồng thời mang giúp y bát, lại phải gần gũi giúp đỡ, không được rời xa. Nếu đi không nổi thì nên đến thương nhân thuê mướn họ chở đi, nói như sau:

- Này lão trượng! Người xuất gia này lâm bệnh không thể đi theo kịp bạn, hãy chở giúp giùm tôi để thoát khỏi hiểm nạn.

Nếu được thì tốt, còn nếu như họ nói: "Này Tôn giả, xe tôi đã chở nặng rồi", thì nên nói:

- Này lão trượng! Tôi sẽ hoàn lại tiền lúa, cỏ cho ông.

Nếu được, thì không nên để ngồi trên xe trâu cái chở cỏ ngựa v.v... , mà nên để ngồi trên xe trâu đực chở các thứ. Nếu bệnh nặng không phân biệt được gì, thì ngồi xe không có tội. Nếu đi xe không thể được thì nên để lại người nào có thể săn sóc

bệnh nhân hoặc một, hai hay ba người, và bảo:

- Thầy hãy chăm sóc người bệnh, để tôi vào trong thôn tìm xe cộ đến đón.

Đồng thời để lại lương thực, cho người ở lại không bị thiếu thốn. Nếu ai cũng từ chối, nói: "Ai mà có thể hy sinh thân mạng mình ở nơi hoang vắng này", rồi không chịu ở lại, thì cũng không được bỏ đi mà phải che chòi rạp, rải cỏ làm nệm, đốt lửa, lấy củi nước giúp, để lại thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời, rồi nói với bệnh nhân: "Trưởng lão hãy yên tâm ở đây. Tôi tới thôn phía trước tìm xe đến đón". Khi đến trong thôn, không được nhiễu tháp, thăm hỏi Hòa thượng, A-xà-lê mà chỉ nên nói với các Tỳ-kheo ở trong thôn:

- Ở nơi hoang dã có Tỳ-kheo bệnh, chúng ta cùng đến đón về đây.

Nếu họ hỏi: "Ở nơi nào?", thì hãy đáp: "Ở tại mỗ xứ".

Nếu họ nói: "Nơi đó có nhiều cọp sói, e rằng chúng ăn thịt hết cả, đâu để sót mống nào!", dù nghe nói như thế cũng không được ở lại đó mà phải trở lại xem. Nếu từ xa thấy chim quạ, cũng không được trở lui mà phải đi tới nơi đó. Nếu thấy đã chết thì nên lễ bái nhục thân. Nếu còn sống thì nên đem vào trong thôn, nói với Tỳ-kheo thường trú:

- Thưa Trưởng lão! Đây là Tỳ-kheo bị bệnh ở

nơi đó, tôi đã chăm sóc. Giờ đưa đến đây, xin Trưởng lão trông nom giúp cho.

Nếu Tỳ-kheo ấy không chịu trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu không có Tỳ-kheo, thì nên nói với Ưu-bà-tắc:

- Này lão trượng! Ở nơi hoang vắng kia có Tỳ-kheo bị bệnh, cho tôi mượn xe đến đón vị ấy.

Nếu đàn-việt hỏi: "Ở đâu?" v.v..., cho đến đón về nhà đàn-việt, đặt nằm ở một phòng riêng kín đáo. Nếu nhiều người thì nên nhờ hai, ba người biết nuôi bệnh chăm sóc giúp.

Nếu bệnh nhân nói: "Cần nhiều người cho vui", thì nên ở hết nơi đó để an ủi khuyên lơn; hoặc bệnh nhân đòi hỏi bữa ăn trước, bữa ăn sau thuốc đúng thời, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng bảy ngày, thuốc dùng suốt đời thì hãy cung cấp đừng để cho thiếu thốn. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì không được nói liền: "Trưởng lão! Thầy hãy trông nom Tỳ-kheo bệnh", mà nên nói: "Lành thay! Trưởng lão đến đây".

Thế rồi, mang giúp y bát, chuẩn bị giường ghế, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Nếu họ đến đúng giờ thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau. Nếu họ đến không đúng lúc thì nên cung cấp nước trái cây phi thời. Sau khi họ nghỉ ngơi rồi, nên nói:

- Trưởng lão! Vị Tỳ-kheo bệnh này tôi chăm

sóc đã lâu rồi, giờ đến phiên Trưởng lão trông nom giùm. Nếu bệnh nhân qua đời thì nên cúng dường xá-lợi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng đi với khách buôn mà Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, thì Tỳ-kheo không được bỏ đi mà nên bảo họ rằng chị em cùng đi chung phải giúp đỡ lẫn nhau, như trường hợp của Tỳ-kheo đã nói ở trên, chỉ trừ việc bồng đỡ. Nếu cần xoa bóp, xức dầu vào thân thì nên thuê phụ nữ làm. Nếu họ qua đời mà có y bát để lại thì nên dùng y bát trả công cho người Hỏa-thiêu. Nếu họ không có y bát thì nên bỏ đi. Nếu bị người thế tục chê trách: "Vì sao để tử thi lại rồi bỏ đi?", mà mình có thể tưởng tượng thi thể đó như đất thì nên khiêng vác đi tới một nơi xa xôi.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì phải chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

Nếu vị Tỳ-kheo có đức lớn lâm bệnh thì không được để nằm trong phòng xếp, nhỏ, xấu xí; không được để nằm ở gần lối đi mà nên để nằm trong một căn phòng thông thoáng, rộng rãi. Các đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ phải thường xuyên hầu hạ hai bên, quét dọn trong phòng, rải đá, lau chùi sàn nhà, đốt các loại hương thơm cho đảm mùi hôi hám và sắp đặt giường ghế tươm tất. Nếu có Tỳ-kheo đến thăm

bệnh, nên dọn thức ăn trước, thức ăn sau.

Nếu họ đến không đúng lúc, nên cung cấp thức uống phi thời. Nếu họ có hỏi việc gì thì người bệnh nên trả lời. Nếu người bệnh yếu sức thì thị giả nên trả lời thế.

Nếu Ưu-bà-tắc đến thăm hỏi thì nên nói:

- Lành thay! Lão trượng đến đây. Đoạn, mời họ ngồi rồi giảng giải:

- Ông được công đức rất lớn, như Đức Thế Tôn nói:

- Thăm hỏi Tỳ-kheo trì giới bị bệnh thì chẳng khác gì thăm hỏi Ta.

Nếu có người cúng dường thì hãy chú nguyện rồi nhận lấy.

Nếu người bệnh muốn di tiểu đại, đòi đi gấp, thì không được để lâu mà phải đưa đi tức tốc.

Nếu người bệnh không ra ngoài được thì nên dùng ba cái bô đựng phân tiểu: một cái trao cho người bệnh, một cái mang ra ngoài, một cái đem rửa sạch, bôi dầu rồi đem phơi nắng, để thay đổi mà dùng. Đồng thời để một người giữ cửa, không cho ai vào đột ngột; một người ở gần người bệnh, tùy thời thuyết pháp an ủi. Như thế đó Ưu-ba-ly, vị Tỳ-kheo có đức lớn bị bệnh, nên chăm sóc như vậy.

Thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly lại hỏi Thế Tôn:

- Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh nên

chăm sóc như thế nào?

Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Vị Tỳ-kheo có đức hạnh nhỏ khi bệnh không nên đặt nằm nơi căn phòng rộng rãi, thông thoáng, e mùi hôi hám bốc ra ngoài; cũng không nên để nằm ở chỗ khuất kín, sợ khi chết không ai biết, nên để nằm ở giữa mọi người. Nếu người bệnh có Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ thì những người này nên chăm sóc. Nếu không có thì chúng Tăng nên sai người nuôi bệnh, hoặc một, hai, ba người lo trông nom. Nếu người bệnh ngoài y bát ra còn có tiền mua thuốc thì nên lấy đem đi mua thuốc cho thầy. Nếu không có thì chúng Tăng nên cho tiền. Nếu Tăng không có mà người bệnh có y bát đáng giá thì nên đem bán lấy tiền mua những thứ cần thiết cho thầy. Nếu người bệnh tiếc của, thì nên bạch với chúng Tăng:

- Bạch Đại đức Tăng! Tỳ-kheo Mổ giáp bị bệnh mà không hiểu lẽ vô thường, tiếc rẻ y bát không cho đem đổi thứ khác.

Bạch Tăng rồi, nên dùng lời dịu ngọt thuyết phục để thầy hiểu rõ, rồi mới đem y bát đi trao đổi. Nếu cũng không có thì nên đi xin những thứ cần thiết về cho thầy. Nếu xin cũng không được thì nên lấy thức ăn ngon nhất của Tăng đưa cho. Nếu cũng không có thì người nuôi bệnh nên cầm theo hai cái bát vào thôn khất thực, rồi đem cái bát ngon hơn

đưa cho thầy. Này Ưu-ba-ly! Đó là cách thức chăm sóc một Tỳ-kheo ít đức bị bệnh.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì rất khó săn sóc.

Đó là:

1. Không thể uống thuốc phù hợp với bệnh và ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Không nghe lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Bệnh tăng giảm không biết.
4. Không gắng nhẫn nổi sự đau đớn.
5. Lời biếng vô trí.

Đó gọi là năm yếu tố người bệnh khiến cho người nuôi bệnh khó mà săn sóc.

Nếu người bệnh có đầy đủ năm yếu tố sau đây thì dễ dàng săn sóc. Đó là:

1. Có thể uống thuốc phù hợp với bệnh, ăn thức ăn phù hợp với bệnh.
2. Theo lời khuyên của người nuôi bệnh.
3. Nếu có ai hỏi thì biết bệnh tăng hay giảm.
4. Gắng nhẫn được sự đau đớn.
5. Tinh tấn, có trí tuệ.

Đó gọi là năm yếu tố người bệnh khiến cho người nuôi bệnh dễ dàng chăm sóc.

Nếu ai đầy đủ năm yếu tố sau đây thì không thể nuôi bệnh. Đó là:

Hay nhờm gớm, không thể đem đổ bô đựng phân tiểu, ống nhổ v.v...

1. Không thể xin thuốc hợp với bệnh, thức ăn hợp với bệnh giúp cho bệnh nhân.

2. Không thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.

3. Có tâm hy vọng (về lợi lộc).

4. Tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố khó mà nuôi bệnh.

Ai thành tựu năm yếu tố sau đây thì có thể chăm sóc người bệnh.

Đó là:

1. Ít nhờm gớm, có thể đem đổ bô đựng phân tiểu, ống nhổ v.v...
2. Có thể xin thuốc hợp bệnh, thức ăn hợp cho người bệnh.
3. Có thể thường thường tùy thuận thuyết pháp cho bệnh nhân nghe.
4. Không có tâm hy vọng (về lợi lộc).
5. Không tiếc rẻ công việc của mình.

Đó gọi là năm yếu tố có thể trông nom người bệnh.

Nếu bệnh nhân có đủ chín yếu tố sau đây thì tuy chưa hết thọ mạng ắt hẳn sẽ chết đột ngột. Đó là:

1. Biết những thức ăn có hại mà vẫn tham ăn.

2. Sống không có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng chưa tiêu hóa mà ăn nữa.
4. Thức ăn chưa tiêu hóa mà móc họng cho mửa ra.
5. Thức ăn đã tiêu hóa muốn đi cầu mà vẫn cố kiềm chế.
6. Ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh nhưng không có điều độ.
8. Lười biếng.
9. Không trí tuệ.

Đó gọi là đầy đủ chín yếu tố ắt hẳn sẽ chết đột ngột.

Lại nữa, nếu ai đầy đủ chín yếu tố sau đây thì sẽ không thể chết đột ngột. Đó là:

1. Biết thức ăn không ích lợi nên ăn ít.
2. Biết sống có điều độ.
3. Thức ăn trong bụng tiêu hóa hết, mới ăn nữa.
4. Không cưỡng bách mửa ra.
5. Không cố giữ lại.
6. Không ăn thức ăn không hợp với bệnh.
7. Ăn thức ăn hợp với bệnh và ăn có điều độ.
8. Không biếng nhác.
9. Có trí tuệ.

Đó gọi là người có đủ chín yếu tố sẽ không chết

đột ngột. Phật nói với Ưu-ba-ly:

- Có ba loại người bệnh. Đó là:

1. Có loại người bệnh được thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà chết.

2. Có loại người bệnh không được thuốc hợp bệnh, không được thức ăn hợp bệnh, có người nuôi bệnh đúng pháp mà sống.

3. Có người bệnh được uống thuốc hợp bệnh, được thức ăn hợp bệnh, được người nuôi bệnh đúng pháp, bệnh ắt hẳn bớt không đến nỗi bị chết.

Này Ưu-ba-ly! Trong số Tỳ-kheo bị bệnh, vì không có người nuôi bệnh đúng pháp mà chết, vì được người nuôi bệnh đúng pháp mà sống. Do vậy cần khéo chăm sóc khiến cho bệnh nhân được yên ổn, tức là bố thí mạng sống vậy. Thế nên, chăm sóc bệnh được công đức rất lớn, chư Phật đều hoan hỷ. Đó gọi là cách thức chăm sóc người bệnh.

VẤN ĐỀ THUỐC

Khi Phật đang du hành tại nước Câu-tát-la, Tôn giả Xá-lợi-phất bị lên cơn động phong. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Cần phải dùng thuốc gì?

- Bạch Thế Tôn! Cần dùng Ha-lê-lặc.

- Từ nay về sau Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được uống ha lê lặc. Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Đợi khi Ta trở về lại thành Xá-vệ, nhắc lại Ta, Ta sẽ quy định về vấn đề thuốc men cho các đệ tử.

- Khi Phật trở về thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo bèn bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn hãy vì các đệ tử mà chế định về việc thuốc men, giờ đây là đúng lúc.

- Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau Ta cho phép các Tỳ-kheo bệnh được uống thuốc. Về thuốc có các loại: Củ đúng thời, củ phi thời. Cũng vậy, cộng, vỏ, lá, quả, nước uống.

- Củ đúng thời: Củ cải, củ hành, củ khẩn xoa, củ a lam phù, củ khoai nước, củ ma đậu la, củ sen. Các thứ đó ăn chung với thức ăn, nên gọi là củ đúng thời.

- Củ (rễ) phi thời: Rễ cây bà tra, rễ cây lá lốt, rễ cây dương liễu, rễ cây khư đề la, rễ cây tô kiện xà. Các loại như vậy không ăn chung với thức ăn, nên gọi là rễ phi thời. Ngoài ra, các loại cộng, vỏ, lá, hoa, trái cũng như vậy.

- Nước uống: Gồm có nước uống đúng thời, nước uống phi thời.

- Nước uống đúng thời: Tất cả nước gạo, nước bột gạo, sữa, sữa chua, nước trong. Đó gọi là nước

uống đúng thời.

- Nước uống phi thời: Tất cả loại đậu, tất cả ngũ cốc, tất cả loại thóc đem ngâm nước mà đầu không nứt ra, và tô, dầu, mật, đường phèn.

Đó gọi là nước uống phi thời.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh mà thầy thuốc nói: "Cho ăn sẽ sống, không cho ăn sẽ chết", thì nên đem một cái nồi rửa bảy lần cho thật sạch, rồi lấy một nắm thóc đãi kỹ bỏ vào một cái túi buộc chặt lại, để vào trong nồi nấu mà đầu hạt thóc không nứt ra, đoạn đưa cho người bệnh uống. Tất cả đất cũng có loại đúng thời, có loại phi thời; trừ tám loại tro, ngoài ra các loại tro khác cũng có loại đúng thời, có loại phi thời. Đó gọi là vấn đề thuốc men.

TRÁCH NHIỆM LIÊN QUAN GIỮA THẦY VÀ TRÒ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo một tuổi hạ dẫn theo một đệ tử chưa có tuổi hạ, hai vai mang mỗi vai một túi y, trên đầu đội một túi, tay trái cầm bát và giày da, tay phải xách bình nước và túi da đựng dầu, cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ. Cái túi y trên đầu thầy rơi trên đầu gối Phật, Phật bèn gạt ra, tuy Ngài biết nhưng vẫn hỏi:

- Vật này của ai vậy?

- Bạch Thế Tôn! Của đệ tử cùng đi với con.

- Ông được mấy tuổi hạ?

- Dạ một tuổi, bạch Thế Tôn!

- Đệ tử mấy tuổi?

- Dạ chưa có tuổi hạ.

Ông mới một tuổi hạ mà đã nuôi đệ tử chưa có tuổi hạ thì cũng giống như người yếu đuối mà lại cứu người yếu đuối.

Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Bản thân mình không tự hàng phục được mà muốn hàng phục người khác thì không có lẽ đó. Bản thân mình không tự chế ngự được mà muốn chế ngự người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa tự độ được mà muốn độ người khác, thật không có lẽ đó. Bản thân mình chưa giải thoát mà muốn giải thoát cho người khác, thật không có lẽ đó.

Này các Tỳ-kheo! Tự hàng phục được mình rồi mới hàng phục người khác, điều đó có thể. Tự chế ngự được mình rồi mới chế ngự người khác, điều đó có thể. Tự độ được mình rồi mới độ người khác, điều đó có thể. Tự mình đã giải thoát rồi mới giải thoát cho người khác, điều đó có thể. Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ cụ túc.

Sau khi Phật đã chế giới không cho phép Tỳ-kheo dưới mười tuổi hạ độ người xuất gia thọ Cụ túc, rồi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đủ mười tuổi hạ, độ

người xuất gia thọ Cụ túc mà không dạy dỗ. Họ giống như trâu trời, dê trời, sống phóng túng không kỷ cương, không biết chế ngự, thiếu sự trong sạch, uy nghi không đầy đủ, không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết vâng lời Tỳ-kheo Trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, không biết phép tắc ở nơi hoang vắng, không biết phép tắc vào trong chúng, không biết cách thức khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Mười điều kiện đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tỳ-đàm.
3. Nghe nhiều Tỳ-ni.
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể xuất tội và sai người khác xuất tội.
8. Có thể nuôi người bệnh và nhờ người khác nuôi người bệnh.
9. Khi đệ tử gặp nạn có thể giải cứu, hoặc nhờ người giải cứu.
10. Đã đủ mười tuổi hạ.

Đó gọi là mười điều kiện để Ta cho phép độ người xuất gia thọ Cụ túc. Tối thiểu là đủ mười tuổi

hạ, biết hai bộ Luật thì cũng được phép làm thầy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo mệnh chung, hai người đệ tử cộng trú vì nhớ thương sầu thảm, cùng ngồi dưới gốc cây, như khách buôn bị mất của. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Đó là Tỳ-kheo nào vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta cho phép thỉnh thầy y chỉ và tôn kính vị này như Hòa thượng. Thể thức thỉnh cầu thầy y chỉ bằng cách trật vai áo bên phải, quì gối, vịn tay vào bàn chân, nói như sau:

"Kính xin Hòa thượng (Tôn giả) thương xót. Con là Mỗ giáp, nay thỉnh cầu Hòa thượng làm thầy y chỉ. Mong Hòa thượng vì con làm thầy y chỉ. Con nương vào Hòa thượng mà an trú". (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Lại nữa, có Tỳ-kheo mới một tuổi hạ đã nhận Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ y chỉ, cho đến Tỳ-kheo chín tuổi hạ mà nhận Tỳ-kheo tám tuổi hạ y chỉ. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép người dưới mười tuổi hạ mà nhận người khác y chỉ.

Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ nhận người khác y chỉ mà không dạy dỗ, khiến họ

giống như trâu trời, dê trời, cho đến không biết phép tắc khoác y cầm bát. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, ai thành tựu mười điều kiện sau đây, Ta mới cho phép nhận người y chỉ. Đó là: Giữ giới v.v... cho đến đủ mười tuổi hạ. Đó gọi là mười điều kiện được nhận người y chỉ. Tối thiểu là đủ mười tuổi hạ, biết hai bộ Luật cũng được nhận. Khi muốn cầu thỉnh thầy y chỉ, không được hấp tấp đến thỉnh ngay mà phải xem người nào thành tựu năm điều kiện sai đây mới nên thỉnh. Đó là:

1. Có tấm lòng từ ái.
2. Cung kính.
3. Biết tự thẹn với mình.
4. Biết xấu hổ với người.
5. Sống an lạc.

Đó gọi là năm điều kiện nên thỉnh cầu làm thầy y chỉ. Lại có bốn hạng A-xà-lê. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Thầy (A-xà-lê) y chỉ.
2. Thầy dạy giáo pháp.
3. Thầy dạy giới Luật.
4. Thầy dạy mình ở nơi vắng vẻ.

Lại có bốn hạng A-xà-lê khác như sau:

1. Có A-xà-lê không cần thưa mà nên bỏ đi.
2. Có A-xà-lê nên thưa rồi mới ra đi.

3. Có A-xà-lê dù ở đó khổ cũng phải đeo đuổi suốt đời.

4. Có A-xà-lê sống được an lạc thì dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không rời bỏ.

5. *Hạng thầy không thưa mà đi:* Có những vị thầy sống nương tựa với họ không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, cũng không thể thuyết giảng về quả vị Sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy không cần thưa mà nên bỏ đi.

6. *Hạng thầy thưa rồi mới đi:* Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy có y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men nhưng không thể thuyết giảng về quả Sa-môn vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy nên thưa rồi mới đi.

7. *Hạng thầy dù khổ vẫn ở*: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, tuy không có y phục ẩm thực, khi đau ốm không có thuốc men, nhưng khéo thuyết giảng về quả vị Sa-môn vô thượng của hạnh xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy tuy sống với họ cực khổ suốt đời cũng không nên rời bỏ.

8. *Hạng thầy sống gần được an vui*: Có những vị thầy sống nương tựa với họ, họ có thể cung cấp y phục ẩm thực, khi đau ốm có thuốc men, có thể thuyết giảng về quả vị Sa-môn Vô thượng của người xuất gia tu phạm hạnh. Hạng thầy như vậy,

dù có bị xua đuổi, suốt đời cũng không nên rời bỏ.

Đó gọi là bốn hạng A-xà-lê.

Lại có bốn hạng thầy nữa như sau:

Dạy về phép tắc; làm chỗ nương tựa cho mình; điều phục tham dục sân hận ngu si. Trong đây, hạng thầy có thể vì đệ tử khéo thuyết pháp để đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si được xem là hạng thầy tối thượng tối thắng. Ví như từ sữa được sữa đóng váng, từ sữa đóng váng được sữa chua, từ sữa chua được đề hồ; đề hồ là tối thượng, tối thắng.

TRÁCH NHIỆM THẦY ĐỐI VỚI ĐỆ TỬ

Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy bảo đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ.

Phương pháp dạy dỗ là:

1. Họ không thanh tịnh nên ngăn cản.
2. Khuyên đừng đến những nơi không nên đến.
3. Họ bị yết-ma phải giúp đỡ.
4. Họ sinh tà kiến, mình phải giải tỏa, hay nhờ người giải tỏa.
5. Tự mình xuất tội, hay nhờ người xuất tội.
6. Khi họ bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm sóc.
7. Khi họ gặp nạn, tự mình hoặc nhờ người giải cứu.

8. Khi họ gặp nạn vua, giặc, mình phải hóa giải.

1. *Khi đệ tử không thanh tịnh, nên ngăn cản:* Khi đệ tử phạm các giới nhỏ như: ăn riêng chúng, ăn nhiều chỗ, ở cùng nhà với phụ nữ, ngủ chung với người chưa thọ cụ túc quá ba đêm, làm tổn hại cỏ tươi, ăn trái cây không thanh tịnh, thì nên dạy: "Ông đừng làm như thế".

Nếu đệ tử nói: "Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, con sẽ không làm nữa", thì tốt.

Nếu họ nói: "Hòa thượng, A-xà-lê hãy tự dạy mình, chứ dạy người khác làm gì!", thì nên bảo người coi việc giường nệm lấy lại giường nệm, bảo người coi việc ăn uống cắt đứt phần ăn.

Nếu người đó hung ác, dựa vào thế lực của nhà vua, của đại thần, có thể gây ra rắc rối, thì hoặc là chính Hòa thượng nên lánh đi nơi khác, hoặc là thầy y chỉ nên mang theo y bát ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, như vậy tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ có những hành vi bất tịnh mà Hòa thượng, A-xà-lê không dạy bảo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là nên ngăn ngừa những hành vi bất tịnh.

2. *(Ngăn đệ tử đến) Những nơi không nên đến:* Như nhà của đồng nữ lớn tuổi, nhà quả phụ, nơi cờ bạc, chỗ quán rượu, Tỳ-kheo-ni có tiếng xấu,

Sa-di ni có tiếng xấu. Nếu đệ tử lui tới những nơi ấy thì Hòa thượng, A-xà-lê nên bảo họ đừng tới lui những chỗ ấy, vì đó là nơi không nên đến gần.

Nếu họ vâng lời thì tốt, cho đến ra khỏi cương giới ngủ một đêm rồi trở về, tức là cắt đứt sự y chỉ.

Nếu đệ tử sống chung, đệ tử y chỉ lui tới những nơi không nên đến mà không dạy dỗ, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những nơi không nên đến.

3. *(Giúp đỡ khi đệ tử) Bị yết-ma:* Nếu trường hợp đệ tử bị Tăng xử đoán làm các pháp yết-ma hàng phục, không cùng nói chuyện, phát hỷ, tẫn xuất; hoặc đệ tử phạm một trong ba kiến chấp là hủy báng kinh điển, ác kiến, biên kiến; hoặc bị yết-ma cử tội vì khuyên can mà không bỏ lỗi, thì Hòa thượng, A-xà-lê nên vì đệ tử xin lỗi mọi người:

- Thưa các Trưởng lão! Kẻ này trước đây có ác kiến, bây giờ đã bỏ, tùy thuận vâng lời. Kẻ phàm phu ngu si làm sao khỏi lầm lỗi! Đứa nhỏ mới học muộn màng này quả thực có lỗi đó. Từ nay tôi sẽ dạy bảo để y không tái phạm nữa.

Sau khi đã làm cho tâm ý của đại chúng vui vẻ, hãy xin Tăng giải pháp yết-ma. Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ bị Tăng làm yết-ma mà thầy không giải tỏa cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị làm yết-ma.

4. *Khi ác tà kiến sinh khởi tự mình hoặc nhờ người hóa giải:* Nếu đệ tử có những kiến chấp như

hủy báng kinh điển, hoặc ác tà kiến, hoặc biên kiến thì Hòa thượng, A-xà-lê nên dạy:

- Ông đừng sinh khởi kiến giải như thế. Đó là việc ác, sẽ rơi vào đường ác, đọa xuống địa ngục chịu khổ lâu dài.

Nếu dạy bảo y các điều như vậy mà y bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên nhờ người quen biết với y như sau: "Xin Trưởng lão hãy khuyên người ấy từ bỏ ác kiến". Nếu không tự mình hoặc nhờ người hóa giải thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử có ác kiến, tự mình hoặc nhờ người hóa giải.

5. *Tự mình xuất tội hoặc nhờ người xuất tội:* Nếu đệ tử phạm tội có thể sửa trị, như phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa mà che giấu, thì nên tự mình cho pháp Ba-lợi-bà-sa.

Nếu y không che giấu, thì nên cho pháp Ma-na-đỏa. Cho đến phạm tội Việt-tỳ-ni, thì nên tự mình trị phạt.

Nếu mình không trị được thì nên nhờ người khác trị.

Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm tội mà thầy không tự mình xuất tội, không nhờ người khác xuất tội cho họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là tự mình hoặc nhờ người xuất tội.

6. *Khi đệ tử bệnh, tự mình hoặc nhờ người chăm sóc*: Nếu đệ tử bị bệnh thì tự mình phải săn sóc hoặc nhờ người khác săn sóc. Không được sai

người khác săn sóc mà bản thân mình không quan tâm đến. Mỗi ngày nên đến thăm ba lần, và cổ vũ người nuôi bệnh: "Ông chớ nên uể oải, chăm sóc lẫn nhau là điều mà Phật rất khen ngợi". Nếu đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ lâm bệnh mà thầy không trông nom thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là đệ tử bị bệnh, tự mình hoặc sai người chăm sóc.

7. *Khi đệ tử lâm nạn, tự mình hoặc nhờ người đưa đi:* Nếu thân nhân của đệ tử muốn lôi kéo đệ tử trở về nhà, thì thầy nên bảo họ lánh đi xa, để hoàn thành công đức xuất gia, và nên tự mình đưa đi. Nếu vì già bệnh hoặc bận công việc của Tăng thì nên nhờ người khác đưa đi giúp.

Nếu không tự mình hoặc nhờ người đưa đi thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là khi gặp nạn, hoặc tự mình hoặc nhờ người đưa đi.

8. *Khi đệ tử gặp nạn vua, nạn giặc:* Nếu đệ tử bị vua bắt đi thì thầy không nên bỏ mặc như vậy mà phải ở bên ngoài thăm dò tin tức. Nếu nhà vua hỏi: "Ai là Hòa thượng, A-xà-lê?", thì khi ấy nên đi vào.

Nếu sự việc bị hàm oan thì nên tìm người quen biết làm chứng. Nếu cần tiền của để theo đuổi công việc thì nên cho y bát. Nếu không có thì nên xin để cho. Nếu đệ tử bị giặc bắt đem bán nơi phương xa thì thầy nên tìm kiếm chuộc về. Nếu đệ tử bị nhà

vua, bị bọn giặc bắt mà Hòa thượng, A-xà-lê không cứu chuộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Hòa thượng, A-xà-lê (gặp các trường hợp trên) thì đệ tử cộng trụ, đệ tử y chỉ cũng phải can gián như vậy. Nhưng không được nói thô lỗ như để dạy bảo, mà phải dùng lời nhã nhặn khuyên can Hòa thượng, A-xà-lê không nên làm việc đó.

Nếu thầy nói: "Ta sẽ không làm nữa", thì tốt. Nếu Hòa thượng nói: "Im, im đi. Ngươi không phải Hòa thượng, A-xà-lê của ta. Lẽ ra ta dạy bảo ngươi mà ngươi lại dạy bảo ta giống như vuốt mắt tre ngược chiều, ngươi chớ nói nữa", thì nên bỏ đi xa.

Nếu đó là thầy y chỉ thì nên mang y bát ra ngoài cương giới ngủ qua một đêm rồi trở về y chỉ người khác.

Nếu thầy có thế lực thì nên bỏ đi xa.

Nếu không bỏ đi thì nên y chỉ người có đức độ. Nếu thầy đến những nơi không nên đến, hoặc bị yết-ma thì phải lo giúp đỡ.

Nếu thầy khởi ác kiến thì phải tự mình giải tỏa hoặc nhờ người giải tỏa; tự mình hay nhờ người xuất tội. Thầy bệnh hay không bệnh đều phải cung cấp.

Nếu thầy gặp nạn thì nên đưa đi.

Nếu bị vua, giặc bắt thì phải theo cứu giúp. Nếu đệ tử cộng trú, đệ tử y chỉ thấy thầy phạm những giới nhỏ mà không can gián, cho đến bị vua, giặc

bắt mà không theo cứu giúp thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

NHỮNG CÔNG VIỆC ĐỆ TỬ PHẢI LÀM

Đệ tử cộng trú, đệ tử y chỉ ở gần Hòa thượng, A-xà-lê phải làm các việc sau đây: Đứng dậy đón tiếp; trả lời; làm việc; làm việc cho mình, làm giúp người khác; vấn đề y bát; tự cạo đầu, cạo đầu cho người; dùng dao chữa trị; cho và nhận; lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người( ); tự mình trì kinh, dạy kinh cho người; gởi dục, nhận dục; uống thuốc; rời khỏi cương giới; tổ chức cúng dường; đi không thưa.

1. *Đứng dậy tiếp đón*: Đệ tử thấy Hòa thượng, A-xà-lê từ xa nên đứng dậy đón tiếp.

Nếu đang ăn năm món ăn chính hoặc thọ trì hạnh ăn một lần không thể đứng dậy được thì nên cúi đầu xuống.

Nếu thọ trì hạnh ăn một lần thì nên bạch với thầy. Thầy nên hỏi: "Ông có thể ăn một lần không? Nếu chịu đựng được thì nên thọ trì". Nếu đáp: "Không chịu đựng nổi", thì nên bảo đừng thọ trì.

Nếu đệ tử thấy thầy mà không đứng dậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là không đứng dậy đón tiếp.

2. *Trả lời:* Khi Hòa thượng, A-xà-lê gọi thì đệ tử phải đáp. Nếu trong miệng đang ngậm cơm mà tiếng nói không khác thì nên đáp. Nếu không thể được thì đợi nuốt xong rồi mới đáp.

Nếu thầy trách: "Vì sao nghe ta gọi mà không đáp", thì nên nói: "Vì trong miệng đệ tử đang ngậm cơm". Nếu thầy gọi mà không đáp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là trả lời.

3. *Làm việc:* Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo đệ tử làm việc ấy mà đúng pháp thì nên làm. Nhưng nếu bảo: "Gọi cô gái ấy đến, lấy rượu đem lại", thì nên dùng lời nhỏ nhẹ thưa lại: "Con nghe nói rằng các việc như vậy là phi pháp, không nên làm". Nếu thầy bảo làm việc đúng pháp mà không làm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bảo làm việc.

4. *Làm việc cho mình và làm việc với người:* Nếu muốn làm việc gì thì nên hỏi thầy: "Con muốn làm việc ấy với Mỗ giáp. Thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới thì nên bảo đừng làm việc với y. Nếu thấy kẻ ấy khéo trì giới thì nên cho phép cộng tác. Nếu đến phiên mình làm Duy na trực nguyệt thì nên bạch với thầy. Như trong Thiên uy nghi đã nói rõ. Đó gọi là tự mình làm việc và làm việc với người.

5. *Vấn đề y bát:* Khi muốn hơ bát hoặc kê đá làm lò để hơ thì mỗi việc đều nên thưa với thầy. Nếu không thể thưa từng việc một, thì chỉ cần nói:

"Con muốn hơ bát". Một lần thưa là gồm tất cả. Khi hơ bát nên thưa Hòa thượng, A-xà-lê có muốn hơ hay không. Nếu bảo hơ, thì nên hỏi cái nào hơ trước, cái nào hơ sau hay là hơ chung một lần. Nếu bảo hơ một lần thì nên hỏi cái nào để trên, cái nào để dưới, tùy thầy dạy nên làm theo ý. Khi muốn nhuộm y, nên thưa với thầy; hoặc khi giặt, vá, nấu, tất cả đều nên thưa. Nếu không thể thưa từng việc một thì chỉ cần nói: "Con muốn nhuộm y". Một lần thưa là gồm tất cả. Khi nhuộm y, trước hết nên hỏi Hòa thượng, A-xà-lê có muốn nhuộm y hay không. Nếu nói: "Nhuộm" thì nên hỏi cái nào nhuộm trước, cái nào nhuộm sau hay nhuộm cùng lúc. Nếu bảo "Cùng nhuộm một lần", thì nên nhuộm y Hòa thượng, A-xà-lê trước. Cũng vậy, khi vá, khi nhuộm, khi cầm, không được dùng y của thầy gói y của mình mà nên lấy y mình gói y thầy. Khi làm các việc về y bát mà không thưa với thầy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là những việc thuộc về y bát.

6. *Tự cạo đầu và cạo đầu cho người khác*: Khi mình muốn cạo đầu, nên thưa thầy. Thầy nên hỏi:

- Ai cạo cho ông?

- Dạ thưa Mỗ giáp.

- Mỗ giáp có biết cạo không?

- Việc đó dễ như trở bàn tay. Thầy nên nói: Không nên.

Nhưng nếu nói "Biết" thì thầy nên quan sát người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì cũng nên bảo: "Không nên".

Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên nói: "Cạo được". Khi muốn cạo đầu cho người khác, nên thưa với thầy:

- Con cạo đầu cho Tỳ-kheo Mổ giáp. Thầy nên hỏi:

- Ông có cạo được không?

Nếu đáp: "Việc đó dễ như trở bàn tay có gì mà không làm được", thì thầy nên nói: "Không nên làm".

Nếu đệ tử nói: "Con có thể làm được", thì thầy nên xem tướng y, nếu y không khéo trì giới thì nên nói: "Không nên làm".

Nếu thấy y khéo trì giới thì thầy nên nói: "Ý kiến ấy rất hay". Nếu Hòa thượng, A-xà-lê vào xóm làng, rồi thợ cạo đầu đến muốn cạo đầu thì mình nên bạch với các Trưởng lão Tỳ-kheo khác: "Con muốn cạo đầu". Sau khi thầy trở về, nên thưa lại cho thầy biết. Khi thầy đi khỏi thì mình được nhờ thợ cạo, cạo đầu cho mình. Đó gọi là cạo đầu cho mình và cạo đầu cho người khác.

7. *Dùng dao chữa bệnh*: Khi muốn mổ mụt nhọt cho người khác nên thưa với thầy:

- Con mổ mụt nhọt cho Tỳ-kheo Mổ giáp. Thầy nên hỏi:

- Ông làm có được không?

Nếu đáp: "Việc này dễ như trở bàn tay mà có gì làm không được", thì thầy nên nói:

- Không nên làm.

Nếu nói: "Con có thể làm", thì thầy nên xem tướng, nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

- Không nên làm.

- Nếu thấy y khéo trì giới, thì nên hỏi mụt nhọt ở chỗ nào. Nếu nói: "Ở chỗ bẩn thỉu", thì nên nói:

- Trong phạm vi cách cốc đạo (hậu môn) bốn lóng tay không nên chạm đến. Nếu lể đầu ra máu, hoặc chữa trị các mụt ở chỗ khác thì nên làm.

Khi muốn phá mụt nhọt của mình, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi ở chỗ nào. Nếu cho biết ở chỗ bẩn thỉu thì nên bảo không nên làm.

Nếu nói rằng ở những nơi khác thì cách xử trí như ở trên. Đó gọi là dùng dao để chữa bệnh.

8. *Cho và lấy:* Khi muốn cho ai vật gì, nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

- Cho ai?

Nếu nói: "Cho quả phụ, đồng nữ, dâm nữ, bọn vô lại, kẻ hung ác, Tỳ-kheo-ni mang tiếng xấu, Sa-di ni mang tiếng xấu, Tỳ-kheo không khéo giữ giới", thì nên bảo:

- Không nên cho và thân cận với những hạng người như vậy.

Nếu cha mẹ không tin Tam bảo, thì nên ít lui

tới. Nếu có lòng tin thì nên cung cấp tận tình đừng để thiếu thốn.

Khi muốn lấy vật của người khác nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

- Ai cho ông?

Nếu đáp: "Do đồng nữ, cho đến Tỳ-kheo không khéo giữ giới cho

- con", thì nên bảo:

- Chớ nên giao du thân mật với những hạng người này. Nếu đáp: "Người đó khéo giữ giới", thì nên bảo: "Cứ lấy". Hỏi:

- Khi cho hay nhận vật chừng cỡ nào thì không cần thưa với thầy?

- Đáp:

- Như chừng nửa sợi chỉ hay nữa bữa ăn. Đó là các trường hợp cho

và lấy không cần thưa.

9. *Lấy thức ăn cho người, lấy thức ăn cho mình*: Khi người khác nhờ mình đi lấy thức ăn thì phải thưa với thầy:

- Con lấy thức ăn giúp cho Tỳ-kheo Mổ giáp. Thầy nên hỏi:

- Vị Tỳ-kheo ấy vì sao không đi lấy?

Đáp: "Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn", thì nên nói:

- Nếu vì muốn sướng thì đừng có nhờ người ta.

Nếu lấy giúp cho Duy na hay người bệnh thì nên xem tướng người ấy. Nếu y không khéo trì giới thì nên nói:

- Không nên đi.

Nếu nói: "Đến phiên con đi lấy", thì nên bảo:

- Lấy bát của người ấy rửa cho sạch rồi hợp chung với bát của mình cầm theo.

Nếu nói: "Người ấy khéo trì giới", thì nên bảo:

- Hãy lấy giúp cho ông ta.

Nếu muốn nhờ người khác đi lấy giúp thức ăn thì nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

- Vì sao ông không đi?

Nếu đáp: "Ăn ở đó cực khổ, ăn ở đây sướng hơn", thì nên nói: "Ông vì thích sướng nên không thể được".

Nếu (người đệ tử này) đang làm Duy na hay bị bệnh, thì nên hỏi:

- Ông nhờ ai đi lấy? Đáp:

- Mổ giáp.

Nếu thấy y không khéo trì giới, thì nên nói: - Không thể được. Nếu đáp: "Đến phiên người ấy lấy phần cho con", thì nên bảo:

- Nên nhờ người khác, hoặc là người cùng một Hòa thượng, A-xà-lê, hoặc là người khéo trì giới đi lấy giúp.

Đó gọi là đi lấy thức ăn cho mình, lấy thức ăn cho người.

10. *Đọc kinh, dạy kinh cho người:* Khi muốn dạy Kinh cho ai nên thưa với thầy. Thầy nên hỏi:

- Dạy Kinh cho ai? Đáp:
- Dạy Kinh cho Tỳ-kheo Mổ giáp. Lại hỏi:
- Dạy Kinh gì?

Nếu đáp: "Kinh Sa Lộ Da Đà", thì nên nói:

- Không được, Đức Thế Tôn không cho phép.

Nếu nói: "Chú Kinh", thì nên nói:

- Được, nhưng hãy bảo ông ta đừng dùng Kinh này để làm kế sinh sống.

Nếu đáp: "Kinh A Hàm", thì thầy nên xem tướng anh ta, nếu

không khéo trì giới, thì nên nói:

- Không được.

Nếu thấy khéo trì giới thì nên hỏi:

- Ngươi đọc Kinh có trôi chảy không?

Đáp: "Không trôi chảy, để con hỏi lại ông ta rồi con sẽ dạy", thì nên nói:

- Không nên dạy.

Nếu đáp: "Đọc trôi chảy", thì nên bảo:

- Cứ dạy.

Khi mình muốn đọc Kinh cũng phải thưa với thầy, như cách thức ở trên. Đó gọi là tự mình đọc Kinh, dạy Kinh cho người.

11. *Gởi dục, nhận dục:* Khi gởi dục hay

nhận dục nên thưa với thầy, như vấn đề lấy thức ăn.

12. *Uống thuốc:* Khi muốn ống thuốc trước hết phải thưa với thầy. Nếu đã ngồi rồi muốn uống sữa trước rồi ăn sau thì dù không thưa mà uống, cũng không có tội.

13. *Rời khỏi cương giới:* Khi muốn rời khỏi Tăng già lam chừng hai mươi lăm khuỷu tay nên thưa với thầy rồi mới đi. Nếu đi kinh hành hoặc ngồi thiền nên thưa để thầy biết chỗ. Nếu đang ở trước thầy mà muốn đi đại tiểu thì nên cúi đầu tỏ sự cung kính rồi mới đi. Nếu không ở trước thầy thì không tỏ sự cung kính, không có tội.

14. *Tổ chức bố thí rộng rãi*: Nếu muốn tổ chức bố thí lớn, nên thưa với thầy:

- Con muốn bố thí hết tất cả những vật sở hữu của con. Thầy nên nói:

- Người xuất gia cần phải có ba y, bình bát, tọa cụ, túi lọc nước, giày da.

Nếu đệ tử nói: "Ngoại trừ các vật vừa kể, còn tất cả các thứ khác con muốn bố thí hết", thì thầy nên xem tướng người ấy, nếu y không khéo trì giới, không chịu tụng Kinh, hành đạo, nên nói:

- Đồng ý.

Nếu thấy y khéo trì giới, thường đọc tụng hành đạo, thì nên nói:

- Bố thí chẳng phải là giải pháp tốt nhất. Ông

nhờ các vật ấy làm phương tiện (như là món thuốc) để mà tọa thiền, tụng kinh, hành đạo.

Nếu nói: "Con có thân nhân cung cấp cho y phục ẩm thực và thuốc chữa bệnh rồi", thì thầy nên nói:

- Nếu thế thì thầy đồng ý. Đó gọi là bố thí rộng rãi.

15. *Thưa thầy rồi mới đi:* Khi muốn đi đâu phải thưa trước với Hòa thượng, A-xà-lê không được để đến lúc đi rồi mới thưa, mà phải thưa trước chừng một tháng, nửa tháng:

- Đệ tử muốn đến quốc độ ở mỗ phương. Thầy nên hỏi:
- Về việc gì mà đi?

Nếu nói: "Ở đây Tăng làm việc cực khổ, đọc kinh, tụng kinh cực khổ quá; Hòa thượng, A-xà-lê còn bảo: ăn ít, uống ít, thức nhiều còn ở nơi kia thì sống sướng hơn", thì thầy nên nói:

- Ông vì thế mà xuất gia, vì sao lại khước từ sự cực khổ?

Nếu nói: "Hòa thượng, A-xà-lê lo việc kinh doanh, không dạy Kinh cho con, nên con phải đi", mà mình có thể dạy được thì nên bảo:

- Đừng đi.

Nếu mình không thể dạy được mà trong chúng có người khéo trì giới, tụng Kinh lưu loát thì nên bảo đến người đó thụ giáo. Nếu cũng không có mà

ở nơi kia có Tỳ-kheo quen biết đa văn thì nên gởi gấm cho họ. Nếu lúc đi không thưa với Hòa thượng, thầy y chỉ mà đi, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Ở đây, đệ tử cộng trú, đệ tử y chỉ đối với Hòa thượng, A-xà-lê phải làm những việc ấy. Đó gọi là thưa với Hòa thượng, A-xà-lê rồi mới đi.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 29

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ BẢY

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, lúc ấy các Tỳ-kheo cầm y bát của Hòa thượng, A-xà-lê đi trước, ra ngồi tụ tập ở ngoài cổng để đợi thầy, vì sợ mất y chỉ nên không dám ra khỏi cương giới. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Đây là các Tỳ-kheo nào mà ngồi tụ tập như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc kể trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Đây không phải là rời y chỉ. Đợi khi Như Lai du hành nước Câu-tát-la trở về thành Xá-vệ, các ông hãy nói lại, để Ta chế định phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Khi Phật trở về thành Xá-vệ, các Tỳ-kheo đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi nói:

- Nay thật là đúng lúc, xin Thế Tôn chế định

phép xả y chỉ cho các đệ tử.

Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Khi Hòa thượng mệnh chung là rời y chỉ; hoặc là thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài cương giới nghỉ lại một đêm; hoặc đệ tử cộng trú ra ngoài giới ngủ một đêm; đó gọi là rời y chỉ. Nếu thầy y chỉ mệnh chung, thôi tu, bị cử tội, hoặc ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc đệ tử y chỉ ra ngoài giới nghỉ lại một đêm, hoặc đệ tử đã đủ năm tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, được rời y chỉ, đó gọi là xả y chỉ. Nếu Tỳ-kheo không khéo biết pháp, không khéo biết luật, không thể tự lập, không thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy suốt đời phải y chỉ người khác mà sống. Nếu Tỳ-kheo đủ mười tuổi hạ, khéo biết pháp, khéo biết luật, có thể tự lập, có thể xây dựng cho người khác thì Tỳ-kheo ấy được nhận người khác y chỉ.

Đó gọi là phép tắc của Hòa thượng, A-xà-lê, đệ tử cộng trú và đệ tử y chỉ.

PHÉP TẮC CỦA SA DI

Thế Tôn không thích việc cha mẹ vì quá thương yêu, khóc lóc khi Ngài sắp làm Chuyển Luân Vương mà bỏ nhà xuất gia, cho đến khi Tôn giả La-hầu-la xuất gia, các nhân duyên này đã được nói rõ ở những chỗ khác, nên Ngài nói với Xá-lợi-

phất:

- Ông hãy đến độ La-hầu-la xuất gia.

- Con độ La-hầu-la xuất gia bằng cách nào, bạch Thế Tôn?

- Ông đến đó, dạy La-hầu-la nói như sau:

- Con là La-hầu-la, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (nói như vậy ba lần). Con là La-hầu-la quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, suốt đời không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia (nói như vậy ba lần). Phật Thế Tôn xuất gia, con là La-hầu-la cũng theo Phật xuất gia, bỏ y phục thế tục, khoác ca sa, suốt đời không sát sinh giữ giới Sa-di, suốt đời không trộm cắp giữ giới Sa-di, suốt đời không dâm dục giữ giới Sa-di, suốt đời không nói dối giữ giới Sa-di, suốt đời không uống rượu giữ giới Sa-di, suốt đời không trang sức hương hoa giữ giới Sa-di, suốt đời không xem nghe múa hát nhạc kịch giữ giới Sa-di, suốt đời không ngồi trên giường cao rộng giữ giới Sa-di, suốt đời không ăn quá giờ giữ giới Sa-di, suốt đời không cầm giữ vàng bạc và tiền giữ giới Sa-di, xin luôn luôn ghi nhớ như vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả A-nan có một người đàn-việt quen biết, cả nhà ông bị một cơn

bệnh dịch chết hết, chỉ còn một đứa nhỏ, nó thường nhặt những hạt gạo rơi nơi chợ búa để nuôi sống. Khi Tôn giả A-nan đi ngang qua đó, đứa bé trông thấy, liền chạy theo sau gọi: "Ông! Ông!". Nhưng A-nan không nghe nên cứ đi tới, liền bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử khi người ta còn cha thì tìm cách làm thân như cha như con, bây giờ thấy người ta suy vi tan tác thì không đoái hoài đến, khiến đứa bé chạy theo kêu không ngừng?

A-nan nghe thế, quay nhìn lại biết được, liền gọi:

- Con lại đây.

Thế rồi, đứa bé đi theo sau A-nan về Tinh xá Kỳ-hoàn. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi:

- Con của ai vậy?

A-nan bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, rồi hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đứa bé này có xuất gia được không?

- Ông dùng tâm gì mà độ nó?

- Tâm từ bi, bạch Thế Tôn!

- Xuất gia được!

- Bạch Thế Tôn! Cho xuất gia bằng cách nào?

- Như trường hợp cho La-hầu-la xuất gia ở trên đã nói rõ.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói

rộng như trên. Bấy giờ, có một người già cả xuất gia, rồi an cư tại một thôn xóm. Sau khi an cư xong, thầy dẫn theo mười Sa-di đi đến thăm viếng Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn đang ngồi ở chỗ trống, vị Tỳ-kheo già ấy từ xa trông thấy Thế Tôn, bèn chỉ, nói với các Sa-di:

- Đấy là ông Tổ của các ngươi đó.

Khi ấy, các chú Sa-di nhỏ bèn tranh nhau chạy trước đến chỗ Phật, rồi đứa thì nắm giường ghế, đứa thì nắm y kéo, đứa thì rờ bàn chân, đứa thì cầm bình nước. Phật biết mà vẫn hỏi thầy:

- Đó là các Sa-di của ai vậy?

- Của con đó, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông độ nhiều Sa-di như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi nhiều Sa-di. Nếu nuôi một lần thì tối đa chỉ được nuôi ba người. Nếu Tỳ-kheo có đức lớn được nhiều người tôn trọng (muốn làm đệ tử) thì nên gởi gấm cho người khác độ họ, rồi thưa:

- Tôi biết có người chỉ muốn theo thầy tụng Kinh nghe pháp để tăng trưởng việc tu học, vì vậy xin gởi họ cho thầy.

Nên nói như vậy để gởi gấm cho người khác, nhờ họ dạy dỗ giúp.

Nếu ai nuôi nhiều Sa-di, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói

rộng như trên. Bấy giờ, có thầy Tỳ-kheo dẫn một Sa-di về nhà thăm bà con. Khi đi qua chặng đường ở vùng hoang vắng, bỗng có một phi nhân hóa làm rồng, đi nhiễu quanh bên phải Sa-di, dùng hoa rải lên người, rồi tán thán:

- Lành thay! Ông được lợi ích rất lớn, vì đã bỏ nhà xuất gia, không cầm vàng bạc và tiền.

Vị Tỳ-kheo về nhà người thân thăm hỏi xong rồi, định trở về lại Tinh xá thì bà vợ của người thân nói với Sa-di:

- Nay chú trở về, đường sá xa xôi, sợ e thiếu thốn, vậy hãy cầm theo số tiền này khi đến chợ quán sẽ dễ bề chi dụng.

Sa-di bèn nhận lấy, rồi cột vào trên đầu y mà đi. Khi đến giữa đường, phi nhân trông thấy Sa-di cầm tiền đi theo sau Tỳ-kheo, liền hóa làm rồng đi nhiễu bên trái Sa-di, rồi hốt bụi ném lên Sa-di, nói như sau:

- Ông đã mất lợi ích rồi, xuất gia tu hành mà còn cầm tiền đi. Sa-di liền khóc. Thầy Tỳ-kheo ngoái lại thấy thế hỏi Sa-di:

- Vì sao ông khóc?

- Con không nhớ là mình có lỗi gì mà vô cớ bị não loạn.

- Ông có cầm vật gì không?

- Con có cầm số tiền này đây.

- Hãy vứt bỏ đi.

Sau khi vứt bỏ, phi nhân lại cúng dường như trước. Thầy Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép Sa-di cầm vàng bạc và tiền. Nếu Tỳ-kheo sai Sa-di lần đầu tiên cầm vàng bạc và tiền thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu thấy Sa-di trước đó đã cầm, rồi sau bảo cầm thì không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư Thiên và người đời cúng dường, như trên đã nói rõ. Bấy giờ, sau khi ăn xong, Tôn giả Đại Mục-liên cùng với Sa-di Chuyên Đầu đi đến bên ao A Nậu ở Diêm-phù-đề ngồi thiền. Lúc ấy, Sa-di Chuyên Đầu thấy những hạt cát vàng ở bên ao, liền suy nghĩ: "Nay ta hãy gói các viên sỏi này đem về để dưới bình tắm của Thế Tôn". Thế rồi, Tôn giả Mục-liên sau khi xuất thiền, bèn dùng thần túc đi trên hư không trở về Tinh xá. Còn Sa-di Chuyên Đầu thì bị phi nhân giữ lại. Khi ấy, Mục-liên bèn quay lại, thấy Sa-di liền gọi đến. Sa-di nói:

- Con không thể đến được.
- Ông có cầm vật gì sao?
- Con có cầm những hạt cát vàng.
- Ông hãy vứt bỏ đi.

Sau khi Sa-di bỏ rồi, liền nương hư không mà đi. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép Sa-di cầm vàng bạc và tiền. Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, ở bên cây

Ni-câu-luật, tại nước Ca-duy-la-vệ, có các đàn-việt thiết lễ cúng dường trai phạm cho chúng Tăng. Lúc ấy, trong vườn có một Sa-di đang đuổi chim, xua ruồi, nhặt các thứ cơm, xương, rau quả rơi mà ăn; nhằm lúc có các bà mẹ vốn có lòng thương cảm, thấy thế liền nói như sau:

- Sa-môn Thích tử không có lòng từ, ăn không bình đẳng, giống như nuôi nghé con, trước cho bú rồi sau bỏ đói. Nay đây, Tỳ-kheo nuôi đứa bé này mà không cho ăn, chỉ ăn một mình. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, người xuất gia khi ăn nên cho ăn bình đẳng. Về phần Sa-di thì gồm có ba phẩm bậc như sau:

1. Từ bảy tuổi đến mười ba tuổi gọi là Sa-di đuổi quạ (Khu ô Sa-di)

2. Từ mười bốn đến mười chín tuổi gọi là Sa-di đúng pháp (Ứng pháp Sa-di)

3. Từ hai mươi đến bảy mươi tuổi gọi là Sa-di trên danh nghĩa (Danh tự Sa-di)

Cả ba phẩm này đều gọi chung là Sa-di.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc bèn hỏi

Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Phải chia phần y an cư cho Sa-di như thế nào?

- Nếu Sa-di ấy được lòng các Tỳ-kheo thì nên cho một nửa, hoặc một phần ba. Được lòng các Tỳ-kheo nghĩa là Sa-di ấy giữ giới, làm các việc tốt đẹp.

- Bạch Thế Tôn! Vậy thì chia phần y lúc phi thời cho Sa-di như thế nào?

- Cho phần bằng nhau. Nếu vì sợ Sa-di có nhiều y rồi đi làm điều phi pháp, thì nên cho một nửa hoặc là một phần ba. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê của Sa-di ấy bảo cho bằng nhau không khác, thì nên theo lời của thầy mà cho, chia y của vị qua đời cũng như vậy.

Đó gọi là phép tắc của Sa-di.

PHÉP TẮC CỦA BÁT

Sau khi thành Phật không bao lâu, Phật an trú tại rừng Thi-lợi-mạn-trà-la. Lúc ấy có hai người lái buôn, người thứ nhất tên Đế-lệ-phù-ta, người thứ hai tên Bạt-lê-già (nói rộng cho đến) đem bột, mật đi đến dâng Thế Tôn. Thế Tôn suy nghĩ: "Chẳng hiểu các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri trong thời quá khứ dùng tay nhận thức ăn hay dùng bát nhận thức ăn?". Sau khi Thế Tôn suy nghĩ như

thế, bốn vị

Đại Thiên Vương mỗi người đều cầm bát bằng vàng đến dâng lên Thế Tôn. Phật nói:

- Ta không thể nhận loại bát bằng vàng như vậy. Tất cả các loại bát bằng châu báu Ta đều không thể nhận.

Thế rồi, mỗi vị đều mang bát bằng đá đến. Phật lại suy nghĩ: "Nếu Ta nhận một bát e rằng tâm ý các vua không vui", nên Ngài bèn nhận cả bốn bát, rồi đặt chồng lên tay trái, dùng tay phải nén xuống hợp thành một bát, nhưng ngoài biên của bốn cái đều hiện rõ. Khi Phật nhận bát rồi, liền nhận bột, mật của các lái buôn, đoạn, chú nguyện đầy đủ. Lúc ấy, các lái buôn rất hoan hỷ, đến trước Phật, bạch:

- Xin Thế Tôn cho chúng con móng tay và tóc để về xây tháp phụng thờ.

Phật liền cắt móng tay và tóc cho họ đem về xây tháp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn đất trắng Tôn Ba, lúc ấy thiên thần Tôn Bà đi đến chỗ Phật, bạch:

- Bạch Thế Tôn! Trong thời quá khứ các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã sử dụng bát sành ở nơi này. Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

- Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo sử dụng bát sành.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo đi đến nhà thợ đồ gốm Pháp-dự, nói như sau:

- Này lão trượng! Làm cho tôi cái bát.

Thế rồi, ông ta làm một cái bát sành thật đẹp, màu sắc như vàng, cúng cho Tỳ-kheo. Phật thấy thế, liền dạy:

- Ta không cho phép làm bát màu vàng.

Ông lại làm cái bát khác màu bạc. Phật lại dạy:

- Ta cũng không cho phép làm bát bằng màu bạc. Đoạn, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Hôm nay là ngày chay, hãy đến bảo Ưu-bà-tắc Pháp-dự tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến thọ Bố-tát.

Thế rồi, Ưu-bà-tắc tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới, đến chỗ Phật thọ Bố-tát. Đức Thế Tôn liền chỉ chỗ đất bảo:

- Ông đã biết chỗ đất này rồi đó, hãy trộn lại như thế này, nhồi như thế này, đập như thế này, làm như thế này rồi nung thành bát. Sau khi nung bát hoàn thành phải xông khói thành ba màu: Một là như màu yết hầu của con công; hai là như màu chim Tỳ lăng già; ba là như màu chim bồ câu. Trong khi xông khói phải để ý theo dõi cho màu sắc được như thế.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo ở nước Ưu-bà-thi-bà mang bát

đến, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng loại bát này không?

- Cho phép dùng.

Thế rồi, Tỳ-kheo ở nước Ca Hi Da cũng mang bát đến hỏi Phật.

Phật dạy:

- Cho phép dùng.

Sau đó, Tỳ-kheo ở phương Bắc đem bát màu đỏ đến, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép dùng bát màu này không?

- Không cho phép dùng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, vì năm sự lợi ích nên

Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Trông thấy một Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có an vui không?

- Bạch Thế Tôn! Vì tay con bị mụt nhọt, khiến bát bị rơi xuống đất vỡ bể nên không được vui.

- Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo dùng bát bằng sắt. Khi làm bát bằng sắt nên làm lò để nung bát. Khi nung nên dùng hạt a ma lặc, hạt khư đà la, rồi dùng những gốc tre lớn để đốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc

ấy vua A-xà-thế vừa làm xong một tòa nhà mới, liền suy nghĩ: "Chẳng hiểu ai có thể biết được những khuyết điểm của tòa nhà này? Chắc chắn chỉ có Sa-môn Thích tử thông minh trí tuệ mới có thể biết được những khuyết điểm của nó mà thôi". Rồi vua suy nghĩ: "ta không thể gọi trực tiếp các Tỳ-kheo đếm xem tòa nhà này, mà chỉ nên mở lễ hội, rồi âm thầm đặt người ở khắp mọi nơi, để lắng nghe những lời bình phẩm của họ". Khi ấy, các Tỳ-kheo đi vào nhà, rồi một Tỳ-kheo nói như sau:

- Ngôi nhà này tất cả đều hoàn hảo, chỉ có một góc sai lệch chừng một hạt thóc.

Lại một Tỳ-kheo khác nói:

- Ngôi nhà này tất cả đều tốt, chỉ có cái ngưỡng cửa của đường lên gác thấp quá. Vua là dòng Sát-đế-lợi, đi đâu phải có nghi vệ lọng quạt, khó mà ra vào một cách bình thường được.

Lúc ấy, có một Tỳ-kheo già cả, thấy dưới đất có một đầu khúc gỗ bị chặt bỏ, liền suy nghĩ: "Cái này tốt, có thể làm bát được".

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, lúc ấy, những người mà

vua đã bố thí trước kia, bèn tâu lên vua những gì họ đã nghe được. Vua liền gọi thợ đến, bảo họ dùng thước đo lại, thì đúng như những gì các Tỳ-kheo nói, không sai chút nào, liền bảo những tay thợ khéo sửa chữa lại. Vua lại nhớ đến lời nói của

vị Tỳ-kheo già, nghĩ rằng các Tỳ-kheo đương cần đến bát, liền sai thợ khéo tiện những cái bát gỗ, rồi làm các món ăn bỏ vào đầy bát; đồng thời lấy những cái bát sành, bát sắt bỏ đầy thức ăn vào, rồi sai người đem đến dâng lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Ta không cho phép dùng bát gỗ, vì nó dính dầu mỡ, đồng thời nó cũng là hình thức của ngoại đạo nên không được dùng.

Ở trong đây những gì thanh tịnh thì Thế Tôn nhận, còn những gì không thanh tịnh thì không nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy vua A-xà-thế chưa có mối hiềm khích với chủng tộc Ly-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, có một lái buôn ở nước phía Nam đem tặng vua A-xà-thế một viên ngọc. Sau khi được ngọc, vua suy nghĩ: "Vật báu này là vật cần dùng của các cậu ta". Nghĩ thế vua bèn sai người đem biếu cho Ly-xa. Ly-xa được rồi lại suy nghĩ: "Báu vật này không thể chia được", bèn đem cất vào trong kho báu. Sau đó, Ly-xa đi xem xét các kho báu, thấy viên ngọc ấy, suy nghĩ: "Vật báu này có thể đem khoét để làm chén uống nước Thích già la", bèn gọi thợ ngọc đến khoét làm chén. Khi cái chén làm thành bỗng nhiên giống hình cái bát, Ly-xa lại suy nghĩ: "Đây là vật dụng của người xuất gia, không thích hợp với người thế tục, nên tặng cho Tác-già-ni-kiền-tử". Kẻ khác lại nói: "Nên đem cho Ni-kiền con của chị

ta".

Lại có người nói: "Vì sao lại đem cho những con lừa hạm rượu đó?

Nên đem cho Thế Tôn".

Nhiều người mỗi người một ý như vậy nên họ phải rút thăm để quyết định và số thăm đồng ý cho Phật nhiều nhất. Mọi người bàn bạc:

- Chúng ta không thể đem cho Phật cái bát rỗng mà cần phải tô điểm cho đẹp đẽ.

Đoạn, họ dùng những viên ngọc nhỏ bỏ đầy bát rồi đặt cái bát vào trong hộp, đồng thời dùng các thức ăn đựng đầy các bát sành, bát sắt, rồi đem dâng hiến cho Thế Tôn. Phật nói với các Ly-xa:

- Cái bát ngọc này Ta không thể nhận và những viên ngọc nhỏ trong bát cũng như hộp đựng bát Ta cũng không thể nhận. Ta chỉ được phép dùng bát sắt, bát sành chứ không được phép dùng bát ngọc. Vật gì thanh tịnh thì nên nhận, vật gì không thanh tịnh thì không nên nhận.

Ly-xa bèn đem bát ngọc ấy trở về. Mọi người bàn bạc:

- Nên cho Ni-kiền con của chị chúng ta. Lại có người nói:

- Với con lừa hạm rượu ấy thì không nên dùng hộp báu và những viên ngọc nhỏ mà nên dùng dây gai đan cái túi rồi đựng bát không đem cho.

Thế rồi, họ dùng túi dây gai đựng bát rỗng, sai

người mang cho. Khi ấy, có một Ly-xa vốn tín kính Ni-kiền, bèn đến trước thuật lại với y đầy đủ sự việc kể trên, rồi dặn:

- Khi họ đưa bát đến đừng nhận.

Do đó, khi bát được đưa đến, Ni-kiền nói:

- Cái bát rỗng ấy ta không nên nhận, dùng dây gai để buộc, ta cũng không nên nhận. Lúc đầu đem cho Sa-môn Cù-đàm, sau đó đem cho ta, do đo, ta cũng không nên nhận. Nay ta chỉ nhận có một việc: Nếu cắt lưỡi của bọn thanh niên Ly-xa, đem tẩm muối mỡ bột, đựng đầy bát rồi mang đến thì ta mới nhận.

Khi sứ giả trở về trình bày lại đầy đủ sự kiện trên với các Ly-xa, các Ly-xa nói:

- Đó là con của chị ta, vì oán hận mà thốt ra như vậy, hãy cứ đem cho y.

Nhưng sứ giả đem đến ba lần mà lời nói của y vẫn không thay đổi.

Các Ly-xa nói:

- Đây là việc kỳ quặc, ta bố thí trọng hậu mà trái lại sinh ra oán hận.

Bèn sai người đến dùng gạch đập chết hắn ta.

- Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn, và hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Tác-già-ni-kiền-tử chỉ vì cái lưỡi mà hại đến thân mình?

- Không những ngày nay do cái lưỡi mà hại đến

thân mình (mà ngày xưa cũng đã từng có) như trong Kinh Bổn Sinh Cử Cát La đã nói rõ, hoặc trong Kinh Điển Đa Lợi Điểu Sinh, trong Kinh Miết Sinh, Kinh Oanh Vũ Sinh cũng đều có đề cập đến.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo dùng bát ngăn ra từng khoản đựng các thức ăn. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Trong bát ông đựng những gì vậy?

- Bạch Thế Tôn! Trong đây một chỗ để cơm, một chỗ để canh, một chỗ để thịt và rau.

- Ông tham trước các loại mùi vị sao? Từ hôm nay Ta không cho phép ngăn trong bát ra để đựng. Nếu ngăn bát ra để đựng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu dùng bánh ngăn hay cơm để ngăn thì không có tội.

Lại có Tỳ-kheo dùng bát đất chưa nung để ăn nên bị ói mửa.

Phật dạy:

- Nên dùng hạt A-ma-lặc, hạt Khư-đà-la rồi lấy những gốc tre bự đốt để xông, sau đó mới sử dụng.

- Bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng bát mà không có giỏ đựng. Phật dạy:

- Nên đặt bát vào trong một cái giỏ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn dùng vàng bạc, vật báu làm giỏ đựng bát. Phật dạy:

- Không nên dùng vàng bạc để làm mà nên dùng đồng đỏ, thép, chì, thiếc để làm giỏ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo che kín khắp cả bát. Phật dạy:

- Ta không cho phép che trùm tất cả, lớn nhất thì cách vành bát bốn lóng tay, còn nhỏ nhất thì như lá cây thi xá.

Các Tỳ-kheo vẽ các hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát.

Phật dạy:

- Ta không cho phép vẽ hình tượng chim muông trên giỏ đựng bát.

Phương pháp làm giỏ đựng bát là vuông hoặc là tròn.

Nếu bát không có giỏ đựng thì không được để dưới đất.

Nếu để dưới đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nên để bát trên cành cây hoặc trên lá, trên cỏ. Nếu bát được đựng trong giỏ thì để dưới đất không có tội.

Nếu bát đựng trong giỏ mà để trên bùn thì không tội. Cùng cực lắm thì rưới nước trên đất rồi mới để bát, thì không có tội.

Nếu để bát trên đất thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

CÁCH THỨC DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy mẹ của Nan-đà và mẹ của Ưu-ba-tư-trà-la ở trong thành này, cứ nửa tháng thọ bố-tát ba lần vào ngày mồng tám, ngày mười bốn và ngày mười lăm. Vào ngày bố-tát, bà làm cơm, trước hết dọn cho Tỳ-kheo rồi mới ăn, đến sáng hôm sau lại bố-tát. Bà dùng nồi nấu cơm rồi chắt lấy nước cơm mà uống thì cảm thấy bệnh phong trong người tan mất và thức ăn trong bụng cũng tiêu, lại thấy đói muốn ăn, bà suy nghĩ: "A-xà-lê là người ăn ngày một bữa, cần phải ăn thêm cháo". Nghĩ thế, bà dùng nồi đổ nhiều nước và bỏ vào ít gạo, nấu cho cạn bớt hai phần, còn một phần rồi mới bỏ tiêu, lá lốt vào. Khi cháo chín, bà múc đầy thố, bưng đến Tinh xá Kỳ-hoàn. Đến nơi rồi, bà cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên rồi bạch:

- Kính xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn cháo. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau, Ta cho phép ăn cháo.

Vì ngày hôm ấy có đàn-việt cúng dường trai phạn cho chúng Tăng trong Tinh xá khiến các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới không cho ăn nhiều chỗ, vì sao chúng ta lại tác tịnh để được ăn?". Phật biết thế, liền dạy:

- Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt không thành chữ thì đó không phải là ăn nhiều chỗ, không phải là ăn riêng chúng,

không phải là ăn no. Trái lại, nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết trên mặt thành chữ thì đó mới gọi là ăn nhiều chỗ, là ăn riêng chúng, là ăn no.

Thế rồi, Thế Tôn đọc kệ chú nguyện:

Giữ giới thanh tịnh, người cung phụng,
Tôn kính tùy thời đem cháo cúng
Được mười lợi ích cho hành giả:
Sắc, lực, thọ, vui, lời trong trẻo.
Trừ phong, tiêu thực, dứt đói khát,
Phật bảo đó là môn thuốc hay.
Muốn sinh nhân thiên thường thọ lạc,
Nên thường đem cháo cúng chúng Tăng.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, dần dần đi đến thôn của Bà-la-môn Ha Đế Khâm (như được nói rộng ở chỗ khác, cho đến) Bà-la-môn dùng xe chở nào là lúa mạch, đậu, mè, sữa, dầu, đường phèn đi theo sát bên Thế Tôn trong sáu tháng, chờ lúc nào không có ai cúng thì ông sẽ cúng. Khi Phật còn ở đời dân chúng có lòng tin hoan hỷ cúng dường rất nhiều, bữa ăn trước, bữa ăn sau không khi nào thiếu thốn như vậy đó. Đến lượt Phật trở về thành Xá-vệ lúc này, người nhà của Bà-la-môn sai người đưa thư báo cho ông biết vụ mùa đã đến phải trở về gấp. Bấy giờ, Bà-la-môn hỏi Tôn giả A-nan:

-Thưa Tôn giả! Đức Thế Tôn ngày mai từ cửa nào

đi ra, đến thành Xá-vệ?

-Này Bà-la-môn! Ông hỏi để làm gì?

- Tôi muốn đem rải những thóc, đậu này trên đường, mong Phật và Tỳ-kheo Tăng đạp lên trên mà đi, coi như quý vị đã thọ dụng.

- Này Bà-la-môn! Để tôi hỏi Phật đã.

Thế rồi, Tôn giả A-nan đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền hỏi:

- Này A-nan! Ai từng giáo hóa và nhận sự cúng dường của ông ta?

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Xá-lợi-phất. Phật lại hỏi Xá-lợi-phất:

- Ông từng nhận ông ta cúng dường sao?

Bạch Thế Tôn! Con từng nhận ông ta cúng dường ngày một bữa.

- Thế thì ông là người giáo hóa ông ấy. Vậy hãy đến hỏi ông ấy ngày mai có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không?

- Xá-lợi-phất liền đến đó thuyết pháp cho ông nghe, rồi hỏi ông có thể nấu cháo cho chúng Tăng được không, Bà-la-môn đáp:

- Tôi đã từng muốn đem thóc, đậu rải trên đường để cho Phật và chúng Tăng giẫm đi qua vì sao không thể nấu cháo được?!

Thế là đêm đó ông nấu các loại cháo, nào là cháo sữa chua, cháo sữa tươi, cháo dầu, cháo sữa

đóng váng, cháo thịt, cháo cá. v.v... Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng đã ngồi ổn định, ông bèn tự tay dọn cháo. Phật biết mà vẫn hỏi ông:

- Gạo để ở đâu?

- Ở đây, bạch Thế Tôn!

- Nấu tại đâu?

- Cũng tại đây, bạch Thế Tôn!

- Thức ăn chứa trong chỗ ở, Ta không cho phép, nấu ăn trong chỗ ở Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép dùng các loại cháo thanh tịnh khác, không cho phép dùng loại cháo này.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn của Bà-la-môn Cố Thạch, lúc ấy có ông thợ hớt tóc già, hai cha con xuất gia đang ở thôn này. Được tin Thế Tôn sẽ đến đây, người cha nói với con:

- Ngươi mang theo dụng cụ hớt tóc vào trong thôn tìm gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn để khi Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo cúng dường.

Người con bèn đi vào trong thôn, dân chúng hỏi:

- Ông hớt tóc muốn được vật gì?

- Tôi cần gạo, đậu, sữa, dầu, đường phèn.

- Ông dùng những thứ đó để làm gì?

- Ngày mai Thế Tôn đến, sẽ nấu các món cháo để cúng dường.

Các cư sĩ nghe thế, sinh tâm hoan hỷ, đưa cho

nhiều gấp bội; anh ta bèn mang về nhà. Khi Thế Tôn đến, ông già ấy liền thân hành nấu các món cháo. Đến sáng sớm, khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông già ấy liền rửa tay, thân hành dọn các món cháo lên. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Đó là cháo gì vậy?

- Bạch Thế Tôn! Khi con còn ở đời, mỗi lần cúng dường các Tỳ-kheo con thường tự nghĩ: "Không biết lúc nào được tự tay mình cúng dường Thế Tôn, nên nay con nấu món cháo này".

- Gạo này nhận được ở nơi nào vậy?

- Đứa con trai con đi hớt tóc mà có được.

- Gạo cất chung cùng chỗ ngủ, Ta không cho phép; nấu tại chỗ ở, Ta cũng không cho phép; tự nấu lấy, Ta không cho phép; đi hớt tóc mướn mà được thực phẩm, Ta cũng không cho phép. Ta chỉ cho phép ăn những loại cháo khác thanh tịnh và được làm một cách thanh tịnh.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Ương-cầu-đa-la, lúc ấy Phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn nấu các món cháo nào là cháo sữa chua, cháo mè, cháo sữa tươi, cháo sữa đóng váng, cháo dầu, cháo cá thịt. Đến khi Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi ổn định, ông dọn lên các món cháo. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ: "Thế Tôn chế giới không cho phép ăn nhiều chỗ, nay vì sao chúng ta được xem đây là món thanh tịnh để mà ăn?". Phật

nghe thế, liền dạy:

- Nếu cháo lúc mới múc ra khỏi nồi mà viết không thành chữ thì Ta cho phép dùng. Trừ cháo thịt, cháo cá, ngoài ra tất cả các loại cháo khác thì khi dùng chúng không được kể là ăn nhiều chỗ, ăn biệt chúng, ăn no.

Nếu Tỳ-kheo khất thực, khi nấu cơm chưa chín, chắt lấy nước cơm rồi uống thì không có tội. Nếu chỉ lấy cơm mà ăn thì mới gọi là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no.

Đó gọi là cách thức dùng cháo.

PHÉP DÙNG BÁNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Thế Tôn cứ bốn tháng cạo tóc một lần. Khi cạo tóc, người đời thường đem bánh trái đến hiến Thế Tôn. Khi ấy, có một Bà-la-môn hỏi vợ:

- Trong nhà có vật liệu để làm bánh không?

- Có! Gạo lúa mạch hai đấu, dầu bốn thăng. Ông định dùng để làm gì?

- Hôm nay Sa-môn Cù-đàm cạo tóc, dân chúng ắt mang bánh đến cúng dường. Bà hãy làm bánh cho nhanh lên để tôi theo bạn bè đem đến cúng dường Sa-môn Cù-đàm.

Thế rồi, bà vợ làm bánh, bỏ vào trong thố, dùng khăn sạch đậy lên trên đưa cho ông chồng mang đi.

Lúc ấy, có các quốc vương, đại thần, Sát-lợi, Bà-la-môn, các lãnh chúa của mười tám thôn lớn, tất cả đại chúng đang quây quần xung quanh Thế Tôn. Thấy thế, Bà-la-môn này nghi ngại, sợ sệt không dám đường đột đi tới trước, bèn ngồi một mình ở một chỗ suy nghĩ: "Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến thường quan sát thế gian không có gì là không thấy, không có gì là không biết, thì nay ta đây cũng là thế gian, đương nhiên Ngài sẽ biết tâm của ta". Khi ấy, Phật biết tâm niệm của Bà-la-môn, từ xa gọi ông ta đến. Lúc ông đến rồi, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Bà-la-môn! Trong cái thố của ông đang đựng vật gì vậy?

- Đó là bánh, bạch Thế Tôn!

- Hãy đem dọn cho chúng Tăng mỗi người một cái.

- Đại chúng này đến năm trăm người mà bánh thì rất ít, không thể nào dọn đủ, bạch Thế Tôn!

- Ông cứ dọn đi.

Thế rồi, Bà-la-môn đem dọn cho mỗi người một cái mà số bánh vẫn không giảm bớt. Thậm chí ông đi phát đến ba lần mà số bánh vẫn như cũ không hề giảm bớt. Lúc ấy, Bà-la-môn suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, số bánh ít ỏi như thế mà phát cho đại chúng đến ba lần vẫn không hề giảm bớt". Phật biết tâm ý Bà-la-môn hoan hỷ, liền

tùy thuận thuyết pháp, chỉ bảo làm cho ông được lợi ích, vui vẻ. Bà-la-môn đạt được quả vị Tu-đà-hoàn. Các Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Bà-la-môn này dùng phương tiện nhỏ mà lại được quả báo lớn?

- Không những ngày nay ông dùng phương tiện nhỏ đạt được quả báo lớn mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy, như trong kinh Bổn sinh đã đề cập.

Về bánh thì gồm có các loại: Bánh đại mạch, bánh lúa mạch, bánh tiểu mạch, bánh gạo, bánh đậu, bánh dầu, bánh sữa chua, bánh ma hầu la, bánh bát ba lặc, bánh tai trâu, bánh ba lợi tư, bánh sô đồ, bánh mạn chỉ la, bánh hoan hỷ hoàn nhục. Tất cả các loại tương tợ như vậy đều được gọi là bánh. Trừ bánh thịt, bánh tân trà, ngoài ra tất cả

các loại bánh khác khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều chỗ, ăn no.

Đó gọi là phép dùng bánh.

PHÉP DÙNG RAU

Khi Phật an trú tại ấp lớn tên Tần Đầu dãy núi phía Nam, lúc ấy có hai Ưu-bà-di, người thứ nhất tên Ta-bà-cư, người thứ hai tên Xoa-ba-năng. Họ nấu (cháo) rau khéo đến nỗi có mùi vị giống như thịt. Khi nấu xong bèn đem cúng dường cho các

Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận, lòng sinh hồ nghi, nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới không được ăn nhiều chỗ (lần), vì sao chúng ta lại xem món này là hợp pháp để mà ăn?" Thế rồi, họ đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Ăn tất cả các loại rau không phải là ăn nhiều lần, không phải là ăn biệt chúng, không phải là ăn no.

Về rau gồm có các loại: rau khô, rau cải, hành, bầu v.v... tương tự những loại như vậy đều gọi là rau.

PHÉP DÙNG LƯƠNG KHÔ

Lương khô gồm có các loại: lương khô đại mạch, tiểu mạch, khoáng mạch, mông cụ, ma-sa, ca-la-na, y ly, mè. Các loại lương khô tương tự như vậy khi ăn không được xem là ăn biệt chúng, ăn nhiều lần, ăn no. Đó gọi là phép dùng lương khô.

PHÉP DÙNG NƯỚC TRÁI CÂY

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy cư sĩ Ưu-già-lê mở hội bố thí lớn gồm voi, ngựa, nô tỳ mỗi thứ năm trăm và trong các vật bố thí linh tinh khác có nước ép trái cây để lâu ngày, do đó các Tỳ-kheo uống vào bị say. Họ bèn đem sự việc

ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, nước ép trái cây để lâu ngày, Ta không cho phép uống.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thôn của Bà-la-môn Tần Đầu, ở núi phía Nam, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, các Bà-la-môn, cư sĩ đem các thức ẩm thực cúng dường cho các Sa-môn ở trong thôn. Bấy giờ, đến giờ khất thực, Đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thôn khất thực. Khi ấy, ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đang vào thôn khất thực, vậy ta hãy vào trước trong thôn mê hoặc tâm của những đàn-việt, khiến họ không cúng dường thực phẩm cho ông ta". Thế rồi, Đức Thế Tôn vào thôn khất thực khắp mọi chỗ mà không được thứ gì nên mang bát không trở ra, đến ngồi bên một gốc cây. Lúc ấy, ma Ba-tuần suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đi khất thực khắp nơi mà không được thứ gì, giờ đây ta hãy đến quấy nhiễu làm cho tâm ý ông rối loạn". Tức thì y đến chỗ Phật, đứng qua một bên, nói như sau:

- Sa-môn Cù-đàm! Nên vào thôn khất thực, ta sẽ khiến cho lúc vừa vào đến thôn, liền được các món ăn ngon.

Khi ấy, Thế Tôn vì ma Ba-tuần đọc kệ như sau:

Nay ngươi mất lợi ích
Vì nhiễu loạn Như Lai,
Tự chuốc vô lượng tội,

Như Lai chẳng khổ sầu,
Vì đã lìa phiền não,
Thường được sống an lạc.
Niệm pháp vui thiền định,
Giống như Quang Âm Thiên.

Lúc ấy, ma Ba-tuần bỗng nhiên biến mất. Thế là ngày hôm ấy Thế Tôn không được ăn. Các Tỳ-kheo nghe được tin này, những ai đã ăn thì hối hận, những ai ăn nửa chừng thì nghỉ ăn, còn những ai chưa ăn thì không ăn. Các Sa-môn, Bà-la-môn nghe tin Phật và Tỳ-kheo Tăng không được ăn, liền đem năm trăm chiếc bánh đường phèn đến dâng lên Thế Tôn. Phật bảo các Tỳ-kheo dùng nước tác tịnh rồi nhận lấy, để những Tỳ-kheo bệnh hay không bệnh cũng đều được ăn cả.

Lại nữa, khi Phật an trú bên sông Lê-kỳ-xà, lúc ấy, bát của Thế Tôn và bát của Tỳ-kheo đều để ở chỗ đất trống. Bỗng có con khỉ đi ngang qua bụi cây, thấy trong cây có tổ ong mật đã chín mà không có ong, liền đến lấy bát của Thế Tôn. Các Tỳ-kheo ngăn cản nó, Phật dạy:

- Đừng có ngăn cản, nó không có ác ý đâu.

Thế là con khỉ bèn cầm bát đi lấy mật đem lại cúng dường. Thế Tôn chưa nhận, định dùng nước tác tịnh rồi mới nhận. Con khỉ không hiểu ý Phật, tưởng là Phật chê trong bát có trùng. Nó xem lại bát thì thấy có vết mật chảy ở ngoài bát. Nó liền

cầm bát đem xuống nước rửa và nước đã rơi vào trong bát. Đoạn, nó cầm đến dâng lên cho Phật, Phật liền nhận lấy. Khi được Phật nhận rồi, con khỉ vui mừng cực độ, nên vừa

đi vừa múa, nhưng rủi thay bị rơi xuống hầm, chết liền tức khắc. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền đọc kệ:

Khi Phật an trú tại rừng cây
Bát Phật, bát Tăng để chỗ trống
Dã thú có trí muốn gieo phúc,
Thấy tổ ong mật không có ong.
Liền đi ngay đến lấy bát Phật,
Tỳ-kheo định ngăn, Phật không cho.
Lấy bát đựng mật dâng lên Phật
Như Lai xót thương, liền nhận lấy.
Lòng mừng khắp khởi nhảy tung tăng,
Rủi rơi xuống hố liền vong mạng.
Bèn sinh cõi trời Ba mươi ba,
Tái sinh xuất gia thành La hán.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Ương-cầu-đa-la, lúc ấy, Phạm chí Kê-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến bèn chuẩn bị các loại nước ép trái cây để đợi Thế Tôn. Khi Thế Tôn đến, ông đem các loại nước ấy dâng lên Phật và chúng Tăng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, nghĩ: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép uống nước ép trái cây để lâu ngày thì làm sao chúng ta uống được?". Nghĩ thế rồi, các Tỳ-kheo đem ý nghĩ ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật

dạy:

- Ta cho phép được uống nước trái ép. Nước trái ép gồm có 14 loại. Mười bốn loại đó là gì? Đó là:

1. Nước am la.
2. Nước câu lê.
3. Nước an thạch lựu.
4. Nước điên đa.
5. Nước nho.
6. Nước ba lâu sa.
7. Nước lâu lâu trù.
8. Nước trái chuối.
9. Nước kế già đề.
10. Nước kiếp pha la.
11. Nước ba lung cừ.
12. Nước đường phèn.
13. Nước ha lê đà.
14. Nước khư phi lê.

Đó gọi là mười bốn loại nước trái cây ép. Khi đem lọc cho sạch thì tất cả đều cho phép uống. Nếu chúng biến ra màu rượu, vị rượu, mùi rượu thì tất cả đều không cho phép uống.

Nếu có ai mang nước ép trái cây đến thì nên tác tịnh.

Nếu dưới đáy hũ còn lại chút ít nước lạnh thì đó được xem là tác tịnh.

Nếu trời mưa, nước rơi vào trong hũ cũng được xem là tác tịnh. Nếu khi súc hũ còn sót lại chút nước cũng được xem là tác tịnh. Nếu xe chở đường phèn bị mắc mưa, cũng được xem là tác tịnh. Nếu dùng thuyền chở, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Nếu tịnh nhân rửa tay, nước văng vào trong hũ, cũng được xem là tác tịnh.

Đó gọi là phép dùng nước ép trái cây.

PHÉP DÙNG THỨC UỐNG CHẾ BIẾN

Khi Phật đang du hành đến nước Kiều-tát-la, lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh động phong. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi các Tỳ-kheo:

- Cần phải dùng thuốc gì để trị?

- Bạch Thế Tôn! Phải dùng nước trái cây Tô-tỳ-la.

- Ta cho phép uống.

Thế rồi Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Đợi khi Như Lai du hành nước Kiều-tát-la trở về thành Xá-vệ, hãy nhắc lại để Ta chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các đệ tử.

Đến khi Phật trở về, các Tỳ-kheo liền bạch:

- Bạch Thế Tôn! Trước đây Thế Tôn đã hứa khi

trở về thành Xá-vệ, sẽ chế định về cách sử dụng nước Tô-tỳ-la cho các Tỳ-kheo, giờ thật là đúng lúc.

- Này các Tỳ-kheo! Phương pháp làm nước Tô-tỳ-la như sau: lấy lúa mạch bỏ vào cối giã nhẹ cho tróc trấu, bụi đất, nhưng đừng để cho đầu hạt gạo bị vỡ, rồi dùng nước đãi bảy lần cho sạch, đem bỏ vào trong cái vò sạch. Khi đặt cái vò Tô-tỳ-la này không được đặt ở hướng Đông, hướng Bắc, mà nên đặt ở hướng Nam hay hướng Tây tại chỗ thoáng gió, đừng để cho uế khí bay vào trong đó, không được để trong tháp, trong viện, không được đặt ở chỗ sờ sờ trước mắt, mà nên đặt ở chỗ kín đáo. Thế rồi dùng trái ha-lê-lặc, tỳ-ê-lặc, a-ma-lặc, tiêu, lá lốt, các loại

thuốc dùng suốt đời, tương tự như vậy bỏ vào trong, lấy một miếng vải sạch đậy lên, dùng dây mây buộc lại, rồi đem một khúc cây đằng lên trên. Khi dùng nước Tô-tỳ-la này, tùy theo nhiều ít, dùng nước pha vào cho giải mùi vị rồi mới uống. Nếu không pha nước cho giải mùi vị mà uống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đầu của hạt gạo mạch không vỡ thì uống lúc đúng thời hay phi thời đều được cả. Nếu đầu của hạt gạo mạch bị vỡ thì chỉ được uống lúc đúng thời mà không được uống lúc phi thời. Đó gọi là cách sử dụng nước trái cây.

Kệ tóm tắt:

Bệnh, thuốc và Hòa thượng
Thầy cùng với đệ tử
Cộng trú và y chỉ
Việc Sa-di, việc bát,
Việc cháo, bánh và rau
Lương khô, nước giải khát.
Cùng nước Tô-tỳ-la.

Kết thúc phẩm thứ năm.

PHI YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba cùng sống một trú xứ mà bất hòa, tranh tụng lẫn nhau. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, nói:

- Tôi cử tội Trưởng lão!

Hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo ở Chiêm Ba phát sinh việc phi pháp. Vì sao một người mà lại cử tội một người, hai người cử tội hai người, nhiều người cử tội nhiều người?

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Có bốn trường hợp yết-ma. Bốn trường hợp đó là gì? Đó là:

1. Yết-ma như pháp không hòa hợp.

2. Yết-ma như pháp hòa hợp.

3. Yết-ma phi pháp hòa hợp.

4. Yết-ma phi pháp không hòa hợp.

(Tóm lại có các trường hợp như sau): Tôn-đà-la-nan-đà; màu mới nhuộm; cử tội ở chỗ này, xả tội ở chỗ khác; rừng khai nhãn; ngoại đạo xuất gia; hẹn nhau; không tĩnh tưởng; sông Tô Hà; giảng đường Thiện

Pháp; tướng quân Sư Tử; nam nhi; đồng tử Ly-xa; bốn người hung ác đánh nhau; trên gác; dời đá; suối nước nóng; dâm nữ; Tam bà ta; đòi dầu; đi lấy thức ăn; nuôi bệnh; một miếng thịt chim; một miếng thịt của giặc cướp; một miếng thịt heo; đến nhà phụ nữ; xay bột; chăn bò; bỏ vợ; ngớ ngẩn; cách vách; Bố-tát; nước nhị Tô-tỳ-la; gạch; phân; khất thực; uất trù.

1. Tôn-đà-la-nan-đà:

Khi Phật an trú tại thành Ba-la-nại; lúc ấy Tôn-đà-la-nan-đà đang ở tại Tinh xá Chỉ-đà-la-kế-bát; đầu đêm, cuối đêm kinh hành, ngồi thiền. Sáng sớm thầy thức dậy ngồi kiết già rồi nằm nghiêng xuống để thân lộ ra, nam căn cương ra mà vẫn ngủ không hay. Lúc ấy, tại thành Ba-la-nại có hai chị em cô nọ làm nghề mại dâm, một người tên Gia Thi, một người tên Bán Gia Thi, ban đêm ra ngoài thành đến lâm viên cùng hoan lạc với các trang thanh niên. Thế rồi, sáng sớm họ trở vào trong

thành, nhân đi ngang qua chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, Bán Gia Thi thấy nam căn của thầy cương cứng liền nói với chị:

- Em muốn hành dâm với vị Tỳ-kheo này, chị chờ em một lát.

- Đây là vị A-la-hán đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, không còn thích việc đó nữa. Em không nghe Tôn-đà-la-nan-đà thuộc dòng họ Thích này ở nhà có người vợ đẹp đoan chánh mà thầy vẫn bỏ để xuất gia hay sao?

- Không phải vậy! Nhưng chị hãy đợi em.

Thế là cô bèn đi đến, leo lên mình Tỳ-kheo làm theo cách của thế tục. Tỳ-kheo liền thức giấc, dùng chân đạp cho một đạp khiến cô té nhào xuống đất bị thương năm chỗ: Hai cùi chỏ, hai đầu gối và trán. Bán Gia Thi liền đứng dậy phủi bụi trên y phục, rồi đi đến chỗ chị, nói với chị:

- Tỳ-kheo làm nhục em như vậy đó.

- Trước đây chị không bảo với em rồi sao, giờ còn oán ai nữa? Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn thuật lại sự việc ấy với các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo nói:

- Thầy đã phạm tội Ba-la-di.

- Tôi là A-la-hán không còn thấy lạc thú nữa.

- Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật dạy:

- Tỳ-kheo này đã đoạn trừ xong tham dục, sân hận, ngu si, là bậc A-la-hán, không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tôn-đà-la-nan-đà.

2. Y phục mới nhuộm màu:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực, bèn khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ, tuần tự khất thực, rồi đến một nhà kia. Người đàn bà trong nhà ấy mặc y phục mới nhuộm màu, ngồi không đoan chánh để lộ thân thể. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, liền nói:

- Này chị em, trông cô đỏ quá!

- Thưa thầy, vì y phục này mới nhuộm màu.

Thầy Tỳ-kheo ấy tâm sinh nghi, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

- Ông dùng bằng cái tâm gì?

- Bằng tâm tham dục, bạch Thế Tôn!

- Ông hãy nhờ một Tỳ-kheo đến hỏi người phụ nữ ấy xem có hiểu ý ông không?

Thế rồi, vị Tỳ-kheo sứ giả liền đến đó, hỏi:

- Này chị em! Vừa rồi có Tỳ-kheo nào đến đây không?

- Thưa có!

- Tỳ-kheo ấy nói những gì?

- Tôi mặc y phục mới nhuộm vừa ngồi thì vị ấy nói: "Đỏ quá". Tôi bảo: "Đúng như thầy nói vì y phục mới nhuộm màu cho nên như thế".

Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Nếu họ hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý mà không hiểu nghĩa thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu họ hiểu ẩn ý đồng thời hiểu nghĩa, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu họ không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý, thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Như thế là hết phần Tỳ-ni.

Đó gọi là y phục mới nhuộm màu.

3. Bị cử tội ở chỗ khác:

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ở một trú xứ bị Tăng làm yết-ma cử tội, thế rồi, thầy đi đến trú xứ khác, thưa với Tăng như sau:

- Thưa Trưởng lão! Tôi bị cử tội. Nay tôi đã thực hành pháp tùy thuận, tâm đã nhu hòa, xin Tăng cho tôi pháp yết-ma xả việc cử tội.

Các Tỳ-kheo bèn làm yết-ma xả việc cử tội cho thầy. Khi làm xong, liền hỏi:

- Trưởng lão! Thầy vì việc gì mà bị cử tội?

- Thưa Trưởng lão! Tăng đã làm yết-ma xả việc cử tội cho tôi xong thì còn hỏi chi nữa?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Đúng như Tỳ-kheo ấy nói. Thế nên, khi Tăng làm yết-ma xả việc cử tội thì trước hết nên hỏi, nếu không hỏi mà đã xả rồi, thì không nên hỏi lại. Các ông vì sao Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội?

Nếu Tăng ở nơi khác làm yết-ma cử tội mà Tăng ở nơi này xả tội thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo bị cử tội đi đến nơi khác thì nên thưa như sau:

- Thưa Trưởng lão! Tôi bị cử tội và đã thực hiện pháp tùy thuận, tâm đã nhu hòa, mong Tăng xả việc cử tội cho tôi.

Khi ấy, Tăng nên hỏi:

- Trưởng lão! Thầy bị cử tội về việc gì? Nếu đáp:

- Tôi không có việc gì cả mà bị cử tội. Thì nên bảo:

- Trưởng lão! Thầy không có việc gì mà bị cử, vậy ở đây chúng ta cùng hưởng chung pháp thực, vị thực.

Còn nếu nói: "Có việc nên bị cử", thì Tăng nên bảo:

- Trưởng lão! Thầy hãy trở về lại nơi ấy để Tăng xả việc cử tội cho thầy.

Nếu chùa ấy Tăng đã đi vắng hết, hoặc đã qua đời, hoặc là thôi tu, hoặc đi nơi khác, không còn vị Tăng nào nữa, thì nên hỏi:

- Thầy phạm việc gì mà bị cử tội?

Nếu đáp: "Tôi vì việc ấy mà bị cử tội nhưng nay tâm đã nhu hòa, thấy được lỗi lầm, đã tuân hành pháp tùy thuận", thì nên xả việc cử tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là làm yết-ma cử tội ở chỗ khác.

4. Rừng Khai Nhãn:

Khi Phật chưa ngăn cấm Tỳ-kheo-ni ở nơi hoang vắng, Đại-ái-đạo

Cù-đàm-di cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni ngồi thiền trong rừng Khai Nhãn. Họ thuộc các dòng họ Thích Ca, họ Ma La, họ Ly-xa xuất gia, đều là những người nữ trẻ trung, đoan chánh. Đầu đêm, các Tỳ-kheo-ni ấy đang ngồi thiền thì bị đám thanh niên dâm đãng đi đến định xâm phạm tiết hạnh. Các Tỳ-kheo-ni liền dùng thần túc để chạy thoát. Nửa đêm, cuối đêm, họ cũng trở lại ngồi thiền và cũng bị đám thanh niên kia đến quấy nhiễu như trước. Những người không ngủ, lanh lợi thì dùng

thần túc để thoát thân; còn những người ngủ gật, ám độn thì bị bọn chúng xâm phạm tiết hạnh; do thế tâm họ sinh nghi ngờ (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo-ni khác bèn nói với các Tỳ-kheo-ni ấy:

- Các cô đã phạm tội Ba-la-di.

- Tôi không có cảm giác thích thú, tôi không biết có tội hay không.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Những ni A-la-hán ấy đã đoạn trừ tham dục, sân hận, si mê, không cảm thọ dục lạc nên không có tội.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là rừng Khai Nhãn.

5. Ngoại đạo xuất gia:

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực, liền khoác y vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Thầy gặp một người nữ xuất gia ngoại đạo tên Tôn Đà Lợi, trẻ trung, dung nhan đoan chánh, khoác y mới nhuộm, một tay cầm gậy có ba chảng, một tay cầm bình nước đang đi trước thầy trên đường phố. Tỳ-kheo thấy thế, lòng dục phát sinh, bèn đi theo sau cô ta. Lúc ấy có một con trâu cái vừa mới sinh con, dùng sừng xúc Tỳ-kheo ném lên trên người nữ, khiến tâm Tỳ-kheo sinh nghi (là mình phạm tội). Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi Tỳ-kheo:

- Ông có tâm gì?
- Tâm tham dục, bạch Thế Tôn!
- Khi bị sừng trâu húc thì ông có tâm gì?
- Tâm sợ hãi, bạch Thế Tôn!

- Hễ khi có tâm tham dục thì không có tất cả sợ hãi, còn khi có tâm sợ hãi thì không có tâm tham dục. Đi theo sau người nữ với tâm tham dục thì mỗi bước đi phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp ngoại đạo xuất gia.

6. Hẹn nhau:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành Xá-vệ, tuần tự khất thực. Khi thầy đến một nhà kia, có một người phụ nữ nói với thầy:

- Này Tỳ-kheo! Có muốn làm việc ấy thì đến đây.

- Phép tắc Tỳ-kheo của tôi không được làm việc ấy.

- Nếu thầy không chịu làm việc ấy thì tôi sẽ làm cho thân mình bị thương tích rồi hô hoán lên: "Tỳ-kheo cưỡng hiếp tôi".

- Tôi phải về lại Tinh xá rồi mới đến.

Thầy là Sa-môn Thích tử không nên nói dối, đã hẹn thì phải đến.

- Vâng.

Thế rồi, Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền nói:

- Đó là lời nói phi pháp, không nên nghe, mà đã nghe thì không nên hứa, mà đã hứa thì phải đem

nhiều Tỳ-kheo đến đó.

Thế rồi, thầy ấy dẫn theo nhiều Tỳ-kheo đến đó, nói như sau:

- Này chị em! Chúng tôi đã đến.

- Xin chào các thầy.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hẹn nhau.

7. Không tĩnh tưởng:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ngồi một mình dưới gốc cây quán tưởng về không tĩnh, rồi tự nói: "Ta đã đắc quả A-la-hán".

Các Tỳ-kheo khác nghe thầy nói như thế, liền nói:

- Này Trưởng lão! Thầy không thật chứng được mà tự xưng được pháp hơn người, phạm tội Ba-la-di.

- Thưa Trưởng lão! Tôi không tự xưng mình được pháp hơn người. Tôi ngồi dưới gốc cây quán tưởng về pháp không tĩnh, rồi nói: "Ta đã đắc A-la-hán rồi vậy".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự kiện ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền hỏi Tỳ-kheo ấy:

- Ông thật sự không được pháp hơn người mà tự xưng là được pháp hơn người phải không?

- Bạch Thế Tôn! Con không tự xưng được pháp hơn người. Con ngồi một mình dưới gốc cây quán

tưởng về pháp không tĩnh rồi nói: "Ta đã đắc A-la-hán".

- Đó là phép quán tưởng về không tĩnh mà xưng là pháp hơn người, phạm tội Thâu-lan-giá.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là không tĩnh tưởng.

8. Sông Tô Hà:

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc các Tỳ-kheo Tăng tập hợp tại một chỗ thì Tôn giả Đại Mục-liên nói như sau:

- Thưa Trưởng lão! Khi tôi nhập định Vô sắc tôi nghe tiếng vẫy tai của các con voi đang uống nước ở sông Tô Hà.

Các Tỳ-kheo nói:

- Không thể có chuyện đó. Khi nhập định Vô sắc thì vượt qua mọi sắc tưởng, làm sao còn nghe tiếng? Thầy nói dối không thật, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế là họ tập họp Tỳ-kheo Tăng. Phật dùng thần túc từ không trung đến, biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì đó?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn, cho đến: nói dối không thật, phải làm yết-ma cử tội.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Mục-liên thực sự được định Vô sắc, nhưng

chưa biết rành tướng xuất nhập. Đó là nghe khi xuất định chứ không phải nghe khi nhập định.

Đoạn, Phật quay sang nói với Mục-liên:

- Ông nên phân biệt để biết một cách rõ ràng. Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là sông Tô Hà.

9. Giảng đường:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập họp tại một chỗ rồi cùng nhau bàn luận:

- Cây cột của giảng đường pháp thiện này chống đỡ cây xà nhà phải không?

Tôn giả Mục-liên nói:

- Chống đỡ xà nhà.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ nói:

- Không chống. Hỏi:

- Không chống (cách hở) chừng bao nhiêu? Đáp:

- Chừng một mảy lông.

Các Tỳ-kheo bèn sai một Tỳ-kheo có thần túc đến quan sát xem có chống hay không chống.

Thầy xem xong, trở về nói:

- Không chống (cách hở). Hỏi:

- Không chống chừng bao nhiêu? Đáp:

- Không chống chừng một mảy lông. Các Tỳ-kheo bèn nói với Mục-liên:

- Thầy không biết có chống hay không chống, vì sao lại nói có chống? Thầy nói dối không thật,

cần phải làm yết-ma cử tội!

- Thế là Tăng liền tập họp, làm yết-ma cử tội. Khi ấy, Phật dùng thần túc đến từ hư không, Ngài biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Đại Mục-liên (cho đến) không chống mà nói có chống, nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ:

- Vì sao ông biết là không chống?

- Bạch Thế Tôn! Con đã có lần ngồi thiền tại giảng đường Pháp thiện ấy.

Phật liền nói với Đại Mục-liên:

- Vì sao ông không xem cho kỹ? Ông hãy đến xem lại cho đúng sự thật.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là giảng đường Pháp thiện.

10. Tướng quân Sư Tử:

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, lúc này, vua A-xà-thế đã có oán thù với người Ly-xa ở thành Tỳ-xá-ly. Vua muốn đem bốn binh chủng đến chinh phạt người Ly-xa. Nghe tin quân của nhà vua sắp đến, tướng quân Sư Tử người Tỳ-xá-ly liền đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục-liên, hỏi:

- Thưa Tôn giả! Trong trận này ai thắng, vua A-xà-thế thắng hay chúng tôi thắng?

- Vua sẽ thắng.

- Có điềm gì báo trước chăng?

- Tôi thấy phi nhân của hai nước đánh nhau mà phi nhân của vua thắng cho nên vua cũng sẽ thắng.

Tướng quân Sư Tử nghe nói thế, liền tuyển mộ được năm trăm trai tráng dũng mãnh trong nước rồi hỏi bọn họ:

- Chúng ta nên làm kẻ phi trượng phu mà chết, hay nên làm kẻ trượng phu xông vào hầm lửa để mà sống?

- Nên làm kẻ trượng phu mà sống, lại còn cứu vớt được quyết thuộc.

Khi ấy, vua A-xà-thế nghe Đại Mục-liên nói như vậy nên không sợ, chậm rãi từ từ thuận theo dòng nước sông Hằng tiến quân lên. Tướng quân Sư Tử bèn đem quân mai phục đánh bất ngờ khi chưa xáp trận nên đại phá được quân giặc. Vì bị bất ngờ, không có quân cứu viện, vua A-xà-thế vượt hiểm nguy, thoát chết, một mình một ngựa trở về nước, bèn chê trách Mục-liên:

- Vì Tôn giả Đại Mục-liên mà khiến cho việc nước của ta bị nghiêng ngửa.

Khi tướng quân Sư Tử người Ly-xa thuộc Tỳ-xá-ly phá được quân địch rồi, hoan hỷ nói như sau:

- Mục-liên khủng bố ta, vì thế mà ta được thắng lợi lớn, tuy là lời nói không đúng, nhưng ta rất mang ơn lời nói hư dối ấy.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo nghe vua A-xà-thế tức giận người Ly-xa, lại oán hận Mục-liên, bèn bàn nhau:

- Tôn giả Đại Mục-liên không biết ai thắng, ai bại, mà lại nói dối không thật.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp định làm yết-ma cử tội Mục-liên. Phật liền dùng thần túc đi đến, tuy biết nhưng Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông định làm việc gì đấy?

- Bạch Thế Tôn! Đại Mục-liên, cho đến nói dối không thật. Chúng con định làm yết-ma cử tội.

- Mục-liên thấy trước mà không thấy sau. Đoạn, Phật bảo Mục-liên:

- Ông nên xem xét cho kỹ.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp tướng quân Sư Tử.

11. Nam nhi:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Đại Mục-liên có người đàn-việt quen biết, bà vợ ông đang mang thai, bèn hỏi thầy:

- Thưa thầy tôi sinh con trai hay con gái?

- Sinh con trai.

Bà hỏi đến ba lần như vậy, thầy đều bảo là sinh con trai. Nhưng sau khi sinh ra lại là con gái; bà mẹ ấy bèn oán trách:

- Mục-liên suốt đời đều nói dối, nói sinh con

trai mà là sinh con gái, chỉ vì muốn làm cho người ta vui lòng mà nói như thế.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, thắc mắc:

- Vì sao Tôn giả Đại Mục-liên không khéo phân biệt mà lại nói dối, cần phải làm yết-ma cử tội.

Liền tập hợp Tỳ-kheo Tăng. Phật bèn dùng thần túc đi đến, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông định làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Đại Mục-liên... nói dối, không thật, chúng con định làm yết-ma cử tội.

- Mục-liên thấy trước đây là con trai mà không thấy trung gian, vì Dạ xoa Di Tố làm đảo lộn: nhà cần con gái thì đem cho con trai, nhà cần con trai thì đem cho con gái.

Đoạn Phật bảo người ấy:

- Ngươi hãy đến nói với nhà kia như sau: Đức Thế Tôn dạy rằng con gái là của bà, con trai là của tôi.

Họ liền đến đó thương lượng và cuối cùng đã đồng ý trao đổi cho nhau.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp con trai.

12. Đồng tử Ly-xa:

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, đến giờ khất thực, Ngài khoác y, cầm bát cùng với nhiều Tỳ-kheo vào thành Tỳ-xá-ly khất thực. Bấy giờ, có

đồng tử Ly-xa đang ở trên gác vui chơi với năm trăm kỹ nữ. Phật từ xa trông thấy bèn mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có duyên cớ gì mà Thế Tôn mỉm cười?

- Sau bảy ngày nữa, người này sẽ mệnh chung và rơi xuống địa ngục.

- A-nan liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có phương pháp gì làm cho ông ta khỏi rơi vào địa ngục không?

- Nếu người này xuất gia trong giáo pháp của Như Lai thì sẽ thoát được. Này A-nan! Ông hãy đến giáo hóa người ấy, khuyên ông ta xuất gia.

A-nan liền vâng lời Phật dạy đến đó khuyên bảo, và chung cuộc ông ta đã xuất gia. Phật lại căn dặn A-nan:

- Ông hãy bảo các Tỳ-kheo phải bảo hộ người này chớ để phạm giới mà mang tội nặng.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo vâng giáo chỉ, bèn đưa Tỳ-kheo này vào ở trong một phòng, rồi khóa cửa ngoài lại. Thế là Tỳ-kheo này mệnh chung vì bị nhiễm gió độc. Khi ấy, thân nhân của Tỳ-kheo này đến thấy thầy đã mệnh chung, lòng rất đau thương. Phật bèn vì họ, đọc kệ:

Nếu người trăm ngàn năm,
Cúng dường trăm La hán.
Không bằng trong một đêm,

Xuất gia tu phạm hạnh.
Nương nhờ phước báo này,
Được rời khỏi sáu trăm
Sáu ngàn sáu mươi năm,
Khổ não trong ba đường.

Lúc ấy, tâm của Tỳ-kheo đóng cửa sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

- Ông dùng cái tâm gì khi khóa cửa?

- Bạch Thế Tôn! Dùng cái tâm lợi ích vì sợ thầy ấy phạm giới mắc phải tội nặng.

- Vì ông đóng cửa bên ngoài nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó là trường hợp đồng tử Ly-xa.

13. Bốn người bỏ việc đánh đấm:

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, có bốn người bỏ việc đánh đấm muốn đi xuất gia, cùng vào cửa thành Tỳ-xá-ly. Bỗng họ gặp lại kẻ thù cũ. Ngay lúc ấy, thấy người giữ cửa thành có cây cung, thế là một người liền cầm cung, một người giương cung, một người bắn mà kẻ thù không chết. Người thứ tư bèn bắn, thì kẻ thù chết liền.

Trong trường hợp một người bắn chết, một người bắn không chết thì không nên độ hai người này xuất gia. Nếu họ đã xuất gia thì nên đuổi đi. Trong trường hợp này một người cầm cung, một

người giương cung không nên độ hai người này xuất gia. Nếu đã độ họ xuất gia thì nên để yên. Sau đó, nếu họ làm ác thì phải đuổi đi. Nói chung, những kẻ hung ác như vậy không nên độ xuất gia. Nếu ai độ họ xuất gia thọ cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là bốn người bỏ việc đánh đấm.

14. Trường hợp ở trên gác:

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo thành tựu phép quán bất tịnh, chán ngán cái thân nên từ trên gác nhảy xuống đất tự vẫn. Nhằm lúc ấy ở dưới đất có hai cha con người kia đang đan sọt tre. Thầy nhảy xuống nhằm ngay trên người cha, khiến ông ta chết liền. Thế là người con bèn lôi Tỳ-kheo đến chỗ nhà vua, nói như sau:

- Tâu đại vương! Vì Tỳ-kheo này giết cha tôi.

Vua liền hỏi Tỳ-kheo:

- Tôn giả là người xuất gia, vì sao lại giết người?

- Thưa đại vương! Tôi nhàm chán cái thân này nên từ trên gác nhảy xuống đất, rơi nhằm trên mình cha của người này, sự thật là như vậy.

Nghe thế vua bèn ra lệnh thả Tỳ-kheo đi. Người con thấy thế oán trách, nói:

- Tâu đại vương! Vì sao kẻ sát nhân mà không hỏi tội?

Nhà vua liền dùng phương tiện khéo léo để giải tỏa tâm ý của anh ta, bèn truyền lệnh:

- Ngươi hãy trở về lại trên gác, bảo Tỳ-kheo đứng dưới đất rồi ngươi nhảy xuống trên mình Tỳ-kheo ấy giết chết ông ta để trả thù cho cha mình.

Người ấy vì yêu quý tánh mạng mình nên không dám tự nhảy xuống. Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh hoài nghi bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật hỏi thầy:

- Ông dùng cái tâm gì khi nhảy xuống?

- Bạch Thế Tôn! Vì con chán cái thân này.

- Này Tỳ-kheo! Ông không nhìn ở dưới trước mà tự nhảy xuống nên phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp ở trên gác.

15. Dời đá:

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy có hai cha con ông già kia xuất gia, rồi cùng nhau lên nói Kỳ-xà-quật. Người con đi trước, thấy giữa đường có đá, bèn suy nghĩ: "Ta phải dọn con đường cho sạch khiến lối đi phẳng phiu không chướng ngại để dễ dàng đi lên", liền dời những hòn đá. Nhưng không may, hòn đá rớt lăn trúng người cha, khiến ông ta chết liền. Người con trong lòng ảo não, sinh hoài nghi, nghĩ: "Ta đã làm hai việc không lợi ích: giết người, giết cha". Nghĩ thế thầy bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

- Ông dùng tâm gì để dời đá?

- Bạch Thế Tôn! Vì con muốn dọn đường cho thông để cha đi được dễ dàng.

- Dời đá ở giữa đường phạm tội Việt-tỳ-ni. Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là dời đá.

16. Suối nước nóng:

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà ở thành Vương xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo vào suối nước nóng tắm rửa thì tâm dục sinh khởi, nam căn cử động chạm với nước liền bị xuất tinh. Do đó, tâm thầy sinh nghi, hối hận, bèn đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền hỏi thầy:

- Ông dùng tâm gì khi tắm?

- Bạch Thế Tôn! Tâm tham dục.

- Ông phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp suối nước nóng.

17. Dâm nữ:

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi thầy đến một nhà dâm nữ, cô này mời mọc:

- Này Tỳ-kheo! Vào đây cùng làm việc ấy.

- Đức Thế Tôn chế giới không cho làm việc đó.

- Tôi biết Thế Tôn chế giới không cho hành dâm, nhưng ông hãy hành dâm ở trong (âm hộ) rồi xuất tinh ở ngoài.

Tỳ-kheo bèn cùng với cô ta hành dâm, rồi tâm sinh nghi ngờ, hối hận, liền đem sự việc ấy bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Nếu hành dâm trong âm hộ rồi xuất tinh bên ngoài, hoặc thủ dâm bên ngoài rồi xuất tinh bên trong, hoặc hành dâm bên trong rồi xuất tinh bên trong, nếu chạm vào một mảy may thậm chí như hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là trường hợp dâm nữ.

18. Tam-bà-tha:

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha đang sống tại trong thôn. Đến giờ thầy bèn khoác y, cầm bát tuần tự đi khất thực. Khi được thức ăn rồi, thầy bèn đi vào nhà một mục đồng thọ trai, thì có một người con gái đến bên thầy khóc lóc. Thầy liền hỏi cô ta:

- Vì cớ gì mà con khóc?

- Thưa thầy! Hôm nay là ngày lễ hội, mọi người đều đi tham dự vui vẻ, chỉ có mình con là không có y phục nên không được đi, thì làm sao mà không khóc?

Khi ấy, Tôn giả bèn hóa ra các loại y phục được trang điểm đủ thứ châu báu anh lạc, vàng bạc rồi cho cô. Khi được y phục, cô ta liền đi dự lễ hội... Vua nghe thế, bèn gọi cô ta đến hỏi:

- Người được loại anh lạc quý báu này ở đâu

vậy?

- Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha cho tôi. Vua liền gọi Tỳ-kheo đến, hỏi:

- Tôn giả được thứ kim loại quý giá này ở đâu mà trên đời này không có?

Tỳ-kheo bèn cầm tích trượng đập vào vách, vào giường thì tất cả đều hóa thành vàng, rồi nói như sau:

- Thủ-đà-la, do đâu mà được vàng? Chính là do thế này đây. Vua liền nói:

- Thầy có đại thần túc, thôi hãy trở về. Đồng thời cho cô gái chăn trâu trở về nhà luôn.

Các Tỳ-kheo nghe thấy việc Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị và cô gái chăn trâu bị bắt nên quyết định làm yết-ma cử tội, bèn tập

hợp Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết, Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha hiển hiện linh dị v.v… và cô gái chăn trâu bị bắt.

Phật liền hỏi Tất-lăng-già-bà-tha:

- Có thật ông hiển hiện linh dị khiến cho cô gái chăn trâu bị bắt không?

- Bạch Thế Tôn! Con không cố ý hiển hiện linh dị để cô gái chăn trâu bị bắt, con chỉ vì lòng từ mà thôi.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Vì đó là đại thần túc của Tất-lăng-già-bà-tha nên không có tội. Như thế là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, khi Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha ở tại thôn xóm, tự mình tô phòng ở. Khi vua Bình-sa đến, thấy Tôn giả tự tô phòng ở bèn hỏi thầy:

- Thầy đang làm gì đó?

- Thủ-đà-la! Tôi đang tô phòng ở.

- Thầy không có người để sai bảo sao? Tôi sẽ cung cấp người làm vườn cho thầy.

- Không cần đâu, Thủ-đà-la.

Vua ngỏ ý đến ba lần nhưng thầy vẫn từ chối không nhận. Những người trong thôn nghe thế, bèn đến chỗ thầy cầu xin:

- Thưa thầy! Thầy nhận chúng con làm người làm vườn, chúng con sẽ phục dịch cho thầy.

- Nếu tất cả các ngươi có thể thọ trì năm giới thì ta sẽ nhận.

- Chúng con có thể thọ trì.

Thế là thầy nhận họ, rồi cho tất cả thọ năm giới và bắt trì trai, tu đức. Nhờ vậy xóm làng trở nên giàu có thịnh vượng, nhưng rồi bị bọn giặc cướp từ ngoài đến cướp bóc đàn bà con gái và tài vật. Khi ấy, người trong thôn bèn đến thưa với thầy:

- Thưa thầy! Giặc cướp đến cướp con trai, con gái, tiền bạc của chúng tôi chỉ trong một ngày mà hết sạch.

Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha liền nhập định từ bi, thấy bọn cướp đang xua đuổi những người kia đi, bèn nói với chúng:

- Này Thủ-đà-la! Vì sao các ngươi lại cướp người làm vườn của ta?

Tức thì hóa ra một cái hầm lớn khiến những người làm vườn ở bên này bờ còn đám cướp ở bên kia bờ, rồi nói:

- Này Thủ-đà-la! Các ngươi hãy đi đi. Các Tỳ-kheo nghe thế bèn nói như sau:

- Tất-lăng-già-bà-tha chính là kẻ cướp lại đi cướp kẻ cướp, cần phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi, Tỳ-kheo Tăng tập hợp, kiểm điểm việc này. Khi ấy, Thế Tôn liền dùng thần túc đi đến. Tuy biết Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha chính là kẻ cướp, lại đi cướp kẻ cướp, chúng con định làm yết-ma cử tội.

Phật liền hỏi Tất-lăng-già-bà-tha:

- Ông có việc đó thật không?

- Bạch Thế Tôn! Con không phải là kẻ cướp mà lại đi cướp kẻ cướp. Chỉ vì dân chúng trong thôn đến khóc lóc báo tin cho con nên con vì lòng từ mà làm như vậy.

- Đó là đại thần túc, không có tội. Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 30

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ TÁM

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha đang sống trong thôn, hằng ngày đi qua bên kia sông Hằng khất thực. Khi đến bờ sông Hằng, thầy liền nói như sau:

- Thủ-đà-la, ngừng lại. Ta muốn đi qua.

Nước liền ngừng chảy. Khi qua rồi, thầy lại nói:

- Thủ-đà-la, ngươi cứ chảy.

Thế là nước chảy lại như cũ. Thủy thần không vui liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha nói những lời quá cộc cằn như: "Ngừng lại Thủ-đà-la, chảy đi Thủ-đà-la".

- Hãy gọi Tất-lăng-già-bà-tha đến đây. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy bạch Thế Tôn!

- Thần sông Hằng đã trách móc ông như trên, vậy ông hãy đến sám hối ông ta.

Tất-lăng-già-bà-tha bèn đến đó, nói:

- Tôi xin lỗi, Thủ-đà-la.

- Trước cũng gọi Thủ-đà-la, giờ cũng gọi Thủ-đà-la, có khác gì đâu mà nói là xin lỗi.

Tất-lăng-già-bà-tha, chỉ trừ tám vị đại Thanh văn của Phật, ngoài ra tất cả thảy đều gọi là Thủ-đà-la. Kể cả các Hòa thượng, A-xà-lê, các Thượng tọa thảy đều gọi là Thủ-đà-la tất. Các Tỳ-kheo bàn nhau:

- Tôn giả Tất-lăng-già-bà-tha, thậm chí đối với Hòa thượng, A-xà-lê cũng đều gọi là Thủ-đà-la. Nhưng đâu có phải chỉ một người này là Bà-la-môn xuất gia; Tôn giả Đại Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-liên v.v..., cũng đều là Bà-la-môn xuất gia mà đâu có gọi như thế. Vậy, chúng ta phải làm yết-ma cử tội.

Thế rồi Tỳ-kheo Tăng bèn tập hợp. Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-tha đang ngồi thiền, không đến. Tăng bèn sai sứ đến gọi. Sứ giả đến đó đập cửa, nói:

- Chúng Tăng đang tập họp, cho gọi Trưởng lão.

Khi ấy, Tất-lăng-già-bà-tha quán sát, thấy Tỳ-kheo Tăng tập họp định làm yết-ma cử tội mình, liền dùng thần lực kìm chế Tỳ-kheo sứ giả đứng yên tại cửa, không thể đi được. Chúng Tăng thấy

sứ giả đi lâu không trở về, lấy làm lạ, bèn sai Tỳ-kheo khác đến gọi. Vị Tỳ-kheo sau đến, liền cầm tay Tỳ-kheo sứ giả trước kéo đi, thì Trưởng lão Tất-lăng-già-bà-tha cũng lại làm phép cho dính vào nhau, không thể đi được. Như vậy hết sứ giả này đến sứ giả khác đều dính vào nhau, không thể đi được. Các Tỳ-kheo bèn trách cứ:

- Trong chúng đâu phải chỉ có một người này có đại thần túc? Tôn giả Đại Mục-liên há không có năng lực này sao? Vậy hãy làm yết-ma phúc phạt tề thủy tế (xử vắng mặt).

Phật dùng thần túc từ hư không đi đến, tuy biết Ngài vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ông đang làm gì đó?

- Bạch Thế Tôn! Tất-lăng-già-bà-tha chỉ trừ tám vị đại Thanh văn của Như Lai, ngoài ra kể cả Hòa thượng, A-xà-lê ông đều gọi là Thủ-đà-la. Khi Tăng muốn làm yết-ma cử tội, tập họp thì ông không đến. Khi sai sứ đến gọi, thì ông lại dùng thần túc kìm chế, khiến sứ giả dính chùm vào nhau, mà ông vẫn không đến. Do đó, Tăng định làm yết-ma tề thủy tế (xử vắng mặt) phúc phạt.

Thế rồi, Phật nói:

- Ông ấy sẽ đến.

Tất-lăng-già-bà-tha tâm liền khai thông, bỗng chốc đến đứng trước Phật. Phật liền nói với Tất-lăng-già-bà-tha:

- Ông có lỗi khi nói Thủ-đà-la, nên các vị phạm hạnh chê trách ông.

- Bạch Thế Tôn! Vậy con phải làm sao? Con không kiêu mạn, cũng không tự đại khinh miệt người khác. Nhưng khi con gọi Hòa thượng, A-xà-lê, các Trưởng lão Tỳ-kheo thì tiếng nói phát ra liền thành Thủ-đà-la.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Ông Tất-lăng-già-bà-tha này không phải kiêu mạn cũng không phải tự đại khinh miệt người khác. Từ năm trăm đời trở lại đây thường sinh trong nhà Bà-la-môn nên cái tập khí nói Thủ-đà-la chưa bỏ được.

- Đoạn, Phật quay lại nói với Tất-lăng-già-bà-tha:

- Ông từ vô thỉ sinh tử đến nay, tham dục, sân hận, ngu si còn có thể nhổ hết vĩnh viễn, mà tập khí của năm trăm đời lại không thể trừ được. Từ nay về sau, đừng nói tiếng Thủ-đà-la.

Nghe Thế Tôn dạy, vì lòng cung kính nên vĩnh viễn ông không nói như thế nữa.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Tam-bà-tha.

19. Một thố dầu:

Sau khi Đức Thế Tôn Niết-bàn, các Trưởng lão Tỳ-kheo ở Tỳ-xá-ly, lúc ấy có một khách buôn nhân dịp Tự tứ mời Tỳ-kheo-ni Pháp-dự. Tỳ-kheo-

ni này thường sai một đệ tử y chỉ đến nhà ấy lấy những vật cần dùng. Khi ấy, đệ tử y chỉ không xưng tên thầy, không tự xưng tên mình mà chỉ nói trổng:

- Tôi cần dầu.

Đàn-việt bèn đưa dầu. Thế rồi, cô ta tự sử dụng. Sau đó, đàn-việt kiểm tra lại thì số dầu ấy không đến tay Ni sư. Đệ tử y chỉ lòng sinh nghi ngờ hối hận, bèn nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bảo rằng cô phạm tội Ba-la-di nhưng cũng không chắc lắm, liền đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Tuy lấy một cách mờ ám, nhưng có đàn-việt cho nên chỉ phạm tội Thâu-lan-giá.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là một thố dầu.

20. Lấy thức ăn:

Bấy giờ, có đàn-việt đến một Tinh xá tại thành Xá-vệ cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi ấy, có một Tỳ-kheo ăn phần mình xong lại lấy thêm một phần nữa. Người phụ trách dọn cơm hỏi:

- Trưởng lão lấy phần cho ai thế?
- Lấy phần cho tôi.
- Thế thì phần ăn rồi là của ai?
- Cũng của tôi.

Lúc ấy, Tỳ-kheo nói:

- Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng các Tỳ-kheo không chắc lắm, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-

kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Cái mình không được mà lấy, nhưng có chủ cho nên chỉ phạm tội Thâu lan.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là lấy thức ăn.

21. Nuôi bệnh:

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Lúc ấy, tại Tinh xá Kỳ-hoàn có một Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh. Hôm ấy có đàn-việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Tỳ-kheo bệnh suy nghĩ: "Hôm nay ông ấy chắc gì lấy cơm cho ta?", bèn nhờ một Tỳ-kheo khác lấy cơm. Cùng lúc ấy, Tỳ-kheo nuôi bệnh suy nghĩ: "Hôm nay ai sẽ lấy cơm cho người ấy đây?" Thế là rốt cuộc tới hai người đi lấy cơm. Bấy giờ, người dọn cơm hỏi Tỳ-kheo nuôi bệnh:

- Thầy lấy cơm cho ai vậy?

- Lấy cơm cho Tỳ-kheo mỗ bị bệnh. Lại hỏi người lấy cơm giúp:

- Thầy lấy cơm cho ai?

- Lấy cơm cho Tỳ-kheo mỗ bị bệnh. Các Tỳ-kheo liền nói:

- Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi Tỳ-kheo Trưởng lão.

Tỳ-kheo Trưởng lão đáp:

- Người được nhờ lấy cơm này không có tội. Nhưng Tỳ-kheo bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo nuôi bệnh, rồi không nói với Tỳ-kheo nuôi bệnh mà nhờ người khác lấy cơm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh tranh cãi với Tỳ-kheo bệnh, rồi không hỏi mà đi lấy cơm giúp cũng phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là nuôi bệnh.

22. Miếng thịt của chim:

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn thuộc thành Xá Ve, lúc ấy, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành khất thực thì bỗng dưng có con chim ngậm cục thịt chợt rơi vào trong bát của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá luộc chín để ăn, rồi chia cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Trưởng lão! Thầy nhặt được miếng thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

- Thầy phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ cũng không chắc lắm, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo.

Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Súc sinh không thuộc về ai cả.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt

của chim.

23. Miếng thịt của bọn cướp:

Sau khi Đức Thế Tôn Niết-bàn, các Trưởng lão Tỳ-kheo sống tại thành Vương xá. Vào lúc ban đêm có bọn cướp bắt trộm trâu rồi chúng đem vào rừng Thi Đà mổ thịt mà ăn nhưng ăn không hết. Chúng bèn hỏi Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong rừng:

- Tôn giả có cần thịt không?

- Cần.

Tức thì chúng cho Tỳ-kheo đầy bát. Tỳ-kheo bèn đem về Tinh xá mà ăn rồi chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo khác hỏi:

- Trưởng lão được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

- Trưởng lão! Thầy lấy vật của bọn cướp đủ năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Thế nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo.

Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Người xuất gia nhận vật có chủ bố thí dùng vật ấy như pháp hay không như pháp đều không có tội.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là miếng thịt của bọn cướp.

24. Thịt heo:

Lúc ấy ở thôn Đề Bà có bọn ăn trộm, bắt trộm heo mổ thịt mà ăn. Các đầu, chân còn thừa chúng bỏ lại, rồi ra đi. Bấy giờ, có Tỳ-kheo thấy thế bèn đem về Tinh xá nấu chín rồi ăn, đồng thời chia cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy được thịt này ở đâu vậy?

Thầy bèn trình bày lại đầy đủ sự việc kể trên. Các Tỳ-kheo nói:

- Đáng giá năm tiền phạm tội Ba-la-di.

Nhưng họ không chắc lắm, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo.

Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi người lấy thịt:

- Thầy lấy với tâm gì?

- Tưởng vật không có chủ mà lấy.

- Tưởng vật không có chủ mà lấy thì không có tội. Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thịt heo.

25. Đạp phụ nữ:

Có một Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn tại thành Xá-vệ, đến giờ khất thực thầy bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, rồi đến một nhà kia. Lúc ấy, người đàn bà nói:

- Tỳ-kheo hãy vào đây, chúng ta cũng làm việc như thế.

- Đức Thế Tôn chế giới không được hành dâm.

- Nếu thầy không làm theo ý tôi thì tôi sẽ nói là

thầy cưỡng hiếp tôi như vậy, như vậy.

Tỳ-kheo vì sợ nên phải vào nhà. Khi thầy vào nhà rồi, người đàn bà ấy bèn nói với đứa nô tỳ giữ cửa:

- Ta với Tỳ-kheo hành dâm.

Người đàn bà ấy khi vào đến phòng, lòng dục khởi lên mãnh liệt bèn nằm xuống. Tỳ-kheo liền đạp cho một đạp rồi bỏ đi. Đứa nô tỳ giữ cửa hỏi thầy:

- Tôn giả làm xong rồi sao?

- Xong rồi.

Lúc ấy tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Thầy dùng chân đạp người phụ nữ nên phạm tội Thâu lan. Không làm mà nói có làm, phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là đạp phụ nữ.

26. Xay bột:

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở Tinh xá Kỳ-hoàn tại thành Xá-vệ, đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành, tuần tự khất thực. Tới một nhà kia, bỗng thấy một người phụ nữ ngồi xay bột, y phục không che kín thân hình. Thấy thế, lòng dục sinh khởi, Tỳ-kheo nói:

- Này chị em! Tôi muốn ăn bột.

Người phụ nữ ấy bèn cho bột. Tâm Tỳ-kheo sinh nghi ngờ, hối hận đến hỏi Tỳ-kheo Trưởng lão. Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi thầy:

- Ông dùng tâm gì nói điều đó?

- Tâm tham dục.

Thế rồi, họ sai sứ giả đến hỏi người phụ nữ ấy. Người ấy nói:

- Tôi đang ngồi chòm hổm dưới đất xay bột thì Tỳ-kheo đến xin bột. Tôi liền cho thầy.

Sứ giả trở về trình bày lại như trên. Trưởng lão Tỳ-kheo nói:

- Cô ấy hiểu nghĩa mà không hiểu ẩn ý nên phạm tội Thâu lan. Cho đến: Nếu không hiểu nghĩa cũng không hiểu ẩn ý thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là xay bột.

27. Trâu nghé:

Tại nước Bạt Kỳ có người thả trâu nghé ăn gần Tinh xá. Trâu nghé đi vào Tinh xá, ăn các hoa quả, húc đổ các hình tượng. Thầy tri sự nói với kẻ chăn trâu:

- Ông hãy coi chừng con trâu ông cẩn thận, chớ để nó phá phách.

Thầy nhắc nhở tới ba lần mà việc đó không chấm dứt. Thầy bèn nổi giận, dắt trâu vào nhốt trong phòng, rồi đóng cửa lại, đi vào thôn xóm khất thực. Nhưng khi đến giữa đường lại suy nghĩ:

"Trong phòng có nhiều Dạ xoa, biết đâu nó sẽ giết chết con trâu nghé", bèn trở về lại Tinh xá, mở cửa xem thì thấy con trâu nghé đã chết. Tỳ-kheo hoảng sợ liền đem nó bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng, rồi bỏ đi. Người chăn trâu bèn đến hỏi thầy:

- Thầy có thấy con trâu nghé tôi đâu không?

- Không thấy.

Thế nhưng, tâm Tỳ-kheo sinh nghi, liền hỏi các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không thể quyết định được bèn đến hỏi vị Trưởng lão. Vị Trưởng lão nói:

- Dắt trâu vào thả trong phòng rồi đóng cửa lại thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đem bỏ vào trong cầu tiêu của chúng Tăng thì phạm tội Thâu lan. Thấy mà nói không thấy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là thả trâu nghé.

28. Bỏ vợ:

Bấy giờ, tại ấp Ca-thi Kỳ Lợi có một ông già đoan nghiêm, bỏ vợ xuất gia. Bà vợ ông bèn đi theo, đến ở bên ngoài phòng ông, xe sợi. Ông bảo bà:

- Bà đi đi! Tôi là người xuất gia không cần đến bà nữa.

- Tôn giả! Tôi xe sợi ở đây đâu có phương hại gì? Vì muốn lúc nào cũng được trông thấy Tôn giả, tôi không thể rời xa được.

Ông già ấy nhắc nhở nhiều lần nhưng bà kia

vẫn không đi. Ông bèn đem y bát vứt bỏ, rồi ra đi. Khi ấy, có người phụ nữ gặp ông ấy bèn nói với bà vợ:

- Ông chồng bà bỏ đi rồi.

Nghe thế, bà liền đuổi theo, đến khi bắt kịp bèn nắm y thầy đứng ở giữa đường, nói:

- Thầy hãy vì tôi đừng đi. Tôi sẽ cung cấp y bát và thuốc chữa bệnh cho thầy.

- Tôi là người xuất gia, theo phép tắc không nên như vậy.

Tuy vậy, bà vẫn không chịu buông ra. Ông tức giận cực độ, liền cầm y bát để một chỗ, đánh bà một trận nhừ tử, rồi bỏ đi. Thế rồi, lòng ông sinh nghi ngờ hối hận, bèn đem sự việc trên hỏi một vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá. Da-xá nói:

- Nổi sân đánh đàn bà thì phạm tội Ba-la-di. Các Tỳ-kheo nghe thế, liền nói với thầy:

- Sự phán xét như thế không đúng. Nếu thầy muốn hết nghi, nên đến núi Chi đề hỏi Tôn giả trì luật là Thọ-đề-đà-bà chắc chắn sẽ được quyết đoán dứt khoát.

Nghe thế, thầy liền đi nhưng đến đoạn đường ngang qua Câu-diệm-di, bỗng gặp một cô gái bán sữa. Cô ta thấy ông già ấy đẹp trai, lòng dục phát sinh, bèn nói:

- Sa-môn! Có muốn cùng hành dâm thì hãy đến đây.

Ông già ấy bèn suy nghĩ: "Ta đã phạm tội Ba-la-di rồi, đâu còn gì nữa?", thế là cùng hành dâm với cô ta. Đoạn, thầy đến chỗ vị trì luật thuật lại đầy đủ sự việc kể trên. Vị trì luật bèn nói:

- Vì sao mà Da-xá chế ra đến năm pháp Ba-la-di? Tức giận đánh phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cùng hành dâm với cô gái bán sữa thì phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bỏ vợ.

29. Cách vách:

Nước Phất-ca-la có hai Tinh xá của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ở cách vách nhau. Khi ấy, Tỳ-kheo khởi tâm dục bèn đứng cách vách nói chuyện với Tỳ-kheo-ni suốt đêm. Thế rồi, Tỳ-kheo sinh tâm hoài nghi hối hận, bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy có tâm gì khi nói chuyện?

- Tâm tham dục, thưa Trưởng lão.

- Nếu với tâm tham dục như vậy thì cứ mỗi lời nói phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là cách vách.

30. Bố-tát:

Khi ấy, Tỳ-kheo ở thôn Phất-ca-la cùng với Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã bố-tát tại một chỗ. Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã tên là Phất-hi-lỗ, vốn có đức hạnh và danh tiếng nên được nhiều lợi dưỡng. Tỳ-kheo ở thôn xóm thấy thế bèn sinh tâm tật đố. Lúc ấy,

Trưởng lão Phất-hi-lỗ đến ngày mười bốn bố-tát bèn vào thôn xóm nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

- Trưởng lão! Chúng ta cùng bố-tát.

- Ngày mười lăm tôi mới bố-tát.

- Tôi biết tính số ngày, kỳ này phải bố-tát vào ngày mười bốn.

- Tôi không làm, ngày mười lăm tôi mới bố-tát.

Phất-hi-lỗ thuyết phục như vậy đến ba lần mà vị kia vẫn không nghe theo nên thầy ra về. Khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo ở trong thôn bèn bố-tát. Sáng hôm sau, Phất-hi-lỗ đến trở lại nói với Tỳ-kheo ở thôn xóm:

- Trưởng lão! Chúng ta hãy cùng bố-tát.

- Tôi đã bố-tát xong rồi. Thầy đã làm trái việc bố-tát. Tôi không cùng hưởng chung pháp thực, vị thực với thầy nữa.

Khi ấy, Phất-hi-lỗ hễ bố-tát ngày mười bốn thì ngày mười bốn đến, bố-tát ngày mười lăm thì ngày mười lăm đến. Thế nhưng, cả hai mươi năm đầu đều không được bố-tát. Lúc ấy, có một thiện quỷ thần vốn kính trọng Phất-hi-lỗ bèn đến trong núi Chi Đề, nói với Tôn giả Thọ-đề-đà-bà như sau:

- Thưa Tôn giả! Hiện nay ở tại xóm làng kia có Tôn giả Tỳ-kheo bất thiện, không tùy thuận, làm điều phi pháp, thường não loạn Phất Hi Lỗ, kính mong Tôn giả đến giải quyết việc ấy.

Tôn giả Thọ Đề nghe thế bèn suy nghĩ: "Nếu ta

đến nơi A-luyện-nhã trước thì Tỳ-kheo hung ác ở thôn xóm nghe được sẽ không chia xẻ pháp thực, vị thực cùng ta.

Nghĩ thế, thầy liền đi đến chỗ Tỳ-kheo ở thôn xóm. Lúc ấy, thiện quỷ thần lại nói với Tôn giả Phất-hi-lỗ:

- Thưa Tôn giả! Tôn giả Thọ-đề-đà-bà hiện giờ đang ở tại thôn xóm. Tôn giả nên đến đó thăm hỏi.

Nghe thế, thầy liền đến đó thăm hỏi. Thăm hỏi xong, ngồi sang một bên. Tôn giả Thọ-đề-đà-bà bèn hỏi thầy:

- Thầy là Phất Hi Lỗ phải không?

- Thưa vâng.

- Này Tuệ mạng! Thầy làm trái việc bố-tát phải không?

- Trái việc bố-tát hay không trái bố-tát hôm nay sẽ biết. Từ 20 năm nay, hễ bố-tát ngày mười bốn thì tôi đến ngày mười bốn, bố-tát ngày mười lăm thì tôi đến ngày mười lăm. Như vậy là trái bố-tát hay không trái bố-tát, Tôn giả tự biết.

- Này Tuệ mạng! Đó là thuận với pháp Phật. Nhưng Tỳ-kheo ở thôn xóm không tùy thuận. Thọ cụ túc trong hai mươi năm mà không thể gọi là thọ cụ túc, yết-ma mà không được gọi là yết-ma.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là bố-tát.

31. Hai trường hợp nước trái cây:

Lúc ấy, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương

pháp, nên bị chặt cả chân tay, rồi đem bỏ vào rừng Thi Đà gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Thế rồi, ông ta lần hồi đến chỗ Tỳ-kheo, nói:

- Thưa thầy! Tôi rất đói khát, thầy cho tôi xin một ít thức ăn.

- Không có thức ăn.

- Thưa thầy! Xin thầy hãy thương tôi. Tôi bị cả hai nỗi thống khổ: một là nỗi khổ bị chặt cả tay chân; hai là nỗi khổ bị đói khát.

- Không có thức ăn, chỉ có nước Tô-tỳ-la, ông có cần không?

- Cần.

Thầy liền cho nước ấy. Vì ông ta không được ăn đã lâu ngày nên uống vào liền chết. Tỳ-kheo tâm sinh nghi, bèn hỏi các Tỳ-kheo khác, nhưng họ cũng không quyết đoán được. Thầy liền đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo. Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy dùng tâm gì khi đem cho?

- Tâm vì lợi ích.

- Nếu với tâm vì lợi ích thì không có tội. Như vậy là hết phần Tỳ-ni.

Lại nữa, tại nước Ưu-xà-ni có kẻ phạm vương pháp nên bị chặt cả chân tay, rồi bị đem bỏ vào trong rừng Thi Đà, gần chỗ của Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Lúc ấy, có một người già đi xuất gia, đến phiên thầy giữ phòng ốc. Người không có tay chân kia lần hồi lết đến chỗ thầy, nói như sau:

- Thưa thầy! Tôi rất thống khổ không thể chịu nổi, thầy có thuốc gì không, cho tôi một chút, tôi muốn chết cho nhanh?

- Ta không phải là Chiên-đà-la, là kẻ sát nhân, vì sao lại theo ta xin thuốc?

- Thưa thầy! Không phải vậy, vì tôi đau đớn quá không thể chịu nổi.

Lúc ấy, ông già kia khởi tâm từ, suy nghĩ: "Có trường hợp tương tự như thế, do uống nước Tô-tỳ-la mà chết", liền hỏi:

- Ông muốn uống nước Tô-tỳ-la không?

- Muốn uống!

Thầy bèn đưa nước ấy cho uống. Uống xong, người kia chết liền. Ông già tâm sinh nghi liền đến hỏi Tỳ-kheo Trưởng lão. Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi:

- Ông dùng tâm gì khi đem cho?

- Tâm từ bi, để cho ông ta toại ý!

- Tuy ông có tâm từ bi, nhưng không có trí tuệ, làm chết người, nên phạm tội Ba-la-di.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là hai trường hợp nước trái cây.

32. Gạch:

Bấy giờ, tại Tinh xá Kỳ-hoàn, thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo làm phòng, người làm vườn đưa gạch cho thầy. Thầy cầm không chắc bị sút tay rơi nhằm trên đầu người làm vườn, khiến người ấy bị vỡ đầu chết liền tức khắc. Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi

Tỳ-kheo Trưởng lão. Tỳ-kheo Trưởng lão liền hỏi thầy:

- Thầy dùng cái tâm gì khi làm rơi gạch?

- Vì tôi cầm không chắc nên bị rơi.

- Nên cầm cho chắc.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là gạch.

33. Phân rác:

Tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ, cứ năm hôm được quét dọn phân rác một lần. Lúc ấy, có Tỳ-kheo trẻ tuổi bưng phân đổ ngoài tường, rủi thay đổ nhằm trên mình một ông già bệnh xuất gia đang đại tiểu tiện tại chỗ ấy, khiến ông không thể đứng dậy nổi. Thầy kia lại tiếp tục đổ phân rác làm cho ông bị chết. Tỳ-kheo ấy đổ phân rác bên chân tường chất cao lên, rồi sợ e bọn trộm nương nơi đó leo vào, bèn ra hốt đổ chỗ khác, thì thấy Tỳ-kheo kia bị chết, tâm sinh nghi. Thầy bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Trưởng lão hỏi lại thầy:

- Thầy dùng tâm gì khi đổ phân rác?

- Không xem cẩn thận.

- Nếu không xem cẩn thận mà đổ phân rác thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là phân rác.

34. Tỳ-kheo khất thực:

Sau khi Phật bát Niết-bàn, các Tỳ-kheo sống tại

Tinh xá của dòng

họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến giờ khất thực bèn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Khi ấy, có một cô gái họ Thích đoan chánh, sau khi tắm xong, cô mặc y phục mới, đem thức ăn cúng dường cho Tỳ-kheo rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân. Tỳ-kheo thấy thế, tâm dục sinh khởi, không kiềm chế được liền bị xuất tinh rơi nhằm trên đầu cô ấy. Nhưng cô không oán trách bèn lấy vạt y chùi đi, rồi nói như sau:

- Thầy được lợi ích rất lớn, lòng dục mạnh như vậy mà vẫn có thể tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Thế Tôn.

Khi ấy, Tỳ-kheo tâm sinh nghi bèn đến hỏi Trưởng lão Tỳ-kheo.

Trưởng lão Tỳ-kheo hỏi thầy:

- Khi ấy, ông dùng tâm gì?

- Tôi thấy thân hình cô ta trước mặt không thể kiềm chế được.

- Nên khéo quán sát sắc tướng mà chế ngự tâm mình.

Như thế là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là khất thực.

35. Uất trù:

Sau khi Phật ban Niết-bàn, các Trưởng lão Tỳ-kheo ở Tinh xá của dòng họ Thích dưới cây Ni-câu-luật, nước Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Uất Trù có một người bạn cũ, ông ta có hai đứa con đều

khác mẹ. Một đứa, con của bà họ Thích, một đứa con của bà họ khác. Khi ông ta đau nặng sắp từ trần, bèn di chúc Tôn giả Uất Trù như sau:

- Thưa thầy! Sau khi tôi qua đời, trong hai đứa con đứa nào hâm mộ pháp Phật, làm hài lòng thầy, xin thầy hãy chỉ kho báu dưới đất cho nó.

Sau khi ông qua đời, đứa con của bà họ Thích rong chơi theo bạn bè xấu ác, không thích pháp Phật, không đến nghe kinh, không thích tụng đọc. Còn đứa con của bà họ khác thì đi theo bạn lành, ưa thích pháp Phật, đến chỗ Uất Trù tụng đọc kinh giới, được lòng Trưởng lão nên Trưởng lão nói:

- Khi cha ngươi từ trần có di chúc ta: "Trong hai đứa con, đứa nào ưa thích pháp Phật thì nên chỉ cái kho báu này".

Rồi chỉ chỗ kho cho nó. Nhờ vậy, nó được vàng bạc châu báu rất nhiều, gia nghiệp trở nên giàu có sung sướng. Đứa con của bà họ Thích nghe thế bèn thưa với Tôn giả A-nan:

- Thưa thầy! Đây là điều bất thiện, không phải tùy thuận. Tôn giả Uất Trù đem tài sản của cha tôi cho đứa con của bà họ khác. Theo gia pháp nhà họ Thích của tôi thì đứa con của bà họ Thích đương nhiên kế thừa sự nghiệp của cha. Những tài vật sở hữu đều phải thuộc về tôi.

A-nan nói:

- Đó là cách phân xử phi pháp. Ta không cùng

hưởng chung pháp thực và vị thực với người ấy.

Lúc ấy, La-hầu-la đến chỗ Uất Trù, vì hai người này cùng một Hòa thượng, nên Uất Trù nói với La-hầu-la:

- Đừng hưởng chung pháp thực, vị thực với Tôn giả A-nan.

- Vì sao vậy?

Uất Trù thuật lại đầy đủ sự việc kể trên, rồi tiếp:

- Tôi không có việc gì mà A-nan không hưởng chung pháp thực vị thực cùng tôi. La-hầu-la! Tôi cùng với ông hưởng chung pháp thực, vị thực.

A-nan nghe La-hầu-la với Uất Trù cùng hưởng chung pháp thực, vị thực, do đó thầy cũng không hưởng chung pháp thực, vị thực với La-hầu-la. Khi có người đưa thức ăn đến cho Tôn giả A-nan, A-nan nói:

- Hãy đem đưa cho La-hầu-la, con của Thế Tôn.

Cũng thế, khi có người đưa thức ăn đến cho Tôn giả La-hầu-la, La-hầu-la bèn nói:

- Hãy mang đến cho thị giả của Thế Tôn.

Vì vậy, tại nước Ca-duy-la-vệ trong bảy năm chư Tăng không bố-tát, tự tứ.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly đang ở trong núi Chi Đề, những người họ Thích bèn đến chỗ Tôn giả Ưu-ba-ly nói như sau:

- Thưa thầy! Những ông thầy bất thiện, không

tùy thuận của tôi đang sống ở đời. Ca-duy-la-vệ là sinh quán của Đức Thế Tôn, vì sao trong bảy năm mà không bố-tát, tự tứ? Kính xin Tôn giả đến đó hòa giải giúp cho!

Ưu-ba-ly liền đến đó, bảo những người họ Thích:

- Hãy trang trí giảng đường, trải tọa cụ đẹp, rải hoa, đốt hương, chuẩn bị cơm đãi Tỳ-kheo khách. Trước hết gọi La-hầu-la đến, rồi giấu thầy ở một chỗ kín, đồng thời mời Tôn giả A-nan tới. Thế rồi, bồng một đứa trẻ con thả ngồi trên đất. Khi Tôn giả A-nan ngồi xong, thấy đứa bé dưới đất, nếu thầy bảo "bồng" thì nên nói "không bồng", mong Tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp, thì tôi mới bồng.

Bảo như vậy xong, Tôn giả Ưu-ba-ly bèn ngồi, đến Tôn giả A-nan ngồi, rồi đến các Tỳ-kheo theo thứ lớp cùng ngồi. Khi ấy, một người phụ nữ họ Thích bồng một hài nhi tay đang cầm bình sữa uống thả ngồi dưới đất. Đứa bé liền kêu khóc. A-nan thấy thế, lòng sinh thương xót, liền bảo người phụ nữ ấy:

- Hãy bồng đứa bé này lên.

- Không bồng! Nếu Tôn giả cùng với La-hầu-la hòa hợp thì tôi mới bồng. Nếu không hòa hợp thì tôi không bồng.

- Đây là phép tắc của Sa-môn, không phải việc

thế tục của các người, nhưng hãy bồng đứa bé đi đã.

- Không phải như vậy.

Bảo như vậy đến ba lần, họ đều từ khước. A-nan liền bảo gọi La-hầu-la đến. Khi thầy đến rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

- Ví như A-nan có đàn-việt di chúc như thế này: "Thưa Trưởng lão! Sau khi tôi mệnh chung, Trưởng lão hãy cho như vậy", thì có gì là sai lầm. Tôn giả Uất Trù cũng như vậy. Này A-nan! Tại sao vì việc đó mà thầy bất hòa với La-hầu-la con của Thế Tôn.

Như vậy là hết phần Tỳ-ni. Đó gọi là Uất Trù. Tóm lại, trên đây là nguyên tắc giới luật.

CHƯỚNG NGẠI - KHÔNG CHƯỚNG NGẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà du hành các nước, rồi trở về Tinh xá Kỳ-hoàn. Đến giờ khất thực, bèn khoác y vào thành Xá-vệ đến nhà Ưu-bà-di Hỷ Duyệt. Ưu-bà-di trông thấy, liền nói:

- Lành thay sư phụ! Vì sao mà ít xuất hiện quá thế?!

Rồi mời ngồi, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, cùng trò chuyện thăm hỏi. Tỳ-kheo nói:

- Ưu-bà-di! Tôi ít khi đến, bà định đãi tôi món ngon gì đấy?

- Tùy theo thầy dạy, thức ăn trước hay thức ăn sau, hoặc bánh, hoặc thịt, tùy theo thầy cần gì con sẽ dọn nấy. Vậy xin mời Tôn giả ngày mai đến nhà con thọ trai, xin đến sớm sớm.

Thế rồi, Tỳ-kheo nhận lời mời. Ngày hôm sau, nhà ấy sửa soạn các món ẩm thực, dọn bàn ghế chờ đợi. Song, Tỳ-kheo vì bận nhiều việc, quên không đến. Khi đã hết ngày, những thức ăn nào để dành được thì chủ nhà đem cất, còn những thứ không để dành được bèn đem ăn. Đợi như vậy hai ngày, ba ngày vẫn không đến, chủ nhà bèn đem ăn hết. Tới ngày thứ tư, Tỳ-kheo mới đến; Ưu-bà-di thấy thế lòng không vui, liền trách:

- Này sư phụ! Vì sao đã nhận lời mời của con mà không đến? Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên

Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền khiển trách:

- Ưu-bà-di Hỷ Duyệt này đối với Phật và Tỳ-kheo Tăng đều không tiếc rẻ một thứ gì, vì sao lại nhiễu loạn bà ấy? Vì sao ông nhận lời mời một chiều mà không nêu nhân duyên chướng ngại? Những nhân duyên chướng ngại như sau: Nếu có người mời: "Xin Tôn giả nhận lời con mời ngày mai ăn bữa ăn trước", mà mình thấy cần thì nên

đáp: "Vâng!".

Nếu họ nói tiếp: "Xin Tôn giả chắc chắn phải đến nhé!", thì nên nói: "Nếu trong thời gian đó không gặp chướng ngại thì tôi sẽ đến". Cũng vậy, mời các bữa ăn sau cũng nói như thế.

Nếu Tỳ-kheo an cư xong ra đi rồi đàn-việt mời: "Mong Tôn giả sau này sẽ đến nữa", mà mình muốn đến nữa, thì nên đáp: "Vâng".

Nếu đàn-việt dặn thêm: "Xin Tôn giả phải đến chắc chắn đấy nhé", thì nên đáp: "Nếu trong thời gian ấy không gặp trở ngại gì thì tôi sẽ đến".

Nếu họ nói: "Xin thầy hãy lễ tháp", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại", mà nên đáp: "Vâng! Tôi sẽ

lễ". Nếu họ nói: "Xin Tôn giả hãy vì tôi mà lễ tháp", thì nên đáp: "Nếu nhớ thì tôi sẽ lễ".

Nếu họ nói: "Xin Tôn giả hãy đảnh lễ Trưởng lão Tỳ-kheo", thì không được đáp: "Nếu không có gì trở ngại", mà nên đáp: "Vâng! Tôi sẽ đảnh lễ".

Nếu họ nói: "Xin Tôn giả hãy vì tôi mà đảnh lễ Trưởng lão Tỳ-kheo", thì nên đáp: "Nếu nhớ thì tôi sẽ đảnh lễ".

Nếu họ nói: "Tôn giả hãy nghe kinh, tụng kinh, trì giới, ngồi thiền", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì trở ngại thì tôi sẽ tụng kinh", mà nên nói: "Tôi vì mục đích đó mà xuất gia".

Nếu họ nói: "Tôn giả hãy học đạo quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán", thì không được đáp: "Nếu trong thời gian ấy không có gì chướng ngại thì tôi sẽ học", mà nên nói: "Tôi vì mục đích đó mà xuất gia".

Trên đây, có việc nên làm mà vì chướng ngại nên không làm, có việc không nên làm mà làm đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề chướng ngại, không chướng ngại.

VẤN ĐỀ TỲ KHEO NI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nước Ca-duy-la-vệ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di cùng với năm trăm cô gái họ Thích xin Phật xuất gia, như trong Tuyến Kinh đã nói rõ. Thế rồi, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

- Từ nay Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di là bậc Thượng tọa của các Tỳ-kheo-ni, nên ghi nhớ như vậy.

Khi ấy, Đại-ái-đạo Kiều-đàm-di bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chế ra tám pháp tôn kính cho Tỳ-kheo-ni, chúng con có được phép nghe đầy đủ không?

Phật dạy:

- Được. Tám kỉnh pháp đó là:

1. Kính lễ Tỳ-kheo

- Dù Tỳ-kheo-ni đã 100 tuổi, khi gặp Tỳ-kheo mới thọ giới cũng phải đứng dậy đón tiếp cung kính và đảnh lễ. Không được nói: "Đợi tôi đủ một trăm tuổi rồi mới hướng đến Tỳ-kheo mới thọ giới đảnh lễ", mà tất cả Tỳ-kheo-ni đều phải hướng đến Tỳ-kheo Trưởng lão trung niên, niên thiếu, đứng dậy đón tiếp cung kính và đảnh lễ. Khi Tỳ-kheo-ni đến Tinh xá của Tỳ-kheo thì phải cúi đầu đảnh lễ dưới chân của tất cả Tỳ-

kheo. Nếu vì già bệnh không thể lễ hết, thì tùy sức mà lễ nhiều ít, những người còn lại thì được lễ tổng quát, nói như sau: "Con là Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân của tất cả chúng Tăng".

Khi Tỳ-kheo đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni thì tất cả Tỳ-kheo-ni phải đứng dậy đón tiếp, đảnh lễ dưới chân, cũng như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni phân biệt như sau: Đó là kẻ phạm giới, đó là thầy thuốc, đó là kẻ ngớ ngẩn không biết, với tâm kiêu mạn không cung kính đứng dậy đón tiếp, đảnh lễ thì đó là coi thường pháp cung kính. (Đây là pháp cung kính thứ nhất).

2. Hai năm học giới:

- Nếu người nữ đủ mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai thì Hòa thượng ni nên cung cấp những thứ cần thiết xin Ni

chúng giúp đỡ. Trong Ni chúng, người có khả năng làm yết-ma nên bạch như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ Mổ giáp kia mười tám tuổi, muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới.

Các Thánh giả đã bằng lòng cho Mỗ giáp vào Tăng xin hai năm học giới vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, người nữ này vào trong Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân của từng vị, rồi quì gối chắp tay nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng ghi nhớ cho! Con là người nữ Mổ giáp đủ mười tám tuổi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai. Nay con theo Tăng xin hai năm học giới. Mong Thánh giả Tăng thương xót cho con hai năm học giới. (Nói như vậy ba lần)

Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Người nữ Mỗ giáp kia đã đủ mười tám tuổi, theo Tăng xin hai năm học giới. Tăng nay cho Mỗ giáp hai năm học giới. Thánh giả nào bằng lòng cho Mỗ giáp hai năm học giới với Hòa thượng ni Mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như

thế)

Tăng đã bằng lòng cho Mỗ giáp hai năm học giới xong vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thức-xoa-ma-ni này sau khi xin được hai năm học giới phải tùy thuận làm mười tám việc sau đây:

1. Ở dưới tất cả đại Tỳ-kheo-ni.

2. Ở trên tất cả Sa-di ni.

3. Việc gì đối với Thức-xoa-ma-ni không thanh tịnh thì đối với đại ni thanh tịnh.

4. Việc gì đối với đại Ni không thanh tịnh, thì đối với Thức-xoa-ma-ni cũng không thanh tịnh.

5. Đại Ni được ngủ ba đêm với Thức-xoa-ma-ni.

6. Thức-xoa-ma-ni được ngủ ba đêm với Sa-di ni.

7. Thức-xoa-ma-ni được trao thức ăn cho Đại Ni, ngoại trừ năm món thực vật được hỏa tịnh, vàng bạc và tiền mặt.

8. Tự bản thân theo Sa-di ni nhận thức ăn.

9. Ni không được nói với Thức xoa về tội Ba-la-di cho đến Việt-tỳ-ni.

10. Chỉ được nói: không dâm dục; không trộm cắp, không sát sinh, không nói dối. v.v...

11. Thức-xoa-ma-ni đến ngày Bố-tát, tự tứ phải vào giữa Tăng quì gối chắp tay, nói như sau:

- Thưa Thánh giả Tăng! Con là Mỗ giáp thanh

tịnh, xin Tăng ghi nhớ cho.

Nói như vậy ba lần rồi ra đi.

12. Nếu phạm bốn giới Ba-la-di sau cùng thì phải học lại từ đầu.

13. Nếu phạm mười chín giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tùy phạm giới nào sám hối Đột cát la giới đó; Nếu phá năm giới thì tùy theo số ngày vi phạm phải học lại. Năm giới đó là:

14. Ăn phi thời.

15. Cất thức ăn mà ăn.

16. Cầm tiền mặt, vàng bạc.

17. Uống rượu.

18. Mang hương hoa.

Đó gọi là mười tám việc.

Thức-xoa-ma-ni này sau hai năm học giới xong, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai thì Hòa thượng Ni phải bạch Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Vị yết-ma của Ni nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe. Thức-xoa-ma-ni Mỗ giáp đã học giới hai năm, tuổi đủ hai mươi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép Hòa thượng Ni Mỗ giáp vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp muốn vào giữa Tăng xin pháp yết-ma nuôi chúng, Tăng

đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên quì gối chắp tay nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng ghi nhớ cho. Thức-xoa-ma-ni này học giới hai năm đã xong, tuổi đủ hai mươi, muốn thọ Cụ túc. Tôi là Mỗ giáp, nay theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Kính xin Tăng cho tôi pháp yết-ma nuôi đệ tử (nói như vậy ba lần).

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Thức-xoa-ma-ni Mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ hai mươi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai. Ni Mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ni Mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

Thánh giả Tăng xin lắng nghe! Thức-xoa-ma-ni Mỗ giáp học giới hai năm đã xong, tuổi đủ hai mươi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai. Ni Mỗ giáp đã theo Tăng xin pháp yết-ma nuôi đệ tử. Tăng nay cho Ni Mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử. Các Thánh giả nào bằng lòng cho pháp yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Ni Mỗ giáp pháp yết-ma nuôi đệ tử xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thức-xoa-ma-ni này sau hai năm học giới, tuổi đủ hai mươi, muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai, phải vào giữa Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân chúng Tăng. Lễ Tăng xong, trước hết quì gối chắp tay thỉnh Hòa thượng Ni như sau:

- Xin Tôn sư ghi nhớ cho. Con là Mỗ giáp cầu xin Tôn sư làm Hòa thượng. Mong Tôn sư vì con làm Hòa thượng cho con thọ Cụ túc. (Nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng Ni nên khích lệ để đệ tử sinh tâm hoan hỷ, và đệ tử đáp:

- Con xin cúi đầu thọ lãnh.

Đoạn, Hòa thượng Ni dạy cách cầu xin y bát, cầu xin chúng Tăng, cầu xin hai vị Giới sư, cầu xin vị thầy dạy bảo ở chỗ vắng, rồi giới thiệu với chúng Tăng. Bấy giờ, vị sư yết-ma nên hỏi như sau:

- Ở trong đây ai có thể dạy bảo Mỗ giáp ở chỗ vắng không? Người có thể dạy liền đáp:

- Tôi có thể dạy.

Thế rồi sư yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng để Mỗ giáp làm

Hòa thượng Ni cho Mỗ giáp, Mỗ giáp có thể

làm người dạy bảo ở chỗ vắng.

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp làm Hòa thượng Ni cho Mỗ giáp, Mỗ giáp làm người dạy bảo ở chỗ vắng, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị thầy dạy bảo nên đem người muốn thọ Cụ túc để cách chúng Tăng không gần, không xa, rồi dạy bằng hai cách: hoặc sơ lược, hoặc đầy đủ. Thế nào là dạy sơ lược? Đó là nên hỏi ở giữa chúng Tăng: "Điều gì có thì ngươi phải nói có, điều gì không thì phải nói không".

Thế nào là dạy đầy đủ? Đó là nên nói: "Thiện nữ hãy lắng nghe! Bây giờ là lúc chí thành, là lúc nói thật. Đối với chư Thiên, thế gian, thiên ma, các Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối họ; đồng thời cũng lừa dối đối với Ni chúng Thanh văn đệ tử của Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó là tội rất nặng. Giờ đây, ta sẽ hỏi ngươi, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không:

- Cha mẹ, chồng có còn không? Nếu nói "Còn" thì nên hỏi:
- Cha mẹ và chồng có cho phép không?
- Đã thỉnh cầu Hòa thượng Ni chưa?
- Năm y và bát có đủ không?
- Học giới hai năm xong chưa?
- Đã làm pháp yết-ma nuôi chúng chưa?

- Tên của ngươi là gì? Đáp:
- Tên là mỗ.
- Hòa thượng Ni tên là gì? Đáp:
- Tên mỗ.
- Ngươi không giết cha mẹ đấy chứ?
- Ngươi không giết A-la-hán đấy chứ?
- Ngươi không phá Tăng đấy chứ?
- Ngươi không có ác tâm làm cho thân Phật ra máu đấy chứ? (Tuy Phật Niết-bàn đã lâu, nhưng đây vẫn giữ theo văn cũ)
- Ngươi không hủy hoại tịnh giới của Tỳ-kheo đấy chứ?
- Ngươi không phải là kẻ núp trong chúng để trộm pháp đấy
- chứ?
- Ngươi không phải là kẻ gian phi đấy chứ?
- Ngươi không tự ý xuất gia đấy chứ?
- Trước đây đã từng thọ Cụ túc chưa?

Nếu nói: "Đã từng thọ" thì nên bảo: "Đi đi! Không được thọ Cụ túc". Nếu nói chưa thọ thì nên hỏi tiếp:

- Ngươi không phải là nô tỳ đấy chứ?
- Ngươi không phải là con nuôi đấy chứ?
- Ngươi không mắc nợ người ta đấy chứ?
- Ngươi không phải là vợ của lính đấy chứ?
- Ngươi không phải là kẻ do thám cho nhà vua

đấy chứ?

- Ngươi có phải là người nữ không?
- Ngươi không phải là gái đá đấy chứ?
- Ngươi không phải là kẻ lạn đọa (?) đấy chứ?
- Hai đường tiểu và đại không thông nhau đấy chứ?
- Hai đường đó không bị thương tích đấy chứ?
- Ngươi vẫn có nhũ hoa đấy chứ?
- Ngươi không phải chỉ có một nhũ hoa đấy chứ?
- Ngươi không bị bệnh thường ra huyết đấy chứ?
- Ngươi không phải không có máu đấy chứ?
- Ngươi không phải thường ra máu trong một tháng đấy chứ?
- Ngươi chính là người nữ phải không?
- Ngươi có mắc các chứng bệnh sau đây không: Ghẻ lở; da vàng; bệnh hủi, ung thư; bệnh trĩ; đái tháo; bệnh hoàng đãng; bệnh sốt rét; bệnh suyễn; bệnh gầy ốm; điên cuồng; bệnh nhiệt; bệnh phong thũng; bệnh phù thũng; bệnh cổ trướng; đại loại các chứng bệnh như thế. Ngoài ra trên thân ngươi còn mắc các bệnh khác nữa không?

Đáp:

- Không.

Lúc này, giáo thọ sư vào giữa Tăng bạch:

- Tôi đã hỏi Mỗ giáp xong, Mỗ giáp tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn.

Sư yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Mỗ giáp theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp vào giữa Tăng.

Các Thánh giả Tăng đã bằng lòng cho Mỗ giáp theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp vào giữa Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này vào giữa Tăng cúi đầu đảnh lễ dưới chân của từng vị Tăng, rồi quì gối chắp tay trước giới sư nhận lấy y bát và nói:

- Đây là bát dùng để khất thực, con xin gìn giữ. (nói như vậy ba lần). Đây là Tăng-già-lê, đây là Uất-đa-la-tăng, đây là An-đà-hội, đây là y che vai, đây là áo mưa. Đó là năm y của con. Với năm y này con sẽ gìn giữ suốt đời không xa lìa. (Nói như vậy ba lần).

Bấy giờ, sư yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép giới tử Ni Mỗ giáp - theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp - vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các Thánh giả đã bằng lòng cho giới tử Ni Mỗ

giáp - theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp - vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi sư yết-ma nên dạy giới tử cách xin như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Con là Mỗ giáp, theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp thọ Cụ túc. Giáo thọ sư đã hỏi han dạy bảo con ở chỗ vắng xong. Con là Mỗ giáp - theo Hòa thượng Ni Mỗ giáp - nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nguyện xin Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (Xin như vậy ba lần).

Sư yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Giờ theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Hòa thượng Ni Mỗ giáp vào giữa Tăng hỏi giới tử về già nạn.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp Hòa thượng Ni - làm Hòa thượng cho Mỗ giáp - muốn vào giữa Tăng hỏi già nạn; vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi Hòa thượng Ni hỏi giới tử:

- Bây giờ là lúc phải chí thành, là lúc nói thật, (cho đến) có các chứng bệnh như vậy và các chứng bệnh khác nữa trên thân ngươi hay không?

Đáp:

- Không có.

Sư yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Đồng thời đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng, năm y và bát có đủ. Người nữ này đã học giới hai năm hoàn thành; đã

thực hiện pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Hòa thượng Ni Mỗ giáp - làm Hòa thượng cho Mỗ giáp - vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Hòa thượng Ni Mỗ giáp - làm Hòa thượng cho Mỗ giáp - muốn vào giữa Tăng nói về ba pháp nương tựa, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Hòa thượng Ni nói với giới tử:

- Thiện nữ hãy lắng nghe. Vì Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri muốn lợi ích cho chúng Thanh văn ni nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ thực lòng thiện chí gắng nhẫn được thì cho thọ Cụ túc. Nếu không gắng nhẫn được thì không cho thọ Cụ túc. Thế nào là ba pháp nương tựa? Đó là:

1. Nương tựa vào y phấn tảo ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể gắng nhẫn thọ trì y phấn tảo này suốt đời được không?

Đáp:

- Mô Phật được.

- Nếu được y Khâm-bà-la, y Điệp, y Sô ma, y Câu xá da, y Xá na, y Ma, y Khu mâu đề (thì hãy thọ trì).

2. Nương vào việc khất thực, ít việc, dễ được, hợp với thanh tịnh, không có các lỗi. Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể gắng nhẫn dùng nó để đi khất thực suốt đời được không?

Đáp:

- Mô Phật được.

- Nếu được bữa ăn nữa tháng, bữa ăn ngày mồng 8, ngày mười bốn, ngày mười lăm, khi tụng giới, khi điểm diện, khi được mời (thì hãy dùng).

3. Nương nhờ thuốc trần khí, ít việc, dễ được hợp với thanh tịnh, không có các lỗi, Tỳ-kheo-ni tùy thuận, nhờ vào đó mà xuất gia thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể gắng nhẫn suốt đời uống thuốc trần khí được không?

Đáp:

- Mô Phật được.

- Nếu được sữa chua, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi và mỡ (thì ngươi hãy dùng).

Vậy nương vào ba thánh chủng trên (ba pháp nương tựa) ngươi hãy tùy thuận mà học.

Thế rồi sư yết-ma bạch với Tăng:

- Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han, dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng Ni. Năm y và bát có đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới. Đã làm phép yết-ma nuôi đệ tử. Tự nói mình thanh tịnh, không bị các già nạn. Đã chấp nhận ba sự nương tựa. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng Ni là Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Mỗ giáp đã hỏi han dạy bảo ở chỗ vắng xong. Nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép. Đã cầu Hòa thượng. Năm y và bát đầy đủ. Người nữ này đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi đệ tử; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn; đã chấp nhận ba sự nương tựa. Tăng nay cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là Mỗ giáp. Các Thánh giả nào bằng lòng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa

thượng ni là Mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni là Mỗ giáp xong, vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

- Thiện nữ hãy lắng nghe! Ngươi đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có các già nạn, trước mười vị Tăng hòa hợp. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Nay ngươi đã gặp cơ hội tốt, thân người khó được, gặp Phật ra đời thật khó, được nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp, ý nguyện thành tựu cũng khó. Ngươi đã được giới Cụ túc, vậy hãy tùy thuận mà học, giống như hoa vô ưu xa lìa bụi và nước. Ngươi phải nương tựa vào giới pháp mà tu tập pháp thiện Nê-hoàn cho được đầy đủ. Đây là bài tựa giới kinh, tám Ba-la-di, mười chín Tăng-già-bà-thi-sa, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề, tám Ba-la-đề-đề-xá-ni, pháp chúng học, bảy pháp Diệt tránh, pháp tùy thuận. Nay ta chỉ nói tóm lược để dạy bảo ngươi. Sau này Hòa thượng, A-xà-lê sẽ dạy ngươi đầy đủ.

Sau khi thọ Cụ túc xong, ngay hôm ấy Hòa thượng ni phải dẫn giới tử đến chỗ Tỳ-kheo Tăng.

Rồi, Hòa thượng ni quì gối chắp tay xin cho giới tử như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con đã cho Mỗ giáp thọ cụ túc. Nay theo Tăng xin cho Mỗ giáp được thọ Cụ túc. Xin Tăng thương xót cho Mỗ giáp thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần)

Bấy giờ, thầy yết-ma nên hỏi (Hòa thượng ni):

- Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản phải không?

Nếu không hỏi như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế rồi thầy yết-ma phải bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp ni thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản. Ni Mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cho Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - vào giữa Tăng xin thọ Cụ túc.

Các Đại đức đã bằng lòng cho Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - vào giữa Tăng xin họ Cụ túc, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, thầy yết-ma nên dạy giới tử quì gối chắp tay, xin như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Mỗ giáp theo Hòa thượng

ni Mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Con là Mỗ giáp, Hòa thượng ni là Mỗ giáp. Nay con theo Tăng

xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương xót cho con thọ Cụ túc. (nói như vậy ba lần).

Thế rồi, thầy yết-ma phải tác bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng bằng lòng cho Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - thọ Cụ túc, thì tôi sẽ hỏi các già nạn ở giữa chúng Tăng.

Các Đại đức đã bằng lòng cho tôi hỏi các già nạn của Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thầy yết-ma quay sang hỏi giới tử:

- Giờ đây là lúc chí thành, là lúc nói thật, đối với chư Thiên, thế gian, thiên ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, các vị trời, người đời, A-tu-la, nếu không nói thật tức là lừa dối các Ngài đồng thời cũng lừa dối hai bộ Tăng của Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó là tội

lỗi rất nặng. Giờ đây ta sẽ hỏi ngươi ở giữa Tăng, điều gì có thì nói có, điều gì không thì nói không.

- Cha mẹ và chồng có còn không?

(Cho đến) trừ chỗ kín của người nữ, ngoài ra phải hỏi hết như trên.

Thế rồi thầy yết-ma nên bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Trong chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản; đã theo Tăng xin thọ Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh không có các già nạn. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho phép tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - ở giữa chúng Tăng.

Các Đại đức Tăng đã bằng lòng để tôi nói về ba pháp nương tựa cho giới tử Mỗ giáp - đệ tử của Hòa thượng ni Mỗ giáp - ở giữa chúng Tăng vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, quay lại nói với giới tử:

- Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì muốn lợi ích cho Ni chúng Thanh văn nên chính thức chế ra ba pháp nương tựa này. Nếu người nữ có tâm ngay thẳng thuần thiện, gắng nhẫn thì cho thọ Cụ túc; nếu không gắng nhẫn thì không cho thọ Cụ túc. Y phấn tảo ít việc, dễ được, phù hợp thanh tịnh, không có các lỗi, tùy thuận phép tắc của Tỳ-kheo-ni, nhờ vào đó mà xuất gia, thọ Cụ túc, được làm Tỳ-kheo-ni. Thế thì ngươi có thể gắng nhẫn thọ trì y phấn tảo suốt đời được không?

Đáp:

- Mô Phật được.

- Nếu được các loại y như: y Khâm-bà-la; y điệp, y sô ma, y câu xá da, y xá na, y ma, y khu mâu đề thì hãy mặc chúng để đi khất thực. Đồng thời nương vào thuốc trần khí như trên đã nói rõ.

Thế rồi, quay lại bạch với Tăng:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc. Đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ Cụ túc. Cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ, đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng, tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; chấp nhận nương theo ba Thánh chủng. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc. Hòa thượng ni là Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc; đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không có ai ngăn cản, xin thọ

Cụ túc; cha mẹ và chồng đã cho phép; đã cầu Hòa thượng; năm y và bát đầy đủ; đã hoàn thành hai năm học giới; đã làm pháp yết-ma nuôi chúng; tự nói mình thanh tịnh, không có các già nạn; đã chấp nhận nương tựa theo ba Thánh chủng. Tăng nay cho Mỗ giáp thọ Cụ túc, Hòa thượng ni là Mỗ giáp. Đại đức nào bằng lòng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni Mỗ giáp thì im lặng, ai

không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni Mỗ giáp, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Bấy giờ, quay lại nói với giới tử:

- Ngươi đã thọ Cụ túc, thọ Cụ túc một cách tốt đẹp, một lần bạch ba lần yết-ma, không có ai cản trở, Tăng hòa hợp, hai bộ chúng đều mười vị trở lên. Nay ngươi phải kính trọng Phật, kính trọng Pháp, kính trọng Tăng, kính trọng Hòa thượng, kính trọng A-xà-lê. Ngươi đã gặp được dịp tốt, thân người khó được, Phật ra đời khó gặp, nghe pháp cũng khó, chúng Tăng hòa hợp ý nguyện thành tựu cũng khó. Ngươi hãy đảnh lễ Đức Thích Ca Bổn Sư và chúng Thanh văn. Khi đã được giới Cụ túc giống như hoa vô ưu đã xa lìa bụi và nước. Ngươi phải nương vào Giới Luật để tu tập pháp thiện Nê-hoàn cho viên mãn.

Khi Phật an trú tại Tinh xá có lầu gác ở trong rừng, nơi thành Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự muốn thọ Cụ túc. Đồng tử Ly-xa Am-bà-la nghe đệ tử của Pháp-dự muốn thọ Cụ túc bèn suy nghĩ: "Nếu cô gái này làm như thế thì đối với ta không có lợi ích. Hôm nay nếu cô ra khỏi cửa Tinh xá thì ta sẽ bắt rồi hủy hoại phạm hạnh, để cô không được thọ Cụ túc". Tỳ-kheo-ni Pháp-

dự nghe thế, bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch Phật như sau:

- Bạch Thế Tôn! Con có đệ tử muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu ra khỏi Tinh xá thì sợ bị hủy hoại phạm hạnh, không hiểu nó ở đó còn Tăng ở đây cho nó thọ Cụ túc được không?

Phật dạy:

- Được! Trước hết, chúng Tỳ-kheo-ni cho thọ Cụ túc rồi, đi đến giữa Tỳ-kheo Tăng cho xin sứ giả thọ Cụ túc.

Thế là, Ni chúng cho thọ Cụ túc xong, Pháp-dự liền đến bạch Tỳ-kheo Tăng xin cho sứ giả thọ Cụ túc. Bấy giờ, người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ bị tổn thương phạm

hạnh. Nếu thời gian của Tăng đã đến, đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp muốn theo Tăng xin cho sứ giả thọ Cụ túc.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Hòa thượng ni phải vào giữa Tăng quỳ gối chắp tay bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-

kheo-ni Pháp-dự có đệ tử là Mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, nhưng nếu đến đây thì sợ tổn thương phạm hạnh. Y thị đã thọ Cụ túc giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản. Con là Mỗ giáp vì đệ tử Mỗ giáp xin sứ giả thọ Cụ túc. Kính mong Đại đức Tăng thương tưởng cho sứ giả đệ tử Mỗ giáp của con thọ Cụ túc. (Nói như vậy ba lần).

Trong Tăng nên làm yết-ma cử người có khả năng hoặc hai, hoặc ba người nhưng không được làm yết-ma cử nhiều người. Thế rồi, người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni, không có ai ngăn cản; nếu đến đây sợ tổn thương đến phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp-dự đã vì đệ tử Mỗ giáp theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp vì đệ tử của Pháp-dự là Mỗ giáp thọ Cụ túc. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự (474b) là Mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã ở trước chúng Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc, không có ai ngăn cản. Nhưng nếu đến đây sợ tổn thương tới phạm hạnh. Tỳ-kheo-ni Pháp-dự đã vì đệ tử Mỗ giáp, theo Tăng xin sứ giả thọ Cụ túc. Tăng nay làm yết-ma cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp thọ

Cụ túc. Các Đại đức nào bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp làm sứ giả vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp thọ Cụ túc thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Tăng đã bằng lòng làm yết-ma cử Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp làm sứ giả, vì đệ tử của Tỳ-kheo-ni Pháp-dự là Mỗ giáp thọ Cụ túc xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Sau khi thọ pháp yết-ma xong, Tỳ-kheo này phải đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ngay hôm đó. Thế rồi, người thọ Cụ túc phải hướng đến sứ giả quì gối chắp tay tác bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Mỗ giáp theo Hòa thượng ni Mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu rời khỏi đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên con phải ở tại đây. Con là Mỗ giáp theo Hòa thượng ni là Mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho con thọ Cụ túc. (Nói như vậy ba lần).

Thế rồi, Hòa thượng ni cùng với sứ giả trở lại trong Tăng. Hòa thượng ni phải quì gối chắp tay bạch như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Tỳ-kheo-ni Pháp-dự có đệ tử là Mỗ giáp muốn thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh

tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh nên phải ở tại đó. Con là Pháp-dự có đệ tử là Mỗ giáp, nay theo Tăng xin thọ Cụ túc. Kính mong Tăng thương tưởng cho thọ Cụ túc. (Nói như vậy ba lần)

Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Mỗ giáp theo Mỗ giáp thọ Cụ túc, đã thọ Cụ túc ở giữa chúng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh, không có ai ngăn cản. Nếu đến đây sợ tổn thương phạm hạnh, nên phải ở tại đó. Hòa thượng ni Mỗ giáp đã theo Tăng xin thọ Cụ túc. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Mỗ giáp thọ Cụ túc với Hòa thượng ni Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Sau khi xong một lần bạch, ba lần yết-ma, Hòa thượng ni cùng sứ giả trở lại Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói như sau:

- Thiện nữ hãy lắng nghe! Con đã thọ Cụ túc, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai ngăn cản, hai bộ chúng mỗi bộ từ mười người trở lên đều hòa hợp, thọ Cụ túc xong con phải tôn kính Tam Bảo. Con đã gặp dịp tốt; thân người khó được; Phật ra đời khó gặp; được nghe pháp cũng khó.

Đó gọi là hai năm học giới, thọ Cụ túc ở trước hai bộ chúng. Đây thuộc về pháp cung kính thứ hai.

3. Nêu tội:

Tỳ-kheo-ni không được nói tội của Tỳ-kheo dù

có thật hay không có thật. Nhưng Tỳ-kheo được nói tội có thật của Tỳ-kheo-ni, song không được nói tội không có thật. Tỳ-kheo-ni không được nói:

- Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lẩm cẩm.

Nếu là thân quyến thì được khuyên bảo nhỏ nhẹ nhưng không được trách cứ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi thì nên khuyên:

- Nay ông không học đợi đến già mới học sao? Sau này ông sẽ dạy bảo đệ tử, nếu ông không học thì sau này đệ tử sẽ học theo thói xấu của ông. Thế nên, ông phải tùy thuận học kinh, đọc kinh.

Nếu Tỳ-kheo-ni nói lỗi của Tỳ-kheo: "Tỳ-kheo thầy thuốc, Tỳ-kheo phạm giới, Tỳ-kheo lẩm cẩm", thì phạm pháp bất kính. Tỳ-kheo được nói về lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni, nhưng không được khiển trách, nói:

- Mụ già trọc đầu, mụ già dâm đãng, mụ già lẩm cẩm.

Nếu là thân quyến làm điều phi pháp, thì được khuyên bảo:

- Đừng làm việc đó.

Nhưng không được mắng mỏ mà phải khuyên bảo nhỏ nhẹ. Nếu người đó còn nhỏ tuổi, thì nên khuyên:

- Nay cô không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì

sau này đệ tử sẽ noi theo thói xấu của cô. Thế nên, cần phải học kinh, tụng kinh.

Nếu Tỳ-kheo mắng mỏ Tỳ-kheo-ni: "Mụ già trọc đầu, mụ già dâm đãng, mụ già bất thiện không biết ân nghĩa" thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó là Tỳ-kheo-ni không được nói lỗi có thật hay không có thật của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được nói lỗi có thật của Tỳ-kheo-ni. Đây là pháp tôn kính thứ ba.

4. Không được nhận phẩm vật trước:

Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, phòng xá giường nệm trước Tỳ-kheo. Nếu có người mời Tỳ-kheo-ni thọ trai thì nên bảo họ mời các vị tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: "Đối với họ, con không có lòng tôn kính, con chỉ muốn mời quý Tỳ-kheo-ni mà thôi", thì nên đáp: "Tôi cũng không nhận".

Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng mời chư Tăng dùng bữa ăn trước, bữa ăn sau rồi, nhưng chưa từng mời quý Ni sư", thì nên nhận. Chí ít là họ đã cúng cho Tăng một chén cơm, rồi sau đó, Tỳ-kheo-ni nhận các món ăn ngon thì không có tội.

Nếu có người đến nói: "Con muốn làm phòng cho quý Ni sư", thì nên bảo họ làm cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: "Con không có lòng tôn kính đối với họ mà chỉ muốn làm cho Ni sư thôi", thì nên đáp: "Tôi cũng không nhận". Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng làm phòng xá, giảng đường, nhà

tắm, trai đường, nhà ngõ, mái che giếng, cầu tiêu, nhà để rửa chân cho chúng Tăng rồi, nhưng chưa làm cho quý Ni sư", thì nên nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã làm cho Tăng một cái nhà bếp, thì sau đó Tỳ-kheo-ni nhận phòng lớn không có tội.

Nếu có người đem giường nệm đến cúng dường cho Tỳ-kheo-ni, thì nên bảo họ cúng dường cho các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước.

Nếu họ nói: "Con không có lòng tôn kính đối với các vị ấy" thì nên nói: "Tôi cũng không nhận".

Nếu họ nói: "Trước đây con đã từng cúng cho Tỳ-kheo Tăng giường nệm, gối chăn, ngọa cụ, mà chưa từng cúng cho chư Ni", thì được nhận. Thậm chí nếu trước đó họ đã cúng cho Tỳ-kheo Tăng một chiếc giường nhỏ, Tỳ-kheo-ni sau đó nhận giường nệm không có tội.

Nếu đàn-việt chưa từng cúng trai phạn cho chư Tăng lại cúng giường nệm cho Tỳ-kheo-ni trước mà Ni nhận thì phạm tội bất kính. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni không được nhận thức ăn, giường nệm trước chư Tăng. Đến đây hết pháp tôn kính thứ tư.

5. Nửa tháng Ma-na-đỏa:

Nếu Tỳ-kheo-ni phạm tội bất kính thì phải thực hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Nếu phạm mười chín tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải hành Ma-na-đỏa nửa tháng ở trước hai bộ Tăng. Khi Tỳ-kheo-ni ở trong chúng hành pháp tùy

thuận, thì hằng ngày phải bạch hai bộ tăng. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni hành pháp Ma-na-đỏa nửa tháng ở giữa hai bộ Tăng. Pháp tôn kính thứ năm đến đây là hết.

6. Cầu giáo thọ trong dịp Bố-tát nửa tháng

Vào ngày Bố-tát, hoặc tất cả Tỳ-kheo-ni, hoặc sai sứ giả đến Tinh xá của Tỳ-kheo lễ tháp, rồi đến chỗ Tỳ-kheo quen biết gởi dục thanh tịnh, nói như sau:

- Tất cả Tỳ-kheo-ni hòa hợp, đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, xin hỏi về việc Bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo. (Nói như vậy ba lần).

Khi Bố-tát, thầy Tỳ-kheo tụng giới nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay Bố-tát, đã qua chừng ấy ngày, còn lại chừng ấy ngày. Đây là việc thường làm của chúng Thanh văn đệ tử Phật. Các Tỳ-kheo hãy thuyết dục thanh tịnh của các Đại đức không đến. Thế còn ai nhận dục của Tỳ-kheo-ni?

Người nhận dục của Ni nên đến trước Thượng tọa, trật vai áo bên phải, chắp tay nói như sau:

- Tỳ-kheo-ni hòa hợp, đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, gởi dục thanh tịnh, hỏi về việc Bố-tát, thỉnh cầu dạy bảo. (Nói như vậy ba lần)

Người tụng giới nên hỏi;

- Ai dạy bảo Tỳ-kheo-ni?

Nếu có người đã dạy bảo trước thì người sau nên hỏi:

- Ngày nào đến chỗ Ni? Dạy bảo tại đâu? Người đã dạy bảo trước nên nói:

- Ngày mỗ đến tại chỗ mỗ.

Nếu không có người dạy bảo, thì khi nhận dục thanh tịnh của Ni, Tỳ-kheo nên nói:

- Này chị em! Không có người dạy bảo, phải cẩn thận, chớ buông lung.

- Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu mười hai đức tính sau đây thì Tăng nên làm yết-ma cử làm người dạy bảo. Đó là:

1. Trì giới.
2. Nghe nhiều không quên.
3. Trì luật rộng hoặc hẹp.
4. Có biện tài khéo nói.
5. Học giới.
6. Học định.
7. Học tuệ.
8. Có thể đoạn trừ ác tà.
9. Phạm hạnh thanh tịnh.
10. Không làm hoen ố tịnh hạnh của Tỳ-kheo-ni.
11. Nhẫn nhục.
12. Đủ hai mươi tuổi hạ, hoặc nhiều hơn.

Đó gọi là người thành tựu mười hai yếu tố,

Tăng nên cử làm người dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Người làm yết-ma nên bạch:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu mười hai yếu tố, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử Tỳ-kheo Mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu mười hai yếu tố, Tăng nay cử Tỳ-kheo Mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni. Các Đại đức nào bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp đi dạy bảo Tỳ-kheo-ni xong vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo nhận pháp yết-ma rồi nên đến dạy bảo Tỳ-kheo-ni.

Pháp dạy bảo có tám trường hợp như sau:

1. Phi thời.
2. Phi xứ.
3. Quá thời.
4. Chưa đến lúc.
5. Không hòa hợp.
6. Quyến thuộc.
7. Thuyết pháp bằng những câu dài.
8. Nghênh đón dạy dỗ.

1. *Phi thời:* Dạy dỗ từ lúc mặt trời lặn đến khi mặt trời chưa mọc, đó gọi là phi thời. Nếu Tỳ-kheo dạy bảo Tỳ-kheo-ni lúc phi thời thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2. *Phi xứ:* Không được giáo hóa ở chỗ kín đáo, chỗ trống trải mà phải giáo hóa ở chỗ không kín, không trống, như ở giảng đường, dưới gốc cây. Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni ở chỗ không thích hợp thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phi xứ.

3. *Quá thời:* Nếu đến ngày mười bốn, ngày mười lăm mới giáo hóa, đó gọi là quá thời.

4. *Chưa đến lúc:* Giáo hóa vào ngày mồng một, mồng hai, mồng ba trong tháng, đó gọi là chưa đến lúc. Nên đến giáo hóa từ ngày mồng bốn đến ngày mười ba. Nếu chưa đến lúc mà đến giáo hóa Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là chưa đến lúc.

5. *Không hòa hợp:* Khi Tỳ-kheo-ni không hòa hợp thì không nên giáo hóa, đợi khi họ hòa hợp mới giáo hóa. Người giáo hóa khi đến, nên hỏi:

- Ni Tăng đã hòa hợp chưa?

Nếu họ đáp: "Hòa hợp", thì nên sai sứ giả gọi Tỳ-kheo-ni đến nghe giáo hóa. Nếu người nào già bệnh đang uống thuốc, hoặc đang lo việc y bát không đến được thì phải gởi dục, nói như sau:

- Tôi là Mỗ giáp, gởi dục về việc giáo hóa (nói như vậy ba lần). Nếu Tỳ-kheo-ni không hòa hợp

mà giáo hóa thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là không hòa hợp.

6. *Quyến thuộc:* Không nên giáo hóa thiên vị mà nên giáo hóa tất cả Ni Tăng khi đã hòa hợp. Đó gọi là quyến thuộc.

7. *Nói dài dòng:* Như Tôn giả Nan-đà giáo hóa Ni dài dòng; chỉ nên nói như sau:

Chớ làm các việc ác,
Vâng làm các hạnh lành,
Giữ tâm ý trong sạch,
Chư Phật dạy như vậy.

Này các chị em! Đây là những lời dạy bảo ai muốn nghe thì nghe, không muốn nghe thì tùy ý ra đi.

Nếu Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni dài dòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là thuyết pháp dài dòng.

8. *Cách đón rước người giáo hóa:* Nếu Tỳ-kheo-ni trú tại thành ấp xóm làng nghe Tỳ-kheo đến ngày mỗ tới giáo hóa, nếu không có người cung cấp, thì nên nhờ các Tỳ-kheo nhỏ tuổi cầm hương hoa, cờ phướn, lọng báu đến đón rước. Nếu như không có thì tùy theo ít nhiều, tối thiểu là chắp tay bày tỏ lòng tôn kính, mang giúp y bát. Đi đón từ một do diên, nửa do diên, hoặc một Câu-lô-xá, nửa Câu-lô-xá, ít nhất là ra ngoài thành ấp xóm làng đón tiếp. Nếu không đón rước thì phạm tội

Việt-tỳ-ni.

Khi đến rồi, nên vận động đàn-việt cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời một cách tận tâm, hợp cùng đệ tử chu cấp trong bảy ngày đừng để thiếu thốn.

Nếu không có gì thì lấy bớt y bát thừa của mình đem cúng dường.

Nếu cũng không có nữa thì ít nhất chắp tay biểu lộ sự cung kính.

Khi giáo hóa Ni, hoặc dùng A-tỳ-đàm, hoặc Tỳ-ni. A-tỳ-đàm là chỉ cho chín bộ Kinh; Tỳ-ni là chỉ cho Ba-la-đề-mộc-xoa (giới bổn) hoặc nói rộng, hoặc nói hẹp. Người giáo hóa khi thấy Ni đến không được cúi đầu đứng im mà nên xem tướng mạo, oai nghi của họ. Nếu thấy họ xức dầu ướt trên đầu, vẽ chân mày, mang y đậm màu chói lọi rực rỡ, buộc dây lưng trắng v.v…, thì phải khiển trách. Nếu người đó còn trẻ tuổi thì nên nói:

- Này chị em! Nay cô còn trẻ mà không học, đợi đến già mới học sao? Sau này cô sẽ dạy bảo đệ tử, nếu cô không học thì đệ tử sẽ bắt chước thói xấu của cô. Vì thế, cô phải tùy thuận học Kinh, tụng Kinh.

Nếu khi đó có người thế tục thì không được dạy như thế, sợ họ sinh tâm bất thiện, nói:

- Sa-môn dạy bảo vợ.

Nếu trường hợp như thế thì không nên dạy mà

nên hỏi các Ni khác:

- Người này là đệ tử đồng hành của ai? Đệ tử y chỉ của ai?

Hỏi xong, nên bảo Hòa thượng, A-xà-lê của người ấy dạy bảo khiển trách khiến cho họ tùy thuận tuân hành, đừng làm những việc trái oai nghi.

Khi Tỳ-kheo giáo hóa Tỳ-kheo-ni phải xem họ như nữ giới; còn Tỳ-kheo-ni đối với người giáo hóa phải xem như Đức Phật. Đó là nửa tháng hỏi thăm việc Bố-tát và cầu thỉnh dạy bảo.

Đến đây hết pháp tôn kính thứ sáu.

7. Không nương tựa Tỳ-kheo không được an cư:

Nếu thân nhân muốn mời Tỳ-kheo-ni an cư, thì nên bảo đàn-việt mời các bậc tôn túc Tỳ-kheo trước. Nếu họ nói: "Tôi không có lòng tôn kính các vị ấy mà chỉ muốn mời các Ni", thì Ni nên nói:

- Tôi cũng không đi.

Nếu vì thân nhân muốn đi, thì nên đích thân mời Tỳ-kheo. Đến nơi đó rồi, nên sắp xếp bữa ăn trước, bữa ăn sau, nước giải khát phi thời, y an cư, chớ để thiếu thốn. Nếu thân nhân không cung cấp thì nên lấy những y bát dư của mình ra cung cấp.

Nếu trong lúc an cư mà Tỳ-kheo chết, hoặc bỏ tu, hoặc đi nơi khác thì Ni không được bỏ đi.

Nếu trong ba do diên có Tăng già lam thì nên

kết giới thông thương rồi mỗi nửa tháng đến hỏi việc Bố-tát.

Nếu có các nạn như trên đường đi có bọn giặc cướp khủng bố, sợ mất mạng, thương tổn phạm hạnh thì đến hết ngày an cư nên đến đó Tự tứ. Nếu vẫn còn các hiểm nạn thì nên bảo thân nhân mời các Tỳ-kheo đến.

Khi họ đến rồi thì phải cung cấp những nhu yếu như bữa ăn trước, bữa ăn sau và thức uống phi thời, đừng để thiếu thốn. Sau khi Tự tứ xong nên trở về chỗ cũ.

Nếu Tỳ-kheo-ni muốn an cư tại chỗ nào mà nơi đó không có Tỳ-kheo thì không được an cư. Nếu cứ ở đó an cư thì phạm pháp bất kính.

Đó gọi là nơi không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được an cư.

Đến đây hết pháp tôn kính thứ bảy.

8. Tỳ-kheo-ni an cư xong phải thọ Tự tứ trước hai bộ Tăng:

Tỳ-kheo-ni đến ngày Tự tứ thọ Tự tứ xong, sáng sớm hôm sau, tất

cả phải đi đến chỗ Tăng thọ Tự tứ. Trong Ni Tăng nên làm pháp yết-ma cử một người có thể thọ Tự tứ. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Ni chúng lắng nghe! Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp có thể vì Ni chúng làm người Tự tứ. Nếu thời giờ của Tăng đã đến, Tăng làm yết-ma cử Tỳ-kheo-ni

Mỗ giáp vì Ni chúng làm người Tự tứ.

Các Ni chúng đã bằng lòng cử Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp vì Ni chúng làm người Tự tứ xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi hai bộ chúng Tỳ-kheo-ni, Tăng đều hòa hợp, thì nên nói như sau:

- Tỳ-kheo-ni hòa hợp với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho biết. Nếu thấy, nghe, nghi đúng tội, sẽ như pháp trừ diệt. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế). Nếu Tỳ-kheo Tăng hòa hợp với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

- Nhiều Tỳ-kheo-ni và Tỳ-kheo Tăng hòa hợp nói việc Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho tôi biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu Tỳ-kheo hòa hợp, một Tỳ-kheo-ni nên nói như sau:

- Con Tỳ-kheo-ni xin nói Tự tứ với Tỳ-kheo Tăng hòa hợp: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Tăng thương xót nói cho con biết. Nếu tự biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Nếu nhiều Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hòa hợp, nên nói như sau:

- Chúng Tỳ-kheo-ni hòa hợp, các Đại đức nói

Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin các Đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy, (mình có tội) sẽ như pháp diệt trừ. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Nếu nhiều Tỳ-kheo cùng với nhiều Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

- Nhiều Tỳ-kheo-ni với các Đại đức nói Tự tứ... (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

- Nếu một Tỳ-kheo với một Tỳ-kheo-ni thì nên nói như sau:

- Con là Tỳ-kheo-ni trước Đại đức xin nói Tự tứ: Nếu thấy, nghe, nghi có tội, xin Đại đức thương xót nói cho con biết. Nếu biết, thấy (mình có tội) con sẽ như pháp diệt trừ. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tỳ-kheo-ni sau khi an cư xong phải thọ Tự tứ ở giữa hai bộ chúng như vậy. Nếu Tỳ-kheo-ni ngày mười sáu không đến chỗ Tỳ-kheo Tăng thọ Tự tứ, đến ngày mười bảy mới tới thọ Tự tứ thì phạm tội bất kính.

Đó gọi là pháp tôn kính thứ tám của Tỳ-kheo-ni.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 31

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ CHÍN NẤU ĂN Ở CHỖ NGỦ VÀ TỰ NẤU ĂN

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng Dã được chư Thiên và người đời cúng dường. Bấy giờ, nhà bếp được làm trong Tăng viện, nước vo gạo và nước bẩn rửa chén chảy ra ngoài đường hẻm, bị người đời chê trách:

- Vì sao chỗ ở và nhà bếp của Sa-môn Thích tử không cách biệt nhau?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn.

Phật liền nói với các Tỳ-kheo:

- Các ông thật đáng bị người đời chê trách. Từ nay Ta không cho phép làm nhà bếp ở trong chỗ ở để rồi nước vo gạo chảy ra bên ngoài. Phép làm nhà bếp không nên làm ở phương Đông, phương Bắc mà nên làm tại phương Nam, phương Tây. Nếu Tỳ-kheo làm nhà bếp ở bên trong, để cho

nước vo gạo chảy ra bên ngoài thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Lại nữa, khi Phật du hành tại nước Câu-tát-la, đến thôn Bà-la-môn Ha-đế, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn ở tại chỗ ngủ.

Lại nữa, khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn Cố Thạch. Khi ấy, có một ông già hớt tóc cả hai cha con xuất gia, nghe Phật đến định nấu cháo, như sự kiện cháo ở trên đã nói rõ, cho đến Phật không cho phép nấu ăn nơi chỗ ngủ và tự nấu ăn.

Lại nữa, khi Phật du hành đến nước Ương-cầu-đa-la. Lúc ấy,

Phạm chí Chi-ni-da-loa-kế nghe Thế Tôn đến, bèn làm phòng Tăng, nhà bếp, rồi sai người đến mời Phật. Phật bèn bảo Ưu-ba-ly:

- Ông hãy đến sớm nơi đó nhận lấy nhà nấu ăn cho Tăng, chớ để quá lúc đầu đêm, nếu để quá tức gọi là chỗ ở của Tăng, không được dùng làm nhà bếp.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Được làm nhà bếp có mái lợp riêng biệt ra không?

- Được.

- Bạch Thế Tôn! Hợp chung hai phòng có mái lợp riêng được không?

- Được.

- Hợp chung hai phòng cùng một mái lợp được không?

- Được.

- Được dùng hai chỗ riêng có mái lợp riêng được không?

- Được.

- Được dùng một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều riêng được không?

- Được.

- Cách con đường được không?

- Được.

- Dùng trên gác, dưới gác làm được không?

- Được. Hoặc gốc cây ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, còn cành lá ở chỗ tịnh địa; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ đất bất tịnh; hoặc gốc cây và cành lá đều ở chỗ tịnh địa.

Một chỗ được lợp riêng biệt: Tăng được dùng chỗ này làm nhà bếp, như vậy cho đến phòng riêng biệt được lợp riêng biệt, Tăng đều được dùng làm nhà bếp. Cũng như một bên, hai bên, ba bên, tất cả đều được làm nhà bếp.

Cách con đường: Hai bên đường thanh tịnh (hợp lệ), ở giữa không thanh tịnh, nếu để bình sữa v.v... ở giữa đường, nên xoi thủng hai đầu để sữa chảy vào tịnh địa (chỗ hợp lệ) thì được phép lấy

dùng. Nếu cái bao đựng lúa, bột, đậu để ngay giữa đường thì được mở hai đầu để lấy. Nếu cải, hành, mía để ở giữa đường thì được cắt lấy dùng, vẫn hợp lệ.

Trên gác, dưới gác: Trên gác và dưới gác đều được dùng làm nhà bếp.

Gốc cây ở tịnh địa, cành lá ở chỗ bất tịnh: Nếu gốc cây mọc ở tịnh địa, còn cành lá ở chỗ bất tịnh, mà trái rụng xuống đất, thì ngay khi ấy nên lấy đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua khỏi đầu đêm thì thành ra bất tịnh. (Không hợp lệ).

Gốc cây ở chỗ đất bất tịnh, cành lá ở chỗ đất thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá phủ ra chỗ đất thanh tịnh, nếu quả rơi xuống đất tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy cứ lấy.

Cả hai đều không thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất bất tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất bất tịnh, khi quả rơi nên nhặt đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không lấy ngay khi ấy để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Cả hai đều thanh tịnh: Cây mọc ở chỗ đất thanh tịnh, cành lá cũng phủ ra chỗ đất thanh tịnh, khi quả rơi tức là thanh tịnh, tùy lúc muốn lấy thì lấy. Đó gọi là cả hai đều thanh tịnh.

Củ cải, hành, rau mọc ở chỗ đất không thanh tịnh, nếu muốn hái nên hái đúng lúc rồi đem cất vào trong nhà bếp; nếu không hái đúng lúc để qua

khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bọn trộm đến hái trộm rau quả, bị phát giác, chúng hoảng sợ bỏ rau quả chạy thoát thân mà ta cần thì lấy liền rồi đem cất trong nhà bếp. Nếu nói rằng để sáng mai mới lấy, thì đến khi qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Nếu không hay khi chúng bỏ lại, hoặc sớm hoặc muộn mới trông thấy, thì nên lấy đem cất trong nhà bếp. Nếu không lấy để qua quá đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu dưa, bầu mọc ở chỗ đất bất tịnh, thì khi hái nên đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không đem cất để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Tại trú xứ của Tăng nếu có đàn-việt đem cho thóc, mà thóc bị đổ ra chỗ đất bất tịnh, thì nên hốt ngay khi ấy rồi đem cất vào trong nhà bếp. Nếu không hốt để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh.

Nếu bạch y đem bánh bún, lương khô đến Tinh xá xin ở lại trong đêm; đến sáng hôm sau khi ra đi, đem cho Tỳ-kheo, tức là thanh tịnh. Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ngày mai khi họ đi, ắt hẳn sẽ đem cho ta", thì khi họ đem cho được xem là không thanh tịnh. Nếu họ đem rau quả đến xin ở lại cũng vậy. Nếu họ chở lúa gạo đến, cất đầy kho nhà bếp, số còn lại hoặc để trong giảng đường, trong nhà sưởi, trong nhà che giếng, trong nhà chất củi ở ngoài sân,

nếu là chỗ đất bất tịnh, thì đầu, giữa, cuối đêm tùy lúc đổ xong dời đi liền. Nếu không dời đi, để qua khỏi đầu đêm, tức là không thanh tịnh.

Nếu muốn xây dựng chỗ ở mới thì Tỳ-kheo doanh sự nên dùng dây đo đạt sử dụng để qua khỏi đầu đêm tức là không thanh tịnh. Tùy theo mức độ cần thiết mà quy định nhà bếp; khi quy định nhà bếp xong rồi mới quy định chỗ ở, phòng sưởi, giảng đường, nhà ngõ, nhà tắm, nhà để củi, nhà che rồi quy định rằng chỗ ấy làm nhà bếp cho Tăng, chỗ ấy làm nơi ở cho Tăng, nên nói như sau: "Trong đây, chỗ này làm nhà bếp cho Tăng", rồi sử dụng. Nếu không giếng.

Nếu đàn-việt nói:

- Không nên quy định trước, nên đợi khi làm xong, thiết lễ trai phạn cho Tăng, rồi Tăng tùy ý mà quy định", thì khi làm xong, Tăng nên nói như sau: "Tăng dùng gác dưới, gác giữa và gác trên làm nhà bếp (khi đã quy định rồi tức thành nhà bếp đồng thời ở cũng được)". Nếu vẫn chưa sử dụng, thì khi trong nước loạn lạc, hoặc vua chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Hoặc là lúc vị vua cũ băng hà, vị vua mới chưa lên ngôi sử dụng cũng được. Nếu vẫn chưa sử dụng mà trú xứ xóm làng bị hoang phế đến hai năm sử dụng cũng được. Ở đây, hoặc xóm làng hoang phế, không phải trú xứ bị hoang phế, hoặc trú xứ hoang phế, không phải xóm làng hoang phế, hoặc xóm làng hoang phế, trú xứ cũng hoang

phế; hoặc không phải xóm làng hoang phế, không phải trú xứ hoang phế. Nếu có những thức ăn được cất ở đây mà không quy định tức là không thanh tịnh.

Đó gọi là nấu ăn ngay chỗ ngủ.

Tự nấu ăn: Tỳ-kheo không được tự nấu ăn. Nếu bệnh thì nên sai tịnh nhân nấu, nếu không có tịnh nhân mà có nồi đồng sạch không dính dầu mỡ thì nên rửa sạch, rồi tự đốt lửa đun sôi, đoạn, bảo tịnh nhân bỏ gạo vào. Sau khi đã bỏ gạo vào, Tỳ-kheo không được tự chụm lửa mà nên sai tịnh nhân chụm. Đến khi nồi sôi mà tịnh nhân muốn đi đâu, thì Tỳ-kheo được tiếp tục chụm cho chín, song, phải cẩn thận đừng để những vật không cần dùng rơi vào trong đó. Khi nấu thịt cho săn lại, nấu rau cho sầu đi cũng như vậy; khi đã nhận được rồi có thể tự nấu cho chín. Sau cùng, khi nấu nước gừng cũng không được tự nấu mà phải bảo tịnh nhân nấu. Nếu khất thực, thức ăn bị nguội thì được hâm lại cho nóng, không có tội. Nếu tịnh nhân bị ốm thì nên sai tịnh nhân khác nấu cháo đưa cho. Nếu không có tịnh nhân thì khi vo gạo sạch rồi được tự nấu. Nếu có cháo để dành, không được đem ăn.

Đó gọi là nấu ăn tại chỗ ngủ và tự nấu ăn.

NHẬN THỊT SỐNG

Khi Phật ở nơi hoang dã, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo cầm thịt khúc, cá sống, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn không chịu đi khất thực lại cầm thịt khúc, cá sống mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Từ nay về sau, Ta không cho phép nhận thịt sống. Nếu Tỳ-kheo bị bệnh thì được sai tịnh nhân nấu thịt cho săn lại, rồi nhận lấy, đoạn tiếp tục nấu cho đến khi chín. Nếu Tỳ-kheo đi kinh hành, ngồi thiền trong rừng, rồi thấy dưới gốc cây có thịt con chương, con nai còn sót lại, khi ấy mình thấy cần, thì không được lấy mà nên báo cho tịnh nhân biết. Nếu mình tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn hoặc là Sa-di. Nếu thấy thịt do chim ưng để lại cũng như vậy. Tỳ-kheo khi đi khất thực, nếu được thịt khô đã nướng chín thì được nhận lấy. Có loài chúng sinh tên Câu-da không có ruột, nuốt thịt cục vào rồi nhả ra, nếu cần thì Tỳ-kheo được phép lấy. Nhưng không được lấy thóc sống như các loại: thóc gạo trắng, thóc gạo đỏ, đại mạch, tiểu mạch;

tất cả đều không được lấy. Nếu trên thân sinh ung nhọt, sảy, cần tiểu mạch để bôi, thì nên sai tịnh nhân đem rửa sạch, rồi tự tay mình lấy đi nghiền nát để bôi lên mụt nhọt, nhưng không được phép ăn. Nếu trong nhà bếp có lúa tẻ, lúa mạch đã xay rồi mà Tỳ-kheo thấy cần thì được phép lấy, nhưng không được ăn. Nếu đậu mông cụ, đậu ma sa, đậu lớn, đậu nhỏ, các loại tương tự như thế, khi Tỳ-kheo thấy cần thì được dùng.

Đó gọi là nhận (thịt sống) và thóc.

TỰ LẤY RỒI LÀM SẠCH VỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vua Ba-tư-nặc có vườn Am-bạt-la ra trái xum xuê. Vua hỏi người giữ vườn:

- Các Tỳ-kheo có thường đến ăn trái cây không?

- Đại vương không mời thì làm sao mà đến ăn?

- Ngươi hãy đến mời các Tỳ-kheo đến ăn trái cây.

Người giữ vườn liền đến chỗ các Tỳ-kheo, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối, chắp tay bạch:

- Đức vua mời chư Tăng đến ăn trái cây.

Các Tỳ-kheo bèn đi đến vườn ấy ăn trái cây, lớp ăn lớp bỏ ngổn ngang dưới đất, lại còn lấy đem về. Vì vậy người giữ vườn không thể dâng trái cây

cho vua, vua hỏi:

- Vì sao ngươi không đưa trái cây đến?

Người giữ vườn bèn đem sự việc trên tâu đầy đủ lên nhà vua. Vua nghe thế trong lòng không vui, bèn trách:

- Các Tỳ-kheo chỉ nên ăn trái cây, vì sao hái vứt xuống đất lại còn đem cho người khác?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Ông chỉ cần ăn quả, vì sao lại hái vứt xuống đất rồi mang về để làm gì?

- Bạch Thế Tôn! Con đem về cất để ăn.

- Vì sao ông lại lấy về đem cất để mà ăn? Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trái cây Am-bạt-la.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu. Lúc ấy, đồng tử Kỳ Cựu hỏi người làm vườn:

- Các Tỳ-kheo có ăn trái cây Am-bạt-la không?

- Đức Thế Tôn không cho phép.

Đồng tử Kỳ Cựu nghe thế đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Am-bạt-la là trái cây đương

mùa, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được ăn nó.

- Từ nay Ta cho phép được làm sạch vỏ trái cây rồi ăn.

Các Tỳ-kheo bèn sai tịnh nhân gọt sạch vỏ trái cây mà ăn, bị tịnh nhân oán trách:

- Ăn luôn cả vỏ cũng được, vì sao lại sai ta gọt sạch vỏ làm chi? Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Không cần phải gọt hết vỏ, chỉ cần dùng móng tay cạo sạch vỏ rồi ăn; nhưng không được tự lấy rồi ăn, mà trước hết nên sai tịnh nhân dùng móng tay cạo sạch rồi mới ăn.

Nếu Tỳ-kheo đang đi trong vườn cây, thấy trái rơi xuống đất, mà mình cần, thì nên sai tịnh nhân lấy.

Nếu tự lấy thì không được tự ăn, mà nên cho người làm vườn, hoặc Sa-di. Nếu trái cây chín, rơi xuống đất vỡ ra, thì được xem là đã làm sạch vỏ, có thể lấy cạy hạt ra rồi ăn.

Nếu trái cây bị chim mổ, hoặc bị đụng nhằm vật gì mà nứt ra, dù nhỏ như dấu chân muỗi, thì được xem là đã làm sạch vỏ, được phép cạy hạt bỏ rồi ăn.

Nếu muốn ăn hạt, phải đem rang chín thì được phép ăn.

Nếu lột vỏ sạch, không rang chín mà ăn cả hạt,

thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu rang chín, không lột vỏ sạch, thì được phép ăn cả vỏ và hạt. Nếu không rang chín, không lột vỏ sạch mà ăn, thì phạm một tội

Ba-dạ-đề, một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu làm cả hai việc thì không có tội. Đó gọi là tự lấy rồi làm sạch vỏ để ăn.

Kệ tóm tắt:

Tỳ-ni, xử đoán việc,
Chướng ngại, chẳng chướng ngại
Tỳ-kheo-ni, tự nấu,
Nấu ăn nơi chỗ ngủ.
Nhận thịt sống và thóc,
Tự lấy, sau đem dùng
Gọt vỏ và rang chín,

Kết thúc phẩm thứ sáu.

VẬT NẶNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo đem bán giường nệm của chúng Tăng, hoặc cho người khác mượn, hoặc đem về dùng riêng. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

- Ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay Ta không cho phép Tỳ-kheo đem bán giường nệm của Tăng, hoặc cho người mượn, hoặc lấy dùng riêng. Nếu khi Tăng tập họp tất cả cũng không được phép bán, cho người mượn, hoặc đem dùng riêng. Nếu ai đem bán, cho người mượn hay dùng riêng thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Thế nào gọi là vật nặng? Chẳng hạn như giường nệm, đồ bằng sắt, đồ sành, đồ gỗ, đồ bằng tre, như trong giới ăn trộm đã nói rõ. Đó gọi là những vật nặng.

Nếu đàn-việt đem cúng dường cho Tăng giường nệm, câu chấp, thảm, gối xếp, đai thắt lưng, dao con, muỗng, lọng, quạt, giày da, ống đựng kim, nhíp cắt móng tay, bình tưới nước thì trong số này các vật nặng như giường nệm, câu chấp, thắt lưng, gối xếp, thảm nên nhập vào vật của Tăng tứ phương, ngoài ra những vật nhẹ khác đem chia. Nếu đàn-việt nói: "Nên đem chia tất cả", thì theo ý của đàn-việt đem chia. Nếu họ nói: "Tất cả đều cúng dường cho Tăng tứ phương", thì không được chia.

Nếu trong lúc Tỳ-kheo đang đi trên đường, rồi người thế tục trông thấy sinh tâm hoan hỷ, đem các vật linh tinh bố thí cho Tỳ-kheo, mà trong đó có những vật nặng, thì nên đem cho Tinh xá nào ở gần đường bằng cách bảo đàn-việt mang các giường nệm ấy cho Tỳ-kheo ở Tinh xá mỗ. Nếu họ nói: "Tôi đã quyết ý bố thí cho thầy, còn hỏi tôi làm chi

nữa?", thì Tỳ-kheo nói: "Cũng có thể để ở đây cung cấp cho khách Tăng sẽ được nhiều công đức". Họ nói: "Không thể được! Tôi đã quyết ý rồi", thì nên nói: "Này lão trượng! Đây là vật nặng khó mà đem đi, có thể bán ở đây rồi lấy tiền đến đó mua cái khác được không?". Nếu đáp: "Tùy ý Tôn giả!", thì được bán lấy tiền mang đến đó, hễ tiền giường thì mua giường, tiền nệm thì mua nệm; cũng thế, tất cả mọi thứ khác tùy nghi mà bán rồi mua. Nếu họ nói: "Tất cả đều chia", thì phải tùy theo ý thí chủ mà chia. Nếu họ nói: "Tất cả đều bố thí cho Tăng tứ phương", thì không nên chia.

Khi thí chủ mời có hai trường hợp:

- Một là theo thứ lớp của Tăng.
- Hai là mời riêng cá nhân.

Nếu nơi nào Tăng được các phẩm vật bố thí theo thứ tự của Tăng, thì phải nhập vào cho Tăng. Nếu họ mời riêng mà nhận được vật, thì được phép dùng riêng. Nếu giường nệm nhiều mà nồi chảo ít thì nên nói cho đàn-việt biết, rồi bán bớt giường nệm mua nồi chảo; hoặc nồi chảo nhiều thì đem bán bớt để mua giường nệm, cũng như vậy. Nếu có đồ đựng bằng kim loại bị vỡ bể thì được đem nấu chảy đúc cái mới lớn hơn. Đó gọi là những vật nặng.

VẬT VÔ THƯỜNG (CỦA NGƯỜI CHẾT)

Khi Phật an trú tại Khoáng Dã thì Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đang ở tại Cự-ma-đế. Đến giờ khất thực, Kiều-trần-như khoác y, cầm

bát vào thôn khất thực. Khi đã được thức ăn, thầy bèn đến nhà một người chăn nuôi, chồng tên là Cừ-ni, vợ tên là Thi-bà-ly để thọ trai. Bà vợ có lòng tin hoan hỷ, thường cung cấp sữa tươi, sữa chua, sữa đóng váng cho thầy. (479a) Khi uống xong thầy liền trở về trú xứ, rồi suy nghĩ: "Dùng cái khí cụ (cái thân) thống khổ này sống lâu ở đời để làm gì? Ta chán ngán thân này quá". Thế rồi, thầy đem y bát để tại một chỗ dưới gốc cây trong rừng, nằm gối đầu trên một hòn đá tròn hình con voi, nghiêng về hông bên phải, tâm bất loạn, nhập Vô dư Niết-bàn. Thi-bà-ly biết thời giờ thầy sắp đến, bèn dọn giường ghế, quét tước, bày biện sữa nước ra bàn chờ đợi. Thế nhưng, đã quá giờ mà không thấy đến, Thi-bà-ly suy nghĩ: "Sư phụ ngày nào cũng đến, bữa nay vì sao không đến? Hay là bị ốm chăng? Hoặc là bị trùng ác sát hại?". Đoạn, bà liền đến xem thì thấy thầy đang nằm dưới gốc cây, suy nghĩ: "Sư phụ vẫn còn đang ngủ", rồi đứng im lặng lắng nghe. Nhưng không nghe hơi thở, bà dùng tay đặt nơi trái tim thì thấy thân thể đã lạnh ngắt, liền thầm nhủ: "Kỳ thay! Đã qua đời rồi, ta phải cúng dường xá-lợi". Nghĩ thế, bà trở về nhà

bảo chồng lấy búa chặt những cây củi tốt chất thành đóng rồi Hỏa-thiêu nhục thân của thầy. Thế rồi, họ đứng một bên nhìn xem, thì thấy có bốn con chim nhiều màu sắc khác thường từ bốn phương bay đến. Thân chim bỗng dưng biến thành màu trắng rồi bay đi. Lúc ấy, người chồng là Cừ-ni đứng đó tỏ vẻ đau khổ, không vui, suy nghĩ như sau: "Y bát của Tỳ-kheo này phải đem nạp cho vua vì phép vua rất khó, sợ rằng sẽ đòi những thứ khác nữa". Đoạn, ông mang y bát đi đến nhà vua, tâu:

- Y bát này là của Tỳ-kheo Kiều-trần-như đã qua đời, tôi xin nạp cho đại vương!

Vua bèn định giá y bát ấy là năm tiền. Viên quan đoán sự nói:

- Vị Sa-môn này đã qua đời, y bát nên đưa về cho Tỳ-kheo. Thế là người ấy mang về bạch với Tăng:

- Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như đã qua đời có y bát này còn để lại.

- Các Tỳ-kheo thấy thế biết là y bát của thầy, liền hỏi:

- Ông có thấy điều gì khác nữa không?

- Có thấy! Khi tôi Hỏa-thiêu, thấy bốn con chim có nhiều màu sắc khác thường...

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi Ngài:

- Việc ấy là thế nào? Bạch Thế Tôn!

- Đó là bốn thiên ma muốn đến xem thần thức, nhưng không thấy nên họ hóa thành màu trắng mà bay đi.

- Y bát này nên thuộc về ai? Bạch Thế Tôn!

- Đương nhiên thuộc về Tăng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác:

- Trưởng lão chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho Trưởng lão y bát.

Thế rồi, thầy Tỳ-kheo bệnh qua đời, các Tỳ-kheo tập họp định chia y bát của thầy thì vị Tỳ-kheo nuôi bệnh liền nói:

- Thầy Tỳ-kheo bệnh này lúc còn sống nói với tôi: "Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho thầy y bát".

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi:

- Đã cho chưa?

- Chưa cho, bạch Thế Tôn!

- Chưa cho mà đã qua đời, phạm tội Việt-tỳ-ni. Còn người nuôi bệnh đương nhiên không được lấy.

- Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có thầy Tỳ-kheo bệnh nói với vị Tỳ-kheo khác: "Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho Trưởng lão y bát", bèn cho y bát. Khi được rồi, vị ấy chưa tác tịnh mà đem để lại bên cạnh người bệnh. Thế rồi, Tỳ-kheo bệnh qua đời; đoạn các Tỳ-kheo đem sự

việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, rồi hỏi:

- Việc ấy phải làm thế nào, bạch Thế Tôn!

- Đã tác tịnh hay chưa?

- Chưa, bạch Thế Tôn!

- Người kia không được nhận!

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo bệnh nói với Tỳ-kheo khác:

- Hãy chăm sóc giúp tôi, tôi sẽ cho Trưởng lão y bát.

Thầy liền lấy cho. Khi được rồi, vị ấy tác tịnh, rồi đem để lại bên cạnh Tỳ-kheo bệnh, cho đến Phật hỏi:

- Đã tác tịnh chưa?

- Tác tịnh rồi, bạch Thế Tôn!

- Người ấy đáng được nhận.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Sa-di qua đời, các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật:

- Các y bát vật dụng này thuộc về ai, bạch Thế Tôn!

- Thuộc về Hòa thượng.

Lại có trường hợp Tỳ-kheo nuôi bệnh thốt lời oán hận như sau:

- Tôi nuôi bệnh bất kể nóng lạnh, làm bao việc cực nhọc, đi tìm xin thuốc thang cho đến việc đi đổ bô đại tiểu, sự thật là như vậy thì ai đáng nhận được, chẳng lẽ chúng Tăng được sao?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Tỳ-kheo nuôi bệnh kham khổ, nên cho ba y, bát, bồn chứa và những thuốc men còn lại.

- Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly biết đúng lúc, hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo bệnh được di chúc vật cho người khác không?

- Được.

- Được di chúc cho thuốc men không?

- Được. Hoặc di chúc: "Nếu không khỏi bệnh thì tôi sẽ cho, nếu bệnh qua khỏi thì không cho".

Hoặc di chúc: "Tôi đi đến thôn xóm ấy, nếu đi không tới thì sẽ cho. Nếu đi đến đó tức là khỏi cho".

Hoặc di chúc: "Tôi ra đi lần này nếu mà qua đời thì sẽ cho, nếu trở về thì khỏi cho".

Hoặc di chúc dứt khoát: "Dù sống hay chết thì lòng tôi cũng đã dứt khoát cho", thì nên cho. Nếu di chúc cho nhiều người thì người sau cùng sẽ được.

Nếu cho nhiều người thì người hiện diện sẽ được.

Khi Tỳ-kheo qua đời hay nhập Niết-bàn, không nên đóng cửa liền. Nếu vị ấy có đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ trì giới, đáng tin thì nên giao ổ khóa cho họ. Nếu họ không đáng tin thì nên giao ổ khóa cho

thầy tri sự, đợi đến khi cúng dường xá-lợi, lo việc ma chay xong mới đem y vật của vị ấy ra. Nếu đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ của vị ấy trì giới, đáng tin, thì nên bảo họ đem ra. Nếu họ không đáng tin thì nên bảo thầy tri sự đem ra. Nếu có một Tỳ-kheo nào đó, nói: "Y bát của tôi cũng có trong này", thì phải quan sát. Nếu người ấy trì giới đáng tin thì nên đưa. Nếu không đáng tin thì không nên đưa. Nếu có người đáng tin làm chứng, thì nên đưa trước rồi Tăng mới nhận sau.

Nhận lấy có ba cách: làm Yết-ma rồi nhận; chia phần rồi nhận; trao đổi cho nhau mà nhận.

Làm Yết-ma rồi trao: Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, những y bát và các tạp vật khác của thầy nên chia cho

Tăng hiện diện. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng hiện diện làm Yết-ma cho Tỳ-kheo Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, các y bát và những vật dụng khác của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nay Tăng hiện diện đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo Mỗ giáp. Các Đại đức nào bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo Mỗ giáp thì im lặng; ai không bằng lòng

hãy nói.

Tăng đã bằng lòng đem y bát và các tạp vật khác trao cho Tỳ-kheo Mỗ giáp xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đó gọi là làm Yết-ma rồi trao.

Chia phần rồi trao: Khi chia phần xong liền tuyên bố:

- Mỗi người hãy tự lấy phần mình. Đó gọi là chia phần rồi trao.

Trao đổi nhau mà nhận phần: Trao đổi lẫn nhau (giữa người này và người khác), đó gọi là trao đổi nhau mà nhận phần.

Nếu có bốn Tỳ-kheo ở trong thôn mà một người qua đời, thì ba Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau:

- Thưa các Trưởng lão! Tỳ-kheo Mỗ giáp vừa qua đời, vừa Niết-bàn, có các y bát và tạp vật khác này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng nơi này không có Tăng (không đủ bốn Tỳ-kheo), chúng ta hiện diện nên chia nhau.

Nếu trú xứ có ba Tỳ-kheo mà một người qua đời thì hai Tỳ-kheo còn lại nên chia nhau, nói như sau: "... Nơi này không có Tăng, chúng ta hiện diện sẽ được".

Nếu trú xứ có hai Tỳ-kheo mà một người qua đời thì Tỳ-kheo còn lại được nhận, bằng cách tâm nghĩ, miệng nói:

- Tỳ-kheo Mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, có y bát này nên chia cho Tăng hiện diện, nhưng ở đây không có Tăng, vậy tôi hiện diện được quyền nhận.

Nếu muốn cho vật dụng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh, nên điểm danh để biết số người nhiều ít. Sau khi đã biết, nên đem y bát và thuốc men còn lại của người mất cho họ. Người làm Yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp vừa qua đời, vừa nhập Niết-bàn, y bát của thầy nên chia cho Tăng hiện diện. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng đem y bát và thuốc men còn lại này cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

Rồi một lần làm Yết-ma cho đến:

- Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo nuôi bệnh là Mỗ giáp y bát và thuốc men còn lại xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Trong trường hợp nào người nuôi bệnh được nhận phần, trường hợp nào không được nhận phần?

Trường hợp không được nhận: Gồm có: Làm tạm thời không được nhận; bị sai làm không được nhận; làm vì thích phước đức không được nhận; làm vì tà mạng không được nhận.

Làm tạm thời: Làm tạm thời chứ không phải làm chính thức, đó gọi là làm tạm thời.

Bị sai làm: Tăng theo thứ tự sai làm thì gọi là sai làm.

Làm vì thích phước đức: Vì mong muốn được phước đức mà nuôi bệnh, đó gọi là thích phước đức.

Tà mạng: Vì hy vọng (được phẩm vật) mà nuôi bệnh, đó gọi là tà mạng.

Trường hợp đáng được: Phật dạy: Vì muốn được lợi ích (cho người bệnh), ít nhất là đốt một ngọn đèn. Vì muốn cho người bệnh được bình phục thì đáng được nhận phần.

Khi làm Yết-ma xong, nên phán đoán bóng mặt trời. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì phải biết là trước lúc Yết-ma hay sau lúc Yết-ma; hoặc gặp lúc chết mà không gặp lúc Yết-ma; hoặc gặp lúc Yết-ma mà không gặp lúc chết; hoặc vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc Yết-ma; hoặc không gặp lúc chết, cũng không gặp lúc Yết-ma.

Trong đây, gặp lúc Yết-ma, không gặp lúc chết, vừa gặp lúc chết, vừa gặp lúc Yết-ma thì được nhận phần. Trường hợp gặp lúc chết, không gặp lúc Yết-ma; vừa không gặp lúc chết, vừa không gặp lúc Yết-ma thì không được nhận phần. Nhưng nếu đi tìm thuốc cho người bệnh, hoặc vì việc của tháp, của chúng Tăng mà đi vắng thì nên cho phần.

Đó là cách xử lý vật của người chết.

YẾT-MA CÔNG NHẬN BỆNH CUỒNG SI

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, bấy giờ Trưởng lão Kiếp Tân Na có hai người đệ tử đồng hành, người thứ nhất tên Nan-đề, người thứ hai tên Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si; khi Tăng làm Yết-ma có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá, thì Tăng nên làm Yết-ma công nhận bệnh cuồng si. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma bệnh cuồng si. Đây là lời tác bạch.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Nan-đề, Bát-già-nan-đề mắc bệnh cuồng si, khi Tăng làm Yết-ma, có lúc họ đến, có lúc họ không đến, khiến pháp Yết-ma của Tăng bị phá. Tăng nay cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh

cuồng si. Các Đại đức nào bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Tăng đã bằng lòng cho Nan-đề, Bát-già-nan-đề pháp Yết-ma công nhận bệnh cuồng si xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, nếu người ấy có đến hay không đến, pháp Yết-ma sẽ không bị phá. Nếu bệnh cuồng si bớt, tâm trí trở lại như cũ thì được coi như đã xả pháp Yết-ma.

Đó gọi là Yết-ma công nhận bệnh cuồng si.

BÀY TỎ SỰ KHÔNG ĐỒNG TÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo ở Chiêm-ba tranh chấp, cãi vã nhau, cùng sống một chỗ mà bất hòa. Một Tỳ-kheo cử tội một Tỳ-kheo, hai Tỳ-kheo cử tội hai Tỳ-kheo, nhiều Tỳ-kheo cử tội nhiều Tỳ-kheo. Thế rồi, các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay Ta cho phép bày tỏ sự không đồng tình. Cách bày tỏ sự không đồng tình như sau: Nếu Tăng làm Yết-ma phi pháp mà mình có khả năng thì nên ngăn cản, nói: "Này các Trưởng lão! Đó là

việc phi pháp, phi luật không nên làm". Nếu người đó hung ác, có thế lực, sợ họ sát hại hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên bày tỏ sự không đồng tình, nói như sau: "Đây là Yết-ma phi pháp, tôi không bằng lòng, xin bày tỏ sự không đồng tình". Nói như vậy ba lần. Khi bày tỏ sự không đồng tình, không nên bày tỏ với đối phương mà nên bày tỏ với người

đồng ý với mình. Cũng không được làm với nhiều người mà chỉ được làm chừng hai người, ba người; còn những người khác thì nên gởi dục đúng pháp rồi bỏ đi. Nếu trong Tăng giải quyết việc một cách phi pháp mà không ngăn cản, không gởi dục, không bày tỏ sự không đồng tình thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu suy nghĩ: "Tùy nghiệp vận hành, như lửa cháy nhà, ta chỉ cứu lấy mình, gắng giữ tâm đúng với pháp", thì không có tội.

Đó gọi là bày tỏ sự không đồng tình.

PHÁ LÒNG TIN CỦA THÍ CHỦ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trưởng giả Lộc theo thứ tự mời Tăng đến thọ trai. Ưu-ba-nan-đà tới phiên mình đi đến nhà ấy. Trưởng giả hỏi:

- Thầy muốn ăn ở đây hay đem đi?

- Muốn đem đi.

Gia chủ liền lấy bát của thầy bỏ đầy các thứ ẩm thực. Ưu-ba-nan-đà được thức ăn rồi, bèn đem đến nhà dâm nữ, hỏi:

- Cô muốn được thức ăn không?
- Muốn được.
- Đem chén bát của cô lại đây.

Thế là thầy sớt đồ ăn thức uống ra la liệt đầy bàn, rồi tiếp tục đi khất thực. Khi ấy, con ông trưởng giả ăn xong, đi đến nhà dâm nữ, cô ta hỏi:

- Chàng có muốn ăn không?
- Lấy ra đây.

Cô ta liền đem thức ăn trên bàn đưa cho chàng ấy. Khi thấy thức ăn, chàng ta biết ngay, liền hỏi:

- Cô được thức ăn này ở đâu vậy?
- Chàng cứ ăn đi chứ hỏi làm gì! Các cậu thanh niên đem cho đó.
- Không phải vậy! Tôi muốn biết xuất xứ đích xác. Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành phải khai:
- Sư phụ Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó. Con ông trưởng giả bèn chê trách:
- Ta nghĩ chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà lại cho dâm nữ là phước điền tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, có Tát bạc chủ Vô Úy cúng dường cho Tăng hai tấm vải mịn. Ưu-ba-nan-đà nhận được

từ trong Tăng rồi, đem cho dâm nữ. Dâm nữ

được rồi, mặc đi vào nơi thị tứ. Khi ấy, Tát bạc chủ Vô Úy thấy thế biết ngay, liền hỏi:

- Cô được loại vải này ở đâu vậy?

- Vì cớ gì mà chàng hỏi? Các cậu thanh niên cho tôi đó.

- Không phải vậy! Tôi muốn biết rõ xuất xứ. Anh ta cứ hỏi mãi, cô ấy đành khai:

- Tôn giả Ưu-ba-nan-đà cho tôi đó. Thế rồi, Tát bạc chủ trách móc:

- Ta nghĩ rằng chúng Tăng là phước điền tốt, trái lại Ưu-ba-nan-đà cho dâm nữ là phước điền tốt.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật bèn hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ông phá hoại vật của tín thí? Từ nay Ta không cho phép phá hoại vật của tín thí. Tín nghĩa là người ta cho với niềm tin, cho với tâm hoan hỷ. Thí gồm có tám loại, đó là thức ăn đúng giờ, thuốc uống ban đêm cho đến những thứ hợp lệ và không hợp lệ. Phá nghĩa là dùng tâm tham dục đem cho dâm nữ, quả phụ, đồng tử lớn tuổi, kẻ bất năng nam, Tỳ-kheo ni mang tiếng xấu, Sa-di ni mang tiếng xấu, ít nhất là

vì tâm tham dục mà đem cho súc sinh, thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu có người đến xin thức ăn của Tăng thì được cho chừng một vắt cơm. Nếu có nhiều người thì nên chia cho bằng nhau. Nếu kẻ ấy có lòng tham dục thì không nên cho. Nếu cha mẹ nghèo khổ không có lòng tin thì được cho ít nhiều tùy nghi. Nếu họ có lòng tin thì nên cho hào phóng. Có hai trường hợp nên cho: vì lợi ích, vì tổn hại.

Vì lợi ích: Hoặc đàn-việt hoặc Ưu-bà-tắc làm việc cho tháp, cho Tăng thì nên cho.

Vì tổn hại: Hoặc bọn cướp, hoặc nhà vua, hoặc kẻ hung ác nếu không cho thì chúng có thể gây ra sự bất lợi, những hạng người này nên cho.

Đó gọi là phá lòng tin của thí chủ.

PHÉP DÙNG GIÀY DA

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà mang giày da thếp vàng mà đi, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương giả, đại thần, người quý hiển, mang giày da thếp vàng?.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật nói:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép mang giày

da thếp vàng. Lại nữa, vào những ngày Khánh tiết của người đời, nhóm sáu Tỳ-kheo người thì mang giày da có nhiều màu sắc, người thì mang hai lớp giày, hẹn nhau đi ngắm cảnh, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mang nhiều loại giày giống như vương giả, đại thần?

Có kẻ thấy mang như thế oán ghét, bèn nói:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hạ tiện, mang giày da hai lớp? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo mang giày da hai lớp.

Lại nữa, khi Phật an trú tại rừng Thi Đà, thành Vương xá, lúc ấy, thân Thế Tôn có chút ít bất hòa, đồng tử Kỳ Cựu liền đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nghe nói thân Thế Tôn bất hòa, nên uống thuốc tiêu hạ. Tuy Thế Tôn không cần, nhưng vì chúng sinh, mong Thế Tôn hãy nhận món thuốc này để cho chúng sinh đời sau thấy rõ nguyên lý: Người bệnh thì dùng thuốc, người bố thí thì được phước báo.

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Kỳ Cựu lại suy nghĩ: "Không thể để Thế Tôn uống thuốc như

người thường, phải dùng thuốc ướp với hoa sen xanh rồi trao cho Thế Tôn". Đoạn, Thế Tôn ngửi hơi thuốc ba lần. Vì sức thuốc mạnh khiến Thế Tôn đi đại tiện đến mười tám lần, do thế, sắc diện kém vui. Bấy giờ, A-nan nói với Tôn giả Đại Mục-liên:

- Thế Tôn uống thuốc, không biết nơi nào có thức ăn hợp với bệnh của Ngài?

Khi ấy, Mục-liên liền quan sát, thấy con của Nhị Thập Ức Thứ Nô ở nước Chiêm-ba, hằng ngày nấu năm trăm món ăn, liền dùng thần lực đi đến đứng trước anh ta. Con của Nhị Thập Ức thấy Tôn giả Mục-liên uy nghi thần đức, trong lòng thán phục, hứng khởi, cho là chưa từng có. Lúc ấy, Mục-liên bèn đọc kệ:

Đấng Thiên Tôn kỳ diệu,
Tích lũy muôn công đức
Thân có chút bất hòa,
Cần thức ăn hợp bệnh.
Nay ông được lợi ích,
Sẽ gặt quả báo lớn.
Các đệ tử Thanh văn.
So với Đức Thế Tôn
Ví như hạt cải mòng
Sánh với núi Tu-di.

Bấy giờ, con ông trưởng giả nghe đọc kệ xong lòng đại hoan hỷ, tán thán: "Lành thay! Nay được lợi ích này", bèn sửa soạn các món ăn thượng hạng,

rồi mời Mục-liên ở lại thọ trai. Khi ấy, Mục-liên suy nghĩ: "Ta vì Đức Thế Tôn xin thức ăn hợp với bệnh, vậy không nên ăn trước", liền nhận lấy thức ăn để trên hư không, rồi mới ăn phần mình. Khi ấy, đồng tử Nhị Thập Ức nói với Tôn giả Mục-liên:

- Tôi muốn biết Thế Tôn ăn trước rồi tôi mới ăn sau, làm sao biết được?

Mục-liên nói:

- Bát đựng thức ăn trong chốc lát sẽ trở lại, là ta biết đã ăn rồi.

Thế là, chỉ trong nháy mắt, Mục-liên đã đến chỗ Thế Tôn, dâng thức ăn lên Thế Tôn. Thế Tôn ăn xong thì cái bát nương theo hư không trở về chỗ cũ. Lúc ấy, đồng tử Nhị Thập Ức Thứ Nô từ xa trông thấy cái bát bay về, liền đứng dậy nghênh đón, lấy đội lên đầu.

Bấy giờ, vua Bình-sa đến thăm viếng Thế Tôn, nghe mùi thức ăn, bèn hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Đó là mùi thơm gì vậy?

- Mùi thức ăn đấy! Đại vương có muốn ăn thức ăn còn lại của Như Lai không?

- Muốn ăn, bạch Thế Tôn! Tôi sẽ được lợi ích rất lớn khi ăn thức ăn còn lại của Đức Như Lai.

Đoạn, nhà vua ăn xong, liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Từ ngày tôi sinh ra trong hoàng gia đến giờ chưa từng được thức ăn như thế này. Bạch Thế Tôn! Đây là thức ăn của cõi trời,

của rồng, của Uất-đơn-việt hay thức ăn của quỷ thần?

- Đây không phải là thức ăn của cõi trời, cho đến không phải của quỷ thần.

Thế rồi, Thế Tôn vì nhà vua nói về dưới chân của đồng tử Nhị Thập Ức Thứ Nô có lông màu vàng, dài bốn tấc, phước đức như vậy. Vua nghe xong, muốn đến đó xem liền nhưng viên quan cận thần tâu với vua:

- Kẻ đó là thần dân của đại vương, đại vương nên truyền lệnh y đến hầu, chứ không nên thân hành đến đó.

Tức thì vua sai sứ đến nói với cha mẹ của đồng tử rằng nhà vua muốn gặp đồng tử. Cha mẹ bàn bạc:

- Vua cho gọi thế này ắt là muốn tìm cách phạt tiền chúng ta đây.

Chúng ta thà nạp ngàn vạn bạc chứ không nên cho con đến nhà vua. Liền dùng xe chở vàng bạc châu báu đến chỗ nhà vua, tâu vua:

- Đồng tử yếu đuối không thể tự đến được, nay xin chở những châu báu của đồng tử đến hiến dâng cho đại vương.

Nhà vua liền nói:

- Ta có sẵn vàng bạc, châu báu, đâu có cần những thứ này để làm gì. Ta chỉ muốn xem thân hình của đồng tử mà thôi.

Vua liền sai sứ giả đến đó truyền lệnh rồi sứ giả trở về tâu với vua:

- Đồng tử sống rất sung sướng, thân thể quá mềm yếu, không thể đi xe cộ được.

- Nếu vậy, thì hãy trang bị thuyền rồi chở đến. Nếu tới chỗ nào thuyền đi không thông thì hãy đào đất thành kênh, dùng hạt cải bỏ xuống cho trơn để kéo qua.

Thế rồi, quân lính kéo thuyền đến sơn khẩu rồi rời thuyền lên bờ. Đồng tử vì quá mềm yếu phải dùng vải nệm trải trên đất để đi lên trên. Từ xa trông thấy Thế Tôn đang ngồi trên đất, đồng tử dỡ bỏ vải nệm, giẫm trên đất mà đi tới. Thế Tôn thấy vậy mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì cớ gì mà Thế Tôn mỉm cười?

- Các ông có thấy đồng tử này không?

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn!

- Đồng tử này từ chín mươi mốt kiếp trở lại đây, chân chưa từng giẫm lên đất, nay vì thấy Như Lai, sinh tâm cung kính (nên mới đi trên đất), chứ chẳng phải do hết phước đức.

Đồng tử đi đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên. Phật liền tùy thuận thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Rồi Phật bảo đồng tử:

- Nếu nhà vua đến đây thì ông hãy xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra.

Khi vua tiến vào, đồng tử liền xuống đất ngồi xếp bằng dơ hai bàn chân ra. Lúc ấy, quân hầu của vua rút gươm ra định bước tới, vua bèn khiển trách y. Đồng tử thấy vậy lòng sinh hoảng sợ, liền tâu với vua:

- Xin đại vương cho phép tôi xuất gia!

- Ngươi muốn xuất gia theo đạo nào?

- Muốn xuất gia theo đạo Phật.

Vua liền sai sứ đến nói với cha mẹ cho đồng tử xuất gia. Sau khi được cha mẹ cho phép, đồng tử liền xin Phật xuất gia thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo bèn hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đồng tử này có nhân duyên gì mà chín mươi mốt kiếp chân không dính đất?

- Trong thời quá khứ cách nay chín mươi mốt kiếp có Đức Phật tên Tỳ Bát Thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra đời. Lúc ấy có chín mươi người con trưởng giả mời Phật và tám mươi ngàn Tỳ-kheo Tăng an cư trong ba tháng, mỗi người cúng dường mỗi ngày. Vị này là người cúng dường sau cùng. Ông dùng lụa trắng trải trên đất cúng dường cho chúng Tăng, vì vậy mà hưởng được phước báo sinh trong cõi trời người trải qua chín mươi mốt kiếp chân chưa từng giẫm trên đất. Con ông trưởng giả khi ấy, bây giờ chính là đồng

tử Nhị Thập Ức Thứ Nô.

Đồng tử sau khi xuất gia, đi kinh hành trong rừng Thi Đà không biết mỏi mệt, bàn chân bị thương tích, máu chảy xuống đất. Phật thấy thế, tuy biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Ai đi kinh hành chỗ này mà máu chảy ra như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ đi kinh hành của đồng tử Nhị Thập Ức Thứ Nô.

- Này các Tỳ-kheo! Giả sử đồng tử Nhị Thập Ức Thứ Nô này đi kinh hành khiến cho núi Tu-di nát vụn như bụi bặm cũng không thể đắc đạo, huống gì bị thương tổn lớp da.

Khi đồng tử Nhị Thập Ức Thứ Nô nghe Phật nói như vậy, thầy liền đi đến một nơi thanh vắng, ngồi kiết già, suy nghĩ: "Người tinh tấn không lười biếng trong hàng Thanh văn đệ tử Phật không ai hơn ta, vậy mà Thế Tôn nói là không thể đắc đạo, chi bằng ta xả giới trở về nhà làm các công đức cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng". Phật biết được tâm niệm của thầy liền dùng thần túc đi trên hư không đến ngồi trước mặt thầy, nói:

- Này Tỳ-kheo! Nay Ta hỏi ông, tùy ý mà đáp: Trước đây ông có biết đánh đàn không?

- Biết đánh, bạch Thế Tôn!

- Khi dây đàn thẳng quá thì âm thanh có trong trẻo không?

- Không trong trẻo, bạch Thế Tôn!

- Khi dây đàn chùng quá thì âm thanh có réo rắt không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Này Tỳ-kheo! Khi dây đàn không thẳng quá, không chùng quá thì âm thanh có du dương không?

- Rất du dương, bạch Thế Tôn!

- Này Tỳ-kheo! Tinh tấn thái quá thì tâm sinh căng thẳng, còn sống lè phè thì tâm sinh dã dượi, không gấp gáp, không lè phè, tâm chuyên chú một chỗ sẽ soi tỏ mọi thứ, như trong Kinh Tăng Nhất đã nói rõ. Này Tỳ-kheo! Ông đã có niềm tin, bỏ hai mươi ức của cải mà xuất gia, vì sao sống trong chánh pháp còn khởi tâm tăng thượng mạn để tự chuốc khổ não? Này Tỳ-kheo! Nhân vì ông, Ta cho phép các Tỳ-kheo được mang giày da.

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã cho phép các Tỳ-kheo mang giày da, nay con dần dần tập đi rồi sẽ mang giày da.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo được mang giày da một lớp.

Khi ấy, A-nan Bân-để-tỷ nghe Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo mang giày da một lớp liền đem năm trăm đôi giày da đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, rồi đứng sang một bên, bạch với Phật:

- Kính xin Thế Tôn nhận những đôi giày da này. Phật liền đọc kệ chú nguyện cho ông:

Ai bố thí giày da
Cho phạm hạnh thanh tịnh,
Thân, khẩu, ý, lìa ác
Được hưởng lạc nhân thiên.
Với phước báo đất vàng,
Trang hoàng các cung điện.
Được như ý thần túc,
Thanh tịnh không chướng ngại.
Thí ít được lợi nhiều,
Vì đó là phước điền.
Bậc trí nguyện trong sạch,
Sẽ được quả phúc tốt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy các đôi giày da bỏ ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Đây là những giày dép gì mà bỏ ngổn ngang như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là những giày dép bị rách, nhưng vì sợ may chồng hai lớp nên không dám vá lại.

- Ta cho phép được vá lại.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo ở phương Nam, đến lễ bái Thế Tôn,

trên đường đi giày bị hỏng khiến chân thầy bị chợt da, phải lê gót mà đi, đến đảnh lễ Phật. Tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Tại sao ông phải lê gót mà đi?

- Bạch Thế Tôn! Con mang giày da một lớp đến giữa đường giày bị hỏng mà không dám mang giày hai lớp nên chân bị lở.

- Từ nay, Ta cho phép làm giày da Ni-mục-ha, khi mang Phước-la không được bọc phía trước mà nên bọc phía sau. Phép làm giày da không được dùng sừng dê đen, sừng dê trắng, thếp vàng, nạm châu ngọc lưu ly, thủy tinh, mã não và các loại giày có màu sắc rực rỡ Ta không cho phép mang. Nếu được đôi giày da hai lớp còn mới thì không được phép mang, nên bảo tịnh nhân mang đi ít nhất năm, sáu bước rồi mới mang. Nếu được mà mang liền thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng giày da.

PHÉP DÙNG GUỐC

Khi Phật an trú trong vườn Am-bạt-la của đồng tử Kỳ Cựu nơi thành Vương xá, Ngài giảng Kinh Sa Môn Quả cho vua A-xà-thế nghe suốt đêm. Khi ấy, Ưu-ba-nan-đà ngồi nghe lâu mệt mỏi bèn trở về phòng nghỉ, đến cuối đêm thức dậy, mang guốc mà đi, vì tiếng guốc kêu lốc cốc khiến voi ngựa

nghe được kinh hoảng kêu lên. Vua A-xà-thế nghe vậy hoảng sợ liền trở về thành. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép mang guốc.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Thiên Đế Thích, rồi một Tỳ-kheo khác mang guốc đi kinh hành ở trước hang, khiến cho Tỳ-kheo ngồi thiền nghe tiếng guốc tâm không định được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép mang các loại guốc như: guốc vàng, guốc bạc, guốc ngọc, guốc răng, guốc gỗ, guốc da, guốc đuôi

ngựa, guốc gai, guốc Khâm-bà-la, guốc có gù, guốc cỏ cứng, guốc vỏ cây; tất cả các loại guốc tương tự như thế đều không cho phép dùng. Nếu ai xỏ chân vào guốc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu muốn rửa chân nên sắp ngang guốc ra rồi giẫm lên trên thì không phạm tội. Khi Tỳ-kheo mang guốc da thì phải lót ở dưới một lớp đế. Nếu ai không lót ở dưới một lớp đế thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu ai mang guốc mà không có đế thì phạm tội

Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng guốc.

PHÉP TẮM RỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến sông A-chi-la để tắm, họ dùng đá cọ để kỳ lưng, bị người đời chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử dùng đá cọ kỳ lưng giống như vương gia, bọn lực sĩ thi đấu? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Thế Tôn dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng đá cọ để kỳ lưng. Loại đá cọ này hoặc dùng đá, dùng gạch, dùng gỗ để làm; các loại tương tự như thế đều không được dùng để kỳ lưng. Nếu trong nước có cây trụ cũng không được đến cà lưng. Lúc tắm nên nhờ một người khác kỳ cọ. Khi kỳ không được giơ cả hai tay lên một lúc, mà nên dùng một tay che, rồi tuần tự kỳ cọ. Không được đứng tắm như người thế tục mà nên ngồi tắm, đồng thời theo thứ lớp rửa bàn tay đến cánh tay. Nếu thân thể có cáu bẩn, không được cầm cú để kỳ mà nên mở bàn tay ra kỳ. Nếu ai dùng đá cọ để kỳ cọ tắm thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép tắm rửa.

PHÉP DÙNG MẠT HƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đem theo các loại mạt hương đến đầu sông A-chi-la để tắm. Lúc ấy, có đệ tử của ngoại đạo thấy thế, suy nghĩ: "Bọn chúng ta hãy cùng nhau đến quấy nhiễu Ưu-bà-tắc đệ tử của Sa-môn". Nghĩ thế rồi liền đi tới đó, hỏi như sau:

- Thầy của ai ít muốn, biết đủ? Ưu-bà-tắc nói:
- Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.
- Thầy của tôi ít muốn, biết đủ.
- Thầy của ngươi không hổ, không thẹn, uống rượu như lừa. Thầy của tôi mới là ít muốn, biết đủ, có hổ thẹn.
- Tôi muốn đánh cá với ông năm trăm đồng tiền cũ đấy.
- Được thôi.

Thế rồi, họ cùng nhau bàn bạc nên dùng thứ gì để thí nghiệm, và đã nhất trí dùng mạt hương để thí nghiệm, nhưng nên đến thầy của ai trước thì đệ tử ngoại đạo nói:

- Hãy đến chỗ thầy tôi trước!

Đoạn, ông sai người đến dặn trước thầy mình:

- Khi con đem mạt hương đến, thầy hãy hiện tướng ít muốn, biết đủ, cẩn thận đừng nhận.

Thế rồi, trong chốc lát họ bèn mang mạt hương đến thưa:

- Mong các thầy thương xót nhận lấy mạt hương này!
- Tôi là người xuất gia chẳng phải vương giả, đại thần, dùng loại mạt hương này để làm gì?

Vì vị ấy không nhận, họ bèn mang đến Tinh xá Kỳ-hoàn, thưa như sau:

- Xin các thầy thương xót chúng tôi nhận lấy mạt hương này!

Do Ưu-bà-tắc chất phác không nói trước nên các Tỳ-kheo bèn đánh kiền chùy, tập hợp Tăng định chia mạt hương. Những người không đến thì có đệ tử nhận phần thế, nói:

- Đưa phần Hòa thượng, A-xà-lê tôi cho tôi.

Họ lớn tiếng tranh nhau đòi như vậy om sòm. Đệ tử của ngoại đạo thấy thế vỗ tay cười lớn:

- Tôi hơn ông rồi! Hôm nay tôi đã thắng cuộc.

Khi ấy, Ưu-bà-tắc xấu hổ không nói nên lời, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Phật.

- Bạch Thế Tôn! Con không tiếc tiền, nhưng ngoại đạo thắng cuộc, nên con hổ thẹn.

Phật liền thuyết pháp dạy bảo điều lợi ích khiến tâm ông hoan hỷ, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi từ giã. Bấy giờ, Thế Tôn liền đi đến chỗ có đông Tỳ-

kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên cho các Tỳ-kheo. Đoạn, Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Từ nay Ta không cho phép dùng mạt hương.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, vì năm việc lợi ích nên Đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một

lần, thấy Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, an lạc không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh ghẻ nhọt, nếu có mạt hương dùng tắm rửa thì sẽ lành bệnh, nhưng Thế Tôn chế giới không cho dùng mạt hương, nên con phải chịu khổ sở.

- Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được dùng mạt hương. Mạt hương gồm các loại: mạt Thi, mạt Mã-nhĩ, mạt bảy màu, mạt Chiên-đàn, mạt Câu-đa, mạt Am-bạt-la, mạt Diêm-phù-thi-lợi, mạt A-thuần, mạt Già-tỷ-la, đại loại các thứ như thế đều không được dùng. Nhưng nếu Tỳ-kheo bị bệnh ghẻ nhọt, cần mạt hương thoa, rửa cho lành bệnh thì được dùng không có tội. Đồng thời cho phép dùng mạt hương Ca-la mạt Ma-sa, mạt Ma-sấu-la, mạt Sa-để, bùn đất.

Đó gọi là phép dùng mạt hương.

PHÉP DÙNG GẬY VÀ TÚI BẰNG DÂY

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo là Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà dùng cái túi bằng dây châu báu để đựng bát, rồi lấy dây đen buộc túi vào gậy, quảy trên vai mà đi, bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vua, đại thần dùng cái túi bằng dây báu đựng bát rồi quảy trên vai mà đi?

- Có kẻ ý ác còn chêm vào:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bọn hạ tiện bị người ta sai khiến, dùng dây đen buộc túi đựng bát vào gậy rồi quảy đi? Đây là hạng người hạ tiện nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Rồi Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng gậy và túi bằng dây.

- Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Như Lai cứ năm hôm đi tuần tra phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, tuy biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa an lạc không?

- Bạch Thế Tôn! Tay con mọc mụt nhọt cho nên bát bị vỡ mà Thế Tôn lại chế giới không cho

dùng gậy và túi bằng dây, vì thế mà không vui.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bị bệnh được theo Tăng xin chứa gậy và túi bằng dây, Tăng nên làm Yết-ma cho phép. Người xin nên trật vai áo bên phải, quì gối, chắp tay nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tôi là Mỗ giáp vì tay bị mụt nhọt nên bát bị vỡ. Nay theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây. Nguyện xin Tăng cho tôi pháp Yết-ma. (Lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế)

Thế rồi, người làm Yết-ma nên nói:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp vì tay có mụt nhọt nên bát bị vỡ, đã theo Tăng xin pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi bằng dây. Đây là lời tác bạch. (Thế rồi bạch nhất Yết-ma cho đến) Tăng đã cho Tỳ-kheo Mỗ giáp pháp Yết-ma được chứa gậy và túi dây xong, vì Tăng im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Khi làm Yết-ma xong, muốn đi đâu thì tay cầm gậy và túi dây, chứ không được đặt trên vai mà vác đi. Nếu cầm gậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối, cầm túi dây cũng phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu cầm gậy, túi dây và bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu đi đường thì được cột đãy lọc nước vào đầu gậy rồi cầm trên tay mà đi, nhưng không được đặt trên vai.

Nếu không làm Yết-ma mà cầm gậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni; và cầm túi da cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cầm gậy và túi da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép cầm gậy và túi da. Kệ tóm tắt:

Vật nặng, y người chết,
Cuồng si, không đồng tình.
Phá tín thí, giày da,
Guốc gỗ, kỳ cọ thân.
Mạt hương, gậy túi da,
Kết thúc phần thứ bảy.

PHÉP DÙNG TỎI

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, cư sĩ Di-kỳ mời Tăng ăn tỏi. Nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi đến vườn, ăn tỏi, rồi bỏ lổn ngổn trên đất, lại còn mang về Tinh xá. Lúc ấy, cư sĩ đi tuần tra vườn tỏi, thấy thế liền hỏi người giữ vườn:

- Vì sao như vậy?

Người giữ vườn bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên. Cư sĩ nói:

- Tỳ-kheo chỉ nên ăn thôi, vì sao lại vứt bỏ đầy đất thế này? Lại còn mang đi cho ai vậy?

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay trở đi, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc

ấy, Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng, thì có một Tỳ-kheo ăn tỏi nên ngồi ở cuối gió, vì sợ mùi hôi tỏa đến các vị phạm hạnh. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Đó là Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như kẻ gây gổ vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo này ăn tỏi, sợ mùi hôi xông đến các vị phạm hạnh nên phải ngồi ở chỗ cuối gió.

- Này các Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo này không ăn tỏi thì có bị mất lợi ích của pháp vị cam lồ như vậy không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

- Tỳ-kheo này vì ăn tỏi mà bị mất pháp vị bất tử như vậy đó. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Ni-câu-luật của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, cứ năm hôm Đức Như Lai đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Ngài thấy một Tỳ-kheo bị bệnh hoàng đãng gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Thân thể ông có điều hòa, sống an ổn không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh không được điều hòa, lúc còn ở đời con ăn tỏi thì khỏi bệnh, nhưng nay Thế Tôn chế định không được ăn tỏi, do đó con không được an lạc.

- Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn tỏi, nên tùy thuận thi hành. Tỏi gồm có loại người ta trồng, có loại mọc trên núi, đại loại các thứ như thế và tất cả những thứ khác, hoặc sống, hoặc chín, hoặc lá, hoặc vỏ đều không được ăn. Nếu bị ung thư hay mụt nhọt thì được dùng tỏi để đắp. Khi đắp tỏi thì không được ở giữa chúng mà nên ở chỗ vắng vẻ. Khi đã khỏi bệnh thì phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng Tăng. Nếu khi có bệnh mà thầy thuốc bảo: "Thưa Trưởng lão! Bệnh này phải uống tỏi mới bớt, nếu không uống thì không bớt", mà không còn phương pháp nào khác để chữa trị, thì Ta cho phép uống. Khi uống tỏi phải thi hành bảy ngày pháp tùy thuận như sau: Ở trong một căn phòng nhỏ; Không được nằm trên giường nệm của chúng Tăng; Không được đi đại tiểu tiện nơi phòng vệ sinh của Tăng; Không được rửa chân ở chỗ Tăng rửa chân; Không được vào nhà sưởi, giảng đường và nhà ăn; Không được đi dự hội theo thứ tự do Tăng sai; Không được đi vào chỗ Tăng đang ăn và phòng thiền; Không được vào trong chỗ Tăng đang thuyết pháp, Bồ-tát; chỗ nào Tỳ-kheo đang hội hợp thì nhất thiết không được đến; không nên nhiễu tháp, nếu tháp ở chỗ trống trải thì được lễ bái từ xa ở dưới gió. Sau bảy ngày hành pháp tùy thuận, đến ngày thứ tám phải tắm rửa, giặt y phục, xông hương, rồi mới được vào trong Tăng. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn tỏi hay có

bệnh mà ăn tỏi nhưng không hành pháp tùy thuận thì cả hai đều phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là phép dùng tỏi.

PHÉP PHÚ BÁT (TẨY CHAY)

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Ưu-bà-tắc Pháp-dự ở trong thành này thường mời Tăng theo thứ lớp thọ trai. Khi Tỳ-kheo tới nhà, ông cật vấn nghĩa lý, ai giải thích được thì ông rất hoan hỷ, tự tay dọn các thức ăn. Ai không đáp được thì ông hủy nhục, sai nô tỳ dọn thức ăn thô sơ. Vì thế theo thứ lớp đến phiên Thượng tọa đi thì không đi, liền bảo: "Mời tiếp những người dưới", cho đến những người trẻ tuổi cũng đều không muốn đi. Do vậy mà lời qua tiếng lại om sòm. Phật biết mà vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Vì sao mà có lời qua tiếng lại om sòm như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Ưu-bà-tắc Pháp-dự thường mời chư Tăng thọ trai theo thứ lớp. Thế rồi, người phải đi thì không đi, vì vậy mà có lời qua tiếng lại om sòm.

- Này các Tỳ-kheo! Ưu-bà-tắc Pháp-dự khinh mạn các Tỳ-kheo, Tăng nên làm Yết-ma phú bát (tẩy chay). Nếu Ưu-bà-tắc có tám việc sau đây, thì Tăng nên làm Yết-ma phú bát, đó là:

1. Phỉ báng Tỳ-kheo ngay trước mặt.
2. Khiển trách Tỳ-kheo ngay trước mặt, nói như sau: "Ông là kẻ ác hạnh".
3. Nổi giận mắng chửi Tỳ-kheo ngay trước mặt.
4. Cắt đứt lợi dưỡng của Tỳ-kheo.
5. Không thích làm việc chung với Tỳ-kheo.

6, 7, 8. Chửi Phật, chửi Pháp và chửi Tăng.

Đó gọi là tám việc Tăng nên làm Yết-ma phú bát. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp-dự này khinh mạn các Tỳ-kheo. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cho Ưu-bà-tắc

Pháp-dự - khinh mạn các Tỳ-kheo - pháp Yết-ma phú bát. Đây là lời tác bạch.

(Thế rồi bạch tam Yết-ma cho đến)

Tăng đã cho Ưu-bà-tắc Pháp-dự - khinh mạn các Tỳ-kheo - pháp Yết-ma phú bát xong, vì im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Đoạn, nói về Ưu-bà-tắc Pháp-dự, vốn thường cúng dường trai phạn cho chư Tăng rồi mới ăn. Nhưng hôm ấy, đợi Tỳ-kheo đã quá giờ mà không thấy đến, ông liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì cớ gì mà các Tỳ-kheo không đến thọ trai?

- Vì ông khinh mạn các Tỳ-kheo, muốn cho ông được lợi ích, Tăng đã làm Yết-ma phú bát đối

với ông.

Khi ấy, có một vị La Hán đang ở cách Phật không xa. Phật liền bảo Ưu-bà-tắc:

- Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia như sau: "Thế nào là muối?

Muối có mấy thứ.

Ông liền đi đến, chào:

- Kính chào thầy! Tỳ-kheo đáp:

- Lành thay cư sĩ. Thế rồi ông hỏi:

- Thưa Tôn giả! Thế nào gọi là muối? Muối có mấy loại?

- Tôi đã biết ông là Ưu-bà-tắc Pháp-dự, vốn khinh mạn các Tỳ-kheo, nên Tăng đã cho ông pháp Yết-ma phú bát, chưa đủ rồi sao? Tôi đang ở đây an lạc ông lại đến đây não loạn tôi. Muối chính là muối (còn hỏi gì nữa?

Nghe Tỳ-kheo trả lời như thế, lòng ông cảm thấy chán nản, liền đi đến chỗ Phật. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Ông hỏi về nghĩa lý của muối có được toại ý không?

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy ít biết, chưa từng theo thầy để học, con hỏi muối thì đáp là muối.

Lúc ấy, cách Phật không xa, có một Tỳ-kheo pháp sư tên Phất-hy-lô, Phật liền bảo Pháp-dự:

- Ông hãy đến hỏi vị Tỳ-kheo kia về nghĩa của

muối xem sao! Thế là ông đến đó, chào:

- Kính chào thầy!

- Lành thay đàn-việt đến đây.

Đoạn, thầy mời ông ngồi. Tuy chưa hỏi nghĩa nhưng nghe thầy mời ngồi, ông đã thấy rất hoan hỷ, liền đến ghế ngồi, rồi hỏi:

- Thưa Tôn giả! Muối có ý nghĩ gì?

- Đó là câu hỏi rất hay. Nay tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của muối cho ông rõ. Muối có hai phương diện: Vị và Tánh. Vị tức là như nước biển cùng một vị mặn. Tánh thì gồm có: muối đen, muối đỏ, muối tân đầu, muối vị bạt già, muối tỳ lãm, muối ca già, muối tư đa, muối tỷ ca. Nói tóm lược thì có hai loại, hoặc sống, hoặc được nấu chín; đó gọi là muối.

Nghe xong, lòng vui mừng khấp khởi, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo ấy giải thích rất thấu đáo, phân biệt rành mạch, nói nghĩa lý của muối rộng hẹp, ngược xuôi đều thông thạo.

- Đó là kẻ phàm phu, chưa hưởng được pháp vị trong giáo pháp của Ta; còn vị Tỳ-kheo trước là A-la-hán, nhưng vì ông kiêu mạn nên không biết được chân ngụy, sẽ mãi mãi làm những việc vô ích.

Pháp-dự nghe Phật nói như thế tâm sinh hoảng

sợ, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay con xin sám hối, kính mong Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo từ nay về sau, trở lại nhận sự cúng dường của con như trước.

- Ông hãy trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi cùng với quyến thuộc đi đến giữa chúng Tăng xin Tăng xả pháp Yết-ma phú bát, Tăng sẽ xả cho ông.

Vâng lời Phật dạy, Pháp-dự trở về nhà tắm rửa, mặc y phục mới, rồi đi đến giữa Tăng quì gối, chắp tay, nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng ghi nhớ cho! Con là Ưu-bà-tắc Pháp-dự, khinh mạn Tỳ-kheo Tăng; vì muốn cho con được lợi ích, Tăng đã làm pháp Yết-ma phú bát. Nay con đã thấy lỗi, tùy thuận chấp hành, tâm đã nhu hòa. Kính mong Tăng thương xót xả pháp Yết-ma phú bát cho con. (Xin như vậy ba lần).

Thế rồi, Tăng nên đem Pháp-dự đến đứng ở chỗ mắt thấy mà tai không nghe trong phạm vi cương giới, rồi Tăng hiện tiền làm Yết-ma đối với vị đồ chúng không hiện tiền. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Ưu-bà-tắc Pháp-dự này khinh mạn Tỳ-kheo Tăng, vì muốn cho ông ta được lợi ích, trước đây Tăng đã làm Yết-ma phú bát. Ngày nay ông đã thấy lỗi, tùy

thuận chấp hành, tâm đã nhu hòa, theo Tăng xin xả pháp Yết-ma phú bát. Nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp-dự. Đây là lời tác bạch.

Thế rồi bạch tam Yết-ma cho đến:

Tăng đã xả pháp Yết-ma phú bát cho Ưu-bà-tắc Pháp-dự xong, vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Nếu Tăng đã làm Yết-ma phú bát rồi thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được phép đến đó. Đồng thời phải đem áo ca sa máng trên cửa họ, rồi tuyên bố trong xóm:

- Nhà Mỗ giáp này đã làm Yết-ma phú bát. Nếu có Tỳ-kheo khách đến thì nên nói:

- Gia đình mỗ kia đã được làm Yết-ma phú bát, không nên đến đó.

- Khi làm Yết-ma phú bát không nên làm hấp tấp. Nếu họ nói: "Sa-môn không đến nhà ta thì càng tốt", thì đối với hạng người ấy không nên làm. Nếu họ biết hổ thẹn thì nên làm. Sau đó, nếu họ tự thấy lỗi tỏ ra tùy thuận, tâm nhu hòa thì nên xả pháp Yết-ma.

Đó gọi là cách thức phú bát.

PHÉP KẾT KHUY VÀO Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo khất thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng có cơn gió lốc thổi đến khiến y thầy bị bay đi; rồi thầy mặc nội y vào Tinh xá Kỳ-hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Y ông đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

- Từ nay về sau phải kết khuy để buộc y.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm khuy. Phật dạy:

- Tất cả vàng bạc châu báu đều không được dùng làm khuy, mà nên dùng đồng, sắt, thiếc hoặc gỗ, tre, rồi dùng chỉ kết khuy vào để buộc. Ta không cho phép Tỳ-kheo không mặc y có khuy mà vào thôn xóm. Nếu không có vật gì để làm, thì nên dùng kim khâu lại. Nếu cũng không có kim thì ít nhất dùng tay để nắm. Nếu y không có khuy mà mặc vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Cũng vậy, nếu mặc đi vào các nhà thì vào mỗi nhà phạm mỗi tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu có mà không buộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Trường hợp không

phạm: nếu đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo ni, Tinh xá của ngoại đạo, hoặc đàn-việt tuyên bố: "Tùy nghi sao cho tốt thì thôi", thì không có tội.

Đó gọi là phép kết khuy vào y.

PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, có một Tỳ-kheo khất thực, một tay cầm bát, một tay cầm túi đựng bát, bỗng một cơn gió thổi làm rơi y nội, thế là thầy mặc thượng y đi vào Tinh xá Kỳ-hoàn. Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Y An-đà-hội của ông đâu rồi?

- Bạch Thế Tôn! Bị gió lốc thổi bay mất rồi.

- Từ nay về sau nên buộc đai lưng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo làm đai lưng bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy, hoặc làm đai rỗng bên trong. Phật dạy:

- Làm đai bằng những sợi vải rời, hoặc kết khuy đều không được phép dùng. Còn đai lưng rỗng bên trong thì nên khâu ở giữa, hoặc ken chặc, hoặc làm tròn đều được buộc. Khi buộc, không được buộc bốn vòng hay một vòng mà nên buộc hai vòng cho đến ba vòng. Nếu thân thể Tỳ-kheo mềm yếu, buộc không chịu nổi thì nên cầm đi, khi đến đầu thôn nên lấy ra buộc để đi vào thôn, và lúc trở ra thì lại tháo ra. Nếu không buộc đai lưng mà đi vào thôn xóm thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu có mà không buộc thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu buộc một vòng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu buộc hai vòng, ba vòng thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng đai lưng.

PHÉP DÙNG ĐAI CÓ DÂY CỘT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo cầm cái đai không buộc chặt ở đầu, đi vào giữa phố thị, cái đai xổ ra thầy bèn kéo lê trên đất mà đi, bị người đời mỉa mai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử lại kéo lê khúc ruột mà đi.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau ở đầu cái đai nên làm dây cột.

Thế rồi, có Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm dây buộc đai. Phật dạy:

- Tất cả bảo vật không nên dùng làm dây buộc đai. Ở đầu đai nên cột hai hay ba lần, không được cột một hay bốn lần. Nếu tất cả đai không làm dây cột thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng đai có dây cột.

PHÉP CƯỠI NGỰA, ĐI XE

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhằm dịp lễ hội, dân chúng đổ ra đi xem; nhóm sáu Tỳ-kheo hoặc cưỡi voi, cưỡi ngựa, có người cưỡi lừa đi xem, bị người đời chê:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương gia, đại thần, cưỡi voi, cưỡi ngựa mà đi?

Có người thấy họ cưỡi lừa, bèn mỉa mai:

- Sa-môn Thích tử này giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cưỡi lừa mà đi.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau Ta không cho phép cưỡi lừa, cưỡi ngựa.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá trong vườn Am-bà-la của đồng tử Kỳ Cựu nơi thành Vương xá; vì năm việc lợi ích nên Đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Phật thấy một Tỳ-kheo bị bệnh hoàng đãng, gầy ốm, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Bệnh ông tăng hay giảm, hơi thở có điều hòa không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị bệnh khổ sở, hơi thở không điều hòa.

- Ông không thể đi đến nhà y sĩ Kỳ Cựu để khám bệnh sao?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho phép ngồi xe, ngựa, mà bệnh của con đau đớn nên không thể đi bộ.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ngồi xe, ngựa. Được cưỡi các loại như: cưỡi voi, cưỡi ngựa, cưỡi lừa, cưỡi lạc đà, cưỡi trâu,

ngồi thuyền, ngồi xe, ngồi kiệu. Tất cả các loại như thế nếu không có bệnh thì không được ngồi, còn có bệnh thì được ngồi. Nhưng không cho phép cưỡi súc vật cái, mà nên cưỡi súc vật đực. Nếu bệnh nặng không phân biệt được, thì cưỡi không có tội. Nếu có nhân duyên đi xuôi ngược dòng nước hay đi ngang qua sông, nên suy nghĩ: "Ta có duyên sự cần thiết", thì lúc ấy được cưỡi đi qua sông. Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà ngồi xe, cưỡi ngựa thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

PHÉP NẰM CHUNG GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ hai người, ba người nằm chung một giường khiến giường nệm bị hư hỏng, bỏ lăn lóc dưới đất. Vì năm việc lợi ích nên Đức Như Lai cứ năm hôm đi thị sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bị hư bỏ trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Giường hư này của ai mà bỏ ngổn ngang trên đất vậy?

Các Tỳ-kheo bèn trình bày đầy đủ lại sự việc kể trên. Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngủ chung giường. Vấn đề giường nệm như trên đã nói, một người nên nằm ngủ một giường. Nếu

giường ngồi thì hai người được kê ba giường sát nhau mà ngủ, nhưng khi ngay chân ra không được để đầu gối lòi ra ngoài. Nếu nệm ngang thì cho phép ba người cùng nằm ngang mà ngủ. Nếu nệm vuông thì hai người được lót ba nệm nằm chung mà ngủ, nhưng khi duỗi chân ra, đầu gối không lọt ra ngoài. Nếu lót cỏ ở dưới thì mỗi người được trải ngọa cụ ra để ngồi, nằm không phạm. Nếu trời lạnh thì được trùm kín ở trên, ở dưới, nhưng không được nằm quá gần nhau mà phải để cách ở giữa chừng một khuỷu tay, cũng không được nằm duỗi tay ra. Người lớn nhỏ cách nhau ba tuổi hạ được ngồi cùng giường mà không được nằm ngủ cùng giường. Nếu nằm ngủ cùng giường thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Đó gọi là phép nằm ngồi cùng giường.

PHÉP CÙNG NGỒI CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cứ ba người, bốn người cùng ngồi chung một giường, khiến giường ghế bị gãy nát. Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy giường bị hư hỏng nằm ngổn ngang trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Giường bị gãy này của ai mà

bỏ ngổn ngang trên đất như vậy?

Các Tỳ-kheo bèn thuật lại đầy đủ sự việc trên cho Thế Tôn. Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ngồi chung một giường.

- Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn hỏi Ưu-ba-ly:

- Các Tỳ-kheo có tụng Luật hay không?

- Có, nhưng ít người tụng, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ít người tụng?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cùng ngồi chung giường, các Tỳ-kheo mỗi người ngồi một giường, vì thế nên ít người tham dự tụng Luật.

- Từ nay về sau, Ta cho phép Tỳ-kheo cách nhau ba tuổi hạ được ngồi chung một giường. Tỳ-kheo không có tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo ba tuổi hạ. Cũng vậy, cho đến Tỳ-kheo bảy tuổi hạ được ngồi với Tỳ-kheo mười tuổi hạ. Nếu giường nằm thì được phép ngồi ba người. Nếu giường ngồi thì được phép ngồi hai người. Nếu giường dài một khuỷu rưỡi tay thì hai người cách nhau ba tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì nên nhường cho Thượng tọa. Nếu giường nằm dài hơn ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được phép ngồi chung. Nếu cách nhau nhiều hơn thì không được ngồi chung. Nếu ngày đại hội nhiều người tụ họp mà giường

ghế ít thì được kê sát các giường vào nhau rồi buộc lại. Khi buộc phải buộc cho chắc, đừng để giường nệm lung lay thì được ngồi chung. Nếu tấm nệm dài ba khuỷu tay thì Tỳ-kheo cách nhau bốn tuổi hạ được ngồi chung. Nếu cách xa hơn thì không được ngồi chung. Nếu rải cỏ trên đất rồi cùng ngồi (thì không cần phân biệt tuổi tác) không có tội.

Đó gọi là phép cùng ngồi chung.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 32

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI

PHÉP ĂN CHUNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng ăn chung bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà ngồi ăn chung giống như những kẻ dâm dật ở thế gian?

Cho đến Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cùng ăn chung. Cùng ăn chung nghĩa là cùng ăn một bát. Còn thức ăn thì có năm món ăn chính và năm món ăn linh tinh nên đựng riêng ra mà ăn. Nếu không có bát thì nên dùng tô, chén để đựng. Nếu cũng không có tô, chén thì nên vò cơm thành viên bỏ trong bàn tay trái, dùng tay phải bốc ăn. Nếu cũng

không thể được thì nên đặt bát trên cỏ, lá, rồi cùng bốc ăn. Không được dùng tay bốc ăn chung năm thức ăn chính và năm thức ăn tạp. Nhưng nếu là bột, bánh, rau, trái thì cùng ăn chung không có tội. Nếu cùng ăn chung trong một bát thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó là phép cùng ăn chung.

PHÉP ĂN TRÊN BÀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy bàn ăn trong phòng của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà được vẽ nhiều màu sắc, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Cái bàn ăn này của ai mà được vẽ nhiều màu sắc thế này?

- Bạch Thế Tôn! Đó là bàn ăn của Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn trên bàn ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Đức Như Lai vì năm sự lợi ích nên cứ năm hôm đi thị sát phòng các Tỳ-kheo một lần. Thấy một Tỳ-kheo bị mụt nhọt ở tay, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có được điều hòa, an lạc không?

- Bạch Thế Tôn! Con bị mụt nhọt ở tay khiến bát bị vỡ mà Thế Tôn chế giới không cho ăn trên bàn nên không được an vui.

- Từ nay Ta cho phép Tỳ-kheo bệnh được ăn trên bàn nhưng không cho phép vẽ trên bàn nhiều màu sắc.

Nếu bàn ăn của Tăng vẽ nhiều màu sắc thì không có tội.

Nếu là bàn riêng thì chỉ nên dùng một màu. Tỳ-kheo bệnh ăn trên bàn, trước hết nên đứng chú tâm tưởng niệm rồi ăn thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh thì hoàn toàn không cho ăn trên bàn.

Nếu vì già bệnh, hoặc mụt nhọt trên tay ra máu, hoặc bát nặng, hoặc đầy, hoặc nóng, hoặc lạnh thì được ăn trên bàn không có tội. Nhưng nếu Tỳ-kheo không bệnh mà ăn trên bàn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là phép ăn trên bàn.

Kệ tóm tắt:

Ăn tỏi và phú bát
Kết khuy cùng đai lưng
Ngồi xe, ngựa, ngồi chung
Ngồi cùng giường, ăn chung,
Bàn ăn nhiều màu sắc
Kết thúc phần thứ tám.

VÌ MÌNH MÀ NGƯỜI TA GIẾT SÚC VẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đi du hành phương xa rồi trở về thành Xá-vệ. Đến giờ khất thực, họ khoác y, cầm bát đi vào một nhà đàn-việt quen biết cũ tên là A-bạt-tra. Đàn-việt thấy thầy liền chào:

- Chào sư phụ! Vì sao mà đã lâu lắm không thấy sư phụ đến?

- Này lão trượng! Đã lâu ngày tôi mới đến, vậy ông định đãi tôi món ngon vật lạ gì đây?

- Ngày mai con sẽ cúng dường trai phạn cho thầy!

- Ông đừng có cúng thức ăn của bọn thợ dệt.

- Thức ăn của thợ dệt là thứ gì?

- Tức là cơm hẩm, canh đậu đó!

- Con không cúng cơm hẩm, canh đậu cho thầy đâu, mà sẽ cúng cơm thịt.

- Ông đừng có cúng cho tôi thịt nguội.

- Con sẽ không cúng thịt nguội cho thầy, mà sẽ nấu nóng rồi mới

- cúng.

- Tôi nói thịt nóng không phải kiểu nóng như vậy.

- Vậy thì nóng như thế nào?

- Nghĩa là thịt của con vật vừa mới chết.

- Nếu thầy muốn như vậy thì ngày mai hãy đến sớm, con sẽ giết con vật trước mặt thầy rồi mới nấu nóng.

- Vâng.

Sáng sớm hôm sau, họ khoác y, cầm bát đi đến nhà ấy, đàn-việt bèn đem dê, heo, gà ra để la liệt trước mặt Tỳ-kheo, rồi giết thịt cúng dường. Khi ăn xong họ ra về, đàn-việt chê trách:

- Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện chỉ trích việc sát sinh, ca ngợi không sát sinh, vậy mà vị Sa-môn này bảo người ta giết ngay trước mắt thì có khác gì mình tự giết!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. (Cho đến Phật nói) Vì sao các ông bảo người ta sát sinh ngay trước mặt? Từ nay về sau, Ta không cho phép thí chủ vì mình mà sát sinh. Vì mình mà sát sinh tức là vì Tỳ-kheo mà giết súc vật. Nếu thí chủ vì Tỳ-kheo mà giết súc vật thì tất cả Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Thức-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều không được ăn. Cũng vậy, nếu họ vì Ưu-bà-di mà giết hại thì tất cả Tỳ-kheo không

được ăn cho đến Ưu-bà-di cũng không được ăn. Vì người khác mà giết có ba trường hợp: thấy, nghe và nghi. Thấy nghĩa là chính mắt mình thấy họ giết vì mình thì không được ăn. Đó gọi là thấy.

Nghe nghĩa là chính tai mình nghe, hoặc nghe từ người khác rằng họ giết vì mình thì không được ăn. Nếu người thuật lại là kẻ không đáng tin, chỉ vì muốn nhiễu loạn Tỳ-kheo thì không nên nghe họ nói mà nên nghe người đáng tin để xác định chắc chắn. Đó gọi là nghe. Nghi nghĩa là Tỳ-kheo đến nhà đàn-việt thường thấy con dê, sau đó đến thì thấy đầu, chân dê trên đất; thấy vậy tâm sinh nghi nên hỏi: "Con dê trước thấy ở đây bây giờ đâu rồi?". Nếu họ nói: "Tôi đã vì thầy mà làm thịt rồi", thì không nên ăn. Nếu họ nói: "Thưa Tôn giả! Vì tôi giết để tế trời rồi ăn thịt mà ăn không hết nên cúng cho thầy", thì được ăn. Đó gọi là nghi.

Cũng thế, tất cả mọi sinh vật hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi cũng đều như vậy.

Đó gọi là vì mình mà người ta giết súc vật.

THỊT NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc tên Tủy Ti, bà vợ cũng tên Tủy Ti, lại có một Tỳ-kheo khách cũng tên Tủy Ti. Ưu-bà-tắc nghe thế liền suy nghĩ: "Sư

phụ cùng tên với ta, ta hãy đến mời thầy thọ trai", bèn đi đến Tinh xá mời về nhà, sửa soạn các thức ẩm thực cúng dường. Đoạn, ông cúi đầu đảnh lễ dưới chân, quì gối chắp tay bạch:

- Kính xin Tôn giả nhận bốn sự cúng dường của con, là: y phục, ẩm thực, sàng tọa và thuốc chữa bệnh.

Tỳ-kheo nhận lời mời. Thế rồi, ông chồng phải theo khách buôn đi xa, bèn dặn dò bà vợ:

- Tôi đi xa, bà ở nhà phải lo cúng dường sư phụ chu đáo, chớ để thiếu thốn.

Sau khi ông đi rồi, vị Tỳ-kheo thấy trong người không điều hòa, muốn uống thuốc xổ, liền nói với Ưu-bà-di:

- Tôi muốn uống thuốc xổ, bà có thể tùy thời theo thứ tự lo giúp thức ăn được không?

- Dạ thưa được.

Sau khi thầy uống thuốc xổ, theo thứ tự bà cho dùng những thức ăn phù hợp với bệnh như cháo lỏng, cháo đặc rồi đến thịt. Bà lấy một số tiền đưa đứa tớ gái bảo:

- Ngươi cầm số tiền này đi mua thịt đem về.

Đứa tớ gái bèn đi ra chợ, nhưng hôm đó nhằm ngày ăn chay không có ai mổ thịt nên không mua được, phải về tay không. Lúc ấy, Ưu-bà-di lòng không vui, suy nghĩ: "Sư phụ uống thuốc, nếu không có thức ăn hợp với bệnh, sợ e bệnh nặng

thêm". Nghĩ thế, bà lấy hạt cải đem nghiền, rồi tẩm với dầu, đoạn đi vào phòng, dùng dao bén cắt thịt bắp vế đưa cho nữ tỳ, bảo:

- Ngươi dùng dầu hạt cải rửa sạch miếng thịt này, rồi nấu chín đem đến cho thầy, hỏi thầy ngày mai cần thức ăn gì nữa?

Đứa nữ tỳ theo lời dạy, nấu thịt chín đưa đến, rồi hỏi thầy:

- Ngày mai thầy cần ăn món gì?

- Thôi đừng đem đến nữa.

Khi ấy, Ưu-bà-di bị vết thương đau đớn nên nằm nghỉ. Người chồng đi buôn trở về (không thấy bà vợ ra đón) liền nghĩ: "Thường khi ta đi xa về, bà vợ ra tận cửa thứ hai, thứ ba nghênh đón, hôm nay vì sao không thấy ra đón". Đoạn, ông vào phòng, thấy bà vợ đang nằm trên giường liền nổi giận mắng:

- Vì sao ngươi khinh ta không ra đón tiếp?

- Ông đi lần này có công đức gì mà muốn tôi phải ra nghênh đón?

- Ta đi chuyến này được cả trăm ngàn vạn bạc.

- Đó là thứ tài sản bên ngoài có gì là ghê gớm đâu! Còn tôi thì đã tự cắt thịt mình để cung cấp cho sư phụ.

- Bà cắt ở chỗ nào vậy?

Bà vợ liền vén y phục lên chỉ cho xem. Ông chồng thấy thế ngất xỉu, nằm sóng soải trên đất.

Lúc ấy, quỷ thần thấy vậy liền báo với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nghe thế bèn nhập từ tam muội dùng định lực truyền cảm khiến bà vợ bình phục lại như trước. Đoạn, bà nói với chồng:

- Đứng dậy! Đứng dậy! Đừng sợ, nhờ uy thần của sư phụ mà vết thương của tôi đã bình phục rồi.

Người chồng đứng dậy thấy vết thương của vợ đã bình phục, lòng rất hoan hỷ, liền đi đến nơi thị tứ, nói như sau:

- Bà vợ tôi tinh tấn bằng cách cắt thịt trên mình để cúng dường. Mọi người nghe thế, liền chê trách:

- Vì sao Sa-môn Thích tử ăn thịt người?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn! Vì con không nhập định (nên không biết).

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt người.

Lại nữa, khi Phật trú tại vườn Lộc Dã Tiên nhân ở Ba-la-nại, có một Tỳ-kheo mắc bệnh vàng da. Lương y nói với thầy:

- Nếu Tôn giả uống máu người thì có thể khỏi bệnh. Nếu không uống thì sẽ chết, không còn có phương kế nào khác.

Lúc ấy, có một người phạm vương pháp, bị bắt trói ngoặt hai tay ra sau lưng, mình khoác vòng hoa Ca-tỳ-la, lính đánh trống tuyên đọc án lệnh, dẫn đến pháp trường. Tỳ-kheo đến chỗ tên đao phủ nói:

- Này tráng sĩ! Cho tôi uống máu của người này nhé! Tên đao phủ nói:

- Nếu thầy muốn ăn thịt tôi cũng cho huống gì là máu!

Y liền đặt tội nhân ngồi dưới đất, lấy dao cắt mạch máu hai bên yết hầu cho máu chảy ra. Tỳ-kheo bèn dùng hai tay bụm lấy máu mà uống, bị người đời chê trách:

- Đây không phải là Tỳ-kheo mà là quỷ uống máu người.

Thế rồi, họ dùng gạch, đá, đất cục ném Tỳ-kheo đó đến què chân, khi ấy mới thoát được. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Tỳ-kheo! Đó là việc ác, yêu quý mạng sống của mình đến như vậy sao? Từ nay về sau Ta không cho phép uống máu người, cho đến tủy người; tất cả đều không được uống. Nếu Tỳ-kheo mọc mụt nhọt trên đầu mà thầy thuốc bảo phải mài xương người thoa mới lành thì được thoa. Nhưng

khi đã thoa thì không được ở trong chúng mà nên ở trong một căn phòng nhỏ bên cạnh; đến khi khỏi bệnh phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

THỊT RỒNG

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, có một giống người chuyên ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng. Vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều. Khi ấy, có một Long nữ đến đứng trước giường của Thế Tôn, khóc lóc. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Vì sao mà ngươi khóc?

- Bạch Thế Tôn! Có người ở Tỳ-xá-ly này ăn thịt rồng, các Tỳ-kheo cũng ăn thịt rồng, vì thế mà rồng bị sát hại rất nhiều, kính xin Thế Tôn đừng cho các Tỳ-kheo ăn thịt rồng.

Bấy giờ, Thế Tôn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy, khiến Long nữ hoan hỷ rồi cáo lui. Đoạn, Thế Tôn đi đến chỗ đông đúc các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ra ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật chế định:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt rồng, máu rồng, xương rồng, gân rồng, tủy rồng, nói chung tất cả đều không cho ăn. Nhưng nếu có các bệnh ngoài da cần xương rồng thì được dùng xương rồng mài thành bột để thoa, không có tội.

THỊT VOI

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, con voi của vua Bình-sa chết, có những bọn Chiên-đà-la ti tiện đem ăn thịt, trong các Tỳ-kheo, có người cũng ăn. Bấy giờ, đồng tử Kỳ Cựu đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi của vua Bình-sa chết có những kẻ Chiên-đà-la ti tiện đem ăn thịt, các Tỳ-kheo có người cũng ăn mà Tỳ-kheo là người xuất gia được người ta kính trọng, vậy xin Thế Tôn đừng cho họ ăn thịt voi.

Thế Tôn bèn tùy thuận thuyết pháp chỉ dạy khiến đồng tử được lợi ích, hoan hỷ liền cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật mà cáo lui. Khi ấy, Thế Tôn đi đến chỗ có đông các Tỳ-kheo, trải tọa cụ ngồi, thuật lại đầy đủ sự việc trên với các Tỳ-kheo. Rồi Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho ăn thịt voi cho đến tủy voi cũng không cho ăn. Nhưng dùng ngà voi, xương voi làm vật để kiền bát, làm khuy y thì không có tội.

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy con ngựa của vua Bình-sa chết, cũng như trường hợp con voi đã nói ở trên. Nếu ở ngoài da có bệnh ghẻ

nhọt cần máu ngựa để bôi thì dùng để bôi không có tội. Nhưng khi đã bôi thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ ở bên cạnh phòng Tăng.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vì các Tỳ-kheo ăn thịt chó nên khi vào xóm làng bị các con chó chạy theo sủa vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt chó, tủy chó cũng đều không cho ăn. Nhưng nếu bị chó cắn cần đốt lông chó bôi vào vết thương thì được dùng, không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt quạ. Lúc thầy vào xóm làng khất thực, hoặc khi đi kinh hành trong rừng thì bầy quạ bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt quạ cũng như tủy quạ v.v... đều không cho phép ăn. Nhưng nếu cần lông cánh dùng để trị bệnh ngoài da thì được dùng không có tội.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo ăn thịt diều hâu. Lúc thầy đi kinh hành trong rừng bị bầy diều hâu bay theo kêu vang. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn thịt diều

hâu, cũng như tủy diều hâu đều không được ăn. Nếu cần lông cánh trị bệnh ngoài da thì được phép dùng không có tội.

Tóm lại, các loại thực phẩm kể sau không được ăn:

1. Thịt người.
2. Thịt rồng.
3. Thịt voi.
4. Thịt ngựa.
5. Thịt chó.
6. Thịt quạ.
7. Thịt diều hâu.
8. Thịt heo.
9. Thịt khỉ.
10. Thịt sư tử và tỏi gồm các loại sống, chín, vỏ, lá tất cả đều không được ăn.

Nếu cần dùng tỏi để bôi vết thương ở ngoài da thì được dùng. Nhưng khi đã bôi thì không được vào trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ bên cạnh phòng Tăng. Khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Đó gọi là phép dùng thịt, tỏi.

PHÉP DÙNG DA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà,

Ưu-ba-nan-đà đến nhà một người chăn trâu, ngồi trên giường. Bỗng có con trâu nghé mới sinh thấy màu y của Tỳ-kheo giống mẹ nó, nó liền chạy đến bên thầy. Tỳ-kheo dùng tay xoa trên đầu, vuốt nhè nhẹ nói như sau:

- Da con này mềm mại, đẹp đẽ, có thể làm tọa cụ được.

Lúc ấy, người chăn trâu suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này vốn là chỗ quen biết của vua, đại thần quý hiển, có thế lực lớn đang muốn được tấm da con này", liền hỏi:

- Thầy đang cần da sao? Tôi sẽ cho.

- Hãy cho tôi tấm da con trâu nghé này đây.

- Trong nhà tôi có tấm da khô của con trâu nghé cũng mềm mại, đẹp đẽ, tôi sẽ chải chuốt thẳng thớm rồi cho thầy.

- Nếu ông muốn cho thì hãy cho tôi tấm da con này chứ tôi không cần cái khác.

Lúc ấy, người chăn trâu liền suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này có thế lực lớn, có thể gây ra điều bất lợi cho ta". Vì sợ tai họa, ông ta liền giết con nghé trước mặt Tỳ-kheo, rồi lột da cho thầy. Lúc con trâu mẹ đi ăn trở về không thấy con mình, đi quanh các bờ rào kêu vang. Người chăn trâu liền oán trách:

- Sa-môn Thích tử mà không có lòng từ. Nếu Sa-môn ở vào hoàn cảnh con trâu mẹ thì tâm ý sẽ

như thế nào?

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật hỏi:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này các Tỳ-kheo! Đó là việc ác. Vì sao các ông bảo người ta giết sinh vật ngay trước mắt mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng da. Da gồm có các loại: da bò, da trâu, da cọp, da báo, da gấu, da nai; đại loại tất cả các loại da như vậy đều không được dùng để ngồi, chỉ cho phép dùng da dê ở biên địa thứ nô mà thôi. Da dê có hai loại: một là dê đen, hai là dê lang. Và dê đen, dê lang mỗi loại được chia làm mười thứ như trên kia đã nói. Nếu ngồi trên da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên nệm bông đặt trên da thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ngồi trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu nằm trên giày da từ đầu gối trở lên thì phạm tội Việt-tỳ-ni; nhưng nếu từ đầu gối trở xuống thì không có tội. Hoặc dùng da làm giường ngồi lên trên thì không có tội. (Đó gọi là phép dùng da).

VẬT LAU CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà sắm các vật để lau chân, đệ tử ngoại đạo thấy thế suy nghĩ: "Chúng ta hãy cùng nhau quấy nhiễu kẻ Ưu-bà-tắc kia" như trong vấn đề mạt vụn

ở trên đã nói rõ cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng các vật để làm đồ lau chân. Đồ lau chân hoặc vuông, hoặc tròn, nếu khắc trên chớp có hình hạt đậu ma sa, đậu môn cụ thì tất cả đều không cho dùng. Nếu dưới chân bị dơ bẩn thì được phép dùng cỏ vo tròn lại, hoặc dùng gạch, ngói để chùi. Đó gọi là vật dùng để lau chân.

THUỐC BÔI MẮT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, trai gái ra khỏi thành đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng màu xanh da trời và màu đen trang điểm đôi mắt nên bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như những đồng tử quý hiển, dùng màu xanh da trời trang điểm đôi mắt?

Có người thấy trang điểm màu đen thì nói:

- Sa-môn Thích tử giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, dùng màu đen bôi lên mắt mà đi. Đây là hạng

người bại hoại nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép trang điểm mắt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở trong vườn Am-bà-la

của đồng tử Kỳ Cựu. Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị đau mắt, đồng tử Kỳ Cựu nói:

- Tôn giả có thể dùng loại thuốc này để bôi mắt.

- Đức Thế Tôn chế giới không cho phép bôi mắt.

- Tôi sẽ đến xin Thế Tôn cho phép việc này.

Thế rồi, ông đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo là những người ăn mỗi ngày một bữa, mắt là bộ phận trọng yếu của con người, xin Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo bôi thuốc vào mắt.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng thuốc bôi mắt, chỉ trừ thuốc màu xanh da trời. Nhưng nếu thầy thuốc nói: "Thưa Tôn giả! Bệnh đau mắt này nếu được thuốc có màu xanh da trời bôi vào thì mới lành, ngoài ra không có phương kế nào khác". Nếu như vậy thì được bôi. Khi đã bôi thuốc thì không được ở trong chúng mà nên ở một căn phòng nhỏ cạnh phòng chúng Tăng. Khi bệnh lành

phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Đó gọi là thuốc bôi mắt.

LỌ ĐỰNG THUỐC NHỎ MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo dùng lá cây đựng thuốc nhỏ mắt, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

- Đó là thuốc nhỏ mắt, bạch Thế Tôn!

- Thuốc nhỏ mắt là vật quý nên dùng lọ mà đựng.

Thế rồi, các Tỳ-kheo dùng vàng bạc làm lọ đựng thuốc. Phật dạy:

- Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả các vật báu làm lọ,

mà nên dùng đồng, sắt, thiết, tre, lau, lông, cánh chim, ít nhất là làm bao da để đựng.

Đó gọi là lọ đựng thuốc nhỏ mắt.

QUE BÔI THUỐC VÀO MẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo dùng tre làm que bôi thuốc vào mắt, Phật biết mà vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Đây là cái gì vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là cái que để bôi thuốc vào mắt.

- Đôi mắt là bộ phận mềm mại, nên dùng vật trơn để làm que. Thế rồi, Tỳ-kheo dùng vàng bạc để làm. Phật dạy:

- Ta không cho phép dùng vàng bạc và tất cả những bảo vật để làm, mà nên dùng đồng sắt, răng, xương, chiên đàn, gỗ cứng để làm, rồi bào chuốt cho trơn tru ít nhất là dùng ngón tay để bôi thuốc. Đó gọi là que bôi thuốc vào mắt.

PHÉP DÙNG Ô DÙ

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội của người đời, trai gái đi dự lễ, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm dù ô nhiều màu sắc, có người còn cầm ô dù bằng vỏ cây, bị người đời chê bai:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử, đại thần cầm ô dù với nhiều màu sắc?

Có kẻ thấy họ cầm dù bằng lá cây thì nói:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện, cầm ô dù bằng lá cây mà đi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến

Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng ô dù.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy,

Trưởng lão A-na-luật, Kim-tỳ-la an cư tại núi tháp vừa xong, trở về thành Xá-vệ, lễ bái Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Vì sao trên y bị muối đóng bẩn như vậy?

- Vì Thế Tôn chế giới không cho phép đội dù, con đi khất thực bị mắc mưa nên mới ra nông nổi này.

- Từ nay về sau, Ta cho phép đội dù. Các loại dù như dù bằng vỏ cây, dù bằng lá cây, dù tre, đại loại các thứ như thế đều cho phép dùng. Nhưng không cho phép dùng loại dù có nhiều màu sắc.

Đó gọi là phép dùng ô dù.

PHÉP DÙNG QUẠT

Vào ngày lễ hội của người đời, trai gái đi du ngoạn đông đảo, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu, có vị cầm quạt nan bị người đời chê cười:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như vương tử đại thần cầm quạt được trang điểm bằng vân mẫu?

Có người thấy họ cầm quạt bằng nan liền phê bình:

- Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như sứ giả của kẻ hạ tiện cầm quạt nan. Đây là hạng người

bại hoại, nào có đạo hạnh gì!

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm quạt.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì bị muỗi quấy rối trong phòng thiền, các Tỳ-kheo dùng y để quạt phát ra tiếng kêu. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Các ông làm gì mà phát ra tiếng kêu giống như voi vẫy tai vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho dùng quạt, các Tỳ-kheo bị muỗi cắn phải dùng y quạt muỗi nên phát ra tiếng kêu như vậy.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng quạt tre, quạt sậy, quạt lá cây, chỉ trừ quạt vân mẫu và quạt được vẽ nhiều màu sắc. Nhưng nếu quạt của Tăng thì vẽ nhiều màu sắc không có tội. Còn quạt riêng cá nhân thì phải hoại sắc. Nếu có người dùng hương thơm bôi trên quạt rồi đem đến

cúng dường thì được phép chùi sạch rồi sử dụng.

Đó gọi là phép dùng quạt.

PHÉP DÙNG PHẤT TRẦN

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, nhằm ngày lễ hội, nam nữ đi du ngoạn, nhóm sáu Tỳ-kheo cầm phất trần bằng lông đuôi trâu trắng

có cán nạm vàng bạc, bị người đời chê cười, cho đến Phật dạy:

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm phất trần bằng lông trâu trắng.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, vì trong phòng thiền bị muỗi quấy rầy nên các Tỳ-kheo dùng phất trần bằng lá cây đập muỗi kêu ra tiếng. Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Đó là tiếng gì vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không cho phép cầm phất trần bằng lông trâu trắng nên các Tỳ-kheo dùng phất trần bằng lá cây đuổi muỗi mà phát ra tiếng.

- Từ nay về sau, Ta cho phép dùng phất trần. Phất trần gồm các loại: Phất trần bằng chỉ sợi, bằng vải tua, bằng cỏ rối, bằng vỏ cây. Trong đây chỉ trừ phất trần bằng đuôi trâu trắng, đuôi ngựa trắng có cán nạm vàng bạc, ngoài ra tất cả đều cho phép dùng. Nếu có màu trắng nên nhuộm cho hoại sắc thì được dùng. Khi cầm phất trần không được làm ra dáng ẻo lả như kiểu dâm nữ cầm phất trần.

Đó gọi là phép dùng phất trần. Kệ tóm tắt:

Giết cho mình, ăn thịt người,
Thuốc nhỏ mắt, lọ và que,
Da trâu cùng đồ lau chân,
Dùng ô dù và phất trần.
Phẩm thứ chín đến đây hết.

PHÉP DÙNG DAO CHỮA TRỊ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, có Tỳ-kheo mắc bệnh trĩ, nói với thầy thuốc:

- Này lão trượng! Ông có thể dùng dao chữa trị bệnh cho tôi được không?

- Thưa được.

Thế rồi, y sĩ liền suy nghĩ: "Các Sa-môn này thông minh trí tuệ nếu họ thấy ta chữa bệnh thì sẽ học lóm, rồi không cần ta nữa". Đoạn ông ta bảo các Tỳ-kheo đi hết, rồi ông định làm điều phi pháp, thì vị Tỳ-kheo này sinh nghi, liền gọi các Tỳ-kheo:

- Các Trưởng lão hãy đến, vị y sĩ này muốn làm điều phi pháp.

Các Tỳ-kheo nghe thế liền đi vào. Y sĩ khi ấy hoảng sợ bèn bỏ dao mà chạy. Các Tỳ-kheo liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Tỳ-kheo! Vì sao ông để cho y sĩ dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng. Chỗ hệ trọng là nơi cách xung quanh hậu môn bốn lóng tay. Nếu bị bệnh ung thư, sảy càng thì Ta cho phép nhai gạo tiểu mạch trộn với phân gà đắp lên trên

mụt để cho nung mủ, rồi nhờ bạn cùng Hòa thượng, A-xà-lê chích lể ra. Nếu các nơi khác bị bệnh ung thư, sảy càng cần dùng dao chữa trị thì được phép dùng. Nếu ai dùng dao chữa trị chỗ hệ trọng thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là dùng dao trị bệnh.

TÚI CHỨA NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có một Tỳ-kheo bệnh đau đầu bèn hỏi y sĩ:

- Này lão trượng! Ông có thể rót nước chữa bệnh cho tôi được không?

- Có thể được.

Thế rồi, ông suy nghĩ: "Các Sa-môn Thích tử này thông minh, trí tuệ, nếu thấy ta rưới nước chữa bệnh thì về sau sẽ không gọi ta nữa". Cho đến ông bỏ túi đựng nước mà chạy. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật khiển trách:

- Vì sao ông dùng túi rót nước trị bệnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng túi chứa nước. Túi gồm có các loại: túi da bò, túi da trâu, túi da dê. Tất cả các loại túi da như thế đều không được dùng để chứa nước. Nếu y sĩ nói: "Bệnh này cần dầu để tẩm", thì nên lấy gỗ khoét đựng dầu vào dùng vải quấn lại đem đặt trong nhà tắm, ngồi lên

trên, miệng ngậm mía. Hoặc dùng vải bông xếp lại rồi tẩm dầu vào, đặt trên một vật gì để chừa lỗ trống cho dầu nhỏ xuống chỗ bị đau thì không có tội. Nếu dùng túi da đựng nước thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là túi chứa nước.

PHÉP CẠO TÓC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một khách buôn ở ấp Đại Lâm thuộc một nước ở phương Nam lùa đàn trâu tám con đến nước Câu Đa ở phương Bắc. Lại có một khách buôn khác cùng ông ta thả trâu ăn chung trong chằm. Lúc ấy, người Ly-xa bắt rồng ăn thịt, bắt được một Long nữ. Hôm ấy, Long nữ thọ Bố-tát, không có tâm sát hại nên cứ để mặc người kia xỏ mũi dắt đi. Người khách buôn thấy hình dung Long nữ đoan chánh khởi lòng từ, bèn hỏi đồng tử Ly-xa:

- Ông dắt con rồng này đi đâu, định làm gì đấy?

- Tôi định giết để ăn thịt.

- Đừng giết, tôi sẽ đưa ông một con trâu đổi lấy con rồng này để thả đi.

Thế nhưng đồng tử Ly-xa không chịu, cuối cùng người kia chịu đổi tám con trâu, Ly-xa mới nói:

- Con rồng này thịt rất ngon, nay vì ông mà tôi

phải thả nó.

Đoạn, y nhận lấy tám con trâu, thả Long nữ đi. Bỗng chốc, khách buôn suy nghĩ: "Kẻ này là người ác, e rằng y sẽ đuổi theo Long nữ để bắt lại". Nghĩ thế, ông đi theo người ấy đến bên ao. Bấy giờ, Long nữ biến thành người, nói với khách buôn:

- Ông đã cứu mạng tôi, tôi muốn báo ân, ông hãy xuống long cung, tôi sẽ đền ân ông.

- Không thể được! Loài rồng của các ngươi tâm tính hung bạo, giận dữ bất thường, biết đâu lại giết hại ta!

- Không có chuyện đó! Kẻ kia cột tôi, tôi dư sức giết y nhưng vì tôi thọ Bố-tát nên không có tâm giết hại, huống gì nay ông đã cho tôi mạng sống mà tôi lại hại ông sao? Nếu ông không đi thì hãy dừng lại đây chốc lát để tôi vào trước trong cung tấu trình.

Thế rồi, Long nữ đi vào cung. Lúc ấy, trông thấy hai con rồng bị cột tại một chỗ trước long môn, người khách buôn liền hỏi chúng:

- Các ngươi vì việc gì mà bị trói?

- Long nữ này trong nửa tháng thọ chay lạt ba ngày, anh em chúng tôi giữ gìn nó không cẩn thận khiến nó bị đồng tử Ly-xa bắt được, vì thế mà chúng tôi bị trói. Mong ông từ bi hãy nói giúp để họ thả chúng tôi. Ở long cung có loại thức ăn, ăn vào đến lúc chết mới tiêu hóa, có loại ăn

vào hai mươi năm sau mới tiêu hóa, có loại bảy năm mới tiêu hóa và có loại thức ăn của cõi Diêm-phù-đề. Nếu Long nữ hỏi ông muốn ăn loại thức ăn nào thì nên đòi thức ăn của loài người cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ vào tấu trình xong, bèn gọi khách buôn vào ngồi trên giường nệm châu báu, rồi thưa:

- Nay ông muốn ăn thức ăn gì? Muốn ăn một lần đến lúc chết mới tiêu hóa...?

- Muốn ăn thức ăn của loài người ở cõi Diêm-phù-đề.

Long nữ dọn lên các thức ẩm thực. Khách buôn liền hỏi Long nữ:

- Hai con rồng kia vì sao mà bị trói?

- Ông chỉ nên ăn thôi, chứ hỏi làm gì?

- Không phải vậy, tôi muốn biết điều đó! Ông cứ hỏi mãi, Long nữ đành phải nói:

- Kẻ này có lỗi, tôi muốn giết hắn.

- Ngươi đừng giết.

- Không thể được! Phải giết đi thôi.

- Ngươi thả hắn ra thì ta mới ăn.

- Không thể thả ngay được mà phải phạt hắn bằng cách đày lên cõi người sáu tháng.

Thế là Long nữ phạt hắn lên nhân gian sáu tháng. Khách buôn thấy long cung có nhiều bảo vật được dùng để trang hoàng cung điện, liền hỏi Long nữ:

- Ngươi đã được những thứ trang nghiêm quý báu như vậy, còn thọ Bố-tát làm chi nữa?

- Cái kiếp rồng của tôi có năm sự khổ, đó là: Lúc sinh ra hiện thân rồng; lúc ngủ hiện thân rồng; lúc hành dâm hiện thân rồng; lúc giận dữ hiện thân rồng; lúc chết hiện thân rồng. Trong một ngày trải qua ba lần da thịt bị dính vào cát nóng thiêu thân.

- Thế thì ngươi muốn cầu điều chi?

- Tôi muốn cầu được sinh làm người. Vì sao vậy? Vì trong loài súc sinh đau khổ, không có chánh pháp.

- Ta đã được thân người, vậy nên cầu điều gì?

- Xuất gia rất khó được (vậy nên cầu xuất gia).

- Nên theo ai xuất gia?

- Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiện nay đang ở tại thành Xá-vệ, những kẻ chưa độ thì Ngài cứu độ, những kẻ chưa giải thoát thì Ngài làm cho giải thoát, ông nên đến đó xuất gia.

- Ta muốn trở về.

Long nữ liền cho ông tám bánh vàng rồi bảo:

- Đây là vàng của rồng đủ cho cha mẹ, bà con ông dùng suốt đời không hết. Giờ ông hãy nhắm mắt lại.

Thế rồi, Long nữ dùng sức thần biến đưa ông trở lại cố quốc. Người bạn đồng hành của ông trước đây đã đến báo tin cho gia đình ông biết là ông đã xuống Long cung. Do thế, cha mẹ ông tưởng con

mình đã chết cho nên quyến thuộc tôn thân tụ họp nhau một chỗ khóc lóc tiếc thương. Lúc ấy, người chăn trâu và những người đốn củi thấy ông trở về, liền vội vàng đến báo tin cho gia đình ông:

- Mỗ giáp đã trở về rồi.

- Người nhà nghe thế vô cùng hân hoan, liền ra đón tiếp đưa ông về nhà. Khi về nhà rồi, gia đình mở hội ăn mừng việc ông được sống lại. Thế rồi, ông lấy tám bánh vàng tặng cho cha mẹ, nói:

- Đây là vàng của rồng, cắt rồi liền nguyên lại, dùng suốt đời cũng không hết, xin cha mẹ cho phép con xuất gia.

Nhưng cha mẹ không cho. Ông liền đi đến Tinh xá Kỳ-hoàn, Tỳ-kheo bèn độ cho xuất gia. Cha mẹ sau đó đi đến cửa Tinh xá hỏi các Tỳ-kheo:

- Các vị có biết Mỗ giáp đâu không? Tất cả đều đáp:

- Không thấy, không nghe. Nhưng có một Tỳ-kheo nói:

- Ông chỉ cần đứng nơi cửa này, nếu có thì trong chốc lát y sẽ ra vào!

Nghe lời chỉ dẫn, người ấy đứng đợi một lát liền thấy con mình đi ra, bèn chê trách:

- Sa-môn Thích tử nói dối, thấy mà nói không thấy, nghe mà nói không nghe.

Người con khuyên cha mẹ:

- Đừng làm những việc không lợi ích. Con xuất

gia ở đây ai cũng đều biết cả.

Thế rồi, cha mẹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, ngồi sang một bên. Phật liền thuyết pháp dạy bảo khiến họ được lợi ích hoan hỷ, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Đoạn, họ nói với con:

- Chúng ta đều là những người được sống lại. Nay con xuất gia được lợi ích rất lớn.

Các Tỳ-kheo nghe những lời chê trách của họ vừa rồi đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo đã độ người xuất gia đến. Khi thầy đến rồi, Phật hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông không bạch với chúng mà độ người xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép không bạch với chúng Tăng mà độ người xuất gia. Cần phải bạch khi cho xuất gia và khi cạo đầu. Bạch nghĩa là bạch với tất cả chúng Tăng, ít nhất là bạch với tám Thượng tọa. Và Thượng tọa nên bảo làm cho đúng pháp. Nếu bạch cạo đầu mà không bạch xuất gia thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cả hai đều có bạch thì không có tội. Nếu không bạch xuất gia cũng không bạch cạo đầu thì phạm hai tội Việt-tỳ-ni. Nếu ra ngoài cương giới độ người thì không có tội. Đó gọi là cạo đầu.

Lại nữa, khi Phật an trú tại Tinh xá Trúc Viên Ca-lan-đà, thành Vương xá, Đức Như Lai độ người

ở mọi nơi, nào là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, trưởng giả, ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn. Bấy giờ, Phật nói với các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, các ông cũng nên độ người xuất gia, thọ Cụ túc. Thế rồi, các Tỳ-kheo cũng bắt chước Đức Như Lai gọi "Thiện lai"

khi độ người xuất gia nhưng râu tóc vẫn còn nguyên vẹn. Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

- Đâu có phải tất cả đều được kim khẩu vô úy như Như Lai, (hễ khi gọi Thiện lai thì) râu tóc tự rụng. Từ nay về sau, phải cạo tóc.

Thế rồi, khi cạo tóc, các Tỳ-kheo cạo tóc mà không cạo râu, hoặc cạo râu mà không cạo tóc. Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

- Phải cạo tất cả, khi cạo, trước nên cạo râu, sau cạo tóc. Nếu người được cạo khó tính thì cạo tóc trước không có tội. Đối với người mới xuất gia không nên nói với họ rằng xuất gia sướng mà nên bảo rằng xuất gia khổ, nào là: ăn ngày một bữa, ở mỗi chỗ một đêm, ngủ một giấc, ăn ít, uống ít, ngủ ít, thức nhiều. Này lão trượng! Ông có làm được không? Nếu họ đáp: "Được", thì mới cạo tóc. Nếu đã là Tỳ-kheo thì cạo tóc trước, cạo râu sau không có tội.

Đó gọi là cạo tóc.

DỤNG CỤ CẠO TÓC

Khi Phật du hành nước Câu-tát-la đến thôn Bà-la-môn, lúc ấy có hai cha con ông già mang dụng cụ theo xin xuất gia, cho đến Phật dạy:

- Vì sao người cạo tóc mang dụng cụ theo mà ông độ họ xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mang dụng cụ xuất gia. Nếu người cạo tóc mang dụng cụ theo muốn xin xuất gia thì nên bảo: "Ông hãy bỏ dụng cụ cạo tóc rồi tôi mới cho xuất gia. Sau khi xuất gia rồi nếu cần thì mượn của kẻ khác mà dùng". Ngoài thợ cạo, thì thợ rèn, thợ mộc, thợ kim hoàn, thợ da, thợ dệt và các thợ chuyên môn khác cũng thế, đều không cho phép độ họ xuất gia khi mang dụng cụ theo. Nếu ai độ trong trường hợp như vậy thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là dụng cụ làm việc.

PHÁ TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói phá Tăng, thế nào là phá Tăng?

- Này Ưu-ba-ly! Như Đại đức Tỳ-kheo như pháp như luật khéo hiểu nghĩa lý sâu xa thì Tỳ-kheo ấy xứng đáng được lễ bái tôn kính tùy thuận nghe theo lời dạy. Nếu có Tỳ-kheo nào cho rằng những lời nói của Tỳ-kheo ấy là phi pháp, không tùy thuận thì đó là sự xích mích giữa chúng Tăng, chứ không phải phá Tăng, cho đến khi nào Tăng trong một trú xứ cùng tụng giới, cùng Yết-ma (thì không phải phá Tăng). Ta đã chế định rằng nếu trong một cương giới, một trú xứ mà Tăng Bố-tát, Tự tứ, làm Yết-ma riêng thì đó gọi là phá Tăng.

- Bạch Thế Tôn! Phá Tăng phạm tội như thế nào?

- Bị tội đọa vào địa ngục một kiếp. Đó gọi là phá Tăng.

TĂNG HÒA HỢP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tôn giả Ưu-ba-ly bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Thế Tôn nói về Tăng hòa hợp, vậy thế nào gọi là Tăng hòa hợp?

- Ta đã chế định rằng nếu một Đại đức Tỳ-kheo sống như pháp, như luật, khéo hiểu nghĩa lý sâu xa, thì Tỳ-kheo ấy đáng được lễ bái, tôn kính. Các Tỳ-kheo tùy thuận chấp hành các quy định, cùng sống trong một trú xứ cùng Bố-tát, Tự tứ và thực

hiện pháp Yết-ma, đó gọi là Tăng hòa hợp.

Lại nữa, Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, rồi bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tăng hòa hợp có những công đức gì?

- Này Ưu-ba-ly! Được quả báo lành trong một kiếp. Đó gọi là Tăng hòa hợp.

NĂM TRĂM TỲ-KHEO KẾT TẬP PHÁP TẠNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy, vua A-xà-thế con bà Vi-Đề-Hy có mối oán thù với người Tỳ-xá-ly như trong Kinh Đại Bát Nê Hoàn đã nói rõ, cho đến việc Đức Thế Tôn xả thọ mạng bên tháp Phóng Cung Trượng, tại Tỳ-xá-ly. Thế rồi, Ngài hướng đến thành Câu-thi-na, bên dòng sông Hy-liên-thiền, sinh quán của lực sĩ, trong rừng Kiên cố bát Nê-hoàn dưới cây Song thọ. Khi sắp Hỏa-thiêu nơi tháp Thiên Quan thì chư Thiên làm cho lửa không cháy để chờ Tôn giả Đại Ca-diếp. Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp đang ngồi thiền trong hang Tân-bát-la trên núi Kỳ-xà-quật, liền suy nghĩ: "Thế Tôn đã xả thọ mạng, không biết muốn nhập Niết-bàn tại nơi nào? Hiện giờ ở đâu? Có ít bệnh, ít phiền não và sống an lạc không?". Suy

nghĩ thế rồi, liền nhập định, dùng thiên nhãn quan sát tất cả thế giới thì thấy Thế Tôn đang ở thành Câu-thi-na, bên sông Hi-liên, sinh quán của lực sĩ trong rừng Kiên cố, giữa hai cây Song thọ, sắp được Hỏa-thiêu tại tháp Thiên Quan, (cho đến) lửa không cháy. Thấy thế, Tôn giả buồn thảm không vui, lại suy nghĩ: "Ngay lúc xá-lợi của Thế Tôn chưa phân tán, ta nên đến đảnh lễ". Đoạn, Tôn giả lại nghĩ: "Giờ đây ta đến để viếng thân tối hậu của Thế Tôn thì không nên dùng thần túc để đến mà nên đi bộ đến". Nghĩ thế, Tôn giả nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, ai nấy đều mang theo y bát cùng đến Câu-thi-na-kiệt lễ viếng Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe thế, đều đáp:

- Lành thay!

Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp cùng với các Tỳ-kheo đi đến Câu-thi-na-kiệt. Trên đường đi, họ băng qua một thôn xóm. Trong thôn này có một Tỳ-kheo già đang sống. Tôn giả Đại Ca-diếp liền bảo Tỳ-kheo già:

- Thầy hãy đem theo y bát đến đây, để chúng ta cùng đến thành Câu-thi-na-kiệt lễ viếng Thế Tôn.

- Trưởng lão Đại Ca-diếp! Đợi ăn bữa trước, bữa sau xong rồi chúng ta hãy đi.

- Không nên chờ ăn xong.

Tỳ-kheo già nài nỉ đến ba lần, Đại Ca-diếp đều nói:

- Không nên chờ.

Khi ấy, Tỳ-kheo già nổi giận, nói:

- Sa-môn có việc gì mà gấp gáp, vội vàng như thế, giống như quạ chết không đáng giá một đồng tiền. Hãy đợi trong chốc lát ăn rồi mới đi.

Tôn giả Đại Ca-diếp lại nói:

- Hãy để đồ ăn đó đã. Đức Thế Tôn nay đã Nê-hoàn, chúng ta phải đến gấp cho kịp lúc chưa Hỏa-thiêu.

Tỳ-kheo già nghe tin Phật đã bát Nê-hoàn, liền nói với Tôn giả Đại Ca-diếp:

- Nay ta vĩnh viễn được giải thoát. Vì sao thế? Vì vị A-la-hán ấy lúc còn sống thường nói: "Việc ấy nên làm, việc kia không nên làm". Nay đã Nê-hoàn việc gì nên làm hay không nên làm ta đều được tự do tùy ý.

Khi nghe lời nói ấy, Đại Ca-diếp sầu thảm không vui, liền gảy ngón tay phải, lửa phóng ra, đồng thời chân phải mím chặt trên đất. Tỳ-kheo già thấy thế hoảng sợ, bỏ chạy. Thế rồi, Đại Ca-diếp đi đến chỗ Phật. Thế Tôn liền (490b) đưa hai chân từ trong kim quan ra ngoài. Khi Tôn giả Đại Ca-diếp thấy được chân Phật, liền trật vai áo bên phải, cúi đầu đảnh lễ, rồi đọc kệ:

Chân Như Lai đầy đặn,

Hiện bánh xe ngàn căm.
Ngón dài nhọn mềm mại,
Hình mạng lưới cấu thành.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân Tối thắng.
Chân mềm mại tối thắng,
Từng du hành thế gian.
Đại bi cứu chúng sinh,
Từ nay không gặp nữa.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân Như Lai.
Như Lai cứu độ con,
Đạt Ứng chân giải thoát.
Nay con nhìn lần cuối,
Vĩnh viễn không gặp nữa.
Đã đoạn mọi nghi hoặc,
Bậc Ly dục Tối thượng.
Làm lợi ích mọi loài
Tất cả đều hoan hỷ.
Vì thế hôm nay con
Đảnh lễ chân Tối thắng.
Đức hạnh Phật như vậy,
Khéo đáp mọi nghi ngờ.
Ngày hôm nay đã qua
Ánh từ quang vĩnh diệt.
Vì thế hôm nay con,
Đảnh lễ chân Tối thắng.
Con chứng bốn chân lý,

Nói công đức của Phật.
Đọc kệ lễ kính xong,
Hai chân liền thu vào.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bàn bạc: "Ai nên châm lửa thiêu đây?" Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp nói:

- Tôi là trưởng tử của Thế Tôn, nên để tôi châm lửa thiêu.

Thế là đại chúng đồng thanh nói: "Tốt lắm", liền hỏa-thiêu. Khi Hỏa-thiêu xong, Ca-diếp nhớ lại lời nói của vị Tỳ-kheo già ở trong thôn, cho đến: "Muốn làm thì làm, không muốn làm thì thôi", Tôn giả liền nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Trưởng lão! Vấn đề xá-lợi của Thế Tôn không phải là việc của chúng ta mà quốc vương, trưởng giả, Bà-la-môn, cư sĩ, những người cầu phước tự họ sẽ lo việc cúng dường. Việc của chúng ta trước hết là phải kết tập pháp tạng chớ để pháp Phật sớm diệt.

Mọi người bàn:

- Chúng ta nên kết tập Pháp tạng chỗ nào?

Lúc ấy, có người bàn: "Nên đến Xá-vệ"; có người nói: "Nên đến Sa kỳ"; có người nói: "Nên đến Chiêm-bà"; có người nói: "Nên đến Tỳ-xá-ly "; có người lại nói: "Nên đến Ca-duy-la-vệ".

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đề nghị:

- Nên đến thành Vương xá kết tập pháp tạng. Vì sao thế? Vì Đức

Thế Tôn đã di chúc: Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hi ở thành Vương xá là bậc có tín căn đệ nhất trong hàng Ưu-bà-tắc của các Thanh văn. Vả lại, vị vua ấy có năm trăm chiếc giường nằm để cung cấp, nên đến chỗ vị ấy.

Nghe thế, tất cả đều đáp:

- Vâng.

Đức Thế Tôn trước kia có dặn Tôn giả A-na-luật: "Khi Như Lai bát Nê-hoàn ông nên giữ gìn xá-lợi đừng để chư Thiên đem đi. Bởi vì trong thời quá khứ Đức Như Lai bát Nê-hoàn, chư Thiên đem xá-lợi đi, khiến người đời không thể đến đó chiêm bái được, nên mất công đức. chư Thiên có thể đến nhân gian cúng dường, nhưng người đời không thể đến chỗ họ, ngoại trừ người có thần túc; vì thế phải giữ gìn cẩn thận".

Bấy giờ, thị giả A-nan vì bận việc cúng dường nên không đến được. Đại Ca-diếp cùng với một ngàn Tỳ-kheo đi đến thành Vương xá, tới trong hang núi Sát Đế, trải giường nệm, trang trí tòa của Thế Tôn. Ở phía trước, bên trái tòa Thế Tôn đặt tòa của Tôn giả Xá-lợi-phất, ở bên phải đặt tòa của Tôn giả Đại Mục-liên, kế đến đặt tòa của Đại Ca-diếp, cứ như vậy lần lượt theo thứ tự bài trí giường nệm rồi chuẩn bị những nhu yếu cần thiết trong bốn tháng. Vì mục đích kết tập pháp tạng cho nên cắt đứt các ngoại duyên. Khi đại chúng tập hợp xong,

trong số đó có người đạt được ba minh, sáu thông giới đức tự tại. Trong những người này, có người trực tiếp thọ giáo với Thế Tôn, đọc thuộc một bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc một bộ Luật; có người thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn đọc thuộc hai bộ Luật; có người theo chúng Thanh văn đọc thuộc hai bộ Luật. Thế rồi, đại chúng cùng bàn bạc:

- Ở trong này nên chọn những vị đạt được ba minh, sáu thông, có giới đức tự tại, từng thọ giáo trực tiếp với Thế Tôn tụng thuộc hai bộ Luật, từng theo chúng Thanh văn tụng thuộc hai bộ Luật.

Khi chọn lựa xong, đếm lại thì thấy thiếu hai người mới đủ số năm trăm, đại chúng bàn tiếp:

- Nên chọn đủ năm trăm người.

Thế rồi, Trưởng lão A-na-luật đi đến bổ sung thêm nhưng vẫn thiếu một người. Khi ấy, Tôn giả Đại ca-diếp làm Thượng tọa thứ nhất, Thượng tọa thứ hai tên Na-đầu-lô, Thượng tọa thứ ba tên Ưu-ba-na-đầu-lô. Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp tự lên ngồi tòa của mình, để trống tòa của Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên và A-nan. Thế rồi, các Tỳ-kheo lần lượt ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp bảo Trưởng lão Lê-bà-đề đệ tử

đồng hành của Tôn giả Mục-liên:

- Ông hãy lên cõi trời Ba mươi ba gọi Tỳ-kheo

Tủy-đề-na đến, nói: "Đức Thế Tôn đã bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập họp định kết tập Pháp tạng".

Thầy liền vâng lệnh, đi đến cõi trời Ba mươi ba, bạch:

- Thưa Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo Tăng đang tập họp định kết tập Pháp tạng nên sai tôi đến gọi Trưởng lão.

- Vị Tỳ-kheo này nghe xong sầu thảm, không vui, bèn hỏi:

- Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn rồi sao?

- Thưa vâng.

- Nếu Đức Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn thì con mắt của thế gian đã hoại diệt.

Thầy nói xong, dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội tự thiêu thân. Vị sứ giả thấy vậy trở về, vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên, cho đến đoạn: Nhập Hỏa quang tam muội. Thế rồi, Tăng lại sai thầy lên cung Thi-lợi-sa-sí, cõi trời Ba mươi ba gọi Kiều-phạm-ba-đề; lần lượt đến Trưởng lão Thiện Kiến ở Hương Sơn; Trưởng lão Phả-đầu-tẩy-na ở Du Hí Sơn; Trưởng lão Bạt-khư-lê ở Chiêm-ba Sơn; rồi đến Trưởng lão Uất-đa-la ở Tịnh Sơn; đệ tử của Tôn giả Mục-liên tên Đại Quang ở Quang Sơn; đệ tử của Tôn giả Xá-lợi-phất tên Ma-tẩu-lô ở Mạn Đà Sơn; Tôn giả

La-đổ ở Ma La Sơn. Các vị ấy, khi nghe gọi đều Bát Nê-hoàn. Đồng thời Tăng sai sứ giả đến Thiên cung Tỳ-sa-môn gọi Tu-mật-đa. Sứ giả đến nơi thưa:

- Thưa Trưởng lão! Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn, Tỳ-kheo đang tập họp định kết tập pháp tạng, cho tôi đến gọi Trưởng lão.

Vị Tỳ-kheo ấy nghe xong sầu thảm, không vui, nói:

- Đức Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn rồi sao?

- Thưa vâng!

- Nếu Thế Tôn còn ở cõi Diêm-phù-đề thì tôi sẽ đến, nay Thế Tôn đã Bát Nê-hoàn tức là con mắt của thế gian đã diệt mất.

Nói xong, thầy dùng thần túc bay lên hư không, nhập Hỏa quang tam muội, tự thiêu thân, nhập vào Niết-bàn. Bấy giờ, sứ giả liền trở về vào giữa Tăng thuật lại đầy đủ sự việc trên cho chư Tăng nghe. Đại Ca-diếp liền nói:

- Này các Trưởng lão! Hãy thôi, đừng gọi những người khác nữa. Những ai nghe gọi đều tự nhập Niết-bàn, nếu cứ gọi tiếp thì họ sẽ nhập Niết-bàn hết, như thế thì phước điền của cõi đời này sẽ thành ra trống không.

Có một Tỳ-kheo nói:

- Thưa các Trưởng lão! Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, từng thân cận thọ giáo. Hơn nữa Đức

Thế Tôn từng phú chúc rằng A-nan có ba việc đặc biệt, nên gọi thầy đến.

Đại Ca-diếp nói:

- Không phải vậy! Nếu như người còn đang học này vào trong chúng Vô học có giới đức tự tại thì cũng như con chó ghẻ vào giữa bầy sư tử.

Lúc này, Tôn giả A-nan sắp xếp việc cúng dường vừa xong, đi đến một thôn, rồi thầm nhủ: "Hôm nay ta nghỉ lại đây, ngày mai sẽ đến thành Xá-vệ". Thế rồi, có một vị trời đến nói với A-nan:

- Đại Ca-diếp nói Tôn giả là con chó ghẻ.

A-nan bèn suy nghĩ: "Đức Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, chính lúc này, ta cần người để nương tựa, vì sao lại ví ta như con chó ghẻ?".

Nghĩ thế nên lòng không vui, rồi thầy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-diếp này biết quá rõ dòng dõi tên tuổi của ta, vì cho rằng ta chưa đoạn trừ hết kiết sử nên mới nói như vậy".

Bấy giờ, Tôn giả A-nan càng siêng năng gấp bội đi kinh hành không biếng nhác, mong hết sạch hữu lậu nên hành đạo cực khổ. Hơn nữa, vì Thế Tôn Nê-hoàn khiến thầy mang nỗi buồn da diết trong lòng, đồng thời những gì trước đây đã nghe và thu nhận thì chưa thấu triệt, nên lại nghĩ ngợi: "Đức Thế Tôn đã phú chúc rằng đối với giáo pháp này tâm ta không phóng dật sẽ dứt sạch hữu lậu, vậy thì phải cực khổ quá làm gì!". Thế nhưng tâm

thầy vẫn không xả định, nghiêng mình định nằm xuống, đầu chưa chấm gối thì sạch hết hữu lậu, đạt được ba minh, sáu thông có sức lực tự tại. Thầy liền dùng thần túc nương theo hư không mà đi, đến ngoài cửa hang Sát đế, đọc kệ:

Đa văn và biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
A-nan con Cù-đàm
Giờ đang đứng ngoài cửa.

Thế nhưng, đại chúng vẫn chưa mở cửa cho thầy, nên thầy lại đọc kệ tiếp:

Đa văn khéo biện tài,
Là thị giả Thế Tôn.
Đã bỏ gánh kiết sử,
Con Cù-đàm ngoài này.

Bấy giờ, Đại Ca-diếp liền đọc kệ:

Ông nói mình đã chứng,
Đã bỏ gánh phiền não.
Con Cù-đàm chưa vào,
Vào đi con Cù-đàm!

A-nan vào xong, đảnh lễ tòa của Thế Tôn, rồi tuần tự đảnh lễ các Thượng tọa, đoạn, đến ngồi tòa của mình. Khi ấy, Đại Ca-diếp nói với A-nan:

- Tôi không tự cao cũng không khinh ông, chỉ vì ông cầu đạo không tiến bộ, muốn cho ông tinh cần diệt hết các hữu lậu cho nên mới nói lời ấy.

- Tôi cũng biết! Chỉ vì tôi chưa hết kiết sử,

muốn cho tôi tinh cần diệt hết các hữu lậu (nên Tôn giả mới nói như vậy).

Lúc ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp liền hỏi chúng Tăng đang ngồi:

- Giờ đây nên kết tập tạng nào trước?

- Nên kết tập tạng Pháp (Kinh) trước.

- Nên cử ai kết tập?

- Nên cử Trưởng lão A-nan. A-nan liền nói:

- Không nên làm như vậy vì còn có nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Đại chúng lại nói:

- Tuy có nhiều Trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng Đức Thế Tôn đã phú chúc thầy là người đa văn bậc nhất, do đó thầy nên kết tập.

- Nếu các Trưởng lão đề cử tôi kết tập thì điều gì như pháp nên hoan hỷ, điều gì không như pháp nên ngăn cản, điều gì không tương ưng cũng nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi mà không ngăn cản. Nói chung, điều gì đúng nghĩa, điều gì không đúng nghĩa đều xin chỉ giáo.

- Trưởng lão A-nan! Thầy chỉ cần kết tập Pháp tạng, điều gì như pháp thì Tăng tùy hỷ, điều gì phi pháp thì đến lúc đó sẽ biết.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bèn suy nghĩ: "Bây giờ ta phải kết tập pháp tạng như thế nào đây?". Suy nghĩ thế rồi, thầy liền đọc lời kinh:

Tôi nghe như vầy, một thời Phật ở tại Uất Tỳ

La, bên dòng sông Ni Liên, nơi Bồ-đề Mạn-đà-la". Khi Tôn giả A-nan vừa nói lời ấy thì năm trăm vị A-la-hán có đức hạnh tự tại liền bay lên hư không đồng thanh khen ngợi:

- Chúng con đã được tận mắt thấy Thế Tôn, giờ đây lại được nghe lời dạy, rồi cùng niệm: "Nam mô Phật", đoạn trở lại chỗ ngồi.

Bây giờ, A-nan liền đọc kệ sau đây:

Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Lìa si, diệt phiền não.
Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Chứng các pháp diệt tận.
Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi,
Hàng phục đám ma quân.
Siêng tu tập thiền định,
Thấy các pháp sinh diệt.
Biết pháp từ duyên khởi
Ánh dương xua bóng đêm.

Tôn giả A-nan đọc tất cả pháp tạng như vậy. Những câu văn dài kết tập thành Trường A Hàm. Những câu văn trung bình kết tập thành Trung A

Hàm. Những câu văn linh tinh kết tập thành Tạp A Hàm, chẳng hạn như căn tạp, lực tạp, giác tạp, đạo tạp, đại loại như thế gọi là tạp. Từ một tăng lên hai, tăng lên ba cho đến tăng lên một trăm, tùy theo số loại tương tự nhau kết tập thành Tăng Nhất A Hàm. Tạp tạng bao gồm Phật-bích-chi, A-la-hán, tự thuyết, bản hạnh, nhân duyên, các kệ tụng, đại loại như vậy gọi là Tạp tạng.

Khi ấy, Trưởng lão A-nan liền đọc kệ:

Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này được nghe từ Phật.
Đây chính là tám vạn pháp tạng,
Các pháp này nghe từ người khác.
Các pháp này tôi giữ vẹn toàn,
Chính Phật dạy đường đến Niết-bàn.
Đó gọi là kết tập Pháp tạng.

Tiếp đến, đại chúng hỏi:

- Ai có thể kết tập Luật tạng? Có người nói:

- Trưởng lão Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly liền lên tiếng:

- Không thể như vậy vì còn có những Trưởng lão Tỳ-kheo khác.

Có người lại nói:

- Tuy có những Trưởng lão Tỳ-kheo khác nhưng Đức Thế Tôn đã phú chúc Trưởng lão thành tựu mười bốn pháp, trừ Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra thì Trưởng lão là người trì Luật bậc nhất.

Ưu-ba-ly nói:

- Thưa các Trưởng lão! Nếu bảo tôi kết tập Luật tạng thì điều gì như pháp hãy tùy hỷ, điều gì không như pháp hãy ngăn cản; nếu điều gì không tương ưng thì nên ngăn cản chứ đừng vì tôn trọng tôi (mà bỏ qua); đồng thời điều nào đúng nghĩa, trái nghĩa cũng đều xin chỉ giáo.

Thế rồi, tất cả đều nói:

- Trưởng lão Ưu-ba-ly chỉ lo việc kết tập, điều gì như pháp thì chúng tôi tùy hỷ, điều gì phi pháp thì lúc đó sẽ biết.

Tôn giả Ưu-ba-ly suy nghĩ: "Hôm nay ta kết tập Luật tạng như thế nào đây"? Đối với năm pháp thanh tịnh mà như pháp, như Luật thì tùy hỷ, còn không như pháp như Luật thì nên bỏ ra ngoài. Năm pháp thanh tịnh:

1. Hạn chế tịnh.
2. Phương pháp tịnh.
3. Giới hạnh tịnh.
4. Trưởng lão tịnh.
5. Phong tục tịnh.

1. *Hạn chế tịnh:* Tại trú xứ của các Tỳ-kheo đặt ra các hạn chế rằng điều gì tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là hạn chế tịnh.

2. *Phương pháp tịnh:* Đối với những luật pháp của quốc gia, điều gì tương ưng với bốn giáo lý cơ

bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là phương pháp tịnh.

3. *Giới hạnh tịnh:* Khi ta thấy Tỳ-kheo Mỗ giáp trì giới làm việc đó mà tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, nếu không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là giới hạnh tịnh.

4. *Trưởng lão tịnh:* Nếu ta thấy Trưởng lão Tỳ-kheo, Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-liên làm việc đó mà tương ưng với bốn giáo lý cơ bản thì dùng, không tương ưng thì bỏ. Đó gọi là Trưởng lão tịnh.

5. *Phong tục tịnh:* Không được làm những việc như khi còn thế tục, chẳng hạn ăn phi thời, uống rượu, hành dâm; tất cả những việc như vậy hợp pháp đối với thế tục nhưng không hợp pháp đối với người xuất gia. Đó gọi là phong tục tịnh.

Thưa các Trưởng lão! Những điều như thế nếu đúng pháp thì xin tùy hỷ, nếu không đúng pháp thì xin lên tiếng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền đáp:

- Nếu tương ưng thì dùng, nếu không tương ưng thì lúc ấy sẽ ngăn cản.

Thế rồi, Tôn giả Ưu-ba-ly nói với A-nan:

- Trưởng lão có tội, phải sám hối với chúng Tăng thanh tịnh.

- Tôi có những tội gì?

- Đức Thế Tôn đến ba lần chế định không cho phép độ người nữ xuất gia mà thầy xin Thế Tôn

đến ba lần, thế là phạm tội Việt-tỳ-ni.

- Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp bèn ném một cái thẻ xuống đất, nói:

- Đây là thẻ thứ nhất.

Tức thì chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Lại nữa, khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, Ngài nói:

"Này A-nan! Ta ở Ban Lạc phóng cung trượng tháp tại Tỳ-xá-ly này rất an lạc; nếu ai được bốn thần túc thì có thể kéo dài mạng sống đến một kiếp, hoặc hơn một kiếp; nếu Phật ở đời thì người đời sẽ được thấy", thì thầy nói: "Như vậy đó Thế Tôn! Như vậy đó Tu-già-đà", mà không thỉnh Phật trụ thế nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ hai.

Lại nữa, khi may y Tăng-già-lê cho Thế Tôn, thầy đã dùng ngón chân phải đạp trên y, há thầy không biết rằng y Tăng-già-lê này là bảo tháp mà chư Thiên, người đời nên cúng dường hay sao? Vì thế phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục ném thẻ thứ ba.

Lại nữa, Phật nói: "Này A-nan! Hãy đi lấy nước", nói như vậy đến ba lần mà thầy không lấy nước cho Thế Tôn, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ tư.

Lại nữa, Phật nói: "A-nan, khi Ta sắp nhập Niết-bàn nên nói với Ta, Ta sẽ vì các Tỳ-kheo bỏ những giới vi tế", nhưng thầy không bạch nên

phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ năm.

Lại nữa, khi Phật bát Nê-hoàn, thầy để mã âm tàng của Phật cho Tỳ-kheo ni xem, nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ sáu.

Lại nữa, khi Phật bát Nê-hoàn, các lão mẫu của lực sĩ đến khóc khiến nước mắt nhỏ trên chân Thế Tôn, thầy là thị giả mà không ngăn cản nên phạm tội Việt-tỳ-ni. Tiếp tục bỏ xuống thẻ thứ bảy.

Lúc ấy, A-nan không nhận hai tội, nói như sau:

- Thưa Trưởng lão! Chư Phật quá khứ đều có bốn chúng, vì thế tôi

thỉnh Phật độ Tỳ-kheo ni đến ba lần. Còn khi Phật ở Tỳ-xá-ly, ba lần báo cho biết mà tôi không thỉnh Phật trụ thế là vì lúc ấy tôi là người còn đang học, bị ma che mờ cho nên không thỉnh. Ở đây tôi chỉ phạm năm tội Việt-tỳ-ni.

Thế rồi, Trưởng lão (sám hối) đúng như pháp.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly liền bạch với đại chúng:

- Thưa các Trưởng lão! Đây là thứ tự của chín pháp:

1. Ba-la-di.
2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Hai pháp Bất định.
4. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ.
5. Chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.

6. Bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni.
7. Pháp chúng học.
8. Bảy pháp Diệt tránh.
9. Pháp tùy thuận.

Đức Thế Tôn tại mỗ xứ vì Tỳ-kheo Mỗ giáp, chế những giới này phải không?

Bấy giờ, đại chúng cùng đáp:

- Đúng như vậy Ưu-ba-ly! Đúng như vậy Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly tiếp:
- Trong Luật có ghi lại năm việc sau đây:

1. Tu đa la.
2. Tỳ-ni.
3. Nghĩa.
4. Giáo.
5. Khinh trọng.

1. *Tu đa la:* Chỉ cho năm bộ Kinh.
2. *Tỳ-ni:* Tức hai bộ Luật rộng và hẹp.
3. *Nghĩa:* Ý nghĩa của từng câu.
4. *Giáo:* Bốn giáo lý cơ bản mà Đức Thế Tôn đã thuyết giảng cho Sát-lợi, Bà-la-môn và cư sĩ.
5. *Khinh trọng:* Lấy trộm đủ năm tiền là nặng, dưới năm tiền là nhẹ, phạm tội Thâu-lan-giá.

Đó gọi là năm việc mà Luật đã ghi lại. Các Trưởng lão nên học như vậy.

Lại có năm điều luật nữa là:

1. Lược Tỳ-ni.

2. Quảng Tỳ-ni.

3. Phương diện Tỳ-ni.

4. Kiên cố Tỳ-ni.

5. Ứng pháp Tỳ-ni.

1. *Lược Tỳ-ni:* Tức năm thiên giới.

2. *Quảng Tỳ-ni:* Tức hai bộ Luật.

3. *Phương diện Tỳ-ni:* Tại Thâu nô biên địa cho phép năm thầy được truyền giới Tỳ-kheo.

4. *Kiên cố Tỳ-ni:* Khi thọ y Ca-hi-na được bỏ năm việc, từ biệt chúng thực cho đến khi đi đâu không cần thưa với người cùng ăn chung với mình.

5. *Ứng pháp Tỳ-ni:* Trong đây Yết-ma đúng pháp và Yết-ma hòa hợp, đó gọi là làm đúng giới luật. Còn những cách khác là phi Yết-ma (Yết-ma phi pháp).

Thưa các Trưởng lão, đến đây là kết tập Luật tạng hoàn tất. Thế rồi, đại chúng bèn gọi một ngàn Tỳ-kheo ở ngoài vào, nói:

- Thưa các Trưởng lão! Như thế này là tạng pháp (Kinh) đã được kết tập, như thế này là tạng Luật đã được kết tập.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo nói:

- Thưa các Trưởng lão! Đức Thế Tôn trước kia đã nói với A-nan Ngài muốn vì các Tỳ-kheo bỏ bớt một số giới nhỏ nhặt, vậy bỏ những giới nào?

Có Tỳ-kheo nói:

- Nếu Đức Thế Tôn muốn bỏ bớt các giới nhỏ nhặt thì nên bỏ oai nghi.

Có Tỳ-kheo nói:

- Không những bỏ oai nghi mà nên bỏ pháp Chúng học.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

- Cũng nên bỏ luôn cả ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Có Tỳ-kheo nói:

Cũng nên bỏ luôn cả hai pháp Bất định. Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo liền nói:

- Thưa các Trưởng lão! Nếu như Thế Tôn còn tại thế thì nên bỏ hết tất cả.

Đại Ca-diếp oai nghi nghiêm chỉnh giống như Thế Tôn, liền nói như sau:

- Ôi! Ôi! Đừng nói lời ấy.

Tức thời tất cả đại chúng đều im lặng. Đại Ca-diếp liền tiếp:

- Này các Trưởng lão! Nếu đã chế định rồi lại mở ra thì sẽ khiến cho người ngoài nói: "Khi Cù-đàm còn ở đời nghi pháp hưng thịnh, ngày nay đã

Nê-hoàn, giáo pháp suy đồi". Thưa các Trưởng lão! Những gì chưa chế thì đừng chế thêm nữa, những gì đã chế thì chúng ta nên tùy thuận học tập.

- Thế nhưng các pháp này được nghe từ ai?

- Được nghe từ Tôn giả Đạo Lực về Luật, Luận, Tạp A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Trung A Hàm, Trường A Hàm.

- Thế thì Đạo Lực nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la.

- Tôn giả Phất-sa-bà-đà-la nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Thắng.

- Pháp Thắng nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Tăng-già-đề-bà.

- Tăng-già-đề-bà nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Long Giác.

- Long Giác nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Tiền.

- Pháp Tiền nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Đề-na-già.

- Đề-na-già nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Pháp Hộ.

- Pháp Hộ nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Kỳ-bà-già.

- Kỳ-bà-già nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Phất-đề-la.

- Phất-đề-la nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Da-xá.
- Da-xá nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Sai-đà.
- Sai-đà nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Hộ Mạng.
- Hộ Mạng nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Thiện Hộ.
- Thiện Hộ nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Ngưu Hộ.
- Ngưu Hộ nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Cự-xá-la.
- Cự-xá-la nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Ma-cầu-đa.
- Ma-cầu-đa nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Ma-ha-na.
- Ma-ha-na nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Năng Hộ.
- Năng Hộ nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Mục Đa.
- Mục Đa nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Cự Hê.
- Cự Hê nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Pháp Cao.
- Pháp Cao nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Căn Hộ.
- Căn Hộ nghe từ ai?

- Nghe từ Tôn giả Kỳ Đa.
- Kỳ Đa nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Thọ-đề-đà-bà.
- Thọ-đề-đà-bà nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Đà-bà-ba-la.
- Đà-bà-ba-la nghe từ ai?
- Nghe từ Tôn giả Ưu-ba-ly.
- Ưu-ba-ly nghe từ ai?
- Nghe từ Phật.
- Phật nghe từ ai?
- Ngài tự giác ngộ không có thầy, cũng không nghe từ ai cả. Phật có vô lượng trí tuệ, vì lợi ích cho chúng sinh nên Ngài trao truyền cho Ưu-ba-ly. Ưu-ba-ly trao cho Đà-bà-ba-la. Đà-bà-ba-la trao cho Thọ-đề-đà-bà. Thọ-đề-đà-bà lần lượt trao xuống Tôn giả Đạo Lực, rồi Đạo Lực trao cho tôi và những người khác.

Kệ tóm tắt:

"Chúng ta nhờ thầy dạy,
Nghe từ Đấng Vô Thượng.
Giữ gìn đọc tụng Luật.
Pháp Hiền Thánh tuân hành.
Pháp tạng của Thế Tôn,
Kế thừa sau Thích Ca.
Mỗi người phải tuân thủ,
Để chánh pháp còn mãi".

Đó gọi là năm trăm Tỳ-kheo kết tập pháp tạng.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 33

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI MỘT BẢY TRĂM

VỊ ĐẠI HỘI KẾT TẬP, PHÁP TẠNG

Sau khi Phật Niết-bàn (khoảng một trăm năm), các Trưởng lão Tỳ-kheo ở Tăng-già-lam Sa-đôi, tại Tỳ-xá-ly, theo xin các đàn-việt, nói những lời bi ai như sau:

"Này Lão trượng! Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, chúng tôi được cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau và các y phục, nay Thế Tôn đã Niết-bàn, chúng tôi trở thành cô độc, đâu có ai cho thứ gì. Các vị nên bố thí tài vật cho Tăng".

Lúc ấy, có người cho một đồng, hai đồng, cho đến mười đồng. Thế rồi, họ đựng số tiền ấy vào trong cái thau, đến ngày Bố-tát, họ dùng cái chén nhỏ đong số tiền ấy phân chia cho từng người theo thứ tự. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá được chia đầu tiên, liền hỏi:

- Đây là những thứ gì vậy?

- Đó là số tiền để mua thuốc men được phân chia theo thứ tự.

- Đi qua đi.

- Vì sao bảo đi qua? Trưởng lão định cúng dường cho Tăng sao?

- Đó là những vật bất tịnh.

- Thầy đã hủy báng Tăng, nói là vật bất tịnh, thế thì phải làm Yết-ma cử tội.

Đoạn, chư Tăng làm Yết-ma cử tội Da-xá. Thế rồi, Da-xá bèn đi đến chỗ Tôn giả Đà-ta-bà-la đang ở nước Ma-thâu-la, nói với Tôn giả như sau:

- Thưa Trưởng lão, tôi bị Tăng cử tội bắt thi hành pháp tùy thuận.

- Thầy vì cớ gì mà bị cử tội?

- Thưa Trưởng lão, sự việc xảy ra như vậy, như vậy.

- Thầy không có tội gì mà bị cử tội. Vậy, tôi sẽ san sẻ pháp thực, vị thực cùng với thầy.

Da-xá nghe dạy như thế, liền thưa với chúng Tăng:

- Thưa các Trưởng lão, chúng ta phải kết tập lại Tạng luật, đừng để pháp Phật bị suy đồi.

- Thầy định kết tập tại đâu?

- Hãy trở lại nơi đã xảy ra sự việc mà kết tập.

Bấy giờ, chư Tăng tại nước Ma-thâu-la kết hợp

với chư Tăng thành Xá-vệ gồm có bảy trăm người, tập trung về một nơi. Trong số đó, có người trì một bộ Luật, có người trì hai bộ Luật, lại có người trực tiếp thọ lãnh từ Thế Tôn, có người thọ lãnh từ hàng Thanh văn. Thế là, khi ấy, tại Tăng-già-lam Sa-đôi, thành Tỳ-xá-ly, các giường nệm đều được chuẩn bị tươm tất để bảy trăm vị Tăng mở đại hội. Trong số này, có người là phàm phu, có người đang học, có người vô học, có vị chứng ba minh, sáu thông được tự tại vô ngại. Lúc này, các vị Đại Ca-diếp-đạt-đầu-lộ, Ưu-ba-đạt-đầu-lộ, Tôn giả A-nan-đều đã nhập Niết-bàn cả.

Lúc này, vị Thượng tọa của chúng Tăng là Tôn giả Du-thâu-đà cất tiếng hỏi: "Ai nên kết tập Luật tạng?". Các Tỳ-kheo đáp: "Tôn giả Đà-ta-bà-la nên kết tập".

Đà-ta-bà-la thưa: "Thưa các Trưởng lão, còn có các Trưởng lão Tỳ-kheo khác, nên mời các vị ấy kết tập".

Các Tỳ-kheo nói: "Tuy có các Thượng tọa khác, nhưng Đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Hòa thượng bổn sư của Trưởng lão đã thành tựu mười bốn pháp, trì luật đệ nhất, mà Trưởng lão từng thọ giáo trực tiếp, vậy nên kết tập".

Đà-ta-bà-la nói: "Nếu bảo tôi kết tập, thì những gì như pháp xin tùy hỷ, những gì không như pháp xin ngăn lại, những gì không tương ưng cũng xin

ngăn lại, đừng vì tôn trọng tôi mà để yên. Nói chung, những gì đúng nghĩa, không đúng nghĩa đều xin chỉ bảo cho biết".

Mọi người đều đáp: "Vâng".

Bấy giờ, Tôn giả Đà-ta-bà-la suy nghĩ: "Nay ta kết tập Luật Tạng như thế nào đây? Có năm pháp thanh tịnh, những gì như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ tùy hỷ, những gì không như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ ngăn cản. Năm pháp đó là gì? Đó là: Một là chế hạn tịnh, cho đến phong tục tịnh". Thế rồi, thầy nói với chúng Tăng:

- Thưa các Trưởng lão, đây là thứ tự của chín pháp: Từ bốn Ba-la-di cho đến pháp, tùy thuộc pháp, tôi đã được nghe từ Hòa thượng rằng Đức Thế Tôn tại mỗ xứ, mỗ xứ, vì Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp mà chế giới này, thưa có phải vậy không?

- Đúng như vậy, như vậy.

- Thưa các Trưởng lão, về năm việc thuộc giới luật như trên đã đề cập, trong đó nói rằng ai cần bát thì tìm bát, cần y thì tìm y, cần thuốc thì tìm thuốc, còn ai không có phương tiện thì được xin vàng bạc và tiền mặt. Như vậy đó, mong các Trưởng lão hãy tùy thuận học tập.

Đó gọi là trình bày tóm lược về việc bảy trăm người kết tập Luật tạng.

GIỚI LUẬT

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật thuộc thành Ca-duy-la-vệ; lúc ấy có hai Tỳ-kheo ni, người thứ nhất tên Nan-đà, người thứ hai tên Uất-đa-la, theo Phật xin sáu tháng giáo giới như sau: "Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nói sơ lược về Giới luật để chúng con được rõ".

Phật nói với các Tỳ-kheo ni: "Này các Tỳ-kheo ni, tham dục, không hiểu nhân duyên, cùng nhau tập theo thói quen, luận bàn về việc thế tục, làm tăng trưởng thọ ấm, đa dục, không biết dừng lại, làm tăng trưởng tham dục, sân hận, ngu si, tranh tụng không hòa hợp, chẳng tịch tịnh, chẳng tỉnh giác, chẳng có Niết-bàn. Các ngươi phải biết rằng đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy. Trái lại, các ngươi phải biết rằng không ham muốn, hiểu rõ nhân duyên, không tập theo thói quen, không bàn luận việc thế tục, không làm tăng trưởng thọ ấm, ít muốn, biết đủ, không tham dục, sân hận và ngu si, lìa xa việc tranh tụng, sống hòa hợp, tịch tịnh, tỉnh giác, sẽ đạt Niết-bàn. Các ngươi phải biết rằng, đó là pháp, là Luật, là điều ta dạy. Và đây chính là nói tóm tắt về Giới Luật.

Kệ tóm tắt:

"Dùng dao trị, bình tưới,
Cạo tóc và dao cạo.

Hòa hợp, không hòa hợp,
Năm trăm và bảy trăm.
Nói tóm tắt Giới Luật,
Kết thúc phần thứ mười”.

HỦY BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hủy báng các Tỳ-kheo khác về thành phần chủng loại. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác. Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy báng người khác.

Hủy báng: Bao gồm các phương diện: nghiệp, địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, mắng mỏ, kiết sử.

Nghiệp: Gồm có: nói, tự biện hộ, có người.

Nói: Chẳng hạn nói: “Này Trưởng lão, trong đây có kẻ Chiên-đà-la, thợ đan giỏ, thợ làm da, thợ gốm, cho đến cai ngục, kẻ hàng thịt v.v…”. Đó gọi là nói.

Tự biện hộ: Chẳng hạn nói: “Thưa Trưởng lão, tôi không phải là Chiên-đà-la, cho đến không phải là cai ngục, là kẻ hàng thịt v.v…”. Đó gọi là tự biện

hộ.

Có người: Như trong đây có người là Chiên-đà-la, cho đến kẻ cai ngục v.v... Đó gọi là có người.

Các vấn đề khác như địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, kiết sử cũng như thế. Nếu ai đem các vấn đề trên ra hủy báng người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hủy báng.

KỸ NHẠC

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến tụ điểm ca nhạc sớm nhất để xem, như là Tỳ-kheo đến chỗ ngồi thiền. Các nhạc công tụ họp xong bèn hòa nhạc. Trong lúc mọi người đều vui vẻ, cười nói, thì các Tỳ-kheo ngồi im lặng. Đến khi họ dứt cười, các Tỳ-kheo bèn vỗ tay cười ầm lên. Mọi người liền tranh nhau nhìn xem. Do thế, các nhạc công không thu được tiền, liền nổi xùng, nói: "Các Tỳ-kheo này cà chớn, làm cho chúng ta không thu được tiền bạc gì cả. Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào mà như thế!".

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo đi xem nhạc công hòa nhạc.

Nhạc công: Chẳng hạn những người đánh trống, ca múa, đánh đàn Tỳ-bà, đánh xập xỏa, đại khái chơi các loại nhạc cụ như thế, thậm chí dù chỉ bốn người họp lại vui chơi, Ta cũng không cho phép đến xem.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thành phố mà gặp Thiên tượng xuất hiện, hay vua xuất hiện, có các nhạc công trổi các thứ nhạc, mình đi qua đường nhìn thấy thì không có tội. Nhưng nếu tạo phương tiện để xem thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu vào các ngày đại hội sinh nhật của Phật, ngày kỷ niệm Phật thành đạo, kỷ niệm ngày chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, có sử dụng các nhạc phẩm để cúng dường Đức Phật, rồi đàn-việt nói: "Xin các Tôn giả hãy hòa mình với chúng con để cúng dường Đức Thế Tôn", thì khi ấy, được hòa mình chung vui với họ. Nhưng nếu tại nơi đại hội có trổi các nhạc phẩm mà mình sinh tâm nhiễm vướng, thì nên đứng dậy bỏ đi. Đó gọi là kỹ nhạc.

HƯƠNG HOA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuộc

nhóm sáu Tỳ-kheo dùng hương thơm thoa vào mình, mang các vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, có người còn mang cả vòng hoa cỏ mà đi, nên bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà mang những vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, giống như vương tử, đại thần? Thậm chí có người còn mang cả vòng hoa cỏ giống như kẻ tôi đòi hạ tiện. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn.

Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép thoa hương, mang vòng hoa. Hương: Như loại hương chiên-đàn trầm thủy, và các loại hương tương tự như thế đều không được dùng. Nhưng nếu mắc bệnh nhiệt, mà thầy thuốc bảo: "Cần phải dùng hương chiên đàn để thoa" thì khi ấy được dùng để thoa. Nhưng trước khi thoa, phải cúng dường tháp Phật rồi mới đem thoa vào mình. Khi thoa vào mình không được ở trong chúng

mà phải ở tại chỗ vắng vẻ. Đến khi lành bệnh, phải tắm rửa thân thể sạch sẽ rồi mới vào trong

chúng.

Hoa: Như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, hoa Tu-ma-đầu, tất cả các loại hoa như thế không nên mang.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh đau mắt, đau đầu, rồi thầy thuốc bảo phải mang vòng hoa trên đầu bệnh mới lành, thì được phép mang. Nhưng khi muốn mang thì nên đem cúng tháp Phật trước rồi mới mang. Khi đã mang thì không được tới chỗ đông người mà phải ở chỗ thanh vắng, và khi bệnh lành thì phải bỏ.

Nếu thoa hương mà không mang hoa thì phạm một tội Việt tỳ-ni. Nếu mang hoa mà không thoa hương thì phạm một tội Việt-tỳ-ni. Nếu dùng cả hai thì phạm hai tội.

Nếu cả hai đều không dùng thì không có tội. Đó gọi là thoa hương, mang hoa.

SOI GƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở Tinh xá Kỳ-hoàn, có đàn-việt đến cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi đánh kiền chùy thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đang soi gương, hồi lâu không đến, nên bị đàn-việt chê trách: "Ta bỏ cả việc nhà, đến đây cúng dường trai phạn cho Tăng, mà đến giờ ăn, các Tỳ-kheo không chịu tập họp".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép soi gương. Gương chỉ cho các loại như dầu, nước, kính; không được vì thích đẹp mà đến soi mặt vào các thứ đó.

Nếu vừa bớt bệnh, đến gương soi mặt xem bệnh đã bớt hay chưa, hoặc vừa mới cạo đầu đến soi xem có sạch hay không sạch, hoặc đầu mặt bị ghẻ góc, đến soi xem, thì không có tội.

Nếu vì thích đẹp mà soi gương thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là soi gương.

GÁNH VÁC

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, bấy giờ, thầy Tỳ-kheo doanh sự gánh vác gạch ngói, đất cát, bị người đời đàm tiếu: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc, người làm công, gánh vác đất cát? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế!".

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau, Ta không cho phép gánh vác.

Gánh vác: Như gánh vác các thứ giỏ dây, lồng.

Nếu vác đòn gánh mà không có giỏ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu vác giỏ, không có đòn gánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối. Nếu gánh vác cả hai thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tại Tinh xá, Thiền viện có đá, tre, gỗ nặng thì được gánh vác.

Nếu được tăng phân công làm công việc phải dùng bình, lu lấy

nước, thì được dùng dây buộc lại rồi gánh.

Nếu gánh túi xách y ở đàng trước, đàng sau, hay gánh túi đựng bát ở đàng trước đàng sau, đều phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu túi y dài lòng thòng nên phải cuộn lên vai rồi đặt bát lên trên thì không có tội,

Đó gọi là gánh vác.

XĂN QUẦN ÁO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng dã, lúc ấy thầy Tỳ-kheo doanh sự xăn y áo để chuyên chở

gạch đá, đất cát, bị người đời đàm tiếu: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc người ta, xăn áo để làm việc? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế?".

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.
- Từ nay về sau, Ta không cho phép xăn y áo.

Xăn: Nghĩa là xăn một bên, hai bên, đều không được phép. Nếu nhồi đất để đổ trên mái nhà hoặc tô tường thì được xăn nội y.

Đó gọi là xăn quần áo.

LEO CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Đức Thế Tôn đến xứ Uất-đơn-việt khất thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Khi Thế Tôn trở về chắc chắn sẽ dùng thần túc mà đi". Thế nên, có người leo lên cây, người leo lên tường để trông ngóng Thế Tôn. Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như vậy nên ẩn thân, trở về ngồi an ổn trong phòng. Rồi Phật hỏi: "Các Tỳ-kheo đi đâu cả?". Một Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép leo cây".

Cây: Nếu cây cao ngang đầu người thì không được leo.

Nếu làm lễ kỷ niệm cây Bồ-đề mà một chân trèo lên cây, một chân trèo lên tường, thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu cả hai chân đều leo lên cây thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu cả hai chân đều leo lên tường thì không có tội.

Trường hợp leo lên thang cũng như thế.

Nếu đang đi bị lạc đường không rõ phương hướng, phải leo lên cây nhìn phương hướng thì không có tội.

Nếu bị cọp, sói, sư tử v.v... các loại tương tự như thế uy hiếp, thì được trèo lên cây, không có tội.

Đó gọi là leo cây.

NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến giờ khất thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực. Sau khi khất thực trở về, Thế Tôn thu dọn giường nệm, không nói với thị giả và Tỳ-kheo tăng, Ngài đi đến nước Câu-tát-la, vào rừng Ba-lợi-da-bà-la, an trú dưới cây Hiền thiện, nhận sự cúng dường của con voi chúa trong ba tháng. Đoạn nói về việc trời lạnh, tuyết rơi lúc phi

thời, các Tỳ-kheo nhóm lửa để sưởi, bị người đời dị nghị: "Sa-môn Cù-Đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây, Tỳ-kheo đốt lửa làm cháy đất, hại đến gốc cây".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép nhóm lửa". Lửa gồm có

các thứ như: lửa củi, lửa cỏ, lửa phân bò, lửa trấu, lửa dăm bào. Không được đốt chỗ đất chưa bị cháy. Nếu đến phiên mình coi sóc nhà sưởi, hoặc đến phiên trực nguyệt, phiên hun bát, thì nên sai tịnh nhân nhóm lửa trước, rồi mình mới chụm lửa thì không có tội.

Khi cầm đuốc đi, muốn dụi tắt đuốc, thì không được dụi ở chỗ đất sống mà nên dụi trên đống tro, hoặc trên ngói gạch. Nếu tàn đuốc rơi xuống đất, rồi mình đập cho tắt, thì không có tội.

Nếu nhóm lửa ở chỗ đất chưa bị cháy thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là nhóm lửa.

CHÉN ĐỒNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, bấy giờ, cư sĩ Uất-kiệt mở cuộc đại thí, bố thí năm trăm con voi, năm trăm con ngựa, năm trăm con bò, năm trăm con trâu, năm trăm tỳ nữ, năm trăm nô bộc,

trong các thứ bố thí có cả chén đồng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, liền đến hỏi Thế Tôn đó là vật thanh tịnh (hợp pháp), hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: "Tất cả chén đồng Ta đều không cho phép nhận. Nếu đàn-việt cúng dường Tăng vật thanh tịnh thì nên chú nguyện rồi mới nhận. Nếu ai cất riêng chén đồng thì phạm tội Việt tỳ-ni, nhưng được đem nó cho tịnh nhân, rồi mượn sử dụng thì không có tội".

Đó gọi là chén đồng.

CHUYỂN HƯỚNG VẬT CÚNGDƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư Thiên, người đời có lòng tin tôn trọng, đem các thực phẩm đến cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng, Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại-mục-liên và các Tỳ-kheo khác. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo sáng sớm ra đứng trước cổng Tinh xá, thấy người ta mang thức ăn đến, liền hỏi:

- Thức ăn này cúng dường cho ai vậy?
- Cúng dường cho Thế Tôn.
- Thế Tôn nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?
- Cúng dường cho chúng Tăng.
- Chúng Tăng nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường

- cho ai?

- Cúng dường cho Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại-mục-liên.

- Những người này nên cúng dường. Còn thức ăn này cúng dường cho ai?

- Cúng dường cho Tỳ-kheo Mỗ giáp.

- Mỗ giáp già bệnh, không thể ăn được, chỉ phí đồ cúng dường của ngươi thôi; nên cúng dường cho ta, ta sẽ chú nguyện cho ngươi để ngươi được công đức cúng dường.

Khi ấy, người kia vì có niềm tin liền cúng dường. Thế nhưng, gặp kẻ có trí không chịu cúng, mà nói: "Vì sao ta lại cúng dường cho kẻ không biết hổ thẹn này?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc ác. Vì sao các ông biết phẩm vật đó thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo họ cúng dường cho mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép khi biết vật thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo cúng cho mình.

Vật: Gồm có tám thứ: thức ăn đúng giờ, cho đến các vật hợp lệ không hợp lệ, như trên đã nói rõ.

Nếu người ta hỏi: "Thưa Tôn giả, con muốn

cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Cúng dường cho chúng Tăng".

Nếu thí chủ hỏi: "Nơi nào có chư Tăng trì giới?", thì nên nói: "Không có chúng Tăng nào lại phạm giới; ngươi chỉ lo việc cúng dường mà thôi".

Nếu thí chủ hỏi: "Nơi nào có Tỳ-kheo thường ở yên một chỗ tu tập hạnh nghiệp, để vật cúng dường còn mãi tại đó con được thấy luôn?", thì khi ấy hãy nói: "Nên cúng dường cho Tỳ-kheo Mỗ giáp".

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà bảo họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho Tăng, mà bảo họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho nhóm người này mà bảo họ cúng cho nhóm người khác, hoặc biết họ định cúng cho một người này mà bảo họ cúng cho một người khác, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Cuối cùng, nếu biết vật đó họ bố thí cho súc sinh này mà bảo họ bố thí cho súc sinh khác thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Đó gọi là chuyển hướng vật cúng dường. Kệ tóm tắt:

"Hủy báng, xem tấu nhạc,
Mang vòng hoa, soi gương.
Gánh vác, xăn áo quần,

Trèo cây, tự nhóm lửa.
Chén đồng, chuyển hướng vật,
Hết phần thứ mười một”.

CHÚNG SINH

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, bấy giờ, cư sĩ Uất Kiệt mở hội đại thí năm trăm con voi, cho đến năm trăm nô tỳ. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, đi đến hỏi Phật xem thanh tịnh hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: “Tất cả chúng sinh đều không cho phép nhận”.

Chúng sinh như: Voi, ngựa, bò, trâu, lừa, dê, chương, nai, heo, nô tỳ và tất cả chúng sinh khác đều không nên nhận.

Nếu người ta nói: “Con cúng tỳ nữ này cho chúng Tăng”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người đàn bà làm vườn này”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng tên nô bộc này”, thì không được phép nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người giúp việc này”, thì không nên nhận.

Nếu họ nói: “Con cung cấp cho Tăng nam tịnh nhân này”, thì được phép nhận.

Nếu họ đem một tỳ nữ cho một Tỳ-kheo, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho một người nô

bộc, một người giúp việc, một người làm vườn đều không được phép nhận.

Nếu họ cho tịnh nhân để giúp việc cho chư Tăng thì được nhận. Nếu họ cho nô bộc cho Ni chúng thì không được phép nhận.

Nếu họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận. Hoặc họ cho tỳ nữ cũng không được phép nhận.

Nếu họ nói: "Con cung cấp cho Ni chúng nữ tịnh nhân này", thì được phép nhận.

Nếu họ cho riêng một Tỳ-kheo-ni một người nô bộc, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận.

Nếu họ cho nữ tịnh nhân để giúp việc cho Tăng, thì được phép nhận.

Nếu đàn-việt tổ chức lễ Đản sinh của Phật, lễ Phật thành đạo, lễ kỷ niệm Chuyển pháp luân, lễ kỷ niệm La-hầu-la, lễ kỷ niệm A-nan hay đại hội năm năm một lần, rồi đàn-việt có lòng tin hoan hỷ trang sức voi, ngựa đem cúng dường cho chúng Tăng, thì không được phép nhận.

Nếu đàn-việt đem chim oanh vũ, chim công, gà, dê, chương, nai đến cúng dường, thì không được nhận.

Nếu họ nói: "Thầy không nhận thì con sẽ giết nó", thì nên bảo: "Ông nên tự tay thả nó đi". Khi họ thả rồi, thì nên cung cấp thức ăn, nước uống,

giữ gìn, đừng để chúng bị thương tổn. Không được cắt lông cánh rồi nhốt nó trong lồng. Nếu nó có thể bay, đi tự nuôi sống được, thì nên thả nó đi, không nên nhốt lại.

Nếu nhận chúng sinh thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là chúng sinh.

CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, có đàn-việt trồng xoài trong vườn của chư Tăng, rồi một Tỳ-kheo chặt cây ấy để làm phòng cho một cư sĩ. Khi làm phòng xong, họ tổ chức bố thí giường nệm, mời chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, người đàn-việt trồng xoài trước kia cũng có mặt nơi đây. Ông ta thấy thế, liền hỏi Tỳ-kheo đốn cây:

- Thưa Tôn giả, đây là phòng của ai thế?

- Đây là phòng của cư sĩ Mỗ giáp.

- Thưa Tôn giả, vì sao lại lấy cây của con trồng đem làm phòng cho người khác? Phòng này phải là phòng của con.

Do thế, lòng ông không vui, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bèn thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, bèn đảnh lễ chân Phật rồi ra đi trong niềm hân hoan. Đoạn, Phật bảo gọi Tỳ-kheo

kia đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông đốn cây có hoa trái để làm phòng? Từ nay về sau, Ta không cho phép chặt cây có hoa trái. Cây có hoa trái như các loại: cây xoài, cây dâm bụt, cây tỳ-la, cây ca-tỳ-đà, cây phả-na-ta, cây dừa, cây vô ưu, cây chiêm bà, cây chỉ-tát-la, cây a-đề-mục-đa, đại loại tất cả các

cây có hoa quả tương tự như vậy đều không được chặt để làm phòng.

Nếu cây già, không có hoa trái thì nên nói với đàn-việt: "Này lão trượng, cây này đã già rồi, nên dùng làm phòng cho Tăng ở sẽ được phước đức". Nếu chủ nhân đồng ý thì được lấy. Nếu họ không đồng ý thì không được lấy. Nếu cần dùng cây mà làm phương hại đến đất, thì nên bảo tịnh nhân lấy xương cá trám xuống, hoặc dùng nước tro rưới xuống.

Nếu cây đã chết thì nên nói với đàn-việt: "Cây này đã khô rồi, tôi cần dùng đến nó". Nếu họ đồng ý thì được phép lấy dùng.

Nếu Tỳ-kheo chặt cây có hoa trái thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là cây.

VẤN ĐỀ ĐỐT CỦI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tinh xá ở ven thôn, rồi một Tỳ-kheo khách đến đó chặt củi. Cựu Tỳ-kheo thấy thế, nói: "Vì sao thầy chặt phá cây cối mà chúng tôi đã trồng một cách khó nhọc? Thầy là khách, khi đến đây chỉ nên tìm chỗ bóng râm mát mẻ mà ngồi; thầy đã không biết thương tiếc giữ gìn mà còn chặt phá bừa bãi, không biết nỗi khổ của tôi, ngày mai hãy đi đi". Nói thế rồi, thầy đi khất thực. Sau khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo khách bèn chặt cả củi khô, củi tươi chất một đống trước phòng rồi đốt. Cựu Tỳ-kheo sau khi khất thực trở về, thấy thế liền nói: "Vì sao thầy chặt cả củi khô, củi tươi chất đống rồi đốt?". Khách Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy tự lấy củi đốt được mà lại ngăn cản tôi?". Hai Tỳ-kheo tranh cãi nhau như thế. Đoạn, họ dẫn nhau đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh lễ chân Phật, rồi trình bày đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: "Các ông không nên tự cho phép mình lấy mà ngăn cản người khác, đồng thời cũng không được chặt cả củi khô, củi tươi chất đống trước phòng rồi đốt mà phải biết giữ gìn chung. Phép đốt củi phải có chuẩn mực: chừng ấy để đốt trong phòng sưởi, chừng ấy để chụm dưới bếp, chừng ấy để dùng trong phòng tắm, chừng ấy để dùng trong phòng riêng, phải chia ra có chừng mực, không được lấy quá mức. Nếu không phân chia trước thì đốt nhiều không có tội. Ta không cho phép chặt cây ướt mà phải chặt cây khô. Không

được đốn những cây trông đẹp mắt ở xung quanh tăng viện. Còn những cây trong rừng núi không có người giữ gìn thì chặt không có tội. Đó gọi là vấn đề đốt củi.

VẤN ĐỀ HOA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo khách đến một Tăng-già-lam ở bên thôn hái hoa. Cựu Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy hái hoa? Tôi đã nhọc nhằn trồng nó, rồi chăm sóc tưới bón. Thầy là khách tới đây chỉ cần tìm bóng mát mà ngồi, không nên tùy tiện bẻ phá làm theo ý mình, rồi ngày mai ra đi không hiểu đến nổi khổ của tôi". Cựu Tỳ-kheo nói như vậy rồi đi khất thực. Sau khi thầy đi, khách Tỳ-kheo bèn bẻ những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa một cách bừa bãi, rồi đem chất thành đống trước phòng. Khi khất thực trở về, cựu Tỳ-kheo thấy đống hoa liền nói: "Vì sao thầy bẻ hoa?".

Tỳ-kheo khách hỏi lại: "Vì sao thầy có thể bẻ được mà lại ngăn cản tôi?".

Hai người cãi nhau xong rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật bạch đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với cựu Tỳ-kheo: "Ông không nên tự bẻ hoa mà lại ngăn cản người khác, mà cần phải thương tiếc giữ gìn. Còn khách Tỳ-kheo cũng không được tùy tiện bẻ cả những cành đã ra hoa và những cành chưa ra

hoa rồi đem chất đống trước phòng. Người nào hội đủ năm điều kiện sau đây thì nên cử họ chia hoa. Năm điều đó là: không thiên vị, không giận giữ, không ngu si, không sợ hãi và biết ai đã được hoa rồi, ai chưa được. Đó gọi là năm điều kiện. Đoạn, người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia hoa. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, làm một lần Yết-ma, cho đến "Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành".

Vị Tỳ-kheo nhận pháp Yết-ma rồi nên bảo tịnh nhân chăm sóc hoa. Nếu hoa nhỏ thì nên dùng chén đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu các loại hoa lớn như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi thì nên đếm mà chia. Nếu phần hoa của Phật thì nên dâng lên Phật. Nếu hoa của Tăng thì tùy ý cúng dường, hoặc trao đổi nhau. Nếu hoa quá nhiều thì nên đưa cho cửa hàng bán hoa và bảo họ: "Mỗi ngày bà phải đưa cho tôi chừng ấy vòng hoa, số còn lại bà hãy trả cho tôi chừng ấy tiền". Khi được tiền bán hoa có thể dùng sắm y cho phòng riêng, hoặc sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu số tiền lớn thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa.

Đó gọi là nguyên tắc sử dụng hoa.

VẤN ĐỀ TRÁI

Vấn đề trái tương tự như cách sử dụng hoa đã nói ở trên, cho đến sau khi làm Yết-ma xong phải bảo tịnh nhân chăm sóc. Nếu trái nhỏ thì nên dùng vật gì đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu trái lớn như các loại trái đa-la, trái tỳ-la, trái dừa, trái ta-na-sa, trái xoài thì nên đếm mà chia. Nếu trái nhiều thì nên đưa cho người bán trái cây rồi bảo họ hằng ngày phải đưa cho mình chừng ấy trái, số còn lại thì phải trả chừng ấy tiền. Số tiền ấy nên sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu còn dư thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa. Đó gọi là phép sử dụng trái.

VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo trồng xoài trong đất của Tăng, rồi chăm sóc cho lớn, tự hái trái mà không cho người khác hái. Các Tỳ-kheo nói: "Vì sao thầy tự hái được mà ngăn cản người khác?". Thầy đáp: "Vì cây này tôi trồng và chăm sóc cho đến khi lớn".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người trồng cây này có công đức, nên cho họ hưởng một năm. Phép hưởng

một năm là: Nếu Tỳ-kheo trồng các loại cây ăn quả như xoài, Diêm-phù-đề và các loại tương tự như thế thì cho hái trái một cây trong một năm. Nhưng nếu cây lớn không muốn cho hái quả một cây cả năm thì nên cho hằng năm hái quả một cành. Nếu cành cây ấy bị gãy hoặc khô thì chấm dứt. Nếu vị ấy trồng cả vườn cây thì nên cho hưởng trọn một năm. Nếu vị ấy muốn hái quả hằng năm của một cây thì cũng chuẩn thuận.

Nếu ai trồng cải, hành, hoặc các loại rau tương tự như thế thì cho họ được cắt một bó. Nếu trồng dưa, bầu thì cho hưởng một kỳ ra trái.

Đó gọi là phép tắc trồng cây.

PHÉP TRỊ TỘI

Có người do thân hành động, miệng nói năng, thân miệng hành động; hoặc do thân không thu giữ, miệng không thu giữ, thân miệng không thu giữ nên phạm tội; nói chung, do thân gây ra, miệng gây ra và cả thân miệng cùng gây ra tội lỗi. Trái lại, trường hợp không có tội là: Thân không hành động, miệng không nói năng, thân miệng không hành động. Hoặc thân được thu giữ nên không phạm tội, miệng được thu giữ

nên không phạm tội, thân miệng được thu giữ nên không phạm tội. Nói chung, thân không gây

ra, miệng không gây ra, thân miệng không gây ra các hành vi sai trái, nên không có tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ba-la-di thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Hoặc cho họ trở về làm người thế tục; hoặc cho họ học làm

Sa-di; hoặc trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nếu không che giấu thì cho hành pháp Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội.

Nếu có che giấu thì cho hành Biệt trú, Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ni-tát-kỳ thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nên đem vật đã vi phạm đến xả giữa Tăng - nếu là Thượng tọa - rồi cúi đầu, đảnh lễ ôm chân vị chủ sám. Nếu là Hạ tọa thì nên quì gối chắp tay, nói như sau: "Thưa Trưởng lão, tôi phạm giới cất y lâu ngày, đã đem xả giữa chúng Tăng, nay xin sám hối tội Ba-dạ-đề". Vị chủ sám nên hỏi:

- Thầy có thấy tội ấy không?
- Dạ thưa thấy.
- Đừng tái phạm nhé!
- Xin cúi đầu vâng giữ.

Ngoài ra, phạm các tội Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt tỳ-ni, thì chỉ có tên tội sai khác, nhưng

cách trị phạt cũng thế.

Đó gọi là phép trị tội. Kệ tóm tắt:

"Chúng sinh và trồng cây,
Đốn củi cùng hoa trái.
Người trồng hưởng một năm,
Phép trị phạt các tội.
Hết phần thứ mười hai".

PHÁP DIỆT TRÁNH

Pháp này gồm có bảy, đó là:

1. Hiện tiền Tỳ-ni.
2. Ức niệm Tỳ-ni.
3. Bất-si Tỳ-ni.
4. Tự ngôn Tỳ-ni.
5. Mích tội tướng Tỳ-ni.
6. Đa mích Tỳ-ni.
7. Thảo bố địa Tỳ-ni.

Đó gọi là pháp Diệt tránh (những nguyên tắc dùng để dập tắt sự tranh cãi).

SỰ TRANH CÃI

Gồm có bốn trường hợp, đó là:

1. Tướng ngôn tránh.
2. Phỉ báng tránh.

3. Tội tránh.
4. Thường sở hành sự tránh.

Đó là bốn trường hợp nảy sinh tranh cãi.

Gồm có:

1. Yết-ma hàng phục.
2. Yết-ma bất ngữ.
3. Yết-ma khu xuất.
4. Yết-ma phát hỷ.
5. Yết-ma cử (tội).
6. Yết-ma biệt trú. Đó gọi là điều phục.

ĐIỀU PHỤC

Các việc cần điều phục. Thuộc về năm nhóm tội:

1. Ba-la-di.
2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Ba-dạ-đề.
4. Ba-la-đề-đề-xá-ni.
5. Việt tỳ-ni.

Đó gọi là các việc cần điều phục.

NGHE PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép chúng con làm nhà tranh không?

- Cho phép.

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép xây vách, làm cánh cửa, làm ngưỡng cửa, trét đất, vẽ năm loại hình ảnh không?

- - Cho phép. Này các Tỳ-kheo! Như trong thời quá khứ có vị vua tên là Cát-lợi làm Tinh xá cho Phật Ca-diếp một tầng, hai tầng cho đến bảy tầng. Thế rồi, ông cho chạm khắc các hình tượng và cho vẽ các thứ chỉ trừ hình tượng nam nữ giao hợp. Các loại hình tượng đó là: Tượng Tỳ-kheo Trưởng lão; chùm trái nho; hình cá ma-kiệt; hình con ngỗng; tượng tử thi; hình núi rừng. Các loại tương tự như thế gọi là năm loại hình vẽ.

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ cho phép làm phòng; lúc ở thành Tỳ-xá-ly cho phép dùng sữa, sữa chua, sữa đóng váng; lúc ở Tinh xá Khoáng Dã cho phép dùng cá, thịt. Ngài cho phép dùng các thứ như thế, chế định các thứ như thế đều tại tám thành phố lớn sau đây:

1. Thành Xá-vệ.
2. Sa-kỳ.

3. Chiêm-bà.

4. Ba-la-nại.

5. Câu-diệm-di.

6. Tỳ-xá-ly.

7. Vương xá.

8. Ca-tỳ-la-vệ.

Đối với chín bộ kinh, nếu có quên nơi thuyết giảng thì có thể kể tên một trong tám thành phố lớn ở trên, chính là nơi mà Thế Tôn đã tuyên thuyết.

Đó gọi là nghe pháp.

DẦU THOA MẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn-việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng; lúc nghe tiếng kiền chùy đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn đang thoa dầu vào mặt, không đến đúng giờ, nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi hai Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi,

Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép bôi dầu vào mặt. Dầu gồm có các loại: dầu mè; dầu đại ma; dầu hoa a-đề-mục-đa; dầu hoa chiêm-bà... Nếu ai

vì trang sức mà thoa các loại dầu thơm như thế lên mặt thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng khi tắm rửa thì được dùng dầu, hoặc khi gội đầu thì được dùng bột, dầu thoa chân đổ trong bàn tay rồi xoa lên mặt thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng dầu thoa mặt.

PHÉP DÙNG PHẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn-việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc nghe tiếng bảng đánh thì nhóm sáu Tỳ-kheo còn đang thoa phấn lên mặt không đến đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến câu Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo dùng phấn bôi lên mặt. Phấn có các thứ như phấn ma-na-thạch, phấn diên tích, đại loại các thứ như thế. Nếu Tỳ-kheo vì thích đẹp, thậm chí bôi đất đỏ lên mặt, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu trên mặt bị mọc mụt nhọt, sảy thì bôi phấn không có tội, khi thoa không được ở giữa mọi người, mà nên ở chỗ vắng. Đó gọi là phép dùng phấn".

PHÉP DÙNG BÀN CHẢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo đang bận chải đầu không đến đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật nói: "Ta không cho phép Tỳ-kheo dùng bàn chải chải đầu. Bàn chải gồm các thứ như bàn chải bằng lông, bằng rễ cỏ, đại loại các thứ tương tự như thế. Thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng khi cạo đầu xong, dùng tay xoa trên đầu thì không có tội. Đó gọi là phép dùng bàn chải".

PHÉP DÙNG LƯỢC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép dùng bàn chải, rồi một hôm đàn-việt cúng dường cơm cho chúng Tăng; đến lúc nghe bảng đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn dùng lược chải đầu, không tới đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Thế rồi, Phật dạy: "Ta không cho phép dùng lược. Lược gồm có các loại như lược bằng răng, lược bằng xương, lược bằng sừng, lược bằng cây. Đại loại tất cả các thứ lược tương tự như thế đều không được phép dùng; thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng lược".

PHÉP DÙNG TRÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép dùng lược, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo dùng trâm cài lên đầu, không đến đúng giờ, nên bị đàn-việt chê trách, và cuối cùng Phật dạy: "Ta không cho phép dùng trâm. Trâm có các loại như: vàng, bạc, đồng, sắt, kim cương, đá, răng, xương, sừng, tre, gỗ. Nói chung, tất cả các loại tương tự như thế đều không được phép dùng. Thậm chí, nếu vì thích đẹp mà dùng nanh heo chải đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu khi đầu ngứa thì được dùng tay sạch cầm một vật gì đó cào lên đầu. Đó gọi là pháp dùng trâm".

Kệ tóm tắt:

"Tranh cãi và dập tắt,
Điều phục, việc điều phục.
Nghe pháp, dầu thoa mặt,
Phấn, lược, trâm, bàn chải.
Hết phần thứ mười ba".

PHÉP XÂY THÁP

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, có người Bà-la-môn đang cày đất, trông thấy Thế Tôn đi qua, ông ta bèn dừng cày đến lễ Phật. Thế Tôn thấy vậy liền mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với

Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn cười? Chúng con muốn được biết.

- Hôm nay ông Bà-la-môn này đảnh lễ hai Đức Phật.

- Thế nào là hai Đức Phật, bạch Thế Tôn!

- Đó là đảnh lễ Ta và đảnh lễ tháp Phật Ca-diếp dưới chỗ bắp cày kia.

- Chúng con muốn được thấy tháp Phật Ca-diếp, bạch Thế Tôn!

Các ông hãy đến xin ông Bà-la-môn này một nắm đất tại chỗ ấy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đến hỏi xin, ông Bà-la-môn liền cho nắm đất. Khi ấy, Thế Tôn bèn làm ngôi tháp thất bảo của Phật Ca-diếp xuất hiện, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên. Ông Bà-la-môn thấy thế liền bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Họ của con là Ca-diếp, và đây là ngôi tháp của Đức Phật Ca-diếp".

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn xây ngôi tháp của Đức Phật Ca-diếp tại nơi ấy. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con được đắp đất vào không?

- Được.

Đoạn, Phật đọc kệ:

"Dùng trăm ngàn gánh vàng,

Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Cung kính lễ tháp Phật”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn xây tháp Phật Ca-diếp, dưới nền làm thành hình vuông, xung quanh đặt lan can, rồi xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí lọng báu, để biểu hiện tướng bánh xe. Rồi Phật dạy: “Nguyên tắc làm tháp phải như thế”. Khi tháp hoàn thành, vì tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn tự đảnh lễ. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép đảnh lễ không?”. Phật dạy: “Được”. Đoạn, Ngài đọc kệ:

“Ai dùng trăm ngàn vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Cung kính lễ tháp Phật”.

Bấy giờ, người đời nghe Thế Tôn xây tháp liền mang hương hoa đến dâng cho Thế Tôn. Vì lòng tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn nhận hương hoa ấy rồi đem cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được cúng dường tháp hay không?”. Phật dạy: “Được”. Thế rồi, Phật đọc kệ:

“Dùng trăm ngàn xe vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,

Đem hương hoa cúng tháp".

Khi ấy, đại chúng vân tập, Phật liền bảo Xá-lợi-phất thuyết pháp cho mọi người nghe, rồi Phật đọc kệ:

"Trăm ngàn cõi Diêm-phù, Chứa đầy vàng bố thí, Không bằng bố thí pháp, Tùy nguyện khiến tu hành".

Bấy giờ, trong số cử tọa có người đắc đạo, nên Phật liền đọc kệ:

"Đem vàng ròng chứa đầy,
Trăm ngàn thế giới thí,
Không bằng bố thí pháp,
Tùy nguyện thấy chân đế".

Khi ấy, Bà-la-môn đạt được niềm tin bất hoại, liền cúng dường trai phạn cho Phật và chúng Tăng ngay trước tháp. Đồng thời, vua Ba-tư-nặc nghe Đức Thế Tôn xây tháp cho Phật Ca-diếp, bèn truyền lệnh quân sĩ chở bảy trăm xe gạch đến chỗ Phật, và vua đi đến nơi, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con muốn mở rộng thêm ngôi tháp này có được không?
- Được, thưa Đại vương. Này Đại vương, trong thời quá khứ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có vị vua tên Cát-lợi muốn xây tháp thất bảo, rồi có viên quan tâu với vua: "Trong đời vị lai sẽ có kẻ phi pháp xuất hiện, rồi hắn sẽ phá ngôi tháp này,

vì thế mà mang trọng tội. Xin Đại vương hãy dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng bạc mà lợp lên trên. Nếu kẻ ấy gỡ lấy thứ vàng bạc đó thì ngôi tháp sẽ còn nguyên vẹn". Nhà vua nghe theo lời viên quan nói, bèn dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng, lợp một lớp mỏng lên trên, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do diên, lại dùng đồng làm lan can, trải qua bảy năm, bảy tháng, bảy ngày tháp mới hoàn thành. Khi tháp hoàn thành, vua bèn dùng hương hoa cúng dường tháp, đồng thời cúng dường chư Tăng".

Vua Ba-tư-nặc liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! vị vua ấy có phước đức nên được nhiều châu báu, nay con làm tháp đương nhiên không bằng vị ấy.

Đoạn, vua cho kiến tạo, trải qua bảy tháng, bảy ngày thì ngôi tháp hoàn thành. Sau khi ngôi tháp hoàn thành, vua bèn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Phương pháp làm tháp thì ở dưới chân xây hình vuông, xung quanh làm lan can, xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí lọng báu để biểu tượng cho tướng pháp luân.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, vậy thì còn xây tháp để làm gì nữa?", thì phạm tội Việt-tỳ-ni, phải chịu quả báo nặng nề.

Đó gọi là phương pháp xây tháp.

SỰ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN THÁP

Khi cất Thiền viện, trước hết phải quy định một chỗ đất tốt để làm tháp. Tháp không được xây ở phía Nam, không được xây ở phía Tây (Thiền viện) mà nên xây ở hướng Đông và hướng Bắc. Không được để cho đất của tăng xâm lấn đất của Phật, đất của Phật cũng không được xâm lấn đất của Tăng. Nếu tháp ở gần rừng tử thi, rồi chó ăn đồ thừa tha đến bỏ làm dơ đất tháp, thì nên xây tường chung quanh. Đồng thời nên xây Tăng phòng ở phía Tây hoặc phía Nam. Không được để cho nước ở chỗ đất của Tăng chảy vào chỗ đất của Phật, nhưng nước ở chỗ đất của Phật có thể chảy vào đất của Tăng. Tháp nên xây ở chỗ cao ráo. Không được giặt, nhuộm, phơi y phục, treo giày dép, vắt khăn trùm đầu, khăn choàng vai, hoặc khạc nhổ trong tháp viện.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây tháp để làm gì?", thì phạm tội Việt tỳ-ni. Người ấy sẽ mắc tội báo nặng nề.

Đó gọi là sự việc liên quan đến tháp.

LÀM TRANG THỜ NƠI THÁP

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con đã xây tháp cho Phật Ca-diếp, vậy có được làm trang thờ hay không?".

Phật dạy: "Được". Rồi Ngài tiếp: "Trong thời quá khứ, sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi làm trang thờ ở bốn phía, bên trên đặt hình sư tử và vẽ các thứ khác, ở đàng trước đặt lan can để trang trí hoa, còn trong trang thờ treo các bức họa và cờ phướn, lọng báu.

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, chỉ cần lấy đó làm vật trang sức để mà thọ lạc", thì phạm tội Việt tỳ-ni. Người ấy sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là cách làm trang thờ ở nơi tháp.

TRỒNG VƯỜN HOA XUNG QUANH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Con được mở khu vườn ở nơi tháp Phật Ca-diếp hay không?".

Phật dạy: "Được mở". Rồi Ngài tiếp: "Trong thời quá khứ, có vị vua tên Cát-lợi, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua đã xây tháp, rồi mở các hoa

viên ở bốn phía. Hoa viên nơi tháp trồng các loại cây hoa như cây Am-bà-la, cây Diêm-phù, cây Phả-na-ta, cây Chiêm-bà, cây A-đề-mục-đa, cây Tư-ma-na, cây Long-hoa, cây Vô-ưu, chúng ra hoa tất cả mọi lúc.

Trong vườn này, khi cây ra hoa thì nên hái cúng dường tháp. Nếu đàn-việt nói: "Thưa Tôn giả, trong đây hoa thì để cúng dường Phật, còn trái thì cúng dường cho Tăng", thì nên theo lời đề nghị của đàn-việt. Nếu hoa nhiều thì nên đem đưa cho nhà xâu hoa, nói: "Bà xâu chừng này hoa thành vòng đưa cho tôi, số còn lại bà hãy đưa cho tôi chừng ấy tiền".

Nếu được tiền thì nên dùng để mua dầu thắp đèn, hương cúng dường Phật và dùng để sửa chữa tháp. Nếu số tiền nhiều thì nên nhập vào ngân khoản dùng để làm việc Phật.

Nếu ai nói: "Phật không còn dâm, nộ, si mà dùng vườn hoa trái này để làm gì?", thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề.

Đó gọi là phép trồng vườn hoa xung quanh tháp.

ĐÀO AO BÊN THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Này Đại vương, trong thời quá khứ, sau khi

Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi xây tháp cho Phật, bốn phía đào ao, trồng các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Nay Đại vương cũng nên đào ao. Ao được đào ở bốn phía tháp, trong ao nên trồng các loại tạp hoa để cúng dường tháp Phật. Nếu còn dư thì nên đem bán cho người xâu hoa, rồi lấy tiền. Nếu số tiền ấy dùng không hết thì nên bỏ vào ngân quỹ của Tam-bảo. Không được giặt y, rửa tay, rửa mặt, rửa bát trong ao. Nhưng ở cuối đường nước từ ao chảy ra thì tùy ý dùng, không có tội. Đó gọi là phép đào ao ở cạnh tháp.

LÀM CHI-ĐỀ Ở CẠNH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Này Đại vương, Đại vương được làm chi-đề. Trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi kiến lập chi-đề ở bốn phía tháp, đồng thời cho chạm khắc và vẽ các hình ảnh. Nay Đại vương cũng nên làm chi-đề. Nơi nào có thờ xá-lợi thì gọi là tháp; nơi nào không có xá-lợi thì chỉ gọi là chi-đề. Các chi-đề (tháp) ở những nơi Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, hoặc tượng Bồ-tát, hang Phật-bích-chi, dấu chân Phật, nên dâng hoa và các phẩm vật cúng dường.

Nếu có ai nói: "Phật đã đoạn trừ hết tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây chi-đề để cúng dường làm chi", thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là làm chi-đề ở cạnh tháp.

PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Có được dùng phẩm vật cúng dường tháp để cúng dường chi-đề không?"

Phật dạy: "Được. Nếu vào các ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, mà nhận được các phẩm vật cúng dường, thì nên chọn những thứ tốt nhất đem cúng dường tháp Phật, còn những thứ kém hơn đem cúng dường chi-đề".

Nếu có người nói: "Phật đã dứt sạch dâm, nộ, si mà còn dùng cờ phướn, lọng báu cúng dường làm gì", thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là phẩm vật cúng dường.

DÙNG KỸ NHẠC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua Ba-

tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Có thể dùng kỹ nhạc để cúng dường tháp Phật được không?".

Phật đáp: "Được. Sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi dùng ca múa, kỹ nhạc cúng dường tháp Phật, nay Đại vương cũng nên cúng dường. Khi Như Lai tại thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn đều có thể dùng hương hoa, kỹ nhạc, các thứ y phục, ẩm thực để cúng dường, vì lợi ích cho cuộc đời, khiến cho tất cả chúng sinh được an lạc lâu dài".

Nếu ai nói: "Đức Thế Tôn không còn dâm, nộ, si mà dùng các thứ kỹ nhạc này cúng dường làm chi nữa", thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề. Đó gọi là cách dùng kỹ nhạc để cúng dường.

THU DỤNG CỤ CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép thu vật dụng cúng dường chi-đề hay không?".

Phật đáp: "Được". Thu dọn trong các dịp: ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần. Khi đem cờ phướn, lọng báu

ra cúng dường chi-đề trong các dịp ấy mà gặp mưa gió bất ngờ ập đến, thì tất cả Tăng chúng phải cùng nhau thu dọn. Không ai được nói: "Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khất thực, là người mặc y phấn tảo, là người có đức lớn, còn các ông nhờ vào đó mà sống thì phải tự thu lấy". Nếu mưa gió xảy đến bất ngờ thì phải cùng nhau thu dọn, tùy theo phòng nào ở gần thì cất tạm nơi ấy. Không ai được phép, vì giữ phòng mình mà nói: "Để ở phía trước đó". Nếu bị ướt thì nên đem phơi khô, hoặc bị bụi bặm thì nên đập giũ cho sạch rồi chất đống lại. Nếu ai nói: "Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khất thực, là người mặc y phấn tảo, là người có đức lớn", thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là thu dọn dụng cụ cúng dường.

TRƯỜNG HỢP GẶP TAI NẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Nếu gặp tai nạn bất ngờ xảy đến thì đối với vật của tháp, của Tăng phải làm sao?".

Phật dạy: "Nếu bọn giặc yếu thế, thì nên đến xin vua che chở. Nếu vua nói: "Tôn giả cứ ở yên đó, đừng sợ, khi nào tôi không tảo trừ được bọn

chúng thì tùy ý Tôn giả", thì khi ấy nên cân nhắc xem thế lực của vua mạnh hay yếu, nếu thấy thế lực của giặc mạnh hơn, thì nên ngầm sai người tín cẩn đến chỗ lãnh tụ của giặc xin chúng bảo vệ. Còn nếu như vua nói: "Nay tôi còn phải sợ giặc, thì làm sao che chở cho các vị được. Tôn giả hãy đến bọn giặc mà xin chúng bảo vệ", thì nên xem xét bọn giặc. Nếu chúng có tà kiến không tin pháp Phật, không thể theo

đường chính, thì không được bỏ vật đó rồi đi, mà nên sai người tín cẩn đem giấu vật của Phật, của Tăng, rồi để ý theo dõi bọn giặc, đừng để chúng đến bất ngờ. Nếu bọn giặc đến gấp, chưa cất giấu kịp, thì vật của Phật nên đem trang hoàng tượng Phật, còn tọa cụ của tăng thì nên đem trải ra, dọn các thức ăn lên đó, để cho bọn giặc thấy rõ. Đoạn, sai một Tỳ-kheo trẻ tuổi núp ở chỗ khuất trông chừng bọn giặc. Nếu bọn giặc đến, thấy các dụng cụ cúng dường rồi, chúng khởi tâm từ hỏi như sau: "Có Tỳ-kheo trong đó hay không? Đừng sợ, hãy ra cả đây". Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ tuổi nên xem xét, nếu trường hợp có giặc đến đột ngột chưa cất giấu các vật được, thì nên nói: "Tất cả các hành đều vô thường", rồi bỏ đi. Đó gọi là trường hợp gặp nạn".

Kệ tóm tắt:

"Xây tháp, việc của tháp
Trang thờ tháp, vườn tháp.

Ao tháp và chi-đề,
Kỹ nhạc, vật cúng dường.
Thu dọn, hương hoa, nạn,
Hết phần thứ mười bốn.

(Tóm tắt toàn bộ phần tạp tụng):

Thọ cụ túc, Yết-ma,
Cử tội và Bố-tát.
Bị bệnh, việc Tỳ-ni,
Vật nặng và ăn tỏi.
Giết vật cúng, đao trị,
Phương tiện thọ chúng sinh.
Diệt thâu-bà cuối cùng".

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 34

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẦN MỘT CỦA PHÁP OAI NGHI

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA THỨ NHẤT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập hợp để bố-tát; trong lúc mọi người tập trung đông đủ, thì vị Thượng tọa của Tăng là Nan-đà không đến. Khi ấy, có đàn-việt đem phẩm vật đến chờ chư Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường, liền hỏi các Tỳ-kheo:

- Dạ thưa Tăng đã tập hợp đông đủ chưa?
- Tập hợp chưa đông đủ.
- Ai không đến vậy?
- Vị Thượng tọa của Tăng không đến.

Đàn-việt liền chê trách: "Ta chờ Tăng tập hợp đông đủ để cúng dường nhưng Thượng tọa lại không đến". Vì đã chờ đợi lâu, nên thí chủ đem

phẩm vật cúng dường, rồi ra về.

Đến lúc chiều tối, Thượng tọa mới tới, nên không phát thẻ, không hỏi việc các Tỳ-kheo không đến hãy thuyết dục thanh tịnh, liền nói tóm tắt bốn việc (bốn Ba-la-di) rồi giải tán.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn hỏi chư Tăng:

- Thưa, Thượng tọa đã đến chưa?

- Thượng tọa đến rồi lại về.

Tỳ-kheo trẻ tuổi liền trách móc: "Vì sao Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, vị Thượng tọa của chúng Tăng phải biết các việc sau đây: Phải biết về phép tắc của Thượng tọa, kỳ này Bố-tát vào ngày mười bốn hay ngày mười lăm, hay trung gian Bố-tát, Bố-tát ban ngày hay ban đêm; đồng thời phải biết nơi chốn, hoặc tại phòng sưởi, giảng đường hay trong rừng. Phải tụng đầy đủ năm thiên giới bổn, tối thiểu là tụng bốn Ba-la-di và các bài kệ, rồi tuyên bố: "Ngoài ra các giới khác chư Tăng đã thường nghe". Nếu trong thành ấp xóm làng có Tỳ-kheo thì Thượng tọa nên sai người loan báo: Kỳ này

Tăng Bố-tát vào ngày mười bốn, hoặc ngày mười lăm, hoặc trước bữa ăn, sau bữa ăn, vào lúc bóng người ngang chừng ấy sẽ Bố-tát tại mỗ xứ. Trước hết nên sai người quét tước giới trường, rải đất bằng phẳng, rải các loại hoa. Thượng tọa còn phải dự liệu xem ai nên chú nguyện, tụng giới, ai phát thẻ. Nếu lúc tụng giới Tăng chưa tập họp mà có đàn-việt đến thì Thượng tọa nên thuyết pháp rồi ủy lạo họ. Nếu Thượng tọa không thể làm được, thì nên mời Thượng tọa thứ hai, hoặc pháp sư thuyết pháp. Khi đến giờ Bố-tát nên hỏi đàn-việt muốn ở lại hay đi về. Nếu họ nói rằng đi về, thì nên chú nguyện rồi tiễn họ ra đi. Nếu họ nói "ở lại" thì nên bảo họ rời khỏi giới trường rồi mới Bố-tát. Nếu có khả năng thì nên dùng nước thơm nấu nóng rửa thẻ rồi mới phát. Nếu đại chúng ngồi trong giới trường thưa thớt thì nên một người phát thẻ, rồi một người thâu lại. Khi đưa thẻ không được trùm đầu, choàng khăn trên vai, đồng thời phải bỏ giày dép, trật vai áo phải mà phát thẻ. Người nhận thẻ cũng phải làm như thế. Khi phát thẻ phải phát cho người thọ Cụ túc trước rồi mới phát cho Sa-di. Khi phát xong phải bạch: Chừng ấy người thọ Cụ túc, chừng ấy Sa-di, cộng tất cả được chừng ấy người. Vị Thượng tọa của Tăng phải tụng giới; nếu không thể tụng, thì vị Thượng tọa thứ hai phải tụng; nếu cũng không tụng được thì lần lượt đến người nào tụng được, phải tụng.

Khi tụng, nếu trời sắp tối, mưa gió xảy đến, hoặc có người già bệnh không thể ngồi lâu, trú xứ ở xa, hoặc có nạn vua, nạn giặc, thì bấy giờ, được phép tụng tóm lược. Nếu thời giờ còn sớm không có các nạn kể trên thì phải tụng đầy đủ, hoặc Thượng tọa tự tụng, hoặc người khác tụng, hoặc hòa hợp thuyết pháp, bàn luận, hỏi đáp, chú nguyện cả đêm. Phép tắc Bố-tát của Thượng tọa phải như thế. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

TÁC PHONG CỦA THƯỢNG TỌA THỨ HAI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo tập họp để Bố-tát, thì Thượng tọa thứ nhất đến, nhưng Thượng tọa thứ hai không đến; lúc ấy, có đàn-việt đem phẩm vật đến định cúng dường, bèn hỏi các Tỳ-kheo:

- Dạ thưa chúng Tăng đã tập họp đầy đủ chưa?
- Tập hợp chưa đầy đủ.
- Vị nào không đến vậy?
- Thượng tọa thứ hai không đến.

Đàn-việt liền trách móc: "Ta định cúng dường ít phẩm vật, nhưng Thượng tọa thứ hai lại không đến".

Đợi hồi lâu không thấy đến, đàn-việt bèn đem

phẩm vật cúng dường, rồi ra về. Đến chiều tối, Thượng tọa thứ hai mới tới, Thượng tọa thứ nhất bèn chê trách: "Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi còn Thượng tọa thứ hai không hỏi đến chăng?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, khi Bố-tát thì Thượng tọa thứ hai cũng phải biết tất cả mọi việc như Thượng tọa thứ nhất đã được nói rõ ở trên chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai là khác mà thôi. Nếu Thượng tọa thứ nhất của Tăng không thể chu toàn, thì Thượng tọa thứ hai phải đảm trách. Nếu không làm được như thế thì vượt pháp oai nghi.

TÁC PHONG CỦA TĂNG CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo Tăng tập họp để Bố-tát, thì đệ nhất Thượng tọa, đệ nhị Thượng tọa đến, nhưng các người khác thì lề mề không tập họp đúng giờ. Đệ nhất và đệ nhị Thượng tọa liền chê trách: "Phải chăng Đức Thế Tôn chỉ chế định riêng chúng tôi, không chế định cho những người khác?".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế

Tôn. Phật liền bảo gọi các Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, việc Bố-tát tất cả chúng Tăng đều phải biết. Đó là các việc như sau: Hôm nay là ngày mồng một, mồng hai trong tháng

cho đến ngày mười bốn, ngày mười lăm Bố-tát đều phải biết, hoặc Bố-tát chính thức, Bố-tát trung gian, Bố-tát tại nơi nào đều phải biết. Nếu có người hỏi "Hôm nay là ngày thứ mấy", thì không được hỏi ngược lại "Hôm qua là ngày thứ mấy" mà cần phải biết. Nếu sợ quên thì phải làm thẻ xâu lại, treo trước giảng đường, hay trước nhà bếp. Người trực nguyệt, tri sự cứ mỗi ngày qua đếm một thẻ. Ngày Bố-tát phải tụng đầy đủ năm thiên giới; nếu có nạn tai thì tụng bốn Ba-la-di và các bài kệ, rồi nói: "Ngoài ra các giới khác như Tăng đã thường nghe". Tất cả mọi việc trong phần Thượng tọa ở trên đã nói rõ chỉ khác là chữ tất cả mà thôi. Nếu đệ nhất, đệ nhị Thượng tọa không biết thì tất cả những người khác đều phải biết. Nếu không biết như thế thì vượt pháp oai nghi.

CÁCH THỨC CHÚ NGUYỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn-

việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho Tỳ-kheo Tăng, thì vị Thượng tọa thứ nhất (là Nan-đà) không đến, khiến cho cơm canh nguội lạnh, đàn-việt bèn hỏi các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Tăng đã tập họp chưa?

- Chưa tập họp.

- Ai không đến.

- Thượng tọa thứ nhất không đến.

Đàn-việt bèn than phiền: "Ta bỏ cả việc nhà đến đây để cúng dường trai phạn cho chư Tăng, thế mà Tỳ-kheo không tập trung". Đến giờ Thượng tọa mới tới không tán thán thức ăn, cũng không chú nguyện, vội vã ăn xong rồi bỏ đi. Vị trẻ tuổi hỏi:

- Thượng tọa đến chưa?

- Đã đến, nhưng ăn rồi bỏ đi.

Lúc ấy, vị trẻ tuổi liền trách móc: "Thượng tọa đến cũng không cho ai biết, đi cũng chẳng nói ai hay".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc sau đây: Hôm nay ai cúng dường thức ăn, cúng cho hai bộ chúng hay một bộ chúng, hay mời từng phòng riêng, tại thôn xóm hay tại Tinh

xá, đều phải biết. Nếu có người mời ngày mai cúng dường cơm cho chúng Tăng, thì vị Thượng tọa trong Tăng không nên nhận liền mà phải biết người đến mời đó tên họ là gì, người quen hay lạ, nhà ở con đường nào. Vì e có kẻ đùa bỡn Tỳ-kheo cho nên không được nhận liền. Nếu có người biết rõ người đàn ông, đàn bà mời kia là ai thì được nhận lời mời. Sau khi nhận lời mời, không được tùy tiện đi đến, mà sáng sớm hôm sau nên sai người trực nguyệt, hoặc người làm vườn, hoặc Sa-di đến đó xem, xem họ có bị quan huyện, nước lửa, trộm cướp, sinh đẻ, tử vong mà không chuẩn bị được chăng. Nếu có các tai nạn như thế thì Tăng nên tự lo việc ăn uống. Nếu không thể lo được thì nên bảo mọi người đi khất thực. Khi sứ giả đến hỏi chủ nhân đã chuẩn bị thức ăn xong chưa, nếu họ hỏi: "Người nào? Thức ăn gì?", thì biết đó là kẻ điên cuồng. Bấy giờ, nếu Tăng-già-lam có thức ăn thì nên sửa soạn để ăn. Còn nếu như không có thì nên tuyên bố rằng Tỳ-kheo Tăng bị kẻ điên cuồng lừa gạt, mỗi người nên tự đi khất thực lấy. Trái lại, nếu người chủ mời nói: "Thưa Tôn giả, con đang sửa soạn đây", thì lúc ấy, Thượng tọa phải biết thời giờ. Nếu vào mùa Đông thì mọi người nên tập họp đông đủ rồi cùng đi. Nếu vào mùa Xuân, mùa Hạ thì nên kẻ trước, người sau mà đi. Nếu đến nhà người đã mời mà còn sớm, cơm chưa dọn, muốn đi tới chỗ nào thì phải thưa với Tỳ-kheo khác: "Tôi muốn đến

nhà Mỗ giáp, khi cơm dọn xong đừng đợi tôi". Đi rồi, phải trở về sớm. Khi vào nhà đàn-việt, Thượng tọa phải biết ngồi ở bên phải hay bên trái. Nếu đàn-việt tổ chức ngày lễ Khánh tiết, đặt ghế ngồi ở bên phải thì nên ngồi. Nếu họ mở hội cúng thí thực ngạ quỷ, đặt ghế ngồi ở bên trái thì cũng nên ngồi. Nếu họ trải tọa cụ dài còn mới, có vẻ gấp gáp, thì nên dùng tay ra hiệu bảo phải từ từ, rồi ngồi xuống chầm chậm kẻo bị hư hỏng. Nếu không có việc gì gấp thì không được ngồi xuống liền, vì e ở dưới có khí cụ gì khác, hoặc là trẻ con đang ngủ. Cho nên trước hết nên dùng một bàn tay sờ vào chỗ ngồi. Không được đem bình bát cấu bẩn và bánh trái đặt lên trên đó. Không được dùng tay mà chùi. Thượng tọa phải biết ai coi chừng phòng, ai bệnh, để bảo đàn-việt đưa thức ăn. Nếu đàn-việt tiếc của thì nên bảo: "Này lão trượng, theo phép thì phải cho, không được không cho". Nếu ngày còn sớm thì nên xếp hàng mà nhận lấy vật cúng dường. Nếu ngày giờ đã trễ mà họ đưa ai trước thì nhận trước rồi bảo họ đi tiếp. Vị Thượng tọa của Tăng phải biết thí chủ cúng dường vì mục đích gì mà chú nguyện đúng chuyện. Khi đàn-việt dọn thức ăn, nếu dọn cho Thượng tọa nhiều, thì Thượng tọa nên hỏi: "Tất cả chúng Tăng đều được như thế chăng?". Nếu đáp: "Chỉ có Thượng tọa được như vậy", thì nên bảo họ cúng dường tất cả bình đẳng. Nếu họ nói: "Tất cả đều được như vậy", thì nên nhận. Nếu

cần ít thì lấy ít, những người ngồi dưới thì nên bảo đưa nhiều hơn. Nếu có các món ăn ngon như sữa, sữa chua, bánh, thịt, sữa đóng váng, thì nên bảo thí chủ dọn bình đẳng cho tất cả. Phép tắc của vị Thượng tọa trong chúng Tăng là không được nhận xong liền ăn, mà phải đợi dọn đủ tất cả, rồi tuyên bố rằng "cúng dường bình đẳng", bấy giờ mới được ăn. Cách ăn của Thượng tọa là phải ăn từ từ, không được ăn vội vàng cho xong rồi ngồi nhìn, khiến những người trẻ phải vội vã ăn không no, nên trông chừng nhau mà ăn. Không được ăn xong rồi bỏ đứng dậy trước, mà nên đợi họ đưa nước uống, tùy thuận chú nguyện xong rồi mới đứng dậy. Nếu thí chủ cúng dường cầu phúc cho người chết, thì không nên chúc lành bằng câu:

"Lành thay đã vô thường,
Hôm nay ngày tốt lành.
Bày các thức trân quý,
Cúng dường hàng phước điền".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Tất cả mọi chúng sinh
Có sinh mạng đều chết.
Tùy theo nghiệp dữ lành,
Tự chuốc lấy quả báo.
Làm ác xuống địa ngục,
Tạo thiện lên cõi trời.
Nếu có thể tu hành,
Hết lậu, được Niết-bàn".

Nếu họ sinh con, thiết lễ ăn mừng thì không nên chú nguyện như

sau:

"Đồng tử bỏ nghĩa địa,
Mút tay, bảy ngày sống,
Không bị ruồi nhặng hại,
Do công đức đồng tử".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Đồng tử quy y Phật,
Như Lai Tỳ-bà-thi,
Thi-khí, Tỳ-diệp-bà,
Câu-lâu, Câu-na-hàm,
Ca-diếp và Thích-ca.
Bảy đời các Thế Tôn.
Ví như bậc cha mẹ,
Luôn thương nhớ con mình.
Các niềm vui trên đời,
Đều mong con mình được
Muốn con hưởng phước đức,
Hơn tất cả kẻ khác,
Thân quyến khắp cả nhà
Đều chung vui bất tận".

Nếu thí chủ về nhà mới, thiết trai cúng dường, thì không nên chú nguyện:

"Khi nhà bị lửa thiêu,
Của cải đem ra được.
Tất cả tài sản mình

Đều không bị thiêu rụi".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Cửa nhà che nắng mưa,
Muốn chi đều toại ý.
Các Hiền Thánh cao quý,
Đều trú ở trong này.
Kẻ thông minh trên đời,
Hẳn biết rõ nơi đây.
Mời bậc gìn giới hạnh,
Bày ẩm thực, làm phước.
Tăng dùng lời chú nguyện,
Thần nhà ắt hân hoan.
Sinh tâm thiện gìn giữ,
Trọn đời được an trụ.
Nếu đi vào xóm làng,
Hay đến nơi hoang dã.
Ban ngày hay ban đêm,
Thiên thần đều bảo hộ".

Nếu thương khách sắp khởi hành, thiết lễ cúng dường cầu phước, thì không nên chú nguyện thế này:

"Tất cả mọi phương diện,
Nạn giặc không nên đi.
Giờ đây thật đúng lúc,
Xuất gia tu phạm hạnh".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Mọi nơi đều an ổn,

Chư Thiên ban điềm lành.
Nghe rồi tâm hoan hỷ,
Mong chi đều được cả.
Loài hai chân an ổn,
Loài bốn chân cũng an.
Lúc ra đi an lạc,
Khi trở về bình yên.
Ngày yên, đêm cũng yên,
Chư Thiên thường bảo hộ.
Bạn bè đều hiền lành,
Tất cả thảy an ổn
Khang kiện và tốt đẹp,
Tay chân đều vô bệnh.
Thân thể được bảo toàn,
Chẳng bệnh, chẳng khổ đau.
Tất cả mọi mong cầu,
Đều toại tâm mãn nguyện.

Ở phương Đông có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian, làm cho họ được như nguyện, đó là: Ngôi thứ nhất tên Cát-lợi-đế; ngôi thứ hai tên Lộ-ha-ni; ngôi thứ ba tên Tăng-đà-na; ngôi thứ tư tên Phân-bà-tủy; ngôi thứ năm tên Phất-thi; ngôi thứ sáu tên Bà-la-na; ngôi thứ bảy tên A-xá-lợi. Đó gọi là bảy ngôi sao ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Nay chúng sẽ bảo hộ ông khiến cho an ổn, được lợi ích và trở về sớm; tất cả tinh tú đều góp phần bảo hộ ông.

Lại nữa, phương Đông có tám Thiên nữ: Người

thứ nhất tên Lại-xa-ma-đề; người thứ hai tên Thi-sa-ma-đề; người thứ ba tên Danh Xưng; người thứ tư tên Da-thâu-đà-la; người thứ năm tên Hảo Giác; người thứ sáu tên Bà-la-thấp-ma; người thứ bảy tên Bà-la-phù-đà; người thứ tám tên A-tỳ-ha-la. Đó là tám Thiên nữ ở phương Đông thường bảo hộ thế gian. Lại có Thiên Vương tên Đề-đầu-lại-tra vua của Kiền-thát-bà và tất cả chư Thiên thường hộ trì các ngươi, khiến tất cả đều được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Phương Đông có Chi-đề tên Cung trượng thường tỏa ánh sáng, chư Thiên cung kính cúng dường. Tất cả các vị Thiên cúng dường ấy sẽ hộ trì ngươi khiến được tài lợi, an ổn mà trở về sớm.

Phương Nam có bảy ngôi sao thường hộ trì thế gian: Ngôi thứ nhất tên Ma-già; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Phả-cầu-ni; ngôi thứ tư tên Dung-đế; ngôi thứ năm tên Chất-đa-la; ngôi thứ sáu tên Tư-bà-đế;

ngôi thứ bảy tên Tỳ-xá-khư. Đó là bảy ngôi sao ở phương Nam thường bảo hộ thế gian, nay sẽ bảo hộ ngươi khiến được an ổn, lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú đều sẽ hộ trì ngươi.

Ở phương Nam có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Lại-xa-ma-đế; người thứ hai tên Thi-sư-ma-đế; người thứ ba tên Danh Xưng; người thứ tư tên Danh Xưng Trì; người thứ năm tên Hảo Giác;

người thứ sáu Hảo Gia; người thứ bảy tên Hảo Lực; người thứ tám tên Phi Đoạn, thường bảo hộ thế gian. Đồng thời, có Thiên Vương tên Tỳ-lưu-đồ vua của quỷ thần Câu-ma-đồ, cùng bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Nam có Chi-đề tên A-tỳ-bát-thi thường phóng ra ánh sáng, chư Thiên cung kính cúng dường. Tất cả chư Thiên cúng dường Chi-đề sẽ hộ trì ngươi được an ổn, lợi ích mà trở về sớm.

Ở phương Tây có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Bất diệt; ngôi thứ hai tên Thệ-tra; ngôi thứ ba tên Mâu-ra; ngôi thứ tư tên Kiên Cường tinh tấn; ngôi thứ năm và thứ sáu cùng tên là A-sa-đồ; ngôi thứ bảy tên A-tỳ-xà-ma, bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm. Đồng thời tất cả tinh tú cũng đều bảo hộ ngươi.

Ở phương Tây có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên A-lam-phù-bà; người thứ hai tên Tạp-phát; người thứ ba tên A-lợi-tra; người thứ tư tên Hảo-quang; người thứ năm tên Y-ca-đề-xá; người thứ sáu tên Na-bà-tư-ca; người thứ bảy tên Ký-sắc-ni; người thứ tám tên Sa-đà-la. Đó gọi là tám Thiên nữ. Đồng thời có Thiên Vương tên Tỳ-lưu-bác-xoa thường hộ trì thế gian. Lại có Long Vương tên Bà-lưu-ni và tất cả loài rồng sẽ hộ trì ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Tây có núi tên Nhiêu Ích, nhật, nguyệt ở trong đó. Nếu ai có mong cầu điều chi thì sẽ được mãn nguyện.

Ở phương Bắc có bảy ngôi sao thường bảo hộ thế gian: Ngôi thứ nhất tên Đàn-ni-tra; ngôi thứ hai và thứ ba cùng tên là Thế-đà-đế; ngôi thứ tư tên Bất-lỗ-cụ-đà-ni; ngôi thứ năm tên Ly-bà-đế; ngôi thứ sáu tên A-thấp-ni; ngôi thứ bảy tên Bà-la-ni; bảy ngôi sao này thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích và trở về sớm. Nói chung, tất cả tinh tú đều bảo hộ ngươi.

Phương Bắc có tám Thiên nữ: Người thứ nhất tên Ni-la-đề-tỳ; người thứ hai tên Tu-la-đề-tỳ; người thứ ba tên Câu-tra-tỳ; người thứ tư tên Ba-đầu-ma; người thứ năm tên Ha-ni; người thứ sáu tên Ba-lợi; người thứ bảy tên Già-la-ni; người thứ tám tên Ca-ma. Đó gọi là tám

Thiên nữ. Đồng thời có Thiên vương tên Bà-lưu-na, thường bảo hộ thế gian, sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Phương Bắc có núi tên Chỉ-la-tô, quỷ thần ở trong đó. Tất cả các quỷ thần sẽ bảo hộ ngươi được lợi ích mà trở về sớm.

Hai mươi tám ngôi sao cùng nhật nguyệt, ba mươi hai Thiên nữ và Bốn đại Thiên Vương thống trị thế gian đều có danh tiếng. Ở phương Đông có Đê-đầu-la-tra vương, ở phương Tây có Tỳ-lưu-

bác-xoa vương, ở phương Nam có Tỳ-lưu-đồ vương, ở phương Bắc có Bà-lưu-na vương, tám Sa-môn, tám Bà-la-môn, tám vị Sát-lợi của tám nước lớn, tám con gái của Đế thích sẽ hộ trì ngươi khiến được lợi ích mà trở về sớm".

Nếu thí chủ cưới vợ mở hội cúng dường, thì không nên chú nguyện thế này:

này:

"Sông khô không có nước,
Nước không vua không hộ.
Gái có mười anh em,
Cũng gọi không che chở".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Tín nữ chăm trì giới,
Người chồng cũng như thế.
Vì nhờ có niềm tin,
Nên tu hành bố thí.
Hai người đều trì giới,
Tu tập về chánh kiến.
Hân hoan cùng làm phước,
Chư Thiên thường tùy hỷ.
Kết quả của nghiệp này,
Như đi không mang lương".

Nếu người xuất gia cúng dường thì không nên chú nguyện thế

"Mong cháu con đông đúc
Nô tỳ và tiền tài,

Bò dê cùng lục súc
Tất cả đều sung túc".

Mà nên chú nguyện như sau:

"Cầm bát xin nhà nhà,
Gặp sân hay hoan hỷ.
Đều giữ gìn tâm ý,
Xuất gia bố thí nan".

Vị Thượng tọa của Tăng phải biết các việc như vậy. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ đàn-việt đến cúng dường trai phạn, Nan-đà là hàng Thượng tọa đến ngồi trước. Thế nhưng, Ưu-ba-nan-đà và các Tỳ-kheo khác không đến đúng giờ. Thượng tọa bèn khiển trách: "Đức Thế Tôn chỉ chế định riêng tôi, không chế định cho những người khác chăng?". Cho đến Phật nói: Từ nay về sau, tất cả phải tập trung đầy đủ rồi thọ trai. Thượng tọa phải biết các việc như trên đã nói. Ở trong đây chỉ có tên gọi Thượng tọa thứ hai và tất cả là khác thôi. Cuối cùng nên để dành chỗ ngồi ở kề bên. Nếu thấy người dọn cơm đi qua, không được im lặng ngồi nhìn, mà người ngồi chỗ ấy nên nói: "Để xuống chỗ này". Khi được thức ăn, không được ăn liền mà phải chờ dọn đủ tất cả rồi mới ăn. Nếu thì giờ đã trễ thì dọn tới đâu ăn tới đó không có tội.

Thượng tọa nên chú nguyện, nếu không thể chú

nguyện được thì vị Thượng tọa thứ hai nên chú nguyện. Nếu Thượng tọa thứ hai cũng không chú nguyện được thì các vị ngồi dưới ai chú nguyện được nên chú nguyện. Như vậy tất cả vấn đề ăn uống Thượng tọa cần phải biết. Nếu không biết như vậy thì vượt pháp oai nghi.

BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ ĐỒNG HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà độ người xuất gia cho thọ Cụ túc rồi không dạy dỗ để nghinh ngang như trâu trời, dê trời, không đủ oai nghi, không biết phép phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê và các Trưởng lão Tỳ-kheo, lại không biết phép tắc vào xóm làng, vào nơi rừng vắng, nhập chúng, mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ưu-ba-nan-đà đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Hòa thượng phải dạy đệ tử đồng hành như sau: Khi thọ Cụ túc rồi phải dạy đọc hai bộ Luật. Nếu không thể dạy đọc hai bộ thì dạy đọc một bộ. Nếu một bộ cũng không thể dạy được thì nên dạy đọc kỹ năm thiên giới. Nếu cũng không thể dạy được, thì nên dạy đọc bốn thiên, ba

thiên, hai thiên, ít nhất là dạy đọc bốn việc (Ba-la-di). Mỗi ngày dạy ba lần: sáng sớm, buổi trưa và buổi chiều. Những vấn đề cần phải dạy là A-tỳ-đàm, Tỳ-ni. A-tỳ-đàm tức là chín bộ kinh, Tỳ-ni tức

là giới bổn, hoặc dạy đầy đủ, hoặc tóm lược. Nếu không thể dạy được, thì nên dạy họ biết tội nặng nhẹ, biết ý nghĩa của Kinh, của Luật, của ấm, giới, nhập, của nhân duyên, dạy về oai nghi, nếu trái oai nghi thì nên ngăn cản, đồng thời nên dạy giờ nào đọc kinh, giờ nào tụng chung, giờ nào ngồi thiền. Đó gọi là dạy. Nếu không đọc kinh, cùng tụng kinh, ngồi thiền thì ít nhất cũng nên dạy họ đừng phóng dật. Nếu Hòa thượng không thể dạy đệ tử đồng hành như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đệ tử đồng hành của Ưu-ba-nan-đà ít khi đến chỗ Hòa thượng, do đó Ưu-ba-nan-đà than phiền: "Đức Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử có đến thì ta mới dạy, còn đệ tử không đến thì ta dạy ai đây?".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo đệ tử ấy đến. Khi thầy đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này Tỳ-kheo! Ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Từ nay về sau, đệ tử đồng hành phải phụng sự

Hòa thượng như thế này: Buổi sáng phải dậy sớm, trước hết bước chân phải vào cửa phòng của Hòa thượng. Khi vào xong, cúi đầu, đảnh lễ dưới chân, hỏi xem Hòa thượng ngủ có ngon giấc không. Rồi nhận Kinh, hỏi han công việc, đem đổ bô tiểu tiện, ống nhổ, xong rồi để lại chỗ cũ. Tiếp đến, lấy nước rảy trên nền nhà, rồi quét, lau nền nhà. Đoạn, rửa tay sạch, rồi trao nước, bàn chải đánh răng, cầm bát đi lấy cháo cho thầy. Khi thầy ăn xong, rửa bát, cất lại chỗ cũ. Nếu có nhà nào mời thầy thọ trai, thì đến đó lấy thức ăn. Khi thầy muốn vào thôn xóm, thì trao y thường mặc vào thôn xóm, rồi xếp y thầy mặc trong viện lại, treo vào chỗ cũ. Lúc vào thôn xóm, nên đi theo sau thầy. Nếu muốn khất thực, nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên nhắc nhở đệ tử phải làm đúng pháp, đừng có phóng dật. Nếu mình về trước, nên trải giường ngồi cho Hòa thượng, rồi lấy nước sạch, rải cỏ lá đợi Hòa thượng về. Khi Hòa thượng về, nên đưa y mặc trong Thiền viện cho Hòa thượng, rồi lấy chiếc y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại, treo vào chỗ cũ. Nếu trời nóng thì nên đưa nước tắm cho thầy. Nếu trời lạnh, thì nên đốt lò lửa. Nếu được thức ăn ngon thì nên dâng cho Hòa thượng. Hòa thượng xem xong nên hỏi: "Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?". Nếu đáp: "Con được tại nhà dâm nữ Mỗ giáp, nhà quả phụ, nhà đại đồng nữ, nhà người bất năng nam, tại chỗ Tỳ-kheo ni,

Sa-di ni mang tiếng xấu", thì Hòa thượng nên nói: "Đấy là những nơi không nên đến, chẳng nên lấy thức ăn của họ".

Nếu nói: "Do thuyết pháp mà được", thì Hòa thượng nên nói: "Không được lấy thức ăn của người ta bằng việc tà mạng".

Khi Hòa thượng ăn, nên đưa nước rửa tay rồi đưa thức ăn. Nếu thời tiết nóng thì nên đưa nước lạnh, rồi cầm quạt quạt cho thầy. Khi Hòa thượng ăn xong, dọn bát, nhặt cỏ lá, rửa bát rồi cất lại chỗ cũ.

Nếu Hòa thượng muốn vào rừng ngồi thiền thì nên lấy tọa cụ vác lên vai, mang bình nước rửa đi theo Hòa thượng. Đến nơi rồi, hoặc học kinh, hoặc hỏi nghĩa. Khi đã được chỉ dạy, nên tìm một chỗ ngồi tu tập. Nếu muốn tụng đọc với người khác thì nên bạch với Hòa thượng. Hòa thượng nên hỏi: "Ông tụng đọc với ai? Nếu đáp: "Tụng đọc với Mỗ giáp", thì Hòa thượng nên xem xét, nếu thấy người ấy giữ luật lỏng lẻo thì nên nói: "Đừng đi, không nên giao du với kẻ ấy". Nếu thấy người ấy giữ luật nghiêm chỉnh thì nên cho phép cùng tụng đọc chung. Khi về nên mang tọa cụ trên vai, cầm bình nước theo Hòa thượng trở về.

Khi Hòa thượng muốn lễ tháp, nên đưa nước rửa tay, đưa hoa. Khi lễ tháp xong, nên trải giường ngồi, đưa nước rửa chân và dầu thoa chân. Khi Hòa

thượng muốn ngủ thì nên lau chùi giường nệm, trải gối, đốt đèn, đem ống nhổ, bô đựng nước tiểu vào để dưới giường. Khi Hòa thượng đã yên ổn thì mới học kinh, hỏi nghĩa. Khi được chia phòng theo thứ tự, nên hỏi trước Hòa thượng, rồi mới nhận.

Nếu hai người cùng nhận một phòng thì Hòa thượng nên hỏi: "Ông được ở chung phòng với ai?". Nếu đáp: "Cùng ở với Mỗ giáp", thì Hòa thượng nên xem xét người ấy, nếu thấy giữ giới lỏng lẻo, thì nên bảo đừng ở chung mà sinh ra rắc rối. Nếu thấy người ấy hiền thiện thì nên bảo cứ ở chung. Sau đó, nếu có Thượng tọa nào đến, rồi ra đi, thì nên bạch với Hòa thượng.

Đối với Hòa thượng, đệ tử đồng hành phải thực hiện những việc kể trên. Nếu không làm thì vượt pháp oai nghi. Nếu Hòa thượng có nhiều đệ tử, thì mỗi người tối thiểu cũng phải lau giường Hòa thượng một lần. Đó gọi là phận sự của đệ tử.

BỔN PHẬN CỦA ĐỆ TỬ Y CHỈ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà nhận đệ tử y chỉ mà không dạy bảo, để họ buông lung như trâu hoang, dê hoang. Phận sự đệ tử phải làm các việc như ở phần Hòa thượng trên đây đã nói rõ, chỉ có tiếng gọi thầy y chỉ là khác thôi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà

nhận đệ tử y chỉ mà đệ tử không đến, họ bèn than phiền: "Đức Thế Tôn chỉ chế định cho riêng ta mà không chế định cho đệ tử. Đệ tử không đến thì ta biết dạy ai đây?". Như trường hợp đệ tử đồng hành ở trên đã nói rõ, ở đây chỉ có đệ tử y chỉ là khác mà thôi.

Kệ tóm tắt:

"Việc Bố-tát, ẩm thực,
Thượng tọa cần phải làm.
Vị đệ nhị Thượng tọa,
Và mọi người cũng thế.
Hòa thượng dạy điều chi,
Người đồng hành phải nghe.
Thầy y chỉ dạy bảo,
Đệ tử phải phụng hành
Kết thúc phần thứ nhất".

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN GIƯỜNG NỆM

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn ở thành Xá-vệ; lúc ấy, Đức Như Lai cứ năm hôm đi quan sát phòng của các Tỳ-kheo một lần, thấy giường bỏ ngổn ngang trên đất, bị gió thổi xiêu vẹo, nắng táp mưa sa, mối mọt gặm nhấm và chim chóc ỉa lên trên, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

"Đây là giường của ai mà để ngổn ngang trên đất, khiến chim chóc ỉa lên trên thế này?". Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo: "Kể từ hôm nay, vấn đề giường nệm cần phải biết như thế này: Không được thấy giường chõng bỏ ngổn ngang dưới đất, bị mối mọt ăn, nắng táp mưa sa, gió thổi xiêu vẹo, chim chóc ỉa lên trên mà cứ để mặc như thế. Nếu thấy bỏ ngổn ngang đây đó thì nên đem chất lại một chỗ. Nếu nghiêng thì sửa cho ngay lại. Nếu bị nắng táp, mưa gió xiêu vẹo thì phải đem cất vào trong phòng. Nếu bị mối mọt ăn thì phải tra chăn lại cho vững. Nếu bị chim chóc ỉa trên đó thì phải đập giũ rồi cất vào trong phòng. Không được thấy phòng ốc bị dột mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ giọi (lợp) lại. Nếu được lợp bằng ngói, thì nên dùng ngói giọi lại. Nếu được lợp bằng xi-măng thì nên dùng xi-măng giọi lại. Nếu được phủ bằng đất, thì nên dùng đất phủ lên. Nếu tường vách bị hỏng hóc thì nên sửa chữa rồi tô đất lại. Giường nệm của chúng Tăng không được để yên như thế mà sử dụng, vì chúng chỉ được bọc có một lớp mỏng, cho nên phải dùng hai lớp tọa cụ phủ lên trên. Khi ngủ, nên dùng vật gì lót ngọa cụ, đừng để nó chạm

vào thân mình. Nếu tấm nệm dày thì không được gấp lại, khiến hư hỏng vật của chúng Tăng. Nệm gối được xếp lại, nếu có dơ bẩn thì nên đem giặt. Nếu nó bị rách thì nên vá lại cho lành. Cần

phải giữ gìn, bảo quản giường nệm, ngọa cụ của chúng Tăng như vậy. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ BẢO QUẢN TRÚ XỨ

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn ở thành Xá-vệ, bấy giờ vào tháng cuối mùa Xuân mà các Tỳ-kheo không sửa chữa phòng ốc. Đức Như Lai vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Năm việc lợi ích đó là:

1. Xem các đệ tử Thanh văn có tham luyến các việc hữu vi hay không.
2. Xem họ có bàn phiếm chuyện đời hay không.
3. Xem họ có ham mê ngủ nghỉ hay không.
4. Vì để thăm viếng các Tỳ-kheo bệnh.
5. Để cho các Tỳ-kheo trẻ tuổi có niềm tin trông thấy oai nghi đĩnh đạc của Đức Như Lai mà phát tâm hoan hỷ.

Đó gọi là vì năm việc mà đi tuần hành các phòng. Khi thấy các phòng xá bị hỏng hóc mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Phòng này của ai bị hư mà không sửa chữa?

- Bạch Thế Tôn! Đến lúc an cư Tỳ-kheo nhận phòng sẽ tự sửa chữa lấy.

- Từ nay về sau, đến lúc an cư phải sửa chữa phòng ốc bằng cách: Sắp xếp mùa an cư không được thấy phòng ốc bị hư hại không sửa chữa mà nói: "Người nào an cư nhận phòng sẽ tự sữa chữa lấy". Nếu phòng lợp bằng cỏ thì dùng cỏ để giọi lại, cho đến, nếu phòng trét đất thì nên dùng đất để sửa chữa, hoặc bức tường bị trống thì nên dùng đất tô lại các lỗ chuột đục, lấp kín dưới nền. Các vật dụng trong phòng nên cất dồn lại một chỗ. Người nào hội đủ năm điều kiện sau đây thì cử làm người chia phòng:

1. Không thiên vị.
2. Không giận dữ.
3. Không sợ sệt.
4. Không ngu si.
5. Biết ai được phòng, ai chưa được.

Đó gọi là năm điều kiện. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe, Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng nay cử Mỗ giáp làm người chia phòng. Đây là lời tác bạch.

Một lần bạch, một lần Yết-ma cho đến "Tăng bằng lòng cho nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành".

Vị Tỳ-kheo đã được pháp Yết-ma rồi phải sửa chữa phòng sưởi, phòng ăn, giảng đường, phòng

tắm, nhà che giếng, nhà vệ sinh, nhà ngõ, chỗ đi kinh hành dưới gốc cây; đồng thời phải ghi chép tất cả xem nhiều hay ít. Nếu những trú xứ ở A-luyện-nhã cách xa nhau thì nên chia phòng vào ngày mười hai , mười ba tháng tư. Nếu ai không nhận thì nên đi đến nơi khác. Nếu phần lớn đều ở gần nhau thì đợi đến ngày mười bốn, mười lăm chia phòng và đọc biên bản ở giữa chúng Tăng như sau: "Xin Đại đức Tăng lắng nghe, Tinh xá Mỗ giáp có chừng ấy phòng, chừng ấy giường nệm, chừng ấy thức ăn, ăn đến ngày ấy, có chừng ấy y an cư".

Thượng tọa nên bảo người chia phòng tổ chức một bữa cúng dường. Khi chia phòng nên chia từ Thượng tọa cho đến Tỳ-kheo chưa có tuổi hạ, nhưng không được chia phòng cho Sa-di. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê bảo cứ chia để tôi sẽ chăm sóc cho, thì hãy chia. Nếu có nhiều phòng thì nên chia mỗi người hai phòng. Nếu người ấy nói: "Tôi không cần hai phòng, chỉ cần một phòng là đủ", thì nên bảo: "Không phải chia để ở mà là chia để trông nom". Nếu phòng ít thì chia hai người, ba người một phòng. Nếu chia như vậy mà không đủ, thì chia năm người, sáu người một phòng. Nếu cũng không đủ mà có giảng đường rộng, thì tất cả mọi người nên vào ở trong giảng đường. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa kê giường lớn, Hạ tọa kê giường nhỏ. Nếu cũng không đủ, thì Thượng tọa

kê giường nhỏ, Hạ tọa ngồi nệm cỏ. Nếu cũng không đủ thì Thượng tọa nên ngồi kiết già, Hạ tọa nên đứng, hoặc ra ngoài gốc cây. Chia phòng vào mùa Đông thì vừa để ở mà vừa để coi sóc. Nếu có Thượng tọa đến bảo giao phòng lại thì phải ra đi. Nếu chia phòng vào mùa Xuân thì cũng như vậy. Còn chia phòng vào mùa Hạ thì vừa để trông coi mà vừa để ở. Nếu Thượng tọa đến bảo phải ra đi, thì không nên đi.

Vào tháng cuối mùa Xuân, các Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như trên đã nói. Nếu không sửa chữa như thế thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn, nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, Ngài thấy phòng ốc bị dột nát, hỏng hóc mà không sửa

chữa, nước mưa đọng lại từng vũng trong phòng, cửa ngõ bị mối mọt ăn, giường nệm thì lên mốc xanh, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là những phòng của ai, bị dột nát, hư hỏng thế này mà không sửa chữa?". Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, trong mùa Hạ an cư nên sửa chữa phòng ốc, giường nệm, không được thấy phòng ốc giường nệm bị hư hoại mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì nên dùng cỏ để giọi, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại, đồng thời khai thông các vũng nước

đọng ra đến dòng nước. Nếu gối nệm của giường nằm, giường ngồi lên mốc thì phải đem phơi nắng cho khô. Nếu trong phòng ẩm thấp thì nên kê giường cách bức tường, tra chân giường cho chắc, đừng để mối mọt ăn. Đồng thời phải quét sạch bồ hóng và lưới nhện. Mỗi nửa tháng nên dùng khăn lau nhà một lần. Nếu sàn nhà khô thì nên rấm nước rồi lau. Nếu sàn nhà ẩm ướt thì nên lau không mà thôi. Nếu trong phòng ẩm ướt thì không được rửa tay, rửa chân, rửa bát trong đó, cũng không được đóng kín cửa mà phải thường thường mở cửa cho gió lọt vào. Không được đun khói trong phòng. Vào dịp Hạ an cư, Tỳ-kheo nên sửa chữa phòng ốc như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

TRÚ XỨ A LUYỆN NHÃ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo an cư tại A-luyện-nhã xong, không gởi gấm trú xứ cho ai mà bỏ đi hết. Sau đó bị lửa tự nhiên thiêu cháy hết phòng ốc. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Tỳ-kheo an cư xong nên bảo quản phòng ốc bằng cách: Nếu an cư tại A-luyện-nhã xong, đến mùa Đông muốn dời đến nơi ấm áp thì không nên đi tất cả, mà nên yêu cầu vài ba người có thể gắng nhẫn ở lại

trông coi, và nên để lại thức ăn đừng để bị thiếu thốn. Nếu họ nói: "Không được; vì sao tôi phải ở lại nơi hoang vắng này để làm gì?", nếu không một ai ở lại cả, thì phải đem tất cả các thứ giường nệm, mền gối, đồ đồng, đồ sắt vào trong Tinh xá ở thôn xóm mà gởi. Giường ngồi, giường nằm nên kê cách vách, và dùng vật gì lót dưới chân để mối khỏi ăn. Khi an cư xong, không được thấy phòng ốc dột nát, hư hại, không sửa chữa mà ra đi. Nếu phòng lợp bằng cỏ, thì dùng cỏ giọi lại cho đến nếu phủ bằng đất thì dùng đất để đắp lại. Đồng thời tô lại phòng và quét vôi vào vách. Nếu xung quanh đó thỉnh thoảng có đốt lửa thì nên gởi gấm với các mục đồng: "Ông thường thường trông chừng phòng ốc giùm tôi". Các trú xứ nơi thôn xóm cũng

phải bảo quản như thế. Nếu phòng sưởi, giảng đường, nhà ăn có hư hao cũng phải sửa chữa như vậy. Nếu tại Tinh xá có đàn-việt đang ở thì nên bảo họ sửa chữa; hoặc sai người khác sửa chữa. Nếu trú xứ không có chủ, cũng không sai ai được, thì tất cả Tăng chúng phải sửa chữa. Nên chia đồng đều mỗi người một khuỷu tay, hai, ba khuỷu tay để cùng làm cho chu đáo. Nếu giường nằm, giường ngồi sút xổ thì nên đóng lại, buộc lại cho chắc chắn. Nếu nệm, gối xếp dơ bẩn thì nên đem giặt cho sạch, nếu có bị rách thì nên vá lại. Các vật dùng trong phòng nên xếp đống lại một chỗ.

Tỳ-kheo an cư xong, nên sửa chữa bảo quản

phòng ốc, giường nệm như vậy. Nếu không sửa chữa như vậy thì vượt pháp oai nghi.

BỔN PHẬN CỦA TỲ-KHEO KHÁCH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Đức Thế Tôn vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy giường ghế bỏ ngổn ngang chỗ này chỗ kia trên đất, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

- Giường chõng của ai mà bỏ ngổn ngang không cất thế này?

- Bạch Thế Tôn! Đó là chỗ ở của cựu Tỳ-kheo, còn con là khách.

- Từ nay về sau, khách Tỳ-kheo phải biết như thế này: Không được thấy giường ghế bỏ ngổn ngang bị mối mọt ăn mà cứ để yên. Nếu thấy bỏ ngổn ngang thì phải thu lại cất vào một chỗ. Nếu thấy ngã nghiêng thì phải sắp lại cho ngay ngắn, rồi dùng vật gì kê dưới chân để mối khỏi ăn. Khi khách Tỳ-kheo đến nơi nào thì không được đột nhiên đem đồ đạc mình vào trong phòng mà phải để đồ vật lại một chỗ, đi tìm cựu Tỳ-kheo để xin phòng. Khi được phòng rồi, nếu mặt đất không bằng phẳng thì nên lấp cho bằng. Nếu có hang chuột thì nên lấy đất lấp lại. Nếu có bồ hóng, mạng nhện thì nên quét dọn. Giường ghế nếu sút sổ thì

nên nêm lại, buộc lại cho chặt chẽ. Đồng thời phải đập giũ gối nệm rồi lấy nước rưới lên sàn nhà, lau quét sạch sẽ. Nếu cái giá móc y bằng gỗ thì nên dùng vật gì lau cho sạch. Nếu nó bằng tre, trơn tru thì nên dùng tay mà chùi, nên xem nếu nó vững chắc thì nên treo bát lên trên. Nếu chỉ ở lại có nửa đêm thì cũng phải làm các việc như thế xong rồi mới đi.

Nếu khách Tỳ-kheo không bảo quản như thế thì vượt pháp oai nghi.

BỔN PHẬN CỦA CỰU TỲ KHEO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn nơi thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần; cho đến, vị Tỳ-kheo ấy nói: "Bạch Thế Tôn! Đó là vị khách Tỳ-kheo bày biện ra chứ chẳng phải con - cựu Tỳ-kheo". Phật dạy: "Từ nay về sau, cựu Tỳ-kheo phải biết các việc như sau: Cựu Tỳ-kheo không được thấy giường chõng bỏ lổn ngổn chỗ này chỗ kia bị mối mọt ăn mà cứ để yên như vậy. Nếu thấy bỏ ngổn ngang nơi này nơi kia thì phải đem chất đống lại một chỗ. Nếu thấy bị mối mọt ăn thì phải dùng vật gì kê dưới chân cho chắc. Phép của cựu Tỳ-kheo là không được chọn ở căn phòng tốt, còn giường nệm mền gối bị hư rách, bụi bặm

thì đợi khách Tỳ-kheo đến tự lo liệu sửa chữa lấy, mà chính mình phải tu bổ, sửa chữa cho tốt rồi đợi khách Tỳ-kheo.

Cựu Tỳ-kheo phải biết các việc như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

BỐN PHẬN SỬA CHỮA VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại Tinh xá Kỳ-hoàn, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần. Cho đến, Phật thấy thế, tuy biết nhưng vẫn hỏi một Tỳ-kheo:

- Này Tỳ-kheo! Cái giường này ai trải ra vậy?

- Bạch Thế Tôn! Đó là vị cựu Tỳ-kheo trải ra, còn con mới đến ở.

- Từ nay về sau, khi thấy giường chõng trải ra, thì tất cả Tỳ-kheo đều phải biết như sau: Tất cả Tỳ-kheo không được để giường nệm bừa bãi chỗ này chỗ kia bị mưa nắng và mối mọt ăn hỏng. Nếu thấy bỏ rải rác trên đất thì phải đem chất lại một chỗ. Nếu thấy bị mưa sa nắng táp thì phải đem cất vào trong chỗ che khuất. Nếu bị mối ăn thì phải kê ở dưới chân. Nếu phòng ốc bị dột thì phải lợp lại. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giọi lại, cho đến, nếu được phủ bằng đất, thì dùng đất đắp vào. Nếu bức vách bị nứt vỡ thì nên dùng đất tô trét lại. Nếu giường nệm mền gối dơ bẩn, rách nát

thì không được để yên như vậy xem mà phải đem giặt giũ may vá lại. Nếu lông bông trong gối nệm lòi ra thì phải nhồi lại, ghế dây bị giãn thưa ra thì phải ken lại cho chặt. Khi đánh kiền chùy tập trung để sửa chữa giường nệm thì không được từ từ đi đến mà phải tập họp nhanh chóng. Sau khi tập họp, phải cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan, buộc, phải hợp sức cùng làm. Nếu chia công việc, thì mỗi người nên tự đem về làm. Nếu đánh kiền

chùy để tập trung sửa chữa giường nệm như vậy thì không được nói tôi là người ở A-luyện-nhã, tôi khất thực, tôi là Đại đức, tôi là Thượng tọa không thể làm, ở trong đây, ai sử dụng thì phải tự sửa chữa lấy, mà tất cả đều phải tập trung, cùng nhau sửa chữa, người thì se dây, kẻ thì đan dệt, người thì sơn màu. Tất cả Tỳ-kheo đều phải tập họp cùng nhau sửa chữa như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ ĐẠI TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đại tiện khắp nơi, bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, như lừa, đi đại tiện không có chỗ nhất định?".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên

Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau nên làm nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh không nên làm hướng Đông, hướng Bắc mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ có gió thoáng. Cách làm là: hoặc đào hầm, hoặc làm trên bờ cao. Nếu dưới đáy hầm có mạch nước thì trước hết phải bảo tịnh nhân lấp kín, rồi Tỳ-kheo mới làm. Nếu ở dưới bờ cao có dòng nước chảy, thì đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi xuống tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nên làm hai lỗ, ba lỗ, chiều rộng của lỗ cầu một khuỷu tay, chiều dài một khuỷu tay rưỡi. Trong nhà cầu nên ngăn cách ra, để hai người ngồi hai bên không thấy nhau. Ở bên cạnh nhà cầu để một thanh tre, trong nhà cầu nên để một cái giá treo áo".

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đã ngồi trước trên cầu rồi, sau đó có một Tỳ-kheo khác, vì bắt đi cầu gấp liền vào trong cầu, định đi cầu ngay chỗ vị Tỳ-kheo trước đang đi. Tỳ-kheo ấy bèn kêu lên: "Trưởng lão chớ làm bẩn tôi".

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, cần phải biết phép đi cầu như sau: Không được để cho đau bụng quá gấp rồi mới đi cầu, mà khi mới bắt đi cầu thì nên đi liền. Khi tới đó, không được làm thinh bước vào mà nên khảy móng tay. Nếu bên trong cầu có người cũng phải gảy móng tay đáp lại. Nếu bị đau bụng quá gấp, thì nên ngồi châu đít lại với

người ngồi trước mà cùng đi. Khi chưa đến cầu, không được vén y phục trước mà đi, nên ngồi trên cầu rồi, vừa vén, vừa đi cầu. Không được mang ngọa cụ của Tăng vào cầu tiêu. Khi ngồi vào cầu không được xỉa răng, trùm đầu, che vai áo bên phải, mà nên trật vai áo, cũng không được đọc kinh, thiền định, quán bất tịnh và ngồi ngủ, khiến làm trở ngại người khác. Khi đứng dậy,

không được xăn y quá cao đứng dậy, mà phải vừa đứng dậy, vừa buông y xuống".

Lại nữa, bấy giờ, các Tỳ-kheo dùng thẻ tre làm vật chùi đít, khiến hậu môn bị thương tổn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng thẻ tre, thẻ cây lau, thẻ gỗ và xương mà nên dùng vật mềm, vật tròn, đồng thời không được dùng xong rồi bỏ vào trong cầu, mà nên bỏ vào trong sọt đặt tại một chỗ. Nhưng nếu hầm cầu sâu ở trên bờ cao thì bỏ xuống đó không có tội. Khi đại, tiểu tiện và khạc nhổ nên nhắm ngay giữa lỗ, không được làm bẩn hai bên mép. Nếu người trước làm bẩn thì nên dùng thẻ gỗ gạt bỏ cho sạch. Không được đi đại, tiểu tiện xong không dùng nước rửa sạch mà sử dụng tọa cụ, giường nệm của Tăng chúng. Bên cầu nên đặt một thùng nước; nếu hầm cầu đào chỗ đất bằng thì không được đổ nước chảy xuống hầm cầu; nếu cầu làm ở bờ sông thì được dùng. Nên dùng gỗ, đá, ngói làm nắp thùng. Tỳ-kheo trẻ nên

theo thứ tự đổ nước cho đầy thùng và phải súc thùng thường xuyên. Nếu nắp bằng ván thì không được để ngoài nắng khiến nó bị hư. Nếu nắp bằng sành, đá thì được để ngoài nắng. Bên cạnh cầu tiêu nên để tro, giẻ lau. Nếu trong thùng nước có sinh trùng thì không được nói: "Trong này có sinh trùng", mà nên bỏ một nắm cỏ ở trên để kẻ khác biết là trong nước có trùng. Không được dùng nhiều nước mà phải dùng có chừng mực. Nếu thùng nước hết nên báo người phụ trách biết, để sai người đổ vào cho đầy, hoặc tự mình đổ vào, ít nhất là một ca đủ cho một người sử dụng. Nếu bộ phận dưới bị bệnh trĩ thì không được rửa mà nên dùng vật mềm để lau, hoặc là vải, hoặc lá cây. Nếu không có nhà vệ sinh thì nên lau ở phía sau phòng. Nếu ngồi đại tiện nơi triền núi thì không được xỉa răng và trùm đầu, trùm vai mà nên trật vai áo. Nếu bắt đi cầu vào ban đêm thì nên dùng chậu, âu đựng rồi đem đổ. Nếu không có đồ đựng thì nên đi cầu chỗ đường nước chảy rồi sáng sớm dọn sạch. Nếu đang ở tại nhà sưởi, giảng đường mà muốn đi cầu thì phải ra ngoài. Nếu bắt đi cầu quá gấp không thể đi kịp thì phải đi cầu tại một chỗ, chứ không được làm như bò vừa đi vừa phóng uế, rồi sáng sớm dọn dẹp, dùng nước rửa sạch, dùng dầu để lau, ít nhất là dùng giẻ lau mà lau. Khi đang nhiễu tháp mà thấy đau bụng thì nên đi cầu. Nếu quá bức bách thì nên đi tại một chỗ, chứ không được vừa đi vừa

phóng uế dơ bẩn cả chân như loài bò. Khi đi xong phải dọn dẹp, lấy nước rửa, rắc bột hương, rồi lau chùi. Nếu tại A-luyện-nhã không có bột hương thì nên dùng dầu mà lau.

Khi muốn vào thôn xóm nên đại tiện trước rồi mới đi. Khi vào

thôn xóm rồi mà bắt đi cầu thì nên đến cầu tiêu dành cho đàn ông, không nên vào cầu tiêu của phụ nữ. Nếu không có thì nên hỏi người ta nơi nào có thể đi cầu được. Khi hỏi, không nên hỏi những cô gái trẻ, vì khi nghe vậy họ sẽ cười, mà nên hỏi người lớn tuổi đứng đắn. Nếu cũng không có thì nên vào những ngôi nhà trống. Khi vào rồi, không được ngồi ở chỗ quá trống trải, cũng không nên ngồi chỗ quá kín đáo khiến người ta nghi mình là kẻ trộm. Nếu cũng không có ngôi nhà trống thì nên đi cầu ở bên bờ tường nơi mé đường. Nếu có bạn thì bảo họ ngồi châu lưng lại để che khuất.

Nếu khi đi đường cùng với khách buôn mà muốn đại tiện thì nên đi ở mé đường cuối hướng gió, đừng đi ở đầu gió khiến mùi hôi bay đến người khác. Nếu ban đêm muốn đi cầu thì không được lặng thinh mà đi, mà phải nói cho khách buôn biết, để họ không nghi mình là kẻ trộm, đồng thời cũng phải đại tiện ở dưới hướng gió, chứ không được đại tiện ở trên hướng gió.

Khi đi thuyền với khách buôn mà muốn đi cầu

thì nên đến chỗ đại tiện mà đi, đồng thời nên dùng một miếng gỗ gạt xuống để cho phân rơi trên miếng ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có miếng gỗ thì ít nhất đi trên nùi cỏ; nếu cũng không có nùi cỏ, thì nên dùng cái bô đựng rồi đem đổ.

Nếu thấy phân uế nơi tháp, nơi Tăng viện thì nên dọn sạch. Nếu hai người cùng đi mà thấy thế, thì Hạ tọa nên dọn dẹp. Nếu Hạ tọa giữ giới lỏng lẻo thì bản thân mình phải dọn. Nếu bị trúng độc mà thầy thuốc bảo phải uống nước phân, thì không nên uống nước phân của chính mình mà nên dùng nước phân của kẻ khác.

Tỳ-kheo phải biết các phép vệ sinh kể trên. Nếu không biết những việc như vậy thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ TIỂU TIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tiểu tiện khắp nơi, bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như bò, lừa tiểu tiện khắp nơi? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì!". Cho đến, Phật dạy: "Từ nay về sau nên làm chỗ đi tiểu. Cách làm như sau: Không được làm ở hướng Bắc, hướng Đông mà nên làm ở hướng Tây, hướng Nam, chỗ thoáng gió".

Lúc ấy có Tỳ-kheo đi tiểu, rồi Tỳ-kheo khác cũng đến đó để tiểu.

Vị Tỳ-kheo trước nói: "Trưởng lão chớ làm bẩn tôi".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, phép tiểu tiện phải biết như sau: Không được để cho bức bách rồi mới đi mà khi muốn đi tiểu thì phải đi liền. Trước khi vào cầu tiểu phải khảy móng tay; nếu trong đó đã có người thì cũng phải khảy móng tay đáp lại. Nếu quá gấp thì nên đứng quay lưng với người trước, và người trước nên nhường chỗ cho nhau. Khi tiểu tiện không được trùm đầu, che vai và xỉa răng, mà nên vén áo bên phải mà tiểu. Lúc đang tiểu không được thiền định, ngủ, tụng kinh và quán bất tịnh làm trở ngại người đi sau. Khi tiểu xong phải ra ngay. Nếu không có chỗ tiểu tiện thì nên dùng cái bình để đựng; trên bình nên để một cái âu có lỗ thông dưới đáy, tiểu tiện vào trong cái âu đó rồi mở nút cho chảy vào trong bình. Nếu không có âu thì nên dùng cái muỗng để rót vào bình. Không được đại tiện và khạc nhổ vào trong bình. Tỳ-kheo trẻ phải theo thứ tự đổ cái bình ấy. Khi đổ, phải đổ ở chỗ khuất, không được đổ trên thượng lưu của tháp, viện. Sau khi đổ phải dùng nước rửa sạch rồi úp xuống đất. Nếu không có bình thì mỗi người nên tìm đồ đựng riêng. Nếu đồ đựng bằng đất thì khi rửa xong đem úp xuống đất. Nếu đồ đựng bằng

gỗ thì khi đổ xong nên để trong mát cho khỏi bị hư; đồng thời nên buộc dây mà xách. Ban đêm nên đem nó đặt dưới giường. Nếu không có đồ chứa thì (ban đêm) nên đi tiểu ở chỗ rãnh nước. Nhưng rãnh nước đó không được chảy về hướng tháp, phòng sưởi và giảng đường.

Khi muốn đi tiểu thì nên đi ngay. Nếu cấp bách quá không đi kịp, thì nên tiểu tiện tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa, dầu bôi, rồi lau chùi sạch.

Nếu đang nhiễu tháp mà bắt đi tiểu thì phải đi ngay. Nếu cấp bách quá, cũng không được vừa đi, vừa tiểu mà nên tiểu tại một chỗ. Khi tiểu xong, dùng nước rửa rồi bôi hương thơm. Nếu ở nơi hoang vắng không có hương thơm, thì nên dùng dầu bôi lên.

Nếu muốn đi vào thôn xóm thì nên tiểu tiện trước rồi mới đi. Khi đang ở nơi thôn xóm mà muốn tiểu tiện thì nên tiểu tiện ở chỗ khuất. Nếu cấp bách quá không đến chỗ khuất kịp thì hướng vào bờ tường mà tiểu. Nếu có đồng bạn thì nên bảo họ xoay lưng lại để che mình.

Nếu đi đường với khách buôn mà muốn tiểu tiện thì nên đi ở hướng cuối gió, không được đi ở đầu gió. Nếu nghỉ lại ban đêm, khi đi tiểu tiện cũng phải đi ở hướng cuối gió. Lúc muốn đi phải nói cho họ biết, để họ khỏi ngờ mình là kẻ trộm.

Nếu đi thuyền thì nên đến chỗ tiểu tiện mà tiểu. Nếu không có chỗ đi tiểu thì nên tiểu vào trong đồ đựng rồi đem đổ.

Tỳ-kheo bệnh, nếu thầy thuốc bảo phải uống nước tiểu thì không được lấy nước tiểu lúc đầu và lúc cuối mà nên lấy nước tiểu ở khoảng giữa, hoặc lấy nước tiểu của chính mình, hoặc xin nước tiểu của người khác mà uống.

Phép tiểu tiện phải làm như trên; nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ TĂM XỈA RĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng cây xỉa răng chưa chuốt vót, bị người đời chê bai: "Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ hung ác, cầm nguyên cả cành cây mà xỉa răng?". Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhân dịp đại hội, Đức Thế Tôn thuyết pháp, thì có Tỳ-kheo hôi miệng nên ngồi ở phía cuối hướng gió. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào mà ngồi riêng một chỗ như người có điều chi oán hận vậy?

- Bạch Thế Tôn! Vì Thế Tôn chế giới không

cho phép xỉa răng, vị này bị hôi miệng sợ ảnh hưởng đến các bậc phạm hạnh nên phải ngồi ở cuối gió.

- Ta cho phép dùng tăm xỉa răng nhưng phải ước lượng mà dùng, dài nhất là mười sáu lóng tay.

Lại nữa, lúc ấy có đàn-việt trồng cây tại nơi hoang vắng, rồi Tỳ-kheo nhổ cây ấy làm cây xỉa răng. Chủ nhân thấy thế lòng không vui bèn đi đến chỗ Phật trình bày việc ấy lên Thế Tôn. Phật tùy thuận thuyết pháp khiến tâm ông ta hoan hỷ, rồi ông lễ Phật mà cáo lui. Đoạn Phật bảo gọi vị Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông dùng cây có hoa trái làm tăm xỉa răng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ông dùng cây có hoa trái làm tăm xỉa răng. Hơn nữa, khi xỉa răng không được ở tại phòng sưởi, giảng đường, phòng ăn và ở trước chư Tăng, trước Hòa thượng, A-xà-lê, trước tháp, trước tượng. Khi xỉa cũng không được trùm đầu, che vai mà phải vén áo phải, ở tại chỗ khuất. Nếu ở phòng Tăng thì nên dùng ve, hộp mà đựng tăm. Khi tăm xỉa rồi không được bỏ lại vào trong hộp, không được vứt nơi chùa, tháp và nơi thường đi lại. Khi nạo lưỡi không được làm như kẻ dâm dật. Nạo xong, phải rửa cây nạo rồi cất vào một chỗ. Nếu cây xỉa răng khó tìm, thì

khi xỉa xong, cắt bỏ chỗ đã xỉa, đem rửa rồi cất để ngày mai dùng lại.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo đang xỉa cây tăm đã cùn, trông thấy Đức Thế Tôn đi đến, vì lòng kính trọng nên thầy nuốt khúc tăm vào, khiến khúc tăm mắc nơi cổ, làm cho thầy ảo não. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cây xỉa răng quá cùn; dài nhất là mười sáu lóng tay, và ngắn nhất là bốn lóng tay trở lên. Khi xỉa nên ở nơi vắng vẻ, rửa tay sạch rồi mới xỉa răng. Khi xỉa xong, đem rửa cây tăm rồi mới vứt. Khi dùng không được làm như bọn phóng đãng, vì xỉa răng là để trừ bỏ hôi miệng mà thôi. Khi xỉa răng không được nuốt nước xỉa răng, nhưng nếu lỡ nuốt phải thì không có tội.

Khi Tỳ-kheo bị bệnh nếu thầy thuốc bảo phải nuốt nước xỉa răng (nước nhăm cây tăm) mới lành bệnh thì nên vâng lời mà nuốt. Nếu không có cây xỉa răng thì nên dùng tro, muối, đất, gạch, gừng, đá, cỏ, cây làm cho sạch miệng rồi mới ăn.

Nếu tại nơi chùa, tháp, thấy có tăm xỉa răng thì nên lượm vứt đi. Nếu cả hai người cùng thấy, thì người nhỏ nên lượm vứt. Nếu thấy Hạ tọa giữ giới lơ mơ thì tự mình nên lượm vứt đi. Phép dùng tăm xỉa răng phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Trải giường, cuối tháng Xuân,
An cư, sắp chỗ ngồi.
Tỳ-kheo khách và cựu,
Tất cả đều như vậy.
Cầu tiêu, đại tiểu tiện
Dùng tăm, hết phẩm hai".

VẤN ĐỀ VÁ Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Như Lai đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy vị Tỳ-kheo đang trải y trên đất để vá, Phật liền dạy: "Từ nay trở đi nên sắm chiếu. Cách làm chiếu là dùng tre, sậy dài chừng mười khuỷu tay, bề ngang chừng sáu khuỷu tay mà làm. Khi muốn vá y thì nên đem chiếu trải ở giảng đường hoặc phòng sưởi, phòng ngồi thiền, rồi xổ y ra trên đó mà vá, đồng thời phải rửa chân rồi mới ngồi. Nếu không rửa chân thì phải xếp chân lại mà ngồi lên trên, đừng để bàn chân chạm vào chiếu. Không được phơi ngũ cốc, phơi y, nhuộm y trên chiếu; cũng không được để cho nắng táp, mưa sa, hoặc chim muông làm dơ bẩn chiếu. Khi vá y xong phải cuốn lại đem cất vào chỗ che khuất. Nếu không có chiếu thì nên vá y trên giường. Nếu cũng không có giường, thì nên dùng

khăn lau sạch phòng sưởi, giảng đường, rồi đem y ra vá. Khi vá y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi".

VẤN ĐỀ NGĂN CHỖ NẰM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo ngồi thiền xong trở về, đạp nhằm bàn chân lạnh của thầy vào người khác khiến vị Tỳ-kheo ấy cảm thấy giật mình, không an. Do thế, các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau nên dùng vật gì để ngăn chỗ nằm ra. Phương pháp làm bằng cách dùng tre, nứa, lau dựng đứng bốn góc rồi dùng dây buộc lại. Khi ngồi thiền trở về thì mở ra, lúc vào trong rồi thì đóng lại. Ban ngày nên mở ra, không nên đóng lại, còn ban đêm thì nên buông xuống. Phương pháp ngăn chỗ nằm phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi".

VẤN ĐỀ LAU PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên Đức Thế Tôn cứ năm hôm đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, trông thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Phòng này của ai mà để dột nát như thế này? Từ nay về sau, việc phòng ốc phải

xử trí như thế này: Không được thấy phòng ốc bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu phòng được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giọi lại, cho đến nếu được phủ bằng đất thì dùng đất đắp lên. Đồng thời nên thường thường quét mạng nhện và bụi bặm, nên lấp bằng những chỗ lồi lõm, dùng đất bịt kín các hang chuột, và mỗi nửa tháng nên dùng giẻ lau nhà một lần. Nếu nền nhà khô thì nên tẩm khăn lau cho ướt để lau; còn nền nhà ướt thì chỉ nên lau bằng khăn khô. Nếu nền nhà được sơn xanh thì nên dùng vật gì bọc chân giường lại đồng thời không được đốt đèn, đi kinh hành hay bỏ giày dép trên đó, cũng không được khạc nhổ mà nên dùng ống nhổ để đựng. Nếu ngôi nhà giữa thì được rửa chân, rửa tay, rửa mặt hoặc rửa bát tại đó. Nếu ngôi nhà dưới thì được đốt đèn, đi kinh hành, rửa tay, chân, rửa mặt và rửa bát tại đó.

Về vấn đề phòng ốc phải xử dụng như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi".

VẤN ĐỀ KHẠC NHỔ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, vì năm việc lợi ích nên cứ năm hôm Đức Thế Tôn đi tuần hành qua phòng các Tỳ-kheo một lần, thấy trên các bức tường của phòng ốc, giảng đường có những bãi nước miếng chảy nhiễu xuống đất, tuy biết nhưng

Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Kẻ nào nhổ nước miếng bẩn thỉu như thế này? Từ nay về sau, khi khạc nhổ phải làm thế này: Bức tường có được tô hay không tô đều không được nhổ trên đó. Nếu dưới nền nhà không tô thì được nhổ tại một chỗ rồi dùng bàn chân chà đi chứ không được nhổ lung tung dơ bẩn. Nơi nền nhà nên đặt một ống nhổ, trong ống nhổ nên bỏ cát hoặc tro, dưới ống nhổ kê một hòn đá cứng, thỉnh thoảng phải đem đổ, đừng để hôi thối, trùng sinh, nên dùng nước trong rửa sạch rồi úp xuống cho khô. Không được vứt tăm xỉa răng vào trong đó. Ở trong khuôn viên chùa, khi muốn nhổ thì nhổ xong phải dùng gót giày chà đi. Nếu nền nhà có lót thảm thì nên dùng ống nhổ. Nếu đang ăn mà muốn nhổ thì không được nhổ toẹt xuống đất khiến cho Tỳ-kheo ngồi bên cạnh nhờm gớm, mà nên nhổ ở giữa hai chân mình, rồi dùng gót chân chà đi. Nếu đàm ra liên tục nhiều quá thì nên ra ngoài nhổ xong rồi vào ngồi lại. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê mà muốn nhổ, thì nên đến chỗ kín đáo mà nhổ. Nếu đang ở nơi thôn xóm mà muốn khạc nhổ, thì nên nhổ ở cạnh chân mình, rồi dùng chân chà đi. Nếu chỗ đó là đất bũn (mịn) thì nhổ xuống đó không có tội. Nếu thấy những bãi nước bọt ở nơi tháp, nơi tăng viện thì nên dùng chân chà đi. Nếu hai người cùng thấy một lúc, thì người nhỏ hơn nên làm. Nếu người nhỏ giữ giới hời hợt thì tự mình nên chà. Tỳ-kheo khi khạc nhổ

phải biết như thế. Nếu ai không biết như thế thì vượt pháp oai nghi".

VẤN ĐỀ SỬ DỤNG BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có vị Tỳ-kheo để cái bát tại chỗ lỗ trống, bị cơn gió lốc thổi làm rơi xuống đất vỡ bể, đến lúc nghe tiếng bảng đánh báo hiệu dùng cháo, thầy đi lấy bát thì than ôi chỉ còn một đống mẻ sành. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi thầy Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi, vấn đề bát phải biết như sau: Không được đem bát để ở chỗ lỗ hổng, bên cạnh bờ, chỗ nguy hiểm; không được để ở chỗ cánh cửa mở và nơi thường đi lại; không được dùng tro chùi bát khiến nó phai màu, mà nên dùng nước lá cây, nếu không có cát thì nên dùng khăn mà lau. Khi rửa, không được ngồi ở triền bờ, chỗ nguy hiểm, trên tảng đá, trên đống gạch. Không được ngồi bên cội cây Đa-la, bên cội cây Ca-tỳ-đà, bên cội cây Na-lê. Rửa bát nên ngồi chòm hổm, hoặc quì gối cách đất chừng một gang tay. Nên rửa bát Hòa thượng, A-xà-lê trước rồi mới rửa bát mình sau.

Không được đem nước thừa trong bát của mình đổ vào bát của Hòa thượng, A-xà-lê mà nên dùng nước thừa trong bát của Hòa thượng, A-xà-lê để rửa bát mình. Khi bát khô, dọn cất thì cũng phải dọn bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. Khi cất bát vào túi xách phải cất bát của Hòa thượng, A-xà-lê trước. Đồng thời nên ngồi chòm hổm, lấy cái đai túi xỏ qua cánh tay, đặt trên đầu gối, rồi cất bát vào, đoạn, đem để trên giường hoặc trên ghế. Túi đựng bát nên may hai hay ba lớp. Khi muốn treo bát nên lay cây trụ xem có vững chắc hay không rồi mới treo. Nếu không có chỗ treo thì nên để bát trên giường, nếu nơi ấy có rổ đựng rau che chở thì được để, hoặc có sóng bát thì được để, nhưng đừng để chúng úp ngược lại nhau. Sóng bát nên làm vành. Không được lấy bát trong bóng tối; không được lấy bát khi tay bẩn, mà phải rửa tay sạch rồi mới lấy. Khi lấy bát, một tay cầm hai cái, một tay cầm một cái, không được cầm tới bốn cái. Khi trao bát không được đưa đột ngột mà nên hỏi: "Thầy lấy bát chưa?", nếu đáp: "Lấy", thì mới đặt bát xuống. Không được đem bát đựng những vật ô uế cũng không được dùng đựng nước để cạo đầu, rửa tay chân, rửa mặt, hay dùng trong nhà tắm và dùng múc nước rửa tiểu tiện. Phải giữ gìn bát như giữ gìn đôi mắt. Nếu không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ DÙNG CHÁO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo chê bai cháo, nếu thấy cháo lỏng liền nói: "Đây không phải là cháo mà là sông Diêu-phù-na". Nếu thấy cháo đặc, liền nói: "Đây không phải là cháo mà là cơm cứng làm gãy răng người ta".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi, vấn đề cháo nên biết như thế này: Khi nghe tiếng bảng đánh báo hiệu ăn cháo thì phải biết đó là cháo đãi cho hai bộ Tăng hay cho một bộ Tăng, hay cho thầy trò quyến thuộc. Khi biết rồi thì nên đi, đến nơi rồi thì không được nhìn vào hình thức để khen chê đặc lỏng mà có sao thì nhận vậy; cũng không được lấy vượt thứ tự của mình. Khi lấy không được trùm đầu, trùm vai, mang giày dép mà nên cởi giày, vén vai áo bên phải để lấy. Nếu người đưa cháo đi qua nhanh thì ít nhất nên tháo gót giày để lấy. Nếu không kịp tháo giày thì đợi họ đi trở lại rồi lấy, hoặc nhờ người khác lấy. Nếu ngồi thì lấy theo thứ tự. Nếu thấy cháo lỏng thì không được nói: "Trong quá, giống như sông Diêu-phù-na, thấy cả bóng trăng".

Nếu thấy cháo đặc thì không được nói: "Đây là cơm cứng, làm gãy răng người ta", mà hễ cho sao thì nên nhận vậy. Vấn đề cháo nên xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy, thì vượt pháp oai nghi.

OAI NGHI KHI ĐỨNG

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo đang ngồi thiền trong hang đá Đế-thích bên triền núi, rồi một Tỳ-kheo khác đến đứng trước cửa hang khiến cho tâm vị Tỳ-kheo ngồi thiền không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi khi đứng phải làm như sau: Không được đứng trước vị Tỳ-kheo đang ngồi thiền; không được đứng trước chúng Tăng; không được đứng trước chỗ mọi người đang ngồi; không được đứng trước Hòa thượng, A-xà-lê và các Trưởng lão Tỳ-kheo; cũng không được mang giày, đeo đai, trùm đầu hoặc buông thõng hai tay đứng bên cạnh các Ngài. Nhưng nếu bị bệnh thì không có tội, không được đứng trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước kẻ đồ tể, trước

nhà lao và trước kẻ sát nhân. Không được đứng chỗ che khuất kín đáo. Vấn đề đứng phải biết xử trí như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 35

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP OAI NGHI

NÓI RÕ PHẦN HAI CỦA PHÁP OAI NGHI

CÁCH THỨC ĐI KINH HÀNH

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương xá, lúc ấy có một Tỳ-kheo mang guốc gỗ đi kinh hành trước một Tỳ-kheo khác đang ngồi thiền, khiến Tỳ-kheo này tâm không được định. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi vị Tỳ-kheo ấy đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi phải đi kinh hành như sau: Không được đi kinh hành trước Tỳ-kheo đang ngồi thiền, trước chúng Tăng, trước đồ chúng, trước Hòa thượng, A-xà-lê và trước Tỳ-kheo Trưởng lão. Nhưng nếu có bệnh uống sữa, thuốc xổ thì được đi kinh hành trước họ. Khi đi không

được quay lưng mà nên quay mặt, quay tay phải về phía họ. Nếu cùng đi kinh hành với Hòa thượng, A-xà-lê thì không được đi trước, không được đi ngang hàng mà phải đi sau. Khi trở về, không được đi trước mà phải đi sau, hướng mặt và tay phải về phía các ngài. Không được đi kinh hành trước dâm nữ, trước kẻ đánh bạc, trước quán rượu, trước lò mổ thịt, trước tù nhân, trước kẻ giết người. Không được đi kinh hành những nơi âm u, mà nên đi kinh hành những nơi không âm u, không trống trải quá. Phép đi kinh hành phải như thế. Nếu không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

CÁCH THỨC NGỒI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo ngồi theo thế ngồi của lạc đà. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Từ nay về sau không được ngồi theo kiểu lạc đà mà nên ngồi kiết già. Nếu ngồi lâu mỏi mệt thì nên duỗi từng chân một ra để thư giãn, chứ không được duỗi cả hai chân cùng một lúc, hoặc là đứng dậy đi kinh hành. Khi ngồi trong phòng thiền không được trùm đầu, nhưng nếu vì già bệnh thì được trùm một nửa đầu và một bên tai. Nếu ở nơi

vắng vẻ, dưới gốc cây thì trùm đầu không có tội. Khi ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Thượng tọa, Tỳ-kheo Trưởng lão đang ngồi hoặc đứng thì mình không được ngồi. Không được ngồi trước dâm nữ cho đến ngồi nơi âm u mà nên ngồi những nơi không âm u, không trống trải quá. Tỳ-kheo nên ngồi như vậy. Nếu ai không ngồi như vậy thì vượt pháp oai nghi.

CÁCH THỨC NẰM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo nằm sấp, nằm ngửa, nằm nghiêng bên trái. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, phải nằm như thế này: Không được nằm như ngạ quỷ, không nằm như A-tu-la, không được nằm như kẻ tham dục. Nếu nằm ngửa tức là nằm như a-tu-la, nằm sấp là nằm như ngạ quỷ, nằm nghiêng bên trái là nằm như kẻ tham dục. Tỳ-kheo phải nằm như sư tử vua của loài thú, quay đầu về hướng mình. Khi duỗi chân tay không được duỗi về phía bên trái mà nên duỗi về phía bên phải, đầu hướng về phía giá y. Không được

hướng chân về phía Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão. Đầu đêm không được kêu lên: "Mỏi mệt quá", rồi nằm, mà phải tư duy chân chánh về đạo nghiệp của mình, đến lúc nửa đêm mới nằm. Khi nằm nên nằm nghiêng về bên phải như sư tử chúa, đặt chồng hai chân lên nhau, ngậm miệng lại, đặt lưỡi trên nóc họng, gối đầu lên tay phải, tay trái để dọc theo thân mình, không bỏ niệm tưởng tư duy hành đạo. Không được ngủ cho tới lúc mặt trời mọc mà đến cuối đêm nên thức dậy ngồi tư duy về đạo nghiệp của mình. Nếu trong đêm ngủ say không trở mình thì không có tội. Nếu vì già yếu hay bên phải có mụt nhọt nên không nằm nghiêng về bên phải được thì không có tội. Cách thức nằm của Tỳ-kheo phải như thế. Nếu ai không nằm như thế thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Vá y, rèm ngăn cách,
Phòng xá và khạc nhổ,
Sóng bát, cháo, đi, đứng,
Ngồi, nằm, phần thứ ba".

CÁCH CƯ XỬ GIỮA CỰU VÀ KHÁCH TỲ KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo đóng cổng Tinh xá, ngồi nói chuyện

phiếm. Khách Tỳ-kheo đến gõ cửa, gọi mà họ không nghe. Khách Tỳ-kheo bèn leo tường vào. Cựu Tỳ-kheo liền hỏi khách Tỳ-kheo:

- Trưởng lão đi vào từ lối nào vậy?

- Leo tường vào.

- Vì sao thầy lại leo tường vào?

- Thế thì vì sao các vị đóng cửa, tôi gọi mà không trả lời?

Do vậy, hai đàng cãi nhau, rồi họ cùng nhau đi đến bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy:

- Từ nay về sau không được đóng cổng ngồi nói chuyện phiếm, cũng không được leo tường mà vào. Khách và cựu Tỳ-kheo nên xử sự như sau: Khách Tỳ-kheo khi ra đi phải đem theo chìa khóa cửa, đãy lọc nước, ống đựng kim, trong đoàn lữ hành có một người đem theo thì tất cả không có tội. Trái lại, nếu không có ai đem theo cả thì mọi người đều có tội. Trên đường đi, nếu có người bệnh thì phải thay họ gánh giúp y bát, không được bỏ đi trước mà phải giúp đỡ nhau cùng đi. Nếu người bệnh không thể đi được thì nên thuê mướn xe cộ chở đi. Nếu ở giữa đường có chỗ ẩm thấp thì người trẻ nên đi trước. Nếu sợ quân giặc, cọp, sói thì nên để người già ở giữa. Nếu muốn cho quân giặc sinh tâm từ thì nên để người già đi trước. Khi đi ngang qua xóm làng, nếu thấy có chùa tháp thì nên đi theo con đường mòn, không được đi theo

con đường tắt ngang qua bên trái, bên phải. Nếu muốn nghỉ lại thì trước hết nên sai hai Tỳ-kheo trẻ đi vào thôn xóm xin chỗ tạm trú, xin nước giải khát, dầu thoa chân, bữa ăn trước, bữa ăn sau. Khi ra đi các Tỳ-kheo ấy phải buộc lại đai y, bạch về việc mình đi vào thôn xóm phi thời. Khi đã xin được chỗ trú phải trở về báo lại: "Đã xin được chỗ trú". Nếu có ao nước, giếng nước thì nên tắm rửa, buộc lại đai y, thưa hỏi lẫn nhau rồi mới vào. Nếu muốn uống nước đường phèn thì nên uống ở ngoài thôn xóm, đừng để người ta trông thấy, họ sẽ nghi ngờ người xuất gia mà ăn phi thời. Không được gồng gánh đi vào mà nên chia y vật ra cùng cầm đi vào. Nếu được người ta tuyên bố: "Tùy ý mà an trú", thì người đi sau không bạch, vào không có tội. Khi vào không được đi con đường khác. nhưng nếu con đường trước bị trở ngại thì đi con đường khác không có tội. Nếu trong xóm làng có Tinh xá thì nên đến đó trú. Nếu tại A-luyện-nhã có ao nước, giếng nước thì cũng nên tắm rửa rồi mới vào. Không được gồng gánh cồng kềnh mà nên chia y vật giày dép, tháo đòn gánh cùng nhau cầm đi. Nếu thấy có chùa tháp thì nên đi vòng bên phải, không được nói năng lớn tiếng khi đi vào. Nếu thấy Tỳ-kheo quen biết từ trước thì không được la lên: "Ôi chao, thầy vẫn còn ở đây chăng? Thầy sống nơi đây rồi chết nơi đây, mà không rời khỏi thức ăn của dã can này".

Cựu Tỳ-kheo cũng không được nói: "Ôi chao, giống như tù nhân vừa thoát khỏi gông cùm, đã bốn, năm năm rồi chúng ta không gặp nhau".

Khách Tỳ-kheo cũng không được hỏi: "Thầy bao nhiêu tuổi? Tôi phải ở phòng này", cũng không được hỏi: "Ngày mai ai làm bữa ăn trước, bữa ăn sau? Có thức ăn gì ngon không?".

Cựu Tỳ-kheo không được đóng cổng ngồi nói chuyện. Nếu muốn tô tường ở sau nhà hay làm các việc khác thì nên sai người làm vườn, Sa-di hay Duy na giữ cửa. Nếu cửa đóng thì khách Tỳ-kheo không được leo tường vào mà nên cầm chìa khóa mở cửa vào. Nếu đã gọi mở cửa vào rồi thì cựu Tỳ-kheo nên hỏi: "Thầy bao nhiêu tuổi?". Nên đáp: "Tôi chừng ấy tuổi". Cựu Tỳ-kheo nên nói: "Nếu chừng ấy tuổi thì được giường nệm như vậy".

Thế rồi, khách Tỳ-kheo nên hỏi chỗ đại tiểu tiện, không nên để đến khi bức bách rồi mới hỏi. Tiếp đến nên hỏi xem chúng Tăng có những hạn chế gì. Cựu Tỳ-kheo nên trình bày tất cả những hạn chế của chúng Tăng như: "Nhà Mỗ giáp kia Tăng đã làm Yết-ma phú bát chớ nên đến. Nhà Mỗ giáp có chó dữ. Nhà Mỗ giáp không có niềm tin".

Khách Tỳ-kheo sáng thức dậy không nên đi khất thực liền mà nên hỏi xem trú xứ ấy có bữa ăn trước, bữa ăn sau hay không, Cựu Tỳ-kheo nên nói: "Trưởng lão chớ đi khất thực, khất thực vất vả,

hoặc không vừa ý, ở đây có bữa ăn trước, bữa ăn sau". Nếu thấy bạn mình muốn ra đi thì không nên nói: "Trưởng lão, những người khách buôn đã đi rồi, đi theo vẫn còn kịp", mà nên nói: "Trưởng lão hãy nghĩ lại ít lâu rồi sẽ có bạn". Nếu bạn có việc gấp phải ra đi thì nên cung cấp lương thực, chúc bạn lên đường.

Khách Tỳ-kheo, cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

VẤN ĐỀ RỬA CHÂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vừa rửa chân vừa nói chuyện thế tục và dùng nước đùa giỡn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi rửa chân nên làm như Xá-lợi-phất".

Khi Phật an trú tại vườn Trúc Ca-lan-đà nơi thành Vương xá, lúc ấy Xá-lợi-phất khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, oai nghi tề chỉnh, đi đứng nghiêm trang, nhìn ngó đoan chánh, co duỗi cúi ngửa mặc y cầm bát, gìn giữ các căn tâm không tán loạn, giống như tướng trạng của người đã được diệu pháp nhiệm mầu. Có một người Bà-la-môn thấy thế thầm nhủ: "Ông Sa-môn Thích tử này ở nơi nhân gian hiện ra tướng giữ gìn oai nghi,

nhưng khi đến nơi vắng vẻ ắt hẳn sẽ không giữ phép tắc. Ta sẽ theo dõi, nếu thấy ông ta phóng túng, ta sẽ dùng tay tát vào đầu". Nghĩ thế rồi, y bèn đi theo Tôn giả.

Khi ấy, Xá-lợi-phất ở trong thôn xóm cũng như nơi hoang vắng đều không thay đổi oai nghi. Lúc về lại trú xứ, thầy liền cầm bát cất một chỗ, đập giũ y Tăng-già-lê xếp lại cất vào chỗ cũ, sắp đặt giường ghế, cầm tấm ván rửa chân đặt bên cạnh lu nước, đến ngồi tại đó. Đoạn, thầy lấy đôi dép đập giũ, đặt xuống đất. Tiếp đến, lấy khăn lau ống chân, cầm đôi dép lót cái đế vào, rồi dùng khăn lau qua. Tiếp theo, nhúng nước cái khăn, cầm một chiếc dép lau từ mũi, thân rồi đến gót, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Thế rồi, lau lại chiếc thứ nhất ở phần đế phía trước, rồi phần đế phía sau, tiếp theo lau chiếc thứ hai cũng tuần tự như vậy. Kế đến, thầy giặt cái khăn, vắt ráo nước rồi đem phơi. Tiếp đến, thầy rửa tay, dùng tay phải xối nước, lấy tay trái rửa ống chân trái, rồi rửa ống chân phải, kế đến rửa đôi bàn chân. Ông Bà-la-môn thấy vậy sinh tâm hoan hỷ thầm nhủ: "Tôn giả sạch sẽ như vậy, thứ nước còn thừa kia dùng để uống cũng được nữa, phép thờ nước sạch của Bà-

la-môn chúng ta không thể sánh kịp". Lúc ấy, Xá-lợi-phất nhân thấy Bà-la-môn phát tâm hoan hỷ, liền thuyết pháp cho ông nghe, khiến ông được pháp nhãn thanh tịnh.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Ông Bà-la-môn này rất là hiền thiện, nhân thấy Xá-lợi-phất rửa chân có oai nghi thanh tịnh mà phát tâm hoan hỷ đến như thế".

Phật liền dạy: "Không những ngày nay ông sinh tâm hoan hỷ mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như thế, như trong kinh Bổn Sinh đã nói rõ. Con ông trưởng giả thuở ấy thì nay là Xá-lợi-phất, còn tên giặc lúc ấy thì nay là ông Bà-la-môn. Bấy giờ, chư Thiên thấy vậy liền đọc kệ:

"Thanh khiết oai nghi đẹp,
Nhân đó được lợi ích,
Như nước trong ảnh hiện.
Học oai nghi tối thắng,
Kẻ mang tâm ác đến,
Thấy rồi sinh hoan hỷ.
Nếu không học oai nghi,
Kẻ ác đã sát hại".

Khi Tỳ-kheo từ thôn xóm trở về phải cởi y mặc vào thôn xóm đập giũ, xếp lại rồi cất vào chỗ cũ, mặc y làm vườn, sắp giường ghế, trải tấm ván rửa chân, múc nước đổ đầy lu, tới ngồi tại đó, dùng khăn lau bụi đất trên chân. Kế đến, cầm đôi dép đặt cái lót đế vào, lấy khăn lau qua, rồi nhúng nước cái khăn lau từng chiếc một từ mũi, thân cho đến đế giày, đoạn lau chiếc thứ hai cũng thế. Tiếp đến, lau lại chiếc thứ nhất ở phần chân đế phía trước rồi phần chân đế phía sau, đoạn lau chiếc thứ hai cũng

như vậy. Kế đến, giặt khăn vắt ráo nước rồi đem phơi chớ để bụi dính và côn trùng gặm nhắm, rồi mới rửa tay. Nếu lu nước ở phía bên phải thì nên rửa ống chân trái trước rồi rửa ống chân phải sau. Không được dùng cái tay bưng nước kỳ cọ dưới chân mà nên dùng một tay xối nước, một tay kỳ cọ. Nếu có hai người thì một người xối nước, một người rửa. Không được dùng nước nhiều hao phí mà nên trù tính dùng vừa đủ. Không được trùm đầu, trùm vai phải mà nên trật vai áo khi ngồi. Khi rửa chân, không được ngồi thiền, ngồi ngủ, không được quán bất tịnh và tụng kinh. Khi rửa xong nên dời đi để khỏi trở ngại người khác. Nhưng nếu mình là người sau cùng thì có thể tụng kinh không có tội. Nếu thấy hết nước thì không được làm thinh để yên như vậy mà phải báo cho người lo việc múc nước đổ nước đầy vào. Nếu không thể làm được như vậy thì ít nhất tự mình cũng đổ vào chừng một ca nước cho đủ một người dùng. Phép tắc rửa chân phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Khi Phật an trú tại thành Xá-Vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo rửa chân, chân còn ướt mà họ mang dép vào khiến cho màu của dép thấm vào chân, làm cho giường nệm của chúng Tăng bị dơ bẩn. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay trở đi, khi rửa chân phải làm như sau: Phải để đôi dép dựng đứng rồi chờ cho chân khô mới mang vào. Nếu có đông người chờ đợi thì dùng tay vuốt nước, lấy khăn lau khô rồi mới mang dép. Không được dùng chân ướt giẫm lên nền nhà của Tăng khô ráo sạch sẽ mà phải làm cho chân khô rồi mới đi vào. Nếu chỗ rửa chân chỉ có một người thì không cần lau chân mà nên chờ cho chân khô rồi mới mang dép và phải giữ gìn bụi đất. Nếu vì gấp gáp muốn ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành thì có thể dùng khăn lau lau sạch bụi đất mà đi. Phép tắc rửa chân phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC DÙNG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo lấy nước mà Tăng dùng để làm phép rửa chân, tay, mặt và bát, sau khi dùng xong bèn lấy dây ràng lại trên miệng, niêm phong, rồi vào thôn xóm khất thực. Sau đó, khách Tỳ-kheo đến, thấy vậy nổi giận trách móc: "Vì sao lại đóng cửa nhà chứa nước niêm phong rồi bỏ đi?".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, vào tháng

xuân nên bố trí nước như sau: Nếu là lu lớn, lu nhỏ thì nên lấy vật gì sạch sẽ phủ lên miệng, rồi dùng gạch, đá hoặc gỗ đè lên trên, bên trong để cái ca múc nước, trong nước nên bỏ các thứ hoa như ba-đa-lê, chiêm-ba, tu-ma-na, đại loại các thứ hoa như thế để nước có mùi thơm. Có các loại nước nổi tiếng như ở ấp Ba-liên-phất có nước Thâu-nô, ở thành Vương xá có nước Ôn tuyền, thành Ba-la-nại có nước ao chỗ Phật đi kinh hành, ở nước Chiêm-bà có nước sông Hằng, ở thành Xá-vệ có nước Thạch-mật, ở nước Sa-kỳ có nước Huyền-chú, ở nước Tăng-già-thi có nước Thạch-mật, ở nước Ma-thâu-la có nước Diêm-phù-na, đại loại các thứ nước như thế không được dùng để rửa chân, tay, mặt và bát. Nếu người bệnh cần nước thì nên cho một bát đầy. Nếu khi ăn muốn rót nước thì trước hết nên dùng nước sạch rửa tay, rửa chén rồi mới rót. Người nhận nước nên giữ tay trái cho sạch khi lấy nước, nếu tay bẩn phải rửa, hoặc dùng lá lót dưới chén, hoặc dùng lá chùi sạch bẩn rồi mới lấy. Khi uống, không được chạm môi vào chén nước, không được để cho mép chén chạm vào trán mà phải để đứng môi khi uống, hơn nữa, không được uống hết mà nên chừa một ít nước súc miệng rồi nhổ đi. Người rót nước phải khéo giữ chén nước cho sạch. Nếu thấy chén nước đã bị chạm môi, đụng trán vào thì nên để một chỗ rồi lấy cỏ làm dấu để người khác biết là chén nước không sạch. Nếu

có thể dùng nước rửa sạch thì nên làm. Nếu rót nước uống phi thời thì người rót nước trước hết phải rửa tay, rửa chén sạch rồi mới rót. Đồng thời người nhận nước cũng phải rửa tay sạch để nhận. Nếu tay không sạch thì nên dùng lá hoặc chéo y sạch lót dưới chén để nhận như trên đã nói, cho đến súc miệng rồi nhổ ra. Nếu uống nước trong phòng tắm thì nên dùng lá lót dưới chén kê môi dựng đứng mà uống, ngoài ra như trên đã nói. Nếu uống nước trong phòng thiền mà dưới nền nhà có lót thảm thì nên dùng cái mâm bưng nước. Nếu hai người ngồi cách nhau thì một người bưng chén, một người rót nước, ngoài ra như trên đã nói. Các loại nước có tiếng mà như trên đã kể không được dùng để rửa chân, tay, mặt và bát, cũng không được uống thừa rồi đem đổ. Nếu khi làm các việc về y bát cần đến nước thì có thể mượn dùng tạm rồi trả lại. Nếu nước cho dùng thả ga thì tùy ý dùng không có tội. Khi dùng nước phải theo cách thức đó. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC TẮM

Khi Phật an trú tại vườn xoài của đồng tử Kỳ-vức nơi thành Vương xá, lúc ấy đồng tử Kỳ-vức đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Xin Thế

Tôn cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, vì tắm nước nóng có thể trừ được bệnh nhiễm lạnh và sống an lạc".

Phật dạy: "Vâng, Ta cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng".

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài cho phép các Tỳ-kheo tắm nước nóng, rồi đến giờ tắm, nghe tiếng bảng đánh, nhóm sáu Tỳ-kheo liền đi vào trước trong phòng tắm, lập tức chất củi đốt lửa, đóng cửa lại, đứng đợi cho mồ hôi ra. Các Tỳ-kheo ở bên ngoài gọi mở cửa thì họ không chịu mở mà nói: "Các Trưởng lão hãy đợi đốt

lửa đã". Thế rồi, họ dùng hết sạch củi đốt và nước rồi mới mở cửa, gọi: "Các Trưởng lão có thể vào được rồi".

Khi các Tỳ-kheo vào xong, họ bèn đóng cửa bên ngoài lại. Các Tỳ-kheo bị nóng bức, gọi mở cửa, thì họ đáp: "Này các Trưởng lão, hãy đứng cho ra mồ hôi thì có thể trừ được bệnh ghẻ chóc". Thế rồi, họ ở ngoài dùng hết lu nước, bèn úp lu xuống đất, đoạn mở cửa, nói: "Các Trưởng lão có thể ra được rồi".

Khi các Tỳ-kheo ra rồi bị nóng bức tìm nước, thì họ bảo: "Này các Trưởng lão, hãy dùng ít ít nước như Thế Tôn đã dạy", cho đến: "Nước cũng phải dùng một cách tiết kiệm".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế

Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Cách làm nhà tắm và cách tắm phải áp dụng như sau: Nhà tắm nên làm vuông hoặc tròn, đặt cửa và chừa lỗ thông gió. Lỗ thông gió nên làm bên trong rộng, bên ngoài hẹp, làm một hay hai cái, để khai thông đường khói. Trong phòng, nên dùng gạch, đá lót ở dưới rồi đặt ông táo lên trên. Ông táo phải kê ở dưới rộng, ở trên hẹp, cách đất chừng nửa khuỷu tay, thông đường khói, bên cạnh để một cái gắp lửa. Nếu đặt ông táo ở bên phải thì trổ cánh cửa ở bên trái. Nếu đặt ông táo ở bên trái, thì trổ cánh cửa ở bên phải, đồng thời nên làm một cái chốt cửa ngắn để dễ đóng mở. Ở trước nên làm cái nhà để áo, đặt móc áo để móc áo. Khi muốn tắm, trước hết nên bảo người làm vườn quét dọn bụi bặm, màn nhện trong phòng, dùng nước rưới trên mặt đất, quét cho sạch, đem củi than, nồi nấu nước, để trước vào trong đó rồi mới đánh bảng. Cũng không được đốt lửa sớm quá khiến cháy hết rồi mới đánh bảng. Khi nghe tiếng bảng đánh, nên phân biệt xem đó là hiệu lệnh tắm tất cả Tăng chúng hay chỉ dành cho đồ chúng, hoặc dành cho phòng riêng, tùy theo trường hợp mà đi. Nếu tất cả đều tắm thì nên lần lượt mà đi; và khi đến nơi, mỗi người nên dùng đai lưng buộc áo làm dấu, rồi móc vào giá áo. Khi đi vào không được đánh đàng xa hai tay mà đi, mà nên dùng một tay che phía trước mà vào. Một người vào thì một người đi ra. Khi người sau vào thì người trước phải nhường chỗ.

Không được băng ngang qua các vật dụng hay qua mặt các Tỳ-kheo Trưởng lão, mà phải vào từ từ. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê đang ở trong thì không được đứng đợi ở ngoài, hỏi: "Chừng nào ra?", mà nên cởi y vào kỳ cọ cho các ngài. Nếu muốn kỳ cọ cho người khác thì nên bạch với Hòa thượng, A-xà-lê; nhưng nếu trước đó đã bạch rồi, thì không có tội. Nếu trường hợp bếp lửa cháy mạnh thì nên để người trẻ ở gần bếp lửa. Nếu lửa yếu thì nên để người già ở gần. Phải dùng nước từ từ, không được làm văng

bẩn người ở gần đó. Nếu được đệ tử kỳ cọ, thì không đưa cả hai tay lên một lúc, mà trước hết nên kỳ cọ một tay còn một tay che đàng trước. Xong rồi mới kỳ cọ tay thứ hai. Khi đổ nước vào lu tắm xong rồi, nên đóng cửa lại mà ngồi cho thân ra mồ hôi. Khi rót dầu thì nên dùng chén đong hoặc là dùng tay đo lường mức độ; dùng bột tắm cũng như vậy. Nếu đàn-việt nói: "Cho dùng thả cửa", thì cũng phải trù tính mà dùng nước. Nếu trong lu đã chia mức độ dùng cho từng người, thì nên dùng ngang mức độ đã quy định, không được dùng thâm phần người khác. Nếu được quy định mỗi người phải tự xách nước mà dùng, thì ai có nước được vào, ai không có nước, không được vào. Nếu có đệ tử nói: "Hòa thượng, A-xà-lê cứ vào, để con xách nước cho", thì cũng phải trù tính mà dùng. Nếu Ưu-bà-tắc hay người làm vườn nói: "Thầy cứ vào,

để con múc nước cho", tuy vậy, cũng phải dùng một cách tiết kiệm. Nếu chỗ tắm ở gần hồ nước thì được dùng thả cửa, không có tội. Không được tắm lõa thể ở chỗ trống, nhưng nếu nước ngập đến rún, đến nách thì được tắm, không có tội; hoặc ngồi tắm mà nước ngang rún thì cũng được tắm. Khi ra khỏi phòng tắm, thì mặc áo mới, sửa soạn chỉnh tề, rồi cầm đồ cũ mà trở về. Khi tắm xong, nếu muốn đi liền thì phải bảo người làm vườn dẹp cất thùng tắm. Nếu Tỳ-kheo đến sau nói: "Trưởng lão cứ đi đi, để con dẹp cất cho", thì hãy đi. Người tắm sau cùng phải thu dọn và dùng vật gì dập tắt lửa.

Khi tắm phải áp dụng như thế. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP DÙNG VẬT DỤNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Đức Thế Tôn cứ năm hôm đi thị sát phòng ốc các Tỳ-kheo một lần; trông thấy các vật dụng bỏ bừa bãi đó đây dưới nhà bếp, tuy biết nhưng Phật vẫn hỏi các Tỳ-kheo: "Đây là vật dụng của ai mà bỏ ngổn ngang thế này?". Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau không được bỏ các vật dụng lung tung như thế. Thầy tri sự hay thầy trực nguyệt khi thấy các vật dụng bỏ bừa bãi thì phải bảo người làm vườn hoặc Sa-di thu dọn. Nếu thầy tri sự hay thầy trực nguyệt

không để ý đến thì ai thấy như vậy phải bảo tịnh nhân thu dọn. Nếu là nồi niêu, soong chảo bằng đồng, thiếc thì nên bảo tịnh nhân đem rửa sạch, dùng bùn trét lên trên, rồi úp trên nền nhà bếp. Nếu nồi, niêu, soong bằng đất thì cũng làm như vậy. Khi úp chúng xuống đất rồi, nên dùng gạch, ngói đằng lên trên. Nếu thùng, gáo bằng gỗ thì cũng

phải rửa sạch rồi đem cất. Nếu là chiếu đan thì phải đem phơi nắng rồi treo lên cất. Nếu là nong, nia, giần, sàng bằng tre cũng phải đem treo lên cất đừng để mối mọt gặm nhấm. Cái rá đựng cơm, cái thìa xới cơm cũng phải rửa sạch rồi treo cất. Cái rây và đãy lọc nước cũng phải treo cất đừng để côn trùng cắn phá. Chày giã thuốc và cối không được dùng xong rồi vất dưới đất mà phải đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Không được trông thấy nhà bếp, nhà kho bị dột nát mà không sửa chữa. Nếu nó được lợp bằng cỏ thì dùng cỏ giọi lại, cho đến nếu nó được tô bằng đất thì dùng đất tô lại. Nếu nó bị nứt nẻ, vỡ bể thì phải sửa chữa lại. Đồng thời phải thường quét dọn sạch sẽ. Nếu đem củi vào trong nhà bếp để đốt thì phải chất cho gọn gàng tại một chỗ. Thùng nấu thuốc nhuộm và thau dùng nhuộm đồ không được dùng rồi vất bừa bãi mà phải rửa sạch, đem cất vào chỗ cũ. Cái thùng giặt y bằng gỗ khi dùng xong cũng phải đem rửa sạch rồi cất lại chỗ cũ. Dây phơi y cũng không được dùng rồi bỏ bừa bãi trên đất mà phải quấn lại đem cất vào chỗ

cũ. Rìu, búa, cưa, đục, mai, xẻng, thang gỗ, những thứ này đều là vật dụng của Tăng bốn phương, khi dùng rồi phải thu dọn đem cất vào chỗ cũ, để cho người sau khi cần lấy dùng dễ dàng không phải tìm kiếm vất vả. Nếu ai cần dùng thì nên đưa cho họ. Nếu hai người cùng đòi một lúc thì nên đưa cho Thượng tọa trước. Nếu Thượng tọa dùng lâu, còn người trẻ dùng ít, thì nên đưa cho người trẻ trước. Nếu hai người đều dùng ít thì nên đưa cho Thượng tọa trước.

Phép dùng vật dụng phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP SỬ DỤNG Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều Tỳ-kheo ở chung một phòng. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo lấy y của mình trên giá, lôi y của người khác rơi xuống đất. Các Tỳ-kheo khác ban đêm dậy đi đại, tiểu, giẫm lên y ấy. Người chủ y khi tìm y không thấy, chung cục lại tìm được y dưới đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, vấn đề y phải xử sự như sau: Nếu nhiều người cùng ở chung một phòng thì y của ai người ấy phải tự xếp lấy, rồi lấy lá để làm dấu bên trong. Nếu móc y trên giá thì phải lấy dây lưng buộc lại; không được đem y của Hòa

thượng, y của A-xà-lê gói y của mình, mà phải dùng y của mình gói y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu mùa Xuân nhiều bụi bặm thì phải dùng y của mình tủ lên trên y của Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu vào mùa Hạ đất ẩm ướt, thì nên lấy y của mình lót dưới y của Hòa thượng, A-xà-lê. Không được để cho trong phòng có bụi bặm mà phải thường thường rưới nước rồi lau sàn nhà. Không được dùng y lót trong tay để cầm ống nhổ, bô đựng đại tiểu tiện, giày dép, cũng không được dùng y để đựng rác rưới hoặc giẻ lau. Nếu y bị dơ bẩn thì nên đem giặt, nhuộm lại. Phải xem y như da thịt của mình.

Phép sử dụng y phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Khách và cựu Tỳ-kheo,
Rửa chân cùng lau chân.
Nước sạch và nước uống,
Phòng sưởi cùng tắm rửa.
Nhà bếp và y phục,
Kết thúc phần thứ tư".

CÁCH XỬ SỰ GIỮA TỲ KHEO Ở A LUYỆN NHÃ VÀ Ở THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo ở thôn xóm và Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã cùng thọ trai chung một chỗ. Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã thường đúng giờ đến trai đường, thì các Tỳ-kheo ở thôn xóm bỗng nhiên đánh bảng sớm rồi ăn trước. Các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã khi đúng giờ đi đến, liền hỏi các Tỳ-kheo ở thôn xóm:

- Đã đánh bảng chưa?

- Đã ăn xong rồi.

Lúc ấy, các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã bèn trở về. Ngày hôm sau, họ liền đến sớm, lấy hết đồ ăn rồi mang đi. Các Tỳ-kheo ở thôn xóm đến đòi đồ ăn, thì tịnh nhân nói: "Các Tỳ-kheo A-luyện-nhã đã đem đi hết rồi".

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm bèn hỏi các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã: "Các Trưởng lão vì sao lại đến sớm rồi mang thức ăn đi hết?".

Các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã nói: "Thế thì vì sao các vị lại dậy sớm đánh bảng rồi ăn hết mà không đợi chúng tôi".

Hay đàng tranh cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật, trình bày đầy đủ sự việc kể trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm phải xử sự như sau: "Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm cùng thọ trai một chỗ thì Tỳ-kheo ở thôn xóm không được dậy sớm đánh bảng báo tin bữa ăn

trước, bữa ăn sau và bữa ăn được mời mà phải đợi Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã. Và Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã cũng không được nói: "Ta từ từ đến, họ sẽ phải đợi ta" mà phải đến trước, hoặc là nhờ người nhận phần, hoặc dặn để dành chỗ. Đồng thời Tỳ-kheo ở thôn xóm nên hỏi xem Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã đã đến chưa. Nếu có người lấy phần giúp hay chừa chỗ thì hãy chỉ cho họ biết. Nếu Ưu-bà-tắc mời Tăng thì Tỳ-kheo ở thôn xóm nên nói với Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã: "Trưởng lão ngày mai hãy đến sớm, có Mỗ giáp mời bữa ăn trước, bữa ăn sau, đừng khất thực chỗ khác". Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã nghe vậy, ngày mai nên đến sớm. Khi tới rồi, nếu đồ ăn chưa chín thì không nên ngồi đợi mà nên lễ tháp, tụng kinh, vấn đạo. Tỳ-kheo ở thôn xóm nên đổ nước vào trong nồi trước, chụm lửa, đợi Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã đến rồi mới bỏ gạo vào. Nếu trường hợp Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã vì bị nạn quỷ, nạn nước lửa, hoặc nạn giặc không đến được mà phải bỏ gạo, hoặc khi thức ăn đã chín đàn-việt muốn đánh bảng, thì nên khuyên: "Này lão trượng, mặt trời vẫn còn sớm, nên đợi Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã đến đã". Nếu mặt trời gần đứng bóng thì nên đánh bảng. Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã nên dùng bóng cây hay tường vách làm dấu mức thời gian để biết mặt trời sớm hay muộn mà đi đến. Giả sử các Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã chưa đến kịp, thì phải để dành chỗ ngồi. Nếu bữa ăn được nấu tại A-luyện-nhã

cũng phải làm như vậy.

Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã không được khinh Tỳ-kheo ở thôn xóm rồi nói: "Các vị chắc là có đầu lưỡi sắc bén, ít mùi vị nên mới ở nơi đó", mà nên tán thán: "Các vị ở nơi thôn xóm thuyết pháp giáo hóa, vì pháp mà che chở, bảo vệ cho chúng tôi".

Các Tỳ-kheo ở thôn xóm cũng không được khinh thường Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã rồi nói: "Các vị ở A-luyện-nhã có ý hy vọng danh lợi, hươu nai cầm thú cũng ở A-luyện-nhã. Các vị ở A-luyện-nhã từ sớm đến chiều chỉ lo đếm năm, đếm tháng mà thôi", mà nên tán thán: "Các vị xa rời thôn xóm ở A-luyện-nhã nhàn tĩnh tư duy về đạo nghiệp cao quý. Đó quả thực là nơi rất khó sống mà các vị có thể ở đó để lắng đọng tâm tư".

Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã và Tỳ-kheo ở thôn xóm đều phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP XỬ SỰ GIỮA KHÁCH VÀ CỰU TỲ KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cựu Tỳ-kheo đang cãi lộn với nhau thì có khách Tỳ-kheo đi đến, ôm chân đảnh lễ. Mấy hôm sau, thầy trở lại, đảnh lễ lần nữa, thì cựu Tỳ-kheo hỏi:

- Thầy đến mấy ngày rồi?

- Độ bốn, năm ngày.

- Thầy tới đã chừng ấy ngày mà sao không đến gặp tôi?

- Tôi đã tham kiến và đảnh lễ rồi, nhưng vì Trưởng lão mắc cãi lộn nên không trông thấy tôi.

- Vì sao thầy thấy tôi đang cãi lộn mà lại đảnh lễ?

- Vậy thì tại sao thầy lo cãi lộn mà không thấy tôi đảnh lễ?

Thế rồi hai người cãi nhau rồi cùng dẫn đến chỗ Phật. Cuối cùng Phật dạy: "Từ nay trở đi nên đảnh lễ và thưa hỏi như sau: Khi người ấy đang tranh cãi, đang nói chuyện thì không được đảnh lễ, mà chỉ nên cúi đầu tỏ sự cung kính. Nếu người ấy hết cãi thì nên đảnh lễ. Khi vị ấy đang làm nhà, tô tường thì không nên đảnh lễ. Cũng vậy, khi vị ấy đang làm các việc như: Đun bát, giặt y, nấu nước nhuộm để nhuộm y, vá y, tắm rửa, thoa dầu vào mình, rửa chân tay, rửa mặt, rửa bát, lễ tháp, đang ngậm cơm, nhỏ thuốc vào mắt, đọc kinh, tụng kinh, chép kinh, đi kinh hành, đang xuống gác, lên gác, đang đại tiện, lúc không mặc y, lúc chỉ mặc có quần đùi, đều không nên đảnh lễ. Hoặc lúc đang ở trong bóng tối thì không nên đảnh lễ. Lúc dạy kinh không nên đảnh lễ. Lúc mặc quần cụt, lúc đang mặc y, lúc đang đi gấp, đều không nên đảnh lễ. Khi đảnh lễ không được trùm đầu, choàng kín vai phải, mang

giày dép. Không được đảnh lễ nơi đầu gối, ống chân, gót chân, mà phải ôm lấy bàn chân mà đảnh lễ. Nếu trên chân vị ấy có mụt nhọt thì phải bảo vệ chớ có chạm đến. Người thọ lễ không được làm thinh như dê câm, mà phải hỏi han. Khi hỏi, không nên hỏi như thế này: "Ở nơi nào có nhiều thức ăn uống ngon?" Mà nên hỏi: "Thầy có ít bệnh, ít phiền não, được an lạc không? Đi đường không vất vả đấy chứ?".

Còn khách Tỳ-kheo thì nên hỏi: "Ai là vị Thượng tọa của chúng Tăng? Ai là đệ nhị, đệ tam Thượng tọa?". Rồi nên đảnh lễ dưới chân.

Cựu Tỳ-kheo nên hỏi: "Trưởng lão bao nhiêu tuổi?". Nếu khách Tỳ-kheo còn nhỏ thì nên đưa ghế bảo ngồi. Nếu có khả năng thì nên cung cấp bữa ăn trước, bữa ăn sau, dầu thoa chân, nước uống phi thời.

Khách Tỳ-kheo và cựu Tỳ-kheo phải xử sự như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC NÓI NĂNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo gọi nhau theo cách của người thế tục như: cha, mẹ, anh, em. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi, khi nói chuyện nên gọi như sau: Khi nói chuyện với cha, không được gọi là ông, cha, ông lão, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với mẹ, không được gọi là mẹ, bà, mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với anh không được gọi là anh mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đa. Khi nói chuyện với chị không được gọi là chị mà nên gọi là Bà-lộ-ê-đế. Khi nói chuyện với Hòa thượng, không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là Ưu-ba-thượng. Khi nói chuyện với A-xà-lê (thầy) không được gọi là Bạt-đàn-đế, mà nên gọi là A-xà-lê. Nếu có nhiều A-xà-lê thì nên gọi là A-xà-lê Mỗ giáp. Khi nói chuyện với Hạ tọa thì được gọi tên, gọi là Cự-đế, gọi là tuế. Khi nói chuyện với Thượng tọa thì nên gọi là Bạt-đàn-đế, hoặc là Tuệ mạng, hoặc là A-xà-lê. Khi có người gọi thì không được hỏi trổng trổng: "Nói gì đó? Việc gì đó?". Nếu Hòa thượng gọi thì nên đáp: "Dạ". Nếu A-xà-lê gọi thì nên đáp: "Dạ". Nếu Thượng tọa gọi cũng nên đáp: "Dạ". Nếu người trẻ gọi thì nên hỏi: "Vì sao mà gọi?". Nếu mẹ hay đàn ông gọi thì nên hỏi: "Vì sao mà gọi?". Khi có người hỏi: "Hòa thượng, A-xà-lê của ông tên gì?", thì không được nói thẳng tên của Hòa thượng, A-xà-lê, mà nên nói nghĩa, nói rằng vì nhân duyên như vậy mà có tên là Mỗ giáp.

Khi nói năng phải vận dụng như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG SÁT LỢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, chúng Sát-lợi tập họp để bàn luận, thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà bèn đến ngồi trước tại hội trường. Do đó, bọn họ chê trách: "Hôm nay chúng ta tập họp để bàn luận mà ông Sa-môn này làm phương hại đến việc nghị luận của chúng ta".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi đi vào trong chúng Sát-lợi phải xử sự như sau: Nếu có lý do thì mới đến, và trước khi đến nên nói rõ lý do mà mình cần đến với người lớn nhất trong chúng ấy. Nếu họ nói rằng có thể đến được, thì mình mới đến. Khi đến, không được cầm dù, lọng, giày, dép. Khi vào rồi nên cởi các thứ ấy để một chỗ. Không được hỏi: "Nam tử có vui không?". Nếu họ chỉ chỗ ngồi thì nên ngồi. Không được chê bai về đấu pháp quân trận. Nếu thấy họ bắn giỏi, không được khen ngợi, mà nên nói: "Dòng dõi Sát-lợi là vọng tộc. Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri thường sinh vào hai gia đình này: Nhà Sát-lợi và Bà-la-môn. Có hai loại bánh xe: Bánh xe

pháp và bánh xe quyền lực. Các người xuất gia nhờ sự bảo vệ của bánh xe quyền lực mà được yên ổn". Nếu có việc gì cần bàn luận, thì nói xong liền ra về.

Phép tắc đi vào trong chúng Sát-lợi phải như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG BÀ LA MÔN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chúng Bà-la-môn đang tập họp thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến ngồi trước tại nơi đó. Các Bà-la-môn bèn trách cứ: "Chúng ta có việc phải bàn luận mà vị Sa-môn này đến phá hỏng công việc của chúng ta". Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi vào trong chúng Bà-la-môn phải xử sự như sau: Nếu có duyên sự muốn đi đến đó, thì trước hết nên trình bày lý do mình muốn đến với người lãnh đạo trong bọn họ. Nếu họ đồng ý thì mình mới đi đến. Lúc sắp đến nơi, nên xếp dù lọng, cởi giày dép, không được thấy họ rồi mới cởi. Cũng không được mượn ô dù, giày dép mang đi đến. Không được hỏi: "Nam tử có vui không?". Không được khen chê đền thờ trời của họ. Không được chê bai với hình tướng cụ thể: "Chủng tộc Bà-la-môn do ngã mạn nên phải sinh

vào trong sáu loài: hoặc gà, heo, chó, dã can, lạc đà, địa ngục", mà nên nói: "Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri thường sinh vào trong hai gia tộc: hoặc gia tộc Sát-lợi, hoặc gia tộc Bà-la-môn". Nếu có điều chi bàn luận thì khi nói xong nên ra về.

Phép tắc vào trong chúng của Bà-la-môn nên làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC VÀO TRONG CHÚNG CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi có nhân duyên thì mới nên đi đến chúng cư sĩ. Và khi họ chỉ chỗ cho mình ngồi rồi, không được nói: "Ngươi rửa tay chân sạch sẽ, ngồi ở quán xá, dùng cân nhẹ, đấu non lừa gạt người ta, còn quá hơn bọn trộm cướp", mà nên nói: "Có hai loại bánh xe: Bánh xe pháp và bánh xe thức ăn. Có bánh xe thức ăn mới vận chuyển được bánh xe pháp, như Thế Tôn đã nói với các Tỳ-kheo: "Bà-la-môn, cư sĩ cung cấp y thực, ngọa cụ, thuốc trị bệnh, làm lợi ích rất nhiều, đó là việc khó làm". Ta nhờ các ngươi mà được tu phạm hạnh trong giáo pháp của Đức Như Lai, vượt qua dòng sinh tử. Tất cả đều nhờ công ơn và lòng tin của các

ngươi”. Nếu có điều chi bàn luận thì nói xong rồi ra về.

Khi vào trong chúng cư sĩ nên làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP VÀO TRONG CHÚNG NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Khi vào trong chúng ngoại đạo nên xử sự như sau: Khi họ chỉ chỗ ngồi rồi thì nên ngồi. Không được khen chê kiến giải của họ. Cũng không được chê bai bằng hình ảnh cụ thể: “Các ngươi tà kiến, không có niềm tin, không biết hổ thẹn”, mà nên khen ngợi bằng những sự thật: “Các ngươi có thể xuất gia, cởi mở trói buộc, vứt bỏ phục sức thế tục, ở nơi thanh vắng, suy nghĩ sâu xa, thật là một việc làm rất khó khăn”. Được ca ngợi tất cả các sự thật như vậy, nhưng không được nói những lỗi lầm của họ. Nếu muốn bàn luận điều gì thì nói xong rồi liền ra đi.

Phép tắc đi vào trong chúng ngoại đạo phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC NHẬP CHÚNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: "Từ nay trở đi, phép nhập chúng phải làm như sau: Nếu muốn luận bàn việc gì ở giữa Tăng thì lúc còn ở ngoài nên quyết đoán cho dứt khoát, không được vào trong Tăng rồi mới quyết đoán. Nếu sự việc khó khăn thì nên thưa với Hòa thượng, A-xà-lê. Nếu việc ấy không cần Tăng quyết đoán thì nên khuyên họ chấm dứt. Nếu việc ấy cần phải thông qua Tăng, và người nêu vấn đề đáng tin cậy thì nên giải quyết cho hòa hợp, đúng pháp, đúng luật. Khi đã được Hòa thượng, A-xà-lê cho phép thì nên đến trước vị Thượng tọa của Tăng hỏi: "Con có việc muốn nói, Thượng tọa có cho phép không?". Thế rồi, Thượng tọa nên xem xét lời nói của người ấy.

Khi vào trong chúng không được mang giày dép, trùm đầu, che kín vai phải, mà nên cởi giày dép, trật vai áo mà vào.

Phép đi vào trong chúng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"A-luyện-nhã, thôn xóm,
Lễ dưới chân hỏi nhau.
Gọi nhau, dòng Sát-lợi,
Bà-la-môn, cư sĩ.
Ngoại đạo chúng Hiền Thánh,
Kết thúc phần thứ năm".

PHÉP TẮC MẶC NỘI Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi nội y mặc trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc đi vào thôn xóm. Sau khi từ trong thôn xóm trở ra, họ lại cởi nội y mặc vào thôn xóm, ở trần đi tìm nội y mặc ở tại chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Phép mặc y phải làm như sau: Khi muốn vào thôn xóm, không được cởi nội y mặc ở trong chùa rồi ở trần đi tìm nội y mặc vào thôn xóm; cũng như không được cởi nội y mặc đi vào thôn xóm rồi ở trần đi tìm nội y mặc ở trong chùa; mà khi muốn vào thôn xóm, trước hết nên lấy nội y mặc đi vào thôn xóm để gần một bên. Cũng không được mặc y vào thôn xóm rồi ở bên dưới mới cởi nội y ở chùa ra, mà nên một bên mặc vào, một bên cởi ra. Khi ra khỏi thôn xóm, cởi nội y đi vào thôn xóm, mặc nội y ở chùa cũng làm như vậy. Phép mặc nội y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi".

PHÉP MẶC Y

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo muốn vào thôn xóm bèn cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc đi vào

thôn xóm. Khi ra khỏi thôn xóm, họ lại cởi y đi vào thôn xóm, rồi mặc một nội y đi tìm y mặc ở trong chùa. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay trở đi, phép mặc y phải làm như sau: Không được cởi y mặc trong chùa rồi mặc một nội y đi tìm y mặc vào thôn xóm, mà trước hết nên lấy y mặc đi vào thôn xóm để gần một bên, cởi y mặc trong chùa xếp lại ngay ngắn, cất vào chỗ cũ, rồi mới mặc y đi vào thôn xóm. Khi từ thôn xóm đi ra cũng phải lấy y mặc ở trong chùa để gần một bên, đập giũ y đi vào thôn xóm, cất vào chỗ cũ, rồi mặc y ở trong chùa.

Phép mặc y phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP MẶC Y ĐI VÀO THÔN XÓM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà đi vào thôn xóm, kéo lê y mà đi, khiến bùn đất làm bẩn y, chỗ móc y bị rách, chỗ chắp lại bị lủng, đường đột đi qua nơi đường hẻm chật hẹp, khiến đệ tử than phiền: "Chúng ta giặt nhuộm may vá khổ sở mà thầy không biết thương tiếc gìn giữ".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi vào thôn xóm phải mặc y như sau: Không được kéo lê y đi trong thôn xóm để cho lủng rách. Nếu vào mùa

Xuân, khi còn ở cách xa thôn xóm, nên xếp y lại để trên vai mà đi. Lúc đến gần thôn xóm, nếu gặp hồ nước, đầm nước, nên rửa chân tay, mặc y, buộc lại rồi mới đi vào. Nếu không có nước thì nên dùng lá cây hoặc cỏ chùi đất bụi trên chân, mặc y rồi mới đi vào. Nếu vào mùa Đông thì nên mặc y mà đi. Nếu gặp voi, ngựa, xe cộ chạy nhanh, thì nên đi ở phía trên gió, kẻo bụi bặm bám vào làm bẩn y. Nếu bị vướng gai làm rách thì không được kéo lê y rách mà đi. Nếu đường xóm chật hẹp thì không được đường đột đi qua. Nếu gặp cửa nhỏ hẹp thì nên nghiêng mình mà đi qua. Nếu cửa thấp thì khom lưng xuống đi qua".

Khi mặc y đi vào thôn xóm phải làm như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP MẶC Y NGỒI TRONG NHÀ CƯ SĨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà không trải tọa cụ mà ngồi, lại dùng y gói trái cây hư, bánh có chất dầu mỡ làm bẩn y, nên đệ tử than phiền: "Ta khó nhọc giặt nhuộm sửa chữa mà thầy không biết thương tiếc, giữ gìn".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, mặc y đi vào nhà cư sĩ phải làm như sau: Nếu giường có bụi

đất dơ bẩn mà không có vật trải lên thì không được ngồi. Nếu thấy có người quen biết cũ thì nên bảo họ trải đồ lên. Nếu họ nói: "Vị Sa-môn này kiêu căng, coi thường người khác khó mà phục vụ", thì tự mình nên lau chỗ ngồi, trải tọa cụ, rửa tay rồi mới ngồi. Không được dùng y gói tất cả các loại bánh trái, hoa ướt, hoặc lau miệng.

Khi ngồi trong nhà cư sĩ phải giữ gìn y như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC CỦA TIỀN VÀ HẬU SA MÔN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà nói với đệ tử đồng hành của Nan-đà như sau: "Ta muốn đi với ngươi vào thôn xóm khất thực. Nếu ở nơi đó ta có làm điều gì trái oai nghi thì ngươi đừng đem nói với người khác. Vì ta là thúc phụ của ngươi".

Người đệ tử nói: "Giả sử cha của tôi hay ông nội tôi có làm điều gì trái oai nghi thì tôi cũng phải nói", như trên đã nói rõ, cho đến thầy đáp: "Có thật như vậy, bạch Thế Tôn".

Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải cư xử như sau: Nếu tiền Sa-môn được thức ăn thì nên ăn chung với hậu Sa-môn. Nếu không có thì nên bảo hậu Sa-môn trở về

lấy thức ăn. Hậu Sa-môn không được đi cách quá xa với người đi trước, khiến cho không trông thấy nhau; cũng không được đi quá gần chạm gót nhau, mà nên cách nhau chừng hơn một cánh tay". Nếu thấy ở trước voi, ngựa, bò dữ thì nên nói: "Thưa Hòa thượng, A-xà-lê, ở trước có ác thú nên tránh qua một chỗ". Nếu vị Sa-môn đi trước già yếu thì nên đi trước để che chở. Nếu ở trước có người muốn đảnh lễ thì nên thưa: "Có Mỗ giáp đảnh lễ". Nếu có người mời thọ trai, thì hậu Sa-môn phải ghi nhớ để lúc về lại trú xứ thưa lại: "Vừa rồi nhà Mỗ giáp có mời thọ trai". Nếu tiền Sa-môn không có thể chú nguyện được thì nên bảo người nào có thể chú nguyện được chú nguyện. Người được sai chú nguyện không được nói: "Thầy ngồi trước, lấy nước trước, ăn trước mà lại bảo tôi chú nguyện".

Phép tắc cư xử của tiền Sa-môn và hậu Sa-môn phải như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP NHỜ NGƯỜI LẤY THỨC ĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo nhờ người khác lấy thức ăn giúp, thầy đưa bát xong rồi bỏ đi. Vị Tỳ-kheo đi lấy thức ăn, mang thức ăn đến, đi tìm mà không biết ở đâu, bèn để cái bát trong nhà thiền rồi bỏ đi. Đến hôm sau, vị Tỳ-

kheo nhờ lấy thức ăn hỏi vị kia:

- Hãy trả cái bát lại cho tôi.
- Tôi đã để cái bát ở trên thiền đường rồi.
- Vì sao thầy đem cái bát của tôi bỏ nơi thiền đường trống không?
- Vậy thì tại sao thầy nhờ tôi đi lấy thức ăn rồi lại bỏ đi?

Hai người cãi nhau, rồi cùng dẫn đến chỗ Phật trình bày lại đầy đủ sự việc trên với Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi nhờ người lấy thức ăn và lấy thức ăn giúp người khác phải làm như sau: Không được nhờ người lấy thức ăn rồi bỏ đi, và không được lấy thức ăn giúp cho người, rồi đem cái bát để trong nhà thiền trống không rồi bỏ đi. Người lấy thức ăn giúp trước hết nên nói: "Trưởng lão, nay tôi lấy thức ăn thầy đừng có đi đâu mà hãy chuẩn bị đợi tôi".

Người đi lấy thức ăn nên để ý giờ giấc. Nếu thì giờ gấp, thì nên đem đưa trước thức ăn lấy giúp. Nếu thì giờ còn sớm, thì nên ngồi theo thứ tự để nhận lấy phần ăn. Khi lấy, không được trộn chung lại mà mỗi thứ phải để riêng ra, ăn phần mình xong rồi mang đến. Nếu thì giờ gấp rút thì không được ăn tại trai đường mà phải mang cả hai phần ăn trở về. Khi trở về, phải xem chừng mặt trời, thấy tới giờ nên mang đến cho người kia. Nếu như không kịp giờ, thì nên ăn tại trai đường, đừng để cả hai

người đều bị mất ăn.

Người nhờ người khác lấy thức ăn không được nghĩ: "Ta đã nhờ được người", rồi bỏ đi, mà trước hết phải tìm tăm xỉa răng, xách nước, trải giường ghế, rửa tay, rồi ngồi chờ. Thỉnh thoảng nên xem mặt trời, nếu thì giờ đã đến, thì phải xách bình nước đến lấy phần. Nếu gặp người kia ở dọc đường thì cùng nhau ăn. Nếu như thì giờ vẫn còn sớm thì nên đợi đến giờ rồi ăn. Nếu thức ăn còn thừa thì nên cho người đi lấy thức ăn mà không nên cho người khác. Nếu người ấy không cần thì có thể cho người khác.

Nguyên tắc đi lấy thức ăn phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC ĐI KHẤT THỰC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vê, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo vào thành khất thực; họ lầm lũi cúi đầu đi qua mặt người khác để vào nhà bạch y, bị người đời chê cười: "Sa-môn Thích tử mà giống như dê con, vượt qua mặt, đụng vào người khác".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, phép tắc khất thực phải làm như sau: Không được làm như dê con, cứ gầm đầu đi thẳng tới trước. Cũng không được đứng

ở quá xa khiến thí chủ không trông thấy, mà nên đứng ở chỗ vừa tầm thấy của họ. Không được nói: "Cúng dường thức ăn cho tôi, bà sẽ được phước đức lớn", mà chỉ nên đứng im lặng. Không được ngó bên trái, bên phải, khiến người ta nghi ngờ mình là kẻ gian phi, mà nên thu giữ sáu căn, quán tưởng lẽ vô thường. Cũng không được đứng đợi quá lâu. Nếu phụ nữ nhà ấy đang giã gạo, chưa trông thấy mình, thì có thể đứng chờ một lát. Nếu họ thấy rồi mà vẫn tiếp tục giã gạo, thì nên đi. Nếu thấy phụ nữ đang may vá, họ nhìn thấy mình mà vẫn tiếp tục may vá, thì biết là ý họ không muốn cúng dường, nên đi. Nếu người phụ nữ thấy mình rồi, họ vào trong nhà rồi trở ra tay không thì nên đi. Nếu nhà ấy giàu có, họ để bảo vật rải rác đó đây, thì không nên đi liền, mà phải chỉ cho họ thấy rồi mới ra đi.

Phép tắc đi khất thực phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP TẮC MÀ VỊ SA MÔN ĐI KHẤT THỰC SAU PHẢI LÀM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ưu-ba-nan-đà cùng với đệ tử đồng hành vào thôn khất thực, khi thấy mang thức ăn từ trong thôn đi ra, tìm đệ tử thì không thấy; thầy bực bội, nói: "Ta đem

thức ăn đến, mà hắn lại bỏ ta mà đi!".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi khất thực, vị Sa-môn đi sau phải làm như sau: Khi vị Sa-môn trước khất thực, không được đứng cách quá xa, cũng không được đứng quá gần để nhìn, khiến chủ nhân nghĩ: "Vị này không biết đi khất thực mà chỉ mong được thức ăn thừa của người khác", mà nên đứng ở một khoảng cách vừa phải. Nếu được mời ăn thì nên ăn. Nếu không được mời thì nên đi khất thực. Sau đó, đem thức ăn đến bên giếng hay bên ao nước mà ăn, ăn xong, rửa bát rồi đi, thì không có tội. Khi ăn phải đợi nhau như vậy, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Nội y, y tụ lạc,
Vào thôn xóm, mặc y.
Nhà cư sĩ, giữ y,
Sa-môn trước và sau.
Nhờ người lấy thức ăn,
Lấy giúp cho người khác.
Khất thực nên đợi nhau,
Kết thúc phần thứ sáu".

PHÉP ĐỐT VÀ TẮT ĐÈN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-

kheo đi vào phòng thiền trong bóng tối, bị té ngã xuống đất. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, Ta cho phép thắp đèn".

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng miệng thổi; hoặc dùng tay quạt, hoặc dùng y quạt cho tắt ngọn đèn đang cháy, rồi hạ phong làm nhiễu loạn các Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi đốt đèn phải làm như sau: Theo thứ tự từ người thấp nhất trở lên phải chuẩn bị gỗ lấy lửa hoặc phân bò nhóm lửa để dưới nhà bếp. Không được đốt đèn một cách đột ngột mà phải để lửa tại một chỗ rồi đốt dần dần. Khi đốt đèn, trước hết nên đốt những cây đèn trước xá-lợi và các hình tượng, lễ bái xong rồi tắt đi. Kế đến, đốt đèn trong nhà vệ sinh. Nếu đến giờ ngồi thiền, thì nên đốt đèn trong phòng thiền, đồng thời nên loan báo: Xin các đại đức tùy hỷ chú nguyện đèn. Kế đến, đốt đèn nơi chỗ đi kinh hành. Kế đến, đốt đèn nơi đầu đường lên gác. Nếu có nhiều dầu thì nên đốt đèn nơi nhà vệ sinh suốt đêm. Nếu dầu ít, thì người đi cầu xong nên tắt đèn. Khi tắt đèn nơi nhà vệ sinh xong, tiếp đến, tắt đèn nơi chỗ đi kinh hành; tiếp đến, tắt đèn ở đầu thang lên gác; tiếp đến, tắt đèn trong phòng ngồi thiền. Khi tắt đèn trong phòng ngồi thiền không được tắt đột ngột mà phải nói: "Tôi sắp tắt đèn, các đại đức hãy trải mền ra", rồi

dùng tay che đèn, nói: "Đèn sắp tắt, đèn sắp tắt". Khi tắt, không được dùng miệng thổi, dùng tay quạt hay dùng y quạt, mà phải cắt đầu tim đang cháy. Đến cuối đêm, khi thức dậy, trước hết nên đốt đèn trong nhà vệ sinh; tiếp đến, đốt đèn nơi đi kinh hành; tiếp đến, đốt đèn nơi đầu cầu thang lên gác; tiếp đến, đốt đèn trong phòng thiền. Khi đốt đèn trong phòng thiền, không nên đột ngột vào đốt liền, (513a) mà phải nói: "Thưa các đại đức, đèn sắp đem vào, đèn sắp đem vào", rồi sau đó đọc kệ. Đến lúc mờ sáng, muốn tắt đèn, thì trước hết nên tắt đèn ở đầu cầu thang lên gác; kế đến, tắt đèn ở lối đi; kế đến, tắt đèn trong nhà vệ sinh; kế đến, tắt đèn trong phòng thiền".

Phép đốt và tắt đèn phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP VÁC THIỀN TRƯỢNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, các Tỳ-kheo ngồi thiền mà ngủ gà ngủ gật trong phòng thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi (trong khi ngồi thiền) nên vác thiền trượng đi tuần hành".

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo vác thiền trượng đi tuần hành, (thấy người ngủ gục) liền đâm thiền trượng vào xương sườn bên hông của Tỳ-kheo ấy, khiến vị ấy kinh hoảng kêu lên: "Chết tôi rồi Trưởng

lão!”.

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay trở đi, khi vác thiền trượng đi tuần hành phải làm như sau: Trước hết nên dùng tre, nứa làm thiền trượng, dài chừng tám khuỷu tay, rồi bọc kín hai đầu. Hạ tọa nên làm việc này. Khi đi tuần hành, không được trùm kín đầu, kín vai, mang giày dép, mà phải để hở vai áo bên phải. Nếu thấy có người ngủ gật, không được đột ngột gọi họ dậy, không được đâm vào hông, mà phải đến đứng bên cạnh, dựng đứng thiền trượng ở trước mặt, rồi lay chuyển chừng ba lần. Nếu họ không tỉnh giấc, mà mình đang đứng ở bên trái, thì nên dựng thiền trượng ở bên đầu gối phải của họ. Nếu mình đang đứng bên phải thì nên dựng thiền trượng ở bên đầu gối trái của họ. Khi hay biết, họ phải đứng dậy vác thiền trượng đi tuần hành. Khi đi, cũng không được trùm đầu, trùm kín vai phải mà nên để hở vai mà đi. Nếu nhiều người ngủ, thì không được đánh thức tất cả cùng một lúc giống như bò đứng dậy mà nên đánh thức một lúc chừng hai người, ba người. Người trẻ nên vác thiền trượng đi tuần hành; nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ cũng phải đánh thức dậy. Vì tôn trọng nguyên tắc, nên khi thức dậy Hòa thượng cũng phải cầm lấy thiền trượng, nhưng đệ tử không được trao thiền trượng cho Hòa thượng mà phải tiếp tục đi tuần hành. Người đi tuần hành không được tùy

tiện thiên vị hay giận dữ tìm lỗi lầm kẻ khác mà phải thu giữ lục tình, nhất tâm tư duy. Nếu thấy có người ngủ thì nên trao thiền trượng cho họ. Người nhận thiền trượng không được oán hận mà phải suy nghĩ: "Vị ấy nay trừ khử tăm tối che mờ, giúp cho ta, làm lợi ích cho ta không ít". Nghĩ thế rồi, nên đứng dậy đi tuần hành, nếu thấy ai ngủ thì lại trao thiền trượng cho họ".

Phép vác thiền trượng đi tuần hành phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP MANG VÒNG ĐI TUẦN HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, vị Tỳ-kheo vác thiền trượng đi tuần hành, vì trời lạnh nên tay run lập cập. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi nên đưa vòng".

Khi nhóm sáu Tỳ-kheo đi đưa vòng bèn ném vào ngực, vào mặt người khác, khiến vị Tỳ-kheo ấy kinh hãi kêu lên: "Chết tôi rồi".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi làm vòng và ném vòng phải làm như sau: Khi làm vòng nên dùng chỉ sợi, lông hoặc lụa mà làm, không được làm cứng quá, không được làm mềm quá. Phép đi

đưa, trước hết nên đưa cho người ở chính giữa. Nếu thấy có người ngủ thì không được đi thẳng đến ném vào đầu, vào mặt, mà nên ném trước mặt người ấy. Vì tôn trọng phép tắc nên người ấy phải đứng dậy lấy vòng, rồi ngồi xuống lại. Nếu thấy Hòa thượng, A-xà-lê ngủ thì không được để yên như vậy, mà cũng phải trao cho vòng. Vì tôn kính phép tắc nên Hòa thượng cũng phải đứng dậy. Thế rồi, đệ tử nên thay thế Hòa thượng đi ném vòng, còn Hòa thượng thì ngồi xuống lại. Khi đi đưa vòng không được oán hận, tìm lỗi lầm người khác, đồng thời người nhận được vòng nên suy nghĩ: "Nay vị ấy trừ tăm tối che mờ cho ta, làm lợi ích cho ta không ít".

Phép đi ném vòng phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP CỞI GIÀY TRONG PHÒNG THIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo cởi giày trước phòng thiền, cầm hai cái đế vỗ vào nhau, rồi xách vào giống như xách cá khô, làm não loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi cởi giày trong phòng thiền phải làm như sau: Không được dùng hai chiếc giày vỗ vào nhau ở trước phòng thiền.

Nếu nền phòng có trải thảm thì nên cởi giày cầm đi vào, và không được cầm như cầm cá khô mà nên gập hai cái đế vào nhau mà cầm, đồng thời dùng y phủ lên trên mà cầm đi vào. Khi vào tới phòng, phải để bên phải và ở dưới tọa cụ. Nếu nền phòng không trải thảm, thì nên mang đi vào nhẹ nhàng, rồi cởi ra mà ngồi.

Phép mang giày trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi".

PHÉP DÙNG TỌA CỤ TRONG PHÒNG THIỀN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đứng trong phòng thiền đập giũ tọa cụ kêu vang, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: Từ nay trở đi, khi xử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như sau: Không được đập giũ tọa cụ trong phòng thiền mà nên gấp đôi lại để trên vai mà đi. Khi đến nơi, mở ra, gấp lại mà ngồi. Khi trở về cũng phải gấp đôi lại, để trên vai mà về. Nếu muốn cất lại chỗ cũ cũng phải gấp đôi lại mà cất. Lúc trở về rồi, nên từ từ mà ngồi.

Phép sử dụng tọa cụ trong phòng thiền phải làm như thế. Nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP XỬ SỰ KHI HO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ho lớn kêu vang trong phòng thiền, làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi ở trong phòng thiền muốn ho phải xử trí như sau: Khi muốn ho không được phóng túng ho lớn tiếng, mà phải che miệng lại ho từ từ. Nếu ho mạnh quá không thể kiềm chế được thì nên đi ra ngoài; khi ra ngoài ho xong rồi trở vào. Nếu vẫn còn, không dừng được, thì nên nói cho thầy tri sự biết rồi ra đi. Phép ho phải xử trí như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi".

PHÉP XỬ TRÍ KHI NHẢY MŨI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo dùng rễ cỏ, chỉ sợi ngoái vào mũi, hoặc dùng bột mịn bỏ vào mũi, khiến nhảy mũi liên tục làm náo loạn Tỳ-kheo đang ngồi thiền. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay trở đi, khi nhảy mũi phải làm như sau: Khi ở trong phòng thiền mà nhảy mũi thì không được phóng túng để bộc ra tiếng lớn. Khi muốn nhảy mũi thì nên kiềm chế, dùng tay bịt mũi lại. Nếu không thể nhịn được thì nên dùng tay che

mũi lại mà khịt, đừng để nước mũi làm nhơ bẩn người ngồi bên cạnh. Nếu muốn nhảy mũi thì không được nói. Nếu thấy Thượng tọa nhảy mũi thì nên nói: "Xin kính lễ". Nếu thấy Hạ tọa nhảy mũi thì nên giữ im lặng.

Phép nhảy mũi phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP XỬ TRÍ KHI NGÁP VÀ THƯ GIÃN THÂN THỂ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hả miệng ra ngáp, giang tay, uốn mình thư giãn gân cốt gây ra tiếng động, làm não loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: Từ nay trở đi, khi thư giãn, ngáp phải làm như sau: Nếu đang ngồi trong phòng thiền mà muốn ngáp thì không được phóng túng ngáp lớn và vươn mình gây tiếng động mà phải tự kiềm chế. Nếu không thể kiềm chế được thì phải dùng tay che miệng lại từ từ mà ngáp, không được gây rối loạn những người ngồi bên cạnh. Khi thư giãn thân thể thì trước hết nên đưa lên một tay, lúc tay ấy hạ xuống rồi mới đưa lên tay khác.

Phép ngáp và thư giãn thân thể phải làm như vậy. Nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

PHÉP GÃI NGỨA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đang ngồi trong phòng thiền gãi sồn sột gây nên tiếng động làm náo loạn các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi muốn gãi phải làm như sau: Không được gãi sồn sột kêu lớn tiếng; không được dùng móng tay hay thanh gỗ để gãi. Nếu bị ngứa quá thì nên dùng bàn tay chà, hoặc dùng đầu ngón tay cào.

Phép gãi ngứa phải làm như thế, nếu ai không làm như thế thì vượt pháp oai nghi".

PHÉP XỬ SỰ KHI HẠ PHONG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn bún, đậu, uống nhiều sữa, rồi chia nhau ngồi bốn góc phòng thiền, tiếp tục nhau phóng khí (hạ phong) phát ra tiếng lớn, tiếng nhỏ, đoạn, hỏi: "Trưởng lão, tiếng kêu này hài hòa hay quá phải không?". Thế rồi, họ dùng tay nắm khí hạ phong đưa trước mũi người khác, hỏi: "Trưởng lão, có thơm không?".

Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay trở đi, khi hạ phong phải xử trí như sau: Không được ăn những

chất có nhiều hơi để sinh hạ phong mà đùa cợt. Khi đang ngồi trong phòng thiền mà bắt hạ phong thì phải kiềm chế. Nếu không thể

kiềm chế được thì phải hướng về chỗ ngồi ở dưới. Nếu chỗ ngồi ở dưới có Thượng tọa thì phải hướng trở lại về chỗ ngồi ở trên. Khi hạ phong, không được để kêu lớn tiếng làm nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ngồi ăn mà muốn hạ phong thì cũng phải hướng về chỗ ngồi dưới, đừng để nhiễu loạn người bên cạnh. Nếu đang ở trước Hòa thượng, A-xà-lê, Tỳ-kheo Trưởng lão thì phải đi ra ngoài hạ phong, đừng để mùi hôi bay đến các ngài. Nếu đang đi với thương khách trên đường thì không được tùy tiện hạ phong ở trước họ. Nếu hơi tống ra không thể kiềm chế được thì phải ra ngoài lề đường về phía dưới gió mà hạ phong.

Khi muốn hạ phong phải làm như thế, nếu ai không làm như vậy thì vượt pháp oai nghi.

Kệ tóm tắt:

"Đốt đèn, hành thiền trượng,
Ném vòng, cầm giày dép.
Tọa cụ và ho hen,
Nhảy mũi, thư giãn, ngáp.
Gãi ngứa và hạ phong,
Kết thúc phần thứ bảy".

Thế nào gọi là oai nghi, thế nào gọi là không phải oai nghi? Tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì

gọi là oai nghi, không tùy thuận làm theo hai bộ Luật thì gọi là không phải oai nghi. Oai nghi, Chúng học, không có ác tâm, vô ý xúc chạm người nữ, tất cả các pháp này thuộc về Việt tỳ-ni tâm hối.

Đến đây hết phần Oai Nghi.

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 36

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 1: NÓI VỀ 8 PHÁP BA LA DI

1. GIỚI DÂM DỤC

Đức Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác từ lúc ban đầu phát tâm tu đạo nay đã thành tựu, đang an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, được chư Thiên, người đời tôn kính cúng dường, như trên đã nói rõ. Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di cùng với năm trăm cô gái dòng họ Thích như: Xiển-đà-di, Xiển-đà-ba-la, Đà-bà-xiển-đà, mẹ Xiển-đà v.v... đi đến chỗ Phật, cúi đầu, đảnh lễ đứng hầu một bên. Thế rồi, Đại-ái-đạo bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Phật ra đời khó gặp, được nghe pháp cũng khó, nay gặp Đức Như Lai xuất hiện trên đời, diễn thuyết diệu pháp cam lồ, khiến cho các chúng sinh chứng được đạo quả tịch diệt". Như trong Kinh Đại-ái-đạo xuất gia đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Tỳ-kheo ni Đại-ái-đạo là bậc Thượng tọa của Ni chúng, phải tuân thủ như thế".

Lúc ấy, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bạch với Phật: "Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã chế định bốn trọng giới cho các Tỳ-kheo, vậy chúng con có được phép nghe hay không?".

Phật dạy: "Được! Này Cù-đàm-di, nếu một thiện nữ có lòng tin, muốn được năm việc lợi ích, cần phải thọ trì hết giới bổn này. Năm việc lợi ích đó là:

1. Nếu một thiện nữ có lòng tin muốn xây dựng pháp Phật, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

2. Nếu muốn cho Chánh pháp được tồn tại lâu dài, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

3. Nếu muốn không còn nghi ngờ, phải thưa hỏi người khác, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

4. Nếu muốn làm chỗ nương tựa cho các Tỳ-kheo-ni do phạm tội mà đâm ra sợ hãi, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

5. Nếu muốn du hóa bốn phương mà không gặp trở ngại, phải giữ gìn trọn vẹn giới bổn này.

Đó gọi là người thiện nữ có lòng tin vững chải được năm điều lợi ích khi giữ gìn giới bổn này. Ngoài ra, như ở phần đầu trong năm nhân duyên của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ:

- Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ (hành) dâm, thậm chí hành dâm với loài súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống

chung với Ni chúng.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Là người nữ đủ hai mươi tuổi chứ không phải không đủ, đã thọ Cụ-túc một cách hoàn hảo giữa hai bộ Tăng, đúng pháp chứ không phải không đúng pháp, hòa hợp chứ không phải hòa hợp, một lần bạch, ba lần yết-ma, không có ai cản trở. Đó gọi là Tỳ-kheo-ni.

Không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng: Như ở phần Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ.

Thọ: Thọ hưởng với lòng dục.

Dâm: Phi phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với người nam, bất năng nam, phi nhân nam, súc sinh giống đực đang thức hoặc ngủ, hoặc thây chết hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện hay đường đại tiện, mà trong mỗi trường hợp đều thọ lạc, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

Ba-la-di: Đối với Pháp trí bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di. Cũng thế, cho đến đối với Tận trí, Vô sinh trí mà thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với Niết-bàn bị thoái hóa, đọa lạc, không được đạo quả, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Đối với phạm hạnh bị

thoái hóa, đọa lạc, đó gọi là Ba-la-di.

Ba-la-di còn có nghĩa là: Loại tội mà khi vi phạm không thể phát lồ sám hối được, đó gọi là Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm nhiễm ô muốn nhìn nam giới thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối. Nếu dùng mắt nhìn họ, dùng tai nghe tiếng họ, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu khỏa thân hướng vào nhau thì phạm tội Thâu-lan; thậm chí, nếu hai căn chạm vào nhau chỉ bằng hạt mè, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói mình trả giới, không nói mình không trả giới, vì giới yếu kém mà làm người thế tục, thì tùy theo mức độ phạm mà kết tội. Nếu làm ngoại đạo thì cũng như thế. Nếu người này lõa thể, người kia mặc y phục, hoặc người kia lõa thể, người này mặc y phục; hoặc cả hai cùng mặc y phục; hoặc cả hai cùng lõa thể; mà hễ hai căn chạm vào nhau chừng một hạt mè thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng, rồi mặc đồ thế tục mà phạm giới, thì tùy theo mức độ vi phạm mà kết tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni cưỡng dâm Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di. Nếu khi ấy Tỳ-kheo thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cùng hành dâm thì cả

hai đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với Sa-di thì Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di, còn Sa-di phải bị trục xuất. Nếu Tỳ-kheo-ni hành dâm với người thế tục thì cũng như thế.

Nếu Tỳ-kheo-ni cùng với ba loài: Người, phi nhân, súc sinh, hành dâm tại ba chỗ là miệng, đường tiểu tiện và đại tiện, trong ba trường hợp: Đang thức, ngủ, hoặc là đã chết thì đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ hoặc bị cuồng trí hay nhập định mà có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết mà giai đoạn đầu, giữa và cuối thọ lạc thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ, bị cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu không thọ lạc mà lúc giữa và cuối có thọ lạc, thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng lúc đầu, lúc giữa không thọ lạc mà cuối thọ lạc thì cũng phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang ngủ, cuồng trí hay nhập định, rồi có người đến leo lên mình hành dâm, lúc ấy Tỳ-kheo-ni hay biết, nhưng giai đoạn đầu, giữa

và cuối đều không thọ lạc, thì không có tội.

Thế nào là thọ lạc? Thế nào là không thọ lạc?

Thọ lạc: Ví như người đói mà được các thức ăn mỹ vị, người ấy lấy việc ăn làm lạc thú; lại như người đang khát mà được các thức uống ngon lành; người ấy lấy việc uống làm thú vị; người thọ dục lạc cũng như vậy.

Không thọ lạc: Ví như người ưa sạch sẽ mà phải dùng các thứ thây chết quàng vào cổ, hoặc là phải dùng thanh sắt nóng áp vào mụt nhọt bị vỡ; không thọ lạc cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo-ni thọ dâm do mua được, do thuê được, do ân nghĩa mà được, do quen biết mà được, do đùa bỡn mà được, do thí nghiệm mà được, do tò mò mà được, đều phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu vì cuồng trí hay không biết, thì không có tội. Thế nên nói:

- Nếu Tỳ-kheo-ni không trả giới, giới yếu kém, không ra khỏi Ni chúng mà thọ dâm, thậm chí với cả súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di; không được sống chung với Ni chúng.

Ngoài ra, các giới thứ hai, thứ ba, thứ tư thì giống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

2. GIỚI TRỘM CẮP

Nếu Tỳ-kheo-ni lấy vật mà người ta không cho tại thôn xóm hay nơi hoang dã, rồi tùy theo vật đã lấy mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc

trói, hoặc trục xuất, nói: "Ôi kẻ nữ nhân! Ngươi là quân trộm cướp, là kẻ ngu si", thì Tỳ-kheo-ni lấy trộm này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng.

3. GIỚI SÁT NHÂN

- Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho họ tự sát, bảo họ chết, khen ngợi sự chết, nói: "Ôi, người ta sống mà xấu xa như thế để làm gì! Thà chết còn hơn sống". Suy nghĩ như thế, tưởng tượng như thế, tìm phương tiện khen ngợi rằng chết là khoái trá. Nhân đó mà họ chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung với Ni chúng.

4. GIỚI ĐẠI VỌNG NGỮ

- Nếu Tỳ-kheo-ni chưa biết, chưa tỏ rõ, mà tự xưng mình được pháp hơn người, có tri kiến thù thắng của bậc thánh, rằng mình thấy như vậy, biết như vậy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm tra, hoặc không bị thẩm tra về việc phạm tội, nhưng muốn được thanh tịnh bèn nói như sau: "Thưa Thánh giả! Con không biết mà tự nói là biết, không thấy mà tự nói là thấy. Đó là lời nói hư dối không thật", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Ni chúng; ngoại trừ sự tăng thượng mạn.

5. GIỚI TÂM NHIỄM XÚC CHẠM

NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích, bên cây Ni-câu-loại, nước Ca-duy-la-vệ, Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni ở A-luyện-nhã. Nhưng lúc này, tại thôn xóm chưa có Tinh xá nên Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến tạm trú nơi nhà của người họ Thích, rồi dạy kinh cho người con trai của họ. Thân sắc của Tỳ-kheo-ni Lại-tra đoan chánh nhưng chưa lìa dục, chàng thanh niên kia cũng đoan nghiêm mà chưa lìa dục, mỗi ngày chàng đến học kinh ba lần. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni thường thường trông thấy anh ta nên sinh tâm dục nhiễm vướng, đến nỗi sinh bệnh, nhan sắc vàng vọt. Các Tỳ-kheo-ni bèn đến vấn an cô:

- Thưa Thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không?

Nếu cần sữa, dầu, mật, đường phèn thì chúng con sẽ cung cấp.

- Không cần, tự nhiên sẽ khỏi thôi.

Các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng đến vấn an như thế. Đồng thời chàng thanh niên họ Thích kia cũng hỏi cô:

- Thưa Thánh giả, người đau bệnh gì vậy? Có cần thuốc gì không thì con sẽ cung cấp cho. Nếu trong nhà có thì con sẽ đưa, nếu không có thì con sẽ đi tìm nơi khác đem về đưa cho Thánh giả.

- Này hiền hữu, không phải những thứ thuốc ấy

có thể chữa khỏi.

- Thưa Thánh giả, thế thì bệnh này không phải là thân bệnh mà là tâm bệnh chăng?

- Đúng như ngươi nói.

- Thế thì bệnh này làm sao cho khỏi?

- Ngươi có muốn cho ta khỏi không?

- Muốn cho khỏi, nhưng người cần thứ gì con sẽ đi tìm về đưa cho?

- Hãy đến đây cùng làm việc ấy với ta.

- Con không dám. Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con

- còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư, người mà con tôn trọng?

- Nếu không thể làm như thế, thì chỉ cần ôm ta nói lời âu yếm, ôm chặt ta vuốt ve từ trên xuống dưới.

- Nếu chỉ cần có vậy thì con có thể làm được.

Đoạn, chàng ta đến ôm cô bày tỏ tình cảm, nắm hai vú, rờ rẫm vuốt ve từ trên xuống dưới, khiến cô thích ý; rồi sau đó cứ thường thường làm như thế. Như Đức Thế Tôn đã dạy: "Nghĩ về sắc đẹp luôn luôn thì tâm nhiễm ô sẽ sinh khởi, giống như người nữ tưởng nhớ người nam hay người nam tưởng nhớ người nữ".

Từ đó trở đi, hai người cứ tiếp tục làm như thế không ngừng. Các Tỳ-kheo-ni khác liền đến khuyên can cô:

- Thánh giả đừng làm như thế. Điều đó không được làm.

- Nhưng tôi làm việc ấy lại cảm thấy thích thú.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo nghe thế liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô đến rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi đem tâm ô nhiễm cùng với người nam tử có tâm ô nhiễm, xúc chạm, vuốt ve từ vai xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú phải không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Lại-tra! Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách dâm dục, rằng dục là thứ rượu mê, dục giống như ngọn lửa dữ đốt hết thiện căn của người, dục là tai họa lớn hay sao? Đồng thời, Ta cũng dùng các phương tiện để khen ngợi ly dục, đoạn dục, vượt qua dục. Vì sao nay ngươi lại làm việc xấu xa ấy? Đó là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả. Sau khi họ đã tập họp xong, Đức Thế Tôn bèn đem sự việc vừa rồi nói với các Tỳ-kheo-ni, nhấn mạnh về những tai họa do việc xảy ra vừa rồi. Đồng thời, Ngài tùy thuận

thuyết pháp, tuyên bố về mười lợi ích mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì các đệ tử, chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa. Mười lợi ích đó là:

1. Vì để thâu phục Tăng chúng.
2. Vì để thâu phục tuyệt đối Tăng chúng.
3. Vì để Tăng chúng được an lạc.
4. Vì để hàng phục những người không biết hổ thẹn.
5. Vì để những người biết hổ thẹn được sống yên ổn.
6. Vì để cho người không tin sinh khởi lòng tin.
7. Vì để cho người đã có niềm tin càng tin tưởng hơn.
8. Vì để cho người đang sống trong pháp luật đoạn tận các lậu hoặc.
9. Vì để cho các lậu hoặc chưa sinh không thể sinh khởi.
10. Vì để cho chánh pháp được tồn tại lâu dài, nhằm mở cửa cam lồ cho chư Thiên và người đời.

Đó là mười việc lợi ích. Vì mười việc này mà Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri chế định việc tụng Ba-la-đề-mộc-xoa cho các đệ tử. Thế nên, những ai chưa nghe thì hãy nghe, những ai đã nghe rồi thì

phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm vuốt ve người đàn ông với tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để thọ lạc thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Người đàn ông có tâm ô nhiễm: Tức là tâm ái dục. Từ vai trở uống: Từ vú trở xuống.

Từ đầu gối trở lên: Từ bắp vế trở lên đến rún. Vuốt ve: Di chuyển bàn tay rờ rẫm.

Thọ lạc: Thọ hưởng hoan lạc.

Nhiễm trước: Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di. Ba-la-di: Như trên đã nói.

Không được sống chung: Không được sống với Tỳ-kheo-ni để hưởng pháp thực và vị thực, hễ trước thế nào thì sau cũng thế ấy, hễ sau thế nào thì trước kia cũng thế. Vì phạm tội Ba-la-di nên không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm rờ rẫm, vuốt ve người nam cũng có tâm ô nhiễm, từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên để tìm lạc thú, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm ô nhiễm vuốt ve

người nam không có tâm ô nhiễm, cũng phạm tội Ba-la-di. Nếu làm như vậy với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà vuốt ve người nam có tâm ô nhiễm thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà xúc chạm người nam cũng không có tâm ô nhiễm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo người nam cạo đầu thì nên nhờ hai người nữ vịn vào đầu để có cảm giác cái đau do người nữ chứ không phải người nam. Cũng vậy, khi bảo người nam lể đầu chảy máu, hay lể ở tay, ở chân thì nên nhờ người nữ cầm chỗ đó, để có cảm giác cái đau do người nữ chứ không phải do người nam. Nếu từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống có mụt nhọt, nên bảo người nữ cầm giữ rồi nhờ người nam nặn mủ thì không có tội. Nhưng nếu mụt nhọt ở chỗ kín thì không được làm như vậy. Chỗ kín nghĩa là từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên. Nếu tại nơi ấy có bệnh thì nên nhờ người nữ chữa trị. Thế nên nói (như trên).

6. GIỚI NHIỄM TÂM THÂN CẬN NAM TỬ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, được chư Thiên,

người đời cung kính, cúng dường, nói rộng như trên. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la dạy kinh cho đồng tử Ly-xa, cho đến đồng tử nói:

- Những người xuất gia khác mặc áo cà-sa, con còn không dám sinh tâm như thế, huống gì Ni sư là người mà con tôn trọng.

- Nếu không làm như vậy, thì hãy đến đứng gần nói chuyện với tôi, nắm tay tôi, nắm y tôi, lại gần vui vẻ, mời ngồi, gập mình xuống, hẹn cùng đi chung.

- Nếu chỉ có như vậy thì có thể được.

Thế rồi, anh ta làm cho cô thích ý, và thường xuyên làm như vậy không ngừng, đúng như Đức Thế Tôn nói: "Nếu nghĩ đến sắc đẹp không quên thì tâm ô nhiễm phát sinh, như trường hợp người nữ tưởng nhớ người nam, người nam tưởng nhớ người nữ".

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó trình bày với Đại-ái-đạo, Đại-ái-đạo lại bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra-ba-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Ngươi có làm việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi đem tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm vào sát bên mình và hò hẹn cùng đi chung? Từ nay về sau,

Ta không cho phép dùng tâm ô nhiễm đưa tay ra kéo người nam có tâm ô nhiễm lại kề bên mình, cho đến hẹn nhau cùng đi chung.

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem tâm ô nhiễm, đưa tay ra đụng vào người nam cũng có tâm ô nhiễm, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến hoan hỷ, mời ngồi, khom mình xuống, hẹn nhau cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, người nam có tâm ô nhiễm: Cả hai đều có tâm dâm dục.

Đưa tay ra đụng vào người nam: Đưa cánh tay ra tới chỗ họ. Nói: Cùng nói thủ thỉ.

Để cho họ cầm tay: Hoặc nắm bàn tay, hoặc nắm cổ tay, hoặc nắm ngón tay cái, hoặc nắm ngón tay út.

Hoặc để cho họ cầm y: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, áo lót, áo che mưa.

Họ đến tỏ vẻ hoan hỷ: Họ đi đến mình tỏ ra vui vẻ, và thường thường đi đến.

Mời ngồi: Như nói: "Tôi đã trải giường nệm, mời anh ngồi". Khòm mình xuống: Gập mình xuống sát vào họ.

Hẹn cùng đi: Nếu Tỳ-kheo-ni hò hẹn với người nam tại trước quán xá, nơi vườn ao, hoặc chỗ thường đi lại, thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm, cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay ra cho họ, cùng nói chuyện, để cho họ cầm tay, cầm y, họ đến tỏ ra hoan hỷ, mời ngồi, gập mình xuống, hò hẹn cùng đi chung, thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Nếu Tỳ-kheo-ni đối xử với người bất năng nam hay người nữ như trên thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông không có tâm ô nhiễm làm những việc như trên thì cũng phạm tội Ba-la-di. Nhưng nếu xử sự như thế đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm làm những việc như trên, thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nếu làm như vậy với người bất năng nam, với phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu cả hai đều không có tâm ô nhiễm, thì phạm

tội Việt tỳ-ni. Đối với người bất năng nam và phụ nữ thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni có tâm ô nhiễm cùng với người đàn ông có tâm ô nhiễm, đưa tay cho họ cầm cho đến hò hẹn cùng đi chung, thì phạm tội Ba-la-di.

Nếu lần lượt phạm từng việc một, đủ tám việc thì thành tội Ba-la-di. Nếu phạm gián cách mà khi đủ tám việc cũng thành tội Ba-la-di. Nếu phạm một khoản liền sám hối tội Thâu-lan-giá, sau khi sám hối lại phạm nữa, cho đến bảy lần cũng thuộc Thâu-lan-giá, nhưng khi đủ tám lần thì thành tội Ba-la-di. Thế nên nói (như trên).

7. GIỚI GIẤU TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, nói rộng như trên. Bấy giờ, có gia đình Ly-xa kia, lúc đầu sinh được hai bé trai, sau đó sinh một bé gái. Họ cho thế là điềm không tốt nên thầm nhủ: "Ngày nay đứa bé gái không tốt này không biết có ai lấy không?". Thế rồi có người hỏi:

- Bà có muốn gởi đứa bé gái này đến chỗ an ổn không?

- Muốn.

- Nếu vậy thì nên đem đến cho Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhờ cô ấy nuôi dưỡng.

Gia đình ấy nghe thế liền cho mời Ca-lê đến, thưa: "Thưa Thánh giả! Nay tôi sinh đứa bé gái không tốt lành này không có ai lấy, nhờ cô nuôi

lớn, độ nó xuất gia, tôi sẽ cung cấp y thực".

Tỳ-kheo-ni liền nhận đem về nuôi, cho xuất gia. Và gia đình ấy cứ hằng ngày đưa thức ăn, hằng năm gởi đến y phục. Khi đứa bé lớn, Ni sư cho học giới, rồi cho thọ Cụ túc. Nhưng bản chất của người nữ vốn nhiều dâm tính, cho nên càng lớn thì dục tình càng mạnh mẽ không thể kiềm chế được. Do thế, cô ta bạch với sư phụ:

- Kiết sử của con sinh khởi, con không thích xuất gia, nay con muốn hoàn tục.

- Quái lạ thay! Ở trong cõi tục cũng giống như hầm lửa, làm sao mà có thể vui được.

- Từ đó trở đi, dần dần cô thông dâm với người thế tục và các ngoại đạo, rồi mang thứ hai. Tỳ-kheo-ni bèn trục xuất, và nói với sư phụ cô:

- Ni sư không biết đệ tử mình thông dâm với người thế tục và ngoại đạo sao?

- Tôi cũng đã biết từ sớm, nhưng gia đình ấy hằng ngày đưa thức ăn đến, hằng năm cung cấp y phục; nếu tôi bạch với Tăng thì Tăng sẽ trục xuất. Vì ham hai món lợi kia, nên tôi không bạch.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Ca-lợi đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Này Ca-lợi, vì sao ngươi biết

Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội mà che giấu? Đấy là việc phi pháp, phi luật, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, (cho đến) dù ai nghe rồi

cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni kia phạm trọng tội mà không nói với người khác, sau đó, Tỳ-kheo-ni kia hoặc rời khỏi trú xứ, hoặc chết, hoặc hoàn tục, mới nói với người khác: "Trước đây tôi đã biết Tỳ-kheo-ni ấy phạm trọng tội, nhưng tôi không nói với người khác, vì không muốn cho người khác biết", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết, hoặc nghe từ người khác mà biết.

Trọng tội: Nếu phạm một trong tám tội Ba-la-di tức là trọng tội.

Không nói với người khác: Không nói với một người, nhiều người hoặc là chúng Tăng.

Rời khỏi trú xứ: Tức bị trục xuất. Chết: Sự vô thường xảy đến (qua đời).

Hoàn tục: Rời khỏi pháp luật đang hành trì, làm người thế tục, ngoại đạo. Nếu đến lúc ấy mới nói: "Trước đây tôi đã biết người ấy phạm tội, nhưng không muốn cho người khác biết", thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Ba-la-di: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni lúc bình minh thấy Tỳ-kheo-ni khác phạm tội mà không có tâm che giấu, đến lúc mặt trời mọc lại khởi tâm che giấu cho đến bình minh hôm sau, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di. Đó gọi là hai thời. Cũng vậy cho đến tám thời, như trong vấn đề che giấu của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu thấy đệ tử cùng sống chung, đệ tử y chỉ phạm trọng tội, mà vì yêu thương cố tình che giấu tội lỗi của đệ tử, nghĩ: "Nếu ta nói với các Tỳ-kheo-ni thì họ sẽ trục xuất nó", thì phạm tội Ba-la-di.

Trong trường hợp, Tỳ-kheo-ni ấy nghe lời nói kia, rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni quen biết: "Mỗ giáp phạm trọng tội, nếu tôi đem nói với người khác thì Tỳ-kheo-ni sẽ trục xuất người ấy; vì thế mà tôi che giấu", Tỳ-kheo-ni ấy nghe thế lại suy nghĩ: "Nếu ta nói ra thì cả hai người đều bị trục xuất", liền che giấu, thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di. Cũng vậy, nếu tất cả đều che giấu thì tất cả đều phạm tội Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy người khác phạm trọng tội rồi đem nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Tôi thấy Mỗ giáp phạm trọng tội", mà Tỳ-kheo-ni này quở trách: "Nay ngươi làm việc ác, vì sao lại đem nói với ta, chớ có

nói nữa", thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy có người phạm trọng tội thì phải nói với người khác. Nếu kẻ phạm tội ấy hung ác đáng sợ, có thế lực, e họ sẽ giết mình hoặc làm tổn thương phạm hạnh, thì nên suy nghĩ: "Hễ gây nghiệp thì có quả báo, họ tự biết lấy. Ví như hỏa hoạn xảy ra cháy nhà, ta chỉ nên tự cứu mình, hơi đâu mà lo việc người khác". Nếu tâm tương ưng như thế thì không có tội. Thế nên nói (như trên).

8. GIỚI THEO TỲ KHEO PHẠM TỘI

Khi Phật an trú nơi vườn Cù-sư-la, tại Câu-diệm-di, lúc ấy Xiển-đà phạm một hoặc hai trọng tội trong năm thiên tội, các Tỳ-kheo hỏi:

- Trưởng lão Xiển-đà, thầy có thấy tội ấy không?

- Ông muốn hỏi tôi có thấy hay không thấy, nhưng tôi không thấy.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền nói với các Tỳ-kheo: "Ông Xiển-đà này thường phạm một, hai tội trong năm thiên tội mà nói không thấy, thì Tăng nên làm yết-

ma cử tội không thấy tội".

Sau khi Tăng làm yết-ma cử tội không thấy tội rồi, thầy bèn đi đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nói với mẹ mình:

- Bà-lộ-ê-đế, Tăng làm yết-ma cử tội tôi, không cho tôi hưởng chung pháp thực, vị thực.

- Quái lạ thay, thế thì nay hãy hưởng chung pháp thực, vị thực với ta.

Thế rồi, người mẹ tùy thuận Xiển-đà, Tỳ-kheo-ni bèn can bà:

- Này mẹ của Xiển-đà, Tỳ-kheo Xiển-đà này đã được Tăng hòa

hợp làm yết-ma cử tội đúng pháp, nhưng thầy chưa làm đúng pháp, cô chớ có tùy thuận.

- Tôi là mẹ, ông ta do tôi sinh ra, nếu tôi không tùy thuận thì ai sẽ tùy thuận?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nếu Xiển-đà đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp mà Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận ông ấy, thì các ngươi nên can gián ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa chúng Tăng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi can gián ở chỗ vắng nên hỏi như sau: "Có thật cô biết Xiển-đà đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp mà vẫn tùy thuận không?". Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Này mẹ của Xiển-đà,

Tăng đã làm yết-ma cử tội đúng pháp mà chưa thực hiện đúng thì đừng có tùy thuận. Nay tôi vì lòng từ khuyên can là muốn cho cô được lợi ích. Một lần khuyên đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?". Khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng làm như vậy. Rồi khuyên can ba lần ở giữa nhiều người cũng làm như vậy mà nếu như không bỏ thì nên làm pháp yết-ma cầu thính (xin nghe sự trình bày) giữa Ni chúng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin các Thánh giả Ni lắng nghe. Tăng đã làm yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, nhưng Xiển-đà chưa thực hiện đúng, mà mẹ của Xiển-đà lại tùy thuận thầy. Thế rồi, đã được khuyên can ba lần ở chỗ vắng, khuyên can ba lần ở chỗ nhiều người để cô bỏ việc ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cũng nên khuyên can ba lần để cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi mẹ của Xiển-đà ở giữa Ni chúng: "Có thật cô biết Tăng đã hòa hợp làm yết-ma cử tội Xiển-đà, song Xiển-đà chưa thực hiện đúng mà cô tùy thuận, thế rồi, Tăng đã khuyên can cô ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần, cho cô bỏ việc ấy mà cô vẫn không bỏ phải không?". Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Tăng đã hòa hợp làm yết-ma cử tội Xiển-đà đúng pháp, cô chớ nên tùy thuận (Xiển-đà). Nay Ni chúng muốn cho cô được lợi ích nên khuyên can,

cô nên tùy thuận lời khuyên của Ni chúng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?". Nhưng cô đáp: "Không bỏ". Rồi Ni chúng tiếp tục khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn nói: "Không bỏ".

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi cô đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách tính bướng bỉnh khó khuyên bảo, ca ngợi sự dễ khuyên bảo hay sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Vì sao ngươi lại tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội? Từ nay về sau, ta không cho phép tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội.

Thế rồi, Phật bảo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, dù cho ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

-Nếu Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng đã hòa hợp, như pháp, như luật làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo, song vị Tỳ-kheo ấy chưa thi hành đúng mà tùy thuận, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã

được Tăng hòa hợp, như pháp, như luật, làm yết-ma cử tội, song thầy ấy chưa thi hành đúng, cô chớ có tùy thuận". Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà nói như sau: "Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can đến lần thứ hai thứ ba cho bỏ việc ấy. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ ở trên đã giải thích). Hòa hợp: Không biệt chúng.

Như pháp như luật: Khi thấy không có tội thì không vạch tội về việc không bỏ ba ác kiến là: hủy báng khế kinh, tà kiến và biên kiến.

Bị cử (tội): Không được sống chung.

Chưa thi hành đúng pháp: Chưa tùy thuận Tăng, Tăng chưa giải tội.

Tùy thuận: Cùng hưởng pháp thực và vị thực.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "Này Thánh giả, vị Tỳ-kheo ấy đã được Tăng làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà thầy chưa thi hành đúng, vậy cô chớ có tùy thuận hưởng chung pháp thực và vị thực", mà Tỳ-kheo-ni ấy nói: "Tôi không tùy thuận thì ai tùy thuận", thì nên khuyên can tiếp cho đến ba lần. Sau ba lần nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di.

Ba-la-di: Như trên đã nói.

Khi khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Khi khuyên can ở giữa chúng Tăng, lúc bắt đầu khuyên can thì phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ hai thì phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi bắt đầu khuyên can lần thứ ba thì phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong thì phạm tội Ba-la-di.

Sau khi được khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa chúng Tăng, gồm tất cả các tội Việt tỳ-ni, tất cả các tội Thâu-lan-giá thành một trọng tội là Ba-la-di. Nếu đang lúc khuyên can mà bỏ thì tùy theo bỏ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó.

Kệ tóm tắt:

"Dâm, trộm và giết người,
Nói dối rằng đắc đạo.
Vai xuống, đầu gối lên,
Tâm nhiễm ô, tám việc.
Giấu tội, theo người phạm,
Hết tám Ba-la-di".

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 2: NÓI VỀ 19 PHÁP TĂNG TÀN

1. GIỚI NHẬN LÀM MAI MỐI

Vấn đề nhận làm mai mối như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

Thế nên Đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni nhận làm mai mối, tác hợp nam nữ, hoặc cưới vợ, hoặc tư thông với nhau, dù trong chốc lát thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

2. GIỚI VU KHỐNG NGƯỜI KHÁC

Vu khống như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên Đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo-ni thanh tịnh vô tội là phạm Ba-la-di, nhằm phá hoại sự thanh tịnh của Tỳ-kheo-ni ấy, rồi sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn, bèn nói: "Việc đó không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói như thế", thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

3. GIỚI XUYÊN TẠC NHẰM VU KHỐNG

Thế nên Đức Thế Tôn dạy:

Nếu Tỳ-kheo-ni vì sân hận không vui rồi dùng một khía cạnh của một việc khác không phải Ba-la-di để vu khống người khác phạm tội

Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của họ, sau đó, hoặc bị thẩm vấn, hoặc không bị thẩm vấn bèn nói: "Chỉ vì tôi tức giận nên dùng một khía cạnh của một việc khác để vu khống", thì Tỳ-kheo-ni này phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

4. GIỚI TRANH CHẤP VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ bức tường ngăn cách giữa

Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni với ni ngoại đạo bị sụp đổ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nói với ni ngoại đạo:

- Ngươi phải sửa chữa lại; bọn ngươi là những kẻ không biết xấu hổ, đồ chúng đi lại, ra vào đều trần truồng. Ni chúng của ta đây lương thiện tốt đẹp, biết hổ thẹn, khi thấy bọn ngươi thì tăng thêm phiền não.

- Lúc này, đang mùa mưa không thể xây được, phải đợi qua khỏi mùa mưa rồi mới xây được.

- Phải sai người làm ngay bây giờ, không được đợi sau này mới làm.

- Tôi không thể làm được. Tỳ-kheo-ni nổi giận mắng:

- Quân chết yểu! Con lừa ăn bã rượu. Ngươi dám không làm chăng, quân không biết hổ thẹn, tà kiến, không có niềm tin? Ngươi phải sửa chữa gấp.

Ni ngoại đạo cũng nổi giận mắng lại:

- Này Sa-môn ni bụng bự sinh nhiều con, dù ngươi có giết ta thì rốt cuộc ta cũng không làm.

Tỳ-kheo-ni bèn đi đến chỗ quan xử kiện trình bày đầy đủ sự việc trên: "Thưa đại quan! Xin quan hãy vì tôi ra lệnh cho người kia xây lại bức tường ngăn cách".

Viên quan xử kiện lúc ấy vốn là người có niềm tin đối với pháp Phật, nên ông liền sai lính đi bắt ni ngoại đạo kia về. Khi bắt về rồi, ông mắng:

- Này kẻ ngoại đạo tà kiến! Quân tệ ác chết yểu, con lừa ăn bã rượu. Vì sao ngươi không xây lại bức tường? Các ngươi không biết xấu hổ, ở trần truồng đi ra đi vào, giả sử Thánh giả phạm hạnh này trông thấy các ngươi thì càng tăng thêm phiền não. Ngươi phải xây lại gấp đi. Nếu không xây, ta sẽ gia tội ngươi.

Ni ngoại đạo bèn xây lại; nhưng ban ngày xây xong thì ban đêm bị mưa phá hỏng; do thế, ba tháng Hạ xây không thành tựu. Vì vậy, ngoại đạo than trách với các Ưu-bà-tắc:

- Hãy xem phước điền của các ngươi kìa! Ỷ thị vào thế lực của quan quyền, bắt ni của ta làm suốt ba tháng.

Những bà vợ của các Ưu-bà-tắc nghe thế liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến

bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Thâu-lan-nan-đà! Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi lại gây lộn với người khác? Đấy là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, vì mười lợi ích mà chế giới cho các Tỳ-kheo-ni, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh tụng với người thế tục hoặc người xuất gia, ban ngày, trong khoảnh khắc, thậm chí tranh chấp với người làm vườn, Sa-di, thì đó là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Tranh tụng: Tranh cãi bằng miệng. Người thế tục: Tức người tại gia.

Người xuất gia: Hàng ngoại đạo xuất gia cho đến Xà-trí-la. Ban ngày: (Từ lúc bình minh) cho đến khi mặt trời lặn.

Trong khoảnh khắc: Trong giây lát. Nếu Tỳ-kheo-ni gây sự - thậm chí với Sa-di, người làm vườn (thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa).

Sơ tội: Không đợi đến lần can gián thứ ba. Tăng già: Chỉ cho tám Ba-la-di (?)

Bà-thi-sa: Vì tội này còn có dư tàn, Tăng phải làm yết-ma trị phạt, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Lại nữa, vì tội này phải phát lồ giữa Tăng để sám hối, nên gọi là Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với viên quan xử kiện của nhà vua thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu nói với ông về những việc phải quấy thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà Ưu-bà-tắc, nhà của người có niềm tin nói chuyện phải trái với họ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu có tâm hiềm khích họ, thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu Tỳ-kheo-ni đến tố cáo người khác với nhà vua thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu nói với nhà vua bằng những lời oán hận thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Thế nên, Đức Thế Tôn nói (như trên).

5. GIỚI ĐI MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người em gái của Tỳ-kheo-ni Lại-tra lấy chồng ở một thôn khác đang lâm bệnh, bèn sai người báo tin cho Lại-tra: "Chị hãy đến sớm trước khi em chưa chết thì mới có thể thấy được nhau". Lại-tra liền đến

thăm, nhưng chưa tới nơi thì người em gái đã mệnh chung. Khi cô tới đó, người em rể bèn nói với cô: "Em gái của chị đã qua đời rồi, ai sẽ chăm sóc việc nhà, trông nom con cái đây? Xin chị hãy thay thế, chăm sóc giùm em".

Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn suy nghĩ: "Người này thốt ra lời khả ố, y có thể cưỡng bách xâm phạm đến ta", liền cảm thấy hoảng sợ, rồi giả vờ đi ra ngoài. Đoạn, cô trở về thành Xá-vệ, nói với các Tỳ-kheo-ni: "Quái thay! Kẻ kia sẽ phá hoại phạm hạnh tôi mất!". Các Tỳ-kheo-ni liền hỏi: "Có việc gì thế?" Cô bèn trình bày lại đầy đủ sự việc trên.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Lại-tra đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi đi đường một mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép đi đường một mình.

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni đi đường, có một Tỳ-kheo-ni trẻ mắc đi đại tiện nên rớt lại phía sau. Thế rồi, các khách buôn đi đến trông thấy cô đẹp đẽ bèn chận lại, hỏi:

- Cô đang trẻ trung đẹp đẽ, lẽ ra nên thọ hưởng dục lạc, vì sao lại xuất gia, xin nói rõ nguyên nhân?

- Ta xuất gia thì can gì các ngươi mà phải hỏi?

- Không phải vậy! Hình như cô có ý gì, hãy nói thử xem?

Cô vẫn đáp như trước. Đám khách buôn đùa cợt một lúc rồi thả cô đi. Khi đến thôn xóm, lòng sinh nghi ngờ (mình phạm tội), cô bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Không có lòng dục thì không có tội".

Lại nữa, khi các Tỳ-kheo-ni cùng đi đường, có một Tỳ-kheo-ni lâm bệnh, đi không kịp bạn, phải đi sau một mình. Khi đến nơi, cô sinh nghi, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: "Bị bệnh thì không có tội".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có Tỳ-kheo-ni khác để kết bạn cùng đi, thì không được ra khỏi ranh giới của thôn xóm, ngoại trừ khi khác; khi khác tức là khi không có lòng dục và bị bệnh, đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Không có Tỳ-kheo-ni bạn: Chỉ đi đường có một mình như trên đã nói rõ.

Trừ khi khác: Khi không có lòng dục, khi bệnh,

Đức Thế Tôn nói là không có tội.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni đang đi trên đường mà chưa ra khỏi ranh giới thì không có tội. Nếu đi đến ranh giới của xóm làng, thành ấp, thì nên cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra. Nếu cách nhau xa hơn một cánh tay giang ra mà đi quá một bước thì phạm tội Thâu-lan-giá; quá hai bước thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Một người đứng ở ranh giới trung gian thì phạm tội Thâu-lan-giá. Cũng vậy, những người khác cách quá (một bước) cũng phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

6. GIỚI SỐNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy trong thành Vương xá có một người tên Yết-mô tử cưới một Yết-mô nữ làm vợ. Cô này đoan chánh vô song, đang bưng cơm cho chồng. Khi đến giờ khất thực, Đức Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khất thực, đi đến nhà ấy. Bấy giờ, người vợ suy nghĩ: "Nếu chồng ta thấy Phật, ắt sẽ đứng dậy xem, sẽ bỏ phế việc ăn uống, ta nên đứng chắn giữa cửa". Vì người ấy có duyên với Phật, nên Đức Thế Tôn phóng ánh sáng chiếu vào trong nhà, khiến cho ông chồng nhìn ra, trông thấy Phật. Ông liền nói với bà vợ:

- Ngươi thật là kẻ chẳng có một chút tâm thiện

nào, chỉ muốn làm tổn hại ta.

- Không phải tôi muốn làm tổn hại mà vì tôi sợ anh thấy Thế Tôn sẽ bỏ phế việc ăn uống mà thôi.

Ông chồng nổi giận, nói:

- Người nữ tình ý cạn cợt, muốn làm lợi ích một tí mà thành ra tổn hại quá nhiều.

- Xin đại gia cho phép tôi xuất gia.

- Cô muốn xuất gia theo đạo nào?

- Xuất gia theo pháp Phật.

- Tôi đồng ý.

Thế rồi, cô đi đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-la xin xuất gia. Ni sư liền độ xuất gia, cho thọ Cụ túc. Đầu đêm, cuối đêm, cô tinh cần không biếng nhác, đến ngày thứ tám thì dứt hết lậu hoặc, tự biết mình đã chứng ngộ, được ba minh, sáu thông, tâm tư tự tại, ngồi nương dựa bên gốc cây. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đi đến chỗ cô ngồi, rồi đọc kệ:

"Đế Thích từ thiên cung,
Giáng phàm xin đảnh lễ.
Thấy Yết-mô nữ này,
Xuất gia mới tám ngày,
Lậu hết chứng sáu thông.
Hoa Ưu-bát Tỳ-kheo,
Việc làm đã thành tựu.
Đức lực đều tự tại,
Hàng phục mọi tình tưởng,
Nhắm mắt ngồi dưới cây.

Thế nên tôi đảnh lễ,
Phước điền của thế gian".

Vị Tỳ-kheo-ni này có âm thanh trong trẻo, giỏi tán tụng kinh điển, được một Ưu-bà-tắc mời về nhà tụng kinh. Sau khi nghe tụng, ông rất hoan hỷ, cúng dường cho cô một tấm lụa lớn và đẹp. Lúc ấy, chư Thiên ở trên không trung liền đọc kệ tán thán:

"Nay cô được lợi ích, Phước đức đã tột vời. Mọi nhiễm trước dứt hết, Nhận y cúng thanh tịnh. Các nam nữ cư sĩ, Trong thành Vương xá này, Vì sao không mời cô, Thuyết giảng vi diệu pháp? Không mời thì không giảng, Thân cận sẽ lìa khổ. Nghe pháp rồi tu tập, Ắt đến nơi thắng diệu".

Lúc ấy, mọi người, mọi nhà đều mời cô về tụng kinh; sau khi nghe tụng, họ rất hoan hỷ (phát tâm cúng dường), vì thế cô nhận được rất nhiều lợi dưỡng. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế đều sinh tâm ganh tị, bèn nói:

"Đây là những lời ca tụng ủy mị làm mê loạn lòng người".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Có thật ngươi ca tụng theo kiểu thế gian chăng?
- Con không biết ca tụng theo kiểu thế gian.

Phật bèn nói với các Tỳ-kheo-ni: "Tỳ-kheo-ni này không phải ca tụng theo kiểu của thế gian. Trong thời quá khứ có vị vua cai trị thành Ba-la-nại tên là Cát-lợi. Ông có bảy người con gái: Người thứ nhất tên là Sa-môn; người thứ hai tên là Sa-môn-hữu; người thứ ba tên là Tỳ-kheo-ni; người thứ tư tên là Tỳ-kheo-ni-tỳ; người thứ năm tên là Đạt-ma-chi; người thứ sáu tên là Tu-đạt-ma; người thứ bảy tên là Tăng-tỳ. Những người này từng phát nguyện trước Phật Ca-diếp như trong kinh Thất Nữ đã nói rõ".

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni muốn tách rời Ni chúng cư trú một mình, rồi một Tỳ-kheo-ni khác đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Có phải ngươi định tách rời Ni chúng cư trú một mình không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay trở đi, Ta không cho phép tách rời chúng để sống một mình.

Lại nữa, khi vua Lưu Ly chinh phạt nước Ca-duy-la-vệ nên được nói rộng; lúc ấy các Tỳ-kheo-ni sống một mình ở ngoài thành, cho đến trừ nạn vua.

Lại nữa, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni đi đường, có người già cả bệnh hoạn theo không kịp chúng bạn

phải nghỉ một mình, tâm sinh nghi, đến hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người không có lòng dục thì không có tội". Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni sống tách rời Tỳ-kheo-ni khác trong một đêm trừ khi khác, khi khác tức là lúc bệnh hoặc bị bọn giặc nổi loạn vây thành, đó gọi là khi khác - thì phạm sơ tội.

Giải Thích:

Nghỉ một đêm: Từ lúc mặt trời chưa lặn đến bình minh hôm sau xuất hiện.

Trừ khi khác: Không có lòng dục, sống cách ly, già bệnh, bị bọn

giặc nổi loạn vây thành, nếu lúc ấy đang ở trong thành thì không nên ra ngoài, hoặc đang ở ngoài thành thì không nên đi vào. Đó gọi là khi khác. Đây là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tách rời Tỳ-kheo-ni khác mà ngủ từ khi mặt trời chưa lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tách rời Ni chúng từ khi mặt trời đã lặn cho đến bình minh xuất hiện, thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngủ chung với nhau trong phòng ở Tăng-già-lam thì nên nằm cách nhau trong vòng một cánh tay giang ra, rồi trong một đêm nên dùng tay sờ tìm người kia ba lần; nhưng không được sờ tìm ba lần trong một lúc, mà phải đầu đêm một lần, giữa đêm một lần và cuối đêm một lần. Nếu đầu đêm không sờ tìm người kia thì phạm tội Việt tỳ-ni; giữa đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt tỳ-ni; cuối đêm không sờ tìm cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu cả ba thời đều có tìm xem thì không có tội.

Nếu người ngủ trên gác, kẻ ngủ dưới gác khác chỗ nhau thì một đêm phải đi qua lại trông nom ba lần. Nếu ngủ trong trường hợp như vậy tại Tăng-già-lam thì phạm tội Thâu-lan-giá. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

7. GIỚI ĐỘ NGƯỜI CHỦ CHƯA CHO PHÉP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ở trong thành Vương xá có một trưởng giả tên Tu-đề-na, ông có một cô vợ trẻ trung, đoan chánh. Khi chồng chết, cô ta không thích cánh đàn ông, nhưng người chú muốn lấy cô, cô bèn nói với các phụ nữ khác:

- Tôi không thích bọn đàn ông, nhưng người chú muốn lấy tôi làm vợ

- Cô có muốn được thoát ly không?

- Muốn được thoát ly.

- Cô hãy đến thành Xá-vệ, chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê, vị ấy sẽ độ cô xuất gia.

Người đàn bà này theo lời chỉ dẫn ấy đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?". Họ bèn chỉ chỗ. Khi cô vào đến nơi, liền hỏi: "Tỳ-kheo-ni Ca-lê là ai vậy?". Họ bèn chỉ phòng. Cô vào phòng, rồi hỏi:

- Thánh giả có phải Ca-lê không?
- Phải! Hỏi để làm gì?
- Con muốn xuất gia.

Ca-lê bèn độ người này xuất gia cho thọ Cụ túc. Sau đó, người chú đi tìm nhưng không biết ở đâu, rồi có người mách với ông: "Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ đã độ cho cô ấy xuất gia rồi". Ông bèn đi đến thành Xá-vệ, hỏi dân chúng: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?" Họ bèn chỉ chỗ. Ông đi vào đó, rồi hỏi: "Phòng nào là phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê?". Họ lại chỉ phòng. Ông vào phòng rồi hỏi:

- Thánh giả có phải là Ca-lê không?
- Phải, nhưng ông hỏi để làm gì?
- Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ vợ tôi xuất gia?
- Này lão trượng, ông từ đâu đến vậy?
- Từ thành Vương xá đến.

Tỳ-kheo-ni liền mắng: "Quân chết tiệt! Ngươi là quân giặc. Người ở thành Vương xá thường đến

đây để làm gián điệp, dò la tin tức nước ta". Thế rồi, cô nói với đệ tử: "Lấy y Tăng-già-lê lại đây cho ta, rồi trói tên chết tiệt này đem giam vào trong ngục".

Ông ta nghe thế hoảng sợ, liền suy nghĩ: "Cặp mắt của người này thật đáng sợ, có thể bà làm thật chứ chẳng chơi!". Thế rồi đôi mắt vừa láo liên ngó chừng, ông vừa từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, ông nổi giận mắng: "Tỳ-kheo-ni này đã độ vợ ta phi pháp, lại còn muốn bắt trói ta".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế liền nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô đến rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Ca-lê! Đó là việc sai trái. Vì sao ngươi độ người mà chủ không cho phép? Từ nay về sau, Ta không cho phép độ người mà chủ không đồng ý.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ không cho phép thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Không cho phép: Con gái chưa lấy chồng thì

phải hỏi cha mẹ, nếu đã lấy chồng thì phải hỏi chồng, cha mẹ chồng và chú chồng; nếu họ không cho phép mà độ xuất gia, cho thọ Cụ túc, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói, thuộc về sơ tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni độ người mà chủ của họ không cho phép thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu cho họ học giới thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho họ thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

8. GIỚI ĐỘ NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có người vợ của lực sĩ ở ấp A-ma-la còn trẻ, đoan chánh, tư thông với người khác. Chồng cô nói: "Em đừng làm như vậy nữa, nếu còn tiếp tục thì anh sẽ trị tội em như vậy, như vậy". Thế nhưng người vợ vẫn tiếp tục tư thông không bỏ. Người chồng bèn theo dõi bắt gặp hai người đang hành sự, trói lại đem đến quan xử kiện, nói: "Vợ tôi tư thông với người này, xin quan trên dùng pháp luật trị tội giúp tôi". Viên quan hình pháp nói: "Nếu người nữ tư thông với kẻ khác thì phải trình diện trước hai chúng trong bảy ngày. Sau khi trình diện bảy ngày, phải bị phanh thây trước hai gia đình". Đoạn, viên quan nói với người vợ ấy: "Ngươi hãy trở về, nếu trong

nhà có của thì phải chuẩn bị các dụng cụ bố thí ẩm thực. Nếu trong nhà không có của thì tùy ý. Sau khi đủ bảy ngày sẽ bị phanh thây trước hai chúng".

Thế rồi, cô ấy trở về nhà, sắm sửa các thứ ẩm thực bố thí cho hai chúng; rồi cô ngồi ở chỗ vắng khóc lóc. Các bà mẹ thấy thế hỏi:

- Vì sao mà con khóc?

- Sau bảy ngày nữa con sẽ bị phanh thây trước hai chúng mà không khóc sao được?

- Con có muốn được sống không?

- Muốn.

- Con hãy đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở thành Xá-vệ cầu xin xuất gia thì có thể được sống.

Vì mọi người đang say rượu nên cô này theo kế hoạch lặng lẽ lén đi, đến thành Xá-vệ, cô hỏi người ta: "Tăng-già-lam của Tỳ-kheo-ni ở chỗ nào vậy?". Họ bèn chỉ chỗ. Cô đi vào đó, rồi hỏi người khác: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?". Họ bèn chỉ phòng. Cô liền vào phòng, bạch:

- Thưa Thánh giả, con muốn xuất gia.

- Phu chủ đã cho phép con chưa?

- Cho phép như thế nào?

- Nếu chưa lấy chồng thì cha mẹ cho phép; nếu đã lấy chồng thì cha mẹ chồng, chồng và chú chồng cho phép. Đó là cho phép.

- Nếu như vậy thì con phải tự cho phép, vì các người trong thân tộc đều muốn con phải bị phanh

thây, đã vứt bỏ con rồi.

- Nếu quả như vậy thì họ đã quyết tâm bỏ con.

Thế là Ca-lê độ cô ấy xuất gia cho thọ Cụ túc. Chồng cô đi tìm kiếm để trị tội mà không thấy. Anh ta nghe nói có Tỳ-kheo-ni ở thành Xá-vệ đã độ cho xuất gia rồi, bèn đi đến thành Xá-vệ hỏi dân chúng: "Tinh xá Tỳ-kheo-ni ở nơi nào vậy?" Dân chúng chỉ chỗ. Rồi ông đi vào Tinh xá hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Ca-lê ở đâu vậy?". Họ liền chỉ chỗ. Ông bước vào phòng hỏi:

- Thánh giả là Tỳ-kheo-ni Ca-lê phải không?

- Hỏi để làm gì?

- Tôi không bỏ vợ, vì sao Ni sư độ cho xuất gia?

- Này thiện sĩ, nhà ông ở đâu vậy?

- Ở tại ấp A-ma-lặc.

- Quân chết tiệt, ngươi là quân giặc, ngươi không biết sao? Người ấp A-ma-lặc thường đến đây dò la tin tức của nước ta để làm gián điệp.

Đoạn, Ca-lê nói với đệ tử: "Lấy y của ta đưa đây, ta sẽ đi báo cho vua tóm cổ tên chết tiệt này".

Anh ta nghe thế, suy nghĩ: "Tỳ-kheo-ni này trương mắt ra nhìn hung tợn, có thể làm việc ác". Nghĩ thế, anh ta từ từ rút lui. Khi ra ngoài rồi, nổi giận mắng: "Vị Sa-môn ni này lén độ vợ ta mà còn muốn bắt trói ta".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ

lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền quở trách: "Này Ca-lê, đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi biết kẻ đó phạm tội, những người thân của họ muốn trị tội mà độ cho xuất gia? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy. Từ nay về sau, Ta không cho phép, khi biết người nữ kia phạm tội, mọi người muốn trị tội, mà độ cho xuất gia".

Lại nữa, tại ấp Kiền-đề của dòng họ Thích Ca có người con gái

- Như trên đã nói - cho đến, cô nói với Tỳ-kheo-ni:

- Xin độ con xuất gia?

- Trước đây con đã phạm tội như thế thì không thể xuất gia được. Thế rồi, cô đi đến các Tỳ-kheo-ni khác, nhưng họ đều không độ.

Cô bèn đi đến ngoại đạo xin xuất gia. Người chồng muốn tìm cô về trị tội, nhưng không biết ở đâu, thì nghe nói cô đã được ngoại đạo độ cho xuất gia tại thành Xá-vệ. Anh ta suy nghĩ: "Người này vốn là con của Ưu-bà-tắc mà nay bị rơi vào trong hàng ngũ ngoại đạo tà kiến, cần phải trị tội, nhưng không thể tìm ra".

Nếp sống của các ngoại đạo là uống nước vo gạo và nước rửa chảo, sống lõa thể vô liêm sỉ, mà còn đánh vợ không biết tiếc thương. Thế nên, người phụ nữ ấy chán ngán, tự nhủ: "Đây không

phải là phép tắc xuất gia", liền bỏ đi, đến Tinh xá của Tỳ-kheo-ni bạch: "Con từ trên bờ vỡ rơi xuống hầm sâu, sắp sa vào địa ngục, xin hãy kéo con lên, cho con xuất gia".

Các Tỳ-kheo-ni đều không dám độ. Thế là, cô đến bạch với Đại-ái-đạo: "Thưa Thánh giả, con vốn là con gái của dòng họ Thích, mà nay bị rơi xuống hầm sâu, xin độ con xuất gia". Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Được phép độ. Nếu trước đó ngoại đạo đã độ, thì sau đó cho phép xuất gia".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội, những người thân thích muốn trị tội, mà độ họ - trừ khi khác; khi khác là khi ngoại đạo đã độ trước, đó gọi là khi khác - thì phạm sơ tội.

Giải Thích:

(Một số từ trên đã giải thích).

Chúng: Hai chúng tập họp, nghĩa là gồm những người bên phía cha mẹ đẻ và những người bên nhà chồng.

Thân thích: Tức tộc họ Bà-la-môn, tộc họ Sát-lợi, tộc họ Tỳ-xá, tộc họ Thủ-đà-la.

Trị tội: Hoặc trói, bọc lại để thiêu; hoặc bỏ vào trong bao cát, cột miệng bao lại, thả chìm dưới

nước; hoặc dùng lửa đốt đầu; hoặc cắt tai, cắt mũi; hoặc dùng thanh sắt đốt nóng áp vào âm hộ; hoặc đem phân thây, quốc pháp có các loại khác nhau như thế. Ngoại trừ trước đó họ đã xuất gia theo ngoại đạo, rồi độ họ xuất gia, thì Thế Tôn bảo là không có tội.

Ngoại đạo: Như Ni-kiền-đế-lê, Đàn-trì-già, đại loại các ngoại đạo như thế.

Đấy là sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người nữ phạm tội đáng trị phạt mà độ cho xuất gia thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu cho họ học pháp thì phạm tội Thâu-lan-giá.

Nếu cho thọ Cụ túc thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

9. GIỚI QUA SÔNG MỘT MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có nhiều phụ nữ đang ở bờ bên kia của sông A-kỳ-la, còn bờ bên này thì Tỳ-kheo-ni vân tập. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cởi y phục ném xuống đất, rồi bơi qua bên kia bờ sông. Các phụ nữ thấy thế bàn tán nhau: "Hãy xem Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bơi trên mặt nước mà qua đây". Sau khi qua đến nơi, cô bèn ngồi trên chỗ đất trống một lát rồi lại

bơi trở về. Khi ấy, các phụ nữ bèn chê bai: "Vì sao mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà này làm như kẻ hung ác, bơi qua rồi lại bơi về".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật quở trách: "Đó là việc xấu. Vì sao tại chỗ có đò qua lại mà ngươi lại bơi qua? Từ nay về sau, Ta không cho phép một mình bơi qua chỗ bến đò".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni một mình bơi qua sông tại chỗ bến đò thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Bơi một mình: Rời khỏi bờ sông bên này đến bờ bên kia thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

10. GIỚI TỰ Ý THA TỘI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê đi du hành trong thôn xóm. Sau khi cô đi, Ni chúng làm yết-ma cử tội đệ tử y chỉ của cô. Đến khi cô trở về, đệ tử liền bạch: "Ni làm yết-ma cử tội con, không cho con cùng hưởng pháp thực, vị thực". Cô bèn quở trách đệ tử: "Ngươi hãy giữ im lặng, nhưng phải bảo Ni chúng tập họp",

bèn tập họp Ni chúng. Các Tỳ-kheo-ni ai nấy đều suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo-ni này đi xa trở về rồi tập họp Ni chúng, thường thích có vật bố thí, không hiểu chúng ta hôm nay sẽ được vật gì đây?". Do suy nghĩ thế nên mọi người đều hoan hỷ tập họp nhanh chóng. Sau khi tập họp, cô bèn tuyên

bố như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp đã bị Ni chúng làm yết-ma cử tội. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng xả pháp yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp. Đây là lời tác bạch.

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp đã bị Ni chúng làm yết-ma cử tội; nay Ni chúng xả pháp yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp; Thánh giả Ni nào bằng lòng xả pháp yết-ma cử tội cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần yết-ma thứ nhất (Lần thứ hai, thứ ba cũng làm như thế).

Các Tỳ-kheo-ni thấy đôi mắt của Tỳ-kheo-ni này đáng sợ nên không ai dám ngăn cản cả. Thế rồi, các Tỳ-kheo-ni bàn tán nhau: "Đây là lời nói gì vậy?". Đoạn, ai nấy đều bảo: "Tôi cũng chả hiểu lời nói này".

Các Tỳ-kheo-ni bèn bạch với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền

hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi biết Tỳ-kheo-ni đã làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, người ấy chưa tùy thuận, chưa thi hành đúng pháp, ngươi không thưa trước với Ni chúng mà tự ý xả yết-ma? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni hòa hợp làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật; người phạm tội chưa thi hành đúng pháp, mình không thưa trước với Ni chúng mà tự ý xả tội, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

(Một số từ đã giải thích ở trước).

Như pháp, như luật: Không thấy tội thì không vạch tội ba lần để cho thấy.

Chưa xả pháp yết-ma cử tội: Không được sống chung.

Chưa làm đúng pháp: Chưa tùy thuận, tâm chưa điều phục, Ni chúng chưa xả tội.

Không thưa trước: Chưa làm pháp yết-ma cầu

thính trước Ni chúng mà tự ý xả tội giữa Ni chúng, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu đệ tử bị Ni chúng hòa hợp làm yết-ma cử tội thì Hòa thượng ni hoặc A-xà-lê ni nên đến chỗ Tỳ-kheo-ni Trưởng lão nói như sau: "Ai mà không ngu si, không có lỗi, lúc nào cũng có trí tuệ, vì không biết cho nên mới như vậy, người ấy sẽ không dám tái phạm nữa". Phải nói với tất cả mọi người như vậy để cho tâm họ nhu hòa, rồi mới làm yết-ma cầu thính ở giữa Ni chúng. Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin các Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp có việc ấy nên Ni chúng làm yết-ma cử tội. Nay người ấy đã tùy thuận, tâm đã nhu hòa. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Mỗ giáp muốn đến giữa Ni chúng xin xả pháp yết-ma cử tội.

Các Thánh giả Ni xin lắng nghe. Mỗ giáp muốn vào giữa Ni chúng xin xả pháp yết-ma cử tội. Vì Ni chúng đã bằng lòng nên im lặng; việc ấy cứ như thế mà thi hành.

Phải làm yết-ma như vậy xong rồi mới xin. Nếu có người ngăn cản thì Hòa thượng nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên họ thôi đi.

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Ni chúng hòa hợp làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật mà tự ý xả yết-ma

thì phạm tội Việt tỳ-ni.

11. GIỚI NHẬN VẬT CỦA NGƯỜI CÓ TÂM TÀ

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy có một trưởng giả vì lòng dục mà mời Tỳ-kheo-ni Thọ-đề cúng dường y, bát, ẩm thực, thuốc trị bệnh, nói như sau:

- Thánh giả có biết tôi cúng vì lẽ gì không?

- Biết.

- Biết như thế nào?

- Vì muốn được phước đức.

- Đương nhiên rồi, nhưng còn gồm cả lòng ái dục nữa.

Lúc ấy, Thọ-đề là người đã ly dục nên nghe lời nói kia tâm cô vẫn thản nhiên không thèm để ý, do thế mà không ngăn cản. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thọ-đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương xá phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có tâm ô nhiễm mà nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của người đàn ông có tâm ô nhiễm, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thọ-đề.

Không có tâm ô nhiễm: Không có tâm ái dục. Bát: Gồm ba loại, thượng, trung và hạ.

Y: Gồm có y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-Tăng, An-đà-hội, Tăng-kỳ-chi và y tắm mưa.

Thức ăn uống: Như thức ăn Khư-đà-ni, bồ-xà-ni.

Thuốc: Mật, đường phèn, sanh tô và mỡ; đây thuộc về sơ tội. Nếu có người cúng dường cho Tỳ-kheo-ni y, bát, thức ăn uống,

thuốc trị bệnh mà nói như sau: "Tôi vì lý do đó mà cúng dường", thì không nên nhận, mà nên nói: "Tôi không cần, đã có những nhà khác cung cấp rồi". Nếu như nhận thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu họ không nói mà cử động tay chân, liếc mắt, khảy móng tay, viết chữ dưới đất, làm các dấu hiệu như vậy, thì biết họ có lòng dục đối với mình, mình không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội

Thâu-lan-giá. Nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính, thì mình nhận không có tội.

Nếu người nữ có lòng dục khi cúng dường cho Tỳ-kheo mà cử động chân tay, liếc mắt nhìn, thì biết là họ có lòng dục; không nên nhận. Nếu nhận thì phạm tội Việt tỳ-ni. Trái lại, nếu họ có lòng tin thanh tịnh, tình ý chân chính thì mình nhận không có tội.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 37

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 2: NÓI VỀ 19 PHÁP TĂNG TÀN (Tiếp Theo)

12. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI LÀM ĐIỀU PHI PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy Đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo-ni nhận y, bát, thức ăn uống, thuốc trị bệnh của đàn ông có tâm nhiễm ô, nên Tỳ-kheo-ni Thọ-đề không nhận y bố thí của trưởng giả. Thế rồi, Tỳ-kheo-ni Thân-lan-nan-đà hỏi Thọ-đề: "Vì sao cô không lấy vật bố thí của người đàn ông này? Người đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng".

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Cô đừng nói như sau: Đàn ông có tâm ô nhiễm hay không đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm, thì có thể lấy rồi tùy nghi sử dụng". Họ khuyên can như vậy đến lần

thứ hai, thứ ba mà cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc phi pháp. Vì sao ngươi bảo người kia nhận vật bố thí của người có tâm ô nhiễm? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Vương xá phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Nên nhận vật bố thí của người đàn ông này dù họ có tâm ô nhiễm hay không thì đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Cô đừng nói như sau: Nên nhận vật bố thí ấy, dù người đàn ông ấy có tâm ô nhiễm hay không thì có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì nên lấy rồi tùy nghi sử dụng". Sau khi khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni nói lời ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà. Nhận vật bố thí: Như Tỳ-kheo-ni Thọ-đề.

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy bỏ việc đó, mà nếu như không bỏ, rồi được khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

13. GIỚI VÔ CỚ HỦY BÁNG TĂNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, có kẻ hỗ trợ người phá Tăng như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên Đức Thế Tôn nói: "Nếu Tỳ-kheo-ni muốn phá sự hòa hợp của Tăng nên tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Ni chúng gây nên tranh cãi, thì các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "Thưa Thánh giả! Người đừng phá sự hòa hợp của Ni chúng, tìm phương tiện kiên trì phá công việc của Ni chúng, gây nên tranh cãi, mà nên hòa đồng với Ni chúng. Vì sao vậy? Vì Ni chúng có hòa hợp, hoan hỷ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc".

Nếu Tỳ-kheo-ni ấy được các Tỳ-kheo-ni khác khuyên can mà vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Sau ba lần khuyên can, nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ rồi được

khuyên can qua ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni phá Ni chúng ấy mà có các Tỳ-kheo-ni đồng ý tương trợ hoặc một, hoặc hai, hoặc nhiều người cùng nói, cùng ý kiến phản đối: "Thưa Thánh giả, xin người đừng nói Tỳ-kheo-ni ấy tốt hay xấu. Vì sao thế? Vì Tỳ-kheo-ni ấy nói đúng pháp, nói đúng luật. Điều gì Tỳ-kheo-ni ấy nói ra chúng tôi đều hài lòng. Những kiến giải của Tỳ-kheo-ni ấy là có thể chấp nhận được. Chúng tôi cũng đều có thể chấp nhận. Tỳ-kheo-ni ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can vị Tỳ-kheo-ni đồng ý ấy: "Này Thánh giả, ngươi đừng bảo rằng vị Tỳ-

kheo-ni kia nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao thế? Vì đó là Tỳ-kheo-ni nói phi pháp, nói phi luật. Này Thánh giả, người đừng hỗ trợ việc phá Ni chúng, mà nên vui vẻ hỗ trợ việc Ni chúng hòa hợp. Vì sao thế? Vì Ni chúng có hòa hợp, vui vẻ, không tranh cãi, cùng học một giới pháp, như nước hòa với sữa, nói năng đúng pháp thì mới sống an lạc".

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can vị Tỳ-kheo-ni ấy mà vị ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ mà được tiếp tục khuyên can qua ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có việc tranh cãi, Ni chúng làm yết-ma cử tội cô đúng pháp, đúng luật. Nhưng khi làm yết-ma xong, cô nổi giận, vô lý hủy báng Ni chúng như sau: "Các Thánh giả Ni tùy ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si; Ni chúng vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà khiển trách. Đó là việc xử đoán phi pháp".

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả! Người đừng có vô lý hủy báng Ni chúng. Ni chúng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi pháp". Họ khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba mà cô ta vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Ngươi hãy đến khuyên can ở chỗ vắng ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần, khuyên can ở giữa Ni chúng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng: Ni chúng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si chăng?". Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở chỗ vắng như sau: "Cô đừng có nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng, vì Ni chúng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng cũng không vì ái, vì sân, vì sợ, vì si mà xử đoán phi lý. Nay tôi vì lòng từ khuyên can cô là muốn cho cô được lợi ích, một lần khuyên can đã xong

còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc đó không?". Nếu đáp: "Không bỏ", thì tiếp tục khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Đồng thời khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy.

Thế rồi đến giữa Ni chúng làm pháp yết-ma cầu thính:

- Xin các Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng: "Ni chúng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si". Ni chúng đã khuyên can ở chỗ vắng ba lần, khuyên can ở chỗ nhiều người ba lần để cho bỏ việc

ấy mà cô không bỏ. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cũng khuyên can ba lần.

Thế rồi, nên hỏi ở giữa Ni chúng: "Có thật cô nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng: "Ni chúng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến nói: "Đó là việc xử đoán phi pháp", rồi được Ni chúng khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà vẫn không bỏ phải không?". Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can ở giữa Ni chúng như sau: "Cô chớ có nổi sân vô lý phỉ báng Ni chúng, vì Ni chúng không tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si, cho đến phi lý xử đoán. Nay Ni chúng vì lòng từ muốn cho cô được lợi ích, cô nên nghe lời Ni chúng. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?" Nhưng cô đáp:

"Không bỏ". Thế rồi, Ni chúng khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cô vẫn không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi lại đầy đủ sự việc kể trên:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Thâu-lan-nan-đà, đó là việc phi pháp. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện quở trách tính bướng bỉnh, khen ngợi sự nhu hòa hay sao? Vì sao ngươi lại bướng bỉnh? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng như sau: "Ni chúng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng vì ái, vì sân, vì sợ và si. Cho nên quở trách", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả, người chớ có nói Ni chúng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si; Ni chúng vì ái, sân, sợ và si. Vì sao thế? Vì Ni chúng không tùy ái, sân, sợ và si. Người đừng nổi giận vô lý hủy báng Ni chúng". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy vẫn kiên trì không bỏ thì nên

khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nổi sân vô lý hủy báng Ni chúng.

Khuyên can ở chỗ vắng ba lần mà không bỏ: Cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt tỳ-ni, khuyên can ở chỗ nhiều người cũng vậy.

Trong trường hợp khuyên can ở giữa Ni chúng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá. Lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành do ba giai đoạn khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa Ni chúng gồm tất cả các tội Việt tỳ-ni, Thâu-lan-giá - trừ tám tội Thâu-lan-giá hủy báng Tăng - họp các tội này thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa để mà trị phạt. Nếu nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị phạt theo mức độ đó. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

14. GIỚI BAO CHE LỖI LẦM CHO

NHAU

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà được các Tỳ-kheo-ni căn cứ theo pháp, theo luật dạy bảo cô phải học tập chớ có phạm tội, thì cô tự làm cho mình trở thành người không ai nói chuyện được, như trong câu chuyện Xiển-đà bướng bỉnh đã nói rõ. Cho đến: Nếu Tỳ-kheo-ni nói bướng bỉnh, rồi được các Tỳ-kheo-ni khác căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo, mà nói một cách ngoan cố: "Ngươi đừng nói ta tốt hay xấu. Ta cũng không nói ngươi tốt hay xấu", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy như sau: "Này Thánh giả! Các Tỳ-kheo-ni sống chung trong chánh pháp, căn cứ theo pháp, theo luật chỉ bảo cô thì cô đừng có bướng bỉnh mà phải vâng lời. Đồng thời, cô cũng nên căn cứ theo pháp, theo luật mà chỉ bảo các Tỳ-kheo khác. Vì sao thế? Vì trong hàng đệ tử của Đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, khuyên can lẫn nhau, cùng xuất tội cho nhau, thì pháp thiện mới tăng trưởng".

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ. Thế nên nói (như trên).

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai Tỳ-kheo-ni, người thứ nhất tên Chân-đàn là con

gái của nhà họ Thích, người thứ hai tên Uất-đa-la, hai người thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân

miệng thường thân cận và thường che giấu lỗi lầm cho nhau.

Thân thường thân cận: Cùng ngủ một giường, cùng ngồi một giường, cùng ăn một bát, cùng mặc chung y phục và cùng đi cùng về.

Miệng thường thân cận: Nói những lời với tâm ô nhiễm, cùng che giấu tội cho nhau. Người này phạm tội thì người kia che giấu, người kia phạm tội thì người này che giấu.

Thân miệng thường thân cận: Gồm đủ cả hai việc thân và miệng.

Tỳ-kheo-ni khuyên can họ: "Này Thánh giả, người đừng có thân thường thân cận, miệng thường thân cận, thân miệng thường thân cận, đừng có che giấu lỗi lầm cho nhau. Vì sao vậy? Vì làm như thế thì pháp thiện không sinh". Họ khuyên một lần, hai lần, ba lần nhưng hai cô kia vẫn không từ bỏ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến trình bày với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi họ tới rồi, Phật hỏi:

- Các ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi lại dùng thân miệng thân cận, cùng che giấu tội lỗi cho nhau?

Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu hai Tỳ-kheo-ni sống thân cận, che giấu tội cho nhau thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can họ: "Này các Thánh giả, các vị chớ có sống thân cận, che giấu tội cho nhau. Vì sống thân cận thì pháp thiện không sinh".

Nếu các Tỳ-kheo-ni khuyên can hai Tỳ-kheo-ni ấy như vậy mà họ vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu họ bỏ việc đó thì tốt, nếu như không bỏ, rồi được tiếp tục khuyên can hết ba giai đoạn, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

15. GIỚI KHUYÊN NGƯỜI SỐNG QUAN HỆ MẬT THIẾT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho sống thân cận nhau thì hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Uất-đa-la mỗi người ở một chỗ. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà bèn khuyên họ: "Này Thánh giả, người cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì sống như thế không

phương hại gì đến việc sinh pháp thiện. Những

người khác cũng sống thân cận như vậy mà Ni chúng không thể ngăn cản, nhưng vì Ni chúng khinh thường cô nên mới cấm chế như vậy".

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà: "Này Thánh giả, cô đừng nói như sau: Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện. Vì Ni chúng khinh thường cô nên mới cấm chế".

Các Tỳ-kheo-ni khuyên can Thâu-lan-nan-đà một lần, hai lần, ba lần như vậy mà cô vẫn không bỏ. Do thế, họ nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Hai Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con nhà họ Thích và Uất-đa-la sống xa nhau mà Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên họ sống gần nhau, bảo rằng sống như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện, thì nên khuyên cô ấy ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần và ở giữa Ni chúng ba lần cho bỏ việc ấy. Khi khuyên can ở chỗ vắng, nên nói như sau: "Này Thâu-lan-nan-đà, cô khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn và Uất-đa-la: "Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa cách; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Ni chúng không thể ngăn cản được, vì Ni chúng khinh thường hai cô nên mới cấm chế", có phải thế không?".

Nếu đáp: "Đúng như vậy", thì nên khuyên can: "Cô chớ nên nói: "Hãy sống thân cận, che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện. Những người khác cũng sống thân cận như vậy mà Ni chúng không thể ngăn cản được họ. Nhưng vì Ni chúng khinh thường các cô nên mới cấm chế". Nay tôi vì lòng từ muốn được lợi ích nên khuyên can cô. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, cô có bỏ việc đó không?". Nếu đáp: "Không bỏ", thì nên khuyên can tiếp lần thứ hai, thứ ba, rồi ở chỗ nhiều người cũng khuyên can như vậy. Nếu như không bỏ thì đến giữa Ni chúng làm yết-ma cầu thính, nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà khuyên Tỳ-kheo-ni Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la: "Cứ việc sống thân cận, che giấu tội cho nhau, vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện", rồi được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, ở chỗ nhiều người ba lần mà không bỏ. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cũng khuyên can ba lần cho bỏ việc ấy.

Thế rồi, nên hỏi Thâu-lan-nan-đà ở giữa Ni chúng: "Có thật cô khuyên hai người kia hãy sống thân cận, rồi được Ni chúng khuyên cô: "Nay Ni chúng vì lòng từ nên khuyên cô, vì muốn cô được lợi ích. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần

khuyên nữa, cô có bỏ việc đó không?" nhưng cô vẫn đáp: "Không bỏ", rồi được khuyên đến lần thứ hai, thứ ba, cô vẫn không bỏ phải không?".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni thấy Tỳ-kheo-ni khác sống xa nhau mà khuyên can: "Hãy sống gần nhau, cùng che giấu tội cho nhau, đừng sống xa nhau; vì làm như vậy không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện. Những người khác cũng sống gần nhau như vậy mà Ni chúng không thể ngăn cản; vì Ni chúng khinh thường các vị nên mới cấm chế", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả, Mỗ giáp, Mỗ giáp sống xa nhau, cô đừng khuyên bảo họ sống gần nhau, cùng giấu tội cho nhau; sống gần nhau không phương hại gì đến việc tăng trưởng pháp thiện. Những người khác cũng sống gần nhau mà Ni chúng không thể ngăn cản, vì Ni chúng khinh thường các vị nên

mới cấm chế các vị như vậy".

Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà cô vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, rồi được khuyên can hết ba giai đoạn thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Ở cách xa nhau: Như Chân-đàn con gái nhà họ Thích và Tỳ-kheo-ni Uất-đa-la.

Khuyên: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà (khuyên hai người kia).

Sống thân cận: Như thân sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng thân cận.

Che giấu: Khi thân miệng người này có lỗi thì người kia che giấu, khi thân miệng người kia có lỗi thì người này che giấu. Tỳ-kheo-ni ấy: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Các Tỳ-kheo-ni: Như Ni chúng, nhiều người hoặc một người.

Ba lần khuyên can: Ba lần khuyên can ở chỗ vắng, ba lần khuyên can ở chỗ nhiều người và ba lần khuyên can ở giữa Ni chúng. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô khuyên Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp, Mỗ giáp chớ có sống xa nhau hay không?". Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Này Thánh giả, cô đừng làm như vậy. Mỗ giáp, Mỗ giáp sống xa nhau, cô đừng bảo

họ sống gần nhau". Nếu khuyên can một lần không bỏ, rồi khuyên can lần thứ hai, thứ ba cũng không bỏ, thì phải khuyên can ở chỗ nhiều người cũng như vậy. Cuối cùng, khuyên can ở giữa Ni chúng ba lần. Nếu sau ba lần khuyên can mà không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tăng-già-bà-thi-sa: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni được khuyên can ở chỗ vắng ba lần, thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người, thì mỗi lần khuyên can cũng phạm một tội Việt tỳ-ni. Khi khuyên ở giữa Ni chúng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can phạm tội Việt tỳ-ni; khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa được hình thành sau khi khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người và ở giữa Ni chúng, gồm tất cả các tội Việt tỳ-ni, Thâu-lan-giá hợp thành một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu giữa chừng mà đình chỉ thì tùy theo sự đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên nói (như trên).

16. GIỚI NỔI GIẬN BỎ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích,

dưới cây Ni-câu-luật, ở Ca-duy-la-vệ, lúc ấy hai mẹ con của người họ Thích đều xuất gia. Người mẹ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo nói với con gái:

- Nay mẹ con ta vì sao sống mà xa lìa nhau? Con nên đến đây sống với ta.

- Con không thể vô cớ mà đến đây, phải đợi có nguyên nhân gì mới đến được.

Thế rồi, cô ta trở về tỏ ra giận dữ gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, nói: "Nay tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Ni chúng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận. Tôi không phải là Tỳ-kheo-ni, không

phải là dòng họ Thích. Trong hàng ngũ ngoại đạo cũng có pháp thù thắng, có chỗ tu phạm hạnh. Tôi làm Sa-môn ni theo dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ ngoại đạo tu phạm hạnh".

Các Tỳ-kheo-ni bèn khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả, chớ có bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Ni chúng, chớ bỏ dòng họ Thích. Bỏ Phật là điều không tốt, thậm chí bỏ dòng họ Thích cũng là điều không tốt". Họ khuyên can lần thứ nhất, cô không bỏ, khuyên can lần thứ hai cho đến lần thứ ba, cô cũng không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Trước hết ngươi hãy đến chỗ vắng

khuyên can ba lần, rồi đến chỗ nhiều người khuyên can ba lần, đến giữa Ni chúng khuyên can ba lần cho bỏ việc đó. Khi khuyên can ở chỗ vắng nên hỏi: "Có thật cô nổi giận nói rằng tôi bỏ giới, bỏ Phật, thậm chí... nói: "Làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Tôi sẽ đến chỗ tối thắng khác để tu phạm hạnh", đúng thế không?" Nếu đáp: "Có thật như vậy", thì nên khuyên can: "Cô chớ có bỏ giới, bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Ni chúng, thậm chí bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích. Vì bỏ Phật là điều không tốt, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích cũng là điều không tốt. Nay tôi vì lòng từ muốn cô được lợi ích nên khuyên can. Một lần khuyên can đã xong, còn hai lần khuyên can nữa, vậy cô có bỏ việc ấy không?". Nếu đáp: "Không bỏ", thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy; rồi ở chỗ nhiều người cũng khuyên can như vậy. Nếu không bỏ thì hãy đến giữa Ni chúng làm pháp yết-ma cầu thính, hỏi như trường hợp ở chỗ vắng. Nhưng cô vẫn nhất quyết không bỏ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi lại đầy đủ sự việc trên:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu, là điều phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn

pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Ca-duy-la-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nổi sân muốn bỏ giới, nói như sau: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Ni chúng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích, làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Nơi khác cũng có pháp tối thắng. Tôi sẽ đến đó để tu phạm hạnh", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Này Thánh giả, chớ có nổi sân bỏ giới, nói rằng tôi bỏ Phật, cho đến bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích; vì bỏ Phật là điều không tốt". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc đó thì tốt, nếu không bỏ rồi được khuyên can đủ ba trường hợp thì phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như người nữ dòng họ Thích muốn bỏ giới, bỏ Phật cho đến bỏ Sa-môn ni.

Chư Tỳ-kheo-ni: Một người, nhiều người, Ni chúng.

Ba lần can gián: Trường hợp ở chỗ vắng, trường hợp ở chỗ đông người, chỗ Ni chúng. Bỏ thì tốt, không bỏ sau ba lần can gián thì phạm

Tăng-già-bà-thi-sa.

(Một số từ ở trên đã giải thích).

Khi khuyên can ở chỗ vắng mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì cứ mỗi lần khuyên can phạm một tội Việt tỳ-ni. Khi khuyên can ở chỗ nhiều người cũng thế. Khi khuyên can ở giữa Ni chúng thì lần thứ nhất bắt đầu khuyên can, phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong, phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ hai bắt đầu khuyên can cũng phạm tội Việt tỳ-ni, khuyên can xong phạm tội Thâu-lan-giá; lần thứ ba bắt đầu khuyên can phạm tội Thâu-lan-giá, khuyên can xong phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tội Tăng-già-bà-thi-sa khởi đầu từ lúc khuyên can ở chỗ vắng, ở chỗ nhiều người, ở giữa Ni chúng kết thành một tội nặng và phải trị phạt theo tội Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu như nửa chừng mà đình chỉ thì tùy theo đình chỉ ở chỗ nào trị tội ở khoản đó. Thế nên, Đức Thế Tôn nói (như trên).

KẾT THÚC GIỚI TĂNG GIÀ BÀ THI SA

- Xin các Thánh giả Ni lắng nghe. Tôi đã thuyết xong mười chín pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Mười hai pháp đầu hễ bắt đầu phạm là thành tội, còn bảy pháp sau phải trải qua ba lần khuyên can (mà không bỏ mới thành tội). Nếu Tỳ-kheo-ni phạm mỗi một tội thì phải hành pháp Ma-na-đỏa ở giữa

hai bộ chúng trong nửa tháng. Kế đến, cho xuất tội trước hai bộ chúng, mỗi bộ hai mươi người, để cho vừa ý mọi người. Nếu tăng số hai mươi người mà thiếu một người... thì việc xuất tội Tỳ-kheo-ni này không thành, mà các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni còn đáng khiển trách. Thế nên, khi xuất tội cần phải hỏi: "Các vị ở trong đây có thanh tịnh không?", lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi: "Các vị ở trong đây có thanh tịnh không? Các vị ở trong đây thanh tịnh nên im lặng. Tôi ghi nhận

việc này như vậy". Kệ tóm tắt:

"Làm mai mối, vu khống,
Tranh tụng, đi một mình.
Không cho, người phạm tội,
Qua sông, tự xả tội.
Nhận vật người ô nhiễm,
Khuyên lấy vật bố thí.
Mười hai thuộc sơ tội.
Phá chúng và tương trợ.
Giận dữ hủy báng chúng,
Bướng bỉnh, sống gần nhau.
Khuyên thân cận, bỏ giới,
Kết thúc thiên thứ hai".

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 3: NÓI VỀ 30 PHÁP NI TÁT KỲ

"Mười ngày, rời y ngủ,
Phi thời, cầm vàng bạc.
Mua bán và xin y,
Cho xin, được lấy hai,
Đòi y hai cư sĩ,
Vua tôi việc thứ mười,
Trong Tỳ-kheo đã nói.
Kết thúc phần thứ nhất".

11. GIỚI XIN TIỀN MUA GIƯỜNG RỒI MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà sống trong thôn xóm, đi lạc quyên tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp cho Ni chúng, nói với những người phụ nữ: "Này Ưu-bà-di, các người nên cúng dường giường, nệm, gối, câu chấp cho Ni chúng". Lúc ấy, những người phụ nữ vốn có lòng tin, hoan hỷ liền cúng dường tiền sắm giường, nệm, gối, câu chấp. Khi được tiền rồi, cô bèn đem mua y, bát, thức ẩm thực, thuốc men. Lúc Tỳ-kheo-ni tuần tự khất thực đến gia đình ấy, các người phụ nữ liền hỏi: "Thưa Thánh giả, con cúng dường

tiền mua giường, nệm, gối, câu chấp cho Tỳ-

kheo-ni Thâu-lan-nan-đà, không biết cô ấy đã sắm chưa?". Tỳ-kheo-ni nói: "Đâu có sắm gì đâu! Chỉ thấy mua y, bát, thức ẩm thực và thuốc men mà thôi!"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Có thật ngươi xin tiền mua giường, nệm, gối, câu chấp rồi đem mua sắm thứ khác không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện chê trách đa dục, khen ngợi thiểu dục hay sao? Vì sao ngươi làm việc xấu, bất thiện như thế. Đây là điều phi pháp, phi luật, chẳng phải đúng lời Ta dạy, không thể dùng nó để nuôi lớn pháp thiện. Từ nay về sau, Ta không cho phép xin tiền mua giường nệm rồi đem sắm thứ khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà đem sắm y bát, thức ẩm thực, thuốc trị bệnh thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Giường nệm gối câu chấp: Như trong giới của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Xin: Khuyến hóa cầu xin (Nếu xin mua giường nệm) mà sau đó dùng mua y bát, thức ẩm thực, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Vật ấy nên đem xả giữa Ni chúng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề. Nếu không xả mà sám hối thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo đã nói rõ.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền sắm giường nệm mà dùng mua y bát, thức ăn uống, thuốc men thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Nếu xin mua thứ này thì không được dùng mua thứ khác. Nếu xin mua giường mà dùng mua nệm, xin mua nệm mà dùng mua gối, xin mua gối mà dùng mua câu chấp thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu đi khuyến hóa xin được nhiều tiền mua giường nệm thì phải mỗi mỗi thứ chỉ cho người ta biết: khoản này là tiền mua giường, khoản này là tiền mua nệm, khoản này là tiền mua gối, khoản này là tiền mua câu chấp. Nếu không làm như vậy thì mỗi khoản phạm mỗi tội Việt tỳ-ni. Nhưng được dùng số tiền kể trên để sửa chữa phòng ốc và mua sắm nồi chảo thì vẫn đúng pháp.

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua giường nệm mà mua sắm các thứ khác thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nhưng được đem đổi chác dùng một cách đúng pháp. Thế nên nói (như trên).

12. GIỚI TIỀN CÚNG THỨ NÀY ĐEM MUA THỨ KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mặc y bẩn thỉu, rách rưới đi khất thực có người phụ nữ thấy thế, nói: "Thưa Thánh giả, con xin cúng dường tiền may y để cô sắm y". Lại có người khác nói: "Con xin cúng tiền sắm bát để cô mua bát". Khi được tiền rồi, cô chỉ mua thức ẩm thực dùng hết mà không sắm y bát. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni đi khất thực, người phụ nữ kia bèn hỏi: "Trước đây con có cúng tiền sắm y bát không biết Thâu-lan-nan-đà đã mua chưa?" Đáp: "Chỉ thấy mua thức ăn, đâu có thấy mua sắm y bát gì đâu!"

Tỳ-kheo-ni nghe câu chuyện ấy bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Ngươi không từng nghe Ta dùng vô lượng phương tiện khen ngợi thiểu dục, chê trách đa dục hay sao? Vì sao ngươi được tiền sắm y bát mà lại đem dùng vào việc khác? Từ nay

về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường để mua thứ này mà đem mua thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Cúng dường để mua thứ này: Cúng dường tiền để mua y bát.

Đem mua thứ khác: Mua thức ăn uống, thuốc men. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Vật ấy phải đem xả giữa Ni chúng rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua dầu sữa thì tiền mua y phải dùng để mua y, tiền mua bát phải dùng để mua bát, tiền mua sữa phải dùng để mua sữa, tiền mua dầu phải dùng để mua dầu. Nếu dùng sắm thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Nếu đàn-việt nói tùy ý dùng thì tùy ý dùng không có tội. Nếu không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni được người ta cúng dường tiền mua y, tiền mua bát, tiền mua sữa, tiền mua dầu, thì tiền mua y phải dùng mua y, cho đến tiền mua sữa phải dùng mua sữa. Nếu dùng mua thứ khác

thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu đàn-việt cúng dường tùy ý thì tùy ý mua không có tội. Hoặc không có chủ đích trước thì tùy ý mua không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

13. GIỚI ĐEM TIỀN MUA THỨC ĂN SẮM Y BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khuyến hóa để mua thức ăn, nói với người phụ nữ: "Này Ưu-bà-di, tôi muốn sắm thức ăn cho Ni chúng". Các Ưu-bà-di có niềm tin hoan hỷ liền cúng dường tiền mua thức ăn, rồi nói: "Thưa Thánh giả, đến ngày làm thức ăn cho con biết để con đến nấu nướng".

Tỳ-kheo-ni này được tiền rồi bèn dùng mua thức ăn và sắm y bát cho mình. Số còn lại đem mua thức ăn thô sơ. Đến ngày kỳ hẹn, Ưu-bà-di đến để nấu thức ăn, thấy thế liền hỏi: "Thưa Thánh giả, trước kia con cúng tiền mua thức ăn rất nhiều vì sao chỉ có thức ăn thô sơ như thế này?". Các Tỳ-kheo-ni liền nói: "Lấy đâu mà mua thức ăn ngon? Đã mua y bát và thức ăn riêng ăn hết cả rồi!".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xin tiền mua thức ăn (cho Ni chúng) mà đem sắm y bát, thức ăn, thuốc men để dùng riêng thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Mua thức ăn: Mua thức ăn cho Ni chúng. Xin: Đi khuyến hóa cầu xin.

Dùng vào việc khác: Dùng sắm y bát và thức ăn cho mình. Nếu làm như vậy thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin tiền mua thức ăn cho Ni chúng mà đem mua y bát, thức ăn cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Phải tùy theo lúc đầu muốn làm việc gì thì phải làm việc đó.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn bữa trước mà mua thức ăn bữa sau, hoặc dùng tiền sắm thức ăn bữa sau mà mua thức ăn bữa trước thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu dùng tiền sắm thức ăn mà mua giường nệm (thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề).

Nếu dùng tiền sắm y vào mùa Xuân, Hạ, Đông,

hoặc tiền mua thức ăn mà mua sắm không xứng đáng với bản tâm của thí chủ thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo-ni đi khuyến hóa về mua thức ăn cho Ni chúng thì phải mua cho hết. Nếu còn thừa thức ăn, dầu sữa, thì phải chỉ cho đàn-việt thấy. Nếu đàn-việt mang đi thì nên để yên cho họ mang đi. Nếu họ nói: "Con xin cúng cho Thánh giả", thì nên bảo: "Nên cúng dường cho Ni chúng". Nếu họ nói: "Con đã cúng dường cho Ni chúng rồi, phần này xin cúng dường cho Thánh giả", thì khi ấy lấy không có tội. Thế nên nói (như trên).

14. GIỚI CHỨA BÁT DƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni khách đến, theo thứ tự nhận được phòng. Tỳ-kheo-ni ở trước vốn là Hạ tọa, nói: "Thưa Thánh giả, đợi con di chuyển bát đã". Đến sáng hôm sau, vị khách lại hỏi:

- Đã di chuyển bát xong chưa?

- Con di chuyển chưa xong.

- Cô muốn mang bát đem gởi ở cửa hàng bán đồ gốm sao? Dùng đến chừng ấy bát để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi chứa bát dư? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa bát dư.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa bát dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Giải Thích:

Chứa bát dư: Bát gồm có các loại như bát Tung-bà, bát Ô-bà-tung-bà, bát Ưu-cưu-tra-dạ, bát Bà-kỳ-dạ, đại loại có các loại bát sắt, bát đất như thế đó gọi là bát. Có các loại bát thuộc thượng, trung, hạ, quá bát, giảm bát, tùy bát, nếu cất chứa thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni được chứa mười sáu cái bát (?), một cái để dùng, ba cái để tịnh thí, bốn quá bát, bốn giảm bát, bốn tùy bát. Nếu chứa quá số lượng thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni chứa bát thừa phải có giới hạn nhất định. Nếu Tỳ-kheo chứa nhiều đem tịnh thí cho mình, thì sử dụng không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

15. GIỚI CHỨA Y DƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, nói rộng như trên, cho đến chỗ nói: "Cô muốn mở cửa hàng bán y phục sao?"

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi chứa y dư? Từ nay về sau, Ta không cho phép chứa y dư.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chứa y dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Giải Thích:

Y: Gồm các loại: y Khâm-bà-la, y Chiên, y Kiều-xá-da, y Sô-ma, y Xá-na, y Ma, y Khu-mâu-đề.

Chứa: Nếu chứa quá giới hạn thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni được phép chứa hai mươi y, năm chiếc để dùng, còn mười lăm chiếc đem tịnh thí rồi sử dụng. Nếu chứa quá số đó thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo có y thừa đem tịnh thí, thì Tỳ-kheo-ni dùng không có tội. Thế nên Đức

Thế Tôn nói (như trên).

16. GIỚI GIẬT LẠI Y MÀ MÌNH ĐÃ BỎ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có chiếc y Tăng-già-lê bị rách, không giặt nhuộm sửa chữa, đem ném dưới chân tường, rồi tuyên bố: "Ai muốn lấy thì lấy". Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thọ-đề mặc chiếc y rách, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, nói: "Này Thánh giả, có thể lấy chiếc y này đem giặt nhuộm vá lại rồi dùng". Cô bèn lấy vá lại, giặt nhuộm rồi mặc. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, nói: "Hãy trả y lại cho tôi". Thọ-đề bèn phân bua với các Tỳ-kheo-ni: "Hãy xem kìa, chuyện lạ chưa! Phàm y vật đều không được ném dưới đất trong chốc lát rồi bỏ đi. Trong phòng của cô hết chỗ rồi sao?" Thâu-lan-nan-đà bèn giật lại y Tăng-già-lê.

Các Tỳ-kheo-ni thấy thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đem vứt y Tăng-già-lê cũ của mình tại trú xứ rồi tuyên bố: "Ai muốn lấy thì lấy", sau đó (có người lấy dùng) rồi mình giật lại, thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Trú xứ: Tức trong Tinh xá.

Vứt: Ném bỏ dưới đất. Nếu có người lấy dùng rồi mình giật lại thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni vứt bỏ vật gì, rồi có người lấy dùng thì không được giật lại. Nếu không ai lấy mà sau đó mình cần, thì lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni trong Tinh xá đem vứt y bát, giày dép và các vật lặt vặt khác, có người lấy, rồi sau đó mình giật lại thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu không ai lấy, sau đó mình lấy thì không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

17. GIỚI CÓ Y HƯ KHÔNG VÁ LẠI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni lấy y Tăng-già-lê dơ bẩn của cô ra chùi, rồi đem phơi nắng bị gió bay đi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi đem y Tăng-già-lê cũ ra chùi mà không tự vá hay nhờ người vá lại? Từ nay về sau, Ta không cho phép (chùi?) y thay vì đem giặt.

Lại nữa, khi ấy có người nữ dòng họ Thích, người nữ Ma-la vốn là nhạc sĩ, đem giặt y Tăng-già-lê, vì y Tăng-già-lê dày và nặng nên khó giặt, bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến trình lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép đến năm, sáu ngày".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có y Tăng-già-lê cũ rồi tự khâu tạm lại, hoặc sai người khâu tạm lại rồi để quá năm, sáu ngày mà không tự vá hay sai người vá - ngoại trừ có bệnh - thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Y Tăng-già-lê cũ: Y cần phải giặt.

Hoặc tự mình khâu hoặc sai người khác khâu trong vòng năm, sáu ngày: Trong phạm vi sáu ngày, nếu không tự vá hoặc sai người vá thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni giặt y Tăng-già-lê cũ vừa nhẹ

vừa mỏng thì không được phép khâu. Nếu dày và nặng thì được phép khâu. Khi khâu xong, phải giặt, giặt xong nên đem căng ra trên tấm sạp hoặc trên chiếu, rồi lấy đá đằng bốn góc, đến khi khô nên gọi đệ tử đồng hành, đệ tử y chỉ, hoặc Tỳ-kheo-ni quen biết cùng Hòa thượng, cùng A-xà-lê vá lại cho nhanh chóng. Nếu vì già bệnh không có người giúp đỡ thì không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

18. GIỚI HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG THỰC HIỆN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà: "Thưa Thánh giả! Cho con thọ Cụ túc".

Thâu-lan-nan-đà nói: "Ngươi cúng dường y cho ta, ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc". Cô kia liền cúng dường y. Nhưng sau đó Thâu-lan-nan-đà không cho cô ta thọ Cụ túc. Học giới Ni bèn nhắc: "Cho con thọ Cụ túc đi", nhắc đi, nhắc lại nhiều lần như vậy.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni: "Ngươi cúng dường y cho ta rồi ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc", nhưng khi lấy y rồi không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thức-xoa-ma-ni: Người phụ nữ đang học giới.

Y: Gồm có bảy loại như trên đã nói. Lại có y tên Tăng-già-lê cho đến y tắm mưa.

Hứa thọ Cụ túc: Nếu sau đó tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni lấy y của Thức-xoa-ma-ni, hứa cho họ thọ Cụ túc, thì sau đó phải cho họ thọ. Nếu vì già bệnh không đủ sức, không thể cho thọ được thì nên nói với người khác: "Ngươi lấy chiếc y này rồi cho người kia thọ Cụ túc". Nếu người xin thọ không muốn thọ giới nữa mà đòi y lại, thì phải trả lại.

Nếu Tỳ-kheo hứa với Sa-di mà không cho thọ Cụ túc thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

19. GIỚI MUA Y NẶNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương nhân ở phương Bắc mang vải Khâm-bà-la quý giá tối hảo đi bán, người ta hỏi:

- Cái này đòi giá bao nhiêu vậy?

- Một trăm ngàn.

Lúc ấy, quốc vương, vương tử, đại thần và đại thương nhân đều chê đắt không mua. Vị thương nhân này ngồi ủ rũ nơi cửa hàng, người ta hỏi ông:

- Vì sao mà trông ông có vẻ buồn rầu?

- Tôi mua tấm vải Khâm-bà-la này rất có giá trị, tiền thuế cũng

- nhiều mà nay bán không được, cho nên không vui.

- Ông có muốn bán không?

- Muốn bán.

- Ông nên mang đến chỗ Sa-môn ni Bạt-dà-la, cô ấy sẽ mua nó.

Ông bèn mang đến đó, hỏi người ta: "Tinh xá của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?". Người ta liền chỉ chỗ. Khi tới đó, ông lại hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào vậy?". Người ta lại chỉ chỗ. Khi tới nơi, ông liền hỏi: "Ai là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la?". Bạt-đà-la bèn hỏi lại:

- Vì sao mà hỏi tôi?

- Có muốn mua áo Khâm-bà-la này không?

- Ông đòi bao nhiêu?

- Một trăm ngàn, không thêm không bớt.

Bạt-đà-la liền bảo đệ tử: "Ngươi đến cửa hàng Bà-lộ-ê lấy một trăm ngàn đưa cho ông ấy". Thế rồi, có người hỏi ông:

- Ông đã bán được Khâm-bà-la chưa?

- Đã bán được rồi.

- Ai lấy vậy?

- Sa-môn ni Bạt-đà-la.

Thế rồi, người ấy liền chê bai: "Người xuất gia mà còn ưa thích cái đẹp".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép xuất ra bốn yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y nặng. Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-

kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xuất ra hơn bốn yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm nặng thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Bốn yết-lợi-sa-bàn: Mười sáu đồng tiền cổ. Y đắc giá: Y Khâm-bà-la.

Mua: (Dùng tiền) đổi lấy vật. Nếu đổi quá mười sáu đồng tiền cổ để lấy một vật thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được dùng hơn mười sáu đồng tiền cổ để mua một tấm y nặng. Nhưng nếu không xin mà thí chủ đem cho thì tuy vật quý giá mình nhận không có tội.

Tỳ-kheo-ni có giới hạn, Tỳ-kheo không có giới hạn, tuy lấy vật quý giá dùng vẫn không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

20. GIỚI MUA LỤA MỎNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ có một thương khách ở phương Nam mang một tấm lụa mỏng có hình thiên nga đến đây, rồi có người hỏi ông:

- Tấm vải này giá bao nhiêu vậy?

- Một trăm ngàn.

Vì giá đắt nên nhà vua không mua và các đại thần, các thương chủ khác cũng đều không mua. Do không bán được lụa nên ông ta ngồi âu sầu nơi cửa hàng, có người thấy thế hỏi:

- Vì sao mà ông có sắc buồn như vậy?

- Tôi mua tấm lụa quý này rồi đóng tiền thuế cũng nhiều mà nay không bán được.

- Ông có muốn bán nó không?

- Muốn bán.

- Ông có thể mang đến chỗ Sa-môn ni Bạt-đà-la, cô ấy sẽ mua cho ông.

Thế là ông ta đi đến đó, hỏi người ta: "Trú xứ của Tỳ-kheo-ni ở đâu vậy?". Khi biết được chỗ rồi, ông vào hỏi: "Phòng của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở chỗ nào nhỉ?". Người ta liền chỉ chỗ. Thế là ông vào đó chào:

- Xin chào Thánh giả! Cô có phải Bạt-đà-la không?

- Ông hỏi để làm gì?

- Tôi có tấm lụa hình thiên nga này, cô có mua không?

- Ông đòi bao nhiêu?

- Tôi đòi một trăm ngàn.

Tỳ-kheo-ni cũng không đòi bớt giá, mà bảo đệ tử: "Ngươi đến chỗ cửa hàng nói với Bà-lộ-ê lấy một trăm ngàn đưa cho ông ta". Thế rồi có người hỏi ông:

- Ông đã bán tấm lụa được chưa?

- Đã bán được rồi.

- Ai lấy vậy?

- Sa-môn ni Bạt-đà-la lấy.

Thế rồi, có người chê bai: "Vì sao người xuất gia mà còn thích đẹp như vậy?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật nói với Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la: "Ngươi không làm mẫu mực cho người đời sau sao? Từ nay trở đi, Ta không cho phép dùng hơn hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng".

Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng hơn hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm lụa mỏng, thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi: Bằng mười sáu đồng tiền cổ (Cách tính thiếu nhất trí với ở trên).

Mua: Đem tiền đổi lấy vật khác; nếu quá quy định thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo-ni mua tấm lụa mỏng thì nên dùng hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua, không được dùng quá số đó. Nếu không xin mà thí chủ cho, thì giả sử được tấm lụa quý giá đem dùng cũng không có tội.

Tỳ-kheo có thể mua tấm lụa quý giá về dùng cũng không có tội. Kệ tóm tắt:

"Xin giường nệm về dùng riêng,
Tiền y bát dùng việc khác.
Giảm của chúng để dùng riêng,
Chứa bát dư, và y dư.
Y vứt rồi, sau lấy lại,
Khâu y, cho thọ Cụ túc.
Y nặng cùng với y nhẹ,
Đến đây hết phần thứ ba".

21. GIỚI TRANH MUA ĐỒ VỚI NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có người chở củi đi ngang qua trước cửa tiệm của một thương khách, ông này bèn hỏi:

- Số củi này ông đòi bao nhiêu vậy?

- Một yết-lợi-sa-bàn.

- Ông chở số củi này đem đổ tại nhà tôi rồi trở lại đây tôi sẽ trả tiền cho ông.

Người bán củi bèn chở xe đi ngang qua trước Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà thấy thế, hỏi:

- Này lão trượng, củi của ông đã có ai mua chưa?

- Đã có rồi.

- Bao nhiêu?

- Một yết-lợi-sa-bàn.

- Tôi đưa cho ông hai yết-lợi-sa-bàn.

Người chủ vì tham lợi nên bán cho cô. Khi chở củi xong bèn trở về ngang qua trước cửa hàng, người chủ tiệm nói với ông:

- Ông hãy cầm số tiền này đi.

- Tôi đã bán cho người khác rồi.

- Bán được bao nhiêu?

- Được hai yết-lợi-sa-bàn.

- Ai lấy vậy?

- Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Người khách buôn kia nghe thế bèn chê trách: "Vị Sa-môn ni này vì sao lắm tiền như thế?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Có thật ngươi biết củi của người ta đã mua rồi mà tăng giá để giành mua hay không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết vật của người ta đã mua rồi mà còn giành mua. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật người khác đã mua

rồi mà giành mua của họ thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Biết: Hoặc tự biết hoặc nhờ nghe người khác mà biết.

Mua được: Như người khách buôn ở cửa hàng nói trên. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn mua vật gì mà biết người khác đã mua thì không được giành mua mà nên đợi họ không lấy nữa rồi mới lấy. Đồng thời nên hỏi người ấy: " Ông muốn mua cho được chăng?" Nếu đáp: "Muốn mua cho được", tức là họ quyết tâm mua vật đó, vậy ta không nên lấy. Nếu họ nói: "Tôi không lấy nữa", thì mình lấy không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tranh giành nhau mua y bát thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu ở giữa Tăng trả thêm để lấy - trừ Hòa thượng, A-xà-lê - thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni tranh giành mua đồ với kẻ khác thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

"Bát thừa, năm chỗ vá,
Bảy ngày, giận đoạt y.
Mua vàng, xin chỉ sợi,
Thuê thợ dệt, thí gấp.
Tranh mua, lấy của Tăng
Kết thúc phần thứ ba".

Từ lấy y của Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, y thuần

màu đen, ba phần trắng, Kiều-xá-da, dùng tọa cụ sáu năm, ba do-tuần, chải lông dê, áo tắm mưa, ở A-luyện-nhã, mười một việc này nên để ra ngoài không nói đến. Lại còn mười một việc khác nên tìm ở phần cuối. Trong phần đầu nêu ra việc lấy y của Tỳ-kheo-ni được bổ sung ở chỗ cầm vàng bạc. Giặt y cũ dùng vấn đề mua bán để bổ sung. Trong phần cuối nêu ra áo tắm mưa dùng việc bán vàng để bổ sung; ở A-luyện-nhã dùng việc tranh mua để bổ sung. Phần một, phần hai của Ni-tát-kỳ được kể đến không thiếu. Đến đây Đức Thế Tôn đã nói xong ba mươi việc của Tỳ-kheo-ni (*) (Ở đây tóm tắt từ giới 22 → 30).

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ

"Vọng ngữ và chủng loại,
Hai lưỡi, khơi việc cũ.
Đoạn mạng, nói cú pháp,
Tự xưng mình đắc đạo.
Chưa đủ, nói tội thô.
Ngăn cản, chê trách giới.
Kết thúc phần thứ nhất.
Chặt cây, xúc xiểm người,
Hiềm trách, trải chỗ trống.
Lôi người ra khỏi phòng,

Dùng giường có chân nhọn.
Lấy nước trùng tưới cây.
Khiến người nghi không vui
Kết thúc phần thứ hai.
Một ngày ăn nhiều chỗ,
Cho y rồi lấy dùng.
Khuyên kẻ khác ăn thêm,
Không nhận, ăn phi thời.
Để dành hai, ba bát
Giấu đồ, ăn riêng chúng.
Kết thúc phần thứ ba.
Đốt lửa, quá ba đêm,
Gởi dục, sau nổi sân.
Vào xóm rồi bảo về,
Không xả bỏ ác kiến.
Sa-di, ba hoại sắc
Lấy bảo vật, khủng bố.
Kết thúc phần thứ tư.
Uống nước trùng, ngoại đạo,
Ngồi chỗ dâm, chỗ khuất.
Xem quân quá ba đêm
Nha Kỳ và đánh nhau.
Dọa đánh, giỡn trong nước,
Kết thúc phần thứ năm.
Chỉ nhau, bạn kẻ cướp,
Đào đất, mời bốn tháng.
Không theo học, uống rượu,
Khinh người, im lặng nghe.

Xử việc, không lắng tai
Kết thúc phần thứ sáu.
Rời chỗ ăn, cung vua.
Ống kim, quá tám ngón.
Bông vải và tọa cụ.
Che ghẻ, bắt chước Phật.
Chê Tăng tàn, biển thủ,
Kết thúc phần thứ bảy.
Các vấn đề nêu trên
Có trong giới Tỳ-kheo".

71. GIỚI TỰ Ý LẤY Y NGƯỜI KHÁC MÀ MẶC

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già mặc y của đệ tử y chỉ mà không nói, rồi đi vào xóm làng. Thế rồi, có Tỳ-kheo-ni gọi: "Ai đi khất thực thì đi". Đệ tử y chỉ đáp: "Thưa Thánh giả, đợi tôi lấy y Tăng-già-lê đã". Thế nhưng cô tìm y không thấy mà chỉ thấy y của thầy mình, bèn suy nghĩ: "Chắc chắn là thầy đã mặc y của mình đi. Nhưng thầy thì được mặc y của mình, còn mình thì không được phép mặc y của thầy". Nghĩ thế, cô bèn nói với người kia:

- Cô cứ đi đi, tôi không đi được.
- Vì sao vậy?
- Tôi không có y.
- Mặc y của thầy mà đi.
- Thầy là người mà tôi tôn trọng nên tôi không

dám mặc y của thầy, vậy cô cứ đi đi.

Thế là ngày ấy cô bị mất ăn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi mặc y người khác mà không nói với họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không nói với sở hữu chủ mà mặc y của họ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Phật không cho phép mặc y Tăng-già-lê của đệ tử mà không nói cho đệ tử biết. Khi muốn mặc thì nên nói: "Thầy mặc y của con, nếu con có đi đâu thì mặc y Tăng-già-lê của thầy". Tất cả các y khác cũng vậy.

Khi muốn giặt, nhuộm, vá y hay có duyên sự cần mặc y của đệ tử thì phải nói: "Con hãy ở nhà ta sẽ đem thức ăn về".

Nếu Tỳ-kheo mặc y của người khác mà không

nói thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 38

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)

72. GIỚI CHO Y CHO TU SĨ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có người tên là Kiệt Trụ xuất gia trong hàng ngũ ngoại đạo, còn cha mẹ ông thì xuất gia theo Phật giáo. Vào lúc trời đang mùa lạnh, Kiệt Trụ không có y phục, bèn đi đến chỗ mẹ, sống như loài cầm thú. Người mẹ thương tình, suy nghĩ: "Có y Uất-đa-la-tăng vừa mới giặt nhuộm ở đây", bèn cởi ra cho con. Khi được y rồi, anh ta liền mặc đi vào ngồi trong quán rượu. Do thế bị người đời chê cười: "Kẻ tà kiến này là con lừa ăn bã rượu mà lại mặc biểu tượng của thánh nhân".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Đó là việc xấu. Vì sao ngươi đem y cho kẻ ngoại đạo xuất gia? Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho y cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Người thế tục: Tức người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ cho hàng ngoại đạo xuất gia. Tự tay cho: Tay mình cho, tay người kia nhận.

Y của Sa-môn: Biểu tượng của Hiền Thánh.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục và ngoại đạo. Nếu Tỳ-kheo-ni có giới đức, rồi phụ nữ, trẻ con muốn xin miếng y rách để cầu phước, tiêu tai, thì không được tự tay mình cho mà nên bảo tịnh nhân nữ đem cho.

Nếu Tỳ-kheo tự tay cho y của Sa-môn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo có giới đức, mà người ta xin một miếng cà-sa rách để cầu được tiêu tai thì nên bảo tịnh nhân đem cho, nhưng không được cho một miếng lớn mà nên cho một miếng nhỏ. Thế nên

Đức Thế Tôn nói (như trên).

73. GIỚI MAY Y AN ĐÀ HỘI QUÁ KÍCH THƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y giống như phụ nữ, bị người đời chê bai: "Vì sao Tỳ-kheo-ni mặc y dài kéo lê tua vải mà đi giống như phụ nữ ngoài đời? Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau Ta không cho phép để nguyên cả tua vải mà may y, mà phải đo may cho đúng cỡ.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may y An-đà-hội thì phải đo rồi mới may, chiều dài bằng bốn gang tay Tu-già-đa, chiều rộng bằng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

An-đà-hội: Y mà Thế Tôn cho phép.

May: Hoặc tự mình may hoặc sai người khác may.

Phải đo: Chiều dài bốn gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay, nếu quá số đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Tu-già-đà: Thiện Thệ (tức Phật).

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni may y chiều dài đúng lượng, chiều rộng quá lượng thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi mặc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Cũng vậy, nếu chiều rộng đúng lượng, chiều dài quá

lượng; ở ngoài biên đúng lượng; ở giữa quá lượng; ở giữa đúng lượng; ở ngoài biên quá lượng; khi gấp, khi nhăn đúng lượng; khi thấm nước đúng lượng; nhưng khi phơi khô lại dài rộng, thì phạm tội Ba-dạ-đề, khi dùng phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

74. GIỚI MAY YẾM RỘNG QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni tuổi trẻ đoan chánh, mặc y đi đường, đôi vú nổi cộm lên, đám con trai thấy thế liền cười. Các Tỳ-kheo-ni nghe rồi bèn thuật lại với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Đức Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, Tỳ-kheo-ni nên may Tăng-kỳ-chi".

Lại nữa, khi ấy có Tỳ-kheo-ni dùng vải rẻo may Tăng-kỳ-chi dài, rộng, thế rồi Phật dạy: "Từ nay về sau cắt rẻo vải nên ước lượng mà cắt". Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may Tăng-kỳ-chi nên ước lượng mà may, chiều dài bốn gang tay Tu-già-đà, chiều rộng hai gang tay. Nếu may quá mức đó thì cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Ba-dạ-đề: Như ở phần An-đà-hội ở trên đã nói rõ.

75. GIỚI MAY ÁO TẮM RỘNG QUÁ CỠ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la xuống tắm dưới sông Tô thì có năm đồng tử Ly-xa đứng trên bờ sông trông thấy, do thế phát sinh dục tâm. Tỳ-kheo-ni bèn nói:

- Này các hiền sĩ, các vị hãy đi đi.

- Chúng tôi không đi, thích ở đây nhìn thân thể của Thánh giả hơn.

Các vị muốn xem cái thân thể có chín cửa hôi thối này để làm gì?

- Không phải vậy. Chúng tôi rất thích nhìn.

Họ cứ ở đó hồi lâu không chịu đi, Tỳ-kheo-ni

bèn suy nghĩ: "Đây là đám phàm phu ngu si thiển cận", đoạn cô dùng hai bàn tay che phía trước, phía sau rồi lên bờ. Những kẻ kia thấy thế liền mê mẩn, miệng trào máu nóng, nằm lăn quay trên đất.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến đoạn các Tỳ-kheo-ni hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao năm đồng tử Ly-xa ấy do lòng dục mà đến nỗi mê mẩn nằm lăn quay trên đất như vậy?

- Không những ngày nay họ có lòng dục như thế mà trong thời quá khứ cũng đã từng có như vậy.

- Xin Thế Tôn thuật lại, chúng con muốn được nghe.

- Trong thời quá khứ xa xôi có một thiếu nữ đoan chánh thù thắng, đồng thời thuở ấy cũng có năm vị Thiên tử, người thứ nhất tên Thích-ca-la, người thứ hai tên Ma-đa-lê, người thứ ba tên Xà-tăng-da-đế, người thứ tư tên là Bỉ-xà-da-đế, người thứ năm tên Ma-tra, khi trông thấy Thiên nữ ai nấy đều sinh tâm dục, bèn suy nghĩ: "Đây không phải là vật có thể dùng chung, hễ ai có lòng dục mạnh nhất thì cho kẻ ấy". Thế rồi, họ đồng thanh nói: "Đồng ý". Kế đến, Thích-ca-la bèn đọc kệ:

"Tôi nhớ khi dâm dục,
Ngồi nằm chẳng được yên.

Mãi cho đến khi ngủ,
Dục lui mới được yên”.

Tiếp theo Ma-đa-lê lại đọc kệ:

“Thích-ca, khi bạn ngủ,
Còn tạm thời thanh thản.
Tôi nhớ khi dâm dục,
Như trống thúc xông trận”.

Xà-tăng-da-đế cũng đọc kệ:

“Ma-đa, dụ trống thúc,
Vẫn còn có gián đoạn.
Khi tâm tôi nhiễm dục,
Như cây trôi dòng chảy”.

Tiếp đến, Bỉ-xà-da-đế lại đọc kệ:

“Bạn ví cây nổi trôi,
Có lúc còn dừng lại.
Tôi nhớ lúc tưởng dục,
Như nhặng không chớp mắt”.

Thế rồi Ma-tra lại đọc kệ:

“Những điều các vị nói,
Toàn niệm tưởng an lạc.
Khi tôi đam mê dục,
Chẳng còn biết sống chết”.

Khi ấy, các Thiên tử liền nói: “Bạn là người mãnh liệt nhất”, rồi

đồng lòng nhường Thiên nữ cho người này.

Đoạn, Phật nói với các Tỳ-kheo-ni:

- Năm Thiên tử thuở ấy nay chính là năm chàng

trai Ly-xa:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ-kheo-ni ấy nhờ có hạnh nghiệp gì mà được đoan chánh như vậy? Lại được sinh vào nhà danh giá, có lòng tin xuất gia chứng đắc vô lậu?

- Này các Tỳ-kheo-ni, trong thời quá khứ có một thành tên Ba-la-nại. Nơi này có một trưởng giả, ông cưới một bà vợ. Bà này lúc mới về thường có một người lo việc chải đầu và cung cấp thức ăn. Khi ấy, có vị Phật-bích-chi tên Tuyên-hy đi đến cửa nhà bà khất thực. Bà thấy Ngài không được đoan nghiêm lắm nên không có lòng cung kính, do thế không cho thức ăn cũng không bảo Ngài đi. Người chải đầu thấy vậy liền nói:

- Thưa bà chủ! Bà nên cúng dường thức ăn cho vị khất sĩ.

- Ngài xấu xí không đẹp, ta không cúng dường.

- Thế thì bà hãy đưa phần thực phẩm của tôi để tôi cúng dường cho Ngài.

- Tùy ý người lấy, người cũng có thể đem vứt xuống nước.

Người ấy được thức ăn rồi, liền đem cúng dường cho Phật-bích-chi. Thế rồi, khi thọ trai xong, Ngài bèn vọt lên hư không mà đi. Thấy Ngài bay đi, người cúng dường tâm rất hoan hỷ, liền phát thệ nguyện: "Con nguyện thân sau được sinh vào nhà hào quý, thân thể đoan chánh, thấy Phật,

nghe Pháp, diệt hết lậu hoặc". Thế rồi, người ấy liền mệnh chung, sinh lên cõi trời, hưởng được năm điều vượt trội hơn trăm ngàn Thiên nữ, đó là: thọ mạng, nhan sắc, sức lực, danh tiếng và biện tài. Sau khi mệnh chung ở cõi trời bèn sinh vào nhà Bà-la-môn tại thành Ba-la-nại. Bấy giờ, nhằm lúc Đức Phật Ca-diếp ra đời, Ngài vào thành khất thực, tuần tự đến nhà ấy thì gặp lúc cha mẹ đi du ngoạn, cô ở nhà một mình. Do gieo công đức trong đời trước, nên khi thấy Ngài, cô rất hoan hỷ, đem rửa sạch cái thố bằng đồng, đựng đầy thức ăn thượng hạng và đem y Kiều-xá-da dâng lên Đức Thế Tôn Ca-diếp, rồi đọc kệ:

"Nay cúng y, thức ăn,
Vật cúng dường tối thắng.
Nay cúng đức Mâu-ni.
Kiết sử hết, chứng ngộ.
Như bậc lậu tận chứng,
Mong con cũng như vậy".

Người con gái này về sau được gả cho gia đình Bà-la-môn, nhưng

vì cha mẹ chồng quá nghiêm khắc khó phụng sự, cuối cùng cô phải thốt ra: "Ta dùng cái thân này sống để làm gì, chi bằng tự sát!", bèn cầm chuỗi anh lạc, hương thoa mình và dây thòng lọng định tìm chỗ tự vẫn. Nhưng khi trông thấy ngôi tháp của Phật Ca-diếp, cô bèn đem các dụng cụ trang sức

kia đến cúng dường tháp Phật rồi mới treo cổ. Và sau khi mệnh chung liền sinh vào gia đình Bà-la-môn, cho đến tự đọc kệ:

"Anh lạc, y, hương hoa,
Cúng dường tháp Ca-diếp.
Nương nhờ phước báo này,
Nay lễ chân Thế Tôn".

Phật dạy: Từ nay về sau nên may áo tắm. Cho đến, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni may áo tắm mưa nên lượng định mà may, chiều dài bốn gang tay Tu-dà-đà, chiều rộng hai gang tay. Nếu may quá mức ấy thì phải cắt bớt rồi sám hối tội Ba-dạ-đề, như trường hợp y Tăng-kỳ-chi đã nói rõ.

76. GIỚI XIN Y TẠI NHÀ KHÔNG TIN PHẬT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni nói với Thâu-lan-nan-đà:

- Cô có thể xin y Ca-hy-na cho Ni chúng được không?

- Được.

- Thế là cô đi đến một gia đình không có niềm tin, nói:

- Đại phước đức, thí chủ có thể cúng dường y Ca-hi-na cho Ni chúng được không?

- Được.

Sau khi Tự tứ xong, Ni chúng hỏi Thâu-lan-nan-đà:

- Đã xin được y Ca-hi-na chưa?

- Tôi biết rồi.

Thế là cô đi đến gia đình kia, hỏi:

- Này hiền sĩ, đã chuẩn bị y Ca-hi-na xong chưa?

- Tôi biết rồi.

Sau đó, Ni chúng đến hỏi Thâu-lan-nan-đà, thì cô đáp: "Tôi biết rồi". Cứ như thế cho đến khi thời gian của y đã trôi qua (mà không có y). Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày việc này với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao ngươi đến nhà người không thể sắm y để xin y Ca-hi-na cho Ni chúng? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến nhà người không thể cúng y để xin y Ca-hi-na cho Ni chúng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Không thể cúng: Không có khả năng cho, rất ít hy vọng. Y: Như y Khâm-bà-la, y Chiên, cho đến y Khu-mâu-đề.

Xin: Xin y Ca-hi-na cho Tăng. Nhưng nếu quá thời gian của y mà không xin được thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi xin y Ca-hi-na cho Ni chúng thì nên đi xin với tấm lòng nhiệt thành, nhưng không nên đến xin những nhà không có niềm tin, mà nên đến những nhà có niềm tin và nhiều bà con mà xin. Nếu người đó nói: "Tôi tự biết", thì phải hỏi lại: "Bà có định cho không? Chớ nên để quá thời gian của y". Đồng thời cũng phải xem xét người ấy, nếu thấy họ không có khả năng sắm được thì nên đi xin chỗ khác. Hơn nữa, cũng phải tự lượng sức mình, nếu không thể làm được thì không nên hứa đi xin cho Ni chúng. Nếu đã hứa xin y cho Ni chúng, mà không siêng năng đi xin, không nhờ người khác xin, cũng không nói cho Ni chúng biết, để quá thời gian của y, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đến gia đình không có niềm tin xin y Ca-hi-na cho Ni chúng thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

77. GIỚI KHÔNG ĐEM Y THEO BÊN

MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni mặc y thượng, hạ đến đảnh lễ chân Thế Tôn, sau đó bị hỏa hoạn cháy mất y. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao những y phục cần sử dụng mà ngươi không đem theo bên mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép không đem theo bên mình những y phục cần sử dụng.

Lại nữa, bấy giờ có Tỳ-kheo-ni con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay xuất gia khoác y Tăng-già-lê nặng nề trông rất vất vả. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau Ta cho phép khi bệnh thì được châm chước". Đoạn, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đem theo bên mình những y phục cần mặc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Những y phục cần mặc: Như y Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, Tăng-kỳ-chi và y tắm

mưa.

Bệnh: Nếu có bệnh mà không đem y theo bên mình thì Đức Thế Tôn bảo là không có tội. Nếu không bệnh mà không đem theo thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu lễ tháp, đi kinh hành, ban ngày ngồi thiền trong trú xứ thì - không mang y theo - không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

78. GIỚI NẤU LẠI ĐỒ ĂN ĐỂ ĂN

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ gia đình Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la thường mang thức ăn đến cho cô. Khi được thức ăn rồi, cô bèn xào nấu biến chế. Các anh em chú bác đến thấy thức ăn bèn hỏi:

- Tôi muốn ăn.

- Được thôi.

Thế là họ lấy thức ăn rồi ăn, nhưng nghe có mùi vị khác thường, liền hỏi:

- Ở đâu mà được thức ăn ngon thế này?

- Đó là thức ăn ở nhà đem đến đấy.

Người nhà bèn nổi giận trách (người làm công): "Nhà ta lâu nay làm thức ăn chỉ uổng phí tiền bạc mà chẳng ngon lành gì!", bèn trở về nhà dùng roi đánh đứa nô tỳ, rồi mắng: "Chỉ mất tiền bạc vô ích mà chẳng được ăn". Thế là kẻ sai đi đưa thức ăn nổi giận, nói: "Tại vì Tỳ-kheo-ni mà ta bị khổ não như thế này".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép tự nấu nướng pha chế thức ăn.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni vốn là con gái dòng họ Thích và con gái dòng họ Ma-la đi khất thực được cơm nguội, canh nguội và rau để cách đêm, ăn vào liền bị ói mửa. Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đi đến bạch với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép chúng con được hâm nóng thức ăn không?

- Được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà được các thức ăn như Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni, rồi tự mình nấu lại, sai người nấu lại; tự mình chiên lại, sai người chiên lại; tự mình hâm lại, sai người hâm lại để ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Khư-đà-ni: Năm thức ăn Khư-đà-ni. Bồ-xà-ni: Năm thức ăn Bồ-xà-ni.

Nấu lại: Tự mình nấu lại hoặc sai người nấu lại. Chiên: Tự mình chiên hoặc sai người chiên.

Hâm: Tự mình hâm hoặc sai người hâm.

Bệnh: Nếu vì già bệnh suy yếu nên ăn đồ ăn nguội lạnh vào bị ói mửa không an lạc (mà hâm lại đồ ăn để ăn) thì Thế Tôn nói là không có tội. Trái lại, nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà nấu lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói Phật không cho phép vì muốn ăn ngon mà chiên lại, hâm lại đồ ăn. Nhưng nếu thức ăn lạnh thì được hâm lại cho nóng, nhưng không được dùng xoong chảo để nấu, mà chỉ nên dùng chén bằng đồng hoặc là tô hoặc là thố để hâm cho nóng.

Nếu Tỳ-kheo vì thích ngon mà tự nấu lại, chiên lại, hâm lại đồ ăn để ăn thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nhưng nếu bảo tịnh nhân làm thì không có tội. Nếu đi khất thực mà gặp thức ăn lạnh rồi hâm lại cho nóng để ăn thì không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

79. GIỚI ĐỨNG HẦU TỲ KHEO THỌ TRAI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia theo dòng họ Thích.

Trong khi ông chồng già cả đang ăn thì bà vợ Tỳ-kheo-ni đứng bên cạnh rót nước và cầm quạt quạt. Ông chồng già nhắc lại chuyện dĩ vãng. Tỳ-kheo-ni nổi giận liền lấy nước tạt vào mặt, cầm quạt gõ trên đầu, mắng: "Ông là kẻ không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà đem nói". Tỳ-kheo-ni khác thấy thế bèn khuyên:

- Này Thánh giả, vị này là bậc đáng tôn trọng, không được làm như thế.

- Ông già ấy là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa, chuyện dĩ vãng không nên nói mà nay đem ra nói.

Các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao trong lúc Tỷ-kheo ăn mà ngươi hầu nước và quạt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu trong khi Tỳ-kheo đang ăn mà Tỳ-kheo-ni hầu nước và quạt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo đang ăn: Gồm năm thức ăn chính và năm thức ăn phụ. Hầu nước và quạt: Xách bình nước, rót nước, cầm quạt mà quạt,

thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni xách bình nước mà không cầm quạt thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cầm quạt mà không xách bình nước cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu làm cả hai việc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không cầm cả hai thì không có tội. Tội này cấu thành trong trường hợp chỉ có một Tỳ-kheo và một Tỳ-kheo-ni. Nếu có nhiều Tỳ-kheo thì hầu nước, quạt không có tội. Hoặc là trong chúng có cha, anh thì dùng quạt quạt không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

80. GIỚI ĂN TỎI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một thương gia chuyên nghề trồng tỏi mời Tỳ-kheo-ni cúng dường tỏi. Thế rồi, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến vườn ăn tỏi, dẫm đạp bừa bãi; khi thương nhân đến vườn thăm, thấy tỏi bị tơi tả liền hỏi người làm vườn:

- Vì sao mà tỏi bị tơi tả thế này?

- Trước đây có mời Tỳ-kheo-ni đến cúng

dường tỏi nên họ vào vườn lấy ăn hoặc mang đi mà giẫm đạp như vậy.

Thương nhân nghe thế bèn chê trách: "Ta mời đến cúng dường tỏi thì chỉ nên ăn mà thôi, vì sao lại đem đi và giẫm đạp như vậy?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Cho đến Tỳ-kheo-ni đáp: "Có thật như vậy". Rồi Phật khiển trách:

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép ăn tỏi. (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ăn tỏi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỏi: Gồm có loại tỏi trồng và tỏi trên núi, đại loại các thứ tỏi như vậy đều không được phép ăn; loại chín hay loại sống đều không cho phép ăn; loại nấu lại, loại được đốt thành tro cũng không cho phép ăn. Nhưng nếu thân thể có ghẻ thì cho phép dùng tỏi thoa. Và khi thoa thì phải ở chỗ vắng đến lúc ghẻ lành, phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng. Thế nên, Đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Y khác, y ngoại đạo,
Kỳ-chi, An-đà-hội.
Y tắm, Ca-hi-na.
Y dùng không đem theo.

Nấu lại, hầu quạt nước,
Ăn tỏi, hết phần tám”.

81. GIỚI ĐEM THỨC ĂN CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy người chị của Lại-tra-ba-la qua đời, cô bèn đi xin các thức ẩm thực cho đứa con của bà chị. Vì vậy bị người đời chê cười: “Vì sao Sa-môn ni nhận thức ăn của người có niềm tin cúng dường rồi đem cho người thế tục?”

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho người thế tục.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy ngoại đạo Kiệt-trụ đến chỗ mẹ. Người mẹ thấy ông đến, liền lấy bát múc đầy các thức ăn đưa cho ông. Người con được thức ăn rồi bèn đem vào trong quán rượu ngồi ăn, đồng thời cho người khác ăn. Có người hỏi:

- Ông được thức ăn ngon này ở đâu vậy?

- Ông im đi. Người đời xem Sa-môn ni là

phước điền, Sa-môn ni lại coi ta là phước điền.

Do thế bị người đời chê cười: "Vì sao Sa-môn ni lại dùng thức ăn của thí chủ cúng cho mình đem cho kẻ không tăng trưởng phước đức?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni kia đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao tự tay ngươi cho thức ăn cho ngoại đạo?

Từ nay về sau, Ta không cho phép tự tay cho thức ăn cho ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự tay cho thức ăn cho người thế tục, ngoại đạo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ ở trên đã giải thích).

Nếu Tỳ-kheo-ni có thân nhân đến chơi, mình muốn cho thức ăn cho họ thì không được tự tay đưa cho, mà phải bảo tịnh nhân nữ cho. Nếu không có tịnh nhân nữ thì nên bảo: "Nên tự tay lấy thức ăn

trong đó mà ăn". Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: "Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất". Khi mình nhận thức ăn rồi, nên để dưới đất, bảo họ tự lấy. Nếu ngoại đạo đến thì không được tự tay cho thức ăn mà phải bảo tịnh nhân nữ cho họ. Nếu không có tịnh nhân nữ thì nên nói: "Hãy tự lấy thức ăn trong đó mà ăn". Nếu sợ họ lấy nhiều thì nên bảo: "Lấy chừng ấy thức ăn đưa đây, còn bao nhiêu đem cất". Rồi mình

tự tay để thức ăn dưới đất cho họ. Nếu người bà con mình trách: "Ngươi dùng lối Chiên-đà-la để đối xử với ta sao?" thì nên nói: "Ông đã xuất gia vào chỗ không tốt. Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi cho thức ăn. Phật cũng dạy: "Được sai ngoại đạo nấu thức ăn rồi bảo họ: "Ngươi đưa cho ta còn bao nhiêu thì hãy ăn". Đó là những gì mà Đức Thế Tôn đã dạy".

82. GIỚI LÀM THẦY THUỐC ĐỂ SINH SỐNG

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Xiển-đà chữa bệnh rất giỏi, thường đem theo rễ, lá, quả cây thuốc vào các nhà hoàng tộc, đại thần, cư sĩ trị bệnh cho các thai phụ. Cô chữa bệnh mắt, thổ tả, xông đầu, nhỏ thuốc mũi, dùng kim lể, rồi bôi thuốc vào. Do chữa bệnh nên cô được cúng dường rất nồng hậu. Các Tỳ-kheo-ni

bèn khiển trách cô:

- Đó không phải là phép tắc xuất gia mà là nghề làm thầy thuốc.

Thế rồi, họ trình bày việc đó với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép làm nghề thầy thuốc để nuôi sống.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại.

Nếu Tỳ-kheo-ni làm nghề thầy thuốc để nuôi sống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Thầy thuốc: Người dùng rễ, lá, trái cây thuốc để chữa bệnh. Lại có thầy thuốc chú nguyện thuốc độc, chú nguyện rắn, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng. Nếu ai dùng những phương pháp ấy để nuôi sống như mẹ của Xiển-đà thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm nghề thầy thuốc để sinh sống. Nếu mình bị bệnh thì được bảo người khác dùng phương

thuốc để chữa trị.

Nếu Tỳ-kheo làm nghề thầy thuốc để sinh sống thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên, Đức Thế Tôn nói (như trên).

83. GIỚI TRAO TOA THUỐC CHO NGƯỜI THẾ TỤC VÀ NGOẠI ĐẠO

Khi Phật an trú tại Câu-diệm-di, sau khi Ngài chế giới không cho làm nghề thầy thuốc để nuôi sống, thì có người mời mẹ của Xiển-đà chữa bệnh, Tỳ-kheo-ni liền nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép chữa bệnh". Họ lại nói: "Nếu không cho chữa bệnh thì xin cho tôi toa thuốc". Thế là cô bèn đưa toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni liền nói: "Chỉ lo nghiền ngẫm các phương thuốc, thì không phải là phép tắc xuất gia".

Thế rồi, họ trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

Từ nay về sau, Ta không cho phép trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Câu-diệm-di phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni trao cho người thế tục và

ngoại đạo toa thuốc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói. Người thế tục: Người tại gia.

Ngoại đạo: Chỉ hàng ngoại đạo xuất gia.

Trao toa thuốc: Nếu như chú nguyện rắn, chú nguyện thuốc độc, cho đến chú nguyện lửa, chú nguyện tinh tú, mặt trời, mặt trăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Tỳ-kheo-ni không được trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo, cũng không được chỉ vẽ phương thuốc cho họ.

Nếu Tỳ-kheo trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

84. GIỚI LÀM VIỆC CHO NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-xá-khư Lộc Mẫu mời hai bộ Tăng (về nhà cúng dường). Các Tỳ-kheo-ni sáng sớm đến nhà bà, nói:

- Này Ưu-bà-di, hôm nay bà mời hai bộ Tăng, chúng tôi nên dùng thứ gì để báo đáp đây?

- Thưa các Thánh giả, các vị chỉ cần tụng kinh, hành đạo tức là đã báo ân rồi vậy.

- Đúng thế, nhưng cũng phải có việc gì khác để báo đáp chút chút chứ.

- Thế là, họ leo lên gác, lấy bông vải ra, rồi người thì cán hạt, người thì nhồi bông, người thì se sợi, làm thành cuộn chỉ tròn, đem đưa bà, nói:

- Những gì chúng tôi muốn báo đáp bà, giờ đã làm xong.

- Việc đó không phải là báo đáp, muốn báo đáp thì ăn xong, ngồi thiền, tụng kinh, học kinh, đó mới gọi là báo đền.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm những việc thế tục tại nhà bạch y.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi, cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni làm việc cho người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Người thế tục: Tức nhà bạch y.

Làm việc cho người thế tục: Tức là cán hạt

bông, nhồi bông và se sợi, hoặc giã, xay, giặt áo, đại loại làm những việc nhà cho người thế tục như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được làm việc cho người thế tục. Nếu đàn-việt muốn cúng dường Phật nên nói: "Này Thánh giả, hãy giúp con làm dụng cụ cúng dường này", thì lúc ấy được giúp họ kết vòng hoa, nghiền bột hương.

Nếu Tỳ-kheo làm việc giúp cho người thế tục thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

85. GIỚI VÀO NHÀ NGƯỜI KHÔNG BÁO TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia vào giữa trưa trong nhà vắng vẻ tưởng không có ai, muốn giao hoan, thì Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà không báo trước mà đột ngột đi vào. Người chồng thấy thế nổi giận, vì cuộc hành dâm của mình bị trở ngại, đồng thời nam căn còn cương cứng, bèn đuổi theo định bắt Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni hoảng sợ vội vàng bỏ chạy về lại trú xứ, nói với các Tỳ-kheo-ni khác: "Hôm nay suýt chút nữa tôi bị hủy hoại phạm hạnh".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới

rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết thực gia, không nói trước mà đi vào. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia, không nói trước mà đi vào, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe từ người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thức ăn của người nam, người nam là thức ăn của người nữ.

Gia: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-môn, nhà Tỳ-xá, nhà Thủ-đà-la, đại loại các gia đình như thế, nếu không báo trước mà đột ngột đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không nói trước thì không được đi vào. Nếu muốn đi vào thì nên nói với người giữ cửa rằng tôi muốn đi vào. Nếu người giữ cửa thưa với chủ nhà rồi họ bảo vào thì mới được vào. Nếu người giữ cửa không ra báo lại thì không được vào. Nếu nghe

trong phòng có tiếng nói thì phải gảy móng tay, dậm chân cho có tiếng động. Nếu họ vẫn im lặng thì không được vào. Nếu họ ra nghênh tiếp thì được vào.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước với gia chủ mà vào nhà họ thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

86. GIỚI SỐNG THÂN CẬN VỚI NGƯỜI THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của gia đình Ly-xa xuất gia, rồi cô ấy sống thân cận với

người thế tục ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép sống thân cận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni sống thân cận với người thế tục, ngoại đạo - thậm chí sống thân cận với

người làm vườn, Sa-di - trọn ngày hoặc trong khoảnh khắc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

(Một số từ ngữ trên đã giải thích)

Trọn ngày: Từ lúc bình minh đến lúc mặt trời lặn. Cho đến trong khoảnh khắc: Chỉ trong chốc lát.

Sống thân cận: Thân thể sống thân cận, miệng thân cận, thân miệng sống thân cận, thậm chí sống với người làm vườn, Sa-di thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni thích sống thân cận với người này người kia thì Hòa thượng ni, A-xà-lê ni nên cho họ sống cách ly ở chỗ khác.

Nếu Tỳ-kheo sống thân cận thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

87. GIỚI TỰ THỀ THỐT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác rồi chỉ Phật, chỉ A-xà-lê, chỉ y-cà-sa thề thốt như sau: "Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì khi chết tôi không được khoác áo cà-sa, không đoạn tận khổ đau, bị mang tội giết cha mẹ, bị mang tội vong ân, bị mang tội hủy báng Hiền Thánh, rơi xuống địa ngục, đọa vào quỷ đói, đọa vào súc sinh. Nếu tôi làm như vậy, thì tôi sẽ rơi vào các cõi ấy.

Nếu bạn làm như vậy thì bạn cũng sẽ rơi vào trong các cõi ấy".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Ngươi là người xuất gia mà vì sao lại thề thốt như thế? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc ấy để nuôi lớn pháp thiện được.

Cuối cùng Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự thề thốt và nguyền rủa người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tự thề thốt: Như chỉ Phật, chỉ A-xà-lê thề thốt: "Nam mô Phật, nếu tôi làm như thế thì tôi sẽ bị tội như Đề-bà-đạt-đa, bị tội vọng ngữ, bị tội phản bội ân nhân, bị tội nói hai lưỡi. Nếu tôi như vậy thì phạm hạnh không thành tựu, khi chết không được khoác áo cà-sa, bị rơi xuống địa ngục, đọa vào súc sanh, ngạ quỹ. Nếu bạn hủy báng tôi thì bạn cũng sẽ bị tội như thế". Nếu thề thốt như thế thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo thề thốt như thế thì phạm tội Việt-

tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

88. GIỚI HỜN DỖI TỰ ĐÁNH MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà gây lộn với Tỳ-kheo-ni khác, rồi nổi giận, tự đánh, tự cào, khóc rống lên tuôn lệ. Các Tỳ-kheo-ni khác nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Vì sao ngươi nổi giận tự đánh mình, rồi khóc rống lên tuôn rơi nước mắt? Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình rồi tuôn rơi nước mắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tự đánh mình: Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tay nắm mình lại, rồi dùng cú đấm mà đấm, hoặc dùng roi gậy đánh, hoặc dùng đất cục ném, rồi khóc lóc thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni tự đánh mình mà không khóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu khóc mà không đánh, cũng phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu vừa đánh vừa khóc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không đánh, không khóc thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo tự đánh mình rồi khóc thì phạm tội Việt-tỳ-ni, Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

89. GIỚI TRÁCH NGƯỜI VÔ CỚ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến nhà thế tục ca ngợi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề là người hiền lành, giữ giới, tinh tấn, cho đến có oai nghi ung dung khi nhìn trái, trông phải, mặc y, cầm bát, nhìn ngó chỉnh tề, ít nói năng được trời người cúng dường, đàn-việt trông thấy liền sinh tâm cung kính, chu cấp y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Thế nhưng, bản thân Thâu-lan-nan-đà thì oai nghi khiếm khuyết, mặc y rách rưới bẩn thỉu, để lộ cả cái bụng bự, nhũ hoa và hông ra ngoài, cử chỉ thì thô tháo, nói năng búa xua. Vì thế đàn-việt sanh tâm bất kính, không mời về cúng dường y bát, thức ăn, thuốc trị bệnh. Do vậy, Thâu-lan-nan-đà nói: “Tôi đến nhà đàn-việt ca ngợi Thọ-đề nên mới được các thứ cúng dường này. Thế mà Thọ-đề chỉ nói những chuyện không tốt của tôi, nên tôi không được cúng dường”. Thọ-

đề liền trả lời: "Này Thánh giả, tôi không nói chuyện xấu của Thánh giả, vì sao lại bảo là tôi nói?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không xem xét cẩn thận mà lại trách móc người khác?. Đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời Ta dạy, không thể dùng việc đó để nuôi lớn pháp thiện được. Từ nay về sau, không được không xét nét cẩn thận mà trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: Này Thánh giả, cùng đến nhà Mỗ giáp với tôi", sau đó không hài lòng Tỳ-kheo-ni ấy mà không thẩm xét những gì được nghe, rồi vô cớ quở trách, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà ở trên đã nói. Nhà: Như nhà Sát-lợi, nhà Bà-la-

môn, nhà Tỳ-xá, nhà Thủ-đà. Sau đó không hài lòng: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thọ-đề.

Việc không hài lòng: Chín việc ưu não, và việc thứ mười là nổi giận không đúng chỗ.

Vô cớ: Không thẩm xét kỹ những gì được nghe và quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni không thẩm xét kỹ những gì được nghe mà quở trách người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không thẩm xét mà quở trách người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

90. GIỚI GIỮ CỦA NGƯỜI KHÁC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đến giờ bèn khoác y, cầm bát đi đến đứng trước cửa một gia đình hào phú, bỗng thấy có Tỳ-kheo đến khất thực, cô nói: "Tôn đức có thể vào nhà này, họ sẽ nấu thức ăn cúng dường tôn đức, rồi họ mới ăn". Nếu thấy Tỳ-kheo-ni đến thì cô nói: "Thánh giả hãy vào nhà này, đàn-việt sẽ nấu thức ăn cúng dường Thánh giả, rồi họ mới ăn". Hoặc là cô nói: "Nhà khác cũng có thức ăn vậy, hà tất phải tập trung tại đây?". Đối với tất cả ngoại đạo khất thực cô đều nói như thế với tâm keo kiệt nhằm bảo vệ nhà ấy.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-

đạo. Cho đến chỗ cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi dùng tâm keo kiệt giữ gìn cho nhà người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni dùng tâm keo kiệt để giữ gìn nhà người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tâm keo kiệt ganh ghét: Như Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được dùng tâm keo kiệt tật đố để giữ gìn nhà người khác. Nếu Tỳ-kheo-ni khác hỏi thì phải nói thật. Nếu ngoại đạo hỏi mà mình sợ tiêm nhiễm tà kiến của ngoại đạo nên quở trách, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo dùng tâm keo kiệt tật đố tiếc của nhà người ta thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên)

Kệ tóm tắt:

"Tự tay cho thức ăn,
Làm giúp người thế tục.
Vào không nói, thân cận,
Thề thốt, tự đánh mình.
Quở trách, giữ của người

Kết thúc phần thứ chín”.

91. GIỚI MẮNG NHIẾC TỲ-KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có hai vợ chồng người kia xuất gia, rồi người chồng già đi đến thăm. Bà vợ đem cho thức ăn rồi đứng một bên. Ông chồng bèn đem những chuyện xấu trước kia của vợ mình ra nói. Bà vợ nghe thế không vui, liền nói: “Lão già chết yểu! Không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói”. Các Tỳ-kheo-ni bèn quở trách cô ấy: “Này Thánh giả, đây là vị tôn túc, không được mắng mỏ như vậy”. Cô ta liền nói với các Tỳ-kheo-ni: “Đây là lão già chết yểu, không biết ân nghĩa, những chuyện không nên nói lại đem ra nói”.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Đối diện: Bốn mắt nhìn nhau.

Mắng mỏ: Như nói: "Đồ lão già chết yểu, bất thiện, không biết ân nghĩa", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Tỳ-kheo-ni không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo. Nếu là anh em thân thích xuất gia mà không giữ giới hạnh cũng không được mắng mỏ, mà chỉ nên dùng lời nhỏ nhẹ để khuyên bảo. Nếu người ấy còn trẻ tuổi thì nên nói: "Này Sa-lộ-ê-đa, đừng có làm việc đó. Nếu nay ngươi không học thì đợi lúc nào mới học? Sau này đệ tử của ngươi cũng sẽ bắt chước ngươi làm điều bất thiện". Nếu người ấy già cả thì nên nói: "Này Sa-lộ-ê-đa, nay ông không học đợi đến lúc già chết rồi mới học sao?".

Tỳ-kheo cũng không được đối diện trực tiếp mắng mỏ Tỳ-kheo-ni: "Đồ con mụ trọc đầu! Con mụ dâm dật", thậm chí nói: "Này mụ già, bà là kẻ bất thiện, không biết ân nghĩa", mà nên dùng lời nhỏ nhẹ khuyên bảo, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo đối diện mắng mỏ Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

92. GIỚI CHƯA ĐỦ MƯỜI HAI HẠ MÀ

NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những Tỳ-kheo-ni một tuổi, hai tuổi, ba tuổi (hạ) bèn nuôi đệ tử mà không biết dạy dỗ, để họ buông lung như dê trời, trâu trời, tịnh giới không đầy đủ, oai nghi không đầy đủ, không biết cung phụng Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết cung phụng Tỳ-kheo-ni Trưởng lão, không biết phép tắc vào thôn xóm, phép tắc ở A-luyện-nhã, không biết phép tắc vào trong Tăng, không biết mặc y, cầm bát.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà nuôi đệ tử.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Chưa đủ mười hai năm gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà đủ mười hai năm

cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà quá mười hai năm cũng gọi là chưa đủ mười

hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông, nhưng chưa qua lần Tự tứ của mùa Đông thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa xuân, nhưng chưa qua lần tự tứ của mùa xuân thứ mười hai thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu tiền an cư thọ cụ túc, trải qua tiền an cư thứ mười hai, nhưng chưa thọ Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa. Nếu hậu an cư thọ Cụ túc, trải qua hậu an cư lần thứ mười hai, nhưng chưa Tự tứ thì cũng gọi là chưa đủ mười hai mùa mưa.

Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa mà chưa đủ mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa, đủ mười hai năm, hoặc quá mười hai năm, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa (mười hai Hạ lạp)

Tỳ-kheo-ni thọ cụ túc vào mùa Đông trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong, thì gọi là đủ mười hai mùa mưa. Nếu thọ cụ túc vào mùa Xuân, trải qua an cư xong, thọ Tự tứ xong cũng vậy. Tiền an cư thọ cụ túc trải qua tiền an cư xong thọ Tự tứ. Hậu an cư thọ cụ túc, trải qua hậu an cư xong thọ Tự tứ, đó gọi là mười hai mùa mưa (mười hai tuổi hạ)

Nếu Tỳ-kheo-ni (chưa đủ mười hai mùa mưa mà) nuôi đệ tử, cho thọ Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cho họ thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười hai mùa mưa mà độ người, cho thọ Cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni (?). Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

93. GIỚI CHƯA ĐỦ MƯỜI PHÁP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau lúc Ngài chế giới không cho người chưa đủ mười hai mùa mưa nuôi đệ tử, thì nhóm sáu Tỳ-kheo-ni và các Tỳ-kheo-ni khác đủ mười hai mùa mưa nhưng chưa đủ mười pháp, nuôi đệ tử mà không dạy bảo, để họ giống như trâu trời, dê trời, thậm chí không biết mặc y cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, họ đáp với Phật: "Đúng như vậy, bạch Thế Tôn". Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép người chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải

nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa nhưng chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

(533c) Đủ 12 mùa mưa: Như trên đã nói.

Chưa đủ mười pháp: Nghĩa là mười pháp chưa thành tựu. Mười pháp đó là:

1. Giữ giới.
2. Nghe nhiều A-tỳ-đàm (Luận).
3. Nghe nhiều Tỳ-ni (Luật).
4. Học giới.
5. Học định.
6. Học tuệ.
7. Có thể tự xuất tội và sai người xuất tội.
8. Nếu đệ tử thân tín muốn bãi đạo, thì có thể tự mình hoặc nhờ người đưa họ đến nơi khác (ẩn lánh).
9. Khi đệ tử có bệnh thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác chăm sóc.
10. Đủ mười hai mùa mưa (Hạ lạp) hoặc hơn.

Đó gọi là mười pháp. Nếu chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì

phạm tội Việt-tỳ-ni. Nếu cho họ thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ mười pháp mà độ người thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

94. GIỚI CHƯA XIN PHÉP MÀ NUÔI ĐỆ TỬ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài cho phép người nào đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp được nuôi đệ tử thì các Tỳ-kheo-ni đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp bèn nuôi đệ tử, thế rồi các Tỳ-kheo-ni khác than phiền: "Ai biết là bà đủ mười hai mùa mưa và thành tựu mười pháp?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, người ấy đáp lời Phật hỏi:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, muốn nuôi đệ tử phải làm pháp Yết-ma cầu thính, rồi mới xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Người làm Yết-ma nên bạch như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Ni chúng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử, nếu thời gian của Ni chúng đã đến (Xin Ni chúng chấp nhận).

Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp thành tựu mười pháp muốn vào trước Ni chúng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử; vì Ni chúng đã

bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận việc này như vậy.

Vị Tỳ-kheo-ni này phải vào trước Ni chúng quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tôi là Mỗ giáp, đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, nay theo Ni chúng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Kính mong Ni chúng cho tôi pháp Yết-ma nuôi đệ tử. (Xin như vậy ba lần). Rồi người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp, đã theo Ni chúng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp - thành tựu mười pháp - pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Đây là lời tác bạch.

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp - đủ mười hai mùa mưa, thành tựu mười pháp - đã theo Ni chúng xin pháp Yết-ma nuôi đệ tử. Nay Ni chúng cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử, Thánh giả nào bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử thì im lặng; ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất, (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Ni chúng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp pháp Yết-ma nuôi đệ tử xong, vì Ni chúng im lặng.

Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni thành tựu mười pháp nhưng không làm Yết-ma mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thành tựu mười pháp: Như trên đã nói.

Không làm Yết-ma: Không làm Yết-ma giữa Ni chúng thì gọi là không làm Yết-ma. Ngoài ra, nếu mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không làm Yết-ma. Tuy nhiên, nếu làm Yết-ma mà bạch không đúng cách, Ni chúng không thành tựu, Yết-ma không thành tựu, cũng gọi là không làm Yết-ma. Người nuôi đệ tử muốn cho đệ tử thọ cụ túc mà không làm Yết-ma thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

95. GIỚI CHO NGƯỜI PHẠM TỘI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ con gái thứ ba của dòng họ Ly-xa, rồi cho thọ học pháp. Thế là cô ta lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với người thế tục, ngoại đạo. Tỳ-kheo-ni bèn khiển trách Ca-lê: "Kẻ này phạm giới, lấy chìa khóa mở cửa phòng

người khác, cùng sống chung với đàn ông, mà vì sao cho thọ Cụ túc? (?)". Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết kẻ phạm giới lấy chìa khóa mở cửa phòng người khác, sống chung với ngoại đạo mà cho thọ cụ túc? Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni cho kẻ phạm giới thọ cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết người kia phạm giới, cầm chìa khóa mở cửa phòng người khác, cùng sống chung với đàn ông mà cho thọ Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Phạm giới: Giới không đầy đủ, vượt qua giới.

Cầm chìa khóa mở cửa phòng: Mở cửa phòng người khác. Đàn ông: Người thế tục hoặc là hàng ngoại đạo xuất gia.

Sống chung: Sống gần gũi bên nhau. Nếu cho người như vậy thọ Cụ túc thì phạm Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu kẻ ấy sống

chung với người thế tục, ngoại đạo thì không được cho thọ cụ túc. Nếu có thể làm cho người này phạm hạnh được toàn vẹn thì trước hết nên làm cho họ sống cách ly rồi mới cho thọ Cụ túc.

Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di phạm giới, sống thân cận với phụ nữ, nhưng không cho xuất gia lại mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

96. GIỚI CHO NGƯỜI THIẾU TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có Tỳ-kheo-ni độ những đồng nữ mười tuổi, mười hai tuổi xuất gia, thọ Cụ túc. Những người này

thân thể yếu đuối không làm nổi những việc nhọc nhằn, chưa biết giữ sạch sẽ, oai nghi khiếm khuyết, không biết phụng sự Hòa thượng ni, A-xà-lê ni, không biết vào thôn xóm, không biết A-luyện-nhã, không biết phép tắc khi vào trong chúng, không biết khoác y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cho đồng nữ chưa đủ hai mươi tuổi thọ Cụ túc.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Chưa đủ hai mươi mùa mưa: Chưa đủ hai mươi năm gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nhưng đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà đủ hai mươi năm cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa mà hơn hai mươi năm vẫn gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Nếu sinh vào mùa Đông, tính đến mùa Đông năm thứ hai mươi mà chưa qua lần Tự tứ cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Xuân cũng vậy. Nếu đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, tính đến tiền an cư năm thứ hai mươi nhưng chưa qua lần Tự tứ, sinh vào lúc hậu an cư, tính đến hậu an cư năm thứ hai mươi, nhưng chưa qua lần Tự tứ, cũng gọi là chưa đủ hai mươi mùa mưa.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, tất cả giới sư đều tưởng là chưa đủ mà cho thọ cụ túc thì tất cả phạm tội Ba-dạ-đề. Người đó không được gọi là thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, một

nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ mà cho thọ cụ túc thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Ba-dạ-đề, những người tưởng là đã đủ không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Nếu đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa, mà tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều không có tội, và người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa, đủ hai mươi năm hoặc đủ hai mươi mùa mưa mà quá hai mươi năm cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Đồng nữ sinh vào mùa Đông, đến năm thứ hai mươi, sau khi an cư, tự tứ xong, được cho thọ cụ túc. Trường hợp sinh vào mùa xuân cũng như vậy. Đồng nữ sinh vào lúc tiền an cư, sau hai mươi năm, trải qua tiền an cư xong, Tự tứ xong, sinh vào lúc hậu an cư, sau hai mươi năm, trải qua hậu an cư xong, Tự tứ xong (được cho thọ cụ túc).

Nếu đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà một nửa giới sư tưởng là chưa đủ, một nửa tưởng là đã đủ (rồi cho thọ cụ túc), thì những người tưởng là chưa đủ phạm tội Việt-tỳ-ni, những người tưởng là đã đủ không có tội. Người này được gọi là đã thọ cụ túc.

Đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa mà tất cả giới sư tưởng là chưa đủ rồi cho thọ cụ túc, thì tất cả đều phạm tội Việt-tỳ-ni. Người này không được gọi là thọ cụ túc. Nếu tất cả giới sư đều tưởng là đã đủ thì tất cả không có tội. Người này được gọi là đã khéo thọ cụ túc.

Đồng nữ: Người mà phạm hạnh chưa bị hủy hoại. (Nếu cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa) thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đồng nữ muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của Đức Như Lai thì giới sư nên hỏi: "Ngươi sinh vào lúc nào?". Nếu họ không biết thì nên xem tấm ván ghi năm sinh. Nếu không có tấm ván thì phải hỏi cha mẹ thân nhân của họ. Nếu cũng không biết, thì phải hỏi xem sinh vào thời vua nào, năm được mùa hay năm mất mùa. Nếu cũng không biết thì nên xem tướng trạng (để suy đoán). Nếu họ là con gái của nhạc sĩ thì tuy tuổi nhỏ mà hình vóc lớn, nên xem tướng tay chân xương cốt (mà suy đoán). Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

97. GIỚI CHO NGƯỜI CHƯA HỌC GIỚI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ cụ túc, thì các Tỳ-kheo-ni cho các đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa thọ

cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni khác dị nghị: "Ngươi đủ hai mươi mùa mưa hay chưa đủ hai mươi mùa mưa ai mà biết được".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, đồng nữ mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong giáo pháp của Như Lai phải theo Ni chúng xin hai năm học giới. Trước hết phải làm Yết-ma cầu thính rồi mới xin. Người làm Yết-ma nên tác bạch như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong giới luật của Đức Như Lai, nếu thời gian của Ni chúng đã đến, xin Ni chúng cho phép Mỗ giáp vào trước Ni chúng xin hai năm học giới.

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp mười tám tuổi muốn vào trước Ni chúng xin hai năm học giới, vì Ni chúng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, đồng nữ này phải vào trước Ni chúng xin như sau:

- Xin Thánh giả Ni chúng lắng nghe. Con là đồng nữ Mỗ giáp mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai, nay theo Ni chúng xin hai năm học giới. Kính mong Ni chúng thương xót cho con hai năm học giới (Xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai, đã theo Ni chúng xin hai năm học giới, nếu thời gian của Ni chúng đã đến, Ni chúng cho Mỗ giáp pháp Yết-ma hai năm học giới. Đây là lời tác bạch.

Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp mười tám tuổi muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai, đã theo Ni chúng xin hai năm học giới, Thánh giả nào bằng lòng cho Mỗ giáp hai năm học giới thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là lần Yết-ma thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế).

Ni chúng đã bằng lòng cho Mỗ giáp hai năm học giới xong, vì im lặng, tôi ghi nhận như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni chưa cho đồng nữ đủ hai mươi tuổi học giới mà cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Đủ hai mươi tuổi: Tức đủ hai mươi mùa mưa. Nếu đủ hai mươi mùa mưa mà chưa đủ hai mươi tuổi cũng gọi là đủ hai mươi mùa mưa. Thậm chí,

nếu hậu an cư sinh, sau hai mươi năm hậu an cư thọ tự tứ xong, cũng gọi là đủ hai mươi tuổi.

Không cho học giới: Nếu không làm Yết-ma mà cho học giới cũng gọi là không cho học giới. Hoặc mười pháp không đầy đủ cũng gọi là không cho học giới. Tuy có làm Yết-ma nhưng chúng không thành tựu, bạch không đúng pháp, Yết-ma không đúng pháp - nếu một pháp nào không thành tựu - mà cho thọ cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

98. GIỚI CHO NGƯỜI HỌC GIỚI CHƯA XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc; thế rồi, Đức Thế Tôn bảo: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người đang thọ học giới học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thọ học giới: Cho thọ học giới đủ mười pháp, chúng thành tựu, bạch thành tựu, Yết-ma thành tựu, tất cả mọi pháp đều thành tựu, đó gọi là thọ học giới.

Học chưa hoàn tất: Trong hai năm thọ học giới phải tùy thuận học mười tám việc. Đó là: Khi ăn uống phải ngồi dưới tất cả Tỳ-kheo-ni, trên tất cả

Sa-di-ni, đối với họ không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh; đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh thì đối với họ cũng không thanh tịnh, được ngủ chung cùng phòng với Tỳ-kheo-ni ba hôm, cũng được ngủ chung với Sa-di-ni trong ba hôm, được Tỳ-kheo-ni trao cho thức ăn, ngoại trừ năm loại thực phẩm được hỏa tịnh; theo Sa-di-ni nhận thức ăn; Tỳ-kheo-ni không được hướng đến họ nói về Ba-la-đề-mộc-xoa, từ Ba-la-di cho đến tội Việt-tỳ-ni, mà chỉ được nói: không được dâm, không được trộm cắp, không được giết người, đại loại được dạy bảo như vậy, không được nghe Bố-tát, Tự-tứ. Đến ngày Bố-tát Tự tứ, phải đến trước Thượng tọa, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tăng, nói như sau: "Con là Mỗ giáp thanh tịnh, xin Thượng tọa ghi nhớ cho", nói như vậy ba lần, rồi lui ra. Nếu phạm một trong bốn giới Ba-la-di sau cùng thì ngay trong ngày ấy phải thọ học pháp trở lại. Nếu phạm mười chín giới Tăng-già-bà-thi-sa trở về sau thì tất cả đều sám hối tội Đột-cát-la. Nếu phá năm giới như ăn phi thời, cất thức ăn để ăn, nhận vàng bạc và tiền mặt, uống rượu, mang hương hoa, thì tùy phạm vào ngày nào phải bắt đầu thọ học lại hai năm kể từ ngày đó, còn thời gian trước bị hủy bỏ. Đó gọi là học giới chưa hoàn tất.

Nếu ai cho người học chưa hoàn tất thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên)

99. GIỚI KHÔNG CHO NGƯỜI ĐÃ HỌC XONG THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người chưa học giới hai năm hoàn tất thọ cụ túc, thế nên Tỳ-kheo-ni cho đồng nữ mười tám mùa mưa (tuổi) học giới hai năm, đến lúc đủ hai mươi mùa mưa cho thọ cụ túc. Tuy vậy, các

Tỳ-kheo-ni vẫn chê trách: "Người học giới hoàn tất hay chưa hoàn tất ai mà biết".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến trình bày với Đại-ái-đạo. Cho đến Phật dạy: "Từ nay về sau, đồng nữ đã học giới đủ hai mươi mùa mưa muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Như Lai để làm Tỳ-kheo-ni, thì trước hết phải làm Yết-ma cầu thỉnh, rồi đến trước Ni chúng xin pháp Yết-ma đã học giới hoàn tất để thọ cụ túc. Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai; nếu thời gian của Ni chúng đã đến, Ni chúng cho Mỗ giáp vào trước Ni chúng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất.

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp hai mươi tuổi đã học giới hoàn tất muốn vào

trước Ni chúng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Ni chúng đã bằng lòng nên im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, người này phải vào giữa Ni chúng quỳ gối, chắp tay, xin như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Con là đồng nữ Mỗ giáp hai mươi tuổi, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai, nay theo Ni chúng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Kính mong Ni chúng thương xót cho con thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất, (xin như vậy ba lần).

Người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất, muốn thọ cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai làm Tỳ-kheo-ni, nay theo Ni chúng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, nay Ni chúng cho Mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Đây là lời tác bạch.

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Đồng nữ Mỗ giáp đủ hai mươi mùa mưa, đã học giới hoàn tất muốn thọ cụ túc làm Tỳ-kheo-ni trong pháp luật của Đức Như Lai, đã theo Ni chúng xin thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Nay Ni chúng cho Mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới hoàn tất. Thánh giả nào bằng lòng cho Mỗ giáp thọ cụ túc vì đã học giới

hoàn tất thì im lặng, ai không bằng lòng hãy nói. Đây là Yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế).

Ni chúng đã bằng lòng cho Mỗ giáp pháp Yết-ma thọ cụ túc xong, vì Ni chúng im lặng, tôi ghi nhận việc này như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu học ni đã học giới hoàn tất mà Tỳ-kheo-ni không làm Yết-ma cho thọ cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Học giới hoàn tất: Trong hai mùa mưa tùy thuận làm mười tám việc.

Không làm Yết-ma: Không tác pháp Yết-ma cho thọ cụ túc thì

(Tỳ-kheo-ni bổn sư) phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 39

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)

100. GIỚI CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG DƯỚI MƯỜI HAI TUỔI THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy những người con gái của dòng họ Thích, họ Câu-lê, họ Ma-la, họ Ly-xa sau khi lấy chồng rồi mới xuất gia, từng chịu đựng những việc cực nhọc nên đã khôn ngoan. Đại-ái-đạo Cù-đàm-di bèn hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Những người nữ đã có chồng, chưa đủ hai mươi mùa mưa có thọ Cụ túc được không? - Được.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng tám tuổi, chín tuổi thọ Cụ túc, nhưng vì họ quá bé nhỏ, yếu đuối không chịu đựng được những việc cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Chưa đủ mười hai mùa mưa: Như trường hợp chưa đủ hai mươi mùa mưa ở trên đã nói rõ.

Người nữ đã có chồng: Người mà phạm hạnh đã bị hủy hoại. Nếu cho người như vậy chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu người nữ đã lấy chồng muốn thọ Cụ túc trong pháp luật của Đức Như Lai thì trước hết nên hỏi; cho đến phải xem tay chân xương cốt v.v...

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

101. GIỚI NGƯỜI CÓ CHỒNG MƯỜI HAI TUỔI CHƯA HỌC GIỚI MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Đức Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa thọ Cụ túc. Thế nhưng, các Tỳ-kheo-ni than phiền: "Ngươi là người nữ đã lấy chồng đủ hay chưa đủ mười hai mùa mưa ai mà biết được".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-

đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Từ nay về sau, những người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa phải cho học giới hai năm".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không cho người nữ đã lấy chồng đủ mười hai mùa mưa học giới mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong giới đồng nữ không học giới ở trên đã nói.

Kệ tóm tắt:

"Mắng ngay, độ phi pháp,
Mười pháp chưa đầy đủ.
Không yết-ma nuôi chúng,
Phạm giới, thiếu hai mươi.
Không học, học chưa đủ,
Học đủ, không yết-ma.
Dưới hai mươi, không học,
Kết thúc phần thứ mười".

102. GIỚI NGƯỜI CÓ CHỒNG HỌC CHƯA XONG MÀ CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ bà vợ của viên quan nhà vua là Tu-đề-na xuất gia cho thọ Cụ túc. Vì lúc còn ở nhà bà đã có thai nên dần dần bụng lớn. Các Tỳ-kheo-

ni bèn khiển trách người đó:

- Ngươi đã thọ học giới mà có thai lẽ đáng phải trục xuất.

- Từ khi xuất gia đến nay tôi không hề biết chuyện đó.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Người này từ lúc xuất gia về

sau không biết đến việc ấy (việc dâm dục) tức là bào thai có từ lúc còn ở nhà. Nếu gặp trường hợp như vậy thì chưa nên cho thọ Cụ túc mà phải đợi đến sau khi sinh con. Nếu sinh con gái, thì sau khi sinh cho thọ Cụ túc. Nếu sinh con trai, thì đợi đến khi đứa bé dứt sữa mới cho thọ Cụ túc. Nhưng nếu có chị em thân thích nói: "Hãy bồng đứa bé đến đây để tôi nuôi dưỡng cho" - Nếu gặp trường hợp như vậy - thì nên cho thọ Cụ túc".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới chưa đủ mà cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ học giới chưa đủ trên kia đã nói rõ.

103. GIỚI CHO NGƯỜI CÓ CHỒNG THỌ GIỚI, KHÔNG LÀM YẾT MA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ mười hai tuổi chưa đủ hai năm học giới thọ Cụ túc, thì Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng đủ hai năm học giới thọ Cụ túc. Thế nhưng các Tỳ-kheo-ni chê trách người ấy: "Người học giới đủ hay chưa đủ ai mà biết được".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Thế rồi Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho người nữ đã lấy chồng học giới đủ thọ Cụ túc mà không làm yết-ma, thì phạm tội Ba-dạ-đề, như trong điều đồng nữ không làm yết-ma ở trên đã nói rõ.

104. GIỚI CHO THỌ GIỚI RỒI MÀ KHÔNG DẠY DỖ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni nuôi nhiều đệ tử mà không dạy dỗ, để họ giống như trâu trời, dê trời, không biết giữ gìn sạch sẽ, oai nghi không đầy đủ; không biết phụng sự Hòa thượng, A-xà-lê, không biết phụng sự Trưởng lão Tỳ-kheo-ni, không biết phép vào thôn xóm, ở A-luyện-nhã, không biết mặc y, cầm bát. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bèn

đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi độ người mà không dạy? Từ nay về sau phải dạy dỗ hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cho đệ tử thọ Cụ túc rồi thì phải dạy dỗ trong hai năm. Nếu không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Đệ tử: Tức là đệ tử cùng sống chung. Hai năm: Tức là hai mùa mưa.

Dạy dỗ: Hoặc dạy A-tỳ-đàm, hoặc dạy Tỳ-ni. A-tỳ-đàm: Tức là chín bộ kinh.

Tỳ-ni: Tức là Ba-la-đề-mộc-xoa rộng rãi hoặc giản lược. Nếu thấy họ có oai nghi nên khích lệ. Nếu thấy họ trái oai nghi, nên ngăn cản. Nếu như không dạy dỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như đệ tử không thể dạy, không muốn học thì phải trục xuất.

Nếu Tỳ-kheo không dạy bảo đệ tử cùng sống chung thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

105. GIỚI THỌ GIỚI RỒI, KHÔNG HẦU THẦY

Khi Phật an trú tại thành Xá-Vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni độ đệ tử, sau khi thọ Cụ túc rồi, đệ tử bèn bỏ đi nơi khác. Do đó, Hòa thượng ni than phiền: "Đức Thế Tôn chế giới bảo phải dạy đệ tử, nhưng đệ tử bỏ tôi mà đi, thì tôi dạy ai đây?".

Các Tỳ-kheo ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi thọ Cụ túc rồi mà đi đến nơi khác?

Ngươi phải phụng sự Hòa thượng ni trong hai năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Khi Tỳ-kheo-ni thọ Cụ túc rồi phải theo hầu, cung phụng Hòa thượng ni trong hai năm, nếu không theo hầu, cung phụng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Người thọ Cụ túc: Chỉ cho đệ tử cùng sống chung. Hai năm: Tức trong thời gian hai mùa mưa.

Cung phụng: Tức cung phụng hòa thượng ni.

Theo hầu: Không được rời xa. Nếu không theo hầu, cung phụng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu Hòa thượng ni trì giới lỏng lẻo, khiến đệ tử không muốn học, suy nghĩ: "Hòa thượng ni của ta chỉ đi đến những nơi không nên đến, nếu ta đi theo thì sợ tổn thương đến phạm hạnh", rồi bỏ đi để bảo toàn phạm hạnh thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo không theo hầu, cung phụng Hòa thượng, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

106. GIỚI NUÔI ĐỆ TỬ HÀNG NĂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử cho thọ cụ túc, rồi tâm sinh nghi ngờ không biết có được làm như thế không, bèn hỏi Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép cứ mỗi năm mỗi độ đệ tử mà phải để cách năm.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho

các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni cứ mỗi năm mỗi nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Mỗi năm: Cứ mỗi mùa mưa. Nuôi đệ tử: Tức cho thọ Cụ túc.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Phật không cho phép mỗi năm mỗi nuôi đệ tử mà phải để cách năm một. Nếu Tỳ-kheo-ni có phước đức thì năm thứ nhất cho đệ tử học giới, năm thứ hai cho thọ cụ túc, thì tuy năm nào cũng có độ mà không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

107. GIỚI ĐỂ CÁCH ĐÊM CHO THỌ GIỚI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề muốn cho đệ tử thọ Cụ túc bèn nói với Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà: "Thưa

Thánh giả, xin người mời giúp Ni chúng để cho đệ tử tôi thọ Cụ túc". Thế rồi Tỳ-kheo-ni bèn cho giới tử thọ Cụ túc (ở bản bộ yết-ma). Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà mời được nhóm sáu Tỳ-kheo, Thọ-đề bèn hỏi:

- Cô đã mời giúp Tăng cho tôi được chưa?
- Đã mời được rồi.
- Mời được ai vậy?

- Mời được nhóm sáu Tỳ-kheo.

- Tôi không dùng những vị ấy.

Thế là đến sáng hôm sau, Thọ-đề liền mời các thiện Tỳ-kheo khác cho thọ Cụ túc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem đến trình bày lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Thọ-đề đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Này Thọ-đề, đó là việc xấu. Vì sao trong một chúng thanh tịnh mà ngươi để qua đêm mới cho thọ Cụ túc, lại còn khinh thường chúng nữa? Từ nay về sau, Ta không cho phép trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc, cũng không cho phép khinh thường chúng. Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Một chúng thanh tịnh: Tức thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo-ni.

Để qua đêm: Nếu để đến hôm sau mới cho thọ Cụ túc trong chúng của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-

dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói: Phật không cho phép ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua hôm sau mới cho thọ Cụ túc; đồng thời cũng không cho phép khinh thường chúng, cũng không được mời chúng Tỳ-kheo ác cho thọ Cụ túc, mà trước hết phải đi thỉnh cầu thiện Tỳ-kheo. Nếu không thể mời đủ thì phải mời được một nửa hoặc hơn một nửa để làm yết-ma. Nếu trường hợp gặp nạn vua, nạn giặc không thể làm trong một ngày mà phải để qua đêm thì không có tội.

Trường hợp Tỳ-kheo cũng không được khinh thường chúng, cần phải mời được một nửa, hoặc hơn một nửa giới sư để làm yết-ma. Nếu

khinh thường chúng thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

108. GIỚI ĐỆ TỬ CÓ LỖI MÀ KHÔNG THU XẾP

Khi Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, Lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê độ người con gái thứ ba của dòng họ Ly-xa xuất gia, thế rồi, cô này sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Tỳ-kheo-ni Ca-lê: "Cô biết đệ tử mình sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà vì sao không đưa kẻ ấy đến sống cách biệt ở nơi khác?".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật

liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni Ca-lê đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết đệ tử sống thân cận với người thế tục và ngoại đạo mà không cách ly họ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni độ đệ tử có vấn đề mà không tự mình đưa họ hoặc sai người khác đưa họ đi xa ít nhất là năm, sáu do-tuần, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Độ người: Tức là Hòa thượng ni. Đệ tử: Tức là đệ tử đồng hành.

Có vấn đề: Tức là đệ tử muốn thôi tu, hoặc là cha mẹ bà con muốn họ thôi tu, hoặc chồng, chú muốn họ thôi tu.

Đưa đi: Hoặc tự mình đưa đi, hoặc sai người khác đưa đi. Ít nhất là năm, sáu do-tuần: Mức độ ít nhất là sáu do-tuần.

Nếu đệ tử sống thân cận với người thế tục thì nên đưa họ đi du hành. Nếu bản thân mình già bệnh không thể làm được thì nên chuyển lời nhờ người

khác dạy bảo: "Ngươi nên đi vân du đảnh lễ chùa tháp sẽ được nhiều công đức, đồng thời gặp được những hội chúng tốt đẹp làm cho tầm hiểu biết của mình thêm mở mang, nếu ta mà không già cả thì ta cũng sẽ đi".

Nếu Tỳ-kheo có đệ tử cùng sống chung có vấn đề mà không tự

mình đưa đi hoặc sai người khác đưa đến nơi khác thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

109. GIỚI NGOAN CỐ KHÔNG NGHE LỜI KHUYÊN

Khi Phật an trú tại Xá-vệ, bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử, rồi không dạy dỗ để họ buông lung giống như trâu trời, dê trời. Thế rồi có Tỳ-kheo-ni nói với Thâu-lan-nan-đà:

- Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo để họ như thế đó.

- Cô đố kỵ việc tôi độ đệ tử nên trách mắng tôi.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo liền đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi chưa đủ mười

pháp lại độ đệ tử rồi không chịu dạy bảo mà còn trách móc người khác? Từ nay về sau, Ta không cho phép trách móc người khác.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni A nói với Tỳ-kheo-ni B: "Này Thánh giả, cô chưa đủ mười pháp mà độ đệ tử thì phải dạy bảo họ", mà cô B trách ngược lại cô A thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Hoặc Ni chúng, hoặc nhiều người, hoặc một người. Tỳ-kheo-ni B: Tức là Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà.

Chưa đủ mười pháp: Tức là mười pháp chưa thành tựu mà độ đệ tử, cho thọ Cụ túc, rồi có người khuyên can mà lại trách móc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo làm như trên thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

110. GIỚI HỨA CHO THỌ GIỚI MÀ KHÔNG CHO THỌ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô ni đang học giới nói với Thâu-lan-nan-đà:

- Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi cho con thọ Cụ túc.

- Được.

Sau đó, cô Ni học giới nhắc lại: "Thưa Thánh giả, con học giới đủ rồi, cho con thọ Cụ túc". Thâu-lan-nan-đà nghe thế mà không cho thọ Cụ túc, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo đi nơi khác để thọ. Các Tỳ-kheo-ni bèn trách cô ta: "Trước đây cô hứa cho thọ Cụ túc, vì sao không cho thọ?". Tuy nghe lời trách móc ấy, nhưng cô vẫn không cho thọ.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Thâu-lan-nan-đà đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc ác. Vì sao ngươi hứa cho người khác thọ Cụ túc mà rồi không cho thọ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni: Ngươi học giới đủ rồi ta sẽ cho thọ cụ túc", nhưng sau đó không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo họ đi nới khác,

thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thức-xoa-ma-ni: Người tùy thuận học mười tám việc trong hai năm.

Nói: Như trường hợp Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà hứa cho thọ Cụ túc mà sau đó tự mình không cho thọ cũng không bảo người khác cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Thức-xoa-ma-ni: Ta sẽ cho ngươi thọ Cụ túc mà sau đó không có khả năng thì nên bảo người khác cho thọ. Nếu tự mình không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, thì nên bảo họ đi nơi khác để thọ Cụ túc. Nếu Tỳ-kheo-ni hứa cho Thức-xoa-ma-ni thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo hứa cho Sa-di thọ Cụ túc mà sau đó không cho thọ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

111. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ ĐI XE

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-

tỳ-lê đi xe lộng lẫy đến nhà bà con, bị người đời chê trách: "Vì sao Sa-môn ni đã xuất gia mà giống như người thế tục, đi xe lộng lẫy, còn nhiều tham dục đến như thế?".

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Lại nữa, bấy giờ có một Tỳ-kheo-ni con dòng họ Thích, vì già

bệnh ốm yếu, đi đường không theo kịp bạn bè phải đi sau, bị bọn giặc xâm phạm. Cuối cùng, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Bệnh: Nếu vì già bệnh ốm yếu hay là nhạc sĩ không thể đi được (thì đi xe) Thế Tôn bảo là không có tội.

Xe: Gồm có tám loại, kể cả thuyền bè đó gọi là tám loại; nếu sử dụng những thứ ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đức Thế Tôn không cho phép Tỳ-kheo-ni không bệnh mà đi xe, thuyền. Nhưng nếu có bệnh cũng không được đi xe do trâu đực kéo, mà được đi xe do trâu, ngựa, lạc đà cái kéo. Nếu vì

bệnh không biết đó là con đực hay cái thì không có tội. Nếu đi đò ngang thì không có tội. Ngoài ra, nếu có nhân duyên thì được đi đò xuôi, ngược dòng sông.

Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà đi xe, đò thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Chưa đủ, không yết-ma,
Hòa thượng không dạy bảo.
Đệ tử không theo hầu,
Hằng năm nuôi đệ tử.
Cách đêm thọ Cụ túc
Có chuyện, không đưa đi.
Chê trách, hứa thọ giới,
Đi xe thuyền cuối cùng
Hết phần thứ mười một".

112. GIỚI KHÔNG BỆNH MÀ ĐỘI DÙ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, bấy giờ Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tỳ-lê đội dù, mang giày đi đến nhà bà con, bị người đời chê bai: "Vì sao Sa-môn ni mà giống như người thế tục, còn đa dục đến như thế?".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép cầm dù, mang giày.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ có những cô gái của họ Thích họ Ma-la, trước kia vốn là nhạc sĩ, nay đã xuất gia, đi đường gặp lúc trời nóng bức rất là cực nhọc. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta cho phép khi bệnh (được đội dù)".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà cầm dù, mang giày thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Bệnh: Nếu bị già yếu, bệnh hoạn, khiễng chân mà mang giày thì Thế Tôn nói là không có tội.

Ô dù: Như ô dù làm bằng vỏ cây, bằng đa-lê, bằng tre, bằng ma-lâu, bằng lá cây, bằng vải, đại loại các thứ dù tương tự như thế.

Giày: Loại giày một lớp, hai lớp.

Cầm: Nếu sử dụng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu cầm dù mà không mang giày thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mang giày mà không cầm dù cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu dùng cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu không dùng cả hai thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cầm dù đẹp đẽ, mang giày hai lớp thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

113. GIỚI NẰM GIƯỜNG CAO QUÁ MỨC ĐỘ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la-già-tỳ-lê đi đến nhà bà con, trải hai, ba lớp nệm trên chiếc giường Khư-trù-la cao nghệu mà ngồi, bị người đời và ngoại đạo chê bai: "Vì sao Sa-môn

ni đã xuất gia mà còn giống như người thế tục, đa dục đến như thế?".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!
- Vì sao ngươi ngồi trên giường Khư-trù-la cao quá mức độ như vậy? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế.

Đoạn Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại Tỳ-xá-ly phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi hoặc nằm trên giường nệm Khư-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội

Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Quá mức độ: Cao hơn tám ngón tay.

Giường nệm Khư-trù-la: Khư-trù-la gồm có mười bốn loại, cho đến giường Băng-cầu-la, Khư-trù-băng-cầu-la, nếu ngồi hay nằm trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu ngồi suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu đã đứng lên rồi, ngồi xuống lại thì cứ mỗi lần ngồi lại phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giường cao quá mức độ thì được chôn chân giường xuống (cho ngang mức độ) mà ngồi.

Nếu Tỳ-kheo ngồi giường Khư-trù-la cao quá mức độ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

114. GIỚI CÙNG NẰM CHUNG MỘT GIƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni cùng ngủ chung trên một giường, một chõng, mền gối bị rách nát, giường chõng bị hỏng hóc. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo bạch với Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật bèn hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?
- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni trải giường nệm ra cùng nằm chung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Trải: Cùng một chõng, một giường, một mùng.

Giường: Gồm có mười bốn loại, thậm chí nếu nằm trên giường Chi-lan thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được nằm chung một giường mà nên nằm mỗi người một giường. Nếu giường ba chỗ ngồi thì được nằm hai người nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu tấm nệm vuông thì ba tấm được dùng cho hai người nằm, nhưng khi dang chân ra thì không được quá đầu gối. Nếu trải dưới đất thì không được dùng cho nhiều người mà nên nằm cách nhau chừng một cánh tay dang ra. Nếu tọa cụ thì nên tự trải ra mà ngồi. Khi trời lạnh thì ở trên được phủ chung một tấm màn còn ở dưới mỗi người tự đắp mền riêng thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo cùng nằm chung một giường thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

115. GIỚI RA ĐI KHÔNG TRẢ LẠI PHÒNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận phòng của Ni chúng rồi đóng cửa mà ra đi. Sau đó có Tỳ-kheo-ni khách là Thượng tọa đến, theo thứ tự nhận phòng, thấy cửa phòng đóng, than phiền: "Đây là phòng ốc của Ni chúng vì sao lại đóng cửa rồi ra đi?".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Thế rồi, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao phòng của Ni chúng mà ngươi nhận rồi không trả, lại đóng cửa rồi ra đi? Từ nay về sau không được làm như vậy.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không xả phòng giường nệm của Ni chúng mà ra đi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Giường nệm của Ni chúng: Như giường nằm, giường ngồi, gối nệm và câu chấp.

Không xả: Không trả lại, không thưa mà bỏ đi nơi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi đâu thì phải trả lại giường nệm, nói với người trông coi giường nệm biết rồi mới đi. Nếu

không trả lại mà đi, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu như phòng không bỏ trống, sau đó có người khác ở, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

116. GIỚI VÀO CHỖ TĂNG KHÔNG THƯA TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ không nói trước mà đột nhiên đi vào phòng Tỳ-kheo cha của Kiệt-trụ, rồi xoa sau lưng. Vị này quay lại nhìn thấy, liền kêu lên:

- Đừng, đừng! Hãy xa tôi ra!

Ngày trước tôi thường tắm rửa cho ông, nay tôi chỉ xoa một tí thì có gì mà kêu vang.

Ngày xưa tôi là người thế tục, nay đã xuất gia không được làm như trước nữa.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không thưa trước mà đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như thế.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bạch trước mà đi vào Tăng-già-lam của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tăng-già-lam của Tỳ-kheo: Ít nhất là chỗ ở của một Tỳ-kheo.

Không bạch trước: Không nói trước, không gọi mà tự động vào như Tỳ-kheo-ni mẹ của Kiệt-trụ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn đi vào trú xứ của Tỳ-kheo thì phải đến đứng trước cửa phòng bạch: "Kính chào, Tỳ-kheo-ni (Mỗ giáp) xin vào gặp, mong được sự cho phép". Khi ấy, Tỳ-kheo phải cân nhắc, nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy hiền thiện mà mình đang rỗi rảnh, đã khoác sẵn y phục, thì cho phép vào. Nếu mình đang có việc, hoặc đang làm đất hay đang ở trần thì nên nói: "Này chị em, hãy đứng chờ một tí", rồi xướng: "Này các Trưởng lão, Tỳ-kheo-ni muốn vào, các vị hãy mặc y phục". Nếu thấy Tỳ-kheo-ni ấy bất thiện, không có oai nghi thì nên nói: "Cô đừng vào, Tăng đang có việc".

Nếu không nói trước mà đi vào lần đầu thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu đi đến lần sau thì không có tội. Nếu không bạch mà đi vào thì khi dỡ lên một chân phạm tội Việt tỳ-ni, dỡ lên cả hai chân phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đi trở ra thì phạm tội Việt

tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo không nói trước mà đi vào trú xứ của Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Việt tỳ-ni. Khi muốn vào nên đến đứng trước cửa phòng bảo tịnh nhân nữ thông báo (rồi mới vào). Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

117. GIỚI TRÚ NGỤ NHÀ THẾ TỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi đường gặp lúc hoàng hôn muốn vào trong thôn xin chỗ trú ngụ, bèn đến một nhà kia nói với người phụ nữ:

- Xin cho tôi nghỉ tạm một đêm.

- Chồng tôi đi vắng có thể chiều tối sẽ trở về.

Tỳ-kheo-ni cứ tiếp tục nài nỉ xin trú ngụ. Người phụ nữ nói: "Nếu chồng tôi không về thì cô có thể tạm nghỉ một đêm". Thế là bà ta cho nghỉ. Đến lúc chiều tối, ông chồng trở về, do kiết sử sai khiến, ông bèn giao hoan với bà vợ. Tỳ-kheo-ni này vì chưa ly dục nên nghe tiếng hai vợ chồng giao hoan lòng không vui, đến khi trở về Tinh xá, liền nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi biết thực gia dâm xứ mà vẫn trú ngụ? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như

vậy.

Lại nữa, khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni đi đường đến lúc chiều tối bèn vào trong thôn tìm khắp nơi mà không có những nhà không có đàn ông, đành phải nghỉ tạm bên đường hẻm. Thế rồi vào lúc đêm khuya có mưa to gió dữ nổi lên, bị đám thanh niên đến xâm phạm làm tổn thương phạm hạnh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy trình bày với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: Từ nay về sau, trừ lúc khác (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết thực gia dâm xứ mà trú ngụ - trừ lúc khác - thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Lúc khác: Tức là lúc gió, lúc mưa, lúc bị đe dọa mất mạng, lúc phạm hạnh bị tổn thương; đó gọi là lúc khác.

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết.

Thực: Người nữ là thực phẩm của người nam, người nam là thực phẩm của người nữ.

Gia: Tức gia tộc bốn chủng tánh.

Dâm xứ: Phòng ngủ của vợ chồng. Nếu Tỳ-kheo-ni trú ngụ nơi ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoại trừ khi khác thì Đức Thế Tôn nói là không có tội. Khi khác tức là khi gió, khi mưa, khi bị mất

mạng. Khi nghi ngờ bọn con trai làm tổn thương phạm hạnh; đó gọi là khi khác. Không được đã biết nơi đó là thực gia dâm xứ mà vẫn trú ngụ. Nếu nghi ngờ trong thôn có bọn con trai phóng đãng vì sợ bọn chúng mà trú ngụ thì không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

118. GIỚI ĐI XA KHÔNG CÓ BẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ các Tỳ-kheo-ni ở Tỳ-xá-ly an cư xong, muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, bèn đến Tinh xá Tỳ-kheo, chào:

- Kính chào Tôn giả! Con nghe nói Tôn giả muốn đến thành Xá-vệ lễ bái Thế Tôn, có đúng thế không?

- Cô hỏi để làm gì?

- Con muốn đi theo.

- Đức Thế Tôn chế giới không cho Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo-ni.

- Ngày nào khởi hành vậy?

- Ngày mỗ.

Thế là các Tỳ-kheo-ni ghi nhớ ngày ấy, về chuẩn bị y bát rồi đúng ngày đến đứng chờ bên đường. Đến ngày ấy, các Tỳ-kheo ăn xong rồi lên đường. Khi trông thấy các Tỳ-kheo-ni bèn bảo nhau: "Các Tỳ-kheo-ni muốn đi theo chúng ta, chúng ta hãy đi nhanh lên". Khi ấy, các Tỳ-kheo-

ni trẻ tuổi thì vội vã chạy theo, còn những người già bệnh, nhạc sĩ không theo kịp, lạc lại đàng sau, nên bị giặc cướp lột hết đồ đạc.

Các Tỳ-kheo-ni bèn trình bày với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Tại sao không có khách buôn làm bạn mà ngươi dám đi đường

đến nước khác xa xôi? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni

đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có khách buôn làm bạn mà đi đến nước khác xa xôi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Không có bạn: Không có khách buôn làm bạn.

Nước khác: Một vương quốc khác. Nếu đi đến đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Khi Tỳ-kheo-ni muốn đi thì trước hết nên tìm thương nhân làm bạn. Nếu người ấy nói: "Thánh giả cứ đến đây, tôi sẽ sắp đặt để cho cô đi", thì nên xem xét người ấy. Nếu họ nói nghe hay ho mà

trông họ không tốt, thì không nên đi theo, mà nên tìm những người tốt có đem theo vợ và con gái để cùng đi chung.

Nếu lúc ra đi gấp gáp không xem xét kỹ được đến giữa đường mới phát giác được thực hư, thì không được rời bỏ họ ngay lập tức mà phải đợi đến gần thôn xóm mới rời bỏ họ mà đi. Nếu họ hỏi: "Cô định đi đâu vậy?", thì nên đáp: "Tôi đi khất thực".

Nếu Tỳ-kheo-ni không làm bạn với thương nhân trong khi đi đường thì phạm tội Việt tỳ-ni, khi đến nơi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có thương nhân làm bạn mà đi đường xa thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

119. GIỚI DU NGOẠN THẮNG CẢNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni đi với phụ nữ đến tham quan các khu vườn, hồ nước. Thế rồi, các phụ nữ đến bên hồ nước để ăn uống, còn Tỳ-kheo-ni thì vào trong thôn xóm để tham quan. Khi ấy, bỗng có các thanh niên từ trong rừng đi ra, quấy nhiễu Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đến vườn, khu rừng, nơi hoang vắng trong lãnh thổ (quốc gia) để ngắm

cảnh, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Trong lãnh thổ: Trong đất nước của một vì vua.

Vườn: Như vườn Am-bà-la cho đến vườn A-đề-mục-đa. Khu rừng: Tức những khu rừng trồng cây.

Nơi hoang vắng: Tức những nơi không có nhà cửa. Nếu tham quan những nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni đi tham quan khu vườn, rừng, nơi hoang vắng, thì khi ra đi phạm tội Việt tỳ-ni, lúc đến nơi phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu đàn-việt nữ giới mời đi với họ thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo vì ham vui mà đi tham quan vườn, rừng, nơi hoang vắng thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

120. GIỚI NGỒI VỚI TỲ KHEO Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy người vợ cũ của Ưu-đà-di là Tỳ-kheo-ni Tu-xà-đề nói với thầy: "Tôn giả, ngày mai tôi giữ phòng, Tôn giả có thể đến thăm". Bấy giờ, tất cả Tỳ-kheo-ni đều vào thôn xóm khất thực, thì Ưu-đà-di khoác y, cầm bát đi vào Tinh xá của Tỳ-kheo-ni. Thế rồi, hai người ngồi chòm hỏm ở phòng sau, để lộ bộ phận sinh

dục, nhìn nhau với lòng đầy dục vọng. Lúc ấy có một Tỳ-kheo-ni già bệnh từ trong phòng bước ra để đi tiểu tiện, thấy thế rất xấu hổ, liền bước nhanh qua; rồi đem sự việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền khiển trách: "Đó là việc xấu" (cho đến) Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình với một Tỳ-kheo ở nơi vắng vẻ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Một mình: Chỉ có một Tỳ-kheo, ngoài ra không có ai khác. Giả sử có người mà người ấy ngủ, hoặc say, hoặc điên cuồng, hoặc bị bệnh tâm thần, hoặc trẻ con đang kêu khóc, hoặc phi nhân, súc sinh thì cũng được xem là chỉ có một mình.

Nơi vắng vẻ: Chỗ khuất vắng không có người.

Ngồi: Nếu cùng ngồi với nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với một Tỳ-kheo suốt ngày thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu nửa chừng đứng dậy rồi ngồi lại thì mỗi lần ngồi phạm mỗi tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi một mình trong phòng, rồi đột nhiên có Tỳ-kheo đi đến, vào ngồi, thì Tỳ-kheo-ni nên nhanh chóng đứng dậy. Nhưng muốn đứng lên thì nên nói trước đừng để Tỳ-kheo lấy làm ngạc nhiên. Nếu Tỳ-kheo hỏi: "Vì sao mà

đứng", thì hãy đáp: "Vì Thế Tôn chế giới không cho phép con ngồi một mình với Tỳ-kheo".

Nếu ngồi một mình với đứa bé trai dưới bảy tuổi cũng phạm. Thế thì khoảng thời gian ngồi đó là bao lâu?

- Khoảng thời gian đó bằng khoảnh khắc lấy thức ăn cho người xuất gia. Nhưng nếu có tịnh nhân làm việc đi lại vào ra không gián đoạn thì ngồi không có tội. Hoặc là cửa phòng hướng ra ngoài đường, mà trên đường có người đi lại không gián đoạn cũng không có tội. Trái lại, nếu người đi lại gián đoạn thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu tịnh nhân đang ngủ thì phải búng ngón tay đánh thức họ dậy. Nếu mình ở trên gác mà người dưới gác nhìn thấy, hoặc mình ở dưới gác mà người ở trên gác nhìn thấy, ba người luôn luôn nhìn thấy nhau thì không có tội.

Lại có các trường hợp: Thấy mà không nghe; hoặc nghe mà không thấy; vừa thấy vừa nghe; vừa không nghe, không thấy.

Thấy mà không nghe: Từ xa trông thấy Tỳ-kheo ngồi với Tỳ-kheo-ni mà không nghe tiếng nói.

Nghe mà không thấy: Nghe tiếng nói mà không nhìn thấy.

Đại loại hai trường hợp sau cũng thế. Nếu thấy mà không nghe thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu nghe

mà không thấy cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu vừa thấy, vừa nghe thì không có tội. Nếu không thấy, không nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tội này bao gồm các trường hợp: ở xóm làng; ở A-luyện-nhã; ban ngày; ban đêm; lúc đúng thời; lúc phi thời; ở chỗ che khuất chứ không phải ở chỗ trống trải, chỉ có một người chứ không phải nhiều người; ở gần nhau chứ không phải ở cách xa nhau. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

121. GIỚI NGỒI VỚI NAM GIỚI Ở CHỖ KHUẤT

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, ngồi với anh em, chị em, trẻ con ở chỗ che khuất; Tỳ-kheo-ni khác thấy thế trách cứ: "Vì sao người xuất gia mà ngồi chung với người thế tục ở chỗ kín đáo giống như người đời vậy?". Rồi cô đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi với nam tử ở chỗ kín đáo (cho đến) dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi với nam giới ở chỗ che khuất thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Ba-dạ-đề: Như trong giới của Tỳ-kheo ở trên đã nói rõ. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Cầm dù, ngồi giường cao,

Cùng trải giường, không bỏ.
Không bạch, nghỉ chỗ dâm,
Không bạn, đi tham quan.
Cùng ngồi với Tỳ-kheo
Cũng như với nam giới.
Hết phần thứ mười hai”.

122. GIỚI ÔM ĐÀN ÔNG VÀO MÌNH MÀ THỦ THỈ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con, đưa tay ra kéo anh em, chị em, trẻ con vào đứng gần bên mình rồi rỉ tai. Kẻ đầy tớ thấy thế hiềm nghi, nói: “Người xuất gia này đang nói thì thầm, chắc là nói về lỗi lầm của ta”.

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế bèn nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đưa tay ra kéo nam tử vào đứng sát bên mình, rồi nói rỉ tai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Đưa tay ra kéo vào bên mình: Đưa tay ra kéo vào đứng gần kề bên.

(540b) Nói rỉ tai: Nếu nói thì thầm bên tai nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni không được đưa tay ra kéo nam tử vào đứng kề bên mình rồi nói chuyện, hoặc nói thì thầm. Nếu muốn nói chuyện thì phải đứng cách xa ngoài tầm tay. Nếu muốn bàn luận chuyện bí mật thì phải đứng cách hàng rào, cách bức tường, cách gốc cây hoặc cách bức màn. Nếu Tỳ-kheo-ni (nói rỉ tai với người khác) thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo đưa tay ra kéo người nữ vào đứng kề bên mình, nói chuyện thì thầm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

123. GIỚI ĐI VÀO CHỖ TỐI CÓ ĐÀN ÔNG

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con; không nói trước mà đột nhiên đi vào chỗ anh em, chị em, trẻ con đang ngồi trong bóng tối không có đèn, khiến những người bà con sững sờ hổ thẹn. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, cô đáp với Đức Phật:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết nam tử đang ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Chỗ nam tử đang ngồi: Chỗ mà họ thường nằm ngủ. Chỗ tối: Chỗ không nhìn thấy nhau.

Không có đèn: Không có đèn dầu và các loại đèn khác. Nếu đi vào nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Không có đèn: Không có đèn dầu và các loại đèn khác. Nếu đi vào nơi đó thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Không được vào chỗ tối mà nam tử đang ngồi. Nếu có nhân duyên cần vào mà nghe những người ở trong đó đang nói năng lớn tiếng thì nên vào. Nếu không nghe tiếng nói thì trước hết nên sai người báo tin, hoặc gảy ngón tay, hoặc đốt đèn sáng cho thấy hình người, rồi có người gọi vào thì mới được vào. Nếu không báo trước, không gảy ngón tay, không đốt đèn sáng mà vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không báo tin trước mà vào thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

124. GIỚI XEM BIỂU DIỄN CA NHẠC

Khi Phật an trú tại thành Vương-Xá, lúc ấy nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi đến trước chỗ tụ điểm ca nhạc chiếm chỗ ngồi xem. Khi các kỹ nhi biểu diễn thì họ cất tiếng cười lớn, khiến mọi người bắt chước cười theo. Đến lúc mọi người cười thì họ lại im lặng tựa như người đang ngồi thiền. Đợi khi mọi người không cười nữa thì họ mới vỗ tay cười ầm lên. Do thế dân chúng bỏ các kỹ nhi mà nhìn

Tỳ-kheo-ni. Vì vậy, các kỹ nhi không thu tiền được, nổi giận trách móc: "Vì các Sa-môn ni này mà chúng ta không thu tiền được".

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi thì họ đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi xem ca nhạc? Từ nay về sau, Ta không cho phép xem ca nhạc.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni xem biểu diễn ca nhạc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Giải Thích:

Ca nhạc: Biểu diễn các loại như: múa, ca, đánh xập xỏa, đánh trống, ít nhất là xem bốn người trình diễn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói; không được xem ca nhạc. Nếu Tỳ-kheo-ni đi khất thực mà gặp vua, phu nhân của vua xuất hành có nghi vệ ca nhạc rồi mình trông thấy thì không có tội. Thế nhưng, nếu mình đang ở chỗ thấp mà cố y leo lên chỗ cao để nhìn xem thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu đàn-việt muốn cúng dường Phật, nên sắm các thứ kỹ nhạc, nghiền hương, kết vòng hoa, rồi nói với Tỳ-kheo-ni: "Thưa Thánh giả, hãy giúp tôi bày biện các vật cúng dường này", thì khi ấy mình được làm giúp họ. Nếu ở tại đó nghe tiếng nhạc mà mình có ý thích thú thì hãy bỏ đi.

Nếu Tỳ-kheo xem ca nhạc thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

125. GIỚI KHI CHÚNG TRANH CHẤP MÀ KHÔNG DẬP TẮT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy trong các Tỳ-kheo-ni có sự tranh chấp sống không hòa hợp. Bấy giờ, Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đang làm thủ chúng mà trong Ni chúng có sự tranh chấp khởi lên thì không thể dập tắt, còn những việc chưa phát khởi thì không thể ngăn chặn cho nó đừng sinh khởi. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo gọi Đại-ái-đạo Cù-đàm-di đến. Khi Ni sư tới rồi, Phật liền hỏi:

- Này Cù-đàm-di, bà có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao sự tranh chấp phát sinh mà bà không dập tắt, còn những chuyện chưa phát sinh thì không tìm phương tiện ngăn chặn đừng cho sinh khởi? Từ nay về sau, khi có sự tranh chấp thì phải dập tắt.

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối sống không hòa hợp mà vị thủ chúng không dàn xếp dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Tranh cãi: Cãi nhau bằng miệng.

Chống đối: Hai bên tranh thắng bại, sống không hòa hợp, rồi nói với nhau như: đúng pháp, phi pháp; đúng luật, phi luật; có tội, không có tội; tội nhẹ, tội nặng; tội có thể trị phạt, tội không thể trị phạt; tội có dư tàn, tội không có dư tàn; yết-ma đúng pháp, yết-ma phi pháp; yết-ma hòa hợp, yết-ma không hòa hợp; nên làm yết-ma, không nên làm yết-ma; yết-ma đúng chỗ, yết-ma không đúng chỗ.

Thủ chúng: Vị đứng đầu của chúng làm mẫu mực cho mọi người noi theo.

Không dàn xếp dập tắt: Nếu tự mình không dập tắt hoặc sai người khác dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Khi các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối nhau sống không hòa hợp, thì không được để yên như thế mà nhìn, mà phải tìm cách dập tắt, bảo họ sám hối lẫn nhau. Nếu sự việc không đình chỉ được cần phải làm yết-ma, thì nên tập họp Tăng để giải quyết. Nếu bản thân mình không đủ khả năng thì nên mời những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có đức độ trong các chúng khác đến dập tắt. Nếu sự tranh cãi khó giải quyết thì nên suy nghĩ: "Đó là do hạnh nghiệp của chúng sinh đang diễn tiến, hãy đợi thời gian chín mùi, tự nó sẽ kết thúc". Nếu suy nghĩ như thế thì không có tội.

Nếu các Tỳ-kheo tranh cãi chống đối nhau mà vị thủ chúng không tìm cách dập tắt thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

126. GIỚI BẢO PHỤ NỮ THOA HƯƠNG KỲ CỌ

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la đến nhà bà con xem họ tắm gội. Các phụ nữ nói với cô: "Để tôi kỳ cọ thân thể cho Thánh giả đặng kiếm chút công đức". Vì thân thể của Tỳ-kheo-ni này đoan chánh nên các phụ nữ muốn xem cho biết. Thế là cô đồng ý để họ kỳ cọ. Họ bèn dùng các thứ hương dầu bôi vào thân cô. Các Tỳ-kheo-ni thấy thế chê trách: "Người xuất gia mà còn nhiều tham dục như thế".

Do đó, các Tỳ-kheo-ni nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi bảo những phụ nữ thế tục kỳ cọ thân thể? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục bôi dầu, hương thơm, kỳ cọ thân thể để tắm gội - trừ khi bệnh - thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Phụ nữ thế tục: Những phụ nữ thuộc bốn chủng tộc.

Kỳ cọ để tắm gội: Dùng các thứ dầu, hương thơm bôi vào mình rồi kỳ cọ. Nhưng nếu vì già bệnh thì không có tội. Còn nếu như không có bệnh mà bảo họ kỳ cọ tắm gội thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu thân thể bị ghẻ lở thì được dùng thuốc bôi lên rồi tắm rửa. Nếu bị bệnh nhiệt thì được dùng đậu xanh giã nát rồi bôi lên. Nếu bị bệnh phong thì được dùng bột gạo lứt bôi lên. Nếu bị các chứng bệnh tạp thì được dùng các loại thuốc gia truyền bôi lên, không có tội. Nhưng sau khi bôi thuốc, không được ở trong chúng mà nên ở trong phòng bên cạnh, đến khi bệnh lành phải tắm rửa sạch sẽ rồi mới được vào trong chúng.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo người thế tục kỳ cọ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

127. GIỚI BẢO TỲ KHEO NI TẮM CHO MÌNH

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép Tỳ-kheo-ni bảo phụ nữ thế tục kỳ cọ tắm rửa, thì Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la bèn sai Tỳ-kheo-ni kỳ cọ cho mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Tỳ-kheo-ni khác kỳ cọ tắm gội cho mình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu xoa bóp mà không kỳ cọ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu kỳ cọ mà không xoa bóp cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu làm cả hai thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không có bệnh mà bảo Tỳ-kheo khác xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

128. GIỚI BẢO SA DI NI TẮM CHO MÌNH

Đối với Sa-di-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Sa-di-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Sa-di-ni: Theo Phật xuất gia, thọ mười giới.

Bảo xoa bóp kỳ cọ: Như trong phần Tỳ-kheo-ni đã nói.

129. GIỚI BẢO THỨC XOA MA NI TẮM CHO MÌNH

Đối với Thức-xoa-ma-ni cũng như vậy. Thế nên, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà bảo Thức-xoa-ma-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thức-xoa-ma-ni: Tùy thuận làm mười tám việc và học giới trong hai năm

Sai xoa bóp kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni ở trên đã nói.

130. GIỚI SAI PHỤ NỮ TẮM CHO MÌNH

Đối với phụ nữ thế tục cũng như vậy. Thế nên, Đức Thế Tôn dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà sai phụ nữ thế tục xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Phụ nữ thế tục: Tức phụ nữ trong các gia đình thuộc bốn chủng tánh.

Xoa bóp, kỳ cọ: Như trong vấn đề Tỳ-kheo-ni đã nói.

131. GIỚI KHÔNG TÔN TRỌNG LỄ BỐ TÁT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni tập họp định làm yết-ma Bố-tát thì Tỳ-kheo-ni Thọ-đề không đến, Tăng bèn sai sứ giả đi

gọi:

a.Thưa Thánh giả, Tỳ-kheo-ni tập họp định làm yết-ma Bố-tát, mời cô hãy đến.

b. Đức Thế Tôn chế giới nói rằng trong đời này hễ ai thanh tịnh thì được Bố-tát, ta thanh tịnh nên không cần phải đi đâu nữa.

Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi và cô đáp:

c.Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

d. Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật nói: "Ngươi không kính trọng Bố-tát thì ai kính trọng?". Cho đến, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không tôn kính lễ Bố-tát thanh tịnh của mỗi nửa tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Thanh tịnh Bố-tát: Nếu ngày mười bốn, mười lăm Tỳ-kheo-ni

không bệnh mà không đi đến cung kính Bố-tát thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Bệnh: Nếu vì già yếu đau ốm uống thuốc hay lể đầu chảy máu uống sữa, thì phải gởi dục thanh tịnh.

Nếu Tỳ-kheo-ni không bệnh mà không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thanh tịnh thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thanh tịnh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không đến Bố-tát, hoặc có bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (kệ tóm tắt):

"Đưa tay vời, không đèn,
Ca nhạc, không dập tắt.
Hương dầu, Tỳ-kheo-ni,
Sa-di-ni, học giới.
Phụ nữ, không Bố-tát,
Hết phần thứ mười ba".

132. GIỚI KHÔNG TÔN KÍNH TỲ KHEO GIÁO HUẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Trưởng lão Tỳ-kheo đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo không được đi giáo huấn. Thế là đến ngày giáo huấn, họ bàn nhau: "Chúng ta hãy đi giáo huấn". Rồi có người nói: "Đức Thế Tôn đã chế giới: Hễ không sai thì không được đi giáo huấn. Vậy chúng ta hãy ra ngoài cương giới đề cử lẫn nhau rồi đi". Thế rồi, họ ra ngoài cương giới đề cử lẫn nhau, rồi vào buổi sáng sớm khoác y đi đến trú xứ của Tỳ-kheo-ni, nói với Tỳ-kheo-ni: "Chị em hãy tập họp tất cả lại, chúng tôi sẽ giáo huấn".

Khi ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni liền nhanh chóng tập họp, nhưng các Tỳ-kheo-ni thiện thì không đến mà nói: "Chúng tôi không nhận sự giáo huấn của những người không tuân thủ giới luật".

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cùng với nhóm sáu Tỳ-kheo-ni nói chuyện thế tục trong giây lát rồi giải tán. Thế rồi, Trưởng lão Nan-đà khoác y, cầm bát đi đến Tinh xá, nói với Tỳ-kheo-ni: "Chị em hãy tập họp Ni chúng lại, tôi sẽ giáo huấn". Lúc ấy, các Tỳ-kheo-ni thiện liền tập họp đầy đủ, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến. Trưởng lão hỏi:

- Tỳ-kheo-ni đã tập họp chưa?

- Chưa tập họp.

- Ai không tập họp?

- Nhóm sáu Tỳ-kheo-ni.

Đoạn, Trưởng lão bảo sai người đi gọi:

- Các chị em hãy đến để tôi giáo huấn.

- Chúng tôi không đến; vì đã thọ giáo huấn với nhóm các Thánh giả rồi.

- Như vậy là Tỳ-kheo-ni không hòa hợp.

Nói xong, Trưởng lão liền ra về. Khi thầy đến Tinh xá, Phật biết nhưng vẫn hỏi:

- Ông giáo huấn sao nhanh thế?

- Bạch Thế Tôn! Khi đến giờ, con khoác y đến đó để giáo huấn, các thiện Tỳ-kheo-ni đều tập họp, nhưng nhóm sáu Tỳ-kheo-ni thì không đến; vì Tỳ-

kheo-ni không hòa hợp nên con không thể giáo huấn.

- Đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến đây. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Vào mỗi nửa tháng Tăng giáo huấn mà Tỳ-kheo-ni không cung kính, không đến nghe, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Nửa tháng: Tức ngày mười bốn và ngày mười lăm.

Tăng giáo huấn: Tức là giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nếu như không cung kính, không đến nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu vì già yếu bệnh hoạn uống thuốc, hoặc lể đầu chảy máu uống sữa thì nên gởi dục nói như sau: "Con là Mỗ giáp xin gởi dục vì sự giáo huấn" (Nói như vậy ba lần).

Nếu không có bệnh mà không đến, hoặc có bệnh mà không gởi dục thì phạm tội Ba-dạ-đề. Đến ngày Bố-tát, nên sai Tỳ-kheo-ni đem thỉnh nguyện đến chỗ Tăng nói như sau: "Các Tỳ-kheo-ni hòa hợp, xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo Tăng, hỏi về việc Bố-tát và thỉnh cầu giáo huấn" (Nói

như vậy ba lần).

Khi ấy, trong chúng Tỳ-kheo Tăng nếu có người đi giáo huấn Ni thì nên đáp: "Này chị em, tôi sẽ đến".

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu mười hai pháp thì nên làm yết-ma sai đi giáo huấn; còn nếu như không có thì hãy nói: "Không có người đi giáo huấn Tỳ-kheo-ni. Nhưng Ni chúng chớ phóng dật".

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

133. GIỚI BẢO NAM TỬ PHÁ UNG NHỌT

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thọ-đề bị mụt nhọt mọc tại chỗ kín. Khi các Tỳ-kheo-ni vào thôn xóm khất thực hết thì có vị lương y chữa mụt nhọt đến, cô bèn bảo:

- Thưa y sĩ, ông hãy phá giùm mụt nhọt cho tôi.

- Có thể được.

Thế là vị thầy thuốc liền mổ ung nhọt, đắp thuốc vào rồi ra về. Khi các Tỳ-kheo-ni khất thực trở về, thấy dưới đất có máu mủ, bèn hỏi Thọ-đề:

- Đây là máu mủ gì vậy?

- Tôi phá ung nhọt đấy.

- Vì sao cô có ung nhọt ở chỗ kín, không bạch với Tỳ-kheo-ni thiện mà lại phá?

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối

cùng, khi Phật hỏi, thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ngươi có ung nhọt từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống mà không bạch xin phép trước mà lại phá? Từ nay về sau Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni có ung nhọt ở chỗ kín, từ đầu gối trở lên, từ vai trở xuống, không bạch xin phép trước mà để cho nam tử phá, tẩy rửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Từ đầu gối trở lên: Tức là từ bắp vế trở lên.

Từ vai trở xuống: Tức là từ đôi nhũ hoa trở xuống. Không bạch trước: Không bạch với Tỳ-kheo-ni thiện.

Xin phép: Làm yết-ma cầu thính ở giữa Ni chúng. Khi ở chỗ kín có ung nhọt mà muốn phá thì trước hết nên làm yết-ma cầu thính ở giữa Ni chúng (rồi mới phá). Người làm yết-ma nên nói như sau:

- Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Ở chỗ kín của Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp có ung nhọt. Nếu thời gian của Ni chúng đã đến, Ni chúng nay cho Tỳ-kheo-ni Mỗ giáp vào giữa Ni chúng xin pháp yết-ma phá ung nhọt:

Xin Thánh giả Ni lắng nghe. Tỳ-kheo-ni Mỗ

giáp muốn vào giữa Ni chúng xin pháp yết-ma phá ung nhọt, vì Ni chúng đã bằng lòng nên im lặng. Tôi ghi nhận như vậy.

Nếu ở chỗ kín có ung nhọt thì nên bảo người đáng tin cậy, hoặc đệ tử y chỉ, hoặc bạn đồng Hòa thượng, A-xà-lê dùng kim hay móng

tay để phá rồi rịt thuốc vào. Nếu bảo nam tử phá ung nhọt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu bị mụt nhọt từ vai trở lên, từ đầu gối trở xuống mà muốn phá, hoặc muốn lể đầu chảy máu hay muốn lể cánh tay, thì nên sai phụ nữ nắm chặt nơi ấy để cho nam tử phá, thì không có tội.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

-oOo-

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 40

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 4: NÓI VỀ 141 PHÁP BA DẠ ĐỀ (Tiếp Theo)

134. GIỚI DU HÀNH TRONG LÚC AN CƯ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy đang mùa an cư, Tỳ-kheo-ni Ca-lê nhận giường nệm của Ni chúng xong rồi bỏ đi du hành. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy nói với Đại-ái-đạo Cù-đàm-di... Cuối cùng, Phật hỏi rồi cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao trong lúc an cư mà ngươi du hành? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni du hành trong lúc an cư thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

An cư: Tức là Tiền an cư và Hậu an cư.

Du hành: Ít nhất là đi đến trú ngụ trong thôn xóm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Nếu trong lúc an cư mà Tỳ-kheo-ni rời khỏi cương giới một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì nạn vua, hoặc bọn giặc từ nơi khác đến, hoặc sợ bị mất mạng, hoặc sợ tổn thương phạm hạnh mà bỏ đi, thì không có tội.

Trong lúc an cư, nếu Tỳ-kheo-ni không làm yết-ma cầu thính mà vì việc của tháp, của Ni chúng đi du hành (thì phạm tội Ba-dạ-đề). Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

135. GIỚI AN CƯ XONG KHÔNG DU HÀNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo-ni an cư tại thành Xá-vệ xong bèn đi đến nhà bà con của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la tại Tỳ-xá-ly. Những người bà con ấy hỏi:

- Các cô an cư ở đâu vậy?

- Ở thành Xá-vệ.

- Tại thành Xá-vệ có những gì tốt đẹp không?

- Rừng cây Kỳ-hoàn, hoa trái xum xuê, hồ nước trong mát, Tinh xá như thế đó, chỗ ở của Thế Tôn như thế đó, Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại-mục-liên như thế, cư sĩ Tu-đạt như thế.

- Đấy thật là chân chính xuất gia. Còn Bạt-đà-la của tôi thì sinh ra nơi đây, trưởng thành tại đây,

từ bé đến giờ chẳng chịu đi đâu, giống như người không có tay chân.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng cô đáp khi Phật hỏi:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao an cư xong mà ngươi không du hành? Từ nay Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni an cư xong mà không du hành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

An cư xong: Tức hết ba tháng.

Không du hành: Ít nhất là không rời khỏi xóm làng để vân du thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói. Khi an cư xong mà không rời khỏi cương giới ít nhất là trong một đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nhưng nếu vì già yếu bệnh hoạn không thể đi được thì không có tội. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

136. GIỚI RỦ AN CƯ, SAU TRÁCH CỨ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nói với Thọ-đề: "Chúng ta hãy an cư tại đây". Rồi cô đi đến nhà đàn-việt ca

ngợi: "Tỳ-kheo-ni Thọ-đề hiền thiện, giữ giới, bà nên cúng dường". Đúng là Thọ-đề có oai nghi đoan chánh, cử động nhìn ngó không trái phép tắc, khiến đàn-việt thấy thế sinh tâm hoan hỷ. Thế nhưng, sau đó, Thâu-lan-nan-đà lại trách móc làm não loạn Thọ-đề.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối

cùng, cô đáp khi Phật hỏi:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Này Thánh giả, chúng ta hãy an cư tại đây", nhưng sau đó trách cứ, xúc não thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Nếu Tỳ-kheo-ni nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Chúng ta hãy an cư tại đây", nhưng trong lúc an cư lại tự mình dùng thân, miệng, hoặc sai người khác dùng thân miệng xúc não người kia, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu trường hợp người đó không giữ giới, sợ họ làm điều phi pháp nên đuổi đi, thì không có tội.

Nếu Tỳ-kheo-ni xúc não Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu xúc não người

thế tục thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

137. GIỚI NHIỄU LOẠN NGƯỜI AN CƯ TRƯỚC MÌNH

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến ngày an cư thì Tỳ-kheo-ni Ca-lê bèn đi nơi khác. Đến khi thọ an cư xong, cô trở về thì phòng ốc đã được phân chia hoàn tất. Cô liền đến phòng cũ của mình đòi người đang ở trong phòng:

- Đây là phòng của tôi, hãy trả lại cho tôi.

- Tôi đã nhận rồi, cô không được đòi.

Thế là hai người gây lộn nhau. Lúc ấy có thiện Tỳ-kheo-ni gọi cô, nói: "Này Thánh giả, hãy đến phòng này mà ở". Cô bèn đem những đồ lau nhà, củi, cỏ chất đống trong phòng. Vị Tỳ-kheo-ni ở trước liền nói:

- Này Thánh giả, đấy là những vật không cần dùng đừng để trong phòng.

- Này hiền giả, ngươi mua căn phòng này chăng?

- Căn phòng này của Ni chúng, theo thứ tự mà tôi nhận được.

- Nếu căn phòng này của Ni chúng thì tại sao tôi lại không chất đồ được?

Thế là cô dùng thân miệng nhiễu loạn người kia.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi, cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi biết người khác đã an cư trước mà

sau đó đến nhiễu loạn? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni khác đã an cư trước, rồi sau đó mình đến tự nhiễu loạn hoặc sai người khác nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Biết người khác đã an cư trước: Tức là Tiền an cư và Hậu an cư.

Nhiễu loạn: Nếu tự mình dùng thân miệng, hoặc sai người dùng thân miệng nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu nhiễu loạn Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề, nhiễu loạn Thức-xoa-ma-ni, Sa-di-ni thì phạm tội Việt tỳ-ni. Cuối cùng, nếu nhiễu loạn người thế tục thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

138. GIỚI ĐỔ ĐỒ BẤT TỊNH KHÔNG COI TRƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni không xem trước bên ngoài tường mà đem đổ đồ đại tiểu tiện, không ngờ ngay khi ấy có người Bà-la-môn vừa mới tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục mới đang đi trên con đường hẻm, bị phẩn uế đổ nhằm trên đầu. Ông Bà-la-môn liền nổi giận mắng: "Đám Sa-môn ni con của nhiều người làm bẩn ta như thế này đây".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đi đến bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao ngươi không chịu xem kỹ trước mà đổ đồ bất tịnh? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không xem trước ngoài bờ tường mà đổ đồ bất tịnh ra ngoài, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Ngoài bờ tường: Ngoài hàng rào bờ tường.

Đổ đồ bất tịnh: Như đại tiểu tiện, đàm dãi, rác rưởi và nước rửa tay chân, tóc, móng tay v.v...

Không xem: Không xem trước mà đổ. Khi muốn đổ vật gì thì phải xem kỹ trước, nếu có nhiều

người đi thì phải chờ lúc vắng người rồi mới đổ. Nếu người đi thưa thớt thì phải khảy móng tay rồi mới đổ. Nếu không xem, không khảy móng tay mà đổ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo không xem mà đổ thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

139. GIỚI ĐẠI TIỂU TIỆN TRÊN CỎ TƯƠI

140. GIỚI ĐẠI TIỂU TIỆN TRONG NƯỚC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc không cấm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni vào chơi trong hoa viên, hồ nước ở phía Đông. Do thế, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào trong hoa viên ấy nói những chuyện thế tục, đại tiểu tiện, khạc nhổ trên cỏ tươi, rồi hái lá sen gói đồ bất tịnh (phân) bỏ vào trong hồ nước. Sáng sớm, vua Ba-tự-nặc cùng hậu cung phu nhân đi đến hoa viên, hồ nước để du ngoạn. Vì bọn cung nữ bị cấm cung lâu ngày không được ra ngoài, giờ đây mới được du ngoạn nên rất phấn khởi thích chí, ai nấy đều chiếm những đám cỏ tươi, nói: "Đây là bãi cỏ của tôi", rồi chạy lại nắm cỏ, liền bị bẩn tay. Thế là họ đến hồ nước để rửa, thì lại thấy có những gói lá trên hồ nước, bèn suy nghĩ: "Chắc là các chàng thanh niên nghe chúng ta sắp du ngoạn nên họ gói những gói hương

để tặng chúng ta đây", liền chạy đến giành lấy, nên bị bẩn tay. Họ bèn đến tâu với vua: "Đây là những thứ gì mà dơ bẩn thế này?". Vua liền gọi người giữ vườn đến hỏi:

- Ai làm bẩn hoa viên này vậy?

- Hôm qua, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni vào công viên tắm rửa, đùa giỡn rồi ra về, chứ không ai khác cả.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: "Đó là việc xấu". Cho đến: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Cỏ: Gồm tất cả mọi loại cỏ, nếu đại tiểu tiện trên đó thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vào mùa mưa, cỏ mọc phủ đất, thì nên tìm chỗ không có cỏ mà đại tiểu tiện. Nếu không có chỗ đất trống thì nên đại tiện trên gạch, ngói, cây cỏ khô, trên phân trâu ngựa hay chỗ mà người ta đại tiện. Nếu cũng không có thì ít nhất tìm một khúc cây, đại tiện cho rơi trên khúc cây trước rồi mới rơi trên cỏ.

Nếu chỗ đi kinh hành có cỏ thì nên để một ống nhổ ở đầu đoạn đường đi kinh hành. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

Tỳ-kheo-ni: Như trên đã nói.

Nước: Gồm có mười loại như trên đã nói. Nếu đại tiểu tiện khạc nhổ trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu vào mùa mưa nước ngập tràn lan thì nên đại tiểu tiện trên chỗ cao. Nếu không có chỗ cao thì nên đại tiểu tiện trên gạch, đá, cây cỏ khô, trên phân bò, phân ngựa. Nếu cũng không có thì nên dùng cây, cỏ, cành để lót, đại tiểu tiện cho rơi trên cây cỏ trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu đào cầu tiêu mà ở dưới có nước chảy ra thì không được đi tiểu tiện trước trong đó; mà nên bảo tịnh nhân đại tiểu tiện trước, rồi Tỳ-kheo-ni mới đi sau. Nếu ở dưới cầu có dòng nước chảy thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu khi đi thuyền có cầu tiêu thì nên đặt một tấm ván, để khi đi cầu phân rơi trên tấm ván trước rồi mới rơi xuống nước sau. Nếu không có tấm ván thì đặt một cành cây để khi đi cầu phân rơi trên cành cây trước, rồi mới rơi xuống nước sau.

Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

141. GIỚI CHUYỂN LỢI CỦA TĂNG CHO MỘT NHÓM NGƯỜI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đi du hành khuyến hóa, nói với người phụ nữ: “Bà hãy cúng dường các thực phẩm

để tôi sắm thức ăn cho các Tỳ-kheo". Người phụ nữ bèn đưa thực phẩm, rồi dặn: "Đến ngày cúng dường, cô tin cho tôi biết để tôi đến nấu nướng". Thế rồi, họ mời Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại-mục-liên, Ly-bà-đa, Kiếp-tân-na, Tôn giả La-hầu-la; đồng thời mời nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi sắp hai dãy ghế, một dãy dành cho Tỳ-kheo Trưởng lão, một dãy dành cho nhóm sáu Tỳ-kheo. Khi đến giờ, các Trưởng lão Tỳ-kheo bèn khoác y cầm bát đi đến nhà thí chủ, ngồi theo thứ tự. Thế rồi, họ dọn cho Tôn giả Xá-lợi-phất cơm gạo trắng, canh mông cự và các loại sữa. Cứ thế chuyển dần đến thức ăn thô. Họ dọn cho Tôn giả Mục-liên cơm gạo thô, canh ma-sa, dầu, sữa. Còn các Tỳ-kheo khác thì dọn cơm gạo đỏ, canh ma-sa, hoặc có chỗ thì có cơm mà không có canh, hoặc có canh mà không có cơm. Cuối cùng, đến Tôn giả La-vân, họ dọn cơm gạo đỏ, canh rau tạp. Khi những phụ nữ bưng các thức ăn ngon lên hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni: "Dọn những thứ này cho ai?", thì các Tỳ-kheo-ni ấy bèn dùng thân mình che các Trưởng lão Tỳ-kheo mà chỉ nhóm sáu Tỳ-kheo, bảo dọn cơm trắng canh ngon, các món sữa; đồng thời tự tay mình bưng dọn phủ phê.

Khi các Tỳ-kheo thọ trai xong trở về, Phật biết nhưng vẫn hỏi Xá-lợi-phất:

- Này Xá-lợi-phất, được ăn các thức ngon đầy đủ không?

- Đã ăn rồi, bạch Thế Tôn!

Phật hỏi ba lần như vậy thì thầy cũng đều đáp giống nhau. Phật lại hỏi từng Trưởng lão Tỳ-kheo như vậy, họ cũng đều đáp giống y như thế. Cuối cùng, Phật hỏi La-vân:

- Vì sao mà trông sắc diện, sức lực của ông có vẻ không đầy đủ?

- Có được ăn những thức ngon no nê không?

- Bạch Thế Tôn! Ăn dầu thì có sức lực, ăn sữa thì có sắc diện, còn ăn canh rau thì không có sắc diện, sức lực.

Đoạn, Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có được ăn ngon không?

- Bạch Thế Tôn! Chúng con được cơm gạo trắng, canh ngon, các món sữa và những thức ăn ngon lành đều do các chị em có niềm tin ân cần dâng cúng.

- Người ngồi trên hết (Thượng tọa) là ai vậy?

- Là Tôn giả Xá-lợi-phất. Phật liền hỏi Xá-lợi-phất:

- Ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đây là cách ăn phi pháp. Vì sao ông ngồi nhìn Tỳ-kheo Tăng bị nhiễu loạn mà vẫn giữ thái độ thản nhiên?

- Nếu Thế Tôn dạy rằng đó là bữa ăn phi pháp thì dù trải qua một kiếp hay hơn một kiếp cũng

không tiêu hóa được.

Thế là Tôn giả bèn dùng chiếc lông chim ngoáy vào yết hầu cho mửa thức ăn ra. Đồng thời, khi ấy, Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Các ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc xấu. Vì sao các ngươi biết đó là lợi ích của cả chúng mà lại xoay về cho một nhóm người? Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như vậy.

Thế rồi, Phật dạy: Dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni biết đó là lợi ích của cả chúng mà xoay về cho một nhóm người thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Giải Thích:

Biết: Hoặc tự biết hoặc do nghe người khác mà biết. Chúng: Tức là chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo-ni.

Lợi: Gồm có tám thứ sau đây: Thuốc dùng đúng lúc, thuốc dùng ban đêm, thuốc dùng trong bảy ngày, thuốc dùng trọn đời, vật tùy thân, vật nặng, vật bất tịnh, vật vừa tịnh vừa bất tịnh.

Xoay về: Nếu vật ấy thí chủ đã định cúng chỗ này mà xoay sở để họ cúng chỗ khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Ba-dạ-đề: Như trên đã nói.

Nếu có người đến hỏi: "Tôi muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?", thì nên đáp: "Tùy theo ý ông, thích cúng dường nơi nào thì cúng dường nơi ấy". Nếu họ hỏi: "Ở đâu có công đức lớn?", thì nên đáp: "Cúng dường cho Tăng". Nếu họ hỏi: "Ở đâu có chúng Tăng giữ giới tinh nghiêm?", thì nên đáp: "Không có chúng Tăng nào lại phạm giới cả". Nếu họ hỏi: "Ở đâu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni giữ giới, ít việc, ngồi thiền, tụng kinh, ít đi vân du để tôi thường được thấy vật cúng dường này?", thì được nói: "Nên cúng dường cho Mỗ giáp".

Nếu Tỳ-kheo-ni biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề. Nếu vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu biết họ định cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu họ định cúng cho nhóm người bà con này mà vận động họ cúng cho nhóm người bà con khác cũng phạm tội Ba-dạ-đề. Nếu vật họ định cúng cho người này mà vận động họ cúng cho người khác thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu Tỳ-kheo biết vật thí chủ định cúng cho chúng này mà vận động họ cúng cho chúng khác thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nên Đức Thế Tôn nói (như trên).

Kệ tóm tắt:

"Giáo huấn, mụt chỗ kín,
Ngủ lang, không du hành.
An cư, sau trách cứ,
An cư rồi mới đến.
Cách tường vứt chất bẩn,
Cỏ, nước, xoay Tăng vật
Hết phần thứ mười bốn".

Trong một trăm bốn mươi mốt giới Ba-dạ-đề của Tỳ-kheo-ni thì bảy mươi giới giống với giới của Tỳ-kheo còn bảy mươi mốt giới thì khác. Đến đây thuyết minh xong giới Ba-dạ-đề.

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 5: NÓI VỀ 8 PHÁP ĐỀ XÁ NI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, Ngài nói với Đại-ái-đạo: "Một thuở nọ, Như Lai ở tại thành Xá-vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo-ni hễ gặp cửa hàng sữa thì xin sữa, gặp cửa hàng dầu thì xin dầu, gặp cửa hàng mật thì xin mật, gặp cửa hàng đường phèn thì xin đường phèn, gặp cửa hàng thịt thì xin thịt, gặp cửa hàng cá thì xin cá, gặp cửa hàng sửa tươi thì xin sữa tươi, gặp cửa hàng sữa đông lạnh thì xin sữa đông lạnh về ăn, nên bị người đời chỉ trích: "Vì sao Sa-môn Cù-đàm ca ngợi thiểu dục, đả kích đa dục v.v…" (như trong nhân duyên của Tỳ-kheo đã nói rõ). Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di cũng phải học như vậy.

Lại nữa, này Cù-đàm-di, một thuở nọ Ta đang sống ở tại Tinh xá của dòng họ Thích, nơi thành Ca-duy-la-vệ, từng cho phép Tỳ-kheo có bệnh được xin thức ăn ngon".

Thế rồi, Phật bảo Đại-ái-đạo Cù-đàm-di truyền lệnh cho các Tỳ-kheo-ni đang sống tại thành Xá-vệ phải tập họp lại tất cả, dù ai nghe rồi cũng phải nghe lại:

Nếu Tỳ-kheo-ni không có bệnh mà vì muốn sướng thân, tự mình đến nhà bạch y xin sữa, hoặc sai người đi xin về để ăn hoặc uống, thì Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám hối như sau: "Thưa Thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni này".

Giải Thích:

Tám loại thực phẩm ngon:

1. Sữa đóng váng.
2. Dầu.
3. Mật.
4. Đường phèn.
5. Sữa tươi.
6. Sữa đông lạnh.
7. Cá.
8. Thịt.

Vì muốn sướng thân: Chỉ tự cung phụng cho

thân mình.

Bệnh: Nếu bị bệnh mà dùng thì Thế Tôn nói là không có tội. Thế nào gọi là bệnh? - Như bị già yếu, hoặc lúc uống thuốc xổ, lể đầu chảy máu, đại loại các thứ bệnh như thế.

Nhà: Tức nhà của bốn chủng tánh.

Sữa đóng váng: Như sữa bò, sữa trâu, sữa dê. Xin: Tư mình đi xin hoặc sai người đi xin.

Hoặc ăn hoặc uống: Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám hối như sau: "Thưa Thánh giả, tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối với Thánh giả". Vị chủ sám nên hỏi:

- Cô có thấy tội này không?
- Dạ thưa thấy.
- Cô đừng có tái phạm nhé.
- Xin cúi đầu vâng lệnh.

Ba-la-đề-đề-xá-ni: Tội này phải phát lồ, còn gọi là hối quá.

Nếu Tỳ-kheo-ni bị bệnh nhiệt cần sữa thì được phép xin; nhưng không được đến nhà không có niềm tin để xin, mà nên đến nhà có lòng tin để xin. Khi đi khất thực, thấy người bán sữa liền chào:

- Lão trượng mạnh khỏe chứ?
- Thánh giả muốn thứ gì?
- Muốn xin thức ăn.
- Tôi không có thức ăn, chỉ có sữa thôi, nếu cô cần sữa thì tôi cho.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát, đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho người khác.

Nếu gặp người bán dầu cũng được làm như vậy. Nếu bị bệnh phong cũng được xin dầu, nhưng không nên đến nhà ép dầu để xin, mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu đi khất thực mà thấy người bán dầu, thì nên chào:

- Lão trượng mạnh khỏe chứ?

- Thánh giả cần thứ gì?

- Cần xin thức ăn.

- Tôi không có thức ăn mà chỉ có dầu, nếu Thánh giả cần, tôi sẽ cúng dường.

Gặp trường hợp như vậy thì được lấy đầy bát không có tội. Khi ấy, cũng được khuyên họ cúng cho bạn như mật, hoặc nước. Khi bị bệnh thì được xin mật; nhưng không được đến những nhà lấy mật để xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng dường cho bạn như là đường phèn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống nước đường phèn, thì được xin đường phèn; nhưng không được đến nhà làm đường phèn xin mà nên đến nhà có niềm tin để xin. Nếu khi đi khất thực mà thấy người

cân đường phèn v.v... cho đến cũng được khuyên họ cúng cho bạn.

Nếu có bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa tươi, thì được xin sữa tươi. Nếu đi khất thực mà thấy nhà nuôi bò đang vắt sữa tươi, thì nên chào:

- Lão trượng mạnh khỏe chứ?

- Thánh giả có muốn thứ gì không?

- Tôi muốn xin thức ăn.

- Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa tươi, nếu Thánh giả cần tôi sẽ cho.

Nếu như thế thì được lấy. Hoặc xin sữa đông lạnh mà họ nói không có sữa đông lạnh mà chỉ có sữa tươi, cũng được lấy.

Nếu bị bệnh mà thầy thuốc bảo nên uống sữa đông lạnh, thì được xin sữa đông lạnh.

Nếu khi đi khất thực mà thấy người đang đong sữa đông lạnh thì nên chào:

- Lão trượng mạnh khỏe chứ?

- Thánh giả có cần thứ gì không?

- Tôi muốn xin thức ăn.

- Tôi không có thức ăn mà chỉ có sữa đông lạnh.

Khi ấy, mình được lấy. Đồng thời cũng được khuyên họ cúng cho bạn. Nếu đi xin sữa đông lạnh đã biến chế thành nước mà họ cho sữa đông lạnh cũng được lấy.

Nếu Tỳ-kheo-ni uống thuốc xổ, rồi thầy thuốc bảo nên uống nước cá hầm, thì được xin cá. Nếu khi đi khất thực, xin sữa đông lạnh mà gặp cá thì

cũng được nhận lấy.

Nếu khi lể đầu chảy máu, rồi thầy thuốc bảo nên ăn thịt, thì được xin thịt, nhưng không được đến nhà mổ thịt để xin mà nên đến nhà có lòng tin để xin.

Khi đi khất thực, xin nước rau, nếu thí chủ nói: "Không có nước rau mà chỉ có nước thịt", mà mình cần thì được lấy.

Nếu tự biết mình vào những lúc ấy thường phát sinh bệnh, mà lúc ấy tìm thuốc rất khó, thì được xin để dự trữ không có tội. Nhưng nếu lúc không bệnh mà xin rồi lúc có bệnh đem ăn thì phạm tội Việt tỳ-ni. Lúc có bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì không có tội. Lúc có bệnh xin, lúc có bệnh ăn cũng không có tội. Lúc không bệnh xin, lúc không bệnh ăn, thì phạm tội Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Nếu không tùy theo bệnh mà nấu thức ăn rồi tùy theo bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu tùy bệnh nấu thức ăn, rồi tùy bệnh mà ăn thì không có tội. Nếu không tùy theo bệnh nấu thức ăn, không tùy theo bệnh mà ăn cũng không có tội; vì lẽ người xuất gia nhờ người khác mà sống còn. Thế nên Đức Thế Tôn nói về tám thức ăn ngon: Sữa đóng váng, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa đông lạnh, thịt và cá.

Giới Ba-la-đề-đề-xá-ni của Tỳ-kheo-ni đến đây

là hết.

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 6: NÓI VỀ 65 PHÁP CHÚNG HỌC

Về Chúng học pháp, chỉ trừ việc nhóm sáu Tỳ-kheo-ni đại tiểu tiện trên cỏ tươi và trong nước, ngoài ra các giới khác hoàn toàn giống như giới của Tỳ-kheo mà ở trước đã nói rõ.

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 7: NÓI VỀ 7 PHÁP DIỆT TRÁNH

1. Hiện tiền Tỳ-ni (Khi giải quyết việc tranh chấp phải có sự hiện diện của đương sự).
2. Ức niệm Tỳ-ni (Để can phạm nhớ lại những vi phạm của mình).
3. Bất-si Tỳ-ni (Xác định can phạm hết bệnh cuồng si).
4. Tự ngôn Tỳ-ni (Cho can phạm đề nghị mức độ hình phạt đối với mình).
5. Mích tội tướng Tỳ-ni (Tìm những chứng cứ về tội phạm).
6. Đa mích Tỳ-ni (Giải quyết sự việc theo biểu quyết của đa số).

7. Bố thảo Tỳ-ni (Hai bên hòa giải như rải cỏ trên đất để dập tắt tranh chấp).

Pháp, tùy thuận pháp như trong phần của Tỳ-kheo trên kia đã nói rõ.

Về phần khác nhau của giới bổn Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

Phần 3: GIỚI PHÁP CỦA TỲ KHEO NI

Đoạn 8: NÓI VỀ OAI NGHI CỦA TỲ KHEO NI

PHÉP TẮC NGỒI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni ngồi kiết già

vào đầu đêm, cuối đêm, bị một con rắn chui vào trong cửa mình. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Nên đổ thứ thuốc Mỗ giáp vào, con rắn không chết mà sẽ bò ra". Thế là họ đổ thứ thuốc ấy vào, con rắn liền chui ra. Phật liền quở trách Tỳ-kheo-ni ấy:

"Vì sao ngươi ngồi xếp bằng? Từ nay về sau, Ta không cho phép ngồi như thế. Khi ngồi nên co lại một chân, dùng gót chân bịt vào chỗ cửa mình. Nếu Tỳ-kheo-ni ngồi xếp bằng thì phạm tội Việt tỳ-ni".

PHÉP SỬ DỤNG CHIẾU ĐAN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trải chiếu đan ra ngồi để vá y, bị cật tre đâm vào đường tiểu tiện chảy máu. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: ***"Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni ngồi trên chiếu tre. Khi vá y, nên dùng giẻ lau sạch giảng đường hay phòng sưởi rồi trải y ra vá. Nếu không có chỗ thì nên trải y trên giường, trên đầu gối mà vá. Nếu ai ngồi trên chiếu tre thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng chiếu tre".***

PHÉP DÙNG ĐAI LƯNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với nhiều phụ nữ khác ra sông A-kỳ-la cởi y phục rồi xuống tắm. Thế rồi, cô lên trước, lấy đồ trang sức thắt lưng của phụ nữ đeo vào lưng mình, rồi hỏi họ:

- Xem tôi có đẹp không?

- Chúng tôi là những người còn tham dục, nên dùng đai buộc để cho lưng có eo, hầu mong được chồng yêu chuộng, còn Thánh giả dùng nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni nghe thế, bèn đem việc ấy đến bạch đầy đủ với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, khi Phật

hỏi, cô liền đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Đó là việc xấu. Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni buộc đai lưng. Nếu ai dùng đai lưng của phụ nữ để buộc lưng mình thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu có ung nhọt thì buộc đai lưng không có tội.

KHÔNG ĐƯỢC MẶC TRANG PHỤC PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cùng với các phụ nữ ra sông A-kỳ-la, cởi y phục để một chỗ rồi

xuống nước tắm. Đoạn, cô lên bờ trước, mặc váy của phụ nữ vào, rồi hỏi họ:

- Xem tôi mặc cái này có thích hợp không?

- Tôi là người thế tục mặc cái này là muốn được chồng yêu thương, còn cô mặc nó để làm gì?

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc váy. Nếu váy được dùng các loại vỏ ốc, lưu ly, chân trâu, ngọc, vàng, bạc, ma ni trang điểm thì không được phép mặc. Ít nhất là nếu dùng vải sợi đóng váy thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu trên âm hộ

có mụt nhọt, nên phải bọc nó thì không có tội. Đó gọi là váy.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni (cho đến) xuống tắm rồi lên bờ trước, mặc trang phục của phụ nữ vào. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép mặc trang phục phụ nữ. Những trang phục của phụ nữ như: Trên đầu chít khăn, trước trán treo những tua vàng, lỗ tai đeo vòng có nạm ngọc anh lạc, ngón tay đeo nhẫn, cổ tay, cổ chân đeo xuyến; đại loại tất cả các dụng cụ mà phụ nữ dùng để trang sức như thế đều không được đeo. Nếu ai đeo thì phạm tội Việt tỳ-ni. Thế nhưng, nếu trên mình có mụt nhọt phải rịt thuốc, rồi buộc những thứ kể trên thì không có tội. Đó gọi là những thứ trang sức của phụ nữ.

KHI ĐỘ XUẤT GIA PHẢI ĐỔI TRANG PHỤC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Tỳ-kheo-ni độ những người phụ nữ thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Ly-xa và những phụ nữ con nhà đại phú xuất gia, để họ mặc nguyên xi những trang phục thế tục. Khi ấy, con gái của những nhà

nghèo lúc ra khỏi nhà và đi dự các lễ hội thường đến thuê những trang phục ấy, nên bị người đời chê trách: "Đây là kẻ cho thuê y phục, không phải phép tắc xuất gia".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, khi độ phụ nữ xuất gia không nên để họ mặc nguyên cả y phục thế tục, mà phải bảo họ cởi bỏ rồi mới độ. Phép xả bỏ như sau: Nếu phụ nữ đến xin xuất gia thì nên bảo họ cởi bỏ những trang phục thế tục. Nếu họ nghĩ: "Có thể vào lúc ấy thóc gạo đắt đỏ, khất thực khó khăn hoặc là già bệnh cần đến thuốc men, mà phụ nữ thì khó được những vật cần thiết" ,thì nên để gởi ở nhà dân.

Nếu phụ nữ mặc trang phục thế tục đến mà để nguyên như vậy độ họ xuất gia thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là để nguyên trang phục thế tục xuất gia.

KHÔNG ĐƯỢC NUÔI DÂM NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, những phụ nữ con dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Ly-xa, con nhà hào quý dẫn theo người hầu đoan chánh xuất gia, rồi bảo người hầu bán thân cho người ngoài để giúp mình nuôi sống, nên bị người đời chê

cười: "Đấy không phải là người xuất gia mà là dâm nữ".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi nuôi dâm nữ để giúp mình nuôi sống? Từ nay về sau, Ta không cho phép nuôi dâm nữ để giúp mình sinh sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là dâm nữ.

KHÔNG ĐƯỢC BẢO NGƯỜI LÀM VƯỜN BÁN DÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Thế Tôn chế giới không cho nuôi dâm nữ thì Tỳ-kheo-ni lén nuôi phụ nữ làm vườn, rồi để họ tự bán thân để nuôi miệng, nên bị người đời chê trách: "Đấy không phải là phép tắc xuất gia mà là dâm nữ".

Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép lén nuôi phụ nữ làm vườn rồi bảo họ bán dâm để tự nuôi sống. Nếu ai nuôi thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phụ nữ làm vườn.

CẦN PHẢI MẶC YẾM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi đoan chánh, nhũ hoa của cô rịn sữa, người đời thấy thế đều cười. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật

hỏi, thì cô đáp:

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau phải may yếm. Cách may yếm như trên đã nói. Trước hết nên mặc yếm che vú rồi mới mặc y khác. Nếu ai không sắm yếm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu có mà không mặc cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là yếm (Tăng-kỳ-chi).

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, như trong nhân duyên của Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la ở trên đã nói rõ. Thế rồi, Phật dạy: "Ta không cho phép tắm khỏa thân mà phải mặc áo khi tắm. Đồng thời không cho phép khỏa thân vào trong sông, trong hồ nước để tắm mà phải mặc áo tắm khi tắm. Nếu ai tắm khỏa thân thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu tại chỗ vắng vẻ không có người thì tắm khỏa thân không có tội. Đó gọi là áo tắm.

Kệ tóm tắt:

"Phép ngồi, ngồi chiếu tre,
Thắt lưng và mặc váy
Mặc trang phục thế tục,
Độ người mặc đồ đời.
Người hầu, người làm vườn,

Sắm yếm và áo tắm.
Hết phần đầu linh tinh”.

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG TAY VỖ VÀO ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy chỗ ở của Tỳ-kheo-ni chỉ cách chỗ ở của người thế tục qua một bức tường. Vì tâm dục sinh khởi, Tỳ-kheo-ni bèn dùng tay vỗ vào âm hộ của mình. Khi ấy, người chồng nghe tiếng liền hỏi vợ:

- Đó là tiếng gì vậy?

- Không hiểu vì sao mà có tiếng kêu như vậy?

- Người xuất gia này tu phạm hạnh, tâm dục sinh khởi không tự kiềm chế được nên vỗ vào âm hộ mà phát ra tiếng kêu như thế.

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép vỗ vào âm hộ. Vỗ nghĩa là dùng tay mà vỗ. Nếu ai dùng chén hoặc tô vỗ để cho lắng dịu tâm dục thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là dùng tay vỗ vào âm hộ.

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CAO NẮN NAM

CĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni bị tâm dục sinh khởi bèn dùng cao làm nam căn (dương vật) rồi buộc dưới chân giường. Sau đó căn phòng bị hỏa hoạn, sợ giường nệm bị cháy nên đem ra ngoài. Rồi có người thế tục thấy hỏa hoạn, bèn đi xem xem nơi nào bị lửa cháy, phát hiện được bèn chê trách: "Vì sao người xuất gia mà làm chuyện đồi bại này".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép dùng cao làm nam căn. Nam căn bằng cao nghĩa là dùng cao để làm, hoặc dùng đồng, thiếc, chì, bạch lạp, hoặc răng, hoặc sáp ong, đại loại làm các loại nam căn như thế. Nếu ai sử dụng nam căn bằng cao để làm cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là nam căn bằng cao.

CÁCH LÀM VỆ SINH ÂM HỘ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ Đại-ái-đạo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng qua một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nữ nhân hình (bộ phận sinh dục của người nữ) xú uế có được rửa ráy không?

- Được rửa.

- Thế rồi, Tỳ-kheo-ni rửa bên ngoài, nhưng bên trong vẫn còn xú uế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, họ hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có được rửa bên trong không?

- Được rửa. Cách rửa là rửa vào trong chừng một lóng tay chứ không được sâu hơn mức đó. Nếu như rửa sâu hơn mức đó để cho lắng dịu lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách rửa ráy (âm đạo).

CÁCH DÙNG VẢI THẤM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni có kinh nguyệt khiến cho giường nệm bị dơ bẩn. Đại-ái-đạo bèn đến bạch với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Có thể may một tấm vải dùng để thấm kinh nguyệt được không?

- Được, nên dùng miếng vải cũ để may, nhưng không được dùng vật cứng, cũng không được dùng vật cạ sâu vào âm hộ để kích thích dâm dục, mà nên dùng vật mềm mại để che đường tiểu tiện. Nếu ai dùng vật cứng để cạ sát trong âm hộ cho dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là cách dùng tấm vải thấm kinh nguyệt.

CÁCH GIẶT VẢI THẤM KINH NGUYỆT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-

kheo-ni đến chỗ tắm rửa của phụ nữ giặt váy thấm kinh nguyệt, bị phụ nữ chê trách: "Sa-môn ni ấy làm bẩn chỗ nước này, khiến cho đỏ thắm như vậy đó".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ tắm rửa của phụ nữ để giặt. Nếu ai giặt thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là cách giặt váy thấm kinh nguyệt của phụ nữ.

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ ĐÀN ÔNG TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của phụ nữ, thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ tắm rửa của nam tử để giặt. Cuối cùng, Phật dạy:

- Nếu Tỳ-kheo-ni đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là giặt đồ tại chỗ tắm của nam tử.

KHÔNG ĐƯỢC GIẶT ĐỒ DƠ CHỖ DU KHÁCH GIẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép đem đồ thấm kinh nguyệt đến giặt tại chỗ tắm rửa của nam tử thì các Tỳ-kheo-ni bèn đem đến chỗ giặt đồ của du khách

để giặt. Cuối cùng, Phật dạy: "Ta không cho phép đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của hành khách để giặt, mà nên dùng cái thau hoặc cái chậu sành đem đến chỗ vắng vẻ để giặt. Khi giặt xong không được đem đổ nước bẩn trên đất, mà nên đem đổ xuống khe, lạch, nơi không có người trông thấy, rồi đem chiếc váy ấy phơi khô để sau này khi cần sẽ dùng đến. Nếu Tỳ-kheo-ni đem váy thấm kinh nguyệt đến chỗ giặt đồ của du khách mà giặt thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là chỗ giặt y phục của du khách.

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG ÂM HỘ HỨNG CHỖ NƯỚC XỐI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni bị lòng dục sinh khởi bèn đưa âm hộ ra hứng ngay chỗ những giọt nước xối, liền bị xuất bất tịnh (tinh khí), nên tâm sinh nghi ngờ. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại bạch với Thế Tôn. Phật liền dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép đưa âm hộ ra hứng tại chỗ giọt nước xối. Nước xối nghĩa là những giọt nước từ trên cao chảy xuống. Nếu Tỳ-kheo-ni muốn tắm tại chỗ có nước xối thì nên dùng tấm vải che ở trên. Nếu ai đưa âm đạo ra hứng ngay chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà dột để dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi

muốn tắm tại chỗ giọt nước xối, chỗ giọt nước mái nhà dột thì không được ngửa thân mình về phía giọt nước mà phải quay lưng lại. Nếu ai ngửa thân mình về phía giọt nước cho vơi bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là chỗ giọt nước xối".

KHÔNG ĐƯỢC LỘI NGƯỢC DÒNG NƯỚC CHẢY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni xuống tắm chỗ dòng nước chảy xiết, rồi lòng dục sinh khởi, bèn lội ngược lên dòng nước, khiến tinh khí bị xuất ra. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép lội ngược dòng nước chảy xiết để cho nước xoáy vào đường tiểu tiện. Nếu ai đi ngược lên dòng nước từ trên núi đổ xuống, dòng nước đang chảy xiết, hoặc cố ý lội ngược lên dòng nước để cho vơi bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Khi tắm tại dòng nước chảy xiết không được hướng mặt về phía dòng nước mà nên quay lưng lại. Nếu ai hướng mặt về phía dòng nước chảy xiết thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là dòng nước chảy".

KHÔNG ĐƯỢC DÙNG CỦ LÀM NAM

CĂN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có Tỳ-kheo-ni dùng các vật đút vào âm hộ cho xuất tinh, như dùng các thứ củ cải, củ hành đưa vào âm hộ cho xuất tinh. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép làm như thế. Nếu Tỳ-kheo-ni nào dùng củ cải, củ hành đút vào âm hộ cho xuất tinh để làm dịu bớt lòng dục thì phạm tội Thâu-lan-giá. Đó gọi là củ".

Kệ tóm tắt:

"Vỗ âm hộ, dùng cao,
Lóng tay, váy kinh nguyệt.
Giặt chỗ phụ nữ tắm,
Chỗ nam tử cũng vậy.
Giặt chỗ khách giặt áo
Chỗ nước xối, dòng chảy.
Dùng củ làm xuất tinh
Kết thúc phần thứ hai".

KHÔNG ĐƯỢC LÀM YẾT MA CỬ TỘI TỲ KHEO

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo tập họp mà không biết làm yết-ma cử tội, liền sai Tỳ-kheo-ni làm. Khi làm xong, Tỳ-kheo-ni sinh tâm nghi ngờ, hối hận bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật

liền khiển trách: "Đó là chúng đáng tôn kính, vì sao ngươi dám làm yết-ma cử tội?

Từ nay về sau, Ta không cho phép làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo. Nếu trong các Tỳ-kheo không ai có thể tụng đọc được thì có thể sai Ni tụng, và khi làm yết-ma, nếu không thể làm được thì (Tỳ-kheo-ni có thể) từ xa trao (pháp yết-ma) không có tội. Nếu Tỳ-kheo-ni làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng Tỳ-kheo được làm yết-ma cho Tỳ-kheo-ni mà không có tội. Đó gọi là làm yết-ma.

KHÔNG ĐƯỢC MẶC Y KIỀU XÁ DA

Khi Phật an trú tại Tỳ-xá-ly, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la mặc y Kiều-xá-da đến nhà bà con. Trên đường đi, gặp trận mưa to khiến thân thể cô ướt sũng, nhìn vào thấy suốt thân cô như tượng thủy tinh. Dân chúng hiếu kỳ vây quanh đến xem, nên người đệ tử y chỉ phải đứng che một bên cho cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau Tỳ-kheo-ni không được phép mặc y Kiều-xá-da. Y Kiều-xá-da gồm có hai loại: Một là loại tơ sống, hai là loại tơ dệt. Loại sống sợi mỏng manh, loại dệt thì sợi được săn lại. Nếu ai mặc y Kiều-xá-da bằng tơ mỏng thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nếu mặc loại tơ được dệt dày

thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối. Nhưng Tỳ-kheo mặc thì không có tội. Đó gọi là y Kiều-xá-da.

KHÔNG ĐƯỢC MẶC YẾM MỎNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà có đôi nhũ hoa lớn mà mặc một lớp Tăng-kỳ-chi (yếm) đi kinh hành trên gác. Những người thế tục từ xa trông thấy thế bảo nhau: "Hãy xem kìa, giống như quả bầu nổi trên mặt nước".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, nên may Phú kiên y (tấm vải che vai). Tấm vải che vai này được gấp nhiều lớp rồi buộc vào trên vai. Nếu ai không may, không mặc loại này thì phạm tội Việt tỳ-ni. Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni mặc một lớp Tăng-kỳ-chi đi kinh hành trên chỗ cao. Nhưng ở chỗ vắng vẻ thì mặc một lớp Tăng-kỳ-chi không có tội. Đó gọi là Tăng-kỳ-chi".

KHÔNG ĐƯỢC TRANG ĐIỂM CHO PHỤ NỮ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có những cô gái của dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Ly-xa, con gái nhà quý tộc xuất gia, rất thiện nghệ trang điểm. Rồi các cô gái lấy chồng, chàng trai cưới vợ đều thuê họ trang điểm, nhờ đó mà được ăn ngon, nên bị người đời nhạo báng: "Đấy không

phải là người xuất gia mà là những chuyên viên trang điểm".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau không được trang điểm cho phụ nữ. Trang điểm nghĩa là: chải đầu, bôi mắt, thoa phấn lên mặt, sơn môi v.v… Nếu ai dùng nghề trang điểm để tự nuôi sống thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu bị đau đầu, đau mắt thì được bôi thuốc, nhỏ thuốc không có tội. Đó gọi là trang điểm.

KHÔNG ĐƯỢC TRỒNG HOA RỒI ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la, gia đình vọng tộc xuất gia; họ trồng hoa Ưu-bát-la, rồi hái đem đi bán. Vì thế bị người đời chê bai: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những phụ nữ bán hoa".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì họ đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép trồng hoa đem bán để tự nuôi sống. Nếu Tỳ-kheo-ni trồng hoa Ưu-bát-la đem bán để tự nuôi sống thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu vì tháp, vì cúng dường Phật mà trồng thì không có tội. Đó gọi là hoa

Ưu-bát-la.

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni trồng hoa Tu-mạn-na, cho đến Phật dạy: "Nếu vì tháp, vì cúng dường Phật thì không có tội".

KHÔNG ĐƯỢC XÂU VÒNG HOA ĐEM BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho trồng hoa, thì những Ni cô xuất thân từ họ Thích, họ Ma-la bèn kết vòng hoa đem bán để tự nuôi sống. Vì thế bị người đời chỉ trích: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những cô gái bán vòng hoa".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy: "Từ nay về sau, Ta không cho phép kết vòng hoa. Vòng hoa như các loại: Hoa Ưu-bát-la, hoa Ma-lê, hoa Tu-mạn-na. Nếu ai kết các loại vòng hoa này đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu gặp các ngày đại hội Phật đản sinh, Phật thành đạo, Chuyển pháp luân, kỷ niệm A-nan, La-hầu-la, ngày đại hội năm năm một lần, rồi đàn-việt nói: "Thánh giả giúp con kết vòng hoa này", thì khi ấy, được kết các vòng hoa mà không có tội. Đó gọi là kết vòng hoa.

KHÔNG ĐƯỢC XE SỢI ĐEM ĐI BÁN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các cô gái dòng họ Thích, họ Ma-la, họ Ly-xa xuất gia rồi

xe sợi đem bán, bị người đời mỉa mai: "Đấy không phải là người xuất gia mà là những kẻ bán chỉ sợi".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép xe sợi. Xe sợi gồm có các loại như: sợi kiếp-bối, sợi sô-ma, sợi kiều-xá-da, sợi xá-na-ma. Nếu ai xe sợi đem bán để nuôi sống thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu muốn làm túi lọc nước, dây buộc lưng mà xe thì không có tội. Đó gọi là xe sợi.

KHÔNG ĐƯỢC HỦY HOẠI OAI NGHI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tu-đề-na qua đời, bà vợ bèn xuất gia làm Tỳ-kheo-ni, người chú thường thường mong cô thôi tu. Một hôm, cô vào thôn khất thực, ông chú trông thấy định bắt về, cô liền chạy vào một gia đình hào phú nói với người đàn bà:

- - Có chuyện đột ngột, vì có kẻ muốn hủy hoại phạm hạnh của tôi.

- Tại sao vậy?

- Ông chú muốn tôi bỏ đạo.

- Cô đừng sợ, tôi sẽ bảo vệ cô.

- Tôi muốn trở về chỗ của Hòa thượng.

- Cô muốn đi thì phải cải trang mặc đồ thế tục mới có thể thoát được.

- Thế là cô mang xuyến vào cổ tay, đeo vòng

vàng vào tai, mặc đồ thế tục, dẫn theo bốn, năm người tùy tùng mà ra đi. Khi ấy, ông chú đứng ở ngoài thấy thế suy nghĩ: "Đây không phải là Tỳ-kheo-ni mà là người thế tục".

Khi cô về đến trú xứ, các Tỳ-kheo-ni thấy thế, liền khiển trách:

- Vì sao ngươi ăn mặc như thế?

- Người chú định bắt tôi, vì để tự bảo vệ, nên phải phương tiện cải trang như thế này.

Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Đại-ái-đạo lại đem việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo-ni ấy đến. Khi cô tới rồi, Phật liền hỏi:

- Ngươi có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Vì sao ngươi hủy hoại oai nghi? Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy hoại oai nghi. Nếu ai quyết định hủy hoại oai nghi thì chẳng phải là Tỳ-kheo-ni. Nếu ai vì phương tiện tự vệ mà hủy hoại oai nghi thì phạm tội Việt tỳ-ni, nhưng vẫn còn là Tỳ-kheo-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni nào quyết định hủy hoại oai nghi thì phạm tội Thâu-lan-giá. Nhưng nếu vì phương tiện để tự vệ thì không có tội.

Kệ tóm tắt:

"Yết-ma, Kiều-xá-da,
Tăng-kỳ-chi, trang điểm,

Trồng hoa Tu-mạn-na,
Kết vòng hoa, xe sợi.
Hoại oai nghi sau cùng,
Kết thúc phần thứ ba”.

CÁCH ĐẬY VÀ MỞ NẮP BÁT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khất thực đến một nhà hào phú thì có một người đàn bà bị sẩy thai nói với cô:

- Nhờ cô đem vứt giùm tôi cái này.
- Tôi không thể làm được.
- Tôi sẽ tặng cho cô chừng ấy thứ.

Thế là cô lấy bào thai bỏ vào trong bát rồi ra đi. Lúc ấy, Đại Ca-diếp đi khất thực thường suy nghĩ như sau: “Khi được thức ăn đầu tiên ta sẽ cúng dường cho Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni”. Do đó, lúc thấy

Tỳ-kheo-ni ấy, Ngài liền bảo: “Lấy bát lại đây”. Nhưng cô ta vẫn đậy kín không cho xem. Tôn giả bèn gọi lần nữa, nhưng cô cũng không cho xem. Đại Ca-diếp vốn có uy phong, liền lớn tiếng gọi. Cô hoảng sợ bèn mở nắp bát cho xem. Khi thấy thế, Tôn giả quở trách: “Ôi chao! Vì sao mà ngươi làm việc ác này?” Đoạn, Tôn giả nói với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc ác, phi pháp. Vì sao ngươi đậy bát lại (không cho xem?). Từ nay về sau Ta không cho phép đậy bát lại (không cho xem), cũng không được cầm bát để trống. Khi khất thực đầy rồi đậy lại mà thấy Tỳ-kheo thì phải dỡ ra đưa cho xem. Nếu ai cầm bát để trống thì phạm tội Việt tỳ-ni, đồng thời khi thấy Tỳ-kheo mà không dỡ cho xem cũng phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là vấn đề liên quan đến bát.

CÁCH NHẬN THÍ VẬT CỦA NGƯỜI PHẠM TỘI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có viên đại thần vi phạm pháp luật của vua, gia tài của ông đều bị sung công. Vua bèn sai quân lính đến gìn giữ. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà đi khất thực tuần tự đến nhà ấy, bà vợ viên quan nói với cô:

- Này Thánh giả, chồng tôi phạm vương pháp có thể bị tử hình, tài sản đều bị sung công. Tôi có ít vật báu dùng trang điểm muốn gởi cho cô. Nếu tôi thoát chết thì xin cô hoàn lại, còn nếu tôi chết, thì xem như tôi đã cúng dường.

Thế rồi, Tỳ-kheo-ni liền đưa bát, bà kia bèn bỏ vật báu vào đậy nắp lại, rồi cô bưng đi. Lúc ấy lính giữ cửa trông thấy bèn hỏi cô: “Trong bát có vật gì

mà không đưa xem?". Rồi y quát nạt khiến cô hoảng sợ bèn đưa cho xem.

Tỳ-kheo-ni nghe được chuyện ấy bèn bạch với Phật. Cuối cùng, khi Phật hỏi thì cô đáp:

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

Từ nay về sau, Ta không cho phép bỏ vật báu trong bát rồi đậy lại. Nếu có người vi phạm quốc pháp mà chưa bị bắt, tài sản chưa bị tịch thu, họ muốn gởi gấm tài sản thì được nhận. Nhưng nếu kẻ ấy đã bị vua bắt, tài sản đã bị tịch thu (mà họ muốn gởi) thì nên nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép tôi nhận những vật này". Nếu họ nói: "Tôi gởi cho cô để cúng cho tháp, cho Tăng", thì được nhận. Nhưng khi nhận rồi không được đậy nắp bát lại mà phải để trống bưng đi. Nếu quân lính hỏi thì nên đáp: "Đây là vật của tháp, của Tăng, của tôi". Nếu họ cho đi thì tốt. Nếu họ không cho đi thì phải trả lại cho họ. Đó gọi là trường hợp đậy nắp bát.

KHI LÀM CẦU TIÊU KHÔNG ĐƯỢC ĐẬY NẮP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Tỳ-kheo-ni làm cầu tiêu mà dùng đồ vật đậy miệng cầu lại. Các người nữ bèn đem thai nhi bị chết bỏ vào trong đó. Sau đó, có kẻ hạ tiện Chiên-đà-la, dỡ nắp cầu ra, thấy thế, nói: "Đây là của Tỳ-kheo-ni

bị sẩy thai rồi ném vào trong này".

Các Tỳ-kheo-ni bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép đậy nắp cầu tiêu, mà phải dỡ ra trong khi làm. Nếu đậy nắp cầu tiêu trong khi làm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng cầu tiêu".

KHÔNG ĐƯỢC VÀO NHÀ TẮM THẾ TỤC ĐỂ TẮM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có cô gái thuộc dòng họ Thích, họ Ma-la xuất gia, rồi vào trong nhà tắm thế tục để tắm, bèn bị kẻ thanh niên côn đồ vào phòng tắm hủy hoại phạm hạnh của cô. Các Tỳ-kheo-ni bèn nói với Đại-ái-đạo. Cuối cùng, Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép vào trong nhà tắm thế tục. Nếu bị bệnh thì được đốt lửa trong phòng, thoa dầu lên mình rồi kỳ cọ. Nếu Tỳ-kheo-ni vào nhà tắm thế tục để tắm thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phép tắc vào nhà tắm".

KHÔNG ĐƯỢC Ở TẠI A LUYỆN NHÃ

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy Ngài chưa chế giới, các Tỳ-kheo-ni ở nơi A-luyện-nhã,

vì trong thôn xóm chưa có chỗ trú. Do đó, năm trăm Tỳ-kheo-ni với Đại-ái-đạo là Thượng thủ phải ở trong vườn của nhà vua. Các cô vốn là con gái của dòng họ Thích, họ Ma-la còn son trẻ, đoan chánh nên các thanh niên trai trẻ đầu đêm rình rập để bắt cóc. Tỳ-kheo-ni thấy chúng liền vọt lên hư không mà chạy thoát. Đến nửa đêm chúng trở lại, họ cũng thoát được. Thế rồi, lúc cuối đêm chúng trở lại, trong số các cô có người chậm lụt, không nhập định mà ngủ gục nên không chạy thoát được, bị chúng xâm phạm. Đại-ái-đạo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật dạy:

"Từ nay về sau, Ta không cho phép Tỳ-kheo-ni sống tại A-luyện-nhã. Nhưng nếu tại đó có bốn chúng tập họp thuyết pháp suốt đêm thì được ở, nhưng lúc ấy không được ở trong bóng tối. Nếu Tỳ-kheo-ni sống nơi A-luyện-nhã thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là sống tại A-luyện-nhã".

VẤN ĐỀ Y CA HI NA

Tỳ-kheo thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni thọ y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni xả y Ca-hi-na khác với Tỳ-kheo. Tỳ-kheo A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni A-đề-ha-lỗ, A-na-đề-ha-lỗ khác với Tỳ-

kheo.

Kệ tóm tắt:

"Đậy bát, bát đựng của,
Mở cầu vào nhà tắm.
Sống tại A-luyện-nhã.
Tỳ-kheo thọ Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni.
Tỳ-kheo xả Ca-hi,
Khác với Tỳ-kheo-ni
Kết thúc phần thứ tư".

VẤN ĐỀ THỰC PHẨM GIỮA TĂNG VÀ NI.

Có những thực phẩm đối với Tỳ-kheo không thanh tịnh nhưng đối với Tỳ-kheo-ni thì thanh tịnh. Có những loại thực phẩm đối với Tỳ-kheo-ni không thanh tịnh, nhưng đối với Tỳ-kheo thì thanh tịnh. Tỳ-kheo được phép sai Tỳ-kheo-ni trao thức ăn cho mình, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh. Tỳ-kheo-ni được phép nhận thức ăn từ Tỳ-kheo, ngoại trừ vàng bạc, tiền mặt và năm loại tác tịnh.

Có ba nguyên nhân làm cho mất bản chất Tỳ-kheo, đó là: Quyết tâm xả giới; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nam căn chuyển thành nữ căn. Đó gọi là ba yếu tố làm mất bản chất Tỳ-kheo.

Nếu Tỳ-kheo bị nam căn biến thành nữ căn thì nên bảo qua Tinh xá của Tỳ-kheo-ni, nhưng không

được ở cùng phòng với Tỳ-kheo-ni mà phải ở phòng riêng. Nếu sau đó nữ căn biến thành nam căn trở lại, thì được trở về với Tỳ-kheo Tăng, được xem là một Tỳ-kheo hoàn toàn, và được tính tuổi đạo như cũ.

Có ba nguyên nhân làm cho Tỳ-kheo-ni mất bản chất Tỳ-kheo-ni, đó là: Quyết tâm hủy hoại oai nghi; có tội thực sự bị Tăng trục xuất; nữ căn biến thành nam căn; như trong trường hợp Tỳ-kheo đã nói ở trên.

Tỳ-kheo-ni không được làm phép tàn thực (làm phép để được ăn thêm), mà chỉ ngồi xuống một lần ăn no rồi thôi.

CÁCH SẮP XẾP THỨ TỰ

Khi Phật an trú trên bờ sông A-kỳ-la tại thành Xá-vệ có đàn-việt mời hai bộ Tăng cúng dường trai phạn. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đều muốn qua sông. Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới không cho phép hai bên cùng đi chung thuyền". Thế là Tỳ-kheo cứ hai người, ba người ngồi trên thuyền nhẹ nhàng qua sông. Họ qua rồi, Tỳ-kheo-ni mới được qua. Khi qua tới nơi lại phải hỏi tuổi tác để sắp xếp chỗ ngồi, thì mặt trời đã quá ngọ. Vì thế Đại-ái-đạo mất bữa ăn đói lả, Ni sư đi đến chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ, đứng hầu một bên. Phật thấy thế, biết nhưng vẫn hỏi: "Vì sao mà sắc diện bà có vẻ đói khát như thế?". Ni sư bèn đem sự việc trên bạch

đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền dạy: "Từ nay về sau, trong tám vị Thượng tọa đầu phải ngồi theo thứ tự đúng pháp, còn những người khác thì tùy nghi, ai đến trước thì ngồi trước. Nếu vào dịp năm năm đại hội một lần có nhiều người tụ hội thì tám vị Thượng tọa đầu của Tỳ-kheo-ni phải ngồi theo thứ tự, còn những người khác thì tùy ý mà ngồi. Nếu trong tám người đầu không ngồi theo thứ tự thì phạm tội Việt tỳ-ni". Cuối cùng Thế Tôn dạy (tóm tắt bằng bài kệ):

"Hai chúng tịnh không đồng,
Hơn nữa có ba việc,
Làm cho mất bản chất,
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni.
Không tàn, tám Thượng tọa,
Kết thúc phần thứ năm".

Trong phần linh tinh của Tỳ-kheo thì chín việc: "Biệt trụ, tỏi, ô dù, xe cộ, dùng dao chữa bệnh, giày dép, ngồi chung một giường, nằm chung một giường, ca nhạc" khác với Tỳ-kheo-ni. Ngoài ra mười ba việc còn lại giống với Tỳ-kheo-ni. Trong phần linh tinh thuộc về oai nghi thì năm việc: "Ở A-luyện-nhã, vào nhà tắm, làm cầu tiêu, vá y, chiếu đan" khác với Tỳ-kheo-ni. Ngoài ra, các việc khác giống với Tỳ-kheo-ni.

Giới kinh của Ni bộ gồm năm trăm học giới được Đức Thế Tôn chia ra thuyết minh tuần tự: Bài tựa của giới kinh; tám Ba-la-di, mười chín Tăng-

già-bà-thi-sa; ba mươi Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề; một trăm bốn mươi mốt Ba-dạ-đề; tám Ba-la-đề-đề-xá-ni; sáu mươi bốn pháp Chúng học, bảy pháp Diệt tránh; sau cùng là bài kệ nói về Pháp và tùy thuận pháp.

Giới bổn của Tỳ-kheo-ni đến đây là hết.

GHI CHÚ RIÊNG VỀ LUẬT MA HA TĂNG KỲ

Ngày xưa khi vị ác vương tạm thời cai trị Trung Thiên Trúc, các Sa-môn phải lánh đi khắp nơi; những Tỳ-kheo tinh thông Tam Tạng còn rất thưa thớt. Đến khi ác vương băng hà, Thiện vương lên ngôi, bèn mời các Sa-môn về nước cúng dường. Lúc ấy, tại ấp Ba-liên-phất có năm trăm vị Tăng muốn giải quyết công việc nhưng không có Luật sư, lại không có Luật văn, không lấy gì để làm cơ sở, liền sai người đến Tinh xá Kỳ-hoàn chép được bản luật còn truyền đến ngày nay (tức bộ Luật này đây).

Pháp Hiển tôi chép được bản luật này bằng chữ Phạn tại Tinh xá Thiên Vương, phía Nam tháp A-dục vương, ấp Ba-liên-phất, nước Ma-kiệt-đề, rồi đem về Dương Châu. Thế rồi, tôi cùng Thiền sư (Phật-bà-bạt-đà-la) dịch từ chữ Phạn sang chữ Tần (Hán), tại chùa Đấu Trường, từ tháng mười một năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hi thứ mười hai

(416) đời Tấn đến cuối tháng hai năm Nghĩa Hi thứ mười bốn (418) thì hoàn thành; do đó ghi lại đôi dòng để biết.

Sau khi Phật Nê-hoàn, Tôn giả Đại Ca-diếp tập họp các vị Đại sư tinh thông tám vạn Pháp tạng để kết tập Luật Tạng. Thế rồi, sau khi Đại Ca-diếp nhập diệt, Tôn giả A-nan lại kế thế giữ gìn đầy đủ tám vạn Pháp tạng. Kế đến Tôn giả Mạt-điền-địa cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn Pháp tạng. Kế đến Tôn giả Xá-na-bà-tư cũng giữ gìn đầy đủ tám vạn Pháp tạng. Kế đến, Tôn giả Ưu-ba-quật-đa (người được Thế Tôn thọ ký là Phật Vô Tướng, như trong nhân duyên hàng ma đã nói rõ) không thể giữ gìn đầy đủ tám vạn Pháp tạng, do đó mà phát sinh ra tên của năm bộ phái. Đầu tiên, Đàm-ma-quật-đa lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Di-sa-tắc lập riêng ra một bộ. Tiếp theo, Ca-diếp-duy lại lập ra một bộ. Tiếp theo là Tát-bà-đa mà Tát-bà-đa nước Tấn (Hán) dịch là Thuyết Nhất Thiết Hữu, nghĩa là ý nghĩa và tông chỉ của các bộ trên đều chủ trương khác nhau. Bộ Tát-bà-đa cho thân trung ấm trong ba giai đoạn quá khứ, hiện tại và vị lai đều có tính cách khác nhau, do đó mà gọi Nhất thiết hữu.

Thế rồi, năm bộ này lập ra thuyết riêng, ai nấy đều tự cho chủ trương của mình là đúng. Khi ấy, vua A-dục suy nghĩ: "Nay ta phải làm sao để biết ai là đúng, ai là sai?". Thế rồi vua hỏi chư Tăng làm cách nào để phán đoán pháp Phật, thì họ cho

biết là phải theo nguyên tắc đa số. Vua nói: "Nếu vậy thì phải rút thăm để biết bên nào nhiều người". Đoạn, vua cho tiến hành việc rút thăm và kết quả những người theo quan điểm cũ nhiều nhất. Vì họ thuộc số đông nên gọi là Ma Ha Tăng Kỳ, nghĩa là đại chúng hay chúng lớn.

PHẬT NÓI KINH TỘI BÁO NẶNG NHẸ VỀ VIỆC PHẠM GIỚI

Tôi nghe như vầy:

Một thuở nọ, Phật trú tại thành Vương xá, lúc ấy vào buổi xế, Tôn giả Mục-liên xả thiền định, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng hầu một bên, bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tâm con có điều nghi ngờ, nay xin hỏi Thế Tôn, mong Thế Tôn chuẩn thuận.

- Ta cho phép ông hỏi, rồi ta sẽ trả lời cho ông.

- Bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không có tâm hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Ba-dạ-đề, Thâu-lan-giá, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-la-di thì mắc bao nhiêu tội lỗi bất lợi? Kính mong Thế Tôn hãy chỉ rõ.

- Này Mục-liên hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ nói rõ để ông biết. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới chúng học, thì như Tứ Thiên Vương thọ năm trăm tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính

của nhân gian là chín trăm ngàn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-đề-đề-xá-ni, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba thọ một ngàn tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là ba ức sáu mươi ngàn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-dạ-đề, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Dạ-ma thọ hai ngàn tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai mươi ức bốn mươi ngàn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm tội Thâu-lan-giá, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn coi thường lời Phật dạy, phạm giới Tăng-già-bà-thi-sa thì giống như chư Thiên ở cõi trời Bất Kiêu Lạc (Hóa Lạc Thiên) thọ tám ngàn tuổi, bị đọa vào địa ngục, mà theo cách tính của nhân gian là hai trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm.

Này Mục-liên, nếu Tỳ-kheo... không biết hổ thẹn, coi thường lời Phật dạy, phạm giới Ba-la-di, thì giống như chư Thiên ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại

thọ mười sáu ngàn tuổi, bị đọa vào địa ngục mà theo cách tính của nhân gian là chín trăm hai mươi mốt ức sáu mươi ngàn năm.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên nghe Phật tuyên thuyết như vậy, liền hoan hỷ phụng hành; rồi Tôn giả đọc kệ:

"Vì nguyên nhân khi ác.
Do nguyên nhân tu thiện,
Nhờ thế sinh lên trời.
Nương vào đây tu phước,
Lìa ác được giải thoát.
Không khéo quán nhân duyên,
Thân hoại vào địa ngục".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

MA HA TĂNG KỲ
LUẬT ĐẠI TỲ KHEO
GIỚI BỔN

SỐ 1426

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1426

MA HA TĂNG KỲ
LUẬT ĐẠI TỲ KHEO GIỚI BẢN

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng
Phật Đà Bạt Đà La, người Thiên Trúc

SÁU PHÁP CẦN GHI NHỚ

1. Phải biết số ngày trong tháng, như ngày mồng một, mồng hai, cho đến ngày mười bốn, mười lăm, hoặc tháng đủ hay tháng thiếu, đều phải biết.

2. Sáng sớm phải tính toán việc thí thực: "Nếu hôm nay được thức ăn thì ta nên cúng dường cho thầy A, nếu thầy A không bằng lòng nhận thì ta sẽ ăn" (nói ba lần như vậy).

3. Hằng ngày phải ghi nhớ về số hạ lạp của mình là bao nhiêu.

4. Phải ghi nhớ số y mình phải gìn giữ và số y mình đã tịnh thí.

5. Phải nhớ là không được ăn với một chúng riêng (một nhóm người riêng ngoài chúng Tăng).

6. Phải nhớ là mình có bệnh hay không có bệnh.

GIỚI BẢN CỦA ĐẠI TỲ KHEO THUỘC BỘ LUẬT MA HA TĂNG KỲ

(Vị yết-ma bắt đầu nói:)

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Một tháng của mùa Đông đã trôi qua, thiếu một đêm, nhưng thừa một đêm đối với ba tháng còn lại. Sự già chết đã đến gần, pháp Phật sắp hủy diệt. Các Đại đức vì sự đạt đạo cần phải một lòng tinh tấn. Vì sao? Vì chư Phật nhờ một lòng tinh tấn mà đạt được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, huống gì là các pháp trợ đạo khác.

Những người chưa thọ giới Cụ túc đã ra rồi, vậy Tăng nay hội họp trước hết là để làm gì?

(Một người đáp): Để Bố-tát tụng giới.

Các Đại đức nào không đến thì Tỳ-kheo (nhận dục của họ) hãy trình bày sự gởi dục và thanh tịnh (của họ với đại chúng).

Có ai nhận sự chúc thỉnh của Tỳ-kheo-ni không?

(Nếu không thì đáp): Không có Tỳ-kheo-ni chúc thỉnh.

Chấp đôi bàn tay lại
Đảnh lễ Đức Thế Tôn
Giờ tôi sắp tụng giới
Tăng hãy lắng lòng nghe.
Dù cho phạm tội nhỏ
Phải hết sức lo sợ

Có tội quyết sám hối
Về sau đừng tái phạm.
Tâm như ngựa ruổi dong
Phóng dật khó kìm chế
Phật dạy: gìn giới hạnh
Như nắm dây cương chắc.
Lời này từ kim khẩu
Người thiện cần phải tin
Lòng tin như ngựa thuần
Phá được quân phiền não.
Nếu ai chẳng vâng lời
Cũng không ưa thích giới
Người ấy như ngựa chứng
Chết trong quân phiền não.
Người giữ giới kiên cố
Như trâu mao giữ đuôi
Buộc tâm không phóng dật
Như khỉ bị xiềng giữ.
Ngày đêm thường tinh tấn
Cầu trí tuệ chân thật
Thì đời sống người này
Trong đạo được thanh tịnh.

Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Hôm nay là ngày thứ mười lăm, Bố-tát tụng giới. Nếu thời gian của Tăng đã đến, thì Tăng hãy nhất tâm lắng nghe, cùng nhau Bố-tát tụng giới. Đây là lời tác bạch.

Thưa các Đại đức! Hôm nay là ngày Bố-tát tụng giới. Tăng hãy nhất tâm lắng nghe. Nếu ai có

tội thì phải phát lồ, không có tội thì im lặng. Vì im lặng mà biết các Đại đức thanh tịnh; như một Tỳ-kheo được ai hỏi điều gì thì phải như thật trả lời. Cũng vậy, Tỳ-kheo nào ở trong chúng khi được hỏi ba lần, nhớ biết mình có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý vọng ngữ. Thưa các Đại đức! Phật dạy, cố ý vọng ngữ là pháp chướng đạo. Thế nên, Tỳ-kheo nào muốn được thanh tịnh thì khi nhớ mình có tội cần phải phát lồ. Vì phát lồ thì an ổn, không phát lồ thì tội càng thêm nặng.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong bài tựa của giới kinh, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần như vậy).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bốn giới Ba-la-di, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo đã thọ giới Cụ túc ở giữa chúng Tăng hòa hợp, không trả giới, giới sa sút, không rời khỏi Tăng đoàn mà hành dâm với người khác, thậm chí với cả loài súc sinh, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Bấy giờ, Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, nhằm ngày hai mươi bảy tháng mười một của mùa Đông, năm thứ năm sau khi thành Phật. Sau bữa cơm,

Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng xế độ một người rưỡi, vì trưởng lão Da-xá con của Ca-lan-đà mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

2. Nếu Tỳ-kheo lấy trộm vật của người khác trong thôn xóm hay chỗ đất trống, rồi tùy theo vật lấy trộm mà nhà vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc trục xuất, khiển trách: "Ôi, nam tử! Ngươi là quân trộm cướp, là kẻ ngu si", thì Tỳ-kheo ăn trộm ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng.

Lúc này, Phật an trú tại thành Vương xá, vào ngày mồng mười tháng mười của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành đạo. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc bóng chiều độ một người rưỡi, vì trưởng lão Đạt-nị-già con của người thợ gốm - có việc liên quan đến vua Bình Sa và Tỳ-kheo mặc y phấn tảo - mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

3. Nếu Tỳ-kheo tự tay mình giết người, hoặc đi tìm dao đưa cho người ta tự sát, khuyến khích chết, ca ngợi sự chết, nói: "Ôi! Làm người sống mà khốn khổ thì thà chết còn tốt hơn", trong tâm suy nghĩ tìm đủ mọi cách ca ngợi chết là thích thú, nhân đó mà người kia chết chứ không có lý do nào khác, thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không

được sống chung với Tăng chúng.

Bấy giờ, Phật an trú tại thành Tỳ-xá-ly, vào ngày hai mươi bốn tháng mười của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành Phật. Trước bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Bắc, lúc bóng xế độ một người rưỡi, vì các Tỳ-kheo nuôi bệnh liên quan đến việc ngoại đạo Lộc Trượng (sát hại các Tỳ-kheo) mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

4. Nếu Tỳ-kheo chưa biết, chưa thấy mà tự xưng: "Tôi đã được Thánh pháp hơn người, có tri kiến thù thắng, tôi biết như vậy, thấy như vậy", sau đó, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra về việc phạm tội, mà vì muốn mình thanh tịnh nên nói như sau: "Thưa trưởng lão, tôi không biết mà nói biết, không thấy mà nói thấy, đó là những lời hư dối không thật", thì Tỳ-kheo này phạm tội Ba-la-di, không được sống chung với Tăng chúng, trừ tăng thượng mạn.

Lúc này, Phật an trú tại thành Xá-vệ, vào ngày mười ba tháng mười một của mùa Đông, năm thứ sáu sau khi thành Phật. Sau bữa ăn, Ngài ngồi quay mặt về hướng Đông, lúc đó bóng chiều độ ba người rưỡi, vì các Tỳ-kheo ở thôn xóm và các Tỳ-kheo tăng thượng mạn mà chế ra giới này. Những gì Phật đã chế thì phải tùy thuận chấp hành. Đó gọi là pháp tùy thuận.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong bốn giới Ba-la-di, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần như vậy).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thưa các Đại đức! Sau đây là mười ba giới Tăng-già-bà-thi-sa, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho xuất tinh - ngoại trừ trong giấc mộng - thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

2. Nếu Tỳ-kheo, do tâm dâm bị kích thích, bèn dùng thân mình cọ xát với thân người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc nắm các bộ phận khác nơi cơ thể của họ cọ xát để tìm lạc thú, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

3. Nếu Tỳ-kheo, do tâm dâm bị kích thích, nên nói với người nữ bằng những lời bẩn thỉu, bảo họ tùy thuận hành dâm với mình như nam nữ trẻ tuổi, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

4. Nếu Tỳ-kheo, vì tâm dục kích thích, ở trước người nữ khen ngợi việc họ tự hiến thân cho mình, nói: "Này chị (hay em), nếu chị hiến dâng sự dâm dục cho vị Sa-môn giữ giới thanh tịnh, hành pháp thiện, tu phạm hạnh như tôi, đó là sự dâng hiến bậc nhất", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

5. Nếu Tỳ-kheo nhận làm sứ giả để tác hợp cho

nam nữ thành vợ chồng, hay tư thông với nhau trong chốc lát, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

6. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thân chủ giúp đỡ thì phải trù tính làm phòng chiều dài mười hai gang tay Phật, chiều rộng bảy gang tay Phật. Đồng thời phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, nơi ấy không có tai nạn, không có phương hại. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin vật liệu về làm phòng, không có thân chủ giúp đỡ, mà làm chỗ có tai nạn, có phương hại, cũng không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng, lại làm quá quy định, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

7. Nếu Tỳ-kheo làm phòng lớn có thân chủ giúp đỡ, cũng phải dẫn các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ để làm phòng, nơi ấy không có tai nạn, không có phương hại. Nếu Tỳ-kheo làm phòng lớn có thân chủ giúp đỡ mà làm ở chỗ có tai nạn, có phương hại, cũng không mời các Tỳ-kheo đến chỉ chỗ làm phòng, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

8. Nếu Tỳ-kheo vì giận dữ không vui mà vu khống Tỳ-kheo thanh tịnh vô tội là phạm tội Ba-la-di một cách vô căn cứ, muốn phá hoại hạnh thanh tịnh của Tỳ-kheo ấy, rồi sau đó hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, Tỳ-kheo này bèn nói: “ Việc ấy không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói như vậy”, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

9. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui, rồi dùng một việc nhỏ thuộc lãnh vực khác không phải Ba da di để vu cáo Tỳ-kheo khác phạm tội Ba-la-di, nhằm phá hoại phạm hạnh của vị ấy, rồi sau đó, hoặc bị kiểm tra, hoặc không bị kiểm tra, bèn nói: "Vì tức giận nên tôi đem một việc nhỏ thuộc lãnh vực khác để vu cáo", thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

10. Nếu Tỳ-kheo vì muốn phá sự hòa hợp của Tăng, nên cố gắng tìm mọi cách để phá việc của Tăng, gây nên tranh chấp lẫn nhau, thì các Tỳ-kheo nên can gián: "Trưởng lão đừng vì mục đích phá sự hòa hợp của Tăng mà tìm đủ mọi cách để phá việc của Tăng, gây ra tranh chấp lẫn nhau. Trưởng lão nên hợp tác với Tăng (cùng làm việc với Tăng).

Vì sao? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, giống như nước hòa với sữa, cùng học một giáo pháp, điều gì đúng pháp thì bảo là đúng pháp một cách rõ ràng, thì mới sống an lạc". Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phải can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

11. Nếu một, hai, hoặc nhiều Tỳ-kheo đồng ý tương trợ Tỳ-kheo khác, cùng nói, cùng ý kiến, muốn phá sự hòa hợp của chúng Tăng, rồi lúc ấy các Tỳ-kheo can gián, thì vị Tỳ-kheo đồng lõa này

nói: "Trưởng lão, đừng nói việc tốt xấu của Tỳ-kheo ấy. Vì sao? Vì vị ấy là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Những gì vị ấy thấy và nói ra đều có thể chấp nhận được. Chúng tôi cũng có thể chấp nhận. Vị Tỳ-kheo ấy biết mới nói, chứ không phải không biết mà nói", thì các Tỳ-kheo nên can gián: "Trưởng lão đừng nói đó là vị Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Vì sao? Vì vị này không phải là Tỳ-kheo nói đúng pháp, nói đúng luật. Này trưởng lão, thầy đừng hỗ trợ việc phá Tăng mà phải vui vẻ hỗ trợ việc Tăng hòa hợp. Vì sao? Vì Tăng có hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp nhau, như nước hòa với sữa, cùng học một giới pháp, điều gì đúng pháp thì bảo là đúng pháp một cách rõ ràng, thì mới sống an lạc". Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

12. Nếu Tỳ-kheo nói năng ngang ngạnh, rồi các Tỳ-kheo cùng sống chung trong giới pháp chỉ bảo đúng pháp, đúng luật mà lại nói bướng bỉnh: "Trưởng lão, thầy đừng nói về việc tốt xấu của tôi. Tôi cũng không nói về việc tốt xấu của thầy", thì các Tỳ-kheo nên can gián: "Trưởng lão, khi các Tỳ-kheo cùng sống chung trong giáo pháp chỉ bảo đúng pháp, đúng luật, thì thầy không nên không công nhận, mà trái lại thầy cũng phải chỉ bảo các Tỳ-kheo khác đúng pháp, đúng luật. Vì sao? Vì

các đệ tử của Đức Như Lai có chỉ bảo lẫn nhau, can gián lẫn nhau, cùng xuất tội cho nhau, thì pháp thiện mới tăng trưởng". Khi can gián như vậy mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì nên can gián đến lần thứ hai, thứ ba. Bấy giờ, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

13. Nếu Tỳ-kheo sống nương tựa vào thành ấp xóm làng mà làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu xa, làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy, cũng nghe, làm những việc xấu xa ai cũng thấy, cũng nghe, thì các Tỳ-kheo nên can gián: "Trưởng lão, thầy đã làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu; làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy cũng nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy cũng nghe. Thầy hãy đi đi, không nên ở đây nữa". Thế rồi, thầy Tỳ-kheo ấy nói: "Tăng thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Vì sao? Vì có các Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Bấy giờ, các Tỳ-kheo nên can gián: "Này trưởng lão, thầy đừng nói: "Tăng thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Có các Tỳ-kheo đồng tội như nhau mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Vì sao vậy? Vì Tăng không thiên vị, thù hận, sợ hãi và ngu si. Này trưởng lão, thầy đã làm hoen ố nhà người ta, làm những việc xấu; làm hoen ố nhà người ta ai cũng thấy cũng nghe, làm những việc xấu ai cũng thấy cũng nghe. Thầy hãy đi đi, đừng ở đây nữa". Khi can gián như vậy mà

bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì can gián đến lần thứ hai thứ ba. Bấy giờ, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Này các Đại đức! Tôi đã tụng xong mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Chín pháp đầu hễ làm là phạm tội, còn bốn pháp sau phải đến ba lần can gián (mà không bỏ mới có tội). Nếu Tỳ-kheo phạm một tội nào, thì tùy theo thời gian che giấu, (Tăng) nên cho hành pháp Ba-lợi-bà-sa (biệt trú). Khi hành pháp Ba-lợi-bà-sa xong, phải hành pháp Ma-na-đỏa (ý hỷ) sáu ngày, sáu đêm giữa Tăng. Khi hành pháp Ma-na-đỏa xong phải xuất tội ở giữa hai mươi vị Tăng. Nếu thiếu một người không đủ hai mươi người, thì Tỳ-kheo ấy không được xuất tội mà các Tỳ-kheo còn bị khiển trách. Việc đó theo nguyên tắc là như vậy.

Nay xin hỏi các Đại đức, ở trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là hai pháp Bất định, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ che khuất, chỗ có thể hành dâm được, rồi một Ưu-bà-di đáng tin cậy trình bày lại chính xác một trong ba pháp: hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-

thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề; đồng thời vị Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì Tăng nên căn cứ vào lời trình bày chính xác của Ưu-bà-di đáng tin kia mà trừng trị một trong ba pháp: hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đây là pháp Bất định thứ nhất.

2. Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ trống trải, không thể hành dâm được, rồi có một Ưu-bà-di đáng tin cậy trình bày lại đúng sự thật một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề, đồng thời vị Tỳ-kheo ấy tự nói: "Tôi ngồi chỗ ấy", thì Tăng nên tùy theo lời trình bày đúng sự thật của Ưu-bà-di đáng tin cậy mà trị phạt thích đáng một trong hai pháp: hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dạ-đề. Đây là pháp Bất định thứ hai.

Này các Đại đức! Tôi đã tụng xong hai pháp Bất định, giờ xin hỏi các Đại đức ở trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu thời gian sắm y đã hết, y Ca-hi-na cũng đã xả mà Tỳ-kheo nhận được y thừa (ngoài ba cái pháp định) thì được phép cất giữ trong vòng mười

ngày. Nếu cất giữ quá thời gian ấy, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

2. Nếu thời gian sắm y đã hết, y Ca-hi-na cũng đã xả, mà Tỳ-kheo rời một trong ba y, ngủ tại chỗ khác, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ Tăng yết-ma cho phép.

3. Nếu thời gian sắm y đã hết, y Ca-hi-na cũng đã xả, khi ấy được vải phi thời mà Tỳ-kheo cần dùng thì nên lấy, rồi tức tốc may thành y để mặc. Nếu chưa đủ mà có chỗ hy vọng (tìm được thêm) thì được phép cất trong vòng một tháng, để đợi cho đủ. Nếu quá thời gian ấy thì dù đủ hay không đủ đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo lấy y của Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ trao đổi.

5. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập giũ, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

6. Nếu Tỳ-kheo theo cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến xin y, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp dặc biệt. Trường hợp đặc biệt là trường hợp bị mất y.

7. Nếu Tỳ-kheo bị mất y thì khi ấy được theo cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến xin y. Nếu họ cho một cách hào phóng thì được lấy tối Đa-là hai cái (y trên và y dưới). Nếu lấy quá giới

hạn thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

8. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo chuẩn bị giá tiền sắm y, rồi tự nhủ: "Ta chuẩn bị số tiền như thế để mua y như thế cho Tỳ-kheo Mỗ giáp", thế nhưng, vị Tỳ-kheo này trước đó không được mời, mà vì thích

đẹp, bèn đến nhà cư sĩ, khuyên: "Lành thay cư sĩ! Ông (bà) hãy dùng số tiền sắm y như thế mua chiếc y màu sắc như thế cho tôi", thì khi được y, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

9. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ, vì Tỳ-kheo, chuẩn bị số tiền sắm y, rồi bàn nhau: "Chúng ta chuẩn bị số tiền sắm y như thế để mua chiếc y như thế cho Tỳ-kheo Mỗ giáp", trong khi vị Tỳ-kheo ấy trước đó không được mời, mà vì thích đẹp, nên đến nhà cư sĩ, khuyên: "Lành thay các cư sĩ! Các vị đã để dành tiền sắm y như thế, vậy hãy cùng nhau mua một chiếc y màu sắc như thế cho tôi", thì khi được y, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

10. Nếu vua hay đại thần, vì Tỳ-kheo, sai sứ đem tiền sắm y đến đưa cho Tỳ-kheo ấy, rồi sứ giả đến, nói: "Số tiền sắm y này là của vua, của đại thần (Mỗ giáp) đưa đến cho Tôn giả, xin Tôn giả nhận cho", thì bấy giờ, Tỳ-kheo nên nói: "Tôi không được nhận tiền sắm y. Nếu đưa y thích hợp thì tôi mới nhận được". Nếu sứ giả hỏi: "Tôn giả có người giúp việc không?", mà Tỳ-kheo thấy cần

y, thì nên chỉ người làm vườn hoặc Ưu-bà-tắc cho sứ giả và nói: "Người đó thường hay giúp việc cho Tỳ-kheo". Sứ giả khi ấy nên đến người đó khuyến dụ: "Lành thay vị chấp sự! Nhờ ông nhận số tiền sắm y này để mua y như thế cho Tỳ-kheo Mỗ giáp. Khi nào Tỳ-kheo ấy đến lấy y, thì ông đưa giúp cho". Gởi gấm xong, sứ giả nên trở lại chỗ Tỳ-kheo, nói: "Tôi đã khuyến dụ người giúp việc mà Tôn giả đã chỉ sắm y giúp rồi, khi nào cần y, thầy đến đó lấy". Thế thì khi cần y, Tỳ-kheo nên đến chỗ người giúp việc, nói: "Tôi cần y, tôi cần y", lần thứ hai, thứ ba cũng nói như thế. Nếu được y thì tốt, nếu không được thì lần thứ tư, thứ năm, thứ sáu nên đến đứng im lặng trước người giúp việc. Nếu được y thì tốt, nếu không được mà đến đòi quá giới hạn ấy, thì khi được y sẽ phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Trong trường hợp không lấy được, thì Tỳ-kheo hoặc tự đi, hoặc nhờ người khác đến chỗ xuất tiền sắm y, nói: "Ông (bà) đã vì Tỳ-kheo Mỗ giáp đưa tiền sắm y, nhưng chung cuộc Tỳ-kheo ấy không dùng được gì với số tiền sắm y của ông hết. Xin báo cho ông biết, đừng để mất tiền". Vấn đề này nguyên tắc là như vậy.

11. Nếu Tỳ-kheo dùng lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê thuần màu đen, phần thứ ba màu trắng và phần thứ bốn màu lẫn lộn. Nếu quá số

phần ấy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo dùng tơ tằm trộn với lông dê thuần màu đen làm phu cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ mới thì nên sử dụng đến sáu năm. Nếu phu cụ cũ chưa đủ sáu năm mà bỏ hoặc không bỏ làm phu cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ Tăng yết-ma cho phép.

15. Nếu Tỳ-kheo làm phu cụ hay tọa cụ mới thì nên dùng một miếng phu cụ cũ chừng một gang tay Phật may chồng lên phu cụ mới để cho hoại sắc. Nếu không dùng một miếng cũ may chồng lên phu cụ hay tọa cụ mới thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo đi đường được lông dê mà mình thấy cần, thì có thể lấy mang đi trong vòng ba do-tuần. Nếu mang đi quá giới hạn ấy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo tự tay cầm vàng, bạc hoặc sai người khác cầm săm soi với tâm tham luyến, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo mua bán các thứ hàng hóa thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo mua bán đổi chác các loại vàng, bạc, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo có bát thừa (ngoài cái pháp định) thì được cất trong mười hôm. Nếu cất quá mười hôm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo dùng bát chưa vá đủ năm chỗ mà vì thích đẹp, xin bát mới thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Cái bát này phải xả giữa chúng Tăng. Rồi Tăng nên đem cái bát kém nhất đưa cho người ấy, nói: "Trưởng lão! Thầy phải sử dụng cái bát này cho đến khi vỡ". Việc này nguyên tắc là như vậy.

23. Nếu Tỳ-kheo bị bệnh cần uống sữa, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi và mỡ, thì nên nhận một lần để uống bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà những thứ còn thừa không bỏ, vẫn cứ uống, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

24. Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo khác, rồi sau đó tức giận không vui, hoặc tự mình, hoặc sai người đoạt lại y ấy, thì khi được y, phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

25. Trong vòng một tháng cuối mùa Xuân, Tỳ-kheo nên tìm vải may áo tắm mưa, rồi trong nửa tháng còn lại nên may thành áo để dùng. Nếu chưa đến thời gian đó mà đi tìm vải may áo tắm mưa rồi may thành áo để dùng, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo tự đi xin chỉ sợi, rồi nhờ thợ dệt không phải bà con dệt thành vải, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

27. Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ sai thợ dệt dệt vải để may y cho Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo trước đó không được mời mà vì thích đẹp nên đến khuyên thợ dệt: "Lành thay cư sĩ! Tấm vải này dệt cho tôi đó. Ông nên dệt cho thật đẹp, dày, dài và rộng, rồi tôi sẽ trả công cho ông bằng tiền hoặc bằng thực phẩm", khi khuyên như vậy mà được vải thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

28. Nếu còn mười hôm nữa mới đến ngày Tự tứ, mà thí chủ cúng dường y cấp thời, thì Tỳ-kheo nào cần dùng được phép nhận, rồi cất cho đến thời gian của y. Nếu cất quá thời gian ấy thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

29. Nếu Tỳ-kheo sống tại A-luyện-nhã trong ba tháng hạ, chưa đến tháng cuối mùa hạ mà gặp những việc đáng nghi ngờ lo sợ thì có thể gởi một trong ba y tại nhà dân, sống cách ly với y trong sáu hôm. Nếu quá sáu hôm thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, ngoại trừ Tăng yết-ma cho phép.

30. Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà vận động họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, giờ xin hỏi các Đại đức

ở trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức ở trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo biết mà cố ý nói dối thì phạm tội Ba-dạ-đề.

2. Nếu Tỳ-kheo đem chủng tộc, tướng mạo của Tỳ-kheo khác ra châm chọc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

3. Nếu Tỳ-kheo nói hai lưỡi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

4. Nếu Tỳ-kheo biết Tăng đã dập tắt sự tranh chấp đúng như pháp, như luật mà làm phát sinh trở lại, nói: "Việc yết-ma này chưa xong, phải làm lại", khơi dậy như vậy là nhằm gây rối chứ không gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

5. Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho người nữ quá năm, sáu lời thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ có người đàn ông trí thức tham dự.

6. Nếu Tỳ-kheo dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc những câu, những bài pháp thì phạm tội Ba-dạ-đề.

7. Nếu Tỳ-kheo nói với người chưa thọ giới Cụ túc rằng mình đã được pháp hơn người như sau: "Tôi biết như vậy, thấy như vậy", thì dù nói thật

cũng phạm tội Ba-dạ-đề.

8. Nếu Tỳ-kheo biết tội thô ác của Tỳ-kheo khác mà đem nói với người chưa thọ giới Cụ túc, thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ Tăng yết-ma cho phép.

9. Nếu Tỳ-kheo nào lúc đầu đã đồng ý đem vật dùng để chia cho Tăng, cho người khác, nhưng sau đó ngăn cản, nói: "Trưởng lão, thầy có ý thiên vị nên đem vật của Tăng mà cho người ấy", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

10. Nếu vào dịp tụng giới kinh của mỗi nửa tháng mà Tỳ-kheo nào nói: "Trưởng lão, thầy tụng làm chi ba cái giới lặt vặt ấy khiến cho các Tỳ-kheo sinh ra nghi ngờ, hối hận!", nói như thế là nhằm khinh chê giới luật chứ không gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

11. Nếu Tỳ-kheo hủy hoại mầm sống của cây, phá hỏng chỗ ở của quỷ, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

12. Nếu Tỳ-kheo nói những vấn đề khác làm não loạn người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

13. Nếu Tỳ-kheo chê trách chức sự của Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

14. Nếu Tỳ-kheo tự mình hay sai người khác đem bày biện giường nằm, giường ngồi, mền gối ở chỗ đất trống nơi trú xứ của Tăng, rồi lúc ra đi không tự mình đem cất hay sai người đem cất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

15 Nếu Tỳ-kheo tự mình hay sai người khác trải giường nệm trong phòng của chúng Tăng, rồi lúc ra đi không tự mình hay sai người khác đem cất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

16. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui mà tự mình hay sai người lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng của Tăng, dù chỉ nói: "Ông hãy đi đi!", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

17. Nếu Tỳ-kheo biết trong phòng của Tăng đã có Tỳ-kheo khác trải giường nệm trước rồi, mình đến sau cũng trải đồ đạc ra, với ý định làm nhiễu loạn để người kia bỏ đi chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

18. Nếu Tỳ-kheo đặt giường có chân nhọn trên lầu, trên gác của Tăng để ngồi hoặc nằm, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

19. Nếu Tỳ-kheo biết nước có sinh trùng mà tự mình hoặc sai người khác đem tưới trên cỏ, trên đất, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

20. Nếu Tỳ-kheo tự kinh doanh làm phòng lớn có cửa lớn, cửa sổ, thì nên làm ở chỗ đất ít cỏ, rồi sai người lợp chừng ba lớp là vừa. Nếu lợp quá ba lớp thì phạm tội Ba-dạ-đề.

21. Nếu Tỳ-kheo nào không được Tăng sai mà tự đi giáo giới Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề.

22. Nếu Tỳ-kheo được Tăng sai đi giáo giới Tỳ-kheo-ni mà ở lại từ lúc mặt trời lặn cho đến trước

bình minh hôm sau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

23. Nếu Tỳ-kheo nào đến trú xứ của Ni giáo giới mà không bạch với Tỳ-kheo thiện thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp đặt biệt. Trường hợp đặc biệt là khi bị bệnh.

24. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão vì việc ăn uống mà giáo giới Tỳ-kheo-ni", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

25. Nếu Tỳ-kheo ngồi với một Tỳ-kheo-ni ở chỗ trống vắng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

26. Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo-ni, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề, trừ khi đi chung với khách buôn hoặc đi qua những chỗ nghi ngờ đáng lo sợ.

27. Nếu Tỳ-kheo hẹn đi chung thuyền với Tỳ-kheo-ni, ngược dòng hay xuôi dòng thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ đi đò ngang qua sông.

28. Nếu Tỳ-kheo cho y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ trao đổi.

29. Nếu Tỳ-kheo may y cho Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến thì phạm tội Ba-dạ-đề.

30. Nếu Tỳ-kheo biết bữa ăn ấy do Tỳ-kheo-ni tán thán mới có, mà ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ nhà đó là đàn-việt cũ.

31. Nếu tại gia đình nào chỉ cúng dường một bữa ăn mà Tỳ-kheo không bệnh ăn hơn một bữa, thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

32. Nếu Tỳ-kheo ăn nhiều chỗ (trong ngày) thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ khi có bệnh, khi sắm y.

33. Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực mà ăn lại, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

34. Nếu Tỳ-kheo biết vị Tỳ-kheo khác ăn đã no, rời khỏi chỗ ngồi, không làm phép tàn thực, mà mình muốn làm não loạn, nên mời: "Trưởng lão, hãy ăn món này", rồi vị ấy ăn, thì mình phạm tội Ba-dạ-đề.

35. Nếu thức ăn người ta không cho, thì Tỳ-kheo không được lấy bỏ vào miệng. Nếu bỏ vào miệng thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ nước và tăm xỉa răng.

36. Nếu Tỳ-kheo ăn phi thời thì phạm Ba-dạ-đề.

37. Nếu Tỳ-kheo để dành thức ăn mà ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

38. Nếu Tỳ-kheo đến nhà bạch y, mà họ cúng dường bún, bánh một cách hào phóng, thì được nhận đôi ba bát, rồi ra ngoài cùng ăn với Tỳ-kheo không bệnh. Nếu nhận quá số ấy và không cùng ăn với người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

39. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà vì muốn sướng thân đi xin các thức mỹ vị như sữa tươi, sữa chua, sữa đóng váng, dầu, mật, đường phèn, cá, thịt để

ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

40. Nếu Tỳ-kheo ăn với một nhóm riêng thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp đặc biệt là khi bệnh, khi sắm y, khi đi đường, khi ở trên thuyền, khi đại chúng đại hội, khi ngoại đạo bố thí ẩm thực.

41. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà vì bản thân, hoặc tự mình, hoặc sai người đốt cỏ, cây, phân bò, thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ có lý do chính đáng.

42. Nếu Tỳ-kheo ngủ chung một phòng với người chưa thọ giới Cụ túc quá ba đêm, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

43. Nếu Tỳ-kheo gởi dục yết-ma rồi, sau đó tức giận không vui, nói thế này: "Tôi không gởi dục (về việc) không tốt ấy. Pháp yết-ma đó không thành tựu. Tôi không gởi dục trong trường hợp này", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

44. Nếu Tỳ-kheo nói với Tỳ-kheo khác: "Trưởng lão, thầy đi với tôi vào xóm làng, tới nhà kia, rồi tôi sẽ đưa hoặc bảo người khác đưa thức ăn cho thầy", nhưng sau đó muốn đuổi người ấy đi, bèn nói: "Ông hãy đi đi, tôi ngồi với ông không vui. Tôi ngồi một mình vui hơn", làm như thế (là để cho người kia mất ăn) chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

45. Nếu Tỳ-kheo nói thế này: "Trưởng lão, tôi

biết Đức Thế Tôn nói về pháp chướng ngại đạo, nhưng khi thực hành pháp ấy thì không có gì là chướng ngại đạo hết", thì các Tỳ-kheo nên khuyên can: "Trưởng lão! Thầy đừng hủy báng Đức Thế Tôn. Hủy báng Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như thế. Đức Thế Tôn nói pháp chướng ngại đạo thì quả thực là chướng ngại đạo. Thầy hãy bỏ việc ác này đi". Khi khuyên can như thế mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba (cho bỏ việc ấy). Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ, thì phạm Ba-dạ-đề. Tăng nên làm yết-ma cử tội Tỳ-kheo ấy.

46. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác không bỏ ác kiến, Tăng đã

làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, nhưng vị ấy chưa làm đúng pháp, đúng luật mà cùng ăn chung, ở chung một phòng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

47. Nếu Sa-di nói thế này: "Đức Như Lai nói dâm dục là pháp chướng ngại đạo, nhưng tôi biết là thực hành dâm dục không phải là chướng đạo", thì các Tỳ-kheo nên khuyên can: "Này Sa-di kia, ngươi chớ hủy báng Thế Tôn. Hủy báng Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như thế. Đức Thế Tôn nói dâm dục quả thật là pháp chướng đạo. Ngươi hãy bỏ việc ác này đi". Khi khuyên can như vậy mà kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì phải đuổi đi, nói: "Từ nay về sau, ngươi không

được nói Phật là thầy của tôi, cũng không được ngủ với Tỳ-kheo ba đêm. Ngươi đi đi, không được ở đây nữa". Nếu Tỳ-kheo biết Sa-di không bỏ ác kiến, bị đuổi đi, chưa làm đúng pháp mà dụ dỗ đem về nuôi dưỡng, cùng ăn chung, sống chung, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

48. Nếu Tỳ-kheo được y mới thì nên dùng ba màu hoặc một trong ba màu: xanh, đen, mộc lan nhuộm cho hoại màu sắc. Nếu không làm cho hoại màu sắc mà mặc, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

49. Nếu Tỳ-kheo tự mình hoặc bảo người khác lấy những vật báu, hoặc những vật báu có giá trị tại trú xứ của Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ tự lấy cất đợi chủ đến tìm mà trả lại.

50. Nếu Tỳ-kheo chưa đủ nửa tháng mà tắm một lần thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ trường hợp đặc biệt là một tháng rưỡi cuối mùa Xuân, một tháng đầu mùa Hạ, trong vòng hai tháng rưỡi này, và những khi trời nóng, khi bệnh, khi gió, khi mưa, khi làm việc và khi đi đường.

51. Nếu Tỳ-kheo biết nước có sinh trùng mà uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

52. Nếu Tỳ-kheo tự tay đưa thức ăn cho nam nữ đạo sĩ lõa thể thì phạm tội Ba-dạ-đề.

53. Nếu Tỳ-kheo biết nơi đó là chỗ để hành dâm của nhà mình thọ trai, mà ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

54. Nếu Tỳ-kheo biết nơi đó là chỗ kín đáo của nhà mình thọ trai, mà ngồi, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

55. Nếu Tỳ-kheo xem quân sĩ xuất trận thì phạm tội Ba-dạ-đề.

56. Nếu Tỳ-kheo có lý do chính đáng thì được đến ở lại trong quân trại ba đêm. Nếu ở quá ba đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

57. Nếu Tỳ-kheo có lý do chính đáng thì được đến ở lại trong quân trại ba đêm. Nhưng nếu xem quân sĩ xuất trận, trương cờ, nghinh chiến thì phạm tội Ba-dạ-đề.

58. Nếu Tỳ-kheo giận dữ không vui, đánh Tỳ-kheo khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

59. Nếu Tỳ-kheo tức giận không vui giơ tay dọa đánh Tỳ-kheo khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

60. Nếu Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo khác phạm tội thô ác mà che giấu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

61. Nếu Tỳ-kheo cố ý sát hại mạng sống của súc sinh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

62. Nếu Tỳ-kheo cố ý làm cho Tỳ-kheo khác sinh khởi hoang mang nghi ngờ, không vui trong giây lát, làm như thế là chỉ vì mục đích ấy, chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

63. Nếu Tỳ-kheo đã tịnh thí y cho năm chúng (xuất gia), sau đó không bỏ mà lấy dùng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

64. Nếu Tỳ-kheo vì chơi đùa mà tự mình hoặc

sai người đem giấu y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của Tỳ-kheo khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

65. Nếu Tỳ-kheo làm cho Tỳ-kheo khác sợ hãi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

66. Nếu Tỳ-kheo đùa giỡn trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề.

67. Nếu Tỳ-kheo dùng tay chỉ chỏ nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

68. Nếu Tỳ-kheo hẹn ước cùng đi chung đường với người nữ, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

69. Nếu Tỳ-kheo cùng ngủ chung một nhà với người nữ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

70. Nếu Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ ở chỗ kín đáo, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

71. Nếu Tỳ-kheo biết người kia chưa đủ hai mươi tuổi mà cho thọ giới Cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề. Người ấy đã không được gọi là thọ giới Cụ túc, mà các Tỳ-kheo còn đáng bị khiển trách.

72. Nếu Tỳ-kheo biết những kẻ ấy là quân trộm cướp mà hẹn đi chung đường với chúng, dù chỉ đi qua một làng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

73. Nếu Tỳ-kheo tự tay đào đất, hoặc chỉ bảo người khác đào, nói: "Đào chỗ đất này", thì phạm tội Ba-dạ-đề.

74. Nếu có thí chủ xin cúng dường cho Tỳ-kheo bốn tháng thì Tỳ-kheo được nhận. Nhưng nếu

nhận quá thời gian ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ họ mời lại hay mời lâu dài.

75. Nếu Tỳ-kheo được các Tỳ-kheo khuyên: "Trưởng lão, thầy phải học, đừng phạm năm Thiên tội", mà nói: "Tôi không nghe lời thầy. Nếu có vị trưởng lão nào các căn tịch tĩnh, nghe nhiều, giữ giới, hiểu rộng thì tôi sẽ theo hỏi, và vị ấy có chỉ bảo điều gì thì tôi sẽ tuân hành", thì phạm tội Ba-dạ-đề. Ngoại trừ trường hợp đặc biệt là khi vị Tỳ-kheo ấy muốn được lợi ích của chánh pháp và muốn hỏi Tỳ-kheo khác.

76. Nếu Tỳ-kheo uống các thứ rượu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

77. Nếu Tỳ-kheo khinh thường Tỳ-kheo khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

78. Khi các Tỳ-kheo tranh cãi nhau mà Tỳ-kheo nào đứng im lặng lắng nghe, với suy nghĩ: "Họ có nói điều gì ta hãy ghi nhớ", chỉ vì mục đích như thế chứ không có gì khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

79. Khi Tăng họp giải quyết công việc mà Tỳ-kheo nào không gởi dục, đứng dậy bỏ đi không bạch với Tăng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

80. Nếu Tỳ-kheo ở nơi A-luyện-nhã mà đi vào thôn xóm lúc phi thời không bạch với Tỳ-kheo thiện thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ có việc gấp.

81. Nếu Tỳ-kheo ăn ở cùng một chỗ với Tỳ-kheo khác mà trước bữa ăn, sau bữa ăn không bạch với

Tỳ-kheo thiện đi đến nơi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề, ngoại trừ thời gian của y.

82. Nếu Tỳ-kheo đi vào cung vua khi phu nhân (của vua) chưa cất vật báu, dù chỉ bước vào khỏi cửa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

83. Nếu Tỳ-kheo đục khoét xương, răng, sừng làm ống đựng kim thì phải phá bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

84. Nếu Tỳ-kheo làm chân giường thì phải làm cao tám ngón tay Phật, trừ chỗ tra vào thành giường. Nếu cao quá mức ấy thì phải cắt bỏ (rồi sám hối) tội Ba-dạ-đề.

85. Nếu Tỳ-kheo dùng bông vải làm nệm để ngồi hoặc nằm, thì phải moi bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

86. Nếu Tỳ-kheo làm tọa cụ thì phải làm đúng mức quy định: chiều dài hai gang tay Phật, chiều rộng một gang tay rưỡi, rồi may thêm (mỗi chiều) một gang tay nữa. Nếu làm quá mức quy định thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

87. Nếu Tỳ-kheo may áo che ghẻ thì phải may chiều dài bốn gang tay Phật, chiều rộng hai gang tay. Nếu quá mức quy định thì phải cắt bỏ rồi sám hối tội Ba-dạ-đề.

88. Nếu Tỳ-kheo may áo tắm mưa thì phải may chiều dài sáu gang tay Phật, chiều rộng hai gang tay rưỡi. Nếu may quá giới hạn thì phải cắt bỏ rồi

sám hối tội Ba-dạ-đề.

89. Nếu Tỳ-kheo may y thì phải may theo kích thước y của Như Lai. Y của Như Lai chiều dài chín gang tay Phật, chiều rộng sáu gang tay Phật. Nếu may quá giới hạn ấy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

90. Nếu Tỳ-kheo vì tức giận không vui mà vô cớ vu khống Tỳ-kheo khác phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

91. Nếu Tỳ-kheo biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng, mà vận động họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

92. Khi Tăng tụng giới vào mỗi nửa tháng mà Tỳ-kheo nào nói: "Trưởng lão, nay tôi mới biết pháp ấy được đưa vào giới kinh để đọc vào dịp tụng giới của mỗi nửa tháng", nhưng các Tỳ-kheo biết Tỳ-kheo ấy không những đã ngồi trong chỗ tụng giới hai, ba lần mà còn nhiều hơn nữa, thì Tỳ-kheo ấy không thể lấy lý do không biết để mà chạy tội. Khi ấy, Tăng phải tùy theo vị ấy phạm tội nào mà trị tội ấy đúng pháp, đồng thời nên khiển trách: "Trưởng lão, thầy đã để mất lợi ích. Khi tụng giới vào mỗi nửa tháng, thầy không tôn trọng, không chú tâm lắng tai nghe pháp". Khiển trách xong, Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-dạ-đề.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề.

Giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh

không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Nếu Tỳ-kheo ở A-luyện-nhã không có bệnh, không thông tri trước (với người bên ngoài), người bên ngoài không hay biết mà ở ngay trong trú xứ nhận lấy thức ăn, rồi nhai, hoặc ăn, thì phải đến Tỳ-kheo khác hối lỗi: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách". Đây là cách hối quá.

2. Nếu Tỳ-kheo không bệnh mà nhận lấy thức ăn của Tỳ-kheo-ni không phải bà con tại nhà bạch y thì phải đến Tỳ-kheo khác sám hối: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách". Đây là cách hối quá.

3. Nếu Tỳ-kheo được bạch y mời đến nhà thọ trai, mà khi ấy có Tỳ-kheo-ni đứng trước (bàn ăn) chỉ bảo (bạch y), nói: "Hãy bưng cơm cho Tỳ-kheo này, bưng canh cho Tỳ-kheo kia, hoặc dọn cá, dọn thịt v.v…", thì các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni ấy: "Này chị em, hãy đứng yên trong chốc lát, đợi các Tỳ-kheo ăn xong đã". Nếu không có một Tỳ-kheo nào khiển trách Tỳ-kheo-ni ấy, thì các Tỳ-kheo phải đến Tỳ-kheo khác sám hối: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách".

Đây là cách hối quá.

4. Nếu có học gia nào Tăng đã làm pháp yết-ma học gia, mà Tỳ-kheo nào không được mời trước lại đến đó tự tay nhận lấy thức ăn rồi nhai, hoặc ăn, thì Tỳ-kheo ấy phải đến Tỳ-kheo khác sám hối: "Thưa trưởng lão, tôi phạm tội đáng khiển trách". Đây là cách hối quá.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là các pháp Chúng học, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Cần phải học: Mặc nội y tề chỉnh.

2. Cần phải học: Mặc (ba) y tề chỉnh.

3. Cần phải học: khéo che thân kín đáo khi vào nhà(bạch y).

4. Cần phải học: nhìn thẳng phía trước khi vào nhà bạch y.

5. Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi vào nhà bạch y.

6. Cần phải học: không được cười khi vào nhà bạch y.

7. Cần phải học: không được trùm đầu khi vào

nhà bạch y.

8. Cần phải học: không được lật trái y khi vào nhà bạch y.

9. Cần phải học: không được đi nhón gót khi vào nhà bạch y.

10. Cần phải học: không được chống nạnh khi vào nhà bạch y.

11. Cần phải học: không được đi lắc lư cái thân khi vào nhà bạch y

12. Cần phải học: không được lúc lắc cái đầu khi vào nhà bạch y.

13. Cần phải học: không được đánh đàng xa khi vào nhà bạch y.

14. Cần phải học: che thân kín đáo khi ngồi trong nhà bạch y.

15. Cần phải học: nhìn thẳng phía trước khi ngồi trong nhà bạch y.

16. Cần phải học: nói nhỏ nhẹ khi ngồi trong nhà bạch y.

17. Cần phải học: không được cười khi ngồi trong nhà bạch y.

18. Cần phải học: không được trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y.

19. Cần phải học: không được lật trái y khi ngồi trong nhà bạch y.

20. Cần phải học: không được ngồi bó gối trong nhà bạch y.

21. Cần phải học: không được ngồi tréo chân trong nhà bạch y.

22. Cần phải học: không được ngồi chống nạnh trong nhà bạch y.

23. Cần phải học: không được múa tay chân khi ngồi trong nhà bạch y.

24. Cần phải học: chú tâm khi nhận thức ăn.

25. Cần phải học: ăn cơm và canh bằng nhau.

26. Cần phải học: không được moi xung quanh bát mà ăn.

27. Cần phải học: không được ngậm cơm búng má mà ăn.

28. Cần phải học: không được le lưỡi mà ăn.

29. Cần phải học: không được ăn cơm lớn miếng.

30. Cần phải học: không được hả miệng chờ cơm mà ăn.

31. Cần phải học: không được chọn thức ăn mà ăn.

32. Cần phải học: không được cắn một nửa món ăn mà ăn.

33. Cần phải học: không được ngậm cơm mà nói.

34. Cần phải học: không được dùng tay vét bát mà ăn.

35. Cần phải học: không được liếm tay mà ăn.

36. Cần phải học: không được mút ngón tay mà

ăn.

37. Cần phải học: không được nhai thức ăn ra tiếng.

38. Cần phải học: không được hút thức ăn mà ăn.

39. Cần phải học: không được nuốt nguyên vẹn thức ăn.

40. Cần phải học: không được làm đổ tháo cơm trong khi ăn.

41. Cần phải học: không được vung tay khi ăn.

42. Cần phải học: không được ngó thức ăn trong bát của người bên cạnh với tâm xoi bói.

43. Cần phải học: Chú tâm nhìn vào bát mà ăn.

44. Cần phải học: Khi không bệnh không được vì mình mà đòi thức ăn (ngon).

45. Cần phải học: không được lấy cơm phủ trên canh để mong được thêm canh nữa.

46. Cần phải học: không được dùng tay dơ bẩn cầm bát đựng cơm.

47. Cần phải học: không được đem thức ăn thừa trong bát đổ xuống đất.

48. Cần phải học: không được đứng thuyết pháp cho người ngồi nghe, ngoại trừ khi bệnh.

49. Cần phải học: không được ngồi thuyết pháp cho người nằm nghe, ngoại trừ khi bệnh.

50. Cần phải học: không được ngồi dưới thấp thuyết pháp cho người ngồi trên giường cao nghe, ngoại trừ khi bệnh.

51. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang giày da nghe, ngoại trừ khi bệnh.

52. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người mang guốc

nghe, ngoại trừ khi bệnh.

53. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người trùm đầu nghe, ngoại trừ khi bệnh.

54. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người quấn đầu nghe, ngoại trừ khi bệnh.

55. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người ngồi chòm hỏm bó gối nghe, ngoại trừ khi bệnh.

56. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người đứng nhón gót nghe, ngoại trừ khi bệnh.

57. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm đao nghe, ngoại trừ khi bệnh.

58. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm cung tên nghe, ngoại trừ khi bệnh.

59. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm gậy nghe, ngoại trừ khi bệnh.

60. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người cầm dù nghe, ngoại trừ khi bệnh.

61. Cần phải học: không được đi sau thuyết pháp cho người đi trước mình nghe, ngoại trừ khi bệnh.

62. Cần phải học: không được thuyết pháp cho người ngồi trên ngựa, trên xe nghe, ngoại trừ khi bệnh.

63. Cần phải học: mình ở ngoài lề đường không được thuyết pháp cho người ở giữa đường nghe, ngoại trừ khi bệnh.

64. Cần phải học: không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trên cỏ tươi, ngoại trừ khi bệnh.

65. Cần phải học: không được đại tiểu tiện và khạc nhổ trong nước, ngoại trừ khi bệnh.

66. Cần phải học: không được đứng đại tiểu tiện, ngoại trừ khi bệnh.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong các pháp Chúng học. Giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là bảy pháp Diệt tránh, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới.

1. Tùy theo việc nào, tùy theo người nào nên cho pháp Tỳ-ni Hiện tiền, thì cho pháp Tỳ-ni Hiện tiền.

2. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Ức niệm thì cho pháp Tỳ-ni Ức niệm.

3. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Bất si, thì cho pháp Tỳ-ni Bất si.

4. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Tự ngôn trị thì cho pháp Tỳ-ni

Tự ngôn trị.

5. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Mích tội tướng, thì cho pháp Tỳ-ni Mích tội tướng.

6. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Đa nhân mích tội tướng, thì cho pháp Tỳ-ni Đa nhân mích tội tướng.

7. Người nào nên cho pháp Tỳ-ni Như thảo phú địa, thì cho pháp Tỳ-ni Như thảo phú địa.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong bảy pháp Diệt tránh, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy.

Thưa các Đại đức! Đây là pháp Tùy thuận, cứ mỗi nửa tháng, nửa tháng đọc một lần vào dịp tụng giới. Tùy thuận hành trì pháp này tức là tùy thuận hai bộ Tỳ-ni.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng xong pháp Tùy thuận, giờ xin hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (Hỏi ba lần).

Vì các Đại đức trong đây thanh tịnh nên im lặng, tôi ghi nhận việc này là như thế.

Thưa các Đại đức! Tôi đã tụng bài tựa của giới kinh, đã tụng bốn pháp Ba-la-di, đã tụng mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã tụng hai pháp Bất định, đã tụng ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, đã tụng chín mươi hai pháp Ba-dạ-đề, đã tụng bốn pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã tụng các pháp Chúng

học, đã tụng bảy pháp Diệt tránh, đã tụng pháp Tùy thuận. Đó là giới luật của Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri được đưa vào trong giới kinh. Pháp này là pháp tùy thuận, tất cả đều phải học, không được vi phạm.

Phật dạy (về bảy bài kệ của bảy Đức Phật):

1. Đức Tỳ Bà Thi Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh, mà nói giới tóm tắt như sau:

Nhẫn nhục đạo bậc nhất
Niết-bàn đích tối thượng
Xuất gia, não hại người
Không đáng gọi Sa-môn.

2. Đức Thi Khí Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Cũng như người sáng mắt Tránh được đường nguy hiểm Bậc thông minh trong đời Tránh xa mọi điều ác.

3. Đức Tỳ Diệp Bà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Không xúc não, nói lỗi
Tuân hành các học giới
Ăn uống có điều độ
Thường ở chỗ vắng lặng
Tâm tịnh vui tinh tấn

Là lời chư Phật dạy.

4. Đức Câu Lưu Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Tỳ-kheo vào xóm làng
Như ong đi tìm hoa
Hút mật rồi bay đi
Chẳng hại gì hương sắc
Không phá hoại việc người
Không xem làm hay không
Chỉ xét hành vi mình
Có tốt hay không tốt.

5. Đức Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Muốn tâm mình tốt chớ buông lung
Pháp thiện Thánh nhân luôn gắng học
Những người trí tuệ tâm chuyên chú
Phiền não ưu sầu đoạn tuyệt ngay.

6. Đức Ca Diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Chớ làm mọi điều ác
Tuân hành các hạnh lành
Giữ tâm chí trong sạch
Là lời chư Phật dạy.

7. Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng

Chánh Biến Tri vì chúng Tăng tịch tĩnh mà nói giới tóm tắt như sau:

Lành thay phòng hộ thân
Khéo giữ gìn lời nói
Lành thay phòng hộ tâm
Tất cả đều khéo giữ.
Tỳ-kheo giữ hết thảy
Sẽ xa lìa thống khổ
Tỳ-kheo giữ miệng ý
Giữ thân không làm ác.
Ba nghiệp đều thanh tịnh
Chắc chắn được quả Thánh
Ai đánh mắng mình, không đáp lại
Ai oán hận ta, vẫn tự nhiên.
Với người sân hận, lòng thanh thản
Mặc ai làm ác, ta không làm
Bảy Đức Phật Thế Tôn
Thường cứu độ thế gian.
Từng thuyết giới kinh này
Giờ tôi đã tụng xong
Chư Phật và đệ tử
Đều tôn kính giới này.
Vừa tôn kính giới kinh
Vừa kính trọng lẫn nhau
Ai đầy đủ hổ thẹn
Sẽ được đạo vô vi.

Tôi đã tụng xong giới kinh. Tăng đã nhất tâm Bố-tát hoàn mãn.

Sau đây là tóm tắt giới Ma Ha Tăng Kỳ:

Giữ thân miệng trong sạch
Thâu tâm luôn ghi nhớ
Nghe nhiều trí tuệ sinh
Đều lấy giới làm gốc.
Giới là kho châu báu
Cũng là bảy Thánh tài
Giới là vị thuyền trưởng
Chèo qua biển sinh tử.
Giới là ao nước trong
Tẩy rửa mọi phiền não
Giới là thuật vô úy
Tiêu trừ các độc hại.
Giới là người bạn lành
Dắt mình qua nẻo ác
Giới là vị cam lồ
Chư Thánh đều nhờ giới.
Giữ giới tâm bất động
Chuyên tinh không phóng dật
Không hủy hoại giới tướng
Tâm cũng không tà vạy.
Mới gọi là tịnh giới
Được chư Phật tán dương
Thế nên hãy hoan hỷ
Giữ giới thân thanh tịnh.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

MA HA TĂNG KỲ
TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

SỐ 1427

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1427
MA HA TĂNG KỲ TỲ KHEO NI GIỚI BỔN

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Sa môn Pháp Hiển cùng Giác Hiền

A-lê-da (Thánh giả) Tăng lắng nghe! Một tháng của mùa Đông đã trôi qua, thiếu một đêm nhưng thừa một đêm nơi ba tháng còn lại. Sự già chết đã đến gần, pháp Phật sắp diệt tận. Các A-lê-da vì mục đích đắc đạo nên nhất tâm chuyên cần tinh tấn. Vì sao? Vì chư Phật nhất tâm chuyên cần tinh tấn nên đắc quả vị Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, huống hồ là các pháp trợ đạo khác. Người chưa thọ giới cụ túc đã ra khỏi nay Tăng hòa hợp để làm gì? (Một người trả lời: Bố tát thuyết giới)

Các A-lê-da không đến, các Tỳ-kheo-ni thuyết dục và thanh tịnh.

Xin chấp tay cung kính
Cúng dường Thích Sư Tử
Nay con gắng thuyết giới
Tăng nhất tâm lắng nghe.
Thậm chí phạm tội nhỏ
Sinh tâm rất sợ hãi
Có tội nhất tâm sám
Sau không tái phạm nữa.

Tâm dong ruổi đường ác
Buông lung khó ngăn ngừa
Phật nói giới hạnh gì
Như nắm dây cương chắc.
Đức Phật thuyết giáo giới
Người thiện khéo tin thọ
Như ngựa được điều phục
Phá trừ quân phiền não.
Nếu không nghe lời dạy
Cũng không ưa thích giới
Như ngựa chưa điều phục
Bại dưới quân phiền não.
Nếu người thọ trì giới
Như trâu mao yêu đuôi
Giữ tâm không buông thả
Như vượn đã xiềng giữ.
Ngày đêm thường tinh tấn
Cầu trí huệ chân thật
Người này trong pháp Phật
Được đời sống thanh tịnh.

Các A-lê-da Tăng lắng nghe. Nay là ngày thứ mười lăm bố tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng đồng ý, nhất tâm cùng làm bố-tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Đây là lời tác bạch.

Các A-lê-da. Nay Tăng cùng bố-tát thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Tăng nhất tâm khéo lắng nghe. Nếu vị nào có tội thì nên phát lồ, vị nào không có

tội thì im lặng để biết các A-lê-da thanh tịnh. Như vậy, mỗi Tỳ-kheo-ni hỏi và đáp. Ở trong chúng Tỳ-kheo-ni này xướng ba lần. Xướng lần thứ hai, thứ ba, nếu Tỳ-kheo-ni nào nhớ có tội mà không phát lồ thì phạm tội cố ý nói dối. Các A-lê-da phạm tội cố ý nói dối, Đức Phật dạy là lỗi ngăn đạo pháp. Cho nên, Tỳ-kheo-ni ở trong chúng muốn cầu thanh tịnh, nhớ có tội nên phát lồ, phát lồ thì được an ổn, không phát lồ tội càng nặng thêm.

Các A-lê-da! Tôi đã nói lời tựa Ba-la-đề-mộc-xoa. Nay hỏi các A-lê-da: Trong đây có thanh tịnh không? Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da! Trong này thanh tịnh vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Tám pháp Ba-la-di này nói trong mỗi nửa tháng thuyết giới.

Tỳ-kheo-ni nào ở trong hai bộ Tăng hòa hợp thọ giới cụ túc, không trả lại giới, giới sút kém, không ra khỏi ni chúng mà cùng hành pháp dâm dục cho đến cùng loài súc sinh, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào ở nơi thôn xóm hoặc chỗ đồng trống lấy vật không cho với tâm trộm cắp bị vua bắt hoặc giết, hoặc trói hoặc đuổi ra khỏi nước, nói: "Chao ôi người nữ! Ngươi là giặc, ngươi là kẻ ngu si". Tỳ-kheo-ni lấy vật không cho như vậy thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào cố ý tự tay mình giết người hay cầm dao đưa cho người giết, dạy giết, khuyến khích chết và khen ngợi cái chết, nói: "Ôi! Này người, ích gì đời sống xấu xa này, chết sướng hơn sống nhiều". Với tâm niệm như vậy, bằng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, nhân đó người này chết chứ không phải điều gì khác, thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào chưa biết, chưa chứng đắc mà tự cho mình đắc pháp hơn người, chứng nhập pháp thù thắng của bậc Thánh trí. Vào một lúc khác vị ấy bị hỏi hoặc không bị hỏi phạm tội, vì muốn cho mình được thanh tịnh nên nói: Các A-lê-da! Tôi không biết nói biết, không thấy nói thấy, nói lời không thật, hoàn toàn dối gạt, Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung, ngoại trừ tăng thượng mạn.

Tỳ-kheo-ni nào với tâm nhiễm ô cùng với người nam có tâm nhiễm ô xúc chạm từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên thọ lạc thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào với tâm nhiễm ô, cùng đứng nói chuyện với người nam có tâm nhiễm ô, cho nắm tay, nắm y, đến vui vẻ mời ngồi, thân dựa kề nhau và hẹn nhau cùng đi thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào biết người khác phạm trọng tội

mà không nói cho mọi người biết. Một thời gian sau, Tỳ-kheo-ni kia hoặc bỏ đi, hoặc chết, hoặc thôi tu, lại nói: Trước đây tôi biết Tỳ-kheo-ni này phạm trọng tội, nhưng không nói với người khác vì không muốn để người khác biết thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tăng hòa hợp tác pháp yết-ma đúng pháp, đúng tỳ-ni cử tội Tỳ-kheo, Tăng chưa tác pháp mà tùy thuận theo vị ấy. Các Tỳ-kheo-ni nên can ngăn Tỳ-kheo-ni này: "Đại tỷ! Tỳ-kheo này đã bị Tăng cử tội đúng pháp, đúng luật, chưa tác yết-ma như pháp không nên tùy thuận theo. Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên bảo, Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không tùy thuận theo thì ai sẽ tùy thuận theo". Như vậy, các Tỳ-kheo-ni khuyên bảo lần thứ hai, thứ ba. Bỏ việc này thì tốt, nếu không bỏ thì Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-la-di không được sống chung.

Các A-lê-da! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm mỗi một pháp trong tám pháp ấy, thì vị đó không được sống chung. Trước sau đều cũng như vậy, Tỳ-kheo-ni phạm tội Ba-la-di thì không được ở chung.

Nay hỏi các A-lê-da trong giới này có thanh tịnh không? Trong giới này thanh tịnh, vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Mười chín pháp Tăng-già-bà-thi-

sa này, mỗi nửa tháng nói trong Ba-la-đề-mộc-xoa.

Tỳ-kheo-ni nào nhận làm người mai mối cho nam nữ hòa hợp, hoặc lấy vợ gả chồng, hoặc tư thông cho đến trong chốc lát thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào vì tức giận không vui, cố ý dùng pháp Ba-la-di không căn cứ phỉ báng Tỳ-kheo-ni thanh tịnh không phạm tội, muốn phá đời sống phạm hạnh của Tỳ-kheo-ni kia. Một thời gian sau, dù bị tra hỏi hay không bị tra hỏi lại nói: "Việc này không có căn cứ, vì tức giận nên tôi nói như vậy" thì Tỳ-kheo-ni này phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào vì tức giận không vui, cố ý lấy một việc nhỏ nhặt ở phần sự khác vốn chẳng phải pháp Ba-la-di mà cho là pháp Ba-la-di để phỉ báng Tỳ-kheo-ni, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Một thời gian sau đó bị tra hỏi hay không bị tra hỏi lại tự nói: "Tôi vì tức giận nên dùng một việc nhỏ nhặt trong phần sự khác để phỉ báng Tỳ-kheo-ni này" thì Tỳ-kheo-ni ấy phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào kiện tụng với người đời hoặc người xuất gia, hoặc ngày hoặc đêm hay trong chốc lát, cho đến cùng kiện tụng với người làm vườn hoặc Sa-di thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào không có Tỳ-kheo-ni bạn cùng

đi thì không được một mình đi ra khỏi ranh giới thôn xóm, trừ lúc khác. Lúc khác là không có lòng dục và bệnh. Đây là pháp sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào lìa Tỳ-kheo-ni ngủ qua một đêm, trừ lúc khác. Lúc khác là khi bệnh hoặc khi có giặc nổi lên vây thành gọi là lúc khác. Đây là pháp sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào, chủ người đó không cho phép độ mà độ họ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào biết người nữ phạm tội, mọi người thân thích muốn trị tội mà độ cho xuất gia, trừ lúc khác. Lúc khác là ngoại đạo đã độ trước, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào một mình lội qua sông tại chỗ bến đò thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni Tăng hòa hợp làm yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật, người phạm tội chưa thi hành đúng pháp, mình không thưa trước với Tăng mà tự ý xả tội, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào không có tâm ô nhiễm mà nhận y bát, thức ăn uống và thuốc trị bệnh của người nam có tâm nhiễm ô, thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Nên nhận vật bố thí của người nam này dù họ có tâm

nhiễm ô hay không thì đâu có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không nhiễm ô thì cứ nên nhận rồi tùy theo nhân duyên mà sử dụng", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy: "Cô không nên nói: Nên nhận vật bố thí ấy, dù người nam có tâm nhiễm ô hay không thì có liên quan gì đến việc của cô, miễn là tâm cô không ô nhiễm thì cứ nhận rồi tùy nhân duyên sử dụng". Sau khi khuyên can như vậy đến lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào muốn phá hòa hợp Tăng, cố tình giữ việc phá Tăng cùng tranh cãi. Các Tỳ-kheo-ni nên nói với Tỳ-kheo-ni này: "Đại tỷ! Cô không nên phá hòa hợp Tăng, khuyến khích dùng phương tiện để giữ việc phá Tăng cùng tranh cãi, nên cùng với Tăng đồng sự. Vì sao? Vì Tăng hòa hợp vui vẻ không tranh cãi, cùng học một thầy như nước hòa với sữa thì đời sống được an lạc như trong pháp đã dạy. Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn, Tỳ-kheo-ni này kiên trì không bỏ, nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba, nếu bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ thì phạm sơ tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu các Tỳ-kheo-ni đồng ý hỗ trợ hoặc một người, hai người hay chúng nhiều người cùng nói, cùng thấy phá hòa hợp Tăng. Khi chúng Tỳ-kheo-ni can ngăn Tỳ-kheo-ni này thì các Tỳ-kheo-ni đồng ý hỗ trợ nói: "Này các Đại tỷ! Chớ nói Tỳ-

kheo-ni này tốt xấu. Vì sao? Vì Tỳ-kheo-ni này nói đúng pháp, Tỳ-kheo-ni này nói đúng luật. Những điều Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều ưa thích, những điều Tỳ-kheo-ni này nói chúng tôi đều chấp nhận. Tỳ-kheo-ni này biết mà nói chứ chẳng phải không biết mà nói". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni bè đảng đồng ý theo này: "Đại tỷ! Chớ nói như vầy: Tỳ-kheo-ni này nói đúng pháp, Tỳ-kheo-ni này nói đùng luật. Vì sao? Vì điều Tỳ-kheo-ni này nói đều phi pháp, phi luật. Đại tỷ không nên trợ giúp phá Tăng sự, nên vui vẻ cùng Tăng hòa hợp. Vì sao? Vì Tăng vui vẻ hòa hợp không tranh cãi, cùng học một thầy như nước hòa với sữa, ở trong pháp Phật mới có sự an lạc". Khi các Tỳ-kheo-ni này khuyên can, Tỳ-kheo-ni kia kiên trì không bỏ, nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba, bỏ việc này thì tốt, nếu không bỏ thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào tức giận vô lý hủy báng Tăng như sau: "Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si. Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si cho nên quở trách", thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni này: "Này Đại tỷ! Người chớ có nói: Tăng tùy ái, tùy sân, tùy sợ và tùy si nên Tăng vì ái, vì sân, vì sợ và vì si. Vì sao? Vì Tăng không tùy ái, sân, sợ và si. Cô đừng nổi giận vô lý hủy báng Tăng". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can Tỳ-kheo-ni ấy mà Tỳ-kheo-ni ấy kiên trì không bỏ thì nên khuyên can

đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, còn không bỏ, tiếp tục khuyên can đến hết ba lần, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào tự nói những lời đường đột, các Tỳ-kheo-ni cùng ở trong pháp chỉ dạy đúng luật, đúng pháp lại tự dụng ý nói: "Cố chớ có nói tôi hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói cô tốt hay xấu". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni này: "Đại tỷ! Các Tỳ-kheo-ni cùng ở trong pháp chỉ dạy cô đúng như luật, đúng như pháp. Cô không nên dùng những lời như vậy. Các Tỳ-kheo-ni chỉ dạy, cô nên tiếp nhận. Cô cũng nên chỉ dạy các Tỳ-kheo-ni đúng như pháp, đúng như luật. Vì sao? Vì trong hàng đệ của Như Lai phải lần lượt khuyên can chỉ dạy nhau, cùng có tội thì cùng phát lồ với nhau, cho nên ở trong pháp thiện mới được tăng trưởng". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ, nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc này thì tốt, nếu không bỏ thì tiếp tục khuyên can đến hết hai, ba lần, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Hai Tỳ-kheo-ni nào sống thân cận nhau, che giấu tội lỗi cho nhau, thì các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can họ: "Này các Đại tỷ! Các vị chớ có sống thân cận nhau, che giấu tội lỗi cho nhau, vì sống thân cận thì pháp thiện không sinh". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ

hai, thứ ba. Nếu họ bỏ việc ấy thì tốt, nếu không bỏ nên như pháp khuyên can đến hết lần thứ ba, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào thấy Tỳ-kheo-ni khác sống xa nhau nên khuyến khích: "Hãy sống gần nhau, cùng che giấu tội lỗi cho nhau, đừng sống xa nhau, vì làm như vậy không ảnh hưởng gì đến việc tăng trưởng pháp thiện cả. Những người khác cũng sống gần nhau như vậy mà Tăng không thể ngăn cản được, vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế như vậy". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni này: "Này Đại tỷ! Vì… kia và vị… kia sống xa nhau, cô đừng khuyên bảo họ sống gần nhau, cùng che giấu tội cho nhau, đừng nói, sống gần nhau không tổn hại đến việc sinh pháp thiện. Những người sống gần nhau mà Tăng không thể ngăn cản, vì Tăng khinh thường các vị nên mới cấm chế các vị như vậy". Khi các Tỳ-kheo-ni khuyên can mà Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can đến lần thứ hai, lần thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, còn không bỏ thì như pháp khuyên can đến hết lần thứ ba, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Tỳ-kheo-ni nào vì tức giận mới xả giới, nói: "Tôi bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, bỏ thuyết giới, bỏ sống chung, ăn chung, bỏ kinh luận, bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích. Làm Sa-môn ni dòng họ Thích để làm gì? Nơi khác cũng có pháp tối thắng, tôi sẽ đến

nơi đó để tu phạm hạnh". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni này: "Này Đại tỷ! Chớ có vì tức giận nói xả giới và nói tôi bỏ Phật cho đến bỏ Sa-môn ni dòng họ Thích, vì bỏ Phật là điều không tốt". Khi các Tỳ-kheo-ni can ngăn mà Tỳ-kheo-ni này vẫn kiên trì không bỏ, thì nên khuyên can đến lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ việc đó thì tốt, nếu không bỏ thì nên như pháp khuyên can đến hết lần thứ ba, thì phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa.

Các A-lê-da hãy lắng nghe! Tôi đã nói mười chín pháp Tăng-già-bà-thi-sa. Mười hai pháp đầu phạm là thành tội, còn bảy pháp sau phải trải qua bảy lần khuyên can mà không bỏ mới thành tội. Nếu Tỳ-kheo-ni nào phạm mỗi một tội thì phải hành pháp Ma-na-đỏa ở giữa hai bộ chúng. Tiếp theo cho xuất tội trước hai bộ chúng, mỗi bộ phải đủ hai mươi người để cho vừa ý mọi người. Trong hai mươi người nếu thiếu một người thì việc xuất tội của Tỳ-kheo-ni này không thành, mà các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên đáng khiển trách. Cho nên khi xuất tội cần phải hỏi:

Nay hỏi các A-lê-da trong giới này có thanh tịnh không? Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da trong đây thanh tịnh vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề này mỗi nửa tháng nói trong Ba-la-đề-mộc-xoa.

Tỳ-kheo-ni nào y may đã xong, y Ca-hi-na đã xả, nếu có y dư thì cho phép được chứa mười ngày, nếu quá mười ngày phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào, y may đã xong, y Ca-hi-na đã xả lìa một y trong năm y ngủ qua đêm ở chỗ khác phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, trừ Tăng yết-ma cho.

Tỳ-kheo-ni nào y may đã xong, y Ca-hi-na đã xả. Nếu được vải phi thời, Tỳ-kheo-ni cần thì nhận, nhận rồi nhanh chóng may thành y. Nếu không đủ thì được phép chứa một tháng chờ cho đủ. Nếu chứa quá thời hạn quy định, dù đủ hay không đủ cũng phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự tay nắm tiền của hay vàng bạc, hoặc sai người nắm hoặc đưa vải nhuộm nhận thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào buôn bán dưới mọi hình thức thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải là bà con thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, trừ khi khác, khi khác là khi mất y.

Tỳ-kheo-ni nào khi mất y thì được phép đến cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải bà con xin y, nếu cho với cách tự ý nhận thì nên nhận y thượng hạ, nếu nhận quá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Nếu cư sĩ hay vợ cư sĩ vì Tỳ-kheo-ni may y có giá trị và nói: Ta may y có giá trị như vậy, mua y như vậy cho Tỳ-kheo-ni như thế. Tỳ-kheo-ni này

trước không tự ý thỉnh vì muốn tốt nên lại đến khuyên: "Này Ưu-bà-di! Làm cho tôi y trị giá như vậy, mua y may như vậy cho tôi". Nếu Tỳ-kheo-ni này được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Vì Tỳ-kheo-ni nên hai cư sĩ hoặc vợ cư sĩ may y giá trị như vậy rồi nói: Chúng ta may y giá trị như vậy như vậy, mua y như vậy, như vậy cho Tỳ-kheo-ni như vậy. Tỳ-kheo-ni này trước không tự ý thỉnh, vì tốt nên lại đến chỗ cư sĩ nói: Vì tôi may mỗi y giá trị như vậy, gộp lại cùng làm một y cho tôi thì tốt hơn. Nếu được y này thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào, hoặc vua hoặc đại thần sai sứ giả mang tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo-ni. Người sứ giả đến chỗ Tỳ-kheo-ni thưa: "A-lê-da! Tiền may y này của vua, của đại thần đưa đến, cô nên nhận tiền may y này". Tỳ-kheo-ni nên nói với người sứ giả: "Pháp của các Tỳ-kheo-ni không nên nhận tiền may y như vậy. Khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh, tôi sẽ nhận tác pháp chứa y Tỳ-kheo-ni". Người sứ giả hỏi Tỳ-kheo-ni: "A-lê-da có người giúp việc không?". Tỳ-kheo-ni này nên chỉ cho người sứ giả đến nói: "Này người giúp việc! Tiền may y như vậy như vậy, mua y như vậy, như vậy cho Tỳ-kheo ấy. Khi Tỳ-kheo này cần sẽ đến và người sẽ đưa y". Người sứ giả này tự căn dặn rồi trở lại chỗ Tỳ-kheo-ni thưa: "A-lê-da! Tôi đã trao số tiền may y và dặn dò người giúp việc làm y mà

cô đã chỉ. Khi nào cô cần y thì cứ đến đó lấy thì sẽ được y. Khi Tỳ-kheo-ni này cần y đến người giúp việc lấy y, nên nói: "Tôi cần y, tôi cần y". Nói lấy y hai, ba lần như vậy. Nếu được thì tốt. Nếu không được thì bốn lần, năm lần, sáu lần nên đến đứng im lặng trước người giúp việc. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần đứng im lặng trước người giúp việc được thì tốt, bằng không được y mà cố ý cầu quá giới hạn ấy, nếu được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nếu không được thì tự mình đi hoặc sai người đi đến chỗ người đưa tiền may y nói: "Ông trước đây sai sứ mang tiền sắm y cho Tỳ-kheo-ni tên là… nhưng cuối cùng Tỳ-kheo-ni ấy không nhận được y, ông nên đến lấy lại đừng để mất". Như vậy là hợp pháp.

Tỳ-kheo-ni nào xin tiền mua giường nệm mà đem sắm y bát, thức ăn uống và thuốc trị bệnh thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào được người ta cúng dường để mua thứ này mà lại đem tiền đi mua thứ khác thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào xin tiền mua thức ăn mà lại đem sắm y bát, thức ăn, thuốc men để dùng riêng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào chứa bát dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni nào chứa y dư thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đem dứt bỏ y Tăng-già-lê cũ của mình tại trụ xứ rồi tuyên bố: "Ai muốn lấy thì lấy". Sau đó rồi mình đến giật lại thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có y Tăng-già-lê cũ rồi tự khâu tạm lại, hoặc sai người khâu tạm lại rồi để quá năm, sáu ngày mà không tự vá hay sai người vá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, trừ có bệnh.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Thức-xoa-na-ni: "Ngươi cúng dường y cho ta rồi ta sẽ cho ngươi thọ giới cụ túc", nhưng khi lấy y rồi không cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào xuất ra quá bốn yết-lợi-sa-bàn để mua một tấm y nặng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào dùng hơn hai yết-lợi-sa-bàn rưỡi để mua một tấm vải mịn mỏng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có bát dư được chứa mười ngày, nếu quá thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào bát đang sử dụng dưới năm lần, lại xin bát vì tốt thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni ấy phải đem bát đó đến giữa Tăng xả, đổi theo thứ tự cho đến vị hạ tọa, lấy bát cuối cùng trao cho Tỳ-kheo-ni ấy và nói: "Cô trì bát này cho đến khi vỡ". Như vậy là hợp thức.

Tỳ-kheo-ni nào có bệnh dùng các loại thuốc

như tô, dầu, đề hồ, mật, đường phèn cho phép chứa dùng trong bảy ngày, nếu quá bảy ngày còn chứa dùng thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào trước đã cho y Tỳ-kheo-ni rồi, sau đó vì giận hờn không vui tự mình đoạt lại, hoặc sai người đoạt lấy, nói: "Tỳ-kheo-ni hãy trả y lại cho tôi, tôi không cho cô nữa". Nếu Tỳ-kheo-ni kia trả lại, Tỳ-kheo-ni này nhận được thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào kinh doanh vàng bạc châu báu dưới mọi hình thức đều phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự mình xin tơ lụa rồi sai thợ dệt không phải bà con dệt y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có cư sĩ hay vợ cư sĩ sai thợ dệt dệt y cho Tỳ-kheo-ni. Tỳ-kheo-ni ấy trước chưa thỉnh lại tùy ý đến chỗ thợ dệt khuyên: Ngươi biết không? Y này là làm cho tôi đấy. Hãy dệt cho tôi hết sức đẹp, khiến rộng, dài và bền chắc, tôi sẽ trả công cho ông đáng giá một bữa ăn, nếu được y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào còn mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ, nếu nhận được y cấp thí. Tỳ-kheo-ni cần thì nhận chứa cho đến thời y, nếu chứa quá thời của y thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết vật của người khác đã mua

rồi mà giành mua của họ thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết vật của Tăng mà tự xoay về cho mình thì phạm tội Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề.

Các A-lê-da! Tôi đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Nay xin hỏi các A-lê-da trong đây có thanh tịnh không? Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da thanh tịnh, vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Đây là một trăm bốn mươi mốt pháp Ba-dạ-đề mỗi nửa tháng nói trong Ba-la-đề-mộc-xoa:

Tỳ-kheo-ni nào biết mà nói dối thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói các loại hình tướng thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni nào nói hai chiều thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đã biết tăng tác pháp chấm dứt sự tranh cãi rồi, lại phát khởi nói: Yết-ma này không thành nên làm lại, vì nhân duyên như vậy, không gì khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cố ý giết hại súc sinh thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào dạy người chưa thọ giới cụ túc nói bốn câu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào hướng đến người chưa thọ giới cụ túc mà tự xưng mình đắc được pháp hơn người:

Tôi biết như vậy, thấy như vậy, nói thật thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni khác phạm tội thô, hướng đến người chưa thọ giới cụ túc nói thì phạm tội Ba-dạ-đề, trừ Tăng yết-ma cho nói.

Tỳ-kheo-ni nào Tăng phân chia vật trước hòa hợp cho phép cho, sau đó đoạt trở lại nói: "Ý người thân của tôi lấy lại vật cho Tăng" thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào mỗi nửa tháng khi tụng giới kinh, nói: "Này A-lê-da! Tụng giới nhỏ nhặt ấy để làm gì? Để các Tỳ-kheo-ni sinh lòng nghi ngờ hối hận thêm mà thôi. Vì nhân duyên khinh chê giới không chi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào phá hoại cây con hoặc thôn xóm của quỷ thần thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói lời làm người khác buồn bực thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ganh tị chê bai người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nơi đất trống trụ xứ của Tăng trải giường nằm, giường ngồi, nệm gối hoặc tự trải hoặc sai người khác trải. Khi đi không tự cất, không bảo người khác cất thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ở trong phòng của Tăng chỗ có che tự trải giường, nệm, hoặc bảo người khác trải. Khi đi không tự cất, không bảo người khác cất thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ở trong phòng của Tăng hoặc tự kéo Tỳ-kheo-ni khác ra ngoài hoặc bảo người khác kéo, cho đến nói: Tỳ-kheo-ni! Cô đi đi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết có Tỳ-kheo-ni trải giường nệm trước trong phòng của Tăng, mình đến sau cố quấy phá nên trải chồng lên làm cho vị ấy không vui tự bỏ ra đi, làm nhân duyên như vậy không chi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ở trên tầng gác phòng của Tăng trải giường, lỏng chân, hoặc ngồi hoặc nằm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết nước có trùng mà tự tưới lên cỏ, lên bùn hoặc sai người khác tưới, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cố làm cho Tỳ-kheo khác sinh nghi ngờ hối hận, trong chốc lát không vui, vì nhân duyên như thế không gì khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nơi chỗ bố thí một bữa ăn, Tỳ-kheo không bệnh nên ăn một bữa, nếu quá thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ăn nhiều chỗ thì phạm tội Ba-dạ-đề, trừ lúc khác.

Lúc khác là khi bệnh và khi thí y.

Tỳ-kheo-ni nào tịnh thí y cho Tỳ-kheo-ni khác,

Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni rồi, sau đó không xả mà thọ dùng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết người kia đã ăn đủ rồi, lìa chỗ ngồi không làm phép tàn thực, vì muốn não hại người kia nên khuyến khích ăn, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không cho, không nhận mà lấy bỏ vào trong miệng trừ nước và tăm xỉa răng, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ăn phi thời thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ăn nghỉ rồi ăn nữa, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đến nhà bạch y tự ý nhận bánh cốm đến hai ba bát, ra ngoài không cùng chia cho Tỳ-kheo-ni bệnh ăn. Nếu nhận quá hai, ba bát ra ngoài không cùng chia cho Tỳ-kheo-ni bệnh ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào vì đùa giỡn giấu y, bát, tọa cụ và ống đựng kim của người khác, hoặc sai người khác giấu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ăn riêng chúng, trừ lúc khác thì phạm tội Ba-dạ-đề. Lúc khác là khi bệnh, khi thí y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng nhóm họp và khi ngoại đạo bố thí thức ăn.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh đốt cỏ, cây, phân bò để sưởi ấm hoặc tự đốt hoặc bảo người khác đốt,

trừ nhân duyên, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho người chưa thọ giới cụ túc ngủ cùng nhà quá ba đêm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào gởi dục rồi, sau đó vì tức giận không vui lại nói: Tôi không gởi dục, gởi dục không tốt vì yết-ma ấy không thành, tôi không gởi dục này, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Tỳ-kheo-ni khác: Này Đại tỷ! Cô cùng đi vào thôn với tôi, đến nhà kia tôi cho cô thức ăn, hoặc tự cho hoặc bảo người khác cho. Nhưng sau đó muốn đuổi người kia lại nói: Cô hãy đi đi! Cô ngồi chung với tôi không vui, tôi ngồi một mình vui hơn, vì nhân duyên như thế không chi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói như vầy: "Này A-lê-da! Tôi biết Đức Thế Tôn nói về pháp chướng đạo, nhưng tu tập pháp này không thể chướng đạo". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Tỳ-kheo-ni này: "Này Đại tỷ! Cô không nên phỉ báng Đức Thế Tôn, phỉ báng Đức Thế Tôn là không tốt. Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn nói pháp chướng đạo thì thật là chướng đạo. Cô bỏ việc này đi". Khi can gián như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ, nên can gián lần thứ hai, thứ ba bỏ thì tốt, nếu không bỏ thì Tăng như pháp yết-ma cử tội, Tỳ-kheo-ni này phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni này ác kiến

không bỏ, Tăng yết-ma cử tội đúng pháp, đúng luật. Nhưng người này chưa được yết-ma đúng pháp, đúng luật mà cùng ăn cùng ngủ chung một nhà thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu có Sa-di-ni nói: "Đức Như Lai nói dâm dục là pháp chướng đạo, nhưng theo tôi biết hành dâm dục không thể chướng đạo". Các Tỳ-kheo-ni nên khuyên can Sa-di-ni này: "Ngươi chớ phỉ báng Đức Thế Tôn, phỉ báng Đức Thế Tôn là không tốt, Đức Thế Tôn không nói như vậy. Đức Thế Tôn nói dâm dục là pháp chướng đạo thì thật sự là chướng đạo. Ngươi bỏ việc tà kiến ác này đi". Khi khuyên can như vậy mà vẫn kiên trì không bỏ thì nên khuyên can lần thứ hai, thứ ba. Nếu bỏ thì tốt, còn không bỏ thì nên đuổi đi, nói: "Từ nay trở đi, ngươi không được nói Phật là thầy của ta, cũng không được cùng ngủ chung với Tỳ-kheo-ni ba đêm. Ngươi đi đi, không được ở trong này nữa". Nếu Tỳ-kheo nào biết Sa-di-ni này có tà kiến ác, không bỏ bị đuổi đi, chưa làm yết-ma như pháp mà lại vỗ về nuôi nấng cùng ăn và cùng ở chung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni được y mới nên dùng ba loại màu làm hoại sắc. Mỗi loại màu làm hoại sắc là màu xanh, màu đen và màu vỏ cây mộc lan. Nếu không dùng mỗi mỗi màu làm hoại sắc mà đem mặc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào hoặc báu hoặc tên của báu ở

trong vườn tự mình lấy hoặc sai người khác lấy, trừ lúc khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Lúc khác là khi Tỳ-kheo-ni hoặc báu hoặc tên của báu ở trong vườn tự mình lấy hoặc sai người khác lấy mà nghĩ: Khi có chủ đến tìm ta giao lại.

Tỳ-kheo-ni nào khủng bố Tỳ-kheo-ni khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết nước có trùng mà vẫn uống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự tay cho thức ăn nam nữ xuất gia trong ngoại đạo lõa hình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đã biết dâm xứ của Thực gia mà ngồi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đã biết chỗ vắng của Thực gia mà ngồi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào xem quân trận xuất phát thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni nào có nhân duyên được đến trong quân trận ba đêm, nếu quá thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có nhân duyên được đến trong quân trận ba đêm hoặc xem quân xuất phát hoặc cắm cờ xí thể hiện thế lực chiến đấu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào vì tức giận không vui giơ tay định tát Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đùa giỡn trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni nào dùng tay thọc lét

nhau thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào hẹn cùng đi một đường với đám giặc cho đến một làng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự tay đào đất hoặc bảo người khác đào hoặc chỉ cho mọi người đào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có bốn tháng thỉnh riêng nên nhận, nếu nhận quá thì phạm tội Ba-dạ-đề, trừ thỉnh lại và thỉnh tự ý lâu dài.

Tỳ-kheo-ni nào khi Tỳ-kheo-ni khác dạy: "Đại tỷ! Nên học chớ phạm năm chúng tội". Tỳ-kheo-ni này nói: "Tôi không nghe theo lời cô. Nếu thấy đại tỷ nào tịch căn, đa văn, trì pháp và hiểu biết sâu xa tôi sẽ theo học hỏi. Những lời vị kia nói vâng giữ thực hành. Khi nói như vậy thì phạm tội Ba-dạ-đề, trừ lúc khác. Lúc khác là Tỳ-kheo ấy muốn được phép lợi ích thì nên học nên hỏi Tỳ-kheo khác.

Tỳ-kheo-ni nào uống rượu thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào khinh thường Tỳ-kheo-ni khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào khi các Tỳ-kheo-ni thưa kiện nhau, đứng im lặng lắng nghe và nghĩ: "Kia có nói điều gì ta sẽ ghi nhận hết", vì nhân duyên như vậy, chứ không gì khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào Tăng đang xử việc, không gởi dục, đi ra ngoài không thưa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào khi mỗi nửa tháng thuyết giới lại nói: "Nay tôi mới biết pháp này ở trong giới kinh". Các Tỳ-kheo-ni biết Tỳ-kheo-ni này vốn đã hai, ba lần ngồi trong lúc nói Ba-la-đề-mộc-xoa, huống gì là nhiều lần. Tỳ-kheo-ni này vì không hiểu biết mà mà không phạm tội. Nếu có phạm tội thì nên xử trị như pháp, rồi bảo: "Đại tỷ! Thật không lợi ích gì cho cô. Vì nửa tháng thuyết giới, cô không tôn trọng, không nhất tâm và không lắng nghe pháp". Quở trách rồi, vị ấy phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cùng một chỗ ăn, ăn bữa ăn trước, bữa ăn sau không thưa Tỳ-kheo-ni mà đi đến nhà khác, trừ thời y thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đi vào cung vua khi phu nhân chưa cất của báu mà vào qua ngạch cửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào lấy xương, răng và sừng làm ống đựng kim, phá ra làm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào làm chân giường nên đúng lượng làm bề dài tám ngón tay của Đức Phật, trừ chỗ vào mộng, nếu quá cắt xong thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào dùng bông Đâu-la-miên làm nệm hoặc ngồi, hoặc nằm thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào làm Ni-sư-đàn nên làm đúng lượng (đo) là bề dài hai gang tay Đức Phật, bề rộng

một gang rưỡi tay Đức Phật, hoặc hơn một gang, nếu quá cắt thành phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào may y kích thước bằng y của Như Lai hoặc hơn, cắt thành thì phạm tội Ba-dạ-đề. Kích cỡ y của Như Lai là chiều dài chín gang tay của Đức Phật, chiều rộng sáu gang tay của Đức Phật.

Tỳ-kheo-ni nào vì tức giận không vui dùng pháp vô căn cứ Tăng-già-bà-thi-sa phỉ báng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết vật thuộc về Tăng lại xoay về cho người thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không nói với chủ mà mặc y của người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự tay đem y cho ngoại đạo, Sa-môn hay người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào may y An-đà-hội nên may cho đúng lượng là bề dài bốn gang tay Phật, bề rộng hai gang tay Đức Phật, nếu quá cắt thành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào may Tăng-kỳ-chi nên may cho đúng lượng là bề dài bốn gang tay Đức Phật, bề rộng hai gang tay Đức Phật, nếu quá cắt thành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào may y tắm mưa nên may cho đúng lượng là bề dài bốn gang tay Đức Phật, bề rộng hai gang tay Đức Phật, nếu quá cắt thành

phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đến nhà không thể làm y được xin y Ca-hy-na cho Tăng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh, đã y thọ trì không mang bên mình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào được thức ăn Khư-đà-ni, thức ăn Bồ-xà-ni lại nấu hoặc bảo người khác nấu, lại luộc hoặc bảo người khác luộc, lại hầm hoặc bảo người khác hầm, Tỳ-kheo-ni nào không bệnh ăn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào khi Tỳ-kheo đang ăn, cung cấp nước hoặc quạt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ăn tỏi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự tay cho thức ăn ngoại đạo hoặc người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào làm nghề thầy thuốc để sinh sống thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào trao toa thuốc cho người thế tục và ngoại đạo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào làm việc cho người thế tục thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết thực gia không nói trước mà đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào sống thân cận với người thế tục, ngoại đạo, thậm chí sống thân cận với người làm vườn, Sa-di trọn một ngày hoặc trong khoảnh khắc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự thề thốt nguyền rủa người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự đánh mình rồi khóc la thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Đại tỷ! Cô cùng đi đến nhà Mỗ giáp với tôi, sau đó không hài lòng về Tỳ-kheo-ni ấy không suy xét những gì được nghe mà vô cớ quở trách thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào với tâm keo kiệt giữ gìn nhà người khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào trước mặt chửi mắng Tỳ-kheo-ni thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào chưa đủ mười hai mùa mưa mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đủ mười hai mùa mưa nhưng chưa đủ mười pháp mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào thành tựu mười pháp nhưng không làm yết-ma mà nuôi đệ tử thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết người kia phạm giới, cầm chìa khóa mở cửa phòng người khác cùng sống chung với đàn ông mà cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho đồng nữ chưa đủ hai mươi mùa mưa thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho đồng nữ đủ hai mươi mùa mưa, chưa cho học giới mà thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho người đang học giới chưa hoàn thành thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho người học giới đã đủ nhưng không làm yết-ma thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho người nữ đã lấy chồng chưa đủ mười hai mùa mưa thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào người nữ đã lấy chồng và đủ mười hai mùa mưa nhưng không học giới mà cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào người nữ đã lấy chồng nhưng học giới chưa đủ mà cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào, người nữ đã lấy chồng và học giới đã đủ nhưng chưa làm yết-ma mà cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cho đệ tử thọ giới cụ túc rồi thì phải chỉ dạy trong hai năm, nếu không chỉ dạy thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào thọ giới cụ túc rồi, phải theo hầu hạ, cung phụng Hòa thượng ni, nếu không theo hầu hạ, cung phụng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cứ mỗi năm nuôi mỗi đệ tử thì

phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào ở trong một chúng thanh tịnh mà để qua đêm cho thọ giới cụ túc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào độ đệ tử có vấn đề mà không tự mình đưa họ đi, hoặc sai người khác đưa họ đi xa cho đến năm, sáu do-tuần thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Tỳ-kheo-ni khác như vầy: "Đại tỷ! Cô chưa đủ mười pháp để độ đệ tử phải nên chỉ dạy" mà vị kia chê trách trở lại thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Thức-xoa-ma-ni: "Ngươi học giới đủ rồi ta sẽ cho ngươi thọ giới cụ túc" nhưng sau đó không cho thọ, không nhờ người khác cho thọ, cũng không bảo họ đi nơi khác thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà ngồi xe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà cầm dù che, mang giày thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào hoặc ngồi hoặc nằm trên giường nệm Khư-trù-la cao quá mức quy định thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào trải giường nệm ra cùng nằm chung thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không xả phòng, giường và nệm của Tăng mà bỏ đi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bạch trước mà đi vào Tăng-già-lam của Tỳ-kheo thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết là dâm xứ của thực gia mà vẫn trú ngụ, trừ lúc khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề. Lúc khác là khi gió, khi mưa, lúc bị đe dọa đến tính mạng, lúc phạm hạnh bị tổn thương.

Tỳ-kheo-ni nào không có khách buôn làm bạn mà đi đến nước khác xa xôi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào tự xem cảnh vườn rừng trong phạm vi quốc gia thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cùng ngồi một mình với Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào cùng ngồi với người nam ở chỗ vắng vẻ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đưa tay ra kéo người nam vào đứng sát bên mình, rồi rỉ tai nói nhỏ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết người nam ngồi trong chỗ tối không có đèn mà đi vào thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào xem biểu diễn ca nhạc thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Các Tỳ-kheo-ni có sự tranh cãi chống đối, sống không hòa hợp mà vị thủ chúng không dàn xếp, dập tắt thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào bảo phụ nữ thế tục bôi dầu, hương thơm, kỳ cọ thân thể để tắm rửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà bảo Tỳ-kheo-ni khác kỳ cọ tắm gội cho mình thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà bảo Sa-di-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà bảo Thức-xoa-ma-ni xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không bệnh mà sai phụ nữ thế tục xoa bóp, kỳ cọ thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không tôn kính lễ bố-tát thanh tịnh của mỗi nửa tháng thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào vào mỗi nửa tháng Tăng giáo huấn mà không cung kính, không đến nghe thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào có ung nhọt ở chỗ kín từ vai trở xuống, từ đầu gối trở lên, không bạch xin phép trước mà để cho nam tử phá, tẩy rửa thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đi du hành trong mùa an cư thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào an cư xong mà không đi du hành thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào nói với Tỳ-kheo-ni khác: "Này Đại tỷ! Chúng ta hãy an cư ở đây", nhưng sau đó trách cứ, xúc não thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào biết Tỳ-kheo-ni khác đã an cư trước rồi, sau đó mình đến tự nhiễu loạn hoặc sai

người khác nhiễu loạn thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào không xem trước ngoài bờ tường mà ném bỏ đồ bất tịnh ra ngoài thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đại tiểu tiện trên rau cỏ tươi thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Tỳ-kheo-ni nào đại tiểu tiện trong nước thì phạm tội Ba-dạ-đề. Tỳ-kheo-ni nào biết đó là lợi ích của cả chúng mà xoay về cho một nhóm người thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Các A-lê-da! Tôi đã nói một trăm bốn mươi mốt pháp Ba-dạ-đề. Nay hỏi các A-lê-da, trong giới này có thanh tịnh không? Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da ở trong giới này thanh tịnh, vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Đây là tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, mỗi nửa tháng tụng trong giới kinh chép ra.

Tỳ-kheo-ni nào vì muốn thân sướng không có bệnh mà tự mình đến nhà bạch y xin sữa, hoặc sai người khác đi xin về để ăn, hoặc uống, thì Tỳ-kheo-ni này phải đến Tỳ-kheo-ni khác sám hối như sau: “Thưa Thánh giả! Tôi phạm điều đáng trách, xin sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni này”.

Như vậy tám loại thực phẩm ngon như sữa đóng váng, dầu, mật, đường phèn, sữa tươi, sữa đông lạnh, cá và thịt.

Các A-lê-da! Tôi đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni. Nay hỏi các A-lê-da, trong giới này có thanh tịnh không? Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da trong giới này thanh tịnh vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Pháp chúng học này mỗi nửa tháng tụng một lần trong giới kinh chép ra:

Không được mặc y nội quá cao. Không được mặc y nội quá thấp. Nên mặc y nội cho cân bằng.

Không được mặc y nội gấp nhiều nếp. Không được mặc y nội như hoa Thạch lưu. Không được mặc y nội như bó lúa.

Không được mặc y nội như đuôi cá. Không được mặc y nội như lá cây Đa-la. Không được mặc y nội như vòi con voi.

(Chín giới này trong bản Đan và bản luật Đại Tăng không có). Nên mặc y nội tề chỉnh cần phải học.

Không được đắp y thấp cần phải học. Không được đắp y cao cần phải học.

Không được đắp y như Bà-la-thiên cần phải học. Không được đắp y như Bà-tiểu-thiên cần phải học.

(Bốn giới này trong bản Đan và bản giới luật Đại Tăng đều không có).

Nên mặc y cho ngay ngắn cần phải học.

Khéo che mình kín đáo khi đi vào nhà cư sĩ cần

phải học. Chăm chú đi vào nhà cư sĩ cần phải học.

Không được đùa cười đi vào nhà cư sĩ cần phải học.

Không được trùm đầu đi vào nhà cư sĩ cần phải học.

Không được vắt trái y đi vào trong nhà cư sĩ cần phải học. Không được đi nhón gót vào nhà cư sĩ cần phải học.

Không được chống nạnh đi vào nhà cư sĩ cần phải học. Không được đảo thân đi vào nhà cư sĩ cần phải học.

Không được lắc đầu đi vào nhà cư sĩ cần phải học. Không được vung tay đi vào nhà cư sĩ cần phải học.

Khéo che mình kín đáo đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học. Chăm chú đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học.

Im lặng đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học.

Không được đùa cười đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học. Không được trùm đầu đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học. Không được vắt trái y đi vào ngồi nhà cư sĩ cần phải học. Không được ngồi ôm đầu gối trong nhà cư sĩ cần phải học. Không được ngồi trong nhà cư sĩ lắc chân cần phải học.

Không được chống nạnh ngồi trong nhà cư sĩ cần phải học.

Không được ngồi trong nhà cư sĩ cử động tay

chân cần phải học.

Nhất tâm thọ thức ăn cần phải học.

Cơm canh bằng nhau mà ăn cần phải học.

Không được le lưỡi liếm món ăn mà ăn cần phải học.

Không được ăn miếng lớn cần phải học.

Không được há miệng lớn đợi cơm mà ăn cần phải học.

Không được nhai một bên mà ăn cần phải học.

Không được ngậm thức ăn mà nói chuyện cần phải học.

Không được dùng ngón tay moi trong bát mà ăn cần phải học.

Không được le lưỡi liếm món ăn mà ăn cần phải học.

Không được ợ cơm ra mà ăn cần phải học.

Không được ăn lua, húp lớn tiếng cần phải học.

Không được húp thức ăn mà ăn cần phải học.

Không được nuốt trộng thức ăn mà ăn cần phải học.

Không được ăn rơi đổ cơm cần phải học.

Không được chống tay mà ăn cần phải học.

Không được ganh tỵ xem bát người ngồi bên cạnh mà ăn cần phải học.

Nên chú tâm nhìn trong bát mà ăn cần phải học.

Không bệnh không được tự vì mình đòi thức ăn

cần phải học.

Không được dùng cơm đậy canh rồi mong được canh nữa cần phải học.

Không được tay dơ cầm đồ đựng nước uống cần phải học.

Không được đem thức ăn dư ở trong bát đổ trên đất cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người ngồi Tỳ-kheo-ni đứng học, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người nằm Tỳ-kheo-ni ngồi trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp có người ngồi trên giường cao Tỳ-kheo-ni ngồi giường thấp xấu, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người mặc giày dép trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho bịt ngón chân, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người che trên đầu, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người buộc trên đầu, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người ngồi xoạc ôm đùi, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người cầm dao, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người cầm cung

tên, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người cầm gậy, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người cầm dù che, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người đi ở trước mình đi ở sau, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người cỡi ngựa, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được thuyết pháp cho người trong đạo ở bên chỗ ngoại đạo, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Không được đứng đại tiểu tiện, trừ khi họ có bệnh cần phải học.

Các A-lê-da! Tôi đã nói bảy mươi bảy pháp chúng học.

Nay xin hỏi các A-lê-da, trong đây có thanh tịnh không?

Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Các A-lê-da!

Trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Đây là bảy pháp dứt sạch sự tranh cãi, mỗi nửa tháng tụng trong giới kinh chép ra.

Người đáng cho làm phép Tỳ-ni hiện tiền thì nên cho làm phép Tỳ-ni hiện tiền.

Người đáng cho làm phép Tỳ-ni ức niệm thì

nên cho làm phép Tỳ-ni ức niệm.

Người đáng cho làm phép Tỳ-ni bất si thì nên cho làm phép Tỳ-ni bất si.

Người đáng cho tự nói tội để trị thì nên cho tự nói tội để trị. Người đáng cho tìm tướng tội thì nên cho làm phép tìm tướng tội.

Người đáng cho nhiều người tìm tội thì nên cho phép nhiều người tìm tội.

Người đáng cho làm phép như cỏ che đất thì nên cho làm phép như cỏ che đất.

Các A-lê-da! Tôi đã nói bảy pháp dứt sự tranh cãi.

Nay hỏi các A-lê-da trong giới này có thanh tịnh không?

Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy.

Các A-lê-da! Trong giới này thanh tịnh, vì im lặng.

Nay tôi xin ghi nhận như vậy.

Các A-lê-da! Tôi đã nói tựa của giới kinh, đã nói tám pháp Ba-la-di, đã nói mười chín pháp Tăng-già-bà-thi-sa, đã nói ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, đã nói một trăm bốn mươi mốt pháp Ba-dạ-đề, đã nói tám pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, đã nói pháp Chúng học và đã nói bảy pháp dứt sự tranh cãi.

Những việc này ở trong kinh Phật, mỗi nửa tháng nói trong Ba-la-đề-mộc-xoa và các giáo

pháp khác.

Các A-lê-da nhất tâm vui vẻ không tranh cãi cùng học một đạo như nước hòa với sữa, hạnh an lạc cần phải học.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

- Đức Phật Tỳ Bà Thi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, trước hết nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Nhẫn nhục đạo đệ nhất
Niết-bàn Phật hơn hết
Xuất gia làm não người
Không gọi là Sa-môn.

Đức Phật Thi Khí Như Lai Ứng Cúng chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Giống như người mắt sáng
Khéo tránh đường hiểm ác
Người thông minh trong đời
Hay lìa các điều dữ.

Đức Phật Tỳ Diệp Bà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Không não không nói lỗi
Phải vâng giữ giới này
Ăn uống biết vừa đủ
Thường ưa chỗ yên vắng
Tâm tịnh vui tinh tấn

Là lời chư Phật dạy.

Đức Phật Câu Lưu Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Như ong hút mật hoa
Không hại sắc và hương
Chỉ lấy vị pháp ấy
Tỳ-kheo vào thôn xóm
Không phá hoại việc người
Chẳng xem làm không làm
Chỉ xét nơi hạnh mình
Xem kỹ thiện, bất thiện.

Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Muốn được tâm tốt chớ buông lung
Pháp thiện Thánh nhân nên siêng học
Nên không thể bị hoạn sầu khổ
Người đó tâm định vào Niết-bàn.

Đức Phật Ca Diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Không làm các điều ác
Nên làm các việc thiện
Tự thanh tịnh ý mình
Là lời chư Phật dạy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng

Chánh Biến Tri vì Tăng tịch tĩnh, lần đầu tiên nói Ba-la-đề-mộc-xoa:

Thân chớ làm điều ác
Khéo giữ gìn khẩu nghiệp
Tự sạch ý chí mình
Khéo giữ gìn tất cả
Tỳ-kheo hộ hết thảy
Lìa khỏi các đau khổ
Tỳ-kheo giữ miệng, ý
Thân không phạm các tội
Ba nghiệp đều thanh tịnh
Đạt được đạo bậc Thánh.
Nếu người nhục mạ không đáp lại
Người khác ganh ghét tâm không hận
Đối với người sân tâm thường tịnh
Thấy người làm ác mình chớ làm.
Bảy Phật là Thế Tôn
Hay cứu độ thế gian
Giới kinh Phật đã dạy
Tôi rộng tuyên thuyết xong.
Chư Phật và đệ tử
Cung kính giới kinh này
Cung kính giới kinh rồi
Mỗi mỗi đều cung kính
Hổ thẹn được đầy đủ
Sẽ đắc đạo vô vi.

Các A-lê-da! Tôi đã nói xong Ba-la-đề-mộc-xoa, Tăng nhất tâm đắc bố-tát.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 72

LUẬT TỨ PHẦN

SỐ 1428

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1428
LUẬT TỨ PHẦN

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm.

TÁN DUYÊN KHỞI [1]

Cúi đầu lễ chư Phật
Tôn Pháp, Tăng Tỳ-kheo
Nay diễn pháp Tì-ni
Để Chánh pháp trường tồn.
Ưu-ba-li đứng đầu[2]
Và các Thân chứng[3] *khác*
Nay nói yếu nghĩa giới
Các hiền đều cùng nghe.
Nay muốn nói thâm giới
Cho người ưa trì giới
Cho người hay phúng tụng
Lợi ích các trưởng lão.
Nay nói mười cú nghĩa
Giới pháp của chư Phật[4]*:*

---

[1] (T22nl428, tr.567b26)

[2] Tứ phần 54, tr.968a4 - Tập pháp tì-ni ngũ bách nhân: Trong đại hội kết tập tại Vương-xá, Ưu-ba-li được chấp thuận làm thuyết trình viên về Luật tạng.

[3] Thân chứng (Skt. kāya-sākin, Pāli: Kāya-sakkhin), Câu-xá 24, tr.126a17: Vị Bất-hoàn (A-na- hàm) khi chứng đắc diệt định, chuyển danh là thân chứng 得滅不還名為身證.

[4] Thập cú nghĩa 十句義, xem cht. 31, ch.i sau

Khiến Tăng hỷ, an lạc[5]
Và để nhiếp thủ Tăng[6].
Người không tín sẽ tín
Người đã tín tăng trưởng
Dứt trừ kẻ phá giới
Đưa tà đạo vào chánh [7].
Người tàm quý an ổn
Phật pháp được lâu dài [8]
Vì vậy, Đấng Tối Thắng
Diễn nói Kinh Cấm giới [9].
Các núi, Tu-di hơn
Các sông, biển là nhất
Các Kinh trăm ngàn ức
Giới kinh là bậc nhất.
Muốn cầu điều tối thượng
Đời này và đời sau
Phải trì giới cấm này
Trọn đời đừng hủy phạm.
Trừ kết, không chướng ngại
Trói buộc do đây mở
Dùng giới tự quán sát
Như gương soi diện mạo.
Muốn tạo các pháp lành
Đầy đủ ba món nghiệp

[5] Hán: Hi vĩnh an 喜永安; cú nghĩa 2&3: Khiến Tăng hoan hỷ và an lạc.

[6] Cú nghĩ 1.

[7] Cú nghĩ 6: Để phụ những ai chưa được điều phục.

[8] Trong đây không đề cập hai cú nghĩa 8 & 9: Đoạn trừ hữu lậu hiện tại, đoạn trừ hữu lậu vị lai.

[9] Cấm giới kinh 禁戒經, hay Giới kinh, chỉ Ba-la-đề-mộc-xoa 波羅提木叉(Skt. Prātimoka-sutra, Pāli: Pānimokkha-sutta)

Nên xét kỹ ý mình
Như kinh La-vân nói [10].
Sở dĩ lập ngôi vua
Bởi do đời tranh tụng
Nhân dân suy cử lên
Pháp thường đời thượng cổ [11].
Người phạm tội biết pháp
Thuận theo pháp thành tự
Giới luật cũng như vậy
Như vua chánh pháp trị
Như thầy thuốc xét bệnh
Chữa trị tuỳ theo chứng
Trị được thì cho thuốc
Không thể trị thì buông.
Như sách thuốc đã nói:
Bốn chứng không thể trị
Mười ba có thể cứu
Ngoài ra chẳng cần cứu.
Ví như có thây chết
Biển cả không dung chứa
Bị gió mạnh trôi dạt
Đưa nó lên trên bờ.
Các người làm ác hạnh
Cũng như thây chết kia

[10] Trung A-hàm 3, - 14. kinh La-vân, (T1, tr.436a-437b). Pāli, M. 61. Ambalatthikā-Rāhulovāda- sutta (M.i.414-424): Phật hỏi Rāhula, cái gương để làm gì?

[11] Trường A-hàm 6, - kinh Tiểu duyên, (T1, tr.36tt). Pāli: D. 24. Agaḍḍa-suttanta (D.iii.tr. 93): Vào thời thái cổ, do tranh chấp ruộng đất, nhân dân bầu lên một người để giải quyết, gọi là vị trọng tài được bầu lên bởi đại hội (Mahāsammatorājā; Hán dịch: Đại bình đẳng vương 大平王)

Đại chúng không dung chứa
Do vậy nên trì giới.
Như giữ cửa kiên cố
Khỏi lo mất của cải
Nếu tường bị khoét, đổ
Có của sẽ phải lo.
Giới Phật không khuyết, thủng
Người phụng trì không lo
Cấm giới không kiên cố
Người hủy phạm lo âu.
Chiếc bát sành lủng chảy
Thợ gốm lòng sầu lo
Nếu dụng cụ hoàn bị
Quyến thuộc đều hoan hỉ.
Trì giới có khuyết, thủng
Người làm ác thường lo
Kẻ không hủy cấm giới
Tâm thường được hoan hỉ.
Như đốm lửa tuy bé
Đừng khinh nó là nhỏ
Nếu gặp cỏ, cây khô
Nó đốt cháy không sót.
Ác ta làm tuy nhỏ
Cẩn thận chớ xem thường
Như rách y-la diệp[12]

[12] Y-la diệp 伊羅葉; Skt. erapatra, hoặc elāpattra, H: Hương diệp 香葉, hoắc hương diệp 香葉, một loại tiểu đậu khấu (Cardamon). Ở đây chỉ tên một con voi chúa, hay rồng, Pāli: erakapatta. Tiền thân là Tỳ-kheo thời Phật Ca-diệp (Pāli: Kassapa), bị té thuyền, vớ nhằm lá eraka. Ông chết đuối với tâm ưu uất nên tái sinh làm thân rồng. (Pháp cú truyện giải, Dh.A.iii.230-6). Theo tài liệu Hán, Phúc cái chánh hạnh sở tập

Thường sinh làm thân rồng.
Như sư tử rống gầm
Người say không biết sợ
Thú nhỏ tiếng tuy bé
Người tỉnh nghe vẫn sợ.
Người ba cấu[13] *cũng vậy*
Tất cả ác không sợ
Người trí việc ác nhỏ
Thường ôm lòng lo sợ.
Như khi bào chế thuốc
Loại bỏ thứ không tốt
Người bệnh uống được lành
Thân khỏe được an lạc.
Người tu giới cũng vậy
Hay tránh các ác hành
Trừ các hoạn kết sử
An ổn vào Niết-bàn.
Nếu muốn đi đường xa
Phải tự bảo vệ chân
Nếu chân bị thương tổn
Không thể đi xa được.
Cầu cõi trời, Niết-bàn
Phương tiện thủ hộ giới
Không hủy hoại như vậy

kinh 11 (T32n1671): Tiền thân là Tỳ-kheo phạm 2 tội, ngắt lá y-la và khất thực sau giờ ngọ, do đó sinh làm thân rồng với 7 đầu trên đó mọc cây y-la.

[13] Tam cấu nhân 三垢人, ba hạng người dơ bẩn: Như cái chậu rửa chân còn lưu một ít nước dơ; cái chậu đã đổ hết nước dơ, và cái chậu dơ bị lật úp. Xem, Trung A-hàm 3, - La-vân kinh, (T1, tr.436a). Pāli, M. i. 141-424. Tam cấu, cũng thường chỉ tham, sân, si.

Ắt vượt khỏi đường hiểm.
Như người muốn qua sông
Dùng tay và phao nổi
Nước sâu không sợ chìm
Có thể đến bờ kia.
Đệ tử Phật cũng vậy
Tu hành gốc cấm giới
Không bị cuốn dòng tà
Đắm chìm biển sanh tử.
Ví như cung Đế Thích[14]
Các báu khắc chạm thành
Thềm bậc bằng thất bảo
Chỗ đi [15] *của người, trời.*
Điện chánh pháp [16] *cũng vậy*
Bảy giác ý [17] *trang nghiêm*
Cấm giới làm thềm bậc
Chỗ đi của Thánh hiền.
Như khéo học hết thảy
Các kỹ nghệ thế gian
Sẽ được vua sủng ái
Do vậy được sung sướng.
Người khéo hay tu học
Cấm giới do Phật nói

[14] Đế Thích đường 帝堂. Đây chỉ Chánh pháp điện 正法殿, cũng gọi là Thiện pháp đường hay Thiện pháp giảng đường 善法講堂, Hội trường của chư thiên Tam-thập tam (Đao-lị thiên). Pāli: Sudhammsabh. Đế Thích còn có cung điện riêng khác nữa, gọi là Tối thắng giảng đường (Pāli: Vejayanta-pāsāda)

[15] Sở hành 所行, cũng thường nói là sở hành cảnh giới 所行境界, hay hành xứ 行處|; Skt. (=Pāli) gocara, môi trường hay phạm vi nhận thức và hành động.

[16] Chánh pháp đường 正法堂, xem cht. 14 trên.

[17] Giác ý 覺意, hay giác chi 覺支, bồ-đề phần 菩提分; Pāli: Bojjhaṅga(Skt.bodhyanga).

Trọn không đọa ác thú
Thường được nơi an ổn.
Như binh mình đủ mạnh
Mới phá được binh người
Chúng hiền thánh kiên cố
Sau đó phá quân ma.
Chúng Thánh nếu hòa hợp
Được Thế Tôn khen ngợi
Do chúng hòa hợp vậy
Phật pháp được lậu dài.
Như sữa mẹ từ ái
Nuôi dưỡng, giữ gìn con
Tất cả nạn nước, lửa
Bảo vệ không xâm hại.
Cấm giới như từ mẫu
Giữ gìn người hành giả
Trọn không đọa súc sanh
Ngạ quỷ hay địa ngục.
Như có tướng dũng mãnh
Khéo tập pháp chiến đấu
Hàng phục kẻ địch kia
Tử chiến không tiếc thân.
Con Phật cũng như vậy
Khéo học các cấm giới
Khi năm ấm tan hoại
Trọn không sợ mạng hết.
Sinh ra từ giới Phật,
Mới là con chân thật

Cũng như Ương-quật-ma[18]
Được Như lai ký biệt.
Nếu có người xả giới
Đối Phật pháp là chết
Trì giới như hộ mạng
Giữ gìn không để mất.
Ví như được ấn vua
Đến đâu không trở ngại
Khuyết thì bị cật vấn
Mất hết thì bị trói.
Người toàn đủ giới-ấn
Đến đâu không trở ngại
Hủy ít thì bất định
Hủy nhiều vào ba ác.
Vì tất cả mọi người
Hàng phục các ma quỷ
Nên Tiên nhân ngũ thông[19]
Sáng tác các chú thuật.
Vì người tàm quý kia
Nhiếp người không tàm quý
Nên Như lai chế giới
Nửa tháng thuyết một lần.
Đã thuyết ích lợi giới
Cúi đầu lễ chư Phật.

[18] Ương-quật-ma-(la) 鴦崛魔(=摩)羅, Pāli: Aṅgulimla (Skt. Aṅgulimlya) dịch: Chỉ Man 指鬘, tên tướng cướp lừng danh thời Phật. Sau được Phật hóa độ thành Tỳ-kheo và đắc quả A-la-hán. Xem Tạ A-hàm 36.16 (T2, tr.280c); Hiề ngu kinh 11 (T4, tr. 423b); Ương-quật-ma kinh (T2, tr.508b); Ương-quật-ma-la kinh (T2, tr.512b); Avadataka (Skt.) No.27; DhpA (Pāli).i. tr.146; iii.185; Therag.vv.864-891.

[19] Hán: Thần tiên ngũ thông nhân 神仙通人.

(Đoạn kệ tụng này không phải được sáng tác khi Ca-diệp cùng Thánh chúng nghìn vị kết tập Luật. Đây căn cứ theo sở truyền riêng của mỗi bộ trong năm bộ phân trương về sau. Tức được thuyết bởi vị đứng đầu của mỗi chúng. Nay vì muốn phân biệt giải thích Luật tướng, cho nên trước tiên đọc kệ tán thán, sau đó giải thuyết.)[20]

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

Chương I: NÓI VỀ 4 PHÁP BA LA DI [21]

I. BẤT TỊNH HẠNH

A. DUYÊN KHỞI

1. Sự kiện Tỳ-lan-nhã

Một thời, Đức Phật cùng chúng Đại Tỳ-kheo gồm năm trăm vị, du hóa đến thành Tô-la-bà[22], tuần tự du hành đến Tỳ-lan-nhã[23], và đêm ấy ngủ dưới bóng cây na-lâu-la-tân-châu-man-đà-la[24]. Bấy giờ Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nghe Sa-môn Cù-đàm, họ Thích, bỏ dòng họ Thích đi xuất gia tầm đạo, đã từ nước Tô-la-bà dẫn chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị, tuần tự du hành đến Tỳ-lan-nhã này,

---

[20] Đoạn phụ chú của vị truyền luật. Không thuộc chính văn của Luật.

[21] (T22n1428, tr.568c6 四波羅夷法之一)

[22] Tô-la-bà quốc 蘇羅婆國; Ngũ phần: Tu-lại-bà quốc 須賴婆國; cả hai phiên âm từ Skt. Śūrasena (Pāli: Sūrasena), 1 trong 16 đại quốc thời Phật; xem Trường A-hàm 5, - Kinh Xà-ni-sa; D.18. Javasabha. Tăng kỳ: Xá-vệ quốc 舍‰國, (Skt. Srāvasti, Pāli: Sāvatthī). Thập tụng: Phật tại Tì-da-li 毘耶離, Skt. Vaiśāli (Pāli: Vesālī).

[23] Tì-lan-nhã 毘蘭若. Pāli: Verañjā, thị trấn gần Sāvatthī, trên đường đi Vesālī.

[24] Na-lân-la-tân-châu-mạn-đà-la 那隣羅濱洲曼陀羅; Pāli: Nanerupucimanda, cây pucimanda (Nimba) có miếu thờ dạ-xoa Naneru. Ngũ phần: Trú lâm thọ hạ 住林樹下.

và nghỉ đêm dưới bóng cây na-lân-la-tân-châu-man-đà-la. Sa-môn Cù-đàm này có danh xưng lớn như vầy: "Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở giữa các chúng Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn công bố chánh pháp do tự thân chứng nghiệm bằng thắng trí. Pháp ấy thiện xảo ở khoảng đầu, khoảng giữa, khoảng cuối, có nghĩa và vị, phạm hạnh thanh tịnh, tự nhiên được tu tập đầy đủ. Lành thay! Chúng ta được chiêm ngưỡng con người Vô trước[25] như vậy. Nay ta nên đến thăm hỏi Sa-môn Cù-đàm.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã liền đến chỗ Đức Thế Tôn. Khi đến nơi, hỏi chào thăm viếng nhau rồi, ngồi qua một bên.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Bà-la-môn sau khi nghe Đức Phật nói pháp, lòng sanh hoan hỷ, liền thưa:

Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót chấp thuận thỉnh cầu của con, cùng với chúng Tỳ-kheo an cư ba tháng mùa mưa.

Đức Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo im lặng nhận lời. Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã biết Đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời thỉnh của mình, liền từ chỗ ngồi đứng

[25] Vô trước nhân 無著人, một dịch nghĩa khác của từ A-la-hán.

dậy, nhiễu Phật rồi cáo lui.

Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị nhận lời an cư ba tháng mùa mưa. Bấy giờ có người lái ngựa từ nước Ba-ly[26] lùa năm trăm thớt ngựa đến Tỳ-lan-nhã và ở đây đóng trại chín mươi ngày mùa hạ.

Thời điểm này gặp lúc mất mùa, lúa gạo quý giá, nhân dân đói khát, xương trắng ngổn ngang, khất thực khó được. Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã tuy thỉnh Như Lai và Tăng Tỳ-kheo an cư ba tháng, nhưng hoàn toàn không cúng dường, cung cấp những nhu cầu cần thiết. Tại sao vậy? Vì bị ám bởi Ma Ba-tuần.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Tỳ-lan-nhã khất thực không được, nên phải đến khất thực nơi người lái ngựa kia. Lúc ấy, người lái ngựa tự nghĩ: Hiện nay mất mùa, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất thực khó được, xương trắng ngổn ngang. Các Tỳ-kheo kia khất thực không được nên đến đây. Nay ta có nên dùng lúa mạch của ngựa mỗi ngày bố thí cho Tỳ-kheo năm thăng, Thế Tôn một đấu hay chăng? Nghĩ như vậy rồi, mỗi ngày ông bố thí cho các Tỳ-kheo năm thăng lúa mạch của ngựa, Thế Tôn một đấu.

Đức Thế Tôn nhận được phần lúa ngựa rồi, trao cho A-nan. A-nan khiến người xay làm cơm khô

[26] Ba-li quốc 波離國; Ngũ phần: Ba-lị quốc 波利國. Pāli (Vin.iii. 6): Uttarāpathakā assavanijā, những người buôn ngựa từ Uttarāpatha, địa danh chỉ chung vùng Bắc Ấn.

để dâng Phật. Đức Phật dùng cơm khô, còn các Tỳ-kheo nấu chín rồi mới ăn. Do đó, giữa Đức Phật cùng các Tỳ-kheo thức ăn có khác.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-liên đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, lui ngồi một bên, thưa:

- Kính bạch Đại đức, hiện nay lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khất thực khó được; thực phẩm của các Tỳ-kheo rất là thô xấu, nên tất cả đều bị gầy ốm. Nếu Đức Thế Tôn cho phép, các Tỳ-kheo có thần túc đến nước Uất-đơn-việt [27] lấy thức ăn bằng gạo của loại lúa chín muộn tự nhiên,[28] thì chúng con sẽ đi.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

- Các vị Tỳ-kheo có thần túc thì có thể đến đó để lấy thức ăn bằng gạo lúa tự nhiên, còn các vị Tỳ-kheo không có thần túc thì thế nào?

Tôn giả Mục-liên thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, các vị có thần túc thì họ tùy ý đến, còn các vị không có thần túc thì con sẽ dùng sức thần túc của con để giúp các vị đến đó.[29]

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-liên:

---

[27] Uất-đan-việt 鬱單越; Skt.(=Pāli): Uttarāpatha

[28] Tự nhiên canh mễ 自然粳米, một thứ lúa tự nhiên mọc, không do người trồng; xem Trường A-hàm 6, kinh Tiểu duyên, Đại 1 tr. 38a1. Cf., D.iii.88 (Aggaḍḍa-suttanta): akattha-pāko sāli pātura ahosi akano athuso, xuất hiện loại lúa chín tự nhiên không do gieo trồng, không vỏ, không cám.

[29] Pāli (Vin.iii. 7), Mahāmoggallāna bạch Phật: Phần dưới kia của đại địa này rất sung túc. Con sẽ chuyển ngược đại địa để các Tỳ-kheo có thể có thức ăn.

- Thôi đi, thôi đi, đừng nói vậy! Tại sao? Các ông là những con người [30] đã chứng đắc thần túc thì có thể làm như vậy. Còn các vị Tỳ-kheo ở đời vị lai sẽ làm sao?

2. *Xá-lợi-phất thưa hỏi*:

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở nơi nhàn tĩnh, nghĩ như vầy: Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài? Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp không tồn tại lâu dài? Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt đảnh lễ, ngồi qua một bên. Một lát sau, rời chỗ ngồi, đứng dậy thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, vừa rồi ở chỗ nhàn tĩnh, con nghĩ: "Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài?

- Vị Đẳng chánh giác nào có phạm hạnh tu tập và Phật pháp không tồn tại lâu dài?" Cúi xin Đức Thế Tôn khai thị cho con.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Đức Phật Tỳ-bà-thi, Đức Phật Thức-khí, Đức Phật Câu-lưu-tôn, Đức Phật Ca-diếp, các vị Phật này có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài. Pháp của Phật Tùy-diệp, Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, thì không tồn tại lâu dài.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

---

[30] Nguyên Hán: Trượng phu 丈夫.

- Do nhân duyên gì mà (569b1) Phật Tỳ-bà-thi,[31] Đức Phật Thức,[32] Đức Phật Câu-lưu-tôn,[33] Đức Phật Ca-diệp,[34] các vị Phật này có phạm hạnh tu tập và Phật pháp tồn tại lâu dài; Pháp của Phật Tùy-diệp,[35] Phật Câu-na-hàm Mâu-ni,[36] thì không tồn tại lâu dài?[37]

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Đức Phật Tùy-diệp không công bố pháp rộng rãi như: Khế kinh, Kỳ-dạ kinh, Thọ ký, Phương đẳng kinh, Vị tằng hữu kinh, Thí dụ kinh, Ưu-bà-đề-xá kinh.[38] Không vì người rộng nói Khế kinh, cho đến Ưu-bà-đề-xá kinh, không kết giới cũng không thuyết giới, cho nên các đệ tử mỏi mệt nhàm chán,[39] vì vậy cho nên pháp không tồn tại dài lâu. Khi Đức Thế Tôn kia biết tâm các đệ tử mỏi mệt nhàm chán thì chỉ dạy như vầy:[40] "Điều này nên niệm; điều

---

[31] Tỳ-bà-thi Phật 毘婆尸佛; Ngũ phần: Duy-vệ Phật 維衛佛. Pāli: Vipassī.

[32] Thức Phật 式佛; Ngũ phần: Thi-khí Phật 尸葉佛. Pāli: Sikhī.

[33] Câu-lưu-tôn Phật 拘留孫佛; Ngũ phần: Câu-lâu-tôn Phật 拘樓孫佛. Pāli: Kakusandha.

[34] Ca-diệp Phật 迦葉佛. Pāli: Kassapa.

[35] Tuỳ-diệp Phật 隨葉佛. Pāli: Vissabhu.

[36] Câu-na-hàm Mâu-ni Phật 拘那含牟尼佛 Konāgamana.

[37] Pāli, Pārājikā I, tr.7: Các Thế Tôn Vipass…, Sikkh… và Vessabhu, phạm hạnh không tồn tại lâu dài. Các Thế Tôn Kakusandha, Konāgamana, Kassapa có phạm hạnh tồn tại lâu dài. Ngũ phần (T22n1421, tr.1b26) cũng nói như Pāli.

[38] 12 bộ phận Thánh điển: Khế kinh 契經, Kỳ-dạ kinh 祇夜經, Thọ ký 授記經, Cú kinh 句?S, Nhân duyên kinh 因緣經, Bản sanh kinh 本生經, Thiện đạo kinh 善道經, Phương đẳng kinh 方 等經, Vị tằng hữu kinh 未曾有經, Thí dụ kinh 譬喻經, Ưu-bà-đề-xá kinh 優波提舍經. Liệt kê theo Pāli, chỉ có 9: Suttaṃgeyyaṃ veyyākaranaṃ gāthā udānaṃ itivuttakaṃ jātakaṃ abbhutadhammaṃ vedallaṃ.

[39] Có điểm ngữ pháp đáng lưu ý trong bản Hán dịch. Trong bản Pāli (Vin. iii. 8): (...) kilāsuno ahesum sāvakānam vitthārena dhammaṃ desetuṃ, (Các Đức Thế Tôn này) không tích cực (=mệt mỏi) thuyết pháp cho các đệ tử. Tính từ kilāsuno (mệt mỏi = không tích cực, chủ cách, số nhiều, Hán: Bì yếm 疲厭) phẩm định các danh từ Thế Tôn (bhagavā) chứ không phẩm định cho danh từ sāvakānam (chỉ định cách, số nhiều, Hán: Chư đệ tử 諸弟子) như trong Hán dịch.

[40] Ngũ phần (T22n1421, tr.1c10): Thuyết pháp cho đệ tử bằng tâm niệm chứ không nói ra miệng rằng...

này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú."

- Này Xá-lợi-phất, xa xưa về trước, Đức Phật Tùy-diệp cùng với một ngàn Tỳ-kheo sống trong rừng Kinh sợ.[41] Này Xá-lợi-phất, nếu có người nào chưa lìa dục mà vào trong rừng kia, thì lông trong người đều bị dựng ngược lên, cho nên gọi là rừng Khủng úy.[42]

- Lại nữa, này Xá-lợi-phất, Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Đức Phật Tùy-diệp Như lai, là bậc Chí chân, Đẳng chánh giác, quán trong tâm một ngàn vị Tỳ-kheo mỏi mệt nhàm chán, thì vì họ nói pháp: "Điều này nên niệm; điều này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú."

- Này Xá-lợi-phất, nên biết, Bấy giờ Đức Phật kia và các vị Thanh văn còn ở đời thì Phật pháp được truyền rộng rãi. Nhưng sau khi Đức Phật kia và các Thanh văn[43] diệt độ, mọi người trong thế gian đời sau, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ,

---

[41] Khủng úy lâm 恐畏林. Ngũ phần: Khủng bố lâm 恐怖林. Pāli.: aḍḍtarasmiṃ bhinsanake vanasanne, trong một khu rừng có nhiều sự kinh sợ kia. Hình như không chỉ khu rừng có tên là Kinh sợ (Khủng bố hay Khủng uý). Trong thời Thích tôn, cũng có một khu rừng mang tên như vậy, Pāli: Bhesakalāvana (Khủng bố lâm) thuộc nước Bhagga (Bà-kỳ); Cf. A.ii. 61, iii. 295;S.iii. 1, iv.

[42] Pāli kết luận: Do nguyên nhân này, phạm hạnh (brahmacariya) của các Thế Tôn Vipassī, Sikkhī, Vessabhu không tồn tại lâu dài (na cirannhitikam ahosi).

[43] Pāli: Buddhnubhnaṃ sāvakānaṃ, các đệ tử đã giác ngộ theo Phật.

đủ các gia tộc xuất gia. Đó là lý do khiến cho Phật pháp mau diệt, không tồn tại lâu dài. Tại sao vậy? Vì không được thâu nhiếp bằng kinh pháp.

- Này Xá-lợi-phất, ví như các loại hoa rải trên mặt bàn, gió thổi thì bay. Tại sao vậy? Vì không dùng sợi chỉ xâu nó lại, cho nên như vậy.

- Này Xá-lợi-phất, Đức Phật kia và các chúng Thanh văn khi còn ở đời thì Phật pháp lưu bố. Nhưng sau khi Đức Phật kia và chúng Thanh văn diệt độ, người trong thế gian, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ, đủ các gia tộc xuất gia khiến cho chánh pháp mau diệt, không tồn tại lâu dài. Tại sao? Vì không được thâu nhiếp bằng kinh pháp.

- Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Đức Phật Tỳ-Bà-thi, Đức Phật Thức, Đức Phật Câu-lưu-tôn, Đức Phật Ca-diếp vì các đệ tử rộng nói kinh pháp, từ Khế kinh cho đến Ưu-bà-xá kinh, cũng kết giới, cũng thuyết giới. Khi tâm chúng đệ tử mỏi mệt nhàm chán, Đức Phật biết tâm của họ mỏi mệt nhàm chán, chỉ dạy như vầy: "Điều này nên niệm; điều này không nên niệm. Điều này nên tư duy; điều này không nên tư duy. Điều này nên đoạn; điều này nên thành tựu và an trú."

- Như vậy, này Xá-lợi-phất, các Đức Phật kia và chúng Thanh văn khi còn ở đời thì Phật pháp

lưu bố. Nếu các Đức Phật kia và chúng Thanh văn sau khi diệt độ; người trong thế gian đời sau, đủ mọi thành phần, đủ các dòng họ, đủ các gia tộc xuất gia, không khiến cho Phật pháp mau diệt. Tại sao vậy? Vì được thâu nhiếp bằng kinh pháp.

- Này Xá-lợi-phất, ví như các loại hoa rải trên mặt bàn được xâu lại bằng sợi chỉ; tuy bị gió thổi nhưng không bị phân tán. Tại sao vậy? Nhờ sợi chỉ khéo xâu giữ lại.

- Cũng vậy, này Xá-lợi-phất, Đức Phật kia cùng chúng Thanh văn ở đời rộng nói Phật pháp, như trên.

- Này Xá-lợi-phất, do nhân duyên này mà Phật pháp thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, cho đến Đức Phật Ca-diệp được tồn tại lâu dài, và cũng do nhân duyên này mà Phật pháp thời Đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni, Đức Phật Tùy-diếp không tồn tại lâu dài.

- Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc y trống vai bên hữu, đầu gối hữu chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nay chính là lúc. Cúi xin đức Đại Thánh vì các Tỳ-kheo kết giới, thuyết giới, khiến cho phạm hạnh được tu tập, pháp được tồn tại lâu dài.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Hãy thôi![44] Như Lai tự biết thời. Này Xá-lợi-phất, vì sao Như Lai chưa vì các Tỳ-kheo kết giới? Vì trong chúng Tỳ-kheo chưa có ai phạm pháp hữu lậu. Nếu có người nào phạm pháp hữu lậu, nhiên hậu Thế Tôn mới vì các Tỳ-kheo kết giới để đoạn pháp hữu lậu kia. Này Xá-lợi-phất, khi Tỳ-kheo chưa được lợi dưỡng thì chắc chắn chưa sanh pháp hữu lậu. Nếu Tỳ-kheo được lợi dưỡng thì pháp hữu lậu liền sanh. Nếu pháp hữu lậu đã sanh, Thế Tôn mới vì các Tỳ-kheo kiết giới, vì muốn khiến cho họ đoạn pháp hữu lậu vậy.

- Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo chưa sanh pháp hữu lậu chỉ vì chưa có danh tiếng, chưa ai biết đến nhiều, chưa có tiếng đồn nhiều, chưa có tài nghiệp nhiều. Nếu Tỳ-kheo được danh tiếng, cho đến nhiều tài nghiệp thì pháp hữu lậu liền sanh. Nếu có pháp hữu lậu sanh, nhiên hậu Thế Tôn sẽ vì đệ tử kiết giới để đoạn pháp hữu lậu. Này Xá-lợi-phất, hãy thôi! Như lai tự biết thời.

3. Nhân duyên Tu-đề-na: Kết giới lần thứ nhất.

Bấy giờ Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Khi ấy, có Tu-đề-na Tử ở thôn Ca-lan-đà.[45] Trong thôn này, ông là người có nhiều tiền của, lắm đồ châu báu, với lòng tin kiên cố, xuất gia hành đạo.

---

[44] Hán: Thả chỉ 且止. Pāli: Āgamehi tvaṃ Sāriputta, - Hãy chờ đợi, này Xá-lợi-phất.

[45] Con trai của Tu-đề-na ở thôn Ca-lan-đà 迦蘭陀村須提那子. Ngũ phần: Con trai của trưởng giả Na-lan-đà tên là Tu-đề-na. Tăng kỳ: Thành Tỳ-da-ly có con trai trưởng giả tên là Da-xá 耶舍. Thập tụng: Con trai trư?ng giả tên là Tu-đề-na Gia-lan-đà 加蘭陀 Căn bản: Con trai của Yết-lan-đạc-ca tên là Tô-trần-na 羯蘭鐸迦子蘇陳那. Pāli (Vin.iii. 11): Sudinno nāma Kalanda(ka) putto setthiputto, Sudinna, con trai củ phú hộ Kalandaka.

Vào Bấy giờ, lúa thóc khan hiếm, các Tỳ-kheo khất thực khó được. Tu-đề-na Tử tự nghĩ như vầy: Hiện nay mất mùa, các Tỳ-kheo khất thực khó được. Ta nên hướng dẫn các Tỳ-kheo đến thôn Ca-lan-đà để khất thực. Các Tỳ-kheo sẽ nhân bởi ta mà được lợi dưỡng lớn để có thể tu phạm hạnh. Cũng khiến cho dòng họ ta tích cực hành bố thí, làm các phước đức. Nghĩ như vậy rồi, Tu-đề-na Tử liền dẫn các Tỳ-kheo về thôn Ca-lan-đà.

Mẹ của ông Tu-đề-na nghe con mình dẫn các Tỳ-kheo về lại bổn thôn, liền đến đón. Khi đến chỗ con, bà nói với con trai của mình:

- Con nên bỏ đạo, trở về làm người bạch y. Tại sao vậy? Vì cha con đã qua đời, mẹ sống đơn độc, sợ gia tài sẽ rơi vào cửa nhà quan. Của cải của cha con vốn đã nhiều, huống là tài sản của tổ phụ để lại vô lượng. Thật là đáng tiếc! Do vậy, nay con hãy bỏ đạo để trở về đời.

Tu-đề-na trả lời mẹ:

- Con không thể bỏ đạo, để làm những việc phi pháp này. Hiện tại con rất thích phạm hạnh, tu đạo vô thượng.

Ba lần người mẹ bảo như vậy, cũng ba lần người con thưa:

- Không thể bỏ đạo để trở về thế tục được!

Bà mẹ liền bỏ ra về. Bà ta đến chỗ người con dâu, nói:

- Khi nào nguyệt kỳ của con đến, tin cho mẹ biết.

Người dâu tự biết nguyệt kỳ sắp đến, nên đến thưa với mẹ chồng:

- Thưa đại gia, nguyệt kỳ của con sắp đến. Bà mẹ chồng bảo:

- Con nên dùng y phục và nữ trang của ngày cưới trang điểm thân con rồi đến đây.

Người con dâu theo lời mẹ chồng dạy, liền tự trang điểm thân mình; rồi cùng mẹ đến chỗ người chồng. Đến nơi, bà mẹ chồng nói với con bà:

- Nay đã đến lúc, con phải bỏ đạo về đời. Tại sao vậy? Vì nếu con không bỏ đạo, tài vật của nhà ta sẽ bị thu vào cửa nhà quan.

Người con thưa với mẹ:

- Con không thể bỏ đạo!

- Sau khi ba lần nói như vậy, bà nói với con trai:

- Hôm nay hoa thủy của vợ con đã xuất. Con nên lưu lại đứa con để dòng dõi của con không bị đứt.

Người con thưa:

- Việc này rất dễ. Con có thể làm được.

Bấy giờ, trước khi Phật chế giới, Ca-lan-đà Tử không thấy được dục là ô uế, liền nắm tay người vợ cũ dẫn vào trong vườn, nơi chỗ khuất vắng, ba lần làm việc bất tịnh. Ngay khi ấy, trong vườn có

con quỷ vừa mệnh chung liền gá vào thai. Nương nơi thai đủ chín tháng, sanh ra một hài nhi nam, dung mạo đoan chánh, có một không hai trên đời, được đặt tên là Chủng Tử,[46] các căn đầy đủ. Theo thời gian, Chủng Tử khôn lớn, cạo tóc, mặc cà sa, với lòng tin vững chắc xuất gia học đạo, tinh cần không biếng nhác, đắc quả A-la-hán, thần thông biến hóa, oai đức vô lượng, cho nên có hiệu là Tôn giả Chủng Tử.[47]

Tu-đề-na tập oai nghi của Sa-môn, không việc gì không biết, gặp việc gì cũng làm được; và cũng có thể dạy bảo người khác.

Từ khi Tu-đề-na làm việc bất tịnh rồi, về sau thường ôm lòng sầu ưu. Các đồng học thấy vậy hỏi:

- Thầy có điều gì sầu ưu phải chăng? Thầy tu phạm hạnh lâu, oai nghi lễ tiết không việc gì không biết, tại sao sầu ưu? Hay là không thích sống đời sống phạm hạnh nữa?

- Tu-đề-na nói:

- Tôi rất thích đời sống phạm hạnh. Nhưng gần đây, nơi chỗ khuất vắng, tôi đã phạm ác hạnh cùng vợ cũ [48] làm việc bất tịnh, nên ưu sầu.

- Các Tỳ-kheo nói với Tu-đề-na:

- Tại sao thầy lại làm việc xấu như vậy? Trong pháp thanh tịnh của đức Như Lai, ở trong dục mà

[46] Tứ phần, Căn bản: Chủng Tử 種子. Tăng kỳ, Thập tụng: Tục Chủng 續種. Pāli: Bījaka.

[47] Pāli, Vin.iii.19, về sau, Bījaka và mẹ đều xuất gia, và cả hai đều đắc quả A-la-hán.

[48] Nguyên Hán: Cố nhị 故二. Pāli: Purānadutiyakā.

không dục, ở trong cấu bẩn mà không cấu bẩn, hay đoạn trừ khát ái, phá bỏ hang ổ, trừ các trói buộc, ái diệt tận chứng Niết-bàn. Tại sao nay Thầy lại ở trong pháp thanh tịnh này cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Lúc ấy Đức Thế Tôn do nhân duyên này mà tập hợp các Tỳ-kheo.

Đức Thế Tôn có khi biết mà vẫn hỏi, có khi biết mà không hỏi; đôi khi đúng lúc thì hỏi, đôi khi đúng lúc mà không hỏi;[49] hợp nghĩa . Bấy giờ Đức Thế Tôn biết đúng thời, hợp nghĩa, cho nên hỏi Tu-đề-na:

- Thật sự ông có cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh hay không?

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn. Con đã phạm bất tịnh hạnh. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

- Việc ông làm là sai, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận. Ông đã làm điều chẳng nên làm.

- Tu-đề-na, tại sao ở trong pháp thanh tịnh này, (như trên, cho đến) ái diệt tận chứng Niết-bàn, lại

[49] Nghĩa 義; đây hiểu là phù hợp với mục đích giải thoát.

cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thà để nam căn vào trong miệng con rắn độc, không nên để vào nữ căn. Tại sao vậy? Vì duyên này không đọa nơi đường ác, còn nếu phạm vào người nữ thì thân hoại mạng chung đọa vào ba đường ác. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện nói pháp đoạn dục, đoạn dục tưởng, diệt dục niệm, trừ tan sức nóng của dục, vượt ra khỏi sự kết buộc của ái. Ta đã dùng vô số phương tiện nói, dục như lửa, dục như bó đuốc cỏ khô trong tay, cũng như trái cây, lại như vật tạm mượn, cũng như xương khô, như cục thịt, như cảnh mộng, như mũi dao nhọn được dẫm lên, như đồ gốm mới làm đựng nước để dưới nắng sáng giữa ngày, như đầu con rắn độc, như con dao xoay vòng, như trên cọc nhọn, như ngọn lao bén đâm.[50] Dục rất là nhớp nhúa, rất là xấu ác, là điều mà Phật quở trách.

- Tu-đề-na, ngươi ở trong giáo pháp thanh tịnh của Ta, (như trên, cho đến) ái diệt tận chứng Niết-bàn, lại cùng vợ cũ làm hạnh bất tịnh.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tu-đề-na là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, nhắm đến mười

[50] Các thí dụ về tai hại của dục, xem Trung A-hàm 54 (T1, tr.763c17); Cf. Pāli, M.22. Alagaddūpama.

cú nghĩa:[51]

1. Nhiếp thủ đối với Tăng.
2. Khiến cho Tăng hoan hỷ.
3. Khiến cho Tăng an lạc.
4. Khiến cho người chưa tín thì có tín.
5. Người đã có tín khiến tăng tưởng.
6. Để điều phục người chưa được điều phục.
7. Người có tàm quý được an lạc.
8. Đoạn hữu lậu hiện tại.
9. Đoạn hữu lậu đời vị lai.
10. Chánh pháp được tồn tại lâu dài.[52]

- Muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

Đức Thế Tôn đã kết giới như vậy cho các Tỳ-kheo.

4. Nhân duyên Bạt-xà tử: Kết giới lần thứ hai.

---

51 Tập thập cú nghĩa 集十句義. Ngũ phần, Thập tụng: Dĩ thập lợi cố 以十利故; Tăng-kỳ: Thập sự lợi ích 十事利益. Pāli: Dasa atthavase panicca, căn cứ trên 10 ý nghĩa (mục đích).

52 Ngũ phần (T22n1421, tr.3c1): 1. Tăng hoà hiệp; 2. Tăng đoàn kết; 3. Chế ngự người xấu; 4. Để cho người biết hổ thẹn được yên vui; 5. Đoạn hữu lậu đời này; 6. Diệt hữu lậu đời sau; 7. Khiến người chưa tin có tín tâm; 8. Khiến người có tín tâm được tăng trưởng; 9. Để Chánh pháp lâu dài; 10. Phân biệt tì-ni phạm hạnh tồn tại lâu dài. Tăng kỳ (T22n1425, tr.228c24): 1. Nhiếp Tăng; 2. Cực nhiếp Tăng; 3. Để Tăng an lạc; 4. Chiết phục người không biết hổ thẹn; 5. Để người có tàm quý sống yên vui; 6. Người chưa tin được tin; 7. Người đã tin thì tin thêm; 8. Trong đời này được lậu tận; 9. Các lậu đời vị lai không sinh; 10. Để chánh pháp cửu trụ. Căn bản (T23n1442, tr.629b22), như Pāli. Pāli, Vin.iii. tr.32: Sanghasuiihutāy(vì sự ưu mỹ của Tăng); sanghaphāsutāya (vì sự an lạc của Tăng); dummankūnam puggalānam niggahāya (để chế phục hạng người không biết hổ thẹn) ; pesalānam bhikhūnam phāsuvihārāya (để các Tỳ-kheo nhu hòa sống an lạc); diiihadhammikānam āsavānam sanvarāya (để ngăn chặn hữu lậu đời này); sampāratikānam āsavānam panighātāya (để đối trị hữu lậu đời sau); appasannānam pasādāya (vì tịnh tín của người chưa có tín); pasannānam bhiyyobhāvāya (vì sự tăng trưởng của người có tín); saddhammaiihitiyā (vì sự trường tồn của chánh pháp); vinayānuggahāya (để nhiếp hộ tì-ni).

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt-xà Tử[53] sầu ưu không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng với vợ cũ hành bất tịnh hạnh. Sau đó suy nghĩ, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, hành pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung." Song ta vì sầu ưu, không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh. Như vậy ta có phạm Ba-la-di không? Ta sẽ làm như thế nào đây? Bèn nói với các đồng học:

- Thưa Trưởng lão, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Tỳ-kheo nào, phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung." Song tôi vì sầu ưu, không muốn sống tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ hành bất tịnh hạnh. Như vậy tôi có phạm Ba-la-di không? Tôi sẽ làm như thế nào đây? Lành thay, Trưởng lão vì tôi đem việc này bạch lên Đức Phật. Tùy theo Đức Phật dạy như thế nào, tôi sẽ phụng hành như thế ấy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng

[53] Bạt-xà Tử 跋闍子. Tăng kỳ (T22n1425, tr.231b24), Phật trụ Tì-xá-li, có hai người Li-xa 離 車子. Thập tụng (T23n1435, tr.1c22), Phật tại Xá-vệ, Tỳ-kheo tên Bạt-kì Tử 跋耆子. Ngũ phần (T22n1421, tr.4a1), một số đông các Tỳ-kheo; nhưng sự kiện được đề cập sau nhân duyên vượn cái. Pāli, Vin.iii.23, sambahulā vesālikā vajjiputtakā bhikkhū, một số đông các Tỳ-kheo người Vajji ở Vesālī. Nhưng sự kiện đề cập sau nhân duyên vượn cái như Ngũ phần.

Tỳ-kheo. Ngài dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Bạt-xà Tử:

- Việc ông làm là sai, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận. Ông đã làm điều chẳng nên làm.

- Thế nào, người ngu si, không thích tịnh hạnh, trở về nhà cùng vợ cũ làm bất tịnh hạnh? Vừa mới để vào là Ba-la-di. Ông là người ngu si, phạm Ba-la-di, không được sống chung. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nếu có ai không thích tịnh hạnh, cho phép xả giới về nhà. Sau đó, muốn xuất gia lại, ở trong Phật pháp tu tịnh hạnh, nên độ cho xuất gia, thọ đại giới. Từ nay về sau nên thuyết giới như vầy:

- Tỳ-kheo nào, cùng với Tỳ-kheo đồng giới, không xả giới, giới sút kém không tự phát lồ,[54] phạm bất tịnh hạnh, làm pháp dâm dục, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy.

5. Nhân duyên vượn cái: Kết giới lần thứ ba. Tỳ-kheo khất thực[55] sống ở trong rừng.

Trong khu rừng này, trước đó có một con vượn

[54] Nguyên Hán: Giới luy bất tự hối 戒羸不自悔. Thập tụng: Giới luy bất xuất 戒羸不出. Pāli: Dubbalyam anāvikatvā, không tuyên bố sự bất lực của mình (không kham nổi đời sống Tỳ- kheo).

[55] Khất thực Tỳ-kheo 乞食比丘; Tỳ-kheo sống chỉ bằng khất thực; một trong 12 hạnh đầu đà. Ngũ phần (T22n1421, tr.3c6): a-lan-nhã Tỳ-kheo 阿練若比丘; Thập tụng (T23n1435, tr.2a1), một Tỳ-kheo sống một mình trong rừng, ở Câu-tát-la. Pāli (Vin. iii. 22), một Tỳ-kheo sống trong rừng Đại lâm (Mahvana), Vesāli.

cái[56] đã ở. Tỳ-kheo khất thực này mỗi khi vào thôn khất thực, rồi trở về lại rừng, ăn xong, mang thức ăn còn dư cho con vượn cái này ăn. Cứ như vậy, dần dần thuần phục được nó. Nó đi theo sau Tỳ-kheo, thậm chí dùng tay bắt, nó vẫn không chạy. Tỳ-kheo này liền bắt con vượn cái này, cùng làm bất tịnh hạnh.

Bấy giờ, có một số đông Tỳ-kheo đi xem xét các trú xứ,[57] tuần tự đến khu rừng này. Lúc ấy, con vượn cái ở trước mặt các Tỳ-kheo, xoay lưng lại, bày tỏ dấu hiệu hành dâm. Các Tỳ-kheo suy nghĩ: Con vượn cái này ở trước mặt chúng ta, xoay lưng lại, bày tỏ dấu hiệu hành dâm, đâu không cùng với Tỳ-kheo khác làm bất tịnh hạnh hay chăng? Các Tỳ-kheo cùng bảo nhau ẩn mình nơi chỗ vắng để rình xem.

Tỳ-kheo khất thực kia trở lại khu rừng, ăn xong, dùng thức ăn dư cho con vượn. Con vượn ăn rồi, cùng làm bất tịnh hạnh. Các Tỳ-kheo thấy vậy, liền đến nói với Tỳ-kheo khất thực ấy:

- Đức Như Lai há không chế cấm Tỳ-kheo không được làm bất tịnh hạnh hay chăng?

Vị Tỳ-kheo kia bảo:

- Đức Như Lai cấm chế nam phạm với phụ nữ chứ không chế cấm với súc sanh.

---

[56] Hán: Thư di hầu 雌獼猴; Pāli: Makkanī.

[57] Hán: án hành trú xứ 案行住處; Ngũ phần: án hành ngoạ cụ 案行臥具. Pāli, nt, senāsanacarikam āhiiiantā, du hành để tìm chỗ ngủ nghỉ.

Các Tỳ-kheo nghe nói lời như vậy rồi, đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này liền tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách vị Tỳ-kheo khất thực kia:

- Tỳ-kheo, sao lại cùng với vượn cái làm bất tịnh hạnh? Vừa để vào liền phạm Ba-la-di. Nay muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, cùng với Tỳ-kheo đồng giới, không hoàn giới, giới sút kém, không tự phát lồ, cho đến cùng với loài súc sanh, phạm bất tịnh hạnh; Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo nào: Gồm có Tỳ-kheo danh tự, Tỳ-kheo tương tợ, Tỳ-kheo tự xưng, Tỳ-kheo thiện lai, Tỳ-kheo khất cầu,[58] Tỳ-kheo mặc y cát tiệt,[59] Tỳ-kheo phá kiết sử, Tỳ-kheo thọ đại giới do bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu hợp cách.[60] Trong số các Tỳ-kheo này, Tỳ-kheo ở đây đề cập đến là Tỳ-kheo thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành

[58] Khất cầu Tỳ-kheo 乞求比丘; Ngũ phần: Khất Tỳ-kheo 乞比丘; Thập tụng (T23n1435, tr.2b30): Khất Tỳ-kheo, vì xin ăn nơi người khác. Như Bà-la-môn khi đi xin ăn cũng tự nói "Ta là Tỳ-kheo." Pāli: Bhikkhakoti bhikkhu, Tỳ-kheo, là người hành khất.

[59] Cát tiệt y 割截衣; Ngũ phần: Hoại sắc cát tiệt y 壞色割截衣. Pāli: Bhinnapanadharoti bhik-khu, Tỳ-kheo, là người mặc y từ những miếng vải rách.

[60] Pāli: Samaggena sanghena ṭatticatutthena kammena akuppena ahānārahena upasampanno ti bhikkh, Tỳ-kheo, là người thọ cụ túc (=đã thành tựu) với sự hợp cách không di động do bạch tứ yết-ma bởi Tăng hoà hiệp.

tựu hợp cách. Trụ trong pháp Tỳ-kheo đó gọi là Tỳ-kheo.

Cùng với Tỳ-kheo:[61] ở đây chỉ các Tỳ-kheo khác thọ đại giới bạch tứ yết-ma như pháp thành tựu hợp cách, trụ trong pháp Tỳ-kheo. Đó là nghĩa "Cùng với Tỳ-kheo."

Thế nào gọi là đồng giới?[62] Đối với giới mà Ta (Phật) đã kết cho các đệ tử, thà chết chứ không phạm. Trong đây, cùng với các Tỳ-kheo khác duy nhất giới, đồng nhất giới, bình đẳng giới; đó gọi là đồng giới.

Thế nào gọi là không xả giới? Xả giới khi đang điên cuồng; xả giới trước người điên cuồng; xả giới khi đau đớn; xả giới trước người đau đớn; xả giới khi điếc; xả giới khi câm; xả giới khi câm điếc; xả giới trước người câm; xả giới trước người điếc; xả giới trước người câm điếc. Người trung quốc xả giới trước người biên địa; người biên địa xả giới trước người trung quốc. Chỗ không tĩnh, tưởng là tĩnh mà xả giới. Tĩnh tưởng là không tĩnh mà xả giới. Giỡn cười xả giới. Trước trời, rồng, dạ xoa, ngạ quỷ, người ngủ, người chết, người không biết gì, không tự nói hoặc nói mà người nghe không

[61] Hán: Cộng Tỳ-kheo 共比丘. Pāli: Bhikkhūnam, sở hữu cách số nhiều của bhikkhu: (học xứ) của các Tỳ-kheo. Bản Hán hiểu là chỉ định cách: "đối với (=dành cho) các Tỳ-kheo".

[62] Đồng giới 同戒; Ngũ phần: Đồng học giới pháp 同學戒法; Thập tụng: Đồng nhập Tỳ-kheo học pháp 同入比丘學法; Căn bản: Đồng đẳng học xứ. Pāli: Sikkhā-sājīva-samāpanno, đã chấp nhận đời sống và họ xứ (của các Tỳkheo); giải thích (Vin. iii. 23): Sikkhā (học) chỉ cho ba học: Tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ (adhisīla, adhicitta, adhipaḍḍā); sājīvam (đời sống): Chỉ các học xứ mà Phật đã qui định (bhagavatā paññattam sikkhāpadam).

hiểu..., các trường hợp như vậy không gọi là xả giới.

Thế nào gọi là xả giới? Nếu Tỳ-kheo không thích tu phạm hạnh, muốn được trở về nhà, nhàm chán pháp Tỳ-kheo, thường ôm lòng hổ thẹn,[63] tham thú vui tại gia, tham muốn pháp Ưu-bà-tắc, hoặc chỉ niệm tưởng pháp Sa-di,[64] hoặc ưa pháp ngoại đạo, ưa pháp đệ tử ngoại đạo,[65] ưa pháp phi Sa-môn, phi Thích tử, bèn nói lên lời nói như vầy: Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tỳ-kheo Tăng, xả Hòa-thượng, xả đồng Hòa-thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các phạm hạnh,[66] xả giới, xả luật, xả học sự, nhận pháp ở nhà. Tôi làm tịnh nhân. Tôi làm Ưu-bà-tắc. Tôi làm Sa-di. Tôi làm ngoại đạo. Tôi làm đệ tử ngoại đạo. Tôi làm phi Sa-môn, phi Thích chủng tử.

Hoặc lại nói như vầy: Thôi, không cần Phật. Phật đối với tôi đâu có ích gì. Tôi lìa bỏ chỗ Phật. Cho đến đối với học sự cũng nói như vậy. Hoặc lại nói những lời nói khác hủy báng Phật, Pháp và Tăng cho đến học sự; khen ngợi gia nghiệp, cho đến phi Sa-môn, phi Thích tử. Bằng lời nói như vậy một cách rõ ràng để nói thì gọi là xả giới.

---

[63] Nghĩa là, cảm thấy xấu hổ khi nghĩ mình là Tỳ-kheo. Cf. Pāli, Vin.iii.24: Bhikkhubhāvan attīyamāno harāyamāno, khó chịu và xấu hổ vì mình là Tỳ-kheo.

[64] Cf. Pāli, nt., sāmanerabhāvam patthayamāno, ước muốn làm Sa-di (hơn là làm Tỳ-kheo).

[65] Cf. Pāli, nt., titthayasāvakabhāvam patthayamāno, ước muốn làm đệ tử của ngoại đạo

[66] Chư phạm hạnh 諸梵行; cũng nói là đồng phạm hạnh (Pāli: Sabrahmacârin) đây chỉ các Tỳ-kheo đồng học, hay bạn đồng tu.

Giới sút kém:[67] Hoặc có giới sút kém mà không xả giới, hoặc có giới sút kém mà xả giới.

Tại sao gọi là giới sút kém mà không xả giới? Nếu Tỳ-kheo sầu ưu, không thích phạm hạnh, muốn được về nhà, nhàm chán pháp Tỳ-kheo, ôm lòng xấu hổ, ý muốn ở nhà, cho đến ưa muốn làm pháp phi Sa-môn, phi Thích tử, bèn nói như vầy: Tôi nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, vợ con, xóm làng, thành ấp, ruộng vườn, ao hồ. Tôi muốn xả Phật, Pháp, Tăng, cho đến học sự. Liền muốn thọ trì gia nghiệp, cho đến, phi Sa-môn, phi Thích tử. Như vậy gọi là giới sút kém mà không xả giới.

Thế nào gọi là giới sút kém mà xả giới? Nếu khởi tư duy như vầy: "Tôi muốn xả giới." Rồi xả giới. Như vậy gọi là giới sút kém mà xả giới.

Bất tịnh hạnh:[68] là pháp dâm dục.

Cho đến cùng với súc sanh là chỉ đối tượng có thể hành dâm.

Thế nào là Ba-la-di?[69] Ví như cái đầu của con người đã bị chặt thì không thể mọc trở lại. Tỳ-kheo

---

[67] Hán: Giới luy 戒羸. Pāli, nt., dubbalyam, sự yếu đuối (của mình).

[68] Bất tịnh hạnh (hành) 不淨行, cũng nói là phi phạm hạnh. Phạm hạnh (Skt.=Pāli: Brahma-cariya) nguyên nghĩa, sống cuộc đời (đoạn dục để) phụng sự Phạm thiên. Trong Phật giáo, chỉ sự đoạn trừ dâm dục. Luận trí độ 20: Chư thiên đoạn trừ dâm dục đều được gọi là Phạm. Hán dịch - tịnh hạnh» theo nghĩa ly dục thanh tịnh.

[69] Ngũ phần (T22n1421, tr.4c21): Ba-la-di, gọi là đọa pháp, là ác pháp, là đoạn đầu pháp. Tăng kỳ (T22n1425, tr.237b24): Ba-la-di, là đối với pháp trí mà thối thất, đọa lạc, không có đạo quả phần. Thập tụng (T23n1435, tr.4b13): Ba-la-di, là đọa lạc, không bằng 墮不如; là tội cực ác, sâu nặng. Căn bản (T23n1442, tr.630c6): Ba-la-thị-ca 波羅市迦, là tội cực trọng, rất đáng ghê tởm, rất đáng bị ruồng bỏ... mất thể tính Bí-sô, trái ngược với thể tính Niết-bàn; là sự đọa lạc, sụp đổ, bị kẻ khác đánh bại không còn cứu được nữa. Pāli, Vin.iii.28: Pārājiko hotī ti seyyathāpi nāma puriso sīrascchinno abhobbo tena sarīrabandhanena jīvitum, Pārājika, người phạm Ba-la-di, như một người mà cái đầu đã bị chặt không thể sống với thân được ráp nối lại.

cũng như vậy, người phạm pháp này không còn thành Tỳ-kheo nữa, cho nên gọi là Ba-la-di.

Thế nào gọi là không được sống chung?[70] Có hai trường hợp gọi là được sống chung: Đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới. Không được cùng chung làm hai việc này cho nên gọi không được sống chung.

A. PHẠM TƯỚNG

Có ba trường hợp hành bất tịnh hạnh thành Ba-la-di: Loài người, phi nhân, súc sanh.

Lại có năm loại hành bất tịnh hạnh phạm Ba-la-di: Thuộc loài người là phụ nữ, đồng nữ, có hai hình,[71] huỳnh môn,[72] người nam. Nơi năm đối tượng này hành bất tịnh hạnh phạm Ba-la-di.

Đối với ba loại giống cái hành bất tịnh hạnh, thành Ba-la-di. Những gì là ba? Người nữ, phi nhân[73] nữ, súc sanh cái. Đối với ba đối tượng này hành bất tịnh hạnh, thành Ba-la-di. Ba loại đồng nữ, ba loại nhị hình, ba loại bất năng nam, ba loại người nam; đối với những loại này hành bất tịnh hạnh, thành Ba-la-di. Cũng như vậy, phạm ba nơi của người phụ nữ, thành Ba-la-di. Ba nơi là, đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng. Cũng vậy, ba nơi của loài phi nhân cái, súc sanh giống cái, đồng

[70] Bất cộng trú 不共住. Pāli, nt., asanvāso ti sanvāso nāma ekakammam ekuddeso samasikkhatā, Bất cộng trú: Đồng nhất yết-ma, đồng nhất thuyết giới, đồng đẳng học xứ, đó là cộng trú.

[71] Nhị hình 二形. Ngũ phần, Thập tụng: Nhị căn 二根. Pāli: ubhatovyaḍjana, lưỡng tính, ái nam ái nữ.

[72] Huỳnh môn 黃門, bất năng nam 不能男. Căn bản: Bán-trạch-ca 半擇迦. Pāli: Pattaka, người bị hoạn/ thiến.

[73] Phi nhân 非人, chỉ các loại trời, thần, và tương tự. Pāli: amanussa.

nữ loài người, đồng nữ loài phi nhân, súc sanh mới lớn, người nhị hình, phi nhân nhị hình, súc sanh nhị hình.

Hành bất tịnh hạnh ở hai nơi của người huỳnh môn, thành Ba-la-di. Hai nơi là đường đại tiện và miệng. Phi nhân huỳnh môn, súc sanh huỳnh môn cũng vậy. Ở hai nơi loại bất năng nam, súc sanh đực cũng như vậy.

Tỳ-kheo với tâm dâm, hướng đến nơi đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng của người phụ nữ; vừa vào thì phạm; không vào không phạm. Hai bên có vật cách; hoặc bên có vật cách, bên kia không; hoặc bên kia không có vật cách, bên này có; hoặc cả hai bên đều không có vật cách; thảy đều thành Ba-la-di.

Nếu Tỳ-kheo với ý dâm, hướng đến ba nơi của hạng phi nhân nữ, súc sanh cái, đồng nữ người, đồng nữ phi nhân, súc sanh nhị hình cũng như vậy. Hay hướng đến hai nơi của người huỳnh môn, phi nhân huỳnh môn, súc sanh huỳnh môn; người nam, phi nhân nam; súc sanh đực lại cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo với ý dâm hướng đến đường đại tiện, đường tiểu tiện và miệng của người phụ nữ đang ngủ hoặc chết mà chưa hư hoại hay phần nhiều hư hoại, vừa để vào liền phạm, không vào thì không phạm. Có vật ngăn cách hay không vật ngăn cách cũng vậy... cho đến, người nam cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo bị oan gia áp bức đưa đến chỗ người phụ nữ, cưỡng đem nam căn đặt vào trong ba nơi. Khi mới để vào có cảm giác thích thú, khi vào rồi, khi ra cũng như vậy, phạm Ba-la-di. Khi mới vào, và khi vào rồi có cảm giác thích thú, nhưng khi ra thì không, vẫn phạm Ba-la-di. Khi mới vào, khi vào rồi không cảm thấy thích thú, nhưng khi ra có cảm thọ lạc, cũng phạm Ba-la-di. Khi vào thọ lạc, khi vào rồi và khi ra không thọ lạc cũng mắc tội Ba-la-di. Khi mới vào không thọ lạc, khi vào rồi và khi ra có thọ lạc, mắc tội Ba-la-di. Khi mới vào và khi vào rồi không thọ lạc, khi ra thọ lạc, mắc tội Ba-la-di. Có vật ngăn cách, không vật ngăn cách cũng như vậy... từ giống cái chẳng phải người cho đến người nam cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo bị oan gia áp bức đưa đến chỗ người phụ nữ đang ngủ, hoặc là thây chết chưa hoại, hay phần lớn chưa hoại... mà có cảm giác thọ lạc cũng như vậy. Có vật cách hay không vật cách cũng như vậy. Từ giống cái phi nhân cho đến người nam cũng như vậy.

Nếu oan gia cưỡng nắm nam căn của Tỳ-kheo đặt vào trong đường đại tiện để làm việc bất tịnh, khi đặt vào có cảm giác thọ lạc, mắc tội Ba-la-di. Khi vào rồi thọ lạc, khi ra thọ lạc cũng như trên đã nói, cho đến có vật cách hay không vật cách cũng như vậy.

Từ đạo vào đạo; từ đạo vào phi đạo;[74] từ phi đạo vào đạo. Hoặc vào có chừng mức, hoặc vào hết; hoặc nói hoặc không nói. Nếu, với tâm dâm, cho đến chỉ vào như sợi lông, đều phạm Ba-la-di. Phương tiện mà không vào, phạm Thâu-lan-giá.[75]

Nếu Tỳ-kheo phương tiện muốn tìm cầu làm bất tịnh hạnh, thành thì phạm Ba-la-di, không thành thì phạm Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo dạy Tỳ-kheo làm bất tịnh hạnh; Tỳ-kheo kia làm theo lời dạy (thì Tỳ-kheo dạy) phạm Thâu-lan-giá; (Tỳ-kheo kia) không làm theo lời dạy (thì Tỳ-kheo dạy) mắc Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni dạy Tỳ-kheo, làm phạm Thâu-lan-giá, không làm thì mắc Đột-kiết-la. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, các chúng khác dạy nhau làm hạnh bất tịnh, làm hay không làm đều mắc Đột-kiết-la.

Nếu tử thi phân nửa bị hư hoại mà làm bất tịnh hạnh, khi để vào liền phạm Thâu-lan-giá. Nếu phần lớn bị hư hoại, hay bị hoại hết thì phạm Thâu-lan-giá. Nơi kẽ hở của xương làm hạnh bất tịnh, phạm Thâu-lan-giá. Đào đất làm thành lỗ, hoặc nơi miệng bình, phạm Thâu-lan-giá. Tưởng là đạo hay nghi như vậy, tất cả đều phạm Thâu-lan-giá.

Nếu nơi đạo mà khởi ý tưởng là đạo, phạm Ba-

---

[74] Đạo 道, chỉ các đường đại và tiểu tiện; phi đạo 非道, chỉ các đường khác. Pāli: Magga: Passāva-magga, vacca-magga.

[75] Thâu-lan-giá 偷蘭遮. Ngũ phần: Thâu-la-giá 偷羅遮. Pāli: Thulla/thūlaccaya; Skt. sthūlātyaya, dịch: Thô tội, đại tội, trọng tội; Thiện kiến 9: Thâu-lan (Pāli: Thulla, thūla; Skt. sthūla), nghĩa là lớn. Giá 遮, chỉ sự chướng ngại đạo, về sau đọa ác đạo.

la-di. Nếu nghi là đạo, phạm Ba-la-di. Nếu nơi đạo mà tưởng phi đạo, phạm Ba-la-di.

Phi đạo mà tưởng là đạo, phạm Thâu-lan-giá. Phi đạo mà nghi, phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni mắc Đột-kiết-la diệt tẫn. Đó là phạm.[76]

Sự không phạm: Khi ngủ không hay biết, không thọ lạc, hoàn toàn không có ý dâm thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách. bức bách thì không phạm.[77]

II. BẤT DỮ THỦ

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa nơi thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật.[78] Bấy giờ trong thành La-duyệt có Tỳ-kheo tự là Đàn-ni-ca,[79] con người thợ đồ gốm, lưu trú trong một thảo am nơi chỗ

---

[76] Thập tụng (T23n1435, tr.2c29), nhân duyên Nan-đề: Phật tại Xá-vệ. Bấy giờ Nan-đề tu thiền trong rừng, bị Ma thiên thần dụ, dẫn đến chỗ hành dâm với con ngựa cái đã chết. Ngay sau đó tức thì tỉnh ngộ, chạy thẳng về tinh-xá, khẩn thiết xin Tăng đừng diệt tẫn. Phật khiến các Tỳ-kheo tác pháp bạch tứ yết-ma cho Nan-đề sám tội Ba-la-di, gọi là - Yết-ma dữ học pháp 與學法 Nhân đó, Phật quy định các điều kiện và các phận sự cho Tỳ-kheo được dữ học pháp. Cf. Tứ phần 35 (T22n1428, tr.809a8), về yết-ma dữ học pháp cho Nan-đề.

[77] Tăng kỳ (T22n1425, tr.238a23) phần kết, - Thế Tôn trú tại thành Tỳ-da-ly, sau thành đạo năm thứ 5, nửa tháng thứ năm, ngày 12, sau bữa ăn trưa, bóng ngả về phía đông cỡ nửa người đang ngồi, nhân trường hợp Trưởng lão Da-xá Ca-lan-đà Tử, chế giới này.

[78] La-duyệt thành Kỳ-xà-quật sơn 羅閱城耆闍崛山. Ngũ phần (T22n1421, tr.5b1), Phật tại Vương-xá thành王舍城. Căn bản (T23n1442, tr.635c24): Phật tại Vương-xá, bên bờ ao Yết-lan-đạc, trong vườn Trúc lâm 王舍城羯闌鞞迦池竹林園中. Pāli, Vni.iii.41: rājagahe viharati gijjhakūne pabbate.

[79] Đàn-ni-ca đào sư tử 檀尼迦陶師子. Ngũ phần, Thập tụng: Đạt-ni-ca 達尼迦. Tăng kỳ: Ngoã sư tử trưởng lão Đạt-nị-già 瓦師子長老達膩伽. Căn bản: Đản-ni-ca bí-sô đào sư tử 但尼迦苾芻陶師子. Pāli: Dhaniyo kumbhakāraputto.

khuất vắng.[80] Sau khi vị Tỳ-kheo kia vào trong thôn khất thực, có người lấy củi, phá thảo am của Tỳ-kheo đem về làm củi. Tỳ-kheo kia khất thực xong trở về thấy thảo am không còn, bèn khởi ý nghĩ: Ta đã sống một mình nơi khuất vắng; tự mình lấy cỏ cây làm am để ở. Khi vào thôn khất thực, người lấy củi phá am thất của ta đem đi. Bản thân ta có tay nghề; ta có thể trộn bùn đất làm thành căn nhà toàn bằng gạch.[81]

Tỳ-kheo kia nghĩ xong, liền trộn bùn đất làm thành căn nhà toàn bằng gạch; rồi lấy củi và phân bò mà nung, căn nhà có màu sắc đỏ tươi như lửa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống. Từ xa trông thấy cái nhà màu đỏ như lửa rồi, Ngài biết mà cố hỏi các Tỳ-kheo:

- Cái gì màu đỏ vậy? Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có một Tỳ-kheo tên là Đàn-ni-ca, con người thợ đồ gốm. Tỳ-kheo ấy một mình ở nơi khuất vắng, làm một cái thất bằng cỏ để ở. Khi đi khất thực, bị những người lấy củi phá cái thất mang đi. Vị Tỳ-kheo ấy khi về, thấy thất của mình bị phá liền nghĩ: "Ta có tay nghề, ta có thể làm một cái thất toàn bằng gạch." Nghĩ như vậy rồi liền làm. Cái nhà sắc đỏ đó là của Tỳ-kheo Đàn-ni-ca.

---

[80] Nhàn tĩnh xứ 閑靜處], cũng nói là a-lan-nhã (Pāli: arađđa), thường chỉ khu rừng vắng, không thú dữ. Ngũ phần: Át-la sơn 乙羅山. Căn bản: Tại a-lan-nhã 阿蘭若. Pāli: Isigilipassa, hang Tiên nhân.

[81] Hán: Toàn thành ngõa ốc 全成瓦屋. Pāli: Sabbamattikāmayam kūnikam, căn nhà làm toàn bằng đất sét.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện để quở trách vị Tỳ-kheo kia:

- Việc ngươi làm sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao, Tỳ-kheo Đàn-ni-ca, con người thợ gốm, tự mình làm thất, tập trung với nhiều số lượng củi, phân bò v.v... rồi nung. Ta thường dùng vô số phương tiện nói đến lòng từ mẫn đối với chúng sanh. Tại sao người ngu si này tự mình trộn bùn đất làm thất, dồn chứa gai củi và phân bò để nung? Từ nay về sau, các ông không được làm thất toàn bằng gạch có màu đỏ như lửa như thế.[82] Nếu làm, phạm Đột-kiết-la.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ra lệnh cho các Tỳ-kheo:

- Các ông tập hợp lại, cùng nhau nhanh chóng đến chỗ thất của Đàn-ni-ca mà phá bỏ đi.[83]

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến đập phá cái thất đó. Đàn-ni-ca thấy các Tỳ-kheo đập phá cái thất của mình bèn hỏi:

- Tôi có lỗi gì mà đập phá thất của tôi ? Các Tỳ-kheo trả lời:

- Thầy không có lỗi. Chúng tôi cũng không ghét Thầy. Song chúng tôi vừa nhận lời dạy của Đức Thế Tôn, nên đến đây phá thất của Thầy.

---

[82] Ngũ phần (T22n1421, tr.5b21): Tỳ-kheo làm nhà toàn bằng gạch nung, phạm Thâu-lan- giá.

[83] Pāli còn thêm: Mā pacchimā janatā pānesu pātavyatam āpajjati, chớ để người sau gây hại cho các sinh vật.

Tỳ-kheo Đàn-ni-ca nói:

- Nếu Đức Thế Tôn đã dạy, các Thầy cứ tùy nghi.

Bấy giờ Bình-sa, vua nước Ma-kiệt[84] có người giữ cây gỗ nhà nước,[85] cùng với Tỳ-kheo Đàn-ni-ca là bạn thân từ thời còn nhỏ, nên Tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến chỗ người giữ cây gỗ ấy nói:

- Ông bạn có biết chăng, vua Bình Sa cho tôi cây gỗ. Nay tôi cần gỗ, ông bạn có thể cho tôi nhận được không ?

Người giữ gỗ nói:

- Nếu nhà vua đã cho, thì loại tốt hay loại xấu, cần nhiều hay ít, cứ tùy ý lấy.

Loại cây gỗ thiết yếu của nhà vua[86] để dành, bị Tỳ-kheo Đàn-ni-ca chặt mang đi.

Khi ấy có một vị Đại thần tổng giám sát các sự việc của thành,[87] đến chỗ chứa gỗ, thấy những cây gỗ thiết yếu, mà nhà vua lưu trữ, bị chặt lung tung, liền hỏi người giữ gỗ:

- Những cây gỗ thiết yếu này nhà vua lưu trữ ở đây, ai chặt mang đi?

---

[84] Ma-kiệt quốc Bình-sa vương 摩竭國瓶沙王. Thập tụng: Ma-kiệt quốc chủ Vi-đề-hi Tử A- xà-thế vương 摩竭國主韋提希子阿闍世王. Căn bản: Ma-yết-đà quốc Thắng Thân chi tử Vị Sinh Oán Vương 摩揭陀國勝身之子未生怨王. Pāli, Vin.iii.43, chuyện xảy ra dưới triều vua Seniya Bimbisāra vua nước Magadha.

[85] Thủ tài nhân 守材人. Ngũ phần: Điển tài lệnh 典材令. Tăng kỳ: Mộc tượng đại thần Da- thâu-đà 木匠大臣耶輸陀. Thập tụng: Tài mộc sư 材木師. Căn bản: Chưởng mộc đại thần 掌木 大臣. Pāli: Drugaha ganaka.

[86] Cf. Vin.iii. 43: Devagahadārūni nagarapanisankhārikāni, gỗ được giữ cho vua để tu sửa thành.

[87] Ngũ phần: Vũ xá đại thần 雨舍大臣. Pāli: Vassakāra, đại thần của nước Magadha.

Người giữ gỗ nói:

- Tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến nơi tôi và nói, "Nhà vua cho tôi gỗ. Nay tôi cần, có thể lấy được không?" Tôi trả lời: "Nhà vua cho thì Thầy cứ lấy." Tỳ-kheo liền vào vựa chứa cây lưu trữ chặt mang đi.

Khi Đại thần nghe nói như vậy rồi, liền phiền trách nhà vua: "Tại sao đem loại gỗ thiết yếu này cho Tỳ-kheo? Trong khi còn có những thứ gỗ khác có thể cho được không cho, mà khiến Tỳ-kheo này chặt đứt gỗ thiết yếu mang đi!" Rồi vị Đại thần đến chỗ nhà vua tâu:

- Tâu Đại vương, số cây gỗ thiết yếu được lưu trữ, tại sao nay lại cho Tỳ-kheo chặt mang đi? Còn có nhiều thứ gỗ khác có thể cho được, sao lại phá hoại loại gỗ quí đó?

Nhà vua bảo:

- Ta hoàn toàn không nhớ đã đem gỗ cho ai. Nếu Đại thần có nhớ thì nhắc lại cho ta.

Khi ấy vị Đại thần liền cho đi bắt người giữ cây gỗ đến chỗ nhà vua. Người giữ cây gỗ từ xa thấy Tỳ-kheo Đàn-ni-ca, liền kêu nói:

- Đại đức, vì Thầy lấy gỗ mà tôi bị bắt. Đại đức hãy vì tôi, đi đến đó để giải quyết. Xin thương xót tôi.

Tỳ-kheo trả lời:

- Ông cứ đến đó. Tôi cũng đi ngay đây.

Sau đó Tỳ-kheo Đàn-ni-ca đến chỗ nhà vua, đứng im lặng trước mặt vua.

Nhà vua liền hỏi:

- Đại đức, có thật là tôi cho Thầy gỗ hay không? Tỳ-kheo đáp:

- Sự thật nhà vua có cho tôi gỗ. Nhà vua nói:

- Tôi không nhớ là có cho người gỗ. Thầy hãy nhắc lại để tôi nhớ.

Tỳ-kheo báo:

- Đại vương còn nhớ chăng? Khi mới đăng vị, từ miệng nhà vua nói ra rằng, "Trong thời tôi còn trị nước, trong phạm vi quốc giới, có các Sa-môn, Bà-la-môn nào biết tàm quý, ưa học giới, cho thì lấy, không cho không lấy; cho thì dùng, không cho không dùng. Kể từ hôm nay, các Sa-môn, Bà-la-môn được phép tùy ý dùng cỏ cây và nước. Không được không cho mà dùng. Từ nay về sau cho phép Sa-môn, Bà-la-môn tùy ý dùng cỏ cây và nước."

Nhà vua nói:

- Này Đại đức, khi tôi mới đăng vị, thật sự có nói như vậy. Đại đức, tôi nói đối với vật vô chủ chứ không nói đối với vật có chủ. Tội của Đại đức đáng chết.

Nhà vua lại tự nghĩ: Ta là vua Quán đỉnh, dòng Sát-lợi,[88] đâu có thể chỉ vì một ít gỗ mà đoạn mạng người xuất gia. Điều ấy không nên.

[88] Sát-lợi vương Thủy kiêu đầu chủng 剎利王水澆頭種.

Bấy giờ, nhà vua dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo rồi ra lệnh các thần thuộc, phóng thích Tỳ-kheo. Các thần thuộc y lệnh vua, phóng thích Tỳ-kheo.

Sau đó các thần thuộc này lớn tiếng bình luận, bất bình, rằng, "Nhà vua nghĩ sao? Tội đáng chết như vậy mà chỉ khiển trách rồi thả."

Lúc ấy, trong thành La-duyệt có các cư sĩ không tin ưa Phật pháp, họ đều chỉ trích rằng, Sa-môn Thích tử không có tàm quý, không biết sợ là gì, nên lấy vật không cho. Bên ngoài tự nói ta biết chánh pháp. Như vậy làm gì có chánh pháp! Gỗ của nhà vua còn lấy, huống là của người khác? Chúng ta từ nay về sau đừng gần gũi với Sa-môn Thích tử, lễ bái hỏi chào, cúng dường cung kính. Đừng cho vào thôn ta, cũng đừng cho nghỉ ngơi.

Bấy giờ có các Tỳ-kheo nghe chuyện ấy. Trong số đó có những kẻ thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu-đà, biết tàm quý, ưa học giới, hiềm trách Đàn-ni-ca: Sao lại ăn trộm cây gỗ của vua Bình-sa.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo; tuy biết vẫn cố hỏi Tỳ-kheo Đàn-ni-ca:

- Có thật ngươi lấy gỗ mà nhà vua không cho?

Đàn-ni-ca thưa:

- Bạch Thế Tôn, thực sự đúng như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Đàn-ni-ca:

- Việc ngươi làm sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải pháp tùy thuận, làm đều không nên làm. Này, Đàn-ni-ca, sao lại lấy gỗ mà nhà vua không cho? Ta dùng vô số phương tiện khen ngợi sự lấy những gì đã được cho. Nay ngươi sao lại lấy gỗ mà nhà vua không cho?

Khi ấy có một Tỳ-kheo tên là Ca-lâu, vốn là Đại thần của nhà vua,[89] rành về thế pháp, ngồi trong chúng, cách Đức Thế Tôn không xa. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tỳ-kheo Ca-lâu:

- Theo pháp luật của nhà vua, không cho mà lấy, vật trị giá bao nhiêu phải tội chết?[90]

Tỳ-kheo Ca-lâu bạch Phật:

- Nếu lấy năm tiền[91] hay vật trị giá năm tiền sẽ bị tội chết.

- Tỳ-kheo Đàn-ni-ca, sao lại lấy gỗ mà nhà vua không cho?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Đàn-ni-ca, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Đàn-ni-ca là kẻ ngu si, là nơi trồng

---

[89] Ca-lâu 迦樓. V.iii. 45: Purānavohāriko mahāmatto, (Tỳ-kheo) nguyên là đại thần tư pháp.

[90] Vin. nt., ... coram gahetvā hanati vā bandhati vā pabbājeti vā, - ... sau khi bắt tên trộm hoặc sát hại, hoặc cột trói, hoặc trục xuất.

[91] Vin.nt., pādena... tena kho pana samayena rājagahe pañcamāsako pādo hoti, - bằng 1 pâda... thời bấy giờ, ở Rājagaha, 1 pāda = 5 māsaka.

nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới. Từ nay về sau Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa,... cho đến để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị vua hay Đại thần của vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng "Ngươi là giặc, ngươi ngu si, ngươi không biết gì." Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.[92]

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên. Thôn: Có bốn loại.

1. Chung quanh đều có tường xây thấp.
2. Chung quanh có hàng rào.
3. Có rào và tường nhưng không giáp vòng.
4. Chung quanh đều có nhà.[93]

Chỗ trống vắng:[94] Khoảng đất trống không và

---

[92] Ngũ phần, giới này được kết hai lần. Tăng kỳ, giới được kết ba lần; thời gian kết giới: Thành đạo năm thứ 6, mùa đông, nửa tháng phần hai, ngày 10 (tức ngày 20 tháng âm lịch), sau bữa trưa, lúc bóng sáng ngả về đông dài bằng 2 người rưỡi. Thập tụng, Căn bản, cũng như Tứ phần, giới kết một lần. Pāli, giới kết hai lần.

[93] Pāli còn thêm yếu tố: Chỗ mà một thương đội đóng trại hơn 4 tháng cũng được gọi là làng (gma).

[94] Nhàn tĩnh xứ. Ngũ phần, Tăng kỳ, Thập tụng: Không địa 空地. Căn bản: Không nhàn xứ 空閑處|. Pāli, Vin.ii.48: araññam, khu rừng, và giải thích, trừ làng và các khu phụ cận làng, còn lại đều là araḷḍa (ahapetvā gāmañ ca gāmūpacāraṃ ca avasesam araññam nāma).

vắng vẻ ở ngoài thôn.

Vật không được cho: Vật mà người khác không vất bỏ.[95] Trộm cắp: Lấy với tâm trộm cắp.[96]

Tùy theo vật không được cho mà lấy: Là năm tiền hay trị giá năm tiền.[97]

Vua: Là người tự tại, không lệ thuộc ai.

Đại thần: Chỉ chung cho các vị Đại thần trợ giúp nhà vua. Ba-la-di không được sống chung: Như trên đã nói.

D. PHẠM TƯỚNG

Có ba trường hợp lấy vật không được cho phạm Ba-la-di: Tự tay lấy, giám sát sự lấy, khiến người lấy.

Lại có ba trường hợp lấy vật không được cho phạm Ba-la-di: Lấy vật với ý tưởng không phải của mình, lấy vật với ý chẳng phải tạm dùng, lấy vật không được đồng ý.

Lại có ba loại lấy:[98] Lấy vật của người, tưởng vật của người, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có ba loại lấy: Lấy vật có chủ, tưởng là có

---

[95] Bất dữ thủ 不與取. Pāli: adinnam nāmam yam adinnam anissattham apariccattam rakkhittam gopitam mamāyitam paraparigghahitam, (Vin.iii.46), vật không được cho, là những gì không được cho, không được tặng, không bị vất bỏ, được bảo vệ, được canh chừng.

[96] Đạo tâm thủ 盜心取; Ngũ phần (T22n1421, tr.6a22): Vật sở thuộc của người khác, được người khác bảo vệ, không được cho mà lấy, gọi là đạo 盜心. Pāli: Theyyasankhātan ti theyyacitto avaharanacitto, với tâm lén trộm, với tâm cướp giựt, gọi là (lấy) bằng cách lén trộm.

[97] Ngũ tiền 五錢; Tăng kỳ (T22n1425, tr.244b1): Vương pháp không nhất định. Hoặc trộm nhỏ mà chết. Hoặc trộm lớn mà không chết. Theo phép vua Bình-sa, 19 tiền là 1 kế-lị-sa-bàn (Pāli: Kahāpana); 1 kế-lị-sa-bàn phân làm tư; trộm vật giá trị ¼ thì bị tội chết. Căn bản: Ngũ ma-sái 五摩灑. Pāli, Vin.iii tr.48: Paḍcamāsakam. Theo nghĩa đen, 1 māsaka (Skt. mānaka) là vật có giá trị trao đổi bằng 1 hạt đậu (đỗ).

[98] Hán: Tam chủng 三種, khác với trên chỉ 3 trường hợp; từ đây trở xuống, chủng (loại), chỉ các yếu tố hội đủ để cấu thành tội phạm.

chủ, di chuyển khỏi nguyên vị trí.

Lại có ba loại lấy: Lấy vật có người khác giám hộ, tưởng có người khác giám hộ, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy vật không cho thành Ba-la-di:[99] Tự tay mình lấy, giám sát sự lấy, sai người lấy, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy thành Ba-la-di: Lấy vật với ý tưởng chẳng phải của mình, không phải lấy tạm, không được đồng ý mà lấy, và dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: Lấy vật của người, tưởng vật của người, trọng vật,[100] dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: Có chủ, tưởng là có chủ, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có bốn loại lấy: Người khác giám hộ, tưởng có người khác giám hộ, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại không cho mà lấy thành Ba-la-di: Tự tay mình lấy, giám sát người khác lấy, khiến người khác lấy, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại: Lấy vật với ý tưởng chẳng phải của mình, không có ý tạm lấy, chẳng phải đồng ý mà lấy, trọng vật, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại lấy: Lấy vật của người, tưởng

[99] Nên hiểu là 4 yếu tố hội đủ để cấu thành tội phạm.

[100] Thập tụng: Trọng vật 重物, chỉ vật giá trị 5 tiền hoặc quá 5 tiền.

là vật của người, trọng vật, với tâm trộm, và dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại: Có chủ, tưởng có chủ, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có năm loại lấy: Vật có người khác giám hộ, trọng vật, với tâm trộm cắp, dời khỏi nguyên vị trí.

Lại có sáu loại không cho mà lấy thành Ba-la-di: Tự tay mình lấy, giám sát người lấy, sai người lấy, trọng vật, với tâm trộm cắp, và dời khỏi chỗ cũ. Chẳng phải vật của mình, tưởng là chẳng phải vật của mình, có sáu loại như vậy. Đó gọi là sáu loại lấy trộm phạm tội Ba-la-di.

Vị trí:[101] Vị trí trong lòng đất, vị trí trên đất, vị trí trên cộ, vị trí trong gánh, vị trí trong hư không, vị trí trên cây, vị trí thôn, vị trí A-lan-nhã, vị trí ruộng, vị trí xứ sở, vị trí ghe thuyền, vị trí nước. Hoặc lén qua ải mà không đóng thuế. Hoặc lấy vật của người khác ký thác. Hoặc lấy nước; lấy tăm, trái cây, thảo mộc, chúng sanh không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sản nghiệp chung. Hoặc cùng hẹn,[102] hoặc rình chờ,[103] hoặc canh giữ,[104] hoặc chặn lối đường hiểm.[105] Như vậy gọi

[101] Hán: Xứ 處|, xác định nguyên vị trí của vật trộm để xác định yếu tố cấu thành tội phạm.

[102] Pāli: Sanketakammam, hẹn nhau ăn trộm.

[103] Pāli: ocarako, trinh sát.

[104] Pāli: onirakkho, người canh giữ tài vật (do người khác ký thác), lấy trộm vật mình canh giữ.

[105] Tăng kỳ 3 (T22n1425, tr.245a28), 16 vật: Đất, vật trong đất, nước, vật trong nước,thuyền, vật trong thuyền, cộ, vật trong cộ, loài bốn chân, vật trên (thân) loài bốn chân, hai chân, vật trên (thân) loài hai chân, không chân, vật trên (thân) loài không chân, hư không (?), vật trong hư không.

là vị trí.

Vị trí trong lòng đất:[106] Các kho tàng chôn dưới đất chưa ai phát hiện, như bảy báu gồm vàng, bạc, lưu ly, chân châu, bích ngọc, xa cừ, mã não; các thứ vàng ròng,[107] vật báu làm bằng vàng, áo, chăn; hoặc lại có những nhu yếu phẩm khác có chủ và được chôn trong lòng đất. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc nổi, phạm Thâu-lan-giá.

Vị trí trên đất:[108] Các thứ không chôn dưới đất như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ và ở trên mặt đất. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc nổi, phạm Thâu-lan-giá.

Vị trí trên cộ:[109] cộ có bốn loại, cộ voi, cộ ngựa,

---

[106] Địa xứ 地處|. Pāli: Bhūmattham

[107] Nguyên Hán: Sanh tượng 生像, Pāli, theo nghĩa đen: jātarūpa.

[108] Địa thượng xứ 地上. Pāli: Thalattham, vật trên đất liền.

[109] Hán: Thừa 乘, cũng đọc là thặng. Ngũ phần: Thừa thừa vật 乘乘物, xe cộ và vật trong xe cộ. Pāli: yānam yānattham xe cộ và vật trong/trên xe cộ.

cộ xe, cộ đi bộ. Hoặc lại có các phương tiện chuyên chở khác đều gọi là cộ. Các thứ trên cộ như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc, phạm Thâu-lan-giá. Hoặc dẫn xe cộ từ đường chính đến đường chính, từ đường chính đến đường phụ, từ đường phụ đến đường chính, từ trong hầm lên trên bờ hầm, từ trên bờ hầm đến trong hầm, như vậy lấy cộ rời khỏi nguyên vị trí. Vừa rời khỏi nguyên vị trí, phạm Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn lấy mà không lấy, phạm tội Thâu-lan-giá.

Vị trí gánh: Vật đội trên đầu, vật vác trên vai, vật cõng sau lưng, hay ôm trước ngực; hoặc lại có các vật khuân vác khác. Trên những gánh này có các vật như bảy báu gồm vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc, phạm Thâu-lan-giá. Hoặc mang gánh từ đường chính đến đường chính, từ

đường chính đến đường phụ, từ đường phụ đến đường chính, từ trong hầm lên trên bờ hầm, từ trên bờ hầm đến trong hầm. Như vậy với tâm trộm mà mang khỏi chỗ cũ; vừa rời khỏi vị trí của vật, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn lấy mà không lấy mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí trống không:[110] Những vật mà gió thổi bay như lông, kiếp-bối, câu-giá-la, sai-la-ba-ni, sô ma, gai, bông, bát-đam-lam-bà, đầu-đầu-la, chim nhạn, chim hạc, chim khổng tước, chim anh võ, chim bồ câu. Lại có vật hữu dụng khác, có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nỗi, phạm Thâu-lan-giá.

Vị trí bên trên:[111] Vật được nhấc lên để trên cây, trên tường, trên rào, trên vực, trên cọc bằng ngà voi,[112] trên giá móc áo, trên võng, trên giường cây, trên nệm lớn nhỏ, trên gối, trên chiếu trải trên đất. Trên những thứ này mà có vàng, bạc, v.v... cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có

[110] Không xứ 空處; Ngũ phần: Hư không vật 虛空物, chỉ vật được đặt vào hư không do bởi thần lực, hoặc vật ngậm bởi chim có chủ, hoặc vật có chủ mà gió thổi đến. Tăng kỳ: Hư không hư không trung vật 虛虛空中物, chỉ các loại cây lá, hoa quả. Pāli: ākāsattham, vật trong hư không, chỉ những vật phi hành trong hư không (ākāsagatam): Chim chóc, giải lụa, vải vóc, cho đến vàng (từ trên người) bị rơi xuống đất.

[111] Thượng xứ 上處; trong liệt kê nói là thọ thượng 樹上. Pāli: Vehāsattham, nghĩa gần như trong hư không, nhưng được giải thích là vật trên giường, trên ghế, trên tường, trên cọc, v.v...

[112] Nguyên Hán: Long nha 龍牙. Xem cht.39, Ni-tát-kỳ 15.

chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nổi, phạm Thâu-lan-giá.

Vị trí thôn: Có bốn loại thôn xóm như trên đã nói.[113] Trong thôn xóm này, có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng mà không nhắc nổi, phạm Thâu-lan-giá. Dùng máy móc công kích, phá hoại thôn xóm; hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện bác mê hoặc lừa dối mà lấy; vừa lấy được, thành Ba-la-di; phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí A-lan-nhã: Vùng đất trống ở ngoài thôn mà có chủ. Nơi chỗ đất trống nầy mà có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy

[113] Pāli: Gāmattham, trong thôn xóm, vật được cất tại bốn chỗ: Trong đất (bhūmattham), trên đất liền (thalattham), trong hư không (ākāsattham), trong khoảng trống (vehāsattham).

bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện muốn nhắc lên, nhưng không nhắc, phạm Thâu-lan-giá. Hoặc bằng phương tiện phá hoại vùng đất trống của người khác, hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy được, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí ruộng: Ruộng trồng lúa dé, ruộng trồng lúa mạch, ruộng trồng mía. Hoặc lại có các loại ruộng khác mà nơi đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu dùng phương tiện phá hoại ruộng của người hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy được, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Xứ sở:[114] Hoặc là khu vực của nhà, hoặc khu vực chợ quán, hoặc là vườn cây, hoặc là vườn rau,

[114] Xứ sở 處所, chỉ phạm vi cư trú của người. Pāli: Vihārattham, vật trong khu vực cư trú, có bốn chỗ, như trong thôn xóm, xem cht. 93 trên.

hoặc ao hồ, hoặc sân trước, hoặc sau nhà, hoặc là những nơi khác mà ở đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Nếu dùng phương tiện phá hoại xứ sở của người, hoặc cho nước ngập, hoặc dựa vào cường lực của người quen thân, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối để lấy. Vừa lấy được, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí ghe thuyền: Thuyền nhỏ, thuyền lớn, thuyền bầu,[115] thuyền độc mộc,[116] thuyền bành, thuyền buồm, thuyền hình con rùa, thuyền hình con ba ba, thuyền bằng da, thuyền bằng phao nổi, thuyền bằng trái cây,[117] thuyền treo,[118] thuyền cánh bè; hoặc những loại thuyền khác mà nơi đó có vàng, bạc, v.v… cho đến, áo, chăn; hoặc những nhu yếu phẩm khác có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật

[115] Bản Cao-ly: Đài thuyền 臺船; Tống-Nguyên-Minh: Hồ thuyền 壺船 Pāli: Nāvā nāma yāya tarati, thuyền, chỉ phương tiện qua sông.

[116] Nhất mộc thuyền 一木C, loại ghe thuyền được làm từ một khúc cây/gỗ.

[117] Quả thuyền 果船.

[118] Huyền thuyền 懸船.

vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá. Hoặc từ bờ này đến bờ kia, từ bờ kia đến bờ này; hoặc ngược dòng, hoặc xuôi dòng; hoặc cho chìm dưới đáy nước, hoặc dời lên trên bờ; hoặc cởi (thuyền) rồi dời đi chỗ khác, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vị trí nước: Kho tàng chứa vàng bạc bảy báu và các thứ áo chăn chìm dưới đáy nước, hoặc con rái cá, hoặc cá, hoặc ba ba, hoặc cá sấu,[119] hoặc hoa ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi,[120] và các vật khác ở trong nước, có chủ. Những vật này có giá trị năm tiền hoặc quá năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá. Nếu dùng phương tiện phá hoại chỗ nước của người... cho đến, mắc tội Thâu-lan-giá, như trên đã nói.

Không đóng thuế:[121] theo pháp luật, Tỳ-kheo không phải đóng thuế. Nếu vật của bạch y cần phải đóng thuế mà Tỳ-kheo với tâm ăn trộm mang hộ

[119] Nguyên Hán âm: Thất-thâu ma-la 失收摩羅; Pāli: Sunsumāra (Skt. śiśumāra), cá sấu.

[120] Các loại hoa trong nước: ưu-bát-la 優钵羅 (Pāli: uppala, Skt. utpala, sen/súng xanh, thanh thụy liên hoa); bát-đầu-ma 钵頭摩 (Pāli: Paduma, Skt. padma, sen/súng đỏ); câu-vật-đầu 拘勿頭. (Pāli=Skt. kumuda, sen trắng, hay hồng), phân-đà-lị/lợi 分陀利 (Pāli=Skt. puttarīka, sen trắng).

[121] Pāli: Sunkaghāna, trạm thuế (tại các cửa khẩu biên giới).

cho người khác qua khỏi chỗ đóng thuế, hoặc ném ra ngoài cửa ải, vật trị giá năm tiền hay trên năm tiền, hoặc chôn dấu, di chuyển, hoặc dùng lời lẽ biện luận mê hoặc lừa dối, hoặc dùng chú thuật để đưa qua... cho đến, phương tiện, thì phạm Thâu-lan-giá, như trên.

Lấy vật ký thác của người: Vật của người gởi mang đi mà đem tâm trộm cắp, trị giá năm tiền hay trên năm tiền; từ trên đầu dời xuống vai, từ trên vai dời lên đầu;[122] từ bên vai hữu dời qua bên vai tả, từ bên vai tả dời qua bên vai hữu; từ nơi tay tả dời qua tay hữu, từ tay hữu dời qua tay tả; hoặc ôm trong lòng, hoặc để nơi đất mà dời khỏi nguyên vị trí. Vừa dời khỏi vị trí cũ, thành Ba-la-di. Phương tiện... Thâu-lan-giá.

Nước: Các loại nước thơm, hoặc nước thuốc, được đựng trong các đồ đựng nước như lu, vại lớn nhỏ, hoặc các loại dụng cụ chứa nước khác, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí; vật vừa rời khỏi nguyên vị trí thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội Thâu-lan-giá.

Tăm:[123] Hoặc một hoặc hai, hoặc nhiều cây, hoặc một nắm, một bó, một ôm, một gánh; hoặc có

[122] Các thủ đoạn đánh tráo vật ký thác để sang đoạt.

[123] Hán: Dương chi 楊支. Pāli: Dantaponam, đồ chà răng, thường được làm bằng gỗ thông.

ướp hương, hoặc có thoa thuốc, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Vườn: Tất cả cỏ cây rừng rú hoa quả có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Chúng sanh không chân: Như rắn, cá, và tất cả các loài chúng sanh không có chân khác có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Chúng sanh hai chân: Loài người, loài phi nhân, chim và các loại chúng sanh hai chân, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội

Thâu-lan-giá.

Chúng sanh bốn chân: Như voi, ngựa, bò, lạc đà, lừa, nai, dê và các loại chúng sanh bốn chân, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp; lấy bằng cách lôi kéo đi chỗ khác, hoặc chôn dấu đi, hoặc di chuyển khỏi nguyên vị trí. Vật vừa rời khỏi nguyên vị trí, thành Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Chúng sanh nhiều chân: Như ong, uất-châu-long-già,[124] hoặc rết,[125] hay chúng sanh nhiều chân khác, có chủ, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Sản nghiệp chung:[126] Tài vật kiếm được do sự nghiệp chung cần phải chia chung, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Cùng hẹn:[127] Cùng với người khác giao ước, lúc nào đó đi, lúc nào đó đến; hoặc đục vách lấy của, hoặc giữa đường cướp lấy, hoặc đốt cháy; từ đó được tài vật chung. Những vật ấy có giá trị năm

[124] Hán: uất-châu-long-già 鬱周隆伽; Pāli: uccālinga, loại mao trùng (sâu róm).

[125] Hán: Bách túc 百足; Pāli: Satapadī.

[126] Đồng tài nghiệp 同財業.

[127] Cộng yếu 共要v; Pāli: Sanketakamma.

tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Dò xét: Tôi sẽ đến quan sát thôn kia; hoặc thành ấp, chỗ thuyền đò, hang núi, hoặc chỗ dân cư, chỗ chợ quán, nơi làm việc. Những tài vật thu được từ những nơi đó thành của chung, có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được, mắc tội Thâu-lan-giá.

Canh giữ: Tôi sẽ canh giữ tài vật kiếm được từ bên ngoài. Những vật kiếm được chia chung. Những vật ấy có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội Thâu-lan-giá.

Canh đường: Tôi sẽ canh gác nơi đường. Nếu có quân của nhà vua đến, quân của giặc đến, quân của trưởng giả đến sẽ báo cho nhau biết. Tài vật kiếm được sẽ chia chung. Những vật ấy có giá trị năm tiền hoặc hơn năm tiền, nếu lấy với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di. Phương tiện muốn lấy mà không lấy được mắc tội Thâu-lan-giá.

Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền, được hơn năm tiền, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền mà được năm tiền, thành Ba-la-di. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền được

dưới năm tiền, Thâu-lan-giá. Nếu phương tiện tìm cầu hơn năm tiền mà không được, Thâu-lan-giá. Nếu phương tiện tìm cầu năm tiền mà được hơn năm tiền, thành Ba-la-di. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà được dưới năm tiền, thành Thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà không được, thành Thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền, được hơn năm tiền, thành Ba-la-di. Phương tiện tìm cầu năm tiền mà được, thành Ba-la-di. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền, được dưới năm tiền, thành Thâu-lan-giá. Phương tiện tìm cầu dưới năm tiền mà không được, Đột-kiết-la.

Sai người phương tiện tìm cầu năm tiền, được hơn năm tiền, cả hai đều phạm Ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu hơn năm tiền, được năm tiền, cả hai đều phạm Ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, được dưới năm tiền cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu hơn năm tiền mà không được, cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, được hơn năm tiền, cả hai đều phạm Ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà được năm tiền, cả hai đều phạm Ba-la-di. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà không được dưới năm tiền, cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, mà không được, cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền mà hơn năm tiền, người lấy

phạm Ba-la-di; người dạy phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền, được năm tiền; người lấy phạm Ba-la-di; người dạy phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền, được dưới năm tiền, cả hai đều phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu dưới năm tiền mà không được, cả hai đều phạm Đột-kiết-la. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền hoặc hơn năm tiền; nhưng người được dạy lấy vật khác; người lấy phạm Ba-la-di, người dạy phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền, hoặc hơn năm tiền; nhưng người nhận lời dạy lại lấy vật ở chỗ khác, người lấy phạm Ba-la-di, người dạy phạm Thâu-lan-giá. Phương tiện sai người tìm cầu năm tiền hoặc hơn năm tiền; người nhận lời dạy là người bị sai chứ không có tâm trộm cắp, lấy được năm tiền hoặc hơn năm tiền, người dạy phạm Ba-la-di, kẻ bị sai không phạm. Nếu sai người lấy vật,[128] người nhận lời dạy hiểu là dạy lấy trộm; nếu lấy được trị giá năm tiền hoặc hơn năm tiền, người nhận lời dạy phạm Ba-la-di, người dạy không phạm.

Có chủ, biết rõ là có chủ, không cho mà lấy, trị giá năm tiền hay hơn năm tiền, phạm Ba-la-di. Nghi là có chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, phạm Thâu-lan-giá. Không chủ, tưởng có chủ, lấy

[128] Giáo thủ vật 教取物, dạy đi lấy vật không nhất thiết bảo đi ăn trộm.

năm tiền hoặc hơn năm tiền phạm Thâu-lan-giá. Không chủ tưởng có chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền phạm Thâu-lan-giá. Nghi là vật không chủ, lấy năm tiền hoặc hơn năm tiền, phạm Thâu-lan-giá. Lấy vật có chủ, tưởng vật có chủ, dưới năm tiền, phạm Đột-kiết-la. Không chủ tưởng là có chủ lấy dưới năm tiền phạm Đột-kiết-la. Nghi là vật không chủ lấy dưới năm tiền phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni: Đột-kiết-la, tẫn xuất. Đó là phạm.

Sự không phạm: Lấy với ý tưởng được cho, tưởng là của mình, với ý tưởng là đồ vất bỏ, với ý tưởng tạm lấy, với ý tưởng là thân hữu... tất cả những trường hợp trên không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách. Đó là không phạm.[129]

III. ĐOẠN NHÂN MẠNG [130]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa Tỳ-xá-ly,[131] ở trong giảng đường, bên sông Di hầu.[132] Bằng vô số

[129] Bản Hán, hết quyển 1.

[130] Tứ phần, quyển 2 (T22n1428, tr.575c6); Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.7a27); Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.253c9); Tát-bà-đa 3 (T23n1440, tr.518a21); Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7b21).

[131] Tỳ-xá-ly 毘離; Sk. Vailī (Pl.) Vesāli.

[132] Di hầu giang biên 彌猴江邊; Thập tụng 2, Bạt-kỳ quốc Bạt-cầu-ma hà thượng 跋耆國跋求摩河上 tức Pāli, sông Vaggumud, thuộc nước Vajji, gần chỗ Phật nhập Niết-bàn. Pāli, Vn.iii.70, Vesāliyam viharati mahāvane kūnāgārasālāyam, trú tạ Vesālī, trong rừng Đại lâm, trong mộ ngôi nhà sàn.

phương tiện, Phật giảng cho các Tỳ-kheo thực hành (quán) bất tịnh,[133] khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh.

Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Nay Đức Thế Tôn vì chúng ta nói thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền dùng vô số phương tiện tu tập quán bất tịnh. Sau khi từ thiền định tỉnh giác, các vi ấy sinh ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc. Cũng như con trai hay con gái yêu thích bản thân,[134] đem rắn chết, chó chết, người chết cột nơi cổ mình, để rồi ghê tởm mùi hôi thối ấy. Các Tỳ-kheo cũng như vậy, bằng vô số phương tiện tu tập quán bất tịnh, ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc, bèn tìm dao muốn tự sát, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết.

Các Tỳ-kheo ở trong một khu vườn, bên sông Bà-cầu,[135] khởi ý nghĩ: Đức Thế Tôn đã từng dùng vô số phương tiện nói về sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi sự thực hành (quán) bất tịnh, khen ngợi tư duy về sự thực hành quán bất tịnh. Tỳ-kheo kia dùng vô số phương tiện tập tu quán bất tịnh, sinh ghê tởm thân mạng, sầu ưu, không an lạc, tìm

---

[133] Thuyết bất tịnh hành 說不淨行. Ngũ phần 2, nt., tu bất tịnh 修不淨; Pāli, Vn.iii.nt., asubhabhāvana.

[134] Nguyên Hán: Tự hỉ nam tử...自喜男子; Thập tụng 2, nt., niên thiếu tự hỷ nghiêm sức 年少 自喜嚴飾; Vn.iii.dd., mattanajātiko, thích trang điểm.

[135] Bà-cầu hà 婆裘河; tức Pāli, sông Vaggumudā.

dao muốn tự sát, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo tên là Vật-lực-già Nan-đề,[136] dòng Sa-môn xuất gia,[137] tay cầm dao bén vào trong vườn Bà-cầu.[138] Có một Tỳ-kheo đang ghê tởm thân mạng ô uế bất tịnh,[139] từ xa thấy Tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề đến, bèn nói:

- Đại đức, hãy đoạn mạng tôi. Tôi đem y bát cho ông.

Vật-lực-già liền chịu thuê bằng y bát, tức thì đoạn mạng vị Tỳ-kheo ấy. Y đi đến bờ sông kia để rửa dao. Lòng sanh hối hận, tự nói: Hôm nay thật bất lợi cho ta; thật chẳng lành cho ta. Tỳ-kheo kia không tội lỗi gì, ta lại nhận lời đoạn mạng căn của ông ấy.

Vào lúc đó, có một Thiên ma[140] biết tâm niệm của Tỳ-kheo này, liền dùng thần túc đến trước Vật-lực-già Nan-đề. Đứng trên mặt nước mà không chìm; khen ngợi, khuyến khích:

- Lành thay, lành thay thiện nam tử! Hôm nay

---

[136] Vật-lực-già Nan-đề 物刀伽難提 (Sk. Mnga-nandī?); Ngũ phần (T22n1421, tr.7b5), Di-lân chiên-đà-la 彌鄰旃陀羅…, một người chiên-đà-la tên là Di-lân; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7c4), Lộc Trượng phạm chí 鹿杖梵志, một người phạm chí tên Lộc Trượng (Skt. Mngadatta, tức Pāli Migadatta, thay vì Migalatta). Pāli, Vn.iii.68, Migalattika samanakuttaka, một người giả trang Sa- môn tên là Migalatta.

[137] Phụ chú trong bản Hán: Nói Sa-môn chủng, chỉ dòng họ. Tức Pāli samana-kūla: Dòng họ Sa-môn, thay vì samanakuttaka, giả trang Sa-môn.

[138] Bà-cừu viên 婆裘園; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7b21), Bạt-cầu-ma hà 跋求摩河; Pāli, Vn.iii.68: Vaggumudā nadī soāng Vaggumudā.

[139] Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.253c9): Một Tỳ-kheo bệnh lâu ngày, đau đớn không chịu nổi, bèn nhờ Tỳ-kheo nuôi bệnh giết giùm.

[140] Thập tụng (T23n1435, tr.7c7): Ma thiên thần 魔天神; Ngũ phần (T2n1421, tr.7b9): Tự tại thiên ma 自在天魔. Pāli, Vn.iii.68: Mārakāyikā devatā, một thiên thần thuộc hạ của Māra.

ông được công đức lớn; đã độ người chưa được độ.

Tỳ-kheo Nan-đề nghe Thiên ma khen rồi, sự hối hận kia tan biến, liền khởi ý nghĩ: Nay ta đặng công đức lớn; độ người chưa được độ. Nghĩ như vậy rồi, lại cầm dao vào trong vườn[141] mà hỏi:

- Ai chưa độ, nay tôi sẽ độ cho.

Khi ấy, có Tỳ-kheo chưa ly dục, thấy Tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề, thì quá kinh hoảng, lông trong người dựng ngược lên. Vật-lực-già Nan-đề thấy vậy, nói các Tỳ-kheo:

- Các ngài chớ sợ. Các căn chưa thuần thục, thì chưa thể hóa kiếp được. Đợi đến lúc thành thục, tôi sẽ hoá kiếp cho. Trong số các Tỳ-kheo ái dục đã diệt tận, thấy Vật-lực-già Nan-đề, lòng không sợ sệt, lông trong người không dựng ngược lên.

Khi ấy Tỳ-kheo Vật-lực-già Nan-đề hoặc một ngày giết một Tỳ-kheo, hoặc giết hai, ba, bốn, năm cho đến sáu mươi người. Xác chết trong vườn kia vất bỏ bừa bãi, hôi thối, bất tịnh, giống như một bãi tha ma.

Bấy giờ, có các cư sĩ lễ bái các chùa. Lần hồi đến vườn kia, thấy vậy, ai nấy đều kinh sợ, lấy làm kỳ quái, cùng nhau chê bai: Trong vườn này có sự đại biến. Sa-môn Thích tử không có lòng từ mẫn;

[141] Thập tụng: Đến trú xứ kia. Pāli, Vn.iii.68: Vihārena vihāram parivenena parivenam, từ tinh xá đến tinh xá, từ phòng đến phòng.

giết hại nhau. Tự xưng rằng ta tu chánh pháp. Như vậy đâu có gì là chánh pháp? Họ giết hại lẫn nhau. Các Tỳ-kheo còn tự giết nhau huống là đối với người khác. Từ nay chúng ta chớ nên kính phụng, thừa sự, cúng dường Sa-môn Thích tử nữa.

Họ rao truyền trong thôn ấp, đừng cho cư trú và vãng lai. Khi ấy các cư sĩ thấy trong vườn này uế ác như vậy nên không tới lui nữa.

Bấy giờ, Tỳ-kheo trú tại Tỳ-xá-ly, có nhân duyên nhỏ, tập hợp lại một chỗ. Lúc[142] ấy, Đức Thế Tôn quan sát số lượng các chúng Tỳ-kheo giảm thiểu, và các đại Tỳ-kheo có tiếng tăm đều không có mặt. Đức Thế Tôn tuy đã biết nhưng vẫn hỏi A-nan:

- Chúng tăng tại sao giảm thiểu? Các Đại đức nổi tiếng ở đâu mà không thấy mặt hôm nay?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên đã xảy ra trình bày đầy đủ với Phật:

- Thế Tôn trước đây dùng vô số phương tiện vì các Tỳ-kheo thuyết giảng một cách rộng rãi về sự thực hành (quán) bất tịnh, khen sự thực hành (quán) bất tịnh, khen tư duy sự thực hành (quán) bất tịnh. Các Tỳ-kheo nghe rồi tu tập, nhàm tởm thân mạng, tìm người đoạn mạng. Do vậy mà số lượng bị giảm thiểu. Cúi xin Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà phương tiện thuyết pháp khác, khiến

[142] Thập tụng 2 (T23n1435, tr.7c15): Ngày 15 trong tháng, lúc thuyết giới.

cho tâm mọi người khai mở, vĩnh viễn không nghi hoặc.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Nay hãy tập hợp các Tỳ-kheo nơi giảng đường.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, tập hợp các Tỳ-kheo nơi giảng đường; rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, nay chúng Tăng đã họp, nguyện đức Thánh biết thời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền đến giảng đường, ngồi giữa đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

- Có A-na-ba-na tam-muội,[143] tịch nhiên khoái lạc. Các pháp bất thiện đã sanh, nó có khả năng diệt trừ, vĩnh viễn không phát sanh trở lại. Ví như tiết trời mùa thu, sau cơn mưa thì không còn bụi nhơ. Lại như một trận mưa lớn có khả năng chận đứng luồng gió mạnh. A-na ban-na tam-muội cũng lại như vậy, tịch tịnh khoái lạc. Với các pháp bất thiện đã sanh, nó có khả năng diệt trừ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì các Tỳ-kheo nói a-na ban-na tam-muội, khen a-na ban-na tam muội, khen sự tu tập a-na ban-na tam-muội. Các Tỳ-kheo liền khởi ý nghĩ: Đức Thế

[143] A-na-ba-na tam-muội 阿那般那三昧; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.8a13): a-na ban-na niệm 阿那般那念; Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.7c6): an-ban niệm 安般念; Pāli, Vn. iii. 70: ānāpānassati samādhi, sự tập trung trên hơi thở ra vào.

Tôn hôm nay dùng vô số phương tiện vì chúng ta nói a-na ban-na tam-muội, khen a-na ban-na tam muội, khen sự tu tập a-na ban-na tam-muội. Chúng ta hãy tinh cần tu tập.

Rồi các Tỳ-kheo liền bằng đủ phương tiện khác nhau tư duy, nhập A-na ban-na tam-muội. Sau khi từ a-na ban-na tam-muội tỉnh giác, họ tự biết mình chứng đắc pháp tăng thượng thù thắng, an trụ nơi quả chứng. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bằng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp của Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm. Làm sao các Tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu này lại ngu si mà dứt mạng lẫn nhau?

Đức Thế Tôn sau khi dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo trong vườn Bà-cừu là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau Ta vì các Tỳ-kheo mà kiết giới, tập mười cú nghĩa… cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Người muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng

người,[144] cầm dao đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: "Này nam tử, ích gì cuộc sống xấu ác này, thà chết còn hơn sống!" Với tâm tư duy như vậy, dùng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.[145]

c. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Người:[146] Từ khi thức đầu tiên[147] cho đến khi thức sau cùng mà dứt mạng sống của nó.

Giết:[148] Tự mình giết, chỉ sai người giết, sai sứ giết, sai người đi và về mà giết, hoặc trùng sứ mà giết, hoặc sai sứ luân chuyển giết, hoặc nhờ người đàn ông giết, hoặc sai người tìm người đàn ông giết, tìm cầu người cầm dao giết, sai người tìm cầu cầm dao giết, ra dấu bằng thân, miệng nói, thân miệng đều hiện tướng, hoặc gởi thư, sai khiến người đưa thư, giết bằng hầm hố, bằng ỷ phát,[149]

---

[144] Hán: Đoạn nhân mạng 斷人命; Pāli: Manussaviggaham jīvit voropeyya, tước đoạt sinh mạng của con người.

[145] Ngũ phần 2, giới này được kết bởi ba lần: Lần thứ nhất, Tỳ-kheo giết người, nhân duyên cũng gần như Tứ phần với một vài chi tiết khác biệt. Lần thứ hai, Tỳ-kheo bệnh muốn tự sát, nhân vì có giới cấm giết người nên các Tỳ-kheo đưa dao cho người bịnh tự sát; Phật kết thêm lần nữa. Thứ ba, Tỳ-kheo bệnh muốn tự sát nhưng các Tỳ-kheo không dám giúp phương tiện, bèn đi tìm thợ săn, khuyến khích giết giùm; Phật kết thêm lần nữa. Pāli, Phật kết hai lần; lần thứ nhất, giết và giúp phương tiện tự sát; thứ hai, khuyến khích người tự sát. Tăng-kỳ và Thập tụng, kết một lần như Tứ phần. Đại Tỳ-kheo giới bản (T1426, tr. 549c15): Giới được kết sau khi thành Phật năm thứ sáu, ngày 9, nửa tháng phần thứ ba, mùa đông.

[146] Hán: Nhân 人. Pāli: Manussaviggaha, thân thể con người. Ngũ phần giới bản: Nhược nhân, nhược tợ nhân 若人若似人. Thập tụng: Nhược nhân nhược loại nhân 若人若類人 (người và loại tợ của người).

[147] Hán: Sơ thức 初識. Pāli: Panham panisandhicittam, kết sanh tâm đầu tiên.

[148] Hán: Sát 殺. Văn kết giới nói: Đoạn nhân mạng 斷人命, không nói từ sát.

[149] Ỷ phát 倚發; bản Thánh: ỷ bát 倚撥.

cho uống thuốc, đặt dụng cụ giết.

- Tự mình giết: Dùng tay hoặc gạch đá, dao, trượng, và các vật khác để tự mình giết. Người giết phạm Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm Thâu-lan-giá.

- Chỉ sai người giết:[150] Khi giết, tự mình giám sát việc giết,[151] sai người trước[152] ném vào trong nước, lửa; hoặc từ trên núi xô xuống hố sâu, hoặc khiến voi chà chết; hoặc khiến ác thú ăn, hoặc khiến rắn cắn, và các lệnh giết khác. Người giết phạm Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, Thâu-lan-giá.

- Sai sứ giết: Tỳ-kheo sai khiến sứ giả đoạn mạng người nào đó. (Người ấy) vâng lời mà đi,[153] nếu đoạn được mạng, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không đoạn được mạng, Thâu-lan-giá.

- Sai người đi và về mà giết:[154] Tỳ-kheo sai sứ đi đoạn mạng người nào đó. Vâng theo lời nói mà đi, muốn giết mà chưa được trở về, sau đó lại vâng theo lời dạy trước mà đi giết lần nữa. Nếu giết được, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, Thâu-lan-giá.

- Trùng sứ mà giết:[155] Tỳ-kheo sai sứ giả, ngươi

---

[150] Giáo sát 教殺. Pāli: adhitthāyā, bằng sự giám thị (giám sát giết), tức giết bằng sự ra lịnh, hay chỉ đạo.

[151] Bản Cao-li: ... khán giáo 看教...; bản Tống-Nguyên-Minh: ... khán sát 看殺...

[152] Hán: Tiền nhân 前人; đây chỉ thuộc hạ.

[153] Hán: Tiền nhân 前人; đây chỉ thuộc hạ.

[154] Hán: Vãng lai sứ 往來使; Pāli: Gatapaccāgatena dūtena, bởi sứ giả đi và quay trở lại.

[155] Hán: Trùng sứ 重使. Pāli: Dūtaparamparāya, sứ giả này tiếp theo sứ giả khác, một chuỗi sứ giả.

hãy đi đoạn mạng người đó. Lại nối tiếp sai sứ như vậy, cho đến bốn, năm lần. Người được sai liền đến giết. Giết được, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, Thâu-lan-giá.

- Sứ giả luân chuyển mà giết:[156] Tỳ-kheo sai sứ, ngươi hãy đoạn mạng người đó. Người bị sai lại sai người khác, cho đến một trăm hay một ngàn lần sai như vậy để đoạn mạng người kia. Đoạn được thành Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, Thâu-lan-giá.

- Tìm cầu nam tử giết: Như nói, trong đây ai biết có người như vậy, có khả năng dùng dao, có phương tiện, học tập lâu, không sợ sệt, không bỏ cuộc, có thể đoạn mạng của người nào đó? Người được sai liền đi đoạn mạng người kia. Đoạn được, (người tìm cầu) thành Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, Thâu-lan-giá.

- Sai người tìm cầu nam tử giết: Như sai người, trong đây ai biết có người như vậy, có khả năng dùng dao, có phương tiện, học tập lâu, không sợ sệt, không bỏ cuộc, có thể đoạn mạng của người nào đó? Người bị sai liền đến đoạn mạng người kia. Đoạn được, (người sai) phạm Ba-la-di. Phương tiện mà không giết, phạm Thâu-lan-giá.

- Tìm cầu người cầm dao giết: Tự mình tìm cầu, nói ai là người dũng kiện có khả năng cầm

[156] Hán: Triển chuyển sứ 展轉使. Pāli: Visakkiyena dūtena, bởi sứ giả lần lượt giết nhau (để phi tang thủ phạm).

dao đoạn mạng người nào đó? Người kia liền đến giết. Giết được, thành Ba-la-di, không giết được, phạm Thâu-lan-giá.

- Sai người tìm cầu kẻ cầm dao giết: Cũng như vậy.

- Ra dấu bằng thân:[157] thân làm dấu hiệu giết. Như làm cho rớt vào trong nước, trong lửa, từ trên cao rớt xuống đáy hang sâu; hoặc khiến voi chà chết, khiến ác thú ăn, độc xà cắn. Người kia do nơi dấu hiệu bằng thân nầy mà tự mình giết, phạm Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm Thâu-lan-giá.

- Miệng nói:[158] hoặc nói thế này, ngươi đã làm điều ác, không có tâm nhân từ, lòng ôm sự độc hại, không làm các điều thiện; ngươi không làm việc cứu hộ. Ngươi sống sẽ chịu nhiều tội báo, không bằng chết. Hoặc là nói như vầy: Ngươi không làm các điều bạo ác, có nhân từ, không ôm lòng độc hại, ngươi đã làm các điều thiện như vậy, ngươi đã làm công đức, ngươi đã làm việc cứu hộ. Ngươi sống để chịu các khổ. Nếu ngươi chết sẽ sanh Thiên. Nhân lời nói nầy, người kia tự sát; thành Ba-la-di. Phương tiện mà không sát được, phạm Thâu-lan-giá.

- Ra dấu bằng thân và miệng: Cũng như vậy.

---

[157] Thân hiện tướng 身現相. Đây chỉ sự ra dấu để khuyến khích người tự sát. Pāli, Vin.i.76: Kāyena satvatteti.

[158] Khẩu thuyết 口說; khuyên người tự sát bằng lời nói. Pāli: Vācāya sanvatteti.

- Sai sứ:[159] Sai sứ đến người kia nói, ngươi đã làm điều ác,... điều thiện, nói đầy đủ như trên. Nhân nơi miệng của người sứ khen sự chết này, mà người kia tự sát; thành Ba-la-di. Phương tiện mà không chết được, phạm Thâu-lan-giá.

- Gởi thư:[160] Viết thư[161] nói, ngươi đã làm điều ác,... điều thiện, nói đầy đủ như trên.

- Sai bảo khiến sứ viết thư: Cũng như vậy.

- Hầm hố:[162] xét biết người kia sẽ đi qua lại trên tuyến đường đó; giữa đường đào một cái hầm sâu, trong hầm để lửa hoặc dao, hoặc rắn độc, hoặc chông nhọn, hoặc dùng thuốc độc bôi lên vật nhọn bén. Người kia rơi vào trong đó, nếu chết, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không giết được, phạm Thâu-lan-giá.

- Ỷ phát:[163] Biết người kia sẽ đứng tựa[164] nơi chỗ nào đó, hoặc nơi cây, nơi tường, nơi rào; bên ngoài đó để lửa, dao, chông, rắn độc, thoa chất độc nơi vật nhọn bén, bẫy gài, khiến người kia rơi vào đó; nếu chết, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không chết, phạm Thâu-lan-giá.

---

[159] Khiển sứ 遣使; tức là sai người đi khuyến khích người kia tự sát. Pāli: Dūtena sanvatteti, khuyến khích (chết) bằng sứ giả.

[160] Khiển thư 遣書. Pāli: Lekhāya sanvatteti, khuyến khích (chết) bằng cách viết (thư).

[161] Hán: Chấp thư **執書**, nghĩa đen - cầm thư. Pāli: Lekham chindati, - khắc văn tự; VA. 452 ***Giải Thích:*** Patte vā potthake vā akkharāni likkhati, - viết các chữ cái lên lá hay sách. Văn luật, Vin.i.76, còn nói: akkharakkharāya āpatti dukkanassa, mỗi âm tiết là một tội Đột-kiết-la.

[162] Khanh hãm 坑陷; Ngũ phần 2 (T22, tr.9a1): ưu-bà-đầu 優婆頭[a] Tăng kỳ 4 (T22, tr. 256a6): ô-măn-thổ 烏滿吐; Pāli: opāta.

[163] Ỷ phát 倚發; bản Tống-Nguyên-Minh: ỷ bát 倚撥. Thập tụng 2: Cơ bát 機撥 (phát động bằng máy móc hay bẫy cài); Ngũ phần 2: a-ba-xa 阿波奢. Pāli: apassena: Vật để tựa, bẫy ngụy trang.

[164] Hán: ỷ phát, xem cht. 143 trên.

- Cho uống thuốc: Biết người kia bệnh, cho loại thuốc không đúng[165] hoặc tạp độc, hoặc quá hạn, cùng các loại thuốc khiến cho chết, thành Ba-la-di. Cho thuốc mà chẳng chết, thành Thâu-lan-giá.

- Đặt dụng cụ giết:[166] Trước đã biết người kia vốn đã nhàm chán cái thân hèn hạ này nên đem dao, đồ độc, hoặc dây và các thứ dụng cụ làm cho chết để đó. Người kia dùng một trong những vật này để tự sát; nếu chết, (người đặt) Ba-la-di. Phương tiện mà không chết, (người đặt) thành Thâu-lan-giá.

Nếu làm các việc như vậy, cho đến các phương tiện khác để giết, người kia do đó mà chết, thành Ba-la-di. Phương tiện mà không chết, phạm Thâu-lan-giá.

Nếu con của trời, con của rồng, con của A-tu-la, con của Kiền-thát-bà, con của Dạ-xoa, Ngạ quỷ; hoặc trong loài súc sanh mà con nào có trí hiểu biết được tiếng người, hoặc lại có khả năng biến hình, phương tiện tìm cầu giết chết. Người giết, Thâu-lan-giá. Phương tiện mà không chết, Đột-kiết-la. Súc sanh không thể biến hình, giết nó thành Ba-dạ-đề. Phương tiện mà không chết, Đột-kiết-la.

Thật người, tưởng là người mà giết, Ba-la-di. Nghi là người, Thâu-lan-giá. Người, tưởng chẳng

---

[165] Phi dược 非藥.

[166] An sát cụ 安殺具. Ngũ phần: ưu-ba-hại 優波害; Tăng-kỳ: a-ba-khâm-mãn 阿波欽滿; Pāli: upanikkhipana (skt, upaniknepana)

phải người, Thâu-lan-giá. Chẳng phải người tưởng là người, Thâu-lan-giá. Nghi chẳng phải người, Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni, Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la, diệt tẫn, Đó là trường hợp phạm.[167]

Sự không phạm: Là ném dao, trượng, gạch, đá nhầm trúng người kia chết. Xây cất phòng xá, làm rơi đá, gỗ, cây, đòn tay... chết người. Người bệnh nặng mà dìu, đỡ nằm, ngồi, đi, đứng, tắm rửa, khi uống thuốc, từ chỗ lạnh đến chỗ nóng, từ chỗ nóng đến chỗ lạnh, vào phòng, ra phòng, đến nhà xí, trở về... tất cả không có tâm sát hại mà (người bịnh) chết thì (người đỡ) không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

IV. ĐẠI VỌNG NGỮ

A. DUYÊN KHỞI

1. Kết giới lần thứ nhất

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly,[168] ở trong giảng đường Cao-các bên sông Di hầu. Bấy giờ gặp lúc lúa gạo quý hiếm,[169] nhân dân đói khổ,

---

[167] Tăng-kỳ, (T22n1425, tr.257c4): Hội đủ 5 yếu tố, phạm Ba-la-di: 1. người; 2. có ấn tượng đó là người; 3. phương tiện để giết; 4. cố ý giết chết; 5. người ấy chết.

[168] Tăng-kỳ 4 (T22n1425, tr.257c16): Phật tại Xá-vệ thành. Thập tụng 2 (T23n1435, tr.11a6): Phật an cư mùa hạ tại Duy-da-li. Pāli, Vin. iii.87: Vesāliyam viharati mahāvane kūnāgārasālāyam, trú tại Vesli, trong rừng Mahāvana, trong một ngôi nhà sàn (Trùng các giảng đường)

[169] Pāli, nt: Nạn đói kém tại Vajjī.

khất thực khó được. Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Hãy tập họp tất cả Tỳ-kheo trú ở Tỳ-xá-ly vào giảng đường.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, tập hợp các Tỳ-kheo tại giảng đường. Chúng tăng tập hợp xong, Tôn giả đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, thưa:

- Tất cả các Tỳ-kheo có mặt tại Tỳ-xá-ly đã tập hợp tại giảng đường. Cúi xin đức Thánh biết thời.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền đến giảng đường, ngồi giữa đại chúng, bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngươi nên biết, hiện nay gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Các ngươi ai có thân hữu tri thức đồng Hòa thượng, cùng thầy, ở gần Tỳ-xá-ly này, thì đến đó nương nhờ, cùng tùy theo sự thích hợp mà an cư. Ta cũng sẽ an cư nơi nầy. Tại sao vậy? Vì thức ăn khó khăn, nên khiến cho chúng tăng mệt nhọc.

Các Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn dạy rồi, mỗi người đều theo thân hữu tri thức đồng Hòa thượng, đồng thầy, ở gần Tỳ-xá-ly mà an cư. Đức Thế Tôn cũng an cư trong thành Tỳ-xá-ly.

Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo an cư ở trong Tăng-già-lam bên sông Bà-cừu, khởi ý niệm: Như hiện nay trong nước này lúa gạo quý hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Chúng ta nên

dùng phương tiện thế nào để khỏi khổ sở vì ẩm thực? Họ nghĩ ra phương tiện như sau: Nay ta nên đến các nhà cư sĩ nói: "Tôi đạt được pháp thượng nhân. Tôi là A-la-hán, đạt được thiền, đạt được thần thông, biết được tâm người khác." Rồi lại khen Tỳ-kheo nào đó chứng đắc A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác. Trong đó có những cư sĩ tin ưa, có thức ăn uống gì không dám tự ăn riêng, không cho vợ con, mà lại mang đến cúng dường chúng ta. Các cư sĩ kia cũng sẽ khen ngợi chúng ta: "Các vị Tỳ-kheo này thật sự là ruộng phước, đáng tôn kính." Như vậy chúng ta có thể nhận được thức ăn uống ngon bổ, có thể sống an lạc, không bị vấn đề khất thực gây khó khổ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở bên sông Bà-cừu suy nghĩ như vậy rồi liền đến nhà các cư sĩ, tự nói:

- Tôi chứng đắc pháp thượng nhân. Tôi là A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác.

Lại khen vị Tỳ-kheo nào đó chứng đắc A-la-hán, đắc thiền, đắc thần thông, biết được tâm người khác.

Khi ấy các cư sĩ tin ưa, tin nhận lời nói kia, liền đem thức ăn uống có được và phần của vợ con không dám cho ăn hết, mang đến cúng dường cho các Tỳ-kheo và nói: Đây là bậc đáng tôn kính của

thế gian.

Các Tỳ-kheo này nhờ thọ sự cúng dường của các vị cư sĩ nên nhan sắc sáng sủa, tươi vui, khí lực đầy đủ. Các Tỳ-kheo khác an cư tại Tỳ-xá-ly nhan sắc tiều tụy, hình thể khô héo, y phục rách rưới. An cư xong, thu xếp y bát đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi han các Tỳ-kheo:

- Các ngươi đi đứng có được hòa hiệp an lạc chăng? Không khổ vì ẩm thực chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đi đứng hòa hiệp, an lạc; nhưng gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Vì vậy mà khổ.

Trong khi đó, các Tỳ-kheo an cư trong Tăng-già-lam, bên sông Bà-cừu thì nhan sắc sáng sủa, tươi vui, khí lực đầy đủ. An cư xong thu xếp y bát, đến chỗ Đức Thế Tôn. Đến nơi, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi han các Tỳ-kheo:

- Các ngươi đi đứng có được hòa hiệp an lạc chăng? Không khổ vì ẩm thực chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đi đứng hòa hợp an lạc; không gặp phải khó khăn về ẩm thực.

Đức Phật hỏi:

- Hiện nay gặp lúc lúa gạo quý hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó được. Các ngươi dùng phương tiện nào mà không gặp phải khó khăn vì vấn đề ẩm thực?

Các Tỳ-kheo liền đem nhân duyên trước trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn và thưa:

- Nhờ vậy chúng con không gặp phải khó khăn về ẩm thực. Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

- Sự thật các ngươi có chứng đắc như vậy không? Các Tỳ-kheo thưa:

- Hoặc có người chứng thật. Hoặc có người không chứng thật. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngươi, những kẻ ngu si, thật có mà còn không nên nói với người, huống là không thật mà lại đến nói với người!

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong đời có hai hạng giặc:[170] Một là thật chẳng phải tịnh hạnh mà tự xưng là tịnh hạnh. Hai là vì miệng và bụng nên không chân thật, chẳng phải mình có mà ở trong chúng cố ý nói lời vọng ngữ, tự xưng rằng đạt được pháp thượng nhân. Trong hai hạng giặc này, kẻ vì miệng và bụng nên không chân thật, chẳng phải mình có mà ở trong đại chúng cố ý nói lời vọng ngữ: Tự xưng mình

[170] Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.9b17): Năm đại tặc 五大賊; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.12a12): Ba đại tặc 三大賊.

đạt được pháp thượng nhân, là kẻ giặc lớn nhất không gì bằng. Tại sao vậy? Vì chúng ăn trộm thức ăn uống của người.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo an cư trong Tăng-già-lam bên sông Bà-cừu rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau Ta vì các Tỳ-kheo mà kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài."

Người muốn thuyết giới, nên thuyết như vầy:

- Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng: "Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy." Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vầy: "Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ." Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

2. Kết giới lần thứ hai:

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, lúc ấy có một Tỳ-kheo tăng thượng mạn nói với người: Tôi đắc đạo. Thời gian sau, vị ấy tinh tấn không giải đãi, cần cầu phương tiện, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Vị ấy nghĩ như vầy: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: Tỳ-kheo

nào, thật không sở tri mà tự xưng: "Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy." Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: "Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ. Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung." Với tâm kiêu mạn, tôi đã tự nói tôi đắc đạo. Thời gian sau với tâm siêng năng, phương tiện tinh tấn, không giải đãi, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Như vậy tôi há không phạm Ba-la-di? Nay phải làm thế nào? Vị ấy tìm các Tỳ-kheo đồng ý:[171] Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng: "Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy." Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vậy: "Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ." Tỳ-kheo này là kẻ Ba-la-di, không được sống chung." Tôi với tâm tăng thượng mạn tự xưng là tôi đắc đạo. Thời gian sau do sự siêng năng, phương tiện tinh tấn không giải đãi, chứng đắc pháp thù thắng tối thượng. Như vậy tôi há không phạm Ba-la-di sao? Lành thay, Đại đức vì tôi bạch Phật. Tùy theo lời Phật dạy, tôi sẽ vâng làm.

[171] Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.9b17): Năm đại tặc 五大賊; Thập tụng 2 (T23n1435, tr.12a12): Ba đại tặc 三大賊.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Lúc ấy, Đức Thế Tôn do nhân này tập hợp Tỳ-kheo Tăng, vì các Tỳ-kheo tùy thuận thuyết pháp, dùng vô số phương tiện tán thán đầu-đà, tán thán[172] thiểu dục tri túc, ưa xuất ly, và bảo các Tỳ-kheo:

- Người tăng thượng mạn không phạm. Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, thật không sở tri mà tự xưng: "Tôi chứng đắc pháp thượng nhân, tôi biết như vậy, tôi thấy như vậy." Vào lúc khác, Tỳ-kheo ấy hoặc bị người cật vấn, hoặc không người cật vấn, muốn tự thanh tịnh nên nói như vầy: "Tôi thật không biết, không thấy, mà nói có biết có thấy, nói lời hư dối vọng ngữ," trừ tăng thượng mạn, Tỳ-kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Không biết không thấy: Thật sự không thấy biết.

Tự xưng: Tự mình xưng nói có tín, giới, thí, văn, trí tuệ, biện tài.

Pháp của người: ấm của con người, giới của

[172] Để bản: Đoan nghiêm 端嚴. Bản Thnh: Đoan nghiêm vi diệu pháp 端嚴微妙法.

con người, nhập của con người.[173]

Pháp thượng nhân: Các pháp có khả năng thành tựu xuất ly.[174] Tự nói:[175] tự nói niệm tại thân, tự nói chánh ức niệm, tự nói trì

giới, tự nói có dục, tự nói không buông lung, tự nói tinh tấn, tự nói đắc định, tự nói đắc chánh thọ, tự nói có đạo, tự nói tu tập, tự nói có huệ, tự nói kiến, tự nói đắc, tự nói quả.

- Tự nói niệm tại thân:[176] Có niệm có khả năng dẫn đến xuất ly; chuyên cần, thân cận pháp này, tu tập và phát triển rộng lớn, như điều khiển cỗ xe, thủ hộ và quán sát, khéo đạt được bình đẳng, đã được quyết định, không còn khó khăn, được[177] tự tại. Như vậy gọi là tự mình nói đặng thân niệm xứ.

- Tự nói chánh ức niệm: Có niệm có khả năng dẫn đến xuất ly; chuyên cần, thân cận pháp này, tu tập và phát triển rộng lớn, như điều khiển cỗ xe, thủ hộ và quán sát, khéo đạt được bình đẳng, đã được quyết định, không còn khó khăn, được tự tại.

---

[173] Nhân pháp 人法 đồng nghĩa với nhân ấm 人陰 : Pháp ở đây được hiểu là uẩn, xứ và giới. Tăng kỳ (T22n1425, tr.260c24): Nhân pháp, chỉ ngũ dục, 5 hạ phần kết... cho đến, 10 thiện và bất thiện nghiệp đạo.

[174] Ngũ phần (T22n1421, tr.9c24): Quá nhân pháp 過人法, chỉ hết thảy pháp xuất yếu, tức các thiền, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, các Thánh đạo và Thánh quả. Tăng kỳ (T22n1425, tr.261a7): Quá nhân pháp, chỉ 10 trí,... vô sanh trí,... cho đến 10 vô học pháp, 10 lậu tận lực. Pāli, Vin.i.91: uttaramanusadhammo nāma jhānam vimokkho samādhi samāpatti ḍānadassanam..., Pháp của bậc thượng nhân, chỉ cho thiền, giải thoát, chánh định, chánh thọ, tri kiến...

[175] Hán: Tự ngôn 自言, tức nói những điều liên hệ đến mình, nói gợi ý về mình. Pāli: attupanāyikam

[176] Niệm tại thân 念在身; đây chỉ thân niệm xứ. Tham chiếu, Trường A-hàm 9 (T1, tr.50c9), Trung A-hàm 24 (T1, tr.582b20), Pháp uẩn túc luận 5 (T26, tr.475c27); Pali, D.ii. tr. 94, 290 (No 22. Mahāsatipatthāna, i. tr.56 (Satipatthāna): idha bhikkhave bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā vineyya loke abhijjhādomanassam, - Tỳ-kheo sống quán thân nơi thân, bằng nhiệt tâm, bằng chánh trí, chánh niệm, có thể chế ngự tham ưu ở đời.

[177] Đắc 得, bản Thánh: Phục 復.

Như vậy gọi là tự mình nói chánh ức niệm.

- Tự nói đắc giới, tự nói có dục, tự nói không buông lung, tự nói tinh tấn, cũng được nói như trên.

- Tự nói đắc định: Nói chứng đắc tam-muội có giác có quán;[178] tam-muội không giác có quán;[179] tam-muội không giác, không quán; tam muội không[180] - vô tướng - vô tác;[181] chuyên cần, thân cận tư duy định này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói đắc chánh thọ:[182] Chánh thọ có tưởng, chánh thọ không tưởng, chánh thọ tùy pháp, chánh thọ tâm tưởng, chánh thọ trừ sắc tưởng, chánh thọ không trừ sắc tưởng, chánh thọ trừ nhập,[183] chánh thọ nhất thiết nhập,[184] làm quen, học tập, gần gũi, tư duy chánh thọ này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói có đạo: Từ đạo có một chi đạo cho đến đạo có mười một chi; chuyên cần, thân cận tư duy đạo này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói tu: Tu giới, tu định, tu trí, tu giải thoát huệ, tu kiến giải thoát huệ, chuyên cần, thân cận.

---

[178] Hữu giác hữu quán tam-muội 有覺有觀三昧 hay hữu tầm hữu tứ tam-ma-địa (đẳng trì; pāli: Savitakka-savicāra-samādhi), chánh định với sự có mặt của tầm và tứ; chỉ trạng thái sơ thiền. Cf. Câu-xá 28, (T29, tr.149c5).

[179] Vô giác hữu quán tam-muội 無覺有觀三昧，hay vô tầm duy từ tam-ma-địa, trạng thái trung gian tĩnh lự, giữa sơ và nhị thiền. Cf. Câu-xá 28, (T, tr.149c5).

[180] Chỉ các trang thái định từ nhị thiền trở lên.

[181] Không, vô tướng, vô tác tam-muội 空無相無作三昧, hay không, vô tướng, vô nguyện tam-ma-địa, chỉ ba giải thoát môn. Cf. Câu-xá 28, (T29, tr.149c22).

[182] Chánh thọ, cũng dịch là đẳng chí (Pali. sampatti: Tam-ma-bát-đề).

[183] Trừ nhập chánh thọ 除入受, chỉ 8 thắng xứ (Pali: attha abhibhāyatanāni); Cf. Câu-xá 29, (T29, tr.151c12); Cf. Pāli, D.iii. tr.260, Sangīti-suttanta.

[184] Nhất thiết nhập 一切入, chỉ 10 biến xứ đ?nh (Pali: Dasa kasinyatanni). Cf. Câu-xá 29 (T29, tr.151c24); D.iii. 268 (Sangytisuttanta).

Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói có trí: Pháp trí,[185] tỉ trí,[186] đẳng trí,[187] tha tâm trí làm quen, học tập, gần gũi, tư duy trí này. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói kiến:[188] Thấy khổ, thấy tập, thấy tận và thấy đạo. Hoặc lại nói như vầy: Thiên nhãn thanh tịnh quán các chúng sanh, hoặc sanh, hoặc tử, hoặc có sắc đẹp, hoặc có sắc xấu, hoặc thiện thú, ác thú; hoặc biết có tốt xấu, quý tiện, tùy theo nghiệp báo của chúng sanh. Biết điều đó đúng như thật, chuyên cần, thân cận. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói đắc: Đắc Tu-đà-hoàn, đắc Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, làm quen, học tập, gần gũi. Ngoài ra như trên đã nói.

- Tự nói quả: Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, làm quen, học tập, gần gũi... ngoài ra như trên đã nói.

Với những sự hư vọng, không thiệt như vậy; không biết, không thấy mà nói với người: Tôi đạt được pháp thượng nhân. Tự miệng mình nói với người mà người ấy hiểu, phạm Ba-la-di. Nói mà người ấy không hiểu, phạm Thâu-lan-giá.

Hoặc dùng tay làm dấu, hoặc sai sứ, hoặc viết

---

[185] Pháp trí 法智 (skt. dharma-jḍāna), trí tuệ nhận thức bốn Thánh đế thuộc Dục giới. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 135b6).

[186] Tỉ trí 比智 hay loại trí (Skt. anvaya-jḍna), trí nhận thức bốn Thánh đế thuộc thượng giới. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 135b6).

[187] Đẳng trí 等智, có lẽ chỉ hiện quán biên thế tục trí (Skt. abhisamayāntyākhya-laukika-jḍāna), tức trí thuộc phàm phu địa tu quán 16 hành tướng của bốn Thánh đế. Xem Câu-xá 26, (T29, tr. 183b15).

[188] Kiến 見, chỉ tri kiến trong giai đoạn kiến đạo (darśnamārga).

thư, hoặc ra dấu hiệu cho biết, mà người ấy biết, phạm Ba-la-di, không biết phạm Thâu-lan-giá.

Tự mình ở chỗ vắng người, khởi ý tưởng là không vắng người, miệng nói: Tôi đạt được pháp thượng nhân, phạm Thâu-lan-giá. Chỗ không vắng khởi ý tưởng là vắng, miệng mình nói: Tôi đạt được pháp thượng nhân, phạm Thâu-lan-giá. Nói với chư Thiên, A-tu-la, Càn-thát-bà, Dạ-xoa, ngạ quỷ, súc sanh có thể biến hình, có trí, là mình đắc pháp thượng nhân, mà những hàng ấy hiểu, phạm Thâu-lan-giá; chúng không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Làm dấu bằng tay, sai sứ, viết thư, ra dấu mà người kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá; không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Nói với súc sanh không thể biến hình, là mình đắc pháp thượng nhân, phạm Đột-kiết-la.

Nếu thật sự người đắc đạo mà nói với vị đại Tỳ-kheo không đồng ý,[189] mình đạt được pháp thượng nhân, phạm Đột-kiết-la. Nếu giảng cho người về căn, lực, giác ý, giải thoát, tam-muội, chánh thọ mà lại nói: Tôi đạt được, phạm Ba-la-di.

Người, khởi ý tưởng là người, phạm Ba-la-di. Nghi là người, phạm Thâu-lan-giá. Người mà tưởng chẳng phải người, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà tưởng là người, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải người mà nghi cũng phạm

[189] Chỉ Tỳ-kheo không thân thiết.

Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni Ba-la-di; Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la, tẫn xuất. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Người tăng thượng mạn tự nói là nghiệp báo nhân duyên chứ chẳng phải tu đạt được, hoặc hướng đến vị đại Tỳ-kheo đồng ý[190] mà nói pháp thượng nhân. Hoặc giảng cho người về căn, lực, giác ý, giải thoát, tam-muội, chánh thọ mà không tự xưng là tôi đạt được. Hoặc vui đùa mà nói; hoặc nói lướt nhanh; nói chỗ vắng, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc này nói nhầm việc kia thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

Chương II: NÓI VỀ 13 PHÁP TĂNG TÀN

I. CỐ Ý TIẾT TINH

A. DUYÊN KHỞI

1. Kết giới lần thứ nhất:

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa nơi thành Xá-

[190] Các luật khác không nói đến trường hợp không phạm này.

vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di[191] vì bị ám ảnh dục bừng bừng,[192] nên nhan sắc tiều tụy, thân thể yếu mòn. Trong thời gian khác, Ca-lưu-đà-di sống một mình trong một phòng, trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phu cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc; do vậy ám ảnh dục càng bừng bừng. Mỗi khi dục tâm khởi lên, ông bèn vọc cho xuất bất tịnh. Nhờ vậy, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa. Các Tỳ-kheo thân hữu thấy vậy hỏi:

- Trước đây nhan sắc của thầy tiều tụy, thân hình gầy ốm, mà nay thì nhan sắc tươi vui sáng sủa. Ấy là do đi đứng thoải mái chăng? Không khốn khổ vì ăn uống phải không? Vì sao được như vậy?

Ca-lưu-đà-di trả lời:

- Tôi đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống. Các Tỳ-kheo lại hỏi:

- Nhờ phương tiện gì mà đi đứng thoải mái, không khổ vì chuyện ăn uống?

Ca-lưu-đà-di đáp:

- Này Đại đức, trước đây tôi vì bị ám ảnh dục bừng bừng, nên nhan sắc tiều tụy, thân thể yếu mòn. Sau đó, tôi sống một mình trong một phòng,

---

[191] Ca-lưu-đà di; Ngũ phần 2: Trưởng lão Ưu-đà-di 長老優陀夷; Tăng-kỳ 5: Tỳ-kheo Thi-lị- da-bà 時有比丘名尸利耶婆. Pali: Udyin hành thủ dâm, rồi bảo Seyyasaka làm theo. Sớ giải nói Udāyin nay la¸ Lānudāyi, Hoà thượng của Seyyasaka.

[192] Hán: Dục ý xí thạnh 欲意熾盛.

trang bị võng tốt, giường cây, nệm lớn, nệm nhỏ, chăn gối, dưới đất lại trải phu cụ tốt, ngoài cửa để đồ đựng nước nóng rửa chân; ăn uống đầy đủ sung túc. Mỗi khi dục tâm khởi lên, tôi bèn vọc cho nó xuất bất tịnh. Nhờ vậy mà tôi đi đứng thoải mái, các căn tươi vui, nhan sắc sáng sủa.

Các Tỳ-kheo nói:

- Việc Thầy làm thì rất khổ, tại sao nói an lạc? Việc làm không an mà lại nói an sao? Trong chánh pháp này nói về dục cốt để trừ dục, nói về mạn cốt để trừ mạn; diệt trừ khát ái, đoạn các kết sử, do diệt tận ái mà Niết-bàn. Tại sao Thầy bị dục ám ảnh bừng bừng; mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo.

Ngài biết mà vẫn hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có phải ngươi do ám ảnh dục bừng bừng; rồi mỗi khi dục tâm khởi lên, bèn vọc cho xuất bất tịnh chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, thật vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

- Việc ngươi làm là sai quấy, chẳng phải oai

nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, là việc không nên làm. Tại sao nay ngươi đã xuất gia trong pháp thanh tịnh của Ta mà làm cái hạnh ô uế, vọc âm cho xuất tinh? Ngươi, kẻ ngu si này, nay đưa cánh tay ra để nhận thức ăn của tín thí, rồi lại bằng cánh tay đó mà vọc âm cho xuất tinh!

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người đầu tiên phạm giới này. Từ nay về sau ta vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài. Người muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

- Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, tăng-già bà-thi-sa.

2. Kết giới lần thứ hai:

Sau khi Thế Tôn kết giới như vậy cho các Tỳ-kheo, bấy giờ có một Tỳ-kheo khi ngủ ý loạn, bị mộng tinh có ức niệm, khi tỉnh dậy, suy nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Vọc âm xuất tinh, Tăng-già-bà-thi-sa." Ta khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh có ức niệm, há không phạm Tăng-già-bà-thi-sa ư? Nay ta nên như thế nào? Vị ấy liền đến Tỳ-kheo đồng ý kể lại đầy đủ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Vọc âm xuất tinh, Tăng-già-bà-thi-sa." Tôi khi ngủ loạn ý, bị mộng tinh mà còn

nhớ, há không phạm tăng-già-bà-thi-sa ư? Nay tôi nên như thế nào? Đại đức vì tôi đem nhân duyên này bạch với Đức Phật. Nếu Đức Phật dạy bảo thế nào, tôi sẽ phụng hành thế ấy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này liền tập hợp các Tỳ-kheo bảo:

- Khi ngủ mà ý loạn có năm điều tai hại:

1. Ác mộng.
2. Chư thiên không hộ vệ.
3. Tâm không nhập pháp.[193]
4. Không tư duy minh tướng.[194]
5. Trong mộng xuất tinh.

Đó là năm điều tai hại. Khi ngủ với ý lành có năm công đức:

1. Không thấy ác mộng.
2. Chư thiên vệ hộ.
3. Tâm vào nơi pháp.
4. Cột ý nơi minh tướng.
5. Không bị xuất tinh trong mộng.

Đó là năm điều công đức. Trong mộng xuất tinh không phạm. Từ nay về sau giới này sẽ được thuyết như vầy:

---

[193] Ngũ phần 2. tr.10b22: Không có tâm giác pháp 無覺法心.

[194] Minh tướng 明相; Ngũ phần: Minh tưởng 明想.

B. GIỚI VĂN

Nếu Tỳ-kheo nào, cố ý vọc âm cho xuất tinh, trừ chiêm bao, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Vọc:[195] Thật cố tâm làm cho xuất tinh. Tinh có bảy loại:[196] xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, màu sữa,[197] màu sữa tương.[198] Tinh màu xanh là tinh của Chuyển luân thánh vương. Tinh màu vàng là tinh của Thái tử Chuyển luân thánh vương. Tinh màu đỏ là tinh phạm nhiều đến nữ sắc. Tinh màu trắng là tinh của người vác nặng. Tinh màu đen là tinh của đệ nhất Đại thần Chuyển luân thánh vương. Tinh màu sữa là gì? Là tinh của Tu-đà-hoàn. Tinh màu sữa tương là gì? Là tinh của Tư-đà-hàm.

Bấy giờ, có một Bà-la-môn ở chỗ nhàn tịnh trì tụng chú thuật. Kinh của ông nói, nếu ai cố ý làm xuất tinh thì mạng chung sẽ sanh thiên. Người kia muốn cầu thiên đạo, thường vọc âm xuất tinh. Khi người Bà-la-môn xuất gia hành đạo, nghe theo lời nói này, vì muốn sanh thiên, nên vọc âm xuất tinh. Vị kia nghi, nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bạch lên Đức Phật. Phật nói, phạm Tăng-già-bà-

---

[195] Hán: Lộng 弄. Tứ phần: Cố lộng âm xuất tinh 故弄陰出精. Ngũ phần: Cố xuất bất tịnh 故 出不淨; Tăng kỳ Thập tụng: Cố xuất tinh 故出精. Pāli: Saḍcetanik sukkavisatthi, cố ý làm xuất tinh.

[196] Ngũ phần: 10 loại. Thập tụng: 5 loại. Pāli, 10 loại: Nīlam pītakam lohitaam ontam takkavattam dakavattam telavattam khīravattam dadhivattam sappivattam; không giải thích chi tiết.

[197] Lạc sắc 酪色, tức Pāli dadhivattamm.

[198] Lạc tương sắc 酪漿色, tức Pāli sappivattatt.

thi-sa.

Nếu vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì tự thí nghiệm sự xuất tinh, vì cầu phước, vì tế trời, vì sanh thiên, vì để cho, vì nối giòng, vì tự phóng túng (lung tánh), vì tự thử sức, vì nhan sắc đẹp, vì những việc như vậy mà lộng xuất tinh,[199] tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu bằng ức niệm mà vọc cho xuất tinh, Tăng-già-bà-thi-sa.[200] Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh; tinh xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất tinh màu xanh nhưng tinh xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, tương sữa, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu muốn xuất tinh màu vàng lại ra tinh màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, màu xanh, Tăng-già-bà-thi-sa. Màu đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương cũng như vậy.

Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh,[201] Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh lại thất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa và sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Vì mục đích khoái lạc, bằng ức niệm mà

---

[199] Ngũ phần: 10 mục đích cố ý xuất tinh, đại để như Tứ phần. Căn bản Tì-nại-da, có 5 mục đích.

[200] Tăng kỳ 5: Mắt thấy, v.v…, sanh ý tưởng dâm dục; sau đó, bằng sự hồi tưởng (ức niệm), dục tâm phát sanh. Thập tụng 3: Ba yếu tố thành phạm: Phát tâm, thân động, xuất tinh.

[201] Hán: Thất bất tịnh 失不淨, - làm thất thoát cái bất tịnh,» tức xuất bất tịnh hay xuất tinh. Các bản: Thất 失; bản Thánh: Xuất 出.

vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương và xanh cũng lại như vậy.

Vì muốn làm thuốc, vì tự mình thử, vì cầu phước, vì tế tự, vì sanh thiên, vì để cho, vì để lấy giống, vì phóng túng, vì tự thử sức, vì nhan sắc tươi vui, cũng như vậy.

Hoặc đối với nội sắc, ngoại sắc, nội ngoại sắc, nước, gió, không.

- Nội sắc: Là sắc có thọ.[202]
- Ngoại sắc: Là sắc không thọ.[203]
- Nội ngoại sắc: Là sắc có thọ và không thọ.
- Nước: Thuận giòng nước hay ngược dòng nước, dùng nước rưới lên.
- Gió: Là thuận chiều gió, nghịch chiều gió, hoặc dùng miệng thổi.
- Không: Từ nơi hư không mà dao động thân.[204]

Nếu ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho thất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu

---

[202] Thọ sắc 受色. Ngũ phần: Nội sắc chỉ cho tự thân 己身. Thập tụng: Nội thọ sắc 內受色 sắc có chấp thọ thuộc nội thân (xem Câu-xá 1, tr.2c), chỉ sự thủ dâm bằng cách dùng tay, chân, miệng, v.v… Cf. Tăng kỳ: Thân, thân phần, thân hiệp 身身分身合 thân: Tất cả dao động của thân làm xuất tinh; thân phần; dùng tay hay chân, hay một bộ phận của thân mình làm xuất tinh; thân hiệp: Dùng các phương tiện ngoài như đất, nước, chăn, gối... Pāli, Vin.iii.112: ajjhatarūpe moceti, xuất trong nội sắc; thích từ: ajjhatarpeti ajjhattam upādinne rūpe, nội sắc, sắc được chấp thủ nội thân.

[203] Thập tụng: Ngoại bất thọ sắc 外不受色. Ngũ phần, ngoại sắc: Thân người khác 他身.

[204] Pāli, id., ākāse kanim kampento moceti, xuất trong khi làm dao động phần mông trong không gian.

vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, nếu xuất, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc nên ở nơi nội sắc, bằng ức niệm mà vọc, muốn cho xuất bất tịnh màu xanh, lại xuất màu vàng, đỏ, trắng, đen, sữa, sữa tương, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu vì khoái lạc cho đến vì nhan sắc hòa duyệt cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với nước, gió, hư không cũng như vậy.

Bằng ức niệm mà vọc cho xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa. Không xuất, Thâu-lan-giá. Nếu Tỳ-kheo phương tiện vọc mà xuất bất tịnh, Tăng-già-bà-thi-sa; không xuất, Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo dạy Tỳ-kheo phương tiện vọc cho xuất bất tịnh; nếu xuất, Thâu-lan-giá; không xuất Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni dạy Tỳ-kheo phương tiện vọc xuất bất tịnh; nếu xuất, Thâu-lan-giá; không xuất, Đột-kiết-la. Chỉ dạy cho người khác, ngoại trừ cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, vọc mà xuất hay không xuất đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trong mộng bị xuất. Tỉnh dậy, sợ bẩn thân, bẩn y, giường, chăn, dùng vật xấu tệ,

lá cây hay vật gì đựng đem vất đi, hoặc dùng tay quẹt bỏ. Hoặc do dục tưởng mà xuất bất tịnh; hoặc thấy sắc đẹp, không xúc chạm mà xuất bất tịnh; hoặc khi đi, tự chạm hai bắp vế; hoặc chạm y, hoặc chạm niết-bàn-tăng[205] mà xuất bất tịnh; hoặc khi đại tiểu tiện xuất bất tịnh; hoặc tắm rửa bằng nước nóng, nước lạnh xuất bất tịnh; hoặc trong nhà tắm dùng da cây mịn, bột, thuốc, bùn, đất xoa chà, xuất bất tịnh; hoặc dùng tay kỳ, xoa nơi thân xuất bất tịnh; hoặc khi kêu la khóc lớn, hoặc khi dụng lực làm việc. Tất cả trường hợp không có ý tạo nên mà xuất bất tịnh, đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[206]

II. XÚC CHẠM NỮ NHÂN

A. DUYÊN KHỞI

Phật trú tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Phật chế giới cấm không được vọc âm cho xuất tinh, bèn cầm cây gài cửa, đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến,[207] nói:

- Này cô, cô có thể vào phòng mà xem.

---

[205] Pāli, id., ākāse kanim kampento moceti, xuất trong khi làm dao động phần mông trong không gian.

[206] Hán, hết quyển 2.

[207] Tăng kỳ 5: Phật tại Vương-xá, Ca-lan-đà Trúc viên. Sa-di-ni Chi-lê 支梨, đệ tử của Tỳ- kheo-ni Ưu-bát-la 優钵羅, được sai mang y đến cho Ưu-đà-di; bị Ưu-đà-di dẫn vào phòng riêng rồi ôm. Tiếp theo, một chuỗi sự kiện với nhiều người khác nhau.

Khi họ vào trong phòng, Ca-lưu-đà-di nắm tay, rờ rẫm, hôn hít. Người nào ưa thích thì vui cười với việc làm đó. Người không ưa thích thì liền nổi giận mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Ca-lưu-đà-di đưa chúng tôi vào trong phòng rồi nắm tay, kéo, rờ mó, hôn hít chúng tôi. Phu chủ của chúng tôi, khi ở trong phòng kéo níu như vậy, chúng tôi còn không chấp nhận được, huống nay là Sa-môn Thích tử mà lại làm như vậy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di:

- Đức Thế Tôn chế giới không được vọc âm xuất tinh. Nay tại sao thầy cầm cây gài cửa, đứng trước cửa chờ các phụ nữ, hoặc vợ của nhà cư sĩ, vào phòng xem rồi rờ mó, hôn hít ?

Quở trách như vậy rồi, vị ấy đi đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên ấy bạch đầy đủ lên Đức Phật. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi:

Ca-lưu-đà-di! Ngươi thật sự có làm như vậy không? Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự thật đúng như vậy.

- Khi ấy, Đức Thế Tôn quở trách Ca-lưu-đà-di:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, cùng người nữ, thân xúc chạm nhau, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm mỗi một thân phần, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Ý dâm dục: Tức là tâm bị nhiễm ô bởi ái.[208]

[208] Dâm dục ý 淫意; Ngũ phần 2 (T22n1421, tr.11a28): Dục thạnh biến tâm 欲盛變心. Tăng kỳ 5 (T22n1425, tr.265c23): Dâm dục biến tâm 淫欲變心; thích từ: Tâm quá khứ diệt tận, biến dịch, nói là biến. Nhưng biến dịch ở đây chỉ cho sự biến dịch đối với căn, lực, giác chi, đạo chủng. Pali, Vin.iii.120: otitto viparinatena cittena, bị ức chế bởi tâm biến đổi; thích từ: otitto, chỉ tâm tham ái bị buộc chặt bởi sự khát

Người nữ: Như trên đã nói.[209]

Thân: Tức là từ tóc cho đến chân.

Thân xúc chạm nhau:[210] Hoặc xoa nắm, hoặc xoa bóp khắp,[211] hoặc kéo, hoặc đẩy, hoặc xoa ngược, hoặc xoa xuôi, hoặc nâng lên, hoặc để xuống, hoặc nắm, hoặc bóp, hoặc ấn mạnh.[212]

Xoa nắm: Xoa chà phía trước hay phía sau trong thân.[213]

Kéo: Kéo ra phía trước.[214] Đẩy: Đẩy nhau.

Xoa ngược: Từ dưới xoa lên. Xoa xuôi: Từ trên xoa xuống. Nâng lên: Ẵm mà nâng lên.

Để xuống: Đang đứng mà ẵm để ngồi xuống.

Nắm: Nắn phía trước, nắn phía sau, nắn vú, nắn đùi.

Sờ: Bóp phía trước, bóp phía sau, bóp vú, hoặc bóp đùi.[215] Thảy đều Tăng-già-bà-thi-sa.

---

vọng dục tình.

[209] Ngũ phần, nt.: Người nữ, kể cả trẻ mới sinh. Pāli, ibid, người nữ, kể cả trẻ mới sinh, chỉ loài người chứ không phải dạ-xoa, quỷ, súc sinh.

[210] Hán: Thân tương xúc 身相觸; Ngũ phần: Thân tương ma xúc 身相摩觸. Pāli, Vin.iii.119: Kāyasansaggam samāpajjeyya, tiến đến chỗ giao hội của thân thể. Sớ giải: Hatthaggahanādi kāyasampayogam, sự kết hợp thân thể bằng sự nắm tay v.v…

[211] Hán: Trùng ma 重摩, không có giải thích. Căn bản: Cực xúc 極觸. Pāli: Parāmasanā. Xoa bóp cùng khắp; Sớ giải: Parmasanā nāma itocito ca sanpanā, xoa bóp cùng khắp, nghĩa là sờ mó chỗ này, chỗ kia.

[212] Căn bản Tì-nại-da 11, tr.683c, 9 động tác phạm Tăng-già-bà-thi-sa: Xúc 觸, cực xúc 極觸, bằng 憑, tróc 捉, khiên 牽, duệ 曳 , thướng 上, há 下, biến bão 遍抱. So sánh Pali, Vin.iii.121, các động tác xúc chạm: masan parmasan omasan ummasan olanghan ullanghan katthan patikatthan abhiniggahan abhinippyan gahanam chupanam, vuốt ve, vuốt khắp, vuốt xuống, vuốt lên, khom xuống, ngữa lên, ôm chặt, áp sát, cầm nắm, sờ mó.

[213] Ma 摩. Ngũ phần: Ma xúc 摩觸. Thập tụng: Ma tróc 摩捉. Căn bản: Xúc 觸. Pāli: masan, do động từ masati (Skt. mnś): Sờ mó, vuốt ve.

[214] Khiên 牽. Căn bản: Khiên, từ xa kéo lại gần (mình).

[215] Hán: Nại 捺. Pali: Chupanam nāma phutthamattam, sờ mó, chỉ xúc chạm thôi.

C. PHẠM TƯỚNG

Hoặc nữ tưởng là nữ; nữ nhân rờ mó thân Tỳ-kheo, hai thân xúc chạm nhau, (Tỳ-kheo) với ý dục nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc trong khi xúc chạm, Tăng-già-bà-thi-sa.

Người nữ khởi nữ tưởng. Người nữ ấy dùng tay rờ mó, Tỳ-kheo động thân, dục ý nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Tăng-già-bà-thi-sa. Cũng vậy, cho đến nắn, bóp. Nếu nghi là nữ, Thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ; thân xúc chạm áo, đồ anh lạc của người nữ kia, với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá.

Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ ấy dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm trên thân Tỳ-kheo; (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ. Người nữ dùng y, đồ anh lạc, xúc chạm thân Tỳ-kheo, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-

kheo) có ý tưởng đó là người nữ, dùng thân xúc chạm y, anh lạc của người nữ, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, (Tỳ-kheo) dùng thân xúc chạm y, đồ anh lạc của người nữ, với dục tâm nhiễm trước, không động thân nhưng có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Nếu là người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm thân Tỳ-kheo, (Tỳ-kheo) với dục tâm nhiễm trước, động thân, nhưng không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, Thâu-lan-giá. Người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ; người nữ này dùng y, đồ anh lạc nơi thân xúc chạm, (Tỳ-kheo) có dục tâm nhiễm trước, dù không động thân, Thâu-lan-giá. Người nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là người nữ, thân xúc chạm nhau, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc xúc chạm, dù không động thân, Thâu-lan-giá. Cũng vậy, nắm, xoa cho đến nắn, bóp, thảy đều Thâu-lan-giá. Nếu là nữ mà nghi, phạm Đột-kiết-la.

Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân,[216] với dục

[216] Hán: Thân y xúc thân y anh lạc cụ 身衣觸身衣瓔珞具 Tham chiếu Pāli, Vin.iii.122: ...itthiyā kāyapanibaddhena kāyapanibaddham āmasati, bằng trang phục nơi thân (củ Tỳ kheo) mà xúc chạm trang phục nơi thân của người nữ..

tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, phạm đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm, y đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, dù không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, động thân phạm Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, dù không động thân, Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, không có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, không động thân, Đột-kiết-la. Nữ, (Tỳ-kheo) có ý tưởng đó là nữ, dùng y nơi thân xúc chạm y, đồ anh lạc nơi thân, với dục tâm nhiễm trước, có cảm giác khoái lạc khi xúc chạm, động thân, Đột-kiết-la. Cho đến nắn, bóp, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Là người nữ mà nghi, phạm Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo cùng người nữ hai thân xúc chạm nhau, mỗi một lần xúc chạm là phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự xúc chạm nhiều ít, với

rồng cái, ngạ quỷ cái, súc sanh cái, có thể biến hình, hai thân xúc chạm nhau phạm Đột-kiết-la. Nếu cùng người nam hai thân xúc chạm nhau, Đột-kiết-la. Nếu cùng với người lại cái,[217] thân xúc chạm nhau, Thâu-lan-giá. Nếu người nữ khi làm lễ nắm chân, Tỳ-kheo có cảm thấy thích thú do sự xúc chạm, nhưng không động thân, Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo có dục tâm, xúc chạm y, bát, ni-sư-đàn, ống đựng kim, cọng cỏ rỗng,[218] cho đến tự mình xúc chạm thân, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Nữ nhân tưởng là nữ nhân, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ nhân, sanh nghi, Thâu-lan-giá. Nữ nhân, tưởng chẳng phải nữ nhân, Thâu-lan-giá. Chẳng phải nữ nhân tưởng là nữ nhân, Thâu-lan-giá. Chẳng phải là nữ nhân, sanh nghi, Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni, Ba-la-di. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Xúc chạm nhau khi nhận đồ vật gì; xúc chạm nhau, chỉ vì đùa giỡn; xúc chạm nhau, khi cởi mở (trói) thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

III. NÓI LỜI THÔ TỤC [219]

---

[217] Nhị hình 二形; Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: Hoàng môn 黃門; Pāli: Pattaka.

[218] Thảo cốc 草 (告); Tống-Nguyên-Minh: Thảo nghiết 草秸. Đây chỉ cây có rỗng ruột có thể gợi dục. Các luật khác không nói các trường hợp Đột-kiết-la này.

[219] Tứ phần, quyển 3 (T22, tr.581btt); Căn bản, quyển 11 (T23n1442, tr.684a15); Tát-bà-đa, quyển 3 (T23, tr.520b9); Thập tụng, quyển 3 (T23, tr.15c18); Ngũ phần, quyển 2 (T22n1421, tr.11b23); Tăng-kỳ, quyển

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở nước Xá-vệ.[220] Bấy giờ Ca-lưu-đà-di nghe Đức Thế Tôn chế giới: "Không được vọc âm cho xuất tinh"; "không được thân xúc chạm người nữ," bèn cầm cây gài cửa ra đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói:

- Mời các cô vào phòng tôi xem.

Khi dẫn họ vào trong phòng rồi, Ca-lưu-đà-di, do dục tâm, nói với họ những lời thô tục bỉ ối. Những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Tại sao tôi nói như vậy? Ca-lưu-đà-di mời chúng tôi vào phòng, với ý dâm dục, nói lời thô bỉ xấu ác đối với chúng tôi. Khi ở tại nhà, phu chủ tôi nói lời thô bỉ xấu ác như vậy, tôi còn không thể chấp

5 (T22n1425, tr.267c19); Pāli, Sanghādisesa 3, mātugāmam dutthullāhi vācāhi obhāseyya, Vin. iii. 127.

[220] Tăng kỳ: Phật tại Vương-xá.

nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời tồi tệ như thế.

Các Tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiểu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di... (nói đầy đủ như trước); rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng? Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, đúng như vậy. Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp trường tồn.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, nói lời dâm dục thô ác với người nữ; tùy theo lời nói dâm dục thô ác[221] Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên. Ý dâm dục,[222] như trên.

Người nữ: Cũng như trên.

Thô ác: Là chẳng phải phạm hạnh.

Lời nói dâm dục: Là nói đến hai đường tốt xấu.[223]

D. PHẠM TƯỚNG

Hoặc tự mình yêu cầu, hoặc sai người yêu cầu, hoặc hỏi, hoặc trả lời, hoặc giải bày, hoặc nói năng, hoặc dạy, hoặc mắng.[224]

Tự mình yêu cầu: Như nói, cùng tôi nơi hai đường làm việc như vậy, như vậy, hoặc dùng bao nhiêu lời nói khác khác.

Sai người yêu cầu: Như nói, "Cầu mong Trời, Phạm, thủy thần, Ma-hê-thủ-la thiên... hộ trợ tôi

---

[221] Tăng kỳ: nói lời xấu xa, tuỳ thuận pháp dâm dục, như nam nữ thiếu niên. Căn bản: nói lời thô bỉ xấu xa, không đứng đắn, liên hệ pháp dâm dục, như vợ chồng. Pāli, Vin.iii.128: Dutthullāhi vācāhi obhāseyya, yathā tam yuvā yuvatim mehunūpasanhitāhi, nói những lời thô tục giống như thiếu niên nam nữ.

[222] Căn bản, nhiễm triền tâm 染纏心.

[223] Pāli, Vin.iii.128: Dutthullā nāma vācā vaccamaggapassāmaggamethunadhammappanisanyuttā vācā, những lời thô bỉ, là những lời liên hệ đến pháp dâm dục, liên hệ các đường đại, tiểu tiện.

[224] Thập tụng (T23n1435, tr.16a16), chín trường hợp phạm: Tán (khen ngợi), hủy (chê bai), khất (xin), nguyện (yêu cầu), vấn (hỏi), phản vấn (hỏi ngược), biện (biện giải), giáo (chỉ dẫn), mạ (mắng chửi) 讚毀乞願問反問辦教罵 Căn bản (T23n1442, tr.684b4), chín trường hợp 九事:

Nói đẹp, nói xấu, trực tiếp yêu cầu, phư?ng tiện yêu cầu, hỏi thẳng, hỏi quanh co, dẫn sự tán thán, sân chửi 謂善說惡說直乞方便乞直問曲問引事讚歎瞋罵. Pāli, liên hệ đến hai đường, có 9 sự, như hai Luật bộ trên, dve magge ādissa vattampi bhanati, avattampi bhanati,yācatipi, āyācatipi, pucchatipi, panipucchatipi, ācikkhatipi, anusāsatipi, akkosatipi.

cùng cô làm việc như vậy, như vậy.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Hỏi: Như hỏi, “Đường đại tiểu tiện của cô ra sao? Cô với chồng cùng làm việc thế nào? Cô cùng người ngoài tư thông thế nào?” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Đáp: “Đường đại tiểu của cô như vậy. Cô cùng chồng, người ngoài tư thông như vậy.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Giải bày: Nói năng cũng như vậy.

Chỉ dạy: Như nói, “Tôi chỉ cho cô chăm sóc hai đường như vậy, cô có thể khiến cho chồng, người ngoài kính ái.” Hoặc nói những lời tương tự khác.

Mắng: Như nói, “Cô hư hoại, mục nát, teo tóp, đọa lạc. Cô cùng với con lừa làm chuyện như vậy.” Hoặc bằng những lời khác chửi mắng người.

Nếu Tỳ-kheo cùng với người nữ một phen nói lời thô ác thì phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo lời nói thô ác nhiều hay ít, nói rõ ràng, thì mỗi mỗi đều phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ ràng thì phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay,[225] thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho người nữ kia hiểu, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu, phạm Thâu-lan-giá. Trừ đường đại tiểu tiện ra, nói đẹp hay nói xấu về những chỗ khác, phạm Thâu-lan-giá. Đối với Thiên nữ, A-tu-la nữ, Dạ-xoa nữ,

[225] Hán: Chỉ ấn 指印, tức Pāli: angulimuddikā, nhẫn dùng làm tín vật.

Long nữ, súc sanh cái có thể biến hình huỳnh môn, có hai hình, mà nói lời thô ác khiến cho đối tượng hiểu, phạm Thâu-lan-giá; không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ giả, làm hiệu, khiến cho các hạng nữ kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá; không hiểu, phạm Đột-kiết-la. Hướng đến súc sanh không thể biến hình nói lời thô ác phạm Đột-kiết-la. Nếu hướng về đàn ông nói lời thô ác, phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo với ý dục nói lời thô ác, tưởng là nói lời thô ác, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói lời thô ác, sanh nghi phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, tưởng là lời thô ác, phạm Thâu-lan-giá. Chẳng phải lời thô ác, mà nghi, phạm Thâu-lan-giá.

Nữ loài người, có ý tưởng đó là nữ loài người, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi Thâu-lan-giá. Nữ loài người, tưởng nữ loài phi nhân, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, tưởng là nữ loài người, Thâu-lan-giá.

Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu vì người nữ mà giảng pháp bất tịnh quán,[226] như nói, này cô, nên biết, thân này có chín mụt ghẻ, chín lổ, chín nơi rỉ chảy, chín dòng nước chảy. Chín lỗ là: Hai mắt, hai tai,

[226] Nguyên Hán: Bất tịnh ố lộ quán 不淨惡露觀, xem Trường A-hàm 9, kinh Thập thượng (T1, tr.52a7, 8); Pāli: asubha-bhāvanā.

hai mũi, miệng, đại, tiểu tiện đạo. Khi nói điều bất tịnh này, người nữ kia cho là lời thô ác. Hoặc khi nói Tỳ-ni, theo thứ tự nói đến việc này, người kia gọi là nói lời thô ác. Hoặc cầu học kinh, hoặc hai người đồng thọ; hoặc người kia hỏi, hoặc đồng tụng, hoặc vui giỡn nói chơi, hoặc nói một mình, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói trong mộng, hoặc muốn nói việc này, nhầm nói việc kia. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

IV. YÊU SÁCH CÚNG DƯỜNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời Đức Phật ở nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di nghe Đức Thế Tôn chế giới: không được vọc âm xuất tinh, không được xúc chạm người nữ, - không được nói với người nữ những lời thô ác, bèn cầm cây gài cửa đứng ngoài cửa, chờ các phụ nữ, vợ các nhà cư sĩ, và các thiếu nữ đến, nói:

- Các cô có thể vào phòng tôi xem.

Khi dẫn họ vào phòng rồi, Ca-lưu-đà-di tự tán thân mình, nói:

- Các cô biết không, trong số người có học, tôi là người hạng nhất. Tôi là người phạm hạnh, trì giới, tu thiện pháp. Các cô có thể đem sự dâm dục cúng dường tôi.

Khi ấy, những người nữ bằng lòng thì vui vẻ trước những lời nói đó, còn những người không bằng lòng thì nổi sân mắng chửi, bỏ ra khỏi phòng, nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức nên biết, nay tôi thấy phải điều sai quấy, điều không lành, phi pháp, không thích hợp, không phải thời! Tôi thường nghĩ rằng đây là nơi an ổn, không có các hoạn nạn, không có tai biến, không có sợ hãi. Nay lại chính nơi đây tôi lại gặp phải tai biến, sợ hãi. Xưa nay nói nước có khả năng làm tắt lửa; nay trong nước lại sanh ra lửa. Khi ở tại nhà, chồng tôi nói lời như vậy, tôi còn không thể chấp nhận, huống chi nay là người xuất gia, mà lại nói những lời như thế.

Các Tỳ-kheo nghe; trong số đó có vị thiểu dục, sống hạnh đầu-đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Ca-lưu-đà-di, thầy há không nghe Thế Tôn chế giới, "Không được vọc âm xuất tinh", "Không được xúc chạm người nữ", "Không được nói với người nữ những lời thô ác" (nói đầy đủ như trước)... Họ bèn đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo. Ngồi trong đại chúng, Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như vậy. Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài."

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, với ý dâm dục, đối trước người nữ tự khen thân mình, nói: "Này cô, tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp lành; cô nên đem sự dâm dục cúng dường tôi. Đó là sự cúng dường bậc nhất"; Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Ý dâm dục: Như trên đã nói. Người nữ: Như trên đã nói.

Khen thân mình: Khen thân đoan chánh, nhan sắc đẹp;

- Tôi là Sát-đế-lợi, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn.

Phạm hạnh: Siêng tu lìa uế trược.

Trì giới: Không khuyết, không thủng, không nhiễm ô.

Pháp lành: Ưa ở nơi nhàn tịnh, đến giờ khất thực, mặc y phấn tảo; tác pháp dư thực,[227] cũng không ăn; ăn một lần ngồi,[228] ăn một nắm; ngồi nơi bãi tha ma, nơi đất trống, dưới gốc cây, luôn luôn ngồi, chỉ ngồi; trì ba y; bối nặc,[229] đa văn, hay thuyết pháp; trì tỳ-ni, tọa thiền.

D. PHẠM TƯỚNG

Sau khi tự khen ngợi mình như vậy rồi, nói rằng, hãy đến đây cúng dường tôi, trong đó không nói đến việc dâm dục, phạm Thâu-lan-giá; có nói việc dâm dục phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu trước người nữ, một lần tự khen thân mình là một tội Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo sự tự khen thân mình nhiều hay ít, và nói một cách rõ ràng, mỗi mỗi đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Nói không rõ, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư tín, sai sứ, làm hiệu khiến cho người kia hiểu, Tăng-già-bà-thi-sa. Họ không hiểu, Thâu-lan-giá.

Trừ hai đường, đòi hỏi cung phụng nơi khác, Thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, A-tu-la nữ, Long nữ, Dạ-xoa

---

[227] Nguyên Hán: Bất tịnh ố lộ quán 不淨惡露觀, xem Trường A-hàm 9, kinh Thập thượng (T1, tr.52a7, 8); Pāli: asubha-bhāvanā.

[228] Nhất tọa thực 一坐食, mỗi ngày chỉ ăn một buổi trong một lần ngồi. Tứ phần 14, tr.660a: Ba-dật-đề 35.

[229] Bối nặc 唄匿 ; Pāli. bhānaka, (người) đọc tụng, ca vịnh.

cái, Ngạ quỷ cái, súc sanh cái có thể biến hình, mà tự khen thân mình, nếu các hạng nữ kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá; chúng không hiểu, Đột-kiết-la. Nếu dùng dấu tay thư tín, sứ giả, ra dấu hiệu để tự khen thân mình mà người kia hiểu, phạm Thâu-lan-giá. Khen nói mà họ không hiểu, phạm Đột-kiết-la.

Đối với súc sanh không thể biến hình mà tự khen thân mình, phạm Đột-kiết-la.

Nữ loài người, tưởng là nữ loài người, Tăng-già-bà-thi-sa. Nữ loài người, nghi, phạm Thâu-lan-giá. Nữ loài người, có ý tưởng là nữ loài phi nhân, phạm Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, nghi, phạm Thâu-lan-giá.

Tỳ-kheo-ni phạm Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Nếu Tỳ-kheo nói với người nữ: Đây là chỗ diệu tôn tối thắng. Tỳ-kheo này tinh tấn trì giới, tu thiện pháp, các cô nên dùng thân nghiệp từ, khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ cúng dường bằng sự từ hoà của thân nghiệp, bằng sự từ hoà của khẩu nghiệp, bằng sự từ hoà của ý nghiệp. Ý của các người nữ kia cho rằng Tỳ-kheo vì ta nên tự khen thân mình; hoặc khi nói tỳ-ni, ngôn thuyết có vẻ tương tự, mà người kia nói là tự khen ngợi thân mình; hoặc từ việc thọ kinh, tụng kinh; hoặc hai người cùng thọ tụng kinh; hoặc hỏi đáp; hoặc đồng tụng; hoặc nói giỡn; hoặc nói liến thoắng, nói trong

mộng; hoặc muốn nói việc nầy nhầm việc khác, đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống khổ bức bách

V. MAI MỐI

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ.[230] Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo tên là Ca-la,[231] trước đây là Đại thần của vua, biết rành về pháp thế tục. Vị ấy chuyên làm việc mai mối như vầy: Đến người nam nói chuyện người nữ; đến người nữ nói chuyện người nam. Thời bấy giờ, các cư sĩ trong thành La-duyệt muốn có việc giá thú, tất cả đều đến nhờ Ca-la. Ca-la trả lời: Để tôi đến nhà đó quan sát trước đã. Quan sát xong, Ca-la đến các nhà cư sĩ nói: Nhà ngươi muốn cùng với gia đình đó làm sui gia thì cứ thực hiện theo ý muốn. Khi ấy, các cư sĩ theo lời hướng dẫn mà làm việc hôn thú. Các nam nữ làm việc cưới hỏi rồi, được vừa ý thì vui vẻ cúng dường khen ngợi, nói: Nên làm cho Ca-la thường được hoan lạc như chúng ta ngày nay. Vì sao? Vì nhờ Ca-la mà ta được hoan lạc như thế này. Mong Ca-

---

[230] Ngũ phần, Tăng-kỳ, Thập tụng: Phật tại Xá-vệ. Căn bản: Thất-la-phiệt.

[231] Ca-la 迦羅; Ngũ phần: Trưởng giả Ca-lưu 長·者名迦留; Thập tụng: Ca-la, con của trưởng giả Lộc Tử 鹿子長者兒名曰迦羅; Căn bản: Trưởng giả Hắc Lộc Tử 黑鹿子. Pāli: āyasmā udāyī sāvatthiyam kulūpako hoti, trưởng lão Udāyī thường xuyên lai vãng một gia đình trong Sāvatthi.

la và các Tỳ-kheo khác cũng được cúng dường. Nếu, đôi nam nữ kia, sau khi cưới hỏi xong không được sự thích ý, họ bèn nói: Hãy làm cho Ca-la luôn luôn chịu khổ não như chúng ta ngày nay. Tại sao? Vì chính Ca-la khiến cho tôi làm việc cưới hỏi nên nay tôi mới chịu khổ não thế này. Mong cho Ca-la và các Tỳ-kheo cũng chịu sự khổ não; không được ai cúng dường. Khi ấy, các cư sĩ không tin Phật, Pháp, Tăng trong thành La-duyệt, đồn đãi nhau: Các người nếu muốn được làm sui gia với nhà giàu to, nhiều của cải lắm vật báu, thì nên đến nhờ Sa-môn Thích tử điều đó; tuỳ thời cúng dường thân cận cung kính thì có thể được như ý. Tại sao vậy? Sa-môn Thích tử này giỏi việc mai mối; biết người nam nầy có thể lấy người nữ kia; người nữ kia có thể cùng người nam nầy. Rồi các Tỳ-kheo nghe lời đồn đãi ấy; trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý quở trách Ca-la Tỳ-kheo: Sao lại đi làm mai mối người nam cho người nữ; người nữ cho người nam? Sau khi quở trách rồi, họ đến chỗ Đức Thế Tôn; đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp các Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà cố hỏi Ca-la:

- Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như

vậy. Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, tới lui bên này, bên kia làm mai mối; đem ý người nam nói với người nữ; đem ý người nữ nói với người nam; hoặc để thành vợ chồng, hoặc vì việc tư thông, cho đến chỉ trong chốc lát, Tăng-già-bà-thi-sa.[232]

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tới lui:[233] khiến cho hai bên được hoà hợp.

Người nữ có hai mươi hạng:[234] mẹ giám hộ, cha

---

[232] Ngũ phần, giới được kết hai lần: Lần đầu, Ca-lưu mai mối làm vợ chồng. Lần thứ hai, nhóm sáu Tỳ-kheo môi giới tư thông. Pali, học xứ này được kết hai lần. Lần đầu, do Udāyī mai nối làm vợ chồng. Lần thứ hai, do Udāyī mai mối cho tư thông.

[233] Vãng lai, trong văn luật: Vãng lai bỉ thử 往來彼此. Ngũ phần: Hành môi pháp 行嫫法; Thập tụng: Hành môi giá pháp 行嫫嫁法; Tăng kỳ: Hành hoà hợp nam nữ 行和合男女. Pāli: Saḍcarittam samāpajjeyya, hành động làm môi giới.

[234] Ngũ phần: Nữ có mười hạng; nam có mười hạng. Thập tụng, mười bốn hạng nữ có giám hộ. Căn bản: Bảy hạng phụ nữ, mười trường hợp tư thông. Thập tụng: Mười bốn hạng nữ có giám hộ. Pāli (Vin. iii. 139), 10

giám hộ, mẹ cha giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ, tự mình giám hộ, pháp giám hộ, họ hàng giám hộ, tông thân giám hộ, tự nguyện làm tỳ nữ,[235] làm tỳ nữ để kiếm áo, tỳ nữ để nhận tiền của, tỳ nữ do hợp tác, tỳ nữ vì bị nước cuốn, làm tỳ nữ vì không nộp thuế, tỳ nữ bị thải,[236] tỳ nữ cho khách, tỳ nữ do người khác giám hộ, tỳ nữ được từ biên phương.

- Mẹ giám hộ: Được giám hộ bởi mẹ.
- Cha giám hộ: Được giám hộ bởi cha.
- Cha mẹ giám hộ, anh giám hộ, chị giám hộ, anh chị giám hộ cũng như vậy.
- Tự mình giám hộ: Thân được tự tại.
- Pháp giám hộ: Tu hành phạm hạnh.[237]
- Họ hàng giám hộ: Không được quan hệ với dòng họ thấp hơn.
- Tông thân giám hộ: Được canh chừng bởi tông thân.
- Tự nguyện làm tỳ nữ:[238] Vui lòng làm tỳ nữ

---

hạng nữ (không hay chưa chồng) và 10 loại vợ.

[235] Hán: Tỳ 婢. Pali: Dāsī ***Giải Thích:*** Dāsī ceva hoti bhariyā ca, vừa là nô tỳ vừa là vợ.

[236] Phóng khứ tỳ 放去婢.

[237] Ngũ phần: Pháp hộ 法護, xuất gia theo chánh pháp, tu hành phạm hạnh. Nên hiểu là người nữ được bảo vệ bởi luật pháp. Căn bản: Hữu pháp hộ 有法護, người nữ goá chồng, thủ tiết, không ai dám xâm phạm. Pāli: Dhammarakkhitā nāma sahadhammikā rakkhanti gopenti issariyam kārenti vasam vattenti (Vin. iii. 139), được giám hộ bởi pháp, tức là, những bạn đồng pháp (=đồng đạo) bảo vệ, canh chừng, làm chủ, kiểm soát.

[238] Tự lạc 自樂; Ngũ phần: Tự nhiệm 自任, người nữ sống theo sở thích. Tăng kỳ: Tuỳ ý trú 隨意住, người nữ giao ước sống với người nam theo ý muốn, khi nào không còn muốn sẽ tùy ý bỏ đi. Căn bản: Tự lạc phụ 自樂婦, hạng làm vợ do thân hành đi đến chỗ người nam mình thích, nói, - Tôi vui lòng làm vợ của ông. Pāli: Chandavāsinīnāma piyo piyam vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ cho mục đích ham muốn, tức là người yêu cầm giữ người yêu. Pāli: Panavāsinī nāma panam datvā vāseti, hạng làm vợ được cầm giữ sau khi được cho áo.

cho người khác.

- Làm nô tỳ để kiếm áo: Được trả giá bằng y phục.[239]

- Nô tỳ để nhận tiền của: Được trả giá thậm chí chỉ một đồng.

- Nô tỳ do hợp tác:[240] Cùng sinh hoạt nghề nghiệp chung nhưng chưa làm lễ để thành vợ chồng.

- Nô tỳ vì bị nước cuốn: Được vớt lên khi bị nước cuốn.[241]

- Nô tỳ vì không nộp thuế: Không lấy tiền thuế.

- Nô tỳ bị thải: Được mua lại, hay sinh từ trong nhà chủ.[242]

- Nô tỳ khách: Được tiền thuê để làm tôi tớ trong nhà.

- Nô tỳ do người khác giám hộ: Nhận tràng hoa của người để làm vật giao ước.

- Nô tỳ được từ biên phương: Do sự cướp đoạt mà được.[243] Đó là hai mươi hạng.

Nam tử cũng có hai mươi loại như vậy.

---

[239] Pali: Panavsiny nma panam datv vseti, hạng làm vợ được cầm giữ sau khi được cho áo.

[240] Đồng nghiệp 同業; Thập tụng: Hiệp sinh 合生, đề nghị người nam hiệp chung tài sản để sống chung; Căn bản: Cộng hoạt 共活. Pāli: Kammakārī, vợ như là người chấp tác.

[241] Thập tụng: Thủy đắc 水得, người nam rót nước lên tay người nữ để xác nhận là vợ. Pāli: odapattakinī nāma udakapattam āmasitvā vāseti, người nữ bưng bát nước, sau khi người nam trao cho bình nước, rồi nhận làm vợ.

[242] Phóng khứ tỳ 放去婢; Tăng kỳ 6 (T22, tr.273b7): Phóng 放, có hai. Hoặc bán: Theo pháp của nước Phả-lê, nếu không thích vợ nữa có thể đem bán. Hoặc ly hôn: Theo phép một số nước, nếu vợ chồng không yêu nhau nữa, đến quan nộp 3 tiền rưỡi và hai trương lụa thì có thể ly dị.

[243] Biên phương đắc 邊方得; Căn bản: Vương kỳ phụ 王旗婦. Pāli: Dhajāhanā, vợ cướp được do chinh phạt.

D. PHẠM TƯỚNG

Người nam do mẹ giám hộ, và nữ do mẹ giám hộ, nhờ Tỳ-kheo làm sứ giả nói với người kia, nàng hãy làm vợ tôi, hoặc nói, nàng hãy tư thông với tôi, chốc lát hay trong một niệm. Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời bên này, đến nói bên kia; rồi nhận ý kiến bên kia, trở lại trả lời bên này, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự đến bên kia nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ đến nói, tự mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, cùng sai sứ đến nói, sai sứ mang tin trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự làm thư mang đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng dấu tay, bằng ra hiệu, cũng với bốn

trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia, tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, mang đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang đến bên kia; rồi tự mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang thư đến bên kia; rồi sai sứ mang thư trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay, đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang dấu tay trở lại tả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận thư, sai sứ mang dấu tay đến bên kia; rồi sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bốn trường hợp ra hiệu cũng như vậy. Bốn trường hợp nhận lời cũng như vậy. Mười sáu trường hợp của dấu tay cũng như vậy. Mười sáu

trường hợp của ra hiệu cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, sai sứ mang thư đến bên kia, sai sứ mang dấu tay trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang thư đến bên kia, tự mang dấu hiệu trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, tự mang dấu tay đến bên kia; rồi tự mang trở lại trả lời, cũng có bốn trường hợp như vậy.

Nếu Tỳ-kheo tự nhận lời, đến bên kia, trở lại trả lời, Tăng-già-bà-thi-sa; tự nhận lời, đến bên kia, không trở lại trả lời, phạm Thâu-lan-giá.

Nếu cùng nói mà không nhận, bèn đến bên kia nói, trở lại trả lời, Thâu-lan-giá.

Nếu nhận lời, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu nghe nói, không đến bên kia nói, không trở lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu không nhận lời, đến nói, không trả lại trả lời, Đột-kiết-la.

Nếu nói đã lấy người khác, hoặc nói đã đi chỗ khác, hoặc nói đã chết, hoặc nói bị giặc bắt đi, hoặc nói không có, tất cả Thâu-lan-giá.

Nếu có bệnh hủi, bệnh ung thư, bệnh bạch lại, càn tiếu, điên cuồng, bệnh trĩ, nơi đường (đại tiểu tiện) có nhọt mủ chảy mãi, trở lại trả lời như vậy, lời nói này Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo một lần làm môi giới cho người nữ, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa. Tùy theo làm mai mối nhiều hay ít, nói rõ ràng, mỗi mỗi phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Nếu bằng thư, bằng dấu tay, hoặc ra hiệu, tới lui nói, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu ra hiệu mà người kia hiểu, Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu,

Thâu-lan-giá. Trừ hai đường, nói đến chi tiết nào trong thân phần để mai mối, phạm Thâu-lan-giá.

Đối với thiên nữ, A-tu-la nữ, Long nữ, Dạ-xoa nữ, Ngạ quỷ nữ, súc sanh cái có thể biến hình, huỳnh môn, hai căn, mà làm mai mối, nói rõ ràng, Thâu-lan-giá; không rõ ràng, Đột-kiết-la. Bằng thư, bằng dấu tay, bằng ra hiệu khiến cho người kia hiểu, Thâu-lan-giá; không hiểu, Đột-kiết-la. Đối với súc sanh không thể biến hình, làm mai mối, Đột-kiết-la. Làm mai mối nam, Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo tới lui làm mai mối với ý tưởng làm mai mối, Tăng-già-bà-thi-sa. Làm mai mối, nhưng nghi, Thâu-lan-giá. Làm mai mối với ý tưởng không phải mai mối, Thâu-lan-giá. Không làm mai mối mà nghi làm mai, Thâu-lan-giá. Người nữ mà nghi, Thâu-lan-giá. Nữ loài người mà tưởng nữ loài phi nhân, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, mà tưởng là nữ loài người, Thâu-lan-giá. Nữ loài phi nhân, nghi, Thâu-lan-giá.

Nếu Tỳ-kheo mang thư của người đi nhưng không xem, Đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm sứ giả các việc khác, Đột-kiết-la. Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đây là các trường hợp phạm.

Sự không phạm: Nếu nam nữ trước đã thông nhau mà sau ly biệt làm cho hòa hợp lại. Hoặc vì cha mẹ bệnh hoạn, hay bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì Ưu-bà-tắc tín tâm tinh tấn mà bị bệnh, hoặc bị giam hãm trong ngục, xem thư rồi mang đi. Hoặc vì Phật, Pháp, Tăng, tháp, hoặc vì Tỳ-kheo bệnh, xem thư rồi mang đi. Những trường hợp như trên không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VI. LẬP THẤT NHỎ [244]

[244] Pāli, Vin. iii. 144, kunikāsikkhapadam.

A. DUYÊN KHỞI

Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ.[245] Bấy giờ, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các Tỳ-kheo người nước Khoáng dã,[246] nghe Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng, họ liền làm phòng xá lớn. Vì họ làm phòng xá lớn nên đòi hỏi nhiều công sức. Các Tỳ-kheo ấy đi cầu xin khắp nơi, nói: Cho tôi công thợ khéo; cung cấp cho tôi xe cộ và người đánh xe; cung cấp cho tôi cây, gỗ, tre, tranh, giây cột, v.v...

Vì các Tỳ-kheo khất cầu quá phiền hà, nên các cư sĩ mỗi khi từ xa, thấy Tỳ-kheo đều quay xe tránh xa; hoặc lánh vào trong các đường hẻm, hoặc vào trong chợ búa, hoặc tự vào trong nhà, hay cúi đầu đi thẳng, không cho Tỳ-kheo thấy mặt. Tại sao vậy? Vì sợ Tỳ-kheo có sự khất cầu đòi hỏi.

Lại có một Tỳ-kheo Khoáng dã muốn xây cất phòng xá; bèn tự mình chặt lấy cây để làm. Vị thần nương ở nơi cây đó có nhiều con cháu, khởi ý nghĩ: Con cháu của ta đông, cây này là nơi che chở, nương tựa của ta, mà Tỳ-kheo này chặt phá. Ta phải đánh Tỳ-kheo này. Rồi thần cây nghĩ trở lại: Nay ta nếu trước không xét kỹ mà đánh Tỳ-kheo, sợ e trái đạo lý. Ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn, đem

---

[245] Tăng kỳ: Phật tại tinh xá Khoáng dã 曠野精舍; Thập tụng: Phật tại A-la-tì quốc 阿羅毘國.

[246] Khoáng dã quốc 曠i國; Ngũ phần 3: A-trà-bệ ấp 阿荼髀邑; Thập tụng 3: A-tì-la Tỳ-kheo 阿羅毘比丘. Pāli: ānavakā bhikkhū, các Tỳ-kheo người Ānavī, một thị trấn nằm giữa Sāvatthī (Xá-vệ) và Rājagaha (Vương-xá).

vấn đề này thưa rõ với Ngài. Nếu Đức Thế Tôn giáo sắc thế nào, ta sẽ phụng hành thế ấy. Nghĩ rồi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên và đem vấn đề thưa rõ Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn khen ngợi:

- Lành thay, ngươi đã không đánh vị Tỳ-kheo trì giới. Nếu đánh thì mắc tội vô lượng. Nay ngươi nên đến dòng sông Hằng, nơi đó có một cây đại thọ tên là Ta-la. Vị thần nương ở cây đó vừa mạng chung. Ngươi có thể cư ngụ ở nơi đó. Vị thần kia nghe xong, đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn, nhiễu ba vòng, rồi biến mất.

Khi ấy, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp[247] từ nước Ma-kiệt, hướng dẫn chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người, cùng đến nơi thành Khoáng dã, nghỉ lại một đêm, sáng ngày đắp y, bưng bát vào thành khất thực, bước đi đoan nghiêm, mắt nhìn đứng đắn, cử chỉ dáng điệu cùng chúng có khác.

Khi ấy, trong thành, các cư sĩ xa thấy Tỳ-kheo bèn lánh vào đường hẻm, hay vào trong chợ búa, hoặc tự vào lại trong nhà, hoặc cúi đầu đi thẳng không cho Tỳ-kheo thấy mặt. Tôn giả Ca-diếp thấy sự việc như vậy, bèn hỏi một người:

- Các cư sĩ nơi đây tại sao thấy Tỳ-kheo tránh mặt, không cho Tỳ-kheo thấy?

Người ấy nói với Tôn giả Ca-diếp:

---

[247] Tăng kỳ, nt: Tôn giả Xá-lợi-phất.

- Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo làm phòng xá riêng. Các Tỳ-kheo khất cầu phương tiện nhiều nên gây phiền hà. Do vậy, mọi người đều tránh mặt.

- Tôn giả Ca-diếp nghe như vậy rồi bùi ngùi không vui.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ thành La-duyệt dẫn một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo đến nơi thành Khoáng dã. Đến nơi, quý vị đều trải toà an toạ. Tôn giả Ca-diếp đến chỗ Đức Thế Tôn, lạy dưới chân Phật, đứng qua một bên, bày trống vai hữu, chấp tay, quỳ gối bạch Phật:

- Vừa vào thành khất thực, con thấy các cư sĩ, từ xa trông thấy các Tỳ-kheo, họ đều tránh mặt... (nói đầy đủ như trên).

Tôn giả thưa xong, lạy dưới chân Phật, nhiễu ba vòng, rồi ra khỏi thành Khoáng dã. Tại sao vậy? Vì sợ các Tỳ-kheo nơi thành khoáng dã sanh tâm thù hận. Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Ta nhớ ngày trước, trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt-kỳ này, có một vị thần đến nơi ta, cúi đầu lạy dưới chân, rồi đứng qua một bên, thưa với ta: "Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo nơi khoáng dã làm phòng xá riêng. Các ngươi khất cầu nhiều... (nói đầy đủ như trước)." Nay ta hỏi: Có thật các người làm phòng xá riêng, khất cầu nhiều

như vậy chăng?

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Sự thật như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo:

- Tại sao các ngươi lấy cớ ta cho phép làm phòng xá riêng mà lại làm phòng xá lớn, để rồi đòi hỏi nhiều sự khất cầu phi pháp đối với vật khó kiếm?

Đức Thế Tôn quở trách các Tỳ-kheo kia rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia bên dòng sông Hằng nầy có một Phạm chí bện tóc,[248] thường ở bên dòng sông, nhan sắc tiều tụy, hình thể gầy còm. Bấy giờ ta đến đó, chào hỏi xong, hỏi: "Tại sao hình thể của ông gầy còm, nhan sắc tiều tụy như thế?" Người kia trả lời Ta: "Trong nước sông này có một Long vương tên là Ma-ni-kiền-đại.[249] Mỗi lần ra khỏi cung, nó đến chỗ tôi. Thân nó quấn quanh mình tôi. Đầu nó che trên tôi. Khi ấy, tôi nghĩ: Tánh của loài rồng rất bạo, sợ nó hại mạng tôi. Vì sự lo sợ này mà thân thể gầy còm, nhan sắc tiều tụy thế nầy."

- Khi ấy Ta hỏi vị Phạm chí kia: "Ngươi có muốn khiến con rồng đó thường ở trong nước,

[248] Để bản: Lãi kế 蠡髻; Tống-Nguyên-Minh: Loa kế 螺髻. Pāli: Dve bhātaro isayo, hai anh em Tiên nhân.
[249] Ma-ni-kiền-đại 摩尼犍大. Pāli: Mankattho nāgarājā, Long vương Manikamha.

không đến chỗ người hay không?"

- Phạm chí kia nói: "Thật sự tôi muốn con rồng đó đừng đến chỗ tôi."

- Ta liền hỏi Phạm chí: "Con rồng kia có chuỗi anh lạc[250] hay không?"

- Phạm chí đáp: "Dưới cổ nó có chuỗi ngọc châu anh lạc rất tốt."

- Đức Phật nói với Phạm chí: "Nếu con rồng kia, khi ra khỏi nước, đến chỗ ngươi, ngươi nên đứng dậy tiếp đón và nói: Long vương, hãy chờ! Hãy mang chuỗi anh lạc dưới cổ cho tôi. Nói xong rồi thì đọc kệ:

Nay ta cần chuỗi ngọc
Anh lạc dưới cổ ngươi
Hãy tỏ lòng tin ưa
Cho ta viên ngọc đó."

- Phạm chí ghi nhớ lời của Ta. Sau đó, khi Long vương từ trong nước ra, đến chỗ Phạm chí. Từ xa, Phạm chí trông thấy, liền đứng dậy nghinh đón và nói: "Hãy chờ chút, nầy Long vương! Xin vui lòng đưa cho tôi chuỗi ngọc dưới cổ."

Phạm chí nói xong thuyết kệ:

Nay ta cần chuỗi ngọc
Anh lạc dưới cổ ngươi
Hãy tỏ lòng tin ưa

[250] Anh lạc 瓔珞; Ngũ phần 2, hạt ngọc ma-ni 摩尼珠. Pāli: Ngọc mani.

Cho ta viên ngọc đó.

Long vương bèn trả lời Phạm chí bằng bài kệ:

Của báu tôi có được
Do từ viên ngọc này
Ông lại muốn cầu xin
Thôi không gặp nhau nữa.
Đoan chánh, đẹp, tinh sạch
Xin ngọc khiến tôi sợ
Thôi không gặp nhau nữa
Cho ông ngọc làm gì?

Long vương tức thời trở lại cung, không xuất hiện đến nữa. Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Xin nhiều người không ưa
Xin quá thành thù ghét
Phạm chí xin ngọc rồng
Rồng không trở lại nữa!

- Tỳ-kheo, các ngươi nên biết, cho đến súc sanh còn không ưa người xin, huống là đối với loài người, xin nhiều không nhàm chán mà không làm cho chán ghét? Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, riêng làm phòng xá lớn, có quá nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia, một thuở nọ, ta ở nơi vườn Cấp-cô-độc, trong rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Khi ấy, có một Tỳ-kheo [251] đến chỗ ta, cúi đầu lạy dưới

[251] Tăng kỳ 6: Tỳ-kheo tên Bạt-cừ 跋懅.

chân, rồi ngồi qua một bên, ta hỏi thăm uỷ lạo rằng, "Các người sống có được an ổn không? Không khổ vì sự khất thực chăng?"

- Tỳ-kheo ấy trả lời: "Chúng con sống được an ổn, không phải gặp sự khó khăn vì khất thực. Nhưng con ở trong rừng, có một điều lo ngại chính là, vào nửa đêm bọn chim kêu la bi thảm, làm rối loạn định tâm của con. Con khốn đốn vì việc này."

- Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo: "Các ông có muốn bầy chim này không đến nơi rừng nầy nghỉ đêm nữa hay không?"

- Tỳ-kheo thưa với Đức Phật: "Thật sự chúng con không muốn bầy chim ấy trở lại nghỉ đêm nơi rừng nầy nữa."

- Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: "Các ông rình, khi nào bầy chim trở lại nghỉ đêm, nói với chúng nó rằng, Cho ta xin hai cái cánh, ta có việc cần dùng nó."

- Lúc ấy,[252] các Tỳ-kheo kia sau khi ghi nhớ lời dạy của Ta, bèn rình khi bầy chim kia trở lại nghỉ đêm nơi rừng; vào lúc nửa đêm, đến chỗ bầy chim kia, nói, "Nay ta cần dùng hai cái cánh của ngươi, ngươi đem cho ta đi!"

- Khi ấy, bầy chim, nghĩ thầm, "Tỳ-kheo này xin ta như vậy." Nghĩ xong, liền bay ra khỏi rừng, từ đó không trở lại nữa.

[252] Để bản in thừa mấy chữ: Tỳ-kheo báo ngôn 比丘報言.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên biết, cho đến loài cầm thú còn không thích bị người xin, huống là đối với người cầu xin đòi hỏi nhiều, mà không sinh chán ghét sao?

- Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, làm phòng xá lớn riêng, có qua nhiều yêu sách... (nói đầy đủ như trước).

Rồi Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa kia có con trai nhà tộc tánh, tên là Lại-tra-bà-la,[253] xuất gia hành đạo cho đến đối với nhà của cha mẹ mà cũng hoàn toàn không đến xin. Khi ấy, ông cha nói với Lại-tra-bà-la:

- Con biết chăng, ta tự nghiệm xét, ít có người không đến nhà cha xin. Con là con của cha, tại sao không đến nhà cha để xin?

Khi ấy, Lại-tra-bà-la nói kệ cho cha nghe:

Cầu nhiều, người không ưa.
Cầu không được, sinh oán.
Cho nên con không xin,
Sợ sanh thêm bớt vậy.

- Tỳ-kheo nên biết, Lại-tra-bà-la, đối với nhà của cha mình còn không đến xin, huống là các Tỳ-kheo, đối với nhà cư sĩ, lại đến khất cầu đòi hỏi nhiều, khiến cho họ không ưa.

---

[253] Lại-tra-bà-la 賴婆羅, tức Lại-tra-hoà-la trong Trung A-hàm 31, con nhà phú hộ ở Xá-vệ, điển hình cho tín tâm bất động của thanh niên con nhà giàu có, quyết tâm xuất gia (T1, tr.623a). Cf. Pāli, Ratthapāla-sutta, M.ii.54ff.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo khất cầu phi thời, khất cầu không biết chán, khất cầu bất chánh. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi sự khất cầu đúng thời, khất cầu một cách vừa phải, khất cầu chân chánh; rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Khoáng dã là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay phật. Phải mời các Tỳ-kheo đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng định, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tự khất cầu: Vị kia khất cầu yêu sách chỗ này chỗ kia. Thất:[254] Tức là phòng.

Không có chủ:[255] Không có một người, hai người, hay nhiều người đứng ra cất.

Tự làm cho mình:[256] Tự mình tìm cầu, tự mình làm lấy.

Đúng lượng: Dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật.[257]

Chỗ nguy hiểm:[258] Là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây não hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai gốc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối:[259] Nghĩa là nơi không đủ cho

---

[254] Nguyên Hán: ốc 屋, nhà. Ngũ phần2 (T22, tr.14a20): Phòng 房, mà bên trong có thể đi, đứng, nằm, ngồi. Thập tụng: Xá, 舍, nhà ấm, nhà mát, điện đ?ờng, lầu gác, v.v... Pāli (Vin. iii. 149): Kuni, túp lều, hay chòi tranh.

[255] Ngũ phần 2: Không có chủ, nghĩa là không có đàn-việt (thí chủ).

[256] Tự vị kỹ 自為己. Ngũ phần 2: Vị thân 為身, làm cho mình, không phải cho người khác, hay làm cho Tăng.

[257] Tăng kỳ 6 (T22n1425, tr.277c25): Trường 長·(dài), tức chiều dọc; quảng 廣 (rộng), tức chiều ngang. Tu-già-đà chích thủ 修伽跎擿手, gang tay Phật (Thiện Thệ), bằng 2 thư?c 4 tấc. Căn bản: Gang tay Phật gấp ba người thường. 12 gang tay người thường có 18 khuỷ. Pāli: Vi-datthati = Skt. vitasti = 12 lóng tay, khoảg 9 inch.

[258] Nạn xứ 難處; Ngũ phần: Chỗ ngã tư đường nhiều người tụ tập; chỗ dâm nữ, chợ búa… Pāli: Sārambha, chỗ có nguy hiểm.

[259] Phương xứ 妨處; Thập tụng 3 (T23n1435, tr.20c18): Đất chung quanh túp lều ấy trong phạm vi một tầm mà là đất có tháp, đất của quan, của cư sỹ, ngoại đạo, trú xứ ni; có đá lớn, sông suối, hầm hố v.v… gọi là phương xứ. Tăng kỳ 6 (T22, tr.278b9): Phi phương xứ, thất có bên phía, mỗi bên đủ chỗ cho cái

chiếc xe chở cỏ[260] quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay tác bạch:[261]

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., tự khất cầu để cất thất, không có thí chủ, tự làm cho mình. Nay tôi đến trong Tăng cầu xin biết cho đó là chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Bạch như vậy ba lần.

Bấy giờ, chúng Tăng nên quan sát Tỳ-kheo nầy có thể tin cậy được không? Nếu có thể tin cậy thì nên cho phép cất. Nếu không thể tin cậy thì tất cả chúng tăng nên đến nơi đó để xem xét. Nếu chúng Tăng không thể đi thì nên sai vị Tăng nào[262] có thể tin cậy đến đó để quan sát. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có nguy hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng

---

thang 12 nấc 十二桄梯 mà khoảng cách giữa 2 nấc là 1 khuỷu. Ngũ phần 2 (T22, tr.14a29): Hữu hành xứ 有行處|, chỗ có lối đi. Căn bản12: Hữu tranh cạnh 有諍競, đất có tranh chấp, gần đó có quan sở, có nhà trưởng giả, nhà ngoại đạo, chùa ni… Pāli: aparikkammana, chỗ không có lối đi.

[260] Thảo xa 草車; Pāli: yuttena sakanena, xe tải có bò kéo.

[261] Tăng kỳ 2: Trước làm cầu thỉnh yết-ma, tức đề nghị Tăng họp để giải quyết đề nghị của Tỳ-kheo hữu sự. Sau đó mới xin khất cầu yết-ma, nêu đề nghị Tăng giám sát việc cất thất hợp pháp.

[262] Tăng kỳ 2: yết-ma Tăng sai, cử Tỳ-kheo đại diện, tối đa 3 người. Tứ phần và Ngũ phần, không có văn yết-ma Tăng sai.

sai một người có khả năng tác yết-ma. Vị ấy có thể là thượng tọa, thứ tọa, hoặc tụng luật hay không tụng luật, nên tác bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khất cầu để cất thất, tự cất không có thí chủ. Nay đến trước chúng Tăng xin chỉ định nơi chốn là nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, chỉ định nơi chốn không nguy hiểm, không bị bít lối cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., tự khất cầu để cất thất, tự cất cho mình, không có thí chủ. Nay, Tỳ-kheo này đến trước Tăng xin chỉ định nơi chốn [263] là nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Nay, Tăng chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng nay chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, thì im lặng. Ai không chấp nhận, xin nói.

Tăng đã chỉ định nơi chốn cho Tỳ-kheo tên là..., nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối, vì im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

D. PHẠM TƯỚNG

Vị Tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vắt bùn, cho đến khi trét

[263] Hán: Dữ xử phân 與處分; Pāli: Kunivatthudesana, chỉ định chỗ có thể cất thất.

bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, làm quá lượng, nơi nguy hiểm, bị bít lối: Phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối: Hai Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, tuy nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, tuy không cất quá lượng, nhưng cất nơi nguy hiểm, bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, tuy cất nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng; nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một

Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi có nguy hiểm nhưng không bị bít lối: Một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, không cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, nhưng bị bít lối: Một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, nhưng cất quá lượng, nơi không nguy hiểm, không bị bít lối: Một Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tăng Tỳ-kheo không chỉ định nơi chốn, cất quá lượng, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, tự cất thất, hoàn thành, phạm Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; cất mà không thành, phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la.

Nếu sai bảo người khác cất, thành thì phạm hai Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la;[264] không thành thì phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Nếu vì người khác cất thất, mà thành thì phạm hai Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la; không thành, phạm bốn Đột-kiết-la.

Nếu khi cất thất mà dùng dây đo đất đúng lượng, nhưng người cất quá lượng, thì người cất phạm. Nếu Tỳ-kheo sai người đặt dây mực để cất, người nhận lời sai bảo nói: Cất như pháp, mà cất

[264] Pāli, Vin.iii.153: Tỳ-kheo sai bảo người cất thất, chỗ không được Tăng chỉ định, chỗ có nguy hiểm, không có lối đi, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

quá lượng thì người nhận lời ấy phạm. Nếu người ấy lại sai bảo người khác coi theo dây mực và được làm như pháp, không báo trở lại mà cất thì phạm. Nếu sai người đặt dây mực mà cất tức là cất như pháp; người dạy không hỏi có nên như pháp cất không? Người dạy phạm.

Nếu Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, nghi, Thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng chỉ định nơi chốn, Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có ý tưởng Tăng không chỉ định nơi chốn, Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, có nghi, Thâu-lan-giá. Cất quá lượng cũng như vậy.

Nếu có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm, Đột-kiết-la. Có nguy hiểm, nghi, Đột-kiết-la. Có nguy hiểm, tưởng không nguy hiểm, Đột-kiết-la. Không nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm, Đột-kiết-la. Không nguy hiểm, nghi, Đột-kiết-la. Nơi bị bít lối cũng như vậy.

Tỳ-kheo-ni, Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni thì Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cất đúng lượng, cất giảm lượng, Tăng chỉ định nơi chốn, nơi không nguy hiểm, nơi không bị bít lối, đo như pháp. Hoặc vì Tăng mà cất, vì Phật mà cất, cất làm giảng đường, am bằng cỏ, am bằng lá, hoặc cất thất nhỏ đủ ở

dung thân, hoặc cất cho nhiều người ở, đó gọi là không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VII. CẤT CHÙA LỚN [265]

A. DUYÊN KHỞI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cừ-sư-la,[266] tại nước Câu-thiểm-di.[267] Khi ấy, vua Ưu-điền[268] nói cùng Tôn giả Xiển-đà,[269] là bạn tri thức thân hữu:

- Tôi muốn làm cho ngài một cái nhà. Ngài muốn cái nhà đó đẹp như thế nào cũng được. Địa điểm nào tốt có thể xây cất phòng xá, cũng tùy ý ngài chọn.

Tôn giả trả lời:

- Tốt đẹp thay!

Bấy giờ, gần thành Câu-thiểm-di có cây thần là Ni-câu-luật.[270] Nhiều người qua lại, cũng như voi ngựa xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó. Tôn giả Xiển-đà đến chặt cây kia để cất nhà lớn. Các cư

---

[265] Căn bản 12 (T23n1442, tr.689a24): Tạo đại tự 造大寺. Tăng kỳ: Đại phòng xá 大房舍. Pāli, Vin. iii. 155: Vihārakāra, làm tinh xá.

[266] Cù-sư-la 瞿師羅. Pāli: Ghositārāma.

[267] Câu-thiểm-di 拘睒彌; Ngũ phần3: Câu-xá-di 拘舍彌. Căn bản 12: Kiều-thiểm-tì 憍閃毘.

[268] Ưu-điền 優填. Tăng kỳ 6: Có thí chủ tên A-bạt-tra 阿跋吒,. Pāli không đề cập tên vua. Theo các tài liệu Pāli, thời Phật, vua nước Kosambī là Parantapa; người kế vị là Udena.

[269] Xiển-đà 闡陀. Thập tụng: Xiển-na 闡那. Pāli: Channa.

[270] Ni-câu-luật thần thọ 尼拘律神樹. Pāli: Cetiya-rukkham, cây có miếu thần.

sĩ thấy vậy, đều chê trách: Sa-môn Thích tử không có tàm quý, đoạn mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng ta biết Chánh pháp. Như vậy làm gì có Chánh pháp. Cây đại thọ tốt đẹp như vậy, nhiều người tới lui, voi, ngựa, xe cộ thường nghỉ mát dưới gốc cây đó, mà lại đến chặt để làm nhà lớn.

Lúc ấy, trong số các Tỳ-kheo nghe được, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Xiển-đà: Cây đại thọ tốt như vậy, nhiều người tới lui, voi ngựa xe cộ thường đến nghỉ mát dưới gốc cây, sao lại đến chặt để làm nhà lớn?

Các Tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy trình lên Đức Phật, một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên nầy tập hợp các Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố ý hỏi Xiển-đà:

- Có thật ngươi đã làm sự việc như vậy chăng? Xiển-đà thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, sự việc đúng như vậy. Đức Thế Tôn quở trách:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách

rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Kẻ ngu si này, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các Tỳ-kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các Tỳ-kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu Tỳ-kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, không mời các Tỳ-kheo đến để chỉ định nơi chốn, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Lớn: Dùng nhiều tiền của và vật liệu.[271]

Có chủ: Hoặc một, hai hoặc số đông người. Làm cho mình: Vì thân mình mà làm.

Chỗ nguy hiểm: Là chỗ có hổ lang, sư tử, các thú dữ, cho đến loài kiến. Nếu Tỳ-kheo không bị các loài trùng kiến hay các loài thú gây não hại, thì nên dọn khu đất cho bằng phẳng; hoặc có gốc cây, đá, gai gốc, thì hãy sai người đào bỏ. Hoặc có hang, hầm, mương, rãnh, ao, ngòi, thì hãy cho người lấp

[271] Pali, Vin. iii. 156: Mahallako nāma vihāro sassmiko vuccati, tinh xá có thí chủ làm cho được xem là lớn.

đi. Hoặc sợ nước ngập, hãy làm đê để chắn. Hoặc chỗ đất có người nói là của họ, thì nên cùng xử đoán, chớ để người khác tranh cãi. Đó gọi là chỗ không bị nguy hiểm.

Chỗ bị bít lối: Nghĩa là nơi không đủ cho chiếc xe chở cỏ[272] quay đầu để tới lui, như vậy gọi là chỗ bị bít lối.

Tỳ-kheo này xem coi, nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối rồi, đến trong Tăng cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng, xin chỉ định cho chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng thưa như vậy. Bấy giờ, chúng tăng nên quan sát Tỳ-kheo nầy có thể tin cậy được không? Có trí tuệ không? Nếu có thể tin cậy, có trí tuệ, thì nên tác yết-ma cho phép cất. Nếu không thể tin cậy, không có trí tuệ, thì nên cử một số Tỳ-kheo, hoặc sai Tỳ-kheo có trí tuệ, đáng tin cậy, đến nơi đó để xem xét. Nếu nơi đó có nguy hiểm, bị bít lối thì không nên cho. Nếu không có nguy hiểm mà bị bít lối thì cũng không nên cho. Nơi có nguy hiểm mà không bị bít lối cũng không cho. Chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối mới

[272] Thảo xa 草車; Pāli: yuttena sakanena, xe tải có bò kéo.

cho. Nơi chốn đã ổn định như vậy rồi, trong chúng sai một người có khả năng như đã nói tác yết-ma. Nên tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến trước Tăng xin chỉ định nơi không nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận chỉ định cho Tỳ-kheo tên là..., chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Đây là lời tác bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., muốn cất chùa lớn, có thí chủ làm cho mình, nay đến Tăng xin chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối. Chư đại đức nào chấp thuận Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối thì im lặng; ai không đồng ý xin nói. Tăng đã thuận cho Tỳ-kheo tên là..., yết-ma chỉ định chỗ không nguy hiểm, không bị bít lối rồi, nên im lặng. Việc ấy ghi nhận như vậy.

D. PHẠM TƯỚNG

Vị Tỳ-kheo cất phòng nên biết, từ khi khởi công đặt đá, đắp đất, hay vắt bùn, cho đến khi trét bùn sau cùng, hoàn thành toàn bộ, mà không được Tăng chỉ định nơi chốn, nơi nguy hiểm, bị bít lối,

phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, chỗ có nguy hiểm nhưng không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ nơi chốn mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, bị bít lối, phạm hai Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn mà cất nơi có nguy hiểm, nhưng không bị bít lối, phạm một Đột-kiết-la.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, mà cất nơi không nguy hiểm nhưng bị bít lối, phạm một Đột-kiết-la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, nhưng cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo, Tăng không chỉ định nơi chốn, nơi có nguy hiểm, bị bít lối, cất phòng lớn, có thí chủ cất cho mình, cất xong, phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; cất không thành, phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Nếu sai bảo người cất thì phạm một Tăng-già-bà-thi-sa, hai Đột-kiết-la; không thành phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la. Vì người khác khởi công xây cất nhà mà hoàn thành thì phạm một Thâu-lan-giá, hai Đột-kiết-la; cất mà không thành phạm ba Đột-kiết-

la.

Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Tăng không chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm Thâu-lan-giá. Tăng không chỉ định nơi chốn, có ý tưởng là chỉ định nơi chốn, phạm Thâu-lan-giá.

Tăng đã chỉ định nơi chốn, tưởng không chỉ định nơi chốn, phạm Thâu-lan-giá. Tăng đã chỉ định nơi chốn, sanh nghi, phạm Thâu-lan-giá. Có nguy hiểm, tưởng có nguy hiểm; bị bít lối, tưởng có bị bít lối, đều cũng dùng năm câu như vậy.

Tỳ-kheo-ni, Thâu-lan-giá. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tăng chỉ định nơi chốn, cất nơi không nguy hiểm, không bị bít lối, vì Tăng, vì Phật đồ, giảng đường, am bằng tranh, am bằng lá, cái thất nhỏ đủ dung thân, vì nhiều người xây cất thất thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

VIII. VÔ CĂN BÁNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, có Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử [273] đắc A-la-hán, đang thiền tọa tư duy

[273] Đạp-bà-ma-la Tử 沓婆摩羅子; Ngũ phần 3, Đà-bà Lực Sỹ Tử 陀婆力士子; Tăng-kỳ, Đà- phiêu Ma-la Tử

tại chỗ thanh vắng, tâm tự nghĩ: Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc? Tôn giả lại nghĩ: Nay ta nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?

Khi ấy, vào buổi xế chiều, Đạp-bà-ma-la Tử rời khỏi chỗ thiền tịnh, sửa lại y phục, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Vừa rồi, khi đang thiền tọa tư duy tại chỗ thanh vắng, con tự nghĩ: "Thân này không bền chắc. Nay ta nên dùng phương tiện nào để tìm cầu sự bền chắc? Ta có nên tận lực cúng dường bằng cách phân phối ngọa cụ trong Tăng và theo thứ lớp mời Tăng đi phó trai chăng?"

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên sai Đạp-bà-ma-la Tử làm người phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực.

Bạch nhị yết-ma, trong chúng nên sai người có khả năng như đã nói, tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai. Đây là lời tác bạch.

陀摩羅子; Thập tụng 4, Đà-phiêu Lực Sỹ Tử 陀驃力士子; Căn bản 13, Thật Lực Tử 實力子. Pāli: Dabba Mallaputta.

- Đại đức tăng xin lắng nghe, nay Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi thọ thực. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai, thì im lặng; ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận sai Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tăng, và theo thứ tự mời Tăng đi phó trai rồi, nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử liền vì Tăng phân phối ngọa cụ. Những vị cùng ý hướng thì thành cộng đồng:[274] A-luyện-nhã cộng đồng với A-luyện-nhã, khất thực[275] cộng đồng với khất thực, nạp y cộng đồng với nạp y,[276] không làm pháp dư thực cộng đồng với không làm pháp dư thực,[277] nhất tọa thực cộng đồng với nhất tọa thực, ăn một vắt cộng đồng với ăn một vắt, ngồi nơi gò mả cộng đồng với ngồi nơi gò mả, ngồi nơi chỗ trống cộng đồng với ngồi nơi chỗ trống, ngồi dưới bóng cây cộng đồng với ngồi dưới bóng cây, thường ngồi cộng đồng với thường ngồi, tùy tọa cộng đồng với tùy tọa, ba y cộng đồng với ba y, bối-nặc[278] cộng đồng với bối-nặc, đa văn cộng đồng với đa văn,

[274] Đồng ý (Tỳ-kheo) 同意者. Pāli (Vin. iii. 159): Sabhāgānān bhikkhūnam, những Tỳ-kheo chung trong một nhóm.

[275] Tỳ-kheo chỉ hành khất thực, không nhận thí chủ mời: Một hạnh đầu đà.

[276] Chỉ Tỳ-kheo trì y pháp tảo: Một hạnh đầu đà.

[277] Nghĩa là, Tỳ-kheo ăn xong rồi, không ăn thêm nữa, dù ăn chưa đủ no.

[278] Bối nặc 唄匿; xem ch.ii, cht.39

pháp sư cộng đồng với pháp sư, trì luật cộng đồng với trì luật, tọa thiền cộng đồng với tọa thiền.

Bấy giờ, nơi La-duyệt-kỳ có Tỳ-kheo khách đến, Đạp-bà-ma-la Tử liền theo thứ tự thích hợp phân phối ngọa cụ. Khi ấy có một trưởng lão Tỳ-kheo, xẩm chiều, lên núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả Đạp-bà-ma-la Tử từ nơi tay phát ra ánh sáng để phân phối ngọa cụ. Tôn giả nói:

- Đây là phòng. Đây là giường dây. Đây là giường cây. Đây là nệm lớn, nệm nhỏ. Đây là gối nằm. Đây là đồ trải đất. Đây là ống nhổ. Đây là đồ đựng nước tiểu. Đây là nơi đại tiện. Đây là tịnh địa. Đây là bất tịnh địa.

Đức Thế Tôn khen ngợi:

- Trong hàng đệ tử của ta, người phân phối ngọa cụ cho Tăng, Đạp-bà-ma-la Tử là đệ nhất.

Khi ấy, có Tỳ-kheo Từ Địa[279] đến thành La-duyệt. Đạp-bà-ma-la Tử phân phối ngọa cụ cho Tỳ-kheo khách, tùy theo thứ bậc thích hợp, kể từ hàng Thượng tọa. Tỳ-kheo Từ Địa kia là bậc hạ tọa ở trong chúng, nên nhận được phòng xấu, ngọa cụ xấu. Từ Địa bèn nổi sân nhuế, nói: "Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao

[279] Từ Địa 慈地, theo văn, hình như một người. Nhưng khi dùng các đại từ, văn Hán dịch nói ngã đẳng 我等 hay nhữ đẳng 汝等. Như vậy, Từ Địa không chỉ một Tỳ-kheo, mà chỉ một nhóm Tỳ-kheo. Ngũ phần 3: Từ Địa huynh đệ 慈地兄弟, nghĩa là hai người. Tăng kỳ 7: Nhóm sáu Tỳ-kheo. Thập tụng 4: Di-đa-la-phù-ma 彌多羅浮摩, một người. Căn bản 13: Hai Tỳ-kheo Thiện Hữu và Đại Địa 善友大地. Pāli: Mettiyabhummajakā bhikkhū, các Tỳ-kheo đồng bọn của Mettiya và Bhummaka, trong nhóm sáu Tỳkheo.

phòng xấu, ngọa cụ xấu. Tại sao chúng tăng lại sai người có sự thiên vị như vậy mà phân phối ngọa cụ của Tăng?”

Sáng hôm sau, Đạp-bà-ma-la Tử, mời chư Tăng theo thứ tự đi phó trai.

Khi ấy, trong thành La-duyệt, có một đàn-việt thường mỗi năm lại thiết một bữa cơm ngon để cúng dường Tăng. Từ Địa Tỳ-kheo hôm ấy đến phiên được mời đến đó. Nhà đàn-việt kia nghe Từ Địa Tỳ-kheo sẽ đến thọ thực theo thứ tự. Họ bèn trải phu cụ tệ xấu ngoài ngõ để đón, tọa cụ và thức ăn cũng tồi tệ dùng để thiết đãi. Tỳ-kheo Từ Địa nhận được thức ăn xấu như vậy lại càng sân nhuế, nói:

- Đạp-bà-ma-la Tử thiên vị, ưa thích người nào thì phân phối phòng tốt, ngọa cụ tốt. Người nào không ưa thích thì trao phòng xấu, ngọa cụ xấu. Ông không ưa chúng tôi nên trao cho tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Sáng hôm nay vì không thích chúng tôi nên lại mời chúng tôi đến thọ thức ăn tồi. Tại sao chúng tăng lại sai Tỳ-kheo có thiên vị như vậy là người vì Tăng phân phối ngọa cụ và mời Tăng đi phó trai?

Bấy giờ, trong thành La-duyệt, có một Tỳ-kheo-ni tên là Từ,[280] em gái của Tỳ-kheo Từ Địa, nghe Tỳ-kheo Từ Địa đến thành La-duyệt, liền đến

[280] Từ 慈. Pāli: Mettiy.

chỗ Tỳ-kheo thăm hỏi:

- Đi đường xa có mệt nhọc không? Có vất vả lắm không?

Với những lời thăm hỏi tốt đẹp như vậy, mà Tỳ-kheo Từ Địa làm thanh không trả lời. Cô Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Thưa Đại đức! Em có lỗi gì mà Đại đức không đáp? Tỳ-kheo Từ Địa nói:

- Cần gì nói chuyện với cô? Tôi đang bị Đạp-bà-ma-la Tử quấy nhiễu, mà cô không thể trợ giúp tôi.

Cô Tỳ-kheo-ni hỏi:

- Muốn em làm những phương tiện gì để khiến Đạp-bà-ma-la Tử không quấy nhiễu Đại đức?

Tỳ-kheo Từ Địa nói:

- Cô chờ khi nào Phật và Tăng Tỳ-kheo họp, đến giữa chúng nói như vầy: "Thưa Chư Đại đức! Thật là điều không thiện, không thích hợp, không tốt đẹp, không tùy thuận, điều không nên, không hợp thời! Tôi vốn nương vào nơi không có sự sợ sệt, sự ưu não, tại sao ngày nay lại sanh sợ sệt ưu não? Tại sao trong nước lại sanh ra lửa? Đạp-bà-ma-la Tử nầy đã phạm đến tôi." Chúng Tăng liền hòa hợp làm pháp diệt tẩn. Như vậy, y không còn đến gây quấy nhiễu anh nữa.

Cô Tỳ-kheo-ni nói:

- Điều này có khó gì? Em có thể làm được.

Rồi thì, Tỳ-kheo-ni Từ đến giữa Tăng,… được nói như trên.[281]

Lúc ấy, Đạp-bà-ma-la Tử ngồi cách Đức Phật không xa.

Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi

- Ông có nghe những gì Tỳ-kheo-ni này nói hay chăng? Tôn giả thưa:

- Bạch Thế Tôn con có nghe. Thế Tôn biết điều đó. Đức Thế Tôn bảo:

- Nay không nên trả lời như vậy. Thật thì nói là thật. Không thật thì nói không thật.

Đạp-bà-ma-la Tử nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên hữu, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay bạch Phật:

- Con từ khi sanh đến nay chưa từng nhớ trong mộng hành bất tịnh, huống là đối với lúc tỉnh mà hành bất tịnh.

Đức Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Đạp-bà-ma-la Tử, ông nên nói như vậy. Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông nên kiểm vấn Tỳ-kheo Từ Địa này. Chớ để có sự vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ cho Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh này. Nếu vu khống bằng tội phi

[281] Hết quyển 3.

phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, tìm đến chỗ Tỳ-kheo Từ Địa để kiểm vấn gốc ngọn:

- Việc này thế nào? Có thật vậy không? Chớ vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Tỳ-kheo Đạp-bà-ma-la Tử này là người thanh tịnh. Nếu vu khống bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ thì mắc trọng tội.

Khi Tỳ-kheo Từ Địa bị các Tỳ-kheo cật vấn, báo cáo:

- Tôi biết Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy. Nhưng tôi đến thành La-duyệt, ông ấy vì Tăng phân phòng xá, ngọa cụ; đã trao cho chúng tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Tôi liền sanh tâm bất nhẫn, nói: Đạp-bà-ma-la Tử có thiên vị. Thích ai thì phân cho phòng tốt, ngọa cụ tốt. Không thích ai thì phân cho phòng xấu, ngọa cụ xấu. Do không thích tôi nên chia cho tôi phòng xấu, ngọa cụ xấu. Rồi theo thứ tự mời thọ thực thì lại mời tôi đến chỗ có thức ăn dở. Do vậy, tôi càng thêm oán hận bội phần, nói: Tại sao Tăng lại giao cho người có thiên vị như vậy phân chia phòng, ngọa cụ và phân chia thứ tự mời đi thọ thực? Nhưng Đạp-bà-ma-la Tử này lại người phạm hạnh thanh tịnh, không có việc làm như vậy.

Trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, hành hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý hiềm trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Tại sao ông vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?

Rồi các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp các Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao vu khống người phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ?

Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Có hai hạng người nhất định vào địa ngục. Hoặc chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh; hoặc vu khống người chân phạm hạnh bằng tội phi phạm hạnh không căn cứ. Hai hạng người nầy một mạch vào thẳng địa ngục.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập

mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn ấp ủ, đối với Tỳ-kheo không phải Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống thanh tịnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là không căn cứ, Tỳ-kheo này nói: "Tôi vì thù hận nên nói như vậy." Tỳ-kheo nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Sân nhuế: Có mười ác pháp làm nhân duyên cho nên sân. Trong mười pháp, mỗi một pháp đều làm phát sinh sân.

Căn cứ: Có ba căn. Căn cứ do thấy, căn cứ do nghe, căn cứ do nghi.

- Căn cứ do thấy: Thật thấy phạm phạm hạnh; thấy trộm năm tiền hay hơn năm tiền; thấy đoạn mạng người. Nếu người khác thấy mà mình nghe từ họ thì gọi là căn cứ do thấy.

- Căn cứ do nghe: Nếu nghe nói phạm phạm hạnh; nghe nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền; nghe nói đoạn mạng người; nghe nói tự khen ngợi đắc pháp thượng nhân. Nếu người kia nói mà nghe

từ người khác thì gọi là căn cứ do nghe.

- Căn cứ do nghi: Có hai loại sanh ra nghi, từ thấy sanh ra nghi, từ nghe sanh ra nghi. Từ thấy sanh nghi, như thấy cùng người nữ vào trong rừng, hay từ rừng đi ra, không có y, lõa hình, nam căn không trong sạch, thân bị nhớp; tay cầm dao có dính máu, cùng ác tri thức làm bạn. Đó gọi là từ thấy sanh ra nghi. Từ nghe sanh nghi, hoặc trong chỗ tối nghe tiếng giường kêu, hoặc nghe tiếng nệm cỏ chuyển động, hoặc nghe tiếng thân động, hoặc nghe tiếng thì thầm nói khẽ, hoặc nghe tiếng giao hội, hoặc nghe nói - Tôi phạm phạm hạnh; nghe tiếng nói trộm năm tiền hay hơn năm tiền nghe tiếng nói - Tôi giết người; hoặc nghe nói - Tôi được pháp thượng nhân. Đó gọi là từ nghe sanh nghi.

Trừ ba căn nầy ra, nếu dùng pháp khác để vu khống, thì gọi là không căn cứ.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm Ba-la-di, không nghe phạm Ba-la-di, không nghi phạm Ba-la-di lại nói: Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp vô căn để hủy báng, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy phạm Ba-la-di, không nghe phạm Ba-la-di, không nghi phạm Ba-la-di, lại sanh ý tưởng thấy,

nghe, nghi, sau đó quên mất ý tưởng nầy, nói: Tôi thấy, nghe, nghi, người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp vô căn để vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Đối với người kia có nghi, sau đó lại nói, - Tôi trong đây không nghi. Nhưng lại nói, - Tôi thấy, nghe, nghi. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di, mà đối với người kia sanh nghi, sau đó lại quên mất nghi, bèn nói: Tôi thấy, nghe, nghi. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di, mà trong đây không nghi. Nhưng lại nói, - Tôi trong đây có nghi là tội phạm Ba-la-di được thấy, được nghe, được nghi.

Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

- Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Trong đây không nghi, sau đó quên là đã không nghi, nhưng lại nói: Tôi thấy, nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà (589a1) vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa. Nếu người

kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di, mà nói, - Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di.

Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Mà trong đó tưởng là thấy, sau đó quên ý tưởng nầy, lại nói, - Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây có nghi, lại nói: Trong đây không có nghi.

- Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây có nghi, sau quên, lại nói: Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không thấy người kia phạm Ba-la-di. Trong đây không nghi, lại nói: Tôi có nghi. Tôi nghe và nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người kia không thanh tịnh, nhưng không

thấy người kia phạm Ba-la-di Trong đây không nghi, sau đó quên điều không nghi, lại nói: Tôi nghe, nghi người kia phạm Ba-la-di. Bằng pháp không căn cứ mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.[282]

Nghe nghi cũng như vậy. (Trong đây có các câu, nhưng văn dài dòng không chép ra.)[283]

Nếu Tỳ-kheo bằng bốn sự [284] không căn cứ để vu khống Tỳ-kheo, nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ bốn Ba-la-di, dùng các pháp phi Tỳ-kheo khác để vu khống, nói: Ông phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, với tâm giặc thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật xuất huyết, phi nhân, súc sanh, hai căn.[285] Nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Ngoại trừ chẳng phải pháp Tỳ-kheo nầy, lại dùng pháp không căn cứ khác để vu khống Tỳ-

[282] Căn bản 13 (T23n1442, tr.697c17), mười yếu tố phạm: 1-3. Không thấy, không nghe, không nghi, mà nói dối thật có thấy, nghe, nghi. 4-5, Nghe, nghi, rồi quên, nhưng nói là không quên.

[283] Lời chứa trong bản Hán.

[284] Bốn Ba-la-di.

[285] Mười ba già nạn, có một trong các yêu tố này, không đắc giới Tỳ-kheo.

kheo, theo trước mà phạm.

Nếu dùng tám pháp Ba-la-di không căn cứ để vu khống Tỳ-kheo-ni, nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ tám pháp Ba-la-di này, mà dùng các phi pháp Tỳ-kheo-ni không căn cứ khác, để hủy báng, rõ ràng, Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư, sai sứ, hoặc làm dấu hiệu mà được nhận thức rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng phạm Thâu-lan-giá.

Trừ pháp phi Tỳ-kheo-ni, lại dùng pháp không căn cứ khác vu khống Tỳ-kheo-ni, theo trước mà phạm.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ra nếu dùng tội không căn cứ vu khống người khác phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Dùng căn cứ thấy, nghe, nghi mà nói sự thật, nói giỡn chơi, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng loạn tâm, thống não, bức bách.

IX. GIẢ CĂN BÁNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.[286] Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực lớn cùng với con dê cái đang hành dâm. Thấy vậy, bèn nói với nhau bảo:

- Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là Tỳ-kheo-ni Từ. Nay, ta sẽ nói với các Tỳ-kheo: "Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà Ma-la Tử hành dâm với Tỳ-kheo-ni Từ."

Sau đó liền đến chỗ các Tỳ-kheo nói:

- Trước kia, tôi đã vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng pháp được nghe không căn cứ. Nay chúng tôi tự mắt thấy Đạp-bà-ma-la Tử hành dâm với Tỳ-kheo-ni Từ.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Việc này như thế nào? Các ông chớ nên dùng pháp không căn cứ vu khống Đạp-bà-ma-la Tử là người tu phạm hạnh. Vu khống người tu phạm

[286] Vin.iii. 166: Rājagahe viharati Venuvane Kalandanivāpe.

hạnh bằng pháp không căn cứ mắc tội rất nặng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Từ Địa sau khi bị các Tỳ-kheo cật vấn, liền nói:

- Đạp-bà-ma-la Tử không có việc ấy. Đó là người thanh tịnh. Vừa rồi chúng tôi từ trên núi Kỳ-xà-quật đi xuống, thấy con dê đực cùng với con dê cái hành dâm, nên chúng tôi liền tự bảo nhau: "Con dê đực này là Đạp-bà-ma-la Tử. Con dê cái là Tỳ-kheo-ni Từ. Hôm nay chính mắt chúng ta thấy việc ấy. Chúng ta sẽ đến chỗ các Tỳ-kheo để tố cáo: Trước đây, tôi bằng pháp được nghe không căn cứ mà vu khống Đạp-bà Ma-la Tử. Nay chính mắt tôi tự thấy Đạp-bà cùng Tỳ-kheo-ni hành dâm." Song, Đạp-bà-ma-la Tử là người thanh tịnh. Thật không có việc ấy.

Trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử, là người thanh tịnh, bằng Ba-la-di không căn cứ của sự việc thuộc phần sự khác?

Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Từ Địa:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải

- pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Đạp-bà-ma-la Tử tu phạm hạnh. Tại sao các ông lại vu khống Đạp-bà-ma-la Tử bằng Ba-la-di không căn cứ của việc thuộc phần sự khác?

Đức Thế Tôn quở trách Tỳ-kheo Từ Địa, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Từ Địa này là kẻ ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là người phạm giới này đầu tiên. Từ nay về sau vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn thuyết giới nên thuyết như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, vì giận hờn, dựa vào tiểu tiết trong phần sự khác, đối với Tỳ-kheo không phải là Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không có căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy, về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy tiểu tiết trong phần sự khác, Tỳ-kheo này tự nói: "Tôi vì thù hận nên nói như vậy." Tỳ-kheo nào nói như vậy, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên. Sân nhuế: Như trước

đã nói.

Phần sự khác:[287] Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nói là thấy phạm Ba-la-di, vu khống bằng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di mà gọi là phạm, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo không phạm Ba-la-di, nhưng thấy vị ấy phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm Ba-la-di, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo phạm Tăng-già-bà-thi-sa, nhưng vị ấy nói phạm Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết, mà vu khống bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác, Tăng-già-bà-thi-sa.

Người không thanh tịnh giống người không thanh tịnh,[288] hay cùng tên, cùng họ, đồng tướng;

---

[287] Pāli: aḍḍabhāgiyassa adhikaranassa, đối với tránh sự thuộc phần sự khác; vấn đề thuộc về thiên tội khác, hay tránh sự cơ sở khác.

[288] Đoạn này và các đoạn kế tiếp, giải thích ý nghĩa thủ phiến 取片 Phiến, được hiểu là chứng cớ giả để vu

lấy sự của việc người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người không thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người không thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu người thanh tịnh giống người thanh tịnh, đồng tên, đồng họ, đồng tướng; lấy sự việc của người này vu khống cho người kia, bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Hoặc thấy người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, hoặc giết người, bèn nói với người: Tôi thấy Tỳ-kheo phạm dâm, trộm năm tiền, hơn năm tiền, nghe giết người. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

---

khống, Pāli: Lesa. Cf. Vin.iii. 168: Leso nāma dasa lesā, có 10 chứng cớ giả: Đồng sinh (huyết thống), đồng danh, đồng tính, đồng tướng, đồng tội, đồng bát, đồng y, đồng Hoà thượng, đồng A-xà-lê, đồng tọa ngọa cụ.

Hoặc nghe nói người ấy lúc còn tại gia mà phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân, bèn nói: Tôi nghe nói người kia phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo tự nói nghe có tiếng vang: Tôi phạm dâm, nghe nói trộm năm tiền hoặc hơn năm tiền, nghe nói giết người, nghe nói tự xưng được pháp Thượng nhân. Bằng pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác mà vu khống, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu Tỳ-kheo bằng bốn sự pháp[289] không căn cứ thuộc phần sự khác[290] để vu khống Tỳ-kheo, nói rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; nói không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, hoặc viết thư, hoặc sai sứ, làm dấu hiệu cho biết dấu được nhận biết rõ ràng, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không rõ ràng, phạm Thâu-lan-giá.

Trừ bốn Ba-la-di, bằng pháp phi Tỳ-kheo khác, không căn cứ, thuộc phần sự khác, mà hủy báng,

---

[289] Tứ sự pháp 四事法"; tức bốn tránh sự: Ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, sự tránh; cf. Tứ phần quyển 21. Pāli, Vin, iii. 164: Cattāri adhikaranāni: Vivādādhikaranam anuvādādhikaranamāpa ttādhikaranam kiccādhikaranam.

[290] Cf. Vin.iii.166: Katham adhikaranam adhikaranassa aḍḍabhāgiyam thế nào là tránh sự thuộc phần sự (hay bộ phận) khác của tránh sự? Đó là, ngôn tránh là phần sự khác đối với mích tránh, tội tránh và sự tránh…

nói: "Ông phạm biên tội, cho đến, hai hình, chi tiết như trên;" nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, làm hiệu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được phạm Thâu-lan-giá.

Trừ những sự trên, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo, tùy theo trước mà phạm.

Nếu Tỳ-kheo dùng tám pháp Ba-la-di không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo-ni, nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai người, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá.

Ngoài tám Ba-la-di, dùng các pháp phi Tỳ-kheo-ni khác thuộc phần sự khác để vu khống, nói mà hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Nếu dùng dấu tay, thư từ, sai sứ, ra dấu cho biết, nếu hiểu được, phạm Tăng-già-bà-thi-sa; không hiểu được, phạm Thâu-lan-giá. Trừ pháp phi Tỳ-kheo-ni, nếu dùng các pháp khác không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống Tỳ-kheo-ni, tùy trường hợp phạm.

Trừ vu khống Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, dùng pháp không căn cứ thuộc phần sự khác để vu khống

người khác, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, da-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Căn cứ do thấy, do nghe, do nghi căn mà nói đúng sự thật, nói giỡn cợt, nói gấp gáp, nói một mình, nói trong mộng, muốn nói việc nầy nhầm nói việc khác thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

X. PHÁ TĂNG

A. DUYÊN KHỞI

1. Các vương tử họ Thích:

Một thời, Đức Phật ở A-nô-di-giới, nước Di-ni-sưu.[291] Bấy giờ, các hào tộc Thích tử với đức tin kiên cố, theo Đức Thế Tôn cầu xuất gia. Bấy giờ, có hai anh em họ Thích. Một người tên là A-na-luật.[292] Người kế tên là Ma-ha-nam.[293] A-na-luật được mẹ yêu mến, không muốn rời xa mắt. Bà cho xây cất cung điện ba mùa xuân, hạ, đông, và cung cấp các thể nữ để cho mặc tình hưởng thụ ngũ dục.

Khi ấy, Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

---

[291] Di-ni-sưu quốc A-nô-di giới 彌尼搜國阿奴夷界. Ngũ phần, Di-na ấp A-nậu lâm 彌那邑阿 兔林. Pāli, Anupiyā, thị trấn thuộc xứ Malla, gần Kapilavatthu.

[292] A-na-luật 阿那律. Pāli, Anurudddha, anh em với Mahānāma, con vua Amitodana (Hộc Phạn Vương). Vin. ii 183 (Cūnavagga 7. Sanghabheda).

[293] Ma-ha-nam 摩訶男. Pāli, Mahānama. Xem cht. 102 trên.

- Hiện nay con cháu hào tộc của giòng họ Thích do tín tâm kiên cố thảy đều theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Riêng nhà ta không có một người nào xuất gia. Anh hãy trông coi gia nghiệp, từ việc công đến việc tư, em xin giao hết. Em muốn xuất gia. Nếu anh không thể được thì em sẽ duy trì gia nghiệp để anh đi xuất gia.

A-na-luật nói:

- Hiện tại, anh không thể xuất gia. Em có thể đi đi.

Ma-ha-nam nói như vậy ba lần. A-na-luật cũng trả lời như vầy:

- Anh không thể xuất gia.

Ma-ha-nam nói với A-na-luật:

- Nếu anh không thể xuất gia thì em cáo bạch để cho anh duy trì gia nghiệp. Anh trông coi người làm, sửa sang nhà cửa, phụng sự tôn trưởng và các người thân tộc; ra vào nơi vương sở, với oai nghi lễ tiết phải như vậy; cày ruộng, gieo trồng sao cho đúng thời vụ.

A-na-luật bảo:

- Những điều em vừa nói, hết sức là phiền toái. Anh không thể kham được. Tại sao em không nói, anh hãy mặc tình hưởng thụ ngũ dục, còn việc nhà cửa em sẽ lo liệu? Anh muốn vì lòng tin theo Thế Tôn cầu xuất gia.

Ma-ha-nam nói:

- Anh cần đến từ giã mẹ.

- A-na-luật liền đến chỗ mẹ, thưa:

- Mẹ nghe con nói. Hiện nay các con cái dòng họ Thích tử đều có người xuất gia. Riêng nhà mình không có người nào đi xuất gia. Nay con muốn đến chỗ Đức Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nếu mẹ cho phép, con sẽ xuất gia tu hạnh thanh tịnh.

Bà mẹ nói:

- Mẹ chỉ có hai đứa con. Tình yêu thương rất sâu đậm. Một chút cũng không muốn xa rời con mắt. Nay làm sao để cho con xuất gia được? Cho đến chết, còn không muốn rời, huống là còn sống mà lại cách biệt!

A-na-luật ba lần như vậy thưa mẹ xin xuất gia. Bà mẹ cũng như vậy ba lần từ chối: Mẹ không để con đi!

A-na-luật ba lần cầu xin mẹ đi xuất gia. Bà liền suy nghĩ: Nên làm cách nào để khiến con đừng đi xuất gia? Rồi bà lại nghĩ: Thích tử Bạt-đề [294] được mẹ rất yêu mến, tất không cho xuất gia. Ta nên nói với A-na-luật: "Nếu mẹ của Bạt-đề cho Bạt-đề xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con xuất gia." Nghĩ như vậy rồi, bà nói với A-na-luật. A-na-luật nghe mẹ nói như vậy, liền đến chỗ Bạt-đề, nói:

- Anh nay biết không? Các Thích tử đều xuất

[294] Bạt-đề 跋提. Pāli, Bhaddiya, Vin.ii. 181.

gia. Song chúng ta chưa có người xuất gia. Hai người chúng ta có thể cùng nhau đi xuất gia.

Bạt-đề bảo:

- Tôi không kham xuất gia. Anh muốn xuất gia thì tùy ý. A-na-luật ba lần khuyên. Bạt-đề cũng ba lần trả lời:

- Tôi không xuất gia. A-na-luật bảo:

- Hôm nay, việc xuất gia của tôi một phần tùy thuộc nơi anh. Bạt-đề đáp lại:

- Tại sao việc xuất gia của anh một phần tùy thuộc tôi? A-na-luật đáp:

- Tôi xin phép mẹ xuất gia. Mẹ tôi nói với tôi: "Nếu con có thể khiến Bạt-đề xuất gia thì mẹ sẽ cho con đi xuất gia." Lý do là vậy.

Bạt-đề bảo:

- Được rồi. Anh chờ một chút, để tôi đi thưa với mẹ tôi. Bạt-đề tử liền đến chỗ mẹ, quỳ mọp thưa:

- Nay mẹ có biết không? Các con nhà họ Thích đều xuất gia. Duy chỉ có một nhà mình là không. Nay tin tưởng muốn theo Thế Tôn cầu xuất gia. Mẹ cho con đi!

Bà mẹ bảo:

- Mẹ không cho con xuất gia. Vì sao? Mẹ chỉ có một mình con. Mẹ rất thương yêu, không muốn xa con dù chỉ trong chốt lát. Cho đến khi chết mẹ cũng không muốn rời, huống là hiện sống mà phải cách biệt.

Bạt Đề thưa xin xuất gia như vậy ba lần. Bà mẹ cũng ba lần trả lời không thuận cho.

Bà mẹ thấy con lòng rất chí thiết, nên tự nghĩ: Ta sẽ làm cách nào để khiến con ta đừng xuất gia? Rồi bà suy nghĩ: Mẹ của A-na-luật rất yêu mến con của bà. Tất không cho con xuất gia. Nếu mẹ của A-na-luật cho con xuất gia thì ta cũng cho con ta đi xuất gia. Nghĩ như vậy rồi liền nói với Bạt-đề:

- Nếu mẹ của A-na-luật cho con của bà đi xuất gia thì mẹ cũng sẽ cho con đi xuất gia.

Khi ấy, Bạt-đề Thích tử đến chỗ A-na-luật nói:

- Mẹ tôi đã cho tôi đi xuất gia. Chúng ta nay có thể hoãn thời gian bảy năm để ở tại nhà, hưởng thụ ngũ dục đến mức tối đa, sau đó sẽ xuất gia.

A-na-luật bảo:

- Bảy năm lâu quá, mạng người vô thường. Bạt-đề lại nói:

- Không thể bảy năm thì có thể sáu năm, hoặc năm, bốn, hai, một năm ở tại nhà để thụ hưởng ngũ dục.

A-na-luật lại nói:

- Một năm lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề nói:

- Không thể một năm thì có thể bảy tháng, để thụ hưởng ngũ dục.

- A-na-luật nói:

- Bảy tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề nói:

- Không chịu nói bảy tháng thì sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng để chúng ta cùng nhau thụ hưởng ngũ dục.

A-na-luật nói:

- Một tháng lâu quá. Tôi không thể chịu nổi, vì mạng người vô thường.

Bạt-đề tử nói:

- Nếu không thể một tháng thì có thể trong bảy ngày, để cùng nhau hưởng thụ dục lạc.

A-na-luật nói:

- Bảy ngày thì không xa. Nếu hết bảy ngày mà anh có thể xuất gia thì tốt, bằng không thì tôi sẽ xuất gia.

Rồi trong bảy ngày đó các Thích tử cùng nhau thụ hưởng ngũ dục với mức tối đa theo ý mình. Khi hết bảy ngày, Thích tử A-na-luật, Thích tử Bạt-đề, Thích tử Nan-đề, Thích tử Kim-tỳ-la, Thích tử Nan-đà, Thích tử Bạt-nan-đà, Thích tử A-nan-đà, Thích tử Đề-bà-đạt, ông thợ cạo Ưu-ba-ly là người thứ chín, đều tắm rửa sạch sẽ, dùng hương thoa nơi thân, chải tóc, mang châu anh lạc, cỡi voi ngựa lớn ra thành Ca-tỳ-la-vệ. Nhân dân trong nước thấy các Thích tử, cùng nhau bàn nói:

- Các Thích tử này trước đây thường tắm rửa

thân thể, mang đồ anh lạc, cỡi voi ngựa lớn vào trong vườn dạo chơi, hôm nay chắc cũng vậy.

Khi các Thích tử cỡi voi lớn đến bên trong ranh giới, xuống voi, cỡi y phục, chuỗi anh lạc, và luôn cả voi, ngựa trao cho Ưu-ba-ly nói:

- Nhà ngươi thường nương nhờ chúng tôi để sống. Nay, chúng tôi xuất gia. Cho nhà ngươi y phục quý báu và voi lớn này để nhà ngươi làm phương tiện nuôi sống.

Khi các Thích tử tiến về phía trước, đến A-nậu-di,[295] nước Di-ni; ở phía sau, Ưu-ba-ly trong lòng suy nghĩ: Ta vốn nhờ Thích tử nầy mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc.

Ưu-ba-ly liền dùng tấm lụa trắng gói y phục quý báu và anh lạc lại, đem treo trên cây cao, với ý nghĩ: Ai đến lấy thì cho. Ưu-ba-ly tiến đến chỗ các Thích tử và thưa họ:

- Sau khi quý vị đi, tôi liền khởi ý nghĩ: "Ta vốn nhờ Thích tử nầy mà có được sự sống. Nay với lòng tin họ bỏ ta, theo Thế Tôn cầu xin xuất gia. Nay ta hãy theo họ xuất gia. Nếu họ có sở đắc thì ta cũng sẽ đắc."

Khi ấy, các Thích tử cùng Ưu-ba-ly dẫn nhau đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, lui

[295] A-nậu-di; ở trên âm là A-nô-di.

đứng qua một bên, bạch với Đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đã được cha mẹ cho phép xuất gia. Cúi xin Đại đức cho chúng con được xuất gia. Cúi mong Thế Tôn, độ cho Ưu-ba-ly trước nhất. Vì sao? Vì chúng con có nhiều kiêu mạn và muốn trừ kiêu mạn ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, trước hết độ cho Ưu-ba-ly, kế đến độ Thích tử A-na-luật, kế đến Thích tử Bạt-đề, kế đến Thích tử Nan-đề, kế đến Thích tử Kim-tỳ-la, kế đến Thích tử Nan-đà. Ưu-ba-ly thọ đại giới là bậc Thượng tọa trên hết. Khi ấy, có vị đại Thượng tọa tên là Tỳ-la-trà,[296] độ riêng Thích tử A-nan-đà. Ngoài ra các thượng tọa khác độ Thích tử Bạt-nan-đà, và Thích tử Đề-bà-đạt.

Khi Đức Thế Tôn độ các Thích tử rồi, Ngài bảo họ đến nước Chiêm-bà. Sau khi các Thích tử nhận sự giáo thọ của Đức Thế Tôn và các Thượng tọa rồi, đến nước kia, mỗi người đều tự tư duy, chứng tăng thượng địa. Đề-bà-đạt-đa đặng thần tức. Khi ấy, Bạt-đề Thích tử ở một mình nơi A-lan-nhã, dưới bóng cây, trong bãi tha ma, tu tập tư duy. Đến cuối đêm, lớn tiếng nói: Sung sướng thay! Sung sướng thay! Các Tỳ-kheo ở gần ở bên nghe và nghĩ: Tỳ-kheo Bạt-đề này, vốn khi ở đời, thường hưởng thụ ngũ dục. Nay xả bỏ vinh hoa kia mà xuất gia hành đạo, sống một mình nơi A-lan-nhã, dưới

[296] Tỳ-la-trà 毘羅荼. Pāli, Vin.i. 202: Belatthasīsa. Vị này nguyên là một người Bà-la-môn ở Sāvatthi, xuất gia với Uruvela-Kassapa trước khi Phật thành đạo. Khi Uruvela-Kassapa theo Phật, ông cũng theo.

bóng cây, trong bãi tha ma, đến cuối đêm, tự mình nói: "Sung sướng thay! Sung sướng thay!" Thích tử Bạt-đề nầy há không phải nhớ lại lúc còn ở nhà hưởng thụ ngũ dục nên tự nói: "Sung sướng thay! Sung sướng thay!"?

Sáng hôm sau, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình bày rõ ràng với Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Ông đến gọi gấp Tỳ-kheo Bạt-đề đến đây!

Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật, đến nói với Tỳ-kheo Bạt-đề:

- Đức Thế Tôn kêu người đến gấp.

Tỳ-kheo Bạt-đề liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn có hỏi Bạt-đề:

- Có thật ông một mình ở nơi A-lan-nhã, trong bãi tha ma, dưới bóng cây, rồi đến giữa đêm tự kêu lên: "Sung sướng thay! Sung sướng thay!" ?

Bạt-đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, có thật như vậy. Phật hỏi Bạt-đề:

- Ông quan sát ý nghĩa gì mà tự kêu lên: "Sung sướng thay! Sung sướng thay!"?

Bạt-đề thưa:

- Trước đây, khi con ở nhà, bên trong lẫn bên ngoài thường được tự hộ vệ bằng đao gậy. Với sự

vệ hộ như vậy mà còn có sự sợ hãi. Sợ kẻ giặc bên ngoài đến xâm đoạt mạng sống của con. Nhưng, nay con ở một mình nơi A-lan-nhã, dưới gốc cây, trong bãi tha ma, cho đến giữa đêm mà không thấy có sự sợ hãi nào, lông trong người không hề dựng đứng. Bạch Thế Tôn, con nghĩ đến cái lạc của sự xuất ly, cho nên tự nói: "Sung sướng thay! Sung sướng thay!" như thế.

Thế Tôn liền khen:

- Lành thay, lành thay, thiện gia nam tử! Điều đó thích hợp để ông chí tín xuất gia, vui hạnh thanh tịnh.

2. Nhân duyên A-xà-thế:

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.

Lúc ấy, vua Bình-sa [297] không có con. Vua liền tập hợp các Bà-la-môn có khả năng về tướng số, khiến họ xem tướng các phu nhân. Nhà vua nói: Người xem tướng các phu nhân nầy, ai sẽ sanh được con.

Bà-la-môn xem tướng xong, tâu:

- Phu nhân trẻ, khỏe mạnh này sẽ sanh con. Nhưng sẽ là kẻ thù của vua. vua nghe nói như vậy rồi, đêm đó cùng giao hợp với phu nhân này. Bà ấy liền có thai. Sau đó, sanh một nam tử, tướng mạo đoan chánh. Vì khi chưa được sanh, Bà-la-

[297] Bình-sa-vương 瓶沙王. Pāli: Bimbisāra/ Seniya Bimbisāra, vua nước Ma-kiệt-đà.

môn đã đoán định, nó sẽ là kẻ thù của vua. Vì duyên cớ ấy cho nên đặt tên là Vị Sanh Oán.[298]

Vương tử này theo thời gian trưởng thành. Đề-bà-đạt-đa dùng sức thần thông khiến Vương tử hâm mộ.

Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: Ta cần nuôi đồ chúng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại nước Câu-thiểm-tỳ.[299] Trong nước đó có một người tên là Ca-hưu-câu-la Tử.[300] Mạng chung, không bao lâu, ông này đã sanh hóa vào trong cõi trời Hoá tự tại.[301] Lúc ấy, Ca-hưu Thiên tử, vào giữa đêm, đến chỗ Đại Mục-kiền-liên, đảnh lễ dưới chân, rồi đứng qua một bên, bạch với Mục-liên:

- Tâm của Đề-bà-đạt-đa muốn làm ác, nên sanh ý niệm: "Ta muốn nuôi đồ chúng."

Ca-hưu Thiên tử nói như vậy rồi, đảnh lễ, nhiễu quanh, xong biến mất.

Khi đêm đã qua, Mục-liên đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn hỏi Mục-liên:

- Ý ông nghĩ thế nào, như lời Ca-hưu Thiên tử nói, đúng thật chứ không nhầm lẫn chăng?

---

[298] Vị Sanh Oán 未生怨. Pāli: Ajātasattu/ Ajātasattu Vedehiputta, A-xà-thế Vi-đề-hy Tử.

[299] Câu-thiểm-tỳ 拘毘國. Pāli: Kosambī.

[300] Ca-hưu-câu-la Tử 迦休拘羅子. Vin.ii. 185, Kakudha/ Kakudha Koliya; nguyên là thị giả của ngài Đại Mục-kiền-liên . Cf. A.iii. 122ff.

[301] Hoá tự tại thiên 化自在天; Vin.ii. 185: adhunā klankato aḍḍataram manomayam kāyam upapanno, tái sinh với thân khác do ý sinh.

Mục-liên thưa:

- Bạch Thế Tôn, đúng như vậy. Đức Thế Tôn bảo Mục-liên:

- Chớ nói như vậy. Ta không thấy có lời nói nào của Chư thiên, người đời các Ma, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn mà là như thật, không sai trái. Chỉ trừ có lời nói của Như Lai là không hư dối.[302]

Đức Phật bảo Mục-liên:

- Ở đời có năm việc tối tôn (sẽ nói ở sau).[303]

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, dùng sức thần thông bay lên hư không; hoặc hiện thân nói pháp, hoặc ẩn thân nói pháp, hoặc hiện nửa thân nói pháp, hoặc thân tuôn ra khói, hoặc thân tuôn ra lửa; hoặc biến thân làm hài nhi, thân mang anh lạc,[304] ngồi lên đùi thái tử, rồi xoay nghiêng qua, mút ngón tay thái tử. Thái tử A-xà-thế thấy sự biến hóa này đâm ra hoảng sợ, lông trong người đều dựng ngược lên. Đề-bà-đạt-đa biết Thái tử hoảng sợ liền nói:

- Chớ sợ, chớ sợ! Thái tử hỏi:

- Ông là ai?

- Tôi là Đề-bà-đạt-đa. Thái tử nói:

- Ông thật là Đề-bà-đạt-đa thì trở lại nguyên hình.

Đề-bà-đạt-đa trở lại nguyên hình. Thái tử thấy

---

[302] Cf. Vin. ibid., Phật cảnh giác Mục-liên: Hãy giữ kín lời nói!

[303] Lời chứa trong bản Hán.

[304] Pāli: Quấn quanh mình một chuỗi rắn.

rồi, liền tăng thêm lòng hâm mộ. Đã hâm mộ rồi, Thái tử lại tăng thêm sự cúng dường.

Bấy giờ, hằng ngày, A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống.

Khi các Tỳ-kheo nghe A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi Đề-bà-đạt-đa sáng chiều và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, họ liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Các ông, nên tự nhiếp tâm chớ sanh lòng tham đắm [305] những thứ lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Vì sao? Chính vì A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, nên làm cho Đề-bà-đạt-đa tăng thêm ác tâm. Ví như nam tử, đánh vào lỗ mũi con chó dữ, khiến cho chó kia càng thêm hung ác. Các Tỳ-kheo nên biết, ở đây cũng như vậy. Chính hằng ngày A-xà-thế dùng năm trăm chiếc xe đến thăm hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống, nên khiến cho ác tâm của Đề-bà-đạt-đa tăng thêm vậy.

Lúc ấy, vua Bình-sa nước Ma Kiệt nghe biết A-xà-thế hằng ngày dùng năm trăm chiếc xe đến thăm

[305] Pāli, - Chớ ganh tị!, Vin.ii. 188.

hỏi sáng chiều, và cung cấp năm trăm chõ đồ ăn thức uống cho Đề-bà-đạt-đa. Vua Bình-sa, hằng ngày cũng dùng bảy trăm chiếc xe đến thăm hỏi Đức Thế Tôn, và cung cấp bảy trăm chõ đồ ăn thức uống.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nghe vua Bình-sa dùng bảy trăm chiếc xe sáng chiều đến thăm hỏi Đức Thế Tôn, và cung cấp bảy trăm chõ đồ ăn thức uống. Do vì lợi dưỡng nên sanh tâm tật đố, Đề-bà-đạt-đa liền mất thần thông, bèn khởi ý nghĩ như vầy: Nay ta nên chờ khi nào Phật cùng đại chúng hội hợp sẽ đến trước Đức Phật, tha thiết thưa: "Thế Tôn tuổi đã già nua, thọ mạng hơn người, học đạo cũng lâu, nên yên sống nơi nhàn tịnh, mặc nhiên tự thủ. Đức Thế Tôn là chủ của các pháp, nên phú chúc Tăng cho con, con sẽ chăm sóc."

Nghĩ như vậy rồi, Đề-bà-đạt-đa chờ đại chúng tập hợp, liền đem ý nghĩ đó trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

- Đối với Xá-lợi-phất, Mục-liên, ta còn không đem Tăng phú chúc cho, huống chi là đối với ông, người ngu si, mũi dãi đầy mình,[306] đâu có thể đem Tăng phú chúc cho ông được!

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa sanh ý niệm này: Nay Đức Thế Tôn giữa đại chúng lại nói ta là người ngu si, mũi dãi đầy mình. Do vậy, Đề-bà-đạt-đa liền

[306] Hán: Thế thóa chi thân 涕唾之身. Pāli, Vin.ii. 189: Chavassa khenāsakassa cái xác chết dính đàm dãi.

sanh tâm bất nhẫn. Đây là lần đầu trong đời này, Đề-bà-đạt-đa sanh tâm bất nhẫn đối với Thế Tôn.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ A-xà-thế, nói:

- Đức vua dùng chánh pháp trị dân cho nên được trường thọ. Sau khi Phụ vương băng hà thì ngài mới được lên ngôi. Lúc ấy, tuổi ngài đã già nua, sẽ không hưởng thụ ngũ dục được lâu. Nay ông hãy giết cha.

- Tôi sẽ giết Phật. Bấy giờ, quốc giới Ma-kiệt có vua mới, Phật mới trị nước giáo hóa, đâu há không vui sao?

Vương tử bảo:

- Có thể vậy.

Vương tử liền hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Ngài cần những gì ? Đề-bà nói:

- Tôi cần một số người. Vương tử liền cung cấp người.

Đề-bà-đạt-đa sai hai người đến hại Phật, dạy:

- Ngươi đến giết Phật rồi, đi về bằng con đường khác.

Sau khi sai hai người ấy đi rồi, Đề-bà-đạt-đa lại sai bốn người nữa đi với lời dặn:

- Các ngươi đón đầu hai người kia. Gặp chúng thì giết. Rồi theo con đường khác mà về.

Tiếp đó, lại sai tám người, cũng dặn:

- Các ngươi đón đầu bốn người kia. Gặp chúng giữa đường thì giết. Rồi theo con đường khác mà

về.

Cứ như vậy Đề-bà-đạt-đa lần lượt sai gấp đôi người lên, cho đến sáu mươi bốn người. Như vậy, đầu mối bị cắt đứt, không thể phân biệt, không biết ai hại Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngồi trong hang Trư khảm;[307] từ trong hang nầy đi ra, kinh hành dưới sườn núi. Đức Phật tự nghĩ: Nhân duyên Ta làm xưa kia, ngày hôm nay là kỳ hẹn.

Khi ấy, hai người nhận lệnh của Đề-bà-đạt-đa liền mặc áo giáp, cầm đao trượng đi đến Đức Thế Tôn. Cả hai người đều tâm niệm: Ta sẽ hại Phật. Vừa sanh ý niệm này, tức thời không thể bước tới được. Họ liền nghĩ: Thế Tôn có đại thần đức, oai lực vô lượng. Chính đệ tử của Ngài cũng có thần lực. Chúng ta đâu có thể hại được Đức Thế Tôn. Vừa sanh ý nghĩ này thì liền bước đến được. Từ xa, họ thấy tướng mạo Đức Thế Tôn đoan chánh, các căn tịch tịnh, được sự điều phục tối thượng, tịch diệt đệ nhất, các căn kiên cố, như con long tượng đã được huấn luyện, ý không thác loạn, như nước lóng trong, trong ngoài đều thấu suốt. Họ thấy như vậy, liền phát tâm hoan hỷ, buông bỏ đao trượng, vất vào một chỗ, tiến đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự vì hai người nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan

[307] Trư khảm 豬坎. Pāli: Sūkarakhatalena hang đá trên sườn Linh thứu (Gijjhakūna)

hỷ, khuyên họ tu thiện, nói bố thí, nói trì giới, nói tạo phước sanh thiên; quở trách dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất ly. Hai người ngay nơi chỗ ngồi, hết các trần cấu, đặng pháp nhãn tịnh, thấy pháp, đắc pháp, liền bạch Phật:

- Từ nay về sau, chúng con xin thọ ba tự quy: Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, làm người Ưu-bà-tắc. Từ nay cho đến trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo hai người:

- Các ngươi muốn trở về, nên đi con đường kia, không nên đi con đường này.

Hai người liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi cáo lui.

Khi về đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, họ báo cáo:

- Đức Thế Tôn có đại thần lực, oai lực vô lượng. Đệ tử của ngài cũng có thần lực. Chúng tôi đâu có thể hại Thế Tôn được.

Đề-bà-đạt-đa đáp lại:

- Các ngươi hãy cút đi, diệt đi! Cần gì các ngươi? Tại sao hai người mà không thể giết một người?

Đề-bà-đạt-đa đang trong cơn thịnh nộ ấy, đích thân đến núi Kỳ-xà-quật, tự tay mình cầm một tảng đá lớn, từ xa ném Đức Thế Tôn. Khi ấy, có một vị trời liền đón viên đá đặt lên trên đỉnh núi. Từ bên mép tảng đá đó, có một mảnh nhỏ văng ra, nhằm

vào ngón chân Phật, làm chợt da chảy máu. Khi ấy, Đức Thế Tôn như con đại long quay nhìn bên hữu và nói:

- Chuyện chưa từng có! Người họ Cù-đàm lại làm việc này.

Khi ấy, Đức Thế Tôn trở vào trong hang, tự lấy tăng-già-lê xếp thành bốn lớp làm gối, nằm nghiêng bên hữu như con sư tử, hai gót chân chồng lên nhau, nhất tâm nhẫn thọ sự đau nhức cực kỳ.

Bấy giờ, một số đông Tỳ-kheo nghe việc Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật; mỗi người cầm gậy, đá, bảo vệ quanh hang, lớn tiếng kêu réo. Phật từ trong hang nói ra, bảo các Tỳ-kheo, "Các ông làm gì mà cầm gậy, đá đi quanh hang la lối như bọn người đánh cá la lối khi bắt được cá vậy"?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Vừa rồi, chúng con nghe Đề-bà-đạt-đa muốn đến hại Phật. Bởi vậy, chúng con cầm gậy, đá đến nơi hang. Sợ oan gia đến hại Thế Tôn.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy trở về chỗ nghỉ, chuyên tâm tu tập. Pháp thường của chư Phật không cần được che chở. Vì sao? Vì đã thắng các oán địch. Tỳ-kheo các ông nên biết, Chuyển luân thánh vương mà bị hại bởi kẻ thù từ bên ngoài, là điều không thể có. Như Lai cũng lại như vậy. Không có trường hợp các điều ác đến hại Như Lai.

Rồi Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trong đời có năm hạng Tôn sư:[308] Những gì là năm?

- Hoặc có Tôn sư giới không thanh tịnh, tự xưng: "Ta giới thanh tịnh." Nhưng các đệ tử thân cận biết như thật điều đó nên nói: "Thầy của ta giới không thanh tịnh mà tự xưng là giới của ông thanh tịnh. Nếu ta đến nói với hàng bạch y, thầy của ta sẽ không vui. Thầy không vui thì không nên nói. Cứ để cho Thầy nhận sự cúng dường của thí chủ, sau đó sẽ tự biết." Như vậy, nầy các Tỳ-kheo, pháp của vị tôn sư trong đời kia là đệ tử vì giới mà bảo vệ. Thầy mong cầu đệ tử bảo vệ.

- Thứ hai, này các Tỳ-kheo, hoặc có tôn sư hoạt mạng không thanh tịnh [309] mà tự xưng, "Ta hoạt mạng thanh tịnh."... nói như trên.

- Thứ ba, này các Tỳ-kheo, hoặc có người kiến huệ không thanh tịnh [310] mà tự xưng, "Ta kiến huệ thanh tịnh."... nói như trên.

- Thứ tư, hoặc có người ngôn thuyết không thanh tịnh,[311] mà tự xưng, "Ta ngôn thuyết thanh tịnh."... nói như trên.

- Thứ năm, hoặc có người ở ngoài pháp luật,[312] mà tự xưng, "Ta thanh tịnh ở trong pháp luật."...

---

[308] Ngũ chủng tôn 五種尊. Pāli: Paḍca satthāro.

[309] Pāli: aparisuddhājīvo, phương tiện sinh sống không thanh tịnh.

[310] Pāli: aparisuddhaḍḍānadassano, tri kiến không thanh tịnh.

[311] Pāli: aparisuddhaḍḍānadassano, sự giải thuyết (thọ ký) không thanh tịnh.

[312] Pāli: aparisuddhadhammadesana, sự thuyết pháp không thanh tịnh.

nói như trên.

- Như vậy, nầy các Tỳ-kheo, trong đời có năm loại được coi là pháp của tôn sư.

- Này các Tỳ-kheo! Nay, Ta trì giới thanh tịnh cũng tự nói là: "Ta trì giới thanh tịnh." Không khiến đệ tử bảo vệ Ta. Ta cũng không cầu đệ tử bảo vệ.

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta hoạt mạng thanh tịnh, và cũng tự nói là, "Ta mạng thanh tịnh."... nói như trên.

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta kiến huệ của ta thanh tịnh, và xưng là, "Ta kiến huệ thanh tịnh."... nói như trên.

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta ngôn thuyết thanh tịnh, cũng tự nói là: "Ta ngôn thuyết thanh tịnh."... nói như trên.

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta ở trong pháp luật, cũng tự xưng là "Ta ở trong pháp luật."... nói như trên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các ông hãy sai Xá-lợi-phất cáo tri cho đại chúng bạch y biết rằng, "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm." Nên bạch nhị yết-ma. Sai người biết làm yết-ma. Như sự việc trên mà tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng lắng nghe. Nếu thời gian thích

hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm." Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng lắng nghe. Tăng nay sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm." Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm" thì im lặng. Ai không đồng ý, hãy nói.

- Tăng đã chấp thuận, Tăng sai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đến đại chúng bạch y cáo tri rằng, "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm đều không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Nên biết, đó là điều do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm" Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Xá-lợi-phất nghe lời nói nầy rồi, tâm sanh nghi, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, thưa:

- Bạch Thế Tôn, làm sao con có thể đến chúng bạch y nói việc xấu của ông ấy? Vì sao? Trước đây, con trước các bạch y đã khen ngợi điều hay

của Đề-bà-đạt-đa rằng, "Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh."

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Trước đây ông khen ngợi Đề-bà-đạt-đa rằng, "Xuất gia từ dòng họ lớn, thông minh, có đại thần lực, nhan mạo đoan chánh." Sự thật có phải vậy không?

Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Đại đức, sự thật là như vậy.

- Cho nên, này Xá-lợi-phất, nay ông nên đến trong đại chúng bạch y, nói: "Trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm."

Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Đức Phật dạy rồi, đến trong đại chúng bạch y, nói, trước đây Đề-bà-đạt-đa là như vậy, ngày nay là như vậy. Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng. Đó là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm.

Khi ấy trong đại chúng có một số người chấp nhận Đề-bà-đạt-đa thì nói, Sa-môn Thích tử vì sự cúng dường nên sanh tâm đố kỵ. Họ không vui khi Đề-bà-đạt-đa được sự cúng dường, cho nên nói giữa đại chúng: "Những gì Đề-bà-đạt-đa làm không phải là việc của Phật, Pháp, Tăng mà là do Đề-bà-đạt-đa tự ý làm."

Trong đó những người hâm mộ Phật thì nói: Hoặc có thể Đề-bà-đạt-đa đã làm, hoặc mới đương làm.

Bấy giờ, A-xà-thế bí mật dấu con dao bên trong chiếc áo, vội vàng lén vào trong cung để giết cha. Người giữ cửa phát giác, lục thấy trong người của A-xà-thế dấu một con dao, hỏi:

- Thái tử dấu con dao nầy đề làm gì? A-xà-thế trả lời:

- Ta muốn vào cung để hại vua. Người giữ cửa hỏi:

- Ai dạy ông, sanh tâm như vậy? Vương tử nói:

- Đề-bà-đạt-đa dạy ta.

Khi ấy, người giữ cửa liền dẫn đến chỗ các Đại thần, và báo cáo:

- A-xà-thế muốn hại vua. Các Đại thần hỏi:

- Ai dạy ông điều đó? Vương tử trả lời:

- Đề-bà-đạt-đa dạy tôi.

Trong số các Đại thần có vị nói:

- Sa-môn họ Thích đều làm việc nầy. Phải giết hết. Có Đại thần lại nói:

- Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Vương tử và Đề-bà-đạt-đa. Phải giết những người này.

Có Đại thần lại nói:

- Không phải tất cả Sa-môn họ Thích đều làm việc ác. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và

A-xà-thế. Tuy là tội đáng chết, nhưng không nên giết. Vì sao vậy? Vua là vị vương trọng pháp, khi nghe ắt không vui.

Khi ấy, người giữ cửa liền dẫn đến chỗ vua Bình-sa, tâu:

- A-xà-thế nầy muốn hại vua.

Vua hỏi:

- Ai bảo ngươi làm điều đó? Vương tử thưa:

- Đề-bà-đạt.

Trong số các Đại thần có vị nói:

- Sa-môn họ Thích tất cả đều làm việc nầy. Phải giết hết.

Nhà vua nghe câu nói nầy lòng không vui. Trong các Đại thần có người nói:

- Sa-môn Thích tử không phải làm ác hết, không nên giết hết. Đây chỉ là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, thì nên giết họ mà thôi.

Nhà vua nghe lời nói nầy, lòng cũng không vui. Trong số Đại thần, có vị nói:

- Sa-môn Thích tử không làm ác hết, không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế. Hai người tuy đáng chết nhưng không nên giết. Tại sao vậy? Nhà vua là vị pháp vương, khi nghe ắt người không vui.

Vua Bình Sa hài lòng với ý kiến nầy, bảo các thần:

- Tất cả Sa-môn Thích tử nầy không hẳn đều là

ác, bởi vậy không nên giết hết. Đây là việc làm của Đề-bà-đạt-đa và A-xà-thế, song cũng không nên giết. Tại sao vậy? Trước đây Đức Phật đã khiến Xá-lợi-phất báo khắp giữa đám đông: "Những gì Đề-bà-đạt-đa đã làm, không phải việc của Phật, Pháp, Tăng mà là Đề-bà-đạt-đa tự ý làm." Cho nên, không nên giết.

Sau khi phụ vương quở trách Thái tử A-xà-thế rồi, bảo các Đại thần:

Có thể tha thứ cho Thái tử A-xà-thế. Sau đó liền thả cho đi.

Khi ấy, các Đại thần cùng nhau lớn tiếng nói:

- A-xà-thế làm việc tày trời, đáng chết, tại sao chỉ quở trách sơ rồi thả?

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đã sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng bị đoạn tuyệt. Đề-bà-đạt-đa cùng đồng bọn gồm năm người đến từng nhà khất thực. Người thứ nhất tên là Tam-văn-đạt-đa; người thứ hai tên là Kiền-trà-đạt-ba; người thứ ba tên là Cấu-bà-ly; người thứ tư tên Ca-lưu-la-đê-xá [313] và bản thân của Đề-bà-đạt-đa là người thứ năm.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa sai người hại Phật, lại bảo A-xà-thế giết cha, tiếng ác lan tràn, lợi dưỡng đoạn tuyệt, cùng đồng bọn năm

[313] Đồng bọn của Đề-bà-đạt-đa: Tam-văn-đạt-đa 三聞達多, Kiền-trà-đạt-bà 騫荼達婆, Câu- bà-ly 拘婆離, Ca-lưu-la-đề-xá. Pāli, Vin.ii. 196: Kokālika, Kanamoraka-tissa, Khattadeviyāputta, Samuddadatta..

người đến từng nhà khất thực, liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn, một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này liền tập hợp đại chúng. Ngài biết mà vẫn hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Có thật ông dẫn bốn người đến từng nhà khất thực hay không? Đề-bà-đạt-đa thưa:

- Đúng như vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khất thực. Ta đã dùng vô số phương tiện nói, "Các ngươi hãy thương tưởng nhà bạch y." Nay sao ông riêng rẽ dẫn bốn người đến từng nhà khất thực?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau không được ăn riêng chúng, được phép cho đến ba người cùng ăn.[314] Có hai điều lợi nên phải như vậy. Một là vì nhiếp phục người khó điều phục. Hai là vì từ mẫn đối với nhà bạch y. Tại sao vậy? Vì sợ hạng người khó điều

[314] Xem Ba-đật-đề, điều 33, cấm biệt chúng thực.

phục kia tự cấu kết tạo chúng riêng để gây phiền não chúng Tăng.

Đề-bà-đạt-đa liền sanh ý niệm này: Điều chưa từng có! Sa-môn Cù-đàm lại đi cắt miếng ăn của kẻ khác. Ta hãy phá Tăng luân [315] của ông ta. Sau khi ta qua đời có thể để lại tiếng là, "Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta."

3. Phá Tăng luân:

Rồi thì, Đề-bà-đạt-đa liền đến các Tỳ-kheo đồng bạn nói:

- Nay chúng ta có thể cùng nhau phá Tăng luân của Cù-đàm. Sau khi chúng ta chết có thể để lại tiếng là, "Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực, trí tuệ vô ngại, mà bị Đề-bà-đạt-đa phá Tăng luân của ông ta."

Khi ấy, một đồng bạn của Đề-bà-đạt-đa là Tam-văn-đạt-đa, trí tuệ tài cao, phát biểu:

Sa-môn Cù-đàm có đại thần lực. Cho đến đồ chúng đệ tử cũng lại như vậy. Làm sao chúng ta có thể phá được Tăng luân của người?

Đề-bà-đạt-đa nói:

- Như Lai thường khen nói hạnh đầu-đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, ta có năm pháp cũng là thắng pháp của đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly: Trọn đời khất thực, trọn đời mặc y phấn tảo,

[315] Phá Tăng luân; Pāli: Sanghabhedam, cakkabhedam: Phá tăng và phá luân.

trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối,[316] trọn đời không ăn cá thịt.[317] Nay, ta trì năm pháp này giáo hóa các Tỳ-kheo đủ khiến cho họ tin ưa. Ta sẽ nói với các Tỳ-kheo: "Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiểu dục tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm pháp cũng là thắng pháp đầu đà: Trọn đời khất thực,… cho đến không ăn thịt cá. Hãy cùng nhau thực hành điều đó." Tỳ-kheo tuổi nhỏ chắc sẽ thọ giáo. Tỳ-kheo thượng tọa sẽ ngại không tín thọ. Do phương tiện nầy có thể phá được Tăng luân kia.

Bấy giờ, Tam-văn-đạt-đa nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Nếu làm như vậy, đủ để phá Tăng luân kia.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa liền dùng năm pháp trên, dạy các Tỳ-kheo:

- Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khen ngợi người tu hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly. Nay, chúng ta có năm thắng pháp, cũng là hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly: Chúng ta trọn đời khất thực, trọn đời mặc y phấn tảo, trọn đời ngồi nơi đất trống, trọn đời không ăn muối, cá và thịt.

---

[316] Nguyên Hán: Tô diêm 酥鹽.

[317] Ngũ phần 25 (T22n1421, tr.164a): 1. không ăn muối. 2, không ăn sữa đặc. 3. không ăn cá thịt. 4. Chỉ xin ăn, không nhận mời. 5. Xuân, Hạ, 8 tháng ngồi giữa chỗ trống; Đông 4 tháng sống trong am cỏ. Thập tụng 36 (T23n1435, tr.295a): 1. Mặc nạp y. 2. Chỉ khất thực. 3. Chỉ một lần ăn. 4. Ngồi giữa trời trống. 5. Không ăn thịt. Pāli, Vin. ii. 197 , Vin. iii. 171: 1. Sống trong rừng. 2. Chỉ khất thực. 3. Mặc phấn tảo. 4. Sống dưới bóng cây. 5. Không ăn cá.

Bấy giờ, số đông Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa dùng năm pháp như vậy dạy các Tỳ-kheo, khiến họ tin ưa... chi tiết như trên.

Các Tỳ-kheo nghe rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Hiện nay, Đề-bà-đạt-đa muốn đoạn bốn Thánh chủng.[318] Những gì là bốn? Ta thường dùng vô số phương tiện nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng khen nói, y phục cốt nhắm đến tri túc. Ta cũng dùng vô số phương tiện nói, thức ăn, giường nằm và ngọa cụ, thuốc thang để chữa bệnh cần nhắm đến tri túc. Các Tỳ-kheo nên biết, nay Đề-bà-đạt muốn đoạn bốn thánh chủng.

Rồi Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Đề-bà-đạt-đa:

- Có thật ông dùng năm pháp dạy các Tỳ-kheo hay chăng? … chi tiết như trên.

Trả lời:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn.[319]

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa:

- Tại sao ông dùng năm pháp dạy các Tỳ-

[318] Tứ Thánh chủng 四聖種. Pāli, cattro ariyavansā; cf. D.iii. 224.

[319] Bản Hán, hết quyển 4.

kheo... (như trên). Này Đề-bà-đạt-đa, ông chớ nên đoạn bốn thánh chủng, (Bốn Thánh chủng như trên đã nói). Này Đề-bà-đạt-đa, nay ông chớ nên phương tiện phá hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Ông nên cùng Tăng hòa hiệp, không tranh chấp, cùng một thầy học như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có ích, sống an lạc. Bởi vậy cho nên, này Đề-bà-đạt-đa, ông nên biết, phá hòa hiệp Tăng là điều ác, gian nan, mắc đại trọng tội. Phá hòa hiệp Tăng đọa trong Nê-lê một kiếp, thọ tội không thể cứu vớt.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện khiến cho tâm phá Tăng của Đề-bà-đạt-đa tạm chấm dứt. Ngài dùng vô số phương tiện quở trách Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián, can gián để bỏ sự việc này bằng cách bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng yết-ma, như trên đây mà tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn phương tiện phá hòa hiệp Tăng, kiên trì không bỏ. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận cho pháp ha gián để bỏ việc này, nói rằng, "Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên

cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Đề-bà-đạt-đa này muốn thọ pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Nay Tăng trao cho pháp ha can gián để bỏ sự việc này. “Đề-bà-đạt-đa, ông chớ phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ. Đề-bà-đạt-đa, ông nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng nhất như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới sống an lạc.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận trao cho Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc nầy rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Nên làm pháp ha gián như vậy, Tăng vì Đề-bà-đạt-đa làm pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bảo:

- Nếu có Tỳ-kheo nào khác phương tiện muốn phá hòa hợp Tăng, cũng dùng pháp bạch tứ yết-ma ha gián này. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp

tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, muốn phá hoại hòa hợp Tăng, tiến hành phá hoại hòa hợp Tăng, chấp chặt pháp phá hòa hợp Tăng, kiên trì không bỏ.[320] Các Tỳ-kheo nên can gián Tỳ-kheo này: "Đại đức chớ phá hòa hợp Tăng, chớ tiến hành phá hoại hòa hiệp Tăng, chớ chấp chặt phá hoại hoài hợp Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức, nên cùng Tăng hòa hợp, vì cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hợp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc." Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy ba lần cho bỏ việc ấy, cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt; nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

D. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Hòa hiệp: Đồng một yết-ma, đồng một thuyết giới.[321]

Tăng: Có bốn Tỳ-kheo, có năm Tỳ-kheo, hoặc mười Tỳ-kheo, cho đến vô số.

Phá: Phá có mười tám việc: Pháp, phi pháp,

---

[320] Hán: Phương tiện thọ hoại hoà hiệp Tăng pháp kiên trì bất xả 方便受壞和合僧法堅持不 捨. Pāli (Vin. iii.172): adhikaranam samādāya paggayha tittheyya, sau khi gây ra một nguyên nhân tranh chấp, rồi chấp chặt không bỏ.

[321] Pāli: Samānasanvāsako samānasīmayam, đồng nhất trú xứ trong cùng một cương giới.

luật, phi luật, phạm, không phạm, hoặc nhẹ, hoặc nặng, có dư tàn, không dư tàn, thô ác, chẳng phải thô ác, thường sở hành, phi thường sở hành, chế, phi chế, thuyết, phi thuyết. Đó là mười tám việc.

Trụ pháp phá Tăng:[322] Tức là trụ nơi mười tám việc này.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu Tỳ-kheo tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng,[323] chấp chặt pháp phá Tăng [324] kiên trì không bỏ Tỳ-kheo kia nên can gián [325] Tỳ-kheo này rằng, "Đại đức chớ tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chớ chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác pháp ha gián mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời thì lại nên khiến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc Đại thần của vua, các Sa-môn khác đạo, Bà-la-môn đến nói. Nếu Tỳ-kheo ở nơi khác mà nghe biết vị này tin dùng lời nói của họ thì nên đến nhờ nói.

---

[322] Trụ phá Tăng pháp 住破僧法; nhóm từ được giải thích không có trong Giới văn. Trong Giới văn, nhóm từ này Hán dịch là kiên trì (bất xả) 堅持不捨; Pāli: Tittheyya (na paninissajeyya): Trụ vững, ngoan cố không chịu bỏ.

[323] Hán: Phương tiện dục phá hoà hiệp Tăng 方便欲破和合僧; Pāli: Samaggassa sanghassa bhedāya parakkameyya, hoạt động nhắm đến sự tan vỡ của hoà hiệp Tăng.

[324] Hán: Thọ phá Tăng pháp 受破僧法; Pāli: Bhedanasanvattanikam adhikaranam samādāya, tiếp nhận, hay duy trì, tránh sự (điểm tranh chấp) có xu hướng phá vỡ Tăng.

[325] Pāli: Vattabbo, cần được nói; tức thuyết phục cá nhân. Tỳ-kheo không nghe thuyết phục này, phạm Đột-kiết-la (dukkansa)

Nếu vị này nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác bạch.[326] Tác bạch rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác bạch xong, còn các pháp yết-ma nữa. Nay ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt; bằng không nghe lời nên tác sơ yết-ma, rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác sơ yết-ma rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời thì nên tác yết-ma lần thứ hai, rồi lại nói: Đại đức, tôi đã tác yết-ma lần thứ hai rồi, còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để Tăng vì ngài tác yết-ma mà phạm trọng tội. Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ thì tác pháp yết-ma lần thứ ba. Trao xong, vị ấy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ, phạm ba Thâu-lan-giá. Yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Tác bạch xong mà bỏ, phạm một Thâu-lan-giá. Bắt đầu tác bạch chưa xong mà bỏ, phạm một Đột-kiết-la. Nếu tất cả chưa tác bạch, khi tiến hành muốn phá hòa hợp Tăng, chấp chặt phá hòa hợp Tăng kiên trì không bỏ, tất cả phạm Đột-kiết-la.

Nếu khi Tăng đang tác yết-ma ha gián cho người phá Tăng mà có Tỳ-kheo khuyến khích đừng

[326] Sau ba lần thuyết phục, vẫn cố chấp, Tăng tiến hành yết-ma ha gián; Pāli: Samanubhsitabbo.

bỏ. Tỳ-kheo ấy phạm Thâu-lan-giá. Nếu không phải là ha gián, Tỳ-kheo ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu Tỳ-kheo-ni xúi: Đừng bỏ. Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Chưa tác pháp ha gián, cô ni xúi: Đừng bỏ. Cô ni ấy phạm Đột-kiết-la. Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác xúi đừng bỏ. Những người ấy phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Bắt đầu can gián liền bỏ. Nếu phi pháp biệt chúng tác pháp ha gián; phi pháp hòa hợp chúng tác pháp ha gián; pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp, phi pháp, phi luật, phi giáo giới của Phật. Nếu tất cả chưa tác pháp ha gián. Hoặc vì phá ác hữu, ác tri thức; hoặc vì phá phương tiện muốn phá Tăng, can ngăn khiến không phá; hoặc phá phương tiện trợ việc phá Tăng; hai, ba người yết-ma; hoặc muốn tác yết-ma phi pháp, phi tỳ-ni; hoặc vì Tăng, vì tháp, vì hai Hòa thượng, đồng Hòa thượng, vì A-xà-lê, đồng A-xà-lê, vì tri thức, làm tổn giảm, làm không có trú xứ. Vì những mục đích này mà phá, thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XI. TÙY THUẬN PHÁ TĂNG

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa cố chấp chặt năm pháp này, và lại đến dạy các Tỳ-kheo:

- Thế Tôn dùng vô số phương tiện thường khen nói người tu hạnh đầu đà, thiểu dục, tri túc, ưa xuất ly; thế thì trọn đời khất thực, mặc y phấn tảo, ngồi nơi đất trống, không ăn muối, không ăn thịt và cá.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Ông chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, chớ nên chấp chặt pháp phá Tăng kiên trì không bỏ. Tại sao vậy? Cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.

Bấy giờ, bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, tiến hành trợ giúp phá hoại hòa hợp Tăng, các Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo:

- Các thầy chớ nên quở trách Đề-bà-đạt-đa. Những điều Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, hành đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

- Sao các Thầy lại nói Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật; những gì

Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận?

Các Tỳ-kheo hiềm trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Vì sao các ông nói với các Tỳ-kheo là: "Đừng quở trách những điều Đề-bà-đạt-đa nói. Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo nói đúng pháp, Tỳ-kheo nói đúng luật; những gì Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận."?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép Tăng trao cho các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này, bằng pháp bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vầy, "Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa

là Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.” Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa pháp ha gián để bỏ việc này. Rằng, “Các ngài chớ nên nói “Đề-bà-đạt-đa Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.” Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là Tỳ-kheo pháp ngữ, Tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.” Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Các Tỳ-kheo bè đảng với Đề-bà-đạt-đa này, thuận theo Đề-bà-đạt-đa, mà nói như vầy, “Tỳ-kheo các ngài chớ quở trách Đề-bà-đạt-đa. Tại sao vậy? Vì Đề-bà-đạt-đa là Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp nhận.” Nay Tăng vì các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa tác pháp ha gián để bỏ việc kia: “Đại đức chớ nên nói “Đề-bà-đạt-đa Tỳ-kheo pháp ngữ, là Tỳ-kheo luật ngữ. Những điều Đề-bà-đạt-đa nói chúng tôi chấp thuận.” Song Đề-bà-đạt-đa chẳng phải là Tỳ-kheo pháp ngữ, Tỳ-kheo luật ngữ. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp hòa hợp Tăng. Đại đức cùng Tăng hòa hợp, hoan hỷ không tranh

chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc.” Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng ha gián các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa, khiến cho bỏ việc kia, thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận tác pháp ha gián các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa để bỏ việc kia rồi. Tăng chấp nhận cho nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Nên tác pháp quở trách can ngăn các Tỳ-kheo bè đảng của Đề-bà-đạt-đa bằng bạch tứ yết-ma như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, nếu có bè đảng cùng trợ giúp việc phá hoại hòa hợp Tăng như vậy, cũng nên tác pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy. Từ nay trở đi, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, để chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, có bè đảng từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến vô số. Các Tỳ-kheo bè đảng ấy nói với các Tỳ-kheo: “Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều

Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận." Chúng Tỳ-kheo ấy nói: "Đại đức chớ nói như vầy: "Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi ưa thích. Những điều Tỳ-kheo ấy nói là chúng tôi chấp nhận." Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hợp tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hợp tăng.

Đại đức cùng tăng hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, đồng học một thầy, hòa hợp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có tăng ích an lạc." Các Tỳ-kheo bè đảng được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Chúng Tỳ-kheo kia nên can gián ba lần cho bỏ việc này. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

c. THÍCH NGHĨA

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thuận theo:[327] Có hai thứ: Thuận vì pháp và thuận theo vì y thực.

- Thuận theo vì Pháp: Dùng pháp mà giáo thọ tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng huệ, phúng tụng thọ trì.

- Thuận theo vì y thực: Cung cấp y phục, ẩm

[327] Hán: Thuận tùng 順從; từ được thích nghĩa, nhưng trong Giới văn không có. Pāli: anuvattaka, (người) đi theo, thuận tùng; được ***Giải Thích:*** Người kia có quan điểm gì, xu hướng gì, sở thích gì, thì người này cũng đồng quan điểm, xu hướng, sở thích như vậy._

thực, giường, ngọa cụ, thuốc thang chữa bệnh.

Bè đảng: Từ bốn người, hoặc hơn bốn người.

Lời nói tán trợ bè đảng:[328] Từ một, hoặc hai, hoặc ba, cho đến số đông.

D. PHẠM TƯỚNG

Nếu bè đảng của Tỳ-kheo nói phi pháp, nói các Tỳ-kheo: Đại đức, chớ can gián Tỳ-kheo ấy. Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp, Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận... (…) [329] Ngài chớ nói như vầy: Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói như pháp, Tỳ-kheo nói như luật. Những điều Tỳ-kheo ấy nói chúng tôi chấp nhận. Nhưng Tỳ-kheo ấy là Tỳ-kheo nói phi pháp, là Tỳ-kheo nói phi luật. Các ngài chớ nên phá hoại hòa hợp Tăng, mà nên trợ giúp cho Tăng hòa hiệp. Đại đức cùng Tăng hòa hiệp, hoan hỷ, không tranh chấp, như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích an lạc. Các ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội. Nói mà nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên tác bạch. Tác bạch rồi nên nói với người kia: Tôi đã bạch xong, còn mấy lần yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời thì nên yết-ma lần đầu. Yết-ma lần đầu xong, nên nói với người kia: Tôi đã bạch và làm yết-ma

[328] Hán: Trợ bạn đảng ngữ 助伴黨語 từ được giải thích mà không có trong Giới văn. Pāli: Vaggavdaka.

[329] Bản Hán dịch nhảy một đoạn, nên văn thiếu mạch lạc.

lần đầu rồi, còn hai yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc này, đừng để cho Tăng quở trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì nên tác yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai xong, nên nói với người kia: Tôi đã bạch và làm hai pháp yết-ma rồi. Còn một yết-ma nữa. Ngài nên bỏ việc kia, đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội. Nếu nghe lời thì tốt. Bằng không nghe lời, thì yết-ma lần thứ ba. Khi yết-ma lần thứ ba xong, phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch xong hai yết-ma mà bỏ, phạm ba Thâu-lan-giá. Bạch xong một yết-ma mà bỏ, phạm hai Thâu-lan-giá. Bạch xong mà bỏ phạm một Thâu-lan-giá. Tác bạch chưa xong mà bỏ phạm Đột-kiết-la. Nếu khi chưa bạch, tất cả đều tùy thuộc vào việc phá Tăng của bè đảng, đều phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tỳ-kheo can gián các Tỳ-kheo bè đảng, lại có Tỳ-kheo khác nói đừng bỏ. Tỳ-kheo (xúi dục) này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa quở trách can gián, thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tỳ-kheo can gián các Tỳ-kheo bè đảng, Tỳ-kheo-ni nói: kiên trì đừng bỏ, cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp can gián cô ni nói: đừng bỏ thì phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni người khác nói: Đừng bỏ đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật dạy. Hoặc tất cả chưa tác pháp can gián thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XII. Ô THA GIA [330]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, ở Kỳ-liên [331] có hai Tỳ-kheo. Một tên là A-thấp-bà,[332] người thứ hai tên là Phú-na-bà-sa.[333] Cả hai ở tại Kỳ-liên có hành vi xấu, làm hoen ố nhà người. Hành vi xấu mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Sự làm hoen ố nhà người, mọi người đều thấy, mọi người đều nghe. Họ làm những điều phi pháp như: Tự mình trồng cây hoa, sai người trồng cây hoa; tự mình tưới nước, sai người tưới nước; tự mình hái hoa, sai người hái hoa; tự mình làm tràng hoa, sai người làm tràng hoa; tự mình xâu chỉ cột, sai người xâu chỉ cột; tự mình cầm hoa, sai người cầm hoa; tự mình đem

---

[330] Ngũ phần, Tăng-già-bà-thi-sa 13; Pāli, Sanghādisesa 13.

[331] Kỳ-liên 羈連. Pāli: Kināgiri.

[332] A-thấp-bà 阿濕婆. Pāli: Assaji. Đây là Tỳ-kheo trong nhóm Lục quần (chabbagiyā); không phải Assaji Thera trong năm Tỳ-kheo đầu tiên (paḍcavaggiya).

[333] Phú-na-bà-sa 富那婆娑. Pāli: Punabbasu.

tràng hoa cho người, sai người đem tràng hoa cho người. Hoặc ở trong thôn xóm kia có người phụ nữ, đồng nữ, họ cùng ngồi một giường, một ghế, cùng ăn uống một mâm, nói năng cười cợt; hoặc tự ca múa xướng hát, hoặc người khác làm, mình hòa theo; hoặc diễn kịch, hoặc đánh trống, thổi ống tiêu, ống sáo; làm tiếng chim sẻ, làm tiếng các loài chim khác kêu; hoặc chạy, hoặc giả kiễng chân mà đi, hoặc huýt gió, tự làm lộng thân,[334] hoặc giúp vui cho kẻ khác...

Khi ấy, có số đông Tỳ-kheo từ nước Ca-thi [335] tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm tại đó. Sáng ngày, đắp y, bưng bát vào thôn khất thực. Pháp phục tề chỉnh. Bước đi thong thả. Mắt nhìn trước bước đi, không xoay ngó hai bên. Theo thứ tự khất thực. Khi ấy, các cư sĩ thấy vậy, cùng nhau bàn nói: Đây là người gì cúi đầu mà đi, không ngó hai bên, cũng không nói cười, không bặt thiệp, không khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta không nên cho thức ăn cho họ. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa của chúng ta, hai vị ấy không cúi đầu đi. Họ ngó hai bên. Họ bặt thiệp với mọi người, khéo léo trong lời chào hỏi. Chúng ta nên cúng dường thức ăn cho họ.

Lúc ấy, số đông Tỳ-kheo kia khất thực tại Kỳ-

[334] Hán: Tự tác lộng thân 自作弄身; nghĩa đen: Đem thân mình ra làm trò đùa. Nhưng cụ thể không hiểu là làm trò gì.

[335] Ca-thi quốc 迦尸國. Pāli: Kāsī, 1 trong 16 nước lớn thời Phật. Thủ phủ là Bārānasī.

liên, khó khăn lắm mới nhận được thức ăn. Do vậy, họ tự nghĩ: Có Tỳ-kheo xấu hiện đang trú tại trú xứ này, làm ác hạnh như vậy… cho đến, giúp vui cho kẻ khác.

Các Tỳ-kheo liền từ Kỳ-liên đến thành Vương-xá, và đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn như thường lệ hỏi thăm và an ủi các Tỳ-kheo khách:

- Các ông đi đứng có được an lạc chăng? Chúng Tăng có hòa hợp không? Có gặp khó khăn vì ăn uống không?

Các Tỳ-kheo bạch Đức Thế Tôn:

- Bạch Đại đức, chúng con đi đứng được an lạc. Chúng Tăng hòa hợp. Chúng du hành từ nước Ca-thi đến Kỳ-liên... Rồi đem nhân duyên trên trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách hai Tỳ-kheo A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa: Việc làm của các người ấy là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa ở nơi Kỳ-liên mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu? Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe, (…) cho đến giúp vui cho kẻ khác.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo hai ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên:

- Này, hai ông nên đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất.[336] Tại sao vậy? Vì họ là đệ tử của hai ông.

Bạch tứ yết-ma như sau:

Tăng nhóm họp xong, tiến hành cử tội [337] hai ông ấy. Cử tội xong tác pháp ức niệm.[338] Tác ức niệm xong nên trao tội [339] cho họ. Rồi sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở nơi Kỳ-liên làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận; nay Tăng vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác pháp yết-ma tẫn xuất: "Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi nầy." Đây là lời tác bạch.

---

[336] Tẫn yết-ma 擯羯磨. Pāli: Pabbājaniyakamma; đuổi Tỳ-kheo ra khỏi địa phương nơi mà họ đang mang tiếng xấu.

[337] Hán: Tác cử 作舉; tiến hành luận tội và buộc tội. Pāli: Codetabba.

[338] Tác ức niệm 作憶念, khiến cho nhớ lại tội; khiến nhận tội. Pāli: Sāretabba.

[339] Dữ tội 與罪, xác định tội. Pāli: āpattim ropetabba.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa này, ở nơi Kỳ-liên đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất: "Các ông đã làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Việc có hành vi xấu ai cũng thấy ai cũng nghe. Các ông đã có những hành vi xấu như vậy thì nên đi khỏi đây, không nên ở nơi nầy." Vị trưởng lão nào đồng ý Tăng vì hai người này tác yết-ma tẫn xuất thì im lặng. Vị nào không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy).

- Tăng đã chấp thuận trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp yết-ma tẫn xuất rồi. Tăng đã chấp thuận vì im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên vâng lời Phật dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng rồi đi.

Ngài Xá-lợi-phất và Mục-liên khoác y, bưng bát, cùng với số đông năm trăm vị đại Tỳ-kheo, từ nước Ca-thi du hành đến Kỳ-liên.

Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa nghe Xá-lợi-phất và Mục-liên dẫn năm trăm vị đại Tỳ-kheo,

từ Ca-thi du hành đến Kỳ-liên, bèn nghĩ: Chắc chắn vì chúng ta làm yết-ma tẫn xuất. Hai người kia liền đến chỗ các cư sĩ, nói:

- Nay có hai Tỳ-kheo đến. Một, tên là Xá-lợi-phất, và hai, tên là Mục-liên. Một vị giỏi về huyễn thuật, bay đi trên hư không. Tỳ-kheo thứ hai, thì hành ác hạnh, tự mình có khả năng thuyết pháp. Quý vị nên khéo tự quán sát, đừng để bị mê hoặc.

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên từ nước Ca-thi tuần tự du hành đến Kỳ-liên, nghỉ đêm nơi đó. Sáng ngày, khoác y, bưng bát, vào thôn khất thực. Đại Mục-liên hiện thần túc, phóng thân lên không trung; Xá-lợi-phất đích thân nói pháp.

Bấy giờ, các cư sĩ thấy vậy rồi, cùng nhau bàn tán: Hai Tỳ-kheo này, một vị rành nghề huyễn thuật, bay đi trong không trung. Tỳ-kheo thứ hai hành ác hạnh, nhưng tự nói pháp được. Lúc này, Xá-lợi-phất và Mục-liên liền vì các cư sĩ tại Kỳ-liên mà nói pháp, khiến họ được tin ưa.

Khi Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-liên ăn xong, rửa bát, trở về lại trú xứ, vì nhân duyên này, tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Tăng nhóm họp, rồi họ vì A-thấp-bà, Phú-na-bà-sa mà cử tội. Cử tội xong tác ức niệm. Tác ức niệm xong trao tội. Tôn giả Xá-lợi-phất ở giữa chúng liền tác yết-ma như trên. Khi ấy, A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa bị Tăng tác yết-ma rồi, liền nói:

- Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng chỉ riêng đuổi tôi.

Khi ấy, Xá-lợi-phất và Mục-liên ở tại Kỳ-liên vì A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa tác yết-ma rồi, trở về vườn Cấp-cô-độc rừng cây Kỳ-đà nước Xá-vệ, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Chúng con đã đến Kỳ-liên trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa yết-ma tẫn xuất rồi. Khi chúng Tăng tác yết-ma tẫn xuất, A-thấp-bà và

Phú-na-bà-sa lại nói: "Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi."

Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện từ xa quở trách A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao khi chúng Tăng trao cho pháp yết-ma tẫn xuất lại nói: "Chúng Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi"?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách

A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, bằng bạch tứ yết-ma.

Trong chúng nên sai một người có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc đã xảy ra, tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ liên, khi Tăng trao cho pháp yết-ma, lại nói: "Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi." Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián để bỏ việc ấy: "Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu, ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu." Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa này ở tại Kỳ-liên khi Tăng trao cho pháp yết-ma bèn nói: "Tăng có thiên vị, có thù

nghịch, có sợ hãi, có bất minh vì có Tỳ-kheo đồng tội mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi." Nay Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này: "Các ông chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Các ông làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các ông đã làm hoen ố nhà người, đã có hành vi xấu." Các trưởng lão nào chấp nhận Tăng trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián, cho bỏ việc này, thì im lặng. Ai không đồng ý thì xin nói. Đây là yết-ma lần thứ nhất. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã chấp thuận, trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Trao cho A-thấp-bà và Phú-na-bà-sa pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy rồi, các Tỳ-kheo mới đến bạch Đức Thế Tôn. Đức Phật bảo:

- Có Tỳ-kheo nào, Tăng tẫn xuất rồi, hoặc đang tẫn xuất, hoặc chưa tẫn mà nói: "Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh," cũng cần

trao cho họ pháp bạch tứ yết-ma ha gián như vậy.

- Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới sẽ nói như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, sống nương tựa xóm làng, hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy: "Đại đức là người làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa." Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo: "Chư Đại đức, các Tỳ-kheo có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi." Các Tỳ-kheo nên trả lời Tỳ-kheo đó: "Đại đức chớ nói Tăng có thiên vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có bất minh. Vì có Tỳ-kheo đồng tội như vậy, mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng các Tỳ-kheo không có thiên vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có bất minh. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Hành vi xấu

ai cũng thấy, ai cũng nghe.” Tỳ-kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ; các Tỳ-kheo nên can gián ba lần cho bỏ việc ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

c. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thôn: Có bốn loại, như trước đã nói.

Xóm làng thành ấp: Thuộc về của nhà vua. Nhà: Có nam có nữ.[340]

Làm hoen ố nhà người:[341] Có bốn sự. Nương tựa [342] nhà làm hoen ố nhà, nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà, nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà, nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà.

- Thế nào là nương tựa nhà làm hoen ố nhà? Từ một nhà (này) nhận được vật, đem cho một nhà (khác). Nhà mình nhận được vật nghe nói thì không vui. Còn nhà mình đem vật cho, lại nghĩ chuyện trả ơn, bèn nói: Nếu có cho ta, thì ta sẽ đáp lại. Nếu không cho ta, ta lấy cớ gì cho lại? Đó gọi là nương tựa nhà làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà? Tỳ-kheo được lợi dưỡng như pháp, cho đến thức ăn còn thừa nơi bát, đem cho một cư sĩ (này)

---

[340] Dữ tội 與罪, xác định tội. Pāli: pattim ropetabba.

[341] Ô tha gia 污他家. Pāli: Kuladusāko, ***Giải Thích:*** Gây tai tiếng cho một gia đình bằng những biếu xén như là hình thức hối lộ.

[342] Nương tựa nơi đó mà sống. Pāli: upanissāya viharati, ***Giải Thích:*** Nhờ nơi đó mà có được bốn nhu yếu là ẩm thực, y phục, ngọa cụ và y dược.

mà không cho một cư sĩ (kia). Người cư sĩ nhận được liền sanh ý niệm trả ơn, nói: Có cho ta, ta sẽ trả ơn. Nếu không cho ta, làm sao ta cho lại? Đó gọi là nương lợi dưỡng làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo nương tựa nhà vua, hoặc Đại thần, rồi vì (giúp) một cư sĩ (này), không vì một cư sĩ (kia). Người cư sĩ được (giúp) liền nghĩ việc trả ơn, nói: Có vì ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không vì ta, ta không cúng dường. Đó gọi là nương tựa thân hữu làm hoen ố nhà người.

- Thế nào gọi là nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người? Tỳ-kheo lấy bông trái của Tăng cho một cư sĩ (này), không cho một cư sĩ (kia). Cư sĩ được cho liền nghĩ việc trả ơn, nói: Nếu có cho ta, ta sẽ cúng dường. Nếu không cho ta, ta không cúng dường. Đó gọi là nương tựa Tăng-già-lam làm hoen ố nhà người. Vì bốn sự này mà làm cho nhà người bị hoen ố,[343] cho nên gọi là làm hoen ố nhà người.

Có hành vi xấu:[344] Tự mình trồng cây hoa, hay sai người trồng cây hoa, cho đến, giúp vui cho người, như trên đã nói.

D. PHẠM TƯỚNG

Tỳ-kheo nương tựa nơi tụ lạc, làm hoen ố nhà

[343] Tức làm cho mang tiếng xấu.

[344] Hành ác hạnh 行惡行. Pāli: Pāpasamācāro, ***Giải Thích:*** Trồng hoa hay sai người trồng hoa; tưới cây hay sai người tưới cây…

người, ai cũng thấy, ai cũng nghe; có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo này: Đại đức làm hoen ố nhà người ai cũng thấy, ai cũng nghe. Có hành vi xấu ai cũng thấy, ai cũng nghe. Đại đức làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nên bỏ việc này, đừng để Tăng già quở trách, lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời, nên tác bạch. Tác bạch rồi, nên tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác bạch rồi. Còn có ba yết-ma nữa, nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách, lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy bỏ thì tốt, bằng không bỏ nên tác yết-ma lần đầu. Tác yết-ma lần đầu rồi, nên lại tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác bạch và tác pháp yết-ma lần đầu rồi, còn có hai yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, Tăng-già-bà-thi-sa.

Nếu tác pháp yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba Thâu-lan-giá. Nếu tác pháp yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai Thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một Thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, nói Tăng có thiên vị, có thù hận, có sợ hãi, có bất minh, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quở trách can gián lại có Tỳ-kheo khác bảo: đừng bỏ. Tỳ-kheo này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quở trách can gián thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quở trách có Tỳ-kheo-ni bảo: Đừng bỏ. Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quở trách can gián thì cô ni phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác bảo: Đừng bỏ; quở trách, không quở trách đều phạm Đột-kiết-la. Nếu không xem thư mà mang đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu vì bạch y làm người đưa tin sứ giả, phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Hoặc yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp tượng tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hiệp chúng, phi pháp, phi luật, phi Phật giáo. Nếu tất cả trước khi chưa tác pháp quở trách can ngăn thì

không phạm. Nếu cho cha mẹ, cho người bệnh, cho tiểu nhi, cho phụ nữ có thai, cho người bị nhốt trong ngục, cho người làm thuê trong nhà chùa thì không phạm. Trồng cây hoa, sai người trồng cây hoa, để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình tạo tràng hoa, sai người tạo tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ xâu hoa, sai người dùng chỉ xâu hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình cầm hoa, sai người cầm hoa cúng dường Phật, Pháp, Tăng; tự mình dùng chỉ xâu tràng hoa, sai người dùng chỉ xâu tràng hoa để cúng dường Phật, Pháp, Tăng, đều không phạm.

Nếu bị người đưa tay muốn đánh,[345] hoặc bị giặc, hoặc bị voi, báo, sư tử, hổ lang, hoặc nơi có hoạn nạn, hoặc chạy tránh vì người gánh gai nhọn thì không phạm. Nếu lội qua sông, rãnh, mương, hầm phải nhón gót nhảy thì không phạm.

Nếu đồng bạn đi sau, quay lại ngó không thấy, huýt gió kêu thì không phạm. Nếu vì cha mẹ bịnh, hoặc vì người bị nhốt trong ngục, hoặc vì người Ưu-bà-tắc có lòng tin sâu đậm bệnh hay bị giam cầm, xem thư rồi đem đi, hoặc vì tháp, vì Tăng, vì Tỳ-kheo bệnh mang thư tới lui, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não,

[345] Giải thích những hành vi, cử chỉ tượng tự với đùa giỡn. Những điều nầy, một số liên hệ các Ba-dật-đề, một số liên hệ các pháp chúng học.

bức bách.

XIII. ÁC TÁNH BẤT THỌ NHÂN NGỮ 346

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-thiểm-di[347]

Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-kheo Xiển-đà [348] vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác, lại nói các Tỳ-kheo: Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức, thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập họp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập hợp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác.

Khi ấy, trong các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý

---

346 Pāli, Sanghādisesa 12.

347 Pāli: Kosambiyam Ghositārāme.

348 Xiển-đà 闡陀, thường gọi là Xa-nặc, quân hầu ngựa của Thái tử. Pāli: Channa.

hiềm trách Tỳ-kheo Xiển-đà:

- Sao lại ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác? Lại nói với các Tỳ-kheo: "Các ngài chớ nên nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng nên nói gì nữa! Các Đại đức sao lại dạy tôi? Tôi đáng dạy Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác. Ví như nước lớn từ đầu cuốn trôi các cây cỏ dồn lại một chỗ. Các Đại đức cũng lại như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập họp lại một chỗ. Cũng như gió lớn thổi các cây cỏ gom lại một chỗ. Các Đại đức cũng như vậy, đủ mọi dòng họ, đủ các tên gọi, đủ các gia tộc xuất gia, tập họp lại một chỗ. Bởi vậy, các Đại đức không đáng dạy tôi. Tôi đáng dạy các Đại đức. Tại sao vậy? Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác."

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Tỳ-kheo Xiển-đà:

- "Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này Xiển-đà, sao lại ngoan

cố không nhận lời khuyên bảo của người khác… như trên cho đến, Thánh chúa của tôi chứng đặng Chánh giác".

Đức Thế Tôn quở trách Xiển-đà rồi, bảo các Tỳ-kheo:

Cho phép Tăng trao cho Xiển-đà Tỳ-kheo pháp bạch tứ yết-ma ha gián. Pháp quở trách can gián như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này vì tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều học giới, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các Tỳ-kheo: "Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi." Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này: "Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển Đà, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau." Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo Xiển-đà này do tánh ngoan cố nên không nhận lời khuyên của người khác. Các Tỳ-kheo đã khuyên can như pháp những điều trong giới học, nhưng tự mình trở thành người không thể nói chuyện, bảo các Tỳ-kheo: "Các đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các đại đức thôi đi, khỏi cần phải dạy tôi." Nay Tăng vì Tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này: "Này Xiển-đà, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Xiển-đà, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau." Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng vì Tỳ-kheo Xiển-đà tác pháp ha gián cho bỏ việc này thì im lặng. Vị nào không chấp thuận xin nói. Đây là yết-ma lần đầu. (Lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như vậy).

- Tăng đã trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp ha gián cho bỏ việc này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Nên can gián như vậy rồi Tăng trao cho Tỳ-kheo Xiển-đà pháp bạch tứ yết-ma can gián khiến cho bỏ việc này rồi, các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu có các Tỳ-kheo khác do tánh ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thì Tăng cũng trao cho pháp bạch tứ yết-ma can gián như vậy. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

B. GIỚI VĂN

Tỳ-kheo nào, có tánh ngoan cố không nhận lời khuyên của người khác. Khi được các Tỳ-kheo khuyên can như pháp những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói: "Các Đại đức, chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức thôi đi, đừng can gián tôi."

Các Tỳ-kheo can gián Tỳ-kheo ấy: "Đại đức, chớ tự thân không nhận lời can gián. Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám hối với nhau." Tỳ-kheo này được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các Tỳ-kheo nên ba lần can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt. Nếu không bỏ, Tăng-già-bà-thi-sa.

C. THÍCH TỪ

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tánh ngoan cố không nhận lời của người:[349] không nhẫn chịu, không thọ nhận lời người khác dạy bảo.

Lấy giới luật như pháp dạy bảo: Có bảy tụ vi phạm: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thâu-lan-giá, Đột-kiết-la, ác thuyết.

Như pháp: Đúng pháp, đúng luật, đúng lời Phật dạy. Nếu Tỳ-kheo với tánh ngoan cố, không chấp nhận lời của người, các Tỳ-kheo lấy giới luật như pháp để giáo thọ.

Tự thân không thể cùng nói: Đại đức chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu, tôi cũng không nói với Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Đại đức thôi đi, chớ can gián tôi.[350]

D. PHẠM TƯỚNG

Tỳ-kheo kia can gián Tỳ-kheo này: Đại đức, chớ tự mình trở thành người không thể nói chuyện. Hãy tự mình trở thành người có thể nói chuyện. Đại đức, ngài nên như pháp can gián các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo cũng nên như pháp can gián ngài. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, trao đổi dạy bảo nhau, trao đổi can gián nhau, trao đổi sám

[349] Hán: ác tánh bất thọ nhân ngữ 惡性不受人语. Pāli: Dubbacajātiko, bản tính khó nói; khó nói chuyện với.

[350] Bản Hán có thể nhảy một câu: Tỳ-kheo nói như vậy, là tự thân trở thành người không thể nói chuyện với.

hối với nhau. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng quở trách mà phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe lời thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ hai. Tác yết-ma lần thứ hai rồi, nên lại phải tha thiết nói: Đại đức, Tăng đã tác pháp yết-ma lần thứ hai rồi, còn có một yết-ma nữa. Đại đức nên bỏ việc này, đừng để Tăng phải quở trách lại phạm trọng tội.

Nếu vị ấy nghe theo thì tốt, bằng không nghe lời nên tác pháp yết-ma lần thứ ba. Tác yết-ma lần thứ ba rồi, Tăng-già-bà-thi-sa.

Bạch và yết-ma lần thứ hai xong mà bỏ thì phạm ba Thâu-lan-giá. Bạch và yết-ma lần thứ nhất xong mà bỏ thì phạm hai Thâu-lan-giá. Nếu bạch xong mà bỏ thì phạm một Thâu-lan-giá. Nếu bạch chưa xong mà bỏ thì phạm Đột-kiết-la. Nếu trước khi chưa bạch, ngoan cố không nhận lời khuyên bảo của người khác, thảy đều Đột-kiết-la.

Khi Tăng tác pháp quở trách can gián lại có Tỳ-kheo khác bảo: đừng bỏ! Tỳ-kheo này phạm Thâu-lan-giá. Nếu chưa tác pháp quở trách can gián thì phạm Đột-kiết-la. Nếu khi Tăng tác pháp can ngăn quở trách có Tỳ-kheo-ni bảo: đừng bỏ! Cô ni này phạm Thâu-lan-giá. Nếu trước khi chưa tác pháp quở trách can gián thì cô ni phạm Đột-kiết-la.

Trừ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, người khác bảo: đừng bỏ! Quở trách, không quở trách đều phạm

Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Tăng-già-bà-thi-sa. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Khi mới nói liền bỏ. Yết-ma phi pháp biệt chúng, phi pháp hòa hợp chúng, pháp biệt chúng, pháp tương tợ biệt chúng, pháp tương tợ hòa hợp chúng, phi pháp, phi luật. Phi lời Phật dạy. Tất cả trước khi chưa can gián thì không phạm. Nếu bị người vô trí quở trách can gián, mà nói với người ấy: Việc làm của Hòa thượng, A-xà-lê của ông cũng như vậy. Ông hãy nên học hỏi, tụng kinh thêm. Hoặc việc kia là như vậy. Hoặc nói giỡn chơi, hoặc nói gấp gáp, hoặc nói một mình, hoặc nói trong mộng, hay muốn nói việc này nhầm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

Chương III: NÓI VỀ 2 BẤT ĐỊNH [351]

I. GIỚI THỨ 1

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-

[351] Ngũ phần 4 (T22n1421, tr.22c14). Tăng kỳ 7 (T22n1425, tr.289c18). Thập tụng 4 (T23n1435, tr.28b8). Căn bản 16 (T23n1442, tr.710a24). Pāli, Aniyakattam, Vin. iii. 186tt.

độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di khi còn là bạch y có người bạn có vợ tên là Trai Ưu-bà-tư [352] nhan sắc đoan chánh. Ca-lưu-đà-di cũng tướng mạo đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý đến Trai Ưu-bà-tư. Trai Ưu-bà-tư cũng để ý đến Ca-lưu-đà-di.

Ca-lưu-đà-di đến giờ, đắp y, mang bát, đến nhà Trai-Ưu-bà-tư.

Hai người cùng ngồi nơi chỗ kín.

Khi Ca-lưu-đà-di cùng Trai-Ưu-bà-tư nói chuyện, Tỳ Xá-khư Mẫu [353] có chút việc đến nơi đó. Từ xa, Tỳ Xá-khư nghe tiếng nói của Ca-lưu-đà-di. Ưu-bà-tư (Ưu-bà-di) này có lòng mộ đạo, nghe bên trong có tiếng nói của Tỳ-kheo, khởi ý nghĩ: Không chừng Tỳ-kheo nói pháp. Do vậy liền đến dựa nơi vách để nghe. Nhưng lại chỉ nghe tiếng nói phi pháp. Tỳ Xá-khư lại nghĩ: Nghe tiếng của Tỳ-kheo mà lại nói những việc phi pháp. Tỳ-kheo không nên nói những lời như vậy! Bà liền nhìn qua lỗ nhỏ, xem thấy Ca-lưu-đà-di với Trai Ưu-bà-tư cùng ngồi trên giường nói việc phi pháp. Thấy vậy, Tỳ Xá-khư Mẫu bèn nghĩ: Tỳ-kheo này ngồi chỗ phi pháp, lại nói lời phi pháp. Nếu phu chủ của người đàn bà này thấy thì họ sẽ mắng chửi vợ, sanh

[352] Trai ưu-bà-tư 齋優婆私. Tăng kỳ 7: Con gái của một người Bà-la-môn quen biết. Thập tụng: Người quen cũ là Ưu-bà-di Quật-đa. Căn bản 16: Ưu-bà-di Cấp-đa 笈?多. Pāli: Con gái của một nhà thí chủ; không nói tên cô gái.

[353] Tỳ Xá-khư Mẫu 毘佉母. Pāli: Visakhā Migaramātā. Bà có nhiều con và cháu, tất cả đều giàu có. Vì vậy, trong mọi lễ hay tiệc, bà đều được mời. Bà đến nhà này cũng do được mời.

tâm bất tín. Khi ấy, Tỳ Xá-khư Mẫu Ưu-bà-tư liền ra khỏi nhà này, vội vàng đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Bạch Đức Thế Tôn rồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng cáo lui.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật ông cùng với Trai Ưu-bà-tư ngồi riêng ở chỗ khuất vắng chăng?

Ca-lưu-đà-di trả lời:

Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ông cùng với Trai Ưu-bà-tư ngồi riêng chỗ khuất vắng?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Ca-lưu-đà-di là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới này nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng một người nữ, một mình

ngồi tại chỗ khuất chỗ kín, chỗ có ngăn che, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp. Có vị Ưu-bà-di trụ tín nói một pháp trong ba pháp, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận "Tôi phạm tội này." Vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, hoặc đúng như lời Ưu-bà-di trụ tín. Cần như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Người nữ: Người nữ có trí, chưa mạng chung.

Ngồi riêng: Một Tỳ-kheo, một người nữ.

Chỗ khuất kín: Có hai loại. Một là khuất vắng đối với thấy; hai là khuất vắng đối với nghe. Khuất vắng đối với thấy là hoặc do bụi trần, do sương mù, trong bóng tối, không thấy nhau. Khuất vắng đối với nghe là nơi mà tiếng nói thường không nghe được.

Nơi có ngăn che: Hoặc do cây, do vách tường, do rào, hoặc do vải và các vật khác có thể ngăn che.

Nơi có thể hành dâm: Nơi có thể dung chứa hành động về dâm dục.

Nói lời phi pháp: Tức là nói về pháp dâm dục.

Ưu-bà-tư trụ tín:[354] Tin Phật, Pháp, Tăng; quy

[354] Tín nhạo ưu-bà-tư 信樂優婆私. Trong giới văn, nói là trụ tín ưu-bà-tư 住信優婆私. Tăng kỳ7 (T22n1425, tr.290c13): Khả tín Ưu-bà-di 可信優婆夷; có 16 điều để gọi là Ưu-bà-di đáng tin: 3 quy y, 4 bất hoại tịnh, tăng chưa được lợi, giúp cho được lợi; đã được lợi, giúp cho tăng trưởng; tăng mang tiếng

y Phật, Pháp, Tăng; không giết, không trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; khéo ghi nhớ sự việc không nhầm lẫn, nói lời chân thật không hư vọng.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, tự nói có làm việc đó thì nên theo lời Tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, mà không tự nói làm việc đó thì nên như lời của Ưu-bà-tư nói mà xử trị.[355]

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên như lời Ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời Ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, (601a1) không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời Ưu-bà-tư mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo không tự nói tự nói chỗ nhắm

---

xấu, tìm cách dập tắt; không tùy ái, không tùy sân, không tùy bố, không tùy si; ly dục hướng thành tựu giới. Pāli: Saddheyyavacasā upāsikā, Ưu-bà-di mà lời nói đáng tin; ***Giải Thích:*** Đây chỉ người nữ đã đắc quả, đắc hiện quán, đã học hiểu giáo pháp.

[355] Tăng kỳ 7: Tác yết-ma mịch tội tướng mà xử trị.

đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói làm việc đó thì nên y theo lời của Ưu-bà-tư mà xử trị.

Trong đây, không xác định pháp nào, cho nên gọi là bất định.[356]

II. GIỚI THỨ 2

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di khi còn là bạch y có người bạn có vợ tên là Trai Ưu-bà-tư [357] nhan sắc đoan chánh. Ca-lưu-đà-di cũng tướng mạo đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý đến Trai Ưu-bà-tư. Trai Ưu-bà-tư cũng để ý đến Ca-lưu-đà-di.

Ca-lưu-đà-di đến giờ, đắp y, mang bát, đến nhà Trai-Ưu-bà-tư.

Hai người ngồi nơi chỗ trống, cùng nói chuyện.

Khi Ca-lưu-đà-di cùng Trai-Ưu-bà-tư nói chuyện, Tỳ Xá-khư Mẫu có chút việc đến nơi đó. Từ xa, Tỳ Xá-khư nghe tiếng nói của Ca-lưu-đà-di. Ưu-bà-tư (Ưu-bà-di) này có lòng mộ đạo, nghe bên trong có tiếng nói của Tỳ-kheo, khởi ý nghĩ: Không chừng Tỳ-kheo nói pháp. Do vậy liền đến dựa nơi vách để nghe. Nhưng lại chỉ nghe tiếng nói phi pháp. Tỳ Xá-khư lại nghĩ: Nghe tiếng của Tỳ-

[356] Pāli, aniyato, vì không xác định là Ba-la-di, hay Tăng-già-bà-thi-sa, hay Ba-dật-đề, nên gọi là bất định.

[357] Trai-uu-bà-tư 齋優婆私. Xem cht.2 trên.

kheo mà lại nói những việc phi pháp. Tỳ-kheo không nên nói những lời như vậy! Bà liền nhìn qua lỗ nhỏ, xem thấy Ca-lưu-đà-di với Trai Ưu-bà-tư cùng ngồi chỗ trống trải nói việc phi pháp. Thấy vậy, Tỳ Xá-khư Mẫu bèn nghĩ: Tỳ-kheo này ngồi chỗ phi pháp, lại nói lời phi pháp. Nếu phu chủ của người đàn bà này thấy thì họ sẽ mắng chửi vợ, sanh tâm bất tín. Khi ấy, Tỳ Xá-khư Mẫu Ưu-bà-tư liền ra khỏi nhà này, vội vàng đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Bạch Đức Thế Tôn rồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng cáo lui.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật ông cùng với Trai Ưu-bà-tư ngồi riêng ở chỗ trống chăng?

Ca-lưu-đà-di trả lời:

- Thật vậy, bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ông cùng với Trai Ưu-bà-tư ngồi riêng chỗ trống?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách

Ca-lưu-đà-di rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Ca-lưu-đà-di là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới này nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cùng một người nữ, một mình ngồi tại trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục. Có vị Ưu-bà-di trụ tín nói một pháp trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, và Tỳ-kheo ngồi ấy tự xác nhận "Tôi phạm tội này." Vậy cần xử trị một trong hai pháp, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hoặc Ba-dật-đề, hoặc đúng như lời Ưu-bà-di trụ tín. Cần như pháp xử trị Tỳ-kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Chỗ trống: Không có tường vách kín đáo, không có cây cối, rào dậu khuất kín và không có các vật ngăn che.

Chỗ không thể hành dâm: Chỗ không dung chứa hành động dâm dục được.

Lời nói thô tục: Tức là nói việc dâm dục, khen ngợi hai đường tốt xấu.

Ưu-bà-tư trụ tín: Tin Phật, Pháp, Tăng; quy y Phật, Pháp, Tăng; không giết, không trộm, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu; khéo

ghi nhớ sự việc không nhầm lẫn, nói lời chân thật không hư vọng.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, thì nên theo lời Tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, tự nói có làm việc đó thì nên theo lời Tỳ-kheo nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, tự nói có nằm, mà không tự nói làm việc đó thì nên như lời của Ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên như lời Ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, tự nói chỗ đến, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời Ưu-bà-tư nói mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo tự nói chỗ nhắm đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói có làm việc đó, thì nên y theo lời Ưu-bà-tư mà xử trị.

Nếu Tỳ-kheo không tự nói tự nói chỗ nhắm đến, không tự nói đến đâu, không tự nói có ngồi, không tự nói có nằm, không tự nói làm việc đó thì

nên y theo lời của Ưu-bà-tư mà xử trị.

Trong đây, không xác định pháp nào, cho nên gọi là bất định.[358] *

Phần 1: GIỚI PHÁP CỦA TỲ-KHEO

Chương IV: NÓI VỀ 30 NI-TÁT-KỲ BA-DẬT-ĐỀ [359]

I. SÚC TRƯỜNG Y [360]

A. DUYÊN KHỞI

1. Y dư:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.[361] Bấy giờ, Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo thọ trì ba y không được dư.

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo chứa y dư. Hoặc có y mặc buổi sáng. Hoặc có y mặc buổi trưa. Hoặc có y mặc buổi xế. Nhóm sáu thường kinh doanh trang nghiêm y phục, cất chứa như vậy. Các Tỳ-kheo thấy, bảo nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Đức Phật cho phép thọ trì ba y, không được

[358] Pāli, aniyato, vì không xác định là Ba-la-di, hay Tăng-già-bà-thi-sa, hay Ba-dật-đề, nên gọi là bất định.

[359] Cf, Tăng kỳ 8, tr.292b10: Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, y dư cần phải xả trước Tăng; sau đó sám tội Ba-dật-đề. Xả mà không sám hối, phạm tội việt tì-ni. Ba-dạ-đề, nghĩa là có thể đọa ác đạo. Thập tụng 5, tr.30b12: Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề, y ấy cần phải xả. Tội Ba-dạ-đề cần phải sám hối. Căn bản 16: Ni-tát-kỳ ba-dật-đề-ca, vật ấy cần phải xả; tội ấy cần phải sám. Pāli (Vin.iii. 193): Nissaggiya pācittiya

[360] Pāli: Atirekacīvara, Vin. iii. 195.

[361] Pali: Vesliyam viharati Gotamake cetiye, tại Vesli (Tỳ-da-ly), trong tháp Gotamaka.

dư. Đây là y của ai?

- Y dư của chúng tôi đấy. Nhóm sáu trả lời.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Đức Như Lai cho phép thọ trì ba y, tại sao các thầy cất chứa y dư, hoặc có y mặc buổi sáng, hoặc có y mặc giữa ngày, hoặc có y mặc buổi xế?

Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập họp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao, nhóm sáu Tỳ-kheo, Như Lai cho phép thọ trì ba y, các ông lại chứa cất y dư?

Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

- Tỳ-kheo nào chứa y dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Quá mười ngày:

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, Tôn giả A-nan nhận được một tấm y phấn tảo quý giá [362] từ nơi một người kia, muốn dâng cúng cho đại Ca-diếp. Vì ngài Ca-diếp thường sống hạnh đầu đà, mặc loại y này. Nhưng lúc ấy, ngài không có ở đó. Tôn giả A-nan có ý nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới, "Tỳ-kheo nào chứa y dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Nay, ta nhận được y phấn tảo quý giá, muốn dâng cúng cho đại Ca-diếp.[363] Vì đại Ca-diếp thường sống hạnh đầu đà, mặc loại y này. Mà ngài không có ở đây. Không biết làm sao đây?

A-nan liền đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Ngài vì các Tỳ-kheo kiết giới, "Tỳ-kheo nào chứa y dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Nay con nhận được một y phấn tảo quý giá, muốn dâng cúng lên đại Ca-diếp. Vì đại Ca-diếp thường tu hạnh đầy đà, mặc y phấn tảo. Phật hỏi A-nan:

- Khi nào Ca-diếp về? A-nan bạch Phật:

- Sau mười ngày sẽ về.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, tập hợp Tăng

---

[362] Quý giá phấn tảo y 貴價糞掃衣. Ngũ phần 4: 2 tấm vải kiếp-bối.

[363] Pāli: Muốn cúng lại cho Xá-lợi-phất.

Tỳ-kheo, tùy thuận thuyết pháp cho các Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện nói về thiểu dục tri túc, hạnh đầu đà, ưa pháp xuất ly, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau cho phép chứa y dư, không quá mười ngày. Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, y đã xong, ca-thi-na đã xả, cất chứa y dư, trong mười ngày không tịnh thí được phép chứa. Nếu quá mười ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y đã xong: Chỉ là ba y.[364]

Y ca-thi-na đã xả.[365]

Y:[366] có mười loại: y kiều-xa-da, y kiếp-bối (vải), y khâm-bà la, y sô-ma (bố), y sấm-ma, y phiến-na, y ma (vải gai), y bí-di-la, y cưu-di-la, y sấm-la-bán-ni.[367]

Y dư:[368] Cho đến miếng vải chiều dài bằng tám

---

[364] Y dĩ cánh 衣已竟. Pāli: Nitthittacīvarasmim, y đã hoàn tất; tức y đã may xong; bao gồm trường hợp y bị mất, y bị cướp, y bị cháy. Ngũ phần 4: Giặt, nhuộm, và may xong.

[365] Thiếu giải thích trong bản Hán. Ngũ phần 4 (T22n1421, tr.23b28): Ca-thi-na đã được xả do bạch nhị yết-ma. Pāli (Vin.iii. 196): ubbhatasmim kanhine, được ***Giải Thích:*** Ca-thi-na đã được xả do tám nguyên nhân; hoặc do Tăng tác pháp xả.

[366] Hầu hết, Hán dịch y 衣 (Pāli: Cīvara), cần được hiểu là vải để may y, chứ không phải là áo mặc theo nghĩa đen của từ Hán.

[367] Mười loại y: y thi (vải dệt thô), y kiếp-bối (vải), y khâm-bà la, y sô-ma (bố), y sấm-ma, y phiến-na, y ma (vải gai), y bí-di-la, y cưu-di-la, y sấm-la-bán-ni 絁衣劫貝衣欽婆羅衣芻摩衣讖摩衣扇那衣麻衣翅夷羅衣鳩夷羅衣讖羅衣羅半尼衣. Pāli: Cīvaram, y ở đây chỉ sáu loại y (= vải) được chấp nhận: Khomam(vải lanh), kappāsikam (vải bông), koseyyam (lụa), kambalam (lông thú), sānam (vải gai thô), bhangam(vải bố).

[368] Trường y **長衣**. Căn bản 16 (T23n1442, tr.711c25): Ngoài những y đang thọ trì, còn lại gọi là y dư. Pāli: atirekacīvaram, ***Giải Thích:*** y không được phân phối (anaditthita) và chưa được tác tịnh (avikappita). Minh tướng **明相**, tướng sáng, dấu hiệu sáng. Pāli: arnuggamane, khi mặt trời mọc.

ngón tay, chiều rộng bằng bốn ngón tay của Như Lai trở lên đều gọi là y dư.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, được chứa. Ngày thứ hai được y, cho đến ngày thứ mười được y, được chứa. Qua đến ngày thứ mười một, khi bình minh [369] xuất hiện, tất cả y đó trở thành Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba không được. Ngày thứ tư được (như vậy lần lần lên đến ngày thứ mười không được, xây dựng câu văn cũng như trên).[370]

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai, ngày thứ ba không được. Ngày thứ tư được, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong tám ngày đó đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba và ngày thứ tư không được. Ngày thứ năm được, (như vậy lần lần xuống, cho đến ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).[371]

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không được y. Ngày thứ năm được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh

[369] Minh tướng 明相, tướng sáng, dấu hiệu sáng. Pāli: arnuggamane, khi mặt trời mọc.

[370] Trong ngoặc: Nguyên tiểu chú trong bản Hán.

[371] Tiểu chú trong bản Hán.

xuất hiện, số y được trong bảy ngày đó, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y, ngày thứ hai được y, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không được y. Ngày thứ sáu được y, (như vậy chuyển, xuống cho đến ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười, không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không được y. Ngày thứ sáu được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong sáu ngày đó, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không được. Ngày thứ bảy được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như vậy).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không được y. Ngày thứ bảy được y, cho đến ngày thứ mười được y. Nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong năm ngày đó đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày

thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không được y. Ngày thứ tám được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không được

y. Ngày thứ tám được y, cho đến ngày thứ mười được y, nếu qua ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong bốn ngày đó, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không được y. Ngày thứ chín được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không được y. Ngày thứ chín, ngày thứ mười được y; số y được trong ba ngày đó, nếu đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không được y. Ngày thứ mười được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không được y. Ngày thứ mười được y. Nếu qua ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y được trong hai ngày đó, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y, xây dựng câu văn cũng như trên).*

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không được y. Nếu qua ngày mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong một ngày đó, đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y không tịnh thí.[372] Ngày thứ hai được y tịnh thí. Ngày thứ ba được y, cho đến ngày thứ mười được y không tịnh thí. Qua đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số y nhận được trong chín ngày đó đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu Tỳ-kheo nào, ngày thứ nhất được y. Ngày thứ hai được y không tịnh thí. Ngày thứ ba được y tịnh thí. Ngày thứ tư được y không tịnh thí (như vậy lần xuống cho đến ngày thứ mười được y tịnh thí, không tịnh thí, xây dựng câu văn cũng như trên).* Nếu y bị mất (xây dựng câu văn cũng như trên). Nếu làm phi y (đặt câu văn cũng như trên).* Nếu với ý nghĩ là người quen biết lấy (đặt câu văn cũng như trên).* Nếu quên đi (xây dựng câu văn cũng như trên).* Tất cả đều phạm Ni-tát-kỳ.

Nếu y phạm xả đọa mà không xả, đem đổi lấy y khác, phạm một Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một Đột-kiết-la.

Y xả đọa nầy nên xả cho Tăng, hoặc một nhóm người, hoặc một người. Không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la. Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, mặc y trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến kính lễ Thượng tọa,

[372] Tịnh thí 淨施, hay tác tịnh. Tăng kỳ 8 (T22n1425. tr.292b14): Được phép chứa y dư trong vòng 10 ngày không tác tịnh. Quá 10 ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dạ-đề. Căn bản 16 (T23n1442, tr.711c26): y dư trên 10 ngày, nếu tác phân biệt pháp (tác tịnh), được phép chứa. Tứ phần, Ba-dật-đề 59: Có hai cách tịnh thí, chân thật và triển chuyển. Chân thật tịnh thí là biếu luôn. Triển chuyển tịnh thí chỉ cho trên danh nghĩa, người cho vẫn dùng với ý niệm - mượn tạm. Pāli, Pācittiya 59 (Vin.iv.122): Vikappana, tác tịnh hay tịnh thí, có hai cách Sammukhavikappana, hiện tiền tác tịnh và parammukhavikappana, khiếm diện tác tịnh.

quỳ gối, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tôi, Tỳ-kheo tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, quá mười ngày, phạm xả đọa. Nay, tôi xả cho Tăng sử dụng.

Xả y rồi phải sám hối. Người thọ sám phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Lời tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo này tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của Tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy xong, sau đó mới thọ sự sám hối. Vị thọ sám nên nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ông! Phạm nhân trả lời:

- Xin vâng.

Nếu Tăng đông, khó tập hợp, mà Tỳ-kheo này có duyên sự muốn đi xa thì nên hỏi Tỳ-kheo ấy: Y này, ông muốn cho ai? Tùy theo lời nói của vị ấy mà cho, và Tăng phải hoàn y nầy lại liền cho Tỳ-kheo ấy bằng pháp bạch nhị yết-ma. Nghi thức trao như sau:

Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch như sau:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y nầy trao cho Tỳ-kheo tên là...

kia. Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là... cố ý chứa y dư như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng, Tăng đem y này cho Tỳ-kheo tên là... kia. Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem y này trao cho Tỳ-kheo tên là... kia và Tỳ-kheo tên là... kia sẽ hoàn cho Tỳ-kheo này, thì im lặng; vị nào không đồng ý, xin nói.

- Tăng đã chấp thuận cho Tỳ-kheo tên là... kia y nầy rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo này ở giữa Tăng xả y rồi, mà không được trả lại; Tăng mắc Đột-kiết-la.[373] Khi trả lại, có người nói - đừng trả, người ấy mắc Đột-kiết-la.

Nếu tác pháp tịnh thí,[374] hoặc gởi cho người khác, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la,[375] hoặc cố ý làm cho hư hoại, hoặc đốt cháy, hoặc làm phi y,[376] hoặc thường xuyên mặc cho hư, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

---

[373] Pāli, Vin.iii.197 (Pācittiya 1): Sau khi xả y dư, cần sám Ba-dật-đề. Y phải được trả lại, nói: imam cīvaram āyasmato dammī'ti, - Y này tôi trả lại cho Trưởng lão.

[374] Sau khi đã xả như pháp.

[375] Ba-lợi-ca-la 波利迦羅.Skt (=Pāli). parikara, giây đai, giây nịt, để buộc y phục.

[376] Phi y 非衣; không dùng làm y.

Sự không phạm: Không quá mười ngày. Hoặc chuyển tịnh thí.[377] Hoặc gởi cho người. Hoặc tưởng bị giặc cướp; hoặc tưởng bị mất; hoặc tưởng bị cháy; hoặc tưởng bị trôi. (Trong các trường hợp này) không tịnh thí, không gởi cho người, không phạm.

Nếu y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, lấy mặc,[378] hoặc người khác đưa cho mặc,[379] hoặc người khác đưa cho làm,[380] thì người kia không phạm.

Người nhận gởi gắm y kia hoặc mạng chung, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc bắt dẫn đi, hoặc bị ác thú hại, hoặc nước trôi chìm. Các trường hợp như vầy mà không tác tịnh thí, không gởi cho cho người, cũng không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; người si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

II. NGỦ LÌA Y [381]

A. DUYÊN KHỞI

[377] Tức triển chuyển tịnh thí. Xem cht. 14 trên.

[378] Hán: Thủ trước 取著; chưa rõ nghĩa. Cf, Tứ phần 17, tr.676b13 (Ba-dật-đề 59): Vật đã chân thật tịnh thí, cần phải hỏi chủ sau đó mới dùng (Hán: Thủ trước). Nếu là triển chuyển tịnh thí, không cần hỏi, tùy ý dùng (tùy ý thủ trước). Cf, Tăng kỳ 8 (T.1425, tr.293a10): Người khác nhận dùm y được cúng, nhưng chư đưa; quá hạn, vẫn không phạm.

[379] Cf, Tăng kỳ 8, nt., hoặc thầy, hoặc đệ tử nghe có người cho y, nhưng y chưa đưa đến. Quá hạn vẫn không phạm.

[380] Cf. Tăng kỳ 8, nt., nhờ người may y. May đã xong, nhưng chưa giao. Quá hạn, vẫn không phạm.

[381] Pāli: Ticīvaravippavaseyya, Vin.iii. 198.

1. Lìa y

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo đem y gởi nơi Tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhân gian. Tỳ-kheo được gởi y, thường thường đem y phơi nắng. Các Tỳ-kheo thấy, hỏi:

- Đức Phật cho phép Tỳ-kheo chứa ba y, không được dư. Đây là y của ai?

Tỳ-kheo phơi y trải lời:

- Đây là y của nhóm sáu Tỳ-kheo. Họ là bạn thân của tôi, đem gởi cho tôi, để du hành trong nhân gian. Sợ bị sâu bọ phá nên tôi đem phơi.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Sao các thầy đem y gởi cho Tỳ-kheo thân hữu; lìa y mà du hành trong nhân gian?

Hiềm trách rồi, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại đem y gởi cho Tỳ-

kheo thân hữu; lìa y mà du hành trong nhân gian?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa... cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

- Tỳ-kheo nào, y đã xong, y ca-thi-na đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm nơi khác, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Cương giới của y:

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy, bấy giờ có một Tỳ-kheo bị bệnh càn tiêu,[382] có y phấn tảo tăng-già-lê nặng quá.

Tỳ-kheo này vì có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, không thể mang nó theo được, tự nghĩ: Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới, không được lìa y ngủ đêm. Lìa y ngủ đêm, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay ta bị bệnh càn tiêu, mà ta có y phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, không thể mang theo được. Nay ta nên như thế nào đây? Vị ấy nói

[382] Càn tiêu bệnh 乾痟病, chứng gầy còm, hay nhức đầu kinh niên? Từ điển Khang hy: Tiểu #h, chứng bịnh nhức đầu. Ngũ phần 4, một Tỳ-kheo trì y phấn tảo, muốn đi xa, nhưng y quá nặng. Tăng kỳ 8: Xá-lợi-phất muốn về thăm quê; gặp phải lúc mưa dầm, tăng-già-lê nặng vì ướt sủng, nên không đi được. Căn bản 17: Ngày Tăng bố-tát, Đại Ca-diếp không đến được vì ở cách sông, gặp khi trời mưa, qua sông nước lớn, y bị ướt. Pāli, Pācittiya 2: aññataro bhikkhu Kosambiyam gilāno hoti, một Tỳ-kheo ở Kosambi bị bịnh.

với các Tỳ-kheo đồng bạn:

- Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới, không được lìa y ngủ đêm. Lìa y ngủ đêm, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nay tôi bị bệnh càn tiêu, mà tôi có y phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, không thể mang theo được. Nay tôi nên như thế nào? Các Đại đức vì tôi đến bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn dạy thế nào, tôi sẽ phụng hành như vậy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn liền tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, bảo:

Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho Tỳ-kheo bệnh này pháp bạch nhị yết-ma, kiết không mất y. Nghi thức trao như vầy:

Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giầy dép, đến lễ Thượng tọa, quì gối, chấp tay, bạch xin như vầy:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, phấn tảo tăng-già-lê này nặng, có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, không thể mang theo được. Nay tôi đến xin Tăng pháp không mất y.

Nên cầu xin như vậy ba lần. Trong Tăng nên sai một vị có thể tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, có phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, nên không thể mang theo được, đến xin Tăng pháp không mất y. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao cho Tỳ-kheo này pháp không mất y. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., mắc bệnh càn tiêu, có phấn tảo tăng-già-lê quá nặng, lại có nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, mà không thể mang theo được, nay đến xin Tăng pháp không mất y. Nay, Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là... pháp không mất y. Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao cho Tỳ-kheo tên là... pháp không mất y thì im lặng; vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao cho Tỳ-kheo tên là... pháp không mất y rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc nầy tôi ghi nhận như vậy.

Từ nay về sau sẽ nói giới như sau:

Tỳ-kheo nào y đã xong, y ca-thi-na đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ tăng yết-ma, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y đã xong: Đủ ba y.

Y ca-thi-na đã xả. (như trên)

Ba y: Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Tăng: Cùng một thuyết giới, cùng một yết-ma.

Không mất y: Trong Tăng-già-lam có một giới.

Mất y: Trong Tăng-già-lam có nhiều giới.[383]

Không mất y: Cây có một giới. Mất y: Cây có nhiều giới. Không mất y: Sân [384] có một giới. Mất y: Sân có nhiều giới. Không mất y: Xe có một giới. Mất y: Xe có nhiều giới.

Không mất y: Thuyền có một giới. Mất y: Thuyền có nhiều giới. Không mất y: Thôn có một giới. Mất y: Thôn có nhiều giới.

Không mất y: Nhà có một giới. Mất y: Nhà có nhiều giới.

Không mất y: Giảng đường có một giới. Mất y: Giảng đường có nhiều giới.

Không mất y: Kho chứa có một giới. Mất y: Kho chứa có nhiều giới.

Không mất y: Lẫm có một giới.

Mất y: Lẫm có nhiều giới.

Tăng-già-lam: Có bốn loại như trên.[385]

Cây: Cao bằng người, có bóng che đủ để ngồi kiết già.

Sân: Nơi đập và phơi ngũ cốc

---

[383] Một giới… nhiều giới; Thập tụng 5: Một giới, biệt giới; Căn bản 17: Một thế phần, nhiều thế phần. Nghĩa là, mỗi nơi có một hay nhiều phạm vi phụ cận. Pāli: ekūpacāra, nānpacāra. Xem thêm cht. 29 dưới.

[384] Hán: Tràng 場.

[385] Như trên? Các đoạn trên, chưa chỗ nào đề cập.

Xe: Chỗ đủ cho xe quay đầu lại.

Thuyền: Chỗ đủ cho chiếc thuyền xoay lại. Thôn: Có bốn loại như trên.[386]

Giảng đường: Có nhiều khoảng trống.

Kho: Nơi chứa các vật mua bán, ngựa xe v.v...

Lẫm: Chỗ chứa ngũ cốc.

Giới Tăng-già-lam: Giới Tăng-già-lam này, chẳng phải giới Tăng-già-lam kia. Giới Tăng-già-lam này, chẳng phải giới của cây kia. Cho đến giới của kho chứa này chẳng phải giới của kho chứa kia, cũng như vậy.

Giới cây này chẳng phải giới cây kia. Cho đến giới kho chứa, giới của Tăng-già-lam cũng như vậy.

Giới của sân này chẳng phải giới của sân kia. Cho đến giới Tăng-già-lam, giới cây, cũng như vậy. Ngoài ra xây dựng câu văn cũng như trên.

Giới Tăng-già-lam: Ở đường biên của Tăng-già-lam, với sức người trung bình, dùng đá hoặc gạch quăng đến chỗ nào thì nơi đó gọi là giới.[387] Cho đến giới của kho chứa cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo để y ở trong Tăng-già-lam, lại ngủ ở dưới gốc cây, khi bình minh chưa xuất hiện, hoặc xả y, hoặc tay cầm y, hoặc đến chỗ đá quăng

---

[386] Chương i, Ba-la-di ii, phần thích nghĩa.

[387] Tăng viện với một hay nhiều khu phụ cận. Pāli, Vin.iii. 200: Vihāro ekūpacāro nanūpacāro: Tinh xá có một vùng phụ cận, hay nhiều vùng phụ cận. Căn bản 17, gọi là có một thế phần hay có nhiều thế phần. Một nhà có thể chỉ có một thế phần, nếu chỉ có một gia trưởng. Một nhà nhưng có nhiều thế phần, nếu có nhiều gia trưởng. Anh em chia nhau ở từng khu vực riêng.

tới. Nếu không xả y, hoặc tay cầm y, hoặc đến chỗ đá quăng tới; khi bình minh xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y ngủ, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Trừ ba y, lìa các y khác, Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo để y trong Tăng-già-lam, đến chỗ sân phơi. Bình minh chưa xuất hiện, hoặc xả y, hoặc tay phải nắm y, hoặc đến chỗ đá quăng tới. Nếu không xả y, không đến chỗ đá quăng tới, mà bình minh xuất hiện, tùy theo chỗ lìa y ngủ, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Cho đến ngủ nơi kho chứa, mỗi mỗi câu cũng như vậy. Nếu Tỳ-kheo để y dưới gốc cây, đến ngủ chỗ sân phơi lúa cho đến ngủ nơi kho chứa, Tăng-già-lam thì cũng như vậy.

Không mất y: Nếu nơi A-lan-nhã không có giới, trong khoảng tám cây.[388] Một cây là bảy cung. Cung pháp nước Giá-ma-lê[389] trung bình dài bốn khủy tay.

Nếu Tỳ-kheo nơi A-lan-nhã có thôn, để y trong khoảng tám cây, ngủ chỗ khác, bình minh chưa xuất hiện. Không xả y, tay không nắm y, hoặc không đến chỗ đá quăng tới, khi bình minh xuất hiện, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Trừ ba y, lìa các y khác, Đột-kiết-la.

Y xả đọa này nên xả cho Tăng, hoặc một nhóm

[388] Pāli, Mahāvagga, Vin.i.111: 7 abhantara (a-bàn-đà). Khoảng cách giữa 2 cây là 1 abhan- tara.

[389] Căn bản 17, tr.714c21: Theo phép trồng xoài của Sanh Văn Bà-la-môn (Pāli. Janussonī).

người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả biệt chúng, không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa quỳ gối, chấp tay, thưa như vậy:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., đã lìa y ngủ, phạm xả đọa. Nay, tôi xả cho Tăng.

Phạm nhân xả rồi phải sám hối. Vị thọ sám hối phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sám hối cho vị Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Bạch như vậy rồi, sau mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ông! Phạm nhân trả lời:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo này, liền bạch nhị yết-ma. Thể thức trao lại y như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên, tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu

thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., lìa y ngủ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem y nầy hoàn lại cho Tỳ-kheo tên... các trưởng lão chấp thuận, Tăng đem y nầy hoàn lại cho Tỳ-kheo... kia thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao y cho Tỳ-kheo... kia rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Nếu ở trong Tăng xả y rồi, mà không hoàn lại, Tăng phạm Đột-kiết-la. Khi hoàn lại, có người nói: Đừng hoàn, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la,[390] hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc luôn cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đã được Tăng tác yết-ma. Khi bình minh chưa xuất hiện, tay nắm y, hoặc cả y, hoặc đến chỗ đá quăng tới, hoặc tưởng bị cưỡng đoạt, hoặc tưởng bị mất, hoặc tưởng bị cháy, hoặc

[390] Xem cht.17, Ni-tát-kỳ 1 trên.

tưởng bị nước trôi, hoặc tưởng bị hư hoại. Nếu đường thủy bị đứt đoạn, đường bộ bị hiểm nạn, hoặc bị giặc cướp, hoặc nạn ác thú, hoặc nước lên lớn, hoặc bị cường lực bắt, hoặc bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không xả y, tay không nắm tới y, không đến chỗ đá quăng tới thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

III. CHỜ Y MỘT THÁNG [391]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tỳ-kheo, y tăng-già-lê bị cũ rách hư hoại, tự nghĩ: Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới: "Y đã xong, y ca-thi-na đã xả, cho phép chứa y dư trong mười ngày. Chứa quá hạn định Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Song, Tăng-già-lê này của ta bị cũ hư mục, trong vòng mười ngày không thể may xong. Bây giờ, ta nên như thế nào? Vị ấy liền nói với Tỳ-kheo đồng ý:

- Lành thay! Đại đức vì tôi bạch lên Đức Thế Tôn. Ngài dạy thế nào tôi sẽ phụng hành thế ấy.

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo và bảo:

[391] Pāli: Nissaggiya 3, akālacīvaram uppajjeyya. Vin.iii. 202.

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo được chứa y dư, vì chờ cho đủ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn cho phép chứa y dư vì chờ cho đủ. Họ có y phấn tảo và các loại y khác, cùng loại mà chưa đủ, liền lấy trong đó y phấn tảo giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm tác tịnh, đem đến gởi các Tỳ-kheo thân hữu rồi du hành trong nhân gian. Vì họ đi lâu quá không trở lại, Tỳ-kheo nhận gởi sợ y ẩm ướt đem phơi. Các Tỳ-kheo thấy, hỏi:

Thế Tôn đã chế giới, cho phép chứa ba y, không được quá. Y nầy của ai?

Tỳ-kheo nhận gởi trả lời:

- Y nầy là của nhóm sáu Tỳ-kheo. Nhóm sáu Tỳ-kheo nói: "Đức Thế Tôn chế giới, cho phép được chứa y dư cho đến khi nào có đủ." Họ có y phấn tảo và các loại y khác, cùng loại mà chưa đủ, nên lấy trong đó y phấn tảo, giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm tác tịnh, đem gởi cho tôi để du hành trong nhân gian. Sợ hư mục nên tôi đem hong phơi.

Lúc ấy, trong số các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Tại sao nói Đức Thế Tôn cho phép chứa y dư vì chờ cho đủ, mà vì cùng loại y chưa đủ, lấy trong đó y phấn tảo giặt và nhuộm, bốn đầu góc điểm

tác tịnh, đem gởi cho Tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhân gian?

Các Tỳ-kheo liền đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này, nhóm sáu Tỳ-kheo! Tại sao Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo chứa y dư vì chờ cho đủ, mà vì cùng loại y chưa đủ lại lấy trong đó y phấn tảo giặt nhuộm, bốn đầu điểm tác tịnh, đem gởi cho Tỳ-kheo thân hữu để du hành trong nhân gian?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào y đã đủ, y ca-thi-na đã xả, nếu Tỳ-kheo được y vải phi thời, cần thì nhận; nhận rồi mau chóng may thành y; đủ thì tốt, không đủ thì được phép chứa một tháng vì chờ cho đủ; nếu chứa

quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y đã xong: Đủ ba y và y ca-thi-na đã xả.

Thời: Không thọ y ca-thi-na thì sau lễ tự tứ một tháng; có thọ y ca-thi-na thì sau lễ tự tứ năm tháng.

Phi thời: Nếu quá thời hạn của y nầy.

Y: Có mười loại như trên đã nói.

Nếu trong mười ngày, cùng loại y,[392] đủ thì nên cắt rọc ra, lược may thành y. Hoặc tác pháp tịnh thí hoặc khiến cho người. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không gởi cho người, ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, tùy theo số y (vải) nhiều hay ít, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu y cùng loại không đủ, đến ngày thứ mười một, y cùng loại mới đủ, trong ngày liền phải cắt rọc, lược may thành y. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai cho người, đến ngày thứ mười hai, khi bình minh xuất hiện, tùy theo số y nhiều hay ít, đều phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Như vậy, cho đến ngày thứ hai mươi chín cũng thế. Nếu cùng loại y không đủ, ngày ba mươi đủ hay không đủ, cùng loại hay không cùng loại, trong ngày đó cũng phải cắt rọc, lược may thành y, hoặc tịnh thí, hoặc sai cho người. Nếu không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai

[392] Y, ở đây đồng nghĩa như chữ vải. Xem cht. 7, Ba-dật-đề 1 trên.

cho người, đến ngày thứ ba mươi mốt, khi bình minh xuất hiện, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giầy dép đến lễ Thượng tọa, đầu gối bên hữu chấm đất, chấp tay, bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., có y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa. Nay tôi xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Người nhận sám hối phải tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., có y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới nhận sự sám hối. Khi nhận sự sám hối nên nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ông! Phạm nhân đáp:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo này ngay, bằng pháp bạch nhị yết-ma như sau: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên

là..., có cái y như vậy, chứa quá số ngày như vậy, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., có cái y như vậy, chứa quá ngày như vậy, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y nầy hoàn lại cho Tỳ-kheo có tên… Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo có tên... thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã thuận trao y cho Tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Nếu trong Tăng, xả y rồi, không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la. Khi hoàn lại, nếu có người bảo - đừng trả, thì người ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu không trả lại, chuyển tịnh thí, hoặc khiến cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc luôn luôn mặc cho hư, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Chứa trong vòng mười ngày. Y cùng loại đủ, cắt rọc, lược may thành y. Cùng loại y không đủ, đến ngày thứ mười một cùng loại y đủ, đã được cắt rọc, lược may thành y. Hoặc tịnh

thí, sai cho người. Cho đến ngày hai mười chín cũng như vậy. Ngày thứ ba mươi đủ hay không đủ, cùng loại hay không đồng loại, nội nhật phải cắt rọc, lược may thành y, hoặc tịnh thí, sai cho người, thì không phạm.

Tưởng bị đoạt, tưởng bị mất, tưởng bị cháy, tưởng bị nước trôi mà không cắt rọc, lược may thành y, không tịnh thí, không sai cho người thì không phạm. Nếu y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước trôi, lấy mặc, hoặc người cho mặc, hoặc làm mền thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo nhận gởi y, mạng chung, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, bị giặc, hoặc bị ác thú hại, hoặc bị nước trôi không cắt rọc, không lược, không may thành y, không sai cho người thì không phạm.

Người không phạm: Người phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

IV. NHẬN Y PHI THÂN LÝ NI [393]

A. DUYÊN KHỞI

1. Liên Hoa Sắc:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành La-duyệt.

Bấy giờ, có người thiếu nữ tên là Liên Hoa Sắc,[394] cha mẹ nàng gả nàng cho người Uất-

[393] Căn bản: Ni-tát-kỳ 5. Pāli, Nissaggtiya 5, Cīvarapanigganhana, Vin. iii. 207ff.

[394] Liên Hoa Sắc 蓮華色. Tăng kỳ 8, Ưu-bát-la Tỳ-kheo-ni. Pāli, Uppavattā.

thiền.[395] Sau đó, nàng mang thai, muốn trở về nhà cha mẹ. Nàng sanh được một đứa con gái, dung mạo đoan chánh.

Liên Hoa Sắc cùng người con gái ở chung một nhà. Trong thời gian này, chồng của Liên Hoa Sắc tư thông cùng với mẹ của Liên Hoa Sắc, bị đứa tớ gái của Liên Hoa Sắc bắt gặp, và thưa lại với Liên Hoa Sắc việc ấy. Liên Hoa Sắc nghe sự việc như vậy, thầm nghĩ và than: Sao con gái lại cùng với mẹ lấy chung một chồng. Thân người con gái để làm gì? Liên Hoa Sắc đành bỏ hài nhi đang bồng trong tay, cải trang ra đi, đến nơi thành Ba-la-nại, đứng ngoài cửa thành. Thân hình đầy bụi bậm, và gót chân bị rách. Lúc đó, trong thành có ông trưởng giả, vợ ông vừa mạng chung, cỡi xe ra khỏi thành Ba-la-nại, để đến công viên ngắm cảnh. Ông trưởng giả gặp Liên Hoa Sắc đang đứng bên ngoài cửa thành, dung mạo đoan chánh mà thân hình lại đầy bụi bặm, gót chân rách nát, nên để ý Liên Hoa Sắc. Ông liền đến trước người nữ, hỏi:

- Cô thuộc về ai? Liên Hoa Sắc trả lời:
- Tôi không thuộc về ai cả. Ông trưởng giả lại hỏi:
- Nếu chưa thuộc về ai thì có thể vì tôi làm vợ được không?

Liên Hoa Sắc trả lời:

---

[395] Uất-thiền quốc 鬱禪國. Ngũ phần 5, Ưu-thiện-na ấp. Chuyện kể trong đây, Tứ phần và Ngũ phần gần giống nhau. Nhưng không được kể trong Pāli.

- Cũng được.

Ông trưởng giả liền bảo lên xe, chở về nhà làm vợ.

Sau một thời gian, ông trưởng giả, chồng của Liên Hoa Sắc, tập trung nhiều của quý từ Ba-la-nại đến nước Uất-thiền để buôn bán. Nơi đây, Bấy giờ gặp ngày đại hội, đồng nữ trong nước đến vui chơi. Người con gái của Liên Hoa Sắc, trang sức đẹp đẽ, cũng ở trong số đông những người nữ đó. Thấy người con gái nầy đoan chánh, nên ông trưởng giả để ý, liền hỏi người bên cạnh:

- Cô gái này là ai? Đáp:
- Cô gái này tên như vậy. Lại hỏi:
- Nhà cô ở đâu? Đáp:
- Nhà cô ở tại chỗ ấy. Lại hỏi:
- Đường gì? Đáp:
- Đường tên như vậy. Trưởng giả lại hỏi:
- Cửa ngõ của nhà xoay về hướng nào? Đáp:
- Cửa ngõ của nhà xoay về hướng ấy.

Ông trưởng giả liền đến nhà đó, hỏi người cha: Cô gái này là con của ông phải không? Đáp:

- Con gái của tôi đó. Lại hỏi:
- Ông có thể gả cho tôi không? Đáp:
- Vâng, có thể được. Ông trưởng giả hỏi:
- Ông cần đòi bao nhiêu của? Người cha của cô gái trả lời:

- Trao cho tôi trăm ngàn lượng vàng.

Ông trưởng giả bèn trao đủ số. Cha của cô gái trang điểm cho con mình.

Từ nước Uất-thiền họ trở về Ba-la-nại. Liên Hoa Sắc nhìn thấy liền có cảm tưởng như đang nhìn đứa con gái mình. Cô gái này thấy Liên Hoa Sắc cũng với ý nghĩ là mẹ mình. Hai người gần gũi nhau thời gian lâu, Liên Hoa Sắc chải đầu cho người nữ kia và hỏi:

- Cô em là người nước nào? Con gái nhà ai?

Người nữ kia trả lời:

- Em là người nước Uất-thiền. Liên Hoa Sắc lại hỏi:

- Nhà ở chỗ nào? Đường nào? Cửa ngõ xoay về hướng nào? Cha mẹ là ai?

Người nữ kia trả lời:

- Nhà của em ở chỗ nọ, chỗ kia, vân vân. Cha em tên như vậy như vậy.

Liên Hoa Sắc lại hỏi:

- Mẹ của em họ gì? Nữ đáp:

- Em không biết mẹ. Chỉ nghe người ta nói mẹ tên là Liên Hoa Sắc.

Bỏ nhà đi lúc em còn nhỏ.

Lúc ấy, Liên Hoa Sắc lòng tự nghĩ: Đây chính là con của ta. Nàng tự oán trách mình, - Ôi! Thân người nữ để làm gì? Tại sao ngày nay, mẹ và con lại cùng lấy một chồng? Liên Hoa Sắc liền bỏ nhà

ra đi.

Khi Liên Hoa Sắc đến vườn Trúc khu Ca-lan-đà nơi thành La-duyệt, Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang nói pháp cho vô số đại chúng vây quanh. Từ xa thấy Đức Thế Tôn tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, đạt được chế ngự tối thượng như con voi chúa đã thuần, như nước lóng trong, không có bụi dơ, Liên Hoa Sắc phát tâm hoan hỷ, liền đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuần tự nói pháp vi diệu, nói về bố thí, về trì giới, về sanh thiên và chê trách dục là bất tịnh; tán thán sự xuất ly. Đức Thế Tôn nói về bốn Thánh đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo, phân biệt đầy đủ.

Bấy giờ, từ chỗ ngồi, Liên Hoa Sắc đạt được pháp nhãn tịnh. Ví như tấm lụa trắng mới và sạch, không có bụi bẩn, dễ nhuộm màu sắc. Liên Hoa Sắc đặng pháp thanh tịnh cũng lại như vậy; thấy pháp, đắc pháp, đắc thành quả chứng, bèn bước lên phía trước, bạch Phật:

- Nguyện Đức Thế Tôn cho con xuất gia, ở trong pháp của Phật, tu hạnh thanh tịnh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Ông dẫn Liên Hoa Sắc này đến chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề, cho phép cô xuất gia.

Tôn giả A-nan liền vâng lời Đức Phật dạy, dẫn

Liên Hoa Sắc đến chỗ Ma-ha Ba-xà-ba-đề nói:

- Đức Thế Tôn có dạy, Bà hãy độ người phụ nữ này xuất gia. Liên Hoa Sắc liền được cho phép xuất gia.

Một thời gian sau đó, Liên Hoa Sắc nhờ nổ lực tư duy ngày càng tinh tấn, nên chứng đặng A-la-hán, đạt được đại thần lực.[396]

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo-ni trụ nơi chỗ không nhàn,[397] nhưng Liên Hoa Sắc Tỳ-kheo-ni ngồi riêng trong một khu rừng khác [398] tư duy.

Nơi trú xứ của Liên Hoa Sắc, lại có tên đầu lĩnh của bọn cướp thường ở tại đó. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc chấp trì oai nghi lễ tiết, khoan thai, nên tên đầu lĩnh giặc thấy vậy liền sanh thiện tâm.

Thời gian sau đó, tướng giặc bắt được nhiều thịt heo. Ăn xong còn dư, gói lại đem treo trên nhánh cây và nói: Trong rừng này, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào, có đại thần lực thì lấy đem đi. Tuy nói như vậy, nhưng tâm thì vì Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc nhờ thiên nhĩ nghe, thiên nhãn thanh tịnh thấy, nên dùng tấm lụa trắng gói thịt heo treo lên nhánh cây. Sáng ngày

---

[396] Trong các tài liệu Pāli, Uppavattā Thery nổi tiếng về bốn biện tài vô ngại (panisambhidā) và biến hoá thần thông (iddhivikubbana).

[397] Không nhàn xứ 空閑處|. Rừng hay a-lan-nhã. Lúc này Phật chưa qui định Tỳ-kheo-ni không được sống trong rừng (ni bất trụ lan-nhã).

[398] Ngũ phần 4, tr.25b29: Trong rừng An-đà viên. Tại đây, một người Bà-la-môn lẽn vàothất của Liên Hoa Sắc, cưỡng hiếp lúc bà đang ngủ. Giật mình thức dậy, bà vận thần thông bay đi. Người Bà-la-môn rơi từ trên giường xuống địa ngục. Pāli: rừng Andhavana.

nói với Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni:

- Các con đến nơi chỗ đó. Trên nhánh cây, có cái gói bằng lụa trắng, trong đó có thịt heo. Lấy mang về.

Cô ấy liền đến lấy về, đưa cho Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc. Tỳ-kheo Liên Hoa Sắc bảo nấu, rồi đến giờ ăn, tự tay mình đem lên trên núi Kỳ-xà-quật, dâng lên cúng dường các Tỳ-kheo Thượng tọa.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo mặc chiếc tăng-già-lê cũ rách vá chằm. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc thấy vậy, phát tâm từ mẫn, liền hỏi vị Tỳ-kheo:

Thưa Đại đức! Sao Ngài mặc chiếc tăng-già-lê cũ rách đến thế?

Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

- Đại tỷ! Đây là pháp phải diệt tận, nên tệ hại như vậy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc đang khoác chiếc tăng-già-lê quí giá, nên thưa với vị Tỳ-kheo ấy:

- Thưa Đại đức! Con xin cúng chiếc y nầy cho Đại đức. Đại đức cho con xin chiếc y hiện Đại đức đang mặc có được không? Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

- Được.

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền cởi y tăng-già-lê trao cho Tỳ-kheo và lấy chiếc y cũ rách của Tỳ-kheo mặc vào. Sau đó, Liên Hoa Sắc mặc chiếc y cũ rách này đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới

chân rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố hỏi Liên Hoa Sắc:

- Tại sao cô mặc chiếc y cũ rách đến thế?

Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền đem nhân duyên trên bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn bảo:

- Nầy Liên Hoa Sắc! Cô không nên làm như vậy. Như lai cho phép cô chứa giữ năm y nguyên vẹn bền chắc.[399] Ngoài ra còn dư, mới tùy ý tịnh thí hoặc cho người. Tại sao vậy? Vì người nữ mặc y phục thượng hạng còn chưa tốt, huống chi là mặc y xấu.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà cố hỏi Tỳ-kheo kia:

- Thật sự ông có nhận y từ Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc chăng? Vị Tỳ-kheo kia thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn đúng như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách vị Tỳ-kheo kia:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại nhận y từ Tỳ-kheo-ni?

- Quở trách rồi, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

[399] Tỳ-kheo-ni không được bận y rách, và phải đủ 5 y: Ngoài 3 y như Tỳ-kheo, còn có thêm tăng-kỳ-chi (Pāli: Samkacchika, yếm che ngực) và áo tắm.

- Người này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo biết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni,[400] Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Những ngoại lệ:

Khi Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các Tỳ-kheo đều sợ nên cẩn thận không dám nhận lấy y từ nơi Tỳ-kheo-ni thân quyến. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni thân quyến. Tại sao vậy? Nếu không phải thân quyến thì không thể trù lượng được là nên lấy hay không nên lấy; hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc cũ, hoặc mới. Nếu là thân quyến thì trù lượng được, biết họ có khả năng hay không, nên nhận không nên nhận, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc cũ, hoặc mới.

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

- Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như trên rồi, thì bấy giờ, trong Kỳ-hoàn, hai bộ Tăng

[400] Pāli: Bhikkhuniyā hatthato cīvaram panigganheyya, nhận y từ chính tay Tỳ-kheo-ni.

[401] nhận được y cúng dường, cùng chia.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo nhận nhầm y của Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni nhận nhầm y của Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni mới đem y đến trong Tăng-già-lam, thưa với Tỳ-kheo:

- Tôi đem y nầy đến trao cho Đại đức, Đại đức trao y của Đại đức cho tôi.

Các Tỳ-kheo bảo:

- Đức Phật không cho phép chúng tôi thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Từ nay về sau, cho phép trao đổi y. Muốn nói giới phải nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến:[402] chẳng phải cha mẹ thân quyến cho đến bảy đời không thân.

Thân quyến:[403] cha mẹ thân quyến cho đến bảy đời thân quyến. Y: Có mười loại như đã nói ở trên.

Đổi chác:[404] Dùng y đổi y, dùng y đổi phi y,

---

[401] Hai bộ Tăng: Tăng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni tăng.

[402] Thân lý 親里. Pāli: aḍḍtikāya.

[403] Căn bản 18: Thân tộc; ***Giải Thích:*** Cha mẹ của hai người đều có quan hệ thân tộc từ bảy đời.

[404] Hán: Mậu dịch 貿易. Pāli: Pārivattaka, trao đổi, giao dịch, không hàm ý buôn bán đổi chác. Được phép trao

hoặc dùng phi y đổi y, hoặc dùng kim đổi lấy ống đồng, hoặc dao, hoặc chỉ... cho đến một viên thuốc để đổi y.

Nếu Tỳ-kheo nào, thọ nhận y từ nơi Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, trừ đổi chác, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Vật Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối, chấp tay, tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết người thọ sám nên tác bạch:

Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là...., đã thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của Tỳ-kheo nầy tên là... Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ông! Phạm nhân đáp:

đối với nhau trong năm chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa- ma-na. Cf. Vin.iii. 209.

- Xin vâng.

Tăng nên trả lại y cho Tỳ-kheo nầy liền, bằng bạch nhị yết-ma để trao. Tăng nên sai một Tỳ-kheo có khả năng tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận trả lại y cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Tăng nay đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy tên là... Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này trải lại cho Tỳ-kheo có tên này thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao cho y cho Tỳ-kheo kia tên là... rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Trước Tăng, đã xả y rồi, mà Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Khi trả y, nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc luôn cho cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-

di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Thọ nhận y từ Tỳ-kheo-ni thân quyến, hoặc đổi chác. Vì Tăng vì Phật đồ mà lấy thì không phạm.

Người không phạm: Đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

V. NHỜ PHI THÂN LÝ NI GIẶT Y CŨ [405]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Ca-lưu-đà-di có nhan sắc đoan chánh. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà cũng lại đoan chánh. Ca-lưu-đà-di để ý Thâu-lan-nan-đà. Thâu-lan-nan-đà cũng để ý Ca-lưu-đà-di.

Đến giờ khất thực, Ca-lưu-đà-di khoác y, bưng bát, đến chỗ Thâu-lan-nan-đà, ngồi ngay trước mặt, để lộ hình. Tỳ-kheo-ni cũng lại ngồi để lộ hình. Hai bên nhìn nhau với dục tâm. Một lúc sau, Ca-lưu-đà-di xuất đồ bất tịnh, làm bẩn an-đà-hội. Thâu-lan-nan-đà thấy vậy nói:

- Đại đức đưa cái y đây, tôi giặt cho.

Ca-lưu-đà-di liền thay đưa cho. Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà nhận được y, đến chỗ vắng dùng ngón tay lấy đồ bất tịnh cho vào miệng, rồi lại lấy một ít cho vào trong đường tiểu tiện, sau đó có thai.

---

[405] Căn bản, Ni-tát-kỳ 4. Pāli: Nissaggiya 4, punacīvaradhovāpa. Vin. iii. 205ff.

Các Tỳ-kheo-ni thấy vậy hỏi:

- Cô không biết hổ thẹn, đã làm hạnh bất tịnh.

Thâu-lan-nan-đà nói:

- Đại tỷ! Tôi không phải không có hổ thẹn. Tôi không phạm tịnh hạnh.

- Các Tỳ-kheo-ni nói:

- Nếu cô không phạm tịnh hạnh thì tại sao có thai? Các Tỳ-kheo-ni không phạm tịnh hạnh sao họ lại không có thai?

Bấy giờ, Thâu-lan-nan-đà mới đem sự việc đã xảy ra trình bày rõ ràng với các Tỳ-kheo-ni.

Trong số các Tỳ-kheo-ni nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, vì nhân duyên này hiềm trách Ca-lưu-đà-di:

- Sao Tôn giả lại nhờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni bạch với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo đến bạch Phật.

Bấy giờ, Đức Phật vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo.

Ngài biết mà vẫn cố hỏi Ca-lưu-đà-di:

- Có thật ông đã nhờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy chăng?

Ca-lưu-đà-di thừa nhận là có.

Đức Phật dùng vô số phương tiện quở trách Ca-lưu-đà-di:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng

phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại nhờ Tỳ-kheo-ni Thâu-lan-nan-đà làm việc như vậy?

Quở trách xong, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

- Tỳ-kheo nào, khiến Tỳ-kheo-ni giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới như vậy rồi, sau đó các Tỳ-kheo đều sợ, cẩn thận không dám khiến Tỳ-kheo-ni thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập. Đức Phật dạy:

- Cho phép các Tỳ-kheo khiến Tỳ-kheo-ni thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập...

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, khiến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến: Như trên đã giải.

Thân quyến: Cũng như vậy.

Y cũ: Là chỉ cần một lần mặc qua.

Y: Nói mười loại như trên.

Nếu Tỳ-kheo khiến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, (Tỳ-kheo) phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng cô ni chỉ giặt nhuộm mà không đập, (Tỳ-kheo) phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, một Đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập mà cô ni giặt, không nhuộm mà đập, phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, một Đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng cô ni không giặt mà nhuộm đập, (Tỳ-kheo) phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, một Đột-kiết-la.

Bảo giặt, nhuộm, đập, nhưng ni không giặt, không nhuộm, không đập, (Tỳ-kheo) phạm ba Đột-kiết-la.

Nếu Tỳ-kheo khiến Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm, đập y cũ, (Tỳ-kheo) phạm Đột-kiết-la.

Nếu bảo Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y mới, (Tỳ-kheo) phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ

giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu sát đất, chấp tay thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã khiến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết vị thọ sám phải bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã khiến Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên là... Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi sau đó mới nhận sám hối. Vị nhận sám hối nên nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ông! Phạm nhân đáp:

- Xin vâng.

Tăng nên trả y lại cho Tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng sai một vị có thể tác yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận, đem y nầy trả lại cho Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng; Tăng chấp thuận đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, đập y cũ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trao y cho Tỳ-kheo tên là... rồi. Tăng đã đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Trong Tăng vị Tỳ-kheo này đã xả y rồi, nếu Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Khi trả lại, có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu không trả lại, mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc đốt, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc mặc luôn cho rách, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó là phạm.

Sự không phạm: Trao y cũ cho ni thân quyến giặt, nhuộm, đập; hoặc vì người bệnh mà giặt,

nhuộm, đập; hoặc vì Tăng, Phật đồ giặt nhuộm đập; hoặc mượn y người khác giặt, nhuộm, đập thì không phạm.

Người không phạm: Đầu tiên khi chưa chế giới, si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[406]

VI. XIN Y NƠI NHÀ PHI THÂN LÝ [407]

A. DUYÊN KHỞI

1. Xin y từ phi thân lý:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một gia chủ,[408] vào buổi sáng, thắng cỗ xe, cùng đoàn tùy tùng đến công viên, rồi quay xe trở lại Tinh xá Kỳ-hoàn; để xe bên ngoài cửa ngõ Kỳ-hoàn, đi bộ vào gặp Bạt-nan-đà Thích tử; lễ kính, hỏi chào. Rồi ngồi phía trước mặt mà nghe pháp.

Bạt-nan-đà Thích Tử là người biện tài, trí tuệ, nói pháp khéo léo. Ông nói pháp cho gia chủ này nghe dưới nhiều hình thức khác nhau, khai hóa, khuyến khích, khiến gia chủ sanh lòng hoan hỷ. Gia chủ nghe pháp rồi, liền nói với Bạt-nan-đà:

- Tôn giả cần gì, xin cho biết. Bạt-nan-đà trả lời:

- Không cần gì cả. Sự thỉnh cầu này cũng là sự

---

[406] Bản Hán, hết quyển 6.

[407] Pāli, Nissaggiya 6 aḍḍātakaviḍḍatti, Vin. iii. 210.

[408] Pāli: Setthiputta, con trai của một nhà phú hộ.

cúng dường rồi. Gia chủ lại nói:

- Xin Ngài cứ nói. Nếu cần dùng thứ gì, không nên ái ngại. Bạt-nan-đà nói:

- Thôi! Thôi! Không phiền hỏi nữa. Giả sử tôi có điều cần thì gia chủ cũng không thể cho được đâu.

Gia chủ lại nói:

- Xin Ngài cứ nói. Tôi sẽ theo sự cần dùng mà cung cấp cho.

Lúc ấy, gia chủ này mặc chiếc áo lụa trắng, rộng dài, quý giá.

Bạt-nan-đà nói:

- Chiếc y ông đang mặc, có thể cho tôi. Tôi cần chiếc y đó. Gia chủ trả lời:

- Sáng mai đến nhà, tôi sẽ trao cho Ngài. Bạt-nan-đà nói:

- Tôi đã nói với ông trước rồi, "Giả sử tôi có điều cần thì Gia chủ cũng không thể cho được đâu." Điều đó bây giờ đúng như tôi đã nói.

Gia chủ thưa:

- Tôi cho Ngài chứ chẳng phải là không cho. Nhưng ngày mai hãy đến, tôi sẽ cho y này. Hoặc cho cái khác còn tốt hơn nữa. Bây giờ, nếu cởi chiếc y này dâng cho Ngài thì cũng được, nhưng tôi không thể không có y mà vào thành Xá-vệ.

Bạt-nan-đà nói:

- Thôi! Thôi! Tôi không cần nữa.

Khi ấy, gia chủ nổi giận, không vui, liền cởi y xếp lại trao cho Bạt-nan-đà và nói:

- Tôi đã thưa với Đại đức là ngày mai hãy đến, tôi sẽ cho y này, hoặc cho cái khác còn tốt hơn nữa. Nhưng Đại đức không tin, khiến cho bây giờ tôi chỉ quấn một chiếc y [409] mà vào thành Xá-vệ.

Rồi, gia chủ ra khỏi Tinh xá Kỳ-hoàn, lên xe, chỉ quấn một chiếc y mà vào thành. Người giữ cửa thấy vậy liền hỏi ông gia chủ:

- Ông từ đâu về? Bị ai cướp y?

- Ông gia chủ bảo:

- Vừa bị giặc cướp trong Kỳ-hoàn.

Lập tức người giữ cửa liền vớ ngay dao gậy, định đi đến Kỳ-hoàn.

Gia chủ nói:

- Thôi! Thôi! Khỏi phải đi.

- Người giữ cửa hỏi:

- Tại sao vậy?

Bấy giờ, gia chủ thuật rõ nhân duyên. Các cư sĩ nghe qua đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử mong cầu nhiều, không biết đủ, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự xưng là tôi biết chánh pháp. Như vậy thì có chánh pháp gì? Sao lại đòi cho kỳ được chiếc áo mà gia chủ đang mặc trên thân? Đàn-việt cúng dường tuy không nhàm chán nhưng người thọ nhận phải biết đủ chứ.

[409] Tức chỉ còn quấn một chiếc xà-rông mà thôi, để mình trần.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: Sao Thầy lại đòi cho kỳ được chiếc áo quý giá mà ông gia chủ đang mặc trên người?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn mới tập hợp các Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn cố hỏi Bạt-nan-đà:

Có thật ông đòi cho được chiếc áo mà ông gia chủ đang mặc trên người hay không?

Bạt-nan-đà thưa:

- Bạch Thế Tôn, có như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại đòi xin cho kỳ được chiếc y mà ông gia chủ đang mặc trên mình?

Đức Phật quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Bạt-nan-đà là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vậy:

- Tỳ-kheo nào, xin y nơi cư sĩ, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các Tỳ-kheo đều sợ, cẩn thận không dám xin y nơi cư sĩ thân quyến. Đức Phật dạy:

- Các Tỳ-kheo xin y nơi cư sĩ thân quyến, không phạm. Từ nay về sau muốn nói giới, nên nói như vầy:

- Tỳ-kheo nào, xin y nơi cư sĩ chẳng phải thân quyến, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

2. Tỳ-kheo y bị cướp:

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la hạ an cư xong, ngày mười lăm tự tứ rồi, ngày mười sáu mang y cầm bát đến chỗ Đức Thế Tôn. Vì ban ngày nắng nóng, các Tỳ-kheo không thể đi được, mới đi ban đêm. Họ bị lạc vào đường dữ và gặp ổ cướp. Chúng vừa cướp đoạt được của người một số của cải lớn đem về đó. Bọn cướp gặp Tỳ-kheo nơi đường dữ, bèn hỏi:

- Các ông đến đây tìm chúng tôi phải không?

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Không phải chúng tôi đi tìm các ông. Chúng tôi vừa hạ an cư ở nước Câu-tát-la xong, ngày mười lăm tự tứ rồi, nên ngày mười sáu mang y cầm bát muốn đến gặp Đức Thế Tôn. Từ đó đến đây. Ban ngày bị nắng nóng, chúng tôi đi không

được; đi ban đêm mới bị lạc đường nên đến đây, chứ không phải đi tìm các ông.

Bọn giặc hỏi:

- Nếu các ông không đi tìm chúng tôi thì tại sao đi con đường này?

Há không muốn hại chúng tôi sao?

Chúng nói xong liền đánh các Tỳ-kheo gần chết và cướp lấy y bát. Các Tỳ-kheo phải trần truồng mà đi; đến đứng ngoài cổng Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo thấy vậy nói:

- Quý vị là Ni-kiền-tử lõa hình, không được vào trong Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo kia nói:

- Chúng tôi chẳng phải Ni-kiền-tử. Mà là Sa-môn Thích tử.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly đang kinh hành cách đó không xa, các Tỳ-kheo đến hỏi Tôn giả:

- Hiện có một đám người trần truồng đang đứng ngoài cửa ngõ. Chúng tôi nói, "Các Tôn giả là Ni-kiền-tử, chớ vào tịnh xá Kỳ-hoàn." Những người ấy nói, "Chúng tôi không phải Ni-kiền-tử mà là Sa-môn Thích tử."

Rồi các Tỳ-kheo nói với Tôn giả Ưu-ba-ly:

Tôn giả nên ra xem, coi thử họ là ai?

Tôn giả liền ra ngoài cổng, hỏi: Quý vị là ai? Đáp: Chúng tôi là Sa-môn Thích tử.

Lại hỏi:

- Quý vị bao nhiêu tuổi?

Đáp:

- Chúng tôi chừng ấy tuổi.

Lại hỏi:

- Quý vị thọ giới khi nào?

Đáp:

- Chúng tôi thọ giới năm ấy.

Lại hỏi:

- Hòa thượng của quý vị là ai?

Đáp:

- Hòa thượng của chúng tôi hiệu là như vậy.

- Tại sao quý vị lại trần truồng?

Các Tỳ-kheo liền trình bày đầy đủ nhân duyên đã xảy ra. Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly trở lại chỗ các Tỳ-kheo nói:

- Những vị đó chẳng phải là Ni-kiền-tử mà là Sa-môn Thích tử. Rồi Tôn giả Ưu-ba-ly bảo các Tỳ-kheo đó:

- Các Thầy nên tạm mượn y để mặc. Chớ nên trần truồng đến gặp Đức Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo liền mượn y mà khoác vào, rồi đến chỗ Đức Thế

Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn an ủi và hỏi các Tỳ-kheo:

- Các ngươi thân được an ổn không? Đi đứng

có được hòa hợp an lạc không? Không vì sự ăn uống mà khổ chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đại đức, chúng con thân được an ổn. Đi đứng có được hòa hợp an lạc. Không vì sự ăn uống mà khổ. Chúng con ở nước Câu-tát-la an cư xong, tự tứ rồi, mang y cầm bát, muốn đến thăm hỏi Đức Thế Tôn. Ban ngày vì nắng nóng không đi được, đi ban đêm nên bị lạc đường, gặp bọn ăn cướp... Trình rõ nhân duyên đầy đủ như trên với Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo:

- Các ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp

Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Các ông là người ngu si, tại sao trần truồng mà đi? Nếu trần truồng mà đi, phạm Đột-kiết-la. Nếu gặp trường hợp như vậy nên dùng cỏ mềm hay lá cây che mình, đến chùa gần nhất. Trước hết, có y dư thì nên lấy để mặc. Nếu không có thì hỏi các Tỳ-kheo quen biết, có y dư nên mượn để mặc. Nếu bạn quen biết không có y, nên hỏi trong Tăng có y nào có thể chia. Nếu có thì chia, còn không có thì nên hỏi có ngọa cụ hay không? Nếu có ngọa cụ thì đưa, nếu không có đưa cho thì tự mình mở kho xem có mền, đồ trải đất, điệp, chăn... trích lấy, cắt thành y dùng

để tự che thân, rồi ra ngoài mà đi xin y.

Khi ấy các Tỳ-kheo cẩn thận, sợ không dám đem vật từ chỗ này đến chỗ khác. Đức Phật dạy:

- Cho phép.

Bấy giờ, Tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, vì cẩn thận sợ không dám mặc y của Tăng. Đức Phật dạy:

- Được phép mặc.

Các Tỳ-kheo nhận được y rồi, không trả lại chỗ cũ cho Tăng. Phật dạy: Không nên như vậy. Nếu nhận được y rồi nên giặt nhuộm, chằm vá, an trí lại chỗ cũ. Nếu không an trí lại chỗ cũ thì như pháp mà trị.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị trôi, cẩn thận sợ không dám đến nơi cư sĩ, vợ cư sĩ không thân quyến xin y. Đức Phật dạy: Nếu y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi thì được phép đến nơi cư sĩ hay vợ cư sĩ không thân quyến xin y.

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến,

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt.[410] Trường hợp đặc biệt là nếu Tỳ-kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi.[411] Đây là

[410] Nguyên Hán: Trừ dư thời 除餘時. Pāli: aḍḍatra samay.

[411] Pali, giới văn: acchinnacīaro vā, nattacīaro vā, y bị cướp và y bị hủy hoại. Phần giải thích nói, bị hủy hoại hoặc do lửa cháy, do nước cuốn, chuột mối gặm, hay sờn rách vì bận nhiều.

trường hợp đặc biệt.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Thân quyến, chẳng phải thân quyến: Như trên đã giải. Cư sĩ, vợ cư sĩ: Cũng đã nói ở trên.

Y: Có mười loại như trên đã trình bày.

Nếu Tỳ-kheo nào xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, trừ trường hợp đặc biệt.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người; không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho tăng, nên đến trong Tăng trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết người nhận sám hối phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi sau đó mới nhận sám hối. Vị nhận sám

hối nên nói với Tỳ-kheo kia:

- Thầy nên tự trách tâm mình! Trả lời:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho người này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ chẳng phải thân quyến, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Ai không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao y cho Tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Phạm nhân xả y trong Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la. Khi hoàn y lại, có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu không hoàn lại, mà chuyển làm tịnh khí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y

ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc mặc luôn cho rách, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Y bị đoạt, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, được phép xin y từ cư sĩ, vợ cư sĩ không phải thân quyến, hoặc xin nơi người đồng xuất gia, hoặc xin vì người khác, hay người khác xin vì mình. Hoặc không mong cầu mà được thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

VII. NHẬN Y QUÁ PHẦN [412]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đến Tinh xá Kỳ-hoàn sau khi gặp bọn cướp cướp mất y.

Bấy giờ, có Ưu-bà-tắc nghe có số đông Tỳ-kheo đến Tinh xá Kỳ-hoàn sau khi gặp bọn cướp cướp mất y, liền đem nhiều y tốt đến chỗ các Tỳ-kheo, hỏi:

- Vừa rồi nghe có các Tỳ-kheo bị mất y đến đây, là những vị nào?

Các Tỳ-kheo trả lời:

[412] Pāli, Nissaggiya 7, tatuttari, Vin.iii. 213.

- Chính chúng tôi. Vậy hỏi có việc gì?

Vị Ưu-bà-tắc thưa:

- Chúng con nghe các Tỳ-kheo gặp giặc cướp, cướp mất y, đã đến

nơi Kỳ-hoàn nầy, nên đem những y này đến dâng cúng các Đại đức bị mất y. Xin các Ngài tùy ý nhận.

Các Tỳ-kheo nói:

- Thôi! Thôi! Thỉnh cầu như thế đã là cúng dường rồi. Chúng tôi đã đủ ba y, khỏi phải nhận nữa.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe thế, nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Đại đức, các Ngài đủ ba y rồi, sao không nhận để cho chúng tôi, hay là cho người khác.

Các cư sĩ đã vì các Tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng. Các Tỳ-kheo đủ ba y rồi lại nhận y của cư sĩ rồi cho nhóm sáu Tỳ-kheo và người khác.

Bấy giờ, trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiền trách các Tỳ-kheo: Cư sĩ nơi Xá-vệ đã vì các Tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng. Các vị đủ ba y rồi, tại sao lại lấy y của họ đem cho nhóm sáu Tỳ-kheo và các người khác? Hiềm trách xong, Tỳ-kheo thiểu dục đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem

(610a1) nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo lại. Ngài biết mà vẫn cố hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, có thật các ngươi đã đủ ba y mà nhận y của người, đem cho nhóm sáu Tỳ-kheo và các người khác không?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách các Tỳ-kheo:

- Các ông làm việc sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Cư sĩ Xá-vệ đã vì các Tỳ-kheo bị mất y nên đem y đến cúng, tại sao các ngươi đủ ba y rồi lại nhận y của họ để cho nhóm sáu Tỳ-kheo và các người khác?

Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, y bị mất, y bị cướp, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, nếu có cư sĩ, vợ cư sĩ không phải

thân quyến, đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận. Tỳ-kheo ấy nên biết đủ mà nhận. Nếu nhận quá, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Chẳng phải thân quyến: Cư sĩ, vợ cư sĩ.

Y: Có mười loại cũng như trước đã nói.

Nếu mất một y, không nên nhận. Nếu mất hai y còn lại một y hai lớp, ba lớp, bốn lớp, thì nên tháo ra làm tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng hay an-đà-hội. Nếu ba y đều bị mất thì Tỳ-kheo ấy nên tri túc mà nhận y. Tri túc có hai nghĩa: Tri túc của người tại gia và tri túc của người xuất gia.

- Tri túc của người tại gia: Tùy theo khả năng của người bạch y cho y mà nhận.

- Tri túc của người xuất gia: Tức ba y vậy.

Nếu cư sĩ yêu cầu tùy ý,[413] cúng nhiều y cho Tỳ-kheo, hoặc y mịn, hoặc y mỏng, hoặc y không bền chắc thì nên xếp lại hai lớp, ba lớp, bốn lớp để may. Trên vai nên xếp một miếng để ngăn mồ hôi và làm khâu hoàn. Nếu còn dư, hãy nói với cư sĩ, vải này còn dư, nên cắt làm gì? Nếu người đàn-việt bảo, không phải tôi vì vấn đề mất y dâng cúng, mà do tự nguyện, xin được dâng cúng cho Đại đức. Vị kia muốn nhận thì cứ nhận. Nếu Tỳ-kheo nhận y quá mức tri túc, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Ni-tát-

[413] Tự tứ thỉnh 自恣請. Pāli: abhihatthum pavāreyya.

kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc số đông, hoặc một người;

không được xả biệt chúng. Nếu xả, không thành xả phạm Đột-kiết-la. Khi xả nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép,

đến lễ Thượng tọa, quỳ gối hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã nhận y quá mức tri túc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo tên là... Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi sau đó mới thọ sám hối. Vị thọ sám nên nói với Tỳ-kheo phạm tội là:

- Thầy nên tự trách lòng mình! Tỳ-kheo phạm tội trả lời:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên

là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã nhận quá mức tri túc của y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Bây giờ, Tăng đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo ấy. Các trưởng lão nào đồng ý đem y này hoàn lại cho Tỳ-kheo ấy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói. Tăng đã chấp thuận trao lại y cho Tỳ-kheo có tên là... rồi.

- Tăng đã chấp thuận trao lại y cho Tỳ-kheo có tên là... rồi. Vì im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo ấy đã xả y trong Tăng rồi mà Tăng không trả lại, Tăng phạm Đột-kiết-la. Khi hoàn lại, có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu không hoàn lại mà chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố ý làm cho hư, hoặc đốt, hoặc mặc mãi cho rách, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu tri túc nhận, hoặc dưới mức tri túc, hoặc cư sĩ cúng nhiều y, hoặc mịn

mỏng, không bền chắc xếp hai, ba, bốn lớp may thành y, đặt một miếng ngăn mồ hôi, may khâu hoàn. Nếu y (vải) còn dư, nói với cư sĩ: Vải còn dư, làm gì? Nếu cư sĩ nói: Không phải tôi vì mất y mà cúng, do tôi tự nguyện muốn dâng cúng cho Đại đức. Họ nói như vậy, Tỳ-kheo cần thì nhận, không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

VIII. KHUYÊN CƯ SĨ TĂNG GIÁ Y [414]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo khất thực, đến giờ, đắp y, bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà cư sĩ xin thức ăn, nghe vợ chồng cư sĩ cùng bàn tính, Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên đem số tiền để mua y với giá như vậy, mua y như vậy đem đến dâng cúng cho Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo khất thực rồi trở về Tăng-già-lam, gặp Bạt-nan-đà Thích tử, bảo:

Chưa có người nào trong giòng họ Cù-đàm có đại phước đức như ngài.

Bạt-nan-đà Thích tử liền hỏi:

Tôi có việc gì mà nói tôi là người phước đức?

[414] Pāli, Nissaggiya 8, upakkhana, Vin.iii. 213

Vị Tỳ-kheo khất thực trả lời:

- Tôi vào trong thành khất thực, nghe vợ chồng cư sĩ cùng bàn tính như vầy, "Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên đem số tiền để mua y với giá như vậy, mua y như vậy đem đến dâng cúng."

Bạt-nan-đà liền hỏi:

- Có đúng như vậy hay chăng?

Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:

- Đúng như vậy.

Bạt-nan-đà lại hỏi:

- Nhà cư sĩ kia ở chỗ nào, cửa hướng nào? Tỳ-kheo khất thực trả lời:

- Nhà cư sĩ ấy ở chỗ đó, cửa ngõ xoay về hướng đó. Bạt-nan-đà liền nói với Tỳ-kheo khất sĩ:

- Vâng, người đó là bạn thân quen của tôi xưa kia, là đàn-việt thường cúng dường tôi, đúng như lời của thầy nói.

Sáng sớm hôm sau, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà cư sĩ nói:

- Có phải Cư sĩ muốn cho tôi y không?

Cư sĩ nói:

Tôi có bàn tính riêng như vậy. Bạt-nan-đà nói với cư sĩ:

- Nếu muốn cho tôi y thì nên may dài, rộng, loại bền chắc, tốt đẹp mới đúng loại y tôi thọ trì. Nếu không đúng, tôi không nhận, thì may làm gì.

Lúc ấy, cư sĩ kia liền cơ hiềm:

- Sa-môn Thích tử không có tàm quý, nhiều mong cầu không biết chán, bên ngoài tự xưng rằng "Tôi biết chánh pháp"; nhưng lại cưỡng bức người, đòi hỏi y tốt. Như vậy làm gì có chánh pháp? Người cho tuy không biết nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ. Người ta bàn tính riêng tư mà lại rình nghe là sao!

Lúc ấy, có Tỳ-kheo khất thực nghe, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

Tại sao lại cưỡng bức người đòi cho được y tốt như vậy?

Tỳ-kheo khất thực liền ra khỏi thành, về đến trong Tăng-già-lam, đem nhân duyên này đến nói với các Tỳ-kheo.

Trong số đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Tại sao Thầy cưỡng bức người, đòi cho được y tốt như vậy? Hiềm trách xong, vị ấy đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân

Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận,

làm việc không nên làm. Tại sao đến người cưỡng bức đòi cho được y tốt như vậy?

Quở trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa... cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

- Tỳ-kheo nào, có cư sĩ, hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo, nghĩ: "Mua y như thế cho Tỳ-kheo có tên như thế." Tỳ-kheo ấy liền đến nhà cư sĩ nói như vầy: "Lành thay cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy." Vì muốn đẹp. Nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ có cư sĩ muốn dâng cúng y theo ý muốn của Tỳ-kheo, nên hỏi:

- Đại đức cần loại y nào?

Tỳ-kheo ấy nghi ngại, không dám trả lời. Đức Phật dạy:

- Nếu cư sĩ yêu cầu Tỳ-kheo tùy ý, thì nên trả lời.

Lại có cư sĩ muốn cúng cho Tỳ-kheo y quý giá, mà Tỳ-kheo kia là vị thiểu dục tri túc, không cần loại y đại quý giá này, mà muốn cần loại y không quý giá. Tỳ-kheo kia ý nghi ngại không muốn nói lên ý của mình. Đức Phật dạy:

- Cho phép các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc yêu cầu loại y không quý giá.

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ, hay vợ cư sĩ [415] để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo, nghĩ: "Mua y như thế cho Tỳ-kheo có tên như thế." Tỳ-kheo ấy trước không được yêu cầu tùy ý mà đến nhà cư sĩ nói như vầy: "Lành thay cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy." Vì muốn đẹp. Nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Cư sĩ, vợ cư sĩ: Cũng như trước đã giải.

Tiền sắm y:[416] giá tiền để sắm y, hoặc vàng bạc, trân châu, lưu ly, vỏ sò, ngọc thạch, anh lạc, vàng y.

Y: Có mười loại như trước đã nói.

Cầu xin:[417] Có hai cách. Một là cầu xin tiền để mua y, hai là cầu xin y.

- Cầu xin số tiền để may y: Đàn-việt cúng để may y với giá lớn chừng ấy mà cầu xin thêm, dù chỉ một phần mười sáu tiền.

- Cầu xin y: Nói với người cư sĩ, may pháp y

---

[415] Pāli, thêm yếu tố: aḍḍatakassa gahapatissa vā gahapatāniyā, cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến.

[416] Y giá 衣價. Pāli: Cīvaracetāpannam, vật ngang giá cho y; ***Giải Thích:*** Vàng, bạc, ngọc ngà, trân châu; hoặc mảnh vải, hoặc chỉ, hoặc gòn.

[417] Cầu 求. Từ được giải thích, không có trong giới văn. Pāli: Vikappam āpajjeyya, đề nghị.

dài, rộng như vậy, cho đến dù xin thêm một sợi chỉ.

Tỳ-kheo nầy trước không được yêu cầu tùy ý mà đến cầu y quý giá dài rộng, nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Cầu mà không nhận được, phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý cúng dường y mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi nên sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý cúng dường y, mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi sau đó mới nhận sự sám hối. Vị nhận sự sám hối nên bảo Tỳ-kheo phạm tội:

- Hãy tự trách tâm của mình!

- Tỳ-kheo phạm tội nói:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước không được yêu cầu tùy ý khi cúng dường y mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hoàn y này lại cho Tỳ-kheo có tên... đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo có tên... này trước không được yêu cầu tùy ý khi cúng dường y, mà đến cầu y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao lại y cho Tỳ-kheo tên là... rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo nầy đối với trong Tăng đã xả y rồi mà Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Khi đang trả có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu không trả lại, mà chuyển làm tịnh thí, hoặc

sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc có làm cho hư hoại, hoặc đốt hay mặc mãi cho rách, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước đó có yêu cầu tùy ý nên đến cầu xin, tri túc, mong cầu tối thiểu; đến cầu mong nơi thân quyến; đến cầu xin nơi người xuất gia, hoặc vì người mong cầu hay người vì mình mong cầu; hoặc không cầu mà được thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

IX. KHUYÊN HAI NHÀ TĂNG GIÁ Y [418]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khất thực, đến giờ, đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ khất thực; theo thứ tự đến nhà một cư sĩ, nghe hai vợ chồng cư sĩ cùng bàn: Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên mua y như vậy dâng cúng. Lại nghe một nhà cư sĩ khác, hai vợ chồng cũng cùng bàn: Bạt-nan-đà là bạn quen biết trước kia của ta. Nên

[418] Pāli, Nissaggiya 9, dutiya-upakkhana, Vin.iii. 217.

mua y như vậy để dâng cúng.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo khất thực kia, khi khất thực xong, ra khỏi thành Xá-vệ, trở về đến trong Tăng-già-lam, thấy Bạt-nan-đà Thích tử liền nói:

- Tôn giả là người đại phước đức.

- Bạt-nan-đà hỏi:

- Vì việc gì mà thầy gọi tôi là người đại phước đức? Tỳ-kheo khất thực trả lời:

- Vừa rồi tôi vào thành Xá-vệ khất thực, theo thứ tự đến một nhà cư sĩ, nghe hai vợ chồng cùng bàn, "Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta. Nên mua y như vậy dâng cúng." Lại nghe một nhà cư sĩ khác, hai vợ chồng cũng cùng bàn, "Bạt-nan-đà là bạn quen biết trước kia của ta. Nên mua y như vậy để dâng cúng."

Bạt-nan-đà liền hỏi:

Có chắc như vậy không?

Vị Tỳ-kheo khất thực nói:

- Chắc.

Bạt-nan-đà lại hỏi:

- Nhà của cư sĩ ấy ở chỗ nào? Cửa hướng nào? Vị Tỳ-kheo khất sĩ trả lời:

- Nhà ở chỗ đó, cửa hướng đó.

Bạt-nan-đà nghe xong liền nói với vị Tỳ-kheo kia:

- Đúng vậy, đó là nhà đàn-việt của tôi, thường cúng dường cung cấp cho tôi.

Sáng ngày sau, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát vào thành Xá-vệ, đến nhà của hai cư sĩ nói:

- Quý vị có ý định muốn cho tôi y phải không? Các cư sĩ trả lời:

- Trong chỗ riêng tư tôi có bàn tính như vậy. Thích tử Bạt-nan-đà nói:

- Nếu muốn cho tôi y thì có thể chung lại may một y, rộng dài, bền chắc theo kiểu tôi thọ trì cho tôi. Nếu không đúng kiểu tôi thọ trì thì chẳng phải là thứ tôi cần.

Cư sĩ nghe như vậy liền cùng nhau cơ hiềm:

- Bạt-nan-đà Thích tử không biết đủ, không có tàm quý, bên ngoài tự xưng rằng "Tôi biết chánh pháp"; nhưng lại tham cầu không biết đủ. Như vậy làm gì có chánh pháp? Người cho tuy không biết nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ. Người ta bàn tính riêng tư mà lại rình nghe là sao!

Bấy giờ, Tỳ-kheo khất thực nghe như vậy, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Tại sao đến người cưỡng bức đòi y?

Lúc ấy, Tỳ-kheo khất thực nọ ra khỏi thành, đến Tăng-già-lam, đem nhân duyên này nói với các Tỳ-kheo.

Trong số các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: Tại sao đến người cưỡng bức đòi y?

Quở trách rồi, vị ấy đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, trình bày đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc chẳng nên làm. Sao lại đến người cưỡng bức đòi hỏi y?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Bạt-nan-đà này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu,

là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo, đều nói: "Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho Tỳ-kheo có tên như vậy." Tỳ-kheo ấy đến hai nhà cư sĩ, nói như vầy: "Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y." Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có cư sĩ dâng cúng y theo ý muốn

của Tỳ-kheo, hỏi:

- Ngài cần thứ y nào?

Tỳ-kheo nghi ngại không dám trả lời. Phật dạy:

- Nếu cư sĩ yêu cầu Tỳ-kheo tùy ý, thì Tỳ-kheo nên trả lời.

Bấy giờ, các cư sĩ vì Tỳ-kheo may y quý giá để cúng, mà Tỳ-kheo đó là vị thiểu dục tri túc, không muốn mặc y quý giá, cần chiếc y không quý giá, mà Tỳ-kheo nghi ngại không dám nói lên ý muốn của mình,

Đức Phật dạy:

- Cho phép các Tỳ-kheo thiểu dục tri túc được nói lên ý muốn của mình về y không quý giá bằng.

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ [419] để dành tiền sắm y cho Tỳ-kheo, đều nói: "Ta để dành tiền may y như vậy dâng cúng cho Tỳ-kheo có tên như vậy." Tỳ-kheo ấy trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của cư sĩ, mà đến hai nhà cư sĩ, nói như vầy: "Lành thay, để dành tiền như vậy, như vậy để sắm y cho tôi. Hãy chung lại làm một cái y." Vì muốn đẹp. Nếu nhận được, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

---

[419] Pāli, thêm yếu tố: Không phải thân quyến.

Cư sĩ, vợ cư sĩ, y giá, y, tìm cầu đều như trước đã giải.

Nếu Tỳ-kheo trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu y quý giá, rộng lớn, nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu đến đòi mà không được, phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Nếu xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu, được y quý giá phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, vị nhận sám hối nên tác bạch:

- Đại đức Tăng nên lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận được sự yêu cầu tùy ý mà đến tìm cầu, được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi sau đó mới thọ sám hối. Vị thọ sám nên bảo Tỳ-kheo kia:

- Hãy tự trách tâm mình! Vị Tỳ-kheo phạm tôi

thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo kia liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận sự yêu cầu tùy ý mà đến đòi hỏi được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả y lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., trước đó không nhận sự yêu cầu tùy ý, đến đòi hỏi được y quý giá, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả loại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao y cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc nầy được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo này xả y giữa Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hay tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư

hoại, tất cả như vậy đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Vị ấy trước đó có nhận sự yêu cầu tùy ý mà đến đòi hỏi. Hoặc đối với y quý giá mà đòi xin y không quý giá.

Hoặc đến thân lý cầu xin, đến người xuất gia cầu xin, hoặc vì người khác cầu xin y, hay người khác vì mình cầu xin y, hoặc không cầu xin mà tự được thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

X. YÊU SÁCH GIÁ Y QUÁ HẠN [420]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một vị Đại thần là thân hữu của Bạt-nan-đà Thích tử, thường tới lui với nhau, đã sai sứ đem số tiền may y đến chỗ Bạt-nan-đà Thích tử dặn:

- Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen biết xưa kia của ta, ta thường kính trọng. Hãy đem số tiền sắm y này mua y như vậy dâng cúng.

Người sứ giả đem số tiền sắm y đến trong

[420] Pāli, Nissggiya 10, rājasikkhāpadam, Vin.iii. 219.

Tăng-già-lam chỗ ở của Bạt-nan-đà, thưa như vầy:

- Lành thay! Ngài là người đại phước.

Bạt-nan-đà hỏi:

- Có việc gì người nói tôi là đại phước đức? Sứ giả thưa:

- Trong thành La-duyệt có vị Đại thần sai tôi đem số tiền sắm y này đến mua y như vậy dâng cúng cho ngài.

Bạt-nan-đà hỏi:

- Có thật vậy không? Sứ giả thưa:

- Có thật.

Bạt-nan-đà liền hỏi:

- Nhà vị Đại thần ở chỗ nào? Cửa ngõ về hướng nào? Sứ giả thưa:

- Nhà vị Đại thần ở chỗ đó, cửa ngõ về hướng đó. Bạt-nan-đà nghe xong, nói:

- Đúng như lời của ông nói, Đại thần ấy là bạn quen biết xưa kia của tôi, là đàn-việt thường cúng dường thừa sự tôi.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ lại có một trưởng giả quen thân cùng Bạt-nan-đà, thường lui tới. Bạt-nan-đà dẫn người sứ giả ấy vào trong thành Xá-vệ, đến nhà ông trưởng giả kia nói:

- Trong thành La-duyệt có một vị Đại thần sai người sứ này đem y giá này đến cho tôi để may y. Xin ông vui lòng giữ giùm.

Ông trưởng giả liền nhận giữ giùm.

Một thời gian sau đó, vị Đại thần hỏi người sứ giả:

- Trước đây ta đã bảo ngươi đem số tiền sắm y cúng cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà đã vì ta mặc chiếc y ấy chưa?

Người sứ giả thưa:

- Không thấy Bạt-nan-đà mặc.

Vị Đại thần liền bảo sứ giả đến nói với Bạt-nan-đà:

- Trước đây tôi có sai sứ đem số tiền sắm y đến cúng cho Ngài. Rốt cuộc Ngài không mặc y của tôi; Ngài dùng nó làm gì? Nay xin được nhận lại.

Khi Bạt-nan-đà nghe nói như vậy liền vội vàng đến nhà ông trưởng giả, nói:

- Trước đây tôi có gửi số tiền sắm y. Nay tôi cần y, nên đi may y cho tôi.

Thời gian ấy, trong thành Xá-vệ, các vị trưởng giả lại bận họp, mà trước đó đã có quy chế, ai không họp phải bị phạt năm trăm tiền.[421]

Ông trưởng giả thưa:

- Theo nội quy của đại hội thì ai không đến họp phải bị phạt năm trăm tiền. Bây giờ, tôi xin phép đến họp. Đại đức chờ một chút, tôi họp xong sẽ trở về. Đại đức đừng để cho tôi bị phạt năm trăm tiền.

Bạt-nan-đà nói:

---

[421] Pali: Paññsam baddho, phạt 50. Được giải thích là phạt 50 kahāpana (tiền vàng).

- Không được. Trước hết, ông nên đem số tiền sắm y đi may y cho tôi.

Bấy giờ, ông trưởng giả đành phải đem số tiền sắm y vì Bạt-nan-đà mà may thành y. Bấy giờ, phiên họp đã mãn, ông trưởng giả bị phạt năm trăm tiền vì không dự họp. Ông trưởng giả cơ hiềm: Sa-môn Thích tử đã làm cho hội nghị phạt tôi năm trăm tiền. Bấy giờ, các cư sĩ trong thành Xá-vệ không tin Phật pháp cùng nhau cơ hiềm:(613a1) "Sa-môn Thích tử không biết tri túc, không có tàm quý, bên ngoài tự xưng là ta biết chánh pháp. Nhưng như vậy thì làm gì có chánh pháp? Họ làm cho ông trưởng giả không đến họp bị phạt năm trăm tiền. Từ nay về sau, chúng ta không nên gần gũi lễ bái, chào hỏi thừa sự cúng dường.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Bạt-nan-đà: "Sao Thầy khiến cho đại hội phạt ông trưởng giả năm trăm tiền?"

Rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

- Ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên

làm. Này Bạt-nan-đà, sao lại làm cho ông trưởng giả bị đại hội phạt năm trăm tiền?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài. Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, hoặc vua, hoặc Đại thần, hoặc Bà-la-môn, hoặc cư sĩ, hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền sắm y đến Tỳ-kheo bảo: "Hãy mang số tiền sắm y như vậy cho Tỳ-kheo có tên như vậy." Người sứ giả kia đến chỗ Tỳ-kheo, nói với Tỳ-kheo: "Đại đức, nay tiền sắm y này được gởi đến ngài, ngài hãy nhận." Tỳ-kheo ấy nên nói với người kia: "Tôi không được phép nhận tiền may y này, khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh tôi sẽ nhận." Vị sứ kia nên hỏi Tỳ-kheo: "Đại đức có người chấp sự không?" Tỳ-kheo cần y nên nói: "Có", và chỉ người dân trong Tăng-già-lam, hoặc Ưu-bà-tắc, nói: "Đó là người chấp sự của Tỳ-kheo, thường chấp sự cho các Tỳ-kheo." Bấy giờ sứ giả đến chỗ người chấp sự, trao số tiền sắm y rồi, trở lại chỗ Tỳ-kheo, nói như vầy: "Đại đức, tôi đã trao số tiền sắm y cho người chấp sự mà Đại đức chỉ đó, khi nào Đại đức cần, đến đó sẽ được y." Tỳ-kheo khi cần y nên đến

chỗ người chấp sự, hoặc hai lần, ba lần để cho họ nhớ lại, hoặc bằng cách nói: "Tôi cần y." Hoặc hai lần, hoặc ba lần khiến cho họ nhớ lại. Nếu nhận được y thì tốt. Bằng không được y thì bốn lần. Năm lần, sáu lần, đứng im lặng trước họ. Nếu bốn lần, năm lần, sáu lần đứng im lặng trước người đó mà nhận được y thì tốt; bằng không được y mà cố cầu quá giới hạn đó, nếu được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu không được y thì tự chính mình, hoặc sai sứ đến chỗ người xuất tiền sắm y nói: "Trước đây, ngài sai sứ mang tiền sắm y cho Tỳ-kheo có tên như vậy; Tỳ-kheo ấy cuối cùng không nhận được y; ngài nên lấy lại, đừng để mất." Như vậy là hợp thức.[422]

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Vua: Người được tự tại, không thuộc quyền của ai. Đại thần: Người tả hữu của vua.

Bà-la-môn: Có huyết thống Bà-la-môn.[423]

Cư sĩ: Chỉ những người tại gia, trừ vua, Đại thần của vua, Bà-la-môn.

Vợ cư sĩ: Cũng là người phụ nữ tại gia. Tiền sắm y: Như đã nói trên.

Y có mười loại như trên đã nói.

---

[422] Pāli: ayam tattha samīcī, đây là điều hợp cách. Và ***Giải Thích:*** ayam tattha anudhammatā, ở đây điều này tùy thuận pháp tánh. Bản Hán đọc: ayam tattha samayam.

[423] Pāli: Brāhmano nāma jātiyā brāhmano.

Nhớ lại: Khiến cho người chấp sự, hoặc tại nhà, hoặc nơi chợ, hay chỗ làm việc, đến đó hai, ba lần, nói: Nay tôi cần y. Xin may y cho tôi. Đó gọi là làm nhớ lại. Nếu hai, ba lần làm cho họ nhớ, được y thì tốt; không được y thì bốn, năm, sáu lần đến đó, đứng im lặng trước họ.

Đứng trước mặt: Đối với người chấp sự, hoặc tại nhà, hoặc tại chợ, hay nơi làm việc, đến đứng im lặng trước họ. Nếu người chấp sự hỏi: Vì nhân duyên gì, Ngài đứng đây vậy? Tỳ-kheo nên trả lời: Điều đó ông tự biết. Nếu người kia nói, tôi không biết. Nếu có người nào khác biết việc này, Tỳ-kheo nói: Người đó biết việc này. Nếu Tỳ-kheo lên tiếng một lần thì trừ hai lần im lặng. Lên tiếng hai lần thì trừ bốn lần im lặng. Lên tiếng ba lần thì trừ sáu lần im lặng. Nếu Tỳ-kheo quá hai, ba lần lên tiếng, quá sáu lần im lặng để đòi; đòi được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người,

không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., quá ba lần nói để đòi y, quá sáu lần đứng im

lặng để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, người nhận sám phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần nói đòi y, quá sáu lần đứng im lặng để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi mới nhận sám hối. Vị nhận sám nên nói với Tỳ-kheo kia:

- Hãy tự trách tâm mình! Tỳ-kheo phạm tội trả lời:

- Xin vâng.

Tăng phải trả y này lại cho Tỳ-kheo đó bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần nói đòi y, quá sáu lần đứng nín thanh để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp với Tăng, Tăng chấp thuận trả lại y cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quá ba lần đòi y, quá sáu lần đứng nín thanh để được y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Nay Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả y này lại cho Tỳ-kheo có tên... rồi. Tăng đồng ý nên im lặng, việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo phạm tội đã xả y giữa Tăng như vậy rồi mà Tăng không hoàn lại thì mắc Đột-kiết-la. Người nào bảo - đừng trả, người ấy phạm

Đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc sai cho người, hoặc mặc nhiều lần cho rách, đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, sa si, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ba lần nói đòi mà được y, sáu lần đứng im lặng được y.

Nếu không được y, tự mình đến, hoặc sai người đến chỗ người cúng tiền sắm y, nói, trước đây người sai sứ đem tiền sắm y đến cho Tỳ-kheo có tên là... cuối cùng Tỳ-kheo ấy không nhận được y, người có thể đến lấy lại, đừng để mất. Nếu người kia nói: Tôi đã cúng, không lấy lại. Tỳ-kheo này nên cần có thời gian, dùng lời nhỏ nhẹ phương tiện đòi được y thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa

chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XI. NGOẠ CỤ BẰNG TƠ TẰM [424]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong địa phận nước Khoáng dã.[425] Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo làm ngọa cụ [426] mới bằng tơ tằm tạp.[427] Họ đòi xin loại tơ chưa thành, hay đã thành; hoặc đã nhuộm hay chưa nhuộm; hoặc thứ mới hay thứ cũ. Họ đến nhà nuôi tằm nói:

- Chúng tôi cần tơ. [428]
- Nhà nuôi tằm trả lời:
- Đợi thời gian tằm chín hãy đến.

Nhóm sáu Tỳ-kheo đứng bên vừa đợi vừa xem. Họ đứng xem khi kén bị phơi, và con nhộng của tằm đang gây thành tiếng. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không có tàm quý, hại mạng chúng sanh. Bên ngoài tự xưng rằng ta tu theo chánh pháp. Như vậy thì làm gì có chánh pháp. Đòi hỏi cho được kén tằm để làm ngọa cụ mới!

Họ quở trách việc làm trên, trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo: Sao

---

[424] Pāli, Nissaggiya 11, kosiya, Vin.iii. 223

[425] Khoáng Dã quốc 曠野國. Pāli: navī.

[426] Ngoạ cụ 臥具 Pāli: Santhata, đồ trải lót: Chiếu, thảm, hay miếng vải. Các bộ khác: Phu cụ 敷具.

[427] Tạp dã tàm 雜野蠶綿. Pāli: Kosiyamissakam santhata, ngọa cụ chen tạp với lụa.

[428] Nguyên Hán: Miên 綿; bông gòn. Pali: Các Tỳ-kheo này đến nhà nuôi tằm (kosiyakāraka) đề nghị: Luộc tằm (bāhu … pacatha) cho họ xin để lấy tơ làm chăn trải.

lại phải đòi xin kén để làm ngọa cụ mới? Quở trách như trên rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập họp các Tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, sao các ông lại đòi xin kén tằm để may ngọa cụ mới?

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng loại tơ tằm tạp, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tạp:[429] Là loại lông mềm, hoặc kiếp-bối, câu-

[429] Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 21: Tỳ-kheo làm ngọa cụ bằng kiêu-xa-da 憍賒耶; và ***Giải Thích:*** Kiêu-xa-da là tơ (nguyên Hán, miên 綿: Bông gòn) đ?ọc làm từ con tằm. Tăng kỳ 9, Ni-tát-kỳ 13: Tỳ-kheo lấy kiêu-xá-da 憍舍– tạp với lông dê thuần đen làm phu cụ Thập tụng 24: Kiêu-thi-da 憍施耶. Căn bản 20: Dùng tơ tằm sống (dã tàm ty 野蠶·) làm phu cụ.

giá-la, cỏ nhũ điệp, hoặc sô-ma, hoặc gai.[430]

Tỳ-kheo tự mình dùng loại tơ tằm tạp làm ngọa cụ mới mà thành, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, không thành phạm Đột-kiết-la. Nếu bảo người khác làm mà thành, cũng phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; làm không thành, phạm Đột-kiết-la. Mình vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

Vật này nên xả. Khi xả nên dùng búa hoặc rìu bằm nhỏ trộn với bùn trét lên vách hay thoa nơi đất.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Được vật đã thành, hoặc dùng búa chặt bằm nhỏ hòa với bùn, hoặc trét lên vách hay nơi đất thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XII. NGOẠ CỤ TOÀN ĐEN [431]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, đức Một thời Đức Phật ở lầu các, bên cạnh sông Di hầu, Tỳ-xá-ly. Bấy giờ, các Lê-xa Tử ở Tỳ-xá-ly [432] phần lớn làm hạnh tà dâm. Họ dùng

[430] Kiếp-bối 劫貝 (Pāli: Kappāsa, bông gòn), câu-giá-la 拘遮羅 (Pāli: Koseyya, tơ lụa, vải quyến), cỏ nhũ diệp, hoặc sô-ma 芻摩 (Pāli: Khoma, ma bố, vải gai), hoặc gai.

[431] Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 22. Tăng kỳ 9, Ni-tát-kỳ 11. Pāli, Nissaggiya 12, suddhakānaka, Vin. iii. 223

[432] Tỳ-xá-ly Lê-xa Tử 毘舍÷梨¨®子U. Pali không có chi tiết này.

lông dê toàn màu đen [433] làm áo [434] choàng kín thân thể, đi ban đêm khiến cho người khỏi thấy.

Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo thấy vậy liền bắt chước lấy lông dê toàn đen làm ngọa cụ bằng giạ.[435] Các Lê-xa thấy vậy, thảy đều nói:

- Này Đại đức, chúng tôi trong ái dục, vì dâm dục nên dùng áo giạ bằng lông dê màu đen, chứ các ngài dùng loại giạ lông dê màu đen làm gì?

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý; hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo: "Sao các Thầy bắt chước Lê-xa dùng loại dạ lông dê màu đen?"

Quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Này nhóm sáu Tỳ-kheo, sao các ông lại bắt chước Lê-xa dùng loại dạ lông dê màu đen?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện

---

[433] Hán: Thuần hắc nhu dương mao 純糯羊. Khang hy: Nhu dương, tức hồ dương (một loại dê của người Hồ). Pāli: Suddhakānakānan enakalomānam, lông dê thuần đen; enaka, một loại sơn dương.

[434] Hán: Chiên 氈; vật dụng bện bằng da thú hay giạ. Đây chỉ áo choàng bằng giạ.

[435] Chiên ngọa cụ 氈臥具. Xem cht. 14, Ni-tát-kỳ 10.

quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo rồi bảo các Tỳ-kheo: Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến câu chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Lông toàn đen: Hoặc màu đen tự nhiên,[436] hoặc màu đen do nhuộm.

Tỳ-kheo tự mình làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen mà thành, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; làm không thành, phạm Đột-kiết-la. Khiến người làm; thành, phạm Ni-tát-k ỳ Ba-dật-đề; không thành, phạm Đột-kiết-la. Vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đến lễ Thượng tọa, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

[436] Hán: Sanh hắc 生黑. Pāli: jātiyā kālakam.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị thọ sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới thọ sám. Khi thọ sám nên nói với Tỳ-kheo phạm tội:

- Hãy tự trách tâm mình!

Phạm nhân thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn màu đen, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, hoàn lại ngọa cụ cho Tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã làm ngọa cụ bằng lông dê toàn màu đen, phạm Xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem

ngọa cụ này hoàn lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng đem toạ cụ này hoàn trả cho Tỳ-kheo này thì im lặng.

- Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận hoàn ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo này rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo phạm tội đã xả ngọa cụ trong Tăng, nếu Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la. Khi trả lại có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu lấy làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc đem trải mãi cho hư rách đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni phạm, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni phạm, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu được vật đã làm thành, hoặc cắt rọc cho hư hoại, hoặc mỏng xếp làm hai lớp, hoặc dùng làm mền, hoặc làm gối, hoặc làm toạ cụ vuông nhỏ, hoặc làm dạ để nằm, hoặc làm đồ lót bên trong cái bình bát, hoặc làm cái bao đựng dao, hoặc làm bít tất, hoặc làm khăn trùm ấm, hoặc làm khăn gối giày dép... đều không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XIII. NGỌA CỤ QUÁ PHẦN [437]

[437] Ngọa cụ 臥具. Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b4): Phụ cụ trong Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 23 (T.1421,

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn trắng.[438] Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, không nhàm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng ta tu theo chánh pháp. Nhưng như vậy làm gì có chánh pháp! Sao lại làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn trắng, in tuồng nhà vua, hay Đại thần của vua?

Bấy giờ, trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục biết đủ, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Sao các Thầy làm ngọa cụ bằng lông dê toàn trắng?

Quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, rồi quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo: Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao các ngươi làm ngọa cụ bằng lông dê toàn trắng?

---

tr.35a24); Tăng kỳ 9, Ni-tát-kỳ 12. Pali, Nissaggiya 13, dve bhg suddha-knaknam, Vin. iii. 226ff.

[438] Thuần bạch dương mao 純白羊毛. Ngũ phần, nt.,Thập tụng, Căn bản, nt.: Thuần hắc nhu dương mao 純羯羊毛. Pāli: Suddhakānakānam enakalomānam, lông dê toàn đen.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới nầy đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới thì nên dùng hai phần lông dê toàn màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám. Nếu Tỳ-kheo không dùng hai phần đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám mà làm ngọa cụ mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Trắng: Trắng tự nhiên, hoặc nhuộm thành trắng.

Lông sắc xám:[439] Lông nơi đầu, nơi tai, nơi chân, hoặc các nơi khác có màu xám.

Tỳ-kheo muốn làm ngọa cụ bốn mươi bát-la,[440] lông dê, thì phải hai mươi bát-la màu toàn đen, mười bát-la màu trắng, và mười bát-la màu xám.

---

[439] Hán: Mang sắc 尨色. Thích từ không có trong giới văn. Ngũ phần 5 (T22n1421,tr.35b04), Thập tụng 4 (T23n1435, tr.48b11): Đệ tứ phần hạ 第四分下; được ***Giải Thích:*** Hạ, chỉ lông đầu, lông bụng, lông gót chân. 第?四分下. Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b09): Đệ tứ phần thô 第四 分下, ***Giải Thích:*** Thô, chỉ lông đầu, lông bụng và lông chân. Pāli: Catuttham gocariyānam, phần thứ tư màu nâu đỏ (hạt sắc).

[440] Bát-la 缽羅. Ngũ phần nt., Thập tụng nt.: Ba-la 波羅. (Pali: Pala, đơn vị trọng lượng) Căn bản 21 (T23n1442, tr.736b16): Thí dụ, ngọa cụ nặng 10 cân, thì 5 cân toàn đen, 2,5 cân trắng và 2,5 cân thô. Cf. Pāli (Vin.iii.227): 2 tūla (cân) đen, 1 tūla trắng, 1 tūla nâu đỏ.

Muốn làm ngọa cụ ba mươi bát-la, thì phải mười lăm bát-la màu toàn đen, còn mười lăm bát-la thì phân nửa toàn màu trắng, phân nửa toàn màu xám. Muốn làm ngọa cụ hai mươi bát-la, thì phải mười bát-la màu toàn đen, năm bát-la màu trắng, năm bát-la màu xám. Nếu Tỳ-kheo không làm ngọa cụ mới bằng hai phần màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám mà thành, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Không thành, phạm Đột-kiết-la. Sai người làm mà thành thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; không thành, phạm Đột-kiết-la. Nếu vì người khác làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hay một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, cởi bỏ giày dép, trống vai bên hữu, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., làm ngọa cụ mới không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết vị nhận sám phải tác bách:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên

là..., đã làm ngọa cụ mới không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám phải nói với phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm mình! Tỳ-kheo phạm tội thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ mới, không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã làm ngọa cụ không dùng hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Bây giờ, Tăng đem ngọa cụ này trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng

lão nào đồng ý, Tăng đem ngọa cụ này trả lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận, hoàn ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo phạm tội xả ngọa cụ cho Tăng rồi, Tăng không hoàn lại phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả thì người ấy phạm Đột-kiết-la; hoặc chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng để trải mãi cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu làm ngọa cụ mới hai phần lông dê màu đen, phần thứ ba màu trắng, phần thứ tư màu xám. Hoặc màu trắng không đủ, dùng màu xám bù vào, hoặc làm toàn màu xám. Hoặc được vật đã làm thành. Hoặc cắt rọc cho hư hoại. Hoặc làm cho hoại sắc. Hoặc làm gối, làm áo lót, làm đệm. Hoặc làm áo lót để nằm. Hoặc làm tọa cụ nhỏ vuông. Hoặc làm khăn bao bình bát. Hoặc làm đãy đựng dao. Hoặc làm bít tất. Hoặc làm khăn trùm cho ấm. Hoặc làm khăn gói giày dép, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XIV. NGỌA CỤ DƯỚI SÁU NĂM [441]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo chê ngọa cụ hoặc dày, hoặc mỏng; hoặc nặng, hoặc nhẹ. Họ không xả ngọa cụ cũ, lại làm ngọa cụ mới. Họ thường tìm kiếm ngọa cụ về dồn chứa rất nhiều.

Bấy giờ, trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, chê trách nhóm sáu Tỳ-kheo: Sao quý vị chê ngọa cụ cũ hoặc nhẹ, hoặc nặng, hoặc mỏng, hoặc dày; rồi không xả các cái cũ lại làm cái mới, nhiều như vậy? quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng mọi phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao nhóm sáu Tỳ-kheo này chê ngọa cụ hoặc là nhẹ, hoặc nặng, hoặc mỏng, hoặc dày; rồi làm ngọa cụ mới, dồn chứa quá nhiều như vậy?

[441] Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 24, (T.1421, tr.35b). Pāli: Nissaggiya 14, santhanachabbassāni, Vin. iii. 227.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này đầu tiên. Từ này về sau, Ta vì các Tỳ-kheo chế giới, tập mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới, phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy, bấy giờ, có Tỳ-kheo mắc bệnh càn tiêu,[442] mà cái ngọa cụ phấn tảo quá nặng. Vị ấy có chút nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, thầm nghĩ: Đức Thế Tôn đã chế giới: "Tỳ-kheo nào làm ngọa cụ mới phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ mà lại làm ngọa cụ mới, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Nay, có chút nhân duyên muốn du hành trong nhân gian, mà ta mắc bệnh càn tiêu, ngọa cụ này quá nặng, ta phải tính thế nào đây? Tỳ-kheo ấy nói với các Tỳ-kheo:

- Đại đức! Nay, tôi có chút nhân duyên phải du hành trong nhân gian, mà tôi mắc phải bệnh càn tiêu. Ngọa cụ phấn tảo quá nặng, không thể mang

[442] Xem Ni-tát-kỳ 2, cht. 24.

theo được. Đại đức vì tôi bạch lên Đức Thế Tôn. Nếu Thế Tôn dạy thế nào, tôi sẽ phụng hành thế ấy.

Các Tỳ-kheo nghe nói như vậy rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tập hợp các Tỳ-kheo, bảo:

- Từ nay về sau, cho phép Tăng trao cho Tỳ-kheo kia pháp bạch nhị yết-ma.

Tỳ-kheo kia phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., có chút nhân duyên, muốn du hành trong nhân gian mà mắc bệnh càn tiêu. Ngọa cụ phấn tảo quá nặng, không thể mang theo được. Nay tôi đến xin Tăng yết-ma làm ngọa cụ mới.

Xin như vậy ba lần.

Trong chúng nên sai một vị có khả năng làm yết ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., muốn du hành trong nhân gian mà mắc bệnh càn tiêu. Có ngọa cụ phấn tảo nặng. Nay đến xin Tăng yết-ma làm ngọa cụ mới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, Tăng trao cho

Tỳ-kheo này pháp yết-ma làm ngọa cụ mới. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., muốn du hành trong nhân gian, mà mắc bệnh càn tiêu. Vì có ngọa cụ phấn tảo quá nặng nên nay đến xin Tăng yết-ma may ngọa cụ mới. Nay Tăng trao cho Tỳ-kheo có tên... yết-ma may ngọa cụ mới. Trưởng lão nào đồng ý, Tăng trao cho Tỳ-kheo có tên... pháp yết-ma may ngọa cụ mới thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận, trao cho Tỳ-kheo có tên... pháp yết-ma may ngọa cụ mới rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Đức Phật dạy, từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, làm ngọa cụ mới, phải thọ trì cho đến sáu năm. Nếu chưa đủ sáu năm, không xả, mà lại làm cái mới, trừ Tăng yết-ma, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Nếu Tỳ-kheo chưa đủ sáu năm, không bỏ cái cũ mà lại làm cái ngọa cụ mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Làm mà không thành, phạm Đột-kiết-la. Sai người khác làm thành thì phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; không thành, phạm Đột-kiết-la. Vì người mà

làm, thành hay không thành đều phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả cái ngọa cụ cũ mà lại làm cái ngọa cụ mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám hối trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ, mà lại làm các ngọa cụ mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám, vị ấy nên nói với Tỳ-kheo phạm tội:

- Hãy tự trách tâm! Vị phạm tội thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn ngọa cụ lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo

sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả cái ngọa cụ cũ mà lại làm cái mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại ngọa cụ cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., chưa đủ sáu năm, không xả ngọa cụ cũ, mà lại làm cái mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem ngọa cụ này, trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem ngọa cụ nầy, trả lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận, trả ngọa cụ cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo phạm tội như vậy, đối giữa Tăng xả ngọa cụ rồi, Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu lấy chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc trải mãi cho hư hoại, hoặc làm phi ngọa cụ, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Tăng cho phép. Đủ sáu năm,

hoặc chưa đủ sáu năm mà xả cái cũ, làm cái mới, hoặc là không có nên làm, hoặc người khác làm cho, hoặc được vật đã thành thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XV. TỌA CỤ KHÔNG HOẠI SẮC [443]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn sai người lấy thức ăn về.[444]

Theo thường pháp của chưa Phật, sau khi các Tỳ-kheo đi thọ thực, thì Đức Phật đi khắp các phòng. Ngài thấy tọa cụ cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, hoặc nơi ôn thất, hoặc trong nhà giáo thọ, hoặc chỗ đi kinh hành, hoặc trên đá rửa chân, hoặc trên đống đất ở trước cửa, hoặc trên cây nọc, hoặc trên móc áo,[445] hoặc nơi giá y, hoặc trên giường giây, giường cây, hoặc trên ghế đẩu, hoặc ở trên đất, không có người thu dọn.

Đức Thế Tôn thấy vậy, nghĩ: Các Tỳ-kheo chê tọa cụ, hoặc nặng, hoặc nhẹ, hoặc mỏng, hoặc dày.

---

[443] Tọa cụ 坐具. khăn trải để ngồi. Pāli: Nisīdana (ni-sư-đàn). Căn bản 21: Phu cụ 敷具. Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 25 (T22n1421, tr.35c13). Pāli: Nissaggiya 15, nisīdanadubbatta-karana, Vin. iii. 230.

[444] Thỉnh thực 請食. Thập tụng 7 (T23n1435, tr.49b16): Nghinh thực phần 迎食分. Cư sĩthỉnh Phật và các Tỳ-kheo đến nhà thọ thực. Phật để các Tỳ-kheo đi, Ngài ở lại tinh xá. Một Tỳ-kheo mang thức ăn về cho Phật. Căn bản 21 (T23n1442, tr.737b23): Thủ thực 取食 Pāli, Vin.iii. 230: Phật độc cư ba tháng, không gặp bất cứ ai, trừ Tỳ-kheo tống thực.

[445] Long nha quyết 龍牙橛. Xem, Thập tụng (T.1435, tr.60c22): Tượng nha dặc 象牙杙..

Không bỏ cái cũ mà lại làm cái mới, tích tụ tọa cụ nhiều quá, vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không người thu dọn. Nay Ta nên làm thế nào để các Tỳ-kheo dùng lại tọa cụ cũ. Ngài lại nghĩ: Ta nên cho phép các Tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng tọa cụ cũ vuông vức bằng một gang tay, may lên cái mới, cho hoại sắc.

Đức Thế Tôn dùng cơm xong, vì nhân duyên này, tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Vừa rồi, sau khi chúng Tăng đi thọ thỉnh, Ta đi khắp các phòng, thấy các tọa cụ cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không có người thu dọn. Ta thấy vậy, nghĩ rằng, các Tỳ-kheo hoặc bảo tọa cụ tôi nặng, hoặc bảo nhẹ; hoặc bảo mỏng, hoặc bảo dày; không xả tọa cụ cũ, mà lại làm tọa cụ mới. Những cái cũ vất bỏ bừa bãi khắp nơi, không người thu dọn. Thấy vậy, Ta nghĩ: Làm thế nào để các Tỳ-kheo dùng lại tọa cụ cũ? Ta lại nghĩ, nay, Ta cho phép các Tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, nên lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới để cho hoại sắc. Do đó, cho phép các Tỳ-kheo khi làm tọa cụ mới, nên lấy cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, để cho hoại sắc.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo khi may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay may lên trên cái mới, cho hoại sắc. Nhưng khi họ may

tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới cho hoại sắc.

Trong số các Tỳ-kheo nghe thấy đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo: Tại sao Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo khi may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới để cho hoại sắc, mà quý vị làm cái mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới? Hiềm trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ, ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo quơ trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Tại sao ta vì các Tỳ-kheo chế giới: "Tỳ-kheo làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới cho hoại sắc." Mà các ông may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ, vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo này là những người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa... cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

- Tỳ-kheo nào, may tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc. Nếu may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay, may lên trên cái mới, cho hoại sắc, Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tỳ-kheo nào muốn may tọa cụ mới, bấy giờ, nếu tọa cụ cũ chưa hư, chưa bị rách lỗ, thì nên sửa sang giặt nhuộm, kéo cho thẳng, cắt rọc một miếng vuông vức bằng một gang tay, đặt vào chính giữa, hay ngoài biên, may lên trên cái mới để cho hoại sắc. Nếu Tỳ-kheo không lấy một miếng cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc, mà chỉ may cái mới; nếu may thành, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; may không thành, phạm Đột-kiết-la. Khiến người khác làm mà thành, phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; không thành, phạm Đột-kiết-la. Vì người làm, thành không thành đều phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều

người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi thọ sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám nên nói với Tỳ-kheo phạm tôi:

- Hãy tự trách tâm ngươi!

- Phạm nhân thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả tọa cụ lại cho Tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng bạch nhị yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo tên

là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả tọa cụ lại cho Tỳ-kheo nầy. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã may tọa cụ mới, không lấy một miếng của cái cũ may lên trên cho hoại sắc, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem tọa cụ nầy trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem tọa cụ này trả lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận, trả tọa cụ lại cho Tỳ-kheo có tên... này rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Nếu Tỳ-kheo phạm tội xả tọa cụ cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu lấy chuyển làm tịnh thí hoặc tự mình thọ, hoặc sai cho người, hoặc ngồi mãi cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cắt lấy một miếng của cái cũ may lên trên cái mới cho hoại sắc. Hoặc người ấy không có, được may cái mới. Hoặc người khác vì

mình may. Hoặc được cái đã làm thành rồi. Hoặc may cái hoàn toàn cũ thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XVI. QUẢY LÔNG DÊ [446]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử,[447] trên đường đi nhận được nhiều lông dê, cột trên đầu cây trượng quảy đi. Các cư sĩ thấy vậy cơ hiềm: "Sao Sa-môn Thích tử lại đi mua bán lông dê?" Và hỏi: "Đại đức, lông dê này có bán không?"

Các Tỳ-kheo nghe những lời này, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà: "Sao lấy lông dê cột vào đầu trượng, quảy đi dọc đường?"

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng

---

[446] Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 26. Pāli: Nissaggiya 16: enakalomaharana.

[447] Bạt-nan-đà Thích tử 跋難陀釋子. Căn bản 21: Ô-ba-nan-đà, tức Pāli: Upananda, dòng họ Thích-ca, thuộc nhóm sáu Tỳ-kheo (Chabbaggiya). Pāli. Vin. iii. 233: Một Tỳ-kheo đi từ Kosala đến Sāvatthi.

phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại quảy lông dê đi trên đường để cho cư sĩ chê trách?

Đức Thế Tôn dùng mọi phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm

giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến, chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, khi đi đường được lông dê, nếu không có người mang, tự mình được mang đi cho đến ba do tuần. Nếu không có người mang, tự mình mang đi quá ba do tuần, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Nếu Tỳ-kheo trên đường đi, hoặc tại trú xứ, nhận được lông dê, nếu cần thì lấy. Nếu không có người mang, tự mình được phép mang đi, cho đến ba do tuần. Nếu có người mang thì nên nói với người ấy: "Nay tôi có vật này, nhờ mang giúp tôi đến chỗ đó." Trong khoảng nầy, Tỳ-kheo không được tiếp tay mang. Nếu tiếp tay mang phạm Đột-kiết-la. Nếu bảo Tỳ-kheo-ni mang, quá ba do tuần, phạm Đột-kiết-la; nếu bảo Thức-xoa-ma-na, Sa-di,

Sa-di-ni, mang quá ba do tuần, phạm Đột-kiết-la. Trừ lông dê, mang các vật khác như: Câu-giá-la, cỏ nhũ diệp, sô ma, ma, xí-la-bà-ny,[448] mà mang quá ba do tuần phạm Đột-kiết-la. Nếu quảy các vật khác nơi đầu trượng mà đi cũng phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám phải nói với Tỳ-kheo phạm tội:

- Hãy tự trách tâm ngươi! Đương sự thưa:

- Xin vâng.

[448] Câu-giá-la 拘遮羅, cỏ nhũ diệp 乳葉草, sô ma 芻摩, ma 麻, xí-la-bà-ny 廁羅婆尼. Các loại y

Tăng nên trả lông dê lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã quảy (gánh) lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng. Tăng chấp thuận, trả lông dê lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã quảy lông dê đi quá ba do tuần, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem lông dê này, trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem lông dê nầy trả lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả lông dê lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy rồi.

Tăng chấp thuận, nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Nếu Tỳ-kheo đã xả giữa Tăng rồi mà không trả lại, Tăng phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Hoặc chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng mãi cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, tất cả đều phạm Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu mang đi cho đến ba do tuần, hoặc dưới ba do tuần. Hoặc có người mang giúp, bảo họ mang đến chỗ đó, mà khoảng ấy mình không mang giúp. Sai Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni gánh đi ba do tuần. Hoặc lông mịn, giây bằng lông để trang sức, lông đầu, lông trên cổ, lông chân. Hoặc làm mão làm khăn trùm cho ấm. Hoặc gói giày dép. Tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XVII. NHỜ CHẢI LÔNG DÊ [449]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở giữa Thích-sí-sấu [450] trong vườn Ni-câu-luật, Ca-duy-la-vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo làm tọa cụ mới bằng lông dê, sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải.

Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề vì nhuộm, nên tay bị dính thuốc nhuộm. Bà đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

- Cù-đàm-di, sao tay của Dì có màu sắc giống như thợ nhuộm vậy?

Cù-đàm-di bạch Phật:

---

[449] Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 27 (T22n1421, tr.36a26). Pāli: Nissaggiya 17, elākaloma-dhovāpana, Vin. iii. 234ff.

[450] Thích-sí-sấu 釋翅瘦. Pāli: Sakkesu viharati Kapilavatthusmim Nngodhārāme, giữa những người họ Thích, trong tinh xá cây Đa, Ca-tỳ-la-vệ.

- Nhóm sáu Tỳ-kheo muốn làm tọa cụ mới, nên đem lông dê đến, bảo chúng con giặt nhuộm chải, cho nên tay bị nhớp.

Bà đảnh lễ dưới chân Phật, rồi trở về chỗ ở.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo. Ngài biết mà vẫn hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Có thật các ông làm tọa cụ mới, sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải hay không?

Nhóm sáu Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, có thật như vậy.

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại bảo Tỳ-kheo-ni giặt nhuộm chải lông dê?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới nầy ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, sai Tỳ-kheo-ni giặt, nhuộm, chải

lông dê, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, các Tỳ-kheo đều có sự nghi ngại, không dám sai Tỳ-kheo-ni thân quyến giặt nhuộm chải lông dê. Đức Phật dạy:

- Cho phép thân lý được giặt, nhuộm, chải. Từ nay về sau, Ta vì Tỳ-kheo kiết giới:..

Tỳ-kheo nào, sai Tỳ-kheo-ni không phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo, chẳng phải thân lý, thân lý: Cũng như trên đã giải. Nếu Tỳ-kheo nào, sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm ba Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu sai giặt, nhuộm, chải mà người kia chỉ giặt, nhuộm chứ không chải thì phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một Đột-kiết-la.

Sai giặt, nhuộm, chải; người kia giặt, không nhuộm mà chải; (Tỳ-kheo) phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một Đột-kiết-la.

Sai người giặt, nhuộm, chải; người kia không giặt mà nhuộm, chải, (Tỳ-kheo) phạm hai Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một Đột-kiết-la.

Sai giặt, nhuộm, chải; người kia không giặt, nhuộm, chải, (Tỳ-kheo) phạm Đột-kiết-la.

Sai Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na chẳng phải thân

quyến giặt nhuộm đập, phạm Đột-kiết-la.

Vật này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la. Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay, thưa:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối, vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt, nhuộm, chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với Tỳ-kheo phạm tội:

- Hãy tự trách tâm ngươi!
- Phạm nhân thưa:
- Xin vâng.

Tăng phải trả lông dê lại cho Tỳ-kheo nầy bằng bạch nhị yết-ma, như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là... đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hoàn lông dê lại cho Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo nầy tên là..., đã sai Tỳ-kheo-ni chẳng phải thân quyến giặt nhuộm chải lông dê, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng đem lông dê này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy. Trưởng lão nào chấp thuận, Tăng đem lông dê này hoàn lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trao lông dê lại cho Tỳ-kheo có tên... này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Giữa Tăng, Tỳ-kheo ấy xả lông dê rồi, Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la. Có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc dùng mãi, hoặc cố ý làm cho hư, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni đều Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Sai Tỳ-kheo-ni thân quyến giặt nhuộm chải. Hoặc vì người bệnh giặt nhuộm chải. Hoặc vì chúng Tăng, vì Phật, vì tháp, giặt

nhuộm chải. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XVIII.CẦM GIỮ VÀNG BẠC [451]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại thành La-duyệt.

Bấy giờ, trong thành này có một vị Đại thần vốn là bạn quen thân trước kia của Bạt-nan-đà.[452] Một hôm nọ, vị Đại thần nhận được nhiều thịt heo, liền bảo người vợ:

- Bạt-nan-đà Thích tử là thân hữu của tôi. Nên để phần thịt cho người.

Người vợ theo lệnh của chồng, liền để phần thịt cho Bạt-nan-đà.

Hôm ấy là ngày tiết hội của mọi người ở thành Vương-xá nên có tổ chức các thứ kỹ nhạc, suốt đêm không ngủ. Bấy giờ, mấy đứa con của vị Đại thần cũng ở trong số người đó. Vì suốt đêm không ngủ, chúng đói và mệt, nên hỏi mẹ: Thịt heo còn không?

Mẹ của chúng bảo:

- Hết rồi. Chỉ còn phần của Bạt-nan-đà họ Thích thôi. Các con liền đưa tiền cho mẹ và nói:

- Mẹ cầm tiền này, sáng ngày ra chợ mua lại

[451] Pāli, Nissaggiya 18, jātarūparajata, Vin. 111. 236. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 30 (T22n1421, tr.37a27).

[452] Xem Ni-tát-kỳ 16 trên.

phần thịt cho Bạt-nan-đà. Còn phần thịt đó cho chúng con.

Mẹ của chúng lấy tiền và trao phần thịt cho chúng.

Sáng sớm, Bạt-nan-đà đắp y, bưng bát, đến nhà vị Đại thần, ngồi nơi chỗ dọn sẵn. Bấy giờ, vợ của vị Đại thần thưa:

- Hôm qua, gia đình có nhận được nhiều thịt heo. Ông trưởng giả bảo tôi, "Bạt-nan-đà Thích tử là bạn cũ của tôi. Nên để dành phần thịt cho người." Theo lệnh của chồng, tôi có để phần thịt cho Đại đức. Nhưng khi hôm, gặp ngày tiết hội, mấy đứa con tôi thức khuya đói bụng, nên đến đòi phần thịt đó. Chúng đưa tôi năm tiền và bảo: "Sáng ngày, ra chợ mua phần thịt lại cho Bạt-nan-đà. Còn phần thịt đó cho chúng con." Tôi đã trao thịt cho chúng nó. Số tiền này, bây giờ, tôi sẽ ra chợ mua lại phần thịt như vậy. Đại đức có thể chờ một chút.

Bạt-nan-đà liền hỏi:

- Chúng vì tôi đưa tiền phải không?

- Vâng, chúng nó có đưa.

- Như vì tôi, thì đưa số tiền đó cho tôi. Khỏi cần mua thịt.

Bấy giờ, vợ của vị Đại thần liền đặt tiền xuống đất cho Bạt-nan-đà. Bạt-nan-đà nhận được tiền này rồi, đem gởi nơi hiệu buôn quen và đi. Các cư sĩ

thấy vậy đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử mua bán tiền tài. Đem tiền gởi nơi hiệu buôn rồi đi. Trong số các Tỳ-kheo nghe nói đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà:

- Sao Thầy tự tay nhận tiền, đem gởi nơi hiệu buôn, rồi đi?

Cũng lúc ấy, vua cùng các Đại thần hội hợp nhau, bàn luận: Sa-môn Thích tử được nắm cầm vàng bạc hoặc tiền. Sa-môn Thích tử không cần phải xả bỏ vàng bạc hoặc tiền, trân châu, bảo châu, anh lạc và sanh tượng.[453]

Bấy giờ, trong phòng họp có vị Đại thần, tên là Châu Kế,[454] nói với các Đại thần:

- Không nên nói những lời này: "Sa-môn Thích tử được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền, không xả bỏ trân bảo châu anh." Tại sao vậy? Chính vì tôi đã được nghe từ đức Như Lai dạy: "Sa-môn Thích tử không được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền." Sa-môn Thích tử xa lìa trân bảo, châu anh.

Bấy giờ, vị Đại thần Châu Kế có oai thế, có khả năng trình bày khéo léo, khiến mọi người hoan hỷ tin hiểu. Sau đó, Châu Kế liền chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên nầy bạch lên Đức Thế Tôn một cách

---

[453] Sanh tượng; chỉ vàng nguyên, chưa chế biến. Pāli: jātarūpa..

[454] Căn bản 21 (T23n1442, tr.740a20): Bảo Kế 寶髻. Tăng kỳ 10 (T22n1425, tr.310c7): Chu-la tụ lạc chủ 周羅聚落主. Cf. Pāli, Manicūna-sutta, S.iv. 325, Vin.ii.296.

đầy đủ, rồi thưa:

- Những điều con nói như vậy, đối với giáo pháp có sai trái hay không?

Đức Phật bảo Đại thần:

- Đúng như điều ông nói, ở trong chánh pháp có nhiều lợi ích. Không có gì sai trái. Tại sao vậy? Sa-môn Thích tử không được phép nắm cầm vàng bạc hoặc tiền. Sa-môn Thích tử xa lìa trân bảo, châu anh, không dùng nó để trang sức làm đẹp. Nay ông nên biết, nếu nắm cầm vàng bạc hoặc tiền, không xa lìa châu anh, trân bảo, thì cũng sẽ thọ dụng ngũ dục. Nếu thọ dụng ngũ dục thì chẳng phải là pháp của Sa-môn Thích tử.

- Này Đại thần! Ông nên biết, nếu thấy Sa-môn Thích tử nào gọi Ta là Thầy mà cầm vàng bạc hoặc tiền, trân bảo thì quyết định biết rằng đó chẳng phải là pháp của Sa-môn Thích tử. Ta có nói như vầy: "Nếu Tỳ-kheo nào, vì làm thất, cần cây gỗ tranh tre v.v... thì được phép nhận. Nhưng không nên vì tự thân mà nhận." [455]

- Đại thần nên biết, mặt trời, mặt trăng có bốn tai hoạn khiến cho không sáng, không trong sạch, không có khả năng chiếu soi, cũng không có oai thần. Bốn cái tai hoạn đó là gì? Là A-tu-la,[456] khói, mây, bụi mù. Đó là những đại hoạn của mặt trời,

[455] Chỉ thọ nhận tiền bạc. Pāli, S.iv. 325: Na... kenaci pariyāyena jātarūparajatam sīditabbam, tuyệt đối không thọ nhận vàng bạc.

[456] Tức nhật thực hay nguyệt thực.

mặt trăng. Nếu gặp những hoạn này thì mặt trời, mặt trăng không sáng, không trong sạch, không có khả năng chiếu soi, cũng không có oai thần. Lại cũng như vậy, Sa-môn, Bà-la-môn cũng có bốn cái tai hoạn khiến cho không sáng, không sạch, không có khả năng soi chiếu, cũng không có oai thần. Bốn tai hoạn đó là gì? Nếu Sa-môn, Bà-la-môn không bỏ uống rượu, không bỏ dâm dục, không bỏ dùng tay nắm vàng bạc, không bỏ sự sống tà mạng. Đó gọi là bốn đại hoạn của Sa-môn, Bà-la-môn. Nó có khả năng khiến cho Sa-môn, Bà-la-môn không sáng, không sạch, không có khả năng soi chiếu, cũng không có oai thần.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống với hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà, rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tự tay nắm cầm tiền, đem gởi hiệu buôn, rồi đi?

Quở trách rồi, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng, bạc, hoặc bảo người cầm, hoặc nhận từ dưới đất,[457] Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tiền: Trên có văn tượng.

Tỳ-kheo tự tay cầm vàng bạc hoặc tiền, bảo người cầm, hoặc nhận từ nơi đất, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Vật này nên xả.

Trong đây, xả như vầy: Nếu ở đó có người giữ vườn tin cậy, hoặc Ưu-bà-tắc, thì nên nói với họ: Vật nầy không thích hợp với tôi, ông biết cho. Nếu người ấy lấy cất, rồi trao lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên vì phẩm vật của thí chủ mà nhận. Nhận rồi bảo tịnh nhân cất. Nếu được tịnh y, bát, ống đựng kim, ni-sư-đàn nên đem trao đổi để thọ trì. Nếu Ưu-bà-tắc kia nhận rồi trao cho Tỳ-kheo tịnh y, bát, hoặc ni-sư-đàn, hay ống đựng kim thì nên nhận để thọ trì. Nếu người kia lấy rồi mà không trả

[457] Ngũ phần: Hoặc phát tâm nhận. Pāli: upanikkhittam vā sādeyya, nhận để gởi (ký thác). Các bộ có điểm bất đồng rất tế nhị khi giải thích điều luật này.

lại thì nên khiến các Tỳ-kheo khác nói với họ: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Ông nên trao vật ấy lại cho Tỳ-kheo kia. Nếu người kia lấy rồi không trả lại, mà các Tỳ-kheo khác không nói thì mình nên tự đến nói với họ: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Nay ông nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho các cựu tri thức, hoặc hoàn lại nơi người chủ kia. Nếu không nói với người kia: Hãy biết cái này. Hãy nhìn cái này;[458] phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu có nói, hãy biết cái này, hãy nhìn cái này. Hoặc có người giữ vườn, hay Ưu-bà-tắc có tín tâm, nói với họ: Vật nầy không thích hợp; tôi không nên nhận. Ông nên biết cho. Người kia nhận rồi, hoàn lại cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nên vì thí chủ nhận, rồi trao cho tịnh nhân cất. Sau, nếu cần được y, bát tịnh, ống đựng kim, ni-sư-đàn, thì đem trao đổi để thọ trì. Nếu người kia lấy rồi, trao cho y bát tịnh, hoặc tọa cụ, hoặc ống đựng kim, thì nên nhận để thọ trì. Nếu người kia không chịu trao cho y thì nên nhờ các Tỳ-kheo khác nói với họ:

---

[458] Hán: Tri thị khán thị 知是看是; tương tự Pāli: vuso, imam jānāhi, - Này ông, hãy nhận biết cái này. Khi xả vật phạm, nếu có tịnh nhân hay cư sĩ đi đến, Tỳ-kheo nói như vầy, tức là nhắc người ấy cất số tiền để ở đó mà Tỳ-kheo không được phép cầm nắm. Cũng không được sai khiến người ấy nhận và cất giữ hộ.

Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Ông nên trao vật ấy lại cho Tỳ-kheo kia.

Nếu người kia lấy rồi không trả lại, mà các Tỳ-kheo khác không nói thì mình nên tự đến nói với họ: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho ông. Nay ông nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho các cựu tri thức, hoặc hoàn lại nơi người chủ kia. Không nên để mất phẩm vật của tín thí. Tất cả như vậy thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XIX. KINH DOANH TÀI BẢO [459]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong núi Kỳ-xà-quật, tại La-duyệt-kỳ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà đến hiệu buôn, dùng tiền đổi tiền, rồi mang đi. Các cư sĩ thấy vậy đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử dùng tiền đổi tiền, rành nghề mua bán.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục, tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý hiềm trách Bạt-nan-đà: Sao lại đem tiền đổi tiền, rồi mang đi?

Chư Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ

[459] Pāli: Nissaggiya 19: rūpiyasanvohāra. Ngũ phần 5, Ni-tát-kỳ 29 (T22n1421, tr.36c21). Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 20 (T22n1425, tr.312c03). Căn bản 22 (T23n1442, tr.741c21): Xuất nạp cầu lợi.

dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên nầy tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại dùng tiền để đổi tiền?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh tiền tài bảo vật, dưới mọi hình thức, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Kinh doanh dưới mọi hình thức:[460] Dùng vàng thành [461] đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành đổi vàng đã thành; vàng chưa thành đổi bạc thành; bạc chưa thành, đổi bạc đã thành; chưa thành; bạc nửa

[460] Hán: Chủng chủng 種種. Thập tụng (T23n1435, tr.51c13): Chủng chủng dụng bảo 種種用寶. Pāli (Vin.iii.239): Nānappakārakam, ***Giải Thích:*** Katampi akatampa katākatampi, đã được chế biến thành các thứ trang sức, hoặc chưa được chế biến, hoặc nửa chế biến nửa chưa chế biến.

[461] Vàng thành và vàng chưa thành, Hán: Thành kim, vị thành kim 成金,未成金; Thập tụng:Tác bất tác. Pāli, nt.: Katam, akatam: Đã được chế biến thành nữ trang và chưa được chế biến.

nửa chưa thành đổi lấy tiền. Dùng vàng chưa thành đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành, đổi vàng đã thành chưa thành; đổi bạc thành, đổi bạc chưa thành; đổi bạc đã thành và chưa thành, đổi tiền. Dùng vàng đã thành chưa thành đổi vàng thành; đổi vàng chưa thành, đổi vàng đã thành chưa thành; đổi bạc thành, đổi bạc chưa thành; đổi bạc đã thành và chưa thành, đổi tiền. Dùng bạc đã thành, đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng bạc đã thành chưa thành đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy. Dùng tiền đổi vàng, cho đến đổi tiền cũng như vậy.

Tiền:[462] Có tám loại: Tiền vàng, tiền bạc, tiền thiếc, tiền đồng, tiền bạch lạp, tiền chì thiếc, tiền cây, tiền hồ giao.

Nếu Tỳ-kheo nào, kinh doanh các loại bảo vật dưới mọi hình thức, dùng vàng thành đổi vàng thành, cho đến đổi tiền, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Vật nầy phải xả.

Phương thức xả: Nếu người giữ vườn, hoặc Ưu-bà-tắc có lòng tin, nên nói với họ: Vật nầy không thích hợp với tôi. Ông biết cho! Nếu người kia nhận rồi hoàn lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên vì thí chủ mà thọ, rồi bảo tịnh nhân cất. Sau đó, nếu

[462] Pāli: rūpiya, chỉ chung vàng và bạc; ***Giải Thích:*** Satthuvatto (vàng ròng) kahāpano (tiền vàng) lohamasaki (tiền đồng) dārumasako (tiền gỗ) jatumasako (tiền hồ giao).

cần tịnh y, bát, tọa cụ, ống đựng kim thì đem đổi để thọ trì. Nếu người kia nhận rồi, trao cho Tỳ-kheo y bát tịnh, tọa cụ, ống đựng kim, thì nên thọ trì. Nếu người kia nhận rồi mà không trả lại cho Tỳ-kheo thì nên nhờ các Tỳ-kheo khác nói với họ: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Người nên hoàn vật ấy lại cho Tỳ-kheo kia. Nếu Tỳ-kheo khác nói mà họ vẫn không trả thì mình tự đến nói: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Nay người nên trao cho Tăng, cho tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho cựu tri thức thân, hoặc hoàn lại cho người chủ cũ. Tại sao vậy? Vì không muốn mất phẩm vật của thí chủ. Nếu Tỳ-kheo không nói với người kia: Hãy xem cái này! Hãy nhận biết cái này! phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu nói với người: Hãy biết cái này! Hãy nhìn cái này! Hoặc có nói với người giữ vườn, hay nói Ưu-bà-tắc tín tâm: Vật nầy không thích hợp với tôi. Ông biết cho! Nếu người kia nhận rồi hoàn lại cho Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo nên vì thí chủ mà thọ, rồi bảo tịnh nhân cất. Sau đó, nếu cần tịnh y, bát, tọa cụ, ống đựng kim thì đem đổi để thọ trì. Nếu người kia nhận rồi, trao cho Tỳ-kheo y bát tịnh, tọa cụ, ống đựng kim, thì nên thọ

trì. Nếu người kia nhận rồi mà không trả lại cho Tỳ-kheo thì nên nhờ các Tỳ-kheo khác nói với họ: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Người nên hoàn vật ấy lại cho Tỳ-kheo kia. Nếu Tỳ-kheo khác nói mà họ vẫn không trả thì mình tự đến nói: Đức Phật dạy, vì muốn tịnh nên trao cho người. Nay người nên trao cho Tăng, cho Tháp, cho Hòa thượng, cho đồng Hòa thượng, cho A-xà-lê, cho đồng A-xà-lê, cho cựu tri thức thân, hoặc hoàn lại cho người chủ cũ. Tại sao vậy? Vì không muốn mất phẩm vật của thí chủ. Nếu dùng tiền đổi dụng cụ anh lạc vì Phật, Pháp, Tăng; hoặc dùng đồ anh lạc đổi tiền vì Phật, Pháp, Tăng, thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XX. BUÔN BÁN [463]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử, tại nước Câu-tát-la, trên đường đi đến một thôn không có trú xứ.[464] Khi đến trong thôn, đem gừng sống đổi thức ăn. Ăn xong rồi đi.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đang tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian, rồi đến trong

[463] Pali (Vin.iii.242): Nissaggiya 20, kayavikkaya..Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 28. Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 19.

[464] Hán: (nhất) Vô trú xứ thôn 一住處村; chỉ thôn không có chùa của Tăng. Không rõ là từ chung hay tên thôn. Các bản không có chi tiết này.

thôn không trú xứ đó. Đến giờ, đắp y, bưng bát, vào thôn khất thực, tuần tự tới nơi nhà bán cơm, đứng im lặng. Người bán cơm thấy vậy bảo:

- Đại đức, muốn cần cái gì?

- Tôn giả trả lời:

- Cư sĩ, tôi cần thức ăn.

Người kia nói:

- Đưa vật có giá ra đây. Tôn giả ngạc nhiên nói:

- Đừng nói như vậy. Điều đó chúng tôi không nên làm...

Người bán cơm nói:

- Vừa rồi Bạt-nan-đà dùng gừng sống đổi thức ăn. Ăn rồi đi.

Sao Đại đức nói không làm việc ấy?

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe nói như vậy lấy làm xấu hổ, không nói gì. Khất thực xong, về đến trong Tăng-già-lam, đem nhân duyên này nói với các Tỳ-kheo.

Trong lúc ấy, trong thành Xá-vệ có một ngoại đạo, được một chiếc y quý giá, lòng tự nghĩ: Ta cần gì cái y quý giá này? Nay ta nên đổi y khác. Lại nghĩ tiếp, nơi nào ta có thể đổi y? Chỉ có Sa-môn Thích tử ưa mặc y đẹp. Chắc họ có thể đổi. Nghĩ xong liền đem chiếc y đến trong Tăng-già-lam, nói với các Tỳ-kheo:

- Tôi muốn đổi y này. Vị nào muốn đổi thì đổi. Bạt-nan-đà nghe vậy liền nói:

- Sáng mai đem đến đây! Tôi sẽ trao đổi y với ông.

Bạt-nan-đà là người rất khéo tay về may sửa y. Ngay đêm ấy, đem y cũ giặt, nhuộm, ủi, làm cho y sáng sủa như mới. Sáng ngày, ngoại đạo đem y đến trong Tăng-già-lam, nói với các Tỳ-kheo:

- Vị nào muốn đổi y thì đổi.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà liền đem y của mình ra giới thiệu nói với ngoại đạo:

- Tôi dùng y này đổi cho ông, ông đưa y của ông cho tôi được không?

Ngoại đạo trả lời:

- Được.

Hai bên trao đổi. Ngoại đạo nhận được y đem về trong vườn nơi cư trú của mình, đưa cho các ngoại đạo xem và nói:

- Các bạn nên biết, tôi đem chiếc y đang mặc đổi lấy y nầy đây. Trong số ngoại đạo, có người có trí tuệ nói:

- Bạn bị người ta lừa rồi. Tại sao vậy? Y của bạn đang mặc tốt, rộng, dài, bền chắc. Còn y này là y cũ; vì khéo ủi, sửa soạn, nên trông qua thấy sáng sủa, in như y mới thế thôi.

Ngoại đạo ấy nghe xong, liền đem chiếc y vừa đổi, vào trong Tăng-già-lam, nói với Bạt-nan-đà:

- Tôi trả lại y ông. Ông trả lại y tôi.

Bạt-nan-đà nói:

- Đã đổi rồi thì thôi, không được hoàn trả lại. Ngoại đạo nói:

- Y của tôi mới và tốt, rộng, dài, bền chắc; còn y của ông cũ và xấu được ủi sửa soạn như y mới mà thôi.

Bạt-nan-đà nói:

- Đã đổi rồi dứt khoát tôi không hoàn lại. Ngoại đạo kia cơ hiềm:

- Y của tôi mà tôi đòi lại không được hay sao? Y của tôi mới, tốt, rộng, dài, bền chắc. Y của ông cũ, xấu. Tại sao cùng là người xuất gia với nhau, đổi y cho nhau mà hoàn lại không được?

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quí, hiềm trách Bạt-nan-đà: Sao lại dùng gừng sống để đổi thức ăn để ăn? Sao lại cùng với ngoại đạo đổi y mà không cho hoàn lại?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng nhân duyên nầy tập hợp các Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại lấy gừng đổi thức ăn để ăn; lại cùng ngoại đạo đổi y mà không cho hoàn lại?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Từ này về sau, cho phép năm chúng xuất gia trao đổi qua lại. Khi đổi thẩm định, không nên quá cao thấp với nhau như phép ngoài chợ búa. Không được cùng người khác đổi chác, mà nên khiến tịnh nhân làm việc ấy. Nếu họ cần đổi lại, nên hoàn lại cho họ. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa... cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Kinh doanh mậu dịch dưới mọi hình thức: Dùng thời dược đổi thời dược, dùng (thuốc) có thời hạn đổi (thuốc) phi thời hạn, dùng (thuốc) có thời hạn đổi (thuốc) bảy ngày, dùng (thuốc) có thời hạn đổi (thuốc) suốt đời, dùng (thuốc) có thời hạn đổi ba-lợi-ca-la.

Dùng (thuốc) phi thời hạn đổi (thuốc) phi thời hạn, dùng (thuốc) phi thời hạn đổi thất nhật dược, dùng (thuốc) phi thời hạn đổi (thuốc) suốt đời, dùng (thuốc) phi thời hạn đổi ba-lợi-ca-la, dùng (thuốc) phi thời hạn đổi (thuốc) có thời hạn.

Dùng (thuốc) bảy ngày đổi (thuốc) bảy ngày,

dùng (thuốc) bảy ngày... cho đến (thuốc) phi thời hạn cũng như vậy.

Dùng (thuốc) suốt đời đổi (thuốc) suốt đời, cho đến đổi (thuốc) bảy ngày cũng như vậy.

Dùng ba-lợi-ca-la đổi ba-lợi-ca-la cho đến đổi tận hình thọ cũng như vậy.

Bán: Trị giá một tiền, nhiều lần (trả giá) lên hay xuống. Bán lên giá: Trị giá một tiền, nói giá ba tiền.

Bán cao giá: Trị giá một tiền, nói giá năm tiền. Mua cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo kinh doanh mậu dịch, dưới mọi hình thức mà nhận được lời, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; không nhận được lời, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, Đột-kiết-la. Khi xả, đương sự phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ quỳ gối bên hữu chấm đất, chấp tay bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Trước hết, vị nhận sám hối phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa; nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối

với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... nầy. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám hối. Khi nhận sám phải bảo phạm nhân:

- Hãy tự trách tâm ngươi!

- Tỳ-kheo phạm tội thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn lại vật đó cho Tỳ-kheo nầy bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại vật cho Tỳ-kheo có tên này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng! Tỳ-kheo này tên là..., đã kinh doanh mọi thứ, được tài vật, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay, Tăng đem vật nầy trả lại cho Tỳ-kheo nầy. Các trưởng lão nào đồng ý, Tăng đem vật nầy trả lại cho Tỳ-kheo nầy thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả vật lại cho Tỳ-kheo nầy rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Đương sự đã xả giữa Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, Đột-kiết-la. Khi trả có người bảo - đừng

trả, người ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc dùng mãi, hoặc dùng vào việc khác, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Cùng năm chúng xuất gia trao đổi, tự mình xét định không quá chênh lệch như bọn nhà buôn. Không cùng người khác đổi chác, hoặc sai tịnh nhân đổi chác, hoặc họ hối, cho họ đổi lại. Hoặc dùng sữa đổi dầu, dùng dầu đổi sữa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[465]

XXI. CHỨA BÁT DƯ [466]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo chứa bát. Cái nào tốt thì họ trì, cái nào không tốt thì để đó. Thường tìm tòi bát tốt như vậy cất chứa thành nhiều.

Bấy giờ, có các cư sĩ đến tham quan các phòng. Thấy nhóm sáu Tỳ-kheo [467] chứa cất nhiều bát.

---

[465] Bản Hán, hết quyển 8.

[466] Pāli, Nissaggiya 21, atirekapatta, Vin. iii. 240. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 20.

[467] Đoạn sau, nói là Bạt-nan-đà.

Thấy vậy đều cơ hiềm: Sa-môn Thích tử mong cầu không nhàm chán, không biết tàm quý. Bên ngoài tự xưng rằng, Ta biết chánh pháp. Như vậy thì có gì là chánh pháp? Cất chứa nhiều bát như nơi cửa hàng của thợ đồ gốm.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo: Sao chứa bát, cái tốt thì thọ trì, cái xấu để đó, thường tìm cầu bát mới chứa cất thành nhiều?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại chứa bát, cái tốt thì thọ trì, cái xấu để đó, thường tìm cầu bát mới chứa cất thành nhiều?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Bạt-nan-đà là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nó như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, Tôn giả A-nan nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma,[468] ý muốn dâng cúng cho Đại Ca-diếp vì Đại Ca-diếp thường dùng loại bát của nước này.

Khi ấy, Đại Ca-diếp không ở đó. Tôn giả nghĩ: Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới, "Tỳ-kheo nào chứa bát dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Nay ta nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma, muốn dâng cúng cho ngài Đại Ca-diếp, song ngài không có ở đây. Không biết làm thế nào. Tôn giả A-nan đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã vì Tỳ-kheo kiết giới: "Tỳ-kheo nào chứa bát dư, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề." Mà nay con vừa nhận được chiếc bát quý giá của nước Tô-ma, muốn dâng cúng cho Đại Ca-diếp, song Đại Ca-diếp không có ở đây, con không biết làm thế nào.

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả A-nan:

- Đại Ca-diếp bao lâu sẽ về? Tôn giả A-nan

[468] Tô-ma quốc 蘇摩國. Một trong 16 đại quốc thời Phật, theo liệt kê của Trung A-hàm 55 (T1n26, tr.772b17). Liệt kê này không đồng nhất với Trường A-hàm 5 (Kinh Xà-ni-sa), và các bản Pali (A.vii.43 v.v.). Phiên Phạn ngữ 8 (T54n2130, tr.1035a18): Tô-ma, dịch là Nguyệt 月. Bát sản xuất tại nước Tô-ma được xem là 1 trong 6 loại bát hợp pháp.

bạch Phật:

- Sau mười ngày, Đại Ca-diếp sẽ về.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện tùy thuận nói pháp, khen ngợi hạnh đầu đà nghiêm chỉnh, thiểu dục tri túc và những vị ưa xuất ly, bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo chứa bát dư cho đến mười ngày.

Nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát dư, không tịnh thí,[469] được phép chứa trong hạn mười ngày. Quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Bát: Có sáu loại: Bát thiếc, bát nước Tô-ma, bát nước Ô-già-la,[470] bát nước Ưu-già-xa,[471] bát đen, bát đỏ.[472] Đại thể có hai loại: Bát bằng thiếc và bát bằng đất.[473] Bát lớn chứa ba đấu, bát nhỏ chứa một đấu rưỡi.[474] Đây là dung lượng của bát, nên thọ trì như vậy, nên tịnh thí.

---

[469] Căn bản 22: Không phân biệt. Xem cht. 14, Ni-tát-kỳ 1. Pali không có chi tiết này.

[470] Ô-già-la quốc 烏伽羅國; đ?a danh sản xuất bát. Pali không đề cập. Có thể Pali là Ugga- nigama, một thị trấn trong Vương quốc Kosala.

[471] Ưu-già-xa quốc 憂伽賒國; địa danh chưa rõ.

[472] Pāli: Bát có hai loại, ba cỡ như bản Hán, nhưng không nói xuất xứ của bát. Các bộ khác cũng không nói xuất xứ như Tứ phần.

[473] Thiết bát, nê bát 鐵缽泥缽. Pāli: ayopatta, mattikapatta.

[474] Pāli, Vin.iii. 243, bát có ba cỡ Lớn, lượng một ānhaka cơm; trung, một ānhaka cơm; nhỏ một pattha. Thập tụng 7 (T.1435, tr. 53b): Cỡ lớn, ba bát-tha cơm; cỡ nhỏ một bát-tha.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, chứa đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong mười ngày đều thành Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai không nhận được, ngày thứ ba nhận được, ngày thứ tư nhận được, như vậy cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong chín ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được, ngày thứ ba không nhận được [475] (như vậy chuyển lần xuống đến ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được, ngày thứ tư nhận được, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một, khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong tám ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát; ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được; ngày thứ năm nhận được (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ chín, ngày

[475] Tiểu chú trong bản Hán.

thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như vậy*).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được bát; ngày thứ năm nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong bảy ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được bát; ngày thứ sáu nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong sáu ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ bảy, ngày thứ tám ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát;

ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được bát, ngày thứ bảy nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong năm ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được bát; ngày thứ tám nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được bát; ngày thứ tám nhận được bát, cho đến ngày thứ mười nhận

được bát, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong bốn ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ

mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên*).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám không nhận được bát, ngày thứ chín, ngày thứ mười nhận được bát, số bát nhận được trong ba ngày đến ngày mười một khi bình minh xuất hiện đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín không nhận được bát; ngày thứ mười nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong hai ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được; ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày

thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, đặt câu văn cũng như trên).

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy, ngày thứ tám, ngày thứ chín, ngày thứ mười không nhận được bát, ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong một ngày, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát không tịnh thí; ngày thứ hai được bát tịnh thí, ngày thứ ba được bát, cho đến ngày thứ mười được bát không tịnh thí, đến ngày thứ mười một khi bình minh xuất hiện, số bát nhận được trong chín ngày đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu Tỳ-kheo ngày thứ nhất nhận được bát, ngày thứ hai nhận được bát không tịnh thí. Ngày thứ ba được bát tịnh thí. Ngày thứ tư được bát không tịnh thí (như vậy chuyển xuống cho đến ngày thứ mười được bát không tịnh thí, và tịnh thí, đặt câu văn cũng như trên*). Sai cho người (đặt câu văn cũng như vậy). Hoặc mất (câu văn cũng như trên*). Hoặc cố làm cho hư hoại (câu văn cũng như vậy*). Hoặc làm phi bát (câu văn cũng như vậy*).

Hoặc khởi ý thân hữu lấy (câu văn cũng như trên*). Hoặc quên đi (câu văn cũng như trên*). Tất cả đều Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Nếu bát phạm Ni-tát-kỳ mà không xả, lại đổi bát khác thì phạm một Ni-tát-kỳ và một Đột-kiết-la.

Bát phạm Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., đã chứa bát dư, quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả bát rồi phải sám hối, vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch như vậy rồi mới nhận sự sám hối của vị kia. Nên nói với Tỳ-kheo kia:

- Hãy tự trách tâm mình!
- Vị ấy thưa:
- Xin vâng.

Tăng nên hoàn bát lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả bát lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng, xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., đã chứa bát dư quá mười ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả bát lại cho Tỳ-kheo này, các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả bát lại cho Tỳ-kheo có tên... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả lại bát cho Tỳ-kheo có tên... này rồi, Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.

Nếu đã xả bát trong Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, vị ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển tịnh thí hoặc sai cho người, hoặc cố làm cho hư, hoặc làm phi bát, hoặc dùng thường xuyên,[476] tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là

[476] Cho chóng hư. Xem Ni-tát-kỳ 1.

phạm.

Sự không phạm: Trong mười ngày. Hoặc tịnh thí. Hoặc sai cho người. Hoặc tưởng bị cướp đoạt, bị mất, bị phá hư, bị nước cuốn trôi thì không phạm. Nếu bát bị đoạt, bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi nên lấy dùng, hoặc người khác cho dùng. Hoặc Tỳ-kheo nhận gởi bát qua đời, hoặc đi xa, hoặc thôi tu, hoặc bị giặc cướp, hoặc gặp ác thú hại, hoặc bị nước cuốn trôi, không sai cho người. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXII. ĐỔI BÁT MỚI [477]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử bát bị vỡ, nên vào thành Xá-vệ nói với một cư sĩ:

- Ông biết cho. Bát tôi bị vỡ. Ông hãy giúp tôi.

Bấy giờ, có cư sĩ nọ liền vào trong chợ mua cái bát cúng cho. Bạt-nan-đà lại đến nhà cư sĩ khác cũng nói:

- Bát tôi bị vỡ. Ông hãy giúp tôi.

Các cư sĩ kia cũng liền đến chợ mua bát cúng dường.

[477] Pāli, Nissaggiya 22, ūnapaḍcabandhana. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 19.

Bạt-nan-đà bị vỡ một cái bát mà cầu tìm nhiều bát để chứa cất. Sau đó, một thời gian các cư sĩ có cơ hội gặp nhau. Có một cư sĩ nói với các cư sĩ khác:

- Tôi được phước vô lượng. Các cư sĩ hỏi:

- Nhờ việc gì mà bạn được phước vô lượng? Đáp:

- Tôn giả Bạt-nan-đà bị vỡ cái bát. Tôi mua cái bát cúng cho, nên được phước vô lượng.

Các cư sĩ mỗi người đều tự nói:

- Chúng tôi cũng được phước vô lượng. Các cư sĩ khác hỏi:

- Do nhân duyên gì quý vị đều được phước vô lượng?

Các cư sĩ trả lời:

- Bạt-nan-đà bị bể cái bát, chúng tôi cũng đến chợ mua bát cúng cho Bạt-nan-đà.

Các cư sĩ cơ hiềm nói:

- Sa-môn Thích tử không biết tàm quý, mong cầu không nhàm chán, không biết đủ. Bên ngoài tự xưng rằng, "Ta biết chánh pháp." Như vậy thì có chánh pháp gì? Bị vỡ một cái bát mà tìm cầu nhiều bát để chứa cất. Đàn-việt tuy cúng dường không nhàm chán mà người thọ nhận phải biết đủ chứ!

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý,

hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: Sao thầy bị vỡ một cái bát lại tìm cầu nhiều bát để chứa cất? Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt lễ dưới chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn tập hợp các Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại bể một cái bát mà tìm cầu nhiều bát để chứa cất?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Bạt-nan-đà này là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, chứa bát trám dưới năm chỗ không chảy rỉ, mà tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tỳ-kheo kia nên đến trong Tăng để xả, lần lượt cho đến lấy cái bát tối hạ [478] trao cho, khiến

[478] Pāli: yo ca tassā bhikkhuparisāya pattapariyanto, tối hạ bát của chúng Tỳ-kheo đó. Ngũ phần 5 (T. 1421, tr.34a), Thập tụng 8 (T. 1435, tr.54b), Căn bản 22 (T. 1442, tr.745c): Chúng trung tối hạ bát.

thọ trì cho đến khi vỡ; đó là điều hợp thức.[479]

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Năm chỗ trám: Khoảng cách giữa hai chỗ trám bằng hai ngón tay.

Tỳ-kheo nào bát bị bể dưới năm chỗ trám mà không chảy rỉ, lại tìm cầu bát mới, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu trám đủ năm chỗ mà không rỉ chảy lại tìm cầu bát mới, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng trong trú xứ đó. Nên đến giữa Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là..., bát đã bị bể, dưới năm chỗ trám chưa rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám chưa rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên... này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận

---

[479] Nguyên Hán: Thử thị thời 此是時. Ngũ phần, Thập tụng: Thị pháp ưng nhĩ. Căn bản: Thử thị kỳ pháp. Pāli: ayam tattha sāmīcī, đó là tiến trình hợp thức; ***Giải Thích:*** ayam tattha anudhammatā, điều đó là sự tuỳ thuận pháp tánh trong đây.

sám nên nói với người kia:

- Hãy tự trách tâm mình! Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Bát của vị Tỳ-kheo này nếu là loại bát quý giá tốt thì nên cất lại, và lấy cái bát kém nhất trao cho vị ấy, bằng bạch nhị yết-ma, nên trao như vầy: Trong Tăng sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:[480]

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám không rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trao bát cho Tỳ-kheo có tên này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là..., bát đã bị bể dưới năm chỗ trám không rỉ chảy, lại xin bát mới, phạm xả đọa, đã xả cho Tăng. Nay Tăng trao bát lại cho Tỳ-kheo có tên... này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trao bát lại cho Tỳ-kheo có tên là... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý, xin hãy nói.

- Tăng đã đồng ý trao bát lại cho Tỳ-kheo có tên... này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.

---

[480] Thập tụng, nt., gọi là yết-ma Tăng sai - hành mãn thủy bát nhân, người thực hiện nghi thức bát đầy nước. Tức Tăng sai Tỳ-kheo đổi bát. Đưa bát phạm xả, vì là tốt nhất, cho Thượng tọa lớn nhất. Nếu Thượng tọa nhận bát mới này, lấy bát cũ của Thượng tọa trao cho vị Thượng tọa kế. Lần lượt xuống đến tối hạ tọa. Cho đến khi, trong chúng không ai muốn đổi nữa, thì lấy bát được đổi cuối cùng trao cho Tỳ-kheo phạm xả. Pāli gọi đây là yết-ma Tăng sai người nhận bát để đổi (bhikkhu pattagāhāpako).

Bát của Tỳ-kheo kia nên đem tác bạch rồi hỏi Tăng, tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, đem bát này theo thứ tự hỏi Thượng tọa. Đây là lời tác bạch.

Bạch như vậy rồi nên đem bát trao cho Thượng tọa. Nếu Thượng tọa muốn nhận bát (mới) này thì trao cho, rồi lấy bát (cũ) của Thượng tọa trao cho vị kế. Nếu trao cho Tỳ-kheo kia thì Tỳ-kheo kia nên nhận. Không nên vì hộ trì chúng Tăng mà không nhận. Cũng không nên vì nhân duyên này mà thọ trì bát tối hạ; nếu thọ trì thì phạm Đột-kiết-la.[481] Nếu vị Thượng tọa thứ hai lấy chiếc bát này thì nên lấy chiếc bát của vị Thượng tọa thứ hai trao cho vị Thượng tọa thứ ba. Nếu trao cho Tỳ-kheo kia thì Tỳ-kheo kia nên nhận, không nên vì hộ trì chúng Tăng mà không nhận, và không nên vì nhân duyên này mà thọ trì bát xấu nhất; nếu thọ trì thì phạm Đột-kiết-la.

Như vậy lần lượt cho đến vị hạ tọa. Hoặc đem bát của Tỳ-kheo này trả lại cho Tỳ-kheo này; hoặc đem bát vị tối hạ trao cho. Khi trao, nên bạch nhị yết-ma để trao. Trong Tăng nên sai một vị có khả

[481] Văn hơi tối. Tham khảo Pali: Na ca tassa anuddayatya na gahetabbo. yo na ganheyya, patti dukkanassa, - (vị kế tiếp) không nên vì sự thương tưởng vị ấy (?) mà không nhận. Ai không nhận, phạm Đột-kiết-la. Câu văn Pali cũng không rõ, vì đại từ tassa có thể chỉ Tỳ-kheo phạm xả, cũng có thể chỉ cho vị Thượng tọa vừa đổi bát. Bản dịch Anh hiểu nghĩa thứ hai. Nhưng hiểu nghĩa thứ nhất, thì Tỳ-kheo này không nhận bát, để cuối cùng Tỳ-kheo phạm xả vẫn nhận được bát tốt như ý muốn. Vì vậy, Tỳ-kheo nào không nhận vì lý do này phạm Đột- kiết-la.

năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên, tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng đem bát của vị tối hạ này trao cho Tỳ-kheo có tên... thọ trì cho đến khi vỡ. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng đem cái bát của vị tối hạ này trao cho Tỳ-kheo có tên... thọ trì cho đến khi vỡ. Các trưởng lão nào đồng ý Tăng trao bát cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trao bát cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo kia nên giữ gìn bát này không được để chỗ đá gạch có thể rơi, không được để dưới cây gậy dựng đứng và dưới con dao dựng đứng, không được để dưới vật treo, không được để giữa đường đi, không được để trên hòn đá, không được để dưới gốc cây có trái, không được để chỗ đất không bằng phẳng.

Tỳ-kheo không được dùng một tay mà nắm hai cái bát, trừ có kê ngón tay ở giữa. Không được dùng một tay cầm hai cái bát mà mở cửa, trừ phi có chú ý. Không được để trong ngưỡng cửa, dưới cánh cửa. Không được để dưới giường dây, giường cây, trừ để tạm. Không được để trung gian giữa giường dây và giường cây. Không được để đầu góc

của giường cây và giường dây, trừ để tạm. Không được đứng mà quậy bát cho đến đủ để khiến bát bị vỡ. Tỳ-kheo kia không được cố tâm làm cho bát hư hoại, không được cố ý khiến cho mất hoặc cố làm cho hư hỏng. Không nên dùng làm phi bát.[482]

Xả bát ở trong Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la.

Nếu ai bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc cố làm mất, làm hỏng, dùng làm phi bát hay dùng thường xuyên,[483] tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Năm chỗ trám bị rỉ chảy. Hoặc dưới năm chỗ trám mà rỉ chảy, tìm cầu bát mới. Hoặc đến xin nơi thân lý, nơi người xuất gia, vì người khác xin, người khác vì mình xin. Hoặc không xin mà được. Hoặc họ cúng cho Tăng, theo thứ tự được. Hoặc mình có phương tiện mua để chứa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXIII.XIN CHỈ SỢI [484]

[482] Phi bát dụng 非缽用; sử dụng không đúng chức năng của bát.

[483] Cho chóng vỡ.

[484] Pāli, Nissaggiya 26: Suttaviññatti. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 11. Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 26. Thập tụng, Căn bản, Ni-

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử muốn may Tăng-già-lê, nên vào thành, đến nhà một cư sĩ, nói:

- Ông biết không? Tôi muốn may Tăng-già-lê, nên cần chỉ sợi. Cư sĩ liền cúng chỉ sợi. Bạt-nan-đà lại đến các nhà cư sĩ khác, cũng nói: Tôi muốn may Tăng-già-lê, nên cần chỉ sợi.

Bạt-nan-đà xin khắp mọi nơi như vậy, thu hoạch được một số lượng chỉ sợi rất nhiều nên nghĩ: Lúc khác, ở nơi khác, ta lại xin chỉ sợi nữa, để đủ may Tăng-già-lê. Y phục của Tỳ-kheo khó có được, ta nên sắm luôn ba y. Nay ta nên đem số chỉ sợi này bảo thợ dệt, dệt ba y.

Nghĩ xong liền đem chỉ đến chỗ thợ dệt, tự tay xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt. Các cư sĩ thấy vậy cơ hiềm:

- Các ông xem kìa, Bạt-nan-đà Thích tử tự xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt dệt ba y.

Trong số các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà: Sao lại tìm cầu nhiều chỉ sợi, rồi khiến thợ dệt dệt ba y; tự tay xe chỉ, tự đứng coi thợ dệt dệt ?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ

---

tát-kỳ 23.

dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tìm cầu nhiều chỉ sợi, tự tay xe sợi, tự đứng coi thợ dệt, dệt ba y?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải thân quyến dệt làm ba y, Ni-tát-kỳ ba-dật-đề.[485]

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Tự mình xin: Chính mình xin khắp nơi.

Chỉ sợi: Có mười loại,[486] như trên tức là chỉ dệt mười loại y như trên.

Thợ dệt không phải thân quyến, người cho chỉ

[485] Pāli: Tantavāyehi, bởi những người thợ dệt, không phân biệt thân lý hay không thân lý.

[486] Pāli: Sáu loại chỉ để dệt sáu loại y cho phép. Ngũ phần cũng không phân biệt.

chẳng phải thân quyến: Không phải thân quyến[487] thì phạm.

Thợ dệt chẳng phải thân quyến; người cho chỉ hoặc thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt chẳng phải thân quyến; người cho chỉ là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Hoặc thợ dệt là thân quyến, hoặc không phải thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Hoặc thợ dệt là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến; người cho chỉ hoặc là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm. Hoặc thợ dệt là thân quyến, hoặc chẳng phải thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt là thân quyến; người cho chỉ chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Thợ dệt là thân quyến; người cho chỉ hoặc thân quyến hoặc chẳng phải thân quyến: Chẳng phải thân quyến thì phạm.

Nếu Tỳ-kheo tự mình xin chỉ khiến thợ dệt y, phạm xả đọa. Nếu xem thợ dệt dệt, hoặc tự mình dệt, hoặc tự mình quay chỉ, đều phạm Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều

[487] Các bản Tống-Nguyên-Minh không có câu lặp này.

người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Khi xả, đương sự nên đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng toạ, kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, đã tự mình cầu xin nhiều chỉ sợi, khiến thợ dệt dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tự mình cầu xin nhiều chỉ sợi khiến thợ dệt dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi mới thọ sám, nên nói với Tỳ-kheo:

- Hãy tự trách tâm ngươi!

- Tỳ-kheo phạm tội thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tìm cầu nhiều chỉ sợi khiến thợ dệt không

phải thân quyến dệt y, phạm xả đọa. Nay xả cho Tăng, nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng hoàn y lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã tìm cầu nhiều chỉ sợi, khiến thợ dệt chẳng phải thân quyến dệt y, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo có tên…. này. Các Trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo có tên... này thì im lặng. Vị nào không đồng ý nên nói.

- Tăng đã chấp thuận trả y lại cho Tỳ-kheo có tên… này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.

Đương sự đã xả y giữa Tăng rồi, Tăng không trả y lại phạm Đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc tự mình làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Thợ dệt là thân quyến, người cho chỉ là thân quyến. Hoặc tự mình dệt cái đãy đựng bát, đãy đựng giày dép, đựng kim, hoặc làm dây lưng ngồi thiền. Hoặc làm dây lưng thường,

hoặc làm mão, làm bít tất, làm khăn trùm cho ấm, hoặc khăn gói. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXIV. CHỈ DẪN THỢ DỆT [488]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời Đức Thế Tôn ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có một cư sĩ là bạn quen tri thức của Bạt-nan-đà Thích tử, đem chỉ tốt, bảo thợ dệt, dệt chiếc y như vậy, như vậy để cúng cho Bạt-nan-đà Thích tử. Cư sĩ đưa chỉ cho thợ dệt rồi, có việc cần đi qua thôn khác. Người thợ dệt kia đến trong Tăng-già-lam nói với Bạt-nan-đà Thích tử:

Đại đức, chưa từng có người nào được phước như ngài. Bạt-nan-đà hỏi:

- Chuyện gì mà biết tôi là người có phước đức? Ông thợ dệt nói:

- Người cư sĩ có tên mỗ đem số chỉ này đến tôi, nói: "Bạt-nan-đà Thích tử là bạn quen của tôi, ông vì tôi dệt làm (625a1) y như vậy, như vậy để cúng cho ngài". Do đó tôi biết Đại đức là người có phước đức.

Bạt-nan-đà lại hỏi:

---

[488] Pāli: Nissaggiya 27, Mahāpeskāra. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 12. Tàng kỳ, Ni-tát-kỳ 27.

- Có thật như vậy không? Ông thợ dệt, dệt trả lời:

Thật như vậy. Bạt-nan-đà nói:

- Nếu muốn dệt y cho tôi thì phải dệt cho rộng, dài, đẹp, bền chắc, tỉ mỉ, mới đúng là y tôi thọ trì. Nếu không phải là thứ y mà tôi cần thọ trì thì tôi không cần.

Ông thợ dệt nói:

- Loại y như Đại đức nói thì số chỉ này không đủ để dệt thành y. Bạt-nan-đà nói:
- Ông cứ dệt, tôi sẽ tìm thêm chỉ đem đến cho đủ.

Sáng hôm ấy, Bạt-nan-đà đắp y bưng bát đến nhà cư sĩ, ngồi trên chỗ ngồi dọn sẵn, rồi nói với vợ cư sĩ:

- Trước đây ông cư sĩ có đem chỉ đến thợ dệt bảo dệt y cho tôi, nay số chỉ ấy không đủ để dệt.

Vợ cư sĩ nghe nói liền đem cái rương đựng chỉ ra và nói với Bạt-nan-đà:

- Cần nhiều hay ít tùy ý ngài cứ lấy.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà lựa lấy những thứ chỉ tốt theo ý muốn của mình, rồi đem đến thợ dệt nói:

- Tôi đã cung cấp đủ số chỉ như đã hứa. Ông cứ dệt thành y cho tôi.

Thợ dệt bảo:

- Nếu dệt theo kiểu y mà Đại đức nói, thì phải trả thêm tiền công cho tôi.

Bạt-nan-đà nói:

- Ông cứ dệt như vậy. Tôi sẽ trả thêm tiền công.

Bấy giờ, thợ dệt dệt y xong, đem đến cho vợ cư sĩ. Cũng lúc ấy, ông cư sĩ vừa từ nơi khác về, hỏi vợ:

- Trước đây tôi đưa chỉ cho thợ dệt, bảo dệt y cho Bạt-nan-đà Thích tử. Nay y ấy đã dệt xong chưa?

Người vợ bảo:

- Y ấy đã dệt xong rồi. Nó đây này.

Người chồng bảo đem y đến xem. Người vợ mở rương ra cho chồng xem. Ông chồng nói với vợ:

- Y này không phải là kiểu y mà trước đây tôi bảo thợ dệt dệt. Bà vợ bảo:

- Chính y này đây.

- Ông chồng nói:

- Chỉ mà bữa trước tôi đưa bảo thợ dệt dệt y, thì đây không phải là y đó.

Bấy giờ, bà vợ mới trình bày đầy đủ nhân duyên cho chồng. Hai vợ chồng mở y ra xem. Khi ấy, Bạt-nan-đà lại đến nhà cư sĩ, hỏi:

- Trước đây hai ông bà bảo thợ dệt dệt y cho tôi, có phải cái này không?

- Vâng chính cái này đây.

- Như vậy có thể cho tôi nhận. Cư sĩ liền cơ hiềm:

- Sa-môn Thích tử thọ nhận không biết nhàm chán, không biết hổ thẹn. Bên ngoài tự nói "Tôi biết chánh pháp." Nhưng như vậy thì làm gì có chánh pháp? Đến nơi người xin y, tuy kẻ cho không nhàm chán nhưng người nhận phải biết đủ chứ! Cho đến chỗ vắng cũng không được nói năng.

Bấy giờ, Tỳ-kheo khất thực nghe như vậy rồi, hiềm trách Bạt-nan-đà Thích tử: Sao lại tham lam đi xin y nơi người?

Hiềm trách rồi về đến trong Tăng-già-lam, đem nhân duyên này nói với các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nghe, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà: Sao lại tham lam đi xin y nơi người?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này trình bày đầy đủ với Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại tham lam đi xin y nơi người?

Dùng vô số phương tiện, Đức Thế Tôn quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống

hữu lậu, là kẻ phạm giới này lần đầu. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ [489] hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì Tỳ-kheo dệt làm y. Tỳ-kheo kia bèn đến nhà thợ dệt nói: "Ông biết chăng? Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho khéo, khiến cho rộng, dài, bền chắc, tỉ mỉ. Tôi sẽ trả công cho ít nhiều." Tỳ-kheo kia trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn; nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, có các cư sĩ cúng y cho Tỳ-kheo với yêu cầu tùy ý, thưa:

- Đại đức cần loại y nào?

Các Tỳ-kheo nghi, không dám trả lời. Đức Phật dạy:

- Nếu trước đó họ yêu cầu tùy ý mà cúng y, thì nên tùy ý trả lời.

Hoặc có cư sĩ muốn dâng y quý giá cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo ấy là vị thiểu dục tri túc, muốn được y không quý giá, mà nghi không dám nói, Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép vị thiểu dục tri túc đòi hỏi y không quý giá theo ý muốn của mình.

---

[489] Pāli: aḍḍātako gahapati, cư sĩ không phải bà con. Thập tụng, Căn bản: Phi thân lý cư sĩ, cư sĩ phụ.

Từ nay về sau sẽ nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì Tỳ-kheo dệt làm y. Tỳ-kheo kia trước không được yêu cầu tùy ý, mà lại đến chỗ thợ dệt nói: "Ông biết chăng? Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt cho khéo, khiến cho rộng, dài, bền chắc, tỉ mỉ. Tôi sẽ trả công cho ít nhiều." Tỳ-kheo kia trả công, dù chỉ đáng giá một bữa ăn; nếu nhận được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Cư sĩ, vợ cư sĩ: Cũng như trên.

Tỳ-kheo trước không được yêu cầu tùy ý,[490] bèn đến tìm cầu y; nếu được y, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; không được y, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, Đột-kiết-la.

Khi xả, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay, thưa:

-Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…, trước đó không được yêu cầu tùy ý, bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết nên tác bạch như vầy:

---

[490] Tự tứ thỉnh 自恣請 . Pāli: Pubbe pavārito, được yêu cầu nói sở thích.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước đó không được nhận yêu cầu tùy ý bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia:

- Hãy tự trách tâm ngươi! Vị Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả lại y cho Tỳ-kheo này liền, bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước không được yêu cầu tùy ý, lại đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, trước không được yêu cầu tùy ý, bèn đến tìm cầu được y tốt, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y cho Tỳ-kheo có tên này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả y lại cho Tỳ-kheo này

rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

- Tỳ-kheo kia, trong Tăng đã xả y rồi mà Tăng không hoàn lại, Đột-kiết-la. Nếu có người bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người, hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Trước đã được yêu cầu tùy ý đến tìm cầu biết đủ, tìm cầu giảm thiểu. Hoặc đến nơi thân lý xin, hoặc không xin mà được thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXV. ĐOẠT LẠI Y [491]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, người đệ tử của Tôn giả Nan-đà có khả năng khuyến hóa khéo léo, được Bạt-nan-đà bảo:

- Nay ông cùng tôi du hành trong nhân gian. Tôi sẽ biếu y cho ông.

[491] Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 24. Pāli, Nissaggiya 25, cīvara-acchindana.

Đệ tử của Tôn giả Nan-đà chấp thuận. Bạt-nan-đà liền trao y cho.

Sau đó, các Tỳ-kheo khác nói với đệ tử của Tôn giả Nan-đà:

- Vì cớ gì mà ông cùng Bạt-nan-đà du hành trong nhân gian? Bạt-nan-đà là người si, không biết tụng giới, không biết thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát.

Tỳ-kheo kia liền đáp:

- Nếu thật vậy thì tôi sẽ không đi theo nữa. Sau đó, Bạt-nan-đà bảo:

- Ông cùng tôi du hành trong nhân gian.

Đệ tử của A-nan-đà liền đáp:

- Thầy tự đi. Tôi không thể đi theo thầy được. Bạt-nan-đà nói:

- Sở dĩ trước đây tôi cho ông y là muốn ông cùng tôi du hành nhân gian. Nay ông không đi thì trả y lại cho tôi.

Tỳ-kheo nói:

- Đã cho rồi, không trả lại.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà nổi giận, liền cưỡng đoạt lấy y lại. Tỳ-kheo kia lớn tiếng bảo:

- Đừng làm vậy, đừng làm vậy!

Các Tỳ-kheo ở phòng gần nghe tiếng kêu la, đều tập trung lại, hỏi Tỳ-kheo này:

- Sao thầy la lớn tiếng?

Khi ấy, Tỳ-kheo mới đem nhân duyên này trình bày đầy đủ với các Tỳ-kheo.

Trong số các Tỳ-kheo nghe đó, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách Bạt-nan-đà:

- Tại sao đã cho y Tỳ-kheo rồi, vì giận hờn mà đoạt lại?

Hiềm trách rồi đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lại một cách đầy đủ lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tập họp Tăng Tỳ-kheo quở trách Bạt-nan-đà:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại vì giận hờn mà đoạt y đã cho người lại?

Dùng vô số phương tiện quở trách rồi, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Đây là người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa cho đến chánh pháp lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, trước đã cho y cho Tỳ-kheo khác; sau vì giận hờn tự mình đoạt hay sai người đoạt lại nói: "Hãy trả y lại tôi, tôi không

cho ngài." Nếu Tỳ-kheo kia trả y, Tỳ-kheo này nhận lấy, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y: Có mười loại, như trên đã nói.

Nếu Tỳ-kheo nào đã cho y cho Tỳ-kheo, sau đó vì giận hờn hoặc tự mình đoạt lại, hay sai người đoạt lại, lấy đem cất, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu đoạt lại mà không dấu cất, phạm Đột-kiết-la.

Nếu y được máng trên cây, để trên tường, trên rào, trên nọc, trên móc áo,[492] trên giá y, hoặc trên giường cây, giường dây, hoặc trên nệm nhỏ nệm lớn, trên ghế nhỏ; hoặc trải trên đất; lấy khỏi chỗ của nó, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Lấy mà không lìa khỏi chỗ, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, đã cho y Tỳ-kheo rồi, sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải

[492] Long nha đặc; xem cht. Trên.

tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y Tỳ-kheo rồi, sau ăn năn, vì giận hờn đoạt lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nên bảo với người kia:

- Hãy tự trách tâm ngươi! Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả y lại cho Tỳ-kheo này liền bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng nên lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y Tỳ-kheo rồi, sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, nay Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo có tên… Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cho y Tỳ-kheo , sau vì giận hờn đoạt lấy lại, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này, trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý nên nói.

- Tăng đã chấp thuận trả y lại cho Tỳ-kheo có tên… này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Nếu trong Tăng, đã xả y rồi mà Tăng không trả lại, Đột-kiết-la.

Nếu có ai bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc tự làm ba y, hoặc sai cho người, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi y, hoặc mặc thường xuyên, tất cả đều Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Không vì giận hờn mà nói: Tôi hối tiếc, không muốn cho y cho thầy, trả y lại cho tôi. Nếu người kia cũng biết tâm người này có sự hối tiếc, liền trả y lại. Hoặc người khác nói: Tỳ-kheo này hối tiếc, nên trả y lại cho người ta. Hoặc mượn y của người khác mặc; người khác mặc mà không hợp đạo lý đoạt lấy lại thì không phạm. Nếu sợ mất y hoặc sợ hư hoại, hoặc người kia phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc bị cử tội, hoặc diệt tẫn, hoặc đáng phải diệt tẫn, hoặc vì việc này đưa đến mạng nạn, phạm hạnh nạn; vì các trường hợp trên đoạt lấy lại mà không cất chứa. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa

chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[493]

XXVI. THUỐC BẢY NGÀY [494]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo gặp gió mùa thu phát sanh bệnh, nên thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ lở. Đức Thế Tôn ở nơi nhàn tịnh, nghĩ rằng.[495]

- Hiện nay là mùa thu, các Tỳ-kheo gặp phải gió độc sanh bệnh, thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ dữ. Ta cần thích nghi khiến các Tỳ-kheo được uống các loại thuốc, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống, như ăn cơm hay cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra.[496] Ngài lại nghĩ: Hiện tại có năm thứ thuốc mà người đời biết như váng sữa, dầu, bơ, mật, đường mía.[497] Các Tỳ-kheo được phép dùng năm thứ thuốc này, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống như cơm, cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nơi tịnh thất đi ra, vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

---

[493] Bản Hán, hết quyển 9.

[494] Pāli, Nissaggiya 23, bhesajja. Cf. Mahāvagga vi Bhessajja-kkhando, Vin.i.198. Ngũ phần 5 (T. 1421, tr.30c), Ni-tát-kỳ 15. Tăng kỳ 10 (T. 1425, tr.316b), Ni-tát-kỳ 23. Căn bản (T. 1442, tr.759b), Ni-tát kỳ 30.

[495] Xem Thập tụng 26, - Y dược pháp (T. 1435, tr.184b). Pāli, Mahāvagga iv - Bhesajja- khandha, Vin.i. 199.

[496] Bất linh thô hiện 不令麤現. Pāli, Vin.i.198: Na ca onāriko āhāro paññāyeyya, không thể quan niệm là thức ăn thô (=thực phẩm chính). Có lẽ bản Hán để rơi mất từ hra (thực phẩm) nên câu văn bất xác.

[497] Tô du sanh tô mật thạch mật 酥油生酥蜜石蜜. Pāli, nt. sappi navanītam telam madhu phānitam, váng sữa, bơ tươi, dầu ăn, mật, đường mía (hay mật mía).

- Ta vừa ở nơi tịnh thất, khởi lên ý nghĩ: "Hiện nay là mùa thu, các Tỳ-kheo gặp phải gió độc sanh bệnh, thân hình gầy còm, lại sanh ghẻ dữ. Ta cần thích nghi khiến các Tỳ-kheo được uống các loại thuốc, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống, như ăn: Cơm, cơm khô, không nên để cho thô hiện." Ta lại nghĩ: "Hiện tại có năm thứ thuốc mà người đời biết như váng sữa, dầu, (627a1) bơ tươi, mật, mật mía. Các Tỳ-kheo được phép dùng năm thứ thuốc này, vừa là thức ăn mà vừa là thuốc uống như cơm, cơm khô, không nên để cho bày cái vẻ thô xấu ra. Bởi vậy, cho nên cho phép các Tỳ-kheo uống năm thứ thuốc khi có nhân duyên bệnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được các thức ăn ngon béo, hay nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời[498] huống chi năm thứ thuốc này làm sao kịp thời để uống? Do vậy, thuốc tuy chứa nhiều mà bệnh vẫn không thuyên giảm, hình thể vẫn gầy còm, lại sanh các loại ghẻ lở.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Các Tỳ-kheo này sao hình thể gầy còm, lại sanh các loại ghẻ lở?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo bệnh này tuy đã nhận được thức ăn ngon béo, được thịt, canh thịt, nhưng không thể

[498] Thập tụng, ibid., Phật chưa cho phép ăn các thứ này sau ngọ.

ăn kịp thời; huống chi năm thứ thuốc này làm sao kịp thời để uống. Do đó, thuốc tuy chứa nhiều mà bệnh vẫn không lành, cho nên hình thể vẫn gầy còm, vẫn sanh ghẻ lở.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo vì bệnh duyên, dù thời hay phi thời, cũng được uống năm thứ thuốc này.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bệnh nhận được đồ ăn thức uống ngon bổ, nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời, nên đem cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn no rồi nên không ăn nữa, đem thức ăn ấy bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn nên kêu la inh ỏi. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

- Tại sao các loài chim kêu la như thế ? Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo bệnh nhận được đồ ăn thức uống ngon bổ, nhận được thịt, canh thịt, nhưng không thể ăn kịp thời, nên đem cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh ăn no rồi nên không ăn nữa, đem thức ăn ấy bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn nên kêu la inh ỏi như thế.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Từ nay về sau cho phép thức ăn dư của bệnh nhân, người nuôi bệnh dù đã ăn đủ no hay ăn chưa

đủ no, được phép ăn theo ý mình.[499] Khi ấy, các Tỳ-kheo buổi sáng thọ tiểu thực rồi vào thôn khất thực. Ăn đủ no rồi, trở lại trong Tăng-già-lam, đem thức ăn đã nhận khi sáng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo vì đã ăn no rồi nên không ăn nữa, đem bỏ ra ngoài. Các loài chim tranh nhau ăn kêu la. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi Tôn giả A-nan:

- Tại sao các loài chim kêu la như thế ?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên trên thưa đầy đủ lên Đức Phật, vì vậy cho nên các loài chim kêu la.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

- Từ nay về sau, nếu đã nhận thức ăn tiểu thực rồi, hoặc ăn no rồi, cho phép làm pháp dư thực để ăn.

Làm pháp dư thực như sau:

- Bạch Đại đức, tôi đã ăn no rồi. Ngài xem cho, biết cho. Đó là cách tác pháp dư thực.

Vị kia nên nói:

- Hãy ngăn lòng tham của ngươi!

Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn. (Có những nhân duyên khác như trong ba-dật đề, nói về pháp dư thực giống nhau nên không chép ra).[500]

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh phong.[501]

---

[499] Xem Tứ phần, Ba-dật-đề 35, về phép tàn thực.

[500] Xem Tứ phần, Ba-dật-đề 35, về phép tàn thực.

[501] Xem cht.14, Phần III Ch.vii. Thuốc và các chú thích rải rác trong chương đó.

Thầy thuốc bảo dùng năm loại mỡ: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá ma-kiệt.[502] Cho phép dùng năm loại mỡ này, thọ nhận đúng lúc, nấu đúng lúc, và lọc đúng lúc, uống như phép dùng dầu. Nếu nhận không đúng lúc, nấu không đúng lúc, lọc không đúng lúc mà sử dụng thì trị như pháp.[503]

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, từ nước Xá-vệ, du hành trong nhân gian cùng đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo.

Bấy giờ là lúc lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khất thực khó khăn, lại có năm trăm người hành khất đi theo sau Đức Thế Tôn. Khi Đức Thế Tôn an tọa dưới một bóng cây, thì có tượng sư Tư-ha Tỳ-la-trà[504] chở năm trăm chiếc xe đường mía từ con đường kia đi lại.[505] Bấy giờ, Tượng sư thấy trên đường có dấu chân với bánh xe nghìn nan hoa của đức Như Lai, hiện rõ ra tướng ánh sáng trong sạch đẹp đẽ, đầy đủ. Thấy vậy, Tượng sư theo dấu chân tìm đến. Từ xa trông thấy Đức Thế Tôn an toạ dưới bóng cây, dung nhan đoan chánh, các căn tịch định, đã hoàn toàn được chế ngự, như voi chúa đã thuần thục; cũng như suối nước trong veo sạch sẽ, trong ngoài đều thanh tịnh. Thấy vậy, tượng sư

---

[502] Ma-kiệt ngư 摩竭魚 ; một loại cá voi (Pali: Makara). Cf. Mahvagga iv, Vin.i.200: Sáu loại mỡ Gấu, cá, cá sấu, heo, lừa.

[503] Pāli, op.cit., vikle… dukkanā, phi thời, phạm Đột-kiết-la; tức không được quá ngọ.

[504] Tư-ha Tỳ-la-trà tượng sư 私訶毘羅嗏象師; phiên âm từ Skt. Sinha-Vairna. Đồng nhất với Pali, Belattha Kaccna, người buôn đường, chuyển kể, Mahvagga iv, Vin. i. 224f. Cf. Thập tụng 26 (T. 1435, tr.189a): Chuyện tượng sư Tỳ-la-tra.

[505] Đi từ Rājagaha đến Andhakavida, ngược chiều với Phật.

phát lòng hoan hỷ, đến chỗ đức Như Lai, trước mặt ngài, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì Tượng sư nói pháp vi diệu khiến cho tượng sư sanh tâm hoan hỷ, rồi cúng dường các Tỳ-kheo mỗi vị một bát đường mía. Các Tỳ-kheo không dám thọ nhận:

- Đức Như lai chưa cho phép các Tỳ-kheo thọ nhận đường mía đen.[506]

Và các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Đức Thế Tôn bảo:

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo thọ nhận đường mía đen.

Đức Phật nói với Tượng sư:

- Chỉ cần một chum đường cũng đủ cho các Tỳ-kheo.[507]

Tượng sư phụng hành lời dạy của Như Lai, đem một chum đường phân phát cho các Tỳ-kheo rồi, số đường vẫn còn dư. Đức Phật bảo tượng sư:

- Ông cứ tùy ý tiếp tục phân phối đầy đủ cho đến ba lần.

Bấy giờ, Tượng sư vâng lời Phật dạy, phân phối đầy đủ ba lần, nhưng vẫn dư. Đức Phật bảo Tượng sư:

- Ông có thể đem số đường còn thừa cho những

[506] Hắc thạch mật 黑石蜜. Pāli: Guna, đường (cát) đen; đường mía chưa tinh luyện.

[507] Số Tỳ-kheo được kể là 1250 vị.

người hành khất.

Tượng sư liền đem cho họ mà vẫn còn. Đức Phật bảo nên cho họ đến ba lần. Tượng sư cho họ ba lần mà vẫn cứ còn thừa. Đức Phật bảo tượng sư:

- Nay ông đem số đường mía thừa này đổ nơi tịnh địa, trong nước không có trùng. Tại sao vậy? Vì ta không thấy chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn và người đời nào ăn loại đường dư này mà có thể tiêu hoá được, chỉ trừ một người là Như Lai.

Tượng sư liền đem đường mía dư để nơi tịnh địa, trong nước không có trùng. Khi đổ vào trong nước, nước chấn động thành âm thanh, phát sanh khói như đốt lửa, giống như nung một cục sắt đỏ rồi bỏ vào trong nước. Đường mía dư đổ vào nước, có âm thanh chấn động và phát sanh ra khói, cũng giống như vậy. Tượng sư mục kích sự biến động lạ thường như vậy, lông trong người đều dựng ngược lên, ôm lòng sợ sệt, liền đến chỗ Đức Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên vừa rồi bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn thấy Tượng sư sợ sệt, liền vì ông mà nói pháp vi diệu, nói về phước của bố thí, trì giới, và sanh thiên, chỉ trích dục là bất tịnh, khen ngợi sự xuất ly. Tượng sư liền từ chỗ ngồi dứt sạch các trần cấu, đạt được pháp nhãn tịnh, kiến pháp,

đắc pháp, chứng được quả, rồi bạch Phật:

- Từ nay về sau con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin Đức Thế Tôn cho con làm người Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh, cho đến không uống rượu.

Bấy giờ, tượng sư nghe nói pháp, mọi trói buộc được khai giải, sanh lòng hoan hỷ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng rồi cáo lui.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vào trong thôn khất thực, thấy người ta làm đường mía có trộn tạp vật vào, nên nghi, không dám ăn khi phi thời. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép dùng phi thời. Vì cách làm đường nó như vậy.

Các Tỳ-kheo nhận được loại đường mía chưa thành, nghi. Phật dạy: Cho phép dùng. Nhận được loại đường mía lỏng, đường mía đặc, Phật đều cho phép dùng. Loại đường trắng, Phật cũng cho dùng. Đường mía pha nước, Phật cũng cho dùng. Nước mía chưa đun chín cho uống. Đun chín rồi, không cho uống, nếu uống trị như pháp. Được mía cây, Phật cho dùng đúng thời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hành trong nhân gian từ biên giới nước Ma-kiệt-đà, đến thành La-duyệt.

Khi ấy Tất-lăng-già-bà-ta[508] có nhiều người

[508] Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Pāli: Pilindavaccha. Chuyện kể Tất-lăng-già-bà-ta trong Ngũ phần 5

quen ở trong thành này, và có nhiều đồ chúng. Khi nhận được nhiều phẩm vật cúng dường như váng sữa, dầu, bơ tươi, mật, đường mía, đều cho các đệ tử. Các đệ tử được thầy cho, chứa đầy cả lu lớn, bình, bát lớn, bát nhỏ, trong đãy đựng bát, đãy lọc nước v.v… đem treo lên trụ cây, trên móc áo, nơi cửa sổ, treo khắp các nơi, rỉ chảy lung tung, khiến phòng xá bị hôi thối.

Bấy giờ, các trưởng giả đến thăm, vào phòng thấy dồn chứa, tích trữ các loại thuốc nhiều một cách bừa bãi như vậy, đều hiềm trách: Sa-môn Thích tử không biết dừng nghỉ, cầu nhiều không nhàm chán. Bên ngoài tự xưng là ta biết Chánh pháp. Nhưng như vậy thì làm gì có Chánh pháp! Dồn chứa nhiều loại thuốc, như kho tàng của vua Bình-sa không khác.

Trong số các Tỳ-kheo nghe, có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, hiềm trách đệ tử của Tất-lăng-già-bà-ta: Sao lại dồn chứa, tích trữ các loại thuốc nhiều một cách bừa bãi như vậy?

Hiềm trách rồi đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách

(T22n1421, tr.30c25) và Pali (Vin.iii. 248) giống nhau.

đệ tử của Tất-lăng-già-bà-ta:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại dồn chứa nhiều loại thuốc đến rỉ chảy lung tung như kho đồ chứa của vua Bình-sa không khác?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào có bệnh, các loại thuốc dư tàn[509] như tô, dầu, sanh tô, mật, đường mía,[510] được dùng trong vòng bảy ngày. Nếu quá bảy ngày mà còn dùng, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Bệnh: Được thầy thuốc bảo phải uống thứ thuốc nào đó. Thuốc: Tô, dầu, sanh tô, mật, đường mía.

---

[509] Hán: Tàn dược 殘藥. Pāli: Panisāyanīyāni bhesajjāni, các loại thuốc đ?ợc uống như ăn. Căn bản: Chư dược tùy ý phục thực 諸藥隨意服食, "các loại thuốc được tuỳ ý uống hay ăn." Ngũ phần, Thập tụng: Hàm tiêu dược 含消藥, thuốc như thức ăn loại mềm (không cần nhai).

[510] Tô, du, sanh tô, mật, thạch mật 酥油生酥蜜石蜜. Pāli: Sappi, navanītam, telam, madhu, phānitam, váng sữa bơ lỏng (trong), bơ sống (tươi), dầu, mật, đường mía. Ngũ phần, Thập tụng, Cặn bả, kể bốn: Tô (gồm cả thụ tô và sanh tô), du, đường, mật. Đường được giải thích là đường cát (sa đường).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất được thuốc, chứa cất; ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư cho đến ngày thứ bảy được thuốc, chứa cất. Ngày thứ tám, khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong bảy ngày, Ni-tát-kỳ ba-dật-đề.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai không nhận được thuốc. Ngày thứ ba nhận được thuốc, ngày thứ tư nhận được thuốc, như vậy cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong sáu ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến bảy ngày không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).[511]

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được thuốc. Ngày thứ tư nhận được thuốc, cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong năm ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được thuốc, ngày thứ năm nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thư sáu, ngày

[511] Tiểu chú trong bản Hán. Dưới đây cũng vậy.

thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư không nhận được thuốc. Ngày thứ năm nhận được thuốc, cho đến ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong bốn ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm không nhận được thuốc. Ngày thứ sáu, ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong ba ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được thuốc. Ngày thứ bảy nhận được (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc.

Ngày thứ hai, ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu không nhận được thuốc. Ngày thứ bảy nhận được thuốc. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong hai ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, ngày thứ hai nhận được thuốc. Ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc (như vậy chuyển lần xuống cho đến ngày thứ ba, ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu, ngày thứ bảy không nhận được thuốc, đặt câu văn cũng như vậy).

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc. Ngày thứ hai, ngày thứ ba không nhận được, cho đến ngày thứ bảy không nhận được. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong một ngày, Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc, không tịnh thí. Ngày thứ hai được thuốc tịnh thí. Ngày thứ ba được thuốc, cho đến ngày thứ bảy được thuốc không tịnh thí. Ngày thứ tám khi bình minh xuất hiện, số thuốc nhận được trong sáu ngày đều Ni-tát-kỳ.

Tỳ-kheo nào ngày thứ nhất nhận được thuốc không tịnh thí. Ngày thứ hai được thuốc, ngày thứ ba được thuốc tịnh thí, ngày thứ tư được thuốc không tịnh thí (như vậy chuyển lần xuống cho đến

ngày thứ bảy được thuốc tịnh thí, không tịnh thí, đặt câu văn cũng như trên). Sai cho người (đặt câu văn cũng như trên).

Hoặc mất, hoặc cố làm hư hoại, hoặc làm phi dược, hoặc tác ý để thân hậu lấy, hoặc quên đi (xây dựng câu văn cũng như trên) đều Ni-tát-kỳ.

Nếu thuốc phạm xả đọa mà không xả lại để lấy thuốc khác thì phạm một Ni-tát-kỳ, một Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này phải xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người.

Không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Khi xả cho Tăng phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng đến Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư quá bảy ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước phải tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư quá bảy ngày, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.

Bạch rồi sau đó mới thọ sám, nên bảo người

kia:

- Hãy tự trách tâm ngươi!

Tỳ-kheo phạm tội thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả thuốc lại cho Tỳ-kheo kia. Vật sở hữu quá bảy ngày của Tỳ-kheo kia như bơ, dầu thì nên thoa vào cửa, nơi bị kêu; mật, thạch mật thì cho người giữ vườn. Hoặc đến ngày thứ bảy xả cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo kia nên lấy ăn. Nếu dưới bảy ngày thì nên trả lại cho Tỳ-kheo này bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong Tăng nên sai một vị có khả năng tác pháp yết-ma, theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, hoàn thuốc lại cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã cố ý chứa thuốc dư, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Tăng nay hoàn lại thuốc cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng hoàn thuốc lại cho Tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả lại thuốc cho Tỳ-kheo có tên… này rồi.

Tăng đồng ý nên im lặng. Việc này ghi nhận như vậy.

Tỳ-kheo này lấy thuốc lại rồi nên dùng thoa gót chân, hoặc dùng để đốt đèn. Đã xả cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, phạm Đột-kiết-la. Nếu có vị nào bảo - đừng trả, vị ấy phạm Đột-kiết-la. Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người khác, hoặc cố làm hư hoại, hoặc đốt, hoặc làm phi dược, hoặc uống thường xuyên, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu thuốc quá bảy ngày kia là bơ, là dầu, dùng thoa cửa, chỗ có tiếng kêu. Nếu là mật, thạch mật cho người giữ vườn dùng, hoặc đến ngày thứ bảy xả cho Tỳ-kheo dùng. Nếu chưa đủ bảy ngày, hoàn lại cho Tỳ-kheo kia dùng thoa gót chân, hoặc đốt đèn thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXVII. Y TẮM MƯA [512]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Một thời Đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Mẫu [513] thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo ngày mai thọ thực.

Liền trong đêm đó, bà sửa soạn đầy đủ các thứ

[512] Pāli, Nissaggiya 24, vassikānika.. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 17. Tăng kỳ, Ni-tát-kỳ 26. Căn bản, Ni-tát-kỳ 28.

[513] Tỳ-xá-khư Mẫu 毘舍佉母, xem cht.2, ch.iii, Bất-định 1.

đồ ăn thức uống ngon bổ. Sáng sớm, sai tỳ nữ đến trong Tăng-già-lam thỉnh Phật và Tăng đã đến giờ phó trai.[514]

Hôm ấy nhằm ngày trời mưa như trút nước.[515] Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ngày hôm nay, các ông ra hết ngoài mà tắm mưa. Trận mưa ngày hôm nay là cuối mùa. Như bây giờ Diêm phù đề đang mưa, nên biết trong cả bốn thiên hạ cũng vậy.

(629a1) Các Tỳ-kheo nghe Đức Phật dạy rồi, đều lõa hình mà ra khỏi phòng để tắm.

Khi ấy, tỳ nữ đến ngoài cửa Tăng-già-lam, nhìn vào thấy các Tỳ-kheo đều đang lõa hình tắm, bèn nghĩ: Nơi đây không có Sa-môn, mà tất cả đều là lõa hình ngoại đạo. Tỳ nữ chạy về báo cáo với Tỳ-xá-khư Mẫu:

- Đại gia nên biết, ở trong Tăng-già-lam, tất cả đều là ngoại đạo lõa hình chứ không có Sa-môn.

Tỳ-xá-khư Mẫu là người nữ thông minh trí tuệ, liền nghĩ: Vừa rồi trời mưa. Có lẽ các Tỳ-kheo thoát y, lõa hình tắm dưới mưa. Tỳ nữ không biết nên báo cáo như vậy. Tỳ-xá-khư Mẫu sai tỳ nữ trở lại nơi Tăng-già-lam, bạch các Tỳ-kheo là: Đã đến giờ rồi. Tỳ nữ liền trở lại bên ngoài Tăng-già-lam, nhìn vào không thấy vị nào cả. Vì lúc ấy, các Tỳ-

[514] Chuyện kể xem Mahāvagga viii,Vin. i. 291ff. Cf. Thập tụng 27, - Y pháp (T23n1435, tr.195b11).

[515] Hán: Như tượng niệu há 如象尿下, - như voi đái.

kheo tắm đã xong, mặc y, vào phòng tĩnh tọa tư duy. Tỳ nữ đứng bên ngoài cửa, thấy Tăng-già-lam vắng vẻ, không người. Lại nghĩ: Hiện tại Tăng-già-lam trống vắng không có Tỳ-kheo. Liền trở về thưa với Tỳ-xà-khư Mẫu:

- Đại gia nên biết, trong Tăng-già-lam trống vắng, không có vị Tỳ-kheo nào cả.

Tỳ-xá-khư Mẫu là người trí tuệ thông minh, liền nghĩ: Chư Tỳ-kheo tắm xong, chắc các ngài vào tịnh tọa tư duy. Tỳ nữ không biết nên nói là trong Tăng-già-lam trống vắng, không có vị Tỳ-kheo nào. Do vậy, Tỳ-xá-khư Mẫu lại bảo tỳ nữ chạy vội lại trong Tăng-già-lam, cao tiếng thưa:

- Đã đến giờ rồi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ trong tịnh thất bước ra, nói với tỳ nữ:

- Ngươi về trước. Ta sẽ đến ngay bây giờ.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo, giờ đã đến rồi, nên đắp y, bưng bát. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, thảy đều đắp y, bưng bát. Đức Thế Tôn cùng đại Tăng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, như lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Kỳ-hoàn tịnh xá hốt nhiên biến mất, và xuất hiện nơi nhà của Tỳ-xá-khư Mẫu, an tọa nơi chỗ ngồi, y phục không ướt, tất cả đều như vậy.

Sau đó, tỳ nữ mới về đến nhà, thấy Đức Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo đã đến nhà trước, chỗ ngồi

đã ổn định, y phục không ướt. Thấy vậy liền khởi ý niệm: Đức Thế Tôn thật là kỳ diệu đặc biệt, có đại thần lực; đi sau mà lại đến trước mình.

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Mẫu dùng các đồ ăn thức uống ngon bổ cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo. Ăn xong, cất dọn bát, Tỳ-xá-khư Mẫu đặt ghế thấp ngồi phía trước, bạch Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con được thỉnh nguyện. Đức Phật nói với Tỳ-xá-khư Mẫu:

- Như lai không cho mọi người quá điều thỉnh nguyện.[516] Tỳ-xà-khư Mẫu lại bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nếu nguyện thanh tịnh và khả thi, xin ban cho con.

Đức Phật dạy:

- Tùy ý.

Tỳ-xà-khư Mẫu bạch Đức Thế Tôn:

- Hoặc có các Tỳ-kheo khách nào từ phương xa đến chưa biết nơi chốn. Nguyện Thế Tôn cho phép con được cúng dường thức ăn cho Tỳ-kheo khách; trọn đời cung cấp.[517]

Lại bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo muốn đi xa, có thể vì sự ăn mà không

[516] Hán: Như lai bất dữ nhân quá nguyện 如來不與人過願. Cf. Pāli (Vin.iii. 192): atikkantavārā kho … thāgatā, - Các đức Như lai siêu quá các ước nguyện. Nghĩa là chỉ hứa khả những thỉnh nguyện không phi pháp. Câu Phật thường xuyên trả lời khi có người thỉnh nguyện. Xem Thập tụng 27, (T23n1435, tr.195c17) - Các Như Lai… đã vượt qua các ước nguyện (Hán: Dĩ quá chư nguyện 已過諸願).

[517] Thập tụng, ibid.: sau khi đã quen nơi chốn, Tỳ-kheo ăn đâu, tùy ý. Pāli, Vin.i. 192: icchāmi sanghassa yāvajīvam āgantikabhattam dātum, - Con muốn trọn đời dâng cúng thực phẩm Tỳ-kheo khách cho Tăng.

theo kịp đồng bạn.[518] Nguyện Thế Tôn cho phép con cúng thức ăn cho Tỳ-kheo đi xa; trọn đời cúng dường.

- Các Tỳ-kheo bệnh, nếu không được thức ăn hợp với chứng bệnh thì có thể mạng chung. Nếu được thức ăn hợp với bệnh thì sẽ được lành bệnh. Nguyện Thế Tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thức ăn cho các vị Tỳ-kheo bệnh.

Lại bạch Thế Tôn:

- Các Tỳ-kheo bệnh, nếu không có thuốc hợp với bệnh thì có thể mạng chung. Nếu được thuốc hợp với bệnh thì bệnh sẽ được lành. Nguyện Thế Tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thuốc trị bệnh cho các Tỳ-kheo bệnh.

- Các Tỳ-kheo nuôi bệnh, lại tự mình đi khất thực nên không chu toàn việc chăm sóc người bệnh. Nguyện Thế Tôn cho phép con trọn đời được cúng dường thức ăn cho người nuôi bệnh.

- Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo nước A-na-tần-đầu [519] được ăn cháo.[520] Nếu Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo đó ăn cháo thì con xin nguyện trọn đời được cúng dường cháo.

- Sáng nay, con sai tỳ nữ đến trong Tăng-già-lam để bạch đến giờ thọ thực. Các Tỳ-kheo đều lõa hình tắm trong mưa. Cúi xin Đức Thế Tôn cho

[518] Thập tụng, ibid., - vì vậy (vì đi một mình) có thể đi lạc vào đường hiểm.

[519] A-na-tần-đầu 阿那頻頭國. Pāli: Andhakavindaka. Cf. Vin.i. 220 (Bhesajja-kkhandha).

[520] Hán: Chúc 粥. Pāli: yāgu: Cháo gạo hay cháo sữa.

phép con trọn đời được cung cấp áo tắm mưa [521] cho các Tỳ-kheo.

Lại bạch Thế Tôn:

- Con có chút nhân duyên, đến bên bờ sông A-di-la-bạt-đề,[522] thấy các Tỳ-kheo-ni lõa hình mà tắm. Khi ấy có các tặc nữ, dâm nữ, đến chỗ các Tỳ-kheo-ni nói: Các cô tuổi nhỏ, dung mạo đoan chánh, dưới nách chưa có lông. Bây giờ đến tuổi trẻ khỏe, sao không tập chuyện ái dục. Hãy để tuổi già sẽ tu tập phạm hạnh. Như vậy, cả hai đều được cả? Trong số các Tỳ-kheo-ni trẻ tuổi này có vị liền sanh tâm không vui. Cúi xin Đức Thế Tôn cho phép con trọn đời được cung cấp áo tắm cho Tỳ-kheo-ni.

Bấy giờ, Đức Phật nói với Tỳ-xá-khư Mẫu:

Tỳ-xá-khư Mẫu bạch Phật:

- Nếu có Tỳ-kheo từ phương xa đến, bạch Thế Tôn: "Có Tỳ-kheo tên như vậy đã qua đời. Vị ấy sanh về chỗ nào?" Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền ký thuyết cho rằng, trong bốn đạo quả ắt sẽ chứng hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán. Và con sẽ thưa hỏi: "Vị Tỳ-kheo qua đời kia đã từng đến nước Xá-vệ này chưa?" Nếu con được nghe biết là vị ấy đã từng đến. Con lại khởi lên ý nghĩ, "Vị khách Tỳ-kheo ấy đã từng nhận đồ ăn do con cúng dường

[521] Vũ dục y 雨浴衣; xem giải thích đoạn sau.

[522] A-di-la-bạt-đề 阿夷羅跋提. Pāli: Aciravatī.

các Tỳ-kheo khách mới đến.”

- Hoặc các Tỳ-kheo sắp đi xa nhận thức ăn. Hoặc các Tỳ-kheo bệnh nhận thức ăn. Hoặc các Tỳ-kheo bệnh nhận thuốc. Hoặc người nuôi bệnh nhận thức ăn. Hoặc người nhận cháo. Hoặc nhận y tắm mưa. Khi con nghe những lời (ký thuyết) như vậy liền phát tâm hoan hỷ. Khi đã phát tâm hoan hỷ rồi, con liền xả bỏ các thân ác. Khi thân ác đã trừ bỏ liền được thân lạc. Do đã được thân lạc, tâm của con được chánh định. Khi tâm được chánh định liền có khả năng chuyên tâm tu tập căn, lực, và giác ý.

Đức Thế Tôn khen:

- Lành thay, lành thay! Tỳ-xá-khư Mẫu, những điều này là thật.

Tại sao vậy? Bà là đàn-việt thông minh trí tuệ, thâm tín.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì bà Tỳ-xá-khư Mẫu nói bài tụng:

Hoan hỷ cúng ẩm thực;
Đệ tử Phật trì giới.
Bố thí cho mọi người,
Hàng phục tâm keo kiết.
Nhân vui thọ báo vui,
Hằng được vui an ổn.
Được xứ sở thiên thượng;
Đạt Thánh đạo vô lậu.

Tâm vui với phước đức,
Khoái lạc không thể ví.
Được sanh nơi thiên thượng
Sống lâu thường an lạc!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện nói pháp cho Tỳ-xá-khư Mẫu, khuyến khích khiến cho bà được hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi trở về trong Tăng-già-lam. Vì nhân duyên này, tập hợp Tăng Tỳ-kheo, nói pháp tùy thuận, dùng vô số phương tiện khen ngợi hạnh đầu đà trang nghiêm tốt đẹp, khen ngợi vui xuất ly, và bảo các Tỳ-kheo khác:

- Từ nay về sau, Ta cho phép thức ăn cho các Tỳ-kheo khách đến, thức ăn cho Tỳ-kheo sắp đi xa,[523] thức ăn cho Tỳ-kheo bệnh, thuốc cho Tỳ-kheo bệnh, thức ăn cho người nuôi bệnh,[524] cho phép ăn cháo, cho phép nhận y tắm mưa cho Tỳ-kheo và y tắm cho Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-xá-khư Mẫu nghe Đức Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo được thọ dụng như vậy rồi, bà liền cung cấp trọn đời từ thức ăn cho Tỳ-kheo khách, cho đến, y tắm cho Tỳ-kheo-ni.

Xá-khư mẫu sau khi nghe Đức Phật cho phép rồi liền may sắm nhiều y tắm mưa, sai người mang đến trong Tăng-già-lam dâng cúng các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo bèn phân chia. Đức Phật dạy:

---

[523] Nghĩa là, được phép để dành làm lương thực đi đường, để dọc đường, những chỗ lạ, khỏi phải đi khất thực.

[524] Đây là những trường hợp Tỳ-kheo được phép để dành thức ăn.

- Không nên phân chia. Tùy thứ tự, từ trên Thượng tọa trở xuống mà trao. Nếu trao chưa đủ thì nhớ theo thứ tự để sau trao tiếp. Kỳ sau nhận được y thì theo thứ tự đó trao tiếp cho đủ.

Có thí chủ đem y quý giá đến, cũng theo thứ tự mà trao.

Đức Phật dạy:

- Không nên như vậy. Phải theo thứ tự từ trên Thượng tọa trở xuống mà hỏi. Nếu vị thượng tọa ấy không cần thì mới theo thứ tự mà trao. Nếu không đủ thì lấy phần y trong Tăng có thể phân chia được, đem phân chia cho đủ.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo, khi nghe Phật cho phép Tỳ-kheo chứa y tắm mưa, nên suốt cả năm, xuân, hạ cũng như đông, thường cầu y tắm mưa. Họ không xả y tắm mưa mà đem dùng vào việc khác. Hiện có y tắm mưa, nhưng họ vẫn lõa hình mà tắm.

Các Tỳ-kheo nghe thấy, trong đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết hổ thẹn, hiềm trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Tuy đức Như Lai đã cho phép Tỳ-kheo chứa y tắm mưa, nhưng sao trong suốt năm, xuân, hạ cũng như đông, các thầy lại luôn luôn tìm cầu y tắm mưa? Không xả y tắm mưa, lại đem dùng vào việc khác; hiện có y tắm mưa tại sao vẫn lõa hình mà tắm?

Các Tỳ-kheo quở trách rồi, đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao lại suốt năm tìm cầu y tắm mưa?

Dùng vô số phương tiện quở trách lục quần rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, mùa xuân còn một tháng có thể tìm cầu y tắm mưa; còn lại nửa tháng, có thể dùng. Nếu Tỳ-kheo quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y tắm mưa:[525] Y dùng tắm trong khi mưa. Y:

[525] Vũ dục y 雨浴衣. Pāli: Vassikasānikā, khăn quấn để tắm khi trời mưa. Khác với udakasānikā, dục y 浴衣,

Có mười loại như đã nói trên.

Từ mười sáu tháng ba,[526] Tỳ-kheo nên tìm cầu y tắm mưa. Từ mồng một tháng tư nên dùng. Nếu Tỳ-kheo trước ngày mười sáu tháng ba tìm cầu y tắm mưa, trước mồng một tháng tư sử dụng, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, Đột-kiết-la. Khi muốn xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng về Thượng tọa kính lễ, quỳ gối bên hữu chấm đất, chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, dùng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo kia. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới nhận sám. Khi nhận

---

khăn tắm để Tỳ-kheo-ni quấn người khi tắm sông.

[526] Tính theo lịch Trung quốc. Đây chỉ 1 tháng trước an cư mùa hạ. Căn bản 24 (T23n1442, tr.757a13): Xuân tàn còn một tháng, chỉ một tháng trước an cư, tức từ 16 tháng Tư đến 15 tháng Năm.

sám nên nói với người kia:

Hãy tự trách tâm ngươi! Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả y tắm mưa lại cho Tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Tăng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo dự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, sử dụng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại y tắm mưa cho Tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.

Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, quá trước một tháng tìm cầu y tắm mưa, sử dụng quá trước nửa tháng, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y tắm mưa cho Tỳ-kheo có tên… này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả lại y tắm mưa cho Tỳ-kheo có tên… này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trả lại y tắm mưa cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng chấp nhận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Đã xả y tắm mưa cho Tăng rồi, Tăng không trả lại, (Tăng) phạm Đột-kiết-la. Khi trả, có người nào bảo - đừng trả, người ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí hoặc sai cho người,

hoặc tự làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc cố làm cho hư hoại, hoặc đốt, hoặc dùng thường xuyên, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Ngày mười sáu tháng ba tìm cầu, mồng một tháng tư sử dụng. Hoặc xả y tắm mưa rồi mới dùng làm các vật dụng khác. Hoặc mặc y tắm mà tắm. Hoặc không có y tắm mưa. Hoặc làm y tắm. Hoặc giặt nhuộm. Hoặc đưa đến chỗ nhuộm. Tất cả không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXVIII. Y CẤP THÍ [527]

A. DUYÊN KHỞI

Bấy giờ, Đức Phật hạ an cư ở tại Tỳ-lan-nhã.[528] Đức Phật bảo A-nan:

Ông đến nói với Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã: "Như Lai đã nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ đã xong rồi, nay muốn du hành trong nhân gian."

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đến chỗ Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nói với Bà-la-môn:

- Như Lai nói với ông, "Như Lai nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ đã xong, nay muốn du hành trong nhân gian."

---

[527] Pāli, Nissaggiya 28 accekacīvara. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 18. Căn bản, Ni-tát-kỳ 26.

[528] Xem cht.2, Chương 1, Ba-la-di 1.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nghe Thế Tôn nói như vậy, liền nhớ lại: Không có lợi, không có thiện lợi gì cho ta! Ta không được gì, không điều lành nào được cả! Tại sao vậy? Vì ta đã thỉnh Sa-môn Cù-đàm và chư Tăng an cư trong chín mươi ngày vừa xong mà ta đã không cúng dường.

Bấy giờ, Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã cùng A-nan đến chỗ Đức Thế Tôn, kính lễ dưới chân Phật, đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn tuần tự vì Bà-la-môn Tỳ-lan-nhã nói pháp vi diệu. Bà-la-môn phát tâm hoan hỷ, liền bạch Đức Phật:

- Cúi xin Đức Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo ở lại Tỳ-lan-nhã thêm chín mươi ngày nữa theo lời thỉnh mời của con.

Đức Phật nói với Bà-la-môn:

- Như Lai đã nhận lời thỉnh của ông, an cư mùa hạ chín mươi ngày xong rồi. Nay muốn du hành trong nhân gian.

Bà-la-môn lại bạch:

- Nguyện Đức Thế Tôn và Tăng nhận lời mời thọ thực của con vào sáng mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Bà-la-môn biết Đức Thế Tôn đã nhân lời bằng cách im lặng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kính lễ dưới chân Phật, nhiễu ba vòng, cáo lui trở về nhà.

Trong đêm ấy sắm sửa đầy đủ mọi thức ăn ngon bổ. Sáng hôm sau, đến bạch Phật "Đã đến giờ."

Đức Thế Tôn cùng Tăng gồm năm trăm vị Tỳ-kheo đắp y, bưng, bát đến nhà kia, an tọa nơi chỗ ngồi. Bà-la-môn bưng thức ăn ngon bổ đến dâng cúng Phật và Tăng Tỳ-kheo, khiến cho tất cả đều đầy đủ.

Thọ thực xong, mỗi vị đều tự thâu bát. Bà-la-môn dùng ba y dâng cúng Đức Phật, và dâng cúng cho mỗi Tăng Tỳ-kheo hai y gọi là y an cư mùa hạ. Khi ấy, các Tỳ-kheo không dám nhận và nói với thí chủ:

- Đức Thế Tôn chưa cho phép nhận y mùa hạ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Phật. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép nhận y mùa hạ.

Nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Thế Tôn cho phép nhận y mùa hạ, bèn suốt cả năm, ba mùa xuân, hạ và đông thường cầu xin y. An cư chưa xong cũng cầu xin y, cũng nhận y.

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử an cư trong một trú xứ xong rồi, nghe tin nơi trú xứ khác Tỳ-kheo hạ an cư xong nhận được nhiều y lợi dưỡng, liền đến nơi trú xứ ấy, hỏi các người:

- Y nhận được trong mùa an cư đã chia chưa? Đáp:

- Chưa chia. Nói:

- Chưa chia thì chia phần cho tôi với!

Bạt-nan-đà lại đến các trú xứ khác. Như vậy

chẳng phải một chỗ, cũng đều hỏi:

- Y nhận được trong mùa an cư, ngài đã chia chưa? Đáp:

- Chưa chia. Nói:

- Chưa chia thì chia phần cho tôi với!

Bấy giờ, Bạt-nan-đà nhận phần y nhiều chỗ, được rất nhiều phần y, đem vào trong tịnh xá Kỳ-hoàn. Các Tỳ-kheo thấy hỏi Bạt-nan-đà:

- Đức Thế Tôn cho phép chứa ba y, ngoài ba y không được chứa y dư. Vậy y này là y của ai?

Bạt-nan-đà trả lời:

- Nhiều trú xứ nhận được y mùa an cư và tôi đã nhận được phần từ các nơi đó mang lại.

Các Tỳ-kheo nghe vậy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Này Bạt-nan-đà Thích tử, tại sao đức Như Lai chỉ cho phép nhận y an cư mùa hạ mà lại suốt năm, ba mùa xuân hạ và đông lúc nào cũng xin y? An cư chưa xong cũng xin y, cũng nhận y?

Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử an cư chỗ này, lại nhận y chỗ khác. Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ.

Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng nhiều cách quở trách nhóm

sáu Tỳ-kheo:

- Này Bạt-nan-đà Thích tử, Ta chỉ cho phép Tỳ-kheo nhận y mùa an cư, tại sao ông suốt năm xuân, hạ và đông lúc nào cũng cầu xin y? An cư chưa xong cũng xin y, cũng nhận y? Ông có an cư chỗ này lại thọ y chỗ khác không?

Đức Thế Tôn dùng mọi cách quở trách Bạt-nan-đà Thích tử trong nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Không được suốt mọi mùa xuân, hạ và đông lúc nào cũng tìm cầu y, cũng không được an cư chưa xong cầu xin y hay nhận y, không được an cư chỗ này, nhận phần y an cư chỗ khác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở nước Xá-vệ. Khi ấy, trong quốc nội có kẻ phản nghịch, vua Ba-tư-nặc sai hai vị Đại thần tên là Lê-sư-đạt-đa và Phú-na-la [529] đi chinh phạt. Hai vị Đại thần khởi ý niệm: Nay chúng ta đi chinh phạt, chưa biết có được trở về hay không. Theo thường lệ, khi chúng Tăng an cư xong, chúng ta cúng dường thức ăn và dâng cúng y. Nhưng nay an cư chưa xong, không biết có nên sửa soạn thức ăn và các y vật như pháp an cư mà dâng cúng chư Tăng hay không?

Các trưởng giả này đích thân đến trong Tăng-già-lam, bạch với các Tỳ-kheo như vầy:

[529] Lợ (Lợi)-sư-đạt-đa và Phú-la-na 利師達多富羅那. Pāli: Isidatta và Purāna, hai quan nội giám của vua Pasenadi. Vin. iii. 260: Có một vị Đại thần nọ (không nói tên).

- Sáng mai, chúng tôi muốn dọn thức ăn và y an cư [530] để dâng cúng. Xin các ngài chiếu cố.

Các Tỳ-kheo trả lời với các trưởng giả:

- Chỉ nên cúng thức ăn, khỏi phải dâng y. Tại sao vậy? Vì hạ an cư chưa xong nên không được phép nhận y, không được xin y.

Các trưởng giả bạch:

- Nay chúng tôi vì vua Ba-tư-nặc sai đi chinh phạt. Chúng tôi tự nghĩ chưa biết có được trở về hay không. Chúng tôi muốn như pháp trước đây, khi hạ an cư xong được dâng cúng thức ăn và y cho chúng Tăng, nên nay chúng tôi thiết lập thức ăn và y để dâng cúng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem vấn đề này bạch lên Đức Phật.

Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo nhận y cấp thí.[531]

- Các Tỳ-kheo, nếu biết là y cấp thí thì nên nhận. Từ nay về sau, Ta vì các Tỳ-kheo kiết giới, tập mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, mười ngày nữa mới mãn ba tháng hạ an cư, các Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-

[530] An cư y 安居衣. Pāli: Vassāvāsika. Căn bản: Hạ nội phần y. Thập tụng: Hạ an cư y.

[531] Y cấp thí 急施衣; y được cúng trong lúc khẩn cấp. Pāli: acceka-cīvara.

kheo biết là y cấp thí, có thể thọ nhận, thọ xong có thể chứa cất cho đến thời của y; nếu chứa quá hạn, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Y cấp thí: Thọ thì được, không thọ thì mất.[532]

Y: Có mười loại như trên.

Thời của y: [533]Tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng.

Còn mười ngày nữa tự tứ, nếu Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa mười ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng.

Nếu còn chín ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí. Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa chín ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm một ngày.

Nếu còn tám ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa tám ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm hai

[532] Vin. 111. 261: y được bố thí do quan tướng sắp ra trận, người sắp đi xa, người đang mang thai, người trước không tín tâm nay vừa phát tín tâm.

[533] Pāli: Cīvarakālasamay.

ngày.

Nếu còn bảy ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa bảy ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm ba ngày.

Nếu còn sáu ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa sáu ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm bốn ngày.

Nếu còn năm ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa năm ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm năm ngày.

Nếu còn bốn ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa bốn ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm sáu ngày.

Nếu còn ba ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận.

Nhận rồi có thể chứa ba ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm bảy ngày.

Nếu còn hai ngày nữa tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa hai ngày. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm tám ngày.

Nếu sáng ngày tự tứ, Tỳ-kheo nhận được y cấp thí, Tỳ-kheo biết là y cấp thí thì có thể nhận. Nhận rồi có thể chứa trong ngày đó. Cho đến sau khi tự tứ xong, không thọ y ca-thi-na thì một tháng; có thọ y ca-thi-na thì năm tháng, lại tăng thêm chín ngày. Nếu Tỳ-kheo được y cấp thí quá hạn về trước, quá hạn về sau, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Y này nên xả cho Tăng hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả phạm Đột-kiết-la.

Nếu muốn xả cho Tăng, phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, hướng lên Thượng tọa kính lễ, quỳ gối chắp tay thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, đã nhận được y cấp thí, hoặc quá hạn về trước, hoặc quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Người nhận sám trước hết phải tác bạch rồi sau mới nhận sám, tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, hoặc quá hạn về trước, hoặc quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên là… Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi sau đó mới nhận sám. Khi nhận sám nói với người kia:

- Hãy tự trách tâm ngươi! Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn y lại cho Tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một vị có thể tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, quá hạn về trước, quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trả lại y cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã nhận được y cấp thí, quá hạn về trước, quá hạn về sau, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả lại y cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận hoàn y lại cho Tỳ-kheo có tên... này, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã đồng ý trả lại y cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng đồng ý nên im lặng. Được ghi nhận như vậy.

Đã xả y giữa Tăng rồi, Tăng không hoàn lại phạm Đột-kiết-la. Vị nào bảo - đừng trả, vị ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu chuyển làm tịnh thí, hoặc thọ làm ba y và các y khác, hoặc sai cho người, hoặc mặc mãi, tất cả đều phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nhận được y cấp thí không quá hạn về trước, không quá hạn về sau thì không phạm. Hoặc bị giặc cướp y, hoặc y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn trôi, quá hạn về trước không phạm. Hoặc khởi tưởng bị cướp đoạt, tưởng bị mất, tưởng bị cháy, tưởng bị nước cuốn trôi; hoặc dọc đường bị hiểm nạn không thông, nhiều đạo tặc, nạn ác thú; hoặc nước sông lớn, nhà vua bắt trói, nhốt, mạng nạn, phạm hạnh nạn; hoặc vị Tỳ-kheo nhận gởi qua đời, hoặc đi xa, hoặc xả giới, hoặc giặc cướp, hoặc bị ác thú hại, hoặc bị nước trôi, quá hạn về sau không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXIX. A-LAN-NHÃ GẶP NẠN LÌA Y [534]

[534] Pāli, Nissaggiya 29 sāsansika. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 16. Căn bản, Ni-tát-kỳ 27.

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo trú tại A-lan-nhã hạ an cư xong, một tháng Ca-đề sau đã đầy.[535]

Bấy giờ, có nhiều bọn cướp [536] cướp đoạt y bát, tọa cụ, ống đựng kim, vật dụng của Tỳ-kheo và đánh đập các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hoảng sợ nên kéo nhau đến Kỳ-hoàn tịnh xá cùng ở. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Các Tỳ-kheo này tại sao kéo nhau đến cư trú ở Kỳ-hoàn tịnh xá?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo này trú tại A-lan-nhã hạ an cư xong, một tháng Ca-đề sau đã đầy, đã bị bọn cướp cướp đoạt y bát, tọa cụ, ống đựng kim, đồ vật dụng, chúng lại đánh đập các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo hoảng sợ nên cùng nhau đến ở nơi Kỳ-hoàn tịnh xá.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

- Từ nay về sau, Ta cho phép các Tỳ-kheo ở tại các trú xứ A-lan-nhã có sự nghi ngờ nhiều sợ sệt; an trú chỗ A-lan-nhã như vậy, Tỳ-kheo muốn gởi y thì được phép gởi một trong ba y nơi nhà người.

---

[535] Hậu ca-đề nhất nguyệt mãn 後迦提一月滿; Pāli: Cātumsinīkattikaputtmā, ngày trăng tròn của tháng ca-đề sau, tức ngày trăng tròn đúng sau ngày tự tứ một tháng. Tức tháng thứ tư, tháng cuối cùng của mùa mưa (lịch Ấn độ cổ).

[536] Pāli gọi là kattikacorakā, bọn cướp ca-đề, vì chúng hoạt động vào tháng ca-đề, thường nhất là đêm có trăng. Chủ yếu cướp y các Tỳ-kheo nhận được sau an cư.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo nghe Phật cho phép Tỳ-kheo ở tại các trú xứ A-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt; an trú chỗ như vậy, muốn gởi y thì được phép gởi một trong ba y nơi nhà người. Họ liền đem y gởi nơi nhà người, dặn dò Tỳ-kheo thân hữu rồi ra đi. Sau đó, Tỳ-kheo thân hữu đem y ra phơi vào lúc giữa trưa. Các Tỳ-kheo thấy vậy, hỏi nhau: Đức Thế Tôn chế giới cho phép Tỳ-kheo chứa ba y, không được dư. Đây là y của ai?

Tỳ-kheo kia trả lời:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo là thân hữu tri thức của tôi. Họ gởi y nơi đây, rồi đi du hành trong nhân gian cho nên chúng tôi đem phơi nắng.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe vậy, trong số đó có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Thế Tôn cho phép các Tỳ-kheo ở tại các trú xứ A-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt, thì một trong ba y có thể gởi nơi nhà người. Hiện tại sao các thầy đem gởi nhiều y nơi thân hữu tri thức để du hành trong nhân gian, mà ngủ lìa y?

Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ, Đức Thế Tôn liền vì nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Việc làm của các ngươi là sai quấy, chẳng

phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao sáu Tỳ-kheo này, Ta cho các Tỳ-kheo ở tại trú xứ A-lan-nhã có sự nghi ngờ, sợ sệt, thì Tỳ-kheo ở những chỗ như vậy, được phép một trong ba y có thể gởi nơi nhà người; nay các ông đem nhiều y gởi nơi thân hữu du hành trong nhân gian, mà ngủ lìa y?

- Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách nhóm sáu Tỳ-kheo, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Nhóm sáu Tỳ-kheo này là những người si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là những kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì các Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, ba tháng hạ đã xong, một tháng ca-đề sau cũng đã đầy, ở tại A-lan-nhã chỗ có sự nghi ngờ, có sợ hãi. Tỳ-kheo sống tại trú xứ như vậy, trong ba y, nếu muốn có thể gởi lại một y trong nhà người. Các Tỳ-kheo có nhân duyên được lìa y ngủ, cho đến sáu đêm; nếu quá, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

A-lan-nhã: Là nơi cách thôn xóm năm trăm cung. Cung của nước Giá-ma-la, dài bốn khuỷu

tay, dùng loại khuỷu tay trung bình để đo.

Chỗ có nghi ngờ: Là nghi có giặc cướp.

Sợ hãi: Trong đó có giặc cướp khiến cho kinh sợ. Trong nhà: Trong thôn xóm.

Ba y: Tăng-già-lê, uất-đa-la-tăng, an-đà-hội. Y: Có mười loại nói như trên.

Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên lìa y ngủ, sáu đêm rồi, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện phải xả ba y, hoặc tay rờ đụng y, hoặc đến chỗ đá quăng tới y. Nếu Tỳ-kheo sáu đêm, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện mà không xả ba y, tay không rờ đụng y, không đến chỗ đá quăng tới y, bình minh của đêm thứ bảy xuất hiện, phạm tội ngủ lìa y, tất cả đều Ni-tát-kỳ. Trừ ba y, lìa các y khác, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Xả cho Tăng phải đến trong Tăng, trống vai bên hữu, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên hữu chấm đất, lễ dưới chân thượng tọa, quỳ gối chắp tay, thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên

là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên… này. Đây là lời tác bạch.

Tác bạch rồi, sau đó mới thọ sám. Khi thọ sám phải nói với người này:

- Hãy tự trách tâm ngươi! Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên trả lại y cho Tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy:

Trong chúng nên sai một người có khả năng tác yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận trả y lại cho Tỳ-kheo kia. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là đã ngủ lìa y quá sáu đêm, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận Tăng trả y lại cho Tỳ-kheo này thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả y lại cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Nếu Tỳ-kheo xả y rồi mà Tăng không trả lại

cho Tỳ-kheo ấy, (Tăng) phạm Đột-kiết-la. Nếu có vị nào bảo - đừng trả, vị ấy phạm Đột-kiết-la.

Nếu tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc thọ làm ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc lấy mặc mãi, tất cả Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Đột-kiết-la. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Đã trải qua sáu đêm, đến đêm thứ bảy, trước khi bình minh chưa xuất hiện, đến chỗ để y, hoặc xả y, hoặc tay rờ đến y, hoặc đến chỗ đá quăng tới y thì không phạm. Hoặc tưởng y bị cướp, bị mất, bị cháy, bị trôi thì không xả y. Không rờ đến y, không đến chỗ đá quăng tới y vẫn không phạm. Hoặc thuyền đò không thông, đường xá bị hiểm nạn, nhiều giặc cướp, có ác thú, nước sông lớn, bị cường lực bắt, hoặc bị nhốt, bị trói, hoặc mạng nạn, phạm hạnh nạn, không xả y, không rờ đến y, không đến chỗ đá quăng tới y, tất cả đều không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.

XXX. XOAY TĂNG VẬT VỀ MÌNH [537]

A. DUYÊN KHỞI

Một thời, Đức Phật ở vườn Cấp-cô-độc, cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Bạt-nan-đà Thích tử trước kia có một cư sĩ thường có tâm giúp đỡ, có ý

[537] Pāli, Nissaggiya 30 parinata. Ngũ phần, Ni-tát-kỳ 14. Căn bản, Ni-tát-kỳ 29.

muốn cúng dường Đức Phật và Tăng Tỳ-kheo một bữa cơm và dâng y tốt. Bạt-nan-đà Thích tử nghe người cư sĩ kia muốn cúng dường cơm và y tốt cho Phật cùng Tăng liền đến nhà cư sĩ kia, hỏi:

- Cư sĩ muốn cúng cơm và dâng y tốt cho Phật cùng Tăng phải không?

Cư sĩ trả lời:

- Đúng như vậy.

Bạt-nan-đà liền nói với cư sĩ:

- Chúng Tăng có thiện lợi lớn, có oai lực lớn, có phước đức lớn, người cúng dường cho chúng Tăng rất nhiều. Nay cư sĩ nên cúng dường cơm cho chúng Tăng mà thôi, còn y phục thì cho mình tôi.

Cư sĩ nói:

- Cũng được.

Bấy giờ, cư sĩ trưởng giả không chuẩn bị y cụ cho Tăng nữa, chỉ lo sửa soạn các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ để cúng dường mà thôi.

Sáng ngày, cư sĩ thỉnh Phật và Tăng đã đến giờ. Chư Tăng Tỳ-kheo khoác y bưng bát đến nhà cư sĩ, an tọa nơi chỗ ngồi.

Khi ấy, cư sĩ thấy trưởng lão Tỳ-kheo đầy đủ oai nghi, liền lớn tiếng nói:

- Sao tôi chuẩn bị đầy đủ để cúng y chúng Tăng như vậy mà bị cản trở ?

Các Tỳ-kheo hỏi cư sĩ:

- Tại sao lại nói như vậy.

Bấy giờ, cư sĩ đem sự thật mà trả lời.

Trong chúng lúc này có vị thiểu dục tri túc, sống hạnh đầu đà, ưa học giới, biết tàm quý, quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Sao thầy cắt lợi dưỡng của chúng Tăng mà đem về cho mình? Các Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn, đảnh lễ dưới chân Phật,

rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên này bạch đầy đủ lên Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, tập hợp Tăng Tỳ-kheo, dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử:

- Việc làm của ngươi là sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm việc không nên làm. Sao ngươi cắt lợi dưỡng của chúng Tăng mà đem về cho mình?

Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện quở trách Bạt-nan-đà Thích tử, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới này ban đầu. Từ nay về sau, ta vì Tỳ-kheo kiết giới gồm mười cú nghĩa, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Muốn nói giới nên nói như vầy:

Tỳ-kheo nào, cắt vật thuộc tăng mà tự xoay về cho mình, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Khi Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo kiết giới như vậy rồi, bấy giờ, các Tỳ-kheo không biết là vật của Tăng hay là vật chẳng phải của Tăng; là vật đã hứa cho Tăng hay là vật không hứa cho Tăng. Sau họ mới biết đó là vật của Tăng, là vật đã hứa cho Tăng nên làm pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề sám hối, hoặc lấy làm hổ thẹn, Đức Phật dạy:

- Không biết thì không phạm.

Từ nay về sau nên nói giới như vầy:

Tỳ-kheo nào, biết đó là vật thuộc tăng mà tự xoay về cho mình, ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

B. GIỚI TƯỚNG

Tỳ-kheo: Nghĩa như trên.

Vật của Tăng: Thí chủ vì Tăng đã cúng cho Tăng. Vật thuộc Tăng: Đã hứa cho Tăng.

Vì Tăng: Họ vì Tăng chuẩn bị hay sắm cho Tăng mà chưa hứa cho Tăng.

Đã cho Tăng: Đã hứa cho Tăng và đã xả cho Tăng.

Vật: y, bát, tọa cụ, ống đựng kim cho đến đồ dùng để uống nước. Nếu Tỳ-kheo biết là vật thuộc Tăng mà tự xoay về cho mình,

Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu vật hứa cho Tăng mà chuyển cho tháp, phạm Đột-kiết-la. Vật hứa cho tháp mà chuyển cho Tăng cũng phạm Đột-kiết-la. Vật hứa cho tứ phương Tăng mà chuyển cho hiện tiền Tăng, phạm Đột-kiết-la. Vật hứa cho hiện tiền

Tăng mà chuyển cho tứ phương Tăng cũng phạm Đột-kiết-la. Vật hứa cho Tăng Tỳ-kheo mà chuyển cho Tỳ-

kheo, Tỳ-kheo-ni Tăng cũng phạm Đột-kiết-la. Vật hứa cho Tỳ-kheo-ni Tăng mà chuyển cho Tăng Tỳ-kheo, Đột-kiết-la. Vật hứa cho chỗ này đem cho chỗ khác, Đột-kiết-la. Hoặc đã hứa, khởi tưởng hứa, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Nếu đã hứa mà tâm nghi, Đột-kiết-la. Nếu chưa hứa, khởi tưởng hứa, Đột-kiết-la. Nếu chưa hứa, nghi, Đột-kiết-la.

Ni-tát-kỳ này nên xả cho Tăng, hoặc nhiều người, hoặc một người, không được xả biệt chúng. Xả không thành xả, phạm Đột-kiết-la.

Muốn xả đương sự phải đến trong Tăng trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu chấm đất, lễ Thượng tọa, quỳ gối chắp tay, thưa:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi, Tỳ-kheo tên là…, biết vật này đã hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng.

Xả rồi phải sám hối. Vị nhận sám trước hết phải tác bạch, sau đó mới thọ sám. Nên tác bạch như vầy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận tôi nhận sự sám hối của Tỳ-kheo có tên… này. Đây

là lời tác bạch.

Tác bạch rồi mới nhận sám. Khi nhận sám nên nói với người kia:

- Hãy tự trách tâm ngươi!

Tỳ-kheo kia thưa:

- Xin vâng.

Tăng nên hoàn lại vật bị xả cho Tỳ-kheo kia bằng bạch nhị yết-ma như vầy: Trong chúng nên sai một người có khả năng tác pháp yết-ma, dựa theo sự việc trên tác bạch:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận, trả lại vật bị xả cho Tỳ-kheo này. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này tên là…, đã biết là vật hứa cho Tăng mà xoay về cho mình, phạm xả đọa, nay xả cho Tăng. Nay Tăng trả vật bị xả lại cho Tỳ-kheo này. Các trưởng lão nào chấp thuận, Tăng trả vật bị xả lại cho Tỳ-kheo kia thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận trả vật bị xả lại cho Tỳ-kheo này rồi. Tăng bằng lòng nên im lặng. Việc này tôi ghi nhận như vậy.

Xả cho Tăng rồi, Tăng không hoàn lại, phạm Đột-kiết-la.

Nếu tịnh thí, hoặc sai cho người, hoặc thọ làm

ba y, hoặc làm y ba-lợi-ca-la, hoặc dùng mãi, tất cả phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo-ni, Ni-tát-kỳ ba-dật đề. Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Đột-kiết-la. Đó gọi là phạm.

Sự không phạm: Nếu không biết hoặc đã hứa mà tưởng rằng chưa hứa, hoặc họ hứa cho ít, khuyến khích họ cho nhiều, hoặc hứa cho ít người, khuyên cho nhiều người, muốn hứa cho thứ xấu, khuyên cho thứ tốt, hoặc nói đùa giỡn, hoặc nói nhầm, nói một mình, hoặc nói trong giấc mộng, muốn nói việc này nhầm nói việc kia thì không phạm.

Người không phạm: Phạm đầu tiên khi chưa chế giới; si cuồng, loạn tâm, thống não, bức bách.[538]

-oOo-

[538] Bản Hán, hết quyển 10.